

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 1

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 23/05/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, chư vị cư sĩ tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành! Mời để tay xuống.

Hôm nay là buổi học đầu tiên trong kỳ an cư kiết hạ tại chùa Giác Nguyên, chúng tôi sẽ cùng mọi người học tập bộ “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu” do đại sư Ngẫu Ích biên soạn. Đây là một khóa trình mà người xuất gia nhất định phải tu học, người tại gia cũng có thể học tập theo.

Bát luận là xuất gia hay tại gia, học Phật thì nhất định phải lấy việc liễu sanh tử, thành Phật đạo làm mục tiêu tu hành của chúng ta. Nguyên nhân căn bản của sanh tử luân hồi chính là những kiến tư phiền não tham, sân, si v.v.. Mục đích của giới luật chính là đối trị kiến tư phiền não của chúng ta, cho nên tu hành thì nhất định phải bắt đầu từ trì giới trước. Cư sĩ tại gia trì giữ chính là năm giới. Năm giới là nhân của trời người, nhưng muốn ngay trong đời này có thể liễu thoát sanh tử thì cư sĩ trì giữ năm giới vẫn chưa đủ, bát quan trai giới mới là nhân thật sự để ngay đời này giải thoát khỏi luân hồi. Bởi vì trong bát quan trai giới có đoạn dâm, đây là nguyên nhân trực tiếp để đoạn trừ gốc rễ của sanh tử. Người xưa nói rằng: “Ái không nặng không sanh Ta-bà, niệm không nhất không sanh Tịnh độ”. Muốn vắng sanh Tịnh độ thì phải thật sự phát tâm xuất ly, đoạn trừ gốc rễ ái dục sanh tử. Người xuất gia ít nhất phải trì giữ 10 giới sa-di.

Nội dung của 10 giới sa-di trên căn bản là giống với nội dung trong bát quan trai giới của cư sĩ, chỉ nhiều hơn một điều là “không cầm giữ tiền bạc vật báu”. Người tại gia thì không cần phải giữ điều giới không cầm giữ tiền bạc này, người

xuất gia thì phải giữ giới này, còn có đoạn dâm trong năm giới, và không ăn phi thời, tức là trì ngô, v.v.. Lại còn không ca múa, biểu diễn nghệ thuật và không đi nghe xem, không đeo tràng hoa thơm, và thoa ướp dầu thơm lên thân, không nằm ngò trên giường cao rộng, những giới điều này, bát quan trai giới hoàn toàn giống với giới sa-di. Cho nên “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu”, người xuất gia, tại gia đều có thể học tập, hơn nữa đều nên học tập, làm thành một tiêu chuẩn rất quan trọng trong việc trì giới của chúng ta.

Nếu xuất gia rồi mà ngay đến giới sa-di chúng ta cũng không làm được, vậy thì thật sự là hổ thẹn với chiếc áo cà-sa mà mình mặc, thế nhưng hiện nay Phật pháp suy tàn, người thành tựu vô cùng ít ỏi, nguyên nhân chủ yếu chính là do giới luật đã suy vi và bị lợi lỏng. Chúng xuất gia không cần nói đến 250 giới của tỳ-kheo mà ngay đến 10 giới của sa-di, người có thể trì giữ được cũng không nhiều. Kỳ thực đạo tràng ở đây của chúng ta yêu cầu không cao, chỉ yêu cầu mọi người giữ tốt giới sa-di. Đây là cái gốc thứ tư mà lão hòa thượng đã nhấn mạnh, cư sĩ cũng có thể học tập. Có không ít cư sĩ cũng phát nguyện cả đời trì bát quan trai giới, đây chính là người xuất gia tại gia. Điều này vô cùng khó được.

Thật sự thực hành được 4 cái gốc thì mới không cô phụ ân Phật-đà, ân sư trưởng, ân cha mẹ, ân chúng sanh. Trong “Phạm Võng Bồ-tát giới bản” có điều giới thứ 43 là “khinh cấu tội” nói rằng: “Nếu người, do tín tâm mà xuất gia, thọ chánh giới của Phật, lại cố ý khởi tâm hủy phạm Thánh giới, thì không được thọ lãnh đồ cúng dường của tất cả đàn-việt, cũng không được đi trên đất của quốc vương, không được uống nước của quốc vương, có năm nghìn Đại Quỷ luôn đứng chắn trước mặt người đó mà nói rằng: tên đại tặc. Khi đi vào trong phòng nhà thành ấp gò mả, các Quỷ thường theo quét sạch dấu chân của người ấy. Tất cả người đời đều mắng người ấy là kẻ giặc trong Phật pháp. Hết thầy chúng sanh mắt đều không muốn nhìn đến người ấy. Người phạm giới, chẳng khác nào loài súc sanh, một khúc gỗ”. Những lời giáo huấn này, chúng ta nghe rồi thật sự cảm thấy rất kinh hoàng khiếp sợ. Nếu chúng ta không cố gắng trì giữ giới luật thì tội nghiệp này rất nặng, cho nên xuất gia là sự nghiệp của một bậc đại trượng phu, muốn làm một tấm gương tốt cho trời người thì phải cố gắng trì giới, bao gồm tất cả các oai nghi chúng ta đều phải thọ trì, như vậy thì thật sự có thể được gọi là đại trượng phu, đại anh hùng, có thể thọ lãnh sự cúng dường của trời, người.

Trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ thể này, nói rằng: “Nếu có người không biết pháp xuất gia, vui thích sanh tử, không cầu giải thoát, Bồ-tát thị hiện xả vương vị tiền tài, làm người xuất gia cầu tịch tĩnh. Chúng sanh bị ngũ dục trói buộc chẳng thể xuất gia, vì muốn họ được giải thoát, Bồ-tát thị hiện chán ghét cảnh ngũ dục, nên xuất gia cầu giải thoát”. Kinh Hoa Nghiêm có nhiều chỗ nói đến tầm quan trọng của việc trì giới. Ở đây cũng nhắc nhở chúng xuất gia chúng ta, nếu có người không biết pháp xuất gia mà ưa thích sanh tử luân hồi, tham đắm hưởng thụ năm dục sáu trần, không cầu giải thoát, những người như vậy, Bồ-tát nhìn thấy sanh tâm thương xót, cho nên thị hiện xả bỏ vương vị tiền tài. Nếu họ là quốc vương thì sẽ xả bỏ vương vị, như Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa là thái tử đã xả bỏ quốc vị, hết thầy tài phú, quyền thuộc đều xả bỏ. “Làm người xuất gia cầu tịch tĩnh”, thị hiện xuất gia, biểu diễn cho hết thầy chúng sanh mê hoặc điên đảo trên thế gian xem, khơi gợi dẫn dắt họ rằng, tham đắm năm dục sáu trần, tạo sanh tử luân hồi, đến cuối cùng đạt được chỉ là khổ, còn Bồ-tát xuất gia là cầu niềm vui tịch tĩnh. Tịch tĩnh chính là niềm vui Niết-bàn, không có phiền não, đây chính là Niết-bàn. Chúng sanh bị năm dục trói buộc không thể lìa khỏi gia đình, không thể rời nhà bỏ dục, cho nên Bồ-tát phải thị hiện vì lý do muốn chúng sanh được giải thoát nên phải thị hiện không vui, không ưa thích khi ở trong cảnh giới ngũ dục. Xả bỏ sạch sẽ năm dục là tài, sắc, danh, ăn, ngủ này.

Tài thì một xu tiền cũng không chạm đến, không nắm giữ, không tích trữ. Sắc thì hoàn toàn đoạn trừ sắc dục, cả đời tu Phạm hạnh. Danh thì đem tất cả danh văn lợi dưỡng của thế gian đều xả bỏ hết, người xuất gia lấy việc ôm bát đi khát thực làm chánh mạng, ôm bát đi khát thực chính là làm ăn xin, đây là địa vị nghèo khổ nhất ở thế gian, ngủ dưới gốc cây một đêm, giữa ngày ăn một bữa, đem dục vọng ăn ngủ hoàn toàn hạ xuống mức thấp nhất, đây chính là không ưa thích ở trong ngũ dục. Thị hiện rằng hưởng niềm vui của ngũ dục ví như liếm mật trên lưỡi dao vậy, khi trên con dao đó có mật, bạn cảm thấy rất ngọt, dùng lưỡi liếm một cái, xong rồi, vẫn chưa nếm được vị ngọt gì thì lưỡi đã bị cắt đứt rồi. Niềm vui của ngũ dục chính là như vậy, mà chúng sanh thì khẳng khẳng mê hoặc điên đảo, dính mắc sâu vào trong đó, không thể xả ly, cho nên Bồ-tát bèn “xuất gia cầu giải thoát”. Đây chính là thị hiện cho chúng sanh xem. Bồ-tát thị hiện chính là làm trái ngược với chúng sanh. Bạn tham chấp cái gì thì tôi xả bỏ cái đó, bạn cho là vui thì ngược lại tôi không cần. Bạn cho là khổ thì tôi rất vui vẻ đi tu hành, lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Đây chính là tự độ độ người, cho nên xuất gia trì giới làm sao có thể

xem là Tiểu thừa được chứ? Bản thân [việc này] chính là Bồ-tát Đại thừa thị hiện. Cho nên sau khi xuất gia trước tiên phải lấy sa-di thập giới oai nghi để yêu cầu bản thân, đoạn trừ các loại tập khí ô nhiễm của thế gian, gọi là thay da đổi thịt, siêu phàm thoát tục, cho nên chúng ta phải nghiêm túc học tập “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu”. Có lẽ rất nhiều đại đức tỳ-kheo chúng ta trong giai đoạn sa-di đều không nghiêm túc học tập. Không có nền tảng này mà muốn giữ tốt giới tỳ-kheo, thậm chí muốn từ giới đặc định, từ định khai tuệ thì rất khó. Do đó chúng ta cũng cần bổ túc môn học này.

Môn học này năm 2012, tại chùa Viên Minh ở Hồng Kông, tức là chùa của ân sư thế độ của Định Hoằng là trưởng lão thượng Sướng hạ Hoài đã tổ chức trại hè học Phật cho thanh niên, trong đó có không ít người xuất gia ngắn hạn, tôi đã giảng qua bộ “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu” này. Lúc đó giảng tương đối cạn, lúc đó chủ yếu là kết hợp với văn hóa truyền thống, Đề Tử Quy để giảng. Kỳ thực giới sa-di chính là Đề Tử Quy của người xuất gia. Hiện nay trải qua 3 năm chuyên học giới, tôi giảng giải lại bộ trước tác này thì tâm đắc thể hội khác hẳn ngày trước, cho nên lần giảng giải học tập này chúng ta sẽ tập trung vào các phương diện giới tướng: trì, phạm, sám hối v.v. của giới luật.

Trước tiên chúng ta nói về do đâu mà có sa-di. Ban đầu Phật chỉ độ tỳ-kheo, truyền giới cho tỳ-kheo, tăng đoàn dần dần lớn mạnh lên, số lượng tăng chúng nhiều rồi. Có một lần đức Phật quan sát thấy người con trai của ngài trước đây khi còn tại gia là La-hầu-la nhân duyên đã chín muồi, cho nên ngài căn dặn tôn giả Mục-kiền-liên rằng: “Bây giờ ông hãy đến thành Ca-tỳ-la để gặp cha của ta và di mẫu Ba-xà-ba-đề của ta, còn có vua Hộc-phạn chú thứ ba của ta nữa, sau đó ông có thể khuyên nhủ họ, và bảo họ đến thuyết phục mẹ của La-hầu-la là Gia-du-đà-la, để cô ấy có thể cắt ái lìa thân cho La-hầu-la xuất gia để tu học thánh đạo”. Tôn giả Mục-kiền-liên nhận lệnh của đức Phật đến nước Ca-tỳ-la, lần lượt thuật lại, trình bày rõ với họ, và muốn đi gặp Gia-du-đà-la, tức là mẹ của La-hầu-la.

Lúc đó Gia-du-đà-la nghe nói đức Phật sai sứ giả đến yêu cầu con trai của bà xuất gia, bà vô cùng buồn khổ, rất sầu não, bèn sai vệ sĩ trong cung đình đóng tất cả cửa lại, không cho tôn giả vào. Kết quả ngài Đại Mục-kiền-liên đến ngoài cửa cung không vào được, bèn dùng sức thần thông bay lên trên lầu cao. Gia-du-đà-la vừa nhìn thấy tôn giả Mục-kiền-liên oai nghi trang nghiêm, hơn nữa có thần thông quảng đại, nhất định là một bậc thánh giả, cho nên lập tức lễ bái và mời tôn giả

Mục-kiền-liên ngồi, sau đó hỏi thăm về Thế Tôn: “Thế Tôn có phải là ít bệnh ít phiền não không? Giáo hóa chúng sanh có mệt nhọc không? Lần này tôn giả đến có mục đích gì?”

Tôn giả Mục-kiền-liên bèn nói: “Thái tử La-hầu-la đã 9 tuổi rồi, nên để cho ngài xuất gia đi tu học thánh đạo. Hết thấy ân ái không bao lâu rồi đều sẽ lụi tàn, khi nghiệp báo đến thì mỗi người đều đến chỗ khổ vui riêng của họ, tùy theo nghiệp ác, nghiệp thiện mà luân chuyển trong sáu đường của tam giới. Mặc dù con trai ở bên mẹ vô cùng thân thiết, nhưng chuyện sanh tử thì không cách nào thay thế được, mỗi người đi một con đường riêng. Nếu thái tử có thể tu học thánh đạo, tương lai thành tựu rồi thì có thể độ hóa cho mẹ”. Tôn giả Mục-kiền-liên dùng mọi lý lẽ để khuyên nhủ, nhưng Gia-du-đà-la thì vô cùng đau buồn khổ não, thậm chí oán hận, vô cùng cố chấp không chịu tiếp nhận sự giáo hóa của tôn giả Mục-kiền-liên. Cuối cùng tôn giả Mục-kiền-liên đành cáo lui. Sau đó ngài lại đến nói với quốc vương và phu nhân Ba-xà-ba-đề, tức là dì của Phật, nhiều lần đến khuyên bảo thuyết phục Gia-du-đà-la, nhưng Gia-du-đà-la vẫn cố chấp, không chịu nghe theo.

Đây đều là Bồ-tát đến thị hiện, biểu diễn những trạng thái thông thường của chúng sanh chúng ta, những trường hợp này mãi đến hiện nay đều vẫn còn, cha mẹ không chịu để con cái đi xuất gia. Kỳ thực lúc đó Thế Tôn sớm đã hiểu rõ sự tình này rồi, ngài liền phái người biến hóa dùng thần thông hóa hiện thành một người, ở trên không trung nói với Gia-du-đà-la: “Gia-du-đà-la, cô còn nhớ lời thệ nguyện trong đời quá khứ của cô không? Trong đời quá khứ khi tôi hành Bồ-tát đạo dùng 500 đồng tiền vàng, mua được 5 bông hoa sen từ chỗ cô để cúng dường Phật Định Quang. Lúc đó cô đã xin tôi đời đời sanh ra đều làm vợ chồng. Tôi không muốn tiếp nhận, bèn nói với cô rằng: “Tôi hành Bồ-tát đạo là hạnh nguyện của lũy kiếp bố thí hết thấy, cô không được làm trái ý nguyện của tôi, nếu cô có thể làm được thì tôi đồng ý để cô làm vợ của tôi”. Sau khi cô nghe xong bèn lập thệ nguyện rằng: “Nguyện đời đời sanh ra đều tùy thuận theo chàng bố thí tất cả đất nước thành ấp vợ con và cả thân thể của tôi, phát nguyện này rồi tuyệt đối không có tâm hối hận”. Người biến hóa nói với Gia-du-đà-la rằng : “Quá khứ cô đã phát thệ nguyện như vậy, vì sao bây giờ còn tiếc nuối La-hầu-la, không cho cậu bé đi xuất gia tu học thánh đạo?”

Gia-du-đà-la nghe lời khai thị của người biến hóa, do có Phật lực gia trì nên cô chợt sáng tỏ thông suốt nhân duyên trong đời quá khứ, giống như tức thời có tức

mạng thông, có thể nhớ được những sự việc trong quá khứ rất rõ ràng, giống như chuyện xảy ra ngày hôm qua vậy, thế là tình chấp thương con liền tự nhiên biến mất, cô bèn thỉnh tôn giả Mục-kiền-liên đến, sám hối với ngài, đồng thời nắm tay La-hầu-la, dặn dò phó thác cho tôn giả Mục-kiền-liên, yêu cầu La-hầu-la theo tôn giả đến chỗ Phật xuất gia.

Mẹ con li biệt, đương nhiên là khóc lóc nức nở, mẹ con đều rất đau khổ, rơi lệ đau thương. La-hầu-la cũng rất hiếu thuận, đã quỳ xuống trước mặt mẹ nói rằng: “Mẹ à, mẹ đừng đau buồn, con đi báỉ kiến phụ vương, thỉnh an Thế Tôn xong, không lâu sau sẽ quay về gặp lại mẹ”, trẻ nhỏ mà, ngài đã nói như vậy, kết quả vua Tịnh Phạn đã sắp xếp chính thức đưa La-hầu-la đến chỗ Thế Tôn xuất gia. Vua Tịnh Phạn lại triệu tập tất cả quý tộc trong nước đến, nói với họ rằng: “Bây giờ tiểu vương tử phải đến chỗ Thế Tôn để xuất gia, các ông cũng nên cử một người con trai của các ông đi để làm bạn đồng hành, cùng La-hầu-la xuất gia”. Vậy là tất cả đại thần chỉ còn cách tuân theo mệnh lệnh của vua đưa con trai mình đi, tổng cộng có 50 người, 50 người con cùng La-hầu-la đến chỗ Phật. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất làm hòa thượng thế độ, ngài Mục-kiền-liên làm a-xà-lê, cạo tóc xuất gia cho La-hầu-la, truyền tam quy thập giới cho ngài, độ ngài làm sa-di. Ngài chính là thủy tổ của các sa-di, vị sa-di đầu tiên trên thế gian đã xuất hiện rồi.

Cũng có người sẽ hỏi: “Vì sao Phật không đích thân thế độ cho La-hầu-la mà bảo ngài Xá-lợi-phất làm hòa thượng chứ?” Căn cứ theo câu trả lời của luật sư Quảng Hóa, thì đó là vì Phật là Phật bảo, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên là tăng bảo. Tam bảo Phật pháp tăng đều có địa vị riêng, không thể hỗn loạn được, cho nên độ sa-di, bao gồm cả việc truyền tam quy ngũ giới cho cư sĩ v.v., Phật đều sai tăng chúng đi làm, Phật không đích thân làm. Song những người thọ tam quy ngũ giới này, hoặc là sa-di thọ tam quy thập giới, họ đắc được giới thể đều là từ trong tam quy y mà đắc được giới, cũng chính là quy y Phật bảo, pháp bảo, tăng bảo, phải có đầy đủ tam bảo thì mới có thể đắc giới, không thể chỉ quy y một bảo hoặc là quy y hai bảo, phải đầy đủ tam bảo thì mới có thể đắc giới. Cho nên sa-di là bắt đầu từ ngài La-hầu-la.

Hình thức của sa-di có ba loại, căn cứ theo độ tuổi, thực chất và giới thể của họ có thể chia làm ba loại. Loại thứ nhất gọi là “khu ô sa-di”, ô chính là con quạ, nguồn gốc của danh từ này là đối với những chú sa-di nhỏ tuổi, độ tuổi từ 7 đến 13 tuổi, đây là nói tuổi mục, tuổi tây là 6 tuổi đến 12 tuổi, ở chỗ chúng ta có một người,

loại người này bởi vì tuổi còn quá nhỏ, không thể làm được các công việc khác, ở trong tăng đoàn được sai bảo vệ giữ gìn ngũ cốc lúa gạo cho đại chúng tăng. Khi những con quạ, những loài chim đến ăn thì những chú sa-di này ra đuổi chúng đi, cho nên gọi là “khu ô sa-di”, đồng thời cũng không được để những con chim này hót quá lớn tiếng, quấy nhiễu các vị sư phụ tu thiền, có trường hợp như vậy cũng phải đuổi chúng đi. Cho nên, họ chỉ có thể làm được những công việc nhẹ nhàng như vậy, do đó gọi là khu ô sa-di, tóm lại là có thể phục vụ cho tăng đoàn, không thể ngồi hưởng thụ đồ của tín thí, uổng phí thời gian được. Tóm lại họ phải tu phước này thì mới có thể tiếp nhận đồ của đàn việt cúng dường.

Ngoài ra, hạng sa-di thứ hai gọi là “ứng pháp sa-di”, ứng pháp sa-di là từ 14 tuổi đến 19 tuổi. Tuổi của họ thật sự có thể ứng pháp rồi, cũng tức là họ có thể: thứ nhất là phụng sự sư trưởng lao động phục dịch, có thể phụng sự cho sư trưởng mà chấp tác lao động, phục vụ cho tăng đoàn, phục vụ cho tỳ-kheo rồi. Thứ hai họ có thể tu tập thiền tụng, tu tập thiền định, đọc tụng kinh sách, bởi vì những người trẻ từ 14 tuổi đến 19 tuổi thì sức ghi nhớ của họ rất tốt, cho nên có thể học thuộc sách, lúc này những sách nên học thuộc thì đều phải học thuộc hết. Ở đây chúng ta yêu cầu sa-di đều phải học thuộc năm thời công khóa, còn có “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu”, “Phạm Võng Bồ-tát giới”, “Di giáo tam kinh” đều phải học thuộc, nhưng hiện nay dường như vẫn chưa làm được. Việc này cần phải cố gắng hơn nữa. Đây gọi là ứng pháp sa-di.

Thứ ba gọi là “danh tự sa-di”, danh tự sa-di là chỉ người từ 20 tuổi đến 70 tuổi. Trong giới luật yêu cầu người đủ 20 tuổi thì nên đi thọ giới cụ túc, nhưng hạng người này có thể vì căn tánh tương đối ngu độn, hoặc là xuất gia khi tuổi tương đối lớn vẫn đang trong thời gian sát hạch của tăng đoàn, cho nên họ vẫn chưa thể đi thọ giới cụ túc, tức là giới tỳ-kheo. Cho nên, dù tuổi của họ đã có thể đăng đàn thọ giới cụ túc, nhưng vẫn ở vị trí sa-di, do đó gọi là danh tự sa-di.

Đây là chia theo phẩm bậc, theo độ tuổi, để chỉ ba loại sa-di này.

Giả dụ đã thọ mười giới sa-di rồi. Từ giới thể mà nói thì họ đã đắc được giới thể của 10 giới sa-di rồi, người như vậy gọi là “pháp đồng sa-di”. Nếu như chỉ cạo tóc mà chưa đi thọ 10 giới, tức là trên thể thì vẫn là bạch y, nhưng trên hình tướng thì là hình tướng của sa-di, tướng xuất gia, người như vậy gọi là “hình đồng sa-di”. Hiện nay ở đại lục chúng ta, bao gồm cả nước ngoài cũng như vậy, trường hợp này rất nhiều, tức là trường hợp hình đồng sa-di rất nhiều. Trên cơ bản người muốn

xuất gia thì đều xuống tóc trước, sau đó đợi tương lai khi thọ giới cụ túc sẽ thọ giới trong ba đàn liên tiếp: đàn sa-di, đàn tỳ-kheo, sau đó lại thọ giới Bồ-tát, đây gọi là *Tam đàn đại giới*.

Liên quan đến điều này, luật sư Quảng Hóa đặc biệt chỉ ra rằng: làm như vậy trên thực tế là đã mất đi thứ lớp, không cách gì kiểm tra đánh giá được giới hạnh của người xuất gia, không hợp với điều Phật chế. Nói cách khác, điều này không thể như pháp như luật, như vậy sẽ khiến bên trong cửa Phật vàng thau lẫn lộn. Đây là quan điểm của luật sư Quảng Hóa. Ngài cũng là một bậc Thái Sơn Bắc Đẩu về luật học trong thời cận đại của chúng ta. Trước tác của ngài bao gồm “Sa-di luật nghi yếu lược tập chú”, còn có “Tứ phần luật tỳ-kheo giới bổn giảng nghĩa”, những trước tác này đều được lưu thông vô cùng rộng. Ngài cũng niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Trước đây hòa thượng Quả Thanh, vị y chỉ luật sư của chúng tôi cũng từng thường thân cận ngài. Luật sư Quảng Hóa nói, ngài hy vọng sau này các vị tăng ni tinh thông giới luật hãy dẫn đầu sửa lại điều sai lầm này, nghĩa là đừng chỉ có xuống tóc rồi không thọ 10 giới sa-di mà nên sau khi xuống tóc xong ngay hôm đó lập tức thọ 10 giới sa-di. Ân sư xuống tóc có thể là hòa thượng truyền 10 giới sa-di, rồi thỉnh một vị giáo thọ a-xà-lê, hai vị tỳ-kheo thì có thể truyền giới sa-di rồi. Nghi thức truyền giới này, hiện nay đều có sẵn rồi, có thể trực tiếp làm được, đừng chỉ cạo tóc mà không thọ giới. Bởi vì sau khi thọ giới sẽ có giới thể, vậy thì có thể phòng lỗi ngăn ác một cách tự nhiên, đối với việc tu hành của họ sẽ có sự trợ giúp lớn.

Sau khi nói xong điều này, chúng tôi sẽ có một đoạn giải thích rõ lời nói đầu. Chúng tôi dùng bộ “Sa-di luật nghi yếu lược” của đại sư Liên Trì, phần đầu có một đoạn vô cùng hay, có thể làm thành lời nói đầu của chúng ta. Đại sư Liên Trì và đại sư Ngẫu Ích cùng là tổ sư của Tịnh tông, một vị là tổ thứ tám, một vị là tổ thứ chín, nhưng hai ngài đều vô cùng xem trọng giới luật, cho nên sách về giới sa-di của hai ngài đều lưu thông vô cùng rộng. Chúng tôi chọn dùng bộ của đại sư Ngẫu Ích, song bộ của đại sư Liên Trì cũng rất đáng để tham khảo. Mọi người nghiên cứu học tập giới luật sa-di không ngại thì cũng có thể tham khảo bộ “Sa-di luật nghi yếu lược” của đại sư Liên Trì. Luật sư Hoàng Tấn triều nhà Thanh có một bản chú giải gọi là “Tăng chú”, luật sư Quảng Hóa có một bản “Tập chú”, đều là những chú giải vô cùng hay.

Tôi dùng văn bạch thoại để nói rõ ý của đại sư Liên Trì với mọi người trước: *“Phật chế định cho người xuất gia, năm hạ đầu phải chuyên tinh giới luật, sau năm hạ mới cho nghe kinh giáo, tham thiền”*. Đây là quy định của Thế Tôn chế định người xuất gia năm hạ đầu đều phải chuyên tinh giới luật, đặc biệt là tỳ-kheo. Tỳ-kheo sau khi thọ giới xong thì phải học giới trong năm hạ. Hạ là chỉ cho an cư kiết hạ, giống như sáng hôm qua chúng ta đã chính thức tác pháp an cư kiết hạ, cho đến sáng ngày 16 tháng 7 khi minh tướng xuất hiện thì mới giải hạ. Đây mới gọi là một hạ, liên tục năm năm đều phải an cư kiết hạ, đều học tập giới luật, đây là do Phật chế định. Sau năm hạ mới có thể nghe giáo, tham thiền. Học giáo là tinh chuyên các kinh luận, tham thiền thì nỗ lực dụng công trên hành môn. Đương nhiên nghe kinh giáo và tham thiền không thể tách ra. Đại sư Ngẫu Ích đặc biệt nhấn mạnh người tham thiền thì nhất định phải nghe kinh giáo, giải hành đều xem trọng. Niệm Phật cũng thuộc về tham thiền, trong kinh Đại Tập nói: *“Niệm Phật là thiền vô thượng thâm diệu”*. Chúng ta tham là thiền vô thượng thâm diệu, cho nên thật sự muốn dụng công trên giải môn, hành môn thì trước tiên phải đặt nền tảng 5 năm, đừng cho rằng như vậy là lãng phí thời gian, điều này tuyệt đối không phải lãng phí thời gian. Điều này giúp bạn có thể vững vàng tiến bước, tương lai bạn tu hành, mới có thể thật sự thành tựu định tuệ, cũng đừng cho rằng hiện nay tuổi tác tôi lớn rồi không còn thời gian học nữa, không còn thời gian học nữa thì bạn hà tất phải xuất gia làm gì? Đã xuất gia rồi, hơn nữa thọ giới làm tỳ-kheo rồi, vậy thì phải làm việc của tỳ-kheo, làm tròn bốn phận của tỳ-kheo, bằng không chúng ta tiếp nhận những lợi dưỡng của tỳ-kheo, nhưng lại không làm bốn phận của tỳ-kheo. Như vậy không gọi là đôn luân tận phận, mà đây gọi là uổng phí nhận đồ của tín thí, chẳng bằng không xuất gia thì tốt hơn.

Khi xưa ngài Hiếp Tôn giả 80 tuổi mới bắt đầu học tập Tam tạng, dụng công tinh tấn đều có thể thông đạt. Hiện nay nếu chúng ta vẫn chưa đến 80 tuổi thì vẫn còn thời gian. Cho nên điều này tuyệt đối không phải là lãng phí thời gian, mà chắc chắn có thể giúp bạn vãng sanh, là một tặng thượng duyên rất tốt cho việc niệm Phật vãng sanh. A-di-đà Phật sẽ không vì bạn học giới mà không đến đón bạn, không phải như vậy, mà do: *“Giới là gốc của vô thượng Bồ-đề, phải trì đầy đủ tịnh giới. Nếu có thể trì đầy đủ tịnh giới thì hết thảy các đức Như Lai đều tán thán”*. A-di-đà Phật nhất định sẽ tán thán bạn, cho nên nhất định sẽ đến tiếp dẫn bạn. Cuối cùng bạn không có thời gian niệm Phật nữa, niệm một tiếng Phật hiệu đều có thể vãng sanh. Nhưng nếu không cố gắng trì giới mà nói niệm Phật, nói thật niệm Phật

tuyệt đối không thanh tịnh, bởi vì các giới đều không trì thì ác nghiệp sẽ không thể dừng lại, ác nghiệp không thể dừng lại vậy thì thân khẩu ý của chúng ta làm sao có thể thanh tịnh được? Niệm Phật làm sao có thể thanh tịnh được? Như vậy thì không tương ưng. Những điều này đại sư Ngẫu Ích đều có những bài luận bàn phân tích rất tường tận, nói đến “*trì giới niệm Phật vốn là một môn, tịnh giới là nhân, Tịnh độ là quả*”. Người học luật tinh chuyên nhất định có thể vãng sanh bậc thượng phẩm. Đây đều là những lời khai thị của đại sư Ngẫu Ích. Ngài là tổ sư của Tịnh độ tông, đây tuyệt đối là tri kiến của Phật, nên chúng ta có thể tín nhận phụng hành.

Cho nên sa-di cạo tóc rồi thì trước tiên phải thọ 10 giới, kể đến giáo dục sa-di hoàn thành rồi thì mới đăng đàn thọ cụ túc giới. Nếu đối với giới pháp của sa-di đều mù mịt không biết gì, hoặc là ngạo mạn không chịu học tập thì đây gọi là đốt cháy giai đoạn. Đốt cháy giai đoạn là học không theo thứ tự, học sẽ không có thành tựu. Cho nên mặc dù là chí hướng cao xa nhưng cũng là nói thì hay mà làm thì dở, tu hành cuối cùng đều biến thành xây lầu các trên không trung. Điều này khiến người ta vô cùng cảm khái. Cho nên trong kinh Phật Tạng, đây là một bộ kinh điển, trong đó nói rằng nếu “người không học Tiểu thừa trước rồi sau học Đại thừa thì không phải đệ tử của Phật”. Nếu không học tập giới pháp Tiểu thừa, không học những giới luật này trước, mà đốt cháy giai đoạn nhảy thẳng đến những kinh luận Đại thừa, thì Phật nói những người này không phải đệ tử của Phật, không phải đệ tử Phật mà chính là đệ tử của ma vương ngoại đạo, điều này rất đáng sợ.

Phía sau của “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu”, đại sư Ngẫu Ích có một phần phụ lục, phần phụ lục này là trích dẫn kinh điển nói rõ tầm quan trọng của việc trước học Tiểu thừa rồi sau mới học Đại thừa. Tiểu thừa chính là nền tảng của Đại thừa, hơn nữa kỳ thực ngay bản thân Tiểu thừa cũng chính là Đại thừa. Học kinh Pháp Hoa thì sẽ biết kỳ thực Phật chỉ nói pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, nói hai thừa, ba thừa đều là nói pháp phương tiện. Cho nên, nói Tiểu thừa kỳ thực mục đích chính là giúp bạn nâng cao lên đến Đại thừa. Cho nên, ngay nơi thể của pháp Tiểu thừa chính là pháp Đại thừa. Chúng ta dùng tâm đại Bồ-đề để trì giữ luật nghi của Tiểu thừa, thì luật nghi Tiểu thừa chính là luật nghi giới trong tam tụ tịnh giới của Bồ-tát, đó chính là giới Đại thừa. Cho nên Tiểu thừa, Đại thừa không phải luận ở trên pháp, mà luận nơi tâm của bạn. Bạn phát tâm Tiểu thừa mà học kinh Hoa Nghiêm thì cũng là pháp Tiểu thừa. Bạn phát tâm đại Bồ-đề mà học giới sa-di, học kinh A-hàm thì cũng là pháp Đại thừa. Chúng ta nhất định phải có quan điểm

này. Đây là quan điểm của Viên giáo, không phải phân biệt từ trên pháp, pháp là bình đẳng, không có cao thấp.

Cho nên, người có tâm tốt xuất gia thì phải “hết lòng tuân hành, thận trọng chớ phạm”. Đây là lời dặn dò của đại sư Liên Trì. Thế nào gọi là “tâm tốt xuất gia”? Chúng ta có phải là người có tâm tốt mà xuất gia hay không? Căn cứ theo “Tập chú” của luật sư Quảng Hóa nói rằng: Người có tâm tốt xuất gia tức là không phải dựa vào Phật để sống qua ngày, mà là người chân thật phát tâm vì trên cầu Phật đạo, hoằng pháp lợi sanh mà xuất gia. Đây đều là tâm tốt mà xuất gia. Trước tiên bản thân chúng ta phải kiểm điểm xem tâm của chúng ta có phải tâm tốt hay không. Nếu có chút tà vạy, thiên lệch thì nhanh chóng sửa đổi lại. Động cơ xuất gia phải thuần chánh, tới đến cửa Phật không phải chỉ vì mưu sinh kiếm ăn, dựa vào Phật để kiếm sống, nhờ cậy vào cửa Phật, trong cửa Phật có lợi dưỡng. Bạn xem không phải lao động, lại không cần làm việc, mỗi ngày có người cúng dường quần áo ăn uống cư trú đi lại, tứ sự cúng dường, còn có rất nhiều người tặng phong bì. Khi tặng phong bì còn rất cung kính, trước tiên đánh lễ rồi mới cúng dường, đối với cha của họ đều không như vậy, nhưng đối với chúng ta đều có thể như vậy. Nếu tham muốn những thứ này thì rất phiền phức, tương lai thật sự đều như các bậc cổ đức nói: “Trước cửa địa ngục tăng đạo nhiều”. Điều này không phải là lời hù dọa người, đây là sự thực, có câu: “Một hạt gạo thí chủ, nặng như núi Tu-di; đời này không liễu đạo, mang lòng đội sừng trâu”. Đời này là trai chủ, đời sau chính là chủ nợ, thật đáng sợ. Cho nên, chúng ta phải cố gắng trì giới mới không cô phụ tâm tốt xuất gia của chúng ta.

Đại sư Liên Trì nói giới sa-di này: “Gần là bậc thêm của giới tỳ-kheo, xa là căn bản của giới Bồ-tát, từ giới sanh định, từ định phát tuệ, như vậy thì gần như đã thành tựu thánh đạo rồi, không cô phụ chí hướng xuất gia”. Gần là bậc thêm của giới tỳ-kheo, xuất gia trước tiên phải thọ giới sa-di, ít nhất phải có một khoảng thời gian rèn luyện ở trong tăng đoàn, thông qua khảo nghiệm ở trong tăng đoàn rồi, thấy họ có thể đã đủ tư cách thọ giới tỳ-kheo thì mới có thể thọ giới tỳ-kheo. Nếu rất tùy tiện, giai đoạn sa-di không rèn luyện tốt mà thọ giới tỳ-kheo thì chỉ lấy được danh phận này thôi, trên thực tế ngược lại trở thành chướng ngại trong việc tu đạo của chúng ta, do bị đốt cháy giai đoạn. Cho nên, đại sư Liên Trì khuyên chúng ta phải theo thứ lớp mà tu hành, gọi là leo lên cao thì phải trèo từ chỗ thấp. Bạn trèo lên chỗ cao thì nhất định phải từ chỗ thấp từ từ mà trèo lên, cho nên gọi là bậc thêm

của giới tỳ-kheo. Bạn không có bậc thêm này mà bạn muốn trèo lên cao thì không trèo được. Đây là nói gần, bởi vì giới tỳ-kheo và giới sa-di đều thuộc về giới Thanh văn, đây là nói gần.

Giới Bồ-tát gọi là xa, xa chính là nói đến Phật quả cứu cánh, không phải là tỉ dụ về Hóa Thành 300 dặm. Giống như trên kinh Pháp Hoa nói Niết-bàn của Tiểu thừa chỉ là đến Hóa Thành 300 dặm, bạn dừng lại ở đó, không chịu cầu Phật quả, vậy thì không được. Nhất định phải đến thành Đại niết-bàn cuối cùng thì mới gọi là cứu cánh, cho nên mục đích, mục tiêu của giới Bồ-tát chính là cầu quả Phật vô thượng, cho nên gọi là xa, vậy nên giới sa-di có thể là căn bản của giới Bồ-tát. Nếu không cố gắng trì giữ giới sa-di thì không những giới tỳ-kheo không cách gì giữ tốt, mà giới Bồ-tát càng không làm được, cho nên phải từ giới sanh định, từ định phát tuệ, có giới rồi thì định tuệ mới có căn bản, như vậy thì gần như có thể thành tựu thánh đạo rồi, không cô phụ chí nguyện, tâm tốt ban đầu khi chúng ta xuất gia.

Tiếp theo chúng tôi sẽ chính thức giải thích bộ “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu” của đại sư Ngẫu Ích với mọi người. Trong bộ trước tác này, đại sư Ngẫu Ích có một lời nói đầu, cũng nói vô cùng hay. Trước tiên chúng ta nói qua về đoạn lời nói đầu này rồi mới chính thức giảng “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu”. Chúng ta xem sách:

“Người xuất gia thọ 10 giới gọi là sa-di. Trung Hoa dịch là “tức từ”. Nghĩa là dứt trừ tình nhiễm của thế gian, lấy lòng từ để cứu độ chúng sanh. Lại nói, mới bước vào Phật pháp còn nhiều tình cảm trần tục, nên cần phải dứt ác hành từ. Đường Tam Tạng gọi là thất-lợi-ma-na-lộ-ca, Trung Hoa dịch là “cần sách nam”. Ký Quy Truyền nói: *thọ mười giới rồi gọi là thất-la-mạt-ni, dịch là “câu tịch”*”.

Chúng ta giảng giải đoạn này trước.

“*Xuất gia thọ mười giới*”, thì gọi là sa-di. Mười giới của sa-di, kỳ thực mọi người chúng ta đều biết các giới điều này. Ngoài năm giới “giết trộm dâm dối rượu” ở phía trước ra, thì còn có không đeo tràng hoa thơm, không thoa dầu thơm lên thân; không ca múa, biểu diễn nghệ thuật và không đi nghe xem; không nằm ngồi trên giường cao rộng lớn; không ăn phi thời; còn có không cầm giữ kim loại quý vàng bạc vật báu. Đây gọi là ý nghĩa của sa-di, cho nên thọ giới thể của mười giới thì chính là sa-di.

Sa-di dịch thành tiếng Hoa, căn cứ theo đại sư Ngẫu Ích thì đây là từ tiếng Phạn phiên dịch thành, nhưng bị truyền sai, gọi là ngoa lược, ngoa nghĩa là sai, lược tức là tỉnh lược đi rất nhiều âm của nó, cho nên cuối cùng không giống như âm cổ, âm tiếng Phạn nữa, lại không phải là tiếng Hoa, nhưng vì làm theo truyền thống cũ, cho nên gọi là sa-di. Dịch thành tiếng Hoa nghĩa là “tức từ”. Nghĩa của tức từ, *tức* nghĩa là dứt trừ tình nhiễm của thế gian, *từ* nghĩa là từ bi cứu độ chúng sanh. Vì sao nói phải dứt trừ tình nhiễm của thế gian? Chính là diệt trừ năm dục sáu trần, những chấp trước ô nhiễm của thế gian. Bởi vì phàm phu chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay bị vô minh phiền não che lấp chân như bản tánh của chúng ta, cho nên sanh ra nhiều loại vọng tưởng mà phan duyên theo cảnh giới năm dục sáu trần ở bên ngoài, khiến tâm chúng ta đắm nhiễm năm dục của thế gian, năm dục là “tài, sắc, danh, ăn, ngủ”. sáu trần chính là chỉ “sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp”. Bởi vì nhiễm trước cho nên thân khẩu ý tạo tác nhiều điều bất thiện. Nếu khởi nhiều phiền não tham sân si nghiêm trọng thì tương lai nhất định sẽ cảm lấy khổ báo ở tam đồ. Ví dụ người tham dục nặng thì tương lai sẽ chiêu cảm đường nga quý. Người tâm sân giận nặng tương lai chiêu cảm đường địa ngục, người tâm ngu si nặng, không hiểu rõ lý sự, mơ mơ hồ hồ, hạng người này tương lai chiêu cảm đường súc sanh. Ba đường ác tuy rằng trên nghiệp nhân đều có các loại phiền não, nhưng có một thứ rất nặng. Vậy bản thân chúng ta có thể quán chiếu, bản thân chúng ta tương lai sẽ đi vào đường nào, xem bản thân có phiền não nào nặng nhất, giới luật chính là giúp chúng ta diệt trừ những tập khí phiền não này, cho nên người có thể trì giới thì ít nhất sẽ không堕 vào ba đường ác. Bản thân diệt trừ được những tình nhiễm thế gian này, tức là đắm nhiễm năm dục sáu trần, còn phải phát khởi tâm xuất ly, đoạn trừ những tập khí ác của sáu đường, thì có thể ra khỏi tam giới, chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, có thể cố gắng trì giới, đoạn ác tu thiện thì vãng sanh sẽ ít chướng ngại. Ví dụ thân khẩu ý không thanh tịnh thì chướng ngại vãng sanh sẽ lớn, cho nên trì giới là trợ hạnh quan trọng nhất của việc vãng sanh Tịnh độ.

Không những bản thân phải diệt trừ những phiền não tham sân si mà còn phải từ tế quần sanh, từ bi làm lợi ích và cứu giúp chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh cũng đoạn ác tu thiện. không những giúp chúng sanh thoát ly tam giới lục đạo mà còn phải giúp chúng sanh viên mãn lục độ vạn hạnh, đi thẳng đến Bảo Sở 500 dặm, chứ không dừng lại ở Hóa Thành 300 dặm. Nói cách khác, phải giúp chúng sanh chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thành Phật thì mới gọi là rốt ráo, giúp chúng sanh đến địa vị thành Phật thì mới gọi là rốt ráo, cho nên sa-di là có

hàm nghĩa như vậy, tức là độ mình độ người, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn, điều này sa-di đều phải làm, cho nên đừng xem sa-di là Tiểu thừa. Chúng ta thật sự có thể làm được như vậy thì rất cừ khôi rồi, phải làm Bồ-tát sa-di.

Lại nói, trong lời nói đầu nói “*mới bước vào Phật pháp*”, tức là vừa mới xuất gia, vào trong cửa tam bảo, bước vào tăng đoàn “*còn nhiều tình cảm trần tục*”, có rất nhiều tập khí trần tục ô nhiễm của thế gian, phải đem những tập khí này gọt dũa hết, cho nên phải “*dứt ác hành từ*”. Làm sa-di thì trước tiên phải đào thải hết những tập khí trần tục của thế gian này đi, thông qua việc tu tập giới luật thì có thể thay da đổi thịt làm bậc thầy mô phạm của trời người. Cho nên phải đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, độ hết thấy chúng sanh, chính là ý nghĩa của việc dứt ác hành từ, cho nên chúng ta thọ mười giới sa-di, bao gồm cả cư sĩ thọ năm giới, bát quan trai giới, và tỳ-kheo thọ giới cụ túc, đều phải duyên cảnh phát tâm quán tưởng, duyên niệm thập phương thế giới, thập pháp giới, hết thấy chúng sanh hữu tình và vô tình, phát đại tâm Bồ-đề, độ hết thấy chúng sanh, đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, độ hết thấy chúng sanh, nguyện hết thấy chúng sanh đều được thành Phật. Đây chính là ý nghĩa của dứt ác hành từ, ở trong tâm đại Bồ-đề này đặc được giới thể, cho nên giới thể sa-di, thể của nó chính là giới thể của giới Bồ-tát. Điểm này chúng ta đều phải hiểu rõ.

Giới thể là tùy theo tâm của bạn, không phải luận ở trên giới tướng. Bạn phát tâm Bồ-đề rộng lớn thì bạn thọ năm giới, bát quan trai giới, giới sa-di, giới tỳ-kheo hết thấy đều là giới thể của Bồ-tát, nhưng do đây là thọ pháp của Thanh văn, nên chúng ta nương theo pháp của Thanh văn để trì giữ, gọi là “thọ tùy tương ứng”. Thọ pháp này là pháp của Thanh văn, căn cứ theo pháp của Thanh văn mà thọ giới. Ví dụ nói tỳ-kheo, hiện nay chúng ta đều lấy Luật Tứ Phần, có 10 vị thầy làm pháp “bạch tứ yết ma” để thọ giới. Đây là dùng pháp của Luật Tứ Phần, thọ giới pháp Thanh văn, nhưng giới thể mà bạn đắc vẫn là giới thể trong giới Bồ-tát. Nhiếp luật nghi giới trong giới Bồ-tát, nhiếp luật nghi giới trong *Tam tụ tịnh giới* đương nhiên cũng bao gồm nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới ở trong đó. Vậy chúng ta làm theo mà nói thì chính là trì giữ các giới điều, là căn cứ theo giới tướng của Thanh văn để trì giữ, kỳ hạn mà chúng ta phải ước định chính là đến khi mạng chung, khác với giới Bồ-tát, giới Bồ-tát ước định thời gian là tận vị lai tế, giới Thanh văn mà chúng ta thọ là giới thể của Bồ-tát, nhưng thời gian ước định chính

là đến khi mạng chung, chỉ có điều này không giống mà thôi, những điều khác, trên thể mà nói thì chính là giới thể của Bồ-tát.

Tiếp theo lại trích dẫn Đường Tam Tạng, chính là đại sư Huyền Trang. Đại sư Huyền Trang phiên dịch rất nhiều kinh điển. Ngài phiên dịch sa-di thành “thất-lợi-ma-na-lộ-ca”. Đây hoàn toàn là chữ Phạn, tiếng anh là sramanera, hoàn toàn tương thông với chữ Phạn, ý nghĩa chính là “cần sách nam”, phía sau sẽ nói về ý nghĩa của cần sách. Nam chính là nam chúng, sa-di chính là nam chúng. Nếu là sa-di-ni thì là nữ chúng, phải gọi là cần sách nữ.

“Ký Quy Truyền”, đây là chỉ tác phẩm “Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyền” của Nghĩa Tịnh Tam Tạng triều nhà Đường. Trong này nói “người đã thọ mười giới”, sau khi thọ mười giới sa-di thì người này gọi là “thất-la-mạt-ni”, giống với âm mà đại sư Huyền Trang phiên dịch. Đại sư Nghĩa Tịnh dịch sang tiếng Hoa là “cầu tịch”. Ý nghĩa của cầu tịch thì phía sau đại sư Ngẫu Ích cũng có nói rõ, phía sau chúng ta sẽ nói đến. Đây là một đoạn văn ngắn ở phía trước.

Tiếp theo chúng ta lại xem đại sư Ngẫu Ích giải thích:

“Hai chữ sa-di, thời xưa đã bị truyền sai và lược bớt âm, nhưng nay dùng ba ý nghĩa phiên dịch để giải thích. Một là tức từ, dứt kiến tư ác, tu sanh duyên từ là Tạng giáo sa-di; dứt kiến tư ác, tu pháp duyên từ là Thông giáo sa-di; tiếp theo là dứt tam hoặc, tu tam từ là Biệt giáo sa-di; nhất tâm viên mãn, dứt tam hoặc, tu tam từ viên mãn là Viên giáo sa-di”.

Chúng ta xem đoạn nhỏ này trước. Đoạn nhỏ này là giải thích tên được dịch ra là “tức từ”, đoạn nhỏ thứ hai là giải thích “cần sách”, đoạn nhỏ thứ ba là giải thích “cầu tịch”, chỗ này vừa khớp với đoạn văn phía trước.

Chỗ này đại sư Ngẫu Ích giải thích là dùng bốn giáo trong tông Thiên Thai để nói, nói vô cùng viên mãn. Trong đoạn văn nói hai chữ “sa-di” này là cổ đức phiên dịch ra, nhưng bị truyền sai, hơn nữa đã bị lược bớt, do đó không giống với âm gốc, nhưng đã thông dụng rồi, nên chúng ta tiếp tục sử dụng. Hiện nay dùng ba ý nghĩa phiên dịch để giải thích sa-di, chính là tức từ, cần sách và cầu tịch nói ở phía trước. Trước tiên giải thích “tức từ”.

Những điều này nếu như muốn học khoa phán, không ngại thì tự mình có thể làm một bản khoa phán. Bởi vì văn ở đây rất đơn giản, muốn học tập kinh giáo thì có thể tự làm khoa phán. Căn cứ theo những tầng ý nghĩa của đại sư Ngẫu Ích thì

có thể vẽ được bảng khoa phán rồi. Muốn chân thật học tập thì bản thân phải dụng công nhiều một chút, chẳng phải là mỗi ngày chỉ nghe các bài giảng một tiếng rưỡi, mà sau đó chính mình còn phải làm rất nhiều công khóa bài tập, như vậy thì bạn sẽ học được, giống như trước đây lão hòa thượng học pháp với lão giáo thọ Lý Bình Nam, một tuần ngài chỉ giảng kinh một lần, giảng 45 phút, sau đó là 45 phút phiên dịch sang tiếng Đài Loan. Trước khi lão hòa thượng nghe kinh đều xem qua tất cả những chú giải ấy, sau đó lại nghe thầy giảng như thế nào, nghe ra được cửa đạo, cho nên ngài học rất thâm nhập, rất nhanh. Mặc dù thời gian nghe giảng ngắn, nhưng sau khi tan học thì thời gian làm công khóa bài tập rất nhiều, cho nên một tuần một bài giảng, ngài cảm thấy tiến độ này rất tốt. Nếu hằng ngày đều giảng thì ngài sẽ không theo kịp, không có nhiều thời gian như vậy. Đây chính là người thật sự chịu học tập, chính là như vậy, học tập thì nhất định phải tự đốc thúc mình, không thể để thầy giáo đến đốc thúc bạn được. Thầy đốc thúc bạn thì bạn sẽ không học thành tựu được. Chúng tôi đều học tập như vậy, lão hòa thượng căn bản là không đốc thúc chúng tôi. Ngài giảng kinh của ngài, còn chúng tôi tự học bài của chúng tôi, có chỗ không hiểu thì nhanh chóng đi hỏi, hoặc tự tìm chú giải. Ví dụ chúng tôi giảng giới sa-di, bạn lấy tất cả những chú giải về giới sa-di để xem, thư viện chỗ chúng ta có một bộ “Sa-di học xứ” dày như vậy, bạn có thể xem, đây đều là những sách tham khảo rất hay cho các bạn.

Tiếp theo là nói với mọi người về bốn giáo. Bạn muốn học bốn giáo của Thiên Thai thì nội dung trong ấy cũng rất rộng lớn, không ngại thì bạn có thể xem “Thiên Thai Tứ Giáo Nghi”, có một bộ “Tập Chú”, là tập chú do đại sư Đệ Nhàn viết, một bộ sách rất dày. Bạn muốn xem thì chỗ tôi có, có thể cho bạn mượn, tức là bản thân phải biết dụng công. Ở đây chúng tôi sẽ giải thích đơn giản một chút về bốn giáo của Thiên Thai. Bởi vì ở đây có nói sa-di chia ra làm bốn giáo, có Tạng giáo sa-di; có Thông giáo sa-di; có Biệt giáo sa-di; có Viên giáo sa-di. Trước tiên chúng ta phải biết những danh tướng này.

Thiên Thai nói đến bốn giáo là từ đại sư Trí Giả, đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai, là người triều nhà Tùy. Ngài đã lập ra một phương pháp phán giáo. Bốn giáo ở đây phân làm hai loại, một loại gọi là hóa pháp tứ giáo, một loại gọi là hóa nghi tứ giáo. Hóa pháp tứ giáo chính là phương pháp đức Phật giáo hóa chúng sanh, giống như các vị thuốc của thế gian vậy, đại thể có thể chia ra làm bốn giáo: *tạng*, *thông*, *biệt*, *viên*, tức là nói đức Phật là đại y vương. Ngài dùng các vị thuốc khác

nhau để giúp những người mắc những căn bệnh khác nhau, đối trị những chứng bệnh khác nhau. Điều này giống như những vị thuốc của thể gian vậy, gọi là hóa pháp tứ giáo. Hóa nghi tứ giáo tức là phương thức mà cả đời Như Lai xuất thế giáo hóa chúng sanh, giống như đơn thuốc của thể gian, có những đơn thuốc khác nhau, chia làm đốn giáo, tiệm giáo, bí mật giáo và bất định giáo. Đây gọi là hóa nghi tứ giáo.

Ở đây do đại sư Ngẫu Ích không nhắc đến *hóa nghi tứ giáo* nên chúng tôi không giải thích nữa, chỉ giải thích *hóa pháp tứ giáo* là Tạng - Thông - Biệt - Viên. Thế nào gọi là Tạng giáo? Tạng nghĩa là hàm chứa, tức là ba tạng kinh luật luận, mỗi tạng đều hàm chứa nội dung của tất cả các tạng, cho nên gọi là Tạng giáo, cũng gọi là Tam tạng giáo, tức là hàm chứa những nghĩa lý, giáo lý của ba Tạng kinh - luật - luận. Căn cơ mà Tạng giáo hướng đến, chính thức giáo hóa là người nhị thừa, tức là người có căn tánh Tiểu thừa, bên cạnh đó giáo hóa cả Bồ-tát nữa, cho nên không thể đơn giản gọi Tạng giáo là Tiểu thừa giáo được. Bởi vì nó cũng kiêm dạy cả Bồ-tát nữa, chỉ là căn tánh chúng sanh mà nó chính thức hướng đến là căn tánh Tiểu thừa. Nhưng trên thực tế, trong giáo này đầy đủ giáo pháp của ba thừa, giáo pháp của ba thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều có cả, cho nên không thể chỉ nói là Tiểu thừa giáo.

Người thuộc Tạng giáo, căn tánh của Tạng giáo tương đối chậm lụt, cho nên Phật nói pháp sanh diệt tứ đế cho người tam thừa. Tứ đế này chính là khổ - tập - diệt - đạo. Bốn chữ này đã bao hàm hết thấy đạo lý nhân quả của thể xuất thế gian. Khổ tập là nhân quả của thể gian, diệt đạo là nhân quả của xuất thế gian. Hết thấy giáo pháp mà Phật nói đều có thể quy nạp thành tứ đế: khổ - tập - diệt - đạo, không chỉ là Tiểu thừa mà Đại thừa cũng là tứ đế. Căn tánh chúng sanh Tạng giáo tương đối chậm lụt, cho nên Phật nói với họ về tứ đế sanh diệt. Tứ đế cũng có bốn cách nói: Tạng, Thông, Biệt, Viên. Điều này chúng ta để đến buổi học sau sẽ nói rõ.

Người thuộc Tạng giáo dùng “tích không quán” để đoạn kiến tư phiền não. Phật dạy họ “tích không”, nghĩa là phân tích, hết thấy vạn pháp đều có thể phân tích đến cuối cùng là không, giống như khoa học hiện nay trên cơ bản người có căn tánh này, họ phát hiện ra tất cả vật chất đều là do hạt cơ bản tổ hợp thành. Năm trước đã phát hiện có nguyên tử. Hiện nay sớm đã phát hiện ra nguyên tử không phải là hạt nhỏ nhất, trong đó có hạt nhân nguyên tử và các electron. Trong hạt nhân nguyên tử có proton và neutron. Hiện nay phát hiện electron cũng không phải

hạt nhỏ nhất, còn có neutrino, đại khái là bằng một phần 10 tỷ electron. Hiện nay lại phát hiện, phát hiện đến cuối cùng tất cả các hạt đều do sóng tạo thành. Sóng không phải là vật chất, các nhà khoa học gọi là dao động, đây gọi là lý thuyết dây, giống như dây đàn rung động mà gây ra nốt nhạc vậy. Hạt chính là vật chất, là do rung động mà sanh ra, giống như dây đàn rung động mà sanh ra nốt nhạc vậy. Cho nên, tất cả vũ trụ vạn vật, tất cả vật chất phân tích đến cuối cùng chỉ là rung động, là không, không có vật chất. Đây gọi là “tích không quán”, phân tích đến cuối cùng thì phát hiện ra vốn dĩ không có vật chất, *sắc tức là không*, sắc pháp chính là vật chất đều là không, đương nhiên *thọ tướng hành thức*, những thứ này gọi là năm ấm, thân tâm cuối cùng đều quy về không, như vậy thì có thể đoạn trừ kiến tư phiền não.

Hết thấy đã là không thì bạn phiền não cái gì chứ? Không có gì đáng phiền não cả, bạn tham cái gì? Bạn giận cái gì? Bạn đối lập với ai? Đều là không, cho nên không có phiền não. Không có phiền não nữa thì có thể vào *vô dư Niết-bàn*, gọi là thân tâm đều được diệt tận, năm ấm diệt tận, không còn dư sót nữa, điều này gọi là đốt nhục thân thành tro, dứt bật tâm trí, cũng gọi là “khô thân diệt trí”, mọi thứ đều là không rồi thì đây gọi là Niết-bàn. Điều này thuộc về người căn tánh Tạng giáo, Phật dùng cách “tích không quán” giúp họ phân tích, tất cả mọi thứ đều là không, cuối cùng khiến họ đoạn kiến tư phiền não, nhập vào vô dư Niết-bàn.

Vâng hôm nay thời gian đã hết rồi, trong bốn giáo chúng tôi chỉ giới thiệu đơn giản loại thứ nhất, ngày mai chúng tôi sẽ tiếp tục nói rõ với mọi người. Hôm nay giảng có chỗ nào không được thỏa đáng xin mọi người phê bình sửa sai nhiều giúp tôi, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 2

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 24/05/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, chư vị cư sĩ tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành. Mời để tay xuống!

Xin cùng mọi người học tập “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu” do đại sư Ngẫu Ích biên soạn:

“Hai chữ Sa-di, thời xưa đã bị truyền sai và lược bớt âm, nhưng nay dùng ba ý nghĩa phiên dịch để giải thích. Một là tức từ, dứt kiến tư ác, tu sanh duyên từ là Tạng giáo sa-di”.

Hôm qua chúng ta học đến đây. Chỗ này có nói đến bốn giáo do tông Thiên Thai lập ra, nên cần dùng một chút thời gian để nói rõ đại ý của bốn giáo với mọi người, sau đó quay lại đọc đoạn lời nói đầu này của đại sư Ngẫu Ích thì có thể tương đối tường tận.

Hôm qua nói đến Tạng giáo. Tạng giáo là chánh hóa, chính thức giáo hóa người Nhị thừa và kiêm giáo hóa, cũng là giáo hóa kèm thêm, kiêm giáo hóa cả Bồ-tát. Đức Phật dạy người Tam thừa dùng “tích không quán”, tức là phân tích hết thấy vạn pháp đến cuối cùng biết được hết thấy pháp đều là không thì có thể đoạn trừ được kiến tư phiền não và chứng đắc Niết-bàn. Loại Niết-bàn này là thân tâm đều diệt tận, gọi là vô dư Niết-bàn, đốt nhục thân thành tro, dứt bất tâm trí, nghĩa là mọi thứ đều là không. Loại này cũng gọi là thiên chân Niết-bàn, tức là Niết-bàn lệch về phía tánh của “chân không”, nên không thể thông đạt được đạo lý “bất không”. Họ chỉ nhận thức được “không” rồi sinh ra chướng ngại đối với “diệu hữu”.

Giáo lý của Thông giáo là nói cho những Bồ-tát tương đối thông minh nhạy bén. Thông giáo, gọi là thông nghĩa là “trước thông Tạng giáo; sau thông Biệt, Viên”, thông đạt Tạng giáo ở phía trước, thông đạt Biệt giáo và Viên giáo ở phía sau. Đối với Bồ-tát độn căn thì Phật giảng Tạng giáo cho họ. Đối với Bồ-tát lợi căn thì Phật giảng Biệt giáo, Viên giáo, cho nên căn tánh của Thông giáo chính là Bồ-tát độn căn. Đối tượng giáo hóa chính thức của những giáo này là Bồ-tát, và kiêm giáo hóa thêm hàng Nhị thừa. Phật đối với những người Thông giáo, những người có căn tánh Thông giáo thì Phật giảng pháp vô sanh *tứ đế*, biết hết thấy pháp vốn dĩ không sanh. Nếu chỉ chứng đắc lý “chân không” thì sẽ giống như người Tạng giáo ở phía trước. Nếu chẳng những chứng đắc lý “chân không” mà còn có thể thông đạt đạo lý “bất không” thì hạng này thuộc vào căn tánh giống như người Biệt giáo, Viên giáo ở phía sau, cho nên đây là nói Thông giáo.

Nội hàm của Thông giáo chủ yếu là kinh điển Bát-nhã trong tạng kinh, nghĩa lý là dung thông hàm nhiếp Đại Tiểu thừa, giảng cho người Tam thừa “thể không quán”. Thể không quán nghĩa là dùng thể tức không, dùng cách quán này. Cách này so với “tích không quán” của Tạng giáo có thể nói là càng thẳng tắt hơn. Bởi vì tích không quán vẫn thông qua phân tích, dùng lô-gic để suy luận, biết rằng vật chất, hay hết thấy vạn pháp, phân tích đến cuối cùng là không. Thể không quán thì không cần thông qua phân tích, mà ngay đó biết được hết thấy vạn pháp là pháp duyên sanh nên không có tự tánh, cho nên ngay thể chính là không, không cần phân tích. Ví dụ cái thước này, người Tạng giáo họ phải đi nghiên cứu, dùng kính hiển vi để quan sát, cái thước này là do các phân tử gồ hợp thành, phân tử do nguyên tử cấu tạo thành, nguyên tử lại do các hạt cơ bản cấu tạo thành, các hạt cơ bản phân tích đến cuối cùng là không. Đây là thuộc về người độn căn. Người lợi căn không cần nghĩ như vậy, mà ngay đó liền biết pháp do duyên sanh, ngay thể chính là không, làm gì có tự tánh của gồ? Làm gì có tự tánh của thước? Điều này gọi là thể không quán, hạng người này biết vạn pháp vốn dĩ là vô sanh, cho nên căn tánh của họ tương đối nhạy bén.

Loại thứ ba là Biệt giáo. Biệt giáo nghĩa là cách biệt khác nhau, gọi là “khác Tạng Thông ở trước, khác Viên giáo ở sau”. Nghĩa là khác với Tạng giáo, Thông giáo ở phía trước, và cũng có khác biệt với Viên giáo ở phía sau, tức là nó rất đặc biệt. Giáo pháp này chỉ gia trì cho Bồ-tát, gia trì riêng cho Bồ-tát, không phải nói đối với người Nhị thừa. Bởi vì Biệt giáo xem trọng “thứ đệ tam quán”, tu hành nói

đến pháp môn thì có cách biệt, thứ lớp mà không thể viên dung vô ngại, cho nên cũng không giống với Viên giáo ở phía sau. Viên giáo là viên dung vô ngại, không trải qua thứ lớp, cho nên đây thuộc về Biệt giáo. Nội hàm của Biệt giáo là chỉ các kinh điển Phương Đẳng khác, không tuyên thuyết chung với người Nhị thừa, mà chuyên nói cho hàng Bồ-tát Đại thừa. Nói đến pháp tứ đế là vô lượng tứ đế, nghĩa là mỗi một thứ khổ tập diệt đạo đều là vô lượng. Đối với phương pháp tu mà nói là dùng thứ đệ tam quán để phá trừ ba loại hoặc, tức là ba loại phiền não mà chứng đắc lý “đãn trung”. Đãn trung chính là trung đạo. “Đãn” nghĩa là duy nhất, duy nhất chỉ có trung đạo. “Trung” chính là tam quán: *không - giả - trung*.

Bởi vì Biệt giáo tu hành là tu theo thứ lớp. Trước tiên tu không quán, quán hết thấy pháp, 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, ngay thể chính là không. Điều này tương tự như “thể không quán” của Thông giáo ở phía trước, biết chúng ngay thể là không. Tuy biết ngay thể tức là không, đây là chân đế, không những ngã là không, mà pháp cũng là không, hết thấy pháp vô ngã, vô sở hữu, chứng được chân đế rồi, đó chính là thành tựu “không quán”, nhưng không thể chỉ dừng lại ở không quán, chỉ dừng lại ở không quán thì chính là Thông giáo, vẫn phải tiến thêm một bước tu “giả quán”.

Giả quán chính là ở trên nền tảng của quán hết thấy pháp đều là không, nhưng không chấp trước lý không mà có thể từ không vào giả, cũng gọi là từ không hiện ra giả, quán hết thấy các pháp tức là hết thấy hiện tượng của vũ trụ như huyễn như hóa. Kinh Kim Cang gọi là “hết thấy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như chớp, nên quán sát như vậy”. Pháp quán này đã bao gồm cả ba pháp quán không - giả - trung rồi, biết hết thấy pháp như mộng chính là ngay thể tức không rồi, nhưng cảnh mộng cũng thật có chứ không phải không có cảnh mộng. Cảnh mộng là diệu giả, không thể nói cảnh mộng cũng không có. Bạn quả thực có nằm mộng, trong mộng có nhìn thấy núi sông đất đai, nhìn thấy tất cả người vật, xảy ra các sự việc. Đây gọi là từ không hiện ra giả, tuy hết thấy pháp ngay thể là không, nhưng nhân quả là rõ ràng phân minh. Có các pháp thì sẽ có nhân như vậy, sẽ có quả như vậy, nhân quả tơ hào không sai. Đây chính là giả quán. Bồ-tát hiểu rõ nhân quả tơ hào không sai, cho nên phát tâm đoạn hết thấy ác tu hết thấy thiện. Từ giả quán mà thấy được lý của tục đế. Không quán ở phía trước là chứng lý của chân đế, bây giờ giả quán thấy được lý của tục đế.

Tiến thêm bước nữa tu trung quán, trung quán chính là pháp quán “trung đạo đệ nhất nghĩa đế”. Tu hai pháp quán không và giả ở phía trước, trên thực tế đều là phương tiện để vào trung quán, cho nên gọi là “phương tiện đạo”. Hai pháp quán không và giả thành tựu rồi thì có thể thấy rõ hai đế chân và tục, sau đó tiến thêm một bước vào trung đạo đệ nhất nghĩa đế, cũng chính là quán hết thấy pháp đều đầy đủ ba đế: không - giả - trung, gọi là “tức không, tức giả, tức trung”. “Tức” là không cần thứ lớp, bất cứ pháp nào thì ngay đó đã đầy đủ diệu lý của ba đế “chân tục trung” rồi. Tu trung quán thì có thể thấy được lý tánh chẳng thể nghĩ bàn: Phật tánh trung đạo. Vào cảnh giới này thì cũng đã đầy đủ căn tánh của Viên giáo rồi. Viên giáo chính là trong một tâm thì trực tiếp đã đầy đủ ba pháp quán.

Biệt giáo thì có thứ lớp, trước tiên tu không quán, rồi tu giả quán, sau đó tu trung quán, tu thứ lớp như vậy, cũng tức là lần lượt đoạn ba loại phiền não. Tu không quán thì có thể đoạn kiến tư phiền não, hết thấy pháp đều là không, kiến tư phiền não tự nhiên liền không còn nữa, đây là thành tựu “nhất thiết trí”, ra khỏi phần đoạn sanh tử. Giả quán thành tựu rồi thì đoạn được trần sa hoặc, trần sa phiền não, thành tựu được “đạo chủng trí” của Bồ-tát, có thể ra khỏi biến dịch sanh tử ở cõi Phương tiện hữu dư. Đến khi trung quán thành tựu rồi thì có thể đoạn vô minh hoặc, thành tựu “nhất thiết chủng trí”, đây chính là thành Phật, ra khỏi biến dịch sanh tử trong cõi Thật báo trang nghiêm, cũng tức là vượt khỏi mười pháp giới, nhập vào pháp giới nhất chân, có thể nhập vào trung quán này thì chính là Bồ-tát Sơ địa trong Biệt giáo, cũng tương đương với Bồ-tát ở địa vị Sơ trụ trong Viên giáo. Ở trên nền tảng này dần dần tu hành, cuối cùng thì nhập vào vị thứ trong Viên giáo.

Cho nên “trung” mà Biệt giáo chứng đắc được là trung đạo, là “đẫn trung”. “Đẫn” này khác với không và giả ở phía trước. Loại trung quán này vượt hơn trung quán trong hai pháp quán không và giả; cho nên lý trung đạo chứng được vượt hơn lý trung đạo của hai bên không và có. Nhận thức này trên thực tế vẫn chưa đủ viên mãn, ví dụ họ nhìn thấy sanh tử và Niết-bàn, đây là hai bên, sanh tử là một bên, Niết-bàn là một bên. “Đẫn trung” là vượt ra khỏi hai bên sanh tử và Niết-bàn, chỉ hiển lộ ra một loại trung đạo. Giống như lìa khỏi hư không, và đặc biệt chỉ ra có một mặt trăng, trường hợp như vậy gọi là “đẫn trung”. Điều này có khác biệt với “bất dẫn trung” trong Viên giáo.

Tiếp theo là nói về Viên giáo. Viên giáo, viên nghĩa là không thiên lệch. Giáo, trong giáo lý giải thích là lý trong trung đạo. Lý này là tánh tướng viên dung, lý sự vô ngại, trong một tâm thì ba pháp quán “không giả trung” liền có thể viên mãn, không cần trải qua thứ lớp, gọi là “nhất tâm tam quán”, chỗ chứng được là “nhất cảnh tam đế”, trong bất cứ cảnh giới nào, lớn cho đến thế giới, nhỏ cho đến vi trần, đều đầy đủ diệu lý của tam đế “chân - tục - trung”, ngay mỗi một pháp đều đầy đủ như vậy, đây gọi là Viên giáo. Viên giáo chính là giáo nghĩa được đặc biệt giải thích trong kinh Pháp Hoa, còn trong kinh Hoa Nghiêm nói đến cũng là giáo nghĩa như vậy. Những giáo nghĩa này trong Viên giáo là tuyên thuyết “vô tác tứ đế”, khác với tứ đế trong ba giáo: Tạng Thông Biệt ở phía trước. Tạng giáo nói sanh diệt tứ đế, Thông giáo nói vô sanh tứ đế, Biệt giáo nói vô lượng tứ đế, Viên giáo ở đây nói là vô tác tứ đế. Vô tác tức là không có tạo tác, trong một tâm thì có thể dùng ba pháp quán một cách viên dung, đồng thời đoạn trừ kiến tư hoặc, trần sa hoặc, phiền não hoặc mà chứng được “bất đắc trung” này. Pháp này phải là Bồ-tát lợi căn thì mới có thể khế nhập được. Song hiện nay tuy chúng ta là phàm phu, nhưng thường xuyên nghe những diệu lý này lâu ngày, mặc dù chúng ta chưa đoạn hoặc nhưng cũng có thể thể hội được, có thể lý giải được đạo lý trong Viên giáo.

Đạo lý này nói nhất tâm tam quán, đó là đạo lý thế nào vậy? Tức là quán một niệm tâm hiện tiền của chúng ta, ngay khi đó tức không, tức giả, tức trung. Một không thì hết thấy đều không, trung - giả đều là không. Không - giả - trung này là một mà ba, ba mà một. Tâm này của chúng ta là không, không tìm thấy, tâm không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở giữa, tìm không thấy, một không thì hết thấy đều không, trừ bỏ hết thấy các tướng. Giả, tâm niệm này là một giả thì hết thấy là giả, không và trung này đều là giả, cũng tức là nói: quán một niệm tâm tánh của chúng ta có đầy đủ hết thấy các pháp, không cái nào không đầy đủ, nó có thể sanh vạn pháp, có thể lập hết thấy tướng. Một không hết thấy không ở phía trước là trừ bỏ hết thấy tướng, đem hết thấy tướng đều buông xuống, đều quét dọn sạch sẽ. Ở đây một giả hết thấy đều là giả đã lập ra các pháp sâm la vạn tượng, đây chính là giả quán. Lại quán trung, một trung thì hết thấy đều trung, không và giả đều là trung, đây chính là dứt hết mọi đối đãi. Khi chứng được tự thể vốn là không thì ngay đó ứng dụng của nó là không có cùng tận. Tuy đại dụng hiện tiền mà tánh thường tự không, không và có là đồng thời, vừa không vừa có, chẳng không chẳng có, gọi là “khi có thì một đường thanh tịnh, quán không thì vạn hạnh sôi nổi”,

không có đối đãi, viên dung vô ngại, một niệm tâm này chính là như vậy, vừa không vừa giả, lại chẳng không chẳng giả, viên dung vô ngại, đây là trung.

Trong một tâm nếu có thể đầy đủ tam quán thì dễ dàng đoạn phiền não, ba loại hoặc: *kiến tư, trần sa, vô minh*, không cần thứ lớp mà ngay đó đoạn hết, đây là nói đến “nhất tâm tam quán” của Viên giáo. Phá hết thấy pháp, lại lập hết thấy pháp, hai bên không và có, gọi là sanh tử tức Niết-bàn, phiền não tức Bồ-đề, cho nên không cần đoạn phiền não, bạn chỉ cần biết rõ bốn tánh của phiền não chính là không, thì phiền não không trở thành chướng ngại nữa, mà ngược lại trở thành tăng thượng duyên Bồ-đề của bạn. Sanh tử và Niết-bàn vốn dĩ là không hai, gọi là “giống như ăn mật, ở giữa hay bên cạnh đều ngọt cả”. Chúng ta ăn một bát mật, bát mật này ở giữa ngọt thì bên cạnh cũng ngọt. Đây gọi là lý “bất dẫn trung”.

Nói qua về giáo nghĩa của bốn giáo Tạng - Thông - Biệt - Viên, chúng ta lại thấy trong bốn giáo đều có nói đến pháp tứ đế, tức là *khổ, tập, diệt, đạo*. Chúng ta sẽ giới thiệu qua một chút nữa.

Thứ nhất, Tạng giáo là sanh diệt tứ đế. Tạng giáo dùng “tích không quán” để hiểu rõ được pháp khổ tập diệt đạo, mọi thứ đều là không hư vọng, nó có sanh có diệt, cho nên đây là nói đến tứ đế sanh diệt.

Thứ nhất là *khổ đế*, khổ nghĩa là bức bách, gọi là tám khổ, ba khổ. Tám khổ chính là sanh, già, bệnh, chết, cầu không được, yêu thương phải xa lìa, oán ghét phải ở cùng, năm ấm lũng lẫy. Cõi người chúng ta có đủ tám loại khổ nào này, người ở Dục giới đều có đủ. Ba khổ, loại thứ nhất là khổ khổ, chính là chỉ tám khổ. Tám khổ là cái khổ trong Dục giới. Hoại khổ là loại thứ hai, hoại khổ là cảm thọ của chúng sanh cõi Sắc giới, họ không có khổ khổ nhưng có hoại khổ, cảnh giới của họ không thể giữ gìn không hư hoại, gọi là vui hết thì khổ sẽ đến, vui quá thì sanh bi. Loại thứ ba là hành khổ, hành khổ là người ở Vô Sắc giới, từng niệm đều đang trôi qua, khổ nào như vậy. chúng sanh trong luân hồi sanh tử đều có những nỗi khổ này.

Còn *tập đế* nghĩa là triệu tập, hàng Thanh văn có thể hiểu rõ phiền não hoặc nghiệp là nhân triệu tập quả khổ sanh tử, cho nên gọi là tập đế, chính là nhân của khổ, khổ là quả của tập, đây là nói đến nhân quả của thế gian.

Hai loại *diệt* và *đạo* là nhân quả xuất thế gian. Diệt nghĩa là nói tịch diệt, đoạn trừ hết thấy phiền não, chính là chứng được niềm vui Niết-bàn tịch diệt, đây

chính là diệt đế. Đạo chính là nói con đường đi đến Niết-bàn tịch diệt, cũng chính là phương pháp chứng được Niết-bàn, tức là thông qua tu học giới định tuệ trong Phật Pháp mà chứng được diệt đế.

Đây là sanh diệt tứ đế mà Tạng giáo nói, thông thường chúng ta nghe thấy tương đối nhiều.

Còn Thông giáo nói đến là vô sanh tứ đế. Vô sanh tứ đế này chính là dùng “thể không quán” để thông đạt ngũ ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; ngay nơi thể của những pháp này chính là không, như huyễn như hóa, cho nên khổ không có tướng bức bách, tập không có tướng hòa hợp, diệt không có tướng sanh, đạo không có hai tướng.

Nói khổ không có tướng bức bách, thì người Thông giáo bèn hiểu rõ: ngay nơi thể của hết thảy vạn pháp chính là không thì làm gì có khổ bức bách chứ? Giống như nằm mộng vậy, ví dụ ở trong mộng bạn đang bị người đánh đập rất khổ. Đây là do bạn đang nằm mộng, không giác tỉnh. Nếu bạn tỉnh ra rồi, à bây giờ mình đang nằm mộng, đánh thì đánh đi, lập tức không có tướng bức bách nữa, cái khổ đó có thể đoạn trừ.

Tập đế chính là người Thông giáo, họ có thể hiểu rõ: cái nhân của việc khởi hoặc tạo nghiệp cũng là ngay nơi thể tức là không, cho nên không có tướng trạng hoặc nghiệp hòa hợp, ví dụ bây giờ bạn khởi phiền não muốn mắng người, khi phiền não vừa khởi lên thì người có trí tuệ lập tức có thể quán, biết được nguồn gốc của phiền não, phiền não từ đâu đến? Nó không từ đâu đến, nên ngay đó phiền não liền diệt, lại không biết sẽ đi đâu, không đến cũng không đi. Bản tánh của phiền não, thể của nó chính là không, mà bản thân bạn ở đó chấp trước nên tâm phiền não cứ tiếp nối không dừng được, cho nên bạn mới khởi tập, tập chính là tập nhân, triệu tập cái nhân của phiền não hoặc nghiệp này thì sẽ chiêu cảm quả khổ ở tương lai. Ngay đó, nếu chúng ta liền đoạn dứt tâm này thì không còn nữa, tìm tâm trọn chẳng thể thấy được thì đoạn trừ phiền não rồi.

Diệt đế chính là nói pháp quán mà người Thông giáo Tam thừa vận dụng để có thể thấy rõ cái khổ của năm ấm sanh tử vốn dĩ là không sanh, hiện tại diệt rồi thì cũng là không diệt, không sanh thì làm gì có diệt chứ? Cho nên gọi là diệt đế, diệt phiền não, diệt này vốn dĩ không có, bởi vì nó vốn không sanh thì làm gì có diệt phiền não chứ? Cho nên diệt là tướng vô sanh. Chẳng phải là tôi diệt phiền não, khởi lên một cảnh giới diệt trừ, không có, phiền não đoạn rồi thì chính là đoạn.

Phiền não vốn dĩ không có, bạn biết nó không có thì đó gọi là đoạn rồi, không phải nói cảnh giới đoạn phiền não lại xuất hiện, lại sanh ra rồi, không có chuyện đó, diệt là tướng vô sanh.

Đạo đế, đạo chính là chỉ cho pháp thánh đạo: giới định tuệ. Người căn tánh Thông giáo Tam thừa họ dùng những pháp thánh giáo thánh đạo này để đoạn tập, đoạn phiền não, mà những pháp này cũng là ngay nơi thể tức là không, nó không có hai tướng trạng, cho nên đạo không có hai tướng. Đạo đế là pháp đoạn phiền não không có hai tướng, nghĩa là nói chúng ta dùng thánh pháp giới - định - tuệ để đoạn phiền não tham - sân - si của chúng ta, phiền não vốn dĩ không sanh, thể của nó là không, không rồi thì đó gọi là diệt, chẳng phải là còn phải dùng một phương pháp nào đó để diệt. Pháp này vốn dĩ cũng không có, pháp cũng là ngay nơi thể tức là không.

Cho nên, tứ đế khổ - tập - diệt - đạo, hết thấy đều là ngay thể tức không, vốn dĩ là vô sanh, đây chính là vô sanh tứ đế. Chúng ta có thể học tập như vậy, thường quán chiếu như vậy thì trí tuệ sẽ ngày càng cao, ngày càng nhạy bén.

Đến thứ ba Biệt giáo là vô lượng tứ đế, lúc này Bồ-tát đã hiểu rõ hết thấy pháp ngay nơi thể tức là không rồi. Họ bèn muốn giáo hóa chúng sanh, cũng giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, biết được chân tướng của vạn pháp đều là không. Họ muốn giáo hóa chúng sanh, chúng sanh là vô lượng vô biên, cho nên họ phải vận dụng vô lượng vô biên pháp môn. Do đó “chúng sanh vô biên thế nguyên độ, phiền não vô tận thế nguyên đoạn, pháp môn vô lượng thế nguyên học, Phật đạo vô thượng thế nguyên thành”. Tứ hoằng thế nguyên này chính là nói vô lượng tứ đế.

Chúng sanh vô biên là vô lượng khổ đế, quả báo trong mười pháp giới là hoàn toàn khác biệt, có vô lượng tướng trạng, cho nên khổ có vô lượng tướng.

Tập đế tức là Bồ-tát thấy rõ chúng sanh trong mười pháp giới khởi hoặc tạo nghiệp mà chiêu tập lấy quả khổ sanh tử, tập đế này cũng là vô lượng, tức là phiền não vô tận. Bởi vì không chỉ là phiền não của chính mình, phiền não của chúng sanh, mà mỗi một chúng sanh đều là phiền não vô tận, Bồ-tát đều phải phát nguyện đoạn trừ tất cả phiền não của mình và người.

Đạo đế chính là nói dùng vô lượng đạo pháp để lợi mình lợi người, cho nên “pháp môn vô lượng thế nguyên học”.

Đến diệt đế thì Bồ-tát Biệt giáo thật sự có thể chứng được lý Niết-bàn tịch diệt. Điều này không giống như thiên chân Niết-bàn được chứng trong Tạng giáo và Thông giáo, mà họ chứng được đại Niết-bàn. Đây là Biệt giáo, cho nên chỗ chỉ quy của họ, mục đích của họ là đại Niết-bàn, là Phật quả vô thượng, chỉ có điều căn tánh của hàng Bồ-tát này vẫn chưa đủ nhạy bén, phải thông qua thứ lớp để tu học.

Đến Viên giáo, căn tánh của Bồ-tát Viên giáo là nhạy bén nhất, họ dùng vô tác tứ đế. Những Bồ-tát này chứng được cảnh giới lý sự vô ngại. Tứ vô ngại, tứ chính là sự vô ngại, lý vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Mỗi một pháp đều viên dung nhiếp thủ lẫn nhau, sự không chướng ngại lý, lý không chướng ngại sự. Những Bồ-tát Viên giáo này có thể quán chiếu đầy đủ hết thấy các pháp, ngay mỗi một sự việc chính là lý thể của chân như, sự sự tức là lý, không phải ngoài sự vẫn phải tìm thêm một cái lý nữa, cho nên không có hết thấy tạo tác. Gọi là “ám nhập giai như”, 5 ám, 12 nhập, bao gồm 18 giới, 12 nhập chính là 6 căn 6 thức, 18 giới là cộng thêm 6 trần, pháp pháp đều như, như chính là chân như, ngay nơi thể chính là chân như, cho nên “chẳng có khổ nào để xả bỏ cả”, khổ đế, cái khổ đó ở đâu? Chẳng có khổ nào để xả bỏ, khổ chính là chân như, pháp nào cũng là chân như.

Gọi là “trần lao vốn thanh tịnh, đâu có tập mà đoạn trừ”, tập đế là phải đoạn phiền não, phiền não phải đoạn trừ, nhưng trần lao, trần lao là phiền não, nó vốn dĩ thanh tịnh, phiền não cũng là chân như cho nên chẳng có gì để đoạn.

“Biên tà giai trung chánh”, biên tà, biên tức là hai bên, tà chính là tà kiến, “giai trung chánh”. Những kiến giải này trên thực tế thì thể của nó chính là trung đạo, cho nên “không có đạo để tu”, gọi là “phiền não tức Bồ-đề”, dâm - nộ - si chính là giới - định - tuệ, những thứ này chẳng có gì để đoạn trừ cả.

Giảng đến diệt đế, “sanh tử tức Niết-bàn”, cho nên “không có diệt đế chứng”. Người Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo ở phía trước muốn theo đuổi đại Niết-bàn. Tạng - Thông theo đuổi chân không Niết-bàn, Biệt giáo theo đuổi đại Niết-bàn. Người Viên giáo biết sanh tử chính là Niết-bàn, cho nên không có Niết-bàn để chứng, vậy thì đã chứng được Niết-bàn rồi. “Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề tát-đỏa”, họ thật sự biết rằng chứng Bồ-đề chính là chẳng có gì để chứng. Bạn cho rằng có cái để đắc thì sẽ không chứng A-nậu-đa-na tam-miệu tam-bồ-đề. Bởi vì do không có cái để đắc thì sẽ chứng được A-nậu-đa-na tam-miệu tam-bồ-đề. Đây chính là nói đến Viên giáo, cho nên hết thấy pháp đều là viên dung vô ngại, pháp pháp đều là chân như.

Nói qua về tứ giáo rồi, tiếp theo chúng ta sẽ xem lời nói đầu của đại sư Ngẫu Ích. Phía trước chỉ là một phần phụ thêm thôi, bây giờ chúng ta mới có thể lý giải được lời nói đầu mà đại sư Ngẫu Ích đã nói. “Tức từ” là nghĩa thứ nhất trong ba ý nghĩa của từ sa-di, nghĩa là dứt ác hành từ.

Tạng giáo là “dứt kiến tư ác, tu duyên sanh từ là Tạng giáo sa-di”. Bây giờ chúng ta đã biết Tạng giáo rồi, giáo này chính thức giáo hóa hàng Nhị thừa, kiêm giáo hóa hàng Bồ-tát, cho nên dạy người Tam thừa đoạn kiến tư ác, tức là kiến tư phiền não.

Kiến này chính là kiến giải. Kiến giải của chúng ta đều là ở trong hết thấy các pháp mà sanh khởi tà kiến, tức là kiến giải trái ngược với chân tướng sự thật. Ví dụ, thân kiến nghĩa là xem nhục thể hiện nay của chúng ta là chính mình, đây chính là thân kiến. Có người thế gian nào không cho thân thể này là chính mình chứ? Nhưng đây là thuộc về tà kiến.

Kiến ác cũng gọi là kiến hoặc. Kiến hoặc có đầy đủ năm loại lớn là thân kiến, biên kiến, giới thủ kiến, kiến thủ kiến, tà kiến. Vừa rồi đã nói thân kiến. Biên kiến chính là hai bên, thông thường nói “đoạn thường nhị biên”, cho rằng con người chết rồi thì không còn gì nữa, người chết như đèn tắt, đây chính là đoạn kiến. Thường kiến là cho rằng con người sau khi chết đi tương lai vẫn sẽ làm người, vĩnh viễn làm người, họ sẽ không đến nơi khác, không có sáu đường, sáu đường có thì có, nhưng người thì luôn làm người, heo thì mãi làm heo, đây chính là thường kiến. Hai loại này đều là tà kiến, còn có giới thủ kiến, kiến thủ kiến. Giới thủ kiến tức là kiến giải sai lầm từ trên nhân. Ví dụ Ấn Độ thời xưa có một số người ở trong thiên định nhìn thấy con trâu cả đời ăn cỏ, đến cuối cùng sanh lên trời, bèn cho rằng ăn cỏ là nhân để sanh lên trời, cho nên họ cũng ăn cỏ hy vọng được sanh lên trời. Đây là tà kiến ở trên nhân, trì giới trâu này, đây là giới thủ kiến. Kiến thủ kiến tức là tà kiến ở trên quả, ví dụ Ấn Độ xưa có người thiên định rất lợi hại có thể chứng được định của tứ thiên tứ không, thậm chí có thể đến trời cao nhất là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ trong Tứ Không thiên, chứng được thiên định như vậy thì có thể định được 80.000 đại kiếp, thời gian vô cùng dài lâu, họ cho rằng cảnh giới như vậy chính là Niết-bàn, đã được quả Niết-bàn rồi, đây chính là tà kiến từ trên quả. Rất nhiều tôn giáo đều cho rằng sanh thiên là cứu cánh. Đây chính là thuộc về loại tà kiến này. Còn loại thứ năm là tà kiến, ngoài bốn loại phía trước ra thì tất cả những kiến giải sai lầm khác thấy đều gọi là kiến hoặc, chia nhỏ ra tổng cộng có 88 phẩm.

Tư hoặc chính là tư tưởng sai lầm, gọi là tham sân si mạn nghi v.v..Những thứ này đều là sau khi 6 căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới 6 trần khởi lên vọng tưởng, chấp trước mà sanh khởi những phiền não này, cho nên gọi là tư hoặc. Tư hoặc của tam giới tổng cộng có 81 phẩm.

Có thể đoạn trừ được những kiến tư hoặc này, tu sanh duyên từ. Sanh duyên từ là gì? Duyên nghĩa là duyên hệ, duyên niệm. Từ chính là từ bi. Hàng Bồ-tát trong Tạng giáo thì các ngài có thể vận dụng tâm từ bi bình đẳng, duyên niệm hết thấy chúng sanh như đứa con mới sanh của mình vậy, giống như người mẹ yêu thương bảo vệ đứa con mới sanh của mình, yêu thương chúng vô điều kiện. Cho nên tâm của Bồ-tát Tạng giáo cũng rất bình đẳng. Các ngài yêu thương chúng sanh như yêu thương con nhỏ, cho nên dùng tâm đại từ bi để phổ độ cứu giúp hết thấy chúng sanh, khiến họ có thể lìa hết thấy khổ não, được niềm vui rất rạo. Đây là Tạng giáo sa-di, cho nên sa-di không hề đơn giản. Bạn xem Tạng giáo là thấp nhất trong bốn giáo cũng đều phải có tâm đại từ bi như vậy, nhưng tâm từ bi của họ do vì chấp có, cho rằng chúng sanh là thật có, tuy rằng có thể dùng tâm của người mẹ yêu thương con nhỏ để yêu thương họ, nhưng khó phá trừ được phiền não, vì trí tuệ không đủ.

Tiếp theo, “dứt kiến tư ác tu pháp duyên từ là Thông giáo sa-di”. Bồ-tát Thông giáo, những sa-di này đều là Bồ-tát sa-di, sa-di phát tâm Bồ-đề, họ có trí tuệ cao hơn Tạng giáo có thể “tu pháp duyên từ”, cũng chính là dùng trí tuệ bình đẳng để quán chiếu hết thấy các pháp đều là từ nhân duyên hòa hợp mà sanh ra. Đã là nhân duyên hòa hợp mà sanh ra thì không có chút tự tánh nào. Tuy không có tự tánh để đắc nhưng họ vẫn dùng tâm đại từ bi để cứu giúp hết thấy chúng sanh, cho nên họ cũng không chấp không, nhưng họ hiểu rằng hết thấy pháp là không mà độ hóa hết thấy chúng sanh thì chính là tu pháp duyên từ. Thông giáo sa-di này có thể đoạn kiến tư phiền não.

Tiếp theo, “thứ lớp trừ tam hoặc, tu tam từ là Biệt giáo sa-di”. “Tam hoặc” là chỉ ngoài kiến tư hoặc ở phía trước ra thì vẫn còn trần sa hoặc và vô minh hoặc. Kiến tư hoặc đã giải thích rồi, thế nào gọi là trần sa hoặc? Nghĩa là khi độ chúng sanh, Bồ-tát nhìn thấy kiến tư hoặc của chúng sanh vô cùng nhiều, số lượng như cát bụi vậy, để giáo hóa họ thì Bồ-tát phải tốn rất nhiều công sức. Cho nên nhìn thấy kiến tư hoặc của người khác thì chính là trần sa hoặc của mình, cho nên trần sa hoặc cũng gọi là biệt hoặc, là kiến tư hoặc của người khác. Kiến tư hoặc của mình

đã đoạn trừ rồi, nhưng muốn giúp người khác đoạn kiến tư hoặc cũng không dễ dàng. Do đó Bồ-tát phải học vô lượng pháp môn để độ vô lượng chúng sanh đoạn trần sa hoặc. Hoặc thứ ba là vô minh hoặc. Vô minh tức là không hiểu rõ thật tướng của hết thảy pháp. Loại hoặc này là chủng tử trong ý thức thứ tám, là gốc của hết thảy phiền não. Bậc thánh Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác còn không biết tên gọi của nó, cho nên căn bản không thể nói là đoạn được. Nhị thừa chỉ có thể đoạn kiến tư hoặc, họ không thể giúp chúng sanh đoạn kiến tư hoặc được, cho nên không thể đoạn được trần sa hoặc, còn vô minh hoặc thì căn bản là không biết. Chỉ có Bồ-tát Đại thừa, ở đây là nói Bồ-tát trong Biệt giáo, trong tình trạng định tuệ song tu, lục độ vạn hạnh đầy đủ thì mới có thể đoạn trừ được loại phiền não này, cho nên loại hoặc này cũng khác với hàng Nhị thừa, cũng gọi là biệt hoặc.

“Biệt giáo sa-di” là “thứ lớp đoạn trừ tam hoặc, tu tam từ”, vừa rồi đã nói đoạn trừ tam hoặc, còn phải nói tu tam từ nữa. Tam từ là nói hai loại, một loại là sanh duyên từ, một loại là pháp duyên từ. Còn loại thứ ba là vô duyên từ, tức là Bồ-tát vận dụng trí tuệ bình đẳng, họ không có tâm đi phan duyên với hết thảy chúng sanh, họ hiểu rõ ngay nơi thể của hết thảy chúng sanh chính là không, trọn chẳng thể được, chẳng những nhân không mà pháp cũng không, do đó họ đã diệt trừ được tâm phan duyên này, nên nhờ họ mà hết thảy chúng sanh tự nhiên đạt được lợi ích. Từ bi mà hàng Bồ-tát này vận dụng gọi là vô duyên đại từ. Loại từ bi này là phổ biến bao trùm hết thảy chúng sanh trong pháp giới, và có thể nhổ trừ nỗi khổ của hết thảy chúng sanh một cách tự nhiên, ban tặng niềm vui cho hết thảy chúng sanh một cách tự nhiên. Đây gọi là vô duyên từ. Giống như A-di-đà Phật xây dựng thế giới Cực Lạc tiếp dẫn hết thảy chúng sanh trong pháp giới đến thế giới Cực Lạc để hưởng phước, ở đó viên mãn thành Phật. Vậy A-di-đà Phật có động ý niệm hay không? Có khởi ý niệm đi phan duyên với hết thảy chúng sanh trong pháp giới không? Trong kiếp xưa ngài đã phát lời nguyện rộng lớn, tu nhân chứng quả mà viên mãn được nguyện lớn này. Bản thân ngài ở trong Thường Tịch Quang, nguyện lực tự nhiên đi giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Nhậm vận chính là tự nhiên, không cần tác ý, không cần phan duyên, chỉ cần bạn tương ưng với nguyện lực của ngài thì bạn sẽ được ngài giúp đỡ. Tương ưng như thế nào? Chúng ta có thể tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh độ thì tự nhiên sẽ được cảm ứng đạo giao với nguyện lực của A-di-đà Phật. Ngài không cần khởi tâm động niệm để tiếp dẫn bạn, mà bạn tự nhiên nhìn thấy ngài ở trước mặt tiếp dẫn bạn, tự động tự nhiên, đây gọi là vô duyên đại từ. Là hết thảy vọng tưởng, không khởi tâm, không động niệm, không

phân biệt, không chấp trước mà có thể phổ độ hết thấy chúng sanh trong pháp giới. Cho nên, Bồ-tát sa-di trong Biệt giáo có thể đoạn dứt tam hoặc kiến tư, trần sa, vô minh mà tu sanh duyên từ, pháp duyên từ, vô duyên từ. Cách tu hành này là tu theo thứ lớp. Phía trước nói đến Biệt giáo là tu hành theo thứ lớp, trước tiên đoạn trừ kiến tư hoặc, sau đó đoạn trừ trần sa hoặc, rồi mới đoạn trừ vô minh hoặc, sau đó tu theo thứ lớp, trước tiên tu sanh duyên từ, rồi tu pháp duyên từ, rồi mới tu vô duyên từ, tu theo thứ lớp như vậy là thuộc về Biệt giáo, tiếp theo:

“Nhất tâm viên mãn dứt tam hoặc, tu tam từ viên mãn là Viên giáo sa-di”.

Hạng này có căn tánh rất nhạy bén. Họ có thể trong nhất tâm mà tu viên mãn tam quán, tam quán là không - giả - trung, không giống như Biệt giáo phải tu tam quán theo thứ lớp. Trong nhất tâm tu không quán để đối trị kiến tư hoặc, biết hết thấy pháp là không, cho nên kiến tư phiền não liền không còn nữa. Trong nhất tâm tu giả quán, giả quán biết hết thấy pháp đều đầy đủ, hiểu rõ ràng tường tận, họ đều hiểu rõ nên độ hết thấy chúng sanh như thế nào, cho nên đoạn được trần sa hoặc. Trong nhất tâm tu trung quán, trung quán đoạn vô minh hoặc, cho nên tam hoặc trong nhất tâm liền được đoạn trừ viên mãn. Còn tam từ là sanh duyên từ, pháp duyên từ, vô duyên từ, trong nhất tâm liền viên mãn đầy đủ. Đây là nói đến sa-di trong Viên giáo. Căn tánh của các ngài vô cùng nhạy bén, cho nên nhất niệm viên thành, viên dung vô ngại.

Đây là giải thích qua về ý nghĩa của tức và từ. Cho nên, hàm nghĩa của sa-di vô cùng sâu rộng, không được xem đó là pháp Tiểu thừa, không được coi thường mà không học, dù cho đại tỳ-kheo cũng phải học tập.

Tiếp theo, ý nghĩa thứ hai của sa-di là “cần sách”.

“Tiếp theo là cần sách. Tinh cần khích lệ ra khỏi phần đoạn sanh tử là Tạng Thông sa-di. Tinh cần khích lệ ra khỏi biến dịch sanh tử là Biệt Viên sa-di”.

“Cần sách” nghĩa là tinh cần khích lệ, cũng có nghĩa là không phóng túng. Tu hành quan trọng nhất là không phóng túng, chúng ta trì giới chú trọng đến oai nghi của chúng ta, những điều này đều giúp chúng ta không phóng túng.

Trong kinh Đại Bát Niết-bàn có nói: *“Cẩn thận không phóng túng, chỗ này gọi là cam lồ, phóng túng mà không cẩn thận thì gọi là chết. Nếu người không*

phóng túng thì sẽ đạt đến chỗ bất tử, nếu là kẻ phóng túng thì luôn đi vào con đường chết”. Đây là bài kệ Phật nói trong kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ tám, nói rằng chúng ta tu học thánh đạo thì nhất định phải nhất tâm cung kính cẩn trọng, mỗi một sự việc phải toàn tâm toàn ý, cung kính cẩn trọng để làm cho tốt, đây chính là tu hành, tuyệt đối không được phóng túng. Phóng túng chính là không cẩn thận, chính là hời hợt, không có tâm cung kính. Có thể cẩn trọng không phóng túng thì “chỗ này gọi là cam lồ”, chỗ như thế chính là pháp cam lồ, cam lồ chính là thuốc bất tử. Đây là ví dụ cho Niết-bàn. Niết-bàn phải dựa vào không phóng túng, phải tinh cần cẩn trọng thì mới có thể đạt được. Nếu phóng túng không cẩn trọng, sáu căn của chúng ta phóng túng, không thể thu nhiếp, ba nghiệp thân khẩu ý rong ruổi trong cảnh giới sáu trần, vậy thì rất dễ hủy phạm giới pháp. Đây chính là đi về hướng con đường chết. Cho nên, phóng túng không cẩn trọng, đây chính là chữ chết, chúng ta nói thẳng ra thì chính là chết chắc rồi. Tiếp theo, “nếu người không phóng túng thì sẽ đạt đến chỗ bất tử”, bạn có thể nương theo thánh đạo trì giới tu định, tinh tấn tu hành như vậy thì chắc chắn có thể liễu thoát sanh tử thành Phật đạo, như vậy thì đạt đến chỗ bất tử rồi, vượt thoát khỏi hai loại sanh tử là phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử đều vượt thoát.

Cho nên đức Phật nói rằng: “*Ta vì A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, dù cho thân nát như trần bụi cũng quyết không từ bỏ siêng năng tinh tấn, vì sao vậy? Vì tâm siêng năng tinh tấn chính là nhân của A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề*”. Bạn xem, Phật tự nói rằng: “Ta vì A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề”, nghĩa là khi ta đang tu hành đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì dù cho thân thể ta tan nát, tức là tan xương nát thịt giống như vi trần, thì ta trước sau cũng không từ bỏ tâm siêng năng tinh tấn, vì sao vậy? Bởi vì sự siêng năng tinh tấn chính là nhân của A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Chúng ta chứng đắc Phật đạo vô thượng là do thông qua việc tu hành không phóng túng mà đạt được. Nếu phóng túng thì luôn đi vào con đường chết. Con đường chết là đại biểu cho lục đạo luân hồi, không cách gì thoát khỏi, cho nên chúng ta tu hành thì bình thường phải biết thu nhiếp thân tâm của chúng ta. Trên kinh Vô Lượng Thọ nói “*cử chỉ ngó nhìn an định từ tốn*”. An định từ tốn chính là oai nghi điềm đạm trang nghiêm, trật tự quy củ, không phải là hoảng loạn, tùy tiện, qua quýt. Bạn quyết nhà mà qua quýt, quyết xong vẫn còn rất nhiều bụi bần, kỳ thực bạn chính là phóng túng rồi, không có tâm cung kính cẩn trọng, đóng cửa, kéo ghế mà âm thanh đều rất lớn thì chúng tỏ sáu căn của bạn đang phóng túng, không thu nhiếp thân tâm. Ở trong chúng mà nói chuyện lớn

tiếng ồn ào, không coi ai ra gì, chẳng biết âm thanh của mình rất chói tai, rất ảnh hưởng đến người khác, đó là bản thân mình phóng túng, căn bản là không biết phải thu nhiếp thân tâm. Hạng người này chẳng thể nói đến tu hành được.

Cho nên tu hành trì giới, giới là gì? Trong kinh Lăng Nghiêm nói “nhiếp tâm là giới”. Bạn có thể thu nhiếp sáu căn của bạn lại, thân tâm thu nhiếp lại thì chính là trì giới. Chúng ta là người độn căn, nên Phật đã chế định cho chúng ta các giới điều, dùng các giới điều để giúp chúng ta thu nhiếp lại. Giống như một con vượn chạy nhảy khắp nơi vậy, bạn muốn nó ngoan ngoãn thì làm thế nào? Trước tiên hãy đeo cho nó một chiếc xích, đeo một chiếc xích vào cổ nó, cột vào gốc cây, nó cũng vẫn chạy nhảy, nhưng nhảy tới nhảy lui cũng không nhảy ra khỏi phạm vi bán kính của chiếc xích đó được, dần dần nó sẽ ngoan ngoãn, sau khi ngoan ngoãn thì sẽ thuần hóa, thì sẽ hiền hòa, sau đó bạn có thể cởi xích ra, mà nó cũng không chạy nhảy lung tung nữa.

Loạn tâm, tâm vọng tưởng phan duyên của chúng ta cũng giống như chú vượn này vậy, đi khắp nơi phan duyên trong cảnh trần. Bây giờ dùng chiếc xích giới luật này khóa chặt chúng ta lại, nó vẫn sẽ chạy nhảy lung tung nhưng chỉ ít nó sẽ có phạm vi nhất định, biết rằng không được quá trớn, giới có công dụng như vậy. Đợi đến khi tâm chúng ta dần dần điều phục được rồi, tĩnh lặng rồi, được định rồi thì tự nhiên không phạm giới nữa. Đây gọi là định cộng giới. Sau đó tâm điều phục rồi, tĩnh lặng rồi thì pháp của thánh đạo mới có thể đi sâu vào trong nội tâm chúng ta được, chúng ta mới có thể tương ưng, tương ưng thì có thể khai mở trí tuệ vô lậu, phá trừ phiền não, như vậy thì được đạo cộng giới, vậy thì thật sự sẽ không phạm giới nữa, chuyển phàm thành thánh. Cho nên, chúng ta trì giới mục đích chính là được định khai tuệ. Gọi là nhiếp tâm là giới, nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ. Nếu chúng ta chỉ giữ những giới điều này một cách cứng nhắc, không hiểu được trong cuộc sống hàng ngày phải thu nhiếp thân tâm, vậy thì bạn không thể được định, cho nên bản thân phải chú ý quan sát ngôn hạnh của mình, ở trong đại chúng cùng nhau tu học có một điều lợi ích, tức là khi bạn vừa phóng túng, vừa tùy tiện thì chắc chắn bạn sẽ làm người khác khởi phiền não, nó sẽ có tác dụng dội ngược lại, vừa dội ngược lại thì chính là dịp giúp bạn kiểm điểm lại chính mình, cho nên cùng nhau tu học ở trong chúng là mài dũa lẫn nhau. Tập khí của bạn và tập khí của tôi sẽ mài dũa lẫn nhau như vậy, dội ngược lại nhau. Trong khi bị dội ngược lại, quan trọng nhất là không được trách móc người khác, mà nên quay lại tu

sửa bản thân, như vậy là biết tu hành, tu hành như vậy sẽ nhanh. Bạn không biết tu hành, luôn nhìn lỗi của người ta mà không xét lại lỗi lầm của mình, vậy thì bạn đang ở đó tạo nghiệp rồi, phá hoại sự hòa hợp của tăng đoàn, vậy thì thật đáng tiếc.

Cho nên, tinh cần khích lệ có thể đoạn trừ kiến tư phiền não, như vậy chính là “Tạng Thông sa-di”. Tạng giáo, Thông giáo các ngài đều có thể đoạn trừ “phần đoạn sanh tử” ở trong lục đạo. Quả báo chiêu cảm trong lục đạo luân hồi chính là từng đoạn từng đoạn. Chúng ta từ khi sanh ra đến khi chết đi thọ mạng đều có hạn định, cho nên đây gọi là phần đoạn sanh tử. Chúng ta đoạn trừ kiến tư phiền não rồi thì phần đoạn sanh tử không còn nữa.

“Tinh cần khích lệ ra khỏi biến dịch sanh tử” chính là “Biệt Viên sa-di”. Biến dịch nghĩa là nhân thay đổi quả thay đổi, nhân thay đổi rồi thì quả cũng thay đổi theo. Như Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, đây gọi là Bồ-tát Tạng Thông. Các ngài tuy đã ra khỏi phần đoạn sanh tử trong ba cõi rồi, song vẫn còn biến dịch sanh tử trong cõi Phương tiện hữu dư, cõi Thật báo trang nghiêm. Tùy theo sự tu hành không ngừng tiến bộ của họ mà xả bỏ vị thứ phía trước để tiến lên vị thứ phía sau. Phía trước là vị thứ của nhân, phía sau là vị thứ của quả, cho nên không ngừng tu nhân chứng quả, gọi là nhân thay đổi quả cũng thay đổi, nhân thay đổi rồi thì quả cũng thay đổi theo. Đây gọi là biến dịch sanh tử, mãi cho đến khi viên mãn Bồ-đề thì đó chính là cực quả tối thượng, vậy thì không còn biến dịch nữa, đó là ra khỏi biến dịch sanh tử rồi. Đây chính là chỗ tu chỗ chứng của sa-di trong Biệt giáo, Viên giáo.

Vâng, hôm nay đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây trước, cảm ơn mọi người!

Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lãnh là chốn nương tựa

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 3

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 25/05/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành! A-di-đà Phật! Mời đề tay xuống!

Chúng ta tiếp tục học tập đoạn lời nói đầu của đại sư Ngẫu Ích. Hôm qua đã nói với mọi người về ba ý nghĩa của sa-di, đã giảng đến ý nghĩa thứ ba rồi:

“Thứ ba là cầu tịch, cầu thiên chân Niết-bàn là Tạng Thông sa-di. Cầu đại Bát-niết-bàn là Biệt Viên sa-di”.

Nghĩa của “cầu tịch” là nói cầu Niết-bàn tịch tĩnh. Thế nào gọi là cầu tịch? Phía sau nói với chúng ta là “thủy bốn hợp nhất”, nghĩa là thủy giác và bốn giác hợp thành một. “Cầu” chính là thủy giác, “tịch” chính là bốn giác. Bốn giác tức là sự giác ngộ vốn dĩ sẵn có rồi, không phải do tu mới có.

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói với chúng ta về ý nghĩa của bốn giác. Đoạn văn này vô cùng hay, nói rằng: “*Nghĩa của giác là tâm thể lìa khỏi vọng niệm, tướng trạng của lìa khỏi vọng niệm là trọn khắp hư không giới, không chỗ nào không có. Là pháp giới nhất tướng, chính là pháp thân bình đẳng của Như Lai, nương theo pháp thân này thì gọi là bốn giác*”. Đây là nói ý nghĩa của giác là gì? Cũng chính là nói tâm thể của chúng sanh chúng ta, bốn thể của tự tâm, nó lìa khỏi hết thấy vọng niệm, mà tướng trạng lìa khỏi vọng niệm là “trọn khắp hư không giới”, cũng tức là dọc cùng khắp ba đời, ngang trọn khắp mười phương, hết thấy thời gian, không gian đều ở trong tâm thể của một niệm này. “Không chỗ nào không có” tức là trùm khắp hết thấy mọi pháp giới, mỗi một góc ngách, mỗi một

chúng sanh, đây là nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể. Nói là trùm khắp, nếu đối với chúng sanh hữu tình thì gọi là Phật tánh, đối với chúng sanh vô tình thì gọi là pháp tánh. Nương theo bản giác này, cũng chính là pháp thân bình đẳng của Như Lai, thì gọi là bản giác. Bởi vì đây là linh tri linh giác vốn có, tùy duyên mà không biến đổi. Nói cách khác, hết thấy chúng sanh hữu tình, vô tình trong pháp giới đều vốn có linh giác. Linh giác tức là nói “thấy, nghe, hay, biết” của họ đều trọn khắp pháp giới.

Tiếp theo trong Khởi Tín Luận lại nói: *“Vì sao vậy? Nghĩa của bản giác là đối với nghĩa của thủy giác mà nói, được thủy giác rồi thì giống như bản giác vậy”*. Vì sao gọi điều này là bản giác vậy? Nghĩa của bản giác là đối với thủy giác mà nói. Thủy giác chính là bắt đầu khai ngộ, từ khi bắt đầu cho đến cuối cùng, giác ngộ viên mãn rốt ráo rồi thì giống như bản giác vậy. Lúc này chính là “thủy bản hợp nhất”. Cho nên, hai chữ “câu tịch” này chính là nói đến thủy giác và bản giác hợp thành một.

Vì sao nói có thủy giác? Chắc chắn có bất giác thì mới nói đến thủy giác. Cho nên, Khởi Tín Luận lại nói tiếp rằng: *“Nghĩa của thủy giác là do y theo bản giác mà có bất giác. Do y theo bất giác nên nói có thủy giác”*. Nghĩa của thủy giác cũng chính là y theo lý thể của bản giác mà nói. Bởi vì có bất giác, bất giác này chính là vô minh, vô minh vọng động, cho nên đối diện với tướng cảnh giới thì khởi lên các loại vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Mà bản giác này lại thuận theo nhân duyên của những ô nhiễm này nên thủy giác và bản giác đều không hiển lộ, do đó gọi là bất giác. Không phải nói không có bản giác, bản giác không hề mất đi, chỉ là không hiển lộ mà thôi. Bây giờ nếu bắt đầu giác ngộ rồi, từ trong mê hoặc, vọng tưởng, tạo nghiệp mà quay đầu thì đây gọi là thủy giác. Có thủy giác rồi thì bản giác tự nhiên liền hiển hiện, cho nên thủy giác là đối với bản giác mà nói. Thủy giác là do bất giác mà nói. Do có bất giác nên mới nói có thủy giác, cho nên bản giác này ẩn hiện là tùy theo các nhân duyên khác nhau. Tâm của chúng ta là chân vọng hòa hợp, chân tâm là bản giác, vọng tâm là bất giác. Sanh khởi trí tuệ thủy giác này chính là một quá trình từ bất giác đi đến bản giác. Điều này cần có nhân duyên. Nhân là lý thể bản giác của chúng ta. Bản giác có khả năng huân tu một cách tự nhiên, đồng thời chúng ta cũng cần có duyên. Duyên chính là thân cận thiện tri thức, nghe hiểu được chánh pháp. Như vậy mà tiến thêm một bước nữa tu hành

như lý, tư duy như lý thì dần dần có thể giác ngộ. Cuối cùng thủy giác sẽ hợp nhất với bốn giác. Đây gọi là ý nghĩa của “cầu tịch”.

Ở đây lại chia thành hai loại cầu tịch. Cầu được “thiên chân Niết-bàn” là thuộc về “Tạng Thông sa-di”. Thiên chân chính là nói ngũ ấm của chúng ta: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Điều này đã bao gồm cả thân tâm của chúng ta rồi, gọi là hai phương diện vật chất và tinh thần. Sắc chính là vật chất, thọ tưởng hành thức chính là tinh thần, bao gồm 12 nhập, 18 giới cũng chính là 6 căn, 6 thức, 6 trần. Tất cả những pháp này thấy đều diệt hết rồi thì chứng đắc được cảnh giới Niết-bàn không sanh không diệt. Đây gọi là thiên chân Niết-bàn. Loại Niết-bàn này chỉ chứng được pháp tánh thiên chân, đây là nói đối lập với bên ngoài sự tướng nhân quả. Sự tướng của nhân quả gọi là tục đế, loại pháp tánh thiên chân này chính là chân đế. Trong giáo lý của Tạng giáo, Thông giáo thì hai đế chân và tục này là khác biệt và không thể viên dung, cho nên gọi là thiên chân. Đây là nói theo giáo lý của Đại thừa. Trong giáo lý Đại thừa nói chân tục không hai, đây là chân tướng sự thật. Nói theo đạo lý “chân và tục không hai” thì chân đế này là chân đế bên ngoài sự tướng nhân quả, nên gọi là thiên chân, là nói như vậy.

“Biệt Viên sa-di” họ cầu là đại Niết-bàn, cũng tức là nói loại Niết-bàn “chân tục không hai” này là mục tiêu mà Biệt giáo và Viên giáo theo đuổi. Đại Niết-bàn cũng gọi là đại diệt độ, đại viên tịch. Căn cứ theo “Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập Chú - quyển thượng” có nói, đại chính là pháp thân đức, diệt chính là giải thoát đức, độ chính là bát-nhã đức, cho nên đại Niết-bàn này cũng gọi là đại diệt độ, chính là bí tạng của tam đức. Viên tịch, viên nghĩa là nói không đức nào chẳng đủ, đức nào cũng đầy đủ hoàn mỹ thì gọi là viên. Không chướng nào chẳng diệt tận thì gọi là tịch, hết thấy nghiệp chướng đều đã trừ hết, hết thấy công đức thiện pháp không có cái nào mà không tròn đầy; hết thấy chướng ngại, sở tri chướng, phiền não chướng, cái nào cũng diệt trừ hết rồi thì đây gọi là tịch, do đó gọi là đại viên tịch.

Đại diệt độ gọi là tam đức: pháp thân đức, bát-nhã đức, giải thoát đức. Tam đức này, tam là nói ba cái: pháp thân, bát-nhã, giải thoát. Trên thực tế một mà ba, ba mà một. Đức chính là nói tứ đức “thường, lạc, ngã, tịnh”. Thường nghĩa là thường hằng, không dời, không đổi, không chuyển dời, không thay đổi. Lạc nghĩa là an ổn, thanh tịnh, tịch diệt, là loại chân lạc như vậy. Ngã đây không phải là cái tiểu ngã mà phạm phu thường nghĩ. Cái ngã này là nói pháp thân đại tự tại, không có bất cứ chướng ngại nào. Tịnh nghĩa là lìa khỏi hết thấy ô nhiễm. Đây chính là

bốn loại công đức trên quả vị Phật, bốn đức này kết hợp với pháp thân, bát-nhã, giải thoát thì mỗi một thứ đều có bốn đức. Cho nên pháp thân đức sẽ có thường lạc ngã tịnh, bát-nhã đức, giải thoát đức cũng giống như vậy, đều đầy đủ thường lạc ngã tịnh.

Thế nào gọi là pháp thân? Pháp nghĩa là pháp tắc, chuẩn mực. Tất cả chư Phật đều từ những pháp tắc, chuẩn mực này mà tu hành thành Phật, cho nên gọi là pháp thân. Ở nơi chư Phật mà nói thì pháp thân không tăng, ở nơi chúng sanh mà nói thì không giảm, chúng sanh chỉ mê mất nó mà thôi, còn chư Phật thì chúng ngộ được nó nên được tự tại, chỉ khác biệt ở mê ngộ, còn thể tánh là thường hằng giống nhau, đầy đủ thường lạc ngã tịnh, điều này người nào cũng có sẵn, đó gọi là pháp thân đức.

Thế nào gọi là bát-nhã? Bát-nhã đức, bát-nhã dịch sang nghĩa tiếng Hoa là trí tuệ. Loại trí tuệ này không giống như trí tuệ của thế gian thông thường, cũng gọi là diệu trí tuệ, cũng tức là có thể hiểu rõ chân tướng của hết thảy pháp, là loại trí tuệ như vậy. Chư Phật hiểu rõ hết thảy pháp đều là không sanh không diệt, gọi là “các pháp từ xưa nay, tướng nó thường tịch diệt”, chư Phật có thể giác ngộ được điều này, các ngài biết hết thảy các pháp vốn dĩ đều là không sanh không diệt, không sanh không diệt chính là thường, vốn dĩ là thanh tịnh vô tướng, đây chính là lạc, vốn dĩ là bình đẳng không hai, đây là nói ngã. Ngã không phải nói đối với con người, phạm phu thì có nhân ngã, có đúng sai. Chư Phật chỉ có ngã, người chính là mình, người và mình là một thể, bình đẳng không hai, vốn dĩ chính là thanh tịnh, thanh tịnh này là loại thanh tịnh “không như không sạch, không tăng không giảm”, lìa khỏi hết thảy đối đãi. Đây là tướng trạng vốn dĩ của các pháp, chư Phật dùng diệu trí tuệ quán sát thấy, đây gọi là bát-nhã đức.

Loại thứ ba là giải thoát đức, giải chính là không bị trói buộc, thoát nghĩa là tự tại, có thể lìa khỏi hết thảy ràng buộc, tức là hết thảy trói buộc mà đạt được tự do tự tại, đây gọi là giải thoát. Người hiện nay có một danh từ gọi giải thoát là giải phóng. Giải phóng toàn nhân loại, đây là mục tiêu cao xa của chủ nghĩa cộng sản, trong nhà Phật nói đến giải thoát đức chính là giải phóng toàn nhân loại; không những giải phóng toàn nhân loại, mà là giải phóng hết thảy chúng sanh trong vũ trụ pháp giới, mình và người đều được giải phóng, đều được giải thoát tự tại, nó cũng đầy đủ thường lạc ngã tịnh.

Cho nên đại diệt độ chính là bí tạng của tam đức, là bảo tạng bí mật trong tâm tánh. Bí mật này không phải là không để người khác biết, chứ Phật hy vọng bạn biết, chỉ là bản thân bạn mê hoặc nên mới không biết, đối với người mê thì nói là bí mật thôi, bởi vì nó quá thâm mật, bày ra trước mặt mà bạn cũng không thấy được, từ ý nghĩa này nên nói là bí mật.

Làm thế nào để có thể chứng đắc được đại diệt độ này? Trong kinh Niết-bàn, kinh Niết-bàn có hai quyển, có quyển bắc và còn có quyển nam. “Kinh Niết-bàn quyển 26”, quyển bắc có nói thế này: *“Bồ-tát ma-ha-tát tu đại Niết-bàn thì đối với hết thảy pháp đều không thấy. Nếu như có thấy thì sẽ không thấy Phật tánh, không thể tu tập bát-nhã ba-la-mật, nên không vào được đại Bát-niết-bàn”*. Đây là nói đến Bồ-tát ma-ha-tát. Ma-ha-tát chính là nói đại Bồ-tát. Các ngài tu tập “đại Bát-niết-bàn”, chính là cầu tịch, đại diệt độ. “Đối với hết thảy pháp” tức là hết thảy tướng hiện hữu “đều không thấy”, đều hoàn toàn không thấy. Đoạn này rất sâu, nói rằng “đều không thấy” không phải nói nhắm mắt lại nên không thấy nữa, mà ý nói nhìn mà như không nhìn. Bởi vì hết thảy các pháp vốn dĩ chính là không, vốn dĩ không có, vốn dĩ không thể đạt được, chẳng những tướng không thể đạt được mà ngay đến tánh cũng không thể đạt được, cho nên đối với tánh tướng của hết thảy các pháp Bồ-tát đều không thấy. Nói không thấy chính là nói không thể đạt được. Trong Tâm Kinh nói “do không thể đạt được nên Bồ-đề tát-đỏa”, Bồ-đề tát-đỏa chính là chứng đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Bồ-tát an trụ ở trong cảnh giới đại Niết-bàn như vậy, không thấy tánh tướng của các pháp. Nếu nói có thấy thì không thấy Phật tánh, có thấy nghĩa là có cái để đạt được. Bạn nói vật này, cái thước này, tôi nhìn thấy cái thước, đây là thước của tôi, tôi có cái để đạt được rồi, nếu như vậy thì không thấy Phật tánh, tức là chấp nặng trên cái tướng này, chấp tướng thì không thấy tánh. Bồ-tát như vậy thì không thấy Phật tánh, cũng không thể tu tập bát-nhã ba-la-mật, không vào được đại Bát-niết-bàn. Họ chấp tướng thì không thể thấy được Phật tánh, không phải là tu tập bát-nhã. Người tu tập bát-nhã thì không chấp trước tất cả các tướng, cũng không chấp tánh, tánh cũng trọn chẳng thể đạt được. Người Thanh văn không chấp tướng nhưng các ngài vẫn còn chấp tánh, cho rằng có một pháp tánh thiên chân, như vậy cũng không chứng được đại Bát-niết-bàn. Cho nên lìa hết thảy tướng, hết thảy tánh thì mới có thể thật sự thấy Phật tánh. Đây chính là nói đến mật tạng của tam đức, đây là Biệt Viên sa-di. Sa-di trong Biệt giáo và Viên giáo mong cầu đại Bát-niết-bàn. Chúng ta xem tiếp phía sau:

“Lại nữa, Lô-xá-na dịch là tịnh mãn, dứt hết thấy ác nên gọi là tịnh, hành hết thấy từ nên gọi là mãn, do đó giới sa-di này chính là nhân chân thật của Lô-xá-na. Lại nữa Niết-bàn lấy không phóng túng làm thức ăn. Siêng năng khích lệ chính là không phóng túng, do đó giới sa-di này cũng là pháp thực của đại Niết-bàn. Lại nữa, tịch là lý của bốn giác, cầu là trí của thủy giác, thủy bốn hợp nhất thì gọi là cứu cánh giác, do đó giới sa-di này cũng chính là con đường lớn của cứu cánh giác”.

Mời xem đến đoạn này trước. “Lại nữa Lô-xá-na” dịch thành “tịnh mãn”. Lô-xá-na chúng ta đều biết, Lô-xá-na Phật có nghĩa là tịnh mãn. Thế nào gọi là tịnh? “Dứt hết thấy ác”, đây gọi là tịnh; hết thấy pháp ác, cái nào cũng diệt trừ rồi. “Hành hết thấy từ”, hết thấy những việc từ bi cứu giúp chúng sanh chẳng có việc nào mà không tận sức để làm, đây gọi là mãn. Cho nên nghĩa thứ nhất của sa-di gọi là tức từ, đây chính là “giới sa-di”, cho nên giới sa-di chính là “nhân chân thật” để Lô-xá-na Phật thành Phật. Do đó, muốn thành Phật thì nhất định phải nghiêm túc giữ tốt giới sa-di.

Thực tế mà nói làm sa-di cũng phải học thêm giới tỳ-kheo. Giới tỳ-kheo gọi là giới cụ túc. Cụ túc chính là “dứt hết thấy ác, hành hết thấy từ” được nói ở đây, cũng chính là đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, độ hết thấy chúng sanh, đây mới gọi là giới cụ túc. Có một điều không làm tốt thì đó không phải cụ túc. Sa-di cũng phải học thêm giới tỳ-kheo. Cho nên, bạn xem trong luật tạng nói phạm là giới điều của tỳ-kheo thì sa-di cũng sẽ đồng phạm, vì vậy nếu phạm giới tỳ-kheo thì sa-di cũng sẽ bị kết một tội. Do đó sa-di nói ở đây chính là nhân chân thật của Lô-xá-na. Đây là nhân chân thật của tịnh mãn.

Tiếp theo lại nói: “Niết-bàn lấy không phóng túng làm thức ăn”. Cảnh giới của Niết-bàn thanh tịnh tịch diệt là lấy không phóng túng làm pháp thực. Chúng ta có thể không phóng túng thì tâm của chúng ta trong cảnh giới năm dục sáu trần có thể “thường chuyên tâm nhất ý, niệm niệm thanh trừ phiền não”, thường thu nhiếp thân khẩu ý của chính mình, như vậy thì dần dần có thể thông đạt được cảnh giới Niết-bàn, cho nên Niết-bàn chính là dùng không phóng túng làm pháp thực. Thực này có nghĩa là nuôi dưỡng, làm sao có thể nuôi dưỡng ra cảnh giới Niết-bàn của chúng ta? Chính là phải bắt đầu làm từ không phóng túng. Nói cách khác, nếu người phóng túng giải đãi, tâm phan duyên trong cảnh giới năm dục sáu trần, không thể thu nhiếp lại được, vậy thì Niết-bàn sẽ không có phần, vĩnh viễn luân hồi

trong lục đạo, cho nên chúng ta học giới luật thì mục đích chính là thu nhiếp thân tâm.

Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói “thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, đây chính là phương pháp tu hành của người niệm Phật chân chánh. Đại Thế Chí Bồ-tát chính là sơ tổ của Tịnh tông, ngài dạy chúng ta “thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”. Thu nhiếp sáu căn bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu làm từ trì giới, dùng giới luật thu nhiếp hết thân - khẩu - ý của chúng ta lại, không phóng túng, vậy thì mới có thể thu nhiếp được, sau đó tịnh niệm của bạn mới có thể được tiếp nối, niệm Phật mới có thể niệm được thành phiên. Nếu không cố gắng trì giới, mà lại nói rằng tôi niệm câu Phật hiệu là được rồi, sáu căn ở trong cảnh giới năm dục sáu trần khởi lên tâm tham trước. Trong miệng mặc dù niệm Phật, mà trong tâm toàn khởi phiền não tham sân si thì đó không phải là niệm Phật. Cho nên, sơ tổ Tịnh tông là Đại Thế Chí Bồ-tát dạy chúng ta giống như đại sư Ngẫu Ích đề xướng vậy: trì giới niệm Phật. *“Trì giới niệm Phật vốn là một môn, tịnh giới là nhân, Tịnh độ là quả”*. Trì giới chính là thu nhiếp sáu căn, niệm Phật chính là tịnh niệm tiếp nối. Đây chính là pháp môn Tịnh độ.

“Siêng năng khích lệ” có nghĩa là “không phóng túng”, cho nên đây chính là “giới sa-di”. Giới sa-di giúp chúng ta siêng năng khích lệ không phóng túng, đây chính là “pháp thực của đại Niết-bàn”.

Tiếp theo lại nói “tịch” chính là “lý của bốn giác”, “câu” chính là “trí của thủy giác”. Tịch tức là nói lý thể, lý thể của hết thủy vạn pháp là tịch diệt, là không sanh không diệt, vốn tự thanh tịnh. Hiện nay, do chúng ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước nên không thể chứng được lý thể tịch diệt này, do đó mà luân chuyển chịu khổ một cách vô ích. Hiện nay là tu trí tuệ của thủy giác, bắt đầu giác ngộ rồi, thì phải dùng trí tuệ của quán chiếu để quán chiếu lý thể của bốn giác. Trí tuệ có thể quán chiếu này chính là thủy giác, lý thể được quán chiếu chính là bốn giác. Viên giáo chủ trương thủy giác chính là nhất tâm tam quán, tức không, tức giả, tức trung. Một niệm viên thành tam quán: không - giả - trung, ngay đó liền đem ba loại phiền não kiến tư, trần sa, vô minh đoạn trừ nên đạt được ba loại trí tuệ: nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí. Đây chính là cảnh giới giác ngộ rốt ráo, đây gọi là “cứu cánh giác”. Điều này chính là nói đến “giới sa-di”. Cho nên, giới sa-di cũng chính là con đường lớn để thành tựu cứu cánh giác. *Thông cù* chính là con đường lớn thông suốt, có thể trực tiếp đi thẳng tới đại Niết-bàn. Đi thẳng tới đại

Niết-bàn chẳng qua chính là siêng năng dùng trí tuệ quán chiếu của chúng ta, quán chiếu đến cuối cùng thì “thủy bồn hợp nhất”, cái tâm có thể quán chiếu và lý được quán chiếu hợp làm một, vậy thì trở thành cứu cánh giác rồi.

Chúng ta trì giới niệm Phật cũng là đang tu “thủy bồn hợp nhất” này. Hiện nay, chúng ta khởi tâm trì giới để thu nhiếp, bảo vệ thân khẩu ý của chúng ta, đây chính là thủy giác. Thân khẩu ý của chúng ta hợp với giới luật, phải biết rằng giới luật chính là do Phật chế ra, thân khẩu ý của Phật chính là giới luật, thân khẩu ý của chúng ta và thân khẩu ý của Phật hợp làm một thì đây chính là thủy bồn hợp nhất. Trì giới trì đến rốt ráo rồi, không cần khởi tâm động niệm cũng sẽ không phạm giới, vậy thì trì được tự nhiên, tự động rồi. Như Khổng lão phu tử đến 70 tuổi là “tùy tâm mong muốn cũng không vượt khỏi quy củ”, ngài dùng đạo của thánh hiền để tu thân, tu đến 70 tuổi, thì tùy theo tâm mong muốn cũng đều không vi phạm quy củ, vậy thì thành thánh nhân rồi. Chúng ta trì giới cũng vậy, trì đến thuần thục rồi, trì đến tự nhiên rồi thì tùy tâm mong muốn đều không phạm giới, đây là thành Phật rồi, đây là thủy bồn đã hợp nhất, cộng thêm niệm Phật, cái tâm có thể niệm Phật chính là thủy giác, chính là nhất tâm tam quán. Câu Phật hiệu này - bồn tánh của danh hiệu tức là không, đây là không quán, niệm câu Phật hiệu này rõ ràng rành rẽ, đây là giả quán; niệm đến niệm mà không niệm, không niệm mà niệm thì đây chính là trung quán, cho nên một câu Phật hiệu tức là không, tức là giả, tức là trung, đây chính là thủy giác, Phật hiệu được niệm chính là bồn giác, chính là pháp thân của Như Lai. Cái tâm có thể niệm và Phật hiệu được niệm hợp làm một, chính là thủy bồn hợp nhất, gọi là cứu cánh giác. Cho nên giới sa-di, chúng ta thông qua trì giới niệm Phật mà đạt đến cứu cánh giác, đây chính là con đường lớn, gọi là quang minh đại đạo, tiếp theo:

“Lại nữa tánh ác vốn không, tánh từ vốn đủ. Tâm tánh vốn không giải đãi phóng túng. Bồn tánh không tịch là lý tức sa-di. Đạt lý thọ giới là danh tự sa-di. Viên phục ngũ trụ là quán hạnh sa-di. Sáu căn thanh tịnh là tương tự sa-di. Phá hoặc hiển lý là phần chứng sa-di. Lô-xa-na gọi là tịnh mãn, đại Bát-niết-bàn vĩnh viễn xa lìa phóng túng, thủy giác bồn giác thâm hợp không hai là cứu cánh sa-di. Như thời Phật Đại Thông có 16 vị Vương tử là tấm gương chân thật của sa-di”.

Đại sư Ngẫu Ích viết quá hay, dùng giáo lý của “Thiên Thai lục tức” để giải thích rõ ý nghĩa của sa-di.

Tông Thiên Thai nói đến lục tức Phật, giống như ở đây nói lục tức sa-di, lục tức là nói đến sáu, chính là nói có thứ lớp là *lý tức, danh tự tức, quán hạnh tức, tương tự tức, phần chứng tức, cứu cánh tức*, đây gọi là sáu. Sáu tầng này nói rõ tu hành có thứ lớp cao thấp. Hiểu rõ thứ lớp này rồi thì người tu hành sẽ không sanh khởi tâm ngạo mạn, sẽ không nói “tôi vốn dĩ chính là Phật nên không cần tu nữa”.

Bạn vốn dĩ là Phật là nói lý tức Phật, hết thấy chúng sanh đều là lý tức Phật, bạn có chỗ nào vượt hơn người khác không? Không có, vậy nếu bạn không tu thì ngay đến danh tự tức cũng không phải, bạn chỉ là lý tức Phật mà thôi, nhưng đáng sanh tử thế nào thì vẫn phải sanh tử thế đó, đáng luân hồi thế nào thì sẽ luân hồi như thế đó.

Biết được có những giai đoạn thứ lớp khác nhau, thì chúng ta có thể biết được cách tu hành, giống như danh tự tức Phật, chính đại sư Ngẫu Ích đã nói mình chỉ là “vị trí danh tự trong chân Phật nhãn”, ngài nói chính mình chỉ là danh tự tức Phật, cũng tức là chỉ biết được những danh tự này trong Viên giáo, chưa thật sự đoạn trừ được phiền não, ngay đến công phu hàng phục phiền não cũng không có, đây gọi là danh tự tức, nhưng ngài đã biết được thật tướng của các pháp, so với lý tức Phật thì tốt hơn rất nhiều rồi. Lý tức Phật chỉ là trên lý tánh thì bình đẳng không hai với Phật, nhưng hoàn toàn không có tu hành, thậm chí ngay đến những đạo lý này của Phật cũng không biết, gọi là một vị Phật hồ đồ. Điều này là hoàn toàn nói trên lý tánh, còn trên sự tướng thì hoàn toàn trái ngược.

“Danh tự tức Phật” là biết danh tự của lý tánh tức Phật. Trên danh tự, chữ viết, lời nói thì có thể thông đạt hiểu rõ hết thấy các Pháp đều là Phật pháp. Nói cách khác, họ là người đã ngộ được tri kiến của Phật. Tri kiến của họ giống như Phật vậy. Trong Thiền tông nói đây chính là người đại triệt đại ngộ, trong Giáo hạ nói đây là người đại khai viên giải. Mặc dù họ chưa phục đoạn được phiền não nhưng tri kiến thì hoàn toàn giống như Phật rồi, họ đều có thể chú giải kinh luận giống như cổ Phật tái lai chú giải kinh luận vậy. Đại sư Ngẫu Ích thị hiện là danh tự tức Phật. Vậy chúng ta nghĩ xem, chúng ta có thể ngay đến danh tự tức Phật cũng đều không phải mà chỉ là lý tức Phật thôi, do đó làm sao có tâm ngạo mạn được chứ?

Nói đến “quán hạnh tức Phật” thì cao hơn danh tự tức Phật, chẳng những có thể biết rõ hết thấy pháp đều là Phật pháp, mà họ còn có thể dùng trí tuệ quán chiếu, trí tuệ có thể quán chính là trí tuệ bát-nhã, tương ưng với cảnh giới lý thể được

quán, đây chính là quán hạnh tức Phật. Những bậc này có thể phục được phiền não, giống như đại sư Trí Giả, ngài tự nói với mọi người rằng ngài chính là người ở địa vị quán hạnh, cao hơn đại sư Ngẫu Ích. Ngài nói, nếu mình không ra lãnh chúng sớm, khiến việc tu hành bị trễ nải thì bản thân có thể chứng được “lục căn thanh tịnh vị”. Lục căn thanh tịnh vị chính là tương tợ tức Phật ở phía sau, mà đại sư Trí Giả nói rằng ngài chỉ vãng sanh phẩm vị thứ năm. “Ngũ phẩm đệ tử vị” là thuộc về “ngũ phẩm quán hạnh vị”, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là cõi Phàm thánh đồng cư. Tương tợ tức Phật thì nhập vào cõi Phương tiện hữu dư.

Phẩm vị thứ năm là phẩm thứ năm nào? Căn cứ theo giáo lý của kinh Pháp Hoa thì thứ nhất là “tùy hỷ phẩm”, cũng tức là nghe được những kinh điển thâm sâu của Viên giáo, như sau khi nghe kinh Pháp Hoa thì có thể không hủy báng, không mắng chửi, mà có thể sanh khởi tâm tùy hỷ, nhìn thấy hết thảy chúng sanh thành tựu, tu tập hết thảy thiện pháp cũng có thể sanh tâm tùy hỷ hết thảy, đây gọi là tùy hỷ phẩm. Công đức tùy hỷ này vô cùng thù thắng. Mặc dù bản thân không làm, nhưng người khác làm rồi mà chúng ta có thể tùy hỷ thì công đức này cũng ngang bằng với họ. Ngược lại nếu đố kỵ với thiện pháp của người, đố kỵ với thành tựu của người thì tội nghiệp này rất nặng. Tu tùy hỷ, tùy hỷ nói ở đây chủ yếu là tùy hỷ thiện pháp trung đạo đệ nhất nghĩa đế trong Viên giáo.

Thứ hai là “đọc tụng phẩm”, tức là đọc tụng các kinh điển, đặc biệt là kinh điển của Viên giáo. Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều thuộc về Viên giáo. Kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ có thuộc về Viên giáo không? Đương nhiên là thuộc về Viên giáo. Đại sư Ngẫu Ích nói: chẳng những là Viên giáo mà còn là “áo tạng của Hoa Nghiêm, bí tủy của Pháp Hoa”, bảo tạng áo diệu của Hoa Nghiêm, tinh tủy bí mật của kinh Pháp Hoa đều ở trong một bộ kinh A-di-đà, một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên, chúng ta có thể đọc tụng thì công đức này cũng rất lớn. So với đọc những kinh điển khác càng thù thắng hơn. Đương nhiên, kỳ thực bản thân kinh điển không có cái gì là Tạng Thông Biệt Viên cả. Tạng Thông Biệt Viên là từ trên căn tánh của chúng ta mà phân ra. Ví dụ nói giới Sa-di, thông thường cho rằng đây là pháp Tiểu thừa, đây là Thanh văn tạng, đây là Tạng giáo, cao nhất là Tạng giáo, nhưng bạn xem lời nói đầu này của đại sư Ngẫu Ích thì Sa-di chính là Viên giáo, không phải Tiểu thừa, gọi là người viên dung thuyết pháp thì không pháp nào chẳng viên dung, đọc kinh như vậy mới gọi là biết đọc, không phải đọc kinh chết cứng, mà là đọc kinh sống động, tất cả kinh điển bày ra trước mặt bạn đều là kinh

điển của Viên giáo, đây chính là nhập vào đọc tụng phẩm. Cho nên, bạn xem đại sư Ngẫu Ích chú giải Tứ Thư, Tứ Thư là của nhà Nho, có người nói đây chẳng phải là kinh điển của ngoại đạo sao? Đây là kinh điển của ngoại đạo, bạn xem Tứ Thư Giải của đại sư Ngẫu Ích, đó chính là Viên giáo nhất thừa liễu nghĩa. Bạn không biết đọc thì bạn sẽ đọc chúng thành kinh điển ngoại đạo. Đại sư Ngẫu Ích biết đọc nên đọc thành Viên giáo.

Thứ ba là “thuyết pháp phẩm”, thuyết pháp phẩm cũng gọi là giải thuyết phẩm, tức là tuyên dương những lời giáo huấn này của thánh nhân. Phía trước là có thể tùy hỷ những giáo nghĩa này, có thể đọc tụng những kinh điển này, thì trong tâm sẽ có sự lý giải. Vì sao hiện nay chúng ta đọc tụng mà dường như không có sự lý giải gì vậy? Chính là do đọc chưa đủ. Người xưa nói “đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu”. Bạn đọc bộ kinh này 1.000 lần thì có thể lý giải được nghĩa lý đó, thật sự là “vô thượng thậm thâm vi diệu pháp”. Như kinh Vô Lượng Thọ tốt nhất chúng ta có thể đọc tụng 3.000 lần như vậy thì bạn có thể lý giải được. Bản thân tôi trước đây đã đọc 3.000 lần rồi, một ngày nếu đọc một lần thì một năm là 360 lần, trong mười năm có thể đọc xong. Nếu một ngày đọc ba lần thì ba năm có thể đọc xong, một ngày có thể đọc mười lần thì một năm có thể đọc xong rồi, dụng công như thế bạn chắc chắn sẽ vào được cảnh giới. Sau đó bạn lại đọc tụng, thọ trì điển nói cho người thì bạn thật sự có thể giáo hóa lợi ích chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh cũng nhập vào tri kiến của Phật. Cho nên, thuyết pháp cũng giúp đỡ đối với việc tu hành của bản thân, gọi là dạy và học cùng tiến bộ. Bạn xem, người quán hạnh vị coi việc thuyết pháp là một loại tu hành của bản thân, nó là một phương pháp để tự độ, kiêm thêm độ người. đối với thuyết pháp mà nói thì bản thân được lợi ích là lớn nhất. Bạn giảng bộ kinh này, bạn chắc chắn phải chuẩn bị bài giảng, hơn nữa chuẩn bị bài giảng phải rất cẩn thận, phải tư duy, có khi những giáo lý này bản thân không hiểu rõ lắm, làm thế nào đây? Lễ lạy trước Phật, lạy 300 lạy thì đột nhiên liền hiểu rõ rồi, vậy thì tiếp tục chuẩn bị [bài giảng thôi]. Thật sự dụng công trên cầu Phật đạo, dưới độ hóa chúng sanh, diễn thuyết chánh pháp cho chúng sanh, đây chính là tự độ độ người. Người thật sự có tâm thì phải gánh vác gia nghiệp của Như Lai, đặc biệt là người trẻ tuổi chúng ta phải phát tâm này. Bạn có thể thuyết pháp thì chính là tự độ, đây là một khoa mục tu hành của người quán hạnh vị. Tiếp theo thứ tư là “kiêm hành lục độ phẩm”, lục độ chính là nói lục độ Bồ-tát hạnh: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát-nhã của Bồ-tát.

Ở trên nền tảng như vậy, tức là ở trước đã có tùy hỷ, đọc tụng, thuyết pháp, cho nên đối với giáo lý này đã có thể thâm nhập thể hội, mà công phu quán chiếu cũng dần dần thành thực rồi, như vậy thì phải ở trên sự tướng mà hành lục độ vạn hạnh, lợi ích chúng sanh để rèn luyện bản thân, gọi là trải sự luyện tâm, rèn luyện trí tuệ quán chiếu của chính mình. Trong những phương pháp lợi ích chúng sanh vẫn gìn giữ được trí tuệ nhất tâm tam quán của mình, vậy thì phước đức không thể nghĩ bàn. Bồ-tát ở trên nền tảng tu hành chánh quán, kiêm hành lục độ, tức là kèm thêm độ hóa chúng sanh. Lúc này, độ chúng sanh vẫn không phải là công việc chính của chúng ta, mà là kèm theo, kiêm độ chúng sanh. Ở trong quá trình độ chúng sanh này mà rèn luyện sức quán chiếu của chính mình, đừng để bị chúng sanh độ đi mất, bản thân phải có thể như như bất động thì có thể độ chúng sanh, không khởi phiền não, chỉ sanh trí tuệ.

Đến phẩm thứ năm là “chánh hành lục độ phẩm”, ở giai đoạn này, pháp quán của Viên giáo đã tương đối thuần thực rồi, sự tướng và lý tánh cũng có thể thông suốt rồi, gọi là sự không chướng ngại lý, lý không chướng ngại sự, lúc này có thể tự hành hóa tha, xem đó là công việc chính của mình. Bởi vì khi làm các sự tướng tự hành hóa tha đều không mất đi trí tuệ quán chiếu, quán tâm không có chướng ngại, như vậy thì có thể khiến công đức càng thù thắng hơn, đây gọi là chánh hành lục độ. Lấy phước đức lớn để tăng trưởng trí tuệ quán chiếu của chính mình. Dùng trí tuệ quán chiếu để tu vô lượng phước đức, phước tuệ song tu. Như đại sư Trí Giả thị hiện cho chúng ta vậy, ngài chẳng những có trí tuệ, trí tuệ rất cao, giáo lý nhất tâm tam quán của Viên giáo là do ngài sáng lập ra. Bốn giáo của Thiên Thai đều được hoàn thiện trên tay của ngài, ngài sáng lập ra tông Thiên Thai, phước đức cũng không thể nghĩ bàn. Khi ấy ngài xây dựng rất nhiều tự viện, độ hóa rất nhiều người xuất gia, rộng tu các điều thiện, thật sự là vạn thiện cùng quy về Tịnh độ, đây là nói quán hạnh tức Phật.

Thứ tư là “tương tợ tức Phật”. Đây là nói người quán hạnh vị thông qua việc không ngừng tu pháp quán trong Viên giáo. Pháp quán này ngày càng rõ ràng, tâm ngày càng thanh tịnh. Tuy chưa thật sự chứng được lý tánh, tức là chứng được pháp thân, nhưng đối với chân lý, lý thể của pháp thân thì dường như đã thấy được rồi, giống như thật sự đã đích thân chứng được vậy, cho nên gọi là tương tợ tức Phật. Người đến được địa vị này thì mới gọi là tiểu tiểu thánh nhân của Viên giáo, sơ tín vị thì vào tương tợ tức Phật rồi. Viên giáo nói Thập tín, vị thứ trong Thập tín vị là

từ Sơ tín đến Thập tín, họ vẫn chưa chứng được pháp thân, nhưng người Thất tín vị đã đoạn được kiến tư phiền não rồi, ngang bằng với công phu đoạn chứng của A-la-hán, Bát tín thì giống như Duyên giác, Cửu tín thì chính là Bồ-tát, Thập tín thì giống như Phật rồi. Cho nên người Thập tín vị, theo phàm phu thấy thì họ thật sự giống như Phật rồi, là thánh nhân, nhưng đối với pháp thân đại sĩ mà nói thì họ vẫn chưa phải là thánh nhân, họ vẫn gọi là người ở trong địa vị nội phàm. Dưới quán hạnh vị thì gọi là ngoại phàm, tương tợ vị mới gọi là nội phàm.

Đến phần chứng vị rồi thì mới thật sự là thánh nhân, gọi là phá một phẩm vô minh chứng một phần pháp thân, gọi là “phần chứng tức Phật”. “Phần chứng tức” có 41 phẩm, gọi là Thập trụ vị, Thập hạnh vị, Thập hồi hướng vị, Thập địa vị, còn có Đẳng giác, tổng cộng có 41 phẩm phần chứng. Phần chứng tức là họ vẫn chưa viên mãn, viên mãn rồi thì gọi là “cứu cánh tức Phật”.

Giống như vừa vào Sơ trụ vị, Sơ trụ vị trong Viên giáo chính là phần chứng Phật, là Phật thật, không phải Phật giả. Tương tợ Phật vẫn là Phật giả, đến phần chứng thì chính là thật, giống như trăng ngày mừng một vẩy, tuy chỉ là một mặt trăng lưỡi liềm nhỏ, nhưng đó là trăng thật, sau đó không ngừng phá vô minh, thì mặt trăng sẽ càng ngày càng lớn, đến mặt trăng ngày 15 thì viên mãn rồi, đây gọi là cứu cánh Phật.

Ở Đông Độ chúng ta, ai có thể chứng được tương tợ tức Phật? Vừa rồi nói đại sư Trí Giả chỉ là quán hạnh vị Phật. Tuy ngài cũng là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đại khai viên giải, nhưng ngài chỉ là quán hạnh vị, bản thân ngài tự phán định nên việc này không sai được, người quán hạnh vị vãng sanh vẫn là cõi Phàm thánh đồng cư. Sư phụ của đại sư Trí Giả là thiền sư Huệ Tư, bản thân ngài tự phán định mình là tương tợ tức Phật. Ngài cũng nói như vậy: nếu tôi không bắt đầu lãnh chứng quá sớm thì đời này tôi có khả năng vào được phần chứng vị, hiện nay chỉ có thể đạt được lục căn thanh tịnh vị, chính là tương tợ vị. Tương tợ vị thì rất cừ khôi rồi, đó chính là thánh nhân. Người Sơ tín vị đã có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông rồi, đây là Sơ quả. Người Nhị quả thì có tha tâm thông, túc mạng thông, người Tam quả thì có thần túc thông. Các bậc này đều thuộc về tương tợ vị. Đương nhiên luận về Tứ quả, đó là nói theo Tạng giáo, nói theo thể của Thanh văn, nhưng sự hiểu biết của các ngài đối với vũ trụ nhân sanh là sự hiểu biết của Viên giáo. Tuy công phu đoạn chứng phiền não ngang với Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, nhưng trí tuệ thì còn kém xa các bậc thánh Tiểu thừa.

Trong lịch sử Trung Quốc chắc chắn có không ít những thánh nhân như vậy. Chúng ta thấy trong “Thần Tăng Truyện”, “Cao Tăng Truyện” đều có ghi chép, có một số vị pháp sư có thể bay trên không, như ngài Tế Công có thể biến hóa, các bậc này ít nhất là người trong tương tự vị. Đại sư Huệ Tư nói với mọi người: “tôi là người ở tương tự vị”. Điều này nếu không phải thật sự đã vào được cảnh giới mà họ tự nói như vậy thì thuộc vào đại vọng ngữ. Ngài chắc chắn đã vào cảnh giới này rồi, nhưng nói bản thân chưa vào được phần chứng chính là do mình lãnh chúng quá sớm, gọi là tổn mình lợi người. Dem việc nâng cao tu hành của bản thân trì hoãn lại, vì lợi ích chúng sanh. Đây gọi là Bồ-tát không cầu tự độ trước mà độ chúng sanh trước. Nhưng có một điểm là nhất định phải cầu sanh Tịnh độ. Nếu không cầu sanh Tịnh độ thì như đại sư Trí Giả là người ở quán hạnh vị vẫn phải đi luân hồi. Bạn nói xem có đáng sợ hay không? Đại sư Trí Giả được tán thán là tiểu Thích-ca của Đông Độ mà còn chưa đoạn được phiền não, ngài chỉ là phục phiền não mà thôi. Nếu những phàm phu như chúng ta thì chắc chắn không bằng đại sư Trí Giả rồi, thậm chí đại sư Ngẫu Ích của chúng ta cũng không sánh bằng. Đại sư Ngẫu Ích là người ở danh tự vị, giả sử không cầu sanh Tịnh độ thì chắc chắn đi luân hồi trong sáu nẻo. Dù bạn đại triệt đại ngộ, giống như đại sư Ngẫu Ích 24 tuổi khai ngộ rồi nhưng chưa đoạn được phiền não thì vẫn đi luân hồi.

Cho nên, từ lục tức của Thiên Thai thì chúng ta hiểu rõ được những đạo lý này, thật sự có lợi ích cho việc tu hành của chúng ta, sẽ không sanh khởi tâm cuồng vọng ngạo mạn. Chúng ta hiện nay chính là lý tức Phật mà thôi. Nhưng nói đến “tức”, tức này chính là tuy hiện nay chúng ta là lý tức Phật nhưng chúng ta tu đến cuối cùng thành cứu cánh tức Phật thì lý thể chúng được đều như nhau. Lý thể của chúng sanh chúng ta so với lý thể của Phật là không hai không khác, cho nên chúng ta cũng sẽ không sanh khởi tâm thoái lui. Đừng cho rằng chúng ta không được đâu, chúng ta làm sao có thể sánh với Phật được chứ? So với các bậc tổ sư đại đức chúng ta cũng không sánh bằng, chúng ta rất kém, cam tâm đọa lạc không chịu tiến lên, xem thường mình mà thoái lui. Hiểu rõ đạo lý của “tức” trong “lục tức” này thì bạn sẽ không sanh tâm thoái lui nữa. Trên lý chúng ta đã là Phật rồi, vậy tại sao không tu khiến cho thành Phật chứ? “Bổn giác vốn có, bất giác vốn không”. Đã là vốn có thì nhất định có thể khôi phục lại, đã là vốn không thì nhất định có thể trừ bỏ được. Điều này giúp chúng ta sanh khởi tín tâm, cho nên “tức” và “lục” này gọi là thứ lớp không chướng ngại viên dung, viên dung không chướng ngại thứ lớp. Đây là chỗ thù thắng trong giáo lý của Thiên Thai.

Chúng ta hiểu được đạo lý của lục tức rồi, bây giờ xem câu văn này: “*Lại nữa, tánh ác vốn không, tánh từ vốn đủ, tâm tánh vốn không giải đãi phóng túng, bốn tánh không tịch là lý tức sa-di*”.

Bây giờ chúng ta đều biết chính mình có ác nghiệp, có hành vi ô nhiễm. Bốn tánh của những hành vi này, của những ác nghiệp này là không tịch. Chúng sanh chúng ta đều có vọng tưởng phân biệt chấp trước, hết thấy ác đều là từ vọng tưởng phân biệt chấp trước mà sanh ra. Vọng tưởng ban đầu đều là không, không có tự tánh, cho nên “tánh ác vốn không”. Bạn nói vọng tưởng, nhị tổ Thiền tông là đại sư Huệ Khả, tâm của ngài bất an, tâm bất an chính là có vọng tưởng. Tổ sư Đạt-ma đưa tay ra nói: “Đem tâm của ông ra đây ta an cho”. Nhị tổ quay lại tìm tâm, tâm không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, tìm tới tìm lui cũng không tìm được, tìm tâm không thể được. Tổ sư Đạt-ma nói: “Ta đã an tâm cho ông rồi”, tâm của ông ta đã an xong rồi. Ngài Huệ Khả ngay lời nói đó bèn đại ngộ. Hóa ra bốn tánh của vọng tưởng chính là không, cho nên bạn muốn tìm sẽ không tìm thấy, không tìm thấy thì tâm liền an rồi, vốn là không có. Do đó, chúng ta nói tiêu nghiệp chướng, rất nhiều người đều đang bái sám cầu tiêu nghiệp chướng, nghiệp chướng làm sao mới có thể tiêu trừ?

Bạn phải biết bốn tánh của nghiệp là không, thật sự có thể hiểu rõ đạo lý này thì tâm sẽ không bị nghiệp trói buộc nữa. Nghiệp chướng đã tiêu trừ rồi. Cho nên, bạn xem trong “Chiêm Sát Sám”, đại sư Ngẫu Ích trước thuật “Chiêm Sát Sám Nghi” này, đặc biệt hướng dẫn chúng ta khởi loại quán này, nói với chúng ta nghiệp chướng vốn không, vốn đã là không thì tiêu trừ không khó, chỉ cần bạn buông bỏ, hàng phục được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì nghiệp chướng này sẽ tiêu trừ. Bốn tánh của ác này vốn là không, có thể lấy một ví dụ để nói rõ. Ví dụ như bụi bẩn trên tấm gương đồng, người xưa đều dùng đồng làm gương. Gương đồng vốn dĩ sáng sạch, nó có công năng chiếu soi, nhưng hiện nay có rất nhiều bụi bẩn ở mặt gương, cho nên ánh sáng của gương không hiển lộ. Bây giờ chúng ta dùng Phật pháp tu hành, giống như loại bỏ, lau sạch những bụi bẩn này đi vậy. Lau sạch những bụi bẩn này đi thì ánh sáng vốn có của gương đồng liền hiển lộ ra. “Ác” ví như những bụi bẩn đó, “từ” chính là tánh đức từ bi của bốn tánh, “tánh từ vốn đủ”, trong bốn tánh vốn dĩ đầy đủ những tánh đức này, giống như ánh sáng của gương đồng cũng là vốn đầy đủ vậy, không phải nói rằng lau sạch bụi bẩn đi thì nó mới biến thành có ánh sáng, nó vốn dĩ đã có ánh sáng rồi, hiện nay chẳng qua có bụi

bản nên chướng ngại ánh sáng mà thôi. Cho nên, tu hành không phải bảo bạn tăng thêm một chút gì đó, mà chỉ bảo bạn bỏ đi những thứ vốn dĩ không có mà thôi.

Bổn tánh của ác là không thì trừ bỏ nó đi, bổn tánh của từ vốn đủ, vốn dĩ đã có thì hiển hiện nó ra. Lại nói “tâm tánh vốn không giải đãi phóng túng”, tâm tánh vốn dĩ không có cái gọi là giải đãi phóng túng, vì sao nói như vậy? Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận có một câu giải thích vô cùng hay: *“Do hiểu rõ pháp tánh không có tướng của thân tâm, nên xa được sự giải đãi mà tùy thuận tu hành tỳ-lê-da ba-la-mật”*. Bởi vì có thể triệt để hiểu rõ pháp tánh, tức là chân như bổn tánh của chúng ta, trong ấy không có tướng trạng của thân tâm. Chúng ta nói tu hành dụng công đều là dựa vào thân tâm đúng không? Không có thân tâm thì bạn lấy cái gì để dụng công? Trong chân như pháp tánh vốn dĩ không có tướng trạng của thân tâm, cho nên tự nhiên cũng không có tướng trạng của tinh tấn, như vậy thì tự nhiên sẽ xa lìa được sự giải đãi. Không có thân tâm, thì đương nhiên không có sự giải đãi của thân tâm rồi, liền có thể tùy thuận tu hành tỳ-lê-da ba-la-mật. Tỳ-lê-da gọi là tinh tấn, tinh tấn ba-la-mật.

Thế nào gọi là thật sự tinh tấn? Tức là có thể tùy thuận theo pháp tánh mà tinh tấn, đây mới là thật sự tinh tấn. Rất nhiều người chúng ta chỉ biểu hiện trên hình tướng bên ngoài là rất tinh tấn, rất dụng công, liều cả thân thể của mình, có thể không ăn cơm, không ngủ nghỉ, ở đó làm, làm đến mệt mỏi mới thôi, đây không phải thật sự tinh tấn, trong tâm của họ vẫn còn khởi vọng tưởng, họ nghĩ gì vậy? Tôi đang tinh tấn. Đây chính là chấp trên tướng tinh tấn, đây không phải thật sự tinh tấn. Cho nên, trong tâm có cách nghĩ tinh tấn thì đã không phải là tinh tấn rồi. Thật sự tinh tấn là gì vậy? Thân tâm đều tùy thuận theo pháp tánh mà tu, an trụ trong chánh niệm, xa lìa tướng thân tâm, vừa không giải đãi, cũng không được có tướng tinh tấn. Đây gọi là vốn không giải đãi. Nói cách khác, tinh tấn như vậy chính là đầy đủ tinh tấn, tinh tấn như vậy mới thật sự không phóng dật, vĩnh viễn an trụ trong chánh niệm, an trụ trong trí tuệ quán tâm.

Đại sư Ngẫu Ích nói *“quán tâm là quan trọng”*, trong nhất tâm quán hết thấy pháp là không, hết thấy pháp rõ ràng phân minh, hết thấy pháp chẳng không chẳng có, cũng là không mà cũng là có, tức không, tức giả, tức trung, không mất chánh niệm, đây chính là thật sự tinh tấn.

Các pháp “vốn là không tịch”, nghĩa là vốn dĩ đều là không tịch, vừa rồi trích dẫn kinh Pháp Hoa có nói “các pháp từ xưa nay, tướng nó thường tịch diệt”, đây chính là nói vốn không tịch.

Mỗi một người chúng ta đều là như vậy. “Lý tức sa-di” cũng là như vậy. Nhưng hạng người như vậy chỉ là về lý thì giống với lý thể của Phật, còn sự tu hành của họ thì hoàn toàn không có, đây gọi là lý tức sa-di. Cho nên, từ trên ý nghĩa này mà nói thì mỗi người đều là sa-di, cư sĩ tại gia cũng có thể gọi là sa-di, nhưng là lý tức sa-di. “Đạt lý thọ giới” mới gọi là “danh tự sa-di”, đạt lý là hiểu rõ đạo lý này rồi, biết rõ hết thấy pháp đều là Phật pháp, gọi là đại khai viên giải, sau đó thọ mười giới sa-di như vậy thì vào địa vị danh tự sa-di. Chúng tôi hy vọng mọi người ít nhất là thật sự vào được địa vị danh tự sa-di, đừng chỉ làm lý tức sa-di.

Tốt rồi, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây, có chỗ nào giảng chưa được thỏa đáng xin chư vị đại đức phê bình sửa sai giúp.

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 4

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 30/05/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lư

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ tôn kính, cùng chư vị đại tỷ ni sư, chư vị cư sĩ đang xem trực tiếp trên mạng, chúc mọi người buổi chiều tốt lành! A-di-đà Phật! Mời đề tay xuống!

Chúng ta tiếp tục xem lời nói đầu trong “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu” của đại sư Ngẫu Ích. Bài giảng trước đã giảng đến “lý” của “Thiên Thai lục tức” kết hợp với sa-di, giảng đến lý tức sa-di và danh tự sa-di.

Hôm nay, xem đến quán hạnh sa-di:

“Viên phục ngũ trụ là quán hạnh sa-di”.

“Ngũ trụ” này là nói “ngũ trụ địa hoặc”. Phạm phu trong tam giới đều đầy đủ kiến hoặc, tư hoặc. Kiến hoặc ở trong tam giới gọi là một trụ, ngoài ra còn có tư hoặc của tam giới chia ra làm ba trụ, cộng thêm một cái căn bản vô minh nữa, tổng cộng là năm trụ. Bởi vì năm loại phiền não này có thể khiến hết thảy chúng sanh trụ dính vào trong sanh tử cho nên gọi là trụ địa.

Thứ nhất là “nhất thiết kiến trụ địa hoặc”, đây là nói loại kiến hoặc phân biệt ở trong tam giới. Hết thảy chúng sanh do ý căn khởi phân biệt đối với pháp trần bên ngoài mà sanh ra rất nhiều tà kiến, do đó mà trụ trước ở trong tam giới, cho nên gọi là nhất thiết kiến trụ địa hoặc, cũng gọi là “kiến nhất thiết xứ trụ địa”, đây chính là nói kiến hoặc. Nói tường tận thì chia ra thành 5 loại: thân kiến, biên kiến, giới thủ kiến, kiến thủ kiến, tà kiến, tổng cộng có 88 phẩm, điều này sẽ không triển khai ra để giảng nữa.

Loại thứ hai là “*dục ái trụ địa hoặc*”, đây là nói Dục giới trong tam giới, họ đều có dục ái, cho nên có loại tư hoặc này. Do năm căn là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân* đối với năm trần cảnh là *sắc, thanh, hương, vị, xúc* ở bên ngoài mà khởi lên tâm tham ái nhiễm trước, vậy thì trụ trước trong sanh tử rồi, cho nên gọi là dục ái trụ địa hoặc.

Loại thứ ba là “*sắc ái trụ địa hoặc*”, đây là nói Sắc giới đã hàng phục được dục rồi, nhưng vẫn có sắc ái, đây là trụ trước vào trong thiên định của Sắc giới mà sanh khởi tâm ái nhiễm, do đó cũng không thể lìa khỏi, đây gọi là sắc ái trụ địa hoặc. Sắc là nói thể giới vật chất, họ vẫn có vật chất, vẫn có sắc thân.

Đến loại thứ tư là “*hữu ái trụ địa hoặc*”, loại này thì đã nâng cao lên đến Vô Sắc giới rồi, không những đã buông bỏ dục ái của Dục giới, mà ngay đến sắc thân cũng đã xả bỏ rồi, đây là thuộc về Vô Sắc giới. Thông thường chúng ta nói linh giới thì ngay đến nhục thể cũng không có, cung điện cảnh giới gì đó v.v., những thể giới vật chất này đều không có, toàn bộ là thể giới linh tánh, nhưng do chúng sanh đối với loại tư hoặc này cũng không thể hiểu rõ, nên đối với tứ không định thâm sâu của Vô Sắc giới như vậy cũng sanh ra ái trước, đây gọi là hữu ái trụ địa hoặc.

Loại thứ 5 là “*vô minh trụ địa hoặc*”, chính là nói loại hoặc nghiệp của căn bản vô minh, là phiền não, phiền não căn bản vô minh. Bạc thánh Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác đã đoạn được kiến hoặc và tư hoặc của tam giới rồi, cũng tức là đã ra khỏi tam giới rồi, nhưng vẫn không biết chút gì đối với căn bản vô minh, bản thân ở trong vô minh hoặc này gọi là “chìm vào không, kẹt vào tịch”, kẹt vào trong thiên không Niết-bàn, an trụ ở trong cõi Phương tiện hữu dư, nên không cách nào đoạn trừ căn bản vô minh hoặc của mình, chỉ có Pháp thân đại sĩ trong Đại thừa mới có thể đoạn trừ được phiền não vô minh này. Đương nhiên đoạn trừ cũng có thứ lớp khác nhau, Viên giáo nói: Bồ-tát Sơ trụ trở lên là đã “phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân”. Đã phá được vô minh hoặc này rồi, nhưng muốn phá hết thì phải trải qua 41 thứ bậc. Những bậc Pháp thân đại sĩ này an trụ trong cõi Thật báo trang nghiêm, nhưng chưa hoàn toàn phá hết. Phá hết rồi thì toàn bộ Thường tịch quang hiện tiền, đó chính là viên mãn thành Phật rồi.

Cho nên hiểu được ngũ trụ rồi, chúng ta xem lại lời nói đầu của đại sư Ngẫu Ích. “Viên phục ngũ trụ”, tức là nói người Viên giáo nghe được những pháp nghĩa này của Viên giáo có thể khai ngộ được giáo lý của Viên giáo, có thể vận dụng nhất tâm tam quán, tam quán: không - giả - trung để quán chiếu nhất cảnh tam đế, tức là ba đế: chân - tục - trung. Không quán có thể quán chân đế, giả quán có thể quán tục

đế, trung quán có thể quán trung đế. Trí tuệ có thể quán chiếu như vậy chính là nhất tâm tam quán. Cảnh giới được quán chính là nhất cảnh tam đế, gọi là trí và cảnh tương ưng. Đây là đã hàng phục được phiền não của ngũ trụ rồi, loại người này gọi là viên phục ngũ trụ, gọi là quán hạnh vị Phật. Kết hợp với vị thứ của sa-di thì chính là “quán hạnh sa-di”, cho nên trí tuệ của loại người này rất nhạy bén. Bởi vì họ không những có thể phục được kiến tư phiền não, mà họ còn có thể phục được trần sa, vô minh phiền não. Hàng phục tức là những phiền não này không khởi hiện hành nữa, chưa đoạn trừ được gốc, nhưng họ có thể hàng phục được, dùng đá đè cỏ khiến chúng không khởi tác dụng. Trí tuệ này vượt qua tất cả phàm phu, thậm chí vượt qua cả bậc thánh Tam thừa của Tạng giáo. Bởi vì trí tuệ của Tạng giáo, Thông giáo không viên mãn, không giống như Bồ-tát Viên giáo, mặc dù công phu đoạn chứng phiền não vẫn không bằng Sơ quả của Tạng giáo, song trí tuệ của họ là của Bồ-tát Viên giáo. Cho nên, chúng ta huân tập Viên giáo thì công đức lợi ích này vô cùng thù thắng. Hiện nay dù chưa thể đoạn kiến tư phiền não, nhưng có thể hàng phục được, thì tương lai vãng sanh Tây Phương hoa nở thấy Phật thì lập tức thành Phật rồi, bởi vì đã là căn tánh của Viên giáo rồi. Tiếp theo:

“Sáu căn thanh tịnh là tương tợ sa-di”.

Đây là nói đến địa vị “tương tợ”, cũng gọi là địa vị “sáu căn thanh tịnh”. Vào được địa vị này thì ít nhất là đoạn được kiến hoặc. Phía trước chỉ là hàng phục, ở đây thì thật sự đã đoạn được rồi, sau khi đã đoạn trừ được thì vĩnh viễn không khởi lên nữa. Đoạn kiến hoặc thì ít nhất sẽ xuất hiện hai loại thần thông là thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông. Điều này không phải là do tu được, mà là do đạo lực tự nhiên cảm được thần thông. Từ Bồ-tát Sơ tín vị đến Thập tín vị trong Viên giáo đều thuộc về Bồ-tát tương tợ vị.

Trong phẩm “pháp sư công đức” của kinh Pháp Hoa có nói: *“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh Pháp Hoa này, hoặc là đọc, hoặc là tụng, hoặc là giảng nói, hoặc là viết chép thì người này sẽ được 800 công đức nơi mắt, 1.200 công đức nơi tai, 800 công đức nơi mũi, 1.200 công đức nơi lưỡi, 800 công đức nơi thân, 1.200 công đức nơi ý, dùng công đức này mà trang nghiêm sáu căn thì đều được thanh tịnh”*. Đây là nói đến sáu căn *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý* đều sanh ra rất nhiều công đức thù thắng, sáu căn đều có thể thanh tịnh. Lại nói rằng: *“Thiện nam tử, thiện nữ nhân này dùng mắt thị thanh tịnh mà cha mẹ sanh ra sẽ nhìn thấy tất cả núi rừng sông biển ở trong ngoài tam thiên đại thiên thế giới, dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến*

trời Hữu đảnh, lại thấy hết thấy chúng sanh ở trong đó cùng với nghiệp nhân duyên, quả báo, nơi sanh của họ, đều thấy hết biết hết.” Đây là nói đến tình trạng của nhân căn thanh tịnh, những người thiện nam, thiện nữ này họ đã vào lục căn thanh tịnh vị rồi, dùng mắt thịt mà cha mẹ họ sanh ra liền có thể nhìn thấy được tất cả núi rừng sông biển ở trong ngoài tam thiên đại thiên thế giới, dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến trời Phi Tướng Phi Tướng Xứ, đây gọi là trời Hữu đảnh, trong đó tất cả chúng sanh và nghiệp nhân duyên quả báo, nơi sanh ra của họ, hoàn toàn đều có thể hiểu rõ, có thể thấy rõ. Căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân, căn ý cũng giống như vậy. Trong kinh Pháp Hoa đều có giải thích tường tận. Cho nên người như vậy chính là thánh nhân.

Trong niên phổ của lão hòa thượng Hư Vân chúng ta thấy Hư lão ở chùa Cao Môn - Dương Châu. Nơi đây của chúng ta cũng có chùa Pháp Hải ở Dương Châu đang xem trực tiếp, tôi cũng nhìn thấy hiện trường mà các bạn đang ngồi. Chùa Cao Môn ở vùng phụ cận của Dương Châu, tôi đã từng đi tham quan rồi. Trước đây Hư lão đã ở đó đã thiền thất, ở trong thiền thất đó mà được khai ngộ. Sau khi khai ngộ, bạn xem trong niên phổ của ngài có nói, mắt của ngài có năng lực nhìn xuyên thấu, cách bức tường mà ngài có thể nhìn thấy người bên ngoài đang làm gì, tai có thể nghe thấy người ở nơi rất xa đang nói chuyện thì thào. Việc này ít nhất là đã đoạn được kiến hoặc rồi, rất có thể đã vào Bồ-tát Sơ tín vị rồi. Hư lão cũng nghiên cứu rất sâu đối với giáo lý Thiên Thai. Thiền tông nhất định phải nương theo giáo lý của Viên giáo thì cảnh giới mà bạn khai ngộ mới viên mãn, không bị thiên lệch. Dù công phu đoạn phiền não không cao, chỉ là đoạn kiến hoặc nhưng trí tuệ phước đức của bạn thì không thể nghĩ bàn. Người như vậy thật sự có thể làm chỗ nương tựa cho chúng sanh. Tương tự sa-di nói đến đây thôi. Tiếp theo nói rằng:

“Phá hoặc hiển lý là phần chứng sa-di”.

“Hoặc” chính là chỉ vô minh hoặc. Người tu hành tương tự vị ở phía trước chỉ là hàng phục, đoạn kiến tư phiền não, ít nhất đoạn được kiến hoặc thì mới vào được Sơ tín, sau đó đoạn hết từng phần 81 phẩm tư hoặc của tam giới, thì vào Bồ-tát Thất tín vị, lại hướng lên Bát tín, Cửu tín, Thập tín. Bát tín, Cửu tín chính là phục đoạn được trần sa phiền não, Bát tín là phục, Cửu tín là đoạn, đến Thập tín thì có thể hàng phục được vô minh phiền não, nhưng vẫn chưa đoạn, vừa đoạn được là phá một phẩm vô minh chứng một phần pháp thân, đây là vào phần chứng vị, chính là Sơ trụ của Viên giáo. 41 vị thứ của Viên giáo bắt đầu từ Sơ trụ trong Thập trụ, đến Thập hạnh,

Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, tổng cộng có 41 vị thứ đều thuộc về loại “phá hoặc hiển lý là phần chứng sa-di” này. Nếu xuất gia thọ giới sa-di rồi mà chứng được quả vị này thì đây là địa vị phần chứng sa-di. Người tại gia là phần chứng Bồ-tát, đây là đã đoạn được phiền não vô minh.

Tiếp theo, đến cuối cùng rốt ráo viên mãn rồi là cứu cánh vị. Chúng ta xem đoạn văn này:

“Lô-xá-na gọi là tịnh mãn, đại Bát-niết-bàn vĩnh viễn xa lìa phóng túng, thủy giác bốn giác thâm hợp không hai là cứu cánh sa-di. Như thời Phật Đại Thông có 16 vị Vương tử là tám gương chân thật của sa-di”.

Lô-xá-na gọi là tịnh mãn, nghĩa của Lô-xá-na Phật dịch sang tiếng Hoa là tịnh mãn, gọi là hết thấy ác đã tịnh sạch, hết thấy thiện đã viên mãn. Thật sự đã đoạn hết thấy ác, bao gồm kiến tư ác, trần sa ác, vô minh ác, toàn bộ đều đã đoạn hết. Hết thấy thiện đã viên mãn, tất cả thiện đều đã tu viên mãn, hết thấy chúng sanh đều đã độ hết rồi, đây chính là vị thứ viên mãn thành Phật.

“Đại Bát-niết-bàn vĩnh viễn xa lìa phóng túng”, không phóng túng chính là pháp thực của đại Bát-niết-bàn, ý nói chúng ta muốn thành tựu đại Bát-niết-bàn thì nhất định phải mãi mãi lìa xa phóng túng, an trụ trong không phóng túng. Thế nào gọi là phóng túng? Tức là buông lỏng chánh niệm của mình, dung túng phiền não tập khí của mình, đây chính là phóng túng.

Ví dụ chúng ta trì giới, ở trong cảnh giới bạn không thể cẩn thận thận trọng, mà tùy thuận theo tham sân si của mình vậy thì chắc chắn sẽ phạm giới. Ví dụ nói tham ái, tùy thuận theo tham ái, vậy thì sẽ tạo tác hành vi tham. Tùy thuận theo sân thì thường sẽ có hành vi nào hại chúng sanh. Tùy thuận theo si, ngu si là khó đoạn trừ nhất. Người nghiệp si nặng thì bản thân sẽ mơ mơ hồ hồ, hôn trầm, chánh pháp không cách nào vào tâm được, nghe chánh pháp sẽ ngủ gật, không học thì thôi, hễ vừa học là đầu liền gục xuống. Đây là nghiệp si rất nặng, vậy bản thân phải đối trị thế nào? Không phóng túng.

Nếu người thật tu đạo thì sẽ thật làm. Như xưa kia, thiền sư Cao Phong có tập khí hôn trầm rất nặng, vừa ngồi thiền là đầu liền gục xuống, làm sao đây? Ngài hạ quyết tâm liều mạng muốn hàng phục con ma ngủ của mình, cho nên ngài bèn ngồi thiền bên vách núi cao, chỉ cần vừa ngủ gật là chắc chắn sẽ rơi xuống, như vậy để ép bản thân, nhưng tập khí quá nặng, ngồi bên vách núi cao mà vẫn ngủ gật, kết quả,

“vù” một cái, bèn rơi xuống dưới. Khi ngài rơi đến giữa không trung thì biết: “xong rồi, xong rồi lần này thì mất mạng rồi”. Đột nhiên có một bàn tay lớn đỡ ngài lên. “Ngài là ai vậy? Ta là Bồ-tát Vi-đà, thấy ông dụng công tinh tấn như vậy nên ta đến hộ pháp cho ông”. Kết quả thiền sư Cao Phong nói: “xin cảm tạ Bồ-tát”. Trong tâm ngài cũng bắt đầu đặc ý: “xem ra ta vẫn có một chút công đức, Bồ-tát Vi-đà cũng đến bảo hộ ta”. Bồ-tát Vi-đà có tha tâm thông, biết được ngài khởi ý niệm này, tâm ngạo mạn khởi lên rồi nên nói với ngài rằng: “Trong sáu tiểu kiếp ta sẽ không hộ pháp cho ông nữa”. Sáu tiểu kiếp chứ không phải sáu năm, lúc này ngài cảm thấy rất chán nản: “Làm sao đây? Bồ-tát Vi-đà không hộ trì ta nữa, vậy còn phải đối trị phiền não của mình nữa hay không? Không được, vẫn phải đối trị. Không hộ trì nữa thì thôi, vẫn phải liều mạng để hàng phục ma quỷ”. Vậy là ngài lại tọa thiền bên vách núi, kết quả ma quỷ lại đến, lại ngủ gật, lại rơi xuống, rơi đến giữa không trung, ngài lại nghĩ: “lần này thì xong rồi, Bồ-tát Vi-đà cũng không đến bảo vệ mình nữa, mình chết chắc rồi”. Lúc này lại có một cánh tay nâng ngài lên, “ngài là ai vậy?” “Ta là Bồ-tát Vi-đà”, “chẳng phải ngài nói sẽ không hộ trì cho con sáu tiểu kiếp sao?” Bồ-tát Vi-đà nói: “đúng vậy, nhưng một niệm tinh tấn dũng mãnh của ông đã vượt qua sáu tiểu kiếp rồi”. Bạn xem đây là cổ đại đức thật sự dụng công, đây là tinh tấn không phóng túng, chẳng có phiền não nào mà không thể đối trị được.

Trước đây chúng tôi nghe giảng kinh, nếu thật sự ngủ gật thì làm thế nào? Quý ở trên đất, quý trên đất mà nghe, một là thể hiện sự thành kính của mình, thứ hai là đối trị với ma quỷ, dùng tâm chí thành cung kính để hàng phục những tập khí phiền não này của mình. Nếu không, bạn phải biết rằng những tập khí phiền não này đã được dưỡng thành từ vô thủy kiếp rồi, băng đóng ba thước chẳng phải do cái lạnh một ngày. Bạn không khắc cốt ghi tâm quyết chí để đối trị thì làm gì có chuyện dễ dàng hàng phục được như vậy. Cho nên, đối với việc tu hành mà nói thì không phóng túng là điều quan trọng nhất, chính là tinh tấn, tinh tấn là thiện căn duy nhất của Bồ-tát. Nói cách khác, bạn phóng dật không tinh tấn thì đã đoạn mất thiện căn của Bồ-tát rồi.

“Thủy giác bốn giác thâm hợp không hai”, thủy giác tức là bắt đầu giác ngộ, bốn giác là pháp tánh chân như mà mỗi một chúng sanh chúng ta vốn sẵn có, người nào cũng vốn đủ. Đây là nhân bên trong của chúng ta, cộng thêm dựa vào lời dạy bảo của thiện tri thức ở bên ngoài, thì bản thân có thể khởi được công phu quán chiếu. Đây là bắt đầu giác ngộ rồi, dùng trí tuệ bắt đầu giác ngộ này để quán chiếu, để đối

trị với phiền não tập khí, dùng trí tuệ nhất tâm tam quán để quán chiếu cảnh giới tam đế: chân - tục - trung. Dùng không quán để đoạn kiến tư phiền não, giả quán để đoạn trần sa phiền não, trung quán để đoạn vô minh phiền não, nhất tâm tam quán, tức không - tức giả - tức trung, ngay lập tức liền đoạn trừ được ba loại hoặc này, chúng được ba loại trí tuệ: nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí. Lúc này gọi là thủy giác và bốn giác thâm hợp không hai, không phân chia ra được, như nước hòa với nước, như sữa hòa với sữa vậy, đây là hợp lại cùng nhau, đây gọi là cứu cánh giác, “cứu cánh sa-di”. Lúc này những cái cần tu đều tu được viên mãn rồi, viên mãn thành Phật.

Tiếp theo là nêu ví dụ trong kinh Pháp Hoa, nói đến “Đại Thông Phật”, cũng tức là Đại Thông Trí Thắng Phật, cũng gọi là Đại Thông Chúng Huệ Như Lai, Đại Thông Huệ Như Lai. Trong kinh nói về thuở quá khứ 3.000 trần điểm kiếp về trước, ngài là vị Phật đã diễn thuyết kinh Pháp Hoa. Đây là câu chuyện được nói đến trong kinh Pháp Hoa, quyển ba, phẩm Hóa Thành Dụ. Vị Phật này trước khi xuất gia ngài là một vị quốc vương có 16 vị vương tử. Quốc vương xuất gia thành đạo rồi thì 16 vị vương tử cũng theo ngài xuất gia làm sa-di, nghe vua cha của họ là Đại Thông Trí Thắng Phật nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sau khi nghe pháp xong liền có thể tín thọ phụng hành, đều chứng đắc được quả vị viên mãn của Bồ-tát, rồi chia nhau lên pháp tòa tuyên thuyết rộng khắp bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Mỗi vị vương tử đều độ hóa 600 vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chúng sanh. Na-do-tha nghĩa là 100 triệu, 600 vạn ức na-do-tha, 100 triệu chính là một ức, 600 vạn ức ức Hằng hà sa. Cát trong sông Hằng nhiều như vậy, số lượng chúng sanh nhiều như vậy, cho nên tất cả 16 vị vương tử này đều chứng được Phật quả vô thượng rồi, chính là cứu cánh sa-di. Vương tử thứ 16 trong 16 vị vương tử chính là Bồn sư Thích-ca Mâu-ni Phật hiện nay của chúng ta. Vị thứ 9 chính là A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây gọi là “tám gương chân thật của sa-di”. Tám gương chính là mô phạm, gương mẫu. Chúng ta đã xuất gia rồi thì phải phát tâm làm đại trượng phu, phải phát tâm làm Phật. Tuy hiện nay vẫn chưa thọ giới cụ túc mà muốn làm cứu cánh sa-di chân thật thì phải phát khởi đại tâm này. Thành Phật, ai ai cũng có thể thành Phật. Trong kinh Pháp Hoa nói Long nữ 8 tuổi cũng có thể thành Phật, vậy thì ai chẳng thể thành Phật được chứ? Long nữ chưa xuất gia, mà còn là người nữ, còn là một con rồng ở trong dòng súc sanh. Nữ chúng trong dòng súc sanh đều có thể thành Phật, càng huống hồ cỡi người chúng ta? Càng huống hồ chúng ta đã xuất gia rồi, càng huống hồ chúng ta đã hơn 8

tuổi rồi. Cho nên, bản thân phải phát tâm đại Bồ-đề. Lục tức sa-di này xin nói đến đây. Tiếp theo chúng ta lại tiếp tục xem kinh văn:

“Sa-di oai nghi nói sa-di có năm đức: một là phát tâm lìa tục vì nhớ nghĩ đạo, hai là hủy bỏ hình đẹp để phù hợp với pháp phục, ba là cắt ái từ thân vì không có thân sơ, bốn là từ bỏ thân mạng vì tôn sùng tuân theo thánh đạo, năm là chí cầu Đại thừa vì độ chúng sanh”.

Quyển “Sa-di oai nghi” này chính là do sa-môn Cầu-na-bạt-ma người Trung Thiên Trúc phiên dịch vào thời Lưu Tống. Trong kinh này nói cho chúng ta về “năm đức của sa-di”. Trong kinh Cư Sĩ Thỉnh Tăng Phước Điền cũng có nói đến năm đức của sa-di.

Thứ nhất là “phát tâm lìa tục vì nhớ nghĩ đạo”. Sa-di đã cạo tóc, đắp y hoại sắc, chân thật phát tâm xuất ly, còn phải phát khởi tâm vô thượng Bồ-đề. Lìa tục tức là rời bỏ gia nghiệp, lìa khỏi những cảnh giới phạm tục này mà dũng mãnh tinh tấn tu đạo. “Hoài bội” nghĩa là cảm kích, thọ trì, trong tâm chỉ nghĩ đến đạo. Đối với cảnh giới năm dục sáu trần của thế gian thấy đều buông bỏ hết, không tiếm nhiễm chút nào, vui cầu xuất ly. Chúng ta sanh trong thời đại mạt pháp muốn thật sự xuất ly thì chỉ có dựa vào niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Cho nên, nhớ nghĩ đạo này, cụ thể mà nói chính là tâm tâm niệm niệm phát nguyện vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đối với mọi thứ ở thế giới Ta-bà này thấy đều buông bỏ, trong tâm không lúc nào mà không nhớ nghĩ đến A-di-đà Phật. Hoài chính là nhớ nghĩ, nhớ tưởng, nhớ tưởng thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây chính là nhớ nghĩ đạo, nhớ nghĩ thánh đạo. Bất luận là ở trong cảnh giới nào, thuận cảnh hay nghịch cảnh, như trong Luận Ngũ nói, trong lúc cấp bách nhất, hay trong lúc khốn cùng nhất cũng phải làm việc thuận theo lòng nhân đức, “không được lơ lửng phút giây nào, nếu lơ lửng thì không phải đạo”. Chúng ta không thể buông tay lơ lửng thánh đạo, dù là trong chốc lát. Người xuất gia nhất định phải trì giới, có thể trì giới thì mới có thể nhớ nghĩ đến thánh đạo được, giới cũng không giữ được thì bạn nhớ nghĩ đến thánh đạo gì chứ? Cư sĩ tại gia cũng như vậy, người tại gia ít nhất là phải thọ năm giới. Thọ giới rồi thì bạn phải cố gắng học giới vậy, vậy mới có thể trì giữ được như pháp. Nếu giới cũng không thể giữ thì nói gì đến tu định, khai tuệ đây?

Các vị nghĩa công ở chùa Giác Nguyên bên này của chúng ta do cô giáo Trần Tịnh Du lãnh đạo, ở nơi đây hộ trì tăng đoàn, đồng thời cũng cùng học giới niệm Phật. Hiện giờ tôi giảng bài cũng thấy các vị nghĩa công đang rất chuyên tâm nghe

giảng, đều đang nghiêm túc học giới, không ít người còn thọ Phạm Võng Bồ-tát giới. Ở đây cứ mỗi nửa tháng chúng tôi đều có tụng giới. Người xuất gia tỳ-kheo thì tụng giới tỳ-kheo, sa-di thì tụng 10 giới sa-di, còn có Di Giáo Tam Kinh. Người tại gia tụng năm giới, sau đó tất cả bốn chúng xuất gia tại gia đều cùng nhau tụng Phạm Võng Bồ-tát giới, tất cả những người đã thọ Phạm Võng Bồ-tát giới đều đến tụng. Có thể kiên trì giữ pháp mỗi nửa tháng tụng giới không bỏ, Phật nói đây là chánh pháp trụ thế. Nói cách khác, đạo tràng này chính là đạo tràng chánh pháp. Nếu không như vậy thì đạo tràng này không thể gọi là đạo tràng chánh pháp được. Đây là tiêu chuẩn mà Phật nói, được nói ở trong “Thập Tụng Luật”.

Càng hưởng hồ đạo tràng ngoài học giới, trì giới, còn có niệm Phật. Mỗi một tháng chúng tôi tổ chức một lần Phật thất. Trong Phật thất, buổi sáng, buổi chiều giảng kinh Vô Lượng Thọ hai cây hương, giải hành đều xem trọng. Trước đây, Phật thất không giảng kinh, niệm câu Phật hiệu đến nhất tâm bất loạn. Hiện nay vì sao phải giảng kinh vậy? Bởi vì người hiện nay niệm thế nào cũng không niệm được nhất tâm bất loạn, nên phải thông qua giảng kinh để khích lệ, để nhắc nhở, nếu không ở trong niệm Phật đường thì họ vẫn phóng túng, vẫn vọng tưởng, ngủ gật, hiệu quả không rõ ràng, cho nên Phật thất ở đây chúng tôi cũng phải giảng kinh Vô Lượng Thọ. Bình thường ở đây chúng tôi vẫn giảng A-di-đà Kinh Yếu Giải, chuyên tu chuyên hoằng pháp môn Tịnh độ, lấy trì giới niệm Phật làm tông chỉ tu hành, đây chính là chúng ta muốn nhớ nghĩ thánh đạo thì nên cụ thể thực hành như vậy. Dùng một đạo tràng để làm tốt như pháp như luật thì mới có thể ảnh hưởng đến những đạo tràng khác, dẫn dắt cả một khu vực, cả một đất nước, cả thế giới đều có thể khôi phục lại quy củ như thời Phật còn tại thế, công đức này là không thể nghĩ bàn.

Thứ hai, “hủy bỏ hình đẹp để phù hợp với pháp phục”. Đây là nói xuất gia cạo bỏ đi mái tóc. Tóc của người xuất gia không được để dài, để quá dài thì không có tướng của người xuất gia nữa, chỉ ít thấp nhất là nửa tháng phải cạo một lần, có khi nửa tháng cũng quá dài rồi thì một tuần phải cạo một lần, thậm chí ba ngày cạo một lần, râu cũng không được để quá dài, đây là nói nam chúng. Trong luật đều có nói, nếu để râu tóc quá dài thì phạm một tội nhỏ trong chương thứ năm.

“Hủy bỏ hình đẹp” còn bao gồm cả thân hình của chúng ta nữa. Cởi bỏ y phục của thế tục, trước đây có thể mặc Âu phục, cà-vạt, giày da, bây giờ thì không thể mặc nữa, tất cả những y phục trước đây đều phải bỏ hết, phải mặc pháp phục. Pháp phục chính là nói áo cà-sa của chúng ta, tỳ-kheo có ba y, tỳ-kheo-ni có năm y, sa-di phải

đắp mạn y, có ba loại màu là xanh dương, đen, nâu (cà-phê). Ba loại này đều không phải là màu chính, cho nên ca-sa gọi là y nhiễm sắc, nhuộm thành màu hoại sắc, tức là không phải màu chính, để trừ bỏ đi tâm tham cái đẹp của chúng ta, thể hiện tướng trạng ít muốn biết đủ. Đây chính là oai nghi của đức Phật năm xưa, chúng ta phải học tập. Phật mặc y phục gì thì chúng ta cũng mặc y phục đó, Phật sống như thế nào thì chúng ta cũng sống như thế đó, đây mới gọi là người xuất gia.

Cho nên ở đây chúng tôi yêu cầu chúng xuất gia khi quá đường ăn cơm đều phải đắp y trì bát. Oai nghi này chính là oai nghi của tất cả chúng đệ tử tỳ-kheo thời đức Phật năm xưa. Nếu không đắp y trì bát thì cũng sẽ phạm tội nhỏ trong chương thứ năm. Mặc những y nhiễm sắc này là thể hiện chúng ta đã từ bỏ hết những thứ tốt đẹp hào nhoáng mà người thế tục theo đuổi. Chúng ta ôm bát, ôm bát là để khát thực, khát thực chính là hạ thấp thân phận của mình đến mức thấp nhất. Ở trong xã hội, ăn xin là người nghèo khổ nhất, đập tan hoàn toàn tâm ngạo mạn của chúng ta. Phiền não ngã mạn là thứ sanh ra đã có, muốn hàng phục ngã mạn là điều rất khó. Phật dạy tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni chúng ta đều phải hạ vị thế xuống mức thấp nhất. Y phục mà người ta xem thường nhất, cảm thấy thấp kém nhất thì chúng ta lấy để mặc, thậm chí mặc y phẩn tảo, y bá nạp, vá rồi lại vá, vá rồi lại vá, đó gọi là y bá nạp. Ôm bát khát thực, nơi ngủ cũng không được ngủ ở trong những căn phòng thoải mái. Như gian phòng này của chúng ta thì rất tốt rồi. Năm xưa, đức Phật dẫn đệ tử ngủ ở đâu? Các ngài không ngủ, mà ngồi ở dưới gốc cây tọa thiền, đêm không nằm, hoặc là ngồi ở nghĩa địa, “chùng” nghĩa là mồ mả. Bên ngoài nơi đây của chúng ta đều là mồ mả, hôm nào đó chúng ta nên tổ chức ngồi ở bên ngoài nghĩa địa. Ở Đài Loan, tôi cùng mấy vị pháp sư đã thử qua cảm giác ngồi ở nghĩa địa rồi, rất có ý nghĩa. Buổi tối ở đó rất yên tĩnh, bạn muốn niệm Phật cũng được, tọa thiền gì đó, dụng công rất tốt, thậm chí có thể ở đó làm lễ Mông Sơn chuyên thí thực cho chúng sanh. Không sợ gió mưa, không sợ đói rét, khó nhẫn mà có thể nhẫn, khó hành mà có thể hành, đây là công phu tu dưỡng mà người xuất gia nên có.

Thứ ba là “cắt ái từ thân vì không có thân sơ”, “thích” là nói đến thân, “mạc” là nói đến sơ. Thích mạc nghĩa là thân sơ. Chúng ta xuất gia rồi thì gọi là cắt ái từ thân. Thân là nói người thân của chúng ta. Những ân ái như cha mẹ vợ con sẽ khiến chúng ta trói buộc nhau, vướng vắn nhau không cách gì xuất ly được. Bây giờ cắt bỏ những lưu luyến tình cảm này, đối với người trên thì gọi là thân, đối với người dưới thì gọi là ái, đều là tình chấp. Cắt bỏ tình chấp không phải là không từ bi hoặc là

không hiểu thuận, không phải vậy, mà là thay đổi cách thức hiểu thuận, từ bi, đổi thành đại từ bi, đại từ bi phổ độ chúng sanh. Tu tích công đức khiến cha mẹ quyến thuộc đều có thể nhờ công đức tu hành của ta mà được lợi ích thù thắng. Bản thân buông bỏ quan niệm thân sơ, mà bình đẳng đối đãi với hết thảy chúng sanh, không có nói đối với chúng sanh nào thì tôi đặc biệt thân cận, đặc biệt yêu thương, đối với chúng sanh nào thì tôi đặc biệt xa lánh, thậm chí có tâm yêu ghét lấy bỏ thì đây không phải là người xuất gia. Người xuất gia không thể có tâm phân biệt này được, mà chỉ giữ tâm từ bi bình đẳng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ hết thảy chúng sanh.

Trong Thiện Kiến Luận nói: “Bát sành đeo trên vai, lấy bốn biển làm nhà, biết ai mà thương ghét”. Bát sành là bát của người xuất gia chúng ta, có thể dùng sành để làm, cũng có thể dùng sắt để làm, chỉ có thể dùng hai loại vật liệu này để làm. Bát sành tương đối nặng một chút, bát sắt thì nhẹ hơn một chút. Như tôi thì dùng bát sành, rất nhiều người đều dùng bát sắt. Hiện nay có bát sắt hai lớp, cách nhiệt không bị bỏng tay. Đây là nói người xuất gia chúng ta ôm bát đi khát thực, lấy việc khát thực làm chánh mạng, gọi là “chén cơm xin của ngàn nhà, một mình xuôi vạn dặm đường xa”, khát thực thật sự có thể giúp chúng ta bỏ đi rất nhiều tâm phân biệt.

Trong thời gian tôi học giới ở Đài Loan đã nhiều lần được đi thể nghiệm việc ôm bát ra ngoài khát thực, đến những thôn xóm ở gần đó, gõ cửa lần lượt từng nhà từng hộ, không được lựa chọn, thấy nhà này cao rộng có thể sẽ bố thí nhiều, nhà kia nghèo khổ có thể sẽ bố thí ít, không được có tâm phân biệt này, gọi là khát thực theo thứ tự. Bạn bắt đầu từ nhà này, xin từng nhà từng nhà một, xin bảy nhà liên tiếp, gõ cửa mà không có người thì không tính, có người thì tính là một nhà, bất luận họ có cho bạn hay không thì đó cũng tính là một nhà. Họ cho bạn cái gì thì bạn cũng đều hoan hỷ đón nhận, Thậm chí họ không cho bạn mà còn mắng bạn nữa. Có đấy, có khi chúng tôi gõ cửa, họ vừa nhìn thấy chúng tôi liền nói: “Đi đi, đi đi! chúng tôi là tín đồ Kitô”, quát mắng bạn, chửi bạn rồi đuổi đi, vậy thì bạn cũng không được tức giận. Đây chính là bỏ đi tâm phân biệt của chúng ta. Người ta cho bạn cơm gì, cơm tối hôm trước lấy từ trong tủ lạnh ra thì bạn cũng phải nhận. Thậm chí có chút mùi rồi, bị chua rồi cũng phải nhận. Bản thân chúng tôi còn chuẩn bị một chiếc bếp cồn nhỏ, còn có một chiếc nồi nhỏ, khi đi hành cước đều đeo ở trên người. Sau đó vào trong nghĩa địa, sau khi khát thực xong thì vào trong nghĩa địa, sau đó buổi trưa ăn cơm, trước tiên đem đồ ăn đun nóng lên, nếu không thì ruột, bao tử của chúng tôi không chịu nổi những đồ lạnh đó, không giống như thời của đức Phật thuở trước, thể

chất của các ngài khỏe mạnh. Chúng tôi đun nóng đồ ăn lên, trộn lại với nhau để ăn, đồ gì cũng trộn lại với nhau. Tăng đoàn của đức Phật thời đó, bạn xem trong kinh A-di-đà nói có 1.250 người, đây là chúng thường tùy; 1.250 vị tỳ-kheo ấy đồng thời đến các thôn xóm để khát thực, sau đó trở về chỗ cũ, đem toàn bộ đồ ăn trộn lại với nhau, sau đó mọi người chia nhau để ăn, cho nên mỗi một bát cơm đều có cơm của ngàn nhà, thật sự là “chén cơm xin của ngàn nhà”.

“Một mình xuôi vạn dặm đường xa” là nói tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thì phải có bạn, tỳ-kheo có thể đi một mình. Đi một mình thông thường gọi là hành cước tăng, một mình đi vân du thiên hạ, trên người không được mang theo tiền. Mang theo tiền thì không được, đó là đi du lịch, hiện nay còn có thể tín dụng, vậy thì không thể coi là hành cước được. Hành cước thì không mang theo gì hết, có mang theo một bát, ba y một bát, còn có những y phục trên thân mình, sau đó đến nơi đâu thì ôm bát đi khát thực, khát thực đến đâu thì ngồi dưới gốc cây, ngồi ở trong nghĩa địa, ngồi trong bãi đất trống, chính là như vậy. Sau này chúng ta đều có thể tổ chức thử những việc này, ít nhất là thể nghiệm qua một chút. Bạn nói hằng ngày đều làm như vậy thì chúng tôi không chịu nổi, vậy ít nhất thử nghiệm qua vài lần thì bạn có thể hiểu được người xuất gia thời Phật như thế nào, và những vị hành cước tăng ở Trung Quốc thời xưa như thế nào. Lúc ấy, thật sự có thể đem rất nhiều sự phân biệt chấp trước của chúng ta, như chấp trước thân thể, chấp trước ăn ngon, chấp trước ngủ ngon, đem tất cả những tâm này buông xuống. Sau đó bạn trở lại liêu phòng của chúng ta thì cảm thấy giống như thiên đường vậy, mọi thứ đều không so đo nữa, như chúng ta ăn cơm ở Đại Liêu vậy, đồ ăn vô cùng ngon, đều là cao lương mỹ vị cả.

Tiếp theo, thứ tư là “từ bỏ thân mạng, vì tôn sùng tuân theo thánh đạo”. Từ bỏ chính là giao phó, đem toàn bộ thân tâm, tánh mạng của chúng ta giao phó cho Phật pháp, thật sự là đem sanh mạng giao cho long thiên hộ pháp, bản thân thì một lòng một dạ trì giới tu hành, tôn sùng tuân theo thánh đạo, đừng lo ngày mai mình không có cơm ăn thì sẽ như thế nào, người xuất gia thì đừng lo nghĩ đến những chuyện này. Đã xuất gia rồi thì hãy để toàn thân tâm vào việc tu đạo, dù ngày mai không có cơm ăn thì làm thế nào? Vậy thì ngồi niệm Phật, đợi A-di-đà Phật đến đón. Trên lý luận mà nói con người không ăn cơm, thậm chí không uống nước thì có thể chịu được qua bảy ngày. Như kinh A-di-đà nói hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc đến bảy ngày niệm Phật, bạn nhất định niệm được nhất tâm bất loạn. Ngay đến mạng cũng dám xả bỏ, vậy thì bạn còn có cái gì không thể xả bỏ được chứ? Bạn nhất định có thể được

nhất tâm bất loạn. “Khi mạng chung A-di-đà Phật cùng chư thánh chúng hiện ở trước mặt người ấy, người này lúc lâm chung tâm không điên đảo liền được vãng sanh về cõi Cực Lạc của A-di-đà Phật”. Chẳng phải bạn đang hy vọng điều này sao? Vậy thì phải thật làm, đừng đến lúc đó rồi lại sợ hãi, như Diệp Công thích rỗng.

Thành ngữ Diệp Công thích rỗng mọi người đã từng nghe nói chưa? Diệp Công là câu chuyện ngụ ngôn thời xưa, Diệp Công rất thích vẽ rỗng, hằng ngày đều vẽ rỗng, vẽ rất giống thật, kết quả rỗng trên trời thấy cảm động nên xuống để thăm Diệp Công. Kết quả Diệp Công thấy rỗng thật xuổng thì sợ hãi đến hồn xiêu phách tán. Hóa ra ông không phải thật lòng, không phải thật sự thích rỗng. Diệp Công thích rỗng, ông không phải thật sự thích rỗng mà chỉ thích vẽ tranh mà thôi, rỗng thật đến thì ông sợ chạy mất. Vậy chúng ta niệm Phật vãng sanh thì đừng như vậy, bình thường nói: “Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung”, thật sự đến khi bạn vãng sanh thì bạn lại sợ phải mất mạng, lại không dám nữa thì đây chính là giả, cho nên từ bỏ thân hình, từ bỏ thân mạng, vì tôn sùng tuân theo thánh đạo.

Ngay đến mạng tôi cũng đều có thể xả bỏ được, lấy đạo làm việc quan trọng, cho dù xả bỏ thân mạng cũng đều không thể trái nghịch với việc tu học giới định tuệ. Chúng ta chưa được định, chưa khai trí tuệ, thì ít nhất phải trì giới, như trong Phạm Võng Bồ-tát Giới nói “kiên trì giữ giới luật của Phật, dù xả bỏ thân mạng thì niệm niệm cũng không bỏ tâm này”. Chúng ta phải có tâm này, kiên trì giữ giới luật của Phật-đà. Người xuất gia ít nhất phải làm được 10 giới sa-di, phía sau còn có 26 môn oai nghi, bạn có thể làm được như vậy thì mới là người xuất gia đủ tư cách. Ngay đến giới sa-di cũng không làm được thì gọi là không đủ tư cách, không đủ tư cách tức là làm trái với lời giáo huấn của Phật, làm trái với lời giáo huấn của Phật thì có tội nghiệp rồi. Cho nên kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: “Nên hiếu với Phật, thường nhớ ơn thầy”, hiếu thuận với đức Phật, làm người con hiếu của đức Phật, vậy thì phải làm như lời Phật nói, như lời Phật dạy. Lời di huấn cuối cùng của Phật là dạy chúng ta “lấy giới làm thầy”, giống như giây phút cuối cùng cha mẹ dặn dò chúng ta vậy. Nếu chúng ta không cố gắng phụng hành, vậy thì chính là đại bất hiếu.

Đặc biệt người xuất gia gọi là Thích tử. Thích chính là Thích-ca Mâu-ni Phật, con trai của Thích-ca Mâu-ni Phật, tỳ-kheo-ni chính là con gái, đều gọi là Thích tử. Thích tử xuất gia nếu không giữ giới của Phật thì tức là giả làm sa-môn rồi. Trong kinh Địa Tạng nói quả báo này phải đọa vào địa ngục Vô Gián. Trong kinh nói với chúng ta, dùng tâm khinh mạn làm trái lời Phật dạy thì cho dù phạm tội nhỏ ở chương

thứ năm cũng đều phải đọa địa ngục chín triệu năm. Có người hỏi tôi vì sao tội nhỏ dẫm lên cỏ xanh mà vẫn phải đọa địa ngục chín triệu năm? Đúng vậy, bởi vì tâm của họ là dùng tâm khinh mạn làm trái lời Phật dạy. Rõ ràng Phật đã dạy chúng ta lấy giới làm thầy, mà chúng ta vẫn cố ý làm trái lời Phật, phạm rồi vẫn không nhận sai, vẫn cho rằng mình rất có đạo lý, đưa ra cả ngàn lý do để chứng minh mình có thể không trì giới. Đã không trì giới thì có sao bạn lại thọ giới? Bạn thọ giới làm gì? Bạn xuất gia làm gì? Xuất gia rồi thì bốn phận là phải thọ giới, trì giới. Không làm tốt những bốn phận này thì nói gì đến định, nói gì đến tuệ, nói gì đến niệm Phật tam-muội đây?

Cho nên, đại sư Ngẫu Ích nói: “Đã làm trái lời di ngôn cuối cùng của Thế Tôn thì có thể thành tựu được niệm Phật tam-muội sao?” Bạn đã làm trái lời di ngôn cuối cùng khi Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, tức là lời dặn dò cuối cùng của đức Phật, vậy thì bạn làm sao có thể thành tựu được niệm Phật tam-muội cho được? Bạn đã không hiểu thuận với Phật, tâm đã không tương ưng với tâm của Phật thì làm sao có thể thành tựu được niệm Phật tam-muội cho được? Cho nên, xuất gia nhất định phải học giới luật cho tốt trước. Điều này chắc chắn giúp bạn sớm thành tựu được niệm Phật tam-muội, sẽ không gây cản trở đối với việc thành tựu niệm Phật tam-muội của bạn, chỉ có giúp đỡ mà không có chướng ngại, ngược lại nếu không học giới thì chính là chướng ngại. Điểm này đại sư Ngẫu Ích nói vô cùng rõ ràng, trước đây tôi đã giảng rồi, không ngại thì tôi cũng có thể đọc lại đoạn văn này cho mọi người nghe.

Đại sư Ngẫu Ích nói: “Trì giới niệm Phật vốn là một môn, tịnh tâm trì giới là nhân, Tịnh độ trang nghiêm là quả. Nếu bảo trì danh niệm Phật là đường tắt, còn tu học giới luật là đường vòng, đã làm trái lời di ngôn cuối cùng của Thế Tôn khi ngài sắp nhập Niết-bàn, vậy thì có thể thành tựu niệm Phật tam-muội được sao? Nhiều nghiệp chướng trần cấu trói buộc thì có thể sanh về Tịnh độ được ư?” Do không trì giới nên bạn sẽ có nhiều phiền não, nhiều trói buộc, nhiều tội cấu, làm sao có thể sanh về Tịnh độ được? Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, thân khẩu ý của bạn đều không thanh tịnh thì làm sao có thể sanh về Tịnh độ được? Cho nên chỗ này nói: “*Người nhất tâm niệm Phật thì nhất định phải nghĩ đến việc dứt ác ngừa lỗi mà tinh chuyên học giới luật*”. Người thế nào gọi là người nhất tâm niệm Phật? Đại sư Ngẫu Ích nói: nhất định phải tư duy rằng mình phải dứt ác ngừa lỗi, phải đoạn trừ ác nghiệp mà tinh chuyên luật học. Giới luật chính là giúp chúng ta dứt ác ngừa lỗi; ác nghiệp của bạn đều không trừ bỏ, bạn nói niệm Phật có thể thành tựu được không?

Lại nói: “*Người tinh chuyên giới luật mới chắc chắn có thể vãng sanh, mà nhất tâm niệm Phật thì hiện tại kế thừa và hưng long tăng bảo, khi lâm chung sẽ vãng sanh bậc thượng phẩm, sự vi diệu của pháp môn này thứ gì có thể vượt hơn được chứ?*” Bạn xem công đức lợi ích của người niệm Phật trì giới rất thù thắng. Hiện tại ở thế gian có thể thiếu long tăng bảo, thiếu là kế thừa, long chính là hưng long, phục hưng tăng bảo, hiện nay không nên gọi là phục hưng, hiện nay là cứu vãn tăng bảo. Đại sư Ngẫu Ích nói tăng chúng đã đoạn, tăng bảo đã tuyệt rồi, đây là lời nói thật, nhưng không dễ nghe. Dùng lời của đại sư Hoàng Nhất nói thì người xuất gia rất nhiều, làm sao có thể nói tăng chúng đã bị đoạn dứt chứ? Đó là nói đến giới thể. Người xuất gia chúng ta phải thọ giới sa-di, giới tỳ-kheo, nhưng nếu không có giới thể của giới tỳ-kheo thì nhiều nhất chúng ta chỉ được gọi là danh tự tỳ-kheo, danh tự sa-di, không có giới thể thật sự, nếu như vậy thì tăng bảo đã đoạn tuyệt mất rồi. Hiện nay muốn cứu vãn tăng bảo thì đại sư Ngẫu Ích, đại sư Hoàng Nhất đề xướng chính là mọi người phải lạy Chiêm Sát Sám, được luân tướng thanh tịnh thì có thể tự thọ giới tỳ-kheo, giới sa-di, giới Bồ-tát, thọ tất cả, sau đó cố gắng nghiêm trì giới luật. Đây chính là tăng bảo thật sự, như vậy dần dần phát triển mở rộng kế thừa phục hưng tăng bảo, công đức vô lượng. Tăng bảo có thể phục hưng thì Phật bảo và pháp bảo tự nhiên được phục hưng rồi. Hai bảo Phật và pháp là vật vô tình, do Phật đã diệt độ rồi, tượng Phật là vật vô tình, pháp bảo là kinh sách điển tịch cũng là vật vô tình. Tăng bảo là người hữu tình, họ có thể kế thừa hưng long tam bảo, vậy thì những thành viên trong tăng đoàn của chúng ta nên phát tâm này. Kế thừa hưng long tăng bảo, lâm chung nhất định được vãng sanh bậc thượng phẩm. Sự vi diệu của pháp môn này, pháp môn trì giới niệm Phật này, cũng chính là pháp môn Tịnh độ quá vi diệu thù thắng, thù thắng không gì sánh được. “Thứ gì có thể vượt hơn được chứ?” Có cái nào có thể vượt qua được pháp này chứ? Cho nên, từ bỏ thân mạng vì tôn sùng tuân theo thánh đạo, từ bỏ tất cả danh văn lợi dưỡng, năm dục sáu trần của thế gian, vì tất cả những thứ này đều là hư huyễn, đều là cảnh mộng. Chúng ta phải đề khởi chánh niệm, phải có trí tuệ quán chiếu, nhìn thấu thế gian này chính là một cảnh mộng huyễn, không có thứ nào là chân thật, cho nên thấy đều buông bỏ, là tôn sùng tuân theo thánh đạo.

Thứ năm là “chí cầu Đại thừa vì độ chúng sanh”. Chí hướng của người xuất gia chúng ta chỉ là cầu Phật pháp Đại thừa, không phải là pháp Tiểu thừa chỉ cầu tự lợi. Ngoài tự lợi còn phải lợi tha, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn, như vậy mới có thể thành Phật. Như đại sư Ngẫu Ích trước khi xuất gia mộng thấy đại sư Hám

Sơn, nói với đại sư Hám Sơn rằng: con không nguyện nghe pháp tứ đế, mà chí nguyện của con là cầu Đại thừa. Trong mộng cũng có chánh niệm như vậy, có thể thấy được chánh niệm của ngài rất chân thật, xuất gia là vì Đại thừa. Trong Đại thừa, chúng ta chí cầu Đại thừa Viên giáo. Đối với giáo lý của Thiên Thai phải đọc qua, đi sâu nghiên cứu, thì quan niệm này của bạn có thể khế nhập vào Viên giáo, đây là Đại thừa viên mãn nhất. Như chí nguyện xuất gia của đại sư Ngẫu Ích chính là khiến hết thầy chúng sanh trong pháp giới đồng thời thành Phật. Đây chính là giáo viên đốn, hết thầy chúng sanh trong pháp giới có thể cùng ta trong cùng một lúc, trong sát-na liền có thể đồng thời thành Phật. Bạn xem chí lớn này đã đến tột cùng, đến đỉnh điểm rồi, có thể làm được không? Đương nhiên có thể làm được, bởi vì pháp giới chúng sanh không rời khỏi tâm này của bạn, một niệm thành tựu. Thế nhưng muốn tu thành niệm này thì bạn phải khổ cực hạ công phu. Lý mặc dù đốn ngộ, nhưng sự phải tiệm tu. Tiệm tu bắt đầu khởi tu từ đâu? Bắt đầu tu từ trì giới, nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ, nhưng bất luận là trì giới hay tu định đều phải lấy quan niệm, trí tuệ của Viên giáo làm hướng dẫn, cho nên viên này, nhân viên thì quả sẽ viên. Do đó, xuất gia là chí cầu Đại thừa vô thượng Phật quả, vì độ người, vì độ tận hết thầy chúng sanh. Tiếp theo:

“Sách Truy Môn Cảnh Huấn nói ngũ đức ấy là việc quan trọng nhất của người xuất gia, năm chúng đều phải phụng hành, không phải chỉ có chúng nhỏ. Phụng hành cả đời chứ không phải chỉ lúc mới thọ”.

Trong sách Truy Môn Cảnh Huấn nói, bộ sách này có 10 quyển, là do những tăng nhân tông Lâm Tế thời nhà Nguyên bổ sung vào, sau đó tăng nhân thời nhà Minh cũng tiếp tục bổ sung thêm. Trong đó có rất nhiều lời dạy bảo của những bậc cổ thánh, cổ đức, tổ sư, như Quy Sơn Cảnh Sách Văn v.v. có hơn 170 thiên, là một bộ sách hay. Trong này nói đến năm đức của sa-di là “đại yếu” của người xuất gia, đây là việc quan trọng nhất.

“Năm chúng đều phải phụng hành, không phải chỉ có chúng nhỏ”. Năm chúng xuất gia bao gồm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni. Thức-xoa-ma-na, hiện nay rất nhiều nơi đều đã bắt đầu phổ biến giới thức-xoa-ma-na này, điều này rất tốt. Là nói nữ chúng xuất gia, tức là sa-di-ni, sa-di-ni đủ 18 tuổi trở lên có thể xin tăng đoàn ni cho thọ pháp thức-xoa-ma-na này, vậy thì tăng đoàn sẽ dùng pháp *Bạch tứ yết-ma* truyền thân phận thức-xoa-ma-na cho họ, có thể học pháp hai năm. Hai năm này ít nhất là qua hai mùa xuân, không đủ hai năm cũng được, nhưng thông

thường ít nhất phải qua hai mùa xuân, hai cái tết, cho nên ít nhất là một năm lễ một ngày mới được. Lúc này nếu không vi phạm sáu pháp chủ yếu của tu học, cũng không phạm trọng giới, Tăng đoàn xem xét thấy đủ tư cách thì mới có thể thọ đại giới tỳ-kheo-ni. Sa-di là nam chúng thọ giới sa-di, sa-di-ni là nữ chúng. Cho nên năm chúng xuất gia đều cùng vâng theo phụng hành, tức là thọ trì năm đức này, không chỉ là tiểu chúng. Tiểu chúng là sa-di, sa-di-ni.

“Cả đời phụng hành chứ không phải chỉ lúc mới thọ”, năm đức của sa-di là cả đời đều phải thực hành, thật sự là không thể rời xa dù chỉ trong chốc lát, không phải nói chúng ta đã thọ đại giới tỳ-kheo rồi thì có thể không học năm đức này nữa, không phải vậy, chỉ cần bạn là người xuất gia thì nhất định phải phụng hành, không được rời xa năm đức ấy, không phải chỉ những sa-di mới thọ giới.

Cho nên, chúng tôi giảng “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu” này, trên thực tế tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni cũng đều phải nghiêm túc học tập. Đây là nền tảng của giới tỳ-kheo, là nền tảng của giới Bồ-tát, nếu không có sa-di thập giới oai nghi này thì giới tỳ-kheo chắc chắn không thể giữ tốt được, giới phải có gốc. Gốc của giới tỳ-kheo chính là giới sa-di, vì sao bạn không giữ tốt giới tỳ-kheo? Bởi vì không có nền tảng của giới sa-di này. Hiện nay đã thọ giới tỳ-kheo rồi vẫn phải quay lại bổ sung khóa học này. Giới sa-di cũng có gốc, gốc là gì? Gốc là thập thiện nghiệp, còn có cả ngũ giới nữa. Ngũ giới thập thiện là điều mà người tại gia phải tu học, người xuất gia đương nhiên cũng phải tu học. Ngũ giới thập thiện thì người xuất gia và tại gia đều phải phụng hành, không chỉ là người tại gia. Tất cả giới luật đều là sự triển khai mở rộng của ngũ giới. Ngũ giới là cha của chư Phật, hết thầy chư Phật thành Phật đều là từ ngũ giới mà được. Ngũ giới cũng có gốc, gốc của ngũ giới thập thiện là gì? Chính là quan niệm nhân quả. Lão hòa thượng nói Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, đương nhiên cũng bao gồm những sách cùng loại ấy như: Văn Xương Đế Quân Âm Chấn Văn, Liễu Phàm Tứ Huấn, Du Tịnh Ý Công Ngô Táo Thần Ký, v.v.. Đây là những điển tịch liên quan đến nhân quả của nhà Nho và Đạo, chúng ta phải bổ sung những khóa học này.

Phía sau nhân quả vẫn còn một cái gốc căn bản nhất để làm người là Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy là nói về làm người, nói đến *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si*, nói về hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, v.v.. Những khóa học này chúng ta đều phải bổ sung học thêm. Gốc của bạn sâu dày vững chắc thì bạn mọc ra cành lá hoa quả mới có thể xanh tươi, ở trong gió mưa cũng không bị đổ ngã. Cho nên, hiện

nay chúng tôi giảng giới sa-di cũng là muốn giúp chúng xuất gia chắc chắn cái gốc này, cư sĩ cũng có thể dùng nó để cắm gốc. Bốn năm trước tôi có giảng qua “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu”, cách thức giảng lúc đó chủ yếu là kết hợp với ba cái gốc để giảng, cho nên giảng tương đối dễ hiểu, có thể xem như học tập ở giai đoạn đầu. Bên trong có nội dung của Đề Tử Quy, có nội dung của Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, tôi đem chúng dung thông lại để giảng giới sa-di này. Hiện nay, lần giảng này tương đối chú trọng đến phương diện giới luật, giới tướng khai - già - trì - phạm và cách sám hối, tôi sẽ dùng giới tỳ-kheo để quán thông với chỗ này. Cho nên có thể nói đây là giới thể căn bản của giới tỳ-kheo. Đây là lời trong sách Truy Môn Cảnh Huân nói.

“Từ chỗ này thấy được giới pháp sa-di bao quát tánh tu, thấu suốt nhân quả, há có thể coi là pháp Tiểu thừa được sao? Người thọ giới này phải hết lòng dụng tâm, ra sức nỗ lực, không nên tự xem thường mình mà thoái lui, không nên bỏ pháp này mà đi cầu pháp khác”.

“Từ chỗ này thấy được”, tức là từ đây mà xem, có thể hiểu rõ, “giới pháp sa-di”, chính là bộ “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu” này đã trọn vẹn bao gồm cả hai đức “tánh và tu” rồi, tánh đức và tu đức. Tánh đức là bốn giác, tu đức là thủy giác. Ở trước đã giảng rất rõ ràng ý nghĩa này rồi, thủy giác hợp bốn là giới sa-di, là nghĩa cầu tịch.

“Thấu suốt nhân quả”, gọi là “nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân”, từ nhân địa cho đến quả địa toàn bộ đều được bao trùm hàm nhiếp. Hiện nay bạn từ sơ phát tâm cho đến thành Phật, sơ phát tâm hiểu rõ đạo lý phát tâm rồi, từ lý tức sa-di đến danh tự sa-di, cho đến cuối cùng là cứu cánh sa-di, toàn bộ đều ở trong này. Cho nên, “thấu suốt nhân quả, há có thể coi là pháp Tiểu thừa được sao?” Đó rõ ràng là pháp Đại thừa, hơn nữa đại sư Ngẫu Ích còn nâng nó lên đến Viên giáo. Cho nên người thọ giới này, đã thọ giới sa-di hoặc vẫn chưa thọ giới sa-di, nơi đây của chúng ta cũng có, đã xuất gia cạo tóc rồi nhưng vẫn chưa chính thức thọ giới sa-di. Bởi vì có rất nhiều nơi ở Đại lục hiện nay đều như vậy. Xuất gia chỉ là thay đổi hình tướng của họ, nhưng chưa thật sự thọ giới sa-di, đắc được giới thể này, như vậy thì chẳng khác nào người thế tục, người thế tục cũng vậy, cũng phải học. Giới pháp sa-di này cư sĩ cũng có thể học. Đặc biệt là nghĩa công ở bên này của chúng ta có rất nhiều người đã thọ bát quan trai giới, vậy thì giống như học giới sa-di rồi, cho nên ở đây có những người chưa thọ giới, chúng ta có những sa-di, và ở chỗ tôi có người cầu

thọ bát quan trai giới cả đời. Như vậy cũng rất tốt, cũng giống như giới sa-di rồi, không hai không khác, hơn nữa họ cũng không giữ tiền bạc, vậy thì thọ cả 10 điều rồi. Có một điều không giữ thì không tính là giới sa-di, không tính là bát quan trai giới. Nhưng bản thân bạn thọ trì thì cũng biểu hiện ra tướng oai nghi như vậy.

Bất luận là thọ giới hay học giới này thì đều nên “hết lòng dụng tâm, ra sức nỗ lực”, tức là cố gắng dụng tâm, cố gắng nỗ lực, đừng tự khinh thường chính mình mà có thoái chuyển, có lui sụt, rồi sau đó không thể tinh tấn dụng công, thậm chí xả bỏ giới pháp sa-di này, đừng cầu Phật pháp thượng thừa nào nữa, như vậy thì sai rồi.

Vâng, hôm nay giảng đến đây thôi, có chỗ nào giảng không được thỏa đáng, xin mọi người phê bình sửa sai giúp, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 5

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 31/05/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, chư vị đại tỷ ni sư, chư vị cư sĩ đang xem trực tiếp ở trên mạng tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành! A Di Đà Phật, mời để tay xuống.

Chúng ta tiếp tục học tập lời nói đầu trong “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu” của đại sư Ngẫu Ích. Hôm qua đã giảng xong về năm đức của sa-di và đoạn văn nói trong sách “Truy Môn Cảnh Huấn”: “*Ngũ đức ấy là điều quan trọng nhất của người xuất gia, năm chúng đều phải phụng hành, không phải chỉ có chúng nhỏ. Phụng hành cả đời chứ không phải chỉ lúc mới thọ*”. Hôm nay, chúng ta bắt đầu từ đoạn: “*Trong Đại tạng kinh có bộ Pháp Thập Giới Và Oai Nghi*”, bắt đầu giảng từ đây:

“Trong Đại tạng kinh có bộ Pháp Thập Giới Và Oai Nghi đã mất tên người dịch, phần lớn lời văn rườm rà sai sót. Bộ Ba Ngàn Oai Nghi Của Đại Tỳ-kheo cũng mất tên người dịch. Bộ Nam Sơn Hành Hộ Oai Nghi phần nhiều nói về việc của đại tỳ-kheo. Đời gần đây có bộ Sa-di Thành Phạm thì bịa đặt trái với luật nên không thể tuân theo. Bộ Bách Trượng Thanh Quy thì đời nhà Nguyên bị trụ trì có tri kiến thể tục xuyên tạc càng đáng nhục nhã hơn. Riêng bộ Luật Nghi Yếu Lược của đại sư Vân Thê thì có phần cân nhắc hơn, có thể khế hợp với căn cơ [của chúng sanh] thời đại này, nhưng các pháp khai già, nặng nhẹ, sám hối vẫn chưa được rõ ràng. Nay tôi bắt đắ dĩ chủ yếu biên

soạn lại, y theo đó chia thành hai môn thập giới và oai nghi. Còn về pháp truyền giới là việc của đại tăng, nên ở đây không trích dẫn ra”.

Đây là đoạn văn cuối cùng trong lời nói đầu.

“Tạng trung” tức là trong Đại tạng kinh có một bộ sách gọi là “Pháp Thập Giới Và Oai Nghi”, đã mất tên người dịch, không biết ai là người dịch. Nó được đính kèm ở trong sách “Đông Tấn Lục”, nhưng ở đây đại sư Ngẫu Ích nói rằng “phần lớn lời văn rườm rà sai sót”, câu chữ phần nhiều rườm rà trùng lặp, hơn nữa có rất nhiều sai sót, do đó không thể tuân hành theo. Tiếp theo bộ “Ba Ngàn Oai Nghi Của Đại Tỳ-Kheo”, bộ kinh này cũng mất tên người dịch, ai là người phiên dịch, cũng mất tên người này rồi, cũng tức là nói bộ này có thể làm tham khảo, nhưng mức độ căn cứ thì bên trong có phần phóng đại. Tiếp theo là “Bộ Nam Sơn Hành Hộ Oai Nghi phần nhiều nói về việc của đại tỳ-kheo”, đây là bộ sách do Luật tổ Đạo Tuyên trước tác. Bên trong quả thực cũng có rất nhiều oai nghi mà tỳ-kheo cần có đủ, có thể cùng tham khảo với bộ kinh “Ba Ngàn Oai Nghi Của Đại Tỳ-Kheo”. Nhưng bộ Nam Sơn Hành Hộ Oai Nghi có rất nhiều sự việc thuộc về đại tỳ-kheo, sa-di cũng không cần thiết phải học trước, cho nên cũng không thể hoàn toàn dùng làm tài liệu cho sa-di được, nhưng có thể làm tài liệu cho những tỳ-kheo mới thọ giới, hoặc những người trước đây chưa được đào tạo thành sa-di một cách hệ thống mà đã thọ giới tỳ-kheo rồi, vậy thì bộ Nam Sơn Hành Hộ Oai Nghi thật sự là một bộ sách rất hay.

Tiếp theo là “thời gần đây có bộ Sa-di Thành Phạm”, bộ sách thời gần đây gọi là Sa-di Thành Phạm, bên trong có rất nhiều chỗ là “bịa đặt trái với luật”. Cho nên, đại sư Ngẫu Ích không hề khách sáo, y pháp không y nhân, có thể nào nói thế đó, giới luật thì phải hoàn toàn như pháp, vì bên trong không như pháp nên ngài cũng chẳng nể tình, mà thẳng thắn nói rằng bên trong có rất nhiều lời bịa đặt, tức là người biên tập dùng tư tâm của mình, suy đoán chủ quan rồi sáng tác ra, không có căn cứ, trái ngược với lời thánh ngôn lượng trong luật điển, cho nên “không thể tuân hành theo”.

Tiếp theo lại nói “Bách Trọng Thanh Quy”, bộ này trong Đại tạng có hai quyển, cũng gọi là “Sắc Tu Bách Trọng Thanh Quy”. Nguyên bản là thiền sư Bách Trọng Hoài Hải thời nhà Đường chế định ra thanh quy trong tông lâm, nhưng đến triều nhà Tống thì nguyên bản này đã thất lạc rồi, vô cùng đáng tiếc. Vào triều nhà Nguyên có một số tăng nhân phụng mệnh Thuận Đế triều nhà

Nguyên đã chọn dùng trước tác của đại sư Tông Trách Từ Giác. Ngài là một vị tổ sư của Tịnh độ tông và Vân môn tông triều nhà Tống. Họ lấy bộ “Thiền Uyển Thanh Quy” của ngài và bộ “Tòng Lâm Hiệu Định Thanh Quy” của pháp sư Duy Miễn v.v. làm mẫu, rồi biên tập lại thành bộ sách này, gọi là “Bách Trượng Thanh Quy”. Nhưng trong này đại sư Ngẫu Ích chỉ ra có rất nhiều nội dung gán ghép xuyên tạc, tức là trái ngược với nghĩa lý, tùy tiện khiên cưỡng gán ghép vào.

Nói rằng “đời nhà Nguyên bị trụ trì có tri kiến thế tục xuyên tạc”, tức là vào triều nhà Nguyên đã rơi vào tay những trụ trì có tri kiến thế tục, bị xuyên tạc gán ghép, trái ngược với nghĩa lý, gán ghép gương gao một cách tùy tiện, cho nên nói rằng “càng đáng nhục nhã hơn”, khiến người cảm thấy nhục nhã. Cho nên không thể dùng tình cảm trong Phật pháp được, như pháp và không như pháp đều có những quy tắc để tuân theo, không thể khiên cưỡng gán ghép được.

Tiếp theo: “Riêng bộ Luật Nghi Yếu Lược của đại sư Vân Thê” chữ độc nghĩa là chỉ riêng. Vân Thê chính là tôn hiệu của đại sư Liên Trì. Đại sư Liên Trì trước đây ở núi Vân Thê - Hàng Châu, đây là tên đạo tràng của ngài. Ngài là một trong bốn đại cao tăng thời nhà Minh, trước tác bộ “Sa-di Luật Nghi Yếu Lược”. Bộ sách này cũng rất đáng để tham khảo, có thể cùng với bộ “Sa-Di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu” này của đại sư Ngẫu Ích làm tài liệu bổ trợ. Trước đây tôi đã từng giảng rồi, giảng được một nửa thì dừng, nhưng nội dung trong này vô cùng hay, cho nên đại sư Ngẫu Ích nói rằng: “Có phần cân nhắc hơn, có thể khế hợp với căn cơ [của chúng sanh] thời đại này”. Có phần cân nhắc hơn, tức là nói rất suy xét cân nhắc. Đại sư Liên Trì nghiên cứu học tập rất nghiêm túc cẩn thận, cho nên văn tự viết ra quả thực cân nhắc rất kỹ lưỡng, nắm bắt chừng mực rất tốt. Có thể hợp với căn cơ thời đại, có thể phù hợp với căn cơ của chúng sanh trong thời đại này. Bộ sách này tuy đại sư Liên Trì thêm vào không ít ý của ngài, không hoàn toàn biên soạn ra từ trong Luật tạng, ngài có dung hợp với một số quan điểm tu thân của nhà Nho. Kỳ thực tổ sư làm như vậy dụng ý cũng là giúp đỡ chúng sanh chúng ta, cho nên rất khế hợp với căn cơ của chúng sanh.

Nhưng phía sau đại sư Ngẫu Ích vẫn có lời phê bình rằng bộ sách Luật Nghi Yếu Lược này “các pháp khai già, nặng nhẹ, sám hối vẫn chưa rõ ràng”. Mỗi một điều giới đều có khai - già - trì - phạm, những giới tướng này nên nói rành mạch rõ ràng. Bộ sách này của đại sư Liên Trì đối với khai duyên, còn có già chỉ, ngoài ra phán tội là phán nhẹ hay phán nặng, và giới nặng nhẹ, phạm rồi thì sám hối thế nào,

những phương pháp này không được mở rộng trình bày tường tận rõ ràng, cho nên bộ sách này là ngọc có tỳ vết.

Chúng ta biết đại sư Ngẫu Ích xem đại sư Liên Trì là hòa thượng để thọ giới. Tuy đại sư Ngẫu Ích chưa từng gặp đại sư Liên Trì, nhưng triều nhà Minh khi ấy do việc thọ giới cũng không như pháp lắm, cách làm của mọi người lúc đó là ở trước Phật tự thệ mà thọ giới, cho nên đại sư Ngẫu Ích ở trước tượng của đại sư Liên Trì lễ lạy thọ tứ phần giới bốn, thọ giới tỳ-kheo như vậy. Cho nên, ngài xưng đại sư Liên Trì là hòa thượng. Tuy đại sư Liên Trì là hòa thượng của ngài, nhưng đại sư Ngẫu Ích vẫn nương theo pháp mà không nương theo người. Nếu những nội dung [trong sách] này của hòa thượng có chỗ khiếm khuyết thì đại sư Ngẫu Ích vẫn chỉ ra. Điều này không phải là tỏ ra cao minh hơn sư phụ, sư trưởng của mình, mà vì suy nghĩ cho chúng sanh đời sau, muốn giúp chúng sanh thấy được bản chính xác nhất. Vậy những chỗ chưa trọn vẹn, khiếm khuyết của người trước thì vẫn phải chỉ rõ ra. Thái độ này rất đáng để chúng ta học tập, thật sự là nương theo pháp, không nương theo người.

Cho nên phía sau nói: “Nay tôi bắt đắc dĩ”. Do những tài liệu sa-di oai nghi giới pháp này chưa có một bản hoàn thiện, trong những bộ này, theo như phán đoán của đại sư Ngẫu Ích thì bộ Luật Nghi Yếu Lược của đại sư Liên Trì được xem là bản tốt nhất rồi, song vẫn có khiếm khuyết, cho nên “bắt đắc dĩ biên soạn lại”. Bộ “Sa-Di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu” này của đại sư Ngẫu Ích chính là được trích dẫn ra từ trong Luật tạng rồi biên tập lại mà thành.

Cả đời đại sư Ngẫu Ích dành rất nhiều thời gian để chuyên tâm vào giới pháp, sau khi xuất gia thì tinh chuyên giới luật. Ngài có bộ sách là “Trùng Trì Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu”, từ sau khi thọ giới tỳ-kheo cho đến trước khi vãng sanh, ngài vẫn biên soạn và hiệu đính, tổng cộng có 17 quyển, đều rút ra những điều tinh yếu trong giới pháp “chỉ tác nhị trì” của tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, những phần mà chúng ta có thể thường dùng đến thì ngài đều biên soạn ra, đó là một bộ trước tác vô cùng hay, chỉ có 17 quyển, phân lượng cũng không lớn, phân lượng ít hơn rất nhiều so với sách “Nam Sơn Tam Đại Bộ”. Bộ Tam Đại tổng cộng có 80 quyển, hơn nữa lời văn tương đối sâu. Bộ Trùng Trì Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu của đại sư Ngẫu Ích trên cơ bản là lời văn nguyên bản trong Luật tạng được tu sửa hiệu đính thêm. Lời văn trong Luật tạng khá dễ hiểu, lời văn dễ hiểu sẽ tương đối dễ xem, dễ hiểu. Bộ “Sa-Di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu” này chính là quyển cuối cùng, quyển thứ 17

trong bộ sách này. Cho nên, đại sư Hoàng Nhất bảo bộ sách này là bản hoàn thiện nhất, ngài tôn sùng nhất chính là bộ “Sa-Di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu” này của đại sư Ngẫu Ích. Có thể nói như vậy, chẳng có một câu nào mà không phải là trích dẫn từ trong văn tự của Luật tạng, đều căn cứ theo Luật tạng.

Vậy bộ sách này cũng có thể gọi là bản hội tập của sa-di giới bốn, bản hội tập hay nhất, đều tránh được những chỗ khiếm khuyết trong các bản trước đây của người xưa, hơn nữa mỗi câu đều căn cứ theo Luật tạng, cho nên bản hội tập quả thực rất thuận tiện cho người đời sau chúng ta học tập. Nội dung trong này cũng chia làm “hai môn thập giới và oai nghi”. Oai nghi thì có 26 chương.

“Còn về pháp truyền giới là việc của đại tăng, nên ở đây không trích ra”. Sa-di nếu tiến lên thọ giới tỳ-kheo, những giới pháp này cũng bao gồm giới pháp thọ giới sa-di. Những việc này đều là việc của đại tỳ-kheo tăng hoặc là việc của tỳ-kheo-ni tăng, cho nên ở đây không nói ra nữa, mà chỉ chú trọng ở những giới pháp mà sa-di và sa-di-ni nên thọ trì. Đoạn lời nói đầu này giảng đến đây là viên mãn rồi.

Trước khi chính thức giảng những nội dung của thập giới và oai nghi thì tôi sẽ bổ sung giải thích ngắn gọn tiêu đề của bộ sách này trước. Tiêu đề này là:

“Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu”

Phần trước chưa giảng nên ở đây bổ sung. Chúng ta cũng có thể xem bộ sách này như giới bốn, giới bốn sa-di giới. Tiêu đề có thể chia thành biệt đề và thông đề. Biệt đề tức là có sự khác biệt với tiêu đề của những kinh điển khác. Thông đề tức là giống như những kinh điển khác. Sáu chữ phía trước, “sa-di thập giới oai nghi” là thuộc về biệt đề. Sa-di là thuộc về người, thập giới là 10 điều giới, từ “không sát sanh” cho đến điều thứ 10 là “không cầm giữ sanh tượng vàng bạc vật báu”, 10 điều giới. Oai nghi thì có 26 môn oai nghi, từ “thứ nhất: kính đại sa-môn” đến “điều thứ 26: danh tướng sáu vật của tỳ-kheo”. Đây là nói đến pháp, cho nên tiêu đề này nếu dùng bảy cách đặt tên để phân định thì nó thuộc về nhân pháp lập đề. Cách thức của bảy cách đặt tên có *đơn nhân*, *đơn pháp*, *đơn dụ*, *nhân pháp*, *nhân dụ*, *pháp dụ*, còn có *nhân pháp dụ*, tổng cộng là bảy cách đặt tên. Thông thường lúc giảng kinh đều có đề cập đến, ở đây không nói đến nữa, không triển khai ra nữa. Đây là nói biệt đề là nhân pháp lập đề.

“Lục yếu”, hai chữ này thuộc về thông đề, lục tức là ghi chép lại, bộ sách này do đại sư Ngẫu Ích trích lục ra từ trong Luật tạng, thuận tiện cho hậu học chúng ta

học tập, chúng ta không cần đi học Luật tạng nữa, mà trực tiếp xem bộ sách này, nội dung vô cùng rõ ràng. “Yếu” chính là nói cần thiết, Luật tạng quá rộng lớn, nội dung rất nhiều, Đại sư Ngẫu Ích rút lấy những bộ phận thiết yếu dành cho sa-di mới xuất gia, trong những nội dung này ngài bỏ đi phần phức tạp và rút lấy phần tinh yếu, đưa ra những phần quan trọng nhất để chúng ta học tập. Cho nên ở đây nói đến phần quan trọng nhất, là một bộ phận ở trong đó, còn có một số nội dung khác ở trong Luật tạng, đương nhiên sa-di cũng nên học tập, như tất cả những nội dung của giới tỳ-kheo thì sa-di cũng nên học kèm thêm và giữ gìn. Nếu không giữ giới tỳ-kheo thì sa-di cũng sẽ đồng phạm, cũng sẽ bị kết tội. Sa-di-ni cũng phải học thêm giới pháp của tỳ-kheo-ni, chỉ là sa-di và sa-di-ni không cần đọc giới bốn và Luật tạng của tỳ-kheo, thông thường là được sư trưởng truyền thọ, học pháp là như vậy. Cho nên “Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu” này là một giáo trình mang tính cương lĩnh, nhưng những phần khác cũng nên học cùng, không phải nói ở đây đại sư Ngẫu Ích không biên soạn thì chúng ta có thể không giữ, không phải như vậy. Ở đây ngài thu thập chỉ là những phần quan trọng nhất.

Sau khi giảng xong về danh đề, chúng tôi sẽ giảng về nhân đề. Đây là nói:

“Sa-môn Ngẫu Ích Trí Húc ở Cổ Ngô căn cứ theo Luật tạng biên soạn lại”.

Ở đây cũng cần giảng qua về cuộc đời của đại sư Ngẫu Ích. Về cuộc đời của ngài thì đại sư Hoằng Nhât đã biên soạn riêng một bộ niên phổ của đại sư Ngẫu Ích, biên soạn rất tường tận. Trong lúc chúng tôi khai giảng “A-di-đà Kinh Yếu Giải”, phần đầu cũng nói về nhân đề, bởi vì cùng là trước tác của đại sư Ngẫu Ích nên tôi đã giảng qua về cuộc đời hoằng dương Tịnh độ của đại sư Ngẫu Ích rồi. Ở đây chúng ta sẽ tránh một số phần trùng lặp, chỉ chú trọng giới thiệu về cuộc đời của đại sư Ngẫu Ích trên phương diện hoằng dương giới luật, như vậy đều nghe qua hai bản, vừa hay kết hợp lại thì cuộc đời của ngài chính là hoằng dương pháp môn trì giới niệm Phật.

“Cổ Ngô” chính là quê hương của đại sư Ngẫu Ích, là trấn Mộc Độc tỉnh Giang Tô. “Ngẫu Ích” là tên hiệu của đại sư, pháp danh của ngài chính là “Trí Húc” ở phía sau.

Sa-môn là chữ Phạn, nghĩa là cần túc, siêng tu giới định tuệ, dứt trừ tham sân si, có thể cố gắng trì giới, nhờ giới được định, nhờ định phát tuệ mà có thể phá trừ

được phiền não, người như vậy thì gọi là sa-môn. Trì giới, tu định, khai tuệ đều có thể đối trị phiền não. Giống như giặc cướp vậy, tĩ dụ phiền não cho giặc cướp, trì giới chính là bắt giặc lại, tu định là trói giặc lại, khai tuệ giống như giết giặc vậy. Khai mở trí tuệ vô lậu thì vĩnh viễn đoạn trừ được phiền não. Cho nên, phàm phu chúng ta muốn giết tên giặc phiền não này thì trước tiên phải thông qua trì giới, bắt giữ tên giặc này trước đã. Nếu không có giới pháp thì căn bản bạn không biết được ai là giặc, có thể còn chung sống rất tốt với giặc nữa. Do đó học giới rồi thì bạn mới biết hóa ra bản thân có những phiền não tập khí này. Bởi vì có phiền não tập khí thì mới phạm giới. Hiện nay phải dùng giới để đối trị, từ bắt giặc đến trói giặc, đến giết giặc, đây chính là dùng tam học giới định tuệ để phá trừ phiền não.

Sa-môn còn có một ý nghĩa nữa: “Thức tâm đạt bốn nguyên thì gọi là sa-môn”. Cảnh giới này thì cao rồi, là nói đến cảnh giới của người đã hoàn toàn minh tâm kiến tánh. Thức tâm tức là nhận biết được bốn tâm của mình, thông đạt gốc gác của chính mình rồi, gọi là mặt mũi vốn có trước khi cha mẹ sanh ra. Bạn chứng được chân như bốn tánh của mình rồi, người như vậy mới gọi là sa-môn. Tiêu chuẩn này không phải là phàm phu, cho nên muốn làm sa-môn là một việc cực kỳ không đơn giản.

Đại sư Ngẫu Ích sinh vào năm Vạn Lịch thứ 27 vua Thần Tông triều nhà Minh, năm đó là năm Kỷ Hợi, ngài sanh vào giờ Hợi ngày mùng 3 tháng 5. Hợi chính là năm con heo, đại sư Ngẫu Ích tuổi Hợi. Giờ, ngày, tháng, năm sinh của ngài đều có, hơn nữa Hợi này, Hợi thủy rất nhiều, trong mạng rất nhiều nước. Nếu có người biết xem bát tự, thì xem bát tự của đại sư Ngẫu Ích như thế nào. Đương nhiên người chân thật tu hành thì đã vượt khỏi số mạng vốn có của họ rồi. Bảy tuổi ngài đã bắt đầu ăn chay, không ăn mặn nữa. Đây là thiện căn đời quá khứ của ngài. Năm 7 tuổi ngài từng làm bài “Lễ Đại Bi Đồng Điện Kệ”, nói rằng: “Lúc nhỏ tôi trì trai nghiêm cẩn, mộng thấy Đại sĩ đến vẫy chào”. Tôi lúc nhỏ trì trai ăn chay, thành khẩn giữ giới luật, giữ giới vô cùng nghiêm cẩn, hơn nữa có mộng thấy Đại sĩ, có lẽ chính là Đại sĩ Quán Âm đến vẫy chào. Bởi vì trước khi đại sư Ngẫu Ích ra đời, cha của ngài đều luôn trì thần chú Đại Bi, trì được 10 năm, sau đó mộng thấy Đại sĩ Quán Âm tặng con trai rồi sanh ra đại sư Ngẫu Ích, cho nên gọi là Đại sĩ Quán Âm đến vẫy chào, là Quán Âm tặng con, cho nên đại sư Ngẫu Ích nhất định cũng là người tái lai.

Sau này đại sư Ngẫu Ích lớn lên, do đến năm 12 tuổi ngài bắt đầu học tập kinh điển của nhà Nho, chịu một chút ảnh hưởng của lý học Nam Tông nên đã từng phỉ báng Phật, ngài viết rất nhiều văn chương đề bài bác Phật, nhưng sau đó đến năm 17 tuổi thì ngài đọc được sách “Tự Tri Lục” và “Trúc Song Tùy Bút”, là văn chương của đại sư Liên Trì, nên lập tức đem những “bài luận phỉ báng Phật” của mình ra đốt hết, sám hối, sau đó ngài cũng xuất gia. Năm 23 tuổi ngài nghe được kinh “Đại Phật Đảnh Thủ Lăng-nghiêm” liền có chỗ ngộ. Năm 20 tuổi ngài từng nghe kinh “Địa Tạng Bồ-tát Bồn Nguyện” nên phát khởi tâm xuất thế, năm 23 tuổi nghe kinh Lăng-nghiêm có chỗ ngộ, ngày 30 tháng 7 năm đó ngài đã viết ra nguyện văn gồm 48 đại nguyện. Lúc đó ngài là Đại Lãng Ưu-bà-tắc; sang năm sau, năm 24 tuổi ngài đi lễ bái đại sư Hám Sơn, đi xuất gia, nhưng khi ấy đại sư Hám Sơn đã đi xa rồi, cho nên đại sư Ngẫu Ích không gặp được đại sư Hám Sơn nữa, chỉ còn cách thế độ dưới toà của pháp sư Tuyết Lãnh, là đệ tử của ngài Hám Sơn, lấy pháp danh là “Trí Húc”.

Trước khi xuất gia, ngài đã phát ba nguyện. Thứ nhất, trước khi chưa chứng được vô sanh pháp nhẫn thì không nhận đồ cúng, ngài không thu nhận đồ đệ. Thứ hai, ngài không ngồi tòa cao thuyết pháp. Thứ ba, thà nguyện chết rét chết đói chứ không đi tụng kinh lễ sám và hóa duyên để nuôi thân miệng, cũng tức là ngài không vì nuôi mạng sống của mình mà đi làm kinh sám Phật sự, không ham muốn những lợi dưỡng này. Thà nguyện chết rét chết đói, đây là phát tâm chân chánh thuần khiết cầu đạo của đại sư. Sau đó năm 25 tuổi đại sư đến núi Vân Thê (Vân Thê - Hàng Châu) thỉnh đệ tử của đại sư Liên Trì là pháp sư Cổ Đức làm a-xà-lê, lạy ở trước tượng của hòa thượng Liên Trì để thọ Tứ Phần Giới Bồn, tức là hình thức thọ giới tỳ-kheo là như vậy, năm 25 tuổi. Đương nhiên hiện nay chúng ta học giới luật biết rằng cách làm đó không như pháp, nhưng thời đó mọi người quả thực đều không biết nên làm sao để thọ giới như pháp. Giới luật vào thời ấy rất suy vi, thậm chí có thể còn suy tàn hơn hiện nay. Hiện nay mọi người đã bắt đầu học tập giới luật rồi, có cảm hứng rồi, hơn nữa từ lạnh nhạt dần dần trở thành lôi cuốn rồi. Đây là một việc tốt. Thời đó, thời đại đó mọi người đều thích cuồng Thiền. Cuồng Thiền kỳ thực không thể khai ngộ được, nhưng rất thích nói suông lý Thiền, không tôn trọng giới luật. Đương nhiên như vậy thì không cách nào tu hành có thành tựu được.

Đại sư Ngẫu Ích sau khi xuất gia do nhìn thấy tẻ đoạn như vậy, tuy bản thân ngài xuất gia chưa lâu nhưng ngài khai ngộ rồi, ngài ngồi Thiền trong núi sâu mà khai ngộ, nhưng ngài không hoằng dương Thiền tông mà ngược lại ngài hoằng dương giới luật, hoằng dương Tịnh Độ, đề xướng “trì giới là gốc, Tịnh Độ là nơi quay về”, đây là đặc biệt cứu vãn tẻ đoạn thời đó. Đây là sứ mạng mà một đời Phật Bồ-tát xuất thế phải làm. Năm 26 tuổi tức là sang năm sau, năm sau ngài thọ giới tỳ-kheo, ngài lại trở về núi Vân Thê thọ Bồ-tát giới, cũng mời pháp sư Cổ Đức truyền giới cho ngài. Bồ-tát giới đương nhiên có thể ở trước một vị thầy để thọ giới. Đại sư Ngẫu Ích có một bộ sách là “Trùng Đỉnh Thọ Bồ-tát Giới Pháp”, trong này là mời một vị thầy để truyền giới, có khác với sách “Thọ Bồ-tát Giới Pháp” do Độc Thể đại sư ở núi Bảo Hoa, tức là Luật sư Kiến Nguyệt biên soạn. Nghi thức của Độc Thể đại sư khá long trọng, cho nên nội dung tương đối phong phú, nhưng sách “Trùng Đỉnh Thọ Bồ-tát Giới Pháp” của đại sư Ngẫu Ích là hoàn toàn trích dẫn ra từ trong Luật tạng Bồ-tát, nên gọn gàng đơn giản súc tích.

Ở đây chúng ta dự định ngày 18 tháng 6 có cư sĩ muốn cầu thọ Phạm Võng Bồ-tát Giới. Đương nhiên xuất gia tại gia đều có thể thọ Phạm Võng Bồ-tát Giới. Nếu xuất gia rồi mà vẫn chưa kịp thọ thì có thể thọ tiếp, cũng có thể thọ thêm, tức là dùng bộ “Trùng Đỉnh Thọ Bồ-tát Giới Pháp” của đại sư Ngẫu Ích, một vị thầy có thể truyền giới. Trong Phạm Võng Bồ-tát Giới bản có nói tức là có thể thọ giới ở trước một vị pháp sư giáo giới, trước tiên ở trước vị pháp sư thọ Bồ-tát giới mà thọ giới thì sẽ đắc giới, không cần thấy tướng hảo. Nếu trong vòng ngàn dặm không có pháp sư truyền giới thì mới có thể lấy [việc thấy] tướng hảo, thông qua lễ sám, sám hối ở trước Phật, thấy tướng hảo sẽ đắc giới. Thọ ở chỗ thầy thì sẽ đắc giới trung phẩm, tự thọ giới thì được giới hạ phẩm. Nếu trực tiếp có thể thấy được Phật Bồ-tát, thọ ở chỗ Phật Bồ-tát thì được giới thượng phẩm, có sự khác biệt như vậy. Cho nên có thầy truyền thì nên thọ ở chỗ thầy, Đại sư thọ giới Bồ-tát từ chỗ a-xà-lê giáo giới của ngài là pháp sư Cổ Đức.

Sau khi thọ giới Bồ-tát thì ngài phát tâm xem Luật tạng. Đại sư liền hỏi, đây là pháp sư Cổ Đức hỏi: “Ông đã thọ đại giới rồi, tại sao còn phải xem giới Tiểu thừa nữa?” Bồ-tát giới là giới Đại thừa, vì sao ông còn phải xem Luật tạng nữa? Đó chủ yếu là giới Thanh văn Tiểu thừa. Đại sư Ngẫu Ích nói: “Như xây lầu bốn tầng, tầng trên cùng đã xây xong, vậy có thể bỏ tầng cuối cùng không?” Tức là như xây lầu các vậy, ví dụ tòa lầu bốn tầng, xây từ dưới lên trên, hiện tại đã xây xong tầng

trên cùng rồi, vậy có thể phá bỏ tầng cuối cùng không? Đương nhiên không được. Pháp sư Cổ Đức lại hỏi: “Bản thân ông đã lên đến tầng trên cùng rồi, vậy vì sao còn tưởng nhớ tầng cuối cùng chứ?” Đây đều là thăm dò kiến giải của đại sư Ngẫu Ích. Đại sư Ngẫu Ích nói: “Tuy lên trời Tha Hóa nhưng Phật vẫn không hề rời đạo tràng tịch diệt”. Đây là lời trích dẫn lời trong “Phạm Võng Bồ-tát Giới”. Thích-ca Mâu-ni Phật thành tựu Phật đạo ở trong đạo tràng tịch diệt, lên cung trời của Đê Thích, rồi lên các cung trời phía trên, từ trời Đê Thích đến trời Dạ-ma, đến trời Đâu-suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, cho đến trời Tứ Thiên. Lên trời Tha Hóa Tự Tại nhưng bản thân ngài vẫn không rời khỏi đạo tràng tịch diệt. Nghĩa là nói mặc dù chúng ta thọ đại giới Bồ-tát rồi nhưng cũng không thể rời khỏi những giới pháp cơ bản của Tiểu thừa được. Không có Tiểu thừa thì sẽ không có Đại thừa. Trong kinh Phật Tạng nói: “Không học Tiểu thừa trước rồi mới học Đại thừa thì không phải đệ tử Phật”. Cho nên, hiện nay chúng ta là chí cầu Đại thừa nhưng nhất định phải chú trọng huân tập giới pháp của Tiểu thừa, mà giới pháp của Tiểu thừa trên thực tế chính là luật nghi giới trong Đại thừa Bồ-tát giới, luật nghi giới trong tam tụ tịnh giới. Cho nên, ngay thể của giới Tiểu thừa chính là giới Đại thừa.

Năm 27 tuổi, mùa xuân năm đó đại sư Ngẫu Ích trở về quê nhà Cổ Ngô bắt đầu đọc Luật tạng, đọc qua một lần, sau đó mới biết thì ra thiên hạ đều không biết những giới pháp, như pháp chân chánh, cho nên ngài giành hơn 40 ngày để trích lục từ trong Luật tạng ra bộ “Tỳ-ni Sự Nghi Yếu Lược”. Bạn xem 27 tuổi thì ngài đã bắt đầu nghiên cứu Luật tạng rồi. Sau đó, ngài viết cho a-xà-lê của ngài là pháp sư Cổ Đức một bức thư, thống thiết trần thuật lại hiện trạng chánh pháp suy tàn, giới luật không rõ ràng trong thời kỳ tượng pháp, mạt pháp. Ngôn từ vô cùng khẩn thiết, thể hiện ra bi tâm muốn cứu Phật giáo, cứu giúp chánh pháp. Cho nên, đại sư Hoằng Nhất có một cặp đôi liễn, lão hòa thượng Tịnh Không của chúng ta đã đem câu đối liễn viết tay của đại sư Hoằng Nhất treo ở nơi dễ thấy nhất trong phòng khách của ngài, tất cả khách đến thăm, ngài sẽ ngồi ở giữa trung tâm câu đối liễn đó. Mỗi lần chúng ta chụp ảnh với ngài đều có thể chụp được câu đối liễn này. Câu đối liễn của đại sư Hoằng Nhất viết rằng: “Thề bỏ thân mạng để hoằng hộ Nam Sơn Tứ Phần Luật cửu trụ nơi Thần Châu”. Đây là vế trước. Chúng tôi nói về vế đối trước. Đại sư Hoằng Nhất cũng chuyên học đại sư Ngẫu Ích, cả đời hoằng dương giới luật. Thời đại của đại sư Ngẫu Ích do mọi người đều không xem trọng giới pháp. Khi ấy Nam Sơn Tam Đại Bộ đã bị thất truyền từ lâu, sau thời Nam

Tổng thì đã bị thất truyền rồi, may mắn là người Nhật Bản đã mang nó sang Nhật Bản, đem bộ Nam Sơn Tam Đại Bộ này sang Nhật Bản, cho nên đến thời đại của đại sư Hoằng Nhứt lại có thể truyền từ Nhật Bản trở về, cho nên đại sư Hoằng Nhứt nói ngài thề xả bỏ thân mạng để hoằng dương hộ trì Nam Sơn Tứ Phần Luật cửu trụ ở Thần Châu, tức là hoằng dương giới pháp của luật Tứ phần. Điều này là đồng tâm đồng nguyện với đại sư Ngẫu Ích.

Đại sư Ngẫu Ích biên soạn sách “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu”, dụng ý của ngài giống như dụng ý của Luật tổ Đạo Tuyên ở núi Chung Nam, cũng muốn từ trong Luật tạng biên soạn ra những bộ phận phù hợp với nhu cầu của chúng ta, những phần quan trọng, tinh yếu. Đáng tiếc Luật tổ Đạo Tuyên chỉ xem được bốn bộ luật, bộ thứ năm là “Căn Bản Hữu Bộ Luật” thì ngài không xem được. Trong sách Nam Sơn Tam Đại Bộ không có nội dung của Hữu Bộ Luật. Tam Đại Bộ cũng là một bản hội tập, bản hội tập của Tứ Bộ Luật. Vậy sách “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu” của đại sư Ngẫu Ích là bản hội tập của ngũ bộ luật, đương nhiên càng tinh yếu hơn, cho nên muốn học tập thì có thể đồng thời tham khảo cả hai bộ này. Hơn nữa, trong trước tác Luật học của đại sư Ngẫu Ích đã dung thông được quan điểm của Viên giáo Đại thừa, vô cùng thù thắng. Như vừa rồi đã nói, tinh thần chủ yếu tức là ngay thể của giới pháp Thanh văn chính là đại giới của Bồ-tát, chính là luật nghi, giới tự trong Bồ-tát tam tụ. Quan điểm này rất quan trọng, cho nên khi chúng ta thọ giới, dù là thọ năm năm, tám giới, xuất gia thọ giới sa-di, giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni, đây là thuộc về giới pháp của Thanh văn, nhưng chúng ta cũng phát tâm Bồ-đề rộng lớn để đắc giới thể, cho nên giới thể này chính là giới thể của Bồ-tát. Quan điểm này đại sư Ngẫu Ích nói được rõ ràng nhất, nói rõ ràng hơn Luật tổ Đạo Tuyên nói. Luật tổ Đạo Tuyên nói là ý này, nhưng việc trình bày rõ ràng về giới thể thì quả thực lúc đó ngài là người tiên phong trong việc trích dẫn giáo nghĩa của Đại thừa để giải thích giới thể, nên ngài nhất định phải từ quan điểm của Tiểu thừa nguyên thủy trước, rồi dần dần lần lượt nâng lên Cho nên trước tiên ngài nói Hữu tông trong “Tát-bà-đa Luận”, rồi đến Không tông trong “Thành Thật Luận”, rồi nâng lên Duy Thức của tông Duy Thức, nói đến giới thể là chủng tử của Duy Thức, điều này giống như phương pháp tiến dần lên vậy, không nói thẳng thắn dứt khoát như đại sư Ngẫu Ích, ngài trực tiếp nói giới thể đó chính là giới thể của Bồ-tát Đại thừa, tức là lấy phát tâm Bồ-đề làm thể.

Năm đại sư Ngẫu Ích 30 tuổi thì ngài bế quan ba năm, sau khi xuất quan đến núi Chung Nam, cũng chính là đạo tràng của Luật tổ Đạo Tuyên gặp được mấy vị đạo hữu đều bằng lòng học tập, hoằng truyền luật học, họ giữ đại sư Ngẫu Ích lại Long Cư để an cư kiết hạ. Trong mùa hạ, ngài đã duyệt đọc Luật tạng lần thứ hai, đọc một lần rồi lại soạn ra bốn quyển “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu”, đây là bản đầu tiên. Cho nên, bạn xem đại sư Ngẫu Ích đọc tạng rất dụng tâm, không phải chỉ đọc qua, mà ngài vừa xem vừa ghi chép lại, ghi chép lại những phần trọng điểm, những phần tinh yếu. Đây là bản đầu tiên, nhưng sau này vẫn không ngừng chỉnh sửa nên gọi là “Trùng Trị”, “Trùng Trị Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu”.

Đến năm 31 tuổi, ngày 15 tháng Một có mấy vị đồng học khai thỉnh đại sư Ngẫu Ích giảng giải Tứ phần giới bốn. Lúc đó, đại sư Ngẫu Ích đã chích máu đề viết nguyện văn, chính là nguyện văn hoằng dương giới luật. Lúc ấy có mấy vị pháp sư thấy được bộ “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu” của đại sư Ngẫu Ích thì vô cùng hoan hỷ, muốn khắc in nhưng đại sư không đồng ý. Bởi vì ngài cảm thấy vẫn chưa hoàn thiện, sau đó ngài lại ra công đi sâu nghiên cứu không ngừng chỉnh sửa.

Ngài phát hiện ra rồi nói với các đạo hữu rằng Tông môn, tức là tề đoan trong Thiền tông thời đó không phải là chấp trước giới tướng, mà là không biết giới tướng, cho nên đại sư Ngẫu Ích quyết tâm hoằng dương Luật học. Ngài tự nói là “phiền não tập khí nặng, bản thân tu hành còn nhiều sai sót, nên thề rằng không làm hòa thượng”. Ngài nói bản thân phiền não tập khí rất nặng, bản thân tu hành có rất nhiều ô nhiễm, nghiệp chướng rất nặng, cho nên ngài phát thệ không làm hòa thượng y chỉ cho người khác, không làm hòa thượng thế độ cho người, bản thân không có đức hạnh này, lại nói rằng “ba nghiệp chưa thanh tịnh, mang cái danh hảo là thông hiểu luật, đó là danh không xứng với thực, đây là nỗi hổ thẹn trong cuộc đời”. Lúc đó, đại sư Ngẫu Ích mặc dù chỉ mới 31 tuổi nhưng trong giáo đều đã biết danh tiếng của ngài, biết ngài là một chuyên gia chuyên hoằng dương giới luật. Nhưng bản thân ngài cho rằng ba nghiệp của mình chưa thanh tịnh, ý là nói trì giới không thanh tịnh, chỉ mang cái danh hảo là hiểu biết giới luật, danh tiếng vượt quá thực tế, danh không xứng với thực, đây là nỗi hổ thẹn trong cuộc đời. Bạn xem đại sư Ngẫu Ích yêu cầu bản thân rất nghiêm khắc. Trên thực tế, chúng ta thấy ba nghiệp của ngài đã vô cùng thanh tịnh rồi, nhưng ngài yêu cầu bản thân rất nghiêm, cho rằng bản thân không xứng với cái danh thông hiểu giới luật này. Những điều

này chúng ta đều nên học tập, vĩnh viễn đều là khiêm tốn, vĩnh viễn đều là học tập, học mãi không có điểm dừng.

Ngài lại viết rằng, lúc đó có mấy vị đạo hữu cùng học luật, ngài đã viết một bài kệ tặng cho một đạo hữu trong số đó, nói rằng: “Thế gian chẳng ai biết cái thật, riêng ta chẳng ưa cái giả”. Đây là hai câu ở trong đó, “ngưỡng mộ tánh ngài ngay thẳng thật thà, có thể ra nhập xã đoàn học giới luật tỳ-ni”, đây là hai câu sau. Cứ thế chính là thiên hạ, chẳng có người nào biết được cái chân thật, nghĩa là nói không ai biết rốt cuộc thế nào là như pháp hay không như pháp, mọi người đều không học luật thì làm sao biết cho được! Chỉ có học luật thì bạn mới biết thế nào là như pháp, thế nào là không như pháp, không phải con người tự ước đoán được, toàn bộ đều là căn cứ theo lời trên luật nói, điều Phật nói chính là như pháp, điều Phật không nói, hoặc Phật nói cái đó không như pháp thì những thứ đó là không như pháp. Mọi người đều không biết cái gì là chân thật, nhưng đại sư Ngẫu Ích nói chỉ riêng ta, chỉ mình ta không ưa thích cái giả, cho nên cả đời ngài chính là cầu cái chân thật. Bài thơ ngài tặng cho vị đạo hữu này cũng là xưng tán vị đạo hữu này, ngưỡng mộ quân tử là ngưỡng mộ ngài, “thản di tánh”, là cá tính thẳng thắn, thật thà, “có thể ra nhập xã đoàn học giới luật tỳ-ni”, có thể tham gia vào xã đoàn tỳ-ni học giới của chúng tôi. Cho nên, học giới quan trọng nhất chính là phải có một cái tâm thẳng thắn, tâm phải thật thà chánh trực, không được có tâm giả dối, không được có tâm hư giả, tâm hư ngụy giả dối thì bạn không học giới tốt được. Bản thân nhất định phải chân thành với chính mình, không được tự gạt mình, tự gạt mình thì bạn chắc chắn sẽ phạm giới, hơn nữa phạm giới mà còn che giấu, không dám nói với người khác, người như vậy không thể học tập tỳ-ni. Họ không thể học tỳ-ni, học giới luật, thì nhất định tạo nhiều ác nghiệp, tương lai đi đến nơi nào thì không cần nói cũng biết.

Cho nên, đại sư Ngẫu Ích hoàng dương giới pháp chính là cứu những phạm phu như chúng ta. Đại sư Ngẫu Ích có một bài nguyện văn nói rằng: “Tôi nghĩ thời mạt khổ, đứng đầu do phá giới, tôi nghĩ cách cứu khổ, chẳng gì hơn Luật tạng”. Trong thời mạt pháp khổ nhất chính là do phá giới, phá giới thì sẽ chiêu cảm quả khổ, chiêu cảm quả báo ở ác đạo. Cho nên, tôi suy nghĩ phương pháp cứu khổ thì chẳng có gì vượt qua Tỳ-ni tạng, nghĩa là Luật tạng. Do đó nhất định phải hoàng dương giới luật thì mới có thể cứu được chúng sanh khổ nạn thời mạt pháp này, cộng thêm pháp môn niệm Phật thì sẽ giúp họ một đời không thoái chuyển thành

Phật. Cho nên phải học đại sư Ngẫu Ích cả đời chuyên tu chuyên hoằng pháp tri giới niệm Phật. Đây là năm 31 tuổi, mùa đông năm đó ngài duyệt tạng lần thứ ba, sau đó lại tiếp tục biên soạn bộ “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu” của ngài, soạn thành 6 quyển, tổng cộng có 18 quyển, trên thực tế thì đến cuối cùng là 17 quyển, cho nên ngài không ngừng chỉnh sửa.

Đến 32 tuổi, do đại sư Ngẫu Ích đã ba lần nghiên cứu tỉ mỉ Luật tạng cho nên ngài biết thọ giới thế nào mới gọi là như pháp. Trước đây, lúc 25 tuổi ngài làm theo mọi người lạy trước tượng hòa thượng đại sư Liên Trì để thọ tứ phần giới. Việc này không như pháp, không đắc giới. Cho nên, năm 32 tuổi ngài đã thỉnh một vị hòa thượng, thỉnh một vị yết-ma a-xà-lê, một vị giáo thọ a-xà-lê, ba vị thầy, đương nhiên nên có 10 vị thầy cùng làm Bạch tứ yết-ma cho ngài, truyền giới tỳ-kheo cho ngài. Đây là như pháp như luật tác yết-ma truyền giới. Ngài đã hướng dẫn ba vị thầy này cách truyền giới như thế nào. Bạn xem điều này thật khó được, ngài là người thọ giới mà còn thông hiểu hơn những vị giới sư đó. Bởi vì thuở ấy rất ít người học giới, không ai hiểu, ngài là người am hiểu nhất, cho nên ngài thỉnh ba vị thầy truyền giới cho ngài, sau đó ngài biết phải truyền giới như thế nào mới gọi là như pháp.

Năm 32 tuổi, vào mùa an cư kiết hạ năm đó, ngài đã giảng tỉ mỉ một lần bộ “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu” cho ba vị đạo hữu, là bộ sách do ngài biên soạn. Khi ấy, trong này nói ba người ấy đều không dụng tâm để lắng nghe lắm, đại khái là không hứng thú lắm với giới luật, cho nên lúc ấy đại sư vô cùng thất vọng. Có thể thấy tìm được một người học trò tốt thật không dễ dàng, chỉ có ba học trò, đại sư Ngẫu Ích giảng cho họ nghe, kết quả họ đều không dụng tâm để nghe. Thật sự có nhiều người cùng học giới luật như chúng ta thế này thì đại sư Ngẫu Ích sẽ rất ngưỡng mộ. Bạn xem khi ấy chỉ có ba người đến nghe giảng, đại sư Ngẫu Ích giảng cho họ nghe. Hiện nay, nếu chúng ta có thể gặp được đại sư Ngẫu Ích, ngài giảng “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu” cho chúng ta nghe thì tốt biết mấy. Có thể thấy phong khí học giới khi ấy quả thực rất sa sút.

Sau đó, đại sư Ngẫu Ích phát tâm chú giải kinh Phạm Võng, ngài ở trước Phật rút thăm để hỏi xem dùng tông nào để chú giải. Ngài làm bốn thẻ thăm, thứ nhất là tông Hiền Thủ, tức là lấy kinh Hoa Nghiêm làm tông, thứ hai là tông Thiên Thai, thứ ba là tông Từ Ân, tức là Duy Thức, thứ tư là tự lập tông, tự lập ra một tông. Kết quả ngài rút mấy lần đều rút được thăm của Thiên Thai. Từ đó về sau

ngài chuyên tâm nghiên cứu Thiên Thai. Cho nên, đối với phương diện giáo lý của Thiên Thai khi ấy thì ngài cũng nghiên cứu vô cùng sâu. “Phạm Võng Kinh Hợp Chú” là ngài dùng giáo nghĩa Thiên Thai để chú giải. Nhưng lúc đó có người truyền tổ vị Thiên Thai cho ngài, tức là muốn đem địa vị tổ Thiên Thai truyền cho ngài, nhưng ngài không chịu nhận, không muốn làm con cháu của Thiên Thai, vì sao vậy? Đó là do ngài nhìn thấy khi ấy Thiên Thai cùng mấy tông như Thiền tông, Hiền Thủ và Từ Ân có tranh chấp môn đình, tri kiến môn phái vô cùng nghiêm trọng, không thể hòa hợp với nhau, do đó ngài không muốn chỉ nương vào một tông, cho nên ngài đủ tư cách để làm tổ sư Thiên Thai nhưng ngài không chịu. Cuối cùng, người đời sau bình chọn ngài làm tổ sư Tịnh độ tông. Cho nên, chúng ta hiện nay học “Di-đà Yếu Giải” cũng là của tông Thiên Thai.

Ngài nói rằng: “Bệnh của Thiền môn, ngoài Thiên Thai ra thì không thể cứu được”. Thiên Thai chính là nói về giáo. Bệnh của Thiền môn chính là tu mù luyện đui, không học giáo lý, cho nên phải dùng tông Thiên Thai để cứu, tại sao con cháu Thiên Thai lại cứ cố chấp chống đối với Thiền tông ta. Bởi vì đại sư Ngẫu Ích vốn dĩ khai ngộ ở trong Thiền tông, ngài muốn hoằng dương tông Thiên Thai, nhưng Thiên Thai và Thiền tông lại chống đối lẫn nhau, chấp trước môn phái của mình. Đây lẽ nào là bản ý của đại sư Trí Giả? Cho nên, ngài không nhận tông nào hết, nhưng có thể nói tám tông ngài đều hoằng dương cả, không chỉ tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Thiền tông, cho đến Duy Thức, ngài đều có rất nhiều trước tác.

Đến năm 33 tuổi có rất nhiều người khuyên ngài đem khắc in lưu thông “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu”, lúc này thì ngài mới đồng ý, chấp thuận.

Đến năm 34 tuổi, lần đầu tiên ngài mới truyền giới cho người, chủ trì pháp yết-ma, tức là làm thầy yết-ma truyền giới cụ túc cho người khác ở đạo tràng Linh Phong, Bắc Thiên Mục, Hàng Châu. Trong mùa an cư năm 34 tuổi, ngài lại giảng giải tỉ mỉ một lần bộ “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu”, người nghe chỉ có chín người. Bạn xem thật sự không dễ dàng, hơn nữa chỉ có ba người thật sự dụng tâm muốn học, trong chín người chỉ có ba người. Cho nên, cả đời đại sư Ngẫu Ích đều hy vọng có năm tỳ-kheo cùng chung sống nghiêm túc hành trì theo giới luật, khi đó quả thật rất khó tìm. Đương nhiên cũng do môn phái của đại sư Ngẫu Ích rất cao, đại sư có một tiêu chuẩn như vậy.

Năm 35 tuổi, trước ngày an cư ngài đã làm rất nhiều thẻ thăm. Cả đời đại sư Ngẫu Ích có đặc điểm là nếu có nghi vấn thì sẽ hỏi Phật Bò-tát, ngài làm thẻ thăm

để hỏi. Ngài hỏi gì vậy? Ngài hoài nghi trước đây ngài thọ giới mà không đắc giới, do không như pháp, cho nên ngài làm tám thẻ thăm, thành kính hỏi tam bảo. Thẻ thứ nhất, ngài hỏi bản thân năm 25 tuổi, đến nay đã sau 10 năm ngài là người đã ở vị trí hòa thượng rồi, đã hành trì được 10 hạ, 10 năm này đều an cư kiết hạ, đều hành trì như pháp như luật. Thẻ thứ nhất là thẻ hỏi có thể làm hòa thượng không? Tức là có thể làm hòa thượng. Thẻ thứ hai là thẻ có thể lễ sám làm hòa thượng, cũng tức là nói trước khi đắc giới, có một số tội chưa sám hối, bây giờ phải lễ sám bù, nhưng vẫn có thể gọi là hòa thượng. Nếu như vậy thì trước tiên ngài phải hành pháp sám, có thể lễ sám để sám trừ tội nghiệp thì có thể làm hòa thượng cho người khác, nghĩa là có thể làm hòa thượng đắc giới, truyền giới cho người. Thẻ thứ ba là thẻ thấy tướng hảo làm hòa thượng, tức là nói tội nghiệp của mình tương đối nặng, ngài phải lễ sám để thấy tướng hảo. Ví dụ lễ Chiêm Sát Sám được luân tướng thanh tịnh v.v., như vậy thì mới có thể làm hòa thượng. Thẻ thứ tư là thọ lại giới, ví dụ trước đây chưa đắc giới, trước đây ngài đã thọ giới như pháp rồi, nhưng nếu vẫn chưa đắc giới, vậy thì ngài muốn thọ lại giới, rồi như pháp trì giới, trì tiếp 10 hạ mới có thể làm hòa thượng. Bạn xem ngài rất chân thành, không giả dối.

Thẻ thứ năm, nếu đã phạm trọng nạn trộm pháp, nghĩa là nói hiện nay tôi chưa đắc giới tỳ-kheo nhưng lại xem rất nhiều Luật tạng, thậm chí còn biên soạn ra bộ “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu”, có thuộc về trọng nạn trộm pháp không? Bởi vì chưa thọ giới cụ túc thì không nên xem Luật tạng, nhưng ngài đều xem cả rồi, còn giảng giới tỳ-kheo nữa, nên ngài muốn làm thế nào? Ngài muốn lễ sám thọ lại giới, tức là diệt trọng nạn trộm pháp này, cho nên từng có người, ví dụ nói nghe trộm yết-ma, đây là thuộc về trộm pháp, lúc này phải lễ Chiêm Sát Sám được luân tướng thanh tịnh thì mới có thể thọ lại giới.

Những thẻ này đều thuộc về thẻ có thể đắc giới tỳ-kheo. Trên thực tế, tôi đã đọc trước tác của đại sư Hoằng Nhất, và cũng thỉnh giáo hòa thượng Quả Thanh, chúng ta mặc dù chưa thọ giới tỳ-kheo mà đã xem giới bản tỳ-kheo, xem Luật tạng thì đây cũng không thuộc về già nạn khi thọ giới tỳ-kheo. Đương nhiên việc này cũng có lỗi, nhưng không trở thành già nạn. Già nạn là chỉ khi bạn nghe trộm yết-ma, khi tăng đoàn tác yết-ma mà bạn ở đó nghe, việc này sẽ trở thành già nạn đắc giới của bạn, nhưng bạn cố gắng cầu sám hối thấy tướng hảo thì vẫn có thể thọ lại giới.

Tiếp theo thẻ thứ sáu là Bò-tát sa-di, tức là không đắc giới tỳ-kheo, nhưng có thể đắc giới Bò-tát hoặc giới sa-di. Thứ bảy, nếu giới sa-di cũng không đắc được, do căn cứ theo Luật nói rằng sa-di cũng phải do tỳ-kheo truyền thì họ mới có thể đắc giới. Nếu không có tỳ-kheo, không có tỳ-kheo chân thật đắc giới thể thì bạn không thể đắc giới sa-di, phải có hai tỳ-kheo thì mới có thể truyền giới sa-di, cho nên thẻ thăm thứ bảy là Bò-tát ưu-bà-tắc, đó là làm ưu-bà-tắc, tức là năm giới, Bò-tát giới.

Thẻ thứ tám là tất cả giới pháp đều không đắc, chỉ được tam quy, ngài chỉ quy y tam bảo. Sau khi làm xong tám thẻ thăm này, ngài chí thành lễ Phật phát nguyện, sau đó đốt 10 liêu hương, trong một hạ tức là 9 tuần trì chú gia bị, ngài rất dụng công để cầu cảm ứng. Đến ngày Tự Tứ, tức là ngày 15 tháng 7 ngài lại đốt 6 liêu trên đầu, đốt hương ở trên đầu, sau đó bốc thẻ thăm, bốc được thẻ Bò-tát sa-di. Cho nên, chúng ta thấy rất nhiều trước tác của đại sư Ngẫu Ích tự xưng là Bò-tát sa-di, do đây là tam bảo, Phật Bò-tát xác nhận cho ngài. Nói cách khác, ngài chưa đắc giới tỳ-kheo, vì sao không đắc giới tỳ-kheo? Thứ nhất, chúng ta có thể thấy thời gian đầu trong cuộc đời của ngài, năm ngài 25 tuổi ở trước tượng của đại sư Liên Trì thọ giới thì chắc chắn không đắc giới. Sau này sau khi ngài biết được, sau đó ngài học giới, năm 32 tuổi lại thỉnh ba vị thầy truyền lại giới tỳ-kheo cho ngài, chủ trì bạch tứ yết-ma để truyền giới. Mặc dù đó là như pháp, nhưng rất có khả năng như đại sư Ngẫu Ích đã nói, từ sau thời Nam Tông thì không còn tỳ-kheo chân thật nữa, đã không có tỳ-kheo chân thật thì dù có truyền như pháp cũng không đắc giới tỳ-kheo, do đó ngài chỉ có thể bốc được thăm Bò-tát sa-di giới.

Có thể có người sẽ hỏi rằng: đã không có tỳ-kheo thì làm sao có thể đắc giới sa-di? Giới sa-di cũng phải do hai vị tỳ-kheo truyền, sau này tôi suy nghĩ, nghĩ ra là vì sao không thể đắc giới tỳ-kheo? Bởi vì đắc giới tỳ-kheo có một duyên quan trọng tức là kết giới thành tựu, ít nhất phải có bốn vị tỳ-kheo chân thật kết đại giới, sau khi kết giới này tức là giới trường giới, ở trong giới trường giới này mà như pháp truyền thọ, truyền giới, đương nhiên pháp yết-ma phải như pháp. Còn nữa, chính mình phải tâm cảnh tương ưng v.v., các duyên đầy đủ thì mới có thể đắc giới. Có một duyên không đầy đủ thì không đắc giới. Trên luật có nói, nếu bạn cho rằng hòa thượng, a-xà-lê, 10 vị thầy của bạn đều là tỳ-kheo thanh tịnh, không hoài nghi việc này, bạn có tâm chí thành như vậy mà thọ giới thì có thể đắc giới. Dù vị hòa thượng đó thậm chí là người phá giới nhưng bạn cho rằng họ là một tỳ-kheo chân thật, tỳ-

kheo thanh tịnh thì vẫn có thể đắc giới, trên luật có nói như vậy, song việc này cũng phải có điều kiện khách quan, tức là kết giới cũng phải thành tựu mới được. Nếu kết giới không thành tựu thì dù bạn cho rằng 10 vị thầy đều là tỳ-kheo thanh tịnh, điều kiện chủ quan của bạn phù hợp, nhưng điều kiện kết giới khách quan không thành tựu thì cũng không thể đắc giới. Giới pháp tỳ-kheo rất tôn quý, nó cần đầy đủ duyên, duyên rất không dễ dàng, cho nên sau thời Nam Tông thì duyên không đầy đủ nữa, đứt đoạn rồi, nhưng giới sa-di không cần kết giới. Sa-di cần hai tỳ-kheo, không cần pháp yết-ma, vì bốn người trở lên mới cần yết-ma, hai vị tỳ-kheo thì không cần yết-ma. Vị sa-di này muốn thọ giới, thọ giới sa-di với hai vị tỳ-kheo này, bạn chỉ cần cho rằng hai vị thầy ấy là tỳ-kheo thanh tịnh, điều kiện chủ quan phù hợp thì có thể đắc giới sa-di.

Vì sao đại sư Ngẫu Ích có thể rút được thăm Bồ-tát giới sa-di, nguyên nhân là ở đây. Đó là Phật Bồ-tát ấn chứng cho ngài. Những điều này là sự giải thích của tôi, tôi cũng đã thỉnh giáo thảo luận với hòa thượng Quả Thanh rồi, hòa thượng Quả Thanh cũng đồng ý với kiến giải này của tôi. Do đó nói cách khác, bạn vẫn có thể đắc được giới sa-di, dù không có tỳ-kheo chân thật, nhưng về mặt chủ quan thì bạn cho rằng có tỳ-kheo chân thật, hòa thượng, a-xà-lê của bạn đều là chân thật, vậy thì có thể đắc giới. Cho nên phải dùng tâm chí thành khẩn thiết, tức là kính thầy như kính Phật, tâm như vậy thì có thể đắc giới, Đại sư Ngẫu Ích chắc chắn phù hợp. Giới Bồ-tát cũng như vậy, chỉ cần vị pháp sư này có giới Bồ-tát, dù không có pháp sư, tự thọ giới đều có thể đắc giới. Cho nên giới Bồ-tát, giới sa-di đều có thể đắc giới. Nói cách khác, trong thời mạt pháp, như năm xưa đại sư Ngẫu Ích đắc được giới Bồ-tát sa-di như vậy có lẽ là cao nhất rồi, đầy đủ hai giới thể Bồ-tát và sa-di, là giới thể cao nhất, quả thực không đắc được giới tỳ-kheo. Sau đó, năm 36 tuổi ngài lại giảng “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu” một lần nữa. Bạn xem ngài giảng rất nhiều về giới luật.

Sau đó, năm 37 tuổi ngài diễn giảng kinh Chiêm Sát, vì sau khi rút được thăm Bồ-tát sa-di thì ngài vẫn muốn đắc giới tỳ-kheo, không phải không muốn đắc giới tỳ-kheo. Ngài biết thời kỳ mạt pháp muốn thật sự đắc giới thể tỳ-kheo chân thật, ngoài lạy Chiêm Sát Sám được luân tướng thanh tịnh ra thì không có phương pháp khác. Cho nên, sau khi rút thăm xong thì ngài viết “Chiêm Sát Hành Pháp”. Hiện nay chúng ta không ít người lạy Chiêm Sát Sám. Năm đó, sau khi ngài rút

thăm xong, năm 35 tuổi ngài viết “Chiêm Sát Hành Pháp”, bao gồm cả Chiêm Sát Sám, sau đó ngài lại giảng kinh Chiêm Sát.

Sau đó năm ngài 46 tuổi, bạn xem 35 tuổi đến 46 tuổi, 12 năm này đều lấy thân phận sa-di, thật đáng nể. Bạn phải biết làm sa-di ở trong tăng đoàn, không phải xếp vào hàng chúng tỳ-kheo, mà là trong hàng ngũ sa-di, 12 năm, một người đức cao vọng trọng như vậy, ngài thật muốn cầu cái chân thật. Cho nên, chúng ta biết chắc chắn những vị tỳ-kheo cùng ở với ngài đều sanh tâm hổ thẹn, do đó ngài chính là “thiên hạ không ai biết cái thật, chỉ mình ta không ưa thích cái giả”. Bản thân là sa-di, ngài đứng trong hàng ngũ sa-di, không đứng trong hàng tỳ-kheo, mãi đến năm 46 tuổi, ngài dứt khoát xả tất cả các giới, xả thành người tam quy y, làm gì vậy? Lay Chiêm Sát Sám cầu giới thể Bồ-tát tỳ-kheo chân thật. Bạn xem, vốn dĩ có giới thể Bồ-tát sa-di, ngài cũng xả luôn giới thể này, thật sự gọi là một trận quyết chiến. Kết quả, ngài cứ lay lay đến tết Nguyên Đán năm sau, tức là ngày mừng một tết [năm ngài] 47 tuổi thì được luân tướng thanh tịnh, chắc chắn là ngay ngày hôm đó liền tự thệ thọ tất cả: giới Bồ-tát, giới sa-di, giới tỳ-kheo, Tam Đàn Đại Giới ngay ngày hôm đó đều thọ hết. Sau khi bạn đạt được luân tướng thanh tịnh thì lập tức tự thệ thọ giới trước Phật. Còn nghi thức tự thệ thọ giới thì tôi căn cứ theo nghi thức của đại sư Ngẫu Ích và đại sư Hoằng Nhứt làm ra một bản hội tập, biên soạn một nghi thức tự thệ thọ giới. Đại sư Ngẫu Ích không có nghi thức tự thệ thọ giới. Đại sư Hoằng Nhứt có nghi thức tự thệ thọ giới Bồ-tát nhưng tương đối đơn giản. Tôi gộp chung bản ghi chép của hai vị đại đức là Ngẫu Tổ và Hoằng Công lại cho những người muốn lay được luân tướng thanh tịnh và người muốn thọ giới Bồ-tát tỳ-kheo, làm một căn cứ như vậy, tức là đạt được luân tướng thanh tịnh thì ngày hôm đó lập tức tự thệ thọ giới trước Phật. Nếu mọi người cần thì tôi có thể cung cấp nghi thức này cho mọi người.

Cho nên, bắt đầu từ năm 47 tuổi, ngài lại là Bồ-tát tỳ-kheo. Cho nên, sau đó những trước tác của ngài đều dùng tỳ-kheo Trí Húc để ký tên, những chữ ký trước đó là Bồ-tát sa-di. Sau 48 tuổi, năm 48 tuổi ngài viết nguyện văn Chiêm Sát Hành Pháp, thề lay Chiêm Sát Sám. Đến năm 50 tuổi, có lẽ đại sư cả đời hy vọng có năm tỳ-kheo như pháp cùng chung sống, nhưng ước nguyện này vẫn chưa thực hiện được, cho nên ngài nói với đại sư Thành Thực là: “Ngày trước ta niệm niệm muốn khôi phục giới pháp tỳ-kheo, những năm lại đây (tức là những năm gần đây) thì niệm niệm cầu Tây Phương”. Ngài thật sự đã dốc hết sức lực của mình rồi nhưng

vẫn không thể khôi phục được giới pháp tỳ-kheo, cho nên nhất tâm cầu sanh Tây Phương, hy vọng thừa nguyện tái lai, phục hưng lại giới pháp lần nữa. Đến năm 52 tuổi, ngài chỉnh sửa lại “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu” lần cuối cùng, 57 tuổi thì ngài vãng sanh. Bạn xem, mãi cho đến cuối đời, trước khi vãng sanh mà ngài vẫn không ngừng chỉnh sửa lại bộ “Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu” của ngài.

Cuối cùng, 57 tuổi ngài biết trước giờ đi, ngồi mà vãng sanh. Vãng sanh, ngài pháp lạc là 34 năm, tăng hạ là 19 năm. 19 năm tăng hạ là tính như thế nào vậy? Số năm không phải rất nhiều, do ở giữa có một thời gian ngài là Bồ-tát sa-di không được tính tăng lạc; cho nên từ năm ngài 25 tuổi, sau khi thọ giới tỳ-kheo cho đến năm 35 tuổi rút thăm mới biết mình không phải tỳ-kheo, cho nên thời gian đó tính là 10 hạ, sau đó thì không tính nữa, cho đến năm 47 tuổi được luân tướng thanh tịnh, mãi đến năm 57 tuổi, ở đây cũng có 10 lạc, cộng chung lại là 19 hạ, đây là thân phận tỳ-kheo của ngài, đương nhiên tỳ-kheo chân thật có lẽ là 9 hạ cuối cùng. Tết Nguyên Đán năm 47 tuổi được luân tướng thanh tịnh, đến tháng giêng năm 57 tuổi thì vãng sanh, năm 57 tuổi thì không tính nữa, cho nên trên thực tế cộng chung lại là 9 hạ, do đó tỳ-kheo chân thật nên là 9 hạ, nhưng tính cả trước đó thì tăng hạ là 19 năm. Đây là cuộc đời hoằng dương giới luật một đời của đại sư Ngẫu Ích, xin giới thiệu qua với mọi người, rất đáng để hậu học chúng ta làm tấm gương học tập. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi xin giảng đến đây, cảm ơn mọi người !

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 6

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 12/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ cùng chư vị đại tỷ ni sư, chư vị sa-di-ni và quý cư sĩ đang cùng xem trực tiếp ở trên mạng tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành ! Mời để tay xuống !

Hôm nay, chúng ta sẽ chính thức bắt đầu học tập nội dung của 10 giới sa-di. Những buổi trước, cơ bản là giảng về đề kinh và nhân đề, cùng những phần trong lời nói đầu. 10 giới và 26 môn oai nghi của sa-di đều được đại sư Ngẫu Ích trích lục ra từ trong Luật tạng, không có điều nào là do ngài tự ý sáng tác ra cả, cho nên hoàn toàn là thuật lại mà không hề sáng tác.

“Thập giới môn” tổng cộng có 10 điều, chúng ta xem điều giới thứ nhất trước.

“Một là không sát sanh, phạm là loài có sanh mạng thì không được cố ý giết. Nếu tự mình giết, bảo người giết, phương tiện giết, dùng chú giết, phá thai, phá trứng, cho họ uống thuốc độc khiến họ mất mạng thì đều là tội sát. Nếu giết cha mẹ, A-la-hán, thánh nhân thì phạm tội nghịch phải đọa địa ngục A-tỳ. Nếu giết người thì phạm trọng tội, mất giới sa-di, không thể sám hối. Nếu giết trời rồng quỷ thần thì phạm tội bậc trung còn có thể sám hối, diệt được tội phạm giới nhưng không diệt được tánh tội, cuối cùng vẫn phải trả báo. Nếu giết súc sanh như sâu bọ, kiến, muỗi, rận v.v. thì phạm tội bậc hạ, cũng cho phép sám hối, diệt được tội phạm giới, còn tánh tội thì vẫn phải trả báo. Nếu giết người mà không chết thì phạm tội phương tiện bậc trung có thể sám hối.

Nếu giết trời thần, súc sanh, côn trùng v.v. mà không chết thì đều phạm tội phương tiện bậc hạ có thể sám hối. Giúp người khác giết thì đều phạm tội căn bản. Giết người là trọng tội, giết trời v.v. là tội bậc trung, giết súc sanh v.v. là tội bậc hạ. Thấy giết mà hoan hỷ thì phạm tội phương tiện. Nếu thấy người giết thì nên tận sức cứu giúp, nếu không thể cứu thì nên khởi tâm từ bi niệm Phật trì chú cầu mong họ cởi bỏ oán kết, vĩnh viễn đoạn trừ duyên ác.”

Đoạn lớn này chính là nói rõ về giới “không sát sanh”.

Nếu chúng ta giảng về những giới điều này thì trước hết cần giải thích một chút về kết cấu của cách giảng giải. Mọi người hiểu rõ kết cấu này rồi, giống như đặt công thức vậy, bạn sẽ có một khái niệm logic rất rõ ràng. Ngũ giới điều phía trước chính là giết - trộm - dâm - dối - rượu. Những điều này giống với ngũ giới của cư sĩ. Chúng ta cần giải thích tỉ mỉ, do đó chia thành bảy khoa để giải thích.

Khoa thứ nhất là tổng thuyết đề nghĩa, tức là giải thích tên của giới điều này, chính là không sát sanh. Thứ hai là tùy văn thích, nghĩa là căn cứ theo những văn tự vừa đọc để giải thích nghĩa lý bên trong của nó. Thứ ba là cụ duyên thành phạm, xem giới điều này có bao nhiêu duyên, tức là có đủ bao nhiêu điều kiện thì sẽ cấu thành việc phạm giới. Thứ tư là phạm sát xử đoạn, phạm giới sát này, bao gồm phạm điều giới này cũng như phạm các giới *giết, trộm, dâm, dối, rượu* ở phía sau, thì xử trí và phán xét thế nào, là phạm tội nặng hay tội nhẹ, là tội căn bản, hay là tội phương tiện v.v.. Thứ năm là tiêu cảnh tượng, là cảnh giới phạm giới này, còn có tâm tượng của chúng ta, trong này có một số trường hợp không giống nhau, phải nói rõ ràng những điều này, có thể dùng để phán đoán mức độ phạm giới nặng hay nhẹ. Thứ sáu là minh khai duyên. Mỗi một giới điều đều có khai duyên, tức là trường hợp không phạm. Thứ bảy là dị thực quả báo, cũng chính là nói đến nhân quả của phạm giới sát, những hậu quả của nó v.v..

Trước tiên chúng ta giảng khoa thứ nhất là tổng thuyết đề nghĩa. Tổng thuyết đề nghĩa, chúng ta cũng chia làm ba khoa nhỏ để nói rõ. Thứ nhất là giải thích sơ lược tên đề, thứ hai là ý nghĩa chế giới, thứ ba là hai nghiệp tánh giả. Trước tiên giảng “giải thích sơ lược tên đề”. Tên đề này có ba chữ là “không sát sanh”. Phía trước có số “một”, một là không sát sanh. một tức là số mục sắp xếp thứ tự, nên không cần giải thích nữa. Sát sanh tức là nói cảnh giới mà sa-di phạm giới, cũng chính là tội đã phạm. Phía trước thêm chữ “không”, có nghĩa là cấm, có thể đối trị

được hành vi phạm giới này thì chính là không. Hành vi có thể đối trị này cùng với tội lỗi được đối trị, năng và sở gộp lại thì gọi là không sát sanh.

Thế nào gọi là sát sanh? Chính là đoạn dứt mạng căn của chúng sanh hữu tình. Thế nào gọi là mạng căn? Căn cứ như trên luật nói thì mạng căn là do ba bộ phận “thức, hơi thở, hơi ấm” mà tổ hợp thành. Thức chính là thức thứ tám, gọi là làm ông chủ đến trước đi sau. Thức thứ tám là chủ thể luân hồi của chúng ta. Rốt cuộc thứ gì đi luân hồi vậy? Chính là thức thứ tám này, cũng gọi là thần thức. Sau khi con người chết đi, thức thứ tám rời khỏi thân thể thì [cơ thể ấy] hoàn toàn chết rồi. Thông thường mà nói, sau đó nó sẽ bước vào thân trung ấm, sau đó đi tìm cha mẹ có duyên rồi nhập thai, đây là nói thức thứ tám. Hơi ấm là nói nhiệt độ cơ thể. Nếu người tắt thở rồi thì nhiệt độ cơ thể sẽ dần dần giảm xuống, hơi ấm không còn nữa. Sau khi hơi ấm không còn nữa, thức cũng không cách nào để ký thác vào thân thể này nữa. Hô hấp chính là hơi thở. Nếu ba thứ: thức, hơi ấm, hơi thở đều đoạn dứt hết thì mạng căn cũng đoạn dứt.

Khi chúng ta đầu thai, trước tiên thức sẽ đi nhập thai, cũng là do những hạt giống nghiệp thức vô minh của chúng ta, dựa vào nhân duyên cha mẹ giao hợp mà gá vào hai giọt tinh cha huyết mẹ, chúng ta gọi là trứng đã thụ tinh, nhập vào trong thai mẹ, lúc này trong luật gọi là yết-la-lam. Yết-la-lam dịch sang nghĩa tiếng Hoa nghĩa là hoạt chất ngưng tụ, tình trạng lúc này giống như váng sữa mỏng vậy, váng sữa rất mỏng, đây thuộc về danh sắc vị, chính là trong 12 nhân duyên nói: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc; đây là vị trí danh sắc. Thức chính là vừa rồi nói, thức thứ tám. Đầu thai thì liền có danh sắc. Sắc chính là hai giọt tinh cha huyết mẹ, danh là chỉ cho tâm, cho nên lúc này đã có thân và tâm rồi. Đây gọi là thức ban đầu.

Thức ban đầu này bao hàm cả thức thứ tám và thức thứ bảy đều ở trong đó. Thức thứ tám là đi đầu thai, ý niệm thứ hai sát theo sau thì thức thứ bảy liền sanh khởi. Tác dụng của thức thứ bảy là luôn luôn chấp trước kiến phần ở trong thức thứ tám, xem nó là chính mình. Chúng ta biết tám thức này đều có bốn phần, kiến phần tức là chấp trước là chính mình. Tâm ở đây chính là cái tâm do hai thức thứ tám và thức bảy kết hợp lại, vẫn chưa có ý thức thứ sáu, bởi vì khi ấy năm căn vẫn chưa hình thành, ý căn cũng chưa sanh ra, nên vẫn chưa có sáu thức, cho nên chỉ có thức thứ tám và thức bảy gọi là thức ban đầu. Lúc này đã gọi là sanh mạng rồi. Bởi vì họ đã có thức, hơi ấm, xúc. Họ có thức thứ tám ở bên trong, cũng có hơi ấm rồi, đã ở

trong thai mẹ. Họ cũng có hơi thở rồi, hô hấp thì ngay đến tế bào cũng đều có hô hấp, cho nên lúc này chính là mạng căn. Lúc này mà đoạn dứt mạng căn này thì chính là phạm tội giết người, cũng là phá giới căn bản, cho nên nói phá thai chính là giết người. Nếu cư sĩ đã thọ ngũ giới mà phá thai thì cũng là phạm trọng giới giết người, cũng mất giới thể. Bảo người khác giết cũng giống như vậy. Ví dụ, người cha bảo người mẹ phá thai, giống như phía sau nói “bảo người giết” thì đều phạm tội căn bản. Vậy bảo người khác giết người thì cũng giống như phạm tội căn bản giết người. Cho nên, nếu cả hai cha mẹ đều đồng ý phá thai thì hai người đều phạm tội căn bản, đây là phạm trọng tội. Đây là nói đến thức ban đầu, tình hình thức thứ tám ban đầu nhập thai.

Khi người chết chính là khi lâm chung, ý niệm cuối cùng, lúc này gọi là thức sau. Thức sau tức là khi thân thể bị người làm tổn hại, ví dụ như bị dao chém thì trước tiên là tắt thở. Sau khi ngừng thở, thứ hai là nhiệt độ cơ thể dần dần lạnh đi, cuối cùng thứ ba là toàn thân lạnh ngắt thì thức thứ tám này mới rời khỏi thân thể. Cho nên trình tự lúc này, trình tự rời khỏi sẽ ngược lại với trình tự lúc nhập thai. Khi nhập thai trước tiên là thức nhập thai, sau đó sẽ có hơi ấm, có nhiệt độ cơ thể, dần dần sẽ có hô hấp. Khi thức sắp rời khỏi thân thể, lúc chết là hơi thở ngưng trước, sau đó hơi ấm giảm xuống, lạnh ngắt rồi thì cuối cùng thức thứ tám rời khỏi. Nếu thức thứ tám vẫn chưa rời khỏi, thì dù hơi thở của họ đã ngưng, hơi ấm của họ đã lạnh hết rồi, thức thứ tám vẫn ở trong, nếu bạn vẫn khiến mạng căn này bị đoạn dứt thì vẫn phạm trọng tội căn bản. Trường hợp này chúng ta phải hiểu.

Cho nên, chúng ta biết phán đoán một người đã chết là dùng cái gì để phán đoán. Điều này khác với cách phán đoán của y học. Y học thì tắt thở là chết rồi, người vẫn chưa lạnh nhưng đã đưa vào nhà xác trước rồi. Lúc này họ vẫn có tri giác, sẽ cảm thấy vô cùng đau khổ, bởi vì mạng căn của họ vẫn chưa đoạn, cho nên chăm sóc khi lâm chung vô cùng quan trọng. Nếu có thể như pháp mà quan tâm họ, trợ niệm giúp họ, lúc này bởi vì thần thức của họ vẫn ở trong thân thể, có tri giác, họ cùng chúng ta niệm Phật thì vẫn có thể vãng sanh. Giả như họ bị di động thì thân thể rất đau đớn, một ý niệm sân giận khởi lên thì có thể sẽ theo nghiệp sân giận này mà đọa xuống đường địa ngục. Cho nên, đây là nói đến tội sát, chính là đoạn mạng căn. Nếu đoạn dứt mạng căn thì phạm vào tội căn bản. Mạng căn chưa đoạn, tức là trước khi thần thức này - thức thứ tám vẫn chưa rời khỏi thân thể thì vẫn không tính là phạm tội căn bản, chỉ tính là tội phương tiện.

Tiếp theo nói với mọi người về khoa nhỏ thứ hai là ý nghĩa chế giới. Vì sao Phật phải chế giới điều này? Đương nhiên bởi vì là giới sa-di nên chủ yếu là chế định đối với người xuất gia. Đương nhiên cư sĩ cũng có thể nghe khóa học “Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu” này của chúng ta. Việc này trước đây tôi đã thỉnh giáo với hòa thượng Thanh Công rồi. Do có người hoài nghi, cư sĩ không xuất gia làm sao có thể nghe giới sa-di chứ? Hòa thượng Thanh Công nói cũng có thể nghe, vì sao vậy? Thứ nhất sa-di vẫn chưa nhập vào dòng tăng, cũng chính là nói họ chưa thọ giới tỳ-kheo, sa-di-ni vẫn chưa thọ giới tỳ-kheo-ni đều chưa thể nhập vào dòng tăng, chưa thể xem là tư cách của tăng được. Bởi vì sa-di thọ giới cũng giống như cư sĩ thọ ngũ giới vậy. Trước tiên là tam quy y, từ tam quy y mà đắc giới thể, không giống như tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni là ở trong tăng đoàn bạch tứ yết-ma đắc giới thể. Pháp này không giống nhau.

Thứ hai, cư sĩ cũng thường thọ *bát quan trai giới*. bát quan trai giới hoàn toàn giống với 9 điều giới đầu của sa-di, không hề có chút khác biệt nào, cho nên muốn học tập bát quan trai giới thì cũng nên học tập 10 giới của sa-di. Điều giới thứ 10 thì sa-di không giống với cư sĩ, tức là không cầm giữ sanh tượng vàng bạc vật báu. Thông thường chúng ta nói là không cầm giữ tiền bạc, cư sĩ thì không yêu cầu điều này. Bởi vì cư sĩ còn phải mưu sinh, người xuất gia lấy việc ôm bình bát đi khát thực làm chánh mạng, không cần đi kiếm sống nữa, cho nên không cần thiết phải cầm tiền, do đó Phật chế định giới điều này. Cư sĩ học giới điều này cũng có chỗ tốt, bởi vì học điều giới này rồi thì có thể biết cách hộ trì người xuất gia như thế nào. Bạn biết người xuất gia không cầm giữ tiền bạc, vậy bạn sẽ biết được làm thế nào để hộ trì chúng xuất gia. Nếu bạn không hiểu gì hết thì bạn không cách nào hộ trì tăng chúng được. Bao gồm cả 26 môn oai nghi cũng như vậy. Chúng ta hiểu được một số những hành trì này của người xuất gia thì cũng có thể như lý như pháp mà hộ trì tăng đoàn, điều này có lợi ích.

Song nói đến việc chế giới thì chúng ta sẽ dùng ý nghĩa chế giới cho người xuất gia tỳ-kheo và sa-di, đương nhiên bao gồm cả tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ni, còn có sa-di-ni, phải có tứ vô lượng tâm từ - bi - hỷ - xả, gọi là “từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”. Người xuất gia, phía trước chúng ta đã học năm đức của người xuất gia rồi, phải là chí cầu Đại thừa vì độ chúng sanh, không phải chỉ tự lợi, cho nên chúng ta phải lấy tâm từ bi làm căn bản, từ bi cứu giúp tất cả chúng sanh. Đây là sứ mệnh của chúng ta. Hiện nay thì ngược lại, trong tâm ôm ấp phiền não sân giận hoặc là

phiền não tham dục rồi đoạn mất mạng căn của chúng sanh, đã trái ngược nghiêm trọng với tâm từ bi, cũng tổn hại nghiêm trọng [đối với] chúng sanh, hơn nữa làm tổn hại công cụ vận chuyển đạo. Nếu chúng sanh muốn tu đạo thì nhất định phải có thân thể này thì mới có thể tu hành được. Trong sáu đường thì cõi người là cõi tu hành tốt nhất. Hiện nay nếu bạn làm tổn hại thân thể của họ, tức là khiến họ không cách nào tu đạo được. Việc này không chỉ đoạn mất thân mạng của họ, mà cũng đoạn mất pháp thân huệ mạng của họ. Cho nên, trong hết thảy tội lỗi thì đây là tội nghiêm trọng nhất. Do đó, đức Phật chế giới cho sa-di đầu tiên là chế giới không sát sanh. Điều này không giống với giới tỳ-kheo. Điều đầu tiên trong giới tỳ-kheo là không dâm dục. Bởi vì nhiệm vụ chủ yếu của tỳ-kheo là cầu giải thoát, ra khỏi sáu cõi luân hồi, mà chướng ngại căn bản của việc giải thoát chính là do dâm dục. Tình ái dục nhiễm của hết thảy nam nữ sẽ khiến chúng ta đời đời kiếp kiếp ở trong luân hồi không cách nào ra khỏi. Như trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Người thương yêu cái tâm của ta, ta thương yêu cái sắc của người, do nhân duyên này mà thường bị trói buộc”, do đó giới của tỳ-kheo là đầu tiên đoạn tâm dâm dục này. Sa-di vẫn chưa nhập vào dòng tăng, cho nên chế giới sẽ giống với cư sĩ, trước tiên là chế điều giới không sát sanh này, chủ yếu là tu dưỡng tâm từ bi của chúng ta.

Từ là ban vui, bi là cứu khổ. Tứ vô lượng tâm tức là vô lượng từ, vô lượng bi, vô lượng hỷ, vô lượng xả, từ - bi - hỷ - xả. Từ tức là phải luôn luôn yêu thương hết thảy chúng sanh, ban niềm vui cho chúng sanh, phải cứu giúp bảo vệ sanh mạng của chúng sanh. Trong kinh điển có một công án nói rằng có một vị sa-di, sư phụ của ông có thiên nhãn thông, nhập định quan sát ông, biết được thọ mạng của ông chỉ còn bảy ngày, bảy ngày nữa thì phải chết rồi, nên đã khuyên ông về thăm nhà, trở về nhà thì đúng lúc có thể mất tại nhà. Vậy là vị sa-di liền lên đường trở về nhà. Kết quả đi trên đường đúng lúc trời mưa to, ông phát hiện bên đường có rất nhiều kiến đã bị nước nhấn chìm, cho nên ông khởi tâm từ bi lập tức đưa những chú kiến này đến nơi cao ráo, không bị nước nhấn chìm nữa, sau đó ông trở về nhà. Sau bảy ngày liền quay trở lại, không chết. Sư phụ của ông rất kinh ngạc, rõ ràng thấy bảy ngày sau là ông phải chết rồi, tại sao ông còn trở lại được, bèn hỏi ông đã xảy ra chuyện gì. Vị sa-di này đã kể lại sự việc cứu rất nhiều kiến này. Sư phụ của ông lại nhập định quan sát phát hiện thọ mạng của sa-di đã được kéo dài rất nhiều, được trường thọ.

Cho nên, có thể dùng tâm từ bi mà cứu độ chúng sanh thì có thể thay đổi vận mạng của mình, đổi yếu mạng thành trường thọ, bởi vì đây là bổ thí vô úy. Quả báo của bổ thí vô úy là giúp bản thân được khỏe mạnh trường thọ. Ngược lại nếu sát hại chúng sanh, điều này làm tổn giảm phước báo của chính mình, vốn dĩ bản thân có thể được trường thọ, kết quả lại biến thành đoản mạng. Chúng ta không những bản thân phải rộng tu bổ thí vô úy, mà còn phải giúp hết thảy chúng sanh tu bổ thí vô úy. Như Sán Vĩ nơi đây, từ xưa đến nay đều là cảng cá, sát nghiệp cũng rất nặng. Chúng ta xây dựng đạo tràng trì giới ở nơi đây, ngoài việc bản thân cố gắng trì giới tu hành ra, nếu có nhân duyên thì cũng nên vì xã hội đại chúng tuyên dương nhiều về lý luận và sự thật của những nhân quả báo ứng này, khuyên bảo mọi người cũng trì giới, đoạn trừ ác nghiệp, đừng tạo nghiệp sát nữa, như vậy mới có thể đạt được phước báo.

Vô lượng bi chính là nói thương xót hết thảy chúng sanh, nhìn thấy chúng sanh có khổ não, Bồ-tát sa-di nên phát khởi tâm thương xót này, nguyện giúp đỡ hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui. Đại sư Từ Chu từng nói: “Cứu khổ thù thắng nhất không gì hơn giúp chúng sanh sám hối, diệt tội”. Bởi vì nếu tội không được diệt trừ thì nỗi khổ này chẳng những hiện tại thường bị lương tâm của mình giày vò, tâm bất an, hơn nữa tương lai còn phải chịu khổ báo vô tận. Cho nên, tăng đoàn trụ thế như pháp như luật thì có thể giúp đỡ người tại gia, xuất gia diệt tội như pháp. Công đức này rất thù thắng. Ban vui thù thắng nhất không gì hơn truyền giới cho chúng sanh. Bởi vì chỉ cần chúng sanh có thể thọ giới, đắc được giới thể thì có thể tự nhiên phòng lỗi ngừa ác, sẽ không tạo tác ác nghiệp nữa, như vậy sẽ đoạn dứt được cái khổ trong tương lai. Hiện tại đoạn được nhân khổ thì tương lai sẽ không có quả khổ mà có thể thành tựu được thiện báo trong tương lai. Cho nên, hoằng dương giới pháp chính là thể hiện tâm từ bi của chúng ta.

Tâm vô lượng hỷ chính là vui mừng khi thấy chúng sanh có thể lìa khổ được vui. Nhìn thấy chúng sanh có thể đoạn ác tu thiện, có thể sám hối tội nghiệp, có thể thọ giới trì giới, thậm chí niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, chúng ta vui mừng từ tận đáy lòng, hoan hỷ thay cho họ. Tâm tùy hỷ này gọi là tâm vô lượng hỷ. Tùy hỷ với công đức của người thì cũng bằng với công đức của họ.

Tâm vô lượng xả chính là xả bỏ, buông bỏ tâm yêu ghét phân biệt đối với chúng sanh. Đối với hết thảy chúng sanh đều là bình đẳng, không đặc biệt yêu thích chúng sanh nào, hoặc căm ghét chúng sanh nào, không thương không ghét. Làm

người xuất gia thì ít nhất phải tu hành bốn phẩm đức này, chính là “*không yêu, không giận, không sợ hãi, không ngu si*”. Không yêu tức là không yêu thương thiên lệch, dù là cha mẹ người thân của mình thì cũng yêu thương bình đẳng, mà không thiên lệch, bình đẳng giống như đối với hết thảy chúng sanh vậy. Nhìn hết thảy chúng sanh như cha mẹ của mình. Cũng không giận tức là không có tâm sân giận, không có ý niệm oán ghét người nào. Cũng không có tâm sợ hãi, người xuất gia lấy đạo làm bồn hoai, mục đích chính là ra khỏi tam giới, liễu thoát sanh tử, một bình bát tùy duyên hóa độ, thân một mình đi vạn dặm xa, thì có gì mà buông không được, có gì đáng để chúng ta lo lắng sợ hãi chứ? Chết cũng không sợ thì còn sợ cái gì nữa, chết thì chính là dịp vãng sanh Tây Phương, nhưng phạm phu chúng ta luôn có điều sợ hãi, người thông thường sợ hãi điều gì? Sợ phơi bày tội lỗi của mình, bản thân phạm tội, sợ người khác biết, đây chính là tâm sợ hãi. Tâm sợ hãi này rất phiền phức, khiến tội nghiệp của mình không ngừng tăng trưởng. Bởi vì không nói ra, không sám hối tội nghiệp thì mỗi ngày [tội nghiệp] đều sẽ tăng trưởng, nghiệp có tính năng tăng trưởng một cách tự động tự nhiên như vậy. Nếu bạn hành thiện thì thiện nghiệp cũng đang tăng trưởng, buổi tối bạn nằm ngủ nó cũng đang tăng trưởng, nhưng bạn tạo ác mà bạn không phơi bày ác nghiệp đó, không dừng nó lại, tức là không sám hối thì nó cũng sẽ tăng trưởng. Cho nên, phát lộ sám hối thì có thể ngừng dứt ác nghiệp của chúng ta, không nên lo lắng sợ hãi. Còn có không si, không được có tâm ngu si, đem những tâm này đều buông xả hết. Cho nên, người xuất gia lấy từ - bi - hỷ - xả làm bồn hoai, lấy độ chúng sanh làm việc nhà của mình thì sao có thể làm tổn hại thân mạng của chúng sanh cho được? Đây chính là ý nghĩa vì sao đức Phật phải chế điều giới không sát sanh này.

Tiếp theo là khoa thứ ba, khoa nhỏ thứ ba là hai nghiệp tánh và già. Giới có công năng phòng ngừa tội nghiệp của chúng ta. Tội nghiệp có hai loại: một loại là tánh tội, một loại là già tội. Thế nào gọi là tánh tội? Cũng tức là nói vốn dĩ bản tánh của nó là có tội nghiệp này rồi, dù Phật không chế giới, hoặc bản thân chúng ta không thọ giới này, nhưng phạm loại tội này thì vẫn có tội nghiệp, đây là thuộc về tánh tội. Bản thân tội sát sanh chính là một loại tánh tội. Như giết người, dù bạn không phải là đệ tử Phật, bạn không thọ giới này mà bạn giết người thì pháp luật vẫn sẽ trừng trị bạn. Đây là bản tánh đã có tội rồi, giết chúng sanh thì cũng sẽ có nhân quả. Nói cách khác, tức là cũng sẽ có nghiệp. Ngoài tánh tội ra còn có già tội. Già chính là Phật ngăn cấm, Phật chế giới cấm mà chúng ta phạm những điều giới này. Nếu chúng ta đã thọ giới của Phật mà còn cố ý vi phạm thì ngoài tánh tội nói ở

phía trước ra, còn có già tội, tức là vi phạm giới luật của đức Phật, tội như vậy là bất hiếu với Phật, trái nghịch với lời của Phật. Cho nên giới sát có hai tầng tội, phạm giới sát rồi thì có tánh tội và già tội.

Có người hỏi: “Không thọ giới, nếu tôi phạm thì nhiều nhất là phạm một loại tánh tội; tốt rồi, bây giờ tôi thọ giới, chẳng những có tánh tội mà còn có già tội, hai tội nặng, vậy thì tôi thọ giới làm gì chứ? Chỉ có tổn hại, chẳng có lợi ích gì.” Ý nghĩa này đã bị giải thích sai lệch rồi. Phải biết thọ giới có công đức của thọ giới, công đức này rất thù thắng. Trong kinh Phạm Võng nói rằng: “Nếu người thọ giới của Phật thì sẽ chứng đắc được quả vị của chư Phật”. Nếu thọ trì giới pháp này của đức Phật, dù là giới Thanh văn, mà chúng ta dùng tâm đại Bồ-đề để cầu thọ giới thì cũng đạt được giới thể của Bồ-tát, chỉ là kỳ hạn mà giới pháp này của chúng ta quy định, hạn định là hết thọ mạng mà thôi, không giống như giới Bồ-tát Phạm Võng là tận đời vị lai, đó là chỉ cho mức dài ngắn của giới thể này, nhưng thể của nó đều là giới thể của Bồ-tát. Dù là giới thể đến hết thọ mạng, dù bạn trì giới thể bát quan trai giới một ngày một đêm, nhưng chỉ cần phát tâm đại Bồ-đề để thọ thì cũng giống như giới thể của Bồ-tát vậy, chẳng qua kỳ hạn mà bạn ước định là một ngày một đêm mà thôi, còn giới Bồ-tát Phạm Võng ước định kỳ hạn là tận đời vị lai. Ngũ giới, giới sa-di, giới tỳ-kheo v.v., những giới này đều là đến khi mạng chung, nhưng trên thể đều là giới thể của Bồ-tát, cho nên thọ giới thể của giới Bồ-tát thì bằng với nhập vào nhân vị của Phật rồi. Hiện nay vào nhân vị của Phật, tương lai nhất định đạt được quả vị của Phật, cho nên công đức này vô cùng thù thắng, làm sao có thể không thọ giới cho được?

Lại nữa, giới sa-di, giới tỳ-kheo và bát quan trai giới của cư sĩ không giống như ngũ giới của cư sĩ. ngũ giới của cư sĩ, thông thường mà nói quả của [ngũ giới] là thuộc về nhân thiên, chủ yếu do điều thứ ba là giới không tà dâm, nó không ngăn cấm vợ chồng chánh dâm, do đó không triệt để đoạn trừ gốc rễ ái dục của tam giới. Đây là một loại phương tiện tiếp dẫn chúng sanh của Phật. Thật sự muốn ra khỏi tam giới thì phải đoạn trừ gốc rễ ái dục này. Cho nên, bát quan trai giới và giới của người xuất gia, giới sa-di, giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni mới là nhân thật sự để giải thoát.

Nếu nói chúng tôi không thọ giới này, trên thực tế chính là nói chúng tôi không muốn giải thoát đâu. Nói cách khác là tôi cam tâm tình nguyện đời đời kiếp kiếp ở lại trong sáu nẻo luân hồi, không muốn rời khỏi. Đây chính là ngu si, cho

nên thọ giới vẫn phải thọ, thọ rồi đừng phạm là được. Thọ rồi sẽ có công đức, không phạm giới sẽ tránh được tội nghiệp. Không thể nói tôi sợ phạm giới cho nên không thọ giới. Ý là nói tôi sợ phạm giới, tôi sẽ không rời khỏi [sáu đường] đâu, tôi nguyện ở lại trong sáu đường, là ý như vậy. Đã thọ giới thì sẽ có công đức của thọ giới, đương nhiên phạm giới thì tội cũng sẽ tăng thêm một bậc. Làm gì có chuyện dễ dàng như vậy, bạn chỉ muốn được công đức, kết quả thọ giới rồi phạm giới mà tội nghiệp cũng không tăng thêm, đương nhiên không có chuyện dễ dàng như vậy. Cho nên, nếu chúng ta biết phạm giới, tội sẽ nặng thì chúng ta đừng phạm giới. Thật sự phạm rồi thì phải làm sao? Vậy thì như pháp mà sám hối, sanh khởi tâm khẩn thiết để cầu sám hối, vậy thì có thể cứu được. Người không cứu được chính là không chịu sám hối, vậy thì người này hết cách rồi, Phật cũng hết cách.

Tóm lại, tánh tội có ba điểm ý nghĩa: Thứ nhất là trái đạo lý tạo việc ác, tức là trái ngược đạo lý của thế gian, cũng chính là trái ngược với nhân quả, trái ngược với đạo lý thiện nhân thiện quả, hành vi vô cùng xấu ác. Thứ hai là trái ngược giới điều của Phật chế, là vi phạm giáo giới mà đức Phật đã chế định. Thứ ba, có thể chướng ngại đạo nghiệp, là sẽ trở ngại sự nghiệp tu thánh đạo của chúng ta. Cho nên tánh tội có ba điểm ý nghĩa này. Giả tội chỉ có hai điều ở phía sau là trái ngược giới điều của Phật chế và có thể chướng ngại đạo nghiệp, nhưng nó không được tính là trái đạo lý tạo việc ác. Như uống rượu, đây là thuộc về già giới, không thuộc về tánh giới. Nếu không thọ giới mà uống rượu thì không thể xem là việc ác được. Đương nhiên nó chẳng phải là việc tốt đẹp gì, nhưng pháp luật thế gian không trừng trị bạn, trừ phi bạn say rượu mà lái xe, thông thường mà nói thì họ sẽ không trừng phạt. Còn có năm điều phía sau là đeo tràng hoa thơm, bôi ướp hương lên thân, ca múa biểu diễn nghệ thuật. Nếu vi phạm những điều này thì luật pháp cũng sẽ không trừng phạt bạn, nhưng đây là giới của Phật chế, cho nên vi phạm thì chúng ta sẽ phạm già tội. Tôi đã nói xong về “giải thích chung về ý nghĩa tiêu đề” rồi.

Tiếp theo, khoa lớn thứ hai là giải thích nghĩa theo văn tự.

Mời xem lời văn: “Phàm là loài có sanh mạng thì không được cố ý giết”, cũng tức là hễ là chúng sanh có sanh mạng. Phía trước nói chúng sanh có mạng căn là thức, hơi ấm, hơi thở thì chúng ta không được cố ý giết hại. Những chúng sanh này có phạm vi bao quát rất rộng, trên là đến chư Phật thánh nhân, thầy tăng cha mẹ, dưới đến côn trùng bay bò, côn trùng cực nhỏ đều không được giết hại. Nếu

giết chư Phật thánh nhân thì đương nhiên thuộc vào tội nghịch rồi. Nhưng bạn không giết nổi Phật, vì Phật là trời trong trời, thánh trong hàng thánh, phước đức trí tuệ của các ngài là viên mãn, thế gian chẳng ai có phước báo này để có thể hại được Phật. Năm xưa khi Phật còn tại thế, Đề-bà-đạt-đa đã nhiều lần muốn hại Phật nhưng không hại được, nhiều nhất là làm thân Phật chảy máu mà thôi, chảy một chút máu như vậy nhưng đó cũng là tội nghịch. Bồ-tát thánh nhân bao gồm cả A-la-hán thì lại có thể giết hại được, loại nghiệp sát này là thuộc về tội nghịch. Phía sau có nói tội nghịch thì đều dọa địa ngục A-tỳ. Giết thầy tăng cha mẹ đều như vậy, đều thuộc về tội nghịch. Vậy thì giết người chính là trọng tội, giết những loài súc sanh như côn trùng bò bay thì thuộc về tội bậc hạ.

Chữ “cố” này là không được cố ý giết hại. Cần phải đặc biệt giảng qua về chữ “cố” này. “Cố” tức là dụng tâm để làm, nếu không phải cố ý giết mà là lỡ tay giết thì không phạm giới giết. Ở đây xin kể cho mọi người một công án, chính là Lương Võ Đế. Mọi người đều biết ông là một vị đại hộ pháp thời Nam triều. Lương Võ Đế xây dựng 480 ngôi chùa, giúp trên 100.000 người xuất gia đi xuất gia. Ông rất cung kính đối với pháp sư, kết quả một lần có một vị pháp sư, ông rất cung kính mời ngài vào cung. Khi pháp sư đến thì Lương Võ Đế đang đánh cờ với người khác. Khi đang đánh rất cao hứng thì thị vệ vào bẩm báo, nói rằng pháp sư đã đến, nhưng ông không nghe thấy, ông bèn nói “giết đi”. Ông đang đánh cờ, muốn giết những quân cờ của đối phương, kết quả thị vệ phía dưới nghe nói phải giết nên hiểu lầm cho rằng Lương Võ Đế triệu kiến vị pháp sư này đến là muốn chém đầu ngài, nên đã chấp hành thánh chỉ, lôi pháp sư này ra ngoài chém đầu. Kết quả Lương Võ Đế đánh cờ xong thì triệu kiến vị pháp sư đó, kết quả thị vệ báo cáo rằng: “Vừa rồi bệ hạ đã lệnh cho thần giết pháp sư rồi mà”. Lương Võ Đế nói “ai bảo các ngươi giết?” “Chẳng phải ngài bảo thần giết sao?” Lương Võ Đế hỏi hận thì đã muộn rồi, ông liền hỏi “khi sắp chết pháp sư có nói lời gì không?” Người thị vệ đó liền nói: pháp sư nói rằng: đời quá khứ khi bần đạo làm sa-di dùng xẻng xúc đất, đã lỡ tay làm bị thương một con giun. Con giun ấy chính là Lương Võ Đế hiện nay, đây là báo ứng nên phải như vậy rồi.

Chúng tỏ vị pháp sư này cũng là một cao tăng đắc đạo, nhưng giống như cổ đức đã nói: *“Dẫu đến trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo không mất. Lúc nhân duyên hội ngộ, quả báo vẫn tự thọ.”* Những nghiệp trước kia đã tạo, cho dù sau trăm ngàn kiếp thì nghiệp này cũng không tiêu mất, nhân duyên hội tụ rồi thì nghiệp vẫn phải

thọ báo. Giống như vị pháp sư này, trước kia lỡ tay giết chết con giun ấy, hiện nay con giun ấy biến thành Lương Võ Đế, thì ông cũng lỡ giết vị pháp sư này. Lương Võ Đế có bị tính là phạm giới không? Ông cũng là một đệ tử Phật, chắc chắn cũng đã thọ giới của Phật, vậy có tính là phạm giới sát không? Ông giết là người, vậy có phạm giới trọng không? Không phạm, chẳng những không phạm giới trọng, mà ngay đến giới sát nhẹ cũng không phạm. Vì sao vậy? Bởi vì ông không có tâm giết. Không có tâm giết mà lỡ giết thì họ đều không phạm điều giới sát này. Nhưng theo Bồ-tát giới mà nói thì vẫn phải sám hối một giới nhỏ, tức là tự trách sám hối lỗi lầm. Đây là thuộc về trách tâm sám. Đây là nói đến trường hợp không có ý giết. Nếu như có ý giết thì phạm giới sát rồi.

Từ công án này cũng có thể thấy được, bình thường chúng ta xử sự đối đãi với người đều phải cẩn thận thận trọng, nếu không trong vô ý có thể sẽ làm thương tổn chúng sanh, vậy thì nghiệp này vẫn có quả báo. Dù không phạm giới nhưng vẫn có nghiệp. Chúng ta phải “tùy duyên tiêu nghiệp cũ, không tạo thêm họa mới”. Người cầu sanh thế giới Cực Lạc như chúng ta, đời này là thân sau cùng trong lục đạo, vậy thì đừng kết duyên ác với bất cứ chúng sanh nào nữa. Dù chúng sanh tổn hại chúng ta thì chúng ta cũng đừng sân giận, đối lập, báo thù, tùy duyên tiêu nghiệp cũ, tiêu trừ những ác nghiệp trong đời trước của chúng ta, đừng tạo thêm họa mới nữa. Họa mới tức là khởi tâm tham sân si, như người tổn hại ta thì ta liền khởi tâm sân giận, khởi đối lập, những ý niệm này là tạo họa mới, chính là tội nghiệp mới.

Câu văn tiếp theo nói “nếu tự mình giết, bảo người giết, phương tiện giết” v.v.. Chúng ta nói “nếu tự mình giết” trước. Tự mình giết là tự mình ra tay giết, không phải người này tự làm hại chính mình, mà là họ tự ra tay giết, có thể dùng tay đánh đối phương hoặc dùng vũ khí như dao, súng để tổn hại đối phương, hoặc đẩy đối phương xuống hầm hố, hoặc dùng thuốc độc đầu độc chết đối phương v.v.. Tóm lại, dùng các loại phương tiện để đoạn dứt sanh mạng của đối phương.

“Bảo người giết” chính là xúi giục người khác đi giết hại đối phương, không phải đích thân mình tự ra tay mà là bảo người khác đi làm. Bất luận đối phương dùng phương thức như thế nào, bạn bảo người khác đi giết hại đối phương, khiến đối phương chết, thì lúc này bản thân bạn cũng đã phạm nghiệp sát rồi, cũng phạm phải điều giới sát này. Chữ “bảo” này ngoài dùng miệng bảo ra, ở trước mặt xúi giục người khác, cũng có thể phái người đi bảo [người khác giết], cũng có thể dùng

thư từ viết thư, tóm lại là trực tiếp hoặc gián tiếp sai bảo, thậm chí trên luật nói bạn có thể sai bảo truyền từ người này qua người khác, tôi bảo A, A bảo B, B bảo C, rồi C đi giết chết người đó, chúng ta ABC cộng thêm tôi nữa, toàn bộ đều phạm giới sát. Đây là nói về trường hợp sai bảo người giết.

Phía sau còn có “phương tiện giết”, nghĩa là dùng các loại phương tiện để giết chúng sanh. Ví dụ, bắt đối phương trói lại sau đó giết chết, hoặc chỉ là bảo họ đi vào một con đường nguy hiểm, khiến họ mất mạng ở trên con đường nguy hiểm đó v.v.. Đó đều thuộc về phương tiện giết.

Trường hợp “dùng chú giết”. Ở Ấn Độ có một loại chú Tỳ-đà-la, gọi là chú khiến thi thể đứng dậy. Căn cứ theo kinh Ngũ Giới Tướng nói, ví dụ vào ngày 29, bạn có thể tìm được một người chết còn thân thể toàn vẹn, sau đó dùng chú này triệu tập họ, khiến họ đứng dậy, tiếp theo dùng nước tắm rửa sạch sẽ thân thể của họ rồi mặc quần áo cho họ, sau đó bảo họ tay cầm dao rồi sai họ đi giết hại người nào đó. Lúc này họ đi làm, nếu thật sự giết chết đối phương thì bạn liền phạm vào điều tội nghiệp giết người này, phạm trọng giới căn bản. Đây gọi là dùng chú giết. Còn có một loại không nhất định là dùng chú khiến người chết đứng dậy, mà họ có thể làm một người sát, hoặc triệu tập hồn quỷ nhập vào người sát này, sau đó dùng nước tắm rửa cho người sát này, mặc quần áo cho người sát, bảo người sát cầm dao, sau đó tâm niệm miệng nói muốn họ đi giết chết người nào đó. Nếu họ giết chết đối phương thì bản thân bạn liền phạm giới sát. Hiện nay khoa học kỹ thuật phát triển hơn nên họ có thể dùng các loại phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại hóa, trước đây chỉ có người sát, bây giờ dùng người máy, hoặc dùng máy móc đặc biệt gì đó. Tóm lại là dùng các loại phương tiện để giết chết đối phương thì đều phạm vào điều giới sát này.

Tiếp theo nói đến “phá trứng”. Điều này thông thường không phải là con người. Bởi vì con người là thai sanh. Đây là nói đến sanh mạng sanh ra từ trứng, như những loài chim, những động vật bò sát v.v., phần lớn là sanh ra từ trứng. Nếu phá những trứng này khiến sanh mạng ở bên trong bị đoạn mất mạng căn, thì cũng phạm tội sát. Đương nhiên giết súc sanh là thuộc về tội bậc hạ.

Tiếp theo là “cho người uống thuốc độc”, nghĩa là biết đối phương có bệnh mà cho họ uống loại thuốc không phù hợp với bệnh của họ, cho nên đối với họ mà nói thì đây chính là thuốc độc. Sau khi họ uống xong khiến đối phương mất mạng. Vậy thì phải xem chúng ta dùng tâm gì. Nếu không có tâm muốn giết họ thì chỉ

phạm tội nhẹ, không phạm tội nặng. Nếu có tâm muốn giết họ, mà đôi phương cũng bị giết chết thì phạm tội căn bản. Trường hợp này hiện nay chúng ta thường nhìn thấy, nghe thấy, đó gọi là cái chết an lạc. Nhìn thấy một người nằm trên giường bệnh vô cùng đau khổ nên dùng tâm tốt, họ đã chán ghét mạng sống này rồi, chết cũng không chết được, sống cũng sống chẳng xong, làm sao đây? Thôi, chích cho họ một mũi, hoặc cho họ uống một loại thuốc gì đó giúp họ chết một cách an tường. Điều này có tính là giết người không? Trên luật nói vẫn tính là giết người. Cho nên đệ tử Phật chúng ta không được dùng cách chết an lạc này. Vì sao chúng ta không dùng cách chết an lạc? Vì bạn phải biết rằng sự thống khổ lúc lâm chung là do nghiệp lực sai khiến. Nếu không tiêu trừ nghiệp lực này, họ hiện nay không an lạc, cho dù chết rồi thì họ vẫn không an lạc, có thể vào đường ác thì càng không an lạc hơn. Không phải nói bạn chích cho họ một mũi thì nghiệp này liền tiêu mất, làm gì có chuyện dễ dàng như thế. Nghiệp không tiêu thì họ sẽ không an lạc. Thật sự muốn giúp họ chết an lạc thì làm thế nào? Chính là tụng kinh niệm Phật cho họ, cầu sám hối thay họ, cầu sám hối thay cho oán thân trái chủ của họ, ngoài ra giúp họ làm nhiều công đức bố thí, hộ trì tam bảo, giúp họ tu phước tiêu nghiệp thì họ liền được an lạc. Nếu chích một mũi thì họ không an lạc được, mà là bản thân bạn cảm thấy an lạc, có thể họ càng không an lạc hơn, đây là dối mình gạt người.

“Cho người uống thuốc độc” giảng xong rồi, tiếp theo là “khiến họ mất mạng thì đều là tội sát”, chỉ cần khiến mạng căn của họ bị đoạn mất thì thấy đều phạm tội giết hại chúng sanh, cũng chính là xem đối tượng bị giết là gì, có tội bậc thượng, bậc trung, bậc hạ.

Tiếp theo, trên thực tế là cách phán xử việc phạm tội sát. Cách phán xử phạm tội sát, chờ một lát chúng tôi cũng sẽ giảng đến. Ở đây chúng ta đọc qua lời văn trước: “Nếu giết cha mẹ, A-la-hán, thánh nhân thì phạm tội nghịch phải đọa địa ngục A-tỳ”. Địa ngục A-tỳ là địa ngục vô gián. Trong “Thành Thực Luận” giải thích rằng có năm trường hợp vô gián: Thứ nhất là “thú quả vô gián”, tức là người phạm tội nghiệp cực nặng trực tiếp đọa thẳng xuống địa ngục này thọ quả báo, ở giữa không có gián đoạn. Cho nên, hạng người này sau khi chết sẽ không trải qua thân trung ấm. Ở đây hơi thở vừa dứt thì họ lập tức vào vạc dầu ở địa ngục vô gián bên kia. Thứ hai là “thọ khổ vô gián”, hạng người này chịu đủ mọi nỗi thống khổ ở trong địa ngục, không có gián đoạn. Thứ ba là “thời vô gián”, thời gian thọ khổ ở trong địa ngục này rất dài, thời gian, thời kiếp không có gián đoạn. Thứ tư là “mạng

vô gián”, những chúng sanh này ở trong địa ngục thọ mạng đều là một trung kiếp, ở giữa không có tình trạng bị gián đoạn, thọ mạng của họ thì ở trong kinh Địa Tạng nói là trong một ngày vạn lần chết vạn lần sống lại, chịu hình phạt đau khổ cùng cực thì liền chết đi, sau khi chết rồi gió lạnh vừa thổi thì họ lại sống dậy, sống dậy tiếp tục chịu hình phạt rồi lập tức lại chết đi, cho nên một ngày trong vòng 24 giờ đồng hồ phải 10.000 lần sanh tử. Khổ sanh tử là khổ nhất, từ khi mới vào cho đến khi ra khỏi địa ngục trải qua số kiếp không một giờ một khắc ngừng nghỉ. Thứ năm là “hình vô gián”, tức là nói đến chúng sanh trong địa ngục sanh rồi lại chết, chết rồi lại sanh, thân hình này không có gián đoạn. Chúng sanh địa ngục cũng là hóa sanh, họ không cần cha mẹ, không phải nói vạc dầu này là cha tôi để lại cho tôi, tôi kế thừa của cha tôi, không phải như vậy, mà trực tiếp hóa sanh ở trong đó, cho nên địa ngục này gọi là ngũ vô gián. Trong địa ngục thì địa ngục nghiêm trọng nhất thống khổ nhất là người phạm tội nghịch phải đi thọ quả báo.

Trong kinh Địa Tạng cũng nói đến địa ngục vô gián, cũng nói rất tường tận. Chúng ta thật sự muốn trì giới được tốt thì kỳ thực cần phải đọc kinh Địa Tạng nhiều. Kinh Địa Tạng chính là nói đến nhân quả này, đặc biệt là quả báo trong địa ngục, đó toàn bộ là sự thật, không phải Phật Bồ-tát hù dọa chúng ta. Phật Bồ-tát không nói những lời hù dọa người khác, mà nói lời chân thật, lời ngay thẳng, không sai khác, không giả dối, chúng ta nhất định phải tin tưởng, cho nên phạm những tội nghiệp này đều sẽ có quả báo, hiểu được nhân quả thì mới không phạm giới, vì sao con người lại phạm giới? Chính là không biết nhân quả, không sợ nhân quả, cho rằng không có nhân quả, hù dọa tôi mà thôi, thật sự đến khi quả báo hiện tiền thì hối hận không kịp.

“Nếu giết người thì phạm trọng tội, mất giới sa-di, không thể sám hối”. Đây là dùng pháp Tiểu thừa để nói, giết hại một người thông thường, không phải là thánh nhân. Thánh nhân là chỉ người đã đoạn phiền não, ít nhất là đoạn được kiến hoặc, là thánh nhân Sơ quả trở lên. Ở đây nói La-hán, A-la-hán chúng Tứ quả, giết những thánh nhân này chính là phạm tội nghịch, vì sao vậy? Bởi vì giết những người này không chỉ là giết một mình họ, hơn nữa người này có thể giáo hóa chúng sanh, họ có thể làm nơi nương tựa cho chúng sanh, có thể giúp chúng sanh giải thoát, mà bạn giết hại họ thì bằng với việc đoạn mất pháp thân huệ mạng của chúng sanh, cho nên tội nghiệp này đặc biệt nặng, giết người bình thường thì phạm trọng tội, mất giới thể của giới sa-di, đây gọi là không thể sám hối. Trong pháp Tiểu thừa

gọi là không thể sám hối, bởi vì dùng pháp sám hối trên luật thì chính là tác pháp sám, việc này thì không cách gì sám được. Tác pháp sám chỉ có thể sám trừ những tội bậc trung trở xuống, còn có tội phương tiện đều có thể tác pháp sám.

Như mỗi buổi tối tỳ-kheo, sa-di chúng tôi đều *đối thú sám hối* (đối mặt thú tội sám hối), đem những giới mà mình đã phạm, dù là vi phạm những giới nhỏ trong chương thứ năm thì sẽ có tình huống đối thú sám hối. Đây gọi là tác pháp sám. Những cư sĩ chúng ta ở nơi đây cũng rất ưa thích đối với giới pháp, ít nhất mỗi nửa tháng trước khi tụng giới, tức là buổi sáng ngày tụng giới thì tăng đoàn chúng ta sẽ tập trung ở đại điện làm một hoạt động pháp sự, để cư sĩ, nghĩa công của chúng ta đến sám hối trừ tội.

Thông thường mà nói, phạm giới nhẹ thì đối thú sám hối với một vị pháp sư, dù là sám hối với sa-di, tiểu chúng cũng có thể được, năm chúng xuất gia đều có thể trừ tội cho người, truyền ngũ giới cho người. Ví dụ phạm giới tương đối nặng, ví dụ trong tội giết thì tội phương tiện giết người là tội phương tiện bậc trung, như vậy thì không thể chỉ sám hối với một người mà phải sám hối với hai, ba vị pháp sư. Ví dụ phạm trọng tội giết người, ví dụ như phá thai, lúc này cũng không thể chỉ sám hối với hai, ba người được, mà ít nhất phải sám hối với bốn người, bốn vị tỳ-kheo tăng, bốn người mới thành tăng thể, như vậy mà tác pháp, đối trước bốn người mà phát lộ sám hối, nhưng cách làm như vậy vẫn không thể trừ tội, cần phải về nhà hoặc ở đạo tràng tiếp tục lay thủ tướng sám. Thủ tướng sám tức là thông qua việc lay sám hối theo nghi thức của Đại thừa. Ví dụ có rất nhiều như Pháp Hoa Sám, Đại Bi Sám, còn có Tịnh Độ Sám v.v., dùng tâm chí thành bái sám có thể thấy được tướng lành, tướng lành chính là thấy ánh sáng, thấy hoa, Phật đến xoa đánh v.v. các loại tướng lạ thì có thể diệt trừ tội của chúng ta. Điều này trong “Phạm Võng Bồ-tát Giới” đều có nói đến.

Đại sư Ngẫu Ích đặc biệt tôn sùng Chiêm Sát Sám, chính là lấy thanh tịnh luân tướng làm tướng lành. Nếu thấy được thanh tịnh luân tướng thì tội này cũng đã diệt trừ rồi, hơn nữa đại sư Ngẫu Ích nói không những có thể diệt trừ trọng tội, thậm chí tội nghịch cũng đều có thể diệt trừ, cho nên Chiêm Sát Sám thù thắng hơn so với những sám pháp khác, cũng là do [oai lực của] hết thảy Bồ-tát đều không thể sánh bằng oai lực của Bồ-tát Địa Tạng, như trong kinh Địa Tạng Thập Luân đã nói. Phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa nói xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát một tiếng thì vượt hơn xưng danh hiệu của 62 ức hằng hà sa Bồ-tát. Oai lực của Quán

Thế Âm Bồ-tát vô cùng thù thắng, cho nên lạy Đại Bi Sám chính là mời Quán Thế Âm Bồ-tát làm chủ sám hối của chúng ta. Kinh Địa Tạng Thập Luân lại nói, chúng ta có thể chí thành lễ bái xưng danh hiệu Địa Tạng Bồ-tát trong khoảng một bữa ăn, là thời gian rất ngắn thì đều có thể vượt hơn trải qua thời gian kiếp số lâu xa xưng niệm, cúng dường, lễ bái ngài Quán Âm, Di-lặc, Phổ Hiền. Nguyên văn này, có thời gian thì tôi có thể đọc ra cho mọi người nghe, cho nên có thể thấy được xưng danh Địa Tạng Bồ-tát, lễ lạy hình tượng Địa Tạng Bồ-tát, công đức này vượt xa lễ lạy những đại Bồ-tát như Quán Âm, Phổ Hiền, Văn-thù, Di-lặc.

Đây không phải nói những Bồ-tát này các ngài có cao thấp, mà là vì Bồ-tát có duyên không đồng với chúng sanh chúng ta. Duyên của Địa Tạng Bồ-tát với chúng ta vượt xa duyên của những đại Bồ-tát như Quán Âm, Phổ Hiền, Di-lặc, Văn-thù. Đương nhiên duyên phận của những vị Bồ-tát ấy với chúng ta cũng rất sâu. Như trong kinh Địa Tạng cũng có nói Quán Âm Bồ-tát có nhân duyên lớn với chúng sanh chúng ta, nhưng nhân duyên của Địa Tạng Bồ-tát lại sâu hơn. Phật không độ người không có duyên, có duyên thì nhất định độ, cho nên từ kiếp lâu xa đến nay chúng ta đã kết duyên sâu dày với Địa Tạng Bồ-tát rồi. Do đó mời ngài làm chủ sám hối thì rất dễ diệt tội. Trong thân phận Bồ-tát thì Bồ-tát Địa Tạng là vị có duyên nhất. Điều này có kinh Địa Tạng Thập Luân làm căn cứ. Trong số chư Phật, vị có duyên nhất đương nhiên chính là A-di-đà Phật, do đó chỉ cần lâm chung 10 niệm đều có thể vãng sanh Tây Phương. Đây là có duyên sâu dày với A-di-đà Phật.

Duyên phận sâu dày cũng chính là nói bạn tin tưởng ngài, đây là có duyên. Bạn không tin tưởng ngài thì chính là không có duyên. Bạn tin tưởng ngài, có duyên với ngài, vậy thì sẽ được lợi ích của ngài. Giống như bạn nghe một vị pháp sư giảng kinh mà bạn tin tưởng vị pháp sư ấy, bạn cho rằng lời pháp sư giảng đều đúng cả, vậy thì bạn có thể đạt được lợi ích từ lời pháp sư nói. Bạn hoài nghi pháp sư, người này có được không, rốt cuộc giảng có đúng không? Cho dù pháp sư giảng không sai chút nào, nhưng tâm hoài nghi này của bạn chứng tỏ bạn với pháp sư có duyên mỏng, cho nên bạn được lợi ích từ họ rất ít. Đạo lý này rất đơn giản. Chúng ta có duyên rất sâu với Địa Tạng Bồ-tát, tuyệt đối không dám hoài nghi Địa Tạng Bồ-tát, lời ngài nói nhất định là đúng, càng không dám hoài nghi A-di-đà Phật, cho nên lợi ích đạt được sẽ rất sâu dày.

Cho nên, chúng ta thủ tướng sám thì phải tìm sám pháp có duyên nhất, được tướng lành rồi thì có thể diệt được trọng tội này. Điều này thì trong pháp Đại thừa mới được, trong Tiểu thừa không có, cho nên Tiểu thừa nói không thể sám hối. Không thể sám hối tức là chỉ cần vừa mất giới thể, dù là phạm trọng tội trong ngũ giới, phạm trọng tội của bốn tánh giới giết - trộm - dâm - dối thì đều không thể sám hối, nghĩa là tương lai bạn thọ bất cứ giới nào, thọ lại ngũ giới hoặc thọ bất quan trai giới, hoặc là xuất gia thọ giới sa-di, giới tỳ-kheo, hoặc thọ giới Bồ-tát Đại thừa tất cả đều không đắc giới. Đây gọi là không thể sám hối, cũng tức là không cứu được, đã phạm biên tội, vút thì thể ở ngoài bờ biển lớn của Phật pháp, không thể vào trong biển lớn của Phật pháp.

Nhưng thông qua thủ tướng sám của Đại thừa, sau khi đạt được tướng lành thì có thể diệt được tội này, bạn có thể thọ lại giới, có thể đạt được giới thể, cho nên dù là giới sa-di, đã thọ ngũ giới, bất quan trai giới, giới sa-di, nếu phạm trọng tội rồi mà sau khi đạt được tướng lành thì có thể thọ lại giới, thậm chí thọ lại giới tỳ-kheo đều không có chướng ngại, không trở thành chướng nạn nữa. Khi giới sư hỏi có phạm biên tội không? Bạn có thể trả lời là không, bởi vì đã sám sạch sẽ rồi, không còn nữa, lúc này trả lời là không. Chưa thấy tướng lành thì chính là “có”, vậy thì không thể thọ giới. Còn có một trường hợp đặc biệt chính là khi tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, hai hàng người này đã thọ giới cụ túc, nếu phạm biên tội của bốn trọng giới, khi tỳ-kheo phạm bốn trọng giới, tỳ-kheo-ni phạm tám trọng giới. Nếu phạm trọng tội thì mất giới thể, sau khi mất giới thể thì phải làm sao? Bạn lại đi lay thủ tướng sám, thấy được tướng lành rồi liệu còn có thể thọ lại giới tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo-ni lần nữa không, có hồi phục được đầy đủ thân phận của tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni được không? Điều này thì không được. Trong “Phạm Võng Kinh Hợp Chú”, đại sư Ngẫu Ích có nói bởi vì tăng thể tôn quý. Sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na thì còn có thể, tức là thấy được tướng hảo rồi thì tiến lên thọ đại giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, đắc giới thể. Nhưng nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni phạm trọng giới thì dù thấy được tướng lành rồi, nhiều nhất chỉ có thể làm học hồi tỳ-kheo, hoặc học hồi tỳ-kheo-ni, cả đời bị mất 35 việc, không thể dự vào dòng tăng chính thức, có sự phân biệt như vậy.

Vâng, hôm nay đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi, có chỗ nào giảng không được thỏa đáng xin mọi người phê bình sửa sai giúp, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 7

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 13/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, thành phố Sơn Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỷ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tại hiện trường tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành !

Mời mở kinh sách, chúng ta tiếp tục xem điều giới thứ nhất “không sát sanh”. Đoạn văn nói về điều giới này là đại sư Ngẫu Ích trích lục ra từ trong Luật tạng. Buổi trước chúng ta nói đến:

“Nếu giết người thì phạm trọng tội, mất giới sa-di, không thể sám hối.”

Đây là nói đến trường hợp phạm giới trọng căn bản. “Phạm trọng tội”, trong ngũ giới, bát quan trai giới cũng gọi là tội bậc thượng, tức là trọng tội. Trong giới Bồ-tát thì gọi là “tội ba-la-di”. Ba-la-di là chỉ tội chặt đầu, giống như người bị chặt đầu vậy, không thể sống lại được. Trong giới sa-di dùng trọng tội để nói. Gọi là “không thể sám hối” nghĩa là tác pháp sám hối trong giới pháp Thanh văn Tiểu thừa thì không thể thanh tịnh được. Trong pháp môn Đại thừa có thể lạy Thủ Tướng Sám, thậm chí Vô Sanh Sám thì có thể sám hối được.

Tiêu chuẩn của Thủ Tướng Sám là lạy sám. Căn cứ theo nghi thức bái sám của Đại thừa mà thấy được tướng lành, như tướng lành thông thường là chỉ [cho việc] thấy ánh sáng, thấy hoa hoặc thấy Phật đến xoa đầu, thậm chí thấy trong mộng thì đều tính là tướng lành. Nhưng có khi bản thân không hiểu rõ lắm đối với nghĩa lý chính xác của những tướng lành này nên chưa chắc đã phán đoán được chuẩn xác. Đại sư Ngẫu Ích và đại sư Hoàng Nhất đều tôn sùng Chiêm Sát Sám, dùng thanh tịnh luân tướng để hiển thị tướng lành này, điều này rất khách quan.

Bạn gieo mộc luân, thân khẩu ý, đây là luân thứ hai, tổng cộng có ba luân, có thể gieo liên tục ba lần, một lần ba luân, tổng cộng chín luân tướng. Nếu đều là thiện, bất luận là đại thiện hay tiểu thiện, đây gọi là thanh tịnh luân tướng. Thông thường nếu chuyên chú, chí thành lễ sám, trên kinh nói, nhanh nhất là 7 ngày, sáng ngày thứ 8 gieo mộc luân thì được thanh tịnh luân tướng. Cũng có người một tháng thì được, cũng có người hai tháng thì được, cũng có người một năm thì được, trên kinh nói chậm nhất là ba năm nhất định được, nhưng bạn không được thoái thất sơ tâm, nhất định phải chí thành khẩn thiết, giữ gìn nguyện tâm này thì ba năm, tức là 1.000 ngày, nhất định đạt được. Cho nên, người có chí nguyện mong muốn cầu thanh tịnh luân tướng để sám hối giới trọng thì đây là một phương pháp hay.

Hơn nữa, việc này có thể nhờ họa mà được phước, tại sao gọi là nhờ họa mà được phước? Nghĩa là nếu bạn vốn dĩ phạm tội nặng, đáng lẽ bị diệt tận. Sa-di hoặc tỳ-kheo, sa-di-ni, thức-xoa-ni, tỳ-kheo-ni, theo đạo lý là phải bị diệt tận, trừ phi bạn khóc lóc muốn ở lại trong tăng đoàn, không muốn rời khỏi thì tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni có thể làm một vị học hồi yết-ma, đưa họ xuống thành học hồi tỳ-kheo-ni hoặc học hồi tỳ-kheo, không được làm 35 việc. Nếu họ lay được thanh tịnh luân tướng thì có thể ở trước Phật tự thệ thọ giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni. Điều này ngược lại sẽ đạt được giới thể chân thật.

Bởi vì thông thường mà nói, đây là đại sư Hoằng Nhất nói, chứ chúng tôi không dám tự nghị luận lung tung, từ sau thời Nam Tống sáu đến bảy trăm năm lại đây, người dựa vào việc đăng giới đàn, bạch tứ yết-ma thọ giới mà được giới thể thì không còn nữa, có thể nói là không có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni chân thật. Không có giới thể chân thật này, trên thực tế đương nhiên cũng không thể nói đến việc họ phạm trọng giới không thể sám hối. Bởi vì gọi là phạm giới thì nhất định phải có giới thể mới luận là phạm giới, mới luận là trì giới. Ví dụ họ không có giới thể thì không thể nói đến việc trì, cũng không thể nói đến việc phạm được. Dù trước đây họ có thể đã thọ ngũ giới, bát giới, thậm chí giới sa-di có thể sẽ được giới thể, còn có giới Bồ-tát cũng có thể đạt được giới thể, nhưng giới thể của giới tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni thì chắc chắn không đạt được. Đây là lời của đại sư Hoằng Nhất nói. Chúng tôi tin tưởng đại sư Hoằng Nhất là Luật sư một thời sẽ không tùy tiện nói những lời không có căn cứ, nên chắc chắn là đáng tin cậy. Đại sư Ngẫu Ích cũng từng nói những lời như vậy.

Cho nên, giả dụ một vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni phạm trọng giới, trên thực tế họ là danh tự tỳ-kheo, danh tự tỳ-kheo-ni. Sau khi họ y theo Chiêm Sát Sám được thanh tịnh luân tướng, ngược lại có thể ở trước tượng tam bảo tự thệ thọ giới, đạt được giới Bồ-tát tỳ-kheo, hoặc giới Bồ-tát tỳ-kheo-ni, có thể được tất cả tam đàn tịnh giới, giới sa-di, tỳ-kheo, Bồ-tát, toàn bộ đều có thể đắc được giới, như vậy thì họ có thể thật sự nhập vào dòng tăng. Do đó, tôi nói nhờ họa mà được phước, vốn dĩ là có họa phạm trọng tội, nhưng họ vừa quay đầu như vậy thì trái lại thành tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni chân thật. Đương nhiên nếu họ lại phạm giới trọng nữa thì xin lỗi, trên luật nói, đây là nói đối với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni: nếu phạm giới trọng thì nhiều nhất là tác pháp bạch tứ yết-ma cho họ lần nữa, làm học hồi tỳ-kheo hoặc học hồi tỳ-kheo-ni, họ vĩnh viễn không thể khôi phục lại tăng thể đầy đủ nữa.

Cho nên, họ chỉ có thể được lần này thôi, giống như đánh bóng bàn vậy, từ tỳ-kheo danh tự đến tỳ-kheo chân thật, nhưng một khi tỳ-kheo chân thật tái phạm lỗi thì họ sẽ thật sự mất đi giới thể, tức là không thể sám hối. Dù là Thủ Tướng Sám của Đại thừa chỉ có thể giúp họ diệt được tội nghiệp đạo, chứ không thể khôi phục lại tăng thể tỳ-kheo đầy đủ nữa. Không giống như những giới khác, phạm ngũ giới, bát giới, giới sa-di, giới Bồ-tát, mỗi lần phạm trọng giới thì mỗi lần có thể lay Thủ Tướng Sám để khôi phục lại, thọ giới lại, vẫn được giới thể đầy đủ. Nhưng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni liên quan đến tăng luân. Đây là giới thể vô cùng tôn quý, chỉ có thể được một lần, một khi phá thì sẽ phá vĩnh viễn. Trường hợp không thể sám hối ở đây tôi đã nói qua rồi.

Thứ tư, điều tiếp theo này chính là:

“Nếu giết trời rồng quỷ thần thì phạm tội bậc trung còn có thể sám hối, diệt được tội phạm giới nhưng không diệt được tánh tội, cuối cùng vẫn phải trả báo.”

Nếu đối tượng bị giết là chúng sanh trên trời, như người trời hoặc là rồng, quỷ thần, việc này sẽ nhẹ hơn phạm tội giết người một chút, tức là phạm tội bậc trung. Phạm tội bậc trung thì không đến mức mất giới thể, nhưng cũng tương đối nặng. Tuy cho phép sám hối, có thể “diệt được tội phạm giới”, sám hối này tức là chỉ tác pháp sám, phạm tội bậc trung, thông thường tốt nhất là đối trước hai, ba vị tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo-ni để sám hối. Thực sự không tìm được hai, ba vị, chỉ có thể tìm được một vị thì miễn cưỡng cũng có thể được, dùng tâm khẩn thiết để tác pháp sám hối. Dựa theo nghi thức sám hối, đối trước hai, ba vị tỳ-kheo này mà khẩn thiết phát lộ sám hối. Nghi thức này đều có, như “Ngũ Giới Tụng Giới Nghi Quỹ”,

chúng tôi biên soạn phía sau có phụ thêm lời văn của pháp đối thú sám hối. Trong “Tăng-già Tác Trì Yếu Tập” cũng có thể tìm được văn sám hối như vậy, có thể linh hoạt sửa đổi một chút thì có thể dùng được.

“Tội phạm giới” cũng gọi là già tội, tức là chúng ta vi phạm những giới điều mà Phật đã chế định. Đây là điều mà Phật ngăn cấm nhưng chúng ta vẫn cố ý phạm, đây là phạm già tội. Song “không diệt được tánh tội”. Đây là nói nhân quả ở thế gian sẽ không vì bạn đã tác pháp sám hối, diệt được tội phạm giới rồi thì có thể không cần trả nhân quả, không có đạo lý này, cho nên tánh tội sẽ không diệt mất, “cuối cùng vẫn phải trả báo”. Hôm nay, nếu chúng ta giết họ thì tương lai họ vẫn phải giết chúng ta. Hôm nay giẫm chết một con trùng nhỏ, tương lai có thể nhiều đời nhiều kiếp sau, con trùng này biến thành người cũng sẽ giẫm chết chúng ta, đây đều là nhân quả báo ứng. Thậm chí là vô ý giết, vô ý giết là không có tâm giết, tức là chỗ này nói không cố ý giết, cố ý tức là có tâm giết. Vô ý giết thì vẫn có nhân quả. Tuy không có tội, không có tội phạm giới, nhưng nó vẫn có nhân quả, tương lai cũng sẽ bị người vô ý giết lại. Như hai đời trước của đại sư An Thế Cao chính là đến Trung Quốc, vô tình bị người giết hại hai lần, đều là hoàn trả nhân quả trong đời trước. Do đó, đối với hết thảy chúng sanh thì chúng ta đều cần thận trọng, cung kính. Tiếp theo:

“Nếu giết súc sanh như sâu bọ, kiến, muỗi, rận v.v. thì phạm tội bậc hạ, cũng cho phép sám hối, diệt được tội phạm giới, còn tánh tội thì vẫn phải trả báo.”

Giả sử đối tượng bị giết hại là súc sanh, không phải là con người, cũng không phải là trời rồng quỷ thần, mà là súc sanh, tất cả động vật, bao gồm loài nhỏ như côn trùng, kiến, muỗi, bọ chét, rận thì đều phạm tội bậc hạ, thậm chí biết trong nước có trùng mà uống là ngang với sát sanh, cũng vẫn phạm tội bậc hạ. Đây đều chỉ trường hợp cố ý giết. Vô tình giết thì không tính là phạm, nhưng cũng nên tự trách sám hối lỗi lầm.

Phạm tội bậc hạ đương nhiên cũng cho phép tác pháp sám hối, trường hợp này thì chỉ cần đối trước một vị pháp sư; sa-di thì có thể đối trước sa-di hoặc đối trước một vị tỳ-kheo cũng được, tác pháp đối mặt thú tội, bạch văn để sám hối. Những việc này hầu như mỗi buổi tối tăng đoàn chúng ta đều có đối thú sám hối như vậy. Mỗi ngày chúng ta đều kiên trì giữ vững cách tác pháp sám hối như vậy là điều vô cùng tốt. Bởi vì thường xuyên sám hối thì tội ngày hôm đó sẽ được diệt trừ ngay hôm đó. Ngay đến những giới nhỏ nhất chúng ta đều phải cẩn thận không vi

phạm, có phạm thì liền sám hối, như vậy lâu ngày chầy tháng thì có thể giữ được giới khinh và trọng, trong sạch như băng tuyết, không nhiễm chút bụi nào. Tuy tác pháp sám hối diệt được tội phạm giới, nhưng tánh tội, nhân quả vẫn phải đền trả.

Ở đây xin kể cho mọi người nghe một công án. Trước đây, khi Phật còn tại thế có hai vị tỳ-kheo từ một nơi rất xa đến bái kiến đức Phật. Tỳ-kheo cần phải đem theo sáu thứ là ba y, bát, còn có dụng cụ, còn một thứ nữa là túi lọc nước. Tác dụng của túi lọc nước chính là khi đi đường muốn uống nước ở khe núi hay khe suối, có thể nước trong khe suối có trùng thì dùng túi lọc để lọc đi, sẽ không đến nỗi uống nước có trùng này. Kết quả họ nhìn thấy bên đường có một cái giếng, đương nhiên họ rất khát nước, vì vậy muốn uống nước này. Kết quả lấy nước lên xem thì phát hiện trong nước có trùng, rất nhiều trùng, trùng rất nhỏ. Trên luật nói phàm là trùng mà mắt thịt của bạn có thể nhìn thấy được thì nước như vậy không được uống, không nhìn thấy thì có thể uống. Không nhìn thấy thì đương nhiên hết cách rồi. Như nước thông thường thì chắc chắn bên trong còn có vi khuẩn, bạn uống vào thì không tính là phạm. Nhưng mắt thịt có thể nhìn thấy thì việc này không thể được.

Có một tỳ-kheo nói: “Bây giờ chúng ta rất khát, nếu không uống nước này thì chúng ta sẽ chết khát, chúng ta làm sao có thể đi gặp đức Phật được đây?” Cho nên vị đó bèn uống nước. Vị tỳ-kheo còn lại thì rất xem trọng việc trì giới: “Đức Phật chế định không được uống nước có trùng, chúng ta đã không mang túi lọc nước thì thà chết cũng không được uống nước này.” Cuối cùng vị tỳ-kheo này không uống nước và bị chết khát ở trên đường, còn lại vị tỳ-kheo kia, ông vẫn tiếp tục lên đường, cuối cùng đã đến được chỗ đức Phật, bái kiến đức Phật. Kết quả, Thế Tôn vừa thấy vị tỳ-kheo này liền trách mắng ông rằng: “Ông là một người ngu si, ông không bằng người bạn của ông. Bạn của ông vì hộ giới mà mất mạng, nhưng ông ấy đã sanh lên trời làm thiên nhân rồi, sau đó ông ấy lập tức đến chỗ ta, ông ấy đến sớm hơn ông. Đây mới là đệ tử tốt chân thật của ta. Còn ông dù hiện nay đến bên cạnh ta, nhưng ông cách xa ta cả ngàn dặm.”

Cho nên, ví dụ ở đây đã nhắc nhở chúng ta làm người xuất gia thì phải đặt giới lên chỗ chí cao vô thượng, giống như đức Phật vậy, phải “lấy giới làm thầy”. Giới chính là đại sư của quý vị, đại sư chính là đức Phật. Giả sử vị tỳ-kheo này đã hủy hoại giới pháp, rồi đi bái kiến đức Phật, tuy gặp đức Phật nhưng trên thực tế đã cách Phật rất xa, do không y giáo phụng hành. Còn vị tỳ-kheo kia thà chết cũng không phạm giới, ông mới là người thật sự gặp được Phật. Bởi vì giới thể chính là

pháp thân của Phật. Chúng ta có thể hộ trì tốt giới thể của chúng ta thì chính là hộ trì pháp thân của Như Lai. Pháp thân này là “mười phương tam thể Phật cùng chung một pháp thân”, Phật cũng là pháp thân này, chúng ta cũng là pháp thân này. Thành Phật là dựa vào pháp thân này, thứ được thành tựu chính là pháp thân này. Cho nên, hiện nay cố gắng trì giới thì tương lai có thể đạt được giới pháp thân, ngũ phần pháp thân là *giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*. Chúng ta cố gắng trì giới thì chính là giới pháp thân.

Tiếp theo mời tiếp tục xem kinh văn:

“Nếu giết người mà không chết thì phạm tội phương tiện bậc trung có thể sám hối.”

Giả sử cố ý muốn giết hại một người, nếu đã giết chết đối phương, tức là mạng căn của họ đã đoạn dứt rồi. Thức, hơi ấm, hơi thở của họ đều dứt hết, hơi thở đã ngưng, nhiệt độ cơ thể cũng không còn nữa, cuối cùng thần thức cũng rời khỏi thân thể rồi, đó là mạng căn đã đoạn. Khi ấy người này phạm trọng tội. Giả sử họ chưa chết, trước khi chưa chết thì đều thuộc về tội phương tiện, vẫn chưa phạm vào tội căn bản, tội phương tiện thuộc vào tội bậc trung, bằng với tội giết trời, rồng, quỷ thần. Tội như vậy vẫn có thể sám hối. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Chỗ này có một chương “thiên tự” chuyên nói riêng về tội bậc trung này, không giống trong giới sa-di nói bậc thượng, bậc trung, bậc hạ chung chung như vậy. Nó chia thành năm thiên bảy tự, đây thuộc về tự thứ ba. Bởi vì có sa-di và cư sĩ nghe nên không tiện để giảng về chương “thiên tự” này.

Tự này cũng chia thành ba bậc thượng, trung, hạ. Nếu “giết người không chết” thì phạm tội bậc thượng trong tự thứ ba. Đây gọi là tội phương tiện, tức là mạng căn vẫn chưa đoạn. Nếu mạng căn vừa đoạn thì không còn là tội phương tiện nữa, mà sẽ trở thành tội căn bản. Tội phương tiện cũng gọi là nhân tội, chỉ là ở trên nhân vẫn chưa thành quả. Loại này thì vẫn có thể sám hối. Chỗ này cũng phải giảng qua một chút, ví dụ bản thân tôi tự giết mình, hiện nay gọi là tự sát, nhảy lầu tự sát, đây cũng là giết người. Ví dụ bạn là một người xuất gia, một vị sa-di, nhất thời bản thân bạn có thể nghĩ không thông mà nhảy lầu, trên thực tế bạn cũng là phạm giới, vì sao vậy? Bởi vì bản thân cũng là người. Bạn có ý, bạn là cố ý giết, giết cơ thể này của chính mình, cũng là phạm giới giống như vậy, nhưng họ sẽ không phạm tội căn bản.

Vì sao vậy? Giới sa-di và giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thậm chí là ngũ giới hay bát giới của cư sĩ đều là như vậy, đều là cho đến hết thọ mạng. Giới bát quan trai thì chỉ một ngày một đêm nên không bàn đến, không giống như giới Bồ-tát là tận đời vị lai. Đến hết thọ mạng chính là nói ví dụ thọ mạng hết rồi, sau khi chết thì giới thể này sẽ tự nhiên mất đi. Cho nên, nếu bạn tự giết chính mình, giả sử bạn thật sự chết đi. Ngay khi chết đi thì giới thể của bạn liền không còn nữa, không còn giới thể nữa thì không thể nói đến vấn đề phạm giới được, không có giới để phạm. Cho nên, tự mình giết mình chắc chắn sẽ không phạm giới căn bản. Bởi vì vừa chết đi thì họ không có giới nữa. Không có giới đương nhiên sẽ không phá giới căn bản, nhưng sẽ phạm tội phương tiện bậc trung. Bởi vì bản thân họ muốn giết chính mình, cho nên người tự sát sẽ phạm tội phương tiện bậc trung. Dùng giới tỳ-kheo để nói thì đây là tội bậc thượng ở trong tự thứ ba.

Cho nên ví dụ bạn được cứu sống, được cứu sống thì bạn vẫn phải quay lại sám hối tội này, sám hối tội phương tiện bậc trung. Đây là nói đến giới thể được thọ cho đến hết thọ mạng trong giới pháp của Thanh văn thì mới như vậy, sẽ không phạm giới căn bản, tự sát sẽ không phạm giới căn bản. Nhưng đối với giới Bồ-tát mà nói thì vẫn sẽ phạm tội căn bản, vì sao vậy? Bởi vì giới thể của giới Bồ-tát là một khi được thì vĩnh viễn được, tận cùng đời vị lai, không phải sau khi bạn chết rồi thì giới thể sẽ không còn nữa. Cho nên, giả sử bạn thật sự tự sát chết rồi, vậy thì chính là phá giới căn bản, khiến mạng căn của mình đoạn rồi, nhưng giới thể của bạn vẫn còn, cho nên ngay đến mạng căn của bạn cũng đoạn mất, ngay đến giới thể cũng bị đoạn mất thì đó chính là hai tội nặng. Cho nên tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thông thường chúng ta đều là thọ hết tam đàn đại giới. Ví dụ nói tự sát tức là thật sự sẽ phạm tội căn bản, nhân tiện nói qua việc này một chút. Tiếp theo:

“Nếu giết trời thần, súc sanh, côn trùng v.v. mà không chết thì đều phạm tội phương tiện bậc hạ có thể sám hối.”

Nếu giết hại trời thần, thiên nhân, quỷ thần, còn có súc sanh, trùng kiến v.v., đây đều thuộc về phạm tội phương tiện bậc hạ có thể sám hối. Ở đây trên thực tế còn có hai mức độ khác biệt, chỉ là số bậc của nó không được chia ra, nhưng căn cứ theo tánh của tội mà nói thì vẫn có chia ra. Bởi vì phía trước nói giết trời, rồng, quỷ thần, nếu như đoạn mất mạng căn thì phạm tội căn bản, tức là phạm tội căn bản giết trời, rồng, quỷ thần. Tội căn bản này là thuộc trong tội bậc trung. Đối với tội

phương tiện bậc trung mà nói, nếu giết không thành công, đương nhiên sẽ giảm xuống một bậc, tức là thuộc về tội phương tiện bậc hạ.

Nếu giết những loài súc sanh, trùng kiến, dù là đoạn mất mạng căn, phạm tội căn bản, nhưng bản thân nó vẫn là tội bậc hạ. Đương nhiên nếu không giết chết, giết mà không chết, đây là đối với tội bậc hạ của nó lại có một tội phương tiện nữa, nhưng phía sau bậc hạ thì không còn nữa, cho nên toàn bộ đều quy nạp thành tội phương tiện bậc hạ. Trong giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni có chia ra, nếu giết súc sanh là thuộc về tội trong thiên thứ ba. Nếu là tội phương tiện mà nói, không phạm tội căn bản thì thuộc về tội trong thiên thứ năm. Điều này thì có chia ra, chỉ là giới sa-di thì không chia ra tỉ mỉ như vậy, ngũ giới, bát giới của chúng ta cũng không phân chia tỉ mỉ như vậy. Giới của tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni có năm thiên bảy tụ nên phân chia tỉ mỉ một chút. Tiếp theo:

“Giúp người khác giết thì đều phạm tội căn bản.”

“Trợ” chính là trợ giúp, trợ giúp người khác giết hại chúng sanh nên tội mắc phải cũng giống như vậy, chính là tội căn bản. Tội căn bản là gì? Ở đây có một hàng chữ nhỏ. Nếu giết người thì phạm trọng tội, chính là tội căn bản, chính là tội nặng, tội bậc thượng. Nếu giết trời, rồng, quỷ thần thì thuộc về tội bậc trung, nếu giết súc sanh thì chính là tội bậc hạ. Nói cách khác, bạn không tự tay giết, mà bạn bảo người khác đi giết, điều này cũng giống như chính bạn tự tay giết vậy, tội phạm phải là như nhau, tội ngang nhau, xem bạn phạm là tội bậc thượng, bậc trung hay bậc hạ, dù sao thì tội là như nhau. Ví dụ, giả sử bản thân bạn muốn ăn thịt, nhưng bản thân bạn cảm thấy mình đã giữ ngũ giới rồi, hoặc là giữ giới sa-di rồi nên bạn không muốn sát sanh, nên nói: anh giúp tôi giết con gà này đi. Bảo người giết thì cũng thế, giống như chính mình giết vậy, phạm tội căn bản bậc hạ. Giả sử giết mà không chết thì chính là tội phương tiện bậc hạ. Tiếp theo:

“Thấy giết mà hoan hỷ thì phạm tội phương tiện.”

Bây giờ chúng ta đã biết thế nào là tội căn bản, thế nào là tội phương tiện rồi. Phương tiện tức là chưa phạm vào tội căn bản, nên gọi là phương tiện. Nhìn thấy người ta giết, lúc này người đó đã phạm tội căn bản, đã giết rồi, mặc dù bạn không bảo họ giết, nhưng sau khi bạn nhìn thấy thì rất hoan hỷ, tùy hỷ tán thán, lúc này bạn cũng phạm tội phương tiện. Tội phương tiện này cũng luận theo đối tượng mà đối phương giết. Giả sử đối phương giết người mà bạn vui theo thì bạn phạm tội phương tiện bậc trung. Ví dụ đối phương giết trời, rồng, quỷ thần bạn cũng vui theo

thì bạn phạm tội phương tiện bậc hạ, có thể sám hối. Ví dụ đôi phương giết súc sanh thì họ phạm tội bậc hạ, bạn cũng phạm tội phương tiện bậc hạ, họ phạm tội căn bản bậc hạ.

Chỗ này cũng xin kể cho mọi người nghe một công án. Đây là khi đức Phật còn tại thế, có một vị đại phú trưởng giả, ông chỉ có một người con trai. Người con trai này lấy vợ mới được 7 ngày thì rơi từ trên cây xuống mà chết. Trưởng giả đương nhiên rất đau lòng đi hỏi đức Phật, đức Phật nói ra nhân quả của họ. Trước đây có một đứa trẻ đem cung đi bắn chim sẻ, bên cạnh có ba người nói rằng: “Nếu cậu bắn trúng chim sẻ thì cậu chính là dũng sĩ của thế gian đây!” Giống như lời tán thán, vậy là đứa trẻ này đã bắn trúng, dùng cung bắn trúng chim sẻ, chim sẻ rơi từ trên cây xuống. Ba người này đều rất vui thích, sau đó thì bỏ đi. Đương nhiên người bắn chim sẻ này đã phạm tội căn bản, tội căn bản giết súc sanh, ba người kia tán thán là phạm tội phương tiện. Sau đó đức Phật nói: “Đứa con trai này của ông chính là người bắn chim sẻ năm đó, hiện nay anh ta rơi từ trên cây xuống cũng giống như chim sẻ rơi từ trên cây xuống mà chết vậy. Ông chính là cha mẹ hiện nay của anh ta, còn có vợ của anh ta, chính là những người năm đó đã ở bên cạnh khen ngợi người giết chim sẻ, hiện nay các ông đều hội ngộ cùng nhau.” Cho nên, năm đó vì ông vui theo nghiệp sát này, bản thân anh ta do phạm tội căn bản nên anh ta bị chết, các ông vì lúc đó vui theo nên hiện nay phải khóc lóc, rất đau buồn, đây chính là nhân quả báo ứng. Tiếp theo:

“Nếu thấy người giết thì nên tận sức cứu giúp, nếu không thể cứu thì nên khởi tâm từ bi niệm Phật trì chú cầu mong họ cởi bỏ oán kết, vĩnh viễn đoạn trừ duyên ác.”

Phía trước nói đến tội phương tiện “thấy giết mà hoan hỷ”, thậm chí khởi tâm động niệm thì đều phạm. Tội này có nặng, có nhẹ. Nhân quả bên trong đều có nặng, có nhẹ. Cho nên, ngược lại khi thấy người giết hại chúng sanh, chúng ta không những không thể vui theo, mà ngược lại phải sanh tâm thương xót, nên có tâm cứu giúp chúng sanh. Nếu có năng lực cứu thì phải cứu họ. Như trong giới Bồ-tát nói: “Nếu khi thấy người đòi giết hại súc sanh thì nên dùng phương tiện để cứu giúp, giải trừ khổ nạn”, còn phải khuyên bảo chúng sanh, khuyên bảo người đòi cố gắng đừng tạo nghiệp sát, tương lai đều sẽ có báo ứng. Sát sanh thì chắc chắn sẽ có quả báo đoạn mạng, bệnh tật. Nếu không sát sanh mà có thể trường trai, phóng

sanh, như vậy thì có thể được khỏe mạnh trường thọ. Những điều này đều là khuyên bảo khiến họ không sát sanh. Đây đều là một loại phương tiện cứu giúp.

Khuyên bảo họ, ngăn cấm họ, hoặc là chuộc sanh mạng, mua vật phóng sanh, đây thuộc về việc cứu chuộc. Nếu bạn đều không làm được những việc này, tức là năng lực của bạn không cách nào cứu giúp được chúng sanh thì cũng nên sanh khởi tâm từ bi. Đã từ bi, thương xót chúng sanh bị giết thì cũng phải từ bi, thương xót người giết hại chúng sanh. Bởi vì hai người này đều sẽ oan oan tương báo, cả hai người đều đáng thương, do đó nên sanh khởi tâm từ bi vì họ mà niệm Phật hoặc trì chú vãng sanh. Đương nhiên bạn niệm chú khác cũng được. Bản thân việc niệm Phật cũng là niệm chú, chí thành niệm Phật hiệu thì có thể tiêu trừ tội nặng trong tám vạn ức kiếp sanh tử. Lúc này, nói không chừng Phật lực gia trì thì có thể giải trừ oán kết. Tâm của bạn cũng là cầu chúc cho hai người đó giải trừ oán kết. Nếu thật sự đã giết rồi thì bạn cũng niệm Phật cho họ, niệm Phật cho những chúng sanh đã chết này, cầu chúc cho họ vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, đôi bên có thể vĩnh viễn đoạn trừ duyên ác, đừng oan oan tương báo nữa.

Chỗ này cũng xin kể cho mọi người nghe một công án. Trong kinh Độ Câu có nói về một câu chuyện, kể rằng có một vị sa-môn, có một lần ông nhìn thấy đồ tể dắt một con chó đi giết, vị sa-môn này liền mua chú chó này lại để phóng sanh, nhưng người đồ tể ấy không chịu, vậy là vị sa-môn đã sanh tâm thương xót, lấy cơm ở trong bát của mình cho chú chó ấy ăn, sau đó thuyết pháp cho chó nghe. Sau khi chó ăn cơm xong lại nghe được Phật pháp nên trong tâm vô cùng vui mừng, hơn nữa phát tâm quy y. Vị sa-môn này cũng quy y tam bảo cho nó. Kết quả chú chó này chết, sau khi chết thì chuyển sanh thành người. Sau đó sa-môn gặp lại người này. Người này phát tâm xuất gia với vị sa-môn ấy. Kết quả sau đó ông liền chứng được thánh đạo. Sau khi đưa bé này xuất gia, tuy đã chứng được thánh đạo, nhưng vì báo đáp ân đức của sư phụ. Ông chứng được quả A-la-hán, nhưng ông quan sát thấy đời quá khứ mình là một chú chó, cho nên ông liền phát tâm cả đời phụng sự cho sư phụ của mình.

Còn có một câu chuyện cũng kể về tôn giả Xá-lợi-phất có một vị sa-di tên là Quân Đề, một sa-di nhỏ tuổi. Sa-di này đời trước cũng là một chú chó. Tôn giả Xá-lợi-phất đã cứu độ nó, thuyết pháp cho nó, sau đó chú chó này chuyển sanh làm con của một trưởng giả đại phú, sau đó thì xuất gia với ngài Xá-lợi-phất, cũng là cả đời phụng sự tôn giả. Cho nên, khi chúng ta nhìn thấy những chúng sanh rất đáng

thương này thì chúng ta đều phải quy y cho chúng. Căn cứ theo giới Bồ-tát mà nói: nếu nhìn thấy trâu, ngựa, súc sanh đều phải tâm niệm miệng nói người là súc sanh, nên truyền tam quy, truyền mười giới cho chúng. Mười giới này là chỉ giới Bồ-tát, đương nhiên cũng có thể truyền ngũ giới cho chúng. Thẻ của ngũ giới thông với giới Bồ-tát, chỉ cần phát tâm Bồ-đề thì sẽ đắc được giới Bồ-tát. Nếu như vậy, tương lai súc sanh này chuyển thể tiếp thì có thể sẽ làm đệ tử của bạn, sẽ đến học tập với bạn. Bạn thường làm như vậy thì tương lai pháp duyên sẽ thù thắng.

Tiếp theo chúng tôi sẽ giảng “cụ duyên thành phạm”, điều giới này đầy đủ bao nhiêu duyên, tức là bao nhiêu điều kiện thì sẽ cấu thành trường hợp phạm tội. Ở đây nói đầy đủ năm loại duyên: thứ nhất là người, thứ hai là nhân tướng, thứ ba là tâm giết, thứ tư là dùng phương tiện, thứ năm là người ấy mất mạng.

Điều thứ nhất, điều kiện này là người. Giả sử đối tượng mà chúng ta giết hại là chúng sanh ở cõi người, nếu giết chết họ thì đó thuộc vào phạm trọng tội. Giả sử giết hại chúng sanh ở cõi khác, vừa rồi đã nói là trời, rồng, quỷ thần thì thuộc về tội bậc trung, giết súc sanh là tội bậc hạ. Ở đây nói đầy đủ duyên này thì sẽ cấu thành trường hợp phạm trọng tội, đương nhiên điều này có thể suy rộng ra, ví dụ là trời, nghĩ là trời, bạn đi giết thì đương nhiên phạm tội căn bản bậc trung. Điều này đều có thể dùng những đối tượng khác nhau để thay thế cho nhau, bạn có thể phán họ là phạm trọng tội, hay là phạm tội bậc trung, hay là phạm tội bậc hạ. Chỗ này là lấy trường hợp phạm trọng tội để nói.

Thứ hai là “nghĩ là người”. Đối phương là người, bạn cũng thật sự cho rằng họ là người. Giả sử bạn không nghĩ họ là người rồi giết, vậy thì không phạm tội căn bản. Ví dụ bạn cho rằng họ là một con khỉ, bạn cho rằng họ là khỉ rồi giết, nhưng sau khi giết rồi mới phát hiện hóa ra họ là người, vậy thì phạm tội bậc trung có thể sám hối. Đây là chuyển cách nghĩ không giống nhau, thậm chí có [trường hợp] cho rằng họ là vật chất, Họ là người nhưng nghĩ họ là vật chất. Trong này cũng có rất nhiều trường hợp, điều này thì không liệt kê từng cái ra nói được. Giả sử chỉ cho rằng họ là vật chất thì thuộc vào trường hợp giết nhầm, như vậy thì không phạm. Giả sử lúc đầu bạn cho rằng họ là người, sau đó chuyển cách nghĩ thành vật chất, sau đó giết chết đối phương, lúc này bạn vẫn phạm tội. Điều này cụ thể thì đợi chúng tôi giảng xong giới sa-di, khi chúng tôi giảng giới tỳ-kheo sẽ giảng tỉ mỉ điều này.

Tiếp theo là “tâm giết”, tức là có sanh khởi tâm giết hại đối phương. Nếu không có tâm giết này, không có tâm giết thì không phạm giới, thuộc về trường hợp giết nhầm, hoặc phạm lỗi sẽ tương đối nhẹ. Ví dụ, vì phạt nặng một tội nhân, chứ không muốn đưa họ vào chỗ chết, nhưng có thể bạn dùng hình phạt quá nặng, kết quả cuối cùng khiến họ bị chết. Bản thân bởi vì không có tâm muốn giết hại họ nhưng cuối cùng họ đã chết, tội như vậy thì tương đối nhẹ một chút, không phạm vào tội căn bản. Hoặc là trị bệnh cho người, cho người uống thuốc, bạn không khám kỹ xem họ mắc bệnh gì, chúng ta gọi là lang băm giết người, bạn không muốn giết họ nhưng bạn cho thuốc không đúng bệnh, khiến họ sau khi uống xong thì chết. Việc này cũng phạm tương đối nhẹ.

Tiếp theo, thứ tư là “dùng phương tiện”, tức là có tâm cố ý giết người, sau đó dùng các loại phương tiện. Kỳ thực vừa khởi tâm giết thì đã là dùng phương tiện rồi, đã phạm pháp rồi. Căn cứ theo pháp Thanh văn để nói, “Thành Thực Luận”, “Thành Thực Luận” tương thông với “Tứ Phần Luật” nói rằng “trùng duyên tư giác”, niệm thứ nhất khởi tâm giết, nếu lập tức buông bỏ tâm giết thì còn may, không tính là phạm, nhưng niệm thứ hai vẫn khởi thì đã thuộc vào phạm giới rồi, đó chính là phạm tội phương tiện. Cho đến khi bắt đầu cầm vũ khí giết người và đến khi vẫn chưa giết chết đối phương thì đều thuộc về phạm tội bậc trung. Đây là tội phương tiện, có bậc hạ, có bậc trung, xem mức độ của chúng ta. Từ lúc niệm niệm khởi tâm muốn giết đối phương thì chính là tội bậc hạ. Đi lấy dao, sau đó đến trước mặt đối phương đâm họ một dao, trước khi họ vẫn chưa chết, hơi thở vẫn chưa dứt thì đều phạm tội phương tiện bậc trung. Hơi thở vừa dứt thì phạm tội căn bản. Trong Thập Tụng Luật có nói: “Nếu vì chán ghét, lười biếng mà không khám bệnh đàng hoàng, khiến đối phương chết thì đây đều thuộc về trường hợp phạm tội nhẹ, có thể phán là tội bậc trung.”

Duyên thứ năm là “người ấy mất mạng”, tức là mạng căn của đối phương đã bị đoạn dứt, thức, hơi ấm và hơi thở đều không còn, lúc này là thuộc vào phạm tội căn bản, tức là phạm giới trọng. Đối với người là phạm trọng tội; đối với trời, rồng, thần chính là phạm tội bậc trung; đối với súc sanh thì phạm tội bậc hạ.

Tiếp theo nói “phạm sát xử đoạn”, là phạm vào nghiệp sát thì cách phán định sẽ thế nào. Trên thực tế trong lời văn đại sư Ngẫu Ích đã nói với chúng ta, bởi vì lần giảng này của chúng tôi khá giống hình thức giảng giới luật chính thức, có chút giống như cách giảng giới tỳ-kheo, cho nên phân khoa tương đối tỉ mỉ. Phán định

tội này như thế nào? Nếu như giết cha mẹ, La-hán, thánh nhân thì phạm tội nghịch, phải đọa địa ngục A-tỳ, phạm tội nghịch, đây là tội ngũ nghịch. Giả sử giết người là phạm trọng tội, mất giới sa-di không thể sám hối. Điều này đã giảng qua rồi.

Cho nên, tội nghịch luận theo phạm giới mà nói thì đây cũng là tội bậc thượng, tội nặng. Nhưng về mặt nhân quả thì đây là thuộc về tội nghịch, cho nên tội nghiệp đạo rất nặng, là đọa địa ngục A-tỳ. Phạm tội giết người, nếu sau khi họ phạm rồi mà khẩn thiết cầu sám hối, thỉnh cầu tăng đoàn cho họ..., ví dụ là tỳ-kheo thì thỉnh cầu tăng đoàn cho họ làm học hỏi yết-ma, điều này có thể diệt tội phạm giới của họ. Nhưng tội nghiệp đạo thì không thể diệt, tội nghiệp đạo giết người của họ không nhất định là mất thân người, tương lai có thể sẽ trả nợ mạng. Nhưng nếu họ không sám hối tội phạm giới thì tương lai phải đọa địa ngục, năm tháng đọa địa ngục rất dài. Trên luật nói phạm tội nhỏ trong chương thứ năm đều là 9 triệu năm, càng huống hồ là phạm tội nặng. Ví dụ như sa-di hoặc cư sĩ phạm trọng tội, thông qua thủ tướng sám hối thì cũng diệt được tội phạm giới, tội nghiệp đạo cũng có thể phục diệt được, tức là nó sẽ không chướng ngại việc tu hành của chúng ta, nhưng nhân quả thì vẫn không thể diệt trừ được, muốn diệt nhân quả thì chỉ có thể đến vô sanh, nhập vào Vô dư Niết-bàn, hoặc là vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, nếu không thì bạn vẫn phải trả nợ.

Tiếp theo, nếu giết người mà không chết, lúc đó tuy không chết nhưng sau đó họ vẫn chết, hơn nữa cái chết của họ là do bạn giết họ mà tạo thành, như vậy thì bạn vẫn phạm trọng tội không thể sám hối. Trước khi họ chưa chết thì thuộc vào tội phương tiện bậc trung có thể sám hối. Ví dụ, nếu chúng ta cầm dao đâm bị thương một người, khiến họ bị thương nặng. Chúng ta có tâm giết muốn giết chết đối phương. Đây là “năm duyên cấu thành tội”. Họ là người, chúng ta nghĩ họ là người, có tâm giết, dùng phương tiện là cầm dao, sau đó giết họ, nhưng họ chưa chết, người ấy vẫn chưa mất mạng, thì đều thuộc về tội phương tiện; đưa đến bệnh viện cấp cứu, có thể một năm sau, cuối cùng họ vẫn chết. Một năm sau thì chúng ta sẽ trở thành phạm tội căn bản, là tiến trình như vậy.

Ở đây nói tội phương tiện cũng chia làm ba loại. Một là “phương tiện xa”, hai là “phương tiện thứ”, ba là “phương tiện gần”. Ở đây phân chia tương đối tỉ mỉ. “Phương tiện xa” là vừa mới khởi tâm muốn giết hại đối phương, đây thuộc về phương tiện, đã vào tội phương tiện, thuộc về phương tiện xa. “Phương tiện thứ” là đã hành động rồi, khởi tâm và sau đó bắt đầu hành động, đi cầm vũ khí để giết,

chuẩn bị đi giết, đây là thuộc về phương tiện thứ, tiến thêm một bước nữa. Căn cứ theo cách phán tội mà nói, kỳ thực là ngày càng nặng hơn. Giống như nếu dùng tụ thứ ba của tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thì trên thực tế phương tiện xa chính là bậc hạ. Giới trong tụ thứ ba thì phương tiện thứ chính là bậc trung, phương tiện gần chính là bậc thượng. Phương tiện gần tức là đã đi đến trước mặt họ rồi đâm một dao, nhưng họ vẫn chưa chết, trước khi chưa chết thì đều thuộc về phương tiện gần, đều có thể sám hối. Nếu họ chết rồi thì chính là phạm tội căn bản. Cho nên phương tiện có ba tầng, cuối cùng đến căn bản. Cho nên, ở đây Phật chế giới pháp này cho chúng ta, cho phép chúng ta bất cứ lúc nào cũng có thể lập tức sám hối để được thanh tịnh. Ở đây giả thiết có một trường hợp như thế này, ví dụ tập khí phiền não của bản thân chúng ta thật sự hiện tiền, sắp chuẩn bị phạm trọng giới rồi, bất luận là *giết, trộm, dâm, dối* đều thuộc về giới trọng, vừa khởi tâm thì chính là phương tiện xa, muốn phạm giới trọng, bắt đầu hành động thì chính là phương tiện thứ, cho đến trước khi chưa phạm vào căn bản thì đây là thuộc về phương tiện gần. Lúc này ví dụ đang ở trong giai đoạn phương tiện gần, biết rằng hậu quả này nhất định sẽ dẫn đến phạm tội căn bản, làm sao đây? Thật sự bất đắc dĩ thì lúc này hãy xả giới, trường hợp xả giới là nói với bất cứ người nào nghe hiểu lời bạn nói, nói một câu là tôi xả giới tỳ-kheo, xả giới sa-di. Giới sa-di, tỳ-kheo không thể xả từng phần được, mà một khi xả là xả hết, không giống như ngũ giới, bát giới, Bò-tát giới của cư sĩ có thể thọ từng phần, có thể xả từng phần, nhưng sa-di, tỳ-kheo thì đều không được, một khi xả là xả hết. Nhưng bạn có thể xả, đương nhiên ngũ giới của bạn điều nào cũng đều phải xả. Bởi vì bạn phạm giới căn bản thì đều như nhau. Trường hợp phạm tội căn bản của ngũ giới và giới sa-di, giới tỳ-kheo là giống nhau.

Lúc này, ví dụ trước khi sắp phạm giới căn bản mà bạn đã xả giới rồi; sau khi xả giới mới phạm giới căn bản thì không tính là phạm giới, mà chỉ có tánh tội của thế gian thôi. Ví dụ bạn giết người, đâm họ một dao, trước khi họ vẫn chưa chết, chưa tắt thở, bạn lập tức nói với họ: “tôi xả giới rồi”, sau đó họ mới chết, lúc này bạn sẽ không phạm tội căn bản, bạn chỉ phạm tội phương tiện gần. Phương tiện gần vẫn có thể sám hối, tương lai sẽ không trở thành chướng giới của bạn. Tương lai khi nào bạn thật sự phát tâm thọ lại giới tỳ-kheo thì nó sẽ không trở thành trọng nạn của bạn, sẽ không cản trở việc bạn đắc giới. Sau khi bạn đắc giới vẫn phải sám hối lại tội phương tiện gần đó. Nếu là phương tiện gần thì chính là giới bậc thượng trong tụ thứ ba, phải sám hối ở chỗ tăng, sám hối với bốn người, vậy thì phải tập hợp tăng lại cầu sám hối. Đương nhiên đây là một trường hợp khá đặc biệt, tốt hơn

việc bạn mang theo giới mà phạm tội nặng, bao gồm bốn giới trọng căn bản đều là như vậy.

Tiếp theo, nếu giết trời, rồng, quỷ thần thì phạm tội đẳng lưu bậc trung, có thể sám hối. Đẳng lưu tức là cùng một loại, cùng một loại tội, tức là cùng một loại với tội căn bản giết người, gọi là đẳng lưu, nhưng bậc của tội thì không cao như vậy, cho nên gọi là tội bậc trung, đã là bậc trung thì có thể cho phép sám hối.

Khởi tâm muốn giết người nhưng vẫn chưa giết, lúc này đã phạm tội phương tiện xa bậc trung rồi. Nếu như giết súc sanh, trùng, rận là thuộc về tội đẳng lưu căn bản bậc hạ, bằng với căn bản, nhưng do họ giết súc sanh, cho nên không nặng như giết người, có thể cho phép sám hối. Ví dụ giết trời thần, súc sanh, trùng v.v. không chết thì cũng thuộc về tội phương tiện, cũng có thể phán là tội bậc hạ. Thấy giết mà vui theo thì đều là tội bậc hạ có thể sám hối, cũng thuộc về tội phương tiện. Đoạn phán định này giảng xong rồi.

Tiếp theo giảng “tiêu cảnh tướng”, tức là nói rõ cảnh giới mà nội tâm chúng ta chuyển cách nghĩ đối với chúng sanh bị giết hại. Luận về giết người mà nói, nếu như giết là người, nếu nghĩ họ là người, giả sử khi đang giết mà nội tâm bạn nghĩ họ là người rồi giết, đương nhiên đây chính là phạm tội căn bản, không thể sám hối. Nếu “nghĩ có phải là người không”, nếu bạn hoài nghi đối phương có phải là người không, rồi bạn giết họ. Ở đây trong giảng ký của hòa thượng Thanh Công, ngài nói rằng phạm tội bậc thượng không thể sám hối, song nếu chúng ta học giới tỳ-kheo thì tội này vẫn có thể sám hối, là thuộc về giới bậc thượng trong tụ thứ ba, vẫn chưa đến mức phạm tội căn bản. Việc này khi phán định có lẽ sẽ khác nhau. Nếu căn cứ theo cách phán của giới tỳ-kheo, nếu “nghĩ có phải là người không”, là người phải không? Rồi giết họ thì đây đều không phạm giới căn bản.

Nếu giết người mà nghĩ là phi nhân thì cũng như vậy. Khi bạn đang giết mà bạn nghĩ họ là phi nhân, tức là nghĩ là trời, rồng, quỷ thần, súc sanh thì đều là phi nhân. Điều này cũng không phạm tội căn bản, không phải bậc thượng. Ở đây hòa thượng Thanh Công phán là tội bậc trung có thể sám hối. Trường hợp này là do lúc đầu bạn cho rằng họ là người; sau đó khi đang giết thì bạn chuyển cách nghĩ họ là phi nhân, sau đó giết họ. Lúc này chính là tội bậc trung có thể sám hối. Nếu lúc đầu bạn không nhận định họ là người, bạn chỉ cho rằng họ là súc sanh thì trường hợp này lại khác, nên phán là tội bậc hạ có thể sám hối.

Tiếp theo: “Giết phi nhân nhưng nghĩ là người, nghĩ có phải là phi nhân không, nghĩ là phi nhân.” Giả sử giết trời rồng quỷ thần, khi bạn đang giết mà bạn chuyển cách nghĩ là người, hoặc hoài nghi là phi nhân. Tôi cho rằng đối phương là người, nhưng trên thực tế họ là trời, rồng, quỷ thần, khi bạn giết thì thuộc về tội bậc trung có thể sám hối. Đây là phi nhân, khi vừa bắt đầu tâm tôi nghĩ là người, nhưng chuyển cách nghĩ “đây có phải là phi nhân không” rồi giết họ, lúc này chính là tội bậc trung có thể sám hối. Súc sanh cũng như vậy, nếu giết hại súc sanh, ví dụ chúng là súc sanh và nghĩ là súc sanh thì đương nhiên chính là tội bậc hạ. Ví dụ chúng là súc sanh, nhưng chúng ta nghĩ nó có phải là súc sanh không? Nghi có phải là súc sanh không rồi giết chúng, thì đương nhiên cũng là tội bậc hạ, nhưng tội này nặng hơn một chút. Trong cái nghi này còn có nghi ngờ qua lại, chúng là súc sanh nhưng chúng ta nghĩ đây là súc sanh hay là người vậy? Sau đó giết chúng thì điều này lại bị tội nặng thêm một chút, nhưng đều có thể phán là tội bậc hạ, nhưng cấp bậc trong ấy vẫn khác nhau, có chút khác biệt. Cho nên, phạm giới quan trọng nhất là luận tâm phạm giới, từ tâm mà kết nghiệp, nếu không có tâm phạm thì sẽ không kết nghiệp này, cho nên những giới luật này đều giúp đỡ chúng ta, đối trị những phiền não trong tâm chúng ta, cho nên học càng kỹ thì bạn càng có thể đối trị được.

Tiếp theo sẽ nói với mọi người về phần “khai duyên”. Nếu không có tâm giết, mà ngộ sát dẫn đến cái chết thì đây là khai duyên, không tính là phạm giới. Ví dụ người thợ đang làm việc trên mái nhà, không cẩn thận làm rơi chiếc búa sắt xuống, đúng lúc có một người đi ngang qua [bị búa] đập vào đầu, người này bị chết. Trường hợp này bởi vì người thợ căn bản không có tâm muốn giết hại đối phương, nên chỉ là giết nhầm, không phạm tội giết, họ không phạm giới, đương nhiên vẫn có nhân quả thế gian.

Ngoài ra còn có “điên cuồng loạn tâm” cũng là khai duyên. Cuồng là si cuồng, mất trí, điên cuồng; loạn tức là tán loạn, hoại tâm tức là tâm bị bệnh. Hạng người này, ví dụ nhìn thấy phân thì họ liền dùng tay cầm lấy giống như cầm chiên đàn hương vậy. Nhìn thấy lửa bèn cầm lên giống như cầm vàng vậy, người như vậy chính là cuồng, hoàn toàn bị điên, mất đi bản tâm, người đến mức này thì mới có thể nói khai duyên. Không thể nói tôi giết người rồi, tôi tự khai duyên cho tôi, lúc đó tôi bị điên nên mới giết họ, nhưng mức độ điên của bạn chưa đủ. Bạn nhìn thấy lửa bạn vẫn không dám cầm, nhìn thấy phân bạn vẫn cho rằng nó dơ, vậy thì bạn vẫn chưa điên thật, cho nên vẫn phạm tội căn bản.

Cách phán ở trên luật nói bản thân nếu tâm bị bệnh, tâm cuồng loạn, vừa rồi nói cuồng loạn đến cực điểm, vừa mới nói đến cách phán định chính là nhìn thấy lửa rồi cầm, nhìn thấy phân rồi cầm. Nếu là loạn, tức là điên cuồng, bản thân căn bản không biết mình là một sa-di, tỳ-kheo cũng không biết mình là một tỳ-kheo. Lúc này họ phạm tội nặng thì họ có thể được khai duyên không phạm. Những điều này đều là chỉ bệnh thần kinh rất nghiêm trọng, người bệnh như vậy mới có thể khai duyên. Phần khai duyên này tôi giảng xong rồi.

Ở đây cũng phải đặc biệt giảng một điều, luận về giới Bồ-tát mà nói, ở trong giới Bồ-tát còn có một khai duyên đặc biệt, tức là vì hết thấy chúng sanh mà phải khai duyên phạm giới trọng. Ví dụ có một câu chuyện như vậy, có một lần Bồ-tát cùng 500 thương nhân ra sông khai thác báu vật, kết quả người chèo thuyền khởi lên ác niệm muốn giết chết 500 thương nhân này, sau đó cướp đoạt báu vật của họ. Bồ-tát có tha tâm thông biết được người này muốn giết người, làm sao đây? Hạ thủ trước là hơn, nên đã giết chết người chèo thuyền này để cứu 500 người ấy, đương nhiên trên thực tế cũng là cứu người chèo thuyền này, khiến ông ta không đến nỗi đọa ác đạo. Bồ-tát vì muốn bảo vệ chúng sanh nên phạm giới sát này. Trong giới Bồ-tát thì có thể khai duyên không phạm, nhưng giới Thanh văn thì không có điều khai duyên này. Giới Thanh văn là luận theo năm duyên mà cấu thành phạm tội, “là người”, bạn biết đó là người chèo thuyền, cũng nghĩ họ là người, bạn không cho rằng họ là súc sanh, mà bạn nghĩ họ chính là một con người, sau đó khởi tâm giết. Bất luận bạn vì ý đồ gì, vì cứu 500 người này cũng được, vì ý đồ gì cũng được, bạn khởi lên tâm giết, muốn giết hại đối phương, còn dùng phương tiện, sau đó giết chết họ, đủ năm duyên cấu thành phạm tội thì đều thuộc về phạm trọng giới.

Cho nên trong “Trùng Trị Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu”, đại sư Ngẫu Ích đã nói đến vấn đề này, Bồ-tát ở trong trường hợp này sẽ làm như thế nào? Nếu họ hiểu giới luật là điều tốt nhất, họ có thể làm thế này: xả bỏ giới thể Thanh văn, sau đó giết người kia thì họ sẽ không phạm, giới Bồ-tát thì không tính là phạm; xả giới Thanh văn, tôn trọng giới Thanh văn, không thể nói hiện nay tôi đã thọ giới Bồ-tát rồi thì có thể không cần giới Thanh văn nữa. Bồ-tát đối với giới Thanh văn vẫn tôn trọng như vậy, vậy bạn hãy xả [giới trước]. Giả sử bạn quên xả thì làm sao? Bạn không học giới luật, bạn không biết xả giới, bạn giết người rồi thì vẫn phạm giới trọng, vẫn mất giới thể, vậy làm sao? Vậy thì bạn hãy như pháp mà sám hối.

Giả sử bạn là một tỳ-kheo, tỳ-kheo Bồ-tát giới. Bạn mặc dù không phạm giới Bồ-tát, nhưng bạn đã phạm giới tỳ-kheo rồi, căn bản đã mất giới thể, cả đời bạn sẽ làm học hồi tỳ-kheo, học hồi sa-di ở trong tăng đoàn, trừ khi bạn đạt được luân tướng thanh tịnh thì có thể làm lại yết-ma học hồi tỳ-kheo, chỉ là từ học hồi sa-di nâng lên đến học hồi tỳ-kheo, nhưng cả đời vẫn không được làm 35 việc, căn bản cũng chẳng khác học hồi sa-di là bao nhiêu.

Có người nói vậy thì quá không công bằng, tôi vì cứu người tại sao vẫn bị trừng phạt như vậy? Đại sư Ngẫu Ích nói: bạn đã vì cứu người thì ngại gì mà không hạ thấp thân phận của mình để bảo vệ giới này chứ? Bạn đã là Bồ-tát thì nên vô ngã, tại sao bạn vẫn từ chối cách trừng phạt của Thanh văn chứ? Như vậy thì vô cùng có đạo lý. Cho nên, chúng ta trì giữ giới Bồ-tát đồng thời cũng tôn trọng giới Thanh văn, không thể lấy Đại thừa để làm loạn Tiểu thừa được, như vậy mới là Bồ-tát chân thật, không làm loạn Phật pháp.

Tiếp theo nói “dị thực quả báo”. Đây là nói đến phạm giới thì sẽ có quả báo như thế nào. Ở trong kinh Hoa Nghiêm có nói, nếu tội sát sanh thì có thể khiến chúng sanh đọa lạc vào ba đường ác là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Thọ xong khổ trong ba đường ác rồi thì sẽ chuyển sanh vào cõi người, vẫn sẽ thọ nhận hai loại quả báo: một là đoản mạng, hai là nhiều bệnh. Đây là quả báo của sát sanh. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo có nói, điều này lão hòa thượng vô cùng xem trọng, đó là một trong ba cái gốc của chúng ta. Trước đây chúng tôi cũng đã từng giảng, lão hòa thượng cũng đã giảng tỉ mỉ rồi. Trong thập thiện nghiệp đạo nói không sát sanh thì có thể đạt được 10 loại pháp lìa não, tức là phương pháp lìa khỏi khổ não.

Thứ nhất là “bồ thí vô úy rộng khắp cho các chúng sanh”, đối với chúng sanh đều có thể ban phát vô úy một cách rộng khắp, cũng tức là không khiến chúng sanh sợ hãi, mà giúp chúng sanh được an lạc. Ngược lại, người thường sát sanh thì nhất định thường gieo rắc sợ hãi cho chúng sanh. Một người suốt ngày thích ăn thịt, thích sát sanh, đi đến nơi đâu khi chó nhìn thấy đều sợ hãi mà sủa vang lên. Bạn xem, chú chó trong tự viện của chúng ta không biết là chó hoang từ đâu đến, nhưng chúng đều không sợ người. Chúng ta đi tới bên cạnh mà chúng vẫn nằm dài trên đất. Như vậy nói rõ điều gì? Chúng không hề sợ hãi chúng ta chút nào. Bởi vì trong tự viện mỗi người chúng ta đều trì giới, đều không sát sanh, đều ăn chay, cho nên từ trường của chúng ta là một loại từ trường lương thiện. Giả sử nếu có một người thích sát sanh, thích ăn thịt đến, lúc này chó nhìn thấy thì chúng sẽ không dám nằm

mãi ở đó, thật sự có loại từ trường ấy, cho nên không sát sanh là có thể bố thí vô úy một cách rộng khắp.

Thứ hai là “thường khởi tâm đại từ bi đối với chúng sanh”, đối với chúng sanh tự nhiên có thể lưu lộ ra tâm từ bi rộng lớn.

Thứ ba, “vĩnh viễn đoạn trừ hết thói tập khí sân giận”. Con người vì sao thường nổi giận? Kỳ thực phần lớn cũng có liên quan với nghiệp sát. Một người cả đời tạo nghiệp sát nhiều thì tập khí sân giận sẽ nặng. Một mặt cũng là trên thân có rất nhiều oán thân trái chủ khiến họ rất dễ sanh phiền não; mặt khác là nghiệp lực tự nhiên của họ chiêu cảm.

Thứ tư là thân thường không có bệnh tật. Nếu trì giới không sát sanh thì thân thể sẽ khỏe mạnh, không có bệnh tật. Thứ năm là thọ mạng dài lâu. Thọ mạng của bạn rất dài, trường thọ, cho nên điều thứ tư, thứ năm chính là khỏe mạnh trường thọ. Bạn muốn khỏe mạnh trường thọ thì đừng sát sanh, chẳng những không sát sanh mà còn phải bố thí vô úy nhiều hơn, ví dụ như phóng sanh, khuyên người phóng sanh, khuyên người ăn chay, đây là phóng sanh lớn nhất. Bạn xem, chúng tôi vừa nói trong giới luật dạy: bạn bảo người khác sát sanh là phạm tội căn bản, là giống như tự mình sát sanh. Ngược lại bảo người phóng sanh thì đương nhiên cũng được công đức lợi ích như nhau, cho nên bạn khuyên người ăn chay là bằng với khuyên người phóng sanh. Đạo tràng bên này của chúng ta, tôi khuyên mấy vị cư sĩ phát tâm, mở một quán cơm chay ở trước cửa chúng ta, Sán Vĩ vẫn chưa có quán cơm chay. Sau khi mở quán cơm chay thì chúng ta [dùng cách] lời ít để bán được nhiều, khiến người dân thành phố ấy đều có thể thích ăn chay, chúng ta cũng tuyên truyền hướng dẫn cho họ những lợi ích của ăn chay. Những điều này đều là trong kinh này dạy chúng ta.

Thứ sáu là thường được phi nhân bảo hộ. Bạn có thể trì giới không sát sanh thì sẽ được những phi nhân như trời rồng quỷ thần, đều được một số thiện thần ngày đêm bảo vệ bạn. Trì một điều giới thì ít nhất có 5 vị thần hộ giới đến bảo vệ bạn.

Thứ bảy là thường không có ác mộng, ngủ được ngon giấc. Thường thường không mơ thấy ác mộng. Ban đêm nếu thường mơ thấy ác mộng thì chắc chắn là nghiệp sát tương đối nặng, đặc biệt là nhìn thấy một số chúng sanh đến quấy rối. Có người ban đêm gặp những cơn ác mộng giống nhau, hạng người này chắc chắn

là có oán thân trái chủ, vậy thì phải đi hóa giải. Người trì giới thì tâm an ổn, cho nên buổi tối ngủ đều rất ngon giấc, không gặp những cơn ác mộng đó.

Thứ tám là “giải trừ oán kết, các oán hận sẽ tự giải trừ”. Có thể giải trừ rất nhiều oán hận của chúng sanh đối với chúng ta. Chúng ta không sát sanh thì tự nhiên sẽ tỏa ra một loại từ trường tường hòa, khiến người ở bên cạnh chúng ta sẽ không khởi những tâm oán hận phiền não, cho nên có thể hóa giải oán thù.

Thứ chín là không sợ bị dọa ác đạo. Họ sẽ không bị dọa vào ba đường ác.

Thứ mười là mạng chung sẽ sanh lên trời.

Ở đây xin kể cho mọi người nghe một câu chuyện. Câu chuyện này là câu chuyện có thật trong lịch sử, là “Tứ Bi Tam-muội Thủy Sám” do quốc sư Ngô Đạt sáng tác. Là một công án về việc bản thân ngài sám hối nghiệp sát.

Quốc sư Ngô Đạt là người triều nhà Đường. Hoàng đế đương thời phong ngài là quốc sư, có thể thấy đức hạnh, học vấn của ngài được thế gian ngưỡng mộ. Từ nhỏ, khi tuổi còn rất nhỏ, quốc sư Ngô Đạt khi còn là một sa-di đã được mời vào hoàng cung giảng kinh, Hoàng đế dẫn theo quần thần nghe ngài giảng kinh, là một vị pháp sư có căn tánh rất lanh lợi. Sau đó Hoàng đế đã tặng cho ngài một chiếc ghế báu trầm hương. Sau khi ngài có được ghế báu thì sanh khởi tâm ngạo mạn, cảm thấy mình rất có đức hạnh, Hoàng đế tôn trọng ta như vậy, tâm danh văn lợi dường đều hiện lên. Kết quả, vừa khởi lên thì thân hộ pháp liền bỏ đi, oán thân trái chủ bèn tìm đến. Trên đầu gối của ngài mọc lên một cái mụn mặt người. Cái mụn này rất thú vị, nó có mắt, có mũi, có miệng, còn có thể ăn đồ ăn, còn biết nói chuyện, [mụn đó] rất đau, khiến quốc sư Ngô Đạt đau đến chết đi sống lại, gần như mất mạng. May là trước kia có một tôn giả là Ca-nặc-ca từng nói với ngài rằng: “Giả sử nói: khi ông có cấp nạn, ông hãy đến chỗ nào đó tìm ta, ta có thể giúp ông hóa giải.” Lúc này quốc sư Ngô Đạt bèn nghĩ đến tôn giả Ca-nặc-ca, vậy là đi tìm, đã tìm được ngài. Tôn giả Ca-nặc-ca dùng nước tam-muội để rửa mụn mặt người này cho ngài. Cuối cùng mụn mặt người mới nói, nói với ngài một đoạn nhân duyên.

Mụn mặt người này là ai? Vào triều nhà Hán, thầy của Hán Cảnh Đế là Triều Thố, cũng là một vị trọng thần đương thời. Chúng ta xem lịch sử đều biết, năm đó Triều Thố kiến nghị với Hán Cảnh Đế tước Phiên. Khi ấy ở phương Bắc thế lực của Phiên Vương ngày càng lớn, nguy hiểm cho chính quyền triều Hán. Khi ấy, Triều

Thổ cũng vì nghĩ cho quốc gia nên đã đưa ra kiến nghị cho Hán Cảnh Đế thu hồi lại quyền lực của Phiên Vương, đây gọi là tước Phiên, rất nổi tiếng trong lịch sử. Kết quả, Hoàng đế tiếp nhận kiến nghị của ông, khiến Phiên Vương bất mãn, cho nên Phiên Vương bèn cùng nhau khởi binh tạo phản. Khi ấy nhà Hán như chỉ mảnh treo chuông, Hán Cảnh Đế lúc đó cũng không có cách nào. Lúc này, trong triều có một phe cánh là thế lực của Hoàng hậu, khi ấy rất bất mãn với Triều Thổ, có một đại thần gọi là Viên Áng, là thế lực bên phe Hoàng hậu. Đại thần này đã kiến nghị với Hoàng đế rằng: Phiên Vương tạo phản chính là do Triều Thổ đưa ra kiến nghị tước Phiên, chỉ cần Hoàng thượng giết Triều Thổ, biểu thị ý không tước Phiên đối với Phiên Vương nữa, thì tin rằng Phiên Vương cũng sẽ không tạo phản nữa. Bởi vì Hoàng đế cũng không còn cách nào khác, chỉ còn cách đưa Triều Thổ ra chém ngang lưng. Lúc này đương nhiên Triều Thổ vô cùng căm giận.

Người thời xưa họ không căm giận Hoàng thượng mà căm hận thần tử đưa ra kiến nghị. Cho nên, oan hồn luôn đi theo đại thần Viên Áng này. Viên Áng rất có thiện căn, sau khi ông chết thì đời thứ hai liền xuất gia làm tăng, hơn nữa liên tục 10 đời đều là cao tăng, nghiêm túc tu hành. Hồn của Triều Thổ cứ đi theo, đi theo ông 10 đời, kết quả đều không có cách gì tìm được cơ hội báo thù. Bởi vì cao tăng thì có thần hộ pháp bảo vệ, oán thân trái chủ không lại gần được. Kết quả, đến đời thứ 10 Viên Áng đã là quốc sư Ngô Đạt, sau khi Hoàng đế ban cho ngài chiếc ghế quý trầm hương thì tâm danh văn lợi dưỡng liền khởi lên, tâm ngạo mạn khởi lên, kết quả thần hộ pháp bỏ đi. Lúc này, Triều Thổ nhìn thấy cơ hội liền lập tức chui vào đầu gối của ngài, trở thành mụn mắt người này để giày vò ngài, nhất định muốn giày vò ngài đến chết, may mà tôn giả Ca-nặc-ca đã giúp ngài điều giải nên Triều Thổ mới từ bỏ tâm báo thù ấy rồi bỏ đi, nhưng trước khi bỏ đi đã nói ra đoạn nhân duyên này, cho nên quốc sư Ngô Đạt cũng chí thành sám hối nghiệp sát này. “Tam-muội Thủy Sám” do vậy mà có. Đây là duyên khởi trong sám pháp của ngài.

Từ đây có thể thấy tạo tác nghiệp sát thật sự là: “Dầu đến trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo không mất. Lúc nhân duyên hội ngộ, quả báo vẫn tự thọ.” Kinh văn trong kinh Lăng-nghiêm cũng có nói như vậy: “Lại nữa, chúng sanh sáu cõi trong các thế giới mà không có tâm giết hại thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tiếp nối. Ông tu pháp tam-muội vốn là muốn thoát khỏi trần lao, nếu không diệt trừ tâm giết hại thì trần lao chẳng thể thoát, dù có nhiều trí tuệ, thiên định hiện tiền, mà không đoạn trừ tâm sát hại thì ắt rơi vào thân đạo. Người bậc thượng làm đại lực

quỷ, người bậc trung làm phi hành dạ-xoa, các tướng quỷ..., bậc hạ làm địa hành la-sát.” Đây là Phật nói với ngài A-nan về bốn loại thanh tịnh minh hối, nói đến điều không sát sanh. Nói rằng hết thấy chúng sanh trong lục đạo ở các thế giới. Giả sử tâm của họ không có ý niệm sát sanh thì họ sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử liên tục luân hồi trong sáu cõi. Phật nói với A-nan, ông muốn tu tam-muội vốn dĩ là vì thoát khỏi trần lao của tam giới, nhưng nếu ông không trừ bỏ tâm sát hại thì không thể rời khỏi trần lao của tam giới, dù ông tu hành thiền định trí tuệ, thiền định hiện tiền rồi, giống như tam-muội hiện tiền rồi, nhưng không đoạn tận tâm giết thì tương lai quả báo nhất định rơi vào thân đạo, tức là cõi quỷ thần, tức là biến thành quỷ phước đức. Do bạn có tu hành thiền định, trí tuệ, cho nên bạn có phước đức. Người bậc thượng làm đại lực quỷ, là một loại quỷ thần rất có phước đức, rất nhiều người kính lễ họ, nhưng họ muốn ăn đồ cúng có máu huyết, cho nên nhân gian có rất nhiều người dùng thịt để cúng dường những quỷ thần này, quỷ đại phước đức. Bậc trung là phi hành dạ-xoa, họ biết bay, đây là những tướng quỷ, không phải quỷ vương mà thuộc về loại tướng lĩnh quỷ. Bậc hạ là địa hành la-sát, họ không thể bay lên trời, mà họ đi trên đất, như chúng ta nói thân thổ địa vậy. Bên ngoài đạo tràng của chúng ta có một ngôi miếu thổ địa. Đó là thuộc về trước đây đã tu thiền định trí tuệ, nhưng họ là những quỷ thần bậc hạ. Cho nên, có thể thấy chúng ta nhất định phải trừ sạch tâm sát, tâm sát đoạn sạch rồi thì bạn sẽ không phạm giới sát, phạm giới sát đều là do có tâm sát.

Tốt rồi, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây. Cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 8

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 14/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tại hiện trường tôn kính. Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mở kinh sách, xem điều thứ hai trong mười giới là “không trộm cướp”.

“Hai, không trộm cướp. Phạm là vật có chủ thì không được dùng tâm trộm cố ý lấy đi. Nếu tự mình lấy, bảo người khác lấy, phương tiện lấy, dùng chú để lấy, gửi nhờ mà lấy, mê hoặc để lấy, lừa gạt lấy, thiếu nợ không trả, trốn thuế, mạo danh để qua hải quan v.v., khiến người mất của thì đều gọi là trộm cướp. Đồ vật lấy được trị giá 5 tiền, tức là 8 phân bạc thì phạm trọng tội, mất giới sa-di, không thể sám hối. Từ 4 tiền trở xuống thì phạm tội bậc trung; 2 tiền, 1 tiền thì phạm tội bậc hạ, cho phép sám hối để diệt trừ tội phạm giới, nhưng tánh tội không diệt, còn phải trả lãi. Nếu không trả nợ đó thì đời sau sẽ chuyển nặng thêm, theo lý thì cuối cùng cũng không thể trốn được. Nếu trộm mà không lấy được thì phạm tội phương tiện, phải khẩn thiết sám hối mới tránh khỏi đọa lạc.”

Hôm nay, điều tôi chuẩn bị giảng chính là giới không trộm cướp. Cũng chia ra làm bảy khoa để nói rõ giống như giới không sát sanh ở phía trước. Khoa thứ nhất là tổng thuyết đề nghĩa, thứ hai là tùy văn thích nghĩa, thứ ba là cụ duyên thành phạm, thứ tư là phạm đạo xử đoạn, thứ năm là tiêu cảnh tướng, thứ sáu là minh khai duyên, thứ bảy là dị thực quả báo. Trước tiên chúng ta xem khoa thứ nhất là tổng thuyết đề nghĩa. Phía sau cũng chia làm ba khoa nhỏ. Thứ nhất là giải thích sơ lược tên đề, thứ hai là

ý nghĩa chế giới, thứ ba là hai nghiệp tánh già, từ ba khoa nhỏ này mà nói rõ. Giải thích sơ lược tên đề chính là nói không trộm cướp. Trộm cướp là cảnh giới phạm tội. Trộm là ăn cắp, cướp là đoạt lấy. Trộm tức là lén lút vụng trộm, sợ chủ nhân phát hiện, như vậy mà ăn trộm đồ của người ta. Cướp là phạm hễ xâm phạm đến tài sản của đối phương một cách không hợp lý thì đều thuộc về cướp. Chữ “không” là hành môn có thể đối trị, nghĩa là Phật chế định sa-di không được trộm, cướp tài vật của người khác, bản thân còn phải bố thí nhiều cho người khác, vậy thì sao có thể vô lý xâm phạm đến tài sản của người khác cho được? Cho nên, giới thứ hai này gọi là không trộm cướp.

Tiếp theo nói đến ý nghĩa chế giới. Trong “Nam Sơn Tam Đại Bộ”, phần Giới Bản Sớ nói về ý nghĩa của giới trộm cướp như sau: *“Tài vật là cái gốc của thân mạng, nếu không có nó thì chẳng thể cứu lấy thân, nên tâm lý của mọi người đều rất quý trọng, tâm mến tiếc, chấp trước rất sâu nặng. Mà theo lý thì người xuất gia phải xả bỏ những thứ mình trân quý để cứu giúp chúng sanh. Nay trái lại còn đi chiếm đoạt làm của riêng. Đó là tự hủy hoại mình và não hại người, là tội lỗi rất nghiêm trọng trong tất cả các tội lỗi. Do đó ý nghĩa mà đức Phật chế giới này là như vậy”*. Đây là nói tất cả tiền tài vật chất giúp đỡ thân thể, là cái gốc để duy trì thân thể, tánh mạng của chúng ta. “Không có nó thì chẳng thể cứu lấy thân”, giả sử không có những tài vật này thì không thể cứu giúp được thân hình, tánh mạng của chúng ta. Do đó tâm lý, tâm tình của người thông thường phần lớn đều là yêu quý giữ gìn, xem trọng tài vật. Cho nên “tâm mến tiếc, chấp trước rất sâu nặng”, tâm ái luyến, chấp trước vô cùng sâu nặng. Song người xuất gia sa-di, tỳ-kheo, Sa-di tuy vừa mới cạo tóc thọ giới sa-di nhưng cũng là đại tượng phu, “theo lý thì phải xả bỏ những thứ mình trân quý để cứu giúp chúng sanh”, theo lý mà nói thì nên đem những thứ mà mình trân quý ra để cứu giúp chúng sanh, không chút tham luyến. Hiện nay, trái lại đi xâm tòn cướp đoạt tài vật của người khác để làm của riêng, như vậy là hại mình và não hại người, “hủy hoại mình và não hại người”, chính mình phá hoại mất thiện tâm của chính mình, tức là phá hoại thiện căn của chính mình, tổn hại người khác. Đây là điều cực kỳ nghiêm trọng trong tất cả các lỗi lầm, họa hại, cho nên đại thánh Phật-đà đã chế định cho sa-di điều giới luật này, giới tỳ-kheo cũng như vậy. Đây là ý nghĩa của việc chế giới.

Liên quan đến hai nghiệp tánh già thì điều giới này có đầy đủ hai tội nghiệp của tánh tội và già tội. Nói cách khác, giả sử không thọ giới mà phạm tội trộm cướp thì cũng

kết tội, có tánh tội. Giả sử đã thọ giới rồi mà vẫn phạm giới này thì trên nền tảng tánh tội sẽ cộng thêm giả tội, tức là tội phạm giới, tánh tội cũng gọi là tội nghiệp đạo.

Tiếp theo, chúng tôi giảng khoa thứ hai là “tùy văn thích nghĩa”. Chúng ta xem câu văn đầu tiên: *“Phàm là vật có chủ thì không được dùng tâm trộm cố ý lấy đi”*. Tất cả những tài vật có chủ mà chưa được sự đồng ý của chủ nhân thì không được dùng tâm trộm cướp để lấy đi, như vậy là phạm tội trộm cướp. Vật có chủ tức là vật có chủ nhân. Nếu vật không có chủ mà lấy thì không phạm tội trộm cướp. Làm thế nào để định nghĩa vật có chủ hay là vật không có chủ? Trong Hành Sự Sao, là một bộ khác trong Nam Sơn Tam Đại Bộ, có định nghĩa như sau: “Hỏi: thế nào gọi là vật không có chủ?” Chỗ này đặt câu hỏi: thế nào là vật không có chủ? “Đáp: Thiện Kiến Luật nói, con cái làm việc xấu ác bị cha mẹ đuổi đi, sau khi cha mẹ chết rồi thì những của cải ấy là vật không có chủ, nếu sử dụng thì không có tội”. Đây là lấy ví dụ để nói rõ, trong Thiện Kiến Luật có nói như vậy: giả sử con cái làm việc ác, cha mẹ rất tức giận đuổi họ ra khỏi nhà, tức là không cần họ nữa. Sau đó cha mẹ chết đi thì những tài vật trong nhà này sẽ trở thành vật không có chủ, con cái không thể kế thừa. Bởi vì duyên giữa cha mẹ và con cái đã đoạn dứt rồi. Lúc này dùng hay lấy di vật của cha mẹ thì không phạm tội trộm cướp. Đây là thuộc về vật không có chủ. Đương nhiên đây là trên giới luật phán định như vậy, không có sai lầm, giới luật phán định là dùng nhân quả để phán định, lấy những vật không có chủ này thì không phạm nhân quả. Song hiện nay pháp luật không nhất định là phán như vậy. Theo pháp luật thì cha mẹ đuổi con cái ra khỏi nhà rồi, nhưng khi cha mẹ chết đi thì người con vẫn có quyền thừa kế. Họ đến toà án để đòi lại thì di vật của cha mẹ có thể trở thành của họ. Theo pháp luật thì có thể phán như vậy. Lúc này người xuất gia như chúng ta không nên đi tranh giành, bạn nói rằng trên giới luật quy định đây là vật không có chủ nên chúng tôi có thể lấy làm của riêng, điều này pháp luật không cho phép, nên chúng ta cũng không thể làm như vậy được.

Tiếp theo lại trích dẫn “Tát-bà-đa luận”, trong đó nói thế này: “Tài vật trong phần đất trống ở hai bên ranh giới giữa hai quốc gia gọi là vật không có chủ”, tức là nơi biên cương giữa hai quốc gia, ở nơi này có tài vật, tức là [tài vật nằm] đúng trên đường ranh giới thì không thể nói nó thuộc về nước A, cũng không thể nói nó thuộc về nước B, đều không thuộc về đất nước ở hai bên, những tài vật này cũng có thể gọi là vật không có chủ. Lại nói rằng: “Nếu đất nước bị đánh chiếm, quốc vương bỏ chạy, vị vua tiếp theo vẫn chưa thống lãnh đất nước, vậy những tài vật trong đất nước này

cũng gọi là không có chủ”. Giả sử một đất nước bị nước láng giềng đánh phá, quốc vương bỏ chạy mà vị vua tiếp theo vẫn chưa kế thừa vương vị để thống lĩnh đất nước này, vậy thì những tài vật trong đất nước này cũng thuộc về vật không có chủ.

Trong Giới Bồn Sớ, tức là bộ thứ hai trong Nam Sơn Tam Đại Bộ nói rằng: như trong Tăng Chi Luật, trích dẫn Tăng Chi Luật nói, giả sử khi chúng ta đánh rơi tài vật mà tâm đã xả bỏ rồi, chúng ta đã làm mất rồi, ví dụ làm mất ví tiền, tôi đã xả bỏ nó rồi, không cần nữa, vậy thì tài vật này cũng trở thành vật không có chủ. Nếu người khác lấy ví tiền đó thì họ cũng không phạm tội trộm cướp. Đương nhiên đối với người nhặt được tiền như chúng ta mà nói thì không biết người đánh rơi ví tiền đã khởi tâm xả bỏ hay chưa. Nếu họ vẫn chưa khởi tâm xả bỏ mà chúng ta lấy số tiền này làm của riêng, vậy thì cũng tính là trộm cướp. Như bản thân tôi lập định cho mình một quy tắc, giả sử tôi đánh mất đồ vậy thì tôi sẽ lập tức xả bỏ, đừng để đến lúc người ta nhặt được vật ấy của tôi thì hại họ phạm tội trộm cướp rồi. Tội trộm đồ của tăng tương đối nặng, cho nên bản thân tôi đã tác ý, tất cả những thứ mà tôi đánh mất, toàn bộ đều xem là vật không có chủ. Lấy vật không có chủ thì không phạm giới trộm cướp, nhưng ngược lại chỉ cần là vật có chủ thì chúng ta không được dùng tâm trộm cướp để lấy về sử dụng.

Nói đến có chủ, chủ này có thể chia làm ba loại, căn cứ theo đối tượng chủ nhân mà chia thành ba loại. Loại thứ nhất là “vật của tam bảo”, thứ hai là “vật của người”, thứ ba là “vật của phi nhân”. Trước tiên nói đến vật của tam bảo. Điều này đối với những người tu hành, hộ trì trong cửa tam bảo như chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Bởi vì nếu không hiểu giới pháp này, lại không chịu học tập thì sẽ ngu si mà phạm tội trộm cướp, trộm cướp đồ của tam bảo thì tội nghiệp vô cùng sâu nặng, cho nên đoạn này chúng ta nên nghiêm túc học tập. Trong vật của tam bảo cũng chia làm ba loại. Tam bảo chính là Phật, pháp, tăng. Loại thứ nhất là vật của Phật, vật của Phật lại có thể chia thành 4 loại.

Loại thứ nhất là vật thọ dụng của Phật, loại thứ hai là vật thuộc về Phật, thứ ba là vật cúng dường, thứ tư là vật dâng Phật. Vật thọ dụng của Phật, ví dụ như điện thờ, nhà thờ, những nơi như đại hùng bảo điện, điện Phật, còn có y phục mà Phật thọ dụng, thậm chí những thứ như vàng đá bùn đất đã được tượng Phật sử dụng qua. Ví dụ như cà-sa từng đắp trên thân Phật, những vật này đều thuộc về vật thọ dụng của Phật. Cách xử lý vật thọ dụng của Phật là không được thay đổi lẫn lộn, phải thường xuyên lấy những đồ vật này để cúng dường Phật, không được tùy tiện thay đổi. Bởi vì đây

là những vật thọ dụng của Phật. chúng ta có thể cúng dường như vậy thì có thể đạt được phước báo rất lớn. Trong “Ngũ bách vấn sự” nói rằng không được bán tấm vải lụa trên thân Phật, tấm vải lụa chính là sản phẩm làm từ tơ, như có khi chúng ta cúng dường tượng Phật tấm cà-sa dệt bằng tơ, hoặc một chiếc khăn khata quàng lên cổ v.v., chính là để trang nghiêm tượng Phật. Đã đeo lên là Phật đã thọ dụng rồi. Dù khoác lên một chút rồi lấy xuống thì đây cũng đều là vật thọ dụng của Phật. Đồ mà Phật đã thọ dụng thì chúng ta nên chuyên dùng để cúng dường Phật, không được dùng cho mục đích khác. Ví dụ như áo cà-sa đã cúng dường Phật, không thể nói dù sao áo cà-sa của Phật, ngài cũng không cần mặc nên lấy xuống tặng cho tăng nhân. Đây là dùng lẫn của nhau, dùng chung của nhau. Việc này thuộc vào tội trộm cướp, trộm đồ của Phật. Lại nữa, ví dụ nếu cây cột trong điện Phật bị hư hỏng rồi, cây cột trong điện Phật cũng là vật thọ dụng của Phật, nếu thí chủ muốn thay cây cột ấy thì cũng không được tùy tiện vứt bỏ cây cột cũ, cũng không được đem nó đi bố thí cho tăng chúng. Bởi vì vật mà Phật đã thọ dụng thì giống như pháp thân vậy, vô cùng tôn quý. Dù đã bị hư hỏng rồi thì chúng ta chỉ có thể để nó sang một bên, để nó hao mòn một cách tự nhiên, trở về với tự nhiên, không được dùng cho mục đích khác. Đương nhiên tái sử dụng để cúng Phật, ví dụ sử dụng lại nguyên vật liệu của cây cột này để cúng Phật thì điều này có thể được. Ngoài cúng Phật ra thì đều không thể được.

Loại thứ hai là vật thuộc về Phật, tức là tài sản thuộc về Phật, như tiền bạc, người, súc vật v.v.. Những thứ này thì Phật không thể sử dụng, Phật không dùng tiền, Phật chế định người xuất gia đều không được nắm giữ tiền bạc, đương nhiên bản thân Phật cũng không dùng tiền nhưng có người cúng dường tiền cho Phật, vậy những thứ này là vật thuộc về Phật, bởi vì thí chủ phát tâm là cúng Phật, nên mặc dù Phật không thọ dụng những số tiền này, nhưng cũng là vật thuộc về Phật. Giống như tỳ-kheo tuy không nắm giữ tiền bạc, nhưng thí chủ cúng dường tiền bạc cho tỳ-kheo thì có thể ủy thác cho người chấp sự, chúng ta gọi là cư sĩ hộ pháp, họ chuyên tâm hộ trì cho tỳ-kheo. Những cư sĩ hộ pháp này có thể nhận số tiền ấy từ thí chủ, đến khi tỳ-kheo cần dùng những vật khác, ví dụ cần mua y phục, vậy thì sẽ nói với người chấp sự là (tức là cư sĩ hộ pháp): Tôi cần y phục, người chấp sự sẽ đi lấy số tiền mà người ta cúng dường để đổi lấy y phục cúng dường tỳ-kheo. Trước khi chưa đổi số tiền này lấy y phục, tức là trước khi chưa mua y phục, cũng tức là nói đó là vật thuộc về tỳ-kheo, nhưng tỳ-kheo không khởi ý niệm nói rằng tôi có số tiền này, không khởi những ý niệm này, nhưng cư sĩ hộ pháp không thể nói: dù sao thì tỳ-kheo cũng không

cần số tiền này nên nó thuộc về tôi, như vậy thì không được, đây là phạm tội trộm cướp. Cho nên, phạm vi chức quyền của mỗi người đều vô cùng rõ ràng. Tiền bạc ở đây cũng vậy, tiền bạc cúng Phật, không thể nói dù sao Phật cũng không dùng nên nó thuộc về tôi, đó là phạm tội trộm cướp; cho nên phẩm vật, tiền của thuộc về Phật thì chúng ta phải thay Phật thu nhận quản lý. Tuy Phật không thọ dụng, đợi đến khi Phật có nhu cầu khác thì chúng ta có thể đổi, hoặc mua những vật mà Phật có thể thọ dụng. Từ việc xử trí mà nói thì phải chuyển đổi để được lợi ích, là có thể dùng để chuyển đổi, có thể dùng để giao dịch, tức là đi mua đồ. Thông thường là dùng tiền, đương nhiên cũng có thể dùng ruộng vườn.

Ví dụ nói có người phát tâm cúng dường cho Phật một mảnh đất, Phật không thọ dụng đất đai, Phật chỉ tiếp nhận tứ sự cúng dường, kỳ thực tượng Phật thọ dụng cũng rất có hạn, nhưng người ta phát tâm này, muốn cúng dường đất cho Phật, thông thường mà nói thì chính là thường trụ, hoặc chuyển có nhân viên chấp sự thay Phật tiếp nhận quản lý những ruộng vườn này, đến khi thật sự cần cúng Phật, ví dụ chúng ta bán mảnh ruộng vườn này đi để tạo một tượng Phật, vậy thì có thể được. Bao gồm cả người và súc sanh. Người gọi là thị giả. Thời xưa trong nhà đều có người hầu, hiện nay cũng có thể có người chuyên môn... Ví dụ gia đình giàu có sẽ mời một người làm chuyên chăm lo cho tượng Phật. Người làm này, họ chuyên tâm phục vụ cho Phật, quét dọn v.v., làm những công việc này. Họ nhận tiền lương chính là để làm công việc này, nên không được lợi dụng thời gian làm việc của họ mà sai bảo họ làm việc khác. Bởi vì thời gian làm việc của họ chính là vì Phật. Còn có súc sanh, tất cả những súc sanh, ví dụ nuôi một con chó để chuyên canh tượng Phật, thì con chó ấy cũng là vật thuộc về Phật. Những vật này là thuộc về Phật, có thể dùng để giao dịch, trao đổi lấy vật phẩm khác để Phật thọ dụng, nhưng không thể cúng những đối tượng khác, tức là cúng pháp, cúng tăng thì không được.

Tiếp theo là nói vật cúng dường, tức là cúng dường tượng Phật, bao gồm hương, đèn, hoa, phan, các loại đồ cúng. Cách xử trí những phẩm vật này thì có thể giao dịch. Trên luật điển nói, giả sử như hoa cúng Phật quá nhiều, dùng không hết, các thí chủ phát tâm cúng Phật, cúng quá nhiều hoa thì phải làm thế nào? Có thể cho phép bán lại, đem những hoa này bán đi, sau đó đổi lấy những đồ cúng khác như hương, đèn, cho nên có thể bán đi. Giả sử hương, đèn cũng không thiếu, hiện nay không thiếu thứ gì thì phải làm sao? Có thể đem hoa bán đi, sau đó được tiền rồi thì để vào trong “tài

vô tận” của Phật. Nói cách khác, đợi sau này khi có nhu cầu cúng dường Phật thì lại lấy số tiền ấy đi đổi, có thể làm như vậy.

Đương nhiên trong này đặc biệt nói rằng vật cúng dường là Phật vẫn chưa thọ dụng, là vật chuẩn bị cúng dường Phật. Nếu như Phật đã thọ dụng rồi, hoa này đã cúng lên cho Phật rồi thì bạn không thể lấy xuống đem bán đi rồi đổi lấy vật khác được, như vậy không được. Đã cúng Phật rồi, vậy thì thuộc về vật thọ dụng, vậy hoa đó chỉ có thể để đó cúng, cúng đến khi nó khô héo mới lấy xuống đem ra đằng sau núi, nơi không ai có thể dẫm đạp lên, để hoa ấy tự trở về với cát bụi một cách nhiên.

Thứ tư gọi là vật dâng Phật, bao gồm các loại đồ ăn thức uống, hoa quả. Những vật dâng cúng cho Phật này, thông thường mà nói việc cúng những thực phẩm này cũng rất phổ biến. Cách xử trí là thị giả có thể sử dụng, tức là những đồ ăn thức uống, cơm thức ăn, hoa quả này cúng Phật xong thì người xuất gia, thậm chí người thế gian, những người này chính là thị giả của Phật. Ví dụ thầy hương đăng cũng thuộc về thị giả của Phật, họ lấy xuống thì có thể trực tiếp ăn. Đương nhiên toàn bộ tăng đoàn của chúng ta kỳ thực cũng đều là thị giả của Phật. Mỗi ngày chúng ta cũng có nghĩa vụ, trách nhiệm hộ trì điện thờ Phật. Nói chung, người trong tăng đoàn đều có thể thọ dụng. Bao gồm cả những người làm công quả trong đại điện, nghĩa công quét dọn đều có thể dùng. Cho nên ở đây chúng ta yêu cầu thầy hương đăng của chúng ta, nếu như làm càng tinh tế, như pháp hơn thì tất cả vật phẩm mà tín chúng cúng dường cho Phật, nếu bản thân bạn không thọ dụng thì bạn có thể tác ý để cúng dường, cúng dường đại chúng. Bởi vì bạn có thể sử dụng, đồ ấy thuộc về bạn. Vậy thì bạn tác ý cúng dường đại chúng, tăng tục đều có thể dùng, như vậy thì đại chúng chúng ta đều có thể chia sẻ. Tác ý như vậy sẽ không có nhân quả gì. Giả sử chúng ta không tác ý như vậy, nếu có tỳ-kheo ở bên ngoài đến, họ vẫn chưa thể nói là thị giả được, vẫn chưa kịp làm thị giả của Phật, nếu họ thọ dụng thì việc này cũng khó tránh khỏi có nhân quả.

Trong đạo tràng của chúng ta quy định thực phẩm tín chúng cúng dường, hết thầy đều cúng dường đại chúng. Bởi vì chỗ chúng ta có rất nhiều nghĩa công hộ trì. Nếu chỉ nói cúng tăng, vậy chỉ có người xuất gia được sử dụng, người tại gia trừ khi họ hộ trì đạo tràng, hơn nữa tốt nhất cũng trì bát quan trai giới, như vậy thì họ có thể sử dụng. Nếu tín chúng thông thường, như vậy thì không được, đã làm trái với bản ý của thí chủ cúng tăng rồi. Cho nên, khi tiếp nhận những thực phẩm này, để tránh phiền phức thì chúng tôi có thể trực tiếp nói với thí chủ rằng: tất cả thực phẩm ở đây,

chúng tôi đều cúng dường đại chúng, ai cũng có phần được ăn, như vậy sẽ không tạo thành vấn đề dùng lẫn của nhau. Đây là bốn loại vật của Phật.

Tiếp theo nói vật của pháp cũng có bốn loại, cơ bản là giống với vật của Phật, cũng chia thành bốn loại là: vật thọ dụng của pháp, vật thuộc về pháp, vật cúng dường và vật dâng pháp. Vật thọ dụng của pháp. Pháp này chính là pháp bảo, vật thọ dụng của pháp bảo, tức là chỉ những vật như giấy, tơ lụa, lụa trắng, tre trúc, gỗ phía trên viết kinh văn, hoặc những thứ như rương, hộp chuyên dùng để đựng kinh điển, bao gồm tủ, thùng để cúng dường pháp bảo v.v.. Những thứ này đều là vật thọ dụng của pháp. Cách xử trí những vật này thì không được phép chuyển đổi, không được dùng cho mục đích khác, cũng không được tùy tiện đốt bỏ. Đây là sự cung kính đối với pháp bảo, cung kính thánh giáo. Pháp bảo giống như pháp thân của Phật vậy. Những vật này không được tùy tiện chuyển sang dùng cho mục đích khác. Ở đây nói đến những loại giấy, thùng, rương, hộp chuyên để cúng dường pháp bảo, nhưng ví dụ như thùng, hộp bình thường, ví dụ nói trước tiên tạm thời dùng một thùng hoa quả, chỉ cần sạch sẽ để đựng pháp bảo một chút. Thùng hoa quả này không phải làm riêng để đựng pháp bảo. Loại thùng đóng gói này thì không vấn đề gì, đây không thuộc về vật thọ dụng của pháp, có thể chuyển sang dùng cho mục đích khác. Ví dụ, chúng ta tạm thời lấy một chiếc túi sạch đựng pháp bảo, đựng xong rồi, chiếc túi này dùng sang việc khác cũng không vấn đề gì. Ở đây nói thùng hay hộp làm riêng để đựng pháp bảo. Ví dụ như “Càn Long Đại Tạng Kinh”, mỗi một cuốn đều có một chiếc hộp đựng. Bên ngoài chiếc hộp ấy viết Càn Long Đại Tạng Kinh quyển thứ mấy, khi bạn dùng thì lấy cuốn sách từ trong hộp ra, chiếc hộp này chuyên để cúng dường pháp bảo, gọi là vật thọ dụng của pháp. Bạn không thể nói tôi dùng chiếc hộp này để đựng sách khác hoặc đem nó đi đốt. Việc này thì không được.

Còn có một loại chính là kinh điển cũ. Đây là giấy, giấy in kinh điển, đây là vật thọ dụng của pháp, vậy thì cũng không được tùy tiện đốt bỏ, như thế mắc phải tội lỗi cũng không phải là nhẹ. Bao gồm tượng Phật, những tượng Phật in trên giấy hoặc tượng đất tượng gỗ, nếu bị hư hoại rồi thì cũng không được đốt bỏ; hoặc đã bị côn trùng đục khoét, những kinh sách, tượng Phật này không thể tái sử dụng được nữa, phải làm thế nào? Có thể đem những đồ ấy cất đi, cất vào những chỗ sạch sẽ. Như vậy là biểu thị tâm cung kính đối với pháp. Bởi vì những sách này tuy là pháp bảo đã bị hư rách, nhưng nói không chừng nó cũng có công dụng độ người. Như chúng ta thấy truyện ký của đại sư Ấn Quang, ngài xuất gia chưa bao lâu, ở trong một tự

viện làm công việc phục vụ đại chúng tăng, kết quả tình cờ có được quyển sách thiếu là “Long Thư Tịnh độ Văn” của cư sĩ Vương Long Thư. Đây là cuốn pháp bảo đã bị hư rách, có lẽ có người đã vứt bỏ, không ai cần nữa, nhưng sau khi ngài nhìn thấy bộ sách thiếu này đã sanh khởi tín tâm đối với Tịnh độ, bắt đầu từ khi đó, năm ngài 22 tuổi đã nhất tâm cầu sanh Tịnh độ, chuyên tu pháp môn niệm Phật, sau này đã trở thành tổ sư một đời. Giả sử không có cuốn sách thiếu đó thì có lẽ sẽ không xuất hiện đại sư Ấn Quang. Cho nên chúng ta thấy, dù là một cuốn pháp bảo hư rách thì cũng có hiệu quả độ chúng sanh nên vẫn phải cung kính.

Loại thứ hai, vật của pháp gọi là vật thuộc về pháp, là vật thuộc về pháp thọ dụng, giống như vật thuộc về Phật ở phía trước vậy, tức là những tiền của, con người, súc sanh để cúng pháp bảo v.v., pháp cũng không thể thọ dụng được, là những vật phẩm thuộc về pháp. Những vật phẩm này có thể bán lại. Ví dụ có người dùng một mảnh đất đặc biệt cúng dường “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng không thể thọ dụng được mảnh đất của bạn. Vậy có thể đem mảnh đất ấy đi bán, sau khi bán thì có thể đặc biệt xây một ngôi tháp để cúng dường kinh Hoa Nghiêm, cũng có thể được. Đương nhiên cũng có thể chuyên dùng để in Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Những giấy in này là thuộc về vật thọ dụng của pháp. Còn có vật cúng dường là vật cúng dường pháp bảo. Những thứ như hương, đèn, hoa, phan đều giống như vật cúng Phật vậy, cũng có thể đổi thành vật khác, nhưng chỉ có thể để pháp bảo thọ dụng. Ví dụ hương cúng dường pháp, mua đàn hương để đặc biệt cúng dường Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Nếu như có quá nhiều hương rồi, vẫn chưa kịp cúng hết thì phải làm sao? Có thể lấy hương này đi bán, đổi lấy thứ khác để cúng dường Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, vậy thì có thể được. Không được đem đi cúng dường tăng, cũng không được lấy đi cúng dường Phật, không thể dùng lẫn được, cúng dường pháp thì chuyên để cúng dường pháp bảo.

Còn có vật dâng pháp, vật dâng cúng pháp bảo cũng có thể làm theo cách xử lý như vật dâng Phật vậy. Cũng có người, họ cũng đặc biệt cúng dường pháp bảo một số thứ như đồ ăn, hoa quả, đương nhiên pháp bảo không thọ dụng, thì giả có thể thọ dụng. Đây là nói đến vật cúng pháp. Bốn loại vật của pháp để cúng dường pháp bảo tôi đã giảng xong rồi.

Còn có một trường hợp đặc biệt, ở trong “Tát-bà-đa luận” nói rằng, giả sử có thí chủ đặc biệt cúng dường tiền cho pháp bảo, thì số tiền này là vật thuộc về pháp. Số tiền

này tạm thời vẫn chưa dùng đến thì có thể chia làm hai phần, lấy một phần ra chuyên để in kinh điển, in pháp bảo. Đương nhiên pháp bảo hiện nay cũng có thể bao gồm các phương tiện truyền thông, máy giảng kinh, thậm chí cả các chương trình truyền bá trên mạng Internet v.v. đều có thể được, những công cụ để chế tạo pháp bảo, máy thu hình, những máy móc chế tạo đĩa CD chuyên để cúng dường pháp bảo. Một phần khác thì sao? Số tiền này có thể để cúng dường người giảng kinh thuyết pháp. Việc này cũng có thể dùng được. Dùng tiền của pháp bảo để cúng dường người giảng kinh thuyết pháp.

Tiếp theo loại thứ ba là vật của tăng. Bởi vì chúng tôi ở trong tự viện, cho nên hằng ngày đều tiếp xúc với vật của tăng. Trong này cũng rất vi tế, cũng phải đặc biệt lưu ý. Vật của tăng cũng chia làm bốn loại. Thứ nhất là vật của thường trụ thường trụ, thứ hai là vật của thập phương thường trụ, thứ ba là vật của hiện tiền hiện tiền, thứ tư là vật của thập phương hiện tiền. Phía sau cuốn sách này của chúng ta có một bảng biểu, xem phía sau có hay không, không có cũng không sao, tôi sẽ giảng cho mọi người nghe. Mọi người lắng nghe thì cũng giống như vậy.

Thứ nhất là vật của thường trụ thường trụ, ví dụ trong tự viện này của chúng ta, những phòng ốc, điện đường, ruộng vườn, con người, súc vật, gạo mì, đồ ăn v.v. trong đạo tràng, còn có tất cả những dụng cụ ở trong tự viện. Phạm vi sử dụng của những vật phẩm này thì nhất định chỉ có thể được sử dụng trong phạm vi của tự viện này, không thể đem đi nơi khác sử dụng, cũng không được phân chia, không được chia nhau; những đồ vật này của chúng ta quá nhiều rồi, nên chia ra, mỗi người lấy một cái, việc này không được. Những vật này gọi là vật của thường trụ thường trụ, chỉ có thể cho tăng chúng trụ ở nơi đây sử dụng, nhưng không được mang ra ngoài, không được phân chia. Nếu trộm cướp những vật này thì gọi là trộm đồ của thường trụ, tội này vô cùng nặng.

Nếu những vật này quá nhiều, ví dụ ruộng vườn của thường trụ quá nhiều, các thí chủ cúng dường thường trụ rất nhiều ruộng vườn, nhiều ruộng vườn thì phải làm thế nào? Hiện nay, nếu muốn đổi số ruộng vườn này của thường trụ thành tiền bạc, bán đi đổi thành tiền sau đó dùng số tiền này để xây dựng tự viện thì vẫn thuộc về thường trụ. Nếu ban đầu là vật của thường trụ, mà vẫn đưa về cho thường trụ ban đầu sử dụng, thì việc này không có vấn đề gì, đều thuộc về vật của thường trụ thường trụ, nên không có vấn đề gì. Nhưng nếu bạn muốn cúng dường cho thường trụ khác, tức là cúng dường cho tự viện khác để xây dựng tự viện. Ví dụ, chùa Giác Nguyên chúng

ta muốn bán đi một mảnh đất, hoặc đem một số đồ vật nào đó của thường trụ bán đi, hoặc tặng cho tự viện khác, vậy thì phải làm sao? Nhất định đại chúng tăng phải tác yết-ma để đồng ý, tức là tăng chúng (tỳ-kheo) thường trụ ở nơi đây, sa-di thì không cần, tỳ-kheo tác pháp bạch nhị yết-ma, sau đó đem vật của thường trụ nơi đây tặng cho thường trụ khác, như vậy thì có thể được, hoặc chuyển sang cúng Phật, cúng pháp cũng được, nhưng đều phải tác pháp bạch nhị yết-ma.

Ví dụ tiền của thường trụ, tiền của thường trụ là thuộc về vật của thường trụ thường trụ, tiền của thường trụ không thể phân chia. Hiện nay rất nhiều đạo tràng đều lấy khoản tiền của thường trụ để làm phí sinh hoạt hàng tháng của tăng chúng. Nghiêm khắc mà nói thì điều này không như pháp. Đây thuộc về vấn đề trộm vật của thường trụ, nhưng luật sư Quảng Hóa, luật sư Quảng Hóa ở Đài Loan từng nói một câu thế này, những tăng chúng trong tự viện này, bởi vì họ cũng hộ trì tự viện, do đó gửi họ phí sinh hoạt hàng tháng, chỉ cần không gửi nhiều, mà xem như một loại bồi dưỡng, thì điều này cũng có thể miễn cưỡng chấp nhận, nhưng trên sự phán định của giới luật thì việc này có chút mơ hồ. Căn cứ theo luật mà nói thì vật của thường trụ thường trụ không thể phân chia, không thể chia cho tăng chúng. Cho nên điểm này, hiện nay chúng ta ở nơi đây xây dựng đạo tràng trì giới niệm Phật, tôi cũng bàn với đại hòa thượng rằng: có mấy vị pháp sư đã ở đây từ trước, bởi vì trước kia họ cũng có phí sinh hoạt hàng tháng, hiện nay chuyển sang để Linh Phong Cơ Kim Hội cúng dường cho họ, đừng dùng tiền của thường trụ để cúng dường nữa. Điều này sẽ tránh được một số tội lỗi.

Ví dụ tiền của thường trụ rất nhiều, bạn muốn lấy ra để cúng dường pháp bảo thì cũng được, cũng phải tác yết-ma với tăng, tức là đánh bản triệu tập tăng chúng trong tự viện lại, sau đó mọi người cùng nhau tác pháp bạch nhị yết-ma, không ai phản đối thì yết-ma được thành lập, liền có thể chuyển tiền của thường trụ sang tiền pháp bảo, lấy ra để in kinh hoặc dùng để tạo tượng Phật, như vậy thì có thể được, cúng dường Phật, cúng dường pháp. Giả sử không tác pháp bạch nhị yết-ma mà trực tiếp lấy ra dùng, như vậy chính là dùng lẫn lộn vật của tam bảo, đủ 5 tiền thì kết thành trọng tội. Thông thường mà nói, 5 tiền chính là 200 nhân dân tệ. Nếu đủ 200 nhân dân tệ thì thuộc vào phạm trọng tội, phạm trọng tội thì mất giới thể rồi. Cho nên nếu như điểm này, quả thực bởi vì hiện nay nếu không học giới luật mà đảm nhiệm việc chấp sự trong đạo tràng thì rất dễ phạm phải điều này. Việc này cũng rất đáng sợ, cho nên nhất định phải cố gắng học tập giới luật.

Thí chủ cúng dường thức ăn cho thường trụ. Giả sử như chỉ định rõ là cúng dường thường trụ, vậy thì vật này thuộc về vật của thường trụ. Vật của thường trụ cũng chỉ có thể do thường trụ tặng, còn có tịnh nhân hộ trì thường trụ được sử dụng, những tín chúng thông thường từ bên ngoài đến cũng không được ăn thức ăn này của thường trụ. Cho nên, nếu thức ăn của thường trụ quá nhiều thì phải làm sao? Vậy thì có thể tác pháp bạch nhị yết-ma để đem thức ăn của thường trụ này tặng cho tự viện khác, từ thường trụ này tặng cho thường trụ khác. Trước đây, chúng tôi ở tinh xá Chánh Giác đều thường xuyên làm việc này. Bởi vì đạo tràng trì giới nên mọi người đều rất thích cúng dường, cúng dường rất nhiều thực phẩm. Trên cơ bản một tháng phải xử lý một lần, liệt kê những thực phẩm này thành một danh sách, treo lên bảng thông báo trước mấy ngày để nói với mọi người rằng nhà bếp của chúng tôi, thông thường việc này là do thầy Điền Tọa làm, nói rằng nhà bếp của chúng tôi thừa ra những thực phẩm này chuẩn bị cúng dường cho những đạo tràng khác gần đây. Trước tiên để cho đại chúng tăng đều nhìn thấy, sau đó khi làm yết-ma thì mọi người đều có thể đồng ý. Sau khi đồng ý thì có thể chia những thực phẩm này cho những đạo tràng, tinh xá gần đó. Đạo tràng của tỳ-kheo cũng có thể tặng cho đạo tràng của tỳ-kheo-ni, đều có thể được. Nếu không làm như vậy thì cũng sẽ phạm tội trộm vật của thường trụ, không thể nói cho là cho, vẫn phải tác pháp bạch nhị yết-ma. Đây là vật của thường trụ thường trụ.

Thứ hai là vật của thập phương thường trụ, vật của thập phương thường trụ giống như hạn định [thức ăn] cúng dường cho chư tăng vào ngày hôm đó, tức là những thực phẩm như cơm, bánh được hạn định cúng dường cho tăng chúng. Việc này thông thường đều là thực phẩm, bữa sáng, bữa trưa. Bình thường những tự viện thông thường đều lấy vật của thường trụ, thực phẩm của thường trụ chuyển thành vật của thập phương thường trụ, khi nào chuyển vậy? Tức là hôm nay thầy Điền Tọa muốn lấy những thực phẩm này để chuẩn bị cúng tăng, ngay khi lấy ra đưa vào danh sách hạn định [lượng thức ăn] để cúng dường chư tăng thì liền chuyển vật của thường trụ thường trụ này thành vật của thập phương thường trụ. Khi muốn ăn cơm, bởi vì thức ăn này đã chuyển thành vật của thập phương thường trụ rồi, thể tánh của nó là thông với thập phương, cho nên trước khi ăn cơm nhất định phải đánh bản. Ý nghĩa của đánh bản là triệu tập tăng chúng trong 10 phương cùng đến đại giới nội để thọ dụng thức ăn này, mỗi người một phần ăn no thì thôi. Cũng không thể ăn no rồi mà còn muốn lấy một phần đem đi, không được. Một người thọ dụng một phần, trừ khi tỳ-

kheo có bệnh vậy thì có thể tặng họ một phần đem đi. Bởi vì thể của nó là thông với 10 phương, nhưng lại giới hạn chỉ sử dụng ở đạo tràng thường trụ nơi đây, cho nên gọi là vật của thập phương thường trụ. Thập phương là nói thể tánh của nó, thường trụ là nói nơi chốn của nó bị hạn chế, tức là chùa Giác Nguyên của chúng ta mới có thể thọ dụng.

Giả sử nếu không đánh bản mà chúng ta tự tiện ăn, nghiêm khắc mà phán định theo luật thì tội này thuộc vào tội trộm vật của thập phương thường trụ. Đương nhiên tội nghiệp đạo này rất nặng, nhưng họ không đến mức phạm trọng tội, vì sao vậy? Bởi vì vật của thập phương thường trụ có thể thông với thập phương tăng. Giá trị của những thực phẩm này, một phần ở trong thập phương tăng, thì mỗi một phần không thể vượt quá 5 tiền được, cũng chưa thể vượt quá một tiền, cho nên giá trị của nó không lớn, nhưng bởi vì kết nghiệp của nó rất nặng, cho nên theo luật cũng phán tội rất nặng. Dùng giới tỳ-kheo để nói thì đây là tội bậc thượng ở trong tứ thứ ba. Hành vi phạm tội này giống như tội phương tiện giết người không chết vậy.

Giả sử khi ấy, những vật của thập phương thường trụ này có chủ quản lý, thông thường chính là thầy Điền Tọa, có người quản lý. Đó nghĩa là gì? Tức là trước khi chưa đánh bản triệu tập thập phương tăng thì vị Điền Tọa chính là người quản lý những vật của thập phương thường trụ này. Họ đã lấy những thức ăn trong vật của thường trụ thường trụ ra chuẩn bị để cúng dường thập phương tăng, nhưng trước khi chưa đánh bản thì nghĩa vụ của họ là trông giữ những vật của thập phương thường trụ này. Lúc này, nếu có người quản lý, mà bạn trộm cướp thì vẫn phải luận tội theo giá trị [của thức ăn ấy]. Nghĩa là nếu đủ 5 tiền thì kết trọng tội; 4 tiền, 3 tiền là tội bậc trung; 1 tiền, 2 tiền là tội bậc hạ. Nghiệp thì vẫn ngang bằng với tội trộm vật của thập phương thường trụ, còn tội phạm giới thì có thể phạm vào trọng tội. Sau khi đánh bản thì sẽ không phạm trọng tội, nhưng nghiệp thì vẫn như vậy. Cho nên, trong tự viện cần phải xây dựng một thói quen đánh bản như vậy. Như những thực phẩm ở nơi đây của chúng ta, bởi vì chúng ta đều không nhận thức ăn của thường trụ, tất cả thức ăn đều có thể cúng dường đại chúng, hơn nữa đều do cư sĩ đến quản lý, vậy thì sẽ không liên quan đến phạm vi vật của thường trụ. Điều này cũng tránh được những tội lỗi trộm vật của thường trụ. Giả sử đó là thức ăn của thường trụ mà lấy dùng là trộm vật của thường trụ, nếu đó không phải là thức ăn của thường trụ, người quản lý là cư sĩ, vậy thì bạn sẽ kết tội với cư sĩ đó. Trộm vật của cư sĩ thì vẫn may,

không phải trộm đồ của tam bảo, mà là trộm vật của người, kết nghiệp sẽ không nặng như vậy.

Hơn nữa, vừa rồi đã nói đồ ấy có thể cúng dường đại chúng, tăng, tục, tín chúng đều có thể ăn. Việc này khá phương tiện. Giả sử hôm nay nhà bếp nấu thức ăn rồi, đã nấu xong những đồ ăn này rồi, chuẩn bị lấy ra để cúng dường đại chúng. Trong cúng dường đại chúng cũng bao gồm cúng tăng, theo lý này mà nói khi lấy ra cúng tăng thì cũng thuộc về vật của thập phương thường trụ, vật của thập phương này có thể không cần giới hạn ở thường trụ, cho nên chúng ta thông qua việc đánh bản, sẽ khiến thẻ trong công đức của thí chủ được thông với thập phương, có thể triệu tập thập phương tăng chúng đến ăn, nên không thể ngăn cản những tăng chúng ở bên ngoài đến ăn được, bạn nói rằng “không thể cho họ ăn được”, như vậy là không được. Nếu ngăn cản họ vào ăn thì bằng với việc trộm phần lợi dưỡng đó của họ, đủ 5 tiền thì cũng phạm trọng tội. Đương nhiên, bữa ăn thông thường của họ thì không thể ăn hết 5 tiền được, 200 tệ là rất nhiều, trừ khi bạn ăn những thứ như nhân sâm cao cấp, những thực phẩm đắt tiền, thức ăn thông thường của chúng ta không đến mức phạm trọng tội, nhưng việc này cũng nên biết, điều này sẽ phạm tội trộm.

Chúng ta ở đây, hễ là cúng dường đại chúng, thí chủ của chúng ta đã có tâm thỉnh mời, có tâm mời đến, chính là cúng dường đại chúng, cúng dường rộng khắp, tăng tục đều cùng cúng dường, vậy thì chúng ta cũng không có lý do để ngăn cản người bên ngoài đến ăn cơm. Dù là một người ăn mày, họ không có chỗ ăn cơm, họ đến tự viện này thì chúng ta cũng phải cho họ một phần. Bởi vì đây là ý của thí chủ, cúng dường chính là phổ đồng cúng dường.

Tiếp theo, loại thứ ba là vật hiện tiền hiện tiền, giống như hiện nay có người thế gian, tức là đàn-việt, cư sĩ, họ phát tâm cúng dường tăng chúng ở nơi này, cúng dường y dược, đồ nội thất, thậm chí là tiền tài v.v., chỉ là cúng dường những tăng chúng hiện tiền ở nơi đây, có bao nhiêu người thì cúng mỗi người một phần, đây thuộc về vật của tăng hiện tiền hiện tiền. Bởi vì tăng hiện tiền hiện tiền là có số người nhất định, không giống như cúng dường thập phương tăng, cho nên việc này cũng đủ 5 tiền thì kết trọng tội, tính theo giá trị để luận tội. Tăng hiện tiền hiện tiền là chỉ [tăng chúng] ở nơi này, nghĩa là số tăng chúng ở trong chùa Giác Nguyên chúng ta, cũng bao gồm cả sa-di. Nếu tăng từ chùa khác, từ bên ngoài đến thì họ không có phần. Bởi vì họ không phải tăng thuộc nơi đây.

Tiếp theo, thứ tư gọi là vật của thập phương hiện tiền. Trường hợp này thì lại khác, tức là bất cứ người nào từ thập phương đến, chỉ cần vào đại giới nội thì họ đều có phần. Điều này có khác với vật hiện tiền hiện tiền. Cho nên, vật của thập phương hiện tiền này, giống như tăng chúng được bố thí vậy, gọi là tăng được bố thí. Hiện nay, thông thường rất nhiều người cúng dường tăng đều dùng tiền tài, đương nhiên cũng có cúng dường rất nhiều những thứ khác, cúng hương, thậm chí có một số người cúng xà bông thơm, là loại xà bông không có hương thơm, loại có hương thơm thì không được, còn có người cúng dường tăng chúng khăn mặt v.v.. Dù sao thì tất cả các vật phẩm đều có thể bố thí cho chư tăng.

Và cả năm chúng đã mất, năm chúng chính là năm chúng xuất gia: tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, những người này đã qua đời rồi, những tài vật mà họ để lại đều nên cúng dường thập phương tăng. Một là giúp người chết có công đức để siêu sanh, công đức cúng tăng có thể khiến người chết được siêu sanh. Thứ hai đây cũng là yêu cầu của giới luật. Bởi vì đồ vật của tăng không thể tùy tiện cho người đời dùng được. Ở đây nói đến vật của năm chúng đã mất. Trước đây, chúng tôi ở tinh xá Chánh Giác đã từng tham gia ba lần, chính là chia đồ vật của người đã mất.

Luật tổ Đạo Tuyên đặc biệt có một cuốn sách nhỏ tên là “Lượng Xử Khinh Trọng Nghi”, trước đây ở tinh xá chúng tôi cũng học rồi, tức là chuyên nói về phân chia vật nặng và vật nhẹ của người chết. Vật nặng thì thuộc về thường trụ, vật nhẹ thì có thể chia cho tăng hiện tiền, thuộc về vật của thập phương hiện tiền. Vật nhẹ thông thường chính là vật mà một người thọ dụng.

Những vật như y, bát, dụng cụ mà một người có thể mang được đi. Tóm lại mà nói bản thân, tức là một tăng nhân có thể sử dụng đến những vật thường ngày mà một người cần dùng đến. Đương nhiên cũng có một số ngoại lệ. Thông thường vật nặng thì không thể đem đi vân du được, ví dụ như giường, nồi cơm điện, đương nhiên thông thường chúng ta ở trong tăng đoàn cũng không cần có nồi cơm điện riêng, còn có chăn bông, những thứ này đều thuộc về vật nặng, thậm chí đến quạt đều thuộc về vật nặng. Thông thường người xuất gia không nên dùng quạt, đương nhiên không thể nói không được dùng, chỉ là năm xưa tăng đoàn của Phật đều không dùng những thứ này, những vật này đều thuộc về thường trụ, thậm chí đến đĩa, theo luật phán định thì cũng đều thuộc về vật nặng. Bởi vì bát chúng ta ăn cơm đều dùng thìa, cho nên không dùng đĩa.

Trong sách này rất tỉ mỉ, mọi người chỉ biết có sự việc như vậy, đến khi thật sự phải xử lý thì chúng ta vẫn phải căn cứ theo sách “Lượng Xử Khinh Trọng Nghi” đã liệt kê ra từng điều từng điều một. Bản thân tôi có tham gia, khi ấy chúng tôi làm rất tỉ mỉ, đặc biệt là người có rất nhiều đồ. Sau khi họ vãng sanh thì mỗi một đồ vật đều phải ghi chép lại, có trên trăm món đồ, sau đó phân từng món ra là nặng hay là nhẹ. Nặng thì đưa về thường trụ, nhẹ thì có thể tập hợp chur tăng lại làm bạch nhị yết-ma để phân.

Vật của người chết và tăng được bố thí thì chính là vật cúng dường thập phương tăng, đều phải đánh bản tập hợp chur tăng. Đánh bản là triệu tập thập phương tăng, sau đó lại tác pháp bạch nhị yết-ma. Như vật của người chết thì phải bạch nhị yết-ma để phân chia. Ngay khi làm bạch nhị yết-ma, thậm chí làm xong rồi, đến bao nhiêu người, tức là có bao nhiêu tăng nhân vào hiện trường của chúng ta, bao gồm sa-di đều có phần. Sau khi đã làm xong pháp yết-ma thì bạn mới bước vào đại giới, nếu bạn là người đến sau thì bạn sẽ không có phần. Cho nên, căn cứ theo cách xử lý như vậy, trước khi làm xong pháp yết-ma, thậm chí vừa làm xong, ngay khi ấy bạn bước vào thì có thể có phần, đồng thời cũng được chia. Nhưng sau khi làm xong rồi, thời gian vừa trôi qua một chút mà bạn mới bước vào đại giới, thì xin lỗi bạn đã hết phần rồi.

Trong tăng đoàn của chúng ta phải có một quan niệm, đối với vật của năm chúng đã mất, tức là tỳ-kheo già, hoặc tỳ-kheo-ni già trong tăng đoàn ni, sau khi họ qua đời, dù đó là đồ vật rất cũ rách, chỉ cần có thể sử dụng được thì chúng ta đều phải chia ra để thọ dụng, đừng ghét bỏ; nghĩ đây là đồ của người chết, cảm thấy dường như không được may mắn, không phải đâu. Như tôi hiện nay, bình thường có khi ra ngoài lao động, hoặc bình thường lúc quá đường tôi mặc đều là những y phục có miếng vá. Y phục đó đều là được chia từ vật của năm chúng đã mất. Y phục của tôi thì do tuổi xuất gia vẫn chưa lớn nên chưa có nhiều miếng vá như thế. Thọ dụng vật của họ, kỳ thực giống như giúp năm chúng, chính là người đã mất được tăng thêm công đức. Nếu không có người thọ dụng đồ của họ thì họ không có công đức, cho nên phải phát tâm từ bi để thọ dụng; hơn nữa đối với bản thân mà nói, thọ dụng những vật này cũng là tiếc phước. Người xuất gia chúng ta tốt nhất đừng nên thường đổi y phục mới. Dùng đồ cũ là tốt nhất, rách rồi thì vá, vá rồi lại vá. Bạn xem rất nhiều người xuất gia xưa kia đều mặc y phục cả trăm miếng vá. Việc này giúp công đức của thí chủ cúng dường đồ cho chúng ta có thể được kéo dài. Nếu chúng ta mặc một chút rồi vứt

bỏ, vậy thì bản thân chúng ta đã lãng phí phước báo rồi, cũng khiến công đức của thí chủ bị giảm bớt.

Vừa rồi nói đến việc tác pháp yết-ma để chia đồ của người chết, và vật của thập phương hiện tiền, giả sử vẫn chưa tác pháp yết-ma, nếu trộm cắp những tài vật này thì phạm tội sẽ tương đối nhẹ. Bởi vì đây vẫn là phạm tội trộm đối với vật của thập phương tăng, đối tượng hướng đến là thập phương tăng, vậy thì số người là vô lượng, cho nên căn cứ theo giá trị mà nói thì không thể trộm đến 5 tiền được, cho nên không thể phạm tội nặng, việc này cũng thuộc về trộm vật của thập phương tăng mà thôi, nhưng nghiệp này vẫn rất nặng, bởi vì thể của nó là thông với 10 phương, căn cứ theo tội mà nói thì cũng là tội bậc thượng trong tụ thứ ba của giới tỳ-kheo. Nếu sau khi đã làm pháp yết-ma rồi, tức là trước mắt có bao nhiêu tăng chúng thì sẽ chia cho bấy nhiêu người. Vậy thì số người này là có số lượng nhất định. Lúc này mới ăn trộm, trộm cắp những tài vật này thì chính là trộm cắp của những người trong giới nội hiện tại; số người này không phải chỉ cho thập phương, mà có số lượng nhất định, cho nên họ vẫn phạm trọng tội, trộm 5 tiền trở lên thì sẽ phạm giới trọng.

Như chúng ta nếu cúng tăng, thông thường cúng tăng đều là cúng tăng hiện tiền hiện tiền. Căn cứ theo số lượng tăng chúng trong đạo tràng này, trước tiên hỏi xem tổng cộng có bao nhiêu người, sau đó chuẩn bị phong bì. Tăng đoàn của chúng ta, có chư tăng là người, cộng thêm một vị thánh tăng là hai mươi mấy vị, bỏ phong bì xong trước rồi cúng dường cho mỗi vị [một phong bì]. Đương nhiên chư tăng chỗ chúng ta không giữ tiền, mà có người chuyên làm việc chấp sự, có nghĩa công hộ pháp đến giúp tăng chúng chúng ta thu nhận những phong bì này, ghi rõ số tiền, đợi đến khi họ có nhu cầu dùng đồ, hoặc ví dụ đi ra ngoài phải mua vé máy bay thì những cư sĩ này sẽ giúp họ xử lý, giúp tăng đoàn xử lý, đây là tăng hiện tiền hiện tiền.

Nhưng nếu thí chủ phát tâm cúng dường tăng thập phương hiện tiền thì cũng được, vậy thì phải đánh bản triệu tập thập phương tăng, chỉ cần có người vào trong giới nội này thì mỗi người sẽ có một phong bì. Thông thường nếu chúng ta mở hoạt động lớn cúng Phật trai tăng, như trong buổi họp hôm nay đại hòa thượng cũng nói với mọi người dự định sau khi an cư xong, ngày 15 tháng 7 là ngày tự tứ của chúng ta, ngày 16 tháng 7 sẽ chuẩn bị làm một lễ cúng thiên tăng, thiên tăng trai cũng bao gồm lễ cúng dường tăng chúng, mỗi vị một phong bì, lúc này thì phải đánh bản, triệu tập thập phương tăng. Trước tiên cũng phải thông báo để mọi người đến, đến bao nhiêu người thì cúng bấy nhiêu người. Đây là cúng dường tăng thập phương hiện tiền. Họ

không đến, không hiện tiền thì không có phần, người đến thì đều có một phần, đây là tạng thập phương hiện tiền.

Trong bốn loại vật của tạng thì hai loại đầu đều có hai chữ “thường trụ”, tức là vật của thường trụ thường trụ và vật của thập phương thường trụ. Ý nghĩa của “thường trụ” là vĩnh viễn cố định thuộc về nơi đó, thuộc về nơi này, đạo tràng này, cho nên gọi là thường trụ. Phía trước chữ thường trụ có chia thành “thường trụ thường trụ” và “thập phương thường trụ”, điều này khác biệt thế nào? Vật của thường trụ thường trụ tức là chỉ những người ở trong đạo tràng có thể tạm thời thọ dụng, nhưng không thể phân chia cho từng người, cũng không thể mang ra giới ngoại, chỉ có thể thọ dụng. Ví dụ những phòng ốc, phòng chư tăng ở nơi đây của chúng ta, phòng chư tăng chính là vật của thường trụ thường trụ. Bạn ở trong đạo tràng này thì bạn có thể ở, nếu bạn rời khỏi, xin phép rời đi rồi thì căn phòng này không thuộc về bạn nữa, bạn phải nhường cho người khác ở, đây chính là vật của thường trụ thường trụ. Như tiền của thường trụ cũng không được phân chia, nhưng khoản tiền này có thể mua đồ để tặng chúng thọ dụng, mua thực phẩm thì là thực phẩm của thường trụ. Nếu mua y phục, có thể tặng cho tăng chúng ở trong tự viện, nhưng để ở trong phòng y bát trước, hoặc là mua bàn ghế, ghế dài, đồ gia dụng. Tất cả những đồ mà thường trụ sử dụng là thuộc về nơi đây sử dụng, không được phân chia.

Vật của thập phương thường trụ thì có thể phân chia, nhưng nó chỉ có thể được quy về sau khi đánh bản, thuộc về những người trong đại giới nội, tức là chư tăng có thể chia nhau. Đã gọi là thập phương thì có thể phân chia. Thông thường chính là nói thức ăn, thức ăn thì chỉ cần vào trong đại giới thì đều có một phần, có thể phân chia. Cho nên, phía trước thường trụ có thêm hai chữ “thập phương” thì có sự khác biệt.

Phía sau là “vật của hiện tiền hiện tiền” và “vật của thập phương hiện tiền” cũng có sự khác biệt. Ý nghĩa của chữ hiện tiền thứ hai, tức là chỉ chữ hiện tiền thứ hai trong hiện tiền hiện tiền, nghĩa là hai loại vật hiện tiền này đều thuộc về trường hợp ngay lúc đó có thể nhận được bố thí, cho nên gọi chung là hiện tiền. Song “vật hiện tiền hiện tiền” chỉ giới hạn trong tạng chúng nơi ấy, “thập phương hiện tiền” là thông cả trong ngoài; người bên ngoài đến, chỉ cần đi vào bên trong thì đều có thể dùng, đều có thể bố thí cho họ. Ở đây đã nói xong về vật của tạng rồi, có bốn trường hợp như vậy.

Vừa rồi nói đến vật có chủ, ngoài vật của tam bảo ra thì còn có “vật của người”, người có khác biệt với phi nhân, cũng khác biệt với tam bảo, thông thường chúng ta gọi là người.

Trộm đồ của người, cũng đủ 5 tiền thì kết trọng tội, không giống như trộm vật của phi nhân, trộm vật của phi nhân sẽ không phạm trọng tội, chỉ phạm tội bậc trung. Ở đây căn cứ theo những cảnh giới trộm cướp này, nói theo cảnh giới thì rất rộng lớn, có thể quy nạp thành hai loại, một là sáu căn, một là sáu đại; sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đây gọi là sáu căn. Trộm bằng sáu căn là cách trộm như thế nào? Ví dụ trộm bằng nhãn căn, lấy một ví dụ để nói rõ. Ví dụ trước kia Ấn Độ có một số thầy chuyên bào chế một số thuốc giải độc rắn, sau khi người bị rắn cắn thì những vị thầy này có thể viết một số bùa chú rất linh nghiệm, chỉ cần người đó xem xong, xem được bùa chú này thì vết rắn cắn này sẽ lành lại, nhưng những người này không phải cúng dường không lấy tiền mà họ đòi một giá cả nhất định, phải trả tiền cho họ thì họ mới cho bạn xem bùa chú này. Giả sử chúng ta không được người chủ đồng ý mà đã lấy ra xem, vết thương bị rắn cắn của chúng ta khỏi rồi, nếu như giá tiền của họ là trên 5 tiền thì chúng ta phạm tội nặng, đây là kết tội với nhãn căn.

Hiện nay cũng có rất nhiều trường hợp, ví dụ phim có bản quyền, ví dụ bạn muốn xem phim thì phải trả phí. Hiện nay rất nhiều bộ phim trên mạng phải trả tiền, nếu như bạn trộm cắp, tức là dùng một phương thức nào đó để giải mã bộ phim này, để mình xem được. Giả sử giá trị của bộ phim này, giá vé của nó là trên 200 tệ, vậy thì chúng ta chính là trộm bằng nhãn căn, phạm tội nặng. Nếu xem phim lậu, người ta đã trộm về, rồi đem nó chế tác thành bộ phim lậu, sau đó lưu thông trên mạng, rồi bạn lấy về xem thì không phạm tội nặng. Bởi vì việc này của bạn là trộm bậc hai, bậc một là trực tiếp trộm từ nguyên bản, người sản xuất phim lậu đó sẽ phạm trọng tội, tính giá tiền mà luận tội, xem bộ phim mà người ta đã sản xuất thành phim lậu thì phạm tội nhẹ. Đây là trường hợp kết tội với nhãn căn.

Còn có nhĩ căn. Ví dụ khi bị bệnh, có một số người có thể niệm chú, nghe được âm thanh của câu chú thì có thể khỏi bệnh. Giả sử chúng ta mắc căn bệnh này, người ta đang niệm chú cho một người bệnh khác, bạn cũng chạy đến nghe, nghe trộm thì lúc này cũng phạm tội trộm. Bởi vì nếu họ muốn thu tiền thì bạn phạm tội trộm. Nếu họ không thu tiền thì không vấn đề gì,

Sáu loại chính là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*, 4 loại phía sau cũng như vậy. Mũi ngửi hương, nếu mùi hương đó có giá tiền thì bạn cũng không được ngửi trộm. Lưỡi nếm

vị cũng là như vậy. Thân xúc chạm vào vật, ý căn cảm nhận được, những việc này đều có thể đối chiếu mà biết được.

Sáu đại chính là *đất, nước, lửa, gió, không, thức*. Đất, nước, lửa, gió thì tương đối dễ biết. Trộm đất của nhà người khác đương nhiên là phạm tội trộm rồi, cướp đoạt đất đai nhà người, hoặc chuyển phạm vi đất đai quy hoạch của người khác sang bên của mình, giống như chiếm đoạt một phần đất của người khác vậy. Những việc này đều thuộc về trộm cướp. Nước cũng như vậy, như nước chúng ta uống hiện nay đều phải mua, đây là nước từ máy lọc nước, vậy thì cũng không được trộm cướp. Lửa, gió đều như vậy. Như gió, ví dụ đi trên đường rất nóng, bạn muốn quạt máy lạnh, thì bạn phải đến chỗ người ta, người ta muốn thu tiền, vậy thì bạn phải trả phí, không thể ngồi quạt không được, v.v..

Trường hợp của “không” là như thế nào? Đây là hư không, trộm cướp hư không, trộm cướp như thế nào? Ví dụ xây nhà, giả sử bạn sát cạnh nhà hàng xóm, rất gần. Thông thường như ở nông thôn có con ngõ nhỏ. Trong ngõ nhỏ là nhà này sát nhà kia, căn này xây kế bên căn khác. Ví dụ người ta chỉ xây hai tầng, bạn xây bốn tầng, xây đến tầng thứ tư, bạn xây tầng thứ tư nhô ra ngoài, chiếm không gian nhà người ta. Người ta muốn xây tầng thứ ba, thứ tư thì không xây được nữa, lúc này bạn chính là chiếm đoạt không gian của người khác, đây cũng là trộm.

Còn có “thức”, tỉ dụ cho các loại như kỹ năng của người, học thức của người. Ví dụ người ta muốn truyền thụ một số tri thức, họ phải thu phí. Như rất nhiều người thế gian hiện nay mở lớp nâng cao tiếng anh, họ phải thu phí, bạn không thể lén lút đi học mà không trả tiền được, đó là trộm thức. Còn mở rộng ra là bao gồm các thứ có bản quyền, chúng ta cũng không thể chiếm đoạt bản quyền, như tôi cũng học lão hòa thượng, tất cả những diễn giảng này, tất cả những tài liệu bằng văn bản đều không có bản quyền, có thể hoan nghênh mọi người sử dụng, hoan nghênh in ấn, tuyệt đối không có chuyện in ấn sẽ bị truy cứu. Của tôi thì in ấn không bị truy cứu, hoan nghênh in ấn công đức vô lượng, không có bản quyền. Nếu bạn nhìn thấy đằng sau sách có dòng chữ “in ấn sẽ bị truy cứu”, vậy thì bạn không được in ấn, nếu in ấn thì cũng là trộm cướp. Đây là nói đến “vật của người” có trường hợp sáu căn, sáu đại.

“Vật của phi nhân” chia làm hai loại, một loại chỉ cho tài vật của trời rồng quỷ thần. Loại tài vật này cũng có hai trường hợp. Giả sử tài vật của những quỷ thần này có người quản lý, có người trông coi, nếu trộm cướp thì kết tội với người chủ trông coi này, đối với người thì giống như trộm vật của người vậy, cũng đủ 5 tiền thì kết trọng

tội. Ví dụ không có người quản lý mà trực tiếp trộm cướp của phi nhân trời rồng quý thần thì việc này kết tội tương đối nhẹ, thuộc về tội bậc trung.

Vật của phi nhân có gì? Ví dụ bên ngoài tự viện của chúng ta có một ngôi miếu Thổ Địa. Miếu Thổ Địa là cúng dường quý thần, ví dụ chúng ta trộm đồ từ trong miếu quý thần, nếu miếu quý thần này không có người quản lý, nó không có đơn vị chủ quản cấp cao, cũng không có người đặc biệt nói rằng quyền sở hữu ngôi miếu này là của họ, không có chuyện như vậy, mà chỉ đơn thuần là của quý thần, bạn trộm đồ từ trong đó thì sẽ kết tội với quý thần, phạm tội bậc trung. Nếu có chủ, miếu quý thần này là do ai đó ở đây xây dựng lên. Hiện nay có người xây miếu quý thần, cũng có người xây tự viện. Nếu bạn trộm cướp đồ ở trong miếu quý thần thì giống như trộm của người quản lý này, giống như trộm vật của người vậy, đủ 5 tiền thì sẽ kết tội nặng.

Một loại phi nhân khác chính là vật của súc sanh. Trộm cướp vật của súc sanh thì kết tội nhẹ, nhưng việc này cũng phải xem nó có chủ quản lý không. Ví dụ, có khi có một vài con chó vào tự viện của chúng ta, ví dụ chú chó này tự tha từ bên ngoài vào một vật gì đó, tha một khúc xương hoặc tha một sợi dây chuyền, người ta không biết đánh rơi sợi dây chuyền ở đâu, nó nhặt được, nếu chú chó tác ý [sợi dây chuyền] là của nó, vậy thì đó là vật thuộc về chú chó. Lúc này bạn đoạt lại từ miệng của nó, trộm vật của chú chó này, là phạm tội trộm cướp, dù sợi dây chuyền đủ 5 tiền cũng không kết tội nặng. Nếu chú chó này không phải là chó hoang, mà nó là một con chó có chủ, vậy thì sợi dây chuyền của chú chó này, giả sử trên cổ của một só thú cưng cũng có đeo dây chuyền, thậm chí mặc y phục, vậy bạn muốn trộm tài vật trên người chúng thì chính là kết tội với người chủ này, đủ 5 tiền thì vẫn phạm tội nặng, là trường hợp như vậy.

Ở đây nói về ba loại chủ trong vật có chủ, vật của tam bảo, vật của người và vật của phi nhân, súc sanh đã giảng xong rồi. Phần sau thì thời gian hết rồi, nội dung phía sau chúng tôi để lại ngày mai sẽ báo cáo tiếp với mọi người, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 9

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 15/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sóc Trăng

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỷ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp trên mạng tôn kính. Chúc mọi người buổi chiều tốt lành! Mời để tay xuống.

Chúng ta tiếp tục xem điều giới “không trộm cướp” này. Chúng tôi vẫn căn cứ theo kinh văn để giải thích, hôm qua nói đến “phàm là vật có chủ thì không được dùng tâm trộm cố ý lấy đi”. Vật có chủ, có ba loại chủ nhân là: vật của tam bảo, vật của người và vật của phi súc (là vật của phi nhân và súc sanh), nếu trộm cướp thì kết tội sẽ có mức nặng nhẹ khác nhau. Tội nghiệp đạo cũng có nặng nhẹ khác nhau, tôi đã nói rõ từng điều rồi. Hôm nay nói đến “*dùng tâm trộm cố ý lấy đi*”, tâm trộm tức là có tâm cố ý trộm cướp. Trên luật chia thành năm loại, thứ nhất là “tâm đen tối”, thứ hai là “tâm tà”, thứ ba là “tâm cong vẹo ngang ngược”, thứ tư là “tâm sợ hãi”, thứ năm là “thường có tâm trộm đồ của người”. Chúng tôi sẽ giải thích từng điều một.

Thứ nhất là “tâm đen tối”, tâm đen tối cũng là tâm ngu si, đối với giáo lý họ không biết chút gì, không hiểu giới luật; ở trong những trường hợp có thể trộm cướp, họ sẽ sanh khởi tâm trộm cướp, cho nên tạo nghiệp trộm cướp, vì vậy nhất định phải cố gắng học tập giới pháp. Nếu không học thì sẽ không biết cách bảo vệ tâm mình trước những cảnh giới trộm cướp này, thế nên khó tránh khỏi phạm giới.

Điều thứ hai là “tâm tà”, cũng chính là nói tâm tà mạng. Họ có tâm yêu quý tiền tài, tham tiếc tài vật, nên ở đó sắp đặt mưu đồ. Ví dụ, đây là nói đến chúng xuất gia vì tham lấy tài vật của tín thí nên đến thuyết pháp cho họ, đương nhiên cũng không phải chỉ riêng chúng xuất gia, mà nếu người tại gia làm như vậy thì cũng giống nhau. Đây là thuộc về tà mạng thuyết pháp. Đủ 5 tiền, tức là được thí chủ cúng dường đủ 5 tiền thì kết trọng tội. Suy rộng ra, phạm hề tham lấy tài vật của đàn-việt, cư sĩ mà đến làm một số hoạt động Phật sự, hoạt động Phật sự vốn là lợi ích chúng sanh, nhưng chúng ta dùng tâm không thuần chánh, vì muốn lợi ích chính mình, muốn tham lấy đồ cúng dường của người ta. Làm bất cứ Phật sự nào, bất luận là giảng kinh thuyết pháp hay là kinh sám Phật sự, hoặc là truyền thọ tam quy, ngũ giới cho người, dù gì tất cả những hoạt động này chỉ cần là vì đạt được lợi dưỡng mà không phải thật sự muốn lợi ích chúng sanh thì việc này cũng thuộc về tà mạng. Lợi dưỡng do tà mạng đạt được chính là phạm tội trộm cướp, là thuộc về tâm tà, đủ 5 tiền thì kết trọng tội. Trong Ngũ Phần Luật cũng nói “dùng tâm nịnh hót để lấy tiền tài”, tức là tâm nịnh bợ, tâm nịnh nọt bất chánh, dùng tâm này để lấy tài vật của người khác thì thuộc về loại này.

Thứ ba là “tâm cong vẹo ngang ngược”, tâm cong vẹo ngang ngược chính là tâm sân, “ngang ngược” này là ngang ngược tàn ác, chính là sân giận. Ví dụ, thí chủ cúng dường chúng ta ít thì chúng ta sẽ ở đó oán trách, tại sao lại cúng dường tôi có chút xíu như vậy, thậm chí biểu hiện ra tướng đe dọa khiến đối phương cảm nhận được áp lực từ chúng ta. Loại tâm này chính là tâm cong vẹo ngang ngược.

Còn có loại thứ tư là “tâm sợ hãi”, sợ hãi chính là trường hợp áp bức, trách mắng đối phương, khiến đối phương sanh tâm sợ hãi. Ví dụ vì muốn được người ta cúng dường nên tuyên thuyết một số loại quả báo trong địa ngục để hù dọa người, ý nói nếu ông không cúng dường tôi thì tương lai ông sẽọa địa ngục, hoặc nói thế lực của vua quan, nói rằng một vị quan lớn nào đó của vua là đại hộ pháp của tôi, dựa vào thế lực của vua quan khiến đối phương sợ hãi, nhân đó lấy tài vật của đối phương. Đây thuộc về tâm sợ hãi.

Loại thứ năm là “thường có tâm trộm đồ của người”, tức là trong tâm thường ôm lòng tham cầu, cướp đoạt tài vật của đối phương, lấy được tài vật rồi thì mới chịu thôi. Loại này gọi là thường có tâm trộm đồ của người, tức là tâm trộm cướp đã thành thói quen rồi, thậm chí bản thân cũng không cảm nhận được, điều này rất nghiêm trọng.

Đây là nói đến năm loại tâm trộm. Bất luận dùng loại tâm nào để trộm lấy tài vật thì đều phạm giới. Tiếp theo nói:

“Nếu tự mình lấy”.

Tức là bản thân dùng các phương pháp để trộm lấy tài vật của người ta, hoặc công khai cướp đoạt v.v..

“Bảo người khác lấy”.

Chính là chỉ bảo người đi trộm lấy tài vật nhưng cuối cùng thì tài vật lại thuộc về mình. Trường hợp này giống như chính mình trộm cướp vậy, cũng đủ 5 tiền thì kết trọng tội. Ví dụ bảo một người đi cướp đoạt tài vật của người nào đó về cho tôi, hoặc thuê một số người xã hội đen đi cướp tài vật về cho mình. Đây là thuộc về trộm cướp. Hoặc mở công ty buôn bán làm ăn rồi thuê những nhân viên rất am hiểu về tài chính đến làm giấy tờ giả để tiến hành trốn thuế, dù sao cũng là dùng đủ mọi phương pháp bảo người khác đi làm. Việc này cũng giống như chính mình làm vậy. Tiếp theo là

“Phương tiện lấy”.

Đây là nói có “phương tiện” để trộm cướp, rất phương tiện để trộm cướp. Ví dụ tài vật tự chạy đến, giống như kiểu tiện tay dắt trộm dê vậy, dê tự chạy đến, lại không phải tôi đi cướp, vậy tôi liền dắt dê về nhà mình. Loại này là thuộc về phương tiện lấy.

“Dùng chú để lấy”.

Tức là dùng các loại chú thuật để trộm lấy tài vật của người, hoặc dùng quỷ thần, tức là dùng chú sai khiến quỷ thần đến trộm cướp.

“Gửi nhờ mà lấy”.

Tức là được người ta gửi nhờ, họ gửi nhờ tài vật ở nhà của bạn, nhưng bản thân bạn không trả tài vật lại cho người ta, hoặc chỉ trả lại một ít tài vật mà không thể trả toàn bộ cho người ta, những việc này gọi là “gửi nhờ mà lấy”, do gửi nhờ tài vật mà trộm lấy.

“Mê hoặc để lấy”.

Tức là dùng các loại biện luận, lời nói khéo léo khiến đối phương bị “mê hoặc” để trộm lấy tài vật của đối phương, đây gọi là “mê hoặc để lấy”. Tôi nhớ khi còn nhỏ

tôi đã sưu tập tem, cùng đưa trẻ nhà hàng xóm sưu tập tem. Lúc đó tôi vẫn còn học tiểu học, hình như là lớp 1, lớp 2. Tôi nhìn thấy tem của [đứa trẻ] hàng xóm. Đứa trẻ đó còn nhỏ hơn tôi 1, 2 tuổi. Tôi liền khởi tâm tham. Tôi liền mê hoặc cậu ta, dùng tem bình thường của tôi để đổi lấy tem đắt tiền của cậu ấy. Cậu ấy cũng không biết được là đã bị tôi lừa. Sau đó, cha mẹ gia đình đối phương phát hiện ra, và đến tìm cha mẹ tôi. Lúc đó mẹ tôi đã mắng tôi một trận thậm tệ, rồi đem tất cả tem trả lại cho đối phương. Hơn nữa nói với tôi rằng, nếu con muốn sưu tập tem như vậy thì mẹ thà đốt hết tem còn hơn. Lúc đó tôi khóc lóc rất thảm thiết, quỳ ở dưới đất sám hối với mẹ, sau này không dám tái phạm nữa, đây là mê hoặc để lấy. Lúc nhỏ tôi cũng có rất nhiều trò xấu, trẻ nhỏ nhà hàng xóm đều bị tôi mê hoặc, nhưng may mà lúc đó chưa học Phật, chưa thọ giới, thọ giới rồi mà phạm năm giới thì sẽ phạm trọng tội, bởi vì tem lúc đó đều rất đắt. Tiếp theo là

“Lừa gạt lấy”.

Tức là dùng thủ đoạn lừa gạt để lừa dối rồi trộm lấy. Tiếp theo là:

“Thiếu nợ không trả”.

Tức là thiếu nợ của người ta nhưng không chịu trả lại cho người ta.

“Trốn thuế”.

Hiện nay kinh doanh làm ăn, nếu không có ý thức về giới luật thì quả thực rất dễ phạm phải. Vậy thì đệ tử Phật đã thọ tam quy ngũ giới, thậm chí có người thọ Bồ-tát giới. Thậm chí chúng xuất gia, chúng xuất gia đương nhiên không làm kinh doanh, nhưng giả sử bạn có tiền gửi ngân hàng, tiền gửi thì sẽ có lãi để thu nhập. Thu nhập thì cũng phải nộp thuế, đây là lấy ví dụ để nói rõ. Còn có trường hợp như vậy, ví dụ “trốn thuế”, lậu thuế, việc này là thuộc về phạm tội trộm. Trộm cướp đối với quốc gia là thiếu nợ người dân của cả nước. Nghiệp này sẽ nặng hơn so với trộm của một người. Trên tội phạm giới mà nói, căn cứ theo giá trị mà luận tội, đủ 5 tiền thì kết tội nặng. Giá trị của 5 tiền, hiện nay thông dụng thì chính là 200 nhân dân tệ của chúng ta. Điều này rất dễ phạm phải.

Trên luật có một trường hợp có thể khai duyên. Giả sử tài vật của tam bảo và cha mẹ đáng lẽ vốn phải nộp thuế, kết quả khi quan viên thu thuế đến muốn thu thuế, là chúng xuất gia hoặc người tại gia vì việc của tam bảo mà có thể thuyết pháp cho vị quan thu thuế này, tán thán công đức của tam bảo, còn có ân sâu của cha mẹ đối với chúng ta. Vậy thì phải xem pháp luật có đồng ý hay không, như vậy mới khai

duyên được. Nếu có thể đồng ý, vị quan thu thuế này có thể đồng ý, bạn không nộp thuế, như vậy thì sẽ không phạm. Như hiện nay mà nói, các quy định về thuế khóa đều rất hoàn chỉnh, kỳ thực có phải đóng thuế hay không cũng không phải quan thu thuế nói là xong. Cho nên, thông thường thì đơn vị tam bảo là thuộc về đơn vị từ thiện, đơn vị phi lợi nhuận, thông thường ở các quốc gia đều là như vậy, đều là tổ chức được miễn thuế. Trường hợp này hiện nay thì xử lý rất thuận tiện. Giả sử pháp luật không cho phép thì vẫn phải nộp thuế theo pháp luật, nếu không nộp thì vẫn phạm tội trộm cướp, vậy thì đệ tử học Phật chúng ta phải tuân theo pháp luật, không thể vi phạm quốc chế. Tiếp theo là:

“Mạo danh để qua hải quan”.

Mạo danh để qua hải quan, tức là giả mạo tên của người khác, mạo danh, giả danh để đi qua cửa khẩu, việc này thông thường là đi qua hải quan. Vốn dĩ cần phải nộp thuế, ví dụ giả sử chúng ta mang theo một số tài vật nào đó, nếu vượt quá số lượng quy định thì hải quan sẽ yêu cầu nộp thuế. Nếu chúng ta nhờ người đến giúp đỡ, nghĩa là muốn trộm cắp không nộp thuế cho hải quan nên bảo người khác mạo danh giả danh tài vật của chúng ta. Việc này cũng thuộc về trộm cướp. Giả sử những tài vật này có thể phân chia cho mỗi người một số lượng khác nhau, như vậy có thể miễn nộp thuế, nếu pháp luật đồng ý thì mới có thể làm, nếu pháp luật không đồng ý thì chúng ta cũng không được mạo danh để qua hải quan. Chũ tiếp theo là:

“Vân vân...”

Điều này nói rõ cảnh giới trộm cướp là vô lượng vô biên, những điều nêu ra ở đây là những loại lớn, còn có rất nhiều những loại nhỏ, vậy thì phải xem tình hình cụ thể để quyết định. Tóm lại, nếu có tâm trộm, trộm vật có chủ, cướp vật có chủ thì thuộc về phạm tội trộm cướp.

“Khiến người mất của”.

Khiến đối phương là người chủ này bị mất tài vật, mất lợi ích thì thuộc về trộm cướp.

“Đồ vật lấy được trị giá 5 tiền, tức là 8 phân bạc thì phạm trọng tội, mất giới sa-di, không thể sám hối”.

Giả sử giá trị trộm được đã đủ 5 tiền thì phạm trọng tội, mất giới thể của giới sa-di, không thể sám hối. Theo pháp Thanh văn thì không thể sám hối để trừ tội được.

Nếu cư sĩ thọ ngũ giới hoặc đã thọ Bồ-tát giới thì đều như vậy, đủ 5 tiền thì kết trọng tội, không thể sám hối.

5 tiền trị giá bao nhiêu? Có rất nhiều cách nói. Ở đây chúng tôi dùng theo cách nói trong khi giảng pháp của hòa thượng Thanh Công, dựa theo cách nói bên Phật giáo Nam truyền, năm 1988 họ làm một cuộc bình luận, 5 tiền bằng với giá trị của 20 đô-la Mỹ tại thời điểm đó. Thời ấy 20 đô-la Mỹ, 1 đô khoảng 8 nhân dân tệ, cũng tức là 160 nhân dân tệ, thậm chí nhiều hơn một chút, [đó là nói] nhân dân tệ, đương nhiên thời hiện nay của chúng ta thì đô-la Mỹ đã giảm xuống rồi, nhưng do năm 1988 đến nay còn có lạm phát, cho nên chúng ta nói chung chung là khoảng 200 tệ.

Ở đây đại sư Ngẫu Ích nói rằng “5 tiền tức là 8 phân bạc”. 8 phân bạc này rốt cuộc lại trị giá bao nhiêu, chúng tôi cũng đã làm một phép tính. 8 phân bạc thời nhà Đường, 1 phân tức là 1 văn, 1 văn bạc bằng 1 tiền, chính là 1/10 lạng. Thời đại Minh-Thanh, tức là thời đại của đại sư Ngẫu Ích, trên thực tế thì 1 văn bằng 1/10 tiền, cũng tức là 1/100 lạng, không biết 8 phân bạc này thời xưa dùng là trọng lượng vào thời của luật sư Đạo Tuyên nhà Đường hay là dùng trọng lượng thời Minh-Thanh, nhưng có thể tìm thấy xuất xứ của 8 phân bạc trong “Giới Bồn Sớ”.

Giới Bồn Sớ là một bộ phận trong Nam Sơn Tam Đại Bộ của Luật tổ Đạo Tuyên. Thời đại của Nam Sơn Tam Đại Bộ là thời nhà Đường, nói đến 8 phân bạc, đoán chừng Ngẫu Tổ có lẽ cũng dùng 8 phân bạc của triều nhà Đường. Giới Bồn Sớ nói: “Thời xưa tiền lớn cũng là tiền đồng lớn, như hiện nay thì 1 tiền nhỏ bằng 80 văn”, 80 văn tiền chính là 8 phân bạc mà ở đây nói đến. Nếu căn cứ theo 8 phân bạc này, đổi thành giá trị hiện nay là bao nhiêu? Bởi vì nếu là tiền giấy thì sẽ có vấn đề lạm phát, thông thường nếu dùng vàng, bạc để làm tiền tệ thì sẽ không cần phải suy nghĩ nhiều đến lạm phát, bởi vì nó là một loại hiện vật, bản thân bạc đã có giá trị rồi, không như tiền giấy, nó chỉ đại diện cho một loại giá trị, bản thân giấy thì không có tiền gì cả, ví dụ một tờ 100 đồng nhân dân tệ. Tờ giấy được chế tác thành 100 tệ không hề có giá trị 100 tệ, mà nó chỉ đại diện cho 100 tệ. Nhưng nếu là bạc thì khác, bản thân bạc, 8 phân bạc thì có giá trị của 8 phân bạc, cho nên tương đối thực tế, dùng cách hoán đổi như vậy thì 8 phân bạc trên thực tế chính là 8 tiền, 8 tiền, 1 tiền khoảng 4 gam, giá bạc trắng quốc tế mới nhất hiện nay thì 1 gam là 3,675 nhân dân tệ. Đây là căn cứ theo giá chỉ số quy đổi trong phiên báo cáo cuối ngày của New York hôm qua, ngày 14 tháng 6. Giá trị này là 3,675 tệ, nhân với 4 gam chính là giá trị 1 tiền. Nếu 8 tiền chính là 8 phân bạc, lại nhân với 8 thì khoảng 117,6 đồng nhân

dân tệ, cũng xấp xỉ với 8 phân bạc mà các tỷ-kheo Nam truyền đã thảo luận, ước chừng tương đương với 20 đô-la Mỹ, 20 đô-la Mỹ cũng khoảng hơn 100 nhân dân tệ; cho nên cảm giác như, nếu nghĩ đến 8 phân bạc, nghĩ đến giá trị bạc triều nhà Đường và giá trị bạc hiện nay thì sẽ có chút chênh lệch, cho nên dùng hơn 100 đến 200 nhân dân tệ để ước tính giá trị của 5 tiền thì vẫn hợp lý. Nói xong giá trị của 5 tiền là bao nhiêu rồi. Căn cứ theo 5 tiền thì bạn sẽ biết 4 tiền, 3 tiền, 2 tiền, 1 tiền là khoảng bao nhiêu.

“Từ 4 tiền trở xuống thì phạm tội bậc trung”.

3 tiền và 4 tiền là thuộc về tội bậc trung. 2 tiền, 1 tiền là thuộc về phạm tội bậc hạ. Những số tiền này đều có thể sám hối, tác pháp sám thì diệt được tội phạm giới. Song:

“Tánh tội không diệt, còn phải trả lãi”.

Giả sử 5 tiền là 200 nhân dân tệ, chia cho 5 thì 1 tiền bằng 40 nhân dân tệ. Nếu trộm vật có giá trị 40 nhân dân tệ thì phạm tội bậc hạ. Như vậy mà tính thì sẽ biết phân biệt 2, 3, 4 tiền là khoảng bao nhiêu tiền. Mặc dù đây là tội bậc hạ và tội bậc trung có thể tác pháp sám hối, nhưng chỉ diệt được tội phạm giới mà không thể diệt được tánh tội, tánh tội chính là nhân quả.

Hôm nay chúng ta trộm cướp đồ của người khác, thiếu nợ của người ta thì tương lai nhất định phải trả nợ, hơn nữa phải cộng thêm lãi để trả. Số lãi này là bao nhiêu? Việc này không nhất định, phải căn cứ theo tiền lãi mà ngân hàng của chúng ta công bố. Trong Trang Xuân Lục có nói: căn cứ theo Phật pháp, trộm 1 văn tiền của thường trụ một ngày một đêm thì tiền lãi sẽ tăng lên 3 phân 7 li. Nói cách khác, bởi vì 1 tiền là tương đương với 10 phân, 3 phân 7 li chính là lãi suất 37%, lãi suất này rất cao, cao hơn rất nhiều so với lãi suất ngân hàng. Đêm thứ nhất là 37%, lãi suất đêm thứ hai lại cộng thêm lãi suất. Nói cách khác, đây không phải là lãi năm, mà đây là lãi ngày. Mỗi ngày là 37%, như vậy mà chuyển đổi thì vô cùng cao. Một năm 365 ngày, vậy bạn phải nhân lên, nhân như thế nào? Cộng thêm 1, đây là 1,37, lũy thừa bậc 365 của 1,37 ($1,37^{365}$). Nếu bạn biết toán học bạn tính xem. Đây là tiền lãi năm. Việc này vô cùng đáng sợ.

Đây là tiền lãi trộm 1 văn tiền của thường trụ. Đương nhiên số tiền này là cao nhất rồi, bởi vì trộm vật của thường trụ thì nghiệp là nặng nhất. Vậy ước tính trộm

vật của người, vật của súc sanh thì tiền lãi phải có sự chênh lệch, trên kinh không tìm thấy việc này. Trộm vật của thường trụ tương lai thật sự phải đền trả.

Từ đây chúng ta cũng có thể tin tưởng trong lời răn dạy của cổ đại đức có nói: *“Một hạt gạo thí chủ, lớn như núi Tu-di, đời này không liểu đạo, mang lông đội sừng trả”*. Lớn như núi Tu-di này có lẽ là chỉ trong tương lai phải trả nợ. Đời này chỉ ăn một hạt gạo, vậy bạn có thể tính xem, giả sử dùng lãi ngày là 37%, nếu khoảng 1.000 năm sau bạn từ địa ngục ra, 1.000 năm thì xem là thời gian rất ngắn rồi. Thông thường nếu chúng ta không cố gắng tu hành thì phải đọa địa ngục trước, đọa địa ngục xong rồi. Giả sử đọa địa ngục một kiếp, tức là 1,3 tỷ năm mới ra được, vậy nếu bạn tính theo tiền lãi ngày, tiền lãi mỗi ngày là 37% nhân lên với 365 ngày, lại nhân lên với 1,3 tỷ năm, sau đó lại lấy kết quả đó nhân lên, vậy thì thật sự có thể lớn như núi Tu-di rồi, cho nên thiếu nợ thì phải nhanh chóng trả lại, bởi vì tương lai vẫn phải trả. Tiền lãi ở nhân gian thì rất thấp, còn tiền lãi ở âm gian thì rất cao, đều là cho vay nặng lãi.

“Nếu không trả nợ đó thì đời sau sẽ chuyển thành nặng thêm, theo lý thì cuối cùng cũng không thể trốn được”.

Nếu như đời này không trả nợ thì đời sau chuyển tiếp sẽ càng nặng thêm. Bởi vì đời sau chưa chắc bạn có thể gặp được chủ nợ đó, vậy đời này lỡ mất rồi, lại qua một đời nữa cũng chưa chắc gặp lại được, có thể sau nhiều đời nhiều kiếp nữa mới gặp lại, vậy thì tiền lãi này thật đáng sợ. Theo đạo lý thiếu nợ người thì cuối cùng cũng không thể trốn nợ được.

“Nếu trộm mà không lấy được thì phạm tội phương tiện, phải khẩn thiết sám hối mới tránh khỏi đọa lạc”.

Việc này tức là vẫn chưa phạm đến tội căn bản, trộm cướp rồi nhưng trước khi chưa đem vật rời khỏi chỗ cũ, tức là trước khi chưa cấu thành tội căn bản thì đây đều thuộc về tội phương tiện. Tội phương tiện đều không phạm đến trọng tội, dù là trộm 5 tiền trở lên cũng chưa phạm trọng tội, vẫn chỉ là tội bậc trung, đây là thuộc về nhân của tội, song cũng cần phải khẩn thiết, nghiêm túc sám hối, vậy thì tương lai sẽ tránh được phạm trọng tội, phạm trọng tội thì sẽ đọa lạc. Mất giới thể là thuộc về phạm biên tội, giống như vớt bỏ thi thể bên bờ của biển lớn vậy, không thể vào trong biển lớn. Biển lớn của Phật pháp không thu nhận hạng người phá giới này.

Trong kinh Quán Phật Tam-muội có nói: nếu phạm tội trộm cướp đồ của thường trụ tăng thì vượt hơn cả tội giết hại 84.000 cha mẹ vậy. Cho nên, trong vật có chủ thì vật của tam bảo Phật pháp tăng, tội nặng nhất chính là trộm vật của tăng, thậm chí còn nặng hơn cả trộm vật của Phật và vật của pháp. Bởi vì dù Phật còn tại thế, mà bạn trộm cướp đồ của ngài, nhưng ngài không có tâm chiếm hữu. Hiện nay Phật đã không còn nữa, trên thực tế chúng ta trộm vật của Phật, nói một cách tương đối thì nghiệp đó vẫn không nặng như vậy.

Trên luật nói trộm vật của Phật, trộm vật của pháp, nếu vật của Phật và vật của pháp không có người quản lý thì sẽ không đến mức phạm trọng tội, tội phạm giới chỉ phạm tội bậc trung. Đương nhiên tội nghiệp đạo là tương đối nặng, nặng hơn so với tội nghiệp đạo trộm vật của người. Mặc dù trộm vật của người đủ 5 tiền là kết trọng tội, nhưng tội nghiệp đạo thì tương đối nhẹ. Nếu vật của Phật, vật của pháp có người quản lý thì sẽ kết trọng tội với người quản lý, đủ 5 tiền là kết trọng tội.

Song trộm vật của tăng, nếu trộm vật của thường trụ thường trụ, đủ 5 tiền đã kết trọng tội rồi, hơn nữa tội nghiệp đạo là sâu nặng nhất. Trong kinh Quán Phật Tam-muội nói trộm vật của tăng (vật của thường trụ tăng) vượt hơn cả tội giết hại 84.000 cha mẹ, vậy thì vượt hơn cả tội ngũ nghịch rồi. Tội ngũ nghịch chỉ giết hại một cha mẹ. Giết cha là thuộc về tội nghịch, giết một mẹ cũng thuộc về tội nghịch. Nếu giết 84.000 cha mẹ vậy thì thật đáng sợ, tội nghịch gấp 84.000 lần, mà còn cao hơn thế nữa. Cho nên điểm này phải đặc biệt chú ý.

Trong kinh Thập Luân có nói, chính là kinh Địa Tạng Thập Luân, ba kinh của Địa Tạng Bồ-tát nói: trộm cướp tài vật của tam bảo tội lỗi vô cùng sâu nặng, dù ngàn vị Phật xuất thế cũng không thể sám hối hết. Nói cách khác, tội nghiệp đạo này thật sự ngay đến Phật giúp bạn sám thì cũng không sám nổi. Tội này vô cùng nặng. Thông thường chúng ta làm thủ tướng sám, thủ tướng thấy được Phật rồi thì tội này xem như đã sám sạch. Ở đây nói ngàn vị Phật xuất thế đến sám cho bạn, dù bạn nhìn thấy Phật thật thì cũng không cách nào sám hối được, có thể thấy tội nghiệp này nặng biết bao.

Nếu đem những tài vật này chi tiêu không hợp lý, tức là tự đem tài vật của tam bảo cho gia đình thế tục của mình, ví dụ đem cho những người thân trong gia đình thế tục của mình, vậy thì tội lỗi này cũng vô cùng nặng. Trong kinh Địa Tạng cũng nói như vậy, nếu “trộm cướp tài vật của thường trụ, thóc lúa, thức ăn, y phục, thậm chí một vật không cho mà lấy” thì tương lai đều là quả báo ở địa ngục vô gián.

Ở đây xin kể cho mọi người nghe vài câu chuyện được nhắc đến trong Sa-di Luật Nghi Yếu Lược của đại sư Liên Trì: “Kinh chép một vị sa-di trộm bảy trái cây của thường trụ, một vị sa-di trộm mấy cái bánh của chúng tăng, một vị sa-di trộm một chút đường phen của chúng tăng đều bị đọa địa ngục”. Ở đây có ba công án, trên thực tế đó là ba ví dụ đều được nói trong một bộ kinh, trích ra từ kinh A-hàm. Một lần tôn giả Mục-liên nói với một vị tỳ-kheo: “Ở trên đường tôi nhìn thấy một chúng sanh to lớn, có viên sắt nóng ra vào trên thân của người đó, chúng sanh này cười trên hư không mà đi, vô cùng đau khổ, ở đó kêu khóc thảm thiết, tình trạng đó vô cùng đáng thương. Lại nhìn thấy có một người lưỡi vừa dài vừa to, có một lưỡi rìu sắc nóng đỏ không ngừng chặt lưỡi của người đó, giống như máy thái rau tự động vậy, lưỡi rìu sắc đó đang cắt xẻ lưỡi của họ, họ cũng cười trên không mà đi, ở đó kêu khóc thảm thiết. Lại nhìn thấy có một người, dưới hai nách của họ có một đôi bánh xe sắt nóng đỏ, cháy rực, sau đó xoay tròn dưới hai nách của họ rồi thiêu đốt thân thể họ, cũng cười hư không mà đi, kêu khóc thảm thiết, rất đau khổ, giống như hai người phía trước”.

Vị tỳ-kheo đó tên là Lạc-xoa-na, khi nghe tôn giả Mục-kiền-liên nói như vậy liền đến hỏi Phật rằng: “Tôn giả Mục-kiền-liên nhìn thấy ba chúng sanh này là do nhân quả gì ạ?”

Phật nói với đại chúng tăng rằng: “Ta cũng nhìn thấy những chúng sanh này”, đương nhiên mắt của Phật không có chướng ngại. Phật nói: “Ta nhìn thấy họ nhưng không nói ra là sợ những kẻ ngu si không tin tưởng lời Phật mà thọ khổ trong đêm dài, vì ta không nhẫn tâm để họ báng Phật, báng pháp cho nên mới không nói, ông đã hỏi vậy thì ta sẽ nói. Chúng sanh có viên sắt nóng đỏ ra vào trong thân là đời quá khứ vào thời Phật Ca-diếp đã từng làm sa-di trông coi một vườn trái cây cho tăng đoàn, kết quả có một hôm ông ta đã lén lút trộm bảy trái cây ở trong vườn để cúng dường cho sư phụ của mình, cũng không phải bản thân ăn, mà vì sư phụ của ông nên đã trộm vật của thường trụ. Kết quả sau khi chết đọa vào trong địa ngục, chịu vô lượng đau khổ, thọ báo trong địa ngục xong rồi, từ địa ngục ra vẫn thọ dư báo, dư báo tương đối nhẹ thì được thân thể như vậy, viên sắt nóng đỏ ra vào trong thân ông, tiếp tục chịu nỗi thống khổ này.

Chúng sanh thứ hai là nhìn thấy có lưỡi rìu thiêu đốt, không ngừng chặt lưỡi của họ; vào thời Phật Ca-diếp thọ quá khứ, người này cũng từng làm sa-di. Lúc ấy ông phục vụ cho tăng đoàn đã lấy rìu để chặt những miếng đường phen”. Thạch mật

hiện nay chúng ta gọi chính là đường phèn, khá cứng nên phải đập nó vụn ra, đập vụn ra để cúng tăng. “Kết quả vị sa-di này đã khởi lên một niệm tâm tham, trộm ăn một chút đường phèn trên lưỡi rìu, ăn một chút như vậy. Do phạm giới trộm cắp vật của thường trụ nên sau khi ông chết đã đọa vào địa ngục, thọ hết vô biên nỗi thống khổ trong địa ngục xong, hiện nay còn phải thọ dư tội, tức là lưỡi của ông rất dài rất lớn, bị lưỡi rìu sắc không ngừng chặt xẻ.

Chúng sanh thứ ba là bị một đôi bánh xe sắt xoay tròn thiêu đốt ở dưới hai nách của ông. Khi ấy vị này cũng là vào thời Phật Ca-diếp, chư tăng sai ông đi cúng dường bánh cho đại chúng tăng, kết quả ông đã trộm lấy hai chiếc bánh giấu ở dưới nách của mình. Do phạm tội trộm cướp này nên sau khi chết cũng đọa địa ngục. Trước thọ vô lượng khổ, sau khi ra khỏi địa ngục cho đến hiện nay vẫn đang thọ dư tội”.

Đây là ba chúng sanh mà tôn giả Mục-kiền-liên đã nhìn thấy. Thời của Phật Ca-diếp, ngài là vị Phật trước Thích-ca Mâu-ni Phật, thời gian ở giữa cách nhau quá dài. Vị Phật trước và vị Phật sau đều cách nhau hơn 5 tỷ năm. Bạn nghĩ xem, trong khoảng thời gian này thọ khổ thật là vô lượng vô biên. Cho nên trong kinh Phương Đẳng, Hoa Tụ Bồ-tát nói: “Tội ngũ nghịch, tứ trọng thì tôi cũng có thể cứu, nhưng trộm vật của tăng thì tôi không thể cứu”, có thể thấy trộm vật của tăng còn nặng hơn so với tội ngũ nghịch, tứ trọng. Phạm tội ngũ nghịch thì đương nhiên nhất định sẽ đọa địa ngục vô gián, phạm bốn giới trọng đương nhiên cũng đọa địa ngục. Những tội này Bồ-tát đều có thể cứu được, chỉ cần bạn có thể chân thành sám hối thì Hoa Tụ Bồ-tát có thể giúp bạn. Đương nhiên những đại Bồ-tát như Bồ-tát Địa Tạng, Bồ-tát Quán Âm, thậm chí chư Phật đều có thể giúp bạn trừ tội. Thông thường chúng ta nói thủ tướng sám, chỉ cần lay thấy ánh sáng, thấy hoa, Phật đến xoa đánh thì tội này đã được diệt trừ rồi, tội phạm giới cũng được diệt trừ rồi, thậm chí tội ngũ nghịch đều có thể diệt trừ. Như đại sư Ngẫu Ích nói nếu lay Chiêm Sát Sám mà được luân tướng thanh tịnh thì tội nghịch đều có thể tiêu diệt, nhưng nếu trộm vật của tăng thì ngay đến Phật Bồ-tát cũng không cứu nổi. Nói cách khác họ nhất định phải đọa địa ngục, nghiệp địa ngục thọ xong rồi thì mới có thể ra khỏi.

Nếu chúng ta thật sự phạm rồi thì phải làm sao? Thật sự phạm rồi thì vẫn có một phương pháp thoát khỏi. Nếu bạn không phạm đến trọng tội. Bởi vì tội phạm giới là căn cứ theo giá trị để luận tội, đủ 5 tiền thì kết tội, bất luận bạn trộm của đối tượng nào, trộm vật của tam bảo, trộm vật của tăng, trộm vật của người đều như

nhau, cứ chiếu theo 5 tiền thì luận là trọng tội. Đương nhiên, trước tiên bạn phải diệt tội phạm trọng tội, đó chính là thủ tướng sám, nhưng tội nghiệp đạo, ở đây nói nếu tội nghiệp đạo trộm vật của tăng, dù là ném một chút đường phèn như vậy đều phải đọa địa ngục, phải làm sao đây? Bạn hãy nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh, bởi vì nghiệp có nặng đến đâu thì A-di-đà Phật đều có thể cứu bạn, có thể mang nghiệp vãng sanh, nhưng bạn phải thật sự sám hối mới được. Nếu bạn không chịu sám hối thì A-di-đà Phật đương nhiên cũng không cứu nổi bạn, cứu được đều là người chịu sám hối.

Như trên kinh Vô Lượng Thọ nói: *“Nếu quá khứ có ác nghiệp”,* quá khứ có ác nghiệp nghĩa là thậm chí ngày hôm qua phạm tội thì đều tính là ác nghiệp trong quá khứ, *“liền tự sám hối, vì đạo làm lành, thọ trì kinh giới, nguyện sanh về nước con, đến khi mạng chung sẽ không đọa lại ba đường ác nữa, liền sanh về nước con”*. Đây là đại nguyện của A-di-đà Phật. Dù bạn tạo tội trộm vật của tăng, tội ác còn nặng hơn tội nghịch, chỉ cần bạn chịu sám hối, chịu sám hối là phải sám hối như pháp thì mới gọi là chịu sám hối.

“Liền tự sám hối” chính là sám hối như pháp, thế nào là như pháp? Nếu phạm trọng tội thì phải làm thủ tướng sám, ví dụ lay Chiêm Sát Sám được luân tướng thanh tịnh, đây chính là như pháp sám hối. Nếu không phạm trọng tội vậy thì đối thủ tác pháp sám, phạm tội bậc trung, trong phạm tội bậc trung nếu căn cứ theo giới tỳ-kheo mà nói thì phân chia rất chi tiết, đó là thuộc về giới trong tỳ thứ ba, tội trong tỳ thứ ba, tỳ thứ ba trong bảy tỳ ở chương thứ năm, nó có ba bậc là thượng, trung, hạ. Bậc hạ là đối thủ sám hối với một người, bậc trung là sám hối với hai, ba người, bậc thượng phải sám hối với tăng, tức là bốn người trở lên, sám hối với tăng. Nếu phạm trọng tội, tội bậc thượng, vậy thì trước tiên phải tác pháp sám hối với tăng, sau đó mới thủ tướng sám, đây mới gọi là liền tự sám hối, sau đó bạn nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh, như vậy thì có thể đới nghiệp vãng sanh.

Nếu nói khi lâm chung mới biết bản thân phạm lỗi, không sám hối kịp, không kịp thủ tướng sám, không kịp tác pháp sám thì phải làm sao? Chỉ cần có tâm sám hối lỗi lầm, nhất tâm niệm Phật cũng có thể vãng sanh Tây Phương. Bởi vì trên luật có một ví dụ như sau, tức là có chúng xuất gia phạm tội ở chương thứ hai, nhưng không kịp sám hối để diệt tội, tác pháp tương đối khó, nhân duyên tương đối khó tụ hội, không kịp để diệt tội, nhưng ông có lòng nhất tâm sám hối như vậy, khi ông mạng chung, Phật phán ông là ông đã thanh tịnh rồi. Cho nên chỉ cần thật sự sám hối, sám

hồi hồi đầu niệm A-di-đà Phật đều có thể vãng sanh. Nhưng nếu hiện nay có cơ hội sám hối mà bạn không chịu sám hối, bạn muốn học người may mắn đó chết rồi có thể thanh tịnh, vậy thì điều ấy không gọi là sám hối. Cho nên nhất định phải giữ tâm chân thật.

Tiếp theo sẽ kể cho mọi người nghe một công án, trong Sa-Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú có ghi chép, “Tăng chú” là luật sư Hoằng Tán thời nhà Thanh chú giải bản chú giải “Sa-di luật nghi yếu lược” của đại sư Liên Trì. Công án này nói, ở Phần Châu triều nhà Đường có một ngôi tự viện gọi là Khải Phúc, trụ trì chùa tên là pháp sư Huệ Trùng, ông bị bệnh rồi rống lên như bò mà chết. Sau đó, trong tự viện này có một vị pháp sư khác tên là sư Trường Ninh, trong đêm nhìn thấy pháp sư Huệ Trùng đến, vị trụ trì này đến, hình thể, sắc mặt của vị trụ trì này đều vô cùng tiêu tụy, bèn hỏi ông rằng: “Vì sao thầy lại như vậy?” Ông liền nói: “Vì tôi dùng lẫn lộn tài vật của tam bảo, cho nên chịu khổ nạn, những tội khác đều tương đối nhẹ, chỉ có tội trộm tài vật của thường trụ thì vô cùng nặng, xin thầy hãy cố gắng cứu tôi”. Vậy là pháp sư Trường Ninh đã tụng kinh, sám hối tội lỗi cho ông. Qua hơn một tháng vị trụ trì này lại đến nói với pháp sư rằng: “Nhờ thầy tụng kinh cho tôi nên tôi đã hết đau khổ, bây giờ có thể đến một nơi khác, nhưng cũng không biết khi nào mới có thể được giải thoát”.

Bạn xem, ông tìm người xuất gia này thì nhất định là người chân tu hành, có công đức để hồi hướng cho ông, nhưng chỉ có thể giúp ông giảm nhẹ đau khổ, ông vẫn chưa được giải thoát. Cho nên đây chính là lời nhắc nhở cho tăng đoàn, đại chúng, đặc biệt là nhân viên chấp sự. Nếu không cố gắng học giới luật, vậy thì thật sự khó tránh khỏi vi phạm.

Trên giới luật, Phật nói Phật đồng ý hai hạng người có thể đảm nhiệm việc chấp sự của tăng đoàn, hai hạng người nào vậy? Thứ nhất là A-la-hán, thứ hai là Tu-đà-hoàn, đều là thánh nhân, Tu-đà-hoàn đã đoạn được kiến hoặc, A-la-hán đều đã đoạn kiến hoặc, tư hoặc. Các ngài sẽ không phạm giới, đạo cộng giới thì có thể. Nếu không có thì Phật vẫn có thể đồng ý, chính là người thật sự có tâm hổ thẹn, chân thật học tập giới pháp, có thể tinh thông giới luật, không dám tùy tiện khinh suất, không dám tùy tiện dùng lẫn lộn đồ của tam bảo, là người có thể khéo giữ đồ của tam bảo, người như vậy thì có thể đảm nhiệm chức chấp sự của tăng đoàn, mới có khả năng tránh khỏi tội lỗi, nếu không thì tội trộm cướp này thật sự cực kỳ dễ phạm phải.

Đương nhiên không chỉ là chấp sự, mà người sống trong tự viện như chúng ta đều phải hết sức cẩn trọng. Đoạn văn này đã giảng cho mọi người xong rồi.

Tiếp theo giảng khoa thứ ba là “cụ duyên thành phạm”.

Trộm cướp phải đầy đủ mấy loại duyên thì sẽ cấu thành phạm tội. Ở đây nói sáu loại duyên, thứ nhất là “vật của người”, cũng chính là vật có chủ. Thứ hai là “nghĩ là vật của người”, cũng nghĩ rằng vật có chủ. Thứ ba là “tâm trộm”. Thứ tư là “dùng phương tiện”. Thứ năm là “trị giá 5 tiền”. Thứ sáu là “đem khỏi chỗ cũ”.

Duyên thứ nhất là “vật của người”, phía trước cũng đã giảng rồi, có ba hạng chủ nhân là vật của tam bảo, vật của người, vật của phi nhân, đều thuộc về vật của người.

“Nghĩ là vật của người khác”, tức là trong tâm nghĩ tài vật này có chủ, là tài vật của người chủ khác, khởi lên suy nghĩ này. Đây là đầy đủ duyên thứ hai. Nếu không khởi lên suy nghĩ này, mà cho rằng đây là vật không có chủ thì không phạm.

Thứ ba là có “tâm trộm”, phía trước đã nói rồi, năm loại tâm trộm.

Thứ tư là “dùng phương tiện”, tức là bạn dùng công cụ gì để trộm lấy tài vật của người khác, hoặc lợi dụng thời gian ban đêm để trộm lấy, hoặc thông qua công khai cướp đoạt v.v., đây là dùng phương tiện.

Thứ năm là “trị giá 5 tiền” chính là nói đến trường hợp phạm trọng tội, tài vật này [có giá trị] 5 tiền trở lên; nếu 4 tiền, 3 tiền thì phạm tội bậc trung; 1 tiền, 2 tiền phạm tội bậc hạ. Thứ sáu là “đem khỏi chỗ cũ”, khi trộm cướp đã đem tài vật ban đầu ra khỏi vị trí cũ, như vậy thì phạm tội căn bản. Ở đây nói căn bản, chính là luận theo việc đem vật ra khỏi chỗ cũ mà nói. Ví dụ nói, bây giờ tôi muốn trộm cây thước này, vậy tôi khởi tâm trộm, thứ nhất tôi biết nó là vật có chủ, đây chắc chắn là vật của thường trụ. Thứ hai tôi nghĩ là vật có chủ, tôi cũng biết nó là một vật của thường trụ. Thứ ba tôi có tâm trộm, tham muốn nó là của mình. Thứ tư tôi dùng phương tiện đưa tay ra lấy. Nó để ở đây, tôi đưa tay ra lấy, trước khi vẫn chưa chạm vào, trước khi chưa đem vật rời khỏi chỗ cũ, vậy thì đều thuộc về tội phương tiện, tội bậc trung có thể sám hối. Nếu vật này trị giá 5 tiền, tôi lại đem nó rời khỏi chỗ cũ thì phạm tội căn bản. Mặc dù sau khi tôi đem vật khỏi chỗ cũ, nhưng đột nhiên nghĩ hôm nay pháp sư Định Hoàng vừa nói xong không được trộm cắp, nên đã lập tức để trả lại, lúc này có phạm tội căn bản không? Vẫn phạm tội căn bản, bởi vì nghiệp đã cấu thành rồi. Dù bạn để nó lại, không lấy trộm nữa, chỉ là không nợ của thường trụ thôi,

nhưng bạn đã phạm trọng tội, đã mất giới thể rồi, cho nên luận như vậy. Giả sử bạn không trả lại, vậy thì tương lai cộng thêm lãi để trả, mỗi ngày tiền lãi là 37%, đó chính là tội phạm giới cộng thêm tánh tội.

Khoa thứ tư bàn đến “cách xử lý phạm tội trộm”. Cách xử lý này chủ yếu là xem giá trị. Nếu 5 tiền trở lên thì phạm tội căn bản bậc thượng không thể sám hối, mất giới thể. Nếu trộm 4 tiền trở xuống là tội bậc trung. Trộm 1 tiền, 2 tiền chính là tội bậc hạ. Đây là trong Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu, đại sư Ngẫu Ích đã nói như vậy. Đại sư Hoàng Nhất thì nói hơi nói lỏng một chút, ngài nói 3 tiền trở xuống đều thuộc tội bậc hạ, 4 tiền mới thuộc tội bậc trung. Việc này các luật sư khác nhau có thể tự đưa ra phán quyết. Cách phán nặng nhẹ cũng có thể tùy theo mỗi người mà khác nhau.

Ví dụ như 5 tiền cũng có rất nhiều cách nói, cách nói nhẹ nhất chính là luận theo tội chém đầu. Bởi vì Ấn Độ thời ấy phạm tội trộm 5 tiền thì phải chém đầu, cũng chính là nói dùng tử hình để phán quyết tội trộm cướp này, đây mới tính là phạm trọng tội căn bản, vậy thì tiêu chuẩn này tương đối rộng rãi. Thông thường mà nói, theo pháp luật của Trung Quốc thì phải trộm bao nhiêu vạn mới có thể phán tội chết, rất nhiều nơi ngay đến tử hình cũng không có, cho nên việc phán tội này rất rộng. Nếu theo cách phán nghiêm khắc nhất chính là trong Luật Tứ Phần, tổ sư Đạo Tuyên cũng có nói đến dùng phương pháp này, 5 tiền tức là căn cứ theo đơn vị tiền tệ của từng quốc gia. Ví dụ, nhân dân tệ chính là 5 tệ, 5 đồng Đài tệ thì ít hơn nhân dân tệ, chỉ trị giá bằng 1 đồng nhân dân tệ. Nếu đến Thái Lan, 5 Baht của Thái Lan thì càng ít hơn, đơn vị của mỗi quốc gia là khác nhau, điều này có chút rất nghiêm khắc. Bởi vì tính giá trị của 5 đồng nhân dân tệ Trung Quốc cũng rất thấp, chỉ phạm tội trộm 5 đồng mà phạm trọng tội, mất giới thể thì quả thực rất nghiêm khắc.

Những việc này dù sao trên luật cũng đều có căn cứ, chỉ xem luật sư phán định như thế nào thôi. Vừa rồi đã nói tiêu chuẩn phán định là tùy mỗi người mà có sự khác nhau. Ví dụ người này vô cùng xấu xa, tức là không chịu hối cải, không chịu nhận sai còn nói rất nhiều lý do, nói bản thân không phạm giới, trên thực tế căn cứ theo giới tướng này mà nói thì họ đã phạm trọng tội, nhưng họ không có tâm hổ thẹn, không có tâm sám hối, hạ người này như ngựa dữ khó thuần, không có thuốc để cứu nữa, phải làm sao? Trực tiếp dùng cách nghiêm khắc nhất để phán định cho họ: phạm trọng tội, mất giới thể, đuổi khỏi tăng đoàn.

Nếu người này có thể khẩn thiết sám hối, hơn nữa họ thật sự tỉnh cờ phạm lần đầu, họ không phải có ác tâm rất xấu xa mà phạm giới này, sau khi họ phạm giới thì vô cùng hối hận cầu sám hối, hơn nữa đều không chút che giấu mà thành thật trình bày rõ tội lỗi, người như vậy cũng có thể dùng tiêu chuẩn nói lỏng nhất. Thông thường nếu dùng tiêu chuẩn nói lỏng nhất thì không phạm trọng tội, trộm cướp nếu phạm đến tội tử hình, đó là dùng pháp luật để phán định xem tội này của bạn có tính là tội chém đầu không, nếu vẫn chưa phạm đến tội chém đầu thì cũng chưa mất giới thể, cho nên việc này đều là tùy theo người mà có sự khác nhau, tóm lại bạn có giới luật để căn cứ là được, nhưng việc này là do luật sư phán định, không thể tự phán định cho mình được. Tôi tự phán cho mình cách nói lỏng thì cũng không được, bản thân phải nghiêm khắc, phán cho mình một cách nghiêm khắc, như vậy mới có thể dùng phương pháp đối trị này để giúp bản thân cẩn trọng, không dám tái phạm.

Còn một loại là nếu lấy trộm mà chưa đem khỏi chỗ cũ thì chưa cấu thành phạm tội căn bản, mà đều thuộc về tội phương tiện gần bậc trung, có thể sám hối. Trước đây chúng tôi cũng đã nói về tội phương tiện này rồi, có phương tiện gần, có phương tiện xa, còn có phương tiện thứ, chính là từ gần đến xa. Phương tiện gần là nặng nhất, phương tiện thứ là thứ hai, phương tiện xa là nhẹ nhất, khởi lên một tâm niệm trộm cắp nhưng vẫn chưa hành động là đã phạm vào phương tiện xa rồi. Tội phương tiện xa cũng thuộc về tội bậc hạ, bậc hạ có thể sám hối, vậy cũng phải khẩn thiết sám hối.

Tiếp theo khoa thứ năm là “tiêu cảnh tượng”, tức là đưa ra cách chuyển suy nghĩ đối với cảnh giới. Giới tỳ-kheo trong Tam Đại Bộ nói rất tỉ mỉ đối với tiêu cảnh tượng này. Đại sư Hoằng Nhất có biên tập bộ “Nam Sơn Luật Tại Gia Bị Lãm”, chương thứ hai là chương trì phạm có nói rất tường tận về vấn đề những cảnh tượng này. Ở đây chỉ nói rất đơn giản, muốn nghiên cứu tường tận thì có thể đọc “Nam Sơn Luật Tại Gia Bị Lãm”, sách này là do đại sư Hoằng Nhất biên tập ra từ trong Nam Sơn Tam Đại Bộ, đây là cuốn sách đầy đủ tỉ mỉ nhất. Hoặc tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni cũng có thể trực tiếp nghiên cứu Tam Đại Bộ.

Loại thứ nhất, nếu “trộm vật của người và nghĩ là vật của người” thì phạm trọng tội, đây đều là luận từ 5 tiền trở lên. Nếu “trộm vật của người và nghĩ là vật của người”, trước đây khi hòa thượng Thanh Công giảng giới sa-di, lần này chúng tôi chủ yếu căn cứ theo bản của ngài để giảng lại, lúc ấy ngài nói việc này cũng phạm trọng tội, nhưng nếu chúng ta dùng “Tỳ-Kheo Giới Tượng Biểu Ký” hoặc “Tại Gia

Bị Lãm” để đối chiếu, thì “nghĩ là vật của người” tức là có tâm hoài nghi mà không phải là tâm nghĩ chắc chắn, vậy đây thuộc về phạm tội bậc trung, không phải tội căn bản bậc thượng. Vậy “trộm vật của người nhưng không nghĩ là vật của người”, cũng tức là nghĩ là vật không có chủ, vậy thì không phạm.

“Trộm vật không phải của người và không nghĩ là vật của người”, đương nhiên việc này cũng không phạm, bản thân nó là vật không có chủ, bạn cũng nghĩ là vật không có chủ thì càng không phạm. Dù là vật có chủ mà nghĩ là vật không có chủ thì cũng không phạm.

Ở đây cũng cần phân biệt rõ các trường hợp. Trong “Nam Sơn Tam Đại Bộ” có nói đến vấn đề chuyển suy nghĩ này. Ví dụ nói vừa bắt đầu bạn cho rằng nó là vật có chủ, khi đang lấy trộm mà bạn chuyển sang nghĩ rằng nó là vật không có chủ, chuyển ý niệm rồi, bạn đi lấy trộm, nhưng do lúc đầu có suy nghĩ cho rằng nó là vật có chủ, dù bạn có chuyển cách nghĩ thì việc này vẫn sẽ phạm, không phải không phạm, vẫn sẽ phạm tội bậc trung. Nếu vừa bắt đầu vốn đã không phân biệt được, cứ cho rằng nó là vật không có chủ, ở giữa không có vấn đề chuyển cách nghĩ, như vậy thì mới tính là không phạm. Trong này rất vi tế. Tương lai nếu chúng tôi giảng “Tỳ-kheo giới tướng biểu ký” thì sẽ giảng đến.

Còn có “trộm vật không phải của người nhưng nghĩ là vật của người”. Tức là mặc dù vật này là vật không có chủ, nhưng bạn cho rằng nó là vật có chủ, rồi sau đó trộm cướp thì vẫn phạm tội bậc trung. Việc này rất oan uổng. Vốn dĩ là vật không có chủ, và bạn nghĩ là vật không có chủ thì sẽ không phạm, nhưng bạn luôn có tâm trộm, coi nó thành vật có chủ, kết quả phạm giới một cách oan uổng, cho nên không được có tâm trộm.

Nếu có hoài nghi, trộm vật không phải của người, có hoài nghi vật không phải của người, nghĩ và nghi đều kết tội giống nhau, kết tội bậc trung. Nếu 5 tiền trở lên thì kết tội bậc trung. Đương nhiên nghi thì tội sẽ nhẹ hơn nghĩ một chút, ở đây không phân biệt tỉ mỉ như vậy.

Tiếp theo, khoa thứ sáu là “minh khai duyên”, nói trường hợp khai duyên không phạm điều giới này. Thứ nhất “nghĩ là cho”, tức là cho rằng đối phương đã đem tài vật cho mình rồi, đây gọi là “nghĩ là cho”, đương nhiên lấy thì sẽ không phạm, bạn cho nó là vật của mình mà. Thứ hai “nghĩ là của mình”, cho rằng là tài vật của mình rồi lấy về dùng, căn bản là không có tâm trộm, việc này cũng không phạm.

Thứ ba là “đồng ý”, cũng gọi là “thân hậu tướng”, tức là thương ngày đôi phương và tôi vô cùng thân thiết, quan hệ vô cùng thân mật, giống như bạn bè thân thích, vô cùng thân thiết, đôi phương có thể đồng ý để chúng ta tùy ý sử dụng tài vật của họ. Chúng ta dùng tài vật của họ, chẳng những họ không trách mắng mà ngược lại sẽ rất hoan hỷ. Người như vậy mới có thể nói là thân thiết, như vậy dùng đồ của họ thì sẽ không phạm. Nếu vẫn chưa đến mức thân thiết như vậy thì vẫn sẽ phạm. Cho nên, không thể nói tôi và họ rất thân thiết nên tùy ý lấy đồ của họ, nhưng nếu đôi phương vì vậy mà nổi giận, điều này chứng tỏ họ và bạn không hề thân thiết như vậy. Bạn cũng biết đôi phương không thân thiết với bạn như vậy, nhưng bạn khẳng định tìm lý do để phạm, trên thực tế việc này đã có tâm trộm ở bên trong.

Tiếp theo, “tạm dùng” thì không phạm, tức là tạm thời lấy về dùng, sau đó không lâu thì phải trả lại vật cho chủ, vậy thì không phạm. Còn có “không có chủ”, bạn cho rằng tài vật này là vật không có chủ, cũng gọi là “nghĩ là rác”, giống như một số đồ vật ở trong đồng rác vậy. Bạn cho rằng đó là rác, bị người vứt bỏ rồi nên bạn nhặt về, vậy thì không phạm tội trộm. Còn loại cuối cùng là “tâm trí cuồng loạn”, tức là tâm mê cuồng, tán loạn, bệnh tật. Điều này phần trước đã nói rồi. Nó có một tiêu chuẩn nhất định, thật sự là bệnh tâm thần vô cùng nghiêm trọng, chính mình cũng không biết mình nữa, nhìn thấy lửa liền cầm, nhìn thấy phân liền cầm lên đưa vào miệng ăn, bệnh như vậy thì có thể. Nếu không phải như vậy thì vẫn phạm tội trộm.

Tiếp theo khoa thứ bảy là “dị thực quả báo”, chính là nói quả báo phạm giới. Nếu phạm tội trộm cấp thì có quả báo thế nào? Trong kinh Hoa Nghiêm nói thế này: “Tội trộm cấp cũng khiến chúng sanh堕 vào ba đường ác. Nếu sanh vào cõi người thì có hai loại quả báo, một là nghèo cùng, hai là tài vật chung không được tự tại”. Nếu phạm tội trộm cấp thì chúng sanh này sẽ堕 vào ba đường ác, chịu đủ báo ứng trong ba đường ác rồi, nếu sanh vào cõi người thì sẽ bị hai loại quả báo. Loại thứ nhất là bản cùng, loại thứ hai là tài vật chung không được tự tại.

Thế nào gọi là tài vật chung không được tự tại? Tài vật trên thế gian này là của năm nhà cùng sở hữu, gọi là vua, trộm, nước, lửa và con cháu bất hiếu, cho nên tài vật của bạn kỳ thực không thuộc về bạn. Giả sử bạn phạm tội, quan phủ niêm phong tài vật của bạn thì đương nhiên bạn chẳng còn gì nữa. Cũng có thể là trộm, trộm đến đánh cướp lấy hết đồ của bạn đem đi thì cũng không phải là của bạn nữa; hoặc là thủy tai, sóng thần, vậy thì tài vật của bạn cũng mất sạch sành sanh; hoặc một trận

hỏa hoạn cũng không còn gì. Còn có con cháu bất hiếu. Bạn cực khổ vất vả kiếm được rất nhiều tiền tài bất nghĩa, kết quả chắc chắn sẽ có con cháu bất hiếu đến sanh vào nhà bạn làm một công tử bột ăn chơi hưởng lạc để tiêu phá hết tất cả tài sản của bạn, cuối cùng vẫn là mất trắng không còn gì. Cho nên, đây đều thuộc về “tài sản chung không được tự tại”.

Chỉ có công đức pháp tài là không dùng chung với người, mà mỗi người tự đạt được, cho nên cố gắng tu hành thì công đức đạt được đều là công đức của mình. Cho nên, có tiền tài thì nên học cách tán tài, chuyển tài phú thành công đức, tích lũy công đức pháp tài, người như vậy mới có trí tuệ.

Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng nói cho chúng ta: “Nếu lìa xa trộm cướp thì được mười loại pháp bảo tín”, nếu có thể buông bỏ nghiệp trộm cướp thì có thể đạt được mười loại pháp có thể bảo vệ chúng ta, bảo tín chính là bảo đảm, lợi ích này được bảo đảm đáng tin cậy.

Mười loại pháp bảo tín là gì? Loại thứ nhất là “của cải chồng chất; vua, trộm cướp, nước lửa và con phá của không thể tiêu tán”. Bạn có thể đạt được rất nhiều tiền tài, đời trước không trộm cắp thì đời này có thể được phú quý, có rất nhiều tiền tài, hơn nữa vua, trộm cướp, nước lửa và con bất hiếu, tức là con cháu bất hiếu, con phá của, những người này đều sẽ không làm tiêu tán, phá hoại hết tài sản của bạn. Tài phú của bạn có thể được tự tại, cho nên có tài sản tốt nhất đem nó cho đi, làm nhiều công đức, làm nhiều phước đức, tương lai phước báo sẽ chuyển thành vô cùng vô tận. Như chúng xuất gia chúng ta, đạo tràng chúng ta đều yêu cầu không cầm giữ tiền bạc, cũng chính là điều thứ mười trong giới sa-di. Không cầm giữ tiền bạc, vậy người ta cúng dường trên thực tế có thể chuyển thành công đức. Bản thân không có tâm tích trữ tiền bạc, thông thường người ta cúng dường đều đưa vào quỹ chuyên hộ trì tam bảo, hoặc ở đạo tràng nào đó, người ta cúng dường sẽ chuyển sang cúng cho đạo tràng đó. Bản thân chúng ta căn bản không cần phải tích trữ tiền tài, trên người không một xu tiền, nhưng sẽ có phước báo. Đây là được tài phú tự tại. Chúng ta đương nhiên không tham lấy, phải ít muốn biết đủ, đồ dùng sinh hoạt đều phải hết sức trân quý, đem phước báo này tích lũy thành tư lương tu hành của chúng ta.

Thứ hai là “nhiều người yêu quý”, có thể được rất nhiều người yêu mến, tưởng nhớ. Bạn có thể thường không trộm cắp mà bố thí, đương nhiên bạn ban ơn cho người thì người ta sẽ rất yêu quý bạn.

Thứ ba là “người khác không ức hiếp” người khác sẽ không lừa dối ức hiếp bạn, hoặc làm ra những việc có lỗi với bạn. Bởi vì bạn trì giới không trộm cướp này thì bạn sẽ không có lỗi với người, nên tự nhiên người ta sẽ không có lỗi với bạn.

Thứ tư là “mười phương khen ngợi”, người thiện không trộm cướp thì bất luận đi đến nơi đâu đều có thể được tất cả mọi người hoan nghênh. Điều này chúng ta suy nghĩ thì liền biết được, quả thực một người vô cùng thanh liêm, họ không tham lam tài vật thì đi đến đâu mọi người đều rất yên tâm đối với họ, tán thán phẩm đức của họ, cho nên người trì giới tốt đi đến nơi đâu thì thật sự mọi người đều sẽ cung kính nể phục, chẳng những con người cung kính nể phục mà ngay đến thiên nhân, thiên long quỷ thần đều sẽ tôn kính bạn.

Thứ năm là “không lo tổn hại”, bản thân cũng sẽ không lo lắng bị tổn thất gì, hoặc gặp phải tai họa gì, đặc biệt là chúng xuất gia chúng ta, trên thân đã không có một xu tiền thì buổi tối đi ngủ không khóa cửa cũng không sao, tuyệt đối không sợ trộm, họ cũng chẳng trộm được thứ gì, không có bất cứ lo âu gì.

Thứ sáu là “tiếng tốt truyền khắp”. Bạn trì giới thì tiếng tốt có thể lưu truyền lâu dài, lan rộng đến khắp nơi, như vậy có thể ảnh hưởng đến xã hội, dẫn dắt chúng sanh cùng đoạn ác tu thiện.

Thứ bảy là “ở trong hội chúng không hề sợ hãi”, khi bạn cùng rất nhiều người tụ hội thì bạn sẽ không sợ hãi, bạn rất an nhiên tự tại, bởi vì tâm bạn không tham cầu thứ gì, không có tâm lý được mất thứ gì, cho nên không có cảm giác lo sợ. Điều này đặc biệt rất quan trọng đối với người hoằng pháp lợi sanh. Phật có bốn điều không sợ, bốn loại biện tài không sợ, tức là bạn có thể ở trong đại chúng diễn thuyết Phật pháp mà không hề sợ sệt. Đây là trong tâm bạn an, vì sao vậy? Bởi vì không có tâm lý hổ thẹn gì, cho nên bản thân phải làm được, phải cố gắng trì giới, vậy thì khi bạn tuyên dương Phật pháp, những lời bạn nói ra sẽ được mọi người cũng tín phục, bạn sẽ vững tâm.

Thứ tám là “tiền tài, sanh mạng, hình sắc, sức lực an vui, biện tài đầy đủ không thiếu”, tiền tài và sanh mạng, thậm chí hình sắc và sức lực, tức là chỉ cho phương diện thân thể khỏe mạnh, còn có phương diện năng lực, đều có thể được an lạc. Nói cách khác, bạn có thể không trộm cướp thì bạn sẽ có các phương diện được an lạc, tiền tài không thiếu hụt, sanh mạng của bạn có thể trường thọ, thân thể bạn được khỏe mạnh, còn có đầy đủ biện tài vô ngại. Những việc này đều không khuyết thiếu.

Thứ chín là “thường sẵn lòng bố thí”, trong tâm bạn thường giữ ý niệm bố thí hành thiện thì sẽ chiêu cảm được phước báo vô cùng.

Thứ mười là “mạng chung sanh thiên”, sau khi sanh mạng kết thúc thì có thể nhờ nghiệp thiện mà sanh lên trời. Lại nói, “nếu có thể hồi hướng về A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề thì tương lai thành Phật sẽ chứng được trí thanh tịnh đại Bồ-đề”. Bởi vì trên nhân địa trì giới không trộm cướp thì khi thành Phật có thể đạt được trí tuệ thanh tịnh, viên mãn, quảng đại.

Điều giới không trộm cướp này chúng tôi xin giảng đến đây. Có chỗ nào giảng không được thỏa đáng xin mọi người phê bình chỉ giáo nhiều hơn, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 10

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 20/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỷ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp trên mạng tôn kính. Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mọi người mở 10 giới sa-di, điều thứ ba là không dâm dục. Trước khi giảng điều giới thứ ba này, tôi bổ sung thêm một đoạn kinh văn trong kinh Lăng-nghiêm trước, do lần trước vẫn chưa giảng kịp, chính là nói về giới không trộm cướp, chúng ta giảng qua đoạn kinh văn này trước. Trên kinh Lăng-nghiêm nói: “Lại nữa, nếu tâm chúng sanh trong lục đạo ở các thế giới không trộm cướp thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tiếp nối. Ông tu pháp tam-muội vốn để thoát trần lao, nhưng nếu không trừ bỏ tâm trộm cướp thì chẳng thể ra khỏi trần lao. Dù có đa trí, thiền định hiện tiền, mà nếu chẳng dứt trừ trộm cướp, tất sẽ lạc vào tà đạo: bậc thượng thì làm tinh linh, bậc trung thì làm yêu mị, bậc hạ thì làm tà nhân bị chúng mị ám nhập.” Đây là chương “Tứ chủng thanh tịnh minh hồi” trong kinh Lăng-nghiêm, chúng tôi cũng đang giảng chương này mỗi tối vào thời khóa tối. Ở đây nói sơ lược qua một chút.

Trên kinh Lăng-nghiêm nói: Lại nữa, có chúng sanh trong lục đạo ở các thế giới, nếu tâm của họ không ôm giữ tâm trộm cướp thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử luân hồi chuyển tiếp liên tục. Phật nói với ngài A-nan rằng: Ông tu chánh định tam-muội vốn là để thoát khỏi trần lao, tức là phiền não của tam giới, song nếu ông không diệt trừ tâm trộm cướp thì không thể ra khỏi trần lao của thế gian được. Dù ông tu hành có nhiều trí tuệ và thiền định hiện tiền, nhưng nếu không đoạn trừ tâm trộm cướp thì nhất định sẽ lạc vào tà đạo. Tâm trộm cướp này có thể

rất vi tế. Vi tế đến mức có một chút ý niệm chiếm lợi ích, có một chút suy nghĩ không nên có thì đều thuộc về tâm trộm. Đặc biệt là khi bản thân ở một mình thì việc phòng ngừa tâm trộm là quan trọng nhất. Ví dụ, quy củ trong tăng đoàn quy định bạn không được cất giấu điện thoại di động, bạn sợ bị người khác phát hiện nên buổi tối tự ở trong chăn xem điện thoại, đây chính là tâm trộm. Một chút tâm trộm này mà không trừ sạch thì dù bạn tu hành tốt đến mấy, được thiên định, khai trí tuệ thì quả báo cuối cùng nhất định sẽ đổ vào yêu đạo, chính là tà đạo, người yêu tà, phước báo của người yêu tà có lớn có nhỏ, lớn chính là bậc thượng, thì trở thành tinh linh. Những tinh linh này có thể trộm cướp tinh khí của nhật nguyệt để bổ sung cho mình, sẽ trở thành tinh linh. Người bậc trung, tu đến cuối cùng thì trở thành yêu mị, yêu mị thì trộm cướp tinh khí của người, thông thường chúng ta nói là âm hồn, ma quỷ.

Bậc hạ là tà nhân, thế nào là tà nhân? Tâm tà, sẽ chiêu cảm nhiều ma quỷ đến vây quanh. Ở đây nói “bậc hạ thì làm tà nhân bị các loại ma quỷ ám nhập”. Ý nghĩa của chữ “ám nhập” này, dùng lời hiện nay để nói thì chính là nhập thân. Hiện nay có rất nhiều, chúng ta tận mắt nhìn thấy không ít, họ từ sáng đến tối bị quỷ nhập thân, bản thân không làm chủ được. Họ cũng có ý thức, nhưng họ không thể kiểm soát được thân thể của mình, không thể khống chế bản thân tạo nghiệp, có người thậm chí không ý thức được cái gì hết, hoàn toàn mất kiểm soát, hoàn toàn bị quỷ thần khống chế. Con người vì sao chiêu cảm những quỷ thần nhập thân này? Vẫn là do lòng dạ của mình không chánh. Ở đây kinh Lăng-nghiêm nói là “tâm trộm không trừ bỏ”, tâm trộm không trừ sạch thì tương lai thường sẽ bị quỷ nhập thân. Kinh Lăng-nghiêm nói cho chúng ta rất rõ ràng, cho nên thấy không ít người tu hành xuất hiện tình trạng này, rất đáng thương. Phải biết sau khi quỷ nhập thân, muốn thoát ra không dễ dàng, họ nhất định sẽ giày vò bạn đến chết đi sống lại, khiến bạn tạo rất nhiều nghiệp. Chúng ta muốn tránh tình trạng này thì tâm địa của mình phải chánh, không được có loại tâm trộm này, nếu không tương lai nhất định sẽ bị ma dựa.

Cho nên trì giới vô cùng quan trọng. Trì giới chính là giữ quy củ, giữ quy củ của Phật, giữ quy củ của tăng, đương nhiên chúng ta phải giữ gìn từng điều giới mà Phật đã chế định, không được lén lút phạm giới, lén lút phạm giới chính là tâm trộm không trừ. Quy củ chính là quy củ trong tăng đoàn. Phật cũng yêu cầu tăng đoàn, vì để hòa hợp chung sống nên phải lập ra các quy củ. Nếu phạm phải quy

định của tăng đoàn thì cũng như tỳ-kheo phạm tội ở chương thứ năm vậy, cũng bằng với tội phạm giới mà Phật đã chế định, không được lén lút phạm quy củ. Cho nên, chỗ này đặc biệt bổ sung nói rõ hơn. Điểm này đối với người tu hành đặc biệt quan trọng. Tiếp theo nói về không dâm dục:

“Ba là không dâm dục, hết thấy thể gian hoặc với người nam, hoặc với người nữ, hoặc với người, hoặc với quỷ, hoặc với súc sanh v.v. đều không được nhiễm tâm giao cấu, cũng không được hành dâm với người khác, chỉ cần vi phạm thì đều phạm trọng tội, mất giới sa-di, không thể sám hối. Nếu muốn hành dâm nhưng chưa hòa hợp mà dừng lại thì phạm tội phương tiện bậc trung, phải khẩn thiết sám hối. Nếu khởi tâm dâm thì phải nghiêm khắc tự trách chính mình.”

Điều giới này chúng ta vẫn chia làm năm khoa lớn để nói rõ. Khoa lớn thứ nhất là “tổng thuyết đề nghĩa”, cũng chia làm ba khoa nhỏ. Thứ nhất là “giải thích sơ lược tiêu đề”, chính là nói “không dâm dục”. Điều giới này cũng có thể gọi là bất tịnh hạnh giới, hoặc phi phạm hạnh giới, hoặc có người đọc chữ hạnh này thành âm “hăng”. Đây là âm cổ, cũng được, phi phạm hạnh giới. Ở đây gọi là dâm, chính là chỉ nam nữ giao cấu, dùng tâm ô nhiễm để làm hành vi cấu uế xấu xa này, đây gọi là bất tịnh hạnh, cũng gọi là phi phạm hạnh. Chữ “phạm” nghĩa là thanh tịnh, xuất gia và tại gia đều có điều giới này. Năm giới của người tại gia chỉ quy định “không tà dâm”, cũng chính là cho phép chánh dâm giữa vợ chồng, tức là vợ chồng hợp pháp. Nếu không phải là quan hệ vợ chồng mà phạm thì cũng chính là tà dâm, bao gồm cả trường hợp chưa đăng ký kết hôn, thông thường chúng ta nói là hành vi tình dục trước hôn nhân, điều này cũng thuộc về tà dâm. Xuất gia thì Phật chế định phải đoạn hết dâm dục, tức là tất cả hành vi bất tịnh của nam nữ đều phải cấm triệt, người xuất gia không có hành vi của vợ chồng. Dục chính là dục niệm, dâm chính là hành dâm. Những nghiệp từ thân cho đến tâm này đều phải đoạn trừ. Cho nên, chữ “không” chính là hành môn để đối trị, dâm dục chính là hành vi được đối trị, năng và sở hợp lại gọi là không dâm dục.

Tiếp theo, khoa nhỏ thứ hai là nói về ý nghĩa chế giới. “Giới Bồn Sớ” trong Nam Sơn Tam Đại Bộ có nói như sau: “Tánh của dâm dục, thể là ác pháp, đã tạo tác hành vi này thì nỗi khổ sanh tử ắt sẽ tăng thêm, như lửa lớn thiêu đốt không ngừng nghỉ, phải trầm luân trong tam giới, không thể thoát khỏi, cội gốc chương đạo không chỉ hơn dâm dục, tai họa này rất to lớn, làm sao có thể không cứu giúp

được chứ? Cho nên đức Phật chế giới này để phòng ngừa, dụng ý chính là ở đây.” Chính là nói thể tánh của dâm dục chính là pháp xấu ác. “Đã tạo tác hành vi này thì nỗi khổ sanh tử ắt sẽ tăng thêm”, nếu đã có thể làm như vậy thì nỗi thống khổ của sanh tử luân hồi sẽ tăng thêm. Nỗi thống khổ này giống như lửa lớn đang thiêu đốt vậy, “thiêu đốt không ngừng nghỉ”, xí nhiên là lửa cháy vô cùng mãnh liệt, không ngừng dứt. “Phải trầm luân trong tam giới, không thể thoát khỏi”, quả báo của việc dâm dục thì nhất định là trầm luân ở trong biển khổ tam giới không thể thoát khỏi. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Tam giới không an, giống như nhà lửa, các khổ đầy rẫy, thật đáng kinh sợ.” Ở trong tam giới, chính là ở trong lục đạo luân hồi, không có chỗ nào an lạc, giống như ngôi nhà lửa cháy vô cùng mãnh liệt. Ở trong này đầy rẫy nỗi thống khổ, bị thiêu đốt đương nhiên là khổ rồi, ở trong biển lửa, do đó thật đáng kinh sợ, khiến chúng ta rất sợ hãi, kinh hoàng.

Phải biết, nếu chúng ta không thoát khỏi lục đạo thì chắc chắn thời gian ở trong địa ngục là nhiều nhất, vì sao vậy? Bởi vì chúng ta tạo ác dễ, hành thiện khó. Trong 51 tâm sở của chúng ta thì chỉ có 11 cái là thiện tâm sở. Bạn nghĩ xem, khởi niệm thiện không dễ dàng, khởi niệm ác rất dễ dàng. Ác niệm ác tâm sở có 26 cái, nhiều hơn gấp đôi so với thiện tâm sở. Nói cách khác, xác suất bạn堕 vào ác đạo ít nhất là nhiều hơn gấp đôi đường thiện, còn có một số tâm sở vô ký, cho nên cơ hội để vào ba đường thiện là rất ít. Nếu chúng ta không ra khỏi lục đạo thì chính là thường trầm luân ở trong đường ác, do đó rất đáng kinh sợ. Dâm dục lại là cội gốc của lục đạo luân hồi, cho nên muốn thoát khỏi lục đạo thì nhất định phải buông bỏ tâm dâm dục này. Cho nên, Phật đã chế định giới không dâm dục đối với người xuất gia, tức là người muốn đời này liễu thoát sanh tử, đương nhiên cũng bao gồm người tại gia muốn liễu thoát sanh tử.

Trong kinh Vô Lượng Thọ nói đến 10 nghiệp thiện cũng nói không dâm dục. Không dâm dục tức là thân, tâm đều đoạn sạch, không những thân không được tạo tác mà ngay đến tâm cũng không được nghĩ đến, không được khởi những ý niệm này. Nghiêm khắc mà nói, khởi lên những ý niệm này thì đã phạm giới rồi, phạm luật rồi. Cho nên, ở đây Giới Bồn Sớ nói “phải trầm luân trong tam giới, không thể thoát khỏi”, loại phiền não dâm dục này khiến chúng ta đắm chìm trong tam giới không thể thoát khỏi. Nó là “cội gốc chướng đạo”, là gốc rễ trong tất cả các nguyên nhân chướng ngại chúng ta tu đạo, chướng ngại chúng ta thoát khỏi tam giới. Đây là cội nguồn, đây là gốc rễ. Cội nguồn, gốc rễ này không chỉ hơn dâm dục. Cho nên

Phật nói: may mà chúng sanh chỉ có một loại phiền não sâu nặng là dâm dục, nếu còn có một loại phiền não nữa ngang bằng với dâm dục thì chúng sanh vĩnh viễn không thể thoát khỏi tam giới. Đây là nói đến cội rễ chương đạo “không chi hơn dâm dục”.

Cho nên tai nạn này, tai họa này vô cùng to lớn, làm sao có thể thuận theo mà không cố gắng cứu giúp được chứ? Cho nên, thánh nhân Phật-đà vĩ đại đã chế định giới pháp này để phòng tránh nó, dụng ý là ở đây. Có người đặc biệt hiện nay là thời đại phóng khoáng, đối với việc sát sanh, trộm cướp, nói dối, đây là những việc nào hại chúng sanh nên đương nhiên họ không có lời gì để nói, nên ngăn cấm, nhưng họ cho rằng dâm dục là hai bên đều rất vui thích. Việc này không hề nào hại chúng sanh thì vì sao phải ngăn cấm? Điềm này trong kinh Lăng-nghiêm có chép câu chuyện như sau, kể về tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương, bà lén làm việc dâm dục, phạm giới mà còn không biết hổ thẹn, sám hối tội lỗi, hơn nữa còn狡辯, tự nói rằng “dâm dục không phải là sát sanh, không phải trộm cướp, thì không có tội báo”. Sát sanh, trộm cướp là nào hại người khác, tôi dâm dục thì không nào hại người. Đây là phá kiến, phải biết phá giới còn cứu được, phá kiến thì không cứu được. Kết quả ngay lập tức bà cảm thấy thân thể bùng lên lửa dữ đọa vào địa ngục, tức là ngay lúc ấy từ nơi nữ căn trên thân thể bà sanh ra lửa dữ, dần dần đốt cháy thân thể của bà, thân thể liền đọa vào trong địa ngục. Đây là gì vậy? Mặt đất đột nhiên nứt ra nuốt sống bà vào trong địa ngục. Địa điểm này ở Trung Ấn Độ, khi xưa đại sư Huyền Trang triều nhà Đường, lúc qua Ấn Độ lấy kinh, khi đi qua đó tham quan vẫn nhìn thấy cái hố đó còn, chính là cái hố mà tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương đọa địa ngục. Trong đó rất sâu, rất tối, không nhìn thấy đáy. Đây là quả báo do bà đã phá giới, phá kiến mà cảm lấy.

Phải biết rằng dâm dục chẳng những hại chính mình mà cũng hại người khác, đoạn mất pháp thân huệ mạng của chính mình mà cũng khiến người khác vĩnh viễn trầm luân trong tam giới lục đạo. Mình và người, hai bên đều bị hại thì làm sao có thể nói không có quả báo cho được? Cho nên nói, trên hai nghiệp tánh già thì điều giới này đầy đủ tánh tội và già tội. Già tội tức là giới mà Phật chế định, nếu vi phạm thì là phạm già tội, đây là điều mà Phật ngăn cấm. Tánh tội chính là có khổ báo của thế gian.

Tiếp theo nói về “tùy văn thích nghĩa”, chúng tôi sẽ giải thích theo lời văn của đại sư Ngẫu Ích. Câu thứ nhất là: “*Hết thấy thế gian, hoặc với người nam, hoặc*

với người nữ, hoặc với người, hoặc với quý, hoặc với súc sanh...” “Hết thấy” này là bao gồm tất cả. Ở đây nói “thế gian”, thế gian bao gồm hữu tình thế gian, quốc độ thế gian và giác thế gian. Thế gian ở đây, trong ba loại thì chủ yếu chỉ hữu tình thế gian và giác thế gian. Quốc độ thế gian là thuộc về vô tình nên không bao gồm ở bên trong. Giác thế gian chính là bao gồm tất cả thánh hiền, người giác ngộ. “Hoặc với người nam, hoặc với người nữ, hoặc với người, hoặc với quý, hoặc với súc sanh...”, đây là đưa ra ví dụ, nam chúng và nữ chúng là chỉ cõi người, con người trong cõi người. Hoặc với người, hoặc với quý. Nam và nữ này kỳ thực cũng có thể quán thông với phía sau, hoặc với người nam, hoặc với người nữ, hoặc với quý nam hoặc với quý nữ, hoặc với súc sanh đực, hoặc với súc sanh cái. Súc sanh đực là chỉ con trổng, súc sanh cái là chỉ con cái. Hết thấy những chúng sanh hữu tình này, trên thực tế bao gồm cả trời, rồng, a-tu-la, quỷ thần, tất cả người, phi nhân...

“Đều không được nhiễm tâm giao cấu”, đều không được dùng tâm ô nhiễm để giao cấu. Chữ “cấu” này nghĩa là hợp, tức là hai thân hòa hợp. Nói cụ thể thì người nữ có ba vị trí là đường miệng, đường đại tiện và đường tiểu tiện. Nam có hai vị trí là đường miệng và đường đại tiện. “Nhiễm tâm giao cấu” là dùng tâm ô nhiễm. Ví dụ đường tiểu tiện của người nam với hai vị trí của người nam, ba vị trí của người nữ, hòa hợp với bất cứ một vị trí nào thì phạm trọng tội dâm dục. Ở đây cũng bao gồm cả lúc thức, lúc ngủ, thậm chí là tử thi, nếu bản thân có tâm ô nhiễm mà đối diện với cảnh giới của đối phương, bất luận họ là người sống hay là người chết, là súc sanh sống hay là súc sanh chết. Chết cũng bao gồm thân thể vẫn chưa phân hủy, hoặc phần lớn chưa bị phân hủy, hoặc đã phân hủy một nửa, hoặc đã phân hủy phần lớn, đều giống nhau, đều phạm trọng tội.

Điều này có khác với cảnh duyên của sát sanh, trộm cướp ở phía trước. Sát sanh ở phía trước, nếu là giết người thì phạm trọng tội. Nếu trộm vật của người từ 5 tiền trở lên thì phạm trọng tội. Giả sử là phi nhân hoặc súc sanh, nếu giết phi nhân, giết súc sanh thì chỉ phạm tội bậc trung, thậm chí tội bậc hạ, giết súc sanh là tội bậc hạ. Trộm cướp cũng như vậy, nếu trộm cướp của phi nhân hoặc súc sanh thì tội này sẽ giảm xuống không phạm tội nặng, dù đủ 5 tiền cũng không phạm trọng tội. Nhưng dâm dục thì không luận đối tượng, phạm là người hay là súc sanh, hay là quỷ thần, tất cả chúng sanh hữu tình chỉ cần hai bên hòa hợp thì liền phạm trọng tội giống nhau, tức là không thể sám hối.

Tiếp theo: “*Cũng không được hành dâm với người khác*”, cũng không được cùng người khác hành dâm, bản thân không được chủ động xâm phạm người khác, cũng không được cùng người khác hòa hợp hành dâm. “*Chỉ cần vi phạm thì đều phạm trọng tội*”, giới tướng của trọng tội này vừa rồi đã nói đến. Nếu hai căn chưa hòa hợp mà dừng lại thì phạm tội phương tiện, tội phương tiện bậc trung. Nếu hòa hợp bằng đầu sợi lông thì phạm trọng tội, “mất giới sa-di, không thể sám hối”. Cư sĩ nếu đã thọ ngũ giới, nam nữ không phải vợ chồng, nếu vi phạm như vậy thì cũng mất ngũ giới không thể sám hối. Bất luận trai giới thì đầu là vợ chồng cũng không được. Nếu là vợ chồng mà phạm thì cũng mất giới thể không thể sám hối, thậm chí giới Bồ-tát cũng như vậy. Không thể sám hối này tức là trong giới pháp Thanh văn không có tác pháp sám hối, không sám hối. Sau này muốn thọ lại giới, thọ ngũ giới, thọ bất luận trai giới, Bồ-tát giới, giới sa-di, giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni của người xuất gia thì tất cả đều không đắc giới, đây gọi là không thể sám hối. Nói cách khác, nghiệp này tương lai nhất định phải vào đường ác để hoàn trả, để tiêu nghiệp.

Trong pháp Đại thừa có phương pháp thủ tướng sám, nhưng cũng rất khó. Bạn xem chúng ta ở đây có không ít đồng học lạy Chiêm Sát Sám, lạy thời gian rất lâu rồi mà vẫn chưa được luân tướng thanh tịnh, có ít người đạt được, đó là túc nghiệp của họ tương đối nhẹ. Người không đạt được chính là túc nghiệp vẫn chưa sám sạch, vẫn phải tiếp tục cố gắng để đạt được luân tướng thanh tịnh thì mới có thể thọ lại giới. Đây là pháp sám hối mà Đại thừa đặc biệt khai duyên, ở đây đại sư Ngẫu Ích đều dùng pháp Thanh văn để luận nên nói là không thể sám hối.

Tiếp theo: “*Nếu muốn hành dâm nhưng chưa hòa hợp mà dừng lại*”. Giả sử, nếu muốn hành dâm nhưng vẫn chưa hòa hợp với đối phương, mà lập tức dừng lại thì phạm tội phương tiện bậc trung, thuộc về nhân tội vẫn chưa đến quả tội. “*Phải khẩn thiết sám hối*”, dùng tâm khẩn thiết chí thành tha thiết để tác pháp sám hối. Thông thường phạm tội bậc trung thì tốt nhất là sám hối trong tăng. Ở trong bậc trung đương nhiên cũng có phương tiện thứ và phương tiện gần, phía sau sẽ giảng đến. Tội phương tiện gần giống như tội bậc thượng ở trong tụ thứ ba của giới tỳ-kheo, cần phải sám hối trong tăng, ít nhất phải sám hối trước bốn vị tỳ-kheo, nữ chúng thì sám hối trước bốn vị tỳ-kheo-ni. Nếu là phương tiện thứ thì tương đương với tội bậc trung trong tụ thứ ba của giới tỳ-kheo cần phải sám hối với hai hay ba vị tỳ-kheo hoặc nữ chúng thì sám hối với hai hay ba vị tỳ-kheo-ni, như vậy mới có thể diệt tội. Nếu không đủ số người, không đủ thận trọng thì tội cũng chưa chắc có thể

tiêu trừ. Nếu là phương tiện xa thì có thể sám hối với một người. Nếu không thể tìm được số người nhiều như vậy thì đại sư Hoàng Nhất cũng có cho phép, tức là dùng tâm khẩn thiết để cầu sám hối với một người, đối trước một tỳ-kheo hoặc một tỳ-kheo-ni cũng vẫn có thể diệt tội, nhưng tâm phải chí thành khẩn thiết. Cư sĩ sám hối cũng giống vậy, chiếu theo cách làm như thế.

Ở đây nói: *“Nếu khởi tâm dâm thì phải nghiêm khắc tự trách chính mình”*. Bởi vì khởi lên tâm dâm dục, mặc dù thân thể vẫn chưa tạo tác, nhưng đã là tội phương tiện xa rồi, thuộc về tội bậc hạ, cũng phải đối trước một vị sư phụ cầu sám hối, Sa-di có thể cầu sám hối với sa-di. Cư sĩ thì nhất định phải đối trước một vị sư phụ xuất gia, năm chúng xuất gia đều được. Cư sĩ thì không thể sám hối với cư sĩ để diệt tội được. Giữa cư sĩ thì có thể phát lộ, nhưng không thể sám hối. Sám hối thì nhất định phải ở trước pháp sư. Hôm qua, chúng ta ở đây là ngày tụng giới, cho nên buổi chiều tất cả các pháp sư ở đây đã diệt tội cho cư sĩ. Nếu không diệt tội với pháp sư, thì tội này không thể trừ được, mang theo tội mà tụng giới thì tội lại tăng thêm tội.

Liên quan đến điều này, có người sẽ nhắc đến người xuất gia Nhật Bản, dường như họ cũng đều kết hôn lập gia đình. Cho nên, trước đây thậm chí có người đã đề xướng Phật giáo Trung Quốc cũng nên cải cách học tập Nhật Bản, người xuất gia cũng có thể lập gia đình. Khi ấy lão hòa thượng Hư Vân nghe thấy có người nói như vậy liền nói rằng: Nếu chúng ta thật sự muốn làm như vậy thì tôi lập tức đâm đầu chết cho các người xem. Cho nên, khi ấy Hư lão đã ra sức xoay chuyển tình thế hộ trì giới pháp tỳ-kheo, giới pháp xuất gia của Trung Quốc.

Nhật Bản lại là việc như thế nào vậy? Kỳ thực cũng có rất nhiều chuyện là tin đồn nhảm, người xuất gia Nhật Bản, người xuất gia chân thật cũng không thể kết hôn. Kết hôn rồi thì không thể gọi là người xuất gia được. Vậy lịch sử của chuyện này bắt nguồn từ đâu? Đây là do chùa Bồn Nguyệt thuộc Tịnh độ Chân tông Nhật Bản, họ lưu truyền lại tập tục này. Trên thực tế duyên khởi sớm nhất là, thời ấy Nhật Bản ở trong thời kỳ nhiếp chính của Quan Bạch, thượng nhân Thân Loan, ngài được xem là người đầu tiên, ngài là đệ tử của thượng nhân Pháp Nhiên. Thượng nhân Pháp Nhiên chuyên tu tông Tịnh độ, ngài là đệ tử tư thực của đại sư Thiện Đạo, cũng là một vị đại sư rất có thành tựu. Thượng nhân Thân Loan tuổi trẻ tài cao, thuyết pháp rất giỏi, được triều đình và nhân dân tôn kính, đều rất ngưỡng mộ kính trọng. Lúc ấy Vương Công Quan Bạch nhiếp chính có một người con gái

đem lòng yêu thương nhân Thân Loan, nên lợi dụng quyền lực của cha cô, đã uy hiếp ngài, muốn ngài hoàn tục kết hôn. Lúc ấy, bởi vì sự phụ của thượng nhân Thân Loan là thượng nhân Pháp Nhiên đang dốc sức đề xướng pháp môn Tịnh độ, pháp môn Tịnh độ là dựa vào tha lực để liễu thoát sanh tử, là đạo dễ hành, chỉ cần bạn tin sâu nguyện thiết thì chắc chắn vãng sanh. Quan Bạch thỉnh giáo thượng nhân Pháp Nhiên rằng: “Bây giờ những người tại gia như chúng tôi niệm Phật có phải công đức cũng ngang bằng với những người xuất gia như các thầy không? Cũng tức là nói đều có thể dựa vào Phật lực để vãng sanh Tây Phương, vãng sanh Tây Phương thì liễu thoát sanh tử rồi?” Thượng nhân Pháp Nhiên trả lời: “Đương nhiên, dựa vào Phật lực đều là bình đẳng, đều có thể vãng sanh Tây Phương”. Kết quả Quan Bạch đã nắm lấy câu nói này của thượng nhân Pháp Nhiên và nói rằng: “Nếu xuất gia, tại gia niệm Phật công đức đều giống nhau thì xin thượng nhân hãy lệnh cho cao túc của ngài là thượng nhân Thân Loan kết hôn với con gái của tôi”.

Lúc ấy Quan Bạch là vương công nhiếp chính, quyền lực rất lớn, cho nên thượng nhân Thân Loan cũng vì hộ pháp chỉ còn cách xả giới hoàn tục kết hôn với con gái của Quan Bạch. Sau khi kết hôn, ngài cũng không sống ở ngôi chùa cũ nữa, mà đã xây dựng một nơi ở khác. Bởi vì đã hoàn tục rồi, nhưng vì thượng nhân Thân Loan thuyết pháp rất giỏi, cho nên tín đồ của ngài rất đông, giống như tự lập ra một phái vậy. Trên thực tế, lúc ấy ngài lấy thân phận là một đại cư sĩ, đại đức cư sĩ để thuyết pháp, ngài đã không còn là pháp sư xuất gia nữa, nhưng người đời sau nhìn thấy sự thị hiện này của ngài, cho nên sau này càng truyền càng sai, cho rằng bạn xem người xuất gia đều có thể kết hôn, trên thực tế ngài đã xả giới rồi, xả giới rồi thì đương nhiên không phải là người xuất gia nữa.

Cho nên, không thể nói Nhật Bản thì có thể khai duyên, người xuất gia cũng có thể kết hôn, không có đạo lý đó. Giới luật mà Phật chế định đi đến đâu cũng đều giống nhau. Bạn đã xuất gia rồi thì phải giữ giới xuất gia. Bạn không thể giữ thì hãy hoàn tục, hoàn tục giữ ngũ giới cũng không có gì đáng trách. Đương nhiên người giữ ngũ giới chỉ cần cuối cùng có thể buông bỏ ngũ dục lực trần của thế gian, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì đều có thể vãng sanh. Chỉ cần không làm việc tà dâm, tà dâm thì không được, nhưng trước kia từng hồ đồ tạo ác nghiệp thì bây giờ khẩn thiết sám hối sau không tái phạm nữa.

Căn cứ theo lời thầy truyền giáo chùa Tây Bồn Nguyên ở Kyoto Nhật Bản là ông Philips.Charlie.Edelman đã viết thư cho Phật giáo thế giới tuyên bố rằng: Chân

tông, tức là Tịnh độ Chân tông Nhật Bản không hề có tăng lữ, tỳ-kheo, giáo sĩ. Trong Chân tông này của họ kỳ thực không có tỳ-kheo. Ông nói, thầy truyền giáo của chùa Bồn Nguyễn đều là thầy giảng Phật giáo, không hề tự xưng là tăng nhân. Nói cách khác, người trong chùa Bồn Nguyễn trên thực tế đều là cư sĩ, nên chúng ta không thể nói họ là hòa thượng Nhật Bản được, không phải, họ chính là cư sĩ, họ là cư sĩ có gia đình, không phải người xuất gia. Ông nói: thượng nhân Thân Loan xả bỏ đời sống tăng lữ mà hoàn tục làm cư sĩ, lấy thân phận cư sĩ để truyền giáo, điều quan trọng là thầy truyền giáo của chùa Bồn Nguyễn không phải là tỳ-kheo phá giới kết hôn, không được có cách nghĩ này. Không thể nói họ phá giới, không phải, họ chính là cư sĩ, họ không hề phá giới. Họ không thọ giới tỳ-kheo, không thọ giới sa-di, họ đã xả giới rồi. Cho nên, tỳ-kheo Nhật Bản cũng giống như tỳ-kheo phương Tây, tức là tỳ-kheo nước ngoài, cũng giống như tỳ-kheo Trung Quốc, phải giữ gìn giới của Phật, trụ trì Phật pháp. Do Chân tông tức là Tịnh độ Chân tông Nhật Bản phần lớn bị Phật giáo đồ phương Tây hiểu lầm nên đặc biệt nói rõ việc này.

Bạn xem, đây là người trong nghề đặc biệt làm sáng tỏ cho chúng ta. Cho nên, chúng ta không thể nói hòa thượng Nhật Bản đều có thể kết hôn, vậy chúng ta cũng làm theo thì không có đạo lý này. Đầu tiên là thượng nhân Thân Loan, ngài đã xả giới hoàn tục.

Trong Đại Trí Độ Luận có nói: “Người tu hành vào đạo phải sanh tâm hổ thẹn, trì bát làm phước điền cho chúng sanh thì làm sao có thể phóng túng theo ngũ dục lục trần mà đắm chìm trong ngũ tình cho được? Đã xả bỏ niềm vui ngũ dục, giữ sạch những thứ ấy, không quan tâm đến nữa thì tại sao vẫn còn muốn truy cầu, giống như kẻ ngu si nuốt lại những thứ dơ bẩn đã nhổ ra”. Trong Đại Trí Độ Luận nói: Người xuất gia chúng ta đã vào cửa thánh đạo của Phật pháp là thuộc về hạng người có tâm hổ thẹn, phải biết người có tâm hổ thẹn chính là có thiện căn. Như phía sau “Tỳ-kheo giới bản” của chúng ta viết: “Này chư tỳ-kheo, bản thân vui thích học tập Phật pháp, vui thích làm sa-môn, có tâm hổ thẹn học tập giới luật, thì nên cố gắng học tập”. Người xuất gia chính là vui thích học tập thánh pháp, là một người đầy đủ tâm hổ thẹn. Như đại sư Ấn Quang tự xưng là Thường Tàm Quý Tăng. Tàm quý là gì? Giáo huấn của Phật chúng ta không thể hoàn toàn làm được, thậm chí một chút cũng không làm được, điều này khiến tâm mình cảm thấy rất hổ thẹn. Có tâm này chính là có thiện căn, hạng người này niệm Phật có thể vãng sanh,

không biết hổ thẹn thì không thể vãng sanh. Họ còn cảm thấy bản thân rất chính xác, họ cho rằng phá giới, không như pháp tu hành là điều đương nhiên, dù sao thì ai cũng làm như vậy, tôi cũng làm như vậy nên không sao cả, đây là không biết hổ thẹn, không biết hổ thẹn là người đã đoạn mất thiện căn. Trong Phật pháp có một tên gọi là “nhất-xiển-đề”. Quả báo của nhất-xiển-đề thì chỉ có đọa xuống địa ngục, tức là hết cách cứu rồi. Chúng ta đã xuất gia thì nhất định đều có thiện căn, không có thiện căn thì chắc chắn không thể xuất gia được, cần phải trưởng dưỡng thêm tâm hổ thẹn của chính mình, tức là trưởng dưỡng thiện căn, không nên xuất gia nhiều năm rồi mà ngày càng biến thành kẻ giáo hoạt, việc gì cũng phóng túng không kiêng sợ, cuối cùng ngay đến nhân quả cũng không sợ, người như vậy thì xong rồi, thiện căn đã đứt đoạn.

Người có tâm hổ thẹn thì “trì bát làm phước điền cho chúng sanh”, bạn xem mỗi ngày chúng ta đến trai đường đắp y trì bát, quý cư sĩ cúng dường cho chúng ta, những cơm, thức ăn này làm ra rất vất vả. Chúng ta tiếp nhận những cúng dường này thì bản thân phải có tâm hổ thẹn, nếu không cố gắng tu hành thì làm sao có thể xứng đáng với đàn việt, tín thí được. Bản thân chỉ có cách nghiêm túc tu hành, chí ít phải trì giới, bạn có thể trì giới thì mới có thể làm phước điền của chúng sanh được, cho nên “trì bát làm phước điền cho chúng sanh”. Trì bát này cũng ám chỉ nhất định phải trì giới, bởi vì không dùng bát ăn cơm cũng sẽ phạm tội ở chương thứ năm, ngay đến tội nhỏ ở chương thứ năm cũng không phạm thì mới có thể làm phước điền của chúng sanh được, chúng sanh cúng dường bạn thì họ cũng được phước báo. Nếu trên nền tảng trì giới còn có thể tu định, có thể được tam-muội, có thể khai trí tuệ vô lậu, thành tựu thánh quả, đó càng là phước điền của chúng sanh.

“Làm sao có thể phóng túng theo ngũ dục lục trần”, làm sao có thể phóng túng theo ngũ dục của cảnh trần, chìm đắm trong ngũ tình được chứ? Tức là dùng năm căn để tham nhiễm cảnh giới ngũ trần ở bên ngoài, chìm đắm trong hưởng lạc ngũ dục này thì cũng chính là phạm giới. Ở đây nói đến không dâm dục, người xuất gia là tuyệt đối bị ngăn cấm, đã đi trên con đường giải thoát rồi thì làm sao còn có thể phóng túng tình dục của bản thân được? “Đã xả bỏ niềm vui ngũ dục, giữ sạch những thứ ấy không quan tâm đến nữa”, mọi người đã có thể bỏ nhà xả dục, tất cả vinh hoa phú quý của thế gian, công danh lợi lộc, vợ con, gia sản ruộng vườn, hết thấy đều xả bỏ để xuất gia tu đạo. “Tại sao vẫn còn muốn truy cầu”, vì sao ngược lại bạn còn muốn có những thứ ngũ dục này nữa? “Như kẻ ngu nuốt lại những thứ

dơ bản đã nhỏ ra”, giống như người ngu si tự nhỏ ra những thứ đàm dãi, sau đó lại đem nó nuốt vào, hành vi ngu si như vậy biểu thị điều gì? Bạn đã buông bỏ, vì sao bạn còn muốn có lại nó. Buông bỏ ngũ dục trên cơ bản giống như đàm đã nhỏ ra, không ai muốn nuốt nó lại để ăn nữa, giống như bạn đi đại tiểu tiện vậy, bạn đã bài tiết ra rồi, chẳng lẽ bạn còn muốn lấy nó lại để vào trong bụng sao? Đó chẳng phải là người ngu hay sao?

Nhưng hiện nay chúng ta ưa thích cảnh giới ngũ dục chính là như vậy: *tài, sắc, danh, thực, thù*, bạn không chịu buông bỏ, đó chính là người ngu si như vậy, nhỏ đàm ra rồi còn muốn ăn lại, đại tiểu tiện ra rồi còn muốn để lại vào trong bụng. Cho nên nếu phạm dâm dục, phải biết rằng lửa dâm dục không những thiêu đốt thân thể chúng ta, mà còn thiêu đốt huệ mạng của chúng ta, như vừa rồi nói đến kinh Lăng-nghiêm đã ghi chép chuyện của tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương, đó chính là trong thân thể hiện tại sinh ra lửa. Hiện nay, chúng ta nhìn thấy những nơi có hỏa hoạn, thân thể con người bị lửa thiêu rụi rất đáng sợ, đó chỉ là đời này của họ. Nếu tham đắm dâm dục, lửa dâm dục hùng hực thì sẽ thiêu đốt đời đời kiếp kiếp. Địa ngục giương sắt, địa ngục ôm cột đồng ở trong địa ngục, đó đều là lửa dữ, vì sao con người bị đọa vào địa ngục ôm cột đồng? Chính là vì tâm dâm dục hùng hực. Vào trong địa ngục thấy những cột lửa bị đốt đỏ rực, nhìn chúng thành cô gái đẹp liền chạy lên ôm, vừa ôm thì toàn bộ thân thể bị thiêu rụi, gió lạnh vừa thổi lại tỉnh dậy, lại do nghiệp lực, họ lại nhìn thấy cột lửa đó, cho là mỹ nữ rồi lại đi ôm. Như vậy một ngày một đêm vạn lần chết đi vạn lần sống lại đều không thể giác ngộ, tâm dâm dục quá nặng, nghiệp lực quá mạnh. Căn bản là không thể đề khởi chánh niệm.

Kỳ thực con người chúng ta hiện nay, hãy nghĩ xem, chẳng phải cũng là như vậy sao? Ví dụ nói, bạn xem những hình ảnh dâm dục trên máy tính, sau khi bạn nhìn thấy thì tâm dâm dục khởi lên, thân thể sẽ có phản ứng liền chảy ra những thứ bất tịnh. Chảy ra những thứ bất tịnh đó là tổn hại thân thể. Mỗi lần sẽ giống như bị lửa thiêu đốt vậy, nhiều lần thì cuối cùng toàn bộ quả thận đều bị đốt cháy khô, thận thủy bị cháy khô, thông thường chúng ta gọi đó là thận hư. Họ có biết việc này không tốt không? Biết. Nhưng họ không có cách nào nhẫn nhịn được, vừa gặp cảnh giới này thì họ liền khởi nên những phiền não này, quên mất chánh niệm. Việc này giống như đạo lý chúng sanh địa ngục nhìn thấy cột lửa vậy, cũng nhịn không được, chỉ là trên mức độ thì không khủng khiếp như vậy. Địa ngục thì thân thể lập

tức bị đốt cháy, còn bạn hiện nay thì khiến thân của mình bị đốt khô từng chút một, đốt đến cuối cùng thì khô kiệt hết, hoặc là đoản mạng, hoặc là thân thể suy nhược, việc gì cũng không làm được, đến cuối cùng ôm hận mà chết, đọa vào đường ác, cho nên đây là người ngu si. Thật sự phải thường huân tập đạo lý này, phải luôn luôn đề khởi chánh niệm thì mới có thể tránh được tai họa. Cổ đức nói “vạn ác tâm đứng đầu”, tâm tâm vừa khởi lên thì tất cả ác niệm đều sẽ xuất hiện. Cho nên, chúng ta muốn đoạn trừ ác nghiệp thì trước tiên là đoạn gốc tâm, triệt để trừ bỏ tận gốc niệm tâm này, phải phòng ngừa ngay từ đầu, cho dù là chuyện cực kỳ nhỏ bé cũng có thể khơi gợi tập khí phiền não của chúng ta. Chúng ta phải phòng tránh tai họa từ lúc chưa xảy ra. Như chúng xuất gia chúng ta, nam chúng xuất gia và nữ chúng phải duy trì một khoảng cách nhất định, đặc biệt là tiếp xúc thân thể, không được tùy tiện tiếp xúc với nhau, nữ chúng xuất gia và nam chúng cũng như vậy. Đây là phòng tránh tai họa từ lúc chưa xảy ra. Ở đây xin kể cho mọi người nghe một công án.

Trong kinh Phật có một bộ là kinh Bát Tuế Sa-di Khai Giải Quốc Vương, trong đó chép rằng vua A-dục tin thờ Phật giáo. Lúc đầu, khi ông tin thờ Phật giáo đã gặp phải tai họa ôn dịch, ông đã mời chư tăng đến niệm chú chúc nguyện, hy vọng hóa giải tai nạn. Trong tăng chúng, ngày hôm đó có lẽ cũng là y theo *tăng thứ*¹, liền phái một chú sa-di nhỏ tên là Diệu Nhan mới 8 tuổi, rất nhỏ. Ở đây sa-di nhỏ nhất của chúng ta đều đã 11 tuổi rồi. Bạn xem, chú mới 8 tuổi, còn rất nhỏ; 7 tuổi thì có thể xuất gia rồi, 7 tuổi là chỉ tuổi mù, nghe nói có một chú sa-di tròn 6 tuổi chuẩn bị đến, trên thực tế đó chính là 7 tuổi có thể xuất gia làm sa-di rồi.

Bạn đừng xem thường tuổi nhỏ mà cho rằng không làm gì được, chú sa-di 8 tuổi này đã chứng được thánh quả, đã có thần thông rồi, cho nên chú đến hoàng cung như thế nào vậy? Chú bay vào hoàng cung, từ trên trời bay xuống, kết quả phu nhân, cung nữ trong cung nhìn thấy chú sa-di này từ trên trời bay xuống nên vô cùng kính yêu chú. Bởi vì chú rất nhỏ, cũng rất đáng yêu nên phu nhân liền muốn dùng tay ôm chú, chú sa-di Diệu Nhan liền lập tức đẩy bà ra. Phu nhân nói: “Chú tuổi còn nhỏ như vậy giống như con trai của ta, chúng ta gần một chút thì có sao đâu?” Sa-di Diệu Nhan nói: “Phải biết sự việc là từ chỗ rất nhỏ bé mà sinh ra, giống như một đóm lửa vậy, một đóm lửa rất nhỏ, nó cũng có thể đốt cháy cả cánh

¹ Pháp cúng dường có chia ra tăng thứ và biệt thỉnh. Thích chủ không lựa chọn, chỉ thuận theo thứ tự tăng vị mà cúng dường, gọi là tăng thứ; nếu lựa chọn người nào đó mà mời thỉnh cúng dường riêng thì gọi là biệt thỉnh.

đồng vạ dẫm; một giọt nước cũng có thể xuyên qua đá, cho nên từ ít đến nhiều, từ nhỏ thành to, do đó người có trí tuệ đều vĩnh viễn phòng tránh tai họa từ lúc chưa xảy ra, tránh được hiềm nghi”. Chú sa-di Diệu Nhan này, Diệu Nhan: chúng ta biết chú nhất định là một đứa bé rất đẹp, rất thanh tú, hơn nữa âm thanh của chú vang khắp hoàng cung, lúc đó quốc vương nghe thấy âm thanh này cũng chạy đến xem, vừa thấy lại là âm thanh của một chú sa-di phát ra, nên nói với chú rằng: “Chú nhỏ như vậy, giống như con trai của ta thôi, phu nhân ôm chú một cái thì có vấn đề gì cơ chứ?” Sa-di Diệu Nhan nói rằng: “Thánh nhân thời xưa đã chế định ra nghi thức này đều là phòng ngừa khi chuyện chưa manh nha, cũng chính là để cảnh giác mọi việc từ đầu đến cuối. Bé gái 7 tuổi không ngồi ở giường ghé mà cha ngồi, bé trai 8 tuổi cũng không ngồi ở trong giường của mẹ. Đây chính là phòng ngừa tai họa từ lúc chưa xảy ra”.

Ngoài ra người xưa đã nói “qua ruộng dưa đừng xỏ giày, dưới cây mận không chỉnh mũ”. Đây đều là phòng ngừa hiềm nghi, ở trong ruộng dưa nếu bạn ngồi xuống để xỏ giày, ở đằng xa người ta nhìn thấy sẽ hoài nghi bạn ngồi xuống làm gì đó, có phải muốn ăn trộm dưa không? Dưới cây mận, ở dưới gốc mận đừng chỉnh mũ, tức là chỉnh sửa mũ nón, khi bạn đưa tay lên trên để chỉnh lại mũ nón, người ta sẽ cảm thấy bạn đưa tay ra làm gì vậy, có phải muốn hái mận không, muốn trộm cắp không? Những tiểu tiết nhỏ này chúng ta đều có thể tránh được, như vậy thì đương nhiên những giới lớn tuyệt đối sẽ không phạm.

Cho nên trong giới tỳ-kheo, đương nhiên sa-di cũng phải học thêm giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo quy định một vị tỳ-kheo không được một mình cùng một người nữ cùng ngồi, cùng đứng, cùng nói chuyện ở một nơi kín đáo. Nơi kín đáo tức là người khác không nhìn thấy, bốn phía của nó đều có ngăn vây, chúng ta không thể ở trong đó cho dù bạn không có tâm ô nhiễm, nhưng nó cũng là phạm giới, phạm giới trong chương thứ ba, đây là giới hiềm nghi. Bởi vì người ta không biết các bạn ở đó làm gì nên họ sẽ hiềm nghi. Nếu chúng ta muốn gặp người nữ thì ít nhất phải có thêm một người thứ ba ở cùng, tốt nhất là có thêm một người nam nữa. Nếu mọi người muốn cùng nhau đi chung một con đường để đến nơi đã định trước thì ít nhất phải có một cư sĩ nam, tức là tịnh nhân nam cùng đi, có tỳ-kheo cùng đi cũng không được. Nếu có hai tỳ-kheo muốn đi chung trên một con đường với một cư sĩ nữ thì hai tỳ-kheo ấy đều phạm tội ở chương thứ ba, 100 vị tỳ-kheo đi cùng một cư sĩ nữ thì 100 vị tỳ-kheo đó đều phạm tội ở chương thứ ba, nhưng chỉ cần có một cư

sĩ nam đi cùng thì toàn bộ đều không phạm. Đây là điều mà giới luật đã quy định. Cho nên, nếu ra vào đều có cư sĩ nam đi cùng thì thông thường sẽ không có vấn đề phạm giới.

Tỳ-kheo-ni, sa-di-ni cũng như vậy. Tỳ-kheo-ni đương nhiên không cho phép đi một mình, một mình đi vào thôn xóm, nằm một mình, ngủ một mình, những điều này đều không cho phép, có điều giới quy định bốn điều không được làm một mình. Trên thực tế, những giới pháp này đều là phòng ngừa phạm giới trọng. Nếu giới nhẹ mà bạn không phạm thì chắc chắn giới trọng không thể phạm rồi. Nếu phạm giới nhẹ, tuyến phòng thủ đầu tiên không còn nữa thì phía sau sẽ bắt đầu nguy hiểm, giống như quân địch công phá thành trì của chúng ta vậy. Trước tiên họ phải lợi qua sông bảo vệ thành. Nếu sông bảo vệ thành cũng không qua được thì thành trì của chúng ta rất an toàn. Nếu họ đã đột phá được sông bảo vệ thành, vậy tiếp theo chính là công phá tường thành. Tường thành vừa bị phá thì trực tiếp đánh vào cơ quan đầu não của chúng ta, vậy thì rất dễ dàng phạm trọng tội. Cho nên, tội ở chương thứ ba giống như sông bảo vệ thành ở bên ngoài vậy, thành trì giống như tội ở chương thứ hai, công phá vào cơ quan đầu não vậy thì xong rồi, đó chính là phạm trọng tội, giống như tội chặt đầu vậy.

Cho nên, phải học tập chú sa-di Diệu Nhan, bạn thấy chú nhỏ như vậy mà đã có ý thức rất sâu về giới luật, đương nhiên chú thành tựu thánh nhân rồi, thì chắc chắn không phạm giới, giới nhỏ cũng không phạm. Chú đã khai thị cho quốc vương và phu nhân như vậy. Khi ấy, quốc vương cùng phu nhân và 500 thần tử trong cung nghe được lời chú nói đều cùng chứng được Sơ quả. Bạn xem, bản thân thật sự phải làm được giáo hóa chúng sanh thì chúng sanh liền có thể đạt được lợi ích chân thật.

Nếu tâm dâm dục sanh khởi thì phải đối trị như thế nào? Lúc ấy, khi hòa thượng Thanh Công giảng giới sa-di đã giảng 10 phương pháp đối trị. Đây đều là lời dạy bảo rất hay, chúng ta cũng học tập sơ qua một lần.

Thứ nhất phải tu tâm hổ thẹn. Trong kinh Tập A-hàm, Thế Tôn nói nếu thế gian có hai pháp hổ thẹn, có người có thể tu tập hai loại pháp hổ và thẹn, đây là loại pháp thanh tịnh. Nếu không có hai pháp hổ thẹn thì sẽ làm trái với thánh đạo thanh tịnh, sẽ đi theo hướng sanh lão bệnh tử. Cho nên, nếu người thế gian muốn thành tựu thì nhất định phải tu tâm hổ thẹn, đây là tăng trưởng đạo thanh tịnh, vĩnh viễn đóng chặt cửa sanh tử. Cho nên, pháp hổ thẹn cũng gọi là bạch pháp, chính là thiện pháp, thuộc về thiện tâm sở. Chúng ta thường mang tâm hổ thẹn, làm sao để thường

giữ tâm hồ thẹn đây? Cách tốt nhất là đọc nhiều những tích truyện của cổ thánh tiên hiền, xem những câu chuyện về các cao tăng, xem những khai thị của tổ sư đại đức thì có thể khích lệ tâm đạo của chúng ta, cảm thấy bản thân cách các ngài quá xa mà sanh khởi tâm hồ thẹn sâu sắc, vậy thì bản thân làm sao có thể phóng túng theo những hành vi ác này cho được?

Cách thứ hai là ngừng dứt tư duy tà vạy. Châm dứt những tà niệm, tà tư này. Phàm là những ý niệm không như lý không như pháp thì đều phải dẹp bỏ, không được để những tà niệm này tiếp tục, điều này phải giác ngộ thật nhanh, sức mạnh của chánh niệm phải mạnh.

Thứ ba là quán tâm vô thường. Chúng ta thường phải quán chiếu tâm vọng tưởng này của chúng ta là hư vọng, nó là sát-na sát-na sanh diệt không ngừng, là vô thường. Ví dụ bạn sanh tâm dâm dục. Giả sử bạn nghe nói có một người con gái đẹp như thần tiên nên sanh khởi tâm dâm dục, có người nói: tôi nói cho anh biết cô gái ấy bây giờ đang đợi anh ở căn phòng nào đó trong một khách sạn 5 sao nào đó, cô ấy đang đợi anh đấy, bạn liền chạy như bay đến, bắt taxi nhanh như một cơn gió đến đó; kết quả mở cửa ra, vừa nhìn thì phát hiện đó lại là con gái của bạn, hoặc là em gái của bạn, lúc này tâm dâm dục của bạn đột nhiên không còn nữa. Xin hỏi, một niệm tâm dâm dục hưng hực vừa nảy tại sao bây giờ không còn nữa? Bởi vì cái tâm đó là hư vọng, là vô thường, nó là sát-na sát-na sanh diệt, sau khi diệt rồi thì bạn cũng không tìm lại được, cho nên đừng để những ác niệm hư vọng này mê hoặc.

Cần phải quán chiếu chánh niệm, nếu có thể thường quán chiếu chân tâm bất động của chính mình, chân tâm vốn tự thanh tịnh, vốn không dao động, đây chính là câu “quán tâm là trọng yếu” của đại sư Ngẫu Ích. Pháp quán này là tối thượng thừa, gọi là chân như thực quán. Bậc thấp hơn chính là quán cảnh giới hư vọng đều là do tâm hiện, do thức biến, đều là huyễn hóa không thật, cho nên có thể xả bỏ, xả bỏ những cảnh giới hư vọng này. Việc này là bậc thấp hơn, gọi là “duy tâm thức quán”. Hai loại quán đạo này trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Bồ-tát Địa Tạng đã chỉ dạy tường tận cho chúng ta. Đại sư Ngẫu Ích nói đây là một loại phương tiện đã khái quát tất cả pháp mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói, chính là hai loại quán đạo này. Thông thường mà nói, loại này là những người huân tập giáo lý tương đối sâu thì họ có thể quán tâm như vậy, quán tâm vô thường chính là quán vọng tâm.

Thứ tư là quán tâm chân như, tức là quán chân tâm của chúng ta. Hai loại tâm này, một loại là vọng tâm, một loại là chân tâm, xả bỏ vọng tâm để trở về chân tâm, chân tâm vốn tự thanh tịnh. Cho nên, quán tâm vô thường chính là duy tâm thức quán. Quán tâm chân như chính là chân như thật quán. Vậy chúng ta niệm A-di-đà Phật, kỳ thực đã thâm hợp với hai loại quán đạo này rồi. Bạn có thể buông xuống thế gian, thân tâm thế giới, chính là xả bỏ hư vọng, phải biết câu Phật hiệu này chính là trong chân tâm của ta tạo ra, ta có thể nhất tâm niệm Phật thì chính là niệm chân tâm, cho nên đây chính là hai loại quán đạo hợp lại cùng nhau, có thể thật thà niệm Phật thì đã tu tất cả rồi.

Loại thứ năm nghĩ là người thân, chính là quán hết thấy người già giống như cha mẹ của mình. Quán hết thấy người hơn tuổi giống như anh chị của mình. Quán những người tuổi nhỏ một chút giống như em trai, em gái của mình. Quán những người nhỏ tuổi, thế hệ sau của chúng ta giống như con cái của mình vậy, đối với hết thấy chúng sanh đều có tâm yêu thương thì sẽ không sanh tâm tà ác.

Thứ sáu nghĩ là oan gia, phải biết thâm dục là oan gia lớn, là ma vương lớn của chúng ta. Chúng hại ta đời đời kiếp kiếp rất thâm, là oan gia lớn nhất của ta khiến ta trầm luân trong biển khổ, khiến ta đọa lạc trong tam đồ, thậm chí đọa xuống địa ngục chịu những nỗi thống khổ vô cùng khủng khiếp, giống như lửa thiêu vậy, cho nên phải tích cực buông bỏ tâm thâm dục này.

Trong lịch sử, chúng ta cũng nhìn thấy rất nhiều ví dụ. Vì thâm dục mà tan nhà mất mạng. Như ba nhà Hạ, Thương, Chu, những vị vua trong triều đại cuối cùng đều bị sắc đẹp hại. Vị vua cuối cùng của nhà Hạ chính là Kiệt, Hạ Kiệt, ông sủng ái Muội Hỷ mà mất nước. Vị vua cuối cùng của nhà Thương là Trụ Vương, sủng ái Đát Kỷ, bản thân cuối cùng cũng tự sát, chết ở nơi mình vốn thường mua vui hưởng lạc. Chu U Vương triều nhà Chu là vị vua cuối cùng của nhà Tây Chu, ông sủng ái Bao Tự, cũng khiến nhà Tây Chu diệt vong. Cho nên, hoàng đế trong các triều đại một khi nhiễm phải nữ sắc thì không ai mà không mất mạng mất nước.

Người bình thường thì càng như vậy. Như trước đây chúng tôi có diễn giảng trong luận đàn văn hóa truyền thống đã quen biết với giáo sư Bành Hâm, tiến sĩ Bành Hâm. Ông là một vị tiến sĩ Đông y. Trong buổi diễn giảng, ông đã nói đến một ca bệnh của ông, là một thanh niên 32 tuổi làm kinh doanh rất có năng lực, làm sự nghiệp cũng rất lớn nhưng lại chìm đắm trong nữ sắc, đã bao nuôi rất nhiều tình nhân để buông thả dục vọng, đến cuối cùng thậm chí hư nghiêm trọng, lại biến thành

đột quy. Ba mươi mấy tuổi mà đột quy là điều rất hiếm gặp, thông thường người già mới đột quy. Kết quả, một năm trước khi anh ta chưa bị đột quy, anh ta cảm thấy bản thân mình rất khó chịu, đến bác sĩ Bành khám bệnh. Tiến sĩ Bành bắt mạch cho anh và nói với anh rằng: “Hiện tại anh bị thận hư nghiêm trọng, chỉ có một phương pháp có thể cứu anh, chính là ít nhất một năm không được quan hệ tình dục”. Anh nói: “Tôi không làm được”, phiền não quá nặng, tiến sĩ Bành nhắc nhở anh: “Nếu anh không làm được thì sau này có thể anh sẽ bị đột quy”. Bởi vì thận khí bị thiếu nghiêm trọng. Thận chủ về não, vậy não có vấn đề, đột quy cũng thuộc về bệnh não. Như thông thường, một người phóng túng quá độ thì trí nhớ của họ không tốt, năng lực ghi nhớ kém, tinh thần không tập trung. Đây đều là một loại biểu hiện của thận hư. Bệnh của anh ta thì càng nghiêm trọng hơn; kết quả chưa đến nửa năm, quả nhiên anh ta xuất hiện hiện tượng đột quy, về sau ngày càng nghiêm trọng, cuối cùng chỉ có thể ngồi xe lăn, hiện tượng đột quy chính là từ sáng đến tối giống như kẻ ngốc vậy, sự nghiệp của anh ta đương nhiên xuống dốc không phanh. Những cô gái mà trước đây anh tìm, toàn bộ đều rời bỏ anh, vô cùng đáng thương. Cho nên, bạn xem thâm dục thật sự là oan gia.

Trong Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập có một chương là “kiến văn lục”, nói về câu chuyện có thật mà khi ấy đại sư Ngẫu Ích đã ghi lại. Ở đường Nam Hào thành Cô Tô có một người thường làm quan dưới cỗi âm, người dương làm quan dưới cỗi âm, đại khái cách mấy hôm thì ông sẽ đi trực ban. Trước đây, tiên sinh Chương Thái Viêm là Quốc học đại sư cũng từng làm phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế một thời gian, làm một tháng, chính là buổi tối khi đi làm thì người này sẽ nằm ở đó ngủ đến bất tỉnh nhân sự, đến ngày hôm sau khi trời sắp sáng thì họ mới tỉnh lại, đó là buổi tối họ đi làm việc. Vị quan làm việc dưới cỗi âm này cũng vậy. Kết quả, người hàng xóm gần nhà đều biết ông làm việc này, có người hiếu kỳ liền nói với ông rằng: “Ông có thể dẫn tôi xuống âm phủ xem qua được không?” Người này nói có thể, ông cũng rất có bản lĩnh nói: “Ông chỉ cần nằm yên trong phòng ngủ, bảo người nhà đóng hết cửa lại, tôi có thể dẫn ông theo, sau đó còn có thể đưa ông trở về, không để ông một đi không trở lại đâu”.

Người hàng xóm này liền làm theo lời ông nói, ông nằm trong phòng ngủ, kết quả không bao lâu thì vị quan dưới cỗi âm này đã dắt hồn của ông vào âm phủ, vào trong miếu Thành Hoàng, sau đó nói với ông: “Ông đợi tôi ở dưới cổng đá này một chút, nhất định không được đi lung tung”. Bởi vì ông có công việc nên ông

cắm văn thư vào trong miếu Thành Hoàng. Kết quả, người hàng xóm này đứng ở đó rất lâu mà vị quan đó vẫn chưa ra, thế là liền bắt đầu có chút mệt mỏi, khó chịu, đúng lúc này nhìn thấy có một cỗ xe lớn từ hướng Tây đi về hướng Đông. Trên xe này có bốn cô kỹ nữ, gái bán dâm, còn có hai người đàn ông, trong đó có một cô kỹ nữ trước đây còn có một chút tình cũ với ông, hai bên còn nhận ra nhau. Cô gái này dùng tay vẫy gọi ông nói: “Nào nào, lên xe chúng ta cùng đi”, kết quả ông ngồi lên xe.

Vị quan dưới cũi âm này làm xong công việc từ trong đi ra nhưng không tìm thấy người ở dưới cũi này, trong tâm liền lo lắng đi khắp nơi hỏi người khác. Người ta nói vừa rồi thấy ông lên xe cùng bốn kỹ nữ. Vị quan này biết có chuyện lớn không lành rồi, vậy không về dương gian được rồi, phải làm sao đây? Trước tiên, ông vội vàng trở về dương gian, sau đó đi ra ngoài cửa tìm, thấy có một hộ gia đình, đúng lúc con lợn nái của nhà này sanh được bảy chú lợn con. Vị quan dưới cũi âm này cũng có thiên nhãn, vừa nhìn trong đó có một chú lợn nhỏ, chính là người hàng xóm đó. Cho nên, ông liền cầm con lợn nhỏ đó lên rồi đập xuống đất, đập chết nó, sau đó lập tức đưa hồn phách của người kia trở về thân thể cũ trong phòng ngủ của ông, tức là để ông hoàn dương. Sau đó hỏi ông: “Vừa rồi ông cùng tôi dạo chơi âm phủ cảm thấy thế nào?” Người hàng xóm liền nói: “Ai da! Ông để tôi dưới cũi đá đó, bắt tôi đợi rất lâu, tôi rất buồn chán, kết quả may mà có mấy cô gái xinh đẹp trẻ trung đến tìm tôi, mời tôi lên xe đi ra ngoài cửa, kết quả chúng tôi cùng nhau đi đến một căn phòng, chúng tôi đang ăn uống, đang ăn uống rất vui, kết quả có người đến cướp đồ ăn của tôi, sau đó đánh vào cổ tôi, cú đánh ấy khiến tôi bừng tỉnh, ông bảo còn gì để nói nữa chứ?” Vị quan dưới cũi âm này kể với ông đầu đuôi câu chuyện vừa rồi, ông mới bỗng nhiên tỉnh ngộ, nếu không phải vị quan này cứu ông thì ông thật sự đã đầu thai làm lợn rồi.

Bạn xem, vì sao bốn người nữ, hai người nam kia lại đầu thai làm lợn? Tổng cộng bảy chú lợn, ông là một con trong số đó, sáu người kia gồm bốn nữ hai nam đó đều là tạo nghiệp dâm. Người nữ này là kỹ nữ, đương nhiên nghiệp dâm rất nặng, vẫy gọi người này, trong tâm người này cũng có tâm dâm dục nên đã bị chiêu cảm đến cùng một nơi với cô ta. Nếu không phải vị quan dưới cũi âm này có bản lĩnh có thể cứu ông trở về thì ông thật sự đã vào đường súc sanh rồi, không quay đầu lại được, cho nên bạn nói dâm dục có phải là oan gia lớn hay không?

Vâng, hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 11

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 21/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính. Chúc mọi người buổi chiều tốt lành! Mời để tay xuống.

Chúng ta tiếp tục học tập môn thứ ba là “không dâm dục” ở trong 10 giới. Chúng ta đang nói về “tùy văn thích nghĩa”, giảng đến đoạn cuối rồi. Câu cuối cùng trong đoạn này là: “*Nếu khởi tâm dâm thì phải nghiêm khắc tự trách chính mình*”. Hôm qua chúng tôi đã giới thiệu những phương pháp đối trị tâm dâm rồi, tổng cộng có 10 loại:

“*Thứ nhất là tu tâm hổ thẹn; thứ hai là ngừng dứt tư duy tà vạy; thứ ba là quán tâm vô thường; thứ tư là quán tâm chân như; thứ năm nghĩ là người thân; thứ sáu nghĩ là oan gia*”. Hôm qua giảng đến chỗ này. Tiếp theo nói: *Thứ bảy nghĩ là tôn trưởng*, tức là khi chúng ta đối diện với nữ sắc hoặc người nữ đối diện với người nam đều nên quán tưởng họ là tôn trưởng của chúng ta, cũng tức là quán tưởng hết thấy chúng sanh đều từng là cha mẹ, sư trưởng của chúng ta. Trong “Phạm Võng Bồ-tát Giới” nói: “Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta, đời đời ta được họ sanh ra, cho nên chúng sanh sáu đường đều là cha mẹ ta”. Do đó, khi chúng ta khởi cách nghĩ là cha mẹ, nghĩ là tôn trưởng thì tự nhiên sẽ không khởi tâm dâm dục nữa.

Thứ tám nghĩ là bất tịnh, cũng gọi là quán bất tịnh. Pháp quán này là quán thân thể chúng ta và thân thể của hết thấy chúng sanh đều không thanh tịnh. Pháp quán này vô cùng hiệu quả để đối trị tâm dâm dục. Trong kinh giáo, Phật nói chúng sanh nhiều dục phải tu quán bất tịnh. Vì sao bạn khởi tham dục đối với sắc thân? Là vì bạn ngộ nhận

rằng nó thanh tịnh, nó tốt đẹp, nhưng khi bạn có thể nhìn thấu sắc thân là ô uế không chịu nổi, thối không thể ngửi thì đương nhiên sẽ không khởi tham ái nữa. Hiện nay thời khóa tối mỗi ngày chúng tôi đang giảng “tứ chủng thanh tịnh minh hối trong kinh Lăng-nghiêm”, giảng đến “thanh tịnh minh hối đầu tiên” chính là không dâm dục. Chúng tôi sẽ giới thiệu tường tận về quán bất tịnh. Ở đây chỉ nói sơ lược qua mà thôi. Sau này mọi người có nhân duyên thì có thể nghe giảng giải về “quán bất tịnh” trong thời khóa tối của chúng tôi. Bài giảng giải đó tương đối chi tiết.

Đơn giản mà nói, thân thể của chúng ta bất luận là nam hay nữ, chủng tử ban đầu chính là không thanh tịnh, là tinh cha huyết mẹ hòa hợp lại mà thành, đây là nói trúng đã thụ tinh. Thức thứ tám đi vào trong đây, ôm lấy tinh cha huyết mẹ làm thân thể của mình, căn nguyên đầu tiên này chính là không thanh tịnh. Sau đó trải qua 7 ngày dần dần lớn lên, như vậy 7 ngày, 7 ngày không ngừng biến hóa cho đến 10 tháng thì ra khỏi bào thai, trong thân thể có chứa 36 loại bất tịnh. Trong thời khóa tối thì chúng tôi đã giảng tường tận về 36 loại bất tịnh này rồi. Từ ngoài vào trong đều là bất tịnh, từ lúc sanh ra đến già đến chết, cuối cùng thân thể bị hư hoại, bốc mùi hôi thối, trương lên, nước vàng chảy ra, biến thành thâm tím, thậm chí cuối cùng gió thổi nắng phơi bắt đầu khô quắt mục nát, sau cùng chim thú sẽ ăn thịt của chúng ta, để lại những khúc xương vương vãi. Nếu châm lửa thiêu sạch thì sẽ trở thành một lọ tro cốt. Cho nên, đây là nói con người từ lúc sanh ra đến khi chết đi, từ đầu đến cuối đều không sạch sẽ, thường quán sát như thế thì tâm dâm dục của chúng ta tự nhiên có thể được hàng phục.

Tiếp theo: *Thứ chín là chuyển ý niệm sang niệm Phật*. Điều này đối với người niệm Phật như chúng ta đặc biệt quan trọng. Khi phiền não dâm dục vừa khởi lên thì lập tức phải dùng một câu A-di-đà Phật để đè nó xuống, phải đè thật nhanh, không được để ý niệm phiền não tiếp diễn, phải dùng chánh niệm để thay thế ác niệm. Việc này bình thường chính mình phải dụng công niệm Phật nhiều. Mỗi ngày phải có định khóa, không ngừng luyện tập, công phu Phật hiệu mạnh rồi thì có thể đối trị phiền não, lại cộng thêm sự gia trì của A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là thanh tịnh quang, là giải thoát quang, khi chúng ta niệm Phật thì Phật quang sẽ chiếu vào chúng ta, khiến nghiệp chướng của chúng ta được tiêu trừ, phiền não tự nhiên mất hết, đây là dựa vào tha lực để thành tựu.

Những pháp quán phía trước đều là dựa vào tự lực. Có lúc tự lực có thể không cách nào chống đỡ được sức mạnh phiền não của chúng ta, nhưng dựa vào Phật lực thì có

thể. Trong phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn của kinh Pháp Hoa cũng nói: “*Nếu chúng sanh có nhiều tâm dục mà thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì liền được lìa dục*”. Nếu có chúng sanh tâm dục rất mạnh, rất mãnh liệt. Đương nhiên hiện nay là thời mạt pháp tinh thần bị ô nhiễm rất nghiêm trọng, cho nên trên cơ bản mỗi một người đều có thể nói là “nhiều tâm dục”. Ở thời đại hiện nay, nếu nói người ít tâm dục thì đó nhất định là người tái lai, bởi vì chúng sanh thông thường ở trong một hoàn cảnh lớn như thế này, ở thời đại mạng Internet này mà có thể không bị hoàn cảnh làm ảnh hưởng thì người này không phải người bình thường, nhất định là người tái lai. Cho nên, trong hoàn cảnh lớn hiện nay, mỗi người đều phù hợp với câu “nhiều tâm dục” mà trong phẩm Phổ Môn đã nói, làm sao đây? Nếu bạn thật sự muốn giải thoát khỏi phiền não này, muốn đời này liễu thoát sanh tử, vượt khỏi sáu cõi luân hồi, vãng sanh Tịnh độ thì bạn phải hạ công phu để đối trị tâm dục của mình, niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát*”, đại sư Ấn Quang dạy chúng ta, người niệm Phật mỗi ngày có thể niệm 5.000 câu thánh hiệu Quán Âm Bồ-tát, chuyên giúp chúng ta tiêu nghiệp chướng, đặc biệt là những chúng sanh nhiều tâm dục, nhiều tâm sân giận, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát vô cùng hiệu nghiệm, thật đấy, bản thân vừa khởi phiền não, chỉ cần bạn có thể nhớ ra Quán Thế Âm Bồ-tát, vừa xưng hồng danh thì phiền não lập tức liền biến mất. Đây là bốn nguyên lực của Quán Thế Âm Bồ-tát.

Quán Thế Âm Bồ-tát nhĩ căn viên thông, bất cứ chúng sanh nào trong mười phương pháp giới chỉ cần quy mạng xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, họ ở trong phiền não, cấp nạn, Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ lập tức lần theo âm thanh của họ mà hiện thân đến, khiến chúng sanh này được giải thoát. Bất luận bạn có phiền não gì, chỉ cần vừa niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì lập tức được giải thoát. Đây là một phương pháp tốt. Đương nhiên niệm A-di-đà Phật cũng giống như vậy, cho nên thường niệm A-di-đà Phật, nếu một ngày có thể niệm được 10.000 câu Phật hiệu, chỉ cần có thể kiên trì thì trên cơ bản bạn sẽ không phạm tội rất lớn. Bởi vì khi bạn thật sự sắp phạm tội thì Phật lực của A-di-đà Phật sẽ ngăn cản bạn, không để bạn phạm trọng tội, đây chính là âm thầm gia trì cho bạn, đây là ánh sáng từ bi che chở bạn. Càng hướng hồ một người muốn cầu sanh thế giới Cực Lạc. Trong kinh Thập Vãng Sanh nói A-di-đà Phật sẽ phái 25 vị đại Bồ-tát ngày đêm hộ trì bạn, vị đầu tiên chính là Quán Thế Âm Bồ-tát, vị thứ hai chính là Đại Thế Chí Bồ-tát, hai vị này đều là đại Bồ-tát rất cừ khôi.

Quán Thế Âm Bồ-tát đã thành Phật từ vô lượng kiếp trước rồi, ngay đến Thích-ca Mâu-ni Phật cũng là đệ tử của ngài. Đại Thế Chí Bồ-tát đời đời kiếp kiếp đều cùng tu hành với Quán Thế Âm Bồ-tát, cho nên cơ bản cũng giống như thân phận của Quán Thế Âm Bồ-tát. Đại Thế Chí Bồ-tát vừa nhắc chân lên, rồi đặt xuống đất thì mười phương thế giới đều chấn động, lập tức hiện ra 500 đóa hoa sen, trong hoa sen hiện ra thế giới Cực Lạc. Bạn xem, sức thần thông rộng lớn này không ai sánh được. Còn có Phổ Hiền Bồ-tát, tổng cộng có 25 vị Bồ-tát ngày đêm bảo vệ bạn, cho nên dù chúng ta ở nơi kín đáo không người, không ai nhìn thấy, bạn cũng đừng cho rằng dường như thần không biết quỷ không hay, làm chuyện xấu không ai biết được, đó là dối mình gạt người, Phật Bồ-tát đều thấy rất rõ ràng. Bạn thật sự muốn cầu vãng sanh thì Phật Bồ-tát sẽ thật sự bảo vệ bạn, dù phiền não của bạn đột nhiên hiện hành, thì sẽ khiến bạn lập tức sanh tâm hổ thẹn, sanh tâm sám hối, lập tức có thể quay đầu, không đến nỗi trở thành lỗi lớn. Đây là dựa vào sức mạnh của Phật Bồ-tát.

Thứ mười là “quán tưởng hết thấy chúng sanh đều cùng một Phật tánh”. Trong kinh Viên Giác nói: “Hết thấy chúng sanh vốn dĩ thành Phật”. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thấy chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai”. Trong kinh Niết-bàn nói: “Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh”. Nếu đều có Phật tánh thì đương nhiên đều sẽ làm Phật. Quán sát như thế, vậy thì khi ta đối diện với sắc đẹp, trên thực tế cô ấy vốn dĩ sẽ thành Phật, đối diện với một vị Phật, bạn dám vô lễ với cô ấy sao? Bạn dám khinh thường vị Phật này sao? Quán tưởng đối phương là Phật thì tự nhiên không dám khởi ác niệm nữa. Bởi vì nếu khởi ác niệm với Phật Bồ-tát thì quả báo đều ở địa ngục A-tỳ. Bởi vì cảnh giới mà bạn đối mặt quá thù thắng, nên dù khởi một chút ác niệm thì quả báo đều vô cùng thâm trọng.

Như trong kinh Địa Tạng nói, nếu có người đối với Bồ-tát Địa Tạng chỉ cần sanh khởi một niệm hủy báng, miệng họ chưa nói ra, vẫn chưa nói ra lời hủy báng, chỉ là sanh khởi một niệm, khởi một niệm hủy báng như vậy thì đọa địa ngục Vô Gián ngàn vạn ức kiếp không có ngày mong thoát khỏi. Đương nhiên Phật và Bồ-tát Địa Tạng không hề khác nhau, cho nên chúng ta đối diện với cảnh giới thù thắng như vậy thì làm sao còn dám tùy tiện khởi lên những ý niệm xấu ác được chứ? Cho nên, thường quán sát hết thấy chúng sanh vốn dĩ là Phật, họ quả thực là Phật, họ không hề khác biệt với A-di-đà Phật, với Thích-ca Mâu-ni Phật, với Địa Tạng Bồ-tát. Hiện nay họ chính là Phật, không thể nói họ vốn dĩ là Phật nhưng hiện nay đã biến thành không phải Phật nữa rồi, mà hiện nay là một chúng sanh, không có cách nói này. Kinh Hoa

Nghiêm không nói như vậy, kinh Niết-bàn cũng không nói như vậy, kinh Viên Giác cũng không nói như vậy, mà đều nói vốn dĩ chính là Phật, hiện nay đã có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, không phải nói tương lai khi nào họ thành Phật thì mới có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, không phải vậy. Hiện nay đã có rồi, đầy đủ trí tuệ của Như Lai, đầy đủ tướng hảo của Như Lai. Vì sao bạn không nhìn thấy? Đó là do bạn có vọng tưởng, chấp trước nên không thể chứng đắc. Bản thân bạn vừa buông bỏ vọng tưởng, chấp trước thì bạn liền chứng đắc, trước đây khi đối diện, bạn cho rằng là một cô gái đẹp, nhưng họ chính là một vị Phật, họ thị hiện cho bạn xem.

Giống như câu chuyện Quán Âm cầm giỏ cá vậy, Bồ-tát Quán Âm biến thành một cô gái đẹp cầm giỏ cá đi hóa độ chúng sanh trong một làng chài. Thôn làng này của họ lấy việc đánh cá để mưu sinh, sát nghiệp rất nặng, cho nên Bồ-tát Quán Âm đến cứu họ. Cứu họ thế nào? Mọi người vừa thấy một cô gái xinh đẹp như vậy đến, ai cũng muốn cưới cô làm vợ. Cô gái này nói: tôi chỉ có thể gả cho một người, các vị nhiều như vậy thì ngày mai nếu ai có thể đọc thuộc Tâm Kinh thì tôi sẽ gả cho người ấy. Buổi tối hôm ấy mọi người thức thâu đêm ra sức để đọc thuộc Tâm Kinh. Kết quả sáng hôm sau rất nhiều người đều đọc thuộc, “không được, tôi chỉ có thể gả cho một người thôi, như vậy đi”, cô lại lấy ra phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn, “các vị ai thuộc trước thì tôi sẽ gả cho người ấy”. Cho nên, ngày hôm sau lại có mấy người học thuộc được. “Không được, vẫn phải chọn tiếp”, cô liền lấy ra một bộ kinh Pháp Hoa “xem các vị ai thuộc trước”, kết quả có một người tên là Mã Lang, anh đã học thuộc toàn bộ kinh Pháp Hoa. Làm như vậy thì người trong cả thôn đều đi đọc kinh, kết quả Mã Lang là người đầu tiên đọc thuộc kinh Pháp Hoa. Anh liền đón người con gái này vào phòng cưới. Kết quả, vừa vào phòng cưới thì cô gái này liền chết, mọi người cảm thấy rất thương tiếc, và đã mai táng cô. Sau đó không lâu có một người xuất gia đi qua nơi đây, nghe họ kể câu chuyện này thì bật cười ha ha: “Các vị biết không, là Quán Thế Âm Bồ-tát đến độ các vị đó. Không tin thì các vị đi xem xem, trong quan tài đó còn có người không”. Mọi người mở quan tài ra thì phát hiện thật sự không có người, chỉ còn lại một chiếc giày thêu hoa.

Quán Thế Âm Bồ-tát nên dùng thân cô gái đẹp để độ, thì liền hiện thân cô gái đẹp để thuyết pháp. Nếu bạn có thể quán tưởng như vậy, đối diện với cô gái đẹp này mà nghĩ chính là Quán Thế Âm Bồ-tát thì đảm bảo sẽ không dám có tâm dâm này nữa, có thật không? Thật! Quán Thế Âm Bồ-tát có thể tùy loại mà hóa thân, có thể tùy theo tâm phiền não của chúng sanh mà hướng dẫn họ quay về Bồ-đề. Đây thật sự gọi

là hằng thuận chúng sanh, cho nên bạn có thể quán như vậy thì Quán Thế Âm Bồ-tát thật sự đang hóa hiện trước mặt bạn rồi.

Đây là mười pháp quán. Mười pháp quán này có thể dùng cùng nhau, cũng có thể dùng một pháp hoặc hai pháp trong đó, hoặc nhiều pháp đều được. Phương pháp nào dễ dùng thì bạn dùng phương pháp đó, bất luận là mèo đen hay mèo trắng, hễ bắt được chuột chính là mèo hay. Bất luận phương pháp nào có thể giúp bạn đối trị được dâm dục thì chính là phương pháp hay. Chọn được phương pháp rồi còn phải huân tập nhiều lần, phải gia tăng sức mạnh này. Tốt nhất không nên thường thay đổi phương pháp. Hôm nay thử phương pháp này, ngày mai thử phương pháp khác, phương pháp nào cũng thử qua, kết quả chẳng có phương pháp nào đắc lực, như vậy không được. Bạn phải tu chắc một loại, gọi là nhất môn thâm nhập. Thường xuyên huân tập phương pháp này thì nó sẽ có sức mạnh, nó có thể đối trị phiền não.

Tiếp theo, chúng tôi nói đến khoa lớn thứ ba là “cụ duyên thành phạm”, phạm điều giới này phải đầy đủ mấy loại duyên thì sẽ cấu thành phạm tội. Ở đây chia làm hai phương diện để nói, một loại là tự nguyện hành dâm, một loại là cưỡng dâm. Tự nguyện hành dâm tức là bản thân chủ động muốn hành dâm, cưỡng dâm tức là bị ép buộc, không phải bản thân muốn chủ động.

Tự nguyện hành dâm có đủ bốn duyên thì cấu thành phạm tội. Thứ nhất là “*thị chánh cảnh*”, chính là cảnh giới đối diện, là cảnh giới dâm dục chính thức. Trên luật nói nam hai vị trí, nữ ba vị trí. Nam chính là đường đại tiện, đường miệng. Nữ là đường đại tiện, đường miệng, còn có đường tiểu tiện. Đường tiểu tiện chính là âm đạo. Đối trước cảnh giới hành dâm chính thức này mà làm việc hành dâm thì thuộc về loại duyên thứ nhất.

Duyên thứ hai là “*khởi tâm ô nhiễm*”, sanh khởi tâm ô nhiễm. Việc này phải phân biệt rõ, không phải là ngủ, nếu bản thân ngủ say căn bản không biết đã xảy ra chuyện gì thì đương nhiên không phạm, bởi vì không có tâm dâm dục. Nếu tỉnh táo, tâm cũng không bị cuồng loạn mà rất rõ ràng, khởi lên tâm ô nhiễm này rồi tạo tác hành vi ô nhiễm thì sẽ phạm giới.

Thứ ba là “*dùng phương tiện*”, phương tiện này có ba loại từ xa đến gần. Loại thứ nhất là phương tiện xa. Khi bản thân sanh khởi tâm ô nhiễm thì đã phạm luật rồi, phạm tội phương tiện xa, thuộc về tội bậc hạ. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni là thuộc về tội ở chương thứ năm. Lúc này nếu hối hận, nghĩ rằng mình là người đã thọ giới rồi, là

một người xuất gia, làm sao có thể khởi tâm dâm dục này được chứ? Lập tức tự trách sám hối, việc này có thể ở trước Phật đánh lễ ba lạy, quỳ xuống chấp tay lại đối trước tượng Phật Bồ-tát tự xưng pháp danh, sau đó nói: “Con phạm tội bậc hạ khởi tâm dâm, nay tự trách tâm mà sám hối lỗi lầm”. Nói một lần thì được rồi, đây là sám hối tội phương tiện xa, trách tâm sám hối.

Nếu sanh khởi tâm ô nhiễm mà bản thân không kiểm soát được, thân bắt đầu có hành động. Ví dụ bắt đầu đến chỗ của đối phương, vừa bước đi là đã phạm phương tiện thứ rồi. Phương tiện thứ thì không thể trách tâm sám hối được, chỉ ít phải đối thú sám hối với một vị pháp sư, phương tiện thứ này bao gồm toàn bộ các việc như đi đến chỗ của đối phương, nhìn thấy đối phương, sau đó nói những lời không thanh tịnh v.v., đây đều thuộc về phương tiện thứ, tội đã nặng hơn phương tiện xa rồi, ở đây thân khẩu đã tạo tác.

Nếu vẫn chưa quay đầu, tâm ô nhiễm tiếp tục tăng thêm, thân thể xúc chạm với nhau rồi, ví dụ ôm nhau, trong miệng tiếp tục nói những lời không thanh tịnh, cho đến trước khi hai căn của đôi bên chưa hòa hợp thì đây đều thuộc về tội phương tiện gần, thuộc về tội bậc trung. Phương tiện thứ ở phía trước thì có thể đối thú sám hối tội bậc hạ. Nếu phương tiện gần ở trong giới tỳ-kheo thì thuộc về tội bậc thượng trong tứ thứ ba, sám hối với một người là không đủ, việc này phải sám hối ở trong tăng, có bốn vị tăng trở lên để sám hối thanh tịnh như pháp.

Phương tiện thứ ở phía trước thì xem mức độ, mức độ nhẹ thì sám hối với một người, mức độ tương đối nặng thì phải sám hối với hai hoặc ba vị pháp sư. Phương tiện gần thì phải sám hối với bốn người trở lên. Nếu đã giao hợp rồi, chạm vào bằng đầu sợi lông thì phạm trọng tội. Vừa rồi nói đến “dùng phương tiện” trước khi vẫn chưa hòa hợp thì đều là tội phương tiện. Đến duyên thành tựu thứ tư là “*dữ cảnh hợp*”, đây là phạm trọng tội căn bản. Phạm trọng tội thì mất giới thể. Phương pháp phán tội này bất luận là giới xuất gia hay là giới tại gia đều giống nhau. Ngũ giới, bát giới, Bồ-tát giới, giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni, giới sa-di, cách phán tội đều giống nhau. Căn cứ theo luật Thanh văn mà nói, vừa mất giới thể thì không thể sám hối, muốn thọ tiếp bất cứ giới nào khác cũng đều không đắc giới, đây gọi là phạm biên tội, giống như thi thể bị vứt bỏ ở bờ biển lớn vậy, không thể vào trong biển lớn Phật pháp được. Ở đây chúng tôi trích dẫn một câu chuyện ở trong “Ngũ Giới Tướng Kinh Tiên Yếu Tập Chú” do luật sư Quảng Hóa giảng giải để hiểu rõ về quá trình phán tội. Câu chuyện này cũng rất có ý nghĩa, rất có tác dụng cảnh tỉnh chúng ta.

Câu chuyện này kể vào cuối thời nhà Thanh có một cử nhân, người thi đỗ cử nhân, anh muốn lên kinh để thi tiến sĩ. Đứng đầu tiến sĩ chính là trạng nguyên, bảng thông báo tiến sĩ thông thường sẽ công bố vào mùa xuân, cũng tức là khoa thi sẽ diễn ra sau Tết, sau đó mùa xuân sẽ công bố. Người ở nơi tương đối xa thì mùa đông đã phải lên đường vào kinh để đi thi. Kết quả anh cử nhân này đi trên đường, mùa đông ở phương Bắc đều có tuyết rơi, kết quả trên đường gặp phải tuyết lớn, đường xá đều bị phủ kín. Anh cử nhân này chỉ còn cách ở lại trong một nhà trọ. Bà chủ nhà trọ này là một quả phụ trẻ tuổi, chồng vừa qua đời không bao lâu. Bản thân anh cử nhân này chỉ dự định ở lại nhà trọ mấy ngày rồi sẽ lên đường. Kết quả, tuyết lớn rơi liên tục không ngớt, đường xá đều bị chặn hết, chỉ còn cách ở lại trong nhà trọ này.

Sau đó, từng ngày từng ngày qua đi, cô nam quả nữ ở trong nhà trọ này lâu ngày sinh tình cảm, vậy là anh cử nhân này động ý niệm dâm, vừa động ý niệm này thì đã phạm tội phương tiện xa rồi. Kết quả, động ý niệm rồi thì người nam này liền bắt đầu đi đến phòng của người nữ. Trước khi gõ tay gõ cửa thì đột nhiên khởi chánh niệm, nghĩ rằng: “Không được, ta lần này lên kinh đi thi, đều có trời đất quỷ thần giám sát, ta làm vậy là đã phạm việc âm đức rồi, cho dù vốn dĩ có thể thi đỗ thì thiên đình cũng sẽ xóa bỏ công danh của ta”.

Người đọc sách thời xưa đều hiểu báo ứng nhân quả, đều đã đọc Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, biết rằng *“họa phước không cửa vào, do người tự cảm đến, việc báo ứng thiện ác, như bóng đi theo hình”*. Đặc biệt là phạm giới dâm, bị ông trời trừng phạt là thâm trọng nhất, vốn dĩ có công danh nhưng lập tức sẽ bị xóa bỏ. Cho nên, người đọc sách thời xưa đều biết, đến trường thi để thi, trước tiên quan coi thi sẽ sai người gõ một hồi chiêng lớn tiếng kêu rằng: “Có thù đến báo thù, có oán đến báo oán”, đánh xong một hồi chiêng, sau đó đóng cửa lớn lại, cử nhân sẽ ở trong đó viết bài thi từ sáng đến tối. Nếu thiếu âm đức, đã từng làm những việc trái với lương tâm thì lúc này năng lực tư duy của họ sẽ bị bít kín, không viết ra được, thậm chí viết xong bài thi rồi cũng không thấy nữa, trường hợp nào cũng sẽ xảy ra.

Cho nên, anh cử nhân biết không được làm việc này, do đó vừa muốn gõ cửa liền lập tức quay người trở về phòng mình, nhưng anh đã phạm tội phương tiện thứ rồi, bởi vì anh đã di chuyển thân thể đi đến phòng của đối phương.

Người quả phụ trẻ này ở bên đó cũng khởi niệm dâm, cô cũng như vậy, đi đến phòng của anh cử nhân, trước khi chưa gõ cửa, cô lại nghĩ: “Minh nên vì chồng mình mà thủ tiết, nếu có thể thủ tiết thì trời đất quỷ thần đều kính trọng”. Phụ nữ thời xưa đều

học qua nữ đức, đều biết giữ tiết hạnh là sẽ khiến quỷ thần khâm phục tôn kính. Nếu phạm dâm thì tương lai đều sẽ đọa địa ngục, sẽ vào địa ngục giường sắt. Ở dưới giường sắt đều là lửa đốt cháy đỏ rực, thiêu đốt người tội này. Người nam thì phải đọa địa ngục ôm cột đồng, ôm cột lửa cháy đỏ rực, nghiệp của mình sẽ chiêu cảm khổ báo ở địa ngục này. Cho nên, người quả phụ này nghĩ đến lúc đó thì niệm dâm liền không còn nữa, quay trở về phòng mình.

Hai người này đều phạm tội phương tiện thứ. Kết quả, đến cuối cùng hai người họ vẫn không không chế được bản thân, hai người bị lửa dục thiêu đốt rồi ôm lấy nhau, trước khi vẫn chưa hòa hợp là đã phạm tội phương tiện gần rồi. Kết quả, khi họ đang ôm nhau thì đột nhiên trên không trung có một âm thanh cất lên, rất có ý nghĩa, nói gì vậy? Nói rằng: “Hai tên khốn các ngươi, muốn làm rồi lại không làm, gạch xóa nát như hết sổ công đức của ta”. Đây là thần linh trên trời đang ở đó làm việc, công danh vốn dĩ đã bị xóa bỏ, nhưng họ vừa chuyển ý niệm thì lại điền tên họ lên, điền vào rồi lại gạch đi, cho nên thiên thần cũng không kiên nhẫn được nữa, câu chuyện này rất có ý nghĩa.

Cho nên có thể thấy trong kinh Vô Lượng Thọ nói “thần minh nhất định sẽ ghi chép lại”, tức là trên trời thật sự có thần minh ghi chép lại những tội ác mà con người đã phạm, một chút một xíu cũng phải ghi lại, không hề để sót. “Mắt thần như điện”, có thể nhìn thấy con người vô cùng rõ ràng. Thần linh đều có thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông, cho nên chúng ta không có cách nào che giấu thần linh. Người phạm giới, người tạo ác đều là ngu si, hồ đồ, biết rõ trên đầu ba thước có thần minh, bạn còn dám phạm tội ác không? Đây là nói đến tự nguyện hành dâm, có đầy đủ bốn duyên thì cấu thành phạm tội.

Tiếp theo là cưỡng dâm có đầy đủ bốn duyên thì cấu thành phạm tội, tức là bị cưỡng bức, không phải tự nguyện, nhưng cũng có thể sẽ phạm trọng tội. Giả sử đầy đủ bốn loại duyên, tức là bốn loại điều kiện thì vẫn sẽ phạm trọng tội. Thứ nhất là “*thị chánh cảnh*”, chỗ này giống với trường hợp tự nguyện hành dâm ở phía trước. Việc này bất luận là mình hay người, bất luận là bản thân đối với cảnh giới của họ hay là người khác đối với cảnh giới của mình, bị người khác bức ép, đây là điều kiện đầu tiên. Thứ hai là “*bị oan gia cưỡng bức*”, là bị oan gia ép buộc. Bản thân bạn không có tâm này, mà bị cưỡng chế giữ chặt không làm sao được. Thứ ba là “*dĩ cảnh hợp*”, là đối với cảnh giới hòa hợp, tức là hai vị trí của người nam, ba vị trí của người nữ.

Thứ tư là “*thọ lạc*”, sẽ phạm trọng tội, giả sử bản thân cảm nhận được khoái lạc thì sẽ phạm, giống với trường hợp tự nguyện hành dâm vậy. Cảm giác thọ lạc này trên luật phán là “như đói được ăn, như khát được uống”. Giống như người đói được đồ ăn, như người khát được đồ uống vậy, đây là thọ lạc. Bất luận là ở giai đoạn bắt đầu hành dâm, đang hành dâm, hành dâm xong, chỉ cần trong chốc lát có tâm thọ lạc thì sẽ phạm trọng tội.

Trường hợp không thọ lạc là như thế nào? Giống như người ưa sạch sẽ bị các thứ như xác chết, rân chết quăn vào cổ vậy, bản thân cảm thấy rất đau khổ, hận là không thể nhanh chóng trốn chạy; lại giống như sắt nóng đâm vào người, chỉ có khổ không có vui, trường hợp này thì không phạm. Trong Tam Đại Bộ của luật tổ Đạo Tuyên có nói trường hợp nếu bị cưỡng dâm thì làm sao có thể phòng ngừa tâm mình có thọ lạc, có thể cắn ngón tay của mình, ra sức để cắn, cắn thật đau, dùng sự đau đớn như vậy để kìm nén tâm thọ lạc của mình. Như vậy thì có thể hộ trì được giới thể của mình. Đây là nói đến các trường hợp “cụ duyên thành phạm”.

Thứ tư là “phạm dâm xử đoạn”, phạm điều giới dâm dục này thì xử lý phán đoán như thế nào. Thứ nhất là “*vào đường dâm*”, nữ ba vị trí, nam hai vị trí, chạm vào bằng đầu sợi lông thì phạm trọng tội bậc thượng không thể sám hối, cũng chính là mất giới thể. Thứ hai là “*hai thân hòa hợp nhưng dừng lại không hành dâm nữa*”, phía trước nói là thuộc tội phương tiện, là tội phương tiện gần bậc trung có thể sám hối. Thứ ba “*đường dâm không chính thức*”, tức là không phải vào đường dâm chính thức, mà ví dụ như đùi, dưới nách những vị trí này thuộc về phi đạo, không phải đường dâm chính thức, cũng phạm vào tội đẳng lưu bậc trung có thể sám hối, không phạm vào trọng tội. Thứ tư là “*khởi tâm dâm dục nhưng chưa hành dâm*”. Điều này vừa rồi đã nói đến, khởi tâm dâm chính là phương tiện xa bậc hạ, có thể tự trách tâm mà sám hối. Nếu thân nghiệp có tạo tác, thậm chí vừa bước chân muốn đến chỗ đối phương thì đây chính là phương tiện thứ, thuộc về tội bậc hạ có thể sám hối, bản thân phải nghiêm khắc quả trách chính mình, ta là một người tu đạo, làm sao còn có thể làm ra những việc dơ bẩn ô uế như vậy được? Đây là “phạm dâm xử đoạn”.

Tiếp theo khoa thứ năm “*tiêu cảnh tưởng*”, là chuyển cách nghĩ trước cảnh giới. Thứ nhất “*đường dâm và nghĩ là đường dâm*”, “*đường dâm nhưng nghĩ có phải đường dâm không*”, “*đường dâm và nghĩ không phải đường dâm*”. Ba trường hợp này có nghĩa như thế nào? Tức là bạn đối trước đường dâm chính thức, nam hai vị trí, nữ ba vị trí. Nếu bạn nghĩ là đường dâm, nghĩ rằng nó là đường dâm chính thức, hoặc “nghĩ

có phải đường dâm không”, bạn cảm thấy: có phải không? Có hoài nghi, không chắc chắn lắm; hoặc “nghĩ không phải đường dâm”, cảm thấy đó không phải là đường dâm chính thức. Sau đó, bất luận bạn nghĩ như thế nào, chỉ cần đưa vào bằng đầu sợi lông thì phạm trọng tội bậc thượng không thể sám hối. Điều này không giống với hai giới sát sanh và trộm cướp phía trước. Nếu giết người, “người và nghĩ là người”, như vậy rồi giết thì phạm trọng tội, nhưng “người nhưng nghĩ có phải người không”, họ là người phải không? Sau đó giết họ thì không phạm trọng tội căn bản. Hoặc “người nhưng nghĩ là phi nhân”, nghĩ họ không phải là người, rồi một dao giết chết họ, việc này chỉ phạm vào tội bậc trung có thể sám hối. Trộm cướp cũng như vậy “trộm vật của người và nghĩ là vật của người”, tức nghĩ là vật có chủ như vậy mới phạm trọng tội. Nếu nghĩ là vật không có chủ thì không phạm. Hoặc “nghĩ là vật có chủ”, vật này có chủ phải không? Trộm như vậy thì đều không phạm tội căn bản, mà chỉ phạm tội bậc trung.

Song giới dâm thì khác, giới dâm thì bất luận bạn chuyển cách nghĩ như thế nào, chỉ cần là đường dâm, rồi đưa vào bằng đầu sợi lông thì chính là phạm. Hơn nữa trên luật phán, bất luận có ngăn cách hay không ngăn cách, tức là bản thân có ngăn cách bằng các loại như quần áo đồ vật, bao cao su, hoặc đối phương có những vật ngăn cách khác, bản thân có ngăn cách, đối phương cũng có ngăn cách mà quan hệ thì vẫn phạm trọng tội như vậy. Giới này không tính đến việc chuyển suy nghĩ. Dù bạn “nghĩ không phải đường dâm” thì vẫn phạm trọng tội. Tiếp theo, “không phải đường dâm mà nghĩ là đường dâm”, tức là quan hệ ở đường dâm không chính thức nhưng bản thân lại nghĩ là đường dâm, hoặc hoài nghi có phải đường dâm không, hoặc nghĩ không phải đường dâm. Những việc này đều phạm tội bậc trung có thể sám hối. Hiện nay, giả sử có vấn đề thủ dâm là thuộc về loại này. Ví dụ có người phiền não rất mãnh liệt, đối trước tấm ảnh của một cô gái đẹp liền sanh khởi tâm dâm, sau đó bạn liền khởi lên suy nghĩ này, nhưng đương nhiên bạn tự mình làm, không hề làm hành vi này cùng đối phương, việc này là thuộc “không phải đường dâm” nhưng “nghĩ là đường dâm”, hoặc “nghĩ có phải đường dâm không”, loại này đều phạm tội bậc trung. Trong giới tỳ-kheo là phạm tội ở chương thứ hai, vô cùng nặng.

Tiếp theo chúng ta xem khoa lớn thứ sáu là “minh khai duyên”, ở những trường hợp nào thì có thể khai duyên, không phạm điều giới này, chính là bị oan gia bắt giữ, như sắt nóng đâm vào thân, chỉ khổ không có vui, lúc này thì không phạm, phía trước đã giảng qua rồi. Việc này là từ đầu đến cuối thật sự đều cảm thấy vô cùng thống khổ,

không hề có chút cảm thọ khoái lạc nào, như vậy thì mới có thể không phạm. Hơi có một chút tâm thọ lạc thì liền phạm trọng tội, cho nên nếu thật sự gặp phải trường hợp này, thật sự là nghiệp chướng rất lớn, nếu lúc đó bạn có thể niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, việc này thuộc về cấp nạn khủng bố, “nạn phạm hạnh”, lúc này chỉ có thể niệm một tiếng Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát lập tức tìm theo âm thanh giúp người ấy được giải thoát, quả thực vô cùng thù thắng, chỉ sợ bạn quên niệm Phật Bồ-tát thôi. Cho nên, bình thường phải rèn luyện thói quen niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, thường niệm Phật thì rất nhiều nghiệp chướng, rất nhiều nạn duyên như vậy sẽ tự động được hóa giải, hóa giải một cách vô hình.

Tiếp theo còn có một khai duyên, tức là bản thân ngủ say không hay biết, ngủ giống như người chết vậy, không biết gì hết thì đương nhiên cũng không phạm, bởi vì bản thân không có tâm thọ lạc đó. Còn một loại nữa là “tâm cuồng loạn”, tâm si cuồng, tán loạn, bị bệnh, giống như trường hợp đã nói ở phần trước. Ví dụ nhìn thấy phân liền nhặt lấy, nhìn thấy lửa thì xem nó như vàng rồi nhặt. Loại này là hoàn toàn đã mất đi bản tâm, bệnh thần kinh nghiêm trọng phát tác, lúc này phạm thì họ không biết mình là một sa-di, hoặc tỳ-kheo, hoặc là một người đã thọ giới, như vậy thì không phạm.

Tiếp theo nói “dị thực quả báo”, phạm giới và giữ giới sẽ có quả báo gì? Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Tội tà dâm sẽ khiến chúng sanh堕 vào ba đường ác, sanh vào cõi người thì bị hai loại quả báo: một là người vợ không trinh khiết, hai là không được quyến thuộc như mong muốn”. Phẩm thứ hai của kinh Hoa Nghiêm nói tội tà dâm cũng sẽ khiến chúng sanh堕 vào ba đường ác để chịu khổ. Nếu chịu xong khổ ở ba đường, rồi sanh vào cõi người còn có hai loại dư báo, hai loại dư báo gì vậy? Thứ nhất vợ không trinh khiết, người vợ lấy về đều không trinh khiết, không thiện lương, tức là có ngoại tình, việc này do bản thân chiêu cảm lấy. Thứ hai là không được quyến thuộc như mong muốn, không thể có được quyến thuộc hòa hợp như tâm bạn mong muốn. Do đó, nếu quyến thuộc tranh chấp bất hòa thì trước tiên bản thân phải sám hối tội nghiệp nhiều hơn, chắc chắn trước đây trong đời quá khứ có nghiệp bất thiện, đây là một loại, tà dâm là một loại, còn một loại, phía sau sẽ nói đến nói lời ly gián, làm rối loạn người khác, khiến người ta bất hòa, bản thân cũng chiêu cảm lấy gia đình không hòa hợp.

Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói cho chúng ta biết: Nếu lìa xa tà hạnh thì được bốn loại lợi ích mà người trí tuệ khen ngợi. Bốn lợi ích gì vậy? Thứ nhất “các

căn điều thuận”, thứ hai “vĩnh viễn lìa xa huyền não, xao động bất an”, thứ ba “được người đời khen ngợi”, thứ tư “vợ không bị xâm phạm”.

Các căn điều thuận là nói sáu căn của chúng ta sẽ điều phối vô cùng hòa thuận, tứ đại điều hòa, thân thể khỏe mạnh, các bệnh không sanh, khí huyết sung mãn, lợi ích này là do lìa xa tà dâm mà cảm được, ngược lại trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đại sư Ngẫu Ích có một bài nói ngược lại. Bởi vì kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói nếu bạn không phạm những tội ác này thì bạn sẽ nhận những quả báo gì. Trái lại tức là ngược lại, đại sư Ngẫu Ích có một bài văn nói ngược lại vô cùng hay, ngài dùng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo để làm. Ngược lại tức là “các căn không điều thuận”, nếu phạm tà dâm thì chắc chắn thân thể người này không khỏe mạnh, khí lực suy nhược, thông thường mà nói nếu người nam phóng túng sẽ bị thận hư, thiếu tinh, tinh khí thần, tinh này không đề khởi được, tinh không đề khởi được thì khí sẽ suy nhược, thần sẽ không đủ. *Tinh, khí, thần*, ba mà là một. Ví dụ nói, khi muốn dụng công cảm thấy rất mệt mỏi, sau đó muốn nghe giảng thì có thể còn ngủ gật. Điều này có thể là do trước đây bản thân đã phóng túng tình dục cho nên tinh thần không đủ, không đề khởi được. Đặc biệt nếu tổn thương thận, thận là gốc tiên thiên của con người. Sau khi thận bị tổn thương thì muốn hồi phục lại sẽ rất khó. Đừng cho rằng uống một số thuốc bổ thận thì có thể phục hồi được, điều đó rất khó. Bạn có ăn nhiều đồ dinh dưỡng đến đâu thì cũng chưa chắc có thể phục hồi được.

Bởi vì đó là gốc của tiên thiên, cho nên Khổng lão phu tử nói cả đời có ba điều cấm: lúc trẻ khí huyết chưa ổn định thì cấm sắc dục. Nếu phóng túng theo sắc dục sẽ làm tổn thương tinh khí, khí huyết của mình. Nếu thận bị tổn hại thì đời này bạn muốn làm sự nghiệp lớn gì cũng đều rất khó, vì sao vậy? Bởi vì sự nghiệp thành công hay không có quan hệ mật thiết với việc người này có thân thể khỏe mạnh hay không, y báo chuyển theo chánh báo mà. Bạn là người có chánh báo tốt, người có thân thể cường tráng thì nhất định sự nghiệp của bạn làm rất tốt. Nếu thân thể bị tổn thương thì họ rất khó làm sự nghiệp, bất luận là sự nghiệp thế gian hay tu đạo xuất thế đều như vậy.

Nếu như trước đây bản thân không biết, hồ đồ mà phạm tội thì bây giờ phải khẩn thiết sám hối, phải nương tựa vào sức của Phật Bồ-tát thì có thể giúp bạn phục hồi lại. Vừa rồi nói đến thận của người nam phóng túng tình dục thì sẽ tổn thương thận, người nữ thì thiếu máu, người nam nếu thiếu tinh, người nữ nếu thiếu máu thì đều có thể mất mạng, tự nhiên các căn của họ không được điều hòa, đặc biệt là sau tuổi trung

niên, đến trên 40 tuổi, bạn liền biết dường như toàn thân cảm giác đều không thoải mái, khí huyết dường như đều không lưu thông, tinh thần luôn không đề khởi được. Đây đều là khi còn trẻ đã trồng một số nghiệp bất thiện, cho nên đến tuổi trung niên và tuổi già có quả báo không tốt, nhưng có thể phục hồi được không?

Có thể cải thiện được không? Đương nhiên có thể, Phật pháp nói với chúng ta tất cả do tâm tạo, bạn cần cải thiện như thế nào? Phải dùng mãnh tinh tấn tu phước tu tuệ, đặc biệt là phước, các căn không điều hòa là thiếu phước. Người thiếu phước thì thân thể sẽ không khỏe mạnh, sẽ không chịu được vất vả, có người chịu được vất vả, họ niệm Phật 10 ngày 10 đêm không cần nghỉ ngơi, không cần, thậm chí có thể không ăn không uống, thân thể của họ rất khỏe mạnh, cho nên họ có thể tu thành tựu. Vậy thân thể của chúng ta không khỏe mạnh là phước báo nhỏ, phước báo đều bị hao tổn hết, lúc trẻ không biết tích phước nên đã làm hao tổn phước báo, bây giờ phải làm thế nào? Bây giờ dốc sức tích phước thì vẫn kịp, cho nên có người phát tâm làm việc ở trong bếp. Điều này rất có trí tuệ, phải biết làm việc trong bếp của tăng đoàn là có phước báo nhất, tích được nhiều phước nhất. Nếu có thể kiên trì làm ba năm thì thân thể của người này có thể nói là sẽ chuyển lại được, nhất định tinh lực dồi dào, khí huyết sung mãn, âm thanh như chuông lớn, hơn nữa chịu được vất vả, có thể chịu khổ, họ chịu khổ mà không cảm thấy khổ, chịu vất vả mà không cảm thấy vất vả, cực nhọc. Đó tức là thân thể của họ khỏe mạnh, lúc này nếu họ tu hành thì có thể thành công, họ niệm Phật hoặc một ngày hoặc hai ngày, hoặc đến bảy ngày thì có thể niệm đến nhất tâm bất loạn. Bảy ngày niệm Phật này là không được ngủ, trên kinh nói “hoặc một ngày” là một ngày 24 tiếng đồng hồ, không phải nói ban ngày niệm còn ban đêm ngủ, vậy thì làm sao có thể nhất tâm bất loạn cho được, cho nên có thể tiết dục, đoạn dâm thì các căn có thể điều hòa.

Tôi nhớ đã xem qua một câu chuyện ở trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, kể rằng thời xưa có một người 8-90 tuổi mà sắc mặt hồng hào giống như trẻ nhỏ vậy, âm thanh như chuông lớn, khí huyết rất lưu thông, người ta hỏi ông bí quyết dưỡng sinh là gì? Ông liền nói với người ta rằng: “Từ lúc thiếu tráng”, tức là chưa đến 30 tuổi, tráng niên chính là 30 tuổi, “tôi đã bắt đầu uống độc thụy hoàn rồi”, độc thụy hoàn là gì? Chính là ngủ một mình, tức là không còn làm chuyện nam nữ nữa, không làm những hành vi dâm dục nữa, nên đến già thân thể ông vẫn có thể khỏe mạnh.

Lợi ích thứ hai là “vĩnh viễn lìa xa huyên náo, xao động bất an”, vĩnh viễn lìa khỏi sự ồn ào âm ỉ của khẩu nghiệp và những pháp phòng bất an trong tâm lý. “Huyên náo” tức là khẩu nghiệp ồn náo, “xao động” chính là xao động ở trong tâm, những thứ này đều có thể lìa xa, vì sao vậy? Con người không làm việc có lỗi với lương tâm thì không sợ ma đến gõ cửa, cho nên họ được tâm an lý đắc, tự nhiên tâm sẽ không xao động bất an. Nếu phạm những tội ác này mà không phát lộ sám hối thì tâm của họ sẽ không an, tâm không an thì họ rất khó tu hành, họ không định lại được, họ niệm Phật đều là đang khởi vọng tưởng. Người tu định thì tâm sẽ rất an tĩnh, còn tâm của họ thì thấp thỏm lo âu, đứng ngồi không yên, đi không vững chãi, ngồi cũng không yên, nằm ngồi không yên chính là do trong tâm có bất an, cho nên vì sao phải tu pháp sám hối nhiều? Thật sự sám hối tội nghiệp thanh tịnh rồi thì tâm của bạn mới có thể an được, mới có thể được tam-muội. Cho nên, người xưa muốn tu tam-muội, trước khi tu những pháp gia hạnh này đều phải cầu sám hối, đều bái sám đến khi thấy được tướng hảo thì họ mới có thể tiến tu pháp gia hạnh, nếu không thì đều có ma chướng. Bởi vì tâm họ bồn chồn bất an nên dễ chiêu cảm ma chướng.

Khẩu nghiệp huyên náo cãi cọ, đó chính là nói ra rất nhiều chuyện thị phi, đặc biệt chuyện nam nữ là dễ dẫn khởi chuyện thị phi nhất. Kỳ thực nếu phạm phải thì cũng không giấu được người khác, *“nếu muốn người không biết, trừ khi mình đừng làm”*, thời gian lâu rồi đều có thể nhìn ra được. Người sáng mắt vừa nhìn là có thể thấy rõ. Người độn căn, ngu si thì một năm cũng có thể nhìn ra, cho nên nếu bản thân có làm những việc trái với lương tâm thì họ sẽ gặp rất nhiều việc thị phi. Cho nên, muốn vĩnh viễn rời xa huyên náo, xao động bất an thì bản thân đừng tạo tác việc ác.

Thứ ba là “được người đời khen ngợi”, không phạm tà dâm thì người thế gian đều có thể xưng dương tán thán, bạn là một người có tiết hạnh, bạn là một người tri giới, một người thanh tịnh thì người thế gian đều sẽ tán thán.

Thứ tư “vợ không bị xâm phạm”, tức là nói người thế gian có vợ, bởi vì bản thân không phạm tà dâm nên vợ cũng không bị người khác xâm phạm và sỉ nhục. Người xưa có thơ ca nhắc nhở chúng ta: *“Nợ phong lưu khuyên anh đừng thiếu, thiếu nhanh thời trả cũng rất nhanh”*. Bản thân nếu xâm phạm đến vợ nhà người khác thì bản thân cũng bị báo ứng tương ứng rất nhanh, vợ mình cũng sẽ bị người khác xâm phạm. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói nếu có thể không phạm tà dâm, mà trì giới này: “Nếu có thể hồi hướng về A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, tương lai thành Phật sẽ được tướng trạng phu ản mật tàng của Phật”. Dem công đức trì giới này hồi

hướng về Phật quả vô thượng Bồ-đề, không cầu thiện báo nhân thiên thì tương lai khi chúng ta thành Phật có thể đạt được “tướng mã âm tàng” trong 32 tướng của Phật, được tướng tốt như vậy.

Tiếp theo kinh Lăng-nghiêm cũng nói, đó là “thanh tịnh minh hối” thứ nhất ở trong bốn loại thanh tịnh minh hối. Ở đây chúng ta nói sơ lược một chút, bởi vì thời khóa tối đã giải thích tương đối tường tận rồi: “Nếu chúng sanh trong lục đạo ở các thế giới tâm không dâm dục thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tiếp nối. Ông tu tam-muội vốn để xuất trần lao, mà tâm dâm không trừ thì không thể thoát khỏi trần lao. Dù có nhiều trí tuệ, thiền định hiện tiền, nếu không đoạn dâm dục thì ắt lạc vào ma đạo, bậc thượng là ma vương, bậc trung là ma dân, bậc hạ là ma nữ”. Đây là Phật nói với ngài A-nan, nhưng chính là nói với đại chúng chúng ta. Nếu chúng sanh trong lục đạo ở các thế giới, trong các thế giới đều có lục đạo, những chúng sanh này nếu có thể “tâm không dâm dục”, đoạn trừ được tâm dâm thì sẽ không bị cuốn theo dòng sanh tử tiếp nối, sẽ không tạo sanh tử luân hồi nữa. Nói cách khác là có thể ra khỏi tam giới. “Ông tu tam-muội”, Phật nói với ngài A-nan rằng, ông muốn tu hành tam-muội “vốn để ra khỏi trần lao”, vốn dĩ là vì ra khỏi trần lao phiền não, ra khỏi sự trói buộc của tam giới. Nếu “tâm dâm không trừ thì không thể ra khỏi trần lao”. Nếu ông không trừ bỏ ý niệm dâm dục thì ông sẽ không có cách nào ra khỏi sanh tử trần lao được. Nói cách khác, kỳ thực ông cũng không thể đạt được tam-muội.

Tam-muội là chánh định, chánh định thì nhất định phải ở trên nền tảng của giới mới có thể đạt được. Nếu không có giới luật thanh tịnh, bạn tu thiền định thì thiền định này không phải là chánh định, mà thuộc về tà định. Giả sử tu trí tuệ, thì đây không phải là chánh tuệ mà đây thuộc về tà tuệ, cho nên ở đây Phật nói rằng “dù có nhiều trí tuệ, thiền định hiện tiền mà nếu không đoạn dâm dục thì ắt lạc vào ma đạo”, dù bạn là một bậc đại tu hành, tu hành trí tuệ, xem rất nhiều kinh điển Đại thừa, tu rất nhiều pháp quán, còn tu thiền định, niệm chú, niệm Phật. Niệm Phật cũng là một phương pháp tu thiền định, nhưng nếu không đoạn trừ dâm dục. Đoạn trừ dâm dục này chẳng những thân phải đoạn mà tâm cũng phải đoạn. Nếu vẫn còn một chút chưa đoạn thì nhân địa này không chân chánh rồi, “nhân địa không chân chánh sẽ chiêu cảm quả cong vẹo”, cho nên bạn tu thiền định, trí tuệ sẽ giúp bạn thành cái gì? Thành ma, không thể thành Phật được.

Bởi vì nhân đó là nhân của ma nên quả nhất định là quả của ma. Trong kinh Lăng-nghiêm nói, nếu lấy cát để nấu cơm thì có thể thành công không? Không thể, bạn nấu

cát này cả 100 kiếp thì vẫn chỉ có thể trở thành cát nóng mà thôi, nó không thể nấu thành cơm được. Cơm là dùng gạo mới có thể nấu thành cơm được, cho nên bạn dùng nhân gì để tu thì tương lai sẽ đạt được quả như thế, không thể sai được. Cho nên, chúng ta tu hành vì sao trước tiên phải trì giới luật đến thanh tịnh, đừng vội tu thiền định trí tuệ, nếu giới không thanh tịnh thì bạn tu thiền định trí tuệ chính là nấu cát thành cơm, nấu cả nửa ngày, tốt, cuối cùng thành công rồi, thành ma luôn, bậc thượng là ma vương, công phu tốt, thiền định sâu, trí tuệ cao làm thiên chủ lục dục, tức là ma vương Ba-tuần. Ông ấy cũng có rất nhiều ma lính, ma tướng, ma con, ma cháu, họ chỉ là không có công phu cao như ông ấy ta mà thôi.

Bậc trung biến thành ma dân. Hiện nay những ma con, ma cháu này đầy rẫy ở nhân gian, nếu không có con mắt trí tuệ, không có con mắt chánh pháp thì đều có thể sẽ nhận ma thành Phật. Bởi vì những ma này, họ ở nhân gian cũng giáo hóa chúng sanh, tự xưng mình là thiện tri thức dẫn dắt chúng sanh giống như họ, họ cũng tu thiền định, cũng tu trí tuệ, họ cũng giảng kinh thuyết pháp, nhưng họ không tôn sùng việc trì giới, cho nên đến cuối cùng dẫn toàn bộ chúng sanh đi vào đường ma, vĩnh viễn không thoát khỏi tam giới, hiện nay quá nhiều rồi. Trong kinh Lăng-nghiêm nói: *“Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”*, những tà sư này phần lớn, trên cơ bản là 100% đều không đặc biệt chú trọng giới luật. Bởi vì giới luật là kính chiếu yêu. Nếu họ đề xướng giới luật thì bản thân lập tức bị vạch trần, cho nên họ nhất định đem giới luật che giấu đi, nói rất nhiều lời dễ nghe như: “Học với tôi thì có thể nhanh chóng thành tựu không cần trì giới, có thể một bước lên đến trời rồi, giới luật đều là pháp Tiểu thừa, đều là người căn tánh rất ngu độn mới tu, pháp môn này của chúng tôi là pháp môn vô thượng thù thắng, bạn tu theo tôi thì không cần trì giới, đảm bảo thành công”. Nói những lời khiến người ta thật sự bị mê hoặc mà học theo họ, cuối cùng toàn bộ đi vào đường ma. Phải biết rằng bất luận là Đại thừa hay Tiểu thừa, trong tất cả các kinh Phật nói, thậm chí pháp nhất thừa vô thượng, kinh Hoa Nghiêm là pháp nhất thừa, đều nhấn mạnh rằng: *“Giới là gốc của vô thượng Bồ-đề, cần phải giữ đầy đủ tịnh giới, nếu có thể giữ đầy đủ tịnh giới thì được hết thảy Như Lai tán thán”*. Lời trong kinh Hoa Nghiêm là tối thượng thừa, dạy chúng ta phải trì giới.

Hết thảy chúng sanh, như kinh Niết-bàn nói: *“Hết thảy chúng sanh tuy có Phật tánh, song phải nhờ trì giới thì sau đó mới có thể thấy được tánh”*. Nếu không trì giới thì không thể thấy được Phật tánh, cho nên bạn muốn tham thiền, minh tâm kiến tánh, bạn làm sao để kiến tánh? Trước tiên phải trì giới đến thanh tịnh, muốn tu niệm Phật

tam-muội, đương nhiên cũng không ngoại lệ, bạn muốn đắc niệm Phật tam-muội, muốn được nhất tâm bất loạn thì trước tiên phải trì giới đến thanh tịnh, trì đèn sáng trong như băng tuyết, không nhiễm chút bụi trần nào thì bạn mới có thể được nhất tâm bất loạn. Kinh Vô Lượng Thọ cũng đặc biệt chú trọng phải tu chánh nhân vắng sanh, trong này có nói đến “giữ các giới cấm, kiên trì không phạm”. Nếu không đề xướng trì giới thì không phải Phật pháp, đó chính là pháp của ma.

Bạc hạ là ma nữ, những ma nữ này thông thường đều rất xinh đẹp, như ma vương muốn quyến rũ Thế Tôn, không để Thế Tôn thành đạo, trước tiên ông ta phái ba ma nữ đến, đó là thiên nữ, họ đều là những mỹ nữ xinh đẹp vượt xa thế gian, nhưng tâm dâm dục của họ thì mãnh liệt, họ cũng đến để quyến rũ người tu hành, khiến người tu hành nhìn thấy cảnh giới này sẽ sanh khởi phiền não mà đọa lạc, một phen đọa lạc thì liền đi theo họ.

Bạn xem duyên khởi của kinh Lăng-nghiêm, tôn giả A-nan là một người đại tu hành. Tôn giả A-nan trì giới rất tinh nghiêm, ngài cùng Phật lên thiên cung nhìn thấy các thiên nữ đều không nhìn ngắm, mà đều thu nhiếp thân tâm, nhưng gặp phải cô Ma-đăng-già, trên thực tế cô này cũng là một ma nữ dùng chú Tiên Phạm Thiên để mê hoặc tôn giả A-nan suýt chút nữa là phá giới, đây là do tâm dâm của tôn giả A-nan chưa trừ bỏ, cũng tức là gốc phiền não này của ngài chưa đoạn trừ, gốc phiền não chưa đoạn thì không thể rời khỏi tăng đoàn, ngày hôm đó ngài đã rời khỏi tăng đoàn, chỉ một ngày hôm đó, ngài không cùng tăng đoàn của Phật đến Vương cung để ứng cúng, mà ngài đi một mình, bởi vì nhận lời mời riêng, kết quả trở về, ngài đi một mình, thời gian đã muộn rồi, quá Ngọ thì không thể ăn nữa, cho nên ngài ôm bát đi khát thực, khát thực đến nhà cô Ma-đăng-già thì gặp nạn.

Tôn giả A-nan chính là làm thị hiện cho chúng sanh thời mạt pháp chúng ta, kỳ thực bốn lai diện mục của tôn giả A-nan đều là đại Bồ-tát, vì sao phải làm ra thị hiện này? Chính là nhắc nhở chúng sanh đời sau chúng ta, người tu hành đời sau, người giống như ngài A-nan, đa văn có trí tuệ, hơn nữa trì giới cũng rất tinh nghiêm, lại sống trong thời chánh pháp của đức Phật, thời đức Phật còn tại thế, hằng ngày ở bên cạnh, không hề rời khỏi Phật, có thiện tri thức dạy bảo, hằng ngày đều ở trong tăng đoàn, chỉ ngày hôm đó rời khỏi tăng đoàn thì gặp nạn. Chúng ta đã không có trí tuệ như ngài A-nan, cũng không có giới hạnh như ngài A-nan, lại không có đức Phật hằng ngày ở bên cạnh dạy bảo chúng ta, lại không phải là thời chánh pháp, mà hiện đang là thời mạt pháp, là thời đại pháp nhược ma cường, pháp nhược ma cường chính là

ở đây nói bậc thượng làm ma vương, uy quyền của họ rất lợi hại; bậc trung là ma dân, ma con, ma cháu rải rác khắp thế gian; bậc hạ là ma nữ càng không biết bao nhiêu mà kể. Ở trong thời đại pháp nhược ma cường mà bạn muốn rời khỏi tăng đoàn một ngày thì xong rồi, thậm chí nửa ngày cũng xong luôn. Tôn giả A-nan thị hiện cho chúng ta thấy ngụ ý là ở đây.

Cho nên tôi nhờ có lão hòa thượng từ bi đã đưa tôi đến dưới tòa của hòa thượng Thanh Công học giới, học ba năm, bây giờ đã viên mãn, bản thân liền phát nguyện báo ân, làm sao để báo ân? Nhất định phải xây dựng tăng đoàn như pháp như luật, mọi người ở cùng nhau nghiêm trì giới luật, lại cộng thêm niệm Phật, niệm Phật là dựa vào tha lực, trì giới cộng thêm niệm Phật, vậy thì hiện nay ở thời đại pháp nhược ma cường này vẫn có thể may mắn sống sót, bằng không thì có thể nói là rất khó may mắn sống sót. Điều này không phải là hù dọa người, người xuất gia nếu không trì giới tốt, học tốt giới luật mà đã gấp gấp ra ngoài muốn hoằng pháp lợi sanh, hoặc muốn xây dựng đạo tràng, hoặc tự độc cư, gọi là bản thân tu thiền định, thì phải biết tập khí phiền não quá nặng, muốn không phá giới là vô cùng khó khăn, điều này là thật, đừng xem thường tập khí phiền não của chính mình. Nếu tập khí phiền não của bạn không ngùn ngụt thì bạn sẽ không sanh đến thời mạt pháp, mà bạn nhất định sanh vào thời chánh pháp rồi, ít nhất thì cũng là thời tượng pháp. Bạn đã sanh vào thời mạt pháp thì đó chính là cộng nghiệp với mọi người, khẳng định là phiền não ngùn ngụt, cho nên gặp phải nhân duyên phạm giới thì rất dễ phá giới, mất giới thể.

Dù bản thân vốn có tâm tốt mà xuất gia, muốn chân thật tu hành, muốn liễu sanh tử, muốn thành Phật đạo, đây là tâm tốt, nhưng phiền não tập khí quá nặng, ma ở bên ngoài mê hoặc cũng quá mạnh, cho nên bản thân có một chút công lực như vậy thì không chống đỡ nổi, nhất định phải dựa vào tăng đoàn, ở trong tăng đoàn trì giới luật càng nghiêm cần càng tốt. Hòa thượng Thanh Công đề xướng cho chúng ta giới nặng giới nhẹ đều phải trì giữ như nhau, phải trì đến mức trong sạch như băng tuyết, mây trần chẳng nhiễm, dù bạn không có thời gian niệm Phật, không niệm đến tam-muội cũng không sao, một niệm, mười niệm cuối cùng đều có thể vãng sanh, bởi vì bạn ở trong hoàn cảnh trì giới thanh tịnh này thì bạn có thể vãng sanh. Nếu bạn muốn thoải mái, có thể không giữ giới, bạn niệm Phật lại không niệm đến tam-muội, niệm đến tam-muội thì không sao, “định cộng giới” mà, nếu bạn không niệm đến tam-muội, bên này lại không cố gắng trì giới thì xong rồi, đó là chưa niệm đến công phu thành

phiền mà đã phá giới trước, vừa phá giới thì trong tâm liền bất an, sẽ đau khổ, sẽ áy náy, vĩnh viễn không thể đạt được niệm Phật tam-muội.

Điều giới này chúng tôi đã giảng xong, thời gian cũng hết rồi, ngày mai chúng tôi sẽ cùng mọi người học tập tiếp, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 12

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 22/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mọi người xem điều thứ tư “không vọng ngữ” trong thập giới môn:

“Bốn, không vọng ngữ, nếu chưa chứng tứ quả mà nói dối đã chứng, chưa đắc tứ thiền mà nói dối đã đắc, chưa ngộ đạo mà nói dối đã ngộ, và nói dối trời đến, rồng đến, quỷ thần đến v.v., hư dối không thật, lừa dối người đời thì gọi là đại vọng ngữ, phạm trọng tội, mất giới sa-di, không thể sám hối. Nếu công phu hơi có chút đắc lực, nhưng không biết pháp tướng, cho là chứng quả thì gọi là tăng thượng mạn, vốn không có tâm lừa gạt cho nên không mất giới thể, song phải thưa thỉnh các bậc sư trưởng đã tu chứng để phán định rõ đúng sai, khẩn thiết sám hối, xả bỏ cái tâm có sở đắc, tinh tấn mong cầu những đạo lý chân thật để xuất ly thì mới mong không bị đọa lạc. Nếu vốn muốn nói dối nhưng nói không rõ ràng nên người nghe không hiểu được, hoặc đang nói mà dừng lại không nói nữa thì đều phạm tội phương tiện bậc trung có thể sám hối, cần gấp rút sám hối để tiêu trừ tội.

Lại nữa, miệng có bốn lỗi: một là nói dối, hai là nói thêu dệt, ba là nói ly gián, bốn là nói thô ác. Thứ nhất, nói dối là thấy mà nói không thấy, không thấy nhưng lại nói thấy. Nghe, giác, biết v.v. đều như vậy. Lại nữa, sự thật là có nhưng lại nói là không, sự thật là không mà lại nói có, lừa dối người khác thì đều gọi là nói dối. Đây là tánh tội, người phạm tội phải nhanh chóng sám hối,

thề không tái phạm. Nếu không sửa đổi thì hiện đời bị người khinh bỉ, chết đọa vào ba đường ác. Thứ hai, nói thêu dệt là lời nói vô nghĩa không có lợi, từ ngữ thuận theo thế tục làm tăng trưởng tâm phóng dật, quên mất chánh niệm, cũng phải nhanh chóng sám hối thề không tái phạm. Nếu không sửa đổi thì hiện đời bị người khinh chê, chết đọa vào đường ác. Thứ ba, nói ly gián là gặp người này thì nói xấu người kia, gặp người kia thì nói xấu người này, tạo thành chuyện thị phi, chia rẽ người thân bạn bè, cũng là tánh tội, phải mau chóng sám hối, thề không tái phạm nữa. Nếu phạm phải thì hiện đời bị người oán ghét, chết đọa địa ngục. Thứ tư, nói thô ác là mắng chửi nguyên rủa khiến người không chịu được, đây cũng là tánh tội, phải mau chóng sám hối để đoạn trừ. Nếu phạm tội này thì hiện đời bị người căm giận, chết đọa vào ba đường ác. Luật Nhiếp nói: đệ tử Phật thường nói lời chân thật, không được thề thốt để chứng tỏ mình trong sạch, dù người khác không tin tưởng, dù bị vu oan vu cáo cũng không được thề”.

Đoạn văn này tương đối dài, bởi vì “nói dối” là thuộc về khẩu nghiệp. Người thông thường tạo khẩu nghiệp là nhiều nhất, cho nên ở đây lời văn nói về điều giới này là dài nhất. Chúng ta cũng chia điều giới này ra làm bảy khoa lớn để nói rõ.

Thứ nhất là “tổng thuyết đề nghĩa”, phía sau chia làm ba khoa nhỏ. Thứ nhất là “giải thích sơ lược tiêu đề”, tiêu đề này gọi là “không vọng ngữ”. Vọng ngữ tức là điều trong tâm nghĩ và lời nói ra từ miệng trái ngược nhau, chính là nói những lời hư dối không thật, lừa gạt người khác, đây gọi là vọng ngữ. “Không” là hành môn để đối trị, “vọng ngữ” là lỗi lầm được đối trị. Cái đối trị và cái được đối trị hợp chung lại cho nên gọi là không vọng ngữ. Chính thức chế định điều giới không vọng ngữ này là “đại vọng ngữ”, bao gồm đối trị cả bốn lỗi của khẩu nghiệp là: nói dối, nói thêu dệt, nói thô ác, nói ly gián. Nói dối cũng có thể gọi là tiểu vọng ngữ, để phân biệt với đại vọng ngữ. Giả sử, nếu vì cứu giúp chúng sanh, họ có cấp nạn khiếp sợ, có nỗi khổ lớn; hoặc vì nhiếp phục bảo hộ người khác, giúp họ có thể cải tà quy chánh, dứt ác hành thiện, bản thân mình không có tâm phạm giới, mà chỉ phương tiện nói dối thì điều này cũng không phạm.

Tiếp theo nói, khoa nhỏ thứ hai là “ý nghĩa chế giới”, vì sao Phật phải chế định giới không vọng ngữ này. Trong Giới Bản Sở của Nam Sơn Tam Đại Bộ có nói như sau: “Thánh đạo vô lậu không phải là quả vị mà phàm phu chứng được, do chưa chứng được nhưng lại giả mạo nói dối mình đã chứng đắc để mê hoặc nhiều loạn tâm chúng sanh, lừa gạt người đời để mong cầu có được danh lợi, khiến chánh pháp lu

mò, hòng lừa gạt chúng sanh hiện thời, trong các tội lỗi thì tội này nặng nhất, cho nên phải cực lực ngăn chặn. Lại nữa, người xuất gia lời nói ra phải chân thật, dù có mất thân mạng cũng không được nói lời hư dối, sai lệch. Nay lại trái ngược với tâm tưởng của mình, trêu đùa lừa dối người, khiến người hiểu lầm, làm bản thân mất đi lợi ích tốt lành, tội này rất lớn, cũng tổn hại chúng sanh rất nghiêm trọng, cho nên chế định giới này”.

Ở đây nói đến thánh đạo vô lậu, tức là đạo quả mà các bậc thánh đã thoát khỏi những phiền não hữu lậu đạt được, không phải quả vị mà phàm phu thông thường chứng được. Phàm phu chưa chứng đắc thánh quả nhưng lại mạo nhận nói rằng mình đã chứng đắc, điều này thuộc về đại vọng ngữ. Do chưa đạt được thánh quả mà lại giả mạo là thánh nhân, dối trá nói mình đã chứng đắc thánh quả, hoặc đạt được những cảnh giới mà người thông thường không có. Đây là *“mê hoặc nhiều loạn tâm chúng sanh, lừa gạt người đời”*, mê hoặc, quấy nhiễu tâm chúng sanh thông thường, lừa dối phụ lòng tin của người thế gian. Đây chính là tội dẫn dắt chúng sanh đi lầm đường. Vừa rồi nói bản thân chưa chứng đắc thánh vị, thánh quả mà nói mình đã chứng thì đây thuộc về tội trộm pháp, trộm cấp chánh pháp. *“Mê hoặc nhiều loạn tâm chúng sanh, lừa gạt người đời”*, đây thuộc về tội lừa gạt người khác. Còn *“mong cầu có được danh lợi”*, vì sao lại nói đại vọng ngữ? Đương nhiên mục đích không ngoài việc mong cầu có được danh văn lợi dưỡng, khiến người khác có thể cung kính mình, đây thuộc về tội tà mạng mong cầu. *“Khiến chánh pháp lu mờ, hòng lừa gạt chúng sanh hiện thời”*, chữ “é” này có thể là chữ ế trong nghĩa của từ “mất bị mộng thị”, nghĩa là mờ tối, u ám. “Ế pháp” tức là khiến chánh pháp bị lu mờ, cũng tức là khiến chúng sanh không nhìn thấy chánh pháp, lừa dối người thế gian ở thời đại này, đây gọi là *“khiến chánh pháp lu mờ, hòng lừa gạt chúng sanh hiện thời”*, đây là thuộc về tội diệt pháp. Cho nên, vì sao tội đại vọng ngữ lại nặng như vậy? Chính là vì nó sẽ hủy hoại, nhiễu loạn chánh pháp, lấy giả làm thật, đây chính là tội diệt pháp, cho nên quả báo đều ở địa ngục. Bởi vì có bốn loại tội lỗi như trên, cho nên Giới Bỏ Sớ, đây là sách do luật tổ Đạo Tuyên sáng tác, nói rằng: *“Trong các tội lỗi thì tội này nặng nhất, cho nên phải cực lực ngăn chặn.”* Đây là hai câu tổng kết, trong các tội lỗi thì tội này nghiêm trọng nhất, nhất định phải cực lực ngăn cấm.

Lại nữa”, là lại bắt đầu một đoạn khác, *“người xuất gia”*, là nói về người xuất gia chúng ta. Bốn loại tội phía trước bắt luận là tại gia hay xuất gia, phạm đại vọng ngữ thì đều có bốn loại tội này. Ở đây đặc biệt nói người xuất gia chẳng những không

được nói đại vọng ngữ, mà ngay đến tiểu vọng ngữ, nói dối, nói thêu dệt, nói thô ác, nói ly gián cũng không được nói. Cho nên, người xuất gia phải nói những lời chân thật, lời nói ra phải phù hợp với tình hình thực tế, nếu nói dối thì việc này thuộc về tánh tội. Về bốn tánh là họ đã phạm tội rồi, bất luận thọ giới hay không thọ giới, cho nên cần phải khẩn thiết giữ gìn bảo hộ, cho dù mất thân mạng cũng không được để trong lời nói của mình có nửa chút hư dối sai lệch. Đây là nói việc mà người xuất gia chúng ta cần phải làm, không được nói dối.

“Nay lại trái ngược với tâm tưởng của mình”. Chữ “nay” này là nói hiện nay lại có tội vi phạm điều giới luật này, tức là trái ngược với tâm tưởng của mình, làm trái với cách nghĩ trong tâm mình mà *“trêu đùa lừa dối người”*, trêu chọc lừa gạt người khác, khiến đối phương hiểu sai lời của bạn. Đây là *“khiến bản thân mất đi lợi ích tốt lành”*, bản thân sẽ mất đi những lợi ích tốt đẹp, tức là bạn đã đoạn mất con đường giải thoát của mình, vĩnh viễn trầm luân trong biển khổ lục đạo, cho nên *“tội này rất lớn”*, tội lỗi này rất nặng, mức độ tổn hại chúng sanh cũng rất lớn, *“cho nên chế định giới này”*, cho nên bậc thánh Phật-đà đã chế định ra điều giới không vọng ngữ này, đây là nói đến ý nghĩa chế giới.

Khoa nhỏ thứ ba là “hai nghiệp tánh già”. Điều giới không vọng ngữ này đầy đủ tánh giới và già giới, nếu vi phạm sẽ phạm hai loại tội nghiệp là tánh tội và già tội. Phía trước đã nói rồi, già tội là vi phạm giới luật của đức Phật thì sẽ có tội. Tánh tội là dù đức Phật không chế giới, hoặc bạn không thọ giới mà vi phạm thì đều có tội như nhau.

Tiếp theo giảng khoa thứ hai là “tùy văn thích nghĩa”, chúng tôi sẽ giải thích lời văn trong đoạn này. Câu thứ nhất là *“nếu chưa chứng tứ quả mà nói dối đã chứng”*, đây là nói nếu chưa chứng tứ quả, bao gồm sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả, mà nói dối mình đã chứng đắc thì phạm đại vọng ngữ. Sơ quả là chỉ Tu-đà-hoàn đã đoạn hết kiến hoặc của tam giới, trở thành thánh nhân, gọi là “nhập thánh lưu”, tức là vừa bước vào đạo quả của thánh nhân, nhập vào dòng thánh nhân, bậc này tự nhiên sẽ đồng thời khởi phát thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông. Nhị quả gọi là Tư-đà-hàm, tức là trên nền tảng đã đoạn được kiến hoặc, tiến thêm bước nữa đã đoạn hết sáu phẩm tư hoặc của Dục giới, họ còn lên trời và xuống nhân gian một lần nữa thì có thể chứng đắc quả A-la-hán. Sơ quả Tu-đà-hoàn phía trước thì phải lên trời và xuống nhân gian bảy lần nữa mới chứng đắc quả A-la-hán. Người chứng đắc nhị quả sẽ khởi phát tha tâm thông và túc mạng thông. Tam quả gọi là A-na-hàm, họ đã tiến

thêm một bước nữa đem chín phẩm của Dục giới, tức là đều đã đoạn trừ hết ba phẩm tư hoặc sau cùng, không còn đến thọ sanh trong Dục giới nữa, họ chỉ ở Sắc giới và Vô Sắc giới, sẽ không đến Dục giới nữa, cho nên cũng gọi là “bất lai”.

Sơ quả ở phía trước thì lên xuống Dục giới bảy lần, nhị quả gọi là nhất lai, một lần lên xuống Dục giới, tam quả thì không đến nữa, họ có thể phát khởi thần túc thông. Tứ quả thì gọi là A-la-hán, đã đoạn hết tất cả tư hoặc của tam giới, vượt ra khỏi tam giới, đạt được sáu loại thần thông bao gồm cả thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc ở phía trước, còn có lậu tận thông. Trong thời đại mạt pháp, có thể nói rằng thông thường ngay đến sơ quả cũng không cách nào chứng được, có lẽ sẽ có nhưng cực kỳ ít, giống như lông phụng sừng lân vậy. Những người này thông thường đều gọi là người tái lai thì họ mới có thể chứng được thánh quả. Vừa mở đầu trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Kiên Tịnh Tín Bồ-tát đã nói với chúng ta rất rõ ràng rằng: trong thời mạt pháp muốn đạt được thánh quả, thậm chí muốn đạt được thiền định, muốn có thể đạt được thần thông, dựa vào năng lực của mình thì đều không thể đạt được thần thông. Đây là do chúng sanh thời mạt pháp nghiệp chướng sâu nặng, cho nên Kiên Tịnh Tín Bồ-tát mới khai thỉnh Thế Tôn vì chúng sanh thời mạt pháp nói [ra cách] làm sao có thể giúp chúng sanh tiêu trừ nghiệp chướng, để có được tín tâm kiên cố với Phật pháp. Đức Phật liền lệnh cho Bồ-tát Địa Tạng nói cho chúng ta pháp môn sám hối, chính là Chiêm Sát Sám, tiêu trừ nghiệp chướng trước, sau tiên tu định tuệ thì mới có thể được thiền định, trí tuệ.

Hiện nay, đối với những chúng sanh thời mạt pháp chúng ta mà nói thì cũng chỉ có một lối thoát chính là cầu sanh thế giới Cực Lạc. Bởi vì muốn chứng quả thì dường như là không thể, sơ quả cũng không được, chứ đừng nói đến tứ quả. Do đó, bạn muốn đời này liễu thoát sanh tử, ra khỏi tam giới dường như là không thể được, dựa vào tự lực thì không có cách nào cả, chỉ có dựa vào niệm A-di-đà Phật, được Phật tiếp dẫn, dựa vào tha lực để vãng sanh. Vừa vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì chính là ra khỏi tam giới, hơn nữa là ra khỏi mười pháp giới, vượt qua cả A-la-hán. Cho nên, đây là lối thoát duy nhất của chúng sanh thời mạt pháp chúng ta. Muốn vãng sanh Tây Phương, quan trọng nhất chính là phải thành thật, làm sao để tu thành thật? Tu từ không vọng ngữ, muốn vọng ngữ thì tâm đã không thành thật rồi. Tâm không thành thật thì bản thân sẽ bị chướng đạo, khiến mình mất đi lợi ích.

Tiếp theo lại nói “*chưa đắc tứ thiền mà nói dối đã đắc*”, là chưa đạt được cảnh giới của tứ thiền. Điều này bao gồm cả sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, đây là

thuộc về thiền định của Sắc giới, đã hàng phục được phiền não, tham sân si không khởi lên nữa, vậy mới chứng được thiền định. Nếu tham sân si vẫn khởi lên, vậy thì bạn vẫn chưa có thiền định. Sơ thiền gọi là ly sanh hỷ lạc địa, nhị thiền gọi là định sanh hỷ lạc địa, tam thiền gọi là ly hỷ diệu lạc địa, tứ thiền gọi là xả niệm thanh tịnh địa, tầng sau phải cao hơn tầng trước, tầng sau phải thanh tịnh hơn tầng trước, tầng sau phải pháp hỷ hơn tầng trước. Đây là thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Trước khi chúng ta chưa đạt được thiền định thì không cách nào thể hội được loại pháp hỷ này. Giả sử chưa chứng đắc được cảnh giới thiền định này mà nói mình đã chứng đắc thì cũng thuộc về đại vọng ngữ. Thời cận đại chúng ta thấy lão hòa thượng Hư Vân đạt được thiền định, lão hòa thượng Quảng Khâm đạt được thiền định. Việc này mọi người đều công nhận, quả thực các ngài cũng có năng lực nhập định, vừa nhập định là có thể nửa tháng, một tháng cũng không xuất định. Đây không phải việc người thông thường có thể làm được, quả thực là có định công.

“*Chưa ngộ đạo mà nói dối đã ngộ*”, đây là nói khai ngộ. Khai ngộ, cơ bản nhất chính là giải ngộ, đối với đạo lý thật tướng các pháp hoàn toàn thông đạt hiểu rõ thì chính là giải ngộ. Như tôn giả A-nan trong hội Lăng-nghiêm, Phật nói cho ngài nghe về đạo lý diệu minh chân tâm thì ngài liền khai ngộ. Đây là thuộc về giải ngộ, vẫn chưa đến chỗ chứng ngộ. Chứng ngộ là đoạn hết phiền não, kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não đều đã đoạn hết, chứng được pháp thân, đây mới là chứng ngộ. Bản thân chưa giải ngộ mà nói mình đã giải ngộ, đây thuộc về tội lỗi trong vọng ngữ.

Ở đây nói “*ngộ đạo*” chính là nói chứng ngộ, đã chứng ngộ được thánh đạo, hiện nay có thể nói điều này cũng không thể đạt được, người thế nào mới chứng được thánh đạo? Đó đều là người tái lai, Phật Bồ-tát tái lai. Song cho dù là Phật Bồ-tát tái lai thì các ngài cũng thị hiện giống như người bình thường vậy, các ngài tuyệt đối sẽ không nói mình đã chứng ngộ. Giống như đại sư Ấn Quang, hiện nay chúng ta biết ngài là Bồ-tát Đại Thế Chí tái lai, nhưng lúc sanh tiền ngài tuyệt đối không tự cho mình là Phật Bồ-tát, mà ngược lại tự xưng là Thường Tâm Quý Tăng. Mình là một vị tăng cơm cháo, chỉ biết ăn cơm ăn cháo, chẳng biết thứ gì khác, rất hồ thẹn, một người xuất gia rất bình thường như vậy mà thôi, tuyệt đối không bộc lộ thân phận của mình. Nếu để lộ thân phận thì nhất định phải ra đi.

Phật đã quy định trong giới luật, nếu nói với một người thông thường rằng mình đã chứng được thánh vị, hoặc là Phật Bồ-tát nào đó tái lai, nói xong thì nhất

định phải ra đi, tức là trước khi vào Niết-bàn thì có thể nói ra, việc này không phạm giới. Nếu trước khi vào Niết-bàn nói ra mà kết quả vẫn không vào Niết-bàn thì đây là giả, bản thân họ đã phạm giới rồi. Thánh nhân thì không thể phạm giới, cho nên nếu bạn nghe ai đó nói họ là Phật nào đó tái lai, Bồ-tát tái lai, A-la-hán tái lai, nói xong rồi mà họ lại không đi, vẫn ở lại thế gian này thì bạn biết họ chắc chắn là giả. Điều này rất dễ phán đoán. Phật Bồ-tát thật tuyệt đối không nói mình là Phật Bồ-tát tái lai, mà chỉ nói mình là phàm phu, thậm chí sau khi đi rồi cũng không tiết lộ thân phận.

Như đại sư Liên Trì, đại sư Ngẫu Ích, các ngài đều là người mà đại sư Ấn Quang tôn kính nhất, đều xưng các ngài là Phật Bồ-tát tái lai, nhưng các ngài luôn không tiết lộ thân phận. Nếu có nhân duyên để tiết lộ thân phận thì nhất định là lúc cuối cùng trước khi nhập Niết-bàn, như đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ là tổ thứ 6 của Tịnh độ tông chúng ta, ngài là A-di-đà Phật tái lai, thân phận của ngài bị lộ.

Có một lần, bởi vì hoàng đế tín ngưỡng tam Bảo, cúng trai ngàn vị tăng, mời 1.000 người xuất gia đến ứng cúng, rất nhiều người xuất gia đến. Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ là quốc sư, mọi người đương nhiên đều đề cử đại sư Vĩnh Minh ở vị trí thủ tọa. Đại sư cũng rất khiêm tốn không chịu ở vị trí thủ tọa, mọi người anh đẩy tôi nhường, vị trí thượng thủ bỏ trống không ai ngồi, đột nhiên có một vị hòa thượng tai to từ ngoài cửa bước vào, ăn mặc rách rưới, thoáng chốc liền ngồi lên vị trí thượng thủ. Mọi người trong lòng đều rất không vui, nhưng cũng không dám nói, cũng không biết lai lịch của ngài thế nào, nên ngồi yên ăn cơm. Sau khi ăn xong, hoàng thượng liền hỏi đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ: “Hôm nay có Phật Bồ-tát đến ứng cúng không?” Bởi vì theo đạo lý mà nói thì cúng trai ngàn vị tăng nhất định sẽ có Bồ-tát đến, cúng 500 vị tăng thì nhất định có một vị La-hán đến. “Hôm nay, ngài thấy có Phật Bồ-tát đến không?” Đại sư Vĩnh Minh nói: “Có, Định Quang Cổ Phật đến ứng cúng”. “Ai là Định Quang Cổ Phật?” “Định Quang Cổ Phật chính là hòa thượng tai to ngồi ở vị trí thượng thủ”.

Hoàng thượng lập tức phái người đi mời, đi đuổi theo, kết quả Định Quang Cổ Phật đã đi rất xa rồi, người phía sau đuổi kịp đến nơi, Định Quang Cổ Phật ngồi trên tảng đá hỏi: “Các ông đến làm gì?” Những sứ giả đó nói: “Hoàng thượng muốn gặp ngài, muốn mời ngài về cung một chuyến”. “Ai nói vậy?” “Do đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói ngài là Định Quang Cổ Phật tái lai.” Kết quả hòa thượng tai to này liền nói: “Di-đà lắm lời!” Tức là A-di-đà Phật lắm mồm, nói xong liền nhập Niết-bàn. Sứ

giả này thấy Định Quang Cổ Phật đã đi rồi, chỉ đành vô cùng thất vọng trở về, nghĩ đi nghĩ lại vừa rồi ngài ấy nói “Di-đà lắm lời”, lời này chẳng phải ý nói đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ là A-di-đà Phật sao? Nhanh chóng trở về bẩm báo hoàng thượng.

Kết quả, trở về bẩm báo với hoàng thượng, hoàng thượng nói: “Thật quá tốt, Định Quang Cổ Phật đi rồi thì vẫn còn A-di-đà Phật ở lại, nhanh chóng phái người đi mời đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ.” Kết quả, sứ giả vội vàng chạy ra khỏi cửa, đúng lúc có một người chạy từ ngoài vào đến báo tin, hai người va vào nhau. Hoàng thượng hỏi: “Người gấp gì vậy?” Người báo tin đó nói: “Không hay rồi, đại sư Vĩnh Minh đã viên tịch”. Bạn xem, thân phận vừa bị lộ là ngài liền ra đi, tuyệt đối không lưu lại thế gian. Bởi vì ở lại thế gian thì mọi người đều biết bạn là Phật Bồ-tát tái lai, vậy chẳng phải sẽ có hiềm nghi bạn triệu tập mọi người lại để làm chuyện danh văn lợi dưỡng sao? Cho nên đây là quy củ, giới luật trong cửa Phật. Hiện nay chúng ta biết rồi, nếu bạn nghe người nào đó nói họ là Bồ-tát gì đó, Phật gì đó thì bạn có thể hỏi họ, tại sao bạn vẫn chưa đi? Bạn phải đi mới đúng. Họ vẫn không đi vậy thì chắc chắn là giả. Tiếp theo: *“Và nói dối trời đến, rồng đến, quỷ thần đến v.v., hư dối không thật, lừa dối người đời thì gọi là đại vọng ngữ”*. Chữ “và” là biểu thị bên trong này có rất nhiều trường hợp. Ngoài việc nói bản thân đã chứng đắc thánh quả ra thì họ cũng có thể nói mình có thần thông, đây là hư dối, nói dối chứ họ thật sự không có loại thần thông này. Nói thiên nhân đến, bản thân họ đã nhìn thấy rồi, họ nói họ nhìn thấy rồng đến, quỷ thần đến, đến làm gì vậy? Đến cúng dường tôi. “Hư dối không thật, lừa dối người đời”, họ tự biết mình nói dối, trên thực tế họ không nhìn thấy, họ lừa người, nói những lời này để chứng minh bản thân họ có cảnh giới phi phàm, như vậy sẽ khiến người đời mê hoặc, cho rằng họ thật sự rất có công phu, là một bậc thánh tăng, cho nên cung kính cúng dường họ.

Hiện tượng này hiện nay rất nhiều, tôi đều gặp cả, ở trước mặt tôi, họ nói rằng nhìn thấy trên đầu thầy có Bồ-tát gì đó, có quỷ thần gì đó ở bên cạnh thầy. Tôi biết họ chắc chắn là lừa gạt người, khoe khoang thần thông, kỳ thực đều là hư dối không thật, đó là lời nói của ma, gặp phải hạng người này thì nên kính mà tránh xa, đừng thân cận họ. Phật chế định giới luật, dù bạn thật sự đạt được thần thông thì cũng không được tùy tiện để lộ, trừ khi có nhân duyên rất quan trọng thì thỉnh thoảng để lộ một chút. Ví dụ cao tăng thời xưa muốn độ quốc vương, độ những đại thần rất có quyền lực, khiến họ có thể tín ngưỡng tam bảo, hộ trì chánh pháp, thỉnh thoảng để lộ một chút thần thông, như vậy cũng được, nhưng tuyệt đối không phải gặp ai cũng để

lộ thần thông, làm vậy chính là khoe khoang sự thần bí hão huyền, là giả không phải thật.

Chúng ta xem Luật tạng thấy tôn giả Tân-đầu-lô-phả-la-đọa, ngài đã chứng A-la-hán. Khi đó vì muốn hàng phục ngoại đạo nên ngài đã thị hiện thần thông, bay tới bay lui trên trời, khiến những ngoại đạo đó nhìn thấy mà ngơ ngác. Bởi vì A-la-hán có thần túc thông nên ngài có thể tự do tự tại bay lượn trên trời. Kết quả, Phật đã quở trách tôn giả rằng: Ông không được khoe khoang thần thông như thế, không có chút oai nghi nào hết, bay tới bay lui trên trời giống như thằng hề biểu diễn vậy. Đức Phật đã trách mắng ngài, sau đó phạt ngài, không cho phép ngài nhập Niết-bàn, phải ở lại thế gian làm phước điền tăng cho mọi người.

Bạn xem, trong giới luật đều không cho phép làm vậy. Đây là nếu đã chứng được thánh quả A-la-hán mà tùy tiện dùng thần thông thì đều phạm tội ở chương thứ năm, phạm giới tỳ-kheo ở chương thứ năm, việc này là không được, càng huống hồ cố ý giở trò dối trá, đó chính là đại vọng ngữ. Đại vọng ngữ chính là phạm trọng tội, trọng tội phá giới căn bản, như vậy sẽ mất giới thể sa-di, không thể sám hối. Kỳ thực giới này thông với tất cả giới. Cư sĩ thọ ngũ giới, bát quan trai giới, tỳ-kheo thọ giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thọ giới tỳ-kheo-ni, còn có thọ giới Bồ-tát, chỉ cần phạm đại vọng ngữ thì đều mất giới thể, không thể sám hối. Tiếp theo nói:

“Nếu công phu hơi có chút đắc lực, nhưng không biết pháp tướng, cho là chứng quả thì gọi là tăng thượng mạn, vốn không có tâm lừa gạt cho nên không mất giới thể.” Đây là nếu bạn tu hành được công phu hơi đắc lực một chút, dường như có chút khinh an, nhưng chưa đạt được thiền định, bạn liền nói với người khác rằng tôi đã được thiền định. Đó là hiểu lầm cảnh giới, hiểu sai thông tin, thậm chí phiền não mới nhẹ đi một chút liền cho rằng mình đã đoạn được kiến tư phiền não, nói rằng mình đã chứng quả. Đoạn được kiến tư phiền não là đã chứng A-la-hán, đây đều là do họ không biết pháp tướng, không hiểu rõ giáo lý, không hiểu rõ ràng đối với cảnh giới của mỗi một quả vị thánh, chưa hạ công phu nghiên cứu giáo lý. Kỳ thực trong giáo pháp, Phật đều nói rất rõ ràng rồi, mỗi một quả vị thánh sẽ có cảnh giới thể nào, có thần thông, đạo lực như thế nào, đều nói rất rõ ràng, họ lại không nghiên cứu, tự tu như vậy một khoảng thời gian, cảm thấy phiền não của mình nhẹ, trí tuệ tăng, thế là cho rằng mình đã nhập vào dòng thánh. Điều này thuộc về “tăng thượng mạn”, đây là một loại phiền não ngạo mạn. Trên thực tế, họ vốn không có tâm lừa gạt, họ không có ý định muốn nói dối, chẳng phải muốn lừa gạt người khác, mà do bản thân

họ hiểu lầm cảnh giới của mình, hiểu lầm bản thân đã chứng thánh quả, hoặc đạt được thiền định v.v.. Do họ không có tâm lừa gạt, cho nên nói những lời này thì không gọi là vọng ngữ, nên không mất giới, tức là không mất đi giới thể.

Hiện nay thật sự còn có những người như vậy, năm xưa lão hòa thượng đã từng gặp qua, có mấy người thanh niên đến tìm lão hòa thượng xin ấn chứng, nói họ đã chứng quả A-la-hán, mời lão hòa thượng ấn chứng cho họ. Lão hòa thượng đã giới cho họ một thau nước lạnh, nói rằng: “Các anh chưa chứng A-la-hán”. Họ liền rất tức giận nói: “Vị Phật sống Mật tông nào đó đều nói chúng tôi đã chứng quả A-la-hán rồi, sao thầy lại nói chúng tôi chưa chứng?” Lão hòa thượng rất hài hước nói: “Tôi chưa chứng A-la-hán, anh nhìn tôi mà không nhận ra tôi là phàm phu, anh còn tìm tôi ấn chứng, vậy chắc chắn anh không phải A-la-hán rồi.” Câu này đã cắt ngang lời của họ, đây là gì? Họ không hề có ý định lừa gạt bạn, đây là thuộc về tăng thượng mạn, bản thân họ hiểu lầm. Công phu của họ hơi có chút đắc lực mà thôi, chứng đắc A-la-hán còn cách xa lắm, sơ quả cũng chưa đắc. Người chứng đắc A-la-hán sẽ không nổi giận, nổi giận là phiền não sân. Tham sân si là thuộc về kiến tư phiền não, có kiến tư phiền não thì chứng tỏ chưa chứng A-la-hán, chứng A-la-hán là đã đoạn kiến tư phiền não rồi.

Người như vậy, giả sử bản thân có một chút cảnh giới thì nên làm sao? Trước tiên, phải đi “thừa thỉnh các bậc sư trưởng đã tu chứng để phán định rõ đúng sai”. Nếu hiểu lầm cảnh giới thì sư trưởng sẽ nói với bạn là bạn chưa chứng đắc cảnh giới này. Lúc này bạn không được chấp trước ý kiến của mình, mà bạn nên nghiêm túc thỉnh giáo sư trưởng rốt cuộc cảnh giới của A-la-hán là như thế nào? Sư trưởng sẽ nói với bạn A-la-hán có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, bây giờ tôi hỏi anh, hiện tại anh đang ở tầng ba, vậy anh có thể nhìn thấy người dưới tầng một đang làm gì không? Không nhìn thấy, không thấy thì anh không có thiên nhãn thông. Ở quảng trường New York nước Mỹ có người đang nói chuyện, anh có thể nghe thấy không? Anh không nghe thấy, vậy xin lỗi, anh không có thiên nhĩ thông. Thiên nhãn, thiên nhĩ thông đều không có thì sơ quả cũng chưa chứng được chứ đừng nói đến tứ quả A-la-hán. Việc này trước tiên phải thỉnh giáo các bậc sư trưởng đã tu chứng để hiểu rõ cảnh giới này. “*Phán định rõ đúng sai*”, rốt cuộc mình đã chứng hay chưa chứng, cảnh giới này có phải chân thật không, hay là hiểu lầm. Việc này bản thân phải rõ ràng, nếu hiểu sai cảnh giới thì đây là tăng thượng mạn, vậy phải “*khẩn thiết sám hối*”, khẩn thiết sám hối tâm ngạo mạn của mình.

“Xả bỏ cái tâm có sở đắc, tinh tấn mong cầu những đạo lý chân thật để xuất ly thì mới mong không bị đọa lạc”. Chân thật muốn tu hành thì không được lấy ít cho là đủ, được một chút khinh an thì liền cảm thấy mình rất tài giỏi, cảm giác rất thỏa mãn, vậy thì không thể tiếp tục tiến lên được. Do đó, tăng thượng mạn sẽ chướng đạo pháp, cho nên cần phải tinh tấn mong cầu những đạo lý quan trọng chân thật để xuất ly. Xả bỏ cái tâm có sở đắc của mình, phải biết trong kinh Kim Cang nói ngay đến sơ quả Tu-đà-hoàn đều đã lìa khỏi tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, các ngài đã không có ta nữa rồi. Ta là một loại kiến hoặc, Tu-đà-hoàn đã đoạn được rồi, cho nên kinh Kim Cang nói chúng được quả Tu-đà-hoàn thì các ngài sẽ không cho rằng mình đã chứng quả Tu-đà-hoàn, vì sao vậy? Bởi vì các ngài là không tướng ta, không có ta thì ai chứng được Tu-đà-hoàn đây? Nếu bạn chấp trước là mình đã chứng Tu-đà-hoàn thì xin lỗi nhé, bạn chưa chứng Tu-đà-hoàn. Bởi vì bạn chưa buông bỏ cái ta, bạn có tâm sở đắc, có tâm sở đắc thì không thể chứng thánh quả, thậm chí Phật quả Bồ-đề rốt cuộc cũng không có cái gì để chứng đắc.

Trong kinh Kim Cang, Phật nói với ngài Tu-bồ-đề rằng: “Thực không có pháp nào nên Như Lai chứng được A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề”. Bạn cho rằng có một pháp gọi là A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, tôi có thể chứng được pháp này, sau khi chứng được pháp A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề này thì tôi có thể thành Phật rồi. Bạn chấp tất cả những cảnh giới này là thật thì không thể chứng đắc, không thể chứng được cảnh giới Phật, không thể chứng được cảnh giới Bồ-tát, vì sao vậy? Trong kinh Kim Cang nói: “Thực không có pháp nào thì gọi là Bồ-tát”, Bồ-tát cũng không có, Phật không có, Bồ-tát cũng không có. Không có này là chỉ điều gì? Bản thân không được có ý niệm này, bạn cho rằng có Bồ-tát để chứng, có Phật để chứng, có Bồ-đề để chứng thì bạn không chứng được, không cách nào đạt được. Nếu buông bỏ tất cả tâm sở đắc thì bạn mới có thể đạt được cảnh giới của Phật Bồ-tát chân thật.

Trong kinh Kim Cang nói: “Hết thấy pháp không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có thọ giả”. Hết thấy pháp đã là *không có ta* thì sẽ không có chuyện: tôi chứng được Bồ-đề, tôi đang độ chúng sanh, những ý niệm này thấy đều không có, vì sao vậy? Không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có thọ giả, thậm chí độ chúng sanh, Phật độ hết chúng sanh, khiến hết thấy vô lượng vô biên chúng sanh, chúng sanh nhiều như cát sông Hằng đều được độ hết, nhưng trong mắt của Phật thì thật không có một chúng sanh nào được độ, không có tướng chúng sanh, chẳng những không có tướng người, mình, chúng sanh, mà ngay đến thấy cũng

không có. Thấy này chính là ý niệm rất vi tế, “không thấy ta, không thấy người, không thấy chúng sanh, không thấy thọ giả”. Cho nên, khi tu hành chúng ta đạt được một số cảnh giới tốt thì đừng khởi tâm động niệm, đừng cảm thấy rất vui mừng, cảm thấy mình rất tài giỏi. Có người nhìn thấy Phật, nhìn thấy Bồ-tát thì vui mừng không gì bằng, đi khắp nơi nói với mọi người, kết quả không bao lâu họ liền bị trúng tà, bị ma nhập, hiện nay chúng tôi có thấy người như vậy.

Lần trước có một cư sĩ ở chỗ chúng ta đây, anh ấy chính là như vậy, viết một tin nhắn kể cho tôi về những trải nghiệm mà trước đây anh tu hành thế nào. Trước đây anh đã thấy Quán Thế Âm Bồ-tát, sau khi thấy Quán Thế Âm Bồ-tát thì lập tức liền xuất hiện cảnh giới ma. Trên thực tế thì anh ấy đã bị ma nhập, đó là yêu ma quý quái lợi dụng tâm tham cầu cảnh giới tốt của anh ấy nên đã nhập vào thân anh ấy. Cho nên có lúc bản thân anh không biết mình muốn làm gì, không khống chế được bản thân, có khi thần hồn điên đảo. Lần trước ở nơi đây thần hồn điên đảo nên bị đuổi ra ngoài. Đây là gì vậy? Tu hành không có thiện tri thức dẫn dắt, bản thân lại không hiểu giáo lý, tu mà luyện đui, nên gặp một số cảnh giới tốt, vốn dĩ là việc tốt nhưng vừa khởi tâm tham chấp thì liền biến thành cảnh giới ma. Việc này trong kinh Lăng-nghiêm nói rất rõ ràng, kinh Lăng-nghiêm nói rằng: *“Không khởi tâm chứng thánh là cảnh giới thiện, nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.”* Điều này đối với người tu hành chúng ta vô cùng quan trọng, khai thị này rất quan trọng. Bạn thấy bất cứ cảnh giới nào, thấy ánh sáng, thấy hoa, thấy Phật đến xoa đầu, các loại tướng lành, nhưng quan trọng nhất là “không khởi tâm chứng thánh”. Đừng cảm thấy dường như mình có cảnh giới rất tuyệt diệu, vượt qua người phàm, khởi tâm vui mừng đắc chí. Đây chính là khởi tâm chứng thánh, điều này không tốt. Bạn không khởi tâm chứng thánh, mà dùng tâm bình thường để đối diện thì đây là cảnh giới thánh, cảnh giới tốt.

Tôi nhớ khi tôi vừa mới xuất gia, xuất gia chưa bao lâu, tôi thế độ dưới tòa của lão hòa thượng thượng Sướng hạ Hoài ở chùa Viên Minh - Hồng Kông. Xuất gia chưa bao lâu, vì muốn báo ân của lão hòa thượng nên đã mở một khóa trại hè cho thanh niên học Phật ở chùa Viên Minh. Có không ít người xuất gia ngắn hạn, xuất gia ngắn hạn cũng cho họ thọ giới sa-di, cho nên năm 2012, trong bảy ngày trại hè đó tôi đã giảng “Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu”. Khi ấy mọi người nghe rất có pháp hỷ, hơn 300 người, tuy điều kiện cư trú rất kém, đều là trải nệm trên đất, ngủ trên đất, nhưng mọi người đều rất hoan hỷ, chủ yếu đều là thanh niên. Kết quả hai

ngày cuối cùng, trên trời xuất hiện rất nhiều tướng lành, có người nhìn thấy Phật Bồ-tát, có người nhìn thấy những tướng lành rất hy hữu. Mọi người đều ở khoảng sân bên ngoài hướng lên trời hoan hô, sau đó đến gọi tôi, lúc đó tôi đang xem sách, chuẩn bị bài giảng. Họ đến gọi tôi, tôi cũng không đi, tôi nói với họ hai câu: “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, có gì tốt mà xem.

Không khởi tâm chứng thánh mới là cảnh giới thiện. Nếu bạn cảm thấy cái đó là tướng lành gì đó, mây lành gì đó, Phật Bồ-tát gì đó đến thì: “Nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến”. Bạn xem đó là thánh cảnh gì đó thì lập tức lạc vào tà kiến, vốn dĩ là cảnh giới thiện, lại biến thành cảnh giới ma, vì sao vậy? Bởi vì tâm bạn không thanh tịnh, tâm bạn động rồi. Tâm này vừa động thì liền cảm ứng với ma, tâm của Phật Bồ-tát là thanh tịnh, không động, tâm của bạn cũng không động thì đó chính là cảnh giới thánh, cho nên cảnh giới tốt nhất là gì? Không có cảnh giới chính là cảnh giới tốt, không có cảnh giới thì tâm bạn không động, cảnh giới tốt. Có cảnh giới gì đó, vậy cũng chưa chắc là cảnh giới tốt, trừ khi tâm bạn thật sự không động, thấy cảnh giới tốt cũng như không thấy, đây chính là cảnh giới tốt. Gọi là cảnh giới tốt vẫn là xét xem tâm của bạn không động, vậy thì đây là cảnh giới tốt. Bạn nhìn thấy những cảnh giới này đều không động tâm thì mới là cảnh giới tốt.

Cho nên “không khởi tâm chứng thánh là cảnh giới thiện”, tức là không khởi tâm, không động niệm là cảnh giới thiện. Nhìn thấy A-di-đà Phật đến cũng không cần khởi tâm động niệm, thọ mạng của bạn đến rồi vậy thì ra đi, thọ mạng chưa đến, nhìn thấy xong rồi thì thôi. Việc qua rồi căn bản là không cần nghĩ lại nữa, mà vẫn cứ miên mật thành thật niệm câu Phật hiệu của bạn là đúng rồi, cho nên điều này rất quan trọng. Bằng không thì thật sự giống như ở đây nói, nếu không phải “tinh tấn mong cầu những đạo lý chân thật để xuất ly thì mới mong không bị đọa lạc”. Nếu không buông bỏ tăng thượng mạn, không buông bỏ tâm chấp trước những tướng lành này thì sẽ đọa lạc, sẽ trầm luân sa đọa, sẽ đọa lạc. Do đó, chúng ta nhìn thấy những ví dụ như vậy ở trước mắt, phải biết những quỷ thần, yêu tà thường sẽ lợi dụng tâm chấp tướng đó của bạn, họ sẽ đến lợi dụng bạn. Bạn không chấp tướng thì căn bản họ không có cách nào hết, bạn không có thóp cho họ nắm thì họ không có cơ hội để lợi dụng. Nếu bạn vừa chấp tướng, vừa tham chấp cảnh giới lành thì những yêu ma quỷ quái này sẽ lợi dụng cơ hội đó, cho nên sẽ dễ đọa lạc, người tu hành này bỗng chốc có thể sẽ tụt xuống rất sâu, còn không bằng trước đây. Đây là bước lùi lớn, cho nên tu hành quả thực không dễ dàng, nhất định phải có thiện tri thức dẫn dắt bạn,

hoặc bản thân phải thâm nhập giáo lý. Đối với thứ tự tu hành, cảnh giới ở mỗi một tầng đều phải hiểu rất tường tận, hơn nữa phải thông đạt, hiểu rõ thật tướng của vũ trụ nhân sinh, biết được “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”.

Đây là lời trong kinh Kim Cang nói, tất cả những tướng mà bạn nhìn thấy đều là tướng hư vọng, bạn đừng cho những tướng hư vọng là thật, bạn vừa chấp trước thì liền đọa lạc. Bạn có thể lìa khỏi tướng, không chấp tướng thì có thể nâng lên cao, cho nên thật sự thấy tướng lành, thấy A-di-đà Phật đến, thấy hoa sen, thấy tướng lành gì đó thì tốt nhất là giữ kín đừng nói, như vậy bạn sẽ không bị đọa lạc, bạn sẽ không dễ mời gọi ma chướng. Như đại sư Huệ Viễn cả đời ba lần nhìn thấy hải hội Liên Trì, thánh cảnh thế giới Cực Lạc, nhưng ngài chưa bao giờ nói với người khác, cuối cùng cho đến trước khi vãng sanh thì ngài mới nói với người khác: “Tôi lại nhìn thấy hải hội Liên Trì rồi, đời này tôi đã nhìn thấy ba lần, đây là lần thứ tư, chắc chắn là sắp vãng sanh rồi”. Quả nhiên hai hôm sau thì vãng sanh, cuối cùng mới nói ra để tăng trưởng lòng tin của người khác, trước khi chưa vãng sanh thì đều không nói, tu hành như vậy mới thuận buồm xuôi gió, xa lìa được ma chướng.

Tiếp theo: “*Nếu vốn dĩ muốn nói dối nhưng nói không rõ ràng nên người nghe không hiểu được, hoặc đang nói mà dừng lại không nói nữa thì đều phạm tội phược tiện bậc trung có thể sám hối, cần gấp rút sám hối để tiêu trừ tội.*” Đây là nói khi đại vọng ngữ, vốn dĩ muốn nói, muốn lừa gạt người khác, nhưng nói không được rõ ràng, nói không tường tận, không thấu đáo. “Tiền nhân” chính là người nghe, họ cũng không lãnh hội được ý của bạn. Bạn nói với một người rằng: “tôi đã chứng được nhị quả rồi”, “hai quả, ba quả gì cơ, chỗ tôi có hai quả táo đây”. Họ không rõ bạn đang nói gì, còn may, vậy thì chưa đến mức phạm trọng tội, nếu họ nghe rõ ràng rồi vậy thì bạn phạm trọng tội, cho nên “người nghe không hiểu được” thì phạm vào tội phược tiện. Hoặc “đang nói mà dừng lại không nói nữa”, tức là nói nhưng mới nói được một nửa, muốn nói với người khác là tôi chứng A-la-hán rồi, “tôi chứng được A...”, nghĩ lại không được, đây là đại vọng ngữ, hai chữ “A-la-hán” này chưa nói ra miệng, đang nói mà dừng lại không nói nữa thì phạm “tội phược tiện bậc trung có thể sám hối”.

Trung chính là bậc trung, vẫn chưa phạm đến bậc thượng, bậc thượng là không thể sám hối, không thông sám hối. Bậc trung thì có thể tác pháp sám hối. Trong giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni là thuộc về bậc thượng trong tứ thứ ba, vậy thì cũng phải khẩn thiết sám hối. Khẩn thiết sám hối chính là sám hối như pháp, tốt nhất là sám

hồi trước tăng, sám hối trong tăng đoàn có bốn người trở lên hoặc ít nhất là hai đến ba người. Căn cứ như trong luật nói, phạm tội bậc trung trong tụ thứ ba thì phải sám hối với hai hoặc ba người. Bậc hạ trong tụ thứ ba là sám hối trước một người, những tội này đều phải gấp rút sám hối để tiêu trừ tội. Nếu không sám hối mà che giấu tội lỗi thì tội nghiệp của họ sẽ tăng thêm, tội chồng thêm tội. Cho nên, nếu chúng ta phạm giới mà chưa sám hối, ngày hôm sau mới sám hối thì đã thêm một tội che giấu rồi. Hôm nay lại chưa phát lộ mà che giấu đi, để qua đêm thì sẽ có tội che giấu qua đêm, lại qua một đêm nữa tiếp tục che giấu, từng đêm từng đêm, qua mỗi một đêm sẽ tăng thêm một tội che giấu. Tội nghiệp này sẽ ngày càng lớn, giống như quả cầu tuyết vậy, cho nên phải gấp rút sám hối để tiêu trừ, sám hối rồi thì sẽ trở lại thanh tịnh. Cho nên, hiện nay tăng đoàn nơi đây của chúng ta có không ít tỳ-kheo, sa-di cũng học theo, mỗi buổi tối đều đối thú sám hối. Phạm giới rồi thì tốt nhất đừng để qua đêm, ngày nào phạm giới thì ngày đó sám hối, sám hối được thanh tịnh.

Tiếp theo: *“Lại nữa, miệng có bốn lỗi”*, lỗi của miệng, khẩu nghiệp có bốn loại, thứ nhất là nói dối, thứ hai là nói thêu dệt, thứ ba là nói ly gián, thứ tư là nói thô ác. Ở đây có giải thích rõ từng điều.

Thứ nhất nói dối là *“thấy mà nói không thấy, không thấy nhưng lại nói thấy. Nghe, giác, biết... đều như vậy”*. Đây là nói một loại, nhìn thấy nhưng nói không thấy. Ví dụ người ta đến hỏi bạn: “anh có thấy người nào đó đi qua đây không?” Bạn rõ ràng nhìn thấy rồi nhưng khẳng khẳng nói không thấy, hoặc rõ ràng không thấy mà nói đã thấy, đây đều là nói lời trái với tâm, đây đều thuộc về nói dối. Nói trái với tâm là bất luận lời bạn nói ra có đúng với sự thật hay không. Ví dụ bạn nhìn thấy con nai mà bảo là con ngựa, nói với người khác rằng nó là một con ngựa. Giả sử trong tâm bạn nghĩ nó là con nai nhưng lại nói nó là con ngựa, là thuộc về nói dối. Ví dụ nó là một con nai nhưng trong tâm bạn lại nghĩ nó là một con ngựa. Bạn nghĩ sai rồi nhưng sau đó nói với người khác rằng nó là một con nai, bạn nói lời trái với tâm. Bạn nghĩ nó là ngựa nhưng lại nói với người khác nó là nai. Tuy trên thực tế nó là một con nai, bạn nói đúng rồi, vừa may nói đúng rồi, nhưng lời bạn nói trái với tâm nên vẫn thuộc về nói dối, cho nên chúng ta phải hiểu rõ ý này.

“Thấy mà nói không thấy, không thấy nhưng lại nói thấy”, đây là nói về dùng mắt để nhìn. Nghe là dùng tai, nghe, giác, biết v.v., những điều này đều giống như vậy. Nói đầy đủ tức là “không nghe thấy nhưng nói có nghe thấy, nghe thấy nhưng lại nói không nghe thấy”. Người ta hỏi bạn có nghe thấy ai đó nói gì không? Rõ ràng

bạn không nghe thấy nhưng nói mình đã nghe thấy, không nghe thấy mà nói đã nghe thấy. Hoặc rõ ràng đã nghe thấy nhưng nói mình không nghe thấy, “nghe thấy mà nói không nghe thấy”, đây đều thuộc về nói dối. Hoặc “không cảm giác thấy nhưng nói có cảm giác thấy, cảm giác thấy nhưng nói không cảm giác thấy”. Bạn không có cảm giác này nhưng bạn nói có cảm giác này. Họ hỏi bạn: anh nghe giảng có thấy pháp hỷ không? Có có, rõ ràng bản thân rất khổ não, nhưng sau đó nói rất pháp hỷ, “không cảm giác thấy nhưng nói có cảm giác thấy”, đây đều là nói dối. Lời nói thường phải thành thực, không được nói những lời khách sáo, nói thêu dệt, lừa gạt người đời. Thà không nói, chỉ mỉm cười một cái là được rồi, bạn nói ra lời nói dối thì đó là phạm giới. Còn có “không biết mà nói biết, biết nhưng nói không biết” đều giống như vậy. “Vân vân” là bao gồm tất cả.

Tiếp theo xin kể với mọi người một công án, người xuất gia nhất định phải thường nói lời thành thật, không được nói dối, dù mất thân mạng cũng không được lừa gạt người, giống như đức Phật là “nói lời chân thật, nói đúng sự thật, sự thật như thế nào thì nói như thế đó, không nói lời lừa gạt, không nói lời khác nhau”. Công án này nói trước đây có một vị tỳ-kheo, trong năm giới thì ông đã phạm hết bốn giới rồi, chỉ còn lại một giới không nói dối, ông vẫn kiên trì giữ không phạm. Kết quả vì năm giới *giết, trộm, dâm, dối, rượu* đều có thần hộ giới. Mỗi một giới sẽ có năm vị thần hộ giới, ông đã hủy phạm bốn giới rồi, chỉ còn lại một giới, cho nên ông chỉ có 5 vị thần hộ giới đến bảo vệ ông; 5 vị thần hộ giới này cũng có chút chán nản: ngài xem chúng ta tổng cộng có 25 vị thần hộ giới đến, 20 người đều đã đi rồi, chỉ còn lại 5 người chúng ta, chúng ta cũng nhanh chóng đi thôi, nhưng ông ta không phá giới thì không thể đi được, làm sao đây? Chúng ta dụ dỗ để ông ta phạm giới là được rồi, vậy là 5 vị thần hộ giới này đã dụ dỗ ông, thần hộ giới liền biến thành một con hổ chặn đường ông. Lúc này vị tỳ-kheo ấy đang đi trên đường, bởi vì có hẹn với một người, con hổ này liền chặn đường ông, muốn ăn thịt ông.

Vị tỳ-kheo này bởi vì không nói dối, rất thành thực, nên nói với hổ rằng: “hồ à, ta đã có hẹn với một người, nếu người ăn thịt ta thì ta đã thất hẹn với người ta rồi, ta không giữ chữ tín, giới pháp của ta cũng bị hủy hoại, việc này không được, hay là người thả cho ta đi, đợi ta đến nơi hẹn, làm xong việc sẽ quay lại, rồi người ăn thịt ta cũng chưa muộn”. Vậy là con hổ này bèn thả cho ông đi. Vị tỳ-kheo này rất thành thật, làm xong việc và thật sự đã quay lại tìm con hổ này, nói với hổ rằng: “được rồi, ta làm xong việc, người đến ăn đi”. Ông liền cởi y phục ra, ngồi nghiêm trang ở đó,

chuẩn bị cúng dường thân thể cho hổ. Lúc này đột nhiên con hổ biến mất, trên trời xuất hiện 5 vị thần hộ giới tán thán vị tỳ-kheo này rằng: “lành thay, lành thay, có thể thà bỏ thân mạng cũng không hủy phạm giới pháp”. Tỳ-kheo này nghe thấy thần hộ giới tán thán như vậy, đương nhiên bản thân ông cũng cảm thấy rất hổ thẹn, năm giới chỉ còn lại một giới cuối cùng này, may mà vẫn có thể giữ được, từ đó về sau ông kiên quyết sửa đổi lỗi lầm, sám hối tội phạm giới của mình, sau đó tất cả giới đều được khôi phục, sám hối được thanh tịnh, cho nên 20 vị thần hộ giới còn lại cũng đều đến. Trên thực tế, đối với một tỳ-kheo mà nói không chỉ là năm giới, cư sĩ thọ năm giới, tỳ-kheo là 250 giới. Câu chuyện này chứng minh cho chúng ta một đạo lý, chính là chỉ cần có thể cố gắng giữ gìn giới pháp thì thật sự sẽ có thần hộ giới. Sau đó, vị tỳ-kheo này tinh tấn tu đạo nên ông cũng chứng đắc thánh quả.

Ở đây phải nói rõ một chút, vị tỳ-kheo này thà bỏ thân mạng cũng giữ chữ tín, giữ chữ tín đương nhiên cũng có quan hệ, liên quan đến điều giới không nói dối này, nhưng nếu ở trong trường hợp này, ví dụ ông thật sự bị hổ ăn thịt, ông thất hứa với người, trường hợp thất hứa với người này trên thực tế ông không phạm tội nói dối, bởi vì khi đó ông đã đồng ý với họ đi đến buổi hẹn, ông không hề lừa gạt người ta, chỉ là sau đó ông gặp nạn duyên này nên không cách nào đến buổi hẹn được. Trên thực tế, khi có nạn duyên thì có thể cho phép, thất hứa cũng không phạm giới. Mặc dù sau đó bản thân ông không có nạn duyên, nhưng ông muốn thất hứa thì cũng không cấu thành giới nói dối. Bởi vì lúc ông đồng ý với họ, ông không có tâm lừa gạt người ta, sau đó ông thay đổi chủ ý, đổi chủ ý thất hứa với người thì cũng chỉ phạm một tội nhỏ, trong giới tỳ-kheo thuộc về tội ở chương thứ năm. Nhưng nói dối là thuộc về tội ở chương thứ ba nên tương đối nặng.

Giả sử khi gặp trường hợp thật sự cứu giúp chúng sanh, vì muốn cứu giúp chúng sanh thì có thể nói lời phương tiện, không nhất định là không được nói sang đề tài khác, có gì thì nói đó. Chỗ này xin kể với mọi người, trên kinh có một công án như thế này, đây là trong luật nói.

Trong “Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Luật” có nói: Nếu tỳ-kheo gặp một người thợ săn đuổi theo một con nai. Con nai này chạy vào trong chùa, người thợ săn này đuổi đến nơi, lúc này vừa hay có một tỳ-kheo ở đó nhìn thấy con nai đã trốn rồi, người thợ săn liền hỏi vị tỳ-kheo rằng: “Thánh giả, ngài có nhìn thấy một con nai chạy qua đây không?” Lúc này nên trả lời như thế nào? Nếu bạn nói: “Có, ở đằng kia”, người thợ săn ấy lập tức giết con nai, vậy thì bạn xem như đã giúp người

khác giết hại chúng sanh rồi, đây cũng là phạm giới. Bạn cũng không thể nói không thấy, không thấy là nói dối, cũng là phạm giới, phương tiện thiện xảo thì nói thế nào vậy? Trong luật dạy chúng ta thế này: Vị tỳ-kheo này không nên nói tôi thấy, không được nói tôi đã nhìn thấy, mà nên nói như thế nào? Ví dụ lúc này thời tiết rất nóng, vậy bạn liền nói: “Hiền thủ”, rất khách khí, rất nhiệt tình gọi đối phương là hiền thủ. “Hiền thủ, mời ngài vào phòng khách trước, chúng ta uống tách trà cho mát, nghỉ ngơi một chút”. Giả sử trời rất lạnh, bạn có thể nói: “Hiền thủ, mời ngài vào trong phòng này, trong phòng ấm hơn, đốt lửa sưởi ấm một chút trước đã”. Kết quả người thợ săn này nói: “Thầy đừng lo, con không mệt, bây giờ con phải đi tìm con nai đã, thầy nói cho con biết, thầy có thấy con nai đó không?”

Vị tỳ-kheo thấy chiêu thứ nhất không hữu dụng rồi, vậy thì dùng chiêu thứ hai, trước tiên vị tỳ-kheo nhìn móng tay của mình, nhìn móng tay xong rồi sau đó nói: “Tôi thấy móng tay”, sau đó lại nhìn hư không, “tôi thấy hư không”, đây là chiêu thứ hai. Người thợ săn này không kiên nhẫn nữa: “Con không hỏi thầy thấy móng tay, hay thấy hư không, con hỏi thầy thấy nai, có nhìn thấy con nai không?” Lúc này vị tỳ-kheo dùng chiêu thứ ba, tức là tỳ-kheo nhìn khắp bốn hướng, sau đó tự tác ý, tư duy rằng: *“trong trống nghĩa để không có chúng sanh hữu tình”*. Như trong kinh Kim Cang nói: “Không có ta, không có người, không có chúng sanh”, trong trống nghĩa để không có hết thấy chúng sanh hữu tình, cho nên lúc này bèn nói với thợ săn rằng: “Tôi không thấy chúng sanh hữu tình”, như vậy thì không phạm giới. Vị tỳ-kheo có nói dối không? Không nói dối, bởi vì họ không nói lời trái với tâm, trong tâm họ nghĩ như vậy nên họ nói như vậy. Họ nói, tôi không thấy chúng sanh là trong tâm họ nghĩ như vậy, kinh Kim Cang chẳng phải dạy chúng ta là không có tướng chúng sanh hay sao, cho nên họ nói không có chúng sanh, họ cũng không nói sai, tôi không thấy chúng sanh, nhưng đối phương nghe có hiểu hay không thì không quan trọng, họ nghe không hiểu là việc của họ, dù sao thì tôi cũng không nói dối, nhưng tôi cũng cứu được con nai này. Phải làm như vậy, đây là phương tiện thiện xảo.

Không được tùy tiện nói dối. Nếu tùy tiện nói dối, người ta hỏi bạn có nhìn thấy con nai không? Bạn nói không thấy. Trên thực tế thì như vậy cũng là phạm giới nói dối, phạm tội ở chương thứ ba, tuy bạn có tâm tốt muốn cứu giúp chúng sanh, nhưng quay lại thì bạn vẫn phải sám hối tội ở chương thứ ba. Đây là Bồ-tát phát tâm, thà bản thân xuống địa ngục cũng phải cứu giúp chúng sanh, như vậy thì được, nhưng Bồ-tát cũng phải tôn trọng giới tỳ-kheo, cũng phải tôn trọng giới Thanh văn. Phạm

giới tướng trong giới Thanh văn này thì vẫn phải như pháp mà sám hối, bởi vì họ thật sự đã phạm giới, phù hợp với tội tướng này. Tiếp theo, chúng tôi sẽ nói đến cụ duyên thành phạm, đầy đủ sáu duyên thì nói dối, tiểu vọng ngữ sẽ cấu thành phạm tội. Sáu duyên đầy đủ thì bạn phạm giới nói dối, phải căn cứ theo giới pháp của Thanh văn, như pháp mà sám hối diệt tội. Không thể dùng tâm từ bi hộ niệm chúng sanh trong giới Bồ-tát để phá hoại giới pháp Thanh văn, như vậy cũng không được. Dương nhiên, nếu làm giống như vị tỳ-kheo này là tốt nhất. Họ dùng trí tuệ, phương tiện thiện xảo, vừa không nói dối lại cứu được chúng sanh.

Điều này trong luật cũng dạy rất tỉ mỉ, dạy chúng ta các loại phương pháp để có thể cứu giúp chúng sanh. Trong điều giới này nói: *“Lại nữa, sự thật là có nhưng lại nói là không, sự thật là không mà lại nói là có, lừa dối người khác thì đều gọi là nói dối”*. Bạn rõ ràng nhìn thấy con nai, có thấy con nai này nhưng bạn nói không thấy thì cũng tính là phạm giới, sự thật là không nhưng lại nói là có cũng là nói dối, đây đều là tánh tội, vẫn phải nhanh chóng sám hối. Tội nói dối này thuộc về tiểu vọng ngữ, không phạm đến trọng tội, nhiều nhất là thuộc về giới bậc trung hoặc bậc hạ. Căn cứ theo Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu của đại sư Ngẫu Ích thì ngài không đặc biệt nêu rõ; căn cứ theo Tỳ-Kheo Giới Tướng Biểu Ký mà nói thì tội ở chương thứ ba, có thể phán bằng với tội bậc hạ. Cho nên sau chương thứ ba, tội ở sau chương thứ ba của giới tỳ-kheo đều thuộc về bậc hạ, nhưng đại sư Ngẫu Ích, còn có giảng ký của hòa thượng Thanh Công đều phán chỗ này là bậc trung. Tuy cách phán này có một số khác biệt, nhưng phương pháp sám hối thì đều giống nhau. Bậc trung và bậc hạ này là phạm vào tội bậc trung của tiểu vọng ngữ trong tội nói dối, hoặc nếu phán thành tội bậc hạ thì đều đối trước một vị pháp sư là có thể sám hối thanh tịnh.

Cho nên, *“người phạm tội phải nhanh chóng sám hối, thể không tái phạm nữa”*. Nghĩa lý quan trọng nhất của sám hối là sau không tái phạm nữa. Nếu không sửa đổi, tương lai vẫn phạm, vậy thì không có tâm khẩn thiết sám hối, mà là tâm khinh mạn giới pháp, có tội không chịu sám hối, tương lai gặp phải cảnh giới thì chắc chắn phạm giới, như vậy thì *“hiện đời sẽ bị người khinh bỉ, chết đọa vào ba đường ác”*. Hiện đời sẽ bị người coi thường, bởi vì người thường nói dối, bạn có thể thành công lừa dối người ta một lần, lừa hai lần, ba lần đều có thể thuận lợi, nhưng lừa nhiều rồi thì người ta sẽ không tin tưởng bạn nữa, sau này dù bạn có nói lời thật thà nào đi nữa thì họ đều cho rằng bạn đang nói dối, cho nên nói dối sẽ bị người coi

thường, sau khi chết quả báo đều ở tam đồ, chính là ba đường ác: địa ngục, quỷ đói, súc sanh.

Được rồi, đoạn này chúng tôi giảng đến đây trước, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 13

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 27/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mở sách đến môn thứ tư “không vọng ngữ” trong thập giới môn. Bây giờ giảng “tùy văn thích nghĩa”, phần nghĩa lý đã giảng đến đoạn nhỏ “nói thêu dệt” rồi.

“Thứ hai, nói thêu dệt là lời nói không có nghĩa, không có lợi, từ ngữ thuận theo thế tục làm tăng trưởng tâm phóng dật, quên mất chánh niệm, cũng phải nhanh chóng sám hối thì không tái phạm. Nếu không sửa đổi thì hiện đời bị người khinh chê, chết đọa vào đường ác”.

Loại thứ hai trong khẩu nghiệp là nói thêu dệt. Loại thứ nhất ở phía trước là nói dối, tức là tiểu vọng ngữ, không thuộc vào đại vọng ngữ. Tội thứ hai của miệng là nói thêu dệt. Nói thêu dệt tức là chỉ “lời nói không có nghĩa, không có lợi”, những “từ ngữ thuận theo thế tục”. Trước tiên giải thích hai chữ “nghĩa” và “lợi”. Nghĩa là gì? Lợi là gì? Căn cứ theo sách Giải Thâm Mật Kinh Sớ, quyển thứ 3 trang 21 nói rằng : “*Lợi ích ở đời này gọi là nghĩa, lợi ích ở đời sau gọi là lợi. Thế gian gọi là nghĩa, xuất thế gọi là lợi. Là ác gọi là nghĩa, nhiếp thiện gọi là lợi. Phước đức gọi là nghĩa, trí tuệ gọi là lợi. Nghĩa và lợi là phân biệt như vậy*”. Ở đây phân biệt ý nghĩa của nghĩa và lợi rất hay.

“Lợi ích ở đời này gọi là nghĩa”, tức là lợi ích ở ngay đời này thì gọi là nghĩa, lợi ích ở đời sau gọi là lợi, đây là căn cứ theo sự khác nhau về thời gian mà phân biệt.

Tiếp theo nói: “thế gian gọi là nghĩa, xuất thế gọi là lợi”, đây là chỉ không gian, theo pháp thế gian mà nói thì đây gọi là nghĩa, nếu theo pháp xuất thế gian mà nói thì gọi là lợi. Pháp thế gian đương nhiên cũng chỉ cho thiện pháp. Ví dụ, nhà Nho đề xướng bát đức: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si. Đây là thuộc về nghĩa, tuy là pháp thế gian, nhưng người xuất gia chúng ta cũng cần tu tập, tất cả đạo đức của thế gian thì chúng ta đều phải tuân thủ. Phật pháp ở thế gian không được hủy hoại pháp thế gian. Nếu đạo đức của người xuất gia chúng ta không bằng cả một người tại gia thông thường thì chẳng khác nào chúng ta đã làm bề mặt Thích-ca Mâu-ni Phật, vậy sẽ khiến người đời chê cười Phật pháp, mất đi lòng tin đối với Phật pháp, vậy thì trách nhiệm nhân quả của chúng ta sẽ rất nặng. Cho nên chúng ta học giới, giới luật này có nền tảng, nền tảng chính là những luân lý đạo đức của thế gian này. Bắt đầu học từ Đệ Tử Quy, bắt đầu học từ Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, cũng nên xem những sách này như giới luật để học tập. Nếu hủy phạm, bị người thế gian chê cười, thì chúng ta cũng phạm tội ở chương thứ năm rồi. Tỳ-kheo thì nói ở chương thứ năm, sa-di phạm giống như vậy đều phải đối thú sám hối.

Chúng ta sám hối phải chân thành, không thể nói dù sao tội nhỏ này đối thú sám hối qua là được, phạm cũng không sao. Chỗ chúng ta đây có người như vậy đấy, quá ngạo mà còn ăn, người ta cho thầy ấy một chiếc kem, thầy liền ăn, họ còn hỏi như vậy có phạm giới không? Người ta nhắc nhở thầy là phạm giới, thầy ấy nói: “Đừng lo, ăn rồi đi sám hối là được”. Bạn xem, đây là khinh mạn đối với giới pháp, dùng tâm khinh mạn hủy phạm, ngay cả phạm giới ở chương thứ năm thì quả báo cũng là đọa địa ngục 9 triệu năm, đây là đời sau; còn đời này là ca-sa lìa thân, phải hoàn tục, phải rời khỏi tăng đoàn. Ví dụ này bày ra trước mắt chúng ta rồi. Đây là gì vậy? Thần hộ pháp không phục họ, nên phiền não của họ hiện tiền, nghiệp chướng hiện tiền, đây là gì? Nghĩa của thế gian, họ đều không có. Nghĩa của thế gian là gì? Tận bốn phận, đây chính là nghĩa, bạn có thân phận như thế nào thì bạn phải tận trách nhiệm như thế đó. Ví dụ, ở thế gian bạn là cha thì phải tận trách nhiệm của người cha. Là con thì phải tận trách nhiệm của người con. Cha từ con hiếu, anh thương em kính, quân nhân thần trung, chồng nghĩa vợ thuận, lớn ơn nhỏ thuận, ngũ luân thập nghĩa này chúng ta đều phải tuân thủ. Đây là nói người tại gia,

luân lý của tại gia là nói ngũ luân, chính là năm mối quan hệ, gọi là vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè, năm luân này nếu không tận bổn phận, không tận nghĩa vụ thì chính là bất nghĩa. Bất nghĩa sẽ mắc bệnh gì? Phổi, đại tràng sẽ bị bệnh, biểu hiện ở trên da sẽ không đẹp, bởi vì phổi biểu hiện thông qua da, phổi và da có quan hệ trong ngoài với nhau. Gốc của đức chính là nghĩa, ngũ tạng và ngũ thường có quan hệ tương thông, ngũ thường *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín* này mà khiếm khuyết thì thân thể sẽ bị bệnh.

Luân lý của người xuất gia là nói luân lý của bảy chúng, thứ nhất là tỳ-kheo, thứ hai là tỳ-kheo-ni, thứ ba là thức-xoa-ma-na, thứ tư là sa-di, thứ năm là sa-di-ni. Năm chúng xuất gia này thì bậc dưới phải tôn trọng bậc trên, đây chẳng những là ngũ luân của thế gian mà còn là luân lý của bảy chúng trong cửa Phật. Năm chúng xuất gia còn có hai chúng tại gia chính là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, mỗi người đều phải giữ gìn giới của mình, đây chính là tận nghĩa vụ. Bạn là tỳ-kheo mà không giữ giới tỳ-kheo thì bạn bất nghĩa. Bạn là sa-di mà không giữ giới sa-di là bất nghĩa. Bạn là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thì ít nhất bạn phải giữ ngũ giới, vậy mới xứng đáng với thân phận này, nếu không thì sẽ có tội, tội gì vậy? Giả mạo danh nghĩa, cái danh này không phải thật, mà là giả, vậy thì sẽ có tội.

Người thế gian bán thuốc giả thì công an phải bắt họ, càng huống hồ chúng ta bán thuốc giả ở trong cửa Phật, vậy thì thần hộ pháp nhất định sẽ bắt họ, họ sẽ gặp tai họa, dù hiện tại không gặp tai họa nhưng sau này cũng sẽ gặp tai họa. Thực tế là nếu nghiệp quá nặng thì thần hộ pháp đều không quản họ nữa, tương lai họ phải đọa địa ngục. Thần hộ pháp có thể quản nghĩa là bạn còn có thể cứu được, các ngài có thể quản thì sẽ nghiêm trị bạn một cách thích đáng để bạn quay đầu. Nếu bạn hết cách cứu rồi thì thần hộ pháp cũng sẽ không quản bạn nữa, vậy tương lai bạn sẽ theo nghiệp mà lưu chuyển. Tội phạm giới rất đáng sợ, như vừa rồi nói, dù phạm một tội nhỏ, dùng tâm khinh mạn để hủy phạm thì tương lai sẽ đọa địa ngục 9 triệu năm, càng huống hồ là trọng tội, càng huống hồ là phạm vô lượng vô số ức tội. Cho nên, chúng ta cần có nền tảng luân lý đạo đức của thế gian để học Phật, để xuất gia, để trì giới thì bạn mới có thể như pháp được. Từ thế gian nâng cao lên xuất thế gian, xuất thế gian thì gọi là lợi, đây là đi trên con đường giải thoát, làm người còn chưa tốt mà bạn muốn cầu giải thoát thì khó lắm. Đương nhiên cũng có những người từng tạo tội thập ác không thể dung thứ, nhưng họ quay đầu, ở trong cửa Phật cầu sám hối thì họ có thể được giải thoát. Việc này phải chí thành sám hối

mới được, không chí thành sám hối thì không sám trừ được tội nghiệp. Cho nên, đây là nói dùng một cặp pháp thế gian và xuất thế gian để nói về nghĩa và lợi.

Cặp tiếp theo là “lìa ác gọi là nghĩa, nhiếp thiện gọi là lợi”. Lìa khỏi tất cả ác pháp gọi là nghĩa, thu nhiếp tất cả thiện pháp gọi là lợi. Đây là thông qua hai phương diện đoạn ác, tu thiện để nói. Đoạn ác là thuộc về giới luật nghi, tu thiện là giới nhiếp thiện pháp, đương nhiên cũng bao hàm cả giới nhiều ích hữu tình, đây đều thuộc về lợi, lợi ích chúng sanh, lợi ích người khác. Lợi người mới là thiện, lợi mình chính là ác, cho nên trừ bỏ tự tư tự lợi, hoàn toàn lợi người, hết thấy đều lo nghĩ cho chúng sanh thì đây chính là nghĩa và lợi. Vì sao nhất định phải đoạn trừ tự tư tự lợi? Bởi vì tự tư tự lợi chính là chấp ta, chấp ta là gốc của luân hồi, là nguyên nhân căn bản khiến bạn chịu khổ vô tận, cho nên trên thực tế tự lợi chính là tự hại, tổn người thì chắc chắn không lợi mình.

Tiếp theo nói, “phước đức là nghĩa, trí tuệ là lợi”, đây là nói cặp phước và tuệ. Người có phước đức thì như thế nào? Nhất định là có nghĩa, họ có thể đoạn ác tu thiện. Đây là có phước đức, không chịu đoạn ác tu thiện mà tùy thuận theo phiền não tập khí của mình thì không có phước đức. Người không có phước đức thì họ sẽ gặp đủ loại chướng ngại, ma nạn. Như đạo tràng này của chúng ta, mọi người chân thật tu hành, có phước thì có thể an trụ. Phước đức của bạn đến như thế nào vậy? Là bạn phải thật sự tu hành. Nếu không thật tu hành thì phước báo đó sẽ tiêu hết rất nhanh.

Bạn xem, những Bồ-tát nghĩa công ở chỗ chúng ta đây hằng ngày đều vất vả hộ trì chúng ta như vậy, để chúng ta an tâm hành đạo. Số lượng nghĩa công so với tăng đoàn chúng ta ít nhất cũng nhiều hơn hai đến ba lần; nói cách khác là hai, ba người đến chăm sóc một người. Nếu chúng ta không nghiêm túc tu hành thì phước này của bạn có thể hưởng được mấy ngày đây? Bạn sẽ nhanh chóng bỏ đi thôi, không cần tăng đoàn đuổi bạn, mà phiền não của mình hiện hành thì sẽ tự ra đi. Chúng ta bình tĩnh lại để xem, thật sự bày ra trước mắt chúng ta, nhân quả quyết không hư dối, cho nên phước đức rất quan trọng. Phước đức tức là bạn phải dùng chân tâm để tu đạo. Tu không tốt phải sanh tâm hỏ thẹn, dù tu tốt thì bản thân cũng cảm thấy hỏ thẹn. Bạn tu tốt, có thể là so với thời đại hiện nay, nếu bạn so với tổ sư đại đức thì chúng ta sẽ cảm thấy hỏ thẹn nhục nhã, thật sự là ngay đến tư cách xách giày cỏ cho tổ sư đại đức cũng không có. Có hỏ thẹn là thuộc về thiện tâm, là có phước. Không biết hỏ thẹn, phạm lỗi, tạo ác đều cho là không sai, không quan

trọng, thậm chí coi việc làm ác là sở trường, vậy thì phước đức của người này sẽ tiêu hết rất nhanh.

Trí tuệ chính là lợi, người có trí tuệ thì họ nhất định sẽ lợi người, không phải lợi mình. Người ngu si mới tự tư tự lợi, họ không biết thực tế rằng tự tư tự lợi không hề có lợi ích cho mình, mà chỉ có hại, tiêu mất phước báo của mình, hao tổn công đức của mình, không có bất cứ lợi ích gì. Ngược lại lợi người là tăng trưởng phước đức của mình, đây mới là có trí tuệ, cho nên chúng ta bắt đầu tu hành từ đâu? Tu từ khởi tâm động niệm của bạn, buông bỏ tự tư tự lợi, bắt đầu từ đây. Ở trong tăng đoàn, hết thấy chúng ta đều lo nghĩ cho tăng đoàn, không lo nghĩ cho bản thân, đây là cách tốt nhất để đoạn trừ ngã chấp. Ví dụ bạn tu một mình thật sự rất khó để quán chiếu ra được, nhưng bạn ở trong đoàn thể thì rất dễ quán chiếu. Bởi vì nếu bạn tự tư tự lợi thì chắc chắn không hòa hợp được với đoàn thể, sẽ có xung đột, sẽ khởi đối lập xung đột với người khác. Lúc này bạn phải làm sao? Bạn phải suy xét lại bản thân rằng: mình có vấn đề rồi, sai là sai ở nơi mình, đừng nhìn người khác có sai hay không? Nếu thấy người sai, mình đúng thì bạn chắc chắn sẽ nảy sinh xung đột với người. Xung đột là sai rồi, bạn đã phá hòa hợp tăng, đó chính là sai lầm lớn. Bạn có lý đi nữa cũng đều là sai, cho nên làm như thế sẽ nhanh đoạn chấp ta. Do đó, có thể ở trong tăng đoàn trì giới tu hành 3 năm đến 5 năm thì tập khí của bạn có thể nói là cũng được mài giũa tương đối khá, trừ khi bạn không thật làm, bạn để ngày tháng trôi qua vô ích thì lại là một chuyện khác, nếu bạn thật sự tu hành thì tập khí này sẽ được mài giũa một cách nhanh nhất. Đây là nói về nghĩa và lợi.

Phàm là từ ngữ không có nghĩa và lợi thì đều không nói, “*không thích nói những ngôn từ của thế gian, thích luận chánh pháp*”. Đây là lời trong kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta. “Bất hân”, bất hân tức là không thích, không thích nói những lời của thế gian. Người thế gian thích nói những gì? Ăn uống, nam nữ, đều thích nói những thứ này. Người xuất gia chúng ta cũng theo họ nói những điều này thì phạm tội nói thêu dệt. Vậy thì phải nghiêm túc triệt để hỏi cái. Nếu không sửa đổi thì ở đây nói “chết đọa vào đường ác”, “hiện đời bị người khinh chê”. Người xuất gia còn nói những lời mà ngay đến người thế gian cũng cảm thấy vô liêm sỉ, vậy thì còn ra thể thống gì nữa? Bạn bị người thế gian khinh thường, nếu bạn bị khinh thường thì còn tốt một chút, nhưng hiện nay hình tượng của bạn là hình tượng của người xuất gia, là hình tượng tăng bảo, nếu bạn còn tạo nghiệp này thì

chính là phá hoại hình tượng tăng bảo, cho nên chết rồi chắc chắn đọa ác đạo. Đây là tội diệt pháp, tội phá tăng, tội này là nặng nhất, cho nên nếu có việc này thì bản thân phải sanh tâm đại khiếp sợ, đại kính sợ, cố gắng cầu sám hối. Nếu không cầu sám hối thì thuộc vào chủng tánh nhất-xiển-đề. Thế nào gọi là nhất-xiển-đề? Là thiện căn bị đoạn mất rồi, tương lai nhất định đọa địa ngục.

“*Nói những lời phù phiếm của thế tục*”, tức là nói những lời phù phiếm tùy tiện của thế tục, những lời ngả ngớn, cợt nhả. Việc này đều là bản thân tự hạ thấp nhân cách của chính mình. Người xuất gia thì hạ thấp tư cách tăng nhân của chính mình. Tư cách của tăng là gì? Là sự tôn nghiêm của tăng bảo. Người xuất gia là đại tượng phu, bậc thầy mô phạm của trời người, vậy thì phải biểu hiện ra dáng vẻ tốt đẹp khiến người thế gian sanh khởi tâm kính phục, ngưỡng mộ, tôn trọng, đó chính là bạn đang hộ trì tam bảo. Ngược lại, khiến người thế gian khinh thường thì chính là khinh thường tam bảo. Cho nên, vì sao Phật pháp bị suy vi? Trách nhiệm không phải ở bên ngoài, mà chính là bản thân chúng xuất gia chúng ta không làm tấm gương tốt. Đừng nói rằng một mình tôi không làm tấm gương tốt, nhưng tôi làm sao có thể ảnh hưởng lớn như vậy được? Không nói vậy được, bởi vì bạn mặc bộ y phục này, bạn khoác chiếc ca-sa này của Như Lai là bạn đại diện cho hình tượng của tam bảo, bạn không cố gắng làm tốt, nhất cử nhất động có sai sót thì đều có nhân quả. Cho nên, vì sao cổ đức nhắc nhở chúng ta rằng “trước cửa địa ngục tăng đọa nhiều”. Ai sẽ đọa địa ngục? Người xuất gia đọa địa ngục, người tu đạo đọa địa ngục, những người này rất nhiều. Bản thân họ cũng không biết tại sao mình đọa, nguyên nhân là gì? Chính là vì họ đại diện cho hình tượng này, không làm tốt hình tượng, khiến người thế gian khinh thường Phật pháp, đoạn mất thiện căn, huệ mạng của hết thảy chúng sanh, tội này rất nặng.

Tiếp theo nói “*tăng trưởng tâm phóng dật*”, nói những lời thêu dệt này sẽ làm tăng trưởng tâm phóng dật của chúng ta. Phóng dật là pháp phiền não, nó là tùy phiền não lớn ở trong 20 loại tùy phiền não. Phóng dật được định nghĩa thế nào? Căn cứ theo sách Bách Pháp Minh Môn Luận, đại sư Khuy Cơ chú giải rằng: “Tánh của nó là phóng túng nên đối với ô nhiễm không thể phòng ngừa, đối với thanh tịnh không thể tu dưỡng; nghiệp dụng của nó là chướng ngại [thiện pháp] không phóng dật, và làm chỗ nương tựa cho ác pháp tăng trưởng, thiện pháp bị tổn giảm.” Ý nói rằng phóng dật là đối với những pháp ô nhiễm không thể phòng ngừa ngăn dứt thật tốt, còn đối với các pháp cần thân cận thì không thể cố gắng tu tập. Đây chính là

phóng dật, cũng chính là tùy thuận tập khí phiền não của mình, không thể tùy thuận theo giáo huấn của Như Lai. “Tánh của nó là phóng túng”, dung túng, phóng dật là thể tánh của phiền não, nó sẽ chướng ngại cái gì? Chướng ngại thiện pháp không phóng dật. Phía trước chúng ta có nói không phóng dật là pháp thực để thành tựu Niết-bàn thanh tịnh. Nói cách khác, chỉ có không phóng dật thì chúng ta mới có thể chứng đắc Niết-bàn. Phóng dật giải đãi là đi ngược lại với Niết-bàn. Nói thêm dật sẽ khiến người phóng dật, phóng dật thì nhất định sẽ thụt lùi. Chúng ta cũng thấy có người khi vừa bắt đầu thì còn rất tốt, rất có thiện căn, rất hiếu học, rất thành thực, kết quả vừa nói với người khác vài lời thêm dật, cợt nhả thì liên tục thụt lùi, đây là do phóng dật. Phóng dật khiến bạn tăng trưởng ác pháp, hủy hoại thiện căn, cho nên bạn muốn tiến bộ thì nhất định phải đoạn trừ những pháp phiền não chướng ngại sự không phóng dật. Miệng không nói những lời thêm dật của thế gian.

“*Không thích nói những ngôn từ của thế gian, thích luận chánh pháp*”, vui thích nói chánh luận, nói về Phật pháp, nói pháp thanh tịnh, khẩu nghiệp của bạn thanh tịnh thì bạn cũng có thể tăng trưởng thiện căn. Cho nên ở đây nói thêm dật thì “nghiệp dụng của nó là làm chỗ nương tựa cho ác pháp tăng trưởng, thiện pháp bị tổn giảm”. Nó sẽ tăng trưởng ác pháp, tổn hại thiện pháp, là theo nghiệp dụng này mà tăng trưởng ác, tổn hại thiện. Cũng tức là nói, nếu chúng ta nói thêm dật thì ác nghiệp sẽ tăng trưởng, thiện căn bị tổn giảm.

Tiếp theo nói “*quên mất chánh niệm*”, quên mất, đánh mất chánh niệm của mình. Chánh niệm là gì? Chính là đạo tâm của chúng ta, tâm xuất ly, tâm Bò-đề của chúng ta, quên mất những điều này. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói: “Thể tánh của nó là đối với cảnh giới duyên niệm không thể ghi nhớ rõ ràng; nghiệp dụng của nó là có thể chướng ngại chánh niệm, và làm chỗ nương tựa cho tán loạn, vì mất chánh niệm nên tâm tán loạn”. Thể tánh của nó là bạn không thể ghi nhớ rõ ràng đối với những cảnh giới bạn đang duyên niệm, quên mất chánh niệm, tức là bạn không thể an trụ thật tốt trong cảnh giới bạn đang duyên niệm. Ví dụ chúng ta đang tu định, thông thường tu định, trong tu tiểu chỉ quán là bắt đầu từ quán sở tức, đếm hơi thở của mình từ một đến mười, vậy thì bạn phải tập trung tinh thần để đếm. Nếu khởi vọng tưởng thì sẽ quên mất đã đếm đến số mấy rồi, đây chính là quên mất chánh niệm. “Thể tánh là không thể ghi nhớ rõ ràng”, bạn nhớ không rõ ràng. Đại sư Ấn Quang căn cứ theo “quán sở tức” trong “Thiên Thai Tiểu Chỉ Quán” thêm vào “niệm Phật quán” rồi hợp thành một thể, tức là đề xướng pháp

niệm Phật thập niệm ký số, do vậy mà có. Thập niệm này là 10 câu Phật hiệu, không cần đếm hơi thở, mà đếm Phật hiệu, cũng là đếm từ 1 đến 10, không cần đếm đến 11, đây là một vòng tuần hoàn liên tục đếm từ 1 đến 10, đếm nhiều rồi thì bạn đếm không rõ ràng nữa, là đếm đến 10. Việc này cũng phải tập trung tinh thần để đếm, nếu bạn phóng dật, quên mất chánh niệm thì bạn cũng không đếm rõ câu Phật hiệu này của bạn là đến câu thứ mấy rồi. Cho nên, đối với người niệm Phật chúng ta mà nói thì chánh niệm chính là một câu Phật hiệu này. Trên kinh A-di-đà nói “chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn”, đây chính là chánh niệm của người niệm Phật. Nếu bạn quên mất Phật hiệu thì bạn đã quên mất chánh niệm rồi.

Lời thù dật, bình thường hay thích nói thù dật thì nó có thể sẽ chướng ngại chánh niệm, che mất chánh niệm của chúng ta. Cho nên, bình thường thích nói chuyện, nói chuyện thế tục thì công phu của người niệm Phật này nhất định không tốt, khi niệm Phật chắc chắn nếu không ngủ gật thì cũng nghĩ tưởng lung tung, trạo cử, hôn trầm, thậm chí là gì? Nghe giảng họ đều khởi vọng tưởng, ngủ gật. Vì sao như vậy? Chính là bình thường quên mất chánh niệm, phóng dật quen rồi, cho nên chánh niệm của họ không cách nào tập trung lại được, đây là không có định lực. “Nghiệp dụng là làm chỗ nương tựa cho tán loạn”, nghiệp dụng này làm chỗ nương tựa cho tán loạn, ý nói nếu chúng ta quên mất chánh niệm thì tâm liền tán loạn. Nếu bạn muốn thu tâm về thì phải an trụ trong chánh niệm.

Cho nên, chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông nói “thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”. “Thu nhiếp sáu căn” chính là thu tâm tán loạn về. Mất từ sắc thu về, tai từ thanh trần thu về, từ cảnh giới sáu trần thu sáu căn về, đừng phan duyên ra cảnh giới bên ngoài, bạn có thể thu về thì sẽ không tán loạn nữa. Ví dụ, chúng sanh chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay đều có tập khí tham dục, đều sẽ có tham *tài, sắc, danh, thực, thù*, những tâm tham này của bạn mà không thu nhiếp lại, không phục đoạn nó thì cái tâm này sẽ luôn tán loạn. Cho nên, Phật chế định những giới pháp này để chúng ta thu tâm về.

Từ trên tiền tài làm sao để thu tâm lại? Ta không cầm giữ, không tích lũy tiền bạc, đây là thu tâm, mới bắt đầu sẽ không quen, thời gian lâu rồi thì trong tâm sẽ không nghĩ đến tiền nữa, đây chính là thu nhiếp, cái dục này của bạn liền bị đoạn. Đối với sắc, sắc dục là mãnh liệt nhất. Trẻ nhỏ đến 13-14 tuổi bước vào thời kỳ thanh xuân là bắt đầu có rồi, làm thế nào? Bản thân phải thu nhiếp, mắt đừng tùy tiện nhìn người nữ, không chú ý nhìn người nữ. Chú ý là bạn nhìn chăm chăm vào

người ta, thậm chí nhìn với tâm ô nhiễm, vậy là đã phạm giới rồi, phải thu nhiếp đôi mắt của bạn lại. Như đại sư Thiện Đạo cả đời không nhìn người nữ, thu nhiếp đôi mắt lại, rũ xuống, chỉ nhìn về phía trước khoảng cách 3 thước, cũng không đến quá gần người nữ, đây đều là thu nhiếp, thu nhiếp căn mắt, thu nhiếp căn thân, mũi không ngửi những mùi hương đó. Có khi người nữ có thể sẽ trang điểm, xịt nước hoa, mũi ngửi thấy [những mùi hương ấy] thì lập tức thu nhiếp lại, đừng ngửi những mùi ấy. Tai đừng tham nhiễm những âm thanh của người nữ. Từ trong những cảnh giới này mà thu hồi sáu căn lại, đây gọi là “thu nhiếp sáu căn”, bạn mới có thể tịnh niệm tiếp nối.

“Tịnh niệm tiếp nối” tức là không quên mất chánh niệm, bạn có thể không quên mất câu Phật hiệu này thì một ngày một đêm bạn có thể vắng sanh. Điều này trong kinh nói rất rõ ràng, tiêu chuẩn không cao, bạn chỉ cần thật làm là có thể làm được. Vì sao thân tâm của bạn không thu nhiếp lại được? Là tâm xuất ly không đề khởi được, tâm Bồ-đề không đề khởi được. Vậy thì phải ở trước Phật mà khóc lóc thảm thiết cầu sám hối, con không muốn luân hồi nữa, nhất định phải xuất ly, khẩn cầu Phật Bồ-tát gia trì hộ niệm, vĩnh viễn đoạn ác nghiệp, nghiêm trì tịnh giới, lâu ngày dày tháng thì tâm của bạn sẽ không tán loạn nữa. Bạn không dụng tâm ở đây thì bạn sẽ quên mất chánh niệm, tâm sẽ ngày càng tán loạn. Từ đâu nhìn thấy được vậy? Khi bạn niệm Phật sẽ biết, vừa ngồi xuống là khởi vọng tưởng hoặc ngủ gật, tâm chưa bao giờ có thể an định nổi một chút. Ngay đến niệm hỷ lạc khinh an cũng chưa từng nắm được chứ đừng nói đến thiền định, đây là gì vậy? Bản thân không tu, đều là tâm tán loạn, vậy thì phải cố gắng cầu sám hối. Đây chính là nghiệp chướng lớn nhất. Cầu sám hối không phải chỉ ở đó lạy Phật thôi, mà còn phải phản tỉnh, 10 giới sa-di này bao gồm cả môn oai nghi ở phía sau, mình đã phạm những lỗi nào? Chắc chắn có phạm, nếu không phạm thì tâm của bạn chắc chắn có thể thu nhiếp được. Bạn nói tôi không phạm, đó là không nhìn ra, là tâm của bạn quá thô phù, cũng không hiểu rõ giới tướng, cho nên bạn căn bản cũng không biết mình đã phạm lỗi, bạn không học, hồ đồ, mê mờ sống luống qua một đời, vậy thì chết sẽ đọa vào đường ác.

Cho nên, giới luật giống như kính chiếu yêu vậy, soi thấy những thứ dơ bẩn, những thứ tà ác của chúng ta, nhận thức được những thứ này rồi thì trừ bỏ chúng đi, quét dọn sạch sẽ thì tâm bạn liền có thể thanh tịnh. Cho nên, không nói thêm dè là một phương pháp tu hành rất quan trọng, đừng cho rằng đây là một giới nhỏ không

quan trọng, đây là một vấn đề rất quan trọng, Bò-tát hộ trì giới nhỏ đều giống như hộ trì giới trọng vậy. Nếu phạm giới nhỏ thì đều phải sanh tâm đại khiếp sợ. Phạm phu thì không coi trọng, hằng ngày phạm những giới nhỏ, dù sao phạm rồi thì lại sám hối, hiện nay đã học sám pháp rồi nên không sao hết. Kỳ thực tâm như thế thì sám pháp đó căn bản không khởi tác dụng, sám không được. Sám là sau không tái phạm nữa, “*tương lai có thể khéo hộ trì các giới hay không?*”. Bạn phải có thể khéo hộ trì, có quyết tâm này thì bạn mới có thể thật sự sám được hết tội. Bạn căn bản không muốn khéo hộ trì giới thể của bạn, mà chỉ làm theo nghi thức thì không có tác dụng, đó là lừa mình dối người mà thôi, cho nên thật sự muốn sửa lỗi mới là chân sám hối.

Trong Sa-di Luật Nghi Yếu Lược Tập Chú, luật sư Quảng Hóa đã trích dẫn một công án, kể về Lý Bác Thời người thời Bắc Tống là một họa sĩ. Ông rất thích vẽ ngựa, vẽ rất đẹp, có một hôm gặp hòa thượng Thiết Diện Tú, ngài đã trách ông rằng: “Ông là một sĩ đại phu, vẽ tranh rất đẹp, bây giờ ông vẽ ngựa, hơn nữa khiến người ta đều khen ông vẽ rất đẹp, vẽ rất sống động như thật, sự sống động như thật này sẽ khiến ông tương lai đầu thai vào trong bụng ngựa”. Điều đó thật khiến người kinh sợ, vì sao vậy? Bởi vì ông niệm niệm nhớ ngựa, hết thầy do tâm tạo, ông niệm niệm nhớ ngựa thì tương lai sẽ đầu thai đến chỗ ngựa. Lý Bác Thời sau khi nghe xong thì sanh tâm kinh sợ, sau đó liền gác bút không vẽ ngựa nữa. Hòa thượng Thiết Diện Tú liền khuyên ông: “Ông đổi sang vẽ Quán Thế Âm Bò-tát, làm vậy để chuộc tội của ông”. Vẽ Quán Âm thì trong tâm liền nhớ tưởng đến Quán Thế Âm Bò-tát, nghĩ đến Quán Thế Âm Bò-tát, vậy rất tốt.

Kết quả, Hoàng Lỗ Trục (Hoàng Đình Kiên) cũng biết việc này, ông cũng đến hỏi hòa thượng Thiết Diện Tú rằng: “Con giỏi về văn, Lý Bác Thời giỏi về vẽ, con làm văn thơ, vậy tương lai con sẽ đầu thai đến đâu?” Ông dương dương tự đắc, hòa thượng Thiết Diện Tú bèn trách mắng ông rằng: “Ông viết những văn thơ về tình yêu, rất nhiều thơ văn đều liên quan đến chuyện nam nữ”. Bởi vì lời văn của ông hay, Hoàng Đình Kiên là một nhà văn học, ông viết văn hay khiến người suy nghĩ lung tung. Hoàng Đình Kiên nói: “Vậy tương lai có phải con cũng sẽ đầu thai vào trong bụng ngựa không?” Ông còn mang chút dáng vẻ đùa giỡn. Hòa thượng Thiết Diện Tú nói: “Ông sáng tác thơ văn về tình yêu làm nhiều loạn tâm dâm loạn của người trong thiên hạ, tương lai đâu chỉ vào bụng ngựa, e rằng phải đọa địa ngục rồi”. Hoàng Lỗ Trục sau khi nghe xong rất sợ hãi. Những người này đều có thiện

căn, nghe thiện tri thức trách mắng, họ có thể tiếp nhận, từ đó ông cũng sửa lỗi làm mới, không viết những văn thơ dâm tục, yêu đương nữa, sau này cũng trở thành một nhà văn học lớn rất nổi tiếng.

Trong “Nhị thập tứ hiếu”, chúng ta còn thấy câu chuyện của Hoàng Đình Kiên. Hoàng Đình Kiên mặc dù làm quan nhưng về nhà còn rửa bô tiểu cho mẹ của ông. Thời xưa, bởi vì không có nhà vệ sinh bên trong, trong phòng không có nhà vệ sinh, trong phòng ngủ muốn đi đại tiểu tiện đều dùng bô tiểu để đựng. Mẹ của Hoàng Đình Kiên rất ưa sạch sẽ, Hoàng Đình Kiên sợ những người hầu nữ rửa không sạch, nên mỗi lần từ triều đình về, sau khi hạ triều liền đích thân đi rửa. Mẹ ông nói: “Con đừng rửa nữa, để người hầu rửa là được rồi”, “không được mẹ à, con sợ họ rửa không sạch khiến mẹ sanh phiền não”. Hoàng Đình Kiên là một người con hiếu thảo, ông có thể hiếu thuận cha mẹ, ông có thể cung kính sư trưởng, cho nên hòa thượng Thiết Diện Tú vừa trách mắng thì ông liền có thể sửa lỗi làm mới. Cho nên, sư đạo được xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo. Phật pháp là sư đạo, là giáo dục, thầy trò hợp đạo vô cùng quan trọng. Đệ tử không tôn kính sư trưởng thì không học được gì hết, nhất định phải tôn sư trọng đạo thì họ mới có thể tu đạo, đắc đạo. Vì sao con người không tôn sư trọng đạo? Bởi vì ở nhà họ không hiếu thuận cha mẹ, điều này rất rõ ràng, 100% đều là như vậy. Ở trong tăng đoàn vì sao họ vi phạm quy củ, vi phạm giới luật? Đối với sư trưởng là bằng mặt mà không bằng lòng, bề ngoài một đằng, nói một đằng, sau lưng làm một nẻo, che giấu lỗi lầm, không chịu phát lộ, không chịu sám hối lỗi lầm, đó là đại bất kính. Vì sao không kính trọng sư trưởng? Bởi vì họ đối với cha mẹ mình còn bất kính, bất hiếu, còn dám trách mắng mẹ của họ, vậy thì làm sao họ có thể tôn kính sư trưởng cho được? Bất kính sư trưởng thì làm sao họ có thể đắc đạo cho được? Cho nên nhất định sẽ không ở lâu dài được.

Do đó, đại sư Ấn Quang nói nền tảng của học Phật chính là hiếu thuận. Hiếu là đại căn đại bản của Phật pháp, Phạm Võng Bồ-tát Giới nói: “hiếu gọi là giới”. Chúng ta ở đây học giới, học rất lâu rồi mà điều này cũng không biết thì học uổng công rồi. Cái gì gọi là giới? Hiếu chính là giới, phải hiếu thuận cha mẹ, sư tăng, tam bảo, đây chính là giới, chúng ta cũng chính là học cái này. Đây là giới tổng trì, những giới khác là giới giải thoát riêng biệt, từng điều từng điều đều là tách ra để nói. Tỳ-kheo 250 giới, tỳ-kheo-ni 348 giới, sa-di 10 giới 26 môn oai nghi là tách ra để giải thích chữ hiếu này, nói tổng quát thì chính là một chữ hiếu. Hiếu với ai? Bất

đầu từ hiếu thuận cha mẹ. Chúng ta xuất gia thì hiếu thuận cha mẹ như thế nào? Bạn cố gắng tu hành, đem công đức hồi hướng cho cha mẹ, đây chính là hiếu thuận cha mẹ, không phải bảo bạn nhất định phải trở về nhà mới có thể hiếu thuận cha mẹ. Tại gia có cách hiếu thuận của tại gia, xuất gia có cách hiếu thuận của xuất gia, không được rập khuôn máy móc, tuy nhiên đều phải tận hết bốn phận của mình thì mới gọi là tận hiếu. Xuất gia rồi mà không cố gắng tu hành thì đó là đại bất hiếu, vì sao vậy? Không thể ở nhà phụng dưỡng cha mẹ thì đây đã là một tầng bất hiếu rồi, bạn xuất gia lại không cố gắng tu hành thì đó lại là hai tầng bất hiếu, đại bất hiếu, tội chồng thêm tội, càng hướng hồ còn phải hiếu thuận sư tăng. Sư tăng là chỉ ai vậy? Trong chú giải, đại sư Ngẫu Ích nói chính là chỉ hòa thượng của bạn, a-xà-lê của bạn, thân giáo sư của bạn, thầy dạy dỗ bạn. Chúng ta không cố gắng y giáo phụng hành lời giáo huấn của các vị sư trưởng này thì chính là đại bất hiếu.

Tam bảo chính là Phật - pháp - tăng. Phật chế định giới, chúng ta phải cố gắng giữ gìn, đây chính là hiếu thuận với Phật. Pháp tức là tất cả các kinh pháp của chúng ta, y giáo phụng hành là hiếu thuận với pháp. Tăng là tất cả chúng xuất gia, chủ yếu là nói tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, tức là người đã thọ đầy đủ các giới, đã nhập vào dòng tăng. Đương nhiên nói chung thì năm chúng xuất gia đều có thể xếp vào tăng bảo, nên đều phải cung kính đối với họ, đây là thuộc về tăng. Vừa rồi nói hiếu thuận cha mẹ, sư tăng. Sư tăng chủ yếu là sư trưởng của họ, trong tam bảo thì chữ tăng ở phía sau là bao gồm tất cả chúng xuất gia nên đều phải dùng tâm hiếu thuận, tâm cung kính để đối đãi, để phụng sự họ, đây là học giới, thật sự học pháp như vậy thì đời này bạn nhất định có thành tựu.

Cho nên, câu chuyện này của Hoàng Đình Kiên là nói trước đây ông viết những thơ văn về tình yêu, viết về những chuyện nam nữ, thời xưa những thơ văn đó đều rất ân ý, rất hàm xúc, [thơ văn của] người hiện nay không có sự tu dưỡng văn hóa đó, mà rất lộ liễu, rất buồn nôn, vậy thì tội này càng nặng hơn, càng hướng hồ không những là câu chữ, mà hiện nay còn có hình ảnh, còn có video, ở trên mạng chỗ nào cũng có thể nhìn thấy, bạn liền biết được tương lai tội nghiệp của những người này toàn bộ đều ở địa ngục, những người chế tác, lưu thông đều sẽ đọa địa ngục. Thật sự Phật tử nhìn thấy những người si cuồng này, họ thật là không sợ trời không sợ đất, không sợ gì hết. Tương lai nhìn thấy cột đồng, giường sắt ở trong những địa ngục đó, khi ấy sợ thì muộn rồi, Phật tử đều rơi nước mắt, đây là nói thêu dệt.

Tiếp theo loại thứ ba là “nói ly gián”, chúng ta xem lời văn:

“Thứ ba, nói ly gián là gặp người này thì nói xấu người kia, gặp người kia thì nói xấu người này, tạo thành chuyện thị phi, chia rẽ người thân bạn bè, cũng là tánh tội, phải mau chóng sám hối, thề không tái phạm. Nếu phạm phải thì hiện đời bị người oán ghét, chết đọa địa ngục.”

“Lưỡng thiệt” có cách dịch mới là lời ly gián, lời ly gián thì tương đối thích hợp hơn một chút. Lưỡng thiệt thì có chút hơi hình tượng, giống như một người có hai lưỡi vậy, tức là với người này nói một kiểu, với người kia thì nói một kiểu khác, mục đích là gây chuyện thị phi. *“Gặp người này thì nói xấu người kia, gặp người kia thì nói xấu người này”*, nói với hai bên đều là nói xấu đối phương, khiến hai người này, hai bên sanh ra đối lập, sanh khởi mâu thuẫn.

“Tạo thành chuyện thị phi”, tạo ra, sanh ra những chuyện thị phi cho hai bên, chúng ta gọi là ly gián gây chia rẽ. *“Chia rẽ người thân bạn bè”*, đôi bên vốn dĩ là bạn tốt, rất thân thiết nhưng tôi nói chuyện thị phi của hai bên, nói với A rằng B đã làm gì đó không tốt đối với bạn, lại nói với B rằng A có cách nghĩ thế nào đó đối với bạn, kết quả hai người liền sanh ra hoài nghi. Từ nghi sẽ dẫn đến ngày càng bất hòa, tức là chia rẽ chia cắt tình cảm thân thiết, thân mật của người ta, hoặc khi người ta làm công đức thiện pháp thì bạn ở đó chướng ngại, khiến người ta hoài nghi mất đi tín tâm, nói những lời như: “việc này đừng làm thì hơn, cũng chẳng biết có kết quả tốt gì không.” Ví dụ người ta muốn bố thí, bạn nói “bố thí chẳng có hiệu quả gì hết, đừng làm, đừng bị mắc lừa, đừng để bị gạt”. Bạn nói như thế thì đối phương liền thoái tâm, khiến công đức thiện pháp của họ bị mất đi, bị phá hoại, những việc này đều có tội.

Việc này *“cũng là tánh tội, phải mau chóng sám hối, thề không tái phạm”*, nó thuộc về tội tánh nghiệp, bốn tánh là có tội nghiệp rồi, dù không thọ giới cũng có nghiệp. Cho nên, phải nhanh chóng sám hối, khẩn thiết sám hối, lập thệ không tạo nữa, thề không tái phạm mới là chân thật sám hối, không phải sau khi sám hối rồi lại tái phạm, cứ ở trước mặt Phật Bồ-tát nói con phải sửa đổi, vừa nói xong rồi lại phạm, cứ sửa rồi lại phạm, luôn muốn sửa đổi, nhưng lại luôn tái phạm, cứ sửa rồi lại phạm, đó không phải chân thật sám hối. Chân thật phát đại thệ nguyện, hạ quyết tâm, cắn chặt răng để đoạn trừ những ác nghiệp này, đoạn trừ tập khí, sau này không tái phạm nữa, như thế chính là chân thật sám hối.

Hiện nay rất nhiều người tạo tội nói ly gián, đặc biệt nói thị phi ở trong đoàn thể, vừa nói lời thị phi thì nhất định sẽ phá hoại sự hòa hợp của đoàn thể, phá hoại sự hòa thuận của đoàn thể là tội rất nặng. Nếu phá hoại ở trong tầng đoàn thì đó chính là phá hòa hợp tầng, đây thuộc về tội giống như tội nghịch, quả báo đều ở địa ngục, cho nên dù chúng ta thấy người ta không như pháp thì làm thế nào? Có thể dùng thiện ý khuyên can, họ có thể tiếp nhận thì khuyên, họ không thể tiếp nhận thì chúng ta không khuyên nữa. Nếu hành vi của họ ảnh hưởng đến đoàn thể, đó không còn là vấn đề của cá nhân họ nữa mà ảnh hưởng đến đoàn thể thì phải báo cáo với cấp sự, để nhân viên cấp sự đến xử lý, đây cũng là hộ trì đoàn thể. Nếu việc của bản thân họ không ảnh hưởng đến đoàn thể thì chúng ta không can thiệp đến họ, bởi vì họ không thể tiếp nhận ý kiến, tuyệt đối không đi khắp nơi nói thị phi, đặc biệt không được dùng ác tâm để nói thị phi, ác tâm là gì vậy? Là dùng tâm khinh thường đối phương, cho rằng đối phương không tốt, cho nên muốn nói lỗi của họ, hoặc có tâm oán giận, tâm báo thù v.v... Tóm lại là chẳng phải mong muốn họ có thể sửa lỗi, có thể nâng cao, không phải loại tâm này, không phải tâm từ, mà là một loại tâm ác, đó chính là tạo tội nghiệp, dùng tâm từ để khuyên răn thì có công đức.

Nói ly gián “*nếu phạm phải thì hiện đời bị người oán ghét, chết đọa địa ngục*”, phạm tội nói ly gián thì chắc chắn hiện tại đời này, hiện đời sẽ bị người oán hận, vì sao vậy? Người ta sẽ phát hiện vì sao trước đây tôi và người kia rất tốt mà hiện tại lại bất hòa, chính là do họ ở giữa khiêu khích thị phi, sau khi phát hiện ra thì sẽ oán hận họ, đây là kết oán. Oán dễ kết oán nhất, cũng kết sâu nhất không gì hơn nói ly gián, cho nên họa từ miệng ra, lời nói không cẩn thận, miệng nói lời tùy tiện, không chú ý đến việc lời nói sẽ ảnh hưởng tạo thành hậu quả không thu hồi lại được. “*Lời ác tổn thương người, hận khó tiêu*”, bạn lấy dao đâm người ta một dao cũng chưa chắc lòng hận thù của họ sâu nặng như vậy, bạn dùng những lời nói này, dù những lời này là buột miệng vô ý nói ra làm tổn thương đối phương, hoặc ở sau lưng người khác nói chuyện thị phi của người này, bị họ nghe thấy thì lòng căm hận của họ rất khó tiêu trừ. Đây là hoa báo khi còn sống, chết rồi liền có quả báo, chết đọa địa ngục, nghiệp này rất nặng, cho nên đọa địa ngục.

Trong nghiệp nói ly gián, nói thị phi, nói lung tung chuyện thị phi, chia rẽ người thân bạn bè thì nghiêm trọng nhất không gì hơn tạo nghiệp nói ly gián, gây rối lẫn nhau trong tầng đoàn, do cảm xúc cá nhân, ân oán cá nhân mà khiến đoàn thể bất hòa, vậy thì tương lai chết sẽ đọa địa ngục. Đây đều là chỉ cho tâm ác mà

phạm tội nói ly gián. Nhưng nếu là tâm thiện thì sẽ không gặp tai họa này. Cho nên, trong Thành Thực Luận nói: “Dùng tâm thiện dạy bảo thì dù nói ly gián cũng không phạm tội”, nếu bạn dùng tâm thiện để giáo hóa đối phương, khuyên bảo, thậm chí phê bình, thậm chí trách mắng. Đương nhiên trách mắng thì thân phận của bạn phải cao hơn họ mới được, giữa đồng học nên khuyên bảo là được. Sư trưởng có thể trách mắng học trò, trưởng bối có thể trách mắng hậu bối, ngang hàng thì khuyên bảo. Hậu bối đối với trưởng bối, học trò đối với sư trưởng thì phải khéo léo khuyên can, như Đệ Tử Quy nói phải “mặt ta vui, lời ta dịu”, như vậy mà khuyên can, “khuyên không được, vui khuyên tiếp, dùng khóc khuyên, đánh không oán”. Đây gọi là thiện xảo, bởi vì vai vế khác nhau cho nên cách làm cũng khác nhau, chỉ cần là tâm thiện giáo hóa hy vọng đối phương tốt chứ không phải dùng tâm báo thù, dùng tâm ác nói những lời này để đẩy đối phương xuống. Nếu là tâm thiện thì “dù có nói ly gián”, tuy nói những lời dường như có tính chất ly gián, nhưng cũng không phạm tội lỗi.

Cho nên tội đều khởi từ tâm, tâm ác thì phạm tội, tâm thiện sẽ có công đức. Ví dụ trong đoàn thể có phần tử không tốt, thật sự ảnh hưởng đến đoàn thể thì làm thế nào? Có thể báo cáo với chấp sự, việc này không thuộc vào tội nói ly gián, cũng cần phải báo cáo, vì sao vậy? Bảo vệ toàn bộ tính thuần khiết của đoàn thể, để chấp sự chọn phương pháp xử phạt, hoặc cách thức khuyên bảo, chúng ta cũng tận hết bổn phận của mình, nếu mình không phải chấp sự thì mình nên báo cáo với chấp sự. Nếu mình là chấp sự, đặc biệt là chấp sự chính như trụ trì, người duy trì trật tự, hoặc thủ tọa, họ có nghĩa vụ giáo hóa những thành viên trong tăng đoàn, vậy thì có thể trực tiếp ngăn chặn họ, khuyên dạy họ, thậm chí phê bình, trách mắng, có thể giúp họ sửa lỗi làm mới. Những việc này đều không thuộc về nói ly gián, bởi vì họ dùng tâm thiện để giáo hóa.

“Nếu dùng tâm ác khiến người ta đấu tranh rối loạn thì chính là nói ly gián, mắc phải tội nặng nhất, đọa lạc trong ba đường ác, đời đời quyền thuộc thường bị phá hoại, bất hòa là do đời này ly gián phá hoại người khác vậy”. Đây là lời trong Thành Thực Luận, nếu dùng tâm ác độc khiến người khác đấu đá lẫn nhau, quấy rối lẫn nhau thì đây chính là nói ly gián. Tội nghiệp này là sâu nặng nhất, tương lai sẽ đọa lạc vào ba đường ác, dù ra khỏi ba đường ác thì đời đời quyền thuộc vẫn bị phá hoại bất hòa, tức là quyền thuộc của bạn không hòa hợp, tranh đấu rất nhiều. “Tệ ác”

là xấu xa, hung ác, đó là vì sao? Vì đời này phạm tội nói ly gián, do nguyên nhân phá hoại sự hòa hợp của người khác, nhân thế nào thì quả thế đó.

Trong nói ly gián còn có một nghiệp nặng nhất là phá hoại pháp. Chỗ này kể cho mọi người một đoạn công án, là công án trong kinh Phát Khởi Bồ-tát Thù Thắng Chí Nhạo, kể rằng khi đức Phật còn tại thế, khi ấy có 60 vị Bồ-tát đi bái kiến Phật; 60 vị Bồ-tát này đều là Bồ-tát sơ phát tâm, tức là Bồ-tát sơ phát tâm vừa mới thọ giới Bồ-tát, phiền não tập khí đều rất nặng, họ học Phật nhưng chưa học tốt nên họ cầu sám hối trước Phật, vì sao vậy? Vì bản thân họ không có tâm đạo, học Phật dụng công không đắc lực, muốn dụng công mà dụng không có lực. Không phải không muốn tu hành, cảm thấy tu hành tốt nhưng không hàng phục được tập khí phiền não của mình. Chúng ta ở đây cũng có người như vậy, trước đây bản thân tôi cũng như thế, có thiện căn, không có thiện căn thì làm sao có thể học Phật, làm sao có thể xuất gia, nhưng phiền não tập khí quá nặng, bản thân cũng rất nuối tiếc, cũng rất áy náy, nhưng lại không biết làm thế nào, rất mâu thuẫn, cho nên thỉnh giáo đức Phật rốt cuộc con có nghiệp chướng gì?

Phật thì việc gì cũng biết, nên đã nói cho họ biết nhân duyên của họ. Sáu mươi vị tiểu Bồ-tát này, trước đây thời gian rất lâu trong quá khứ vào thời Câu-lưu-tôn Phật, khi ấy họ cũng xuất gia làm tăng, trì giới tinh nghiêm, hơn nữa nghe nhiều, học kinh giáo giỏi, hiểu biết rất nhiều, hiểu thì hiểu nhưng không thật học, cảm kinh giáo đến để làm gì? Để giáo huấn người khác, bản thân sanh khởi tập khí phiền não mà không nghiêm túc sửa đổi lỗi lầm, người khác đến khuyên bảo, ngược lại họ sẽ nói: “Anh quản tốt mình là được, chỉ quản nhà mình đừng quản nhà người, chỉ nhìn cái tốt đừng nhìn cái xấu”. Kinh giáo họ còn nói lưu loát hơn cả người khác, bản thân không thật tu mà chỉ khoe khoang khoác lác. Khi ấy 60 vị tỳ-kheo này chính là như vậy, họ cũng hiểu giới luật, trong đạo tràng giới luật cũng trì giới tinh nghiêm, kết quả cống cao ngã mạn, cảm thấy bản thân giỏi hơn người khác, tôi là người trì giới, họ đều không trì giới, coi thường người khác lại hiểu một chút kinh giáo nên ở đó chỉ trích khắp nơi.

Kết quả, khi ấy có hai vị tỳ-kheo giỏi giảng kinh thuyết pháp, không phải là 60 vị này, mà là hai vị khác. Khi ấy hai vị tỳ-kheo này thuyết pháp, pháp duyên thù thắng, mọi người đều rất muốn nghe, rất cung kính hai vị tỳ-kheo này, cũng đạt được lợi ích rất lớn. Đương nhiên, do hai vị tỳ-kheo này thuyết pháp nên tự nhiên được rất nhiều đại chúng cúng dường, danh văn lợi dưỡng rất nhiều, điều này là

chắc chắn rồi. Bởi vì người nghe pháp đạt được lợi ích nên họ rất hoan hỷ cúng dường.

Kết quả 60 vị tỳ-kheo trì giới đó nhìn thấy liền sanh tâm đổ kỵ, do đó đã đến phá hoại, tung tin đồn nhảm, nói rằng hai vị thuyết pháp đó đã làm chuyện dâm dục, đã phạm đại giới. Việc này có thể họ dùng cách “vô căn báng”, hoặc “giả căn báng”, tìm một chút manh mối nhỏ nhất rồi ở đó suy diễn ra: anh xem tôi thấy có người nữ tìm họ, kết quả là chắc chắn phạm trọng tội rồi. Ở trong giới chúng ta nói điều này thuộc về “giả căn báng”. “Vô căn báng” là căn bản không có căn cứ. “Giả căn báng” là mượn một thứ khác, họ cho là một chứng cứ, nhưng trên thực tế thì không có. Họ biết không có nhưng họ cố ý nói chuyện đó nặng thêm, nói người ta phạm trọng tội. Kết quả, tín chúng vừa nghe pháp sư này tại sao lại phạm trọng tội vậy? Thế là không nghe hai vị tỳ-kheo này thuyết pháp nữa, vô số chúng sanh do vậy mà bị đoạn mất pháp thân huệ mạng. Bạn xem câu nói này, lời bịa đặt này đã đoạn mất pháp thân huệ mạng của nhiều chúng sanh như vậy, nghiệp rất nặng.

Cho nên 60 vị Bồ-tát này, 60 vị tỳ-kheo này, đời đó sau khi chết đọa thẳng xuống địa ngục Vô Gián, ở địa ngục Vô Gián 6 triệu năm. Nổi thống khổ ở địa ngục Vô Gián là không có gián đoạn, là địa ngục sâu nhất khổ nhất. Sau khi thọ hết khổ báo trong địa ngục 6 triệu năm, được ra khỏi thì vào địa ngục Đẳng Hoạt, là địa ngục thấp hơn một bậc, thọ khổ 4 triệu năm, sau đó lại chuyển vào địa ngục Hắc Thằng 2 triệu năm, rồi lại chuyển vào địa ngục Thiêu Nhiệt, tức là bỏ vào vạc dầu, bị thiêu đốt, bị nấu 6 triệu năm, tổng cộng 18 triệu năm. Sau khi từ địa ngục ra mới được làm người, nhưng vẫn có dư báo, 500 đời sanh ra làm người mù không có mắt, bẩm sinh là kẻ đui mù; hơn nữa rất ngu si, thường bị người coi khinh, đùa cợt, ức hiếp, đây đều là dư báo ở trong đời quá khứ, tội nghiệp vẫn chưa tiêu hết, vẫn còn dư báo. Cho nên đời này lại đến học Phật, gặp được đức Phật, song do tội nghiệp hủy báng pháp trong quá khứ nên đã chướng ngại họ tu đạo. Đạo tâm đó của họ trước sau lúc có lúc không, lúc tiến lúc thoái, không cách gì kiên trì được, thời gian lâu rồi thì bản thân liền nghi hoặc, rốt cuộc mình có thể thành tựu không, hay bỏ cuộc về nhà thôi, họ liền sanh ra tâm hoài nghi lo lắng này, thế là bèn thoái chuyển. Sự thoái chuyển này đều là do nghiệp trong đời quá khứ tạo thành. Đây là hội Phát Khởi Bồ-tát Thù Thắng Chí Nhạo trong kinh Đại Bảo Tích nói.

Lúc ấy, sau khi xem xong, tôi đã rợn tóc gáy. Tôi nói đây chẳng phải nói tôi sao? Trước đây tôi cũng là người như vậy. Hơn 20 tôi tuổi học Phật, vì sao học đến

bây giờ vẫn chưa thành tựu? Vì sao cổ đại đức các ngài học mấy năm thì khai ngộ, chứng quả rồi, chúng tôi học hơn 20 năm rồi mà chưa có kết quả gì, nguyên nhân ở đâu? Do tâm đạo không kiên cố, chính là nghiệp chướng nặng, không thể tinh tấn dụng công. Nhân quả này là gì? Do nhân quả đời trước hủy báng pháp, hủy, hủy báng tăng, đã thọ hết khổ ở trong địa ngục rồi, ra khỏi [địa ngục còn] chịu những khổ báo các căn không đầy đủ, như sanh ra mù lòa không có mắt trong 500 đời, lúc này đến học Phật xuất gia vẫn còn những dư báo nghiệp chướng này chưa tiêu hết, vẫn chướng ngại, cho nên tâm tinh tấn không đề khởi được, làm sao đây? Vậy thì vẫn phải sâu sắc mà sám hối, tự trách tội nghiệp trong quá khứ, không dám tạo tội nghiệp này nữa.

Khi ấy, Phật nói ra nhân quả trong đời quá khứ của 60 vị Bồ-tát này, sau đó nói với họ rằng đời này họ vẫn không thể thành tựu, đến khi nào thì 60 vị Bồ-tát này sẽ thành tựu? Phật dự đoán cho họ rằng: mãi đến 500 năm sau cùng của Phật pháp ta, cũng tức là 2500 năm sau, sau 5 lần 500 năm của Phật pháp, đó chính là thời đại hiện nay, 60 vị Bồ-tát này sẽ gặp lại Phật pháp, gặp được Phật pháp, có thể nghe được pháp môn Tịnh độ, đến lúc này nghiệp chướng của họ mới tiêu hết, đời này niệm Phật liền có thể vãng sanh Tây Phương. Đây là kinh Phát Khởi Bồ-tát Thù Thắng Chí Nhạo đã thọ ký cho 60 vị Bồ-tát này.

Khi Phật còn tại thế, họ đã theo Phật học rồi, khi ấy chưa thành tựu chính là do có nghiệp chướng. Đến cuối cùng nghiệp chướng tiêu hết rồi, đến thời mạt pháp lại đến nhân gian học Phật mới được thành tựu, niệm Phật vãng sanh Tây Phương. Chúng ta đừng nghĩ 60 vị Bồ-tát này là người khác, nói không chừng mình cũng là một trong số những người ấy; 60 vị Bồ-tát này là đại diện, kỳ thực người như vậy rất nhiều, hơn 6.000, 60.000, 600.000 người. Đây chính là do tội nghiệp báng pháp tạo thành. Nói ly gián, gây rối loạn tăng chúng, gây chuyện thị phi, đặc biệt là hủy báng, đặc biệt hủy báng những thiện tri thức hoằng pháp lợi sanh, dù bạn nhìn thấy dường như thiện tri thức có lỗi lầm, nhưng chúng ta là phàm phu mắt thịt, không thể lý giải được cảnh giới của thiện tri thức, vậy thì bạn không được tùy tiện nói lung tung. Bởi vì bạn vừa nói ra thì sẽ gây ảnh hưởng rất lớn, có thể trực tiếp khiến rất nhiều người mất đi tín tâm, đoạn mất pháp thân huệ mạng của người ta. Họ vốn dĩ nghe vị thiện tri thức này giảng pháp, đời này họ được tín tâm kiên định, sẽ thành tựu, nhưng nếu bạn hủy báng thì xong rồi.

Như thượng nhân Thân Loan của Nhật Bản vậy, ngài là một bậc đại đức của Tịnh độ tông, là đệ tử của đại sư Pháp Nhiên, nhưng khi ấy do nhân duyên đặc biệt, con gái của Vương Công thích ngài, chết cũng phải gả cho ngài, không còn cách nào khác. Nếu không đồng ý thì vị Vương Công này có thể sẽ phá hoại cửa Phật, nên ngài bắt buộc phải xả giới hoàn tục làm một cư sĩ tại gia, nhưng trên phương diện hoàng dương Phật pháp thì ngài vẫn có thành tựu rất lớn, hoàng pháp lợi sanh độ rất nhiều người, thậm chí hiện nay bạn xem bộ “Giáo Hành Tín Chứng Văn Loại” của ngài, đó cũng là một bộ điển tịch rất quan trọng của Tịnh độ. Trong Đại Kinh Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có nhiều chỗ là trích dẫn ở trong đó, ngài truyền thừa tư tưởng của đại sư Thiện Đạo.

Nếu bạn ở bên cạnh nhìn thấy rồi nói: “Anh xem người xuất gia này làm sao có thể phá giới, làm sao có thể kết hôn được chứ?” Sau đó liền nói: “Anh xem người xuất gia đều có thể kết hôn, chúng ta đều có thể kết hôn”, vậy thì xong rồi, nghiệp ly gián như vậy chắc chắn đọa địa ngục. Vậy thì phạm tội giống như 60 vi tỷ-kheo trong kinh Phát Khởi Bồ-tát Thù Thắng Chí Nhạo rồi. Ngài có phạm giới không? Ngài không phạm giới. Trước đây tôi cũng hiểu lầm, tôi cũng cho rằng thượng nhân Thân Loan cũng phạm giới, sau này tôi xem được trước tác của luật sư Quảng Hóa, nói ngài là xả giới hoàn tục. Ngài không thể làm tỷ-kheo nên đã xả giới, đã xả giới thì không phạm giới. Nếu bạn nói ngài phạm giới thì chính là hủy báng, *vô căn báng*, *giả căn báng*, hủy báng ngài thì cũng như hủy báng Phật pháp mà ngài giảng, đó chính là báng pháp, báng tăng, đoạn mất pháp thân huệ mạng của chúng sanh.

Trước đây tôi cũng phạm, đương nhiên tôi không nói thượng nhân Thân Loan một cách lộ liễu như vậy, nhưng sách của thượng nhân Thân Loan thì tôi không xem. Tôi đã có cái nhìn lệch lạc này, bây giờ tôi đã biết sai nên sám hối rồi. Ngài có tâm đại từ bi vì hộ trì chánh pháp mà nhẫn nhục gánh vác trọng trách, bắt buộc phải làm như vậy. Giống như đại sư Cưu-ma-la-thập cũng là bắt buộc phải làm, Diêu Hưng muốn ngài tiếp nhận 10 cung nữ, ngài bắt buộc phải tiếp nhận, nếu bạn nói ngài phạm giới thì chính là hủy báng, đây là hủy báng Bồ-tát, hủy báng những kinh điển mà ngài đã phiên dịch. Kinh A-di-đà cũng là ngài Cưu-ma-la-thập phiên dịch, kinh Kim Cang cũng là ngài Cưu-ma-la-thập phiên dịch, Phạm Võng Bồ-tát Giới Bản cũng đều là ngài Cưu-ma-la-thập phiên dịch. Thôi được rồi, đừng xem những sách này nữa, vậy thì chẳng phải bạn đã đoạn mất pháp thân huệ mạng của tất cả

chúng sanh rồi sao? Bạn có biết cảnh giới của đại sư Cưu-ma-la-thập không? Ngài có thật sự phạm giới không? Ngài có thể gặp cảnh mà không nhiễm, ngài là ý niệm dâm vi tế và tánh đoạn cũng không còn, phiền não tánh không, không đoạn chính là đoạn, không đoạn cũng là tướng tịch diệt. Chúng ta căn bản không phải ở trong cảnh giới đó thì làm sao dám bình luận lung tung được.

Vâng, hôm nay đã hết giờ rồi, chúng tôi xin giảng đến đây!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 14

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 28/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính. Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mở sách đến môn thứ tư “không nói dối” trong thập giới môn. Chúng tôi đã giảng đến nói thô ác. Mời xem đoạn văn “nói thô ác” này:

“Nói thô ác là chửi mắng nguyên rủa khiến người không chịu được, cũng là tánh tội phải nhanh chóng sám hối để đoạn trừ. Nếu phạm tội này thì hiện đời bị người căm giận, chết đọa ba đường ác”.

Đoạn này nói đến lỗi của miệng là “nói thô ác”, thế nào gọi là nói thô ác? Tức là chỉ tội lỗi “*chửi mắng nguyên rủa*”, chỉ trích lỗi lầm của người ta ngay trước mặt, khiến đối phương không chịu đựng được, đây gọi là “chửi mắng”. Ở bên cạnh chê cười, gièm pha, đây gọi là “chửi xéo”, hoặc ở bên cạnh vạch trần việc riêng tư của người khác, chỉ trích điểm yếu của người ta, việc này cũng thuộc về chửi xéo. “Nguyên rủa” tức là chửi bới, hoặc mời quỷ thần đến để làm hại đối phương. Những hành vi này đều xuất phát từ tâm ác, không phải xuất phát từ tâm thiện. Sự khác biệt giữa dùng tâm thiện để khuyên bảo và nói thô ác ở chỗ: nói thô ác là dùng tâm ác, không phải làm lợi ích cho đối phương, mà thường xuất phát từ tâm sân giận.

Đức Phật khai thị cho chúng ta rằng: khi chúng ta nghe thấy người khác nói lỗi lầm của chúng ta, giả sử chúng ta muốn phân trần hoặc thanh minh, nhưng lại không biết dùng từ gì thì nhất định đừng tùy tiện mắng chửi nguyên rủa, mà phải

dùng từ gì? Phật dạy chúng ta là: từ nay về sau nghe thấy những chuyện này thì nói “nam-mô Phật”. Nếu mình có chuyện này thì nói “nam-mô Phật”, giả sử bạn có chuyện này thì nói “nam-mô Phật”, đừng nói thô ác, nói “nam-mô Phật” là tốt, đối phương nghe thấy một tiếng Phật hiệu là đã gieo được hạt giống kim cương rồi, cho nên dù khi bạn sân giận thì cũng niệm Phật. Chúng ta cầu sanh thế giới Cực Lạc thì niệm A-di-đà Phật, để phân trần thì cũng có thể xưng nam-mô A-di-đà Phật hoặc nói A-di-đà Phật. Nếu có việc này thì nói A-di-đà Phật, vậy là tốt, đừng phạm nghiệp nói thô ác. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Vừa xưng nam-mô Phật thì đều thành Phật đạo”. Bạn xem, dù bạn sanh phiền não thì cũng đều giúp chúng sanh thành Phật đạo, điều này thật tốt, phiền não tức Bồ-đề. Cho nên phải dưỡng thành thói quen này, không được dùng tâm sân giận để chửi mắng người khác, nói kiêu như: “Người sẽ không được chết yên lành đâu”, những lời này không phải là lời nói của người xuất gia, xưng “nam-mô Phật” là tốt nhất, cũng không khiến họ cảm thấy không chịu đựng được. “Bất kham” tức là không thể chịu đựng được. Bởi vì nói thô ác tổn thương người sẽ khơi dậy tâm sân giận cực lớn của đối phương. Tâm sân giận này có thể cả đời cũng không cách gì xóa bỏ được, thậm chí mang theo đến những đời sau nữa, đã kết ác duyên này với người ta. Cho nên, chúng ta nhất định phải giữ gìn tốt khẩu nghiệp.

“Đây cũng là tánh tội, phải mau chóng sám hối để đoạn trừ”. Nghiệp nói thô ác này cũng là tội tánh nghiệp, bản thân nó là có tội rồi, bất luận bạn thọ giới hay không thọ giới. Nếu đã thọ giới rồi thì ngoài tánh tội ra còn phải cộng thêm già tội nữa, tức là tội phạm giới, nhất định phải khẩn thiết sám hối. Sám hối tội nghiệp này thông thường chính là đối thú sám, đối trước một vị pháp sư. Sa-di thì có thể đối trước sa-di, tỷ-kheo đối trước tỷ-kheo, tỷ-kheo-ni đối trước tỷ-kheo-ni, v.v.. Cư sĩ tại gia phạm thì phải đối trước một chúng xuất gia, sám hối như pháp như vậy, về sau không tạo nữa. Nếu không thể đoạn trừ những ác nghiệp này, mà còn không ngừng tái phạm, vậy thì như phía sau nói: *“Nếu phạm phải thì đời này bị người căm giận, chết đọa vào ba đường ác”*. Bởi vì nói thô ác dễ kết oán nhất, khiến đối phương tức giận không thể dẫn nổi, bản thân cũng do nghiệp này nên sau khi chết sẽ đọa vào ba đường ác chịu khổ.

Trong kinh Phật có kể cho chúng ta một công án như sau. Đây là câu chuyện được ghi chép trong kinh Hiền Ngu và kinh Báo Ân, kể rằng thời Phật Ca-diếp có một vị tỷ-kheo trẻ tuổi học pháp với một vị tỷ-kheo già, Tỷ-kheo già đã chứng quả

A-la-hán, tỳ-kheo trẻ không biết. Khi hai người họ cùng nhau tụng kinh, âm thanh của vị tỳ-kheo già không hay lắm, nên vị tỳ-kheo trẻ này đã chê cười vị tỳ-kheo già rằng: “Âm thanh tụng kinh của thầy sao lại giống như tiếng chó sủa vậy”. Đây là nghiệp thuộc về nói thô ác, khiến người không chịu được. Đương nhiên tỳ-kheo già là A-la-hán rồi nên sẽ không sanh phiền não, mà ngược lại đã sanh khởi tâm thương xót, liền nói với tỳ-kheo trẻ rằng: “Cậu có biết tôi là ai không? Tôi đã chứng quả A-la-hán rồi, cậu chửi mắng A-la-hán thì tương lai phải đọa địa ngục”. Tỳ-kheo trẻ này sau khi nghe xong thì lập tức sanh khởi tâm sợ hãi, tức khắc liền dập đầu sám hối với tỳ-kheo già. Cách sám hối này là đối thú sám, có thể diệt tội phạm giới, nhưng còn tánh tội thì không diệt hết được. Cho nên, sau khi tỳ-kheo trẻ chết, mặc dù miễn được quả báo địa ngục nhưng ông phải làm chó 500 đời. Nếu không như pháp sám hối, vậy thì phải đọa địa ngục trước, thông thường tội phạm giới đều phải đọa địa ngục.

Nói thô ác là thuộc về tội ở chương thứ ba, đây là “có ý khiến tỳ-kheo khác sanh phiền não”, tội ở chương thứ ba tương đối nặng, tội ở chương thứ năm còn phải đọa địa ngục 9 triệu năm, vậy thì chương thứ ba phải nặng hơn nhiều rồi. Bởi vì ông đã đối thú sám hối như pháp, cho nên miễn trừ được quả báo ở địa ngục, diệt được tội phạm giới, nhưng tội nghiệp đạo thì hết cách, người ông mắng là A-la-hán cho nên nghiệp rất nặng, ông mắng ngài là chó, kết quả bản thân đã làm chó 500 đời, cuối cùng đến đời thứ 500, thân chó cuối cùng của nó, nó là một con chó trắng ở trong đội của một đoàn thương nhân. Đoàn thương nhân này đến nước khác làm ăn, trên đường đi con chó này rất đói, cũng rất mệt nên đã ăn trộm thịt của thương nhân, bị thương nhân phát hiện ra, thương nhân rất tức giận bèn đánh gãy chân của chú chó này, rồi vứt xuống một cái mương để chú chó này tự sinh tự diệt. Khi ấy, may là thời Thích-ca Mâu-ni Phật còn tại thế. Đệ tử trí tuệ đệ nhất của Phật là tôn giả Xá-lợi-phất, hôm đó dùng thiên nhãn quan sát xem chúng sanh nào có thể cứu độ, phát hiện thấy trong một mương nước có một chú chó đang rên rỉ thống khổ, lại quan sát đời trước của chú chó này, 500 đời trước nó lại là một người xuất gia, là do phạm nghiệp nói thô ác, cho nên gặp phải nỗi thống khổ này, do đó ngài Xá-lợi-phất đã quyết tâm muốn cứu nó, liền dùng thần thông bay đến trước chú chó này, biến ra thức ăn của chó để cúng dường chú chó này.

Sau khi nó ăn xong thì vô cùng hoan hỷ, sau đó ngài Xá-lợi-phất đã thuyết pháp cho nó nghe, 7 ngày sau thì chú chó này mạng chung, đầu thai vào trong một

nhà quý tộc bà-la-môn ở nước Xá-vệ. Khi đứa trẻ này lên 7 tuổi, ngài Xá-lợi-phất nhìn thấy nhân duyên xuất gia của cậu đã chín muồi nên đã đến nhà cậu hóa duyên. Đứa trẻ 7 tuổi này nhìn thấy ngài Xá-lợi-phất thì vô cùng vui mừng đã lấy những đồ ăn thức uống ngon nhất trong nhà ra cúng dường Xá-lợi-phất. Đứa trẻ này mặc dù đã quên những chuyện đời trước, nhưng dù sao ngài Xá-lợi-phất có đại ân đại đức đối với cậu nên vừa gặp mặt liền rất hoan hỷ. Do đó, chúng ta bố thí nhiều ân đức cho chúng sanh, như hai hôm trước mọi người đi phóng sanh, mặc dù những chúng sanh này lại luân hồi, lại chuyển thế, sẽ không biết không nhớ chúng ta nữa, nhưng không sao hết, chúng ta đã kết một duyên tốt với chúng rồi, tương lai chúng gặp được chúng ta thì cũng sẽ rất vui mừng, có sự vui mừng này thì sẽ dễ độ chúng.

Cho nên, ngài Xá-lợi-phất khuyên cậu đi xuất gia, cậu liền vui vẻ nghe theo. Giữa thầy trò quả thực đều phải có duyên, nếu không có duyên thì không có cách nào hết. Cái duyên này chính là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã kết được. Cho nên, đệ tử gặp được sư trưởng liền cảm thấy rất hoan hỷ, muốn nghe lời, đây là quá khứ đã có ân cứu mạng, còn có ân bố thí pháp, cho nên cậu bé này rất hoan hỷ theo ngài Xá-lợi-phất xuất gia làm một chú sa-di. Dưới sự giáo hóa của ngài Xá-lợi-phất chẳng bao lâu thì cậu đã chứng quả A-la-hán. Cậu đạt được sáu loại thần thông, liền quan sát xem đời trước mình có nhân duyên gì, lại phát hiện thấy mình làm chó 500 đời, may mà đời cuối cùng được ngài Xá-lợi-phất cứu độ, trông thiện căn cho cậu, khiến bản thân có thể sanh khởi tâm hoan hỷ, mới có thể chuyển thế đến cõi người. Bởi vì đời trước có thiện căn xuất gia tu hành cho nên đời này lại có thể xuất gia; sau khi xuất gia, bây giờ có thể chứng đắc A-la-hán đều là nhờ vào bậc đại thiện tri thức như tôn giả Xá-lợi-phất giáo hóa, do đó vì báo ơn của ngài Xá-lợi-phất nên phát nguyện cả đời giữ thân phận sa-di của cậu để phụng sự tôn giả Xá-lợi-phất. Bởi vì thọ đại giới làm tỳ-kheo rồi, ngài Xá-lợi-phất không cần tỳ-kheo đến phụng sự, làm sa-di là vị trí đệ tử, như vậy cũng được. Cho nên, cậu thanh niên này cả đời giữ thân phận sa-di, đây là sa-di A-la-hán.

Câu chuyện này nói rõ cho chúng ta biết, dùng tâm khinh mạn chê cười, tạo nghiệp nói thô ác này còn bị tội báo nặng như vậy, chúng ta làm sao có thể không cẩn thận phòng ngừa cho được? Nếu chúng ta dưỡng thành thói quen tùy tiện chê cười, nói móc người, nhạo báng người như vậy, bạn chế nhạo người bình thường thì tội sẽ nhẹ một chút, nếu đột nhiên gặp một bậc thánh hiền khai ngộ, chứng quả, mà bạn cũng tùy tiện dùng tâm khinh mạn như vậy chê cười thì quả báo của bạn sẽ

giống như người thanh niên này. Giả sử họ không biết mình đã phạm tội nghiệp này, không tha thiết sám hối thì tương lai phải đọa vào địa ngục chịu khổ trước, đi tiêu trừ tội phạm giới trước. Tội phạm giới thậm chí còn nặng hơn cả tánh tội. Bởi vì giới là Như Lai chế ra, hủy phạm giới pháp, ngay cả những giới pháp nhỏ nhẹ thì đều xem là hủy phạm chánh pháp của Như Lai, quả báo này quả thực còn nặng hơn tội nghiệp mà bản thân bạn tạo ra. Cho nên không thọ giới thì thôi, thọ rồi thì nhất định phải giữ gìn, nếu không giữ thì tương lai sẽ đọa địa ngục, năm tháng đó thật là con số thiên văn. Đây là nói về lời thô ác. Phía sau còn có một đoạn cũng liên quan đến lời thô ác:

“Luật Nhiếp nói: đệ tử Phật thường nói lời chân thật, dù người khác không tin tưởng cũng không được thề thốt để chứng tỏ mình trong sạch, dù bị vu oan, vu cáo cũng không được thề”.

“Luật Nhiếp” là Luật Nhiếp của Căn Bản Nhất Thiết Hữu Bộ Luật, là một bộ sách giải thích cho sách Hữu Bộ Luật. Trong này có nói: “Đệ tử Phật phải thường nói lời chân thật”, chúng ta là đệ tử Phật, đệ tử Phật bao gồm bảy chúng đệ tử, năm chúng xuất gia và hai chúng tại gia, phàm là tất cả ngôn ngữ đều phải nói lời thành thật, tuyệt đối không được lừa gạt người, không được nói dối, nói thêu dệt, nói ly gián, nói thô ác, khẩu nghiệp nhất định phải thanh tịnh. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta *“khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người”*, A-di-đà Phật tu trên nhân địa cũng là như vậy, cũng là trì giới, khéo giữ khẩu nghiệp là thứ nhất, không che giấu hủy báng lỗi lầm của người khác. Bởi vì khẩu nghiệp là dễ phạm nhất, đặc biệt dưỡng thành thói quen không tốt này, buột miệng là nói những lời chế giễu người, gây tổn thương người, chê cười, ngôn luận đều không cẩn thận, bản thân không phát giác được, hằng ngày phạm vô biên nghiệp, cho nên nhất định phải khéo giữ khẩu nghiệp, ngôn ngữ phải chân thành, phải thành thật.

Ở đây nói *“không được thề thốt để chứng tỏ mình trong sạch”*. Thề chính là một kiểu cầu nguyện khiến đối phương thất bại, thông thường gọi là cầu khẩn, còn việc lớn thì gọi là thề, ăn thề, việc nhỏ mà cầu khẩn thì thuộc về nguyên rửa. Ở đây nói “không được thề thốt để chứng tỏ mình trong sạch”, chúng ta không nên cầu khẩn thần minh để thề thốt, để nguyên rửa đối phương, khiến thần minh giáng tai ương cho họ. Đây là tâm rất xấu ác, cũng không cần chứng tỏ mình trong sạch, chứng tỏ mình trong sạch tức là tự thanh minh cho mình, bị người khác hiểu lầm, để chứng tỏ mình trong sạch, vô tội mà lập một số lời thề, thề như: “nếu đúng như

vậy thì tôi sẽ bị trời đánh”, nói những lời giống như vậy, đây đều là vì chứng tỏ mình trong sạch mà thề thốt. Đây là gì vậy? “Dù người khác không tin tưởng”, bạn nói những lời như vậy, biểu thị người khác không tin tưởng bạn nên bạn mới thề thốt như thế.

Loại thề thốt này cùng với yêu cầu Bồ-tát nhất định phải lập thệ trong Phạm Võng Bồ-tát Giới là không giống nhau. Điều giới “không phát nguyện này”¹ ở trong giới Bồ-tát là yêu cầu Bồ-tát chúng ta vì hộ trì tịnh giới, thà xả bỏ thân mạng chứ cả đời không phạm giới, phát lời thề nguyện này là tốt. Việc này giống như khích lệ bản thân phải nghiêm túc trì giới tu hành. “*Thề thốt để chứng tỏ mình trong sạch*”, phát lời thệ nguyện này không phải vì hộ giới, cũng không phải vì tu hành, mà vì thể hiện người khác không tin tưởng họ, sau đó nói ra những lời tức giận này. Phải biết chúng ta nói chuyện chân thật, thành khẩn là được, dù người ta không tin chúng ta thì cũng không cần vì vậy mà thề thốt gì hết, đặc biệt là phát những lời thề độc. Loại tâm này trên thực tế chính là một loại tâm độc, nó khác với tâm vì hộ giới của Bồ-tát, ví dụ thề “thà ném thân này vào trong hồ lửa rực cháy, hay núi đao thì trọn đời cũng không hủy phạm kinh luật của chư Phật ba đời”. Thề độc chính là phát ra từ tâm tự tư, vì để thanh minh cho mình, nếu là một kiểu thanh minh dối trá thì càng không tốt. Ví dụ, rõ ràng tôi đã làm việc xấu này nhưng vì thanh minh với người khác là tôi không làm, nên nói những câu như: nếu tôi làm thì bị trời đánh sét đánh, thật sự hạng người này ra ngoài thường hay bị trời đánh sét đánh, ông trời sẽ đáp ứng nguyện vọng của họ. Dù không làm việc này, bạn trong sạch thì cũng không cần phát lời thề độc này. Vì sao vậy? Chúng ta chỉ cầu không hổ thẹn, không thẹn với lòng mình, cũng không cầu thỏa mãn ý nguyện của người khác. Cho nên, đại sư Hoằng Nhứt có hai câu đối liền nói rất hay: “*Sao có thể trọn như ý người, chỉ mong không thẹn với lòng mình*”, người ta không hiểu, người khác hiểu lầm thì kệ họ, việc mình làm mình biết là đúng thì cứ kiên trì đi theo con đường chính xác của mình. Dù đời này họ không thể hiểu được cũng không sao hết, tâm bạn như vậy mới là chân thật.

¹ Tức là “giới không phát nguyện” trong kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới: Nếu là Phật tử, nên phát những nguyện lớn: Nguyện ở hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng; nguyện gặp được thầy tốt, đồng học tốt, thiện tri thức thường dạy bảo cho tôi các kinh luật Đại thừa, Thập phát thú, Thập trưởng dưỡng, Thập kim cương, Thập địa, cho tôi hiểu rõ tu hành đúng chánh pháp; nguyện giữ vững giới của Phật, thà chết chứ không chịu phai lòng. Nếu tất cả Phật tử không phát những điều nguyện trên đây thời phạm “khinh cấu tội”.

Ví dụ nói chúng ta đề xướng giới pháp, lấy giới làm thầy, phải nghiêm trì giới luật, rất nhiều người không cho là đúng, bây giờ đã là thế kỷ 21 rồi, Phật pháp đã 3.000 năm, đã khác xưa rồi, thời đại khác rồi thì phải cải cách, rất nhiều giới luật không cần phải giữ nữa, cho nên họ chưa chắc có thể hiểu được việc làm của chúng ta, tâm nguyện của chúng ta. Chúng ta cũng không cần phí sức để thuyết phục họ, chúng ta chỉ làm tốt bổn phận của chúng ta, chúng ta phải giữ vững những lời giáo huấn của Như Lai, Phật dạy chúng ta phải giữ đầy đủ tịnh giới thì chúng ta phải giữ đầy đủ tịnh giới. Đây là lời giáo huấn của Phật trong kinh Hoa Nghiêm. Nếu đầy đủ vậy thì giới nặng nhẹ đều phải giữ như nhau, chẳng những không phạm giới trọng, mà giới nhẹ cũng không được phạm, thậm chí giới nhỏ giẫm lên cỏ xanh cũng phải nghiêm trì, không giẫm đạp lên cỏ xanh. Như trong kinh Lăng Nghiêm nói tỳ-kheo thanh tịnh không giẫm lên cỏ xanh, lời này ý là gì vậy? Tỳ-kheo thanh tịnh thì giới nhỏ cũng không phạm, nếu phạm giới nhỏ, vậy thì không gọi là tỳ-kheo thanh tịnh nữa. Cho nên, chúng ta không cần phải thanh minh quá mức với người khác, làm cho người ta thấy là được. Người ta thấy rồi hiểu rõ thì tốt, người ta thấy mà không hiểu rõ cũng được, chúng ta đi vững trên con đường của mình, dù đang là thời kỳ mạt pháp nhưng chúng ta cũng đang đi trên con đường chánh pháp.

Ở đây nói *“dù bị vu oan vu cáo cũng không được thề”*. Giả sử chúng ta bị người ta vu cáo hãm hại, hủy báng thì có thể giải thích, thanh minh với họ, nhưng họ vẫn không tin, mà còn muốn vu oan hủy báng bạn, hoặc có ý muốn hãm hại bạn, hoặc họ tin theo lời bịa đặt, tin đó là thật, không thể tiếp nhận lời giải thích của bạn, phải làm sao? Cũng không cần phải thề, như thề với trời rằng “tôi tuyệt đối không làm chuyện này”, không cần, cười trừ cho qua thôi.

Tôi nhớ từng đọc qua câu chuyện của một vị cao tăng. Vị cao tăng này có một lần bị một người phụ nữ vu khống, cô ta mang thai, trên thực tế cô gái này đã tà dâm với một người khác ở cùng thôn với cô ta và có thai. Kết quả đã vu oan cho người xuất gia này, nói rằng người xuất gia này cưỡng bức cô ta. Chuyện này thật động trời, ở trong chùa khi chuyện này vừa truyền đi thì cách nhìn của mọi người đối với người xuất gia này thật sự rất khó nhẫn chịu, đó là kẻ xấu phá giới, người xuất gia xấu xa, cho nên mọi người đều khinh thường thầy, coi thường thầy. Người xuất gia này chỉ nói: “Tôi không làm chuyện như vậy”, nói hết một câu, mọi người không tin, thầy cũng không thanh minh thêm nữa, mà tiếp tục dụng công. Sau đó, cô gái này sanh con ra, nhất định đem con trai đến chùa giao cho người xuất gia

này nuôi, người xuất gia cũng tiếp nhận, rồi nuôi đứa trẻ này lớn lên, tròn 16 năm, đã nuôi đứa trẻ lớn khôn, đến cuối cùng có một hòm lương tâm của cô gái đó trôi dạt, sám hối với mọi người nói rằng mình đã vu khống cho người xuất gia này. Ngài là một từ-kheo thanh tịnh, không phạm tội tà dâm đó, là bản thân cô phạm tội.

Bạn xem, sau 16 năm nổi oan này mới được rửa sạch, nhưng 16 năm thật không dễ sống, hằng ngày bị mọi người dùng ánh mắt dị thường để nhìn, nói xấu sau lưng ngài, song người tu hành chân thật ở trong những hoàn cảnh này thì nghĩ là đang tiêu nghiệp: đời trước chắc chắn phạm rất nhiều tội nghiệp nên đời này dù tôi chăm chỉ tu hành nhưng vẫn bị người hủy báng như vậy, đó chính là tiêu nghiệp địa ngục của mình. Trong kinh Kim Cang nói rất rõ ràng, bạn chân thật tu hành mà đời này bị người hủy báng là đời trước có nghiệp địa ngục, đời này bị người hủy báng như vậy là tội nặng báo nhẹ, không phải đọa địa ngục, nghiệp chướng tiêu rồi, bạn tu hành có thể thành tựu rất nhanh.

Cho nên nhẫn nhục là đại đức, trong kinh Di Giáo nói: “Nhẫn là đức mà trì giới và khổ hạnh cũng không sánh bằng”, bạn bố thí, bạn trì giới, bạn tu khổ hạnh rất khó được, nhưng công đức này không bằng bạn nhẫn nhục, thông thường giống như người xuất gia chúng ta vật ngoài thân có thể buông xả, người ta muốn bạn liền cho, những thứ này đều có thể buông xả, nhưng sự tôn nghiêm, thể diện thì rất khó buông xả, đặc biệt khi bị người vu khống thì không cách nào ngồi yên được, đó là không thể nhẫn nhục, đương nhiên không chỉ là người xuất gia, mà người bình thường đều như vậy. Trung Hoa có một câu ngôn ngữ nói rằng: “Quân tử có thể bị giết, không thể bị nhục”, Trung Hoa gọi đây là người đọc sách có khí tiết. Bạn lấy mạng của tôi, tôi đều có thể cho, nhưng bạn muốn sỉ nhục tôi, mắng chửi tôi, hủy báng tôi, tôi không thể nhẫn được việc này. “Việc này có thể nhẫn thì việc gì cũng nhẫn được”, nghĩa là họ không thể nhẫn được sự sỉ nhục thì thành tựu của họ sẽ có hạn. Nếu bạn có thể nhẫn nhục, càng là đại đức mà càng có thể nhẫn thì thành tựu của bạn càng lớn.

Nói theo pháp thế gian, chúng ta cũng nhìn thấy rất nhiều công án trong lịch sử như vậy, muốn thành công đều phải từ nhẫn nhục mà được. Ví dụ Lưu Bang tranh đấu với Hạng Vũ, Sở Bá Vương Hạng Vũ, khi ấy không ai bì được, binh cường ngựa khỏe, Lưu Bang đối đầu với ông và liên tiếp thua trận, Hạng Vũ thì mỗi trận đều thắng, Lưu Bang thì liên tục rút lui, Trương Lương dạy ông là liên tục rút lui, trong khi rút lui hãy bảo toàn thực lực của mình, đừng lấy đá chọi đá với

ông ta. Sau đó, Hàn Tín nương nhờ Lưu Bang, Hàn Tín là một vị dũng tướng, có trí có dũng. Ông đánh với Hạng Vũ đều có thể thắng trận, cho nên sau này Hàn Tín sanh tâm ngạo mạn, cảm thấy công lao của mình rất lớn, nên đã dâng sớ lên Lưu Bang yêu cầu Lưu Bang lập vương cho ông. Khi ấy Lưu Bang rất tức giận, vừa muốn nổi giận, nổi giận với sứ giả được phái đến, Trương Lương liền đá cho ông một cái, Lưu Bang lập tức không thể nổi giận được nữa, mà tức khắc phong Hàn Tín làm vương. Bởi vì trong thời khắc quan trọng như vậy, nếu Hàn Tín làm phản thì Lưu Bang chết chắc, hiện tại thật sự chỉ có thể dựa vào Hàn Tín, không được để Hàn Tín làm phản, nhất định phải nhẫn nhịn cầu toàn, cho nên sau đó Lưu Bang đã nhẫn được. Kết quả, sau đó tình thế dần dần chuyển biến, cuối cùng phản công thắng lợi, Sở Bá Vương đã tự sát ở Ô Giang, Lưu Bang kiến lập lên giang sơn Đại Hán, đến cuối cùng mới giết chết Hàn Tín. Hàn Tín là do Tiêu Hà, một vị Tể tướng dưới trướng của Lưu Bang mời về, sau này cũng là Tiêu Hà xử lý ông, cho nên có câu: “Thành cũng Tiêu Hà, bại cũng Tiêu Hà”. Hàn Tín chính là cống cao ngã mạn. Trước đây, Hàn Tín có thể nhẫn được, có thể nhẫn được nổi nhục chui qua háng, nhưng khi danh lợi khởi lên thì không nhẫn được. Lưu Bang có thể nhẫn được nên cuối cùng ông đã giành được thắng lợi. Đây là pháp thế gian, trong lịch sử đều có thể thấy được, có thể nhẫn nhục mới có thành tựu lớn.

Trước đây, khi tôi học tiểu học, mẹ tôi dạy tôi đọc một bài cổ văn là “Lưu Hầu Luận”. Lưu Hầu chính là Trương Lương, trong này dạy chúng ta làm sao để nhẫn nhục, không được làm những việc hữu dũng vô mưu. Dũng chân thật, người đại dũng là “bất ngờ gặp chuyện không hoảng sợ, bị người sỉ nhục chẳng giận hờn”, đột nhiên gặp chuyện đổ lên người bạn thì bạn cũng không kinh sợ, bạn vô cớ bị hủy báng, bạn cũng không nổi giận, đây là bạn có chí hướng lớn. “Tâm họ ấp ủ hoài bão lớn, chí hướng cao xa chẳng tầm thường”, bạn có chí hướng rộng lớn, mục tiêu cao xa, cho nên bạn có thể nhẫn.

Chúng ta học Phật rồi, đây là ra khỏi pháp thế gian thì càng phải nhẫn. Chúng ta lập chí hướng càng lớn là hy vọng có thể thành Phật, tương lai vắng sanh thành Phật, vậy thì mọi thứ của thế gian này bạn đều phải nhẫn, có thể nhẫn thì sẽ tự an, bạn có thể nhẫn nại thì tâm bạn liền an. Nhẫn này không phải là người ta vô cớ đến hãm hại mình, trong tâm mình liền rất tức giận, nhưng cắn chặt răng gắng sức mà nhẫn chịu, không phải như vậy, đó không gọi là nhẫn nhục, mà là kìm nén, không gọi là nhẫn, kìm nén đến một mức độ nhất định thì sẽ bùng nổ, không thể

nhân nổi nữa, thật sự nhân là tâm an định, giống như vị thiền sư vừa kể, 16 năm bị người vu khống hủy báng, nói ngài phạm trọng giới, ngài cũng không giải thích, đây chính là nhân thật sự, tâm ngài an trụ trong việc tu hành, ngài có thể đắc thiền định, ngài có thể khai trí tuệ, lại cộng thêm nhân nhục liền có thể sanh ra phước báo rất lớn, đặc biệt là gì vậy? Họ sỉ nhục bạn một cách vô cớ ngang ngược thì phước báo của bạn được tăng trưởng nhanh nhất. Việc này so với phước báo mà bạn bố thí, bạn trì giới, bạn tu khổ hạnh còn lớn hơn rất nhiều, cho nên chúng ta phải cảm ơn người đã đến sỉ nhục chúng ta, hãm hại chúng ta, vu khống hủy báng chúng ta. Vì sao vậy? Đây là tặng phước cho chúng ta. Chúng ta muốn tu hành cần phước báo, người ta sỉ nhục, hủy báng thì vừa hay tặng phước cho chúng ta, không tốn một chút sức lực nào thì đã tu được phước báo rất lớn rồi, có phải bạn nên cảm ơn họ không? Họ hủy báng bạn thì tương lai phải đọa địa ngục. Bạn xem, họ phải trả cái giá đọa địa ngục để tặng phước cho chúng ta. Ân đức này lớn biết bao, cảm ơn còn không kịp thì làm sao có thể sanh oán hận cho được? Cho nên, người có trí tuệ thì cái gì cũng nhân được. Chúng tôi đã giảng xong phần “tùy văn thích nghĩa” rồi.

Tiếp theo giảng đến khoa thứ ba là “cụ duyên thành phạm”, đây đủ mấy loại nhân duyên thì tạo thành phạm tội vọng ngữ. Vọng ngữ phần trước đã giảng rồi, có đại vọng ngữ và tiểu vọng ngữ. Nhân duyên của đại vọng ngữ có chín loại, phải đầy đủ chín loại thì mới tạo thành phạm tội, một loại không đầy đủ thì không tạo thành phạm trọng tội, nhưng cũng vẫn có tội phương tiện.

Chín loại duyên này, thứ nhất là “cảnh duyên đối diện là người”, cảnh giới đối diện là chúng sanh cõi người. Nếu không phải là cõi người mà nói đại vọng ngữ thì tội này sẽ nhẹ. Nếu nói đại vọng ngữ với người thì tội này sẽ nặng, thuộc về tội bậc thượng. Đại vọng ngữ chính là nói những pháp vượt qua người thông thường, nói bản thân đã chứng A-la-hán, thực tế thì không phải, đây thuộc về đại vọng ngữ. Bạn nói với một con chó, nó nghe không hiểu lời bạn nói, bạn nói: “Chó à, người biết không, ta đã chứng A-la-hán rồi!” Nó liền sủa lên hai tiếng với bạn mà thôi, việc này phạm tội bậc trung, bởi vì bạn có tâm lừa dối, chẳng qua là bạn nã hại nó với mức độ tương đối nhỏ, nó cũng không vì vậy mà cúng dường bạn rất nhiều danh văn lợi dưỡng, cho nên nghiệp này tương đối nhẹ một chút, tội cũng tương đối nhẹ một chút.

Thứ hai “nghĩ là người”, đối phương là người, bạn khởi lên suy nghĩ là chúng sanh cõi người. Bạn cho rằng họ là người. Giả sử họ là người nhưng bạn

nghĩ họ không phải là người. Ví dụ họ đứng ở trước mặt bạn không hề động đây, bạn cho rằng họ là người gỗ, bạn nói với họ là tôi đã chứng A-la-hán rồi, trong tâm bạn không nghĩ họ là người thì tội này tương đối nhẹ, thuộc về tội bậc trung, đây đều thuộc về tội phương tiện có thể sám hối. Nhưng nghĩ họ là người thì tội này không thể sám hối, phạm trọng tội.

Thứ ba là “cảnh giới hư vọng”, nếu cảnh giới là hư vọng, đó là chỉ cho việc bạn nói mình đã chứng A-la-hán, cảnh giới này, cảnh giới của A-la-hán là một cảnh giới hư vọng, bạn không chứng A-la-hán, bạn không biết, không thấy cảnh giới này nhưng mạo nhận nói mình là A-la-hán, đây là cảnh giới hư vọng.

Nếu cảnh giới chân thật, thì phạm tội này sẽ nhỏ, cảnh giới chân thật là gì? Bạn thật sự đã chứng A-la-hán rồi, sau đó bạn nói với người khác là “tôi đã chứng A-la-hán”. Nếu đối phương không phải là tỳ-kheo, tỳ-kheo nói với tỳ-kheo là “tôi chứng A-la-hán rồi”, phạm giới này tương đối nhỏ, tội ở chương thứ năm. Nếu nói với một người chưa thọ giới cụ túc, tỳ-kheo nói với một cư sĩ là “tôi đã chứng A-la-hán rồi”, họ thật sự đã chứng A-la-hán rồi nhưng nói như vậy cũng phạm giới ở chương thứ ba. Nói cách khác, dù bản thân bạn đã chứng đắc rồi cũng không được tùy tiện nói, nói ra thì phạm giới. Nếu cảnh giới hư vọng thì chính là đại vọng ngữ, bản thân chưa thật sự chứng A-la-hán mà bạn nói mình đã chứng đắc thì phạm trọng tội. Đại vọng ngữ này phía trước cũng nói rồi, bao gồm tất cả thần thông, bao gồm cảnh giới bạn tu hành, như nói mình chứng nhất tâm bất loạn, nhất định có thể vãng sanh, hiện tại tôi chính là A-bệ-bạt-trí Bồ-tát. Cảnh giới hư vọng mà cố ý nói như vậy thì phạm đại vọng ngữ. Cho nên, dù có cảnh giới tu hành thì tốt nhất là không nói, biểu hiện cho người khác thấy đều là mặt không tốt của bản thân, gọi là giấu kín tài năng, như vậy tốt, không sanh ra chướng ngại cho việc tu hành của mình.

Duyên thứ tư là “tự biết cảnh giới hư vọng”, trong tâm mình biết rõ cảnh giới này là hư vọng. Nếu bản thân bạn không biết, bạn hiểu lầm cảnh giới này là chân thật thì việc này cũng không phạm đến đại vọng ngữ. Ví dụ bạn hiểu lầm mình đã chứng A-la-hán, đó là cảnh giới hư vọng, bạn chưa chứng A-la-hán, đó là cảnh giới hư vọng, nhưng bạn không “tự biết cảnh giới hư vọng”. Nếu bạn thật sự cho rằng tâm đó là chân thật, không phải lời nói lừa gạt người thì việc này thuộc về tăng thượng mạn. Tỳ-kheo có tăng thượng mạn thì phạm tội nhỏ ở chương thứ năm, vậy thì chúng ta cũng phải sám hối tội bậc hạ.

Duyên thứ năm là “có tâm lừa gạt người”, tức là có tâm lừa dối người khác. Nếu không phải vì lừa gạt người khác, ví dụ là một câu nói đùa, do nói đùa mà nói ra lời này thì phạm tội tương đối nhẹ, đương nhiên không phải không phạm, có phạm, chỉ là không phạm trọng tội thôi, nhưng những lời nói đùa như vậy đều phạm giới.

Ở đây nêu ra một ví dụ để nói, ví dụ người ta rất nghiêm túc đến hỏi bạn: “Gần đây bạn bế quan ra rồi, đã chứng được mấy quả rồi”, bạn lấy ra hai quả táo nói: “Nhị quả”, đây là một kiểu nói đùa, bạn không có tâm lừa gạt họ, không phải thật sự muốn nói với đối phương là tôi đã chứng được nhị quả, nói đùa như vậy thì không phạm, nhưng bạn phải chú ý, giả sử họ lý giải như vậy, bởi vì họ rất nghiêm túc đến hỏi bạn, bạn nói với họ nhị quả, họ cho rằng bạn thật sự đã chứng nhị quả, lúc này bạn phải lập tức giải thích rõ. Nếu bạn biết họ lý giải câu nói của bạn, họ cho rằng bạn đã chứng nhị quả, mà lúc này bạn không giải thích rõ thì bằng với việc bạn đã ngầm thừa nhận, vậy thì việc này thuộc về đại vọng ngữ; mới đầu là nói đùa, nhưng sau đó bạn không giải thích rõ thì đó chính là đại vọng ngữ, bởi vì bạn có tâm muốn lừa gạt, đây gọi là có tâm lừa gạt người, đây là duyên thứ năm.

Tiếp theo duyên thứ sáu “nói pháp vượt quá người thường”, tức là tuyên thuyết những thánh đạo vô lậu, bản thân đã chứng được những pháp siêu vượt phạm phu thông thường. Nếu không phải nói những pháp vượt quá người thường thì thuộc vào tiểu vọng ngữ. Tiểu vọng ngữ cũng vậy, có tâm lừa gạt người thì cũng phạm. Nếu không có tâm lừa gạt người mà là nói đùa, nhưng đối phương lại hiểu lầm bạn nói thật, lúc này bạn cũng phải giải thích rõ, nếu không bạn cũng phạm tiểu vọng ngữ giống như vậy.

Tiếp theo thứ bảy là “tự nói mình đã chứng” là tự nói mình đã chứng những pháp vượt quá người thường. Giả sử không nói mình đã chứng, mà chỉ nói về cảnh giới này, miêu tả cảnh giới này, hoặc trong khi giảng kinh thuyết pháp nói rõ cho mọi người về tầng thứ tu hành này, hoặc vì tán thán công đức của tam bảo, chứ không phải nói mình đã chứng, điều này đương nhiên không phạm. Ví dụ, tôi ở nơi đây nói A-la-hán có cảnh giới như thế nào, có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông, tôi nói như vậy, tôi không nói tôi đã chứng được cảnh giới này, tôi chỉ miêu tả, vậy thì không phạm. Nhưng nếu người khác, thỉnh chúng hỏi bạn: “Bạn đã chứng đắc chưa? Tại sao bạn lại hiểu rõ như vậy?” Vậy thì bạn phải nói là: “Tôi chưa chứng đắc”. Nếu bạn gạt

đầu, dù không nói, hoặc dù không gạt đầu mà chỉ cười không đáp, cố làm ra vẻ huyền bí khiến người cảm thấy bạn dường như đã chứng đắc rồi thì đều phạm giới.

Cho nên phải trừ bỏ tâm lừa gạt người này đi, phạm tất cả giới đều là vì có loại tâm này, không có tâm thì không phạm giới. Giết, trộm, dâm, dối này đều phải có tâm phạm giới, có tâm giết thì mới phạm giới giết, có tâm trộm thì mới phạm giới trộm, có tâm dâm thì mới phạm giới dâm, có tâm lừa gạt mới có thể phạm giới vọng ngữ. Những giới này giúp chúng ta đoạn trừ những tâm này, đoạn tâm giết, đoạn tâm trộm, đoạn tâm dâm, đoạn tâm dối, cho nên dùng cách trì giới để đối trị phiền não của mình, thật sự đối trị được phiền não, họ không khởi lên những tâm này nữa thì tự nhiên cũng không phạm giới.

Ví dụ nói đoạn phiền não, đó chính là chứng thánh quả, chứng thánh quả chính là đạo cộng giới. Đạo cộng giới thì vĩnh viễn không phạm giới, họ đều không cần tác ý trì giới, họ đều không phạm giới. Giả sử họ vẫn chưa đoạn được nhưng họ có thể phục được những tâm ác, những tâm phiền não này thì đó chính là định cộng giới, họ cũng không phạm giới, dù ở trong những cảnh giới này, ở trong nhiễm duyên, họ chỉ cần không sanh những phiền não này thì họ không phạm giới. Ví dụ, khi giết người mà không có tâm giết thì không phạm. Phần trước, chúng tôi đã giảng đến ngộ sát thì không tính là phạm giới giết. Bạn ở trên lầu đột nhiên lỡ tay làm rớt một đồ vật xuống đập vào đầu của người dưới lầu, giết họ rồi, việc này có phạm giới sát không? Không phạm, không có tâm giết, nếu chúng ta không chế được tâm giết của chúng ta thì không phạm. Tâm trộm cũng vậy, không có ý niệm trộm đồ của người khác, không có ý niệm chiếm hữu tiện nghi của người khác thì không phạm giới. Tâm dâm cũng vậy, ở trong cảnh giới này từ đầu đến cuối bạn giữ gìn được tâm thanh tịnh không nhiễm thì bạn cũng không phạm. Đương nhiên đây là hành vi của đại Bồ-tát, phàm phu thông thường chúng ta đừng thử. Khi chúng tôi giảng thời khóa tối, giảng về Phật-tô-mật-đa nữ, giảng về ngài Duy-ma-cật, giảng về đại sư Cưu-ma-la-thập, những người này các ngài ở trong cảnh mà không nhiễm, họ có thể làm được, chúng ta thì không được, nếu chúng ta học theo thì chắc chắn đọa lạc, đó là phạm trọng giới. Vọng ngữ cũng vậy, không có tâm lừa gạt thì đều không phạm. Cho nên, phải biết giới luật chính là cách để đối trị tâm phiền não của chính mình, đây là trọng điểm.

Duyên thứ tám là “lời nói rõ ràng”, lời vọng ngữ nói ra rất rõ ràng, rất tường tận. Nếu nói chuyện không rõ ràng, người ta nghe cũng không hiểu thì vẫn may,

không phạm giới trọng, sẽ phạm tội tương đối nhẹ, thuộc về giới bậc trung. Ví dụ bạn bị nói lấp, nói chuyện ngấp ngừng ấp úng, bạn muốn nói tôi đã chứng a a a, vẫn chưa nói a xong, người ta không nghe nữa, lúc này vẫn may không phạm trọng tội. Nếu bạn nói rất rõ ràng, hơn nữa duyên thứ chín là “đối phương hiểu rõ”, đối phương cũng hiểu rất rõ ràng, vậy thì bạn phạm trọng tội. Nếu tôi nói rất rõ ràng mà đối phương nghe không rõ ràng, họ không hiểu rõ thì người này phạm tội tương đối nhẹ, thuộc giới bậc trung, đều thuộc về tội phước tiện, không tạo thành tội căn bản. Tôi lấy một ví dụ để nói, ví dụ bạn nói với một người là: “Người trước mặt bạn chính là A-la-hán”, họ nghe không hiểu, trước mặt cái gì? Trước mặt tôi có không? Họ nghe không hiểu. Bạn muốn nói rằng bản thân bạn chính là A-la-hán. Tôi đứng ở trước mặt bạn nhưng họ nghe không hiểu điều này, họ còn hỏi lại, như vậy vẫn may. Ở trong luật có ví dụ như sau, tỳ-kheo nói lời này, đối phương nghe không hiểu, họ hỏi lại mà tỳ-kheo im lặng không trả lời, đối phương không hiểu rõ thì việc này không phạm đến trọng tội, nhưng họ cũng phạm tội rất nguy hiểm, họ là tội bậc trung rất nặng, bậc thượng của tứ thứ ba trong giới tỳ-kheo. Vậy phải khẩn thiết sám hối thì tương lai mới tránh được phạm trọng tội.

Cho nên, đầy đủ chín duyên ở trên thì sẽ tạo thành phạm tội đại vọng ngữ. Chín duyên này: thứ nhất là người, thứ hai nghĩ là người, thứ ba là cảnh giới hư vọng, thứ tư là tự biết cảnh giới hư vọng, thứ năm là có tâm lừa gạt, thứ sáu là nói pháp vượt quá người thường, thứ bảy là tự nói mình đã chứng, thứ tám là lời nói rõ ràng, thứ chín là đối phương hiểu rõ. Chín duyên này đều thành tựu thì phạm trọng tội, có một duyên không thành tựu là thiếu duyên, thiếu duyên thì sẽ phạm tội nhẹ.

Tiếp theo nói về trường hợp tiểu vọng ngữ, đủ sáu duyên thì phạm tội, không phải nói những pháp vượt quá người thường mà nói lời lừa gạt người thông thường. Thông thường tiểu vọng ngữ chỉ phạm đến tội bậc trung.

Sáu duyên, thứ nhất là “cảnh duyên đối diện là người”, giống như phía trước, người này chỉ cần là chúng sanh cõi người, không phân biệt xuất gia hay tại gia, là nam hay là nữ, chỉ cần là người là được.

Thứ hai “nghĩ là người”, bạn cũng khởi lên suy nghĩ họ là người.

Thứ ba “lời nói trái với lương tâm”, tức là lời nói trái với lòng, trong tâm bạn nghĩ một đằng nhưng miệng nói một nẻo, thấy nhưng nói không thấy, không thấy nhưng lại nói thấy, nói những lời hư dối không thật.

Duyên thứ tư là “biết là lời trái với lương tâm”, bản thân bạn cũng biết, biết rõ lời mình nói trái với suy nghĩ trong tâm, tức là cố ý nói trái với lương tâm, cố ý nói ra. Nếu không phải cố ý, ví dụ buột miệng nói sai, lỡ lời thì không phạm tiêu vọng ngữ.

Thứ năm là “lời nói rõ ràng”, lời bạn nói ra rất rõ ràng tường tận.

Thứ sáu là “đối phương hiểu rõ”, đối phương cũng có thể hiểu rõ lời của bạn.

Đầy đủ sáu duyên trên thì tạo thành phạm giới tiêu vọng ngữ. Cho nên, có người thường đến hỏi tôi: “Vốn dĩ mình đã đồng ý với người ta, ví dụ hôm nào đó sẽ đến nơi hẹn, nhưng sau đó do điều kiện khách quan nên thay đổi, nhân duyên không đủ nên không cách nào đến nơi hẹn, giống như đã thất tín với người, việc này có phải là nói dối không?” Việc này không thuộc về nói dối, bởi vì khi bạn nói, bạn không có tâm muốn lừa dối người, bạn không nói lời trái với lương tâm, khi bạn hẹn với người ta, bạn thật sự dùng tâm chân thật đi đến nơi hẹn, bạn không ngờ được có điều kiện khách quan đã làm thay đổi, khiến bạn có thể sẽ thất tín. Khi đó bạn không nghĩ như vậy, bạn thật sự muốn hẹn gặp họ, cho nên lời nói lúc ấy không thuộc lời nói dối, đó chỉ là thất tín với người, đương nhiên cũng có lỗi, hoặc dù không phải nhân tố chủ quan của bản thân mà là nhân duyên khách quan, việc này cũng cần phải xin lỗi người ta, nhưng bản thân không tính là phạm giới nói dối.

Khoa mục thứ tư là “phạm vọng xử đoạn”, trường hợp phạm vọng ngữ thì chúng ta sẽ xử lý, phán định mức nặng nhẹ.

Phạm trọng giới, loại thứ nhất là “nói với người là chứng quả, thậm chí la-sát đến chỗ tôi...”, nói những pháp vượt quá người thường, đối phương hiểu rõ thì phạm trọng tội, mất giới sa-di không thể sám hối. Nói những pháp vượt quá người thường này, đối phương vừa nghe hiểu thì phạm giới trọng, phạm giới trọng chính là bậc thượng không thể sám hối, thuộc về tội căn bản, tội này mất giới thể sa-di. Nếu cư sĩ thọ ngũ giới hoặc thọ giới Bồ-tát thì cũng mất giới thể. Bởi vì điều giới này thông với tất cả giới, ngũ giới, bát giới, Bồ-tát giới, tất cả giới của người xuất gia đều có điều giới không vọng ngữ này.

Thứ hai là “nói nhầm nhưng chưa nói rõ được như tâm nguyện; nói không rõ ràng, khiến đối phương không hiểu rõ; nói với người điếc, người si khờ không hiểu được lời ấy” thì phạm tội phương tiện gần bậc trung có thể sám hối, cần phải nhanh chóng sám trừ. Nói nhầm tức là lời nói ra bị sai sót, lỡ lời, nói nhầm nhưng vẫn

chưa nói được, chưa nói rõ được như tâm nguyện, tức là chưa đúng với tâm ý ban đầu của bạn, trường hợp này là nói nhảm, hoặc bạn muốn vọng ngữ nhưng chưa thành công, không hợp với bản tâm của bạn. Hoặc nói không rõ ràng, nói không tường tận, hoặc đối phương nghe rồi cũng không thể thật sự hiểu rõ ý của bạn, hàm ý của bạn, hoặc đối phương là người điếc, hoặc người si khờ căn bản không thể hiểu được lời của bạn, hoặc là người nước ngoài, họ nghe không hiểu tiếng Hoa, việc này đều có thể, tội này thuộc về tội phược tiện gần bậc trung có thể sám hối. Tội này có thể sám hối, cần phải gấp rút sám hối để diệt trừ tâm phạm giới của chúng ta.

Trường hợp thứ ba là “nói với trời rồng quỷ thần, hoặc nói đã chứng quả với súc sanh hiểu được ngôn ngữ, đối phương cũng hiểu rõ; nói với người là gió lốc thổ địa đến chỗ tôi, gió lốc thổ địa thấp hơn la-sát v.v., cho nên tội là ngang nhau”. Nghĩa là nói với các loại phi nhân như trời rồng quỷ thần, không phải chúng sanh cõi người, nói với người trời, rồng, quỷ, thần v.v.; hoặc tuyên nói với súc sanh có thể hiểu được ngôn ngữ của bạn, nói những lời đại vọng ngữ, việc này đều không phạm đến trọng tội. Bởi vì đối phương không phải là người, dù họ có thể hiểu được tâm ý của bạn, tội này không phạm đến trọng giới căn bản, nhưng cũng sẽ phạm tội bậc trung có thể sám hối, thuộc về tội đẳng lưu, tức là cùng một loại, tội cùng một loại với đại vọng ngữ, chỉ là không phạm đến trọng tội mà thôi. Đương nhiên cũng cần đối phương hiểu rõ, nghe hiểu rõ thì mới được. Ví dụ, nói với người là gió lốc thổ địa đến nơi này của mình, trên thực tế là lừa người. Thổ quỷ chính là thần thổ địa, quỷ, những thần linh thổ địa này, thông thường thần thổ địa là một loại gió lốc, xuất hiện đáng vẻ như một con lốc.

Trước đây trong “Ảnh Trần Hồi Ưc Lục”, chính là truyện ký của lão hòa thượng Đàm Hư. Trong đây có ghi chép, trước đây lão hòa thượng Đế Nhân từng có một đồ đệ tham thiền. Đồ đệ tham thiền này rất dụng công, đã tham thiền 20 năm, nhưng ông không cầu sanh Tịnh độ, kết quả cuối cùng lên chức thủ tọa của tự viện. Danh văn lợi dưỡng nhiều rồi, mọi người cung kính, tín đồ cũng nhiều, liền sanh khởi tâm ngạo mạn, cảm thấy mình rất tốt, không ngờ tâm ngạo mạn này vừa khởi lên liền lơ là việc tu hành, oan gia trái chủ đã tìm đến cửa. Người vợ trước đây của ông, trước đây ông từng lập gia đình, sau này khi tâm đạo phát khởi [nên ông] kiên quyết xuất gia, người vợ không đồng ý, ông cũng mặc kệ, cuối cùng người vợ nhảy sông tự tử. Vị thiền sư này tu hành 20 năm có thần hộ pháp, cho nên oan gia

trái chủ này không tìm được ông, không thể đến gần ông. Kết quả, tâm ngao mạn vừa khởi lên thì thần hộ pháp đi mất, sau đó linh hồn người vợ trước đây của ông liền gây phiền phức cho ông. Cho nên, sau đó vị thiền sư này cũng nhảy sông tự vẫn. Đây là một đoạn công án trước kia của chùa Giang Thiên, thành phố Trấn Giang, cũng là chùa Kim Sơn. Tham thiền hơn 20 năm, kết quả cuối cùng là nhảy sông tự tử.

Sau khi nhảy sông tự sát, bởi vì là đệ tử của lão hòa thượng Đế Nhân nên ngài đã làm lễ an táng cho ông, sau đó nói với ông rằng: “Ông làm đệ tử của ta 20 năm, hôm nay mọi người đưa tang cho ông thì ông cũng phải hiển linh đi”, sau khi nói xong lời này thì phát hiện có một con lóc nhỏ, giống như một con lóc xoáy nhỏ xuất hiện. Lão hòa thượng Đế Nhân liền biết được, “biết rồi”, đang nói thì lúc này ngoài cửa có một cô gái khóc lóc đi đến. Việc này là thế nào? Trước kia, sau khi vị thiền sư này lập gia đình thì sanh ra cô gái này, sau đó cô khóc lóc nói rằng: “Tôi qua con nằm mộng thấy cha con và mẹ con đi đến ngôi miếu thổ địa gần chỗ chúng ta làm ông thổ địa và bà thổ địa rồi”. Trưởng lão Đế Nhân đột nhiên nhớ ra: Đúng vậy, trước cửa đạo tràng chúng ta vừa mới xây dựng một ngôi miếu thổ địa, họ đến đó nhận chức rồi. Đó là thuộc về chúng sanh cõi quỷ. Bạn xem, tu hành cả một đời, không cầu vãng sanh, công phu tu hành của bản thân, thiền định có phước báo chuyển thành đời sau làm một tiểu quỷ có phước đức, tức là loại gió lóc thổ địa này.

Trước công đạo tràng chúng ta cũng có một miếu thổ địa, thần thổ địa ở đó trước đây chắc cũng là người tu hành, chúng ta hy vọng họ cũng đến tham gia niệm Phật với chúng ta, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, nhờ Phật lực tiếp dẫn, vậy thì đời này mới có thể ra khỏi sáu cõi, dựa vào tự lực khó, hơi có chút sơ xuất, oan gia trái chủ vừa đến gây phiền phức thì rút mất ngay.

Bởi vì thổ địa thuộc về những chúng sanh ở tầng tương đối thấp, thấp hơn la-sát một bậc. La-sát thuộc về đại quỷ, quỷ tương đối có sức mạnh, quỷ có phước đức tương đối lớn, họ có thể bay, cho nên nói la-sát đến chỗ tôi thì là phạm đại vọng ngữ. Ví dụ nói gió lóc thổ địa, tiểu quỷ đến chỗ tôi thì không tính là phạm đại vọng ngữ, nhưng phạm tội đẳng lưu, cùng một loại với đại vọng ngữ, chỉ là không phạm đến mức nặng như vậy, mà thuộc tội đẳng lưu bậc trung có thể sám hối. Cho nên, những tâm lừa gạt người như vậy đều phải buông bỏ, tu đạo nhất định phải dùng tâm chân thật, không được dùng tâm lừa gạt, thích nói dối, tùy tiện nói dối, sau khi quen rồi thì bản thân cũng không thể phát hiện ra, rất đáng sợ, đây là chướng đạo.

Tiếp theo, nếu là tiểu vọng ngữ thì còn có nói ly gián, nói thô ác, nói thêu dệt v.v.. Nếu “lời nói không rõ ràng”, nói không tường tận lắm, đối phương cũng không thể hiểu rõ thì phạm tội phương tiện bậc hạ có thể sám hối, không phạm tội căn bản. Căn bản của tiểu vọng ngữ chính là tội bậc trung. Bạn nói không rõ ràng, chưa tạo thành tội, trong sáu duyên thiếu một hoặc hai duyên, đây chính là phạm tội phương tiện bậc hạ, cũng cần phải sám hối.

Còn điều thứ năm là “khởi tâm muốn vọng ngữ nhưng chưa nói”, muốn lừa người nhưng vẫn chưa nói ra. Tội này đã phạm vào tội phương tiện xa bậc hạ có thể sám hối. “Phương tiện xa” thông thường là tự trách tâm sám hối, có thể một mình ở trước Phật, sám hối trước Phật. Nếu phạm “phương tiện thứ” là bậc trung, những tội này đều phải đối thú sám, bản thân ở trước Phật dùng tâm tự trách sám hối thì sám không hết được.

Nếu “nói với súc sanh không hiểu ngôn ngữ là đã chứng quả” thì phạm tội đẳng lưu bậc hạ có thể sám hối, tội này cùng loại với đại vọng ngữ, nhưng do nó thiếu duyên, không phải nói với người, mà nói với súc sanh, chúng không thể hiểu bạn nói gì nên thuộc về tội bậc hạ. Tiếp theo, thứ bảy là:

“Nếu công phu hơi có chút đắc lực, nhưng không biết pháp tướng, cho là chứng quả thì gọi là tăng thượng mạn, vốn không có tâm lừa gạt cho nên không mất giới thể, song phải thừa thỉnh các bậc sư trưởng đã tu chứng để phán định rõ đúng sai, khẩn thiết sám hối, xả bỏ cái tâm có sở đắc, tinh tấn mong cầu những đạo lý chân thật để xuất ly thì mới mong không bị đọa lạc”.

Đoạn này phần trước đã giảng rồi, ở đây là phán định. Công phu hơi có chút đắc lực, nhưng không biết pháp tướng trong việc tu hành, không hiểu giáo lý, hiểu sai thông tin, nói những pháp vượt quá người thường, nói mình đã chứng quả. Họ không dùng tâm lừa gạt để nói, mà họ tự cho là đúng, thuộc về tăng thượng mạn. Vốn dĩ không có tâm lừa gạt người nên họ không mất giới, không mất giới thể, nhưng cũng phạm tội bậc hạ, bản thân cần phải khẩn thiết sám hối tội lỗi, phải làm sao? Phải thừa thỉnh thiện tri thức, sư trưởng, các bậc đi trước. Các bậc đi trước tức là những người đã có kinh nghiệm, họ giúp bạn phán định đúng sai, giúp bạn xem cảnh giới này của bạn là thật hay là giả. Nếu bản thân hiểu sai thông tin, thì lúc này phải khẩn thiết sám hối, không được cho mình là đúng nữa. Nếu bạn vẫn tự cho mình là đúng thì phạm đại vọng ngữ rồi. Cho nên, xả bỏ cái tâm có sở đắc của chính mình, phải một lòng mong cầu, một lòng siêng năng cầu đạo lý thiết yếu

chân thật của việc xuất ly thì mới tránh được tội ác. Tăng thượng mạn là một chướng ngại lớn của việc tu hành, gọi là “ngã mạn cao như núi thì nước pháp không thể thấm nhuần”, trước khi chưa thật sự khai trí tuệ thì đều không được rời xa thiện tri thức; tự cho mình là đúng, phần lớn đều sẽ đi lầm đường, thậm chí đọa lạc.

Tiếp theo, khoa thứ năm là “tiêu cảnh tướng”, tức là khởi lên suy nghĩ với cảnh giới. Nếu “nói với người và nghĩ là người” mà phạm đại vọng ngữ thì phạm tội bậc thượng không thể sám hối. Nếu “nói với người nhưng nghĩ họ là phi nhân”, hoặc “nói với phi nhân nhưng nghĩ là người”, “nói với phi nhân và nghĩ là phi nhân”, “nói với phi nhân và nghĩ là phi nhân”, những trường hợp này đều không phải trọng tội, mà đều phạm tội bậc trung có thể sám hối. Đây là những trường hợp nghĩ và nghi. Ví dụ bạn nói với một người, nhưng bạn tưởng họ là phi nhân. Mặc dù họ là người, bạn lại tưởng họ là phi nhân, có thể là một súc sanh, bạn tưởng họ là súc sanh rồi nói thì không phạm, không phạm trọng tội, nhưng sẽ phạm tội bậc trung. Nếu với phi nhân, nói với phi nhân thì cũng phạm nhưng không phạm trọng tội. Giả sử “nói với phi nhân và nghĩ họ là phi nhân” thì phạm tương đối nhẹ. Nói với một con chó, bạn cho rằng nó là một con chó, bạn nói đại vọng ngữ thì phạm tội nhẹ, nhưng nếu bạn cho nó là một người, nó là một con chó nhưng bạn cho rằng nó là một người, tức là “nói với phi nhân nhưng nghĩ là người” thì tội này sẽ phạm tương đối nặng, nặng hơn so với nghĩ nó là phi nhân. “Nói với phi nhân và nghĩ là phi nhân”, nghi là gì? Nó là một con chó, bạn nói đại vọng ngữ với nó, trong tâm bạn hoài nghi nó có phải là chó không? Đây gọi là nghi trực tiếp. Nghi lẫn nhau tức là nó là chó hay là người? Nghi lẫn nhau, tạo đại vọng ngữ trong trường hợp này sẽ nặng hơn một chút so với nghĩ là phi nhân, nhưng cũng đều nằm trong tội bậc trung.

Tiếp theo, chúng ta đến “minh khai duyên”, nói vọng ngữ có khai duyên thế nào, nghĩa là những trường hợp không phạm.

Nếu “nói với người những pháp chứng quả, mà không nói mình đã chứng”, nghĩa là khi giảng kinh thuyết pháp nói đến những cảnh giới này, mà không nói mình đã chứng đắc thì không phạm, nhưng bản thân không được có một chút tâm lừa gạt người nào. Nếu cố ý nói những cảnh giới chứng quả này khiến mọi người hiểu lầm bạn thật sự đã chứng đắc, thì tâm này sai rồi, đây chính là tâm lừa gạt. Nếu bạn biết họ thật sự nghĩ bạn đã chứng đắc thì bạn phải đính chính lại. Nếu bạn không đính chính lại thì bằng với đại vọng ngữ. Nếu nói nhằm “muốn nói chuyện

khác nhưng nói nhằm chuyện chứng quả”, nói nhằm thì không phạm. Nói nhằm tuy không phạm nhưng khiến người ta khởi suy nghĩ khác thì bản thân cũng phải sám hối việc này. Đây cũng là phạm giới, phạm giới nhỏ. Còn có “nói đùa”, tội này đều thuộc về phạm giới nhẹ, tuy phạm giới nhẹ, không phạm giới trọng, việc này bởi vì trái ngược với quy củ nói chuyện nên cũng phải khẩn thiết sám hối. Người xuất gia chúng ta không nên nói đùa, lời nói đều phải thành khẩn, chân thật, cẩn trọng, “nói nhiều lời, không bằng ít, phải nói thật, chớ xảo nịnh”, còn có một khai duyên nữa chính là “tâm cuồng loạn”, phần trước đều đã nói rồi, những việc này đều không phạm.

Tiếp theo nói “đi thực quả báo”, trì và phạm điều giới vọng ngữ này có những quả báo gì? Căn cứ theo kinh Hoa Nghiêm, trong phẩm Thập Địa nói: “Tội vọng ngữ cũng khiến chúng sanh堕 vào ba đường ác. Nếu sanh vào trong cõi người thì bị hai loại quả báo: một là thường bị hủy báng, hai là bị người lừa gạt”, những tội vọng ngữ này cũng sẽ khiến chúng sanh堕 vào trong ba đường ác, sau khi thọ tội báo xong, tái sanh vào cõi người sẽ bị hai loại quả báo; Thứ nhất là thường bị hủy báng, cho nên thường bị người khác lăng nhục. Việc này bản thân không được có tâm oán trời trách người, mà nên gắng sức sám hối khẩu nghiệp trong đời quá khứ. Bởi vì tất cả mọi việc phát sanh đều không phải ngẫu nhiên, mà đều có nhân trước quả sau, cho nên không được oán trời trách người. Nhà Nho, bạn xem người quân tử đều không oán trời, không trách người, càng hướng hồ đệ tử học Phật chúng ta, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, hiểu rõ nhân quả ba đời thì làm sao có thể oán trời trách người cho được? Quả báo thứ hai là bị người lừa gạt, thường bị người khác lừa gạt. Đây chính là quả báo do bản thân đã lừa gạt người khác trong đời trước.

Kinh Hoa Nghiêm lại nói: “Tội nói thêu dệt cũng khiến chúng sanh堕 vào trong ba đường ác. Nếu sanh làm người sẽ chịu hai loại quả báo: một là lời nói không có người tin nhận, hai là lời nói không rõ ràng”. Nói thêu dệt, nói những lời đường mật, lời vô nghĩa, lời nói đùa, những việc này cũng phạm tội, cũng có thể khiến chúng sanh堕 vào trong ba đường ác, cho nên không được dưỡng thành thói quen nói đùa, đừng cho rằng đây là hài hước, chẳng có gì đáng hài hước cả, hài hước thì tương lai sẽ堕 vào ba đường ác. Tổ sư đại đức cũng có người hài hước, nhưng sự hài hước đó đều không phải là nói lời vô nghĩa, mà đều nói những lời dẫn dắt người, giác ngộ người, mà không phải là tùy tiện nói những lời hài hước đó.

Nếu nói những lời vô nghĩa đó thì chính là lời thêu dệt, tương lai sẽ đọa trong ba đường ác, thọ hết tội báo rồi, sanh vào cõi người cũng sẽ chịu hai loại quả báo. Thứ nhất chính là chẳng có ai tin tưởng, tiếp nhận lời bạn nói ra. Việc này chính là một đòn chí mạng đối với những người muốn giảng kinh thuyết pháp. Bạn nói mà người ta không tin, vậy thì bạn không thể giảng kinh thuyết pháp, trước tiên bản thân bạn phải nghiêm túc sám hối tội nghiệp, đương nhiên bản thân nhất định phải có đức, không vọng ngữ chính là một loại đức khiến người khác sanh khởi tín tâm. Nếu bạn có một lần vọng ngữ thì người ta sẽ bắt đầu hoài nghi bạn, có phải mỗi câu nói của bạn đều là vọng ngữ không? Cho nên, một lần cũng không được phạm. Thứ hai là lời nói không rõ ràng, nói chuyện không rõ ràng tường tận, thậm chí nói lấp, lời nói rất dài dòng, còn không nói được rõ ràng. Trường hợp này đều là do nghiệp báo đời trước. Nếu hiểu thì phải khẩn thiết sám hối túc nghiệp, từ nay về sau đừng phạm khẩu nghiệp nữa.

Vâng, hôm nay đã hết giờ rồi, chúng tôi xin giảng đến đây, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 15

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 29/06/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính. Chúc mọi người buổi chiều tốt lành! Mời để tay xuống.

Chúng ta tiếp tục học tập điều giới thứ tư “không vọng ngữ”. Buổi trước nói đến khoa thứ bảy là “dị thực quả báo”. Dị thực quả báo, chúng tôi đã giảng về quả báo của vọng ngữ (nói dối), là trích dẫn ra từ kinh Hoa Nghiêm, cũng giảng về quả báo của nói thêu dệt rồi. Hôm nay trích dẫn trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, là nói dối sẽ đạt được tám lợi ích mà người trời tán thán. Không những trời tán thán mà người cũng tán thán. Tôi đọc tám loại lợi ích này cho mọi người nghe trước: “Một, miệng thường thanh tịnh, thơm mùi hoa ưu-bát. Hai, được người thế gian tín phục. Ba, lời nói ra thành chứng cứ, trời người kính mến. Bốn, thường dùng ái ngữ an ủi chúng sanh. Năm, được tâm ý vui vẻ thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh. Sáu, lời nói không lỗi lầm, tâm thường hoan hỷ. Bảy, phát ngôn được tôn trọng, trời người phụng hành. Tám, trí tuệ thù thắng, không ai có thể chế phục được. Đó là tám. Nếu có thể hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, tương lai thành Phật sẽ được chân thật ngữ của Như Lai”.

Cảm được tám loại lợi ích này đều là do không nói dối. Người có thể không nói dối thì thứ nhất: miệng thường thanh tịnh, hơn nữa sẽ giống như hoa ưu-bát-la, tức là một loại hương thơm của hoa sen xanh. Ngược lại nếu người thường nói dối thì sẽ bị hôi miệng. Cho nên, hôi miệng có thể là do đời trước hoặc đời này nói dối nên miệng không thanh tịnh. Nếu bản thân có bệnh này, lúc mới đầu bản thân có

thể không phát giác ra, người khác ở bên cạnh sẽ cảm nhận được, khi họ nhắc nhở bạn thì bạn phải lập tức nhớ đến hai câu kinh văn này trong kinh Phật, phải nghiêm túc cầu sám hối, ở trước Phật lập thệ phát nguyện, từ nay về sau vĩnh viễn không nói dối nữa; nói chuyện, làm việc đều phải dùng tâm chân thành, không được có tư hào tâm hư ngụy nịnh nọt, lâu ngày thì tự nhiên miệng sẽ thanh tịnh, không còn mùi hôi nữa. Thậm chí trì giới thanh tịnh, trì giới không nói dối này, khi nói chuyện thì trong miệng sẽ tỏa ra hương thơm dịu. Hương thơm dịu này không phải loại hương có mùi nước hoa của thế gian. Bạn dù xịt nước hoa vào miệng, nhưng kỳ thực mùi hương tỏa ra cũng rất giả tạo, còn mùi của họ là tự nhiên, khiến người sau khi ngửi được thì toàn thân tâm đều có thể an định. Đây thuộc về hương của giới đức.

Lợi ích thứ hai là “được người thế gian tín phục”, bạn nói chuyện không nói dối, nói ra đều là lời chân thật, hết thấy chúng sanh trên thế gian tự nhiên sẽ tín phục bạn, bằng lòng nghe lời bạn, thậm chí xem lời bạn nói giống như thánh chỉ vậy, y giáo phụng hành. Tín này chính là tín nhiệm, phục chính là khâm phục, kính trọng, có thể rất phục tùng mà nghe theo bạn. Ngược lại, nếu chúng ta nói chuyện mà người ta đều không tin chúng ta, càng không cần nói đến y giáo phụng hành, thì người thế gian gọi là lời chúng ta nói ra không có khả năng thực hiện, người ta cũng không chấp hành, rồi vứt lời của bạn sang một bên. Điều đó chứng tỏ bản thân có vấn đề, đức của mình không đủ, không thể khiến đại chúng tín phục, phải lấy đức phục người.

Tiếp theo, điều thứ ba là “lời nói ra thành chứng cứ, trời người kính mến”. Bạn có thể không nói dối thì lời bạn phát biểu, lời bạn nói ra liền trở thành tiêu chuẩn đúng sai, tự nhiên đại diện cho một sự công bằng. Ví dụ, hai bên có mâu thuẫn, đến tìm bạn phân xử, lời bạn nói ra dường như giống như lời phán quyết cuối cùng vậy, mọi người đều nghe theo, đây chính là lời nói ra thành chứng cứ, bạn trở thành một nhân chứng của sự công bằng. Trời người, tức là hết thấy chúng sanh ở hai cõi này đều tôn trọng bạn. Tôn trọng bạn là do bạn có đức, có đức hạnh trì giới này, bạn không cần có oai phong, quyền thế gì, thậm chí chẳng có gì, không có gì hết, trên người không một xu tiền, nhưng mọi người đều kính trọng bạn, chính là do bạn có đức.

Như trong quá khứ, có 500 vị A-la-hán muốn hàng phục một con rồng độc, nhưng đều không có cách. Con rồng độc đó không phục, đuổi con rồng độc này đi

nhưng nó không chịu rời đi. Sau đó có một vị A-la-hán khác đến, không dùng bất kỳ thần thông nào, mà chỉ khuyên con rồng này rời đi, chỉ nói ba câu: “rời khỏi”, con rồng đó liền ngoan ngoãn rời đi. 500 vị A-la-hán đó liền hỏi: “500 vị A-la-hán chúng tôi dùng lực thần thông đều không thể đuổi con rồng này đi, ngài dùng sức mạnh gì mà có thể khiến con rồng ấy phục tùng như vậy?” Vị A-la-hán này liền nói: “Tôi không dùng thần thông, tôi chỉ dựa vào việc tôi trì giới tinh nghiêm, trì được sáng sạch như băng tuyết, không nhiễm chút bụi trần thì tự nhiên nó liền nghe thôi”. Trời người đều nghe theo, đương nhiên rồng là cõi súc sanh, quý thần, tất cả chúng sanh trong sáu cõi đều sẽ nghe theo.

Cho nên, tuần sau chúng ta chuẩn bị đến tỉnh tọa ở nghĩa địa, những chú sadi nhỏ tuổi thì sẽ sợ hãi. Bạn muốn quý thần nhìn thấy bạn mà có thể kính trọng, không đến quấy nhiễu bạn thì phải làm sao? Bạn phải cố gắng trì giới. Việc này chính là khảo nghiệm đối với bạn, cũng đúng dịp kiểm tra một chút xem bạn có thiếu đức hạnh hay không? Nếu thiếu đức hạnh thì quý thần sẽ đến gây rắc rối cho bạn. Giới đức của bạn thật sự cao thượng thì quý thần nhất định sẽ tôn trọng bạn, bảo hộ bạn còn không kịp thì làm sao còn đến quấy nhiễu bạn cho được? Cho nên, người xưa Trung Quốc cũng nói: “Không làm việc thẹn với lòng thì không sợ quỷ đến gõ cửa”. Không làm việc thẹn với lòng chính là trì giới, dù ở trong phòng tối, nơi vắng vẻ, khi ở một mình đều có thể nghiêm trì tịnh giới, người xưa Trung Quốc gọi đây là cẩn thận khi ở một mình, lúc bạn ở một mình đều không được tùy tiện, đều chú ý oai nghi, giống như có rất nhiều con mắt đang nhìn chăm chăm vậy, phòng ngừa những ý niệm không tốt của mình, lâu ngày chầy tháng thì bạn sẽ có tiết tháo trong sạch như băng, thuần khiết như ngọc, quý thần liền kính trọng bạn.

Thứ tư là “thường dùng ái ngữ an ủi chúng sanh”, có thể không nói dối mà nói lời chân thật thì có thể cảm động người. Khi người có phiền não thì bạn có thể thường dùng những lời từ ái, ôn hòa để an ủi chúng sanh, giúp họ tiêu trừ được hết nỗi sợ hãi, lo âu, phiền não. Dù bạn không cần nói rất nhiều, đối phương chỉ cần nghe được âm thanh của bạn, cảm giác được trong âm thanh của bạn tràn đầy lòng từ ái, sau khi họ nghe xong liền cảm thấy trong lòng rất thoải mái, liền thoát ra khỏi phiền não ấy. Đây là do tâm địa của bạn chân thành, cho nên có một loại cảm ứng như vậy. Như trước đây chúng tôi nghe lão hòa thượng giảng kinh, mặc dù trước đây khi đi học không ở bên cạnh lão hòa thượng, nhưng thường mở băng ghi âm, lúc đầu là nghe băng ghi âm, khi trong tâm có một vài phiền não mà nghe lời khai

thị của lão hòa thượng thì lập tức được tiêu trừ. Đây là gì vậy? Tâm địa của ngài chân thành, lời nói ra chính là ái ngữ. Ái ngữ này nhất định là lời chân thật, không phải kiểu ái ngữ dây dưa giữa nam nữ của thế gian, không phải vậy. Ái ngữ này chính là lời từ bi chân thành khiến chúng sanh giác ngộ. Chúng sanh giác ngộ rồi thì tự nhiên không còn phiền não nữa.

Thứ năm là “được tâm ý vui vẻ thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh”. Có thể không nói dối thì có thể đạt được niềm vui thù thắng ở trong tâm. Đây gọi là “tâm ý vui vẻ thù thắng”, tam nghiệp thân, khẩu, ý đều rất thanh tịnh, không có ô nhiễm. Ba nghiệp thân, khẩu, ý có quan hệ với nhau, một cái bị ô nhiễm thì hai cái kia cũng rất dễ bị ô nhiễm. Ví dụ khi bạn nói những lời dâm ô, khẩu nghiệp không thanh tịnh thì ý nghiệp của bạn nhất định cũng suy nghĩ theo phương hướng ấy, cho nên ý nghiệp cũng không thanh tịnh, thậm chí thân thể sẽ khởi lên một số phản ứng kích thích v.v., thân nghiệp cũng không thanh tịnh, cho nên chúng ta muốn giữ gìn ba nghiệp thanh tịnh thì bình thường đều phải thận trọng cẩn thận, phòng ngừa ý nghiệp bị ô nhiễm, việc này tương đối không dễ dàng, bởi vì nó tương đối vi tế, lúc ý niệm khởi lên, có khi có thể mất sự giác chiếu, nhưng tạo tác của thân nghiệp và khẩu nghiệp thì dễ phát giác, cho nên chúng ta phải dùng giới ba-la-đề-mộc-xoa, chính là giới pháp mà Phật chế định chuyên để đối trị những tạo tác bất thiện của thân khẩu bản thân.

Giới pháp giống như một chiếc gương, nó là một tiêu chuẩn, bạn tạo tác mà không tương ưng, trái ngược với giới pháp, đó chính là tạo tác không thanh tịnh, vậy phải nhanh chóng sám hối, lâu ngày chầy tháng thì ý nghiệp cũng sẽ thanh tịnh. Nghiệp của thân khẩu điều phục rồi thì ý nghiệp tự nhiên cũng sẽ thanh tịnh. Ý nghiệp thanh tịnh rồi thì dần dần bạn sẽ đạt được pháp hỷ, tức là “tâm ý vui vẻ thù thắng”. Tâm ý vui vẻ thù thắng này không phải là niềm vui của thế tục, không phải tâm vui vẻ thông thường đó. Vì sao nó gọi là thắng, thù thắng? Chính là do nó tương ưng với pháp, tương ưng với đạo giải thoát, tương ưng với đạo Bồ-đề. Trong kinh Phật nói những giáo lý này, nếu chúng ta không đi thực tu, thực chứng, vậy thì chỉ là một loại văn tự, bạn không cảm nhận được cảnh giới chân thật trong đó, chỉ có thực tu, thực chứng, bắt đầu từ trì giới, trì giới chính là biệt giải thoát, giải thoát từng điều một, trì một điều giới thì được giải thoát trên điều giới riêng biệt này, giải thoát trên điều giới này rồi thì bạn liền đạt được pháp hỷ trên điều giới này. Mỗi

điều giới điều trì, trì đầy đủ thì bạn sẽ đạt được pháp hỷ một cách toàn diện. Đây chính là tâm ý vui vẻ thù thắng.

Bạn biết được lời trong kinh Phật nói không phải gạt người, mà đó là thật, hơn nữa bản thân có thể thể nghiệm được. Khi bạn thể nghiệm được pháp hỷ này thì bạn sẽ không thoái chuyển, không đạt được pháp hỷ thì quả thực rất dễ thoái chuyển, rất khó vượt qua được sự mê hoặc của ngũ dục lục trần ở bên ngoài. Sau khi đạt được pháp hỷ thì bạn muốn thôi cũng không được, không cần người khác thúc giục bạn, bạn sẽ tự dụng công nỗ lực. Bạn dụng công tu hành, bạn sẽ cảm nhận được câu “chẳng phải vui lắm sao!” Người ta không hiểu vì sao bạn lại khổ sở như vậy, còn bạn cảm thấy mình rất vui vẻ. Như có người thường an ủi tôi rằng: “Pháp sư à, thầy hằng ngày giảng kinh thật vất vả”, tôi nói với họ rằng: “Tôi không vất vả, tôi rất vui”, vì sao vậy? Không giảng kinh mới khổ, không được sự tươi tắn của pháp, điều này “như người uống nước nóng lạnh tự biết”, bạn vui ở trong đó, những việc khác đều có thể không làm, nhưng việc giảng kinh này thì nhất định phải làm, mỗi ngày đọc kinh không thể không làm, đây là suối nguồn của hạnh phúc vui vẻ.

Tiếp theo, điều thứ sáu là “lời nói không lỗi lầm, tâm thường hoan hỷ”, không nói dối, nói chuyện dùng trực tâm để nói, trực tâm là đạo tràng. Bởi vì không có ý niệm hư ngụy nịnh hót, cho nên trực khởi trực dụng, có thể vĩnh viễn giữ gìn chánh niệm, những lời nói ra đều là chánh ngữ, lời nói không có lỗi lầm, không có sai sót, trong tâm thường cảm thấy vui vẻ, đây chính là một loại pháp hỷ. Dù trên người bạn không có một xu tiền nhưng bạn cũng rất vui vẻ, dù điều kiện sống của bạn rất kém, như Nhan Hồi là học trò của Khổng tử, trong sách Luận Ngữ nói về ông rằng: “Một giỏ cơm, một bầu nước, ở nơi ngõ hẻm, người khác không chịu nổi cảnh khổ đó, nhưng Nhan Hồi vẫn không đổi niềm vui ấy”. Bạn xem, ngài sống đơn giản như vậy, cơm trong giỏ, nước trong bầu, ngay đến bát ăn cơm cũng không có, dùng tre đan thành một cái giỏ nhỏ, gọi là giỏ, là chữ “giỏ” (đan - 簋) trên đầu có bộ trúc, dùng cái đó để ăn cơm. Bầu chính là bầu hồ lô, ngay đến cốc uống nước cũng không có, mà là dùng bầu hồ lô để uống. Sống ở trong ngõ hẻm, tức là nơi rất hoang vắng heo lánh, nhưng Nhan Hồi rất vui vẻ, người khác ở trong cảnh giới của ngài thì đã buồn không chịu nổi, còn ngài thì vẫn không đổi niềm vui ấy, vui vẻ ở chỗ nào vậy? Hằng ngày đều có thể sống theo lời giáo huấn của thánh

hiền, hằng ngày đều đang thành thánh thành hiền, cho nên niềm vui đó là không có cùng tận.

Chúng ta xuất gia tu đạo, nếu không thể hội được niềm vui này thì chắc chắn sẽ thoái chuyển. Xã hội này ô nhiễm quá nghiêm trọng, chúng ta không dụng công ở trên pháp thì chắc chắn tiêm nhiễm tập khí của thế tục, lâu ngày chầy tháng sẽ thoái tâm, thiện căn sẽ bị chôn vùi. Cho nên, người thông thường đều nói, xuất gia quan trọng nhất chính là 5 năm đầu, trong 5 năm này mà bạn đắp được nền tảng tốt thì tương lai có thể thuận buồm xuôi gió. Nếu 5 năm mà bạn không chú trọng cắm chắc nền tảng, không khắc khổ tu học, không thể hoàn toàn buông bỏ được những quan niệm tập khí của thế tục trước đây, thay da đổi thịt, vậy thì rất có thể bị những ô nhiễm của thế tục hạn chế, trừ khi có một nhân duyên rất thù thắng khiến thiện căn của bạn hiển hiện lại một lần nữa, nếu không thì rất không dễ dàng, cả đời cũng sẽ trôi qua một cách hờ hững.

Tôi rất may mắn, năm nay là năm thứ 5 tôi xuất gia, nhìn lại chặng đường đã đi 5 năm qua có thể nói tôi không đi qua con đường oan uổng nào, đều là hằng ngày dụng công nơi pháp. Trước khi xuất gia tôi đã giảng kinh, luôn học giảng kinh với lão hòa thượng. Giảng kinh thì phải chuẩn bị bài, khi ấy một ngày thời gian tôi giảng nhiều nhất là một ngày 4 tiếng đồng hồ, ngày ngày giảng, một tuần giảng 7 ngày, không có ngày nghỉ. Trước khi xuất gia đều giảng như vậy, sau này xuất gia được hơn một năm thì lão hòa thượng đưa tôi đi học giới. Học giới thì buông việc giảng kinh xuống, tập trung tinh thần nghiên cứu giới luật, cũng không lãng phí thời gian, ngày ngày cũng rất dụng công. Mỗi buổi tối, khi người khác đều nghỉ ngơi, còn tôi vẫn tiếp tục dụng công đọc sách, buổi sáng cùng mọi người dậy lên thời khóa sáng. Tỉnh xá Chánh Giác 4 giờ sáng là lên thời khóa sáng, còn sớm hơn chỗ chúng ta đây một giờ đồng hồ. Bình thường hễ rảnh là tôi liền nghiên cứu giới luật, cho nên 3 năm học được nhiều hơn người khác, hơn nữa tôi cũng hay thưa hỏi.

Tôi nhớ, dường như mỗi ngày ăn cơm xong là cùng mấy vị sư trưởng ở tỉnh xá luân phiên đi tản bộ với họ, thỉnh giáo các vấn đề về giới học, lấy một quyển sổ nhỏ viết ra một số câu hỏi, một ngày đều có mười mấy điều. Học giới luật phải chăm học năng hỏi, phải khéo tư duy. Bởi vì giới tướng đều là những việc trên sự tướng, không giống với lý trong kinh giáo. Lý có thể thông suốt, “một kinh thông tất cả kinh thông”, cái lý đó là như nhau, dùng một lẽ để thông suốt mọi lẽ, nhưng giới luật là trên sự tướng, giới tướng của mỗi một điều giới có *khai*, *già*, *trì*, *phạm*,

điều này không thể lẫn lộn với nhau được, mà phải rất kỹ càng chính xác. Điều giới này phạm hay không phạm? Phạm nhẹ hay phạm nặng? Trong trường hợp nào có thể khai duyên, có thể không khai duyên? Những giới tướng này phải nghiên cứu tỉ mỉ, không thể nói mình “một giới thông thì tất cả giới đều thông”, không phải như vậy. Giới tướng là biệt giải thoát, phải học từng điều một, dụng công phu như vậy, ít nhất phải 3 năm mới có thể học được tương đối thông đạt những nội dung như giới tỳ-kheo, giới Bồ-tát, chỉ tác nhĩ trì, khai già trì phạm, tự nhiên bản thân được pháp hỷ sung mãn, pháp hỷ tự nhiên chính là một lực thúc đẩy quan trọng cho việc tu hành của bạn, khiến bạn có thể không thoái chuyển.

Điều thứ bảy, “phát ngôn được tôn trọng, trời người phụng hành”, tức là lời bạn nói ra vừa tôn quý lại có trọng lượng, có giá trị, mọi người liền tôn trọng, trời người, tất cả chúng sanh liền có thể theo lời bạn nói mà cung kính y giáo phụng hành. Đặc biệt chúng xuất gia chúng ta, phải có một sứ mạng, như cổ đức nói là “gánh vác gia nghiệp của Như Lai”. Đây là sự nghiệp mà người xuất gia chúng ta phải làm. Phải gánh vác gia nghiệp của Như Lai, nghĩa là bản thân phải cố gắng tu hành, nghiêm trì giới luật, làm thầy mô phạm của trời và người, bạn làm được rồi thì nói ra chúng sanh tự nhiên sẽ tín phục, họ liền rất hoan hỷ y giáo phụng hành. Nếu bản thân bạn không làm được, bạn nói ra sẽ không có lực tín phục, càng khỏi nhắc đến vấn đề phụng hành. Cho nên, sách Luận Ngữ cũng nói: “Thân mà chánh, dầu không ra lệnh cũng làm; thân bất chánh, dù ra lệnh cũng không nghe”. Bản thân bạn chánh, tức là bạn có thể làm được, bạn có thể làm tấm gương tốt, không cần truyền lệnh hạ chỉ, mọi người nhìn thấy bạn như vậy liền học theo dáng vẻ đó, liền học được tốt. Bản thân bạn đều bất chánh, tức là xà trên không thẳng thì xà dưới ắt lệch, bạn có truyền lệnh hạ chỉ muốn người ta học tốt, người ta cũng không nghe bạn, như gió thoảng qua tai.

Tiếp theo, điều thứ tám là “trí tuệ thù thắng, không ai có thể chế phục được”. Người không nói dối tự nhiên đạt được trí tuệ thù thắng, không ai có thể ngăn cản họ, hàng phục được họ. Nói cách khác, họ có thể biện tài vô ngại như Phật có bốn loại biện tài vô ngại, hết thảy ngoại đạo biện luận với Phật chẳng ai có thể biện luận thắng Phật. Chế phục hết thảy ngoại đạo đây là dựa vào giới đức, dựa vào trí tuệ. Thường nói dối sẽ chướng ngại trí tuệ của bạn, bởi vì nói dối là tâm miệng không đồng nhất, trong tâm bạn nghĩ một đằng miệng nói một nẻo, muốn nói ra nhất định phải quẹo mấy vòng, cho nên bạn phải sanh ra rất nhiều vọng niệm để tạo ra lời nói

dối đó của bạn. Những vọng niệm này chướng ngại, ngăn che tâm tánh của bạn. Cho nên, bạn thường nói dối thì tâm tánh của bạn sẽ bị chướng ngại rất dày, lâu ngày chầy tháng con người sẽ trở nên ngày càng ngu si. Có thể họ cho rằng bản thân rất thông minh, có thể giỏi trò mánh khéo, nhưng lại không biết đã biến khéo thành vụng, thông minh ngược lại bị thông minh hại. Bản thân họ thường nói dối thì tâm tánh sẽ bị che kín, trí tuệ ngược lại ngày càng ít đi, đến cuối cùng họ cho rằng có thể lừa gạt người, nhưng người khác ở bên cạnh nhìn thì cảm thấy họ rất nực cười. Người khác vừa nhìn liền có thể thấy được họ đang nói dối mà họ còn cảm thấy mình rất có bản lĩnh, chỉ là người ta không vạch trần họ, giữ lại chút thể diện cho họ mà thôi.

Cho nên, muốn đạt được trí tuệ chân thật, nhất định phải dùng trực tâm, tâm của từ-kheo thẳng giống như mũi tên vậy, không cong vẹo, trực khởi trực dụng thì tâm tánh của bạn sẽ không có chướng ngại, giống như mây đen bị vén đi, mặt trời trí tuệ liền hiện tiền. Khi trí tuệ của bạn hiện tiền thì biện tài của bạn vô ngại, hết thấy ngoại đạo, ngoại đạo này không những là chỉ những người khác không tin Phật, mà cũng bao gồm những người tin Phật nhưng chưa thật sự thấy được bản tánh của mình, còn có những người cầu pháp ngoài tâm cũng đều gọi là ngoại đạo. Những người như vậy quá nhiều, chỉ cần chưa thấy tánh, chưa khai ngộ thì đều giống như ngoại đạo, đều là cầu pháp ngoài tâm, bạn đều có thể chế phục họ, dẫn dắt họ đi về con đường khai ngộ.

Đây là tám lợi ích được trời, người tán thán. Tiếp theo nói nếu có thể hồi hướng về đạo Bồ-đề. Đây là A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, hồi hướng làm Phật, không phải chỉ cầu thiện báo trời người. Nếu cầu thiện báo trời người thì rất đáng tiếc, giống như đòi một núi báu lấy hai chiếc kẹo để ăn vậy, đó là chí hướng của bạn thật quá thấp kém rồi. Bạn đã có được núi báu rồi thì phải lập chí hướng cao xa, phải cầu thành Phật. Khi thành Phật bạn có thể đạt được chân thật ngữ của Như Lai. Như Lai là người nói lời chân thật, lời như pháp, lời ngay thẳng không nói dối, không giả dối, khi nói chuyện, không nói thì thôi, đã nói thì hết thấy chúng sanh lục đạo đều tín phục, cho nên biện tài đó của Phật đều đạt được từ việc trì giới trên nhân địa.

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo lại nói, nếu lìa xa việc nói thêu dệt thì có thể đạt được, thành tựu ba loại lợi ích quyết định. Ba loại quyết định: thứ nhất, quyết

định được người trí yếu mến; thứ hai, quyết định dùng trí như thật đáp lại các câu hỏi; thứ ba, quyết định noi trời người được uy đức tối thắng, không có hư vọng.

Điều thứ nhất nói quyết định có thể đạt được sự tôn kính và yêu mến bảo vệ của người có trí tuệ. Bởi vì người có trí tuệ đều không nói thêu dệt, không nói những lời đường mật, lời vô nghĩa, không tùy tiện nói đùa, nói những lời vô căn cứ. Bạn cũng có thể làm được như vậy, cho nên người có trí tuệ sẽ tôn kính bạn, yêu mến bảo vệ bạn. Bạn là một pháp khí nên họ vui thích dạy bảo bạn, để bạn có thể đạt được lợi ích. Thứ hai, bạn có thể dùng trí tuệ mà như thật trả lời vấn đề của người khác. Bởi vì bình thường không nói thêu dệt nên tâm rất chân thành, hết thấy ý niệm đều có thể phù hợp với đạo lý, phù hợp với nghĩa, khi người ta có vấn đề thì bạn liền có thể căn cứ theo nghĩa lý mà trả lời, giúp người ta sau khi nghe rồi thì tâm phục khẩu phục. Thứ ba, quyết định có thể đạt được oai đức và phước báo tối thắng ở trong các chúng sanh trời người, không hư vọng. Đây là nói muốn độ chúng sanh, đặc biệt muốn hoằng pháp lợi sanh, hoằng pháp lợi sanh chính là dùng khẩu nghiệp để lợi ích chúng sanh, muốn khiến trời người đều có thể tín phục, thì bạn phải có phước báo, có oai đức. Oai đức, phước báo này từ đâu mà có? Chính là từ trì giới mà có. Nói chuyện đều rất trang nghiêm, không tùy tiện phóng dật, không đùa cợt, bình thường thận trọng trong lời nói, không nói nhiều, “nói nhiều lời, không bằng ít, phải nói thật, chớ xảo nịnh”, tự nhiên bạn liền có oai đức.

Vì sao bạn có oai đức? Bởi vì bạn biết tự yêu mình, biết tự trọng, người khác liền tôn kính bạn, yêu mến bảo vệ bạn. Nếu bản thân bạn đều không tự trọng, không yêu thương chính mình thì tự nhiên người khác cũng không tôn trọng bạn, không yêu mến bạn, nên trước tiên bạn phải có thể tự trọng, tự yêu mình.

Không nói thêu dệt, nếu có thể hồi hướng về đạo Bồ-đề, tương lai thành Phật sẽ được những sự thọ ký của Như Lai, công phu đều không luống uổng. Tương lai thành Phật rồi, trước khi vẫn chưa thành Phật thì bạn nhất định sẽ được Phật thọ ký. Thọ ký tức là Phật dự đoán tương lai khi nào bạn sẽ thành Phật, thành Phật ở đâu, tên Phật, danh hiệu là gì, có thể độ được bao nhiêu chúng sanh v.v., đều nói rất rõ ràng. Bạn được Phật thọ ký rồi, tức là không thoái chuyển nữa, chắc chắn làm Phật, công lao không luống uổng. “Đường quyền” nghĩa là uổng công, công phu tuyệt đối không luống uổng, tu hành nhất định có kết quả. Hiện nay, chúng ta muốn cầu sanh Tịnh độ, nếu thật sự có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc thì chắc chắn làm Phật, hằng ngày bạn có thể đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật Như

Lai. Chư Phật nhất định sẽ thọ ký cho bạn, công phu không luống uổng. Đời này chúng ta muốn đạt được kết quả như vậy thì bây giờ phải ở đây tu không nói thù dật, nói chuyện phải chân thật, thành khẩn, phải nói lời chân thành, đừng nói lời hư vọng, nói ra đều là lời lợi ích người khác, không nói những lời vô nghĩa thì tự nhiên bạn sẽ có những quả báo này, công phu không luống uổng.

Tiếp theo tiến thêm bước nữa, chúng tôi giảng về dị thực quả báo của nói ly gián và lời thô ác. Kinh Hoa Nghiêm có nói đến tội nói ly gián sẽ khiến chúng sanh堕 vào ba đường ác, nếu sanh vào cõi trời người thì sẽ bị hai loại quả báo. Hai loại quả báo này gọi là dị thực, tức là không phải lập tức thành thực, mà trong dị thời, tức là sẽ thành thực trong một thời gian khác, “dị địa” là thành thực ở một nơi khác, quả báo này gọi là dị thực quả báo. Nếu đời này quả báo thành thực, vậy thì không gọi là dị thực nữa, mà là quả báo hiện đời. Hai loại quả báo này là sau khi phạm tội nói ly gián thì trước tiên堕 vào trong ba đường ác, thoát ra rồi sẽ chịu dị thực quả báo. Thứ nhất là quyến thuộc bất hòa, thứ hai thân tộc xấu ác.

Quyến thuộc bất hòa, chúng ta có thể dễ dàng thể hội được, bởi vì chúng ta từng tạo tội nói ly gián, tức là khiêu khích chia rẽ khiến người ta bất hòa. Bản thân chúng ta chiêu cảm là quyến thuộc của chúng ta cũng bất hòa, đặc biệt là bất hòa với mình. Hiện nay, chúng ta cũng thấy trong xã hội gia đình bất hòa, đoàn thể bất hòa, quốc gia với quốc gia cũng bất hòa, dân tộc với dân tộc bất hòa, giữa tôn giáo với tôn giáo cũng bất hòa. Những việc này đều là quả báo của quyến thuộc bất hòa. Vì sao lại có những quả báo này? Đều là cộng nghiệp của bản thân chúng ta, trong đó nói ly gián là một loại. Bản thân chúng ta làm từ chính mình, làm từ bây giờ không nói ly gián, không gây chuyện thị phi, không khiêu khích chia rẽ.

Đặc biệt ở trong đoàn thể, tuyệt đối không nói chuyện tốt của nhà này, chuyện xấu của nhà kia, không bình luận những chuyện tốt xấu đúng sai sau lưng người khác. Mình không đi phá hoại sự hòa thuận của đoàn thể, lâu ngày chầy tháng thì quả báo này của bạn sẽ càng ngày càng thù thắng, tự nhiên quyến thuộc của bạn sẽ rất hòa thuận với bạn. Chúng ta nói bạn sẽ có lực tương tác hòa mục, quyến thuộc ở cùng bạn sẽ không hai lòng, họ sẽ không sanh khởi tâm phản bội bạn, sẽ không bỏ bạn mà đi, cho dù nhân duyên không cách nào ở cùng nhau nhưng họ đều sẽ niệm niệm nhớ tưởng bạn, nhân duyên chín muồi rồi thì họ vẫn sẽ trở lại thân cận bạn, tức là bạn có thể có được những quyến thuộc hòa thuận, sẽ không có tâm phản bội bạn, việc này thì bản thân phải không nói ly gián, đặc biệt làm lãnh

đạo trong một đoàn thể. Ví dụ bạn là ông chủ của một công ty mà muốn trong công ty trên dưới hoàn thuận thì tuyệt đối không cho phép có chuyện thi phi xuất hiện. Người thường nói chuyện thi phi thì không trọng dụng họ, thậm chí phải phê bình họ, ngăn cản họ, bản thân phải làm tấm gương trước, không nói thi phi thì đoàn thể của bạn nhất định có thể hòa thuận. Ví dụ bạn cũng rất thích nói thi phi thì cuối cùng đoàn thể của bạn nhất định sẽ chia năm xẻ bảy, cuối cùng chỉ còn lại một mình bạn. Cho dù bạn cho họ rất nhiều lợi ích, thuê người ta với mức lương cao, người ta vì lợi ích mà đến, họ không thật lòng muốn cùng bạn kề vai sát cánh chiến đấu đến cùng, không phải như vậy. Ví dụ, công ty khác đưa ra mức lương hơi cao hơn một chút là họ liền đến đó, bạn không giữ được nhân tài, đây là không có đức. Người có đức dù bạn không cho họ đồng nào thì họ cũng đều vui vẻ làm việc miễn phí cho bạn, thậm chí họ còn trả lại tiền cho bạn, họ bằng lòng phụng hiến, bố thí nội tài, ngoại tài, bảo họ đi họ cũng không chịu đi, đây nghĩa là họ không quay lưng với bạn, không muốn rời khỏi.

Tiếp theo, điều thứ hai chính là “thân tộc xấu ác”, người nói ly gián thì thân tộc của họ nhất định sẽ xấu xa độc ác; nói cách khác là “vật tự theo loài, người phân theo nhóm”. Cùng một hạng người thì sẽ chiêu cảm họ đến với nhau. Chúng ta thường nói ly gián nhất định sẽ cảm ứng thân tộc cũng là hạng người như vậy. Cho nên đạo đức của họ đều là xấu xa độc ác, thế nên lúc này không được oán trời trách người, đừng cứ nói họ tại sao lại như vậy, tại sao họ lại thiếu đức như vậy? Đó là do bạn chiêu cảm mà. Nếu bạn không phải hạng người này thì làm sao có thể chiêu cảm được người như vậy chứ. Bản thân bạn nên phản tỉnh, tìm khuyết điểm từ trên thân mình, rồi sau đó sửa đổi lỗi lầm. Khi bạn chân thật sửa đổi lại rồi thì thân tộc của bạn cũng sẽ thay đổi lại.

Bản thân tôi cũng có một cảm nhận đặc biệt, gia tộc của cha tôi cũng rất lớn, ngoài cha tôi ra thì phần lớn những người khác đều ở nông thôn, ở La Cương - Quảng Châu. Tôi học Phật không có người nào trong gia tộc ủng hộ, tất cả đều phản đối, trên là ông nội, bà nội, rồi đến cha tôi, đến những chú, cô của tôi v.v., không một ai ủng hộ, đây là gì vậy? Bản thân không có đức, cho nên làm thế nào? Không thể oán trách họ là tại sao những người này đều không có thiện căn như vậy? Không được, quay lại kiểm điểm bản thân, mình phải nỗ lực học tập. Học nhất định phải học đạo Bồ-tát, không phải mình chỉ lo cho mình, chỉ lo cho mình thì bạn vĩnh viễn không độ được họ. Mình thanh tịnh rồi, mình có thể giải thoát rồi, trên thực tế

người ta không thể tiếp nhận thì bạn vẫn chưa thật sự thanh tịnh, chưa thật sự giải thoát, làm thế nào? Phải cố gắng tận hiếu, dùng tâm yêu thương để đối đãi với mỗi một người trong thân tộc.

Tôi nhớ tôi ở Mỹ, vừa mới bắt đầu đi làm, trước khi chưa đi làm thì tôi đã hiếu dưỡng ông bà nội và cha tôi, mỗi một tháng đều gửi tiền cho họ, dùng thu nhập bằng tiền học bổng ít ỏi của mình, mỗi kỳ nghỉ hè đều về nước thăm người thân, mua cho họ rất nhiều đồ tốt của nước Mỹ mà trước đây họ đều chưa từng nhìn thấy. Đó là vào những năm 90, khi ấy vật chất vẫn chưa phong phú như hiện nay. Họ cảm thấy bạn đối với họ rất tốt, khiến họ vui vẻ. Muốn độ chúng sanh thì phải chú trọng “tứ tất đàn”.

Thứ nhất là “hoan hỷ ích”, khiến chúng sanh hoan hỷ, sau đó mới nói đến “đôi trị ích”, mới có thể giúp chúng sanh đối trị phiền não, sau đó mới có “vị nhân”, còn có “đệ nhất nghĩa”, tứ tất đàn. Thứ nhất “thế giới tất đàn”, tức là hoan hỷ ích, phải để chúng sanh tâm hoan hỷ, vừa bắt đầu bạn đừng vội “đôi trị tất đàn”, đối trị phiền não của họ, “anh không được ăn thịt, anh không được uống rượu, không được hút thuốc. Anh ăn thịt, hôm nay anh ăn nó nửa cân, đời sau phải trả nó tám lạng đấy, anh uống rượu là uống thuốc vô minh đó”, đây là mắng người rồi, việc này chỉ có hiệu quả ngược lại. Để chúng sanh hoan hỷ rồi, bằng lòng nghe theo lời bạn thì lúc này bạn mới từ từ hướng dẫn phương pháp đối trị phiền não cho họ. “Vị nhân”, tức là lợi ích cho họ, lợi ích chúng sanh. “Đệ nhất nghĩa” là để họ đạt được pháp nghĩa chân thật, cuối cùng là vào đệ nhất nghĩa tất đàn, trung đạo đệ nhất nghĩa đế, vào nhất thừa Phật đạo. Cho nên sau đó, hiện nay tất cả người trong gia tộc đều học Phật, ông bà nội vãng sanh rồi, dường như tất cả mọi người đều quy y, có người còn học tương đối dụng công. Cha tôi vốn dĩ là người phản đối tôi học Phật nhất, hiện nay mỗi ngày niệm 30.000 câu Phật hiệu, nhất tâm cầu vãng sanh. Cái gì cũng có thể thay đổi được, nhưng bản thân phải thật sự y giáo phụng hành.

Kinh Hoa Nghiêm lại nói đến tội báo của nói thô ác cũng khiến chúng sanh堕 vào ba đường ác, nếu sanh vào cõi người thì bị hai loại quả báo, một là thường nghe thấy âm thanh xấu ác, hai là lời nói ra gây nhiều tranh tụng. Người nói thô ác, sau khi trải qua nỗi khổ trong ba đường ác, nghiệp báo trong ba đường ác đã tiêu hết, tiêu hết lại được ra làm người. Hiện nay, chúng ta làm người rồi nhưng vẫn có dư báo, hai loại dư báo. Thứ nhất là thường nghe thấy âm thanh xấu ác, cũng tức là những âm thanh nói xấu bạn, khiến bạn nghe rồi trong tâm rất phiền não, tức giận.

Đây là do quá khứ bạn từng nói lời ác làm tổn thương người, cho nên hiện nay chiêu cảm người khác cũng dùng lời ác làm tổn thương bạn, ăn miếng trả miếng. Nghe thấy lời ác này thì làm thế nào? Đừng khởi tâm oán hận, đừng đối lập. Nếu khởi tâm oán hận, đối lập, cũng dùng lời ác đáp trả lại họ, vậy thì nghiệp báo này là vô cùng vô tận, tương lai lại phải đọa vào ba đường ác. Quả báo này cứ mãi tuần hoàn không dứt, chỉ có cách gì? Tu nhẫn nhục, quay lại kiểm điểm mình, tuyệt đối không oán trời trách người, hết thấy đều là quả báo của mình. Người ta hủy báng tôi cũng được, chửi mắng tôi cũng được, trong tâm mình đều không sanh oán hận phiền não, giữ gìn tâm thanh nhiên, thanh tịnh, thường khởi tâm hổ thẹn và tâm sám hối, thay bản thân cầu sám hối, cũng thay chúng sanh cầu sám hối, hóa giải những oán nghiệp này, đây chính là chánh tư duy.

Loại quả báo thứ hai là lời nói ra gây nhiều tranh tụng. Lời bạn nói ra sẽ dẫn đến rất nhiều tranh đấu, kiện tụng, thật sự có lúc cũng gặp phải người như thế. Bình thường họ không nói chuyện, vừa nói chuyện, vừa nói ra là mọi người liền phê bình họ, phê bình họ đến mức không còn mặt mũi nào nữa, họ vừa mở miệng là dẫn đến tranh tụng, tốt nhất nên làm sao? Ngậm miệng không nói, đây là do bạn có nghiệp báo này, bạn hãy quay đầu sửa đổi lại nghiệp ác khẩu đó. Nói chuyện nhất định phải học cách dùng những lời từ ái, phải có thể thông cảm được cho người ta, xem họ có thể tiếp nhận được hay không rồi bạn hãy nói, đừng thuận theo tính cách của mình mà nói những lời gây tổn thương người ta. Bạn có thể khởi được sự quán chiếu này, trước khi nói chuyện, nghĩ kỹ trước khi nói, trước tiên phải nghĩ xem có nên nói hay không, nên nói thì mới nói, không nên nói thì đừng nói, dùng phương pháp này nói có phù hợp không? Họ có thể tiếp nhận được không? Điều là vì lợi ích cho đối phương mà nói, đây chính là ái ngữ, ái ngữ không nhất định là nói những lời rất ôn hòa, những lời dễ nghe, có khi mắng họ cũng là ái ngữ, mắng nhưng họ chắc chắn có thể tiếp nhận được. Bạn mắng họ, họ chẳng những không tức giận mà họ sẽ sanh tâm hổ thẹn, họ có thể sửa đổi lỗi lầm thì lúc này mới có thể mắng. Giả sử bạn mắng họ mà họ đáp trả lại, họ khởi tâm oán giận đối lập với bạn, tức là bạn đã kết oán với họ rồi. Cho nên, bản thân hiểu được cách quan sát căn cơ của đối phương, điều là dùng tâm yêu thương, tâm lợi ích đối phương chứ không phải dùng tâm sân giận để đối với người. Nói thô ác là dùng tâm sân giận, trút nỗi bức tức ở trong lòng mình ra, nói những lời chửi mắng người, đương nhiên người khác không tiếp nhận. Nếu dùng tâm từ bi thì dù bạn nói lời rất nghiêm khắc, nói đối phương

không còn mặt mũi nào, nhưng họ không sanh tâm oán hận, mà ngược lại họ sẽ càng tôn kính yêu mến bạn. Bạn nói lời chân thật với họ, bạn không phải lừa dối họ, không phải dối gạt họ, không phải ở đó nịnh nọt họ một cách giả tạo, mà bạn muốn tốt cho họ. Đây là dị thực quả báo được nói ở trong kinh Hoa Nghiêm.

Tiếp theo chúng tôi nói về lời ly gián trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, nếu có thể lìa xa việc nói ly gián thì có thể được “năm pháp không thể phá hoại”, năm pháp không thể phá hoại này chính là phước báo không thể phá hoại: “Một, được thân bất hoại, không gì hại được. Hai, được quyền thuộc bất hoại, không gì phá được. Ba, được lòng tin bất hoại, thuận theo bốn nghiệp. Bốn, được pháp hạnh bất hoại, sở tu kiên cố. Năm, được thiện tri thức bất hoại, không lừa gạt”.

Điều thứ nhất là “được thân bất hoại”, thân thể của bạn không dễ dàng bị hủy hoại, nghĩa là gì vậy? Khi bạn không nói ly gián, không gây chuyện thị phi thì sẽ không kết oán với người, không kết oán với người thì bạn sẽ không gặp nguy hiểm, người ta sẽ không đến tổn hại thân thể của bạn, nếu chúng ta nói thị phi sẽ gây ra oán hận cho đôi bên, cuối cùng mũi nhọn oán hận vẫn sẽ chĩa về phía bạn. Khi họ biết bạn đang gây chuyện thị phi có thể họ sẽ thuê xã hội đen đến xử lý bạn, thân thể này của bạn sẽ bị hủy hoại. Bạn không nói ly gián thì sẽ không có sự sợ hãi này.

Thứ hai, “được quyền thuộc bất hoại, không gì phá được”, quyền thuộc của bạn, quyền thuộc này không nhất định là những quyền thuộc có quan hệ huyết thống, đương nhiên bao gồm cả quyền thuộc huyết thống, cũng bao gồm cả pháp quyền thuộc, mọi người là đồng tu cùng nhau cộng tu, đây đều thuộc về quyền thuộc. Quyền thuộc của bạn không dễ bị phá hoại, bởi vì bạn không đi chia rẽ người khác, cho nên quyền thuộc của bạn cũng sẽ không bị người chia rẽ, họ có lòng tin chân thật đối với bạn, sẽ không bỏ rơi bạn, bất luận người khác ở đó bịa chuyện sinh sự thế nào, nói bạn không tốt, nhưng quyền thuộc của bạn đều không vì vậy mà dao động, đều một lòng một dạ đi cùng bạn, đây chính là thuộc về quyền thuộc bất hoại.

Thứ ba là “được lòng tin bất hoại, thuận theo bốn nghiệp”, nếu có thể không nói ly gián thì sẽ đạt được tín tâm kiên cố. Tín tâm kiên cố là do bạn có thể thuận theo thiện nghiệp mà bạn tu lúc đầu. Tôi lấy ví dụ của chúng ta để nói, chúng ta hiện nay tu pháp môn Tịnh độ, trì giới niệm Phật, đây là bốn nghiệp mà chúng ta đã tu, giả sử chúng ta thường nói ly gián, khiêu khích chuyện thị phi của người ta, khiến lòng tin của người ta bị phá hoại, vậy chúng ta cũng bị quả báo này, người ta

cũng sẽ đến nói với chúng ta rằng: “Anh đừng học pháp môn này, pháp môn này không phải đạo rốt ráo, anh xem học pháp môn kia tốt hơn”, tín tâm của bạn sẽ bị dao động, vì sao tín tâm của bạn bị dao động? Bởi vì bạn thường làm dao động tín tâm của người khác, đây là nghiệp lực, giống như lực tác dụng và lực phản tác dụng vậy, nó có một lực phản tác dụng sẽ ảnh hưởng đến bản thân bạn. Giống như chúng ta dùng nắm đấm đấm vào tường vậy, bạn đấm với lực nhẹ thì tay sẽ không đau lắm, nếu bạn dùng lực mạnh để đấm thì tay sẽ rất đau. Đây chính là bạn dùng lực tác dụng mạnh thì lực phản tác dụng liền lớn. Bạn thường tạo ác nghiệp phá hoại tín tâm của người khác, nếu nói ly gián, nói lời thị phi phá hoại tín tâm của người ta thì tín tâm của bản thân bạn nhất định sẽ thường bị dao động. Bạn muốn tu học Phật đạo, nếu tín tâm không kiên cố thì bạn chắc chắn tu không thành, bất luận bạn tu pháp môn gì đều tu không thành. Tu hành bất cứ một pháp môn nào đều dựa theo thứ tự: tín, giải, hành, chứng. Trước tiên phải tin, “lòng tin là nguồn của đạo, là mẹ của công đức”, nguồn của đạo, mẹ của công đức, nó có thể khiến đạo của bạn được lớn mạnh, sanh ra công đức. Nếu tín tâm không kiên cố thì tu đạo không thể thành công, công đức cũng không thể tích lũy. Cho nên, nếu chúng ta muốn kiên định tín tâm, muốn phòng ngừa những nhân tố khiến tín tâm bị phá hoại thì phải trì giới cho tốt, đặc biệt đừng nói ly gián.

Đây là nêu ra pháp môn tu hành để nói là như vậy, còn thế gian muốn làm bất cứ sự nghiệp gì cũng đều như thế. Bạn muốn thành công trong sự nghiệp thì lòng tin là quan trọng nhất, tín tâm kiên định chính là cội nguồn của thành công. Tôi nhớ khi tôi học Trung học, lúc đó học cấp II, khi ấy dáng vóc của tôi, tôi phát triển không được xem là nhanh lắm, khi học cấp II dáng vóc vẫn rất thấp. Khi ấy trường học có cuộc thi thể thao, chúng tôi cũng đăng ký, tôi đăng ký môn nhảy cao, mọi người liền chê cười tôi, nói dáng vóc của cậu thấp như thế, cậu nhảy cao gì chứ. Khi ấy, sau khi nghe xong tôi nói: được, tôi sẽ nhảy cao cho các bạn xem. Bản thân tôi có lòng tin, chỉ cần việc mà bản thân có thể hạ quyết tâm làm thì sẽ không thất bại. Cho nên, hằng ngày tôi dùng thời gian ngoài giờ học để đi tập luyện, luyện nhảy cao trong phòng thể dục, tự nhảy đến khi toàn thân mệt nhoài mới thôi. Kết quả, sau đó tôi đã giành được giải nhất trong cuộc thi nhảy cao với bạn cùng cấp, có thể nhảy qua 1m75, nhảy cao kiểu lưng qua xà, nhảy qua chiếc xà đó, không được chạm xà, bạn chạm xà thì không tính, cho nên bạn chỉ cần có lòng tin, làm một việc mà làm đến cùng thì nhất định có thể làm thành công.

Sau này tôi ra nước ngoài du học, du học ở Mỹ, khi ấy mẹ tôi hy vọng tôi học xong bằng tiến sĩ thì mới thôi. Ở Mỹ, thông thường mọi người đi học đều lấy học vị thạc sĩ là muốn đi tìm việc rồi. Bởi vì học vị thạc sĩ dễ tìm việc, ngược lại tiến sĩ thì rất khó tìm việc. Bởi vì tiến sĩ thông thường phải đến các tổ chức nghiên cứu, đến trường đại học, vị trí này rất ít, cạnh tranh rất lớn, trừ khi bạn cực kỳ ưu tú thì bạn mới có thể tìm được công việc, nếu không những công ty thông thường cũng không muốn tuyển dụng những sinh viên tiến sĩ như bạn, bởi vì tiến sĩ có mức lương của tiến sĩ. Tiến sĩ lý luận thì giỏi nhưng năng lực làm việc yếu thì công ty cũng không hy vọng mời hạng người này, chẳng bằng mời một thạc sĩ.

Cho nên khi ấy tôi đi học, khi học thạc sĩ có rất nhiều bạn học khuyên tôi đừng học tiến sĩ nữa, học tiến sĩ rất khó xin việc. Đây chính là đến phá hoại lòng tin của tôi. Khi ấy tôi nói, mẹ tôi hy vọng tôi học tiến sĩ, tôi tin rằng chỉ cần tôi nỗ lực thì không sợ không xin được việc, cho nên tôi không bị động tâm, chỉ cần hạ quyết tâm đi con đường của mình, nếu đường này là chính xác thì chúng ta phải đi. Học tiến sĩ cũng không phải chuyện gì xấu, hơn nữa cha mẹ, mẹ tôi hy vọng như vậy, chúng ta luôn muốn hiếu dưỡng tâm ý của cha mẹ, có thể tìm được công việc hay không? Khi ấy tôi học Phật, tôi biết đó là phước báo của mình, không phải bạn học tiến sĩ thì chắc chắn không xin được việc. Bạn có phước báo thì thế nào bạn cũng xin được việc. Kết quả, tôi học kết hợp cả thạc sĩ và tiến sĩ, 4 năm thì hoàn thành tất cả. So với thông thường thì [thời gian như vậy] là nhanh hơn rất nhiều, vẫn chưa tốt nghiệp tiến sĩ, đã có hai trường đại học mời tôi đi làm trợ lý giáo sư. Kết quả tôi đi làm, rồi mọi người còn rất hâm mộ tôi, bởi vì lương của tôi đều cao hơn họ. Bởi vì tôi là lương của tiến sĩ, họ là lương thạc sĩ, cho nên bản thân phải có “lòng tin bất hoại” thì sự nghiệp ở thế gian này đều có thể thành tựu.

Vậy còn sự nghiệp pháp xuất thế càng cần phải có lòng tin kiên định. Bởi vì thành tựu của xuất thế càng không dễ dàng, phải bền gan vững chí, dù cho người trên toàn thế giới đều đến nói “bạn đừng niệm Phật nữa, bạn đừng trì giới nữa” thì bản thân bạn cũng phải kiên trì. Đây là “được lòng tin bất hoại, thuận theo bốn nghiệp”, thuận theo nghiệp mà bạn đã tu, cuối cùng nhất định có thể thành công. Vì sao chúng ta có thể có lòng tin như vậy? Bởi vì lý thông rồi, biết được đây là lời Phật nói. Phật nói “phải trì đầy đủ tịnh giới, nếu có thể trì đầy đủ tịnh giới thì được hết thầy Như Lai tán thán”. Đây là kinh văn trong kinh Hoa Nghiêm, Phật không bảo chúng ta đừng trì giới, cho nên bất kỳ người nào bảo chúng ta đừng trì giới thì

chúng ta vẫn phải trì giới. Phật bảo chúng ta phải niệm Phật, bạn xem kinh A-di-đà khuyên chúng ta: “Nếu có người tin tưởng thì nên phát nguyện sanh về nước ấy”, nên niệm Phật, nghe được danh hiệu A-di-đà Phật thì phải niệm đến nhất tâm bất loạn, đây là lời Phật nói, chúng ta tùy thuận theo lời dạy bảo của Như Lai.

Tiếp theo, điều thứ tư là “được pháp hạnh bất hoại, sở tu kiên cố”, đoạn này chính là nói pháp xuất thế, có thể đạt được đạo hạnh trong pháp môn tu của chúng ta, sẽ không bị phá hoại, pháp môn bạn tu rất kiên định, bất cứ người nào muốn dao động tín tâm của bạn cũng không được, bạn có thể kiên định không dao động, đặc biệt pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ này, nghi là chương ngại lớn nhất, cho nên kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: “Không được nửa đường hồi hận, không được hồ nghi”, phải dùng tín tâm thanh tịnh để tu pháp môn này, muốn đoạn nghi sanh tín, không nói ly gián là một trợ hạnh rất tốt. Một mặt bạn phải thâm nhập giáo lý, hiểu rõ pháp môn này thì bạn liền có tín tâm kiên định. Thứ hai, bạn không tạo nghiệp nói ly gián thì người khác cũng sẽ không đến phá hoại bạn. Tu trong pháp môn Tịnh độ cũng có rất nhiều tri kiến, những tri kiến này có cái chính xác, có cái chưa chắc đã chính xác. Bản thân muốn có thể đạt được chánh tín thanh tịnh ở trong đó, một mặt mình phải thâm nhập giáo lý, thứ hai phải sám hối những tội nghiệp đã tạo trong quá khứ như nói ly gián, phá hoại tín tâm của người khác.

Thứ năm, “được thiện tri thức bất hoại, không lừa gạt”. Trên con đường tu hành, thiện tri thức là quan trọng bậc nhất. Trước đây trong kinh ghi chép chuyện này, một hôm tôn giả A-nan có một tâm đắc rất hay. Bởi vì ngài làm thị giả cho Phật, hằng ngày đi theo thiện tri thức, cho nên bản thân cảm thấy tu hành rất đắc lực, liền báo cáo tâm đắc của ngài với Phật, nói rằng bản thân cảm thấy muốn tu hành thành tựu thì ngoại duyên quan trọng nhất là thiện tri thức, nói rằng thiện tri thức là một nửa của người phạm hạnh, nghĩa là bạn tu hành một nửa phải dựa vào thiện tri thức, gọi là “một nửa của người phạm hạnh”, một nửa khác là dựa vào bản thân. Kết quả Phật liền nói: “sai rồi”, sửa lại cho ngài A-nan, Phật nói ông sai rồi. Phật nói với ngài rằng từ đầu đến cuối, cho đến Như Lai địa, trong việc tu hành thì thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh, không phải một nửa, mà là toàn bộ, toàn dựa vào thiện tri thức. Ngài A-nan còn tự cho rằng rất có tâm đắc, ngài được Phật đính chính lại, có thể thấy thiện tri thức quan trọng biết bao.

Muốn đạt được thiện tri thức bất hoại; tức là bạn theo thiện tri thức này học tập, không bị người phá hoại thì bạn mới có thể ở cùng họ, nhờ họ mà bạn có thể

thành tựu. Giả sử, dù họ là Phật tái lai, thiện tri thức bậc nhất, nhưng chắc chắn sẽ có người gây chuyện sinh sự hoặc sanh ra đổ ky, hoặc người bảo sao hay vậy, hoặc do không phục v.v., rất nhiều nguyên nhân, họ sẽ nói với bạn rằng: “đừng theo thiện tri thức này nữa, thiện tri thức này không được, anh theo làm người rồi”. Bạn nghe lời này rồi tâm liền dao động, khởi lên nghi hoặc, có thật như vậy không? Mình theo thiện tri thức này có phải sai rồi không? Họ thật sự có đức hạnh này không? Được rồi, mình sẽ quan sát xem vị thiện tri thức này thật sự có đức hạnh không? Vừa hoài nghi như vậy, nhìn thấy, bạn xem quả nhiên vị thiện tri thức này dường như cũng không trì giới tốt lắm, dường như bên ngoài họ nói một đằng, sau lưng làm một nẻo, nghi có thể sanh khởi rất nhiều hoặc nghiệp. Vốn dĩ không có nghi thì bạn sẽ cảm thấy thiện tri thức rất tốt, vừa khởi nghi, ở đây bạn sẽ phát hiện gốc của tâm nghi này sẽ khiến bạn khởi rất nhiều hoặc nghiệp. Sau khi bạn khởi hoặc thì sẽ tạo nghiệp, liền bắt đầu hoài nghi thiện tri thức. Hoài nghi này lại sanh ra nghi hoặc lớn hơn, lại phát hiện thiện tri thức không được, cuối cùng chứng thực được lời người khác nói với bạn là đúng, vị thiện tri thức này không được, bạn liền bị phá hoại, bị lừa gạt, việc tu hành này liền không có kết quả. Đây đều là gì vậy? Đòi trước đòi này tạo nghiệp nói ly gián, đặc biệt phá hoại tín tâm của người khác đối với thiện tri thức mà bị quả báo.

Trong tất cả ác nghiệp nói ly gián thì ác nghiệp nặng nhất không gì hơn tội phá hoại tín tâm của người đối với thiện tri thức, tín tâm đối với pháp môn. Nghiệp này đoạn mất pháp thân huệ mạng của người, như trước đây chúng tôi nhắc đến 60 vị tỳ-kheo trong kinh Phát Khởi Bồ-tát Thù Thắng Chí Nhạo, phá hoại lòng tin của tín chúng đối với hai vị pháp sư, bản thân trước tiên phải đọa địa ngục 18 triệu năm, sau khi ra khỏi rồi, 500 đời sanh làm người mù không có mắt, các căn ám độn, ngu si điên đảo. Cuối cùng gặp được Phật, Phật là thiện tri thức bậc nhất nhưng đòi đó họ đều không thành tựu, trong tâm tràn đầy rất nhiều nghi hoặc, đối với Phật cũng có hoài nghi, đối với pháp cũng có hoài nghi, cho nên không có cách nào hết, Phật chỉ có thể nói với họ là đòi trước do nguyên nhân gì, nhưng đòi này họ vẫn không thể thành tựu. Đợi 500 đời sau, đến thời mạt pháp của Phật, nghiệp của họ đã tiêu hết, lúc này họ mới có thể một lần nữa gặp được pháp môn Tịnh độ, mới được độ, cho nên nghiệp này thật sự quá nặng. Nếu chúng ta chân thật có lòng tin với thiện tri thức thì bất luận bản thân thiện tri thức này tu như thế nào, chỉ cần chúng ta có lòng tin chân thật với họ, lời họ nói lại phù hợp với nghĩa lý trong kinh giáo, không

nói sai, vậy thì có thể thành tựu. Như đại sư Ngẫu Ích nói bản thân là “danh tự vị trung chân Phật nhãn”, danh tự vị nghĩa là hữu danh vô thực, ngài có thể hiểu được những giáo lý này, thông hiểu, nhưng ngài chưa đoạn phiền não, là danh tự vị thôi, nhưng ngài là chân Phật nhãn, tri kiến là chính xác.

Cho nên, đại sư Ngẫu Ích rất khiêm tốn mà nói mọi người là đừng “vì người mà bỏ qua lời nói”, bạn đừng vì con người tôi đây tu không được tốt mà cũng bỏ luôn lời nói của tôi. Lời tôi nói đó là Phật tri Phật kiến, là chân Phật nhãn, nhưng bản thân tôi là danh tự vị, tôi vẫn chưa nhập vào quán hạnh vị. Nói cách khác, tôi vẫn chưa đoạn phiền não, người ở danh tự vị có thể làm thầy của người, họ nói được nhưng chưa làm được, “làm thầy một nước”, có thể làm thầy của một đất nước, bởi vì lời họ nói là chính xác. Họ chỉ dạy người, người ta theo đó mà làm thì họ có thể thành tựu. Nếu nói được lại làm được là “bảo vật của một nước”, là quốc bảo rồi, điều này quá hiếm có.

Cho nên, chúng ta hiện nay muốn gặp được quốc bảo là điều không dễ dàng, gặp được thánh hiền thì quá khó, quá hiếm có, có thể gặp được một người có tri kiến chính xác là đã rất may mắn rồi. Sau khi gặp được, quan trọng nhất là đừng để tín tâm của bạn bị phá hoại. Trước khi bản thân chưa thành tựu thì không được tùy tiện rời khỏi thiện tri thức. Sau khi rời khỏi, đi khắp các đạo tràng, ở đây thân cận thiện tri thức này một chút, đến đạo tràng kia lại thân cận thiện tri thức khác, học tới học lui, cuối cùng chỉ học được một mớ hỗn độn lớn, cái gì cũng học nhưng chẳng thông thạo cái nào, chẳng thành tựu được cái gì. Đại sư Ngẫu Ích nói cái được tăng trưởng chỉ là tập khí cơm cháo trong tông lâm, tăng trưởng những thứ này thì không có tác dụng. Nhất định phải theo chắc một vị thiện tri thức, đến trình độ nào thì có thể xuống núi? Tri kiến của bản thân hoàn toàn chính xác, không dao động nữa, chỉ ít phải “danh tự vị trung chân Phật nhãn” thì bạn mới có thể xuống núi, nhưng đây là tiêu chuẩn của thời nay, tiêu chuẩn của người xưa là gì? Phải đoạn phiền não. Đoạn phiền não gì? Đoạn kiến tư, đoạn trần sa, đoạn vô minh, đoạn tất cả rồi thì mới có thể xuống núi. Nói cách khác, phải vào cảnh giới của pháp thân, 53 tham của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, bạn xem Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát là bốn sư của ngài, ngài ở dưới hội của ngài Văn-thù, Thập tín tâm đã đầy đủ, chứng nhập vào “Sơ trụ vị” thì đức Văn-thù mới cho ngài xuống núi đi tham học 53 vị thiện tri thức. “Sơ trụ vị”, Viên giáo Sơ trụ là chứng pháp thân rồi, Pháp thân đại sĩ, đây là tiêu chuẩn của kinh Hoa Nghiêm, nhưng hiện nay tiêu

chuẩn này thật sự không ai làm được nữa. Thật sự gặp được một vị thiện tri thức có thể đạt được “danh tự vị” là rất tốt rồi. Đạt được danh tự vị vẫn phải nhất tâm cầu sanh Tịnh độ, thân cận A-di-đà Phật, ngài là thiện tri thức bậc nhất trong pháp giới. Lúc này bạn có thể khai ngộ, có thể chứng pháp thân, lúc đó bạn lại đi khắp mười phương thế giới tham học với chư Phật Như Lai, với thiện tri thức đều không muộn. Không nói ly gián, nếu có thể hồi hướng về đạo Bồ-đề, thì “tương lai thành Phật sẽ được quyền thuộc chân chánh”, nghĩa là quyền thuộc chánh tri chánh kiến, chân thật tu hành, “các ma ngoại đạo không thể phá hoại”, không thể phá hoại công đức xuất thế này của bạn.

Vâng, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 16

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 12/07/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỷ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính. Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Chúng ta tiếp tục học tập điều giới “không vọng ngữ” này. Buổi trước chúng tôi đã giảng đến khoa cuối cùng là “dị thực quả báo” rồi, chúng tôi giảng đến quả báo không nói ly gián, có trích dẫn kinh văn trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói: lìa nói ly gián sẽ đạt được “năm pháp không thể phá hoại”. Năm pháp không thể phá hoại này là: “*Một, được thân bất hoại, không gì hại được. Hai, được quyền thuộc bất hoại, không gì phá được. Ba, được lòng tin bất hoại, thuận theo bốn nghiệp. Bốn, được pháp hạnh bất hoại, sở tu kiên cố. Năm, được thiện tri thức bất hoại, không lừa gạt. Đó là năm. Nếu có thể hồi hướng về A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, tương lai thành Phật sẽ được quyền thuộc chân chánh, các ma ngoại đạo không thể phá hoại*”.

Trong giới bốn của chúng ta không có đoạn này, là bổ sung từ kinh khác vào. Chúng tôi nói đến điều thứ năm là được thiện tri thức bất hoại, không gặp những chuyện lừa dối mê hoặc. Đây là nói người nói ly gián sẽ dễ bị người lừa gạt mê hoặc. Người không nói ly gián thì họ có thể gặp được thiện tri thức mà không bị người phá hoại. Chúng ta biết trên con đường học Phật có thể thành tựu hay không là dựa vào hai sức mạnh, một là “nhân lực”, tức là thiện căn đời trước của mình. Việc này trong thời gian ngắn không cách gì thành tựu được, phàm là người có thể thành tựu ngay đời này đều là thiện căn đã được tích lũy từ vô lượng kiếp. Chúng ta có thể thành tựu hay không, có nhân lực này hay không, chỉ cần mọi người thật sự

muốn học tập, thật sự thành tựu, vì muốn thành tựu mà đến tu hành thì tâm này là thật. Chúng ta học pháp môn Tịnh độ chính là chân thật phát khởi nguyện vọng cầu sanh thế giới Cực Lạc. Trong này không hề có chút tâm lừa mình gạt người, hết thấy đều xuất phát từ trong tâm chân thật. Nếu bạn thật sự làm được như vậy thì nhân lực của bạn đầy đủ rồi.

Như trong kinh Vô Lượng Thọ, vương tử A-xà và 500 đại trưởng giả nghe Thích-ca Mâu-ni Phật nói đến 48 nguyện của A-di-đà Phật thì họ liền phát nguyện làm Phật, hy vọng tương lai thành Phật cũng giống như A-di-đà Phật, đây là phát khởi tâm chân thật. Phật nói với chúng ta rằng 501 vị đệ tử này đời trước đã từng cúng dường 400 ức Phật, cho nên trông được thiện căn vô cùng sâu dày, hơn nữa đời trước cũng là đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật, đời trước đã từng hành đạo Bồ-tát, không phải là người phàm, đời này lại đến, lại đến nghe Phật giảng bộ kinh này, cho nên mới có thể phát khởi được đại nguyện như vậy, đây là nhân lực của họ đã đầy đủ rồi. Tôi tin rằng các vị ngồi đây đều đầy đủ nhân lực, bởi vì mọi người đến đây học tập không phải vì cái gì khác. Ở đây, thứ nhất không có tiền tài, mọi người đều không cầm giữ tích trữ tiền bạc. Hai là cuộc sống hưởng thụ của chúng ta ở nơi đây cũng không phải rất thoải mái, vừa đủ qua ngày thôi, hoàn cảnh cũng rất bình thường, hơn nữa yêu cầu trì giới rất nghiêm khắc. Mọi người có thể ở đây tu học, đó là thật sự muốn thành tựu, người không muốn thành tựu thì chắc chắn không sống được ở đây, cho nên tôi dám nói mọi người có đầy đủ nhân lực.

Còn nói về “duyên lực”, việc này phải xem có tăng thượng nhân duyên hay không? Nếu duyên lực cũng đầy đủ, vậy nhân cộng thêm duyên thì nhất định kết quả, chúng ta đều có thể thành tựu. Duyên lực này chính là thiện tri thức, cho nên Thế Tôn nói với ngài A-nan rằng, khi một người tu học từ sơ phát tâm cho đến thành Phật thì “thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh”, tức là hoàn toàn dựa vào thiện tri thức để thành tựu, đây chính là dựa vào duyên. Như đại sư Thiện Đạo nói có thể vãng sanh hay không, vãng sanh đến phẩm vị nào thì “bốn cõi, ba bậc chín phẩm đều là do gặp duyên không đồng”. Nếu gặp duyên vô cùng thù thắng, ở trong bốn cõi, bạn có thể sanh vào cõi Thường tịch quang. Cõi Thường tịch quang có ba bậc chín phẩm, bạn có thể vãng sanh thượng thượng phẩm, đây là gặp duyên thù thắng nhất, duyên kém một chút thì sanh thượng trung phẩm trong cõi Thường tịch quang, lần lượt hạ thấp xuống, thấp nhất là hạ hạ phẩm trong cõi Phạm thánh đồng cư. Đây cũng là thành tựu rất tốt rồi, dù ở biên địa nghi thành cũng xem là

thành tựu. Bởi vì biên địa nghi thành ở thế giới Cực Lạc bị nhốt lâu nhất là 500 năm, ở biên địa nghi thành 500 năm, sau đó ra khỏi thì có thể gặp Phật nghe pháp, có thể làm A-duy-việt-trí Bồ-tát rồi.

Cho nên “được thiện tri thức bất hoại”, đây chính là mấu chốt để thành tựu. Bất hoại này là lòng tin của chúng ta đối với thiện tri thức không bị phá hoại, thiện tri thức không có gì là hoại hay bất hoại, nếu họ xấu thì không gọi là thiện tri thức. Bất hoại này là chỉ cho lòng tin của mình đối với thiện tri thức. Nhưng việc này vô cùng khó, chúng ta theo một vị thiện tri thức từ đầu đến cuối, có thể theo đến cùng, giữa chừng không hối hận, không hoài nghi thì trong 100 người cũng khó được một, hai người, trong 100 người chỉ một, hai người này có thể thành tựu, khó là khó ở đâu? Lòng tin của họ dễ bị thoái lui, nghe người khác phao tin đồn nhảm về vị thiện tri thức này là lập tức khởi tâm hoài nghi thiện tri thức. Họ sẽ tin người khác, không tin vị thiện tri thức này nữa, cho rằng người ta nói có đạo lý, vậy là nghe lời của người ta rồi hoài nghi thiện tri thức này, cho nên lòng tin của họ giống như con diều không dây vậy, chao đảo trên hư không, đương nhiên không thể thành tựu. Cho nên muốn thật sự thành tựu thì phải có đầy đủ lòng tin với thiện tri thức, không được nhìn khuyết điểm của thiện tri thức.

Như ngài tôn giả Mật-lặc-nhật-ba, ngài là người có thành tựu lớn, vì sao có thể thành tựu? Mấu chốt là ngài đối với thiện tri thức của mình không hề có chút hoài nghi nào, bất luận thầy của ngài trách phạt ngài, sỉ nhục ngài như thế nào, biểu hiện ra hoàn toàn là đáng vẽ rất xấu ác, nhưng ngài Mật-lặc-nhật-ba trước sau đều không thoái thất lòng tin mà theo đến cùng. Đây chính là pháp khí, bí quyết thành tựu của ngài Mật-lặc-nhật-ba chính là ở đây. Chúng ta có thể làm như vậy không? Nếu có thể làm bằng 1/10 của ngài Mật-lặc-nhật-ba thì bạn thành tựu bằng 1/10 của ngài. Nếu có lòng tin bằng 1/100 của ngài Mật-lặc-nhật-ba thì bạn thành tựu là 1/100. Nếu một chút cũng không có, thì xin lỗi, một chút thành tựu bạn cũng không có.

Trước đây lão hòa thượng của chúng ta theo lão giáo thọ Lý Bình Nam học tập, cũng có rất nhiều người nói khuyết điểm, nói xấu lão cư sĩ Lý, lão hòa thượng của chúng ta thiện căn sâu dày, nghe thấy bất kỳ người nào nói đều không nghe, liền quay đầu bỏ đi, trong tâm cho rằng thầy mình chính là Phật Bồ-tát. Phải biết hiện nay xã hội này là pháp nhược ma cường, thật sự làm việc tốt nhất định sẽ nhiều giày vò, ma chướng rất nhiều, người đổ kị rất nhiều, người chướng ngại rất

hiều. Đồ kị chướng ngại thì đương nhiên họ chắc chắn sẽ phá hoại, phá hoại lòng tin của người khác đối với thiện tri thức này. Đây chính là thủ đoạn mà ma có thể sử dụng. Lão hòa thượng của chúng ta đã vượt qua khảo nghiệm, theo thầy Lý 10 năm, được chân truyền của thầy Lý. Lão hòa thượng không chấp tướng, bản thân ngài đã xuất gia rồi, là một vị pháp sư, lão cư sĩ Lý Bình Nam là người tại gia, là cư sĩ, pháp sư vẫn có thể theo cư sĩ học tập như cũ, vì sao vậy? Y pháp, không y người. [Lão hòa thượng] không cảm thấy ta xuất gia rồi thì rất tài giỏi, nhất định ở trên người khác, không xuất gia còn tốt, vừa xuất gia là ngạo mạn không gì bằng, mắt đều để ở trên đỉnh đầu. Bạn nói như vậy thì làm sao có thể thành tựu cho được? Vì sao Phật muốn người xuất gia chúng ta cạo tóc, đắp niêm y? Vì sao muốn chúng ta mặc y phần tảo, ôm bát khát thực? Chính là để hàng phục tâm ngạo mạn của chúng ta, vĩnh viễn phải có một thái độ khiêm tốn, “nhìn tất cả người đều là Bồ-tát, chỉ một mình ta thật sự là phàm phu”. Càng hướng hồ chúng ta từ nhỏ cũng không được nhận qua hệ thống giáo dục văn hóa truyền thống. Nói thật ra, ở phương diện làm người đều thiếu giáo dục, hiện nay lắc mình thay đổi biến thành người xuất gia, biến thành thầy của trời người. Bạn xem nguy hiểm biết bao, cho nên hiện nay nên làm thế nào? Quay lại nghiêm túc học bù.

Có người cho rằng chúng ta xuất gia rồi thì không cần học Đệ Tử Quy, không cần học Cảm Ứng Thiên, cũng không cần học Thập Thiện Nghiệp Đạo nữa, cái chúng ta học là giới luật, còn những sách kia đều là ngoại đạo, đó đều là sách để học sinh tiểu học học, những người như chúng ta đây đều là sinh viên đại học, viện nghiên cứu, nên tâm ngạo mạn không gì bằng. Bạn phải biết nếu ngay đến Đệ Tử Quy bạn cũng không làm được thì bạn đừng nhắc đến giới luật nữa. Dù bạn có thể quá ngạo không ăn, dù bạn biết đắp y trì bát, đó gọi là làm bộ làm tịch, trong tâm không có đạo đức chân thật, cho nên quỷ thần nhìn thấy bạn đều không tôn kính, bạn là giả, không phải thật. Vì sao tổ sư đại đức thời xưa có thể thành tựu? Vì người nào cũng đều hạ công phu rất sâu trong văn hóa truyền thống của Nho và Đạo. Từ nhỏ đều có cội nguồn gia học rất sâu dày. Bạn xem, đại sư Ngẫu Ích là gia đình thư hương môn đệ, cha mẹ đều là thiện nam tử, thiện nữ nhân, từ nhỏ đã học Nho, mười mấy tuổi đã thâm nhập tinh hoa học thuyết của Khổng Nhan, sau này xuất gia thì ngài thật sự có được thành tựu lớn. Vì sao hiện nay chúng ta rất khó tìm được tổ sư đại đức như vậy? Chính là do không có nền tảng này, như xây lầu cao vậy, không xây nền móng, tầng thứ nhất cũng không xây, tầng thứ hai cũng không xây, tầng thứ ba cũng không xây, mà bỗng chốc lên thẳng tầng thứ tư, đây là xây

lâu các trên không trung. Nền tảng là gì vậy? Nền tảng chính là Đệ Tử Quy, sau đó là Cảm Ứng Thiên, tầng thứ nhất là Cảm Ứng Thiên, tầng thứ hai là kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, tầng thứ ba là Sa-Di Thập Giới Oai Nghi. Bốn cái gốc này đều có nền tảng rồi, tiếp đến bạn mới có thể thọ giới tỳ-kheo, vậy bạn mới có thể làm một tỳ-kheo chân thật, bạn ra ngoài mới có thể nghiêm trì giới tỳ-kheo, thật sự là bậc thầy mô phạm của trời người, nếu không thọ giới tỳ-kheo, lấy được giới điệp rồi, làm một tỳ-kheo trên danh tự, mà cách thức hành vi xử sự thì ngay đến người thế gian nhìn thấy đều cảm thấy chán ghét, bất mãn, đó chẳng phải là bạn đã bôi nhọ cửa Phật hay sao? Ngay đến người quân tử đạo đức của thế gian mà bạn cũng không làm được, bạn còn làm tỳ-kheo. Cho nên, thiện tri thức ở thời đại này giáo hóa chúng sanh nhất định phải bảo họ xây chắc nền tảng.

Như lão hòa thượng vì sao nhiều năm nhấn mạnh giáo dục cấm rẽ như vậy, cấm chắc bốn cái rẽ. Không có rẽ, dù bạn hiện nay có hoa quả đó, nhưng sẽ khô héo rất nhanh, không thể giữ tốt giới luật được. Trong một đạo tràng trì giới dường như còn được, nương chúng dựa chúng, bạn cũng không dám vượt quá quy củ, nhưng vừa ra ngoài là xong rồi, gặp phải cảnh giới ngũ dục lục trần thì bạn chắc chắn sẽ đọa lạc, chắc chắn sẽ phá giới, đây là không có rẽ. Nghiệp chướng của bản thân cũng nặng, phiền não cũng nặng, lại có ngạo mạn, lại không thể hiếu học, cho nên đời này trôi qua một cách rất oan uổng như thế, chẳng làm nên trò trống gì, cuối cùng đáng sanh tử như thế nào thì sanh tử như thế đó, đáng luân hồi như thế nào thì luân hồi như thế đó. Song hiện nay người nói lời chân thật với bạn rất ít, đều nói những lời khiến bạn cảm thấy dễ nghe, những lời khiến bạn lâng lâng, cho nên bạn không chịu quay đầu lại xây nền tảng. Kiến giải của bản thân bạn lại không kiên cố, đạo lý cũng không thông đạt, cho nên gặp người khác nói đôi câu là bạn liền cảm thấy người ta nói dường như cũng có đạo lý; lúc trái, lúc phải không có chủ tể, lúc này thiện tri thức muốn giúp bạn cũng không giúp nổi, bản thân bạn bị gạt rồi.

Cho nên, muốn thật sự đạt được lợi ích của thiện tri thức thì quan trọng nhất là thành thật, người thành thật nhất định sẽ buông bỏ tri kiến của bản thân. Trong kinh nói với chúng ta, trước khi bạn chưa chứng được A-la-hán thì đều không được tin tưởng ý của bản thân bạn. Trong kinh Di Giáo nói rất rõ ràng: *“Cẩn thận đừng tin ý của ông, ý của ông không đáng tin”*. Đừng cho rằng những thứ bản thân bạn nghĩ là đúng, những thứ bản thân bạn nghĩ thường là sai, ý của bạn không thể tin

được, bạn vẫn chưa vào tri kiến Phật thì bạn làm sao có thể tin tưởng ý của mình được? Bản thân đều là tri kiến phiền não của phàm phu, bạn thuận theo tri kiến phiền não của mình mà tu, tu mù luyện đui, đến cuối cùng chẳng được tích sự gì. Cho nên người thành thật là đáng quý nhất, người thành thật mới có thể thành tựu. Ý kiến của bản thân, cách nghĩ của bản thân quá nhiều thì người này không cách gì dạy được.

Hiện nay bạn vẫn trong thời gian làm sa-di nên vẫn có thể dạy, đợi khi bạn thọ đại giới rồi, làm tỳ-kheo rồi thì không ai dám dạy bạn nữa, bạn đã là đại tỳ-kheo tăng đứng đầu trong bảy chúng rồi. Cho nên, trước đây lão hòa thượng nói với chúng tôi, vì sao tôi xuất gia muộn như vậy? Bởi vì nghe lão hòa thượng dạy tôi, khi nào thì xuất gia? Bản thân bạn thành tựu rồi thì mới xuất gia, vừa xuất gia liền có thể giảng kinh thuyết pháp độ hóa chúng sanh. Nếu bản thân bạn đều không có thành tựu gì mà hồ đồ đi thọ giới, hằng ngày đều làm chuyện phá hoại Phật pháp mà bản thân vẫn không hề hay biết gì. Cho nên, nghe thiện tri thức thì bản thân sẽ được lợi ích, dù đã thọ giới rồi, trước đây bạn có nên tụng kinh giáo rất tốt, thọ giới rồi thì vẫn nên theo quy củ của Phật, 5 năm học giới tỳ-kheo, học thông giới tỳ-kheo, tức là giới tướng *khai, già, trì, phạm* của 250 điều giới đều thông đạt hiểu rõ, giới thể, giới hạnh, giới tướng, giới pháp, nội hàm của những giới pháp này đều phải rõ ràng tường tận, bộ phận tác trì của tăng đoàn, những pháp như tụng giới, yết-ma, an cư, tự tứ đều phải rất thông thuộc thì lúc này bạn mới có thể thật sự giáo hóa một phương, cho nên từ đầu đến cuối chúng ta đều phải có sự chỉ điểm của thiện tri thức. Đạt được lòng tin bất hoại đều là do chúng ta không tạo ác nghiệp nói ly gián, thế nên không phá hoại lòng tin của người khác thì lòng tin của chúng ta cũng sẽ không bị phá hoại. Dùng công đức này hồi hướng về A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, tương lai khi thành Phật bạn có thể đạt được “quyền thuộc chân chánh”, tức là những quyền thuộc có tri kiến chính xác, cũng có thể chân thật tu hành, bạn có thể nương chúng tựa chúng thì có thể thành tựu rất nhanh. Phật cũng cần những quyền thuộc này để trang nghiêm, gọi là “một Phật xuất thế, ngàn Phật ủng hộ”. Như Thích-ca Mâu-ni Phật thành Phật ở thế giới này, cũng cần rất nhiều Phật Bồ-tát đến đây thị hiện, làm đệ tử của ngài, làm hộ pháp của ngài thì mới có thể diễn vở kịch này hay được, khiến các ma ngoại đạo đều không thể phá hoại. Được rồi, đây là nói đến quả báo của “lìa nói ly gián”.

Tiếp theo nói với mọi người về quả báo của “lìa nói thô ác”, cũng trích dẫn kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo: “*Nếu lìa nói thô ác thì được thành tựu tám loại tịnh nghiệp. Những gì là tám? Một, lời nói không trái mực. Hai, lời nói đều lợi ích. Ba, lời nói ắt khéo lý. Bốn, ngôn từ mỹ diệu. Năm, lời nói được tiếp nhận. Sáu, lời nói được tin dùng. Bảy, lời nói không thể chê. Tám, lời nói đều được ưa thích. Đó là tám. Nếu có thể hồi hướng về A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, tương lai thành Phật sẽ đầy đủ tướng Phạm âm thanh của Như Lai*”. Nếu chúng ta có thể xa lìa lời thô ác, không nói những lời thô lỗ khó nghe, không nói những lời náo hại chúng sanh, mà phải nói lời từ ái, như vậy khẩu nghiệp có thể thành tựu được tám thứ thanh tịnh.

Thứ nhất, lời nói của chúng ta sẽ không trái ngược với phép tắc, tức là lời nói rất đúng mực, sẽ không nói quá, mà cũng không bất cập.

Thứ hai lời nói đều có thể lợi ích chúng sanh, sẽ không nói những lời vô ích, lời nói ra đều có thể khiến chúng sanh đạt được lợi ích. Giống như Khổng tử có một người học trò tên là Mẫn Tử Khiên. Chúng ta đều biết trong 24 tấm gương hiệu thảo có câu chuyện “Áo bông lau của Mẫn Tồn”. Ông là một đại hiệu tử, ông cũng là một người rất biết nói chuyện, ông rất ít nói, bình thường trầm mặc không nói, không tùy tiện nói chuyện, nhưng không nói thì thôi, một khi nói ra đều có thể định quốc an bang. Đây chính là “lời nói đều lợi ích”, việc này chúng ta phải cố gắng học tập, khi nói chuyện nói càng ít càng tốt, lời nói ra chắc chắn phải đem lại lợi ích chân thật cho chúng sanh.

Thứ ba là “lời nói ắt khéo lý”, lời nói ra chắc chắn phù hợp với đạo lý khiến người nghe tâm phục khẩu phục.

Thứ tư là “ngôn từ mỹ diệu”, mỗi câu nói ra đều rất tốt đẹp, rất thiện lành, khiến người nghe hoài không chán, chính là sức nhiếp thọ của lời nói. Chúng ta nói, tức là âm thanh lời nói rất thu hút, nghe xong rất nhiếp tâm. Việc này đối với người muốn giảng kinh hoằng pháp mà nói rất quan trọng. Âm thanh bạn nói ra có thể khiến người tập trung tinh thần, khiến người khởi tâm cung kính, khiến người nghe rồi rất hoan hỷ, thậm chí nghe hoài không chán, cầm lấy [máy phát] âm thanh của bạn mà có thể nghe trên trăm lần, đều là càng nghe càng có ý vị. Đây đều là quả báo của không nói thô ác. Cho nên, nếu chúng ta muốn hoằng pháp lợi sanh thì nhất định phải tu khẩu nghiệp thanh tịnh.

Thứ năm là “lời nói được tiếp nhận”, lời bạn nói ra có thể khiến người cung kính lãnh thọ. Bạn muốn tuyên dương Phật pháp, nếu người khác không thể tiếp nhận vậy thì bằng như không nói, không có tác dụng, cho nên lời nói nhất định là phát ra từ tâm chân thành, là tâm muốn tốt cho đối phương, khiến đối phương cảm thấy dù bạn mắng họ, trách móc họ thì họ đều có thể tiếp nhận, bản thân chỉ sanh tâm hổ thẹn, sẽ không sanh khởi tâm phản kháng, điều này không chỉ là người hoằng pháp, mà người quản lý, chấp sự của một đoàn thể cũng cần có. Cho nên chấp sự trong đoàn thể, nếu là chấp sự trong tăng đoàn, trong kinh Phật có một tiêu chuẩn, tức là người này có thể làm được không tham ái, không sân giận, không sợ, không si, biết việc cần làm và không nên làm, đây gọi là ngũ đức. Người có ngũ đức này mới có thể đảm nhiệm chức chấp sự. Thứ nhất họ không có tham ái, thứ hai họ không sân giận, cũng tức là họ không có tâm yêu ghét, không phải gặp người nào đó thì họ rất chán ghét, gặp người nào đó họ rất ưa thích, có tâm yêu ghét thì không bình đẳng, vậy bạn phục vụ cho tăng đoàn sẽ có rất nhiều lỗi lầm họa hoạn, nhất định phải đại công bình đẳng, bản thân không có tình riêng. Không sợ, không si thì sẽ không hoảng sợ, cũng sẽ không ngu si. Ví dụ khi bạn làm phụ trách quản lý mà thấy người phạm lỗi lầm thì phải chỉ ra cho họ, sửa đổi lỗi lầm của họ, đừng để ảnh hưởng đến cả đoàn thể. Có người lại cảm thấy ngại, không muốn đắc tội với họ, sợ kết oán với họ, đây chính là tâm sợ hãi, khiếp sợ, sợ sệt, đây là vì có tư tâm. Cho nên không dám vì đại chúng mà đứng ra gánh vác trách nhiệm, việc này cũng có lỗi lầm, bằng với việc dung túng cho những lỗi lầm này, cho nên người chấp sự phải đại công vô tư. Còn có không si, không ngu si, là bạn có thể thấy rõ thiện ác, đúng sai, có thể hộ trì đoàn thể đi đúng đường lối, ngoài ra là biết việc cần làm và không nên làm, bạn biết phải làm như thế nào? Ví dụ bạn là một vị tri khách, tri khách có những phạm vi chức trách gì, bạn phải làm gì, bạn đều phải biết, không được làm gì cũng phải biết, đây là giới luật, quy củ của tăng đoàn, chúng ta đều phải rõ ràng. Một vị chấp sự phải hiểu rõ giới luật thì làm việc sẽ không phạm giới, lại có thể tôn trọng thì sẽ không vi phạm quy củ của tăng đoàn, có thể làm tấm gương tốt cho mọi người, như vậy lời bạn nói ra chắc chắn khiến người có thể cung kính tiếp nhận, lời nói ra khiến người lãnh thọ, chính là bạn có đức.

Thứ sáu là “lời nói được tin dùng”, lời nói ra đều có tín dụng, tức là khiến người nghe rồi có thể rất tin tưởng, rất đáng tin cậy. Không nói thô ác đều có công đức như vậy, đương nhiên quan trọng hơn là không được nói dối. Bạn vừa nói dối thì người ta liền cảm thấy lời của bạn không đáng tin, chỉ cần bạn nói một lần thì

mọi người có thể sẽ hoài nghi mỗi lần bạn nói chuyện đều là nói dối. Do đó, người xuất gia chúng ta tuyệt đối không được nói dối, chính là nguyên nhân này. Bởi vì người xuất gia chúng ta nhất định phải giảng Phật pháp cho người tại gia. Giả sử bạn bị người tại gia biết bạn đã nói dối một lần, vậy thì tất cả Phật pháp mà bạn giảng, có thể người tại gia đều không tin tưởng nữa, đây là chúng ta phá hoại pháp, là có tội.

Thứ bảy là “lời nói không thể chê”, lời nói ra sẽ không bị người chê cười mỉa mai, bởi vì bạn nói chuyện rất văn minh, rất có tu dưỡng, rất khéo léo, sẽ không nói những lời thô ác, thô lỗ, cho nên mọi người nghe rồi chắc chắn sẽ tôn trọng, sẽ không chê cười mỉa mai.

Thứ tám là “lời nói đều được ưa thích”, lời bạn nói ra đều khiến người ưa thích, yêu mến, âm thanh của bạn nói ra, người nghe rồi sẽ cảm thấy rất nhập tâm, trong tâm rất dễ chịu, đây đều là kết quả của những lời từ ái của bạn. Nếu bạn hằng ngày mắng người, hằng ngày náo hại chúng sanh, đối phương nghe âm thanh của bạn đều giống như nghe tiếng hổ sói vậy, trốn còn trốn không kịp.

Nếu đem công đức này hồi hướng về A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, tương lai khi bạn thành Phật sẽ đầy đủ tướng Phạm âm thanh của Như Lai. Phạm âm chính là âm thanh thanh tịnh, cho nên một trong 32 tướng của Như Lai chính là tướng Phạm âm thanh. Đây là quả báo đạt được do quá khứ bản thân đã tu nhân thiện.

Bây giờ chúng ta xem giới tiếp theo, thứ năm là “không uống rượu”. Chúng tôi xin đọc đoạn văn này ra cho mọi người nghe trước:

Thứ năm, không uống rượu. Bất kể là rượu nào, chỉ cần khiến người uống có thể say thì một giọt cũng không được cho vào miệng, uống thì phạm giới, phải nhanh chóng sám hối. Nếu không sửa đổi thì hiện đời bị người sỉ nhục, chết đọa ác đạo. Nếu bị bệnh, không dùng rượu thì không thể dẫn thuốc được, vậy phải bạch thầy, bạn rồi mới dùng.

Điều giới này chúng tôi cũng chia làm bảy khoa để giảng nói. Khoa thứ nhất là “tổng thuyết đề nghĩa”, chia làm ba khoa nhỏ. Khoa nhỏ thứ nhất là “giải thích sơ lược tên đề”, chính là ba chữ “không uống rượu” này. “Uống rượu” chính là lỗi bị phạm, “không” chính là hành môn để đối trị, cho nên gộp chung lại để gọi, năng sở gộp lại gọi là không uống rượu. Rượu có thể được làm ra bằng nhiều thứ, ví dụ

có thể dùng ngũ cốc để làm rượu, hoặc dùng thảo mộc để làm rượu, hoặc dùng trái cây để ủ..., rượu có rất nhiều chủng loại. Lời văn ở đây nói “*bất kể là rượu nào*”, chỉ cần sau khi uống có thể khiến người say thì rượu này không được uống. Nói cách khác, hàm lượng cồn trong đó sẽ khiến người say.

Khoa nhỏ thứ hai, chúng ta nói về ý nghĩa chế giới. Căn cứ theo “Giới Bản Sở” trong Tam Đại Bộ nói như sau: “*Phàm là rượu thì chính là nước độc, uống vào ắt sẽ trở thành họa hại, khiến tâm chí người cuồng loạn, gây ra nhiều tội lỗi khác, làm trở ngại, bỏ bê việc chánh tu, khiến người chê cười. Rượu là gốc sanh ra họa hại, sao lại không gắng sức ngăn cấm?*” Nghĩa là phàm là rượu thì chính là nước độc, là đồ uống có độc. Sau khi uống vào sẽ trở thành họa hại, cho nên Phật pháp nói rượu là thuốc vô minh, sau khi uống say thì bạn sẽ khởi vô minh, tức là biến thành hồ đồ mất đi trí tuệ, loạn tánh sẽ tạo ra rất nhiều ác nghiệp. “*Khiến tâm chí người cuồng loạn*”, tức là không thể giữ được oai nghi quy củ cần có, mà sẽ làm xằng làm bậy. Ví dụ sau khi uống rượu sẽ chửi người, sẽ đánh người, làm ra các việc xấu, biến thành điên cuồng, cho nên họa hại của rượu rất lớn, gây ra nhiều tội lỗi phổ biến khác. Nếu uống rượu rồi lái xe sẽ rất dễ xảy ra tai nạn giao thông, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng.

Trong việc tu đạo cũng sẽ “*làm trở ngại bỏ bê việc chánh tu*”, chúng ta tu hành là vì liễu thoát sanh tử, thành tựu Phật đạo. Uống rượu sẽ khiến chúng ta mất đi chánh niệm, đều trở nên mê hoặc điên đảo, đặc biệt người niệm Phật chúng ta muốn cầu sanh thế giới Cực Lạc, quan trọng nhất là lâm chung tâm không điên đảo. Nếu chúng ta uống rượu thì không cần đợi lâm chung điên đảo, mà uống rồi sẽ lập tức điên đảo ngay, thường xuyên tích lũy nghiệp điên đảo, đến khi lâm chung không uống rượu cũng chắc chắn điên đảo. Cho nên “*khiến người chê cười*”, sẽ gây ra những sự chê cười. Người khác nhìn thấy bạn uống rượu thì chắc chắn sẽ chê cười bạn, chán ghét bạn. Đặc biệt chúng xuất gia càng không được uống rượu, nhất định sẽ bị người thế gian phỉ báng, chúng ta phạm giới này sẽ rất nặng. Giới cơ hiem là bằng với việc bôi nhọ Phật pháp rồi, phá hoại, làm loạn chánh niệm, tín niệm của tín chúng, cho nên nó là “*gốc sanh ra họa hại*”, là gốc sanh ra lỗi lầm họa hại, làm sao có thể không cố gắng mà ngăn trừ nó cho được? Không những người xuất gia phải cấm rượu, mà cư sĩ tại gia cũng phải cấm rượu, thọ tam quy ngũ giới rồi thì uống rượu chính là một trong năm giới. Phật đem giới không uống rượu xếp chung với bốn trọng giới *giết, trộm, dâm, dối*, vậy bạn liền biết được vị trí của điều

giới này quan trọng đến mức nào. Ví dụ vừa uống rượu thì đều sẽ làm ra các việc giết, trộm, dâm, dối ở phía trước.

Ở trong chuyện Phật giáo kể rằng từng có một vị ưu-bà-tắc, tức là nam cư sĩ tại gia đã thọ ngũ giới, bình thường trì giới rất tinh nghiêm, kết quả có một hôm, ông nhìn thấy trên bàn có một bình rượu, rượu trắng, ông nghĩ là nước trắng liền đem nó uống hết, sau khi uống xong thì tánh rượu phát tác, mất đi chánh niệm, lúc đó nhà hàng xóm có một con gà mái chạy sang nhà ông; sau khi nhìn thấy, ông liền nghĩ, mình uống rượu mà không có thịt ăn thì làm sao được, vậy là liền giết con gà này, đây là phạm sát sanh, phá giới sát rồi, kết quả sau đó, đây cũng phạm trộm cắp rồi, trộm gà, giết gà. Kết quả con gái nhà hàng xóm vì tìm gà nên sang hỏi vị ưu-bà-tắc này: “anh có thấy con gà của tôi không?” Ông nói không thấy, nói dối rồi. Sau đó lại thấy cô thiếu nữ này rất có nhan sắc, liền khởi tâm dâm làm nhục người này, phạm giới dâm rồi. Cho nên bạn xem, phá một điều giới uống rượu này liền liên tục phá hết bốn giới giết, trộm, dâm, dối. Cho nên, họa hại của uống rượu rất sâu nặng, do đó nhất định phải nghiêm túc ngăn trừ.

Trong Đại Trí Độ Luận có nói uống rượu có 35 loại tội lỗi, cũng cần phải nói qua với mọi người một chút. Thứ nhất là “tài vật hiện đời bị hao kiệt”, bởi vì bạn thích uống rượu, thông thường một người uống rượu họ sẽ làm xằng làm bậy, phá hoại hết gia sản. Thế nên, kết quả là khiến tài sản trong nhà kiệt quệ rỗng không, không còn gì. Ví dụ người uống rượu có thể sẽ đánh bạc, thậm chí có thể sẽ dâm loạn; gọi là ăn uống, sau đó là cờ bạc, trai gái, việc xấu gì cũng có thể làm, đương nhiên là táng gia bại sản rồi.

Thứ hai là “cửa ngõ cho mọi loại bệnh tật”, là cửa ngõ gây ra nhiều bệnh tật. Uống rượu thì thân thể họ thường không khỏe, người thích uống rượu, chất cồn sẽ không tốt đối với tim, dễ bị bệnh tim. Đây là trực tiếp, còn gián tiếp thì càng nhiều hơn nữa, ví dụ sau khi uống rượu, uống rất nhiều, dạ dày đều quặn đau, đều nôn mửa rất nhiều. Uống rượu cũng không tốt đối với dạ dày. Người uống rượu thường luôn là suốt đêm đều không nghỉ ngơi tốt, mặc sức vui chơi, mặc sức uống, đối với tạng thận, tỳ vị đều không tốt, ngũ muện đều sẽ tổn thương tỳ, tổn thương thận, dù sao thì lục phủ ngũ tạng đều rất khó mà tốt được. Cộng thêm bạn uống rượu xong thì toàn thân đều nóng lên, vừa bật điều hòa, toàn bộ khí lạnh sẽ ùa vào, khí lạnh đó vào thân mà mình lại không biết, say mềm nhũn như bùn vậy, có thể hôm sau tỉnh dậy thì bị đột quỵ rồi, thậm chí biến thành người thực vật, đều có khả năng đó.

Thứ ba là “gốc của sự đấu tranh”, người uống nhiều rượu thích đấu tranh với người, đặc biệt vì tánh rượu phát tác nên có một vài lời hơi khó nghe là liên bắt đầu đánh nhau, có thể dùng cả dao. Đây đều là do nguyên nhân uống rượu.

Thứ tư là “lỗ lỗ không biết xấu hổ”, uống rượu rồi thì không còn tâm hổ thẹn nữa, họ thường cởi hết quần áo ra, thân thể lỗ lỗ mà không hề có chút hổ thẹn nào.

Thứ năm là “bị tai tiếng xấu”, thích uống rượu thì đương nhiên danh tiếng của họ sẽ không tốt, ai sẽ tán thán một người thích uống rượu chứ, đúng không? Người ta đều sẽ nói với họ, anh là một con ma men, cho nên danh tiếng không tốt.

Thứ sáu là “che mất trí tuệ”, là trí tuệ vốn có của chúng ta sẽ bị phủ kín và che lấp mất. Bởi vì trí tuệ vốn có nhất định đạt được từ trong tâm thanh tịnh, phải giữ gìn chánh niệm thì trí tuệ mới có thể khai mở hiển lộ, uống rượu sẽ hoàn toàn mất đi chánh niệm.

Thứ bảy là “vật đáng được lại không được”, tài vật mà bạn đáng có được thì lại không được. Ví dụ rất nhiều người bàn chuyện làm ăn đều phải uống rượu, mời rượu lẫn nhau, đều phải chuốc nhau say rồi mới ký hợp đồng, kết quả ký hợp đồng rồi chắc chắn đều sẽ thua lỗ, đều sẽ lỗ vốn.

Thứ tám là “vật đã được lại bị mất”, lợi ích vốn đạt được đều sẽ mất đi. Ví dụ khi tỉnh táo đã đàm phán xong hợp đồng rồi, kết quả sau khi uống rượu xong thì toàn bộ hủy bỏ, lợi ích vốn có được đều mất hết.

Thứ chín là “đem những việc kín đáo nói hết với người”, sau khi uống rượu rồi thì họ không giấu giếm gì hết, sẽ nói năng lung tung, những chuyện riêng tư vốn không thể công khai, những việc kín đáo, “phục” là ém xuống, giấu kín, những chuyện này không thể nói với người khác, sau khi uống rượu rồi thì đều nói hết cho người nghe. Cho nên trước đây, quan thẩm tra vụ án đều chuốc say tội phạm đó, sau đó thẩm tra là dễ dàng nhất, họ đều nói ra hết. Đương nhiên đây không phải bảo chúng ta phải giấu giếm, chúng ta không được giấu giếm, nhưng có những việc liên quan đến lợi ích của chúng sanh mà nói ra thì sẽ làm tổn hại đến lợi ích của chúng sanh, những việc này không được nói lung tung.

Thứ mười “say là gốc của ưu phiền”, say rượu là gốc của lo âu buồn phiền, rất nhiều người cho rằng mượn rượu để giải sầu, thực tế là “mượn rượu giải sầu càng sầu thêm”.

Thứ mười một là “sức lực thân thể giảm sút”, người thích uống rượu đi đường nhất định đều là một chân nặng, một chân nhẹ, thân thể lừng lờ, đứng không vững, đây là thân thể không có sức lực, vậy uống rượu nhiều thì thân thể của họ sẽ trở nên yếu ớt.

Thứ mười hai là “thân sắc hư hoại”, màu sắc của thân thể cũng sẽ hư hoại, thân là thân thể, sắc kỳ thực còn có sắc mặt, uống rượu xong sắc mặt chắc chắn không tốt, đầu tiên là đỏ ửng, sau đó biến thành trắng bệch, uống rượu quá chén thì chắc chắn sẽ biến thành đỏ ửng, sau đó thì ói mửa, ói xong thì trở thành trắng bệch.

Thứ mười ba là “bất kính với cha”, bất kính với cha, thứ mười bốn là “bất kính với mẹ”, đối với cha mẹ đều không hiếu kính, vốn dĩ còn rất hiếu thuận, vừa uống rượu xong thì làm càn, thậm chí chửi cha mắng mẹ, đều sẽ làm những việc này.

Thứ mười lăm là “bất kính với sa-môn”, sa-môn là chỉ người xuất gia tu đạo, chúng ta đều nên tôn kính, đây là kính pháp. Người uống rượu rồi thì đối với sa-môn, đối với người tu đạo chắc chắn không tôn kính, còn thứ mười sáu là “bất kính với bà-la-môn”, bà-la-môn cũng chính là người tịnh hạnh, họ cũng là người tu hành thanh tịnh, những người này đều thuộc về người tu hành, chúng ta đều nên tôn kính, nhưng uống rượu rồi thì không kính nữa.

Thứ mười bảy là “bất kính với tôn trưởng”, ví dụ bác, chú, cha mẹ, trưởng bối của chúng ta, hoặc cấp trên của chúng ta, sư trưởng của chúng ta, gặp những người này cũng không tôn kính.

Thứ mười tám là “bất kính với Phật”, mười chín là “bất kính với pháp”, hai mươi là “bất kính với tăng”, cũng tức là sau khi uống rượu rồi đối với tam bảo đều không có tâm cung kính.

Hai mươi một là “bè đảng với kẻ ác”, kết giao bạn bè, kết đảng với kẻ ác, những việc này đều là gì vậy? Chiêu cảm, vật tỵ theo loài, người phân theo nhóm, người thích uống rượu chắc chắn làm bạn với người thích uống rượu, gọi là bạn bè rượu thịt, tức là bè đảng với kẻ ác.

Hai mươi hai là “xa lìa bậc hiền thiện”, đối với người hiền đức lương thiện ngược lại không thể thân cận mà xa lánh họ; nói cách khác, không thể thân cận thiện tri thức thì họ chắc chắn khó mà tu đạo, thành đạo.

Hai mươi ba là “làm người phá giới”, uống rượu rồi rất dễ phá các giới khác, ban này đã kể rồi.

Hai mươi tư là “không biết hổ thẹn”, tức là không có tâm xấu hổ, không có tâm hổ thẹn.

Hai mươi lăm là “không giữ được lục tình”, lục tình chính là nói lục căn, phải giữ được lục căn, đừng để tham nhiễm cảnh giới lục trần bên ngoài, sau khi uống rượu rồi thì không giữ nổi nữa, lục căn sẽ rong ruổi ra bên ngoài tạo rất nhiều nghiệp.

Hai mươi sáu là “phóng túng sắc dục”, cũng tức là phóng túng sắc dục của bản thân, phóng đảng truy lạc, thông thường uống rượu xong đều sẽ khởi tâm dâm loạn. Hai mươi bảy là “bị người ghét bỏ”, người uống rượu bị người thông thường căm ghét, chán ghét.

Hai mươi tám là “bị thân quyến đuổi đi”, tức là thân thích quyến thuộc sẽ vứt bỏ, đuổi người uống rượu đi, không nhận họ nữa. Như trong kinh Vô Lượng Thọ nói những người thích uống rượu, ăn ngon, đến cuối cùng cha mẹ đều không cần nữa, tức là cảm thấy thà không có con còn hơn. Con trai thích uống rượu, nát rượu, không làm việc tốt, bại hoại gia môn, cho nên cha mẹ đều ghét bỏ họ.

Hai mươi chín là “hành vi bất thiện”, sẽ làm ra các loại hành vi bất thiện. Ba mươi là “vứt bỏ thiện pháp”, sẽ vứt bỏ những pháp hiền thiện, thậm chí lời thiện, đạo lý của thánh hiền đều không nghe lọt tai.

Ba mươi một là “người không tin tưởng”, người thường uống rượu thì lời nói ra mọi người đều không tin tưởng; không biết họ hiện nay có phải là uống rượu xong rồi mới nói hay không? Có phải là nói xằng nói bậy hay không? Thích uống rượu chắc chắn là nói xằng bậy lung tung rồi, cho nên họ không tin tưởng.

Ba mươi hai là “xa lìa Niết-bàn”, uống rượu đương nhiên sẽ xa lìa cảnh giới Niết-bàn thanh tịnh tịch diệt, đều là hồ đồ, mất lý trí, không có trí tuệ.

Ba mươi ba là “gieo nghiệp cuồng si”, gieo nghiệp điên cuồng ngu si, uống rượu là hạt giống vô minh, thuốc vô minh, cho nên uống nhiều rồi thì hạt giống đều là nghiệp vô minh.

Ba mươi tư là “mạng chung đọa địa ngục”, người này uống rượu xong nhất định tạo rất nhiều ác nghiệp, tương lai tội ác chồng chất thì họ liền bị đọa xuống địa ngục.

Ba mươi lăm là “đời sau làm kẻ cuồng đại ngốc nghếch”, đời sau chính là tương lai sẽ bị điên cuồng hoặc khờ khạo, chữ ngốc trong từ đàn ngốc, quả báo ngốc nghếch, cho nên có một số người sanh ra đã đàn độn, tức là đầu óc phát triển không bình thường, khờ khạo. Những người này trong đời quá khứ có thể đều do uống rượu, nghiệp lực vô minh chiêu cảm. Kỳ thực không cần đợi đến đời sau, mà ngay đời này chúng ta đều có thể nhìn thấy, lúc trẻ tuổi thích uống rượu, đến già rồi tôi thấy phần lớn đều mắc bệnh đãng trí của người già.

Thế nên, đã uống rượu thì có 35 loại tội lỗi này, vậy chúng ta phải kiên quyết từ bỏ, một giọt cũng không được nhấp môi, đừng chạm vào thứ rượu ấy.

Tiếp theo giảng đến khoa nhỏ thứ ba, chính là “hai nghiệp tánh già”, điều giới này chỉ thuộc về già tội, nó không thuộc về tánh tội. Nói cách khác, nếu như không thọ ngũ giới, hoặc thọ bất cứ bát giới, thập giới sa-di, giới tỳ-kheo v.v., bởi vì đều có điều giới rượu này, không thọ giới thì khi họ uống rượu sẽ không phạm, không phạm tội, nó thuộc về già tội thôi. Già chính là điều Phật ngăn cấm, nếu chúng ta vi phạm thì sẽ có tội, nhưng bản tánh của nó không tính là có tội. Cho nên ở thế gian, pháp luật cũng không cấm uống rượu. Đương nhiên có quốc gia ngăn cấm, ví dụ những quốc gia Hồi giáo họ cấm bán rượu, đương nhiên cũng cấm uống rượu. Đây là do giáo điều của Hồi giáo quy định. Họ cũng thuộc về già giới, nhưng họ đưa nó trở thành pháp luật, bởi vì hợp nhất chính trị với giáo dục, cho nên làm thành pháp luật.

Phật pháp thì tách biệt với chính trị, bởi vì Phật pháp tôn sùng xuất gia, lìa xa thế tục, cho nên không hợp nhất chính trị với giáo dục, mà chính trị và giáo dục tách biệt. Giáo chính là giáo dục, dùng giáo dục để giáo hóa đại chúng. Phật pháp không dùng sức mạnh của chính trị, pháp luật, mà trực tiếp dùng giáo dục để chuyển đổi tâm người. Quốc gia cần dùng chính trị pháp luật, có khi cần dùng những biện pháp cưỡng chế này để bảo đảm sự ổn định của xã hội. Trong cửa Phật, các pháp sư chuyên giảng pháp để giáo dục. Tín đồ Phật giáo chúng ta nếu bản thân có thể cố gắng trì giới thì tuyệt đối sẽ không trái pháp luật. Trái pháp luật thì bản thân cũng thuộc về phạm giới. Trong giới Bồ-tát, thì đây là vi phạm quốc chế, đây

là thuộc về phạm giới, cho nên một người có thể trì giới thì họ chắc chắn là một công dân tuân thủ pháp luật.

Bây giờ chúng tôi nói đến khoa lớn thứ hai là “tùy văn thích nghĩa”, dựa theo lời văn để giải thích ý nghĩa của nó. “*Bất kể là rượu nào, chỉ cần khiến người uống có thể say thì một giọt cũng không được cho vào miệng, uống thì phạm giới, phải nhanh chóng sám hối*”. Tức là nói, bất luận là loại rượu nào, rượu làm từ ngũ cốc hay là làm từ thảo mộc, rượu gì cũng được, chỉ cần sau khi uống vào có thể khiến người say; nói cách khác, trong đó có thành phần cồn thì một giọt cũng không được cho vào miệng, càng huống hồ là uống cả chén, cho nên điều này thì càng không được, uống rồi sẽ phạm giới, nhất định phải nhanh chóng sám hối, sám hối như thế nào? Phạm giới này thì sẽ không phạm đến tội bậc thượng, mà thuộc về giới bậc trung. Trong giới tỳ-kheo là thuộc về giới ở chương thứ ba nên phải đối thú sám hối, đều phải dùng tâm khẩn thiết để sám hối thì mới có thể diệt tội, không phải chỉ làm theo hình thức, dù sao hôm nay sám hối rồi, ngày mai lại uống nữa, uống rồi vẫn có thể sám hối lại, tâm như vậy là không khẩn thiết, họ không thể diệt được tội, cho nên phải cấp thiết, cấp là vội vàng, nhanh chóng, thiết là khẩn thiết sám hối.

“*Nếu không sửa đổi*”, nếu vẫn không chịu sửa đổi mà vẫn tái phạm thì sẽ có quả báo. Quả báo có hoa báo ở hiện đời, còn có quả báo ở đời sau, “*hiện đời bị người sỉ nhục*”, bị người sỉ nhục, bạn xem người học Phật này lại còn uống rượu, còn mê rượu, người ta sẽ chê cười bạn, sẽ làm cho bạn nhục nhã, nổi nhục nhã này đều là tự mình chuốc lấy, bản thân không thể tự ái tự trọng, cho nên người ta cũng sẽ không tôn trọng bạn. Đặc biệt là người xuất gia, tuyệt đối không được chạm vào rượu, cũng bao gồm cả thuốc lá. Bản thân thuốc lá mặc dù Phật không chế giới, nhưng thuốc và rượu đương nhiên là cùng loại, vì sao vậy? Vì nó cũng sẽ khiến người tham nhiễm, cho nên nghiện thuốc và nghiện rượu cơ bản đều là một loại. Đặc biệt là hình tượng, oai nghi của người hút thuốc này rất khó coi, ngay đến người thế gian có giáo dưỡng đều không hút thuốc, càng huống hồ người xuất gia chúng ta, cho nên người xuất gia không hút thuốc, không uống rượu, đây là giới quyết định. Hiện đời bị người sỉ nhục, quả báo đời sau, sau khi chết sẽ đọa vào ba đường ác. Người uống rượu nhiều tương lai sẽ vào địa ngục bã rượu. Bạn thích rượu thì cho bạn vĩnh viễn ở trong hồ rượu này, bị rượu nhấn chìm, việc đó rất không dễ chịu.

Tiếp theo nói: “*Nếu bị bệnh, không dùng rượu thì không thể dẫn thuốc được, vậy phải bạch thầy, bạn rồi mới dùng*”. Đây là một loại khai duyên. Ví dụ có bệnh, bệnh này dùng các vị thuốc khác đều trị không khỏi, chỉ có thể dùng rượu để phối hợp làm thuốc dẫn, việc này vẫn phải báo cáo với thầy, bạn. Nếu bạn có sư trưởng thì phải báo cáo với sư trưởng, hoặc báo cáo với đạo hữu: “bây giờ con có bệnh, con phải uống rượu để dẫn thuốc”, như vậy mới được. Nếu không thì người ta không biết, còn cho rằng bạn phạm giới uống rượu. Bạn phải biết, nếu bạn ở trong tăng đoàn, người ta nghĩ rằng bạn phạm giới, bạn tham gia tụng giới thì đối phương sẽ khởi tâm hoài nghi, khiến tăng đoàn này của chúng ta không thanh tịnh. Lúc này phải hỏi rõ trước rốt cuộc bạn có phạm giới hay không? Nếu có phạm thì nhanh chóng sám hối, nếu không phạm thì hết nghi ngờ.

Trong giới Bồ-tát có nói: Bồ-tát, chúng ta thọ giới Bồ-tát rồi thì đều gọi là Bồ-tát, nhìn thấy hết thầy chúng sanh phạm giới, bất luận phạm giới gì, đều phải dạy họ sám hối. Nếu không dạy sám hối, mọi người ở cùng nhau, cùng nhau tụng giới bồ tát, như vậy chúng ta sẽ phạm giới Bồ-tát. Cho nên, tăng đoàn bao gồm tứ chúng đệ tử đã thọ giới Bồ-tát, thọ ngũ giới ở cùng nhau, hòa hợp chung sống, đều nương theo giới mà sống, nếu phát hiện có phạm giới thì phải khuyên bảo nhau nhanh chóng như pháp sám hối. Sám hối rồi thì trở lại thanh tịnh, như vậy chúng ta cùng nhau tham gia tụng giới bồ tát thì sẽ khiến chánh pháp cử trụ, đây là tiêu chí để chánh pháp cử trụ. Khi Phật còn tại thế, từng nói muốn chánh pháp cử trụ thì nhất định mỗi nửa tháng phải tụng giới pháp không bỏ, việc này sẽ khiến chánh pháp cử trụ, tụng giới pháp chính là pháp bồ tát. Bồ tát quan trọng nhất chính là mọi người chúng ta đều thanh tịnh, nếu có phạm thì sám hối, vậy là thanh tịnh rồi. Nếu có phạm mà không sám hối thì không thể tham gia tụng giới.

“Bạch thầy, bạn”, ở đây có một ví dụ, chính là hòa thượng Thanh Công của chúng ta, chuyện này là tôi được nghe. Ngài là người nghiêm trì giới tỳ-kheo, trước đây có một lần ngài chuẩn bị xây quan phòng, chuẩn bị bế quan. Ngài đã từng bế quan ba lần, mỗi lần ba năm. Lần đầu tiên trước khi bế quan, khi bế quan lần đầu, ở nơi a-lan-nhã, là nơi rất vắng vẻ tĩnh mịch, tìm được một mảnh đất, ngài tự xây nhà, kết quả bị rắn độc cắn, phải đưa đến bệnh viện, bác sĩ nhanh chóng dùng thuốc giải độc, muốn ngài dùng rượu để dẫn thuốc vào. Bởi vì độc vào đến mạch máu thì rất nguy hiểm, mà nếu có thể khiến thuốc giải này vào mạch máu nhanh chóng thì chính là dùng rượu, rượu là nhanh nhất, cho nên dùng rượu làm thuốc dẫn.

Kết quả hòa thượng Thanh Công của chúng ta không chịu, bởi vì ngài phải trì giới này, nên không chịu. Mọi người rất lo lắng nói rượu này cũng có khai duyên, không dùng rượu thì không thể dẫn thuốc, có thể dùng mà, ngoại trừ dùng rượu ra thì không có phương pháp khác để cứu bạn, đây là có thể dùng. Nếu có phương pháp khác để cứu thì đều phải dùng phương pháp khác, không được dùng phương pháp phạm giới. Hiện tại chính là giai đoạn nguy hiểm của hòa thượng Thanh Công, phải làm sao? Căn cứ theo luật là “bạch thầy, bạn rồi mới được dùng”, có thầy thì phải bạch thầy trước, thầy ở đâu? Khi ấy luật sư Đạo Hải vẫn còn, hòa thượng Quả Thanh là nương theo luật sư Đạo Hải học giới, cho nên khi ấy ngài gọi điện thoại cho luật sư Đạo Hải nói: “Đệ tử bị rắn cắn, bây giờ đang ở bệnh viện, bác sĩ bảo con nhất định phải dùng rượu để uống thuốc giải đó. [Con hỏi] xem thầy có thể cho phép không?” Kết quả luật sư Đạo Hải nói: “Nhanh chóng uống đi”, lúc này hòa thượng Quả Thanh mới uống.

Bạn xem tâm hộ trì giới pháp của ngài thật chân thành, dù gặp nhân duyên mất mạng đều không hủy phạm giới pháp. Tuy có thể khai duyên, nhưng đều phải như pháp để khai, không thể muốn uống là uống, vừa thấy nói có bệnh thì có thể uống, hôm nay có chút đau đầu nên nhanh chóng uống thêm vài ly, vậy là sai rồi, đây là phạm giới. Đương nhiên còn có khai duyên, chính là nếu “dùng ngoài da”, ví dụ nó có thành phần còn dễ tiêu độc, bạn có vết thương, dùng nó để tiêu độc, những việc này đều không phạm giới, không phải uống thì không phạm.

Tiếp theo giảng khoa thứ ba: “cụ duyên thành phạm”, trường hợp đầy đủ mấy loại duyên thì tạo thành phạm tội. Duyên thứ nhất “là rượu”, cảnh giới bạn đối diện là rượu. Thứ hai, “duyên không bị bệnh nặng”, lại không phải nhân duyên bị bệnh nặng, không có rượu thì không thể chữa. Dù bạn bị bệnh, bạn cũng có thể dùng phương pháp khác để chữa trị, không cần uống rượu, nhưng bạn vẫn uống. Đây chính là phạm nhân duyên không bị bệnh nặng. Thứ ba, điều kiện chính là “uống rượu”, thật sự uống rồi, tức là uống vào miệng rồi thì sẽ phạm giới. Đương nhiên nếu bạn không biết đó là rượu, mà cho rằng đó là nước trắng, như vậy mà uống, uống vào miệng mà bạn cảm thấy hình như không đúng, đây là rượu, lúc này bạn phải nhanh chóng nhổ ra. Giả như nói, đắng nào cũng vào miệng rồi, thế là liền nuốt xuống, vậy thì sẽ phạm. Cho nên khi nhổ ra vẫn không tính là phạm, uống nhầm, nhổ ra thì không phạm. Ở trong “Ngũ Giới Tướng Kinh Tiên Yếu” còn nói thêm một duyên, chính là “nghĩ là rượu”, là rượu, bạn vẫn cho rằng nó là rượu, như

vậy uống vào sẽ phạm. Giả sử bạn không biết là rượu, uống rồi cũng không biết, vậy thì cũng không tính là phạm.

Khoa thứ tư chính là “phạm tửu xử đoán”, phạm giới uống rượu thì xử lý, phán đoán như thế nào? Căn cứ theo văn của đại sư Ngẫu Ích: “Phạm là màu rượu, mùi rượu, vị rượu, hoặc thiếu một duyên hay hai duyên, uống rồi có thể khiến người say thì phạm tội căn bản bậc trung có thể sám hối”. Nghĩa là phạm là có màu sắc của rượu, mùi hương của rượu, vị của rượu, hoặc thiếu một loại hoặc thiếu hai loại, ý nói là chỉ có màu rượu mà không có mùi rượu, vị rượu v.v., thiếu một loại hoặc thiếu hai loại nhưng sau khi uống vào có thể khiến người say thì đều phạm, phạm tội bậc nào? Bậc trung có thể sám hối. Tội này có thể sám hối, bậc trung, sẽ không phá giới, không phá giới căn bản, nhưng tội này cũng phải khẩn thiết sám hối. Uống vào sẽ phạm tội căn bản, đã tạo thành tội căn bản này rồi. Nếu muốn uống, cầm ly rượu lên, trước khi chưa đưa vào miệng, thì đều tính là tội phương tiện. Tội phương tiện thuộc về tội bậc hạ.

Ở đây nói “muốn uống nhưng chưa nuốt”, tức là muốn uống nhưng chưa nuốt vào, chưa nuốt xuống, đây đều thuộc về tội phương tiện bậc hạ có thể sám hối. Nếu “phạm là màu rượu, mùi rượu, vị rượu, uống vào nhưng không làm người say”, loại này cũng sẽ phạm tội tương đương bậc hạ có thể sám hối, tội căn bản nhưng nó là tội tương đương, nó không giống với trường hợp loại rượu uống vào có thể khiến người say. Nói cách khác, bạn vẫn vì tham màu, hương, vị của loại rượu này mà uống. Ví dụ bạn không phải vì tham màu, hương, vị của rượu, uống rồi cũng không say, bạn không có tâm tham rượu thì cũng sẽ không phạm. Ví dụ chúng ta uống men, phương pháp sản xuất men có chút giống với rượu, nó cũng phải lên men, nhưng nó không làm người say, bên trong nó không có cồn, cho nên uống loại này tức là bạn cũng không phải vì muốn uống mùi vị của loại rượu đó nên mới uống men, vậy thì sẽ không phạm.

Tiếp theo giảng khoa lớn thứ năm: “tiêu cảnh tượng”, chuyển suy nghĩ trước cảnh giới. Ở đây tôi căn cứ theo “Giới Bản Số” của luật tổ Đạo Tuyên trong Tam Đại Bộ, hoặc cảnh tượng của “Tỳ-kheo Giới Tướng Biểu Ký”, có khác với một số lời cổ đức nói, bao gồm khi hòa thượng Thanh Công giảng điều giới này, ngài có thể không dùng chú giải của Tam Đại Bộ, cho nên phương diện này có một số khác biệt, chúng ta sẽ căn cứ theo Tam Đại Bộ, trực tiếp căn cứ theo Luật tạng để nói.

Ví dụ nói “là rượu - nghĩ là rượu”, uống rồi thì đương nhiên phạm tội căn bản bậc trung. Nếu “là rượu - nghĩ là rượu”, hoặc “là rượu - nghĩ không phải rượu” nó là rượu nhưng bạn hoài nghi có phải rượu không hay là nước trắng? Như vậy rồi uống. Hoặc “là rượu - nghĩ không phải rượu”, bạn cho rằng nó là nước trắng, bạn cũng không hoài nghi rồi uống. Đương nhiên đây là có tâm tham uống rượu này, bạn cầm chiếc chén này lên, “dù sao nó cũng không phải rượu”, bạn liền uống, nhưng bạn có tâm muốn uống rượu đó, như vậy rồi uống; dù bạn khởi “ý nghĩ không phải rượu” hoặc “nghĩ là rượu”, uống rồi thì vẫn phạm căn bản, bởi vì bạn uống vào thì hiệu quả giống nhau. Giống như vị ưu-bà-tắc kia, ông uống chén nước trắng đó, tôi tin rằng sau khi uống vào, ông chắc chắn cũng cảm giác đây là rượu, không thể thuần túy là nước trắng được, ông vẫn nuốt xuống, nó liền phát tác, ông liền phá bốn điều giới phía trước. Cho nên ở đây không luận chuyển cách nghĩ, chỉ cần nó “là rượu”, bất luận bạn “nghĩ là rượu” hay “nghĩ là rượu”, hay “nghĩ không phải rượu” đều có tội như nhau, chỉ cần uống vào thì sẽ phạm.

Điểm này có mối quan hệ giống với cảnh tượng của giới dâm, điều này khác với giới giết, giới trộm, giới nói dối. Ví dụ ba điều giới giết, trộm, dối, nếu là người, bạn nghĩ là người, bạn hoài nghi họ có phải là người không? Rồi giết họ, điều này không phạm tội căn bản, không phạm tội căn bản bậc thượng. Hoặc nghĩ là phi nhân, họ là một người nhưng bạn tưởng họ là một khúc gỗ rồi chém một dao, việc này không phạm tội căn bản, tức là tội bậc thượng. Trộm cũng như vậy, ví dụ tưởng là vật của phi nhân thì bạn không phạm trọng tội bậc thượng. Nhưng giới dâm thì khác, giới dâm là đường dâm mà nghĩ không phải đường dâm. Đó là đường dâm chính thức, tức là nữ ba vị trí, nam hai vị trí, chỉ cần chạm vào bằng đầu sợi lông, dù bạn không nghĩ là đường dâm, bạn cho rằng đó không phải là đường dâm, nhưng bạn để vào thì liền phạm, bất luận bạn chuyển suy nghĩ, dù bạn có chuyển suy nghĩ, có hoài nghi thì cũng phạm như vậy. Rượu cũng như thế, bạn chỉ cần uống vào, đương nhiên bạn có cái tâm uống rượu đó, bạn uống vào rồi, dù khi bạn uống mà nghĩ nó không phải rượu, phi tửu tượng, hoặc có hoài nghi, nó có phải rượu không? Rồi uống thì đều là tội giống nhau, đều là tội căn bản bậc trung, cho nên điểm này là chỗ không giống nhau.

Giả sử nói không phải rượu, nó không phải rượu, ví dụ là men, nhưng bạn nghĩ là rượu, hoặc nghĩ không phải rượu, hoặc nghĩ không phải rượu, nhưng bạn có tâm muốn uống rượu, thì dù nó không phải rượu mà nó là nước trắng, hơn nữa bạn

có tâm muốn uống rượu rồi thì dù bạn nghĩ nó không phải rượu, bạn cho rằng nó không phải rượu, uống rồi thì vẫn phạm tội bậc hạ, có nghĩ thì cũng phạm tội bậc hạ. Nghĩ là rượu, bạn nghĩ nó là rượu rồi uống vào thì cũng là bậc hạ, bởi vì bản thân nó không phải rượu.

Vâng hôm nay hết thời gian rồi, chúng tôi giảng đến đây trước, A-di-đà Phật!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạc lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 17

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 13/7/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành! Chúng ta tiếp tục xem điều thứ năm là “không uống rượu” của giới sa-di.

Buổi học trước giảng đến khoa thứ năm là “tiêu cảnh tượng”. Hôm nay bắt đầu giảng khoa thứ sáu là “minh khai duyên”, nói rõ điều giới này trong trường hợp nào thì có thể khai duyên. Trong luật có mấy trường hợp như sau:

Thứ nhất, “khi ăn không biết có rượu nên ăn nhầm”, tức là trong đồ ăn thức uống có rượu nhưng chúng ta không biết, uống rồi cũng không cảm nhận thấy thì đây thuộc về uống nhầm, vậy thì không phạm. Ví dụ khi nấu đồ ăn bỏ một chút rượu để làm gia vị, ăn vào cũng không nhận ra, như vậy thì không phạm.

Khai duyên thứ hai, “hoặc dùng rượu để nấu đồ, đã mất đi tánh rượu, người uống không bị say”. Dùng rượu để nấu đồ, rượu vừa nấu thì còn liền bị bốc hơi mất, mất đi tánh rượu, cho nên uống vào cũng không bị say, điều này cũng không phạm. Ví dụ nếu khi chúng ta làm men, hoặc làm thực phẩm gì đó lên men, ví dụ lên men quá đà sinh ra cồn, vậy thì chỉ cần đem nó đi nấu qua là tánh rượu sẽ không còn nữa, cũng sẽ không phạm giới này.

Thứ ba, “khi bị bệnh, các thuốc khác đều trị không khỏi, phải dùng rượu để làm thuốc”. Khi bị bệnh, ngoài dùng rượu làm thuốc dẫn ra các phương pháp khác đều trị không khỏi bệnh của bạn, vậy thì lúc này có thể cho phép dùng rượu. Nhưng

căn cứ theo Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu nói thì cũng cần phải bạch với thầy hoặc bạn rồi mới được dùng, báo cáo với đại chúng một chút.

Thứ tư là “dùng rượu để bôi vết thương”, tức là dùng bên ngoài, bôi lên vết thương, rượu giống như cồn, đều có thể khử trùng.

Thứ năm là “tâm cuồng loạn”, mỗi một điều giới đều có khai duyên này. Giả sử tâm bị điên cuồng, cuồng loạn mà tạo ra hành vi phạm giới thì cũng không tính là phạm giới.

Được rồi chúng ta xem khoa thứ bảy, khoa thứ bảy nói “uống rượu có mười lỗi”.

Căn cứ theo giải thích của luật Tứ Phần trong Tam Đại Bộ của luật sư Linh Chi, có một bộ là “Hành Sự Sao Tư Trì Ký” trích dẫn luật Tứ Phần có nói rằng: *“Nếu đã thờ ta làm thầy thì thậm chí là dùng đầu ngọn cỏ nhúng một giọt rượu để đưa vào miệng cũng không được, cho nên nói rượu có mười loại tội lỗi”*. Đây là Phật tự nói ra, nếu đệ tử đã coi ta là thầy, bất luận là tại gia hay xuất gia. Người tại gia đã thọ tam quy ngũ giới mới có thể gọi là đệ tử Phật, trong ngũ giới có không uống rượu, xuất gia thì càng cần phải cấm rượu. Nếu đệ tử Phật uống rượu, nói cách khác, không có tư cách là đệ tử Phật, đây là một người phá giới, cho nên nói “thậm chí”, thậm chí tức là điều nhỏ bé nhất cũng không được phạm, “đầu ngọn cỏ cũng không được”, như cây cỏ, cây cỏ rất nhỏ, “nội tửu trung” nghĩa là nhúng một giọt rượu, trên đầu ngọn cỏ còn sót lại một chút xíu phân tử rượu trên đầu ngọn cỏ, bạn cũng vì tham mùi rượu đó nên bỏ ngọn cỏ ấy vào miệng để nếm vị rượu ấy, đây gọi là “dùng đầu ngọn cỏ nhúng một giọt rượu để đưa vào miệng”, như vậy là đã phạm giới rồi.

Cho nên, Phật nói cho chúng ta uống rượu có mười loại lỗi lầm, mười loại nào vậy? *“Một, dung mạo xấu xí; hai, khí lực yếu ớt; ba, thị lực mờ tối; bốn, lộ ra tướng sân giận; năm, phá hoại gia nghiệp; sáu, dễ mắc bệnh; bảy, dễ gây ra kiện tụng đấu tranh; tám, không có danh tiếng; chín, ít trí tuệ; mười, mạng chung đọa vào ba đường ác”*. Ở đây Phật nói đến mười loại tội ác.

Thứ nhất là dung mạo xấu xí. Đây là nói đến sắc mặt, uống rượu thì toàn mặt đều đỏ ửng lên, vừa nhìn liền biết đây là một con ma men, sắc mặt rất khó coi, rất xấu.

Thứ hai chính là khí lực yếu ớt, sau khi uống rượu, thậm chí ngay đến bước đi cũng không có khí lực, lão đảo xiêu vẹo. Đây đều là thân thể không cách gì chống đỡ được, không có oai nghi.

Thứ ba thị lực mờ tối, người uống rượu nhiều thì mắt sẽ bị mờ, nhìn không rõ vật, cho nên lái xe rất nguy hiểm. Hiện nay, chúng ta đều biết còn làm tổn thương gan, uống nhiều rượu thì gan nhất định sẽ bị bệnh. Gan khai khiếu ở mắt, gan ở trong, mắt ở ngoài, trong ngoài tương thông với nhau, cho nên gan khỏe thì mắt có thể sáng. Nếu gan tổn thương thì cũng tổn hại mắt.

Thứ tư là lộ ra tướng sân giận, sau khi uống rượu xong thường hay nổi nóng, nổi giận.

Thứ năm là phá hoại gia nghiệp, uống rượu đều thường say bí tỉ, không làm nổi việc gì, cho nên làm tổn hại gia nghiệp, thậm chí phá hoại hết gia sản, thân thể tài vật đều bị tổn hại, những vật dụng phục vụ cho thân thể cũng bị giảm bớt.

Thứ sáu là dễ mắc bệnh, nhiều bệnh tật. Rượu không chỉ hại gan mà còn hại tim, gan là đại tướng trong ngũ tạng, tim là vua. Giống như một triều đình, nếu vua bị giết, chủ tướng cũng bị giết, vậy thì triều đình này nhất định sẽ bị diệt vong. Thân thể cũng như vậy, lục phủ ngũ tạng đều sẽ bị tổn hại, thân thể sẽ nhiều bệnh.

Thứ bảy là dễ gây ra kiện tụng đấu tranh, tức là thường hay đấu tranh, kiện tụng với người khác, uống rượu thường thích đấu tranh với người, vậy thì thường sẽ bị thâm vắn ở công đường, tranh tụng lẫn nhau. Chu Tử Trị Gia Cách Ngôn nói: “Trong nhà tránh tranh tụng, tranh tụng ắt kết cục xấu”, đi kiện cáo cuối cùng chắc chắn là điềm xấu, không thắng kiện, dù bạn có vẻ như thắng kiện nhưng kỳ thực vẫn là thua, bạn hao tổn tinh lực, thời gian, đều là lợi không bằng mất, càng hưởng hồ lại kết oán với người.

Thứ tám là không có danh tiếng, không có danh tiếng tốt, người thích uống rượu, chẳng ai tán thán họ là người có đạo đức, có trí tuệ, không ai tán thán họ, họ chỉ có tiếng xấu.

Thứ chín là ít trí tuệ, uống nhiều rượu thường mê muội, hồ đồ, không có lý trí, cho nên trí tuệ ít ỏi.

Thứ mười là mạng chung đọa vào ba đường ác, bởi vì thường tích lũy nghiệp mê muội cho nên tương lai nhất định sẽ hôn mê điên đảo, nên sẽ vào ba đường ác. Ví dụ tỉnh táo rõ ràng mà ra đi thì sẽ không đọa ba đường ác. Người đọa ba đường

ác đều là hồ đồ mà ra đi. Nếu không hồ đồ thì họ làm sao chịu vào ba đường ác chứ, đúng không? Họ chắc chắn hồ đồ thì mới vào ba đường ác, người không hồ đồ đều hy vọng vào ba đường thiện.

Cho nên, mười loại tội lỗi này đều rất rõ ràng, đều là sự thật bày ra trước mắt chúng ta. Những đau khổ mà uống rượu mang đến giống như lửa đang thiêu đốt thân thể vậy. Cho nên người thế tục ngu si, họ đưa ra một luận điệu nói rằng uống rượu có thể giúp thân thể khỏe mạnh. Việc này rất ngu si, không biết bản thân rượu có nguy hại rất lớn. Điều giới này chúng tôi đã giảng xong rồi. Tiếp theo chúng ta xem điều giới thứ sáu là *“không đeo tràng hoa thơm, không bôi ướp hương lên thân”*.

Những điều này đều thuộc về giới ở phương diện oai nghi, nhưng rất quan trọng. Chỗ khác biệt giữa người xuất gia và người tại gia là ở những oai nghi này. Chúng ta xuất gia, đặc biệt vừa mới xuất gia, vừa thọ giới thì phải cố gắng làm tốt những oai nghi này, vậy mới có thể siêu phàm thoát tục, bằng không mà nói, khi xuất gia nhiều năm rồi thì những tập khí này sẽ rất khó sửa được. Không chú trọng oai nghi thì không thể hiện lộ được đức tướng là bậc thầy mô phạm của trời người, khó mà khiến người tại gia sanh khởi tâm cung kính. Càng hướng hồ những oai nghi này cũng giúp kiểm chế thân tâm của chúng ta, giúp bồi dưỡng chánh niệm xuất thế của chúng ta. Người tại gia trì bát quan trai giới cũng đều cần những oai nghi này, càng hướng hồ những đồng học xuất gia như chúng ta. Bất luận là tỳ-kheo, sa-di đều cần phải trì giữ. Được rồi, chúng ta xem điều thứ sáu, mời đọc giới văn trước:

“Sáu, không đeo tràng hoa thơm, không bôi ướp hương lên thân, kết hoa thành tràng, trang điểm lên thân dầu, đeo túi thơm, đánh phấn trang điểm, đều là tâm thái của những nam nữ diêm dúa phóng dật, không thích hợp với người xuất gia”.

Giới văn này không dài, chúng tôi chia làm ba khoa để nói. Khoa thứ nhất “lược thích danh đề”, giải thích đơn giản một chút về tên điều giới này. *“Không đeo tràng hoa thơm, không bôi ướp hương lên thân”*, điều giới này là để phòng ngừa giới dâm, gọi là ngăn chặn từ trước. Bởi vì nếu chúng ta phóng dật oai nghi, hơn nữa dùng những đồ trang sức như: tràng hoa thơm, dầu thơm v.v., rất ưa thích tô điểm thân thể của mình, đây đều là đang tăng trưởng tâm dâm dục của chính mình. Thật sự muốn xuất ly thì nhất định phải nhìn thấu thân thể này, thứ nhất nó không phải là ta, thứ hai nó không thanh tịnh, bất luận bạn dùng bao nhiêu hương thơm để tô điểm cho nó

thì bản chất của nó vẫn là dơ bẩn. Chỉ có thật sự dùng hương giới đức để trang nghiêm thân thể này thì mới có thể tỏa ra hương thơm chân thật của giới định.

Ở đây nói đến “tràng hoa” là một đồ trang sức, bởi vì ở Tây Độ, tức là Ấn Độ họ thích dùng hoa kết thành tràng, có thể đội lên đầu, hoặc đeo lên cổ. Chúng tôi từng đi Ấn Độ tham học, quả thực người Ấn Độ họ đều thích đeo tràng hoa. Khi du lịch ở một thắng cảnh, họ đều dùng rất nhiều hoa tươi kết thành tràng hoa, sau đó rao bán cho khách du lịch ở ven đường, bán cho khách du lịch, cũng rất rẻ, có thể mua một chuỗi, có thể mua về cúng dường Phật. Điều này có thể được, nhưng không phải cúng dường cho mình. Người xuất gia càng không được, tại gia đương nhiên không bị điều này ràng buộc.

Bôi ướp hương lên thân là nói dùng các loại dầu thơm, nước hoa, cũng bao gồm các loại đồ trang sức, tràng hoa là bao gồm các loại đồ trang sức có thể trang nghiêm thân thể. Bạn xem như đeo dây chuyền trên cổ, đeo hoa tai lên tai, còn có đeo vòng tay, đeo anh lạc. Người Ấn Độ rất thích dùng các loại bảo vật xâu thành một chuỗi anh lạc đeo lên trên ngực. Có khi chúng ta thấy tượng Bồ-tát, trên ngực các ngài đều đeo anh lạc. Bồ-tát đại diện cho Đại thừa, không giống với Thanh văn. La-hán bên Thanh văn, trên thân các ngài tuyệt đối không đeo anh lạc. Bạn xem, họ vẽ tượng Thanh văn hoàn toàn là oai nghi của chúng xuất gia. Đây đều là biểu pháp, nhưng Bồ-tát Đại thừa thì khác, các ngài có thể đội mũ hoa, đeo anh lạc, điều này đều có thể được. Bởi vì Bồ-tát đại thừa là nhập thế, có thể thuận theo thế tục, có thể nhiếp thọ chúng sanh.

Nhưng chúng xuất gia chúng ta biểu hiện tướng oai nghi đều phải phù hợp với bốn phận của mình, chúng ta hiện tướng Thanh văn thì phải dùng luật Thanh văn để trang nghiêm bản thân, nhưng tâm của chúng ta phải là tâm đại thừa, không phải là tâm Tiểu thừa của Thanh văn, không chịu độ chúng sanh, chỉ lo tự độ mình, điều này không được. Trong khi tiếp dẫn chúng sanh thì chúng ta có phương pháp của chúng ta. Nếu là Bồ-tát tại gia thì họ có thể đeo, đương nhiên nếu ngày nào giữ bát quan trai giới thì không được đeo. Đây là tôn trọng luật pháp của Thanh văn. Tất cả những đồ trang sức này đương nhiên người xuất gia chúng ta đều không được đeo. Đương nhiên có khi, ví dụ như tham gia một số hội nghị, ví dụ hội nghị yêu cầu đeo thẻ, trên thẻ có khi kèm theo một bông hoa nhỏ. Đó là vì hội nghị yêu cầu mỗi một người đều như vậy. Điều này thì không sao, nó là một cái thẻ ghi tên chứ không phải một vật để trang nghiêm thân thể.

Dầu thơm là bao gồm tất cả đồ vật có hương thơm, giống như túi thơm, người thời xưa thích đeo túi thơm. Túi thơm này nếu dùng đàn hương, dùng trầm hương, những hương này thì có thể được, nhưng không thể dùng các loại mỹ phẩm có mùi hương như hiện nay, người những mùi hương ấy có tính kích thích, thậm chí có một số mùi hương đều có thể khơi dậy dục vọng của con người, những loại này thì tuyệt đối không được đeo. Tắm rửa cũng không được dùng xà bông thơm, sữa tắm có mùi thơm, còn người tại gia thọ bát quan trai giới dùng dùng dầu gội đầu có mùi thơm, có thể dùng loại không mùi, hiện nay trên thị trường đều có. Tất cả đồ trang điểm đều không được dùng, nhưng nếu để trị bệnh, ví dụ mùa đông tay bạn bị nứt nẻ thì có thể thoa một chút glycerin, những loại thuốc chăm sóc da này thì có thể dùng, đương nhiên cố gắng dùng dùng những loại có mùi hương. Ở những quốc gia Nam truyền, người xuất gia đều không đeo đồng hồ, bởi vì có người cho rằng đồng hồ cũng là một đồ trang sức. Đương nhiên điều này là xem bản thân mình, bởi vì thời đại của Phật không có đồng hồ, trên luật không nói điều này. Đương nhiên nếu bạn không đeo thì ngay đến tỳ-kheo Nam truyền cũng không cách gì bới móc khuyết điểm của bạn được. Đây là giới thiệu đơn giản về tên đề này.

Tiếp theo, chúng ta đến “tùy văn thích nghĩa”, khoa thứ hai chính là căn cứ theo giới văn này để giải thích ý nghĩa. “*Kết thành tràng hoa, trang điểm lên thân đầu*”, cũng chính là tràng hoa, lấy hoa kết thành chuỗi, xâu lại đeo lên thân hoặc trên đầu, đây gọi là tràng hoa. “*Đeo túi thơm, đánh phấn trang điểm*”, đeo những túi nhỏ có hương thơm. Thời xưa, những tầng lớp sĩ đại phu có người họ sẽ đeo những thứ này, phụ nữ cũng đeo, đặc biệt là khu vực thời tiết nóng nực, ví dụ ra nhiều mồ hôi thì trên người đều có một số mùi khó ngửi, cho nên có người đeo những túi thơm này. Điều này giống với người hiện nay chúng ta dùng nước hoa, ngay đến người nam đều có nước hoa. Trước đây tôi ở Mỹ 8 năm, ở Mỹ nước hoa dành cho nam giới cũng rất nhiều, vì sao vậy? Bởi vì người Mỹ ăn thịt nhiều, cho nên trên người tỏa ra mùi mồ hôi rất nặng, bắt buộc phải dùng nước hoa để che đi, tức là đánh lừa cái mũi của mình, dùng những thứ hương giả đó để che giấu đi mùi hôi thật của mình.

Còn có “*đánh phấn trang điểm*”, dùng son, phấn nước, đồ trang điểm hiện nay đủ thứ kỳ lạ, loại gì cũng có, lông mày, lông mi, phấn nền các lớp, mỗi một lớp trên mặt, tôi cũng không rõ là thoa cái nào trước, thoa cái nào sau, sau đó còn bôi lên môi. Các loại đồ trang điểm này thì người nữ dùng tương đối nhiều, nữ chúng xuất

gia đều không được dùng những thứ này, đương nhiên nam chúng càng không được dùng.

Những thứ trang điểm dung mạo này, dùng những mỹ phẩm, hương liệu này đều là “*tâm thái của những nam nữ diêm dúa phóng đảng*”. Sĩ chính là người nam, thời xưa tầng lớp sĩ đại phu không phải là người dân lao động, bình thường họ không cần đi làm, không cần xuống ruộng làm việc, những công tử có tiền, nhà giàu, cả ngày chơi bời lêu lổng, không có việc gì làm, chỉ chơi chim, đá dế, uống rượu, những hạng người như công tử bột, công tử nhà giàu này mới đeo những thứ này, người dân lao động sẽ không đeo. Phụ nữ thì tương đối thích trang điểm, đặc biệt là người nữ phóng đảng. Bạn xem hiện nay rất nhiều, đặc biệt mặc những y phục mà ngày càng ít vải, nhìn thấy quả thực là..., dù sao thì những bậc chánh nhân quân tử nhìn thấy rất chán ghét. Những người xấu, người nhiều tà niệm nhìn thấy sẽ sanh rất nhiều ảo tưởng, cho nên những điều này đều là thái độ diêm dúa phóng đảng. Yêu chính là loại trạng thái diêm dúa, phóng dật. Chánh nhân quân tử, thực nữ tại gia, thực nữ là gì? Là người nữ có phẩm hạnh tốt đẹp, không phải nói người nữ có dung mạo xinh đẹp, vóc dáng đẹp, không phải vậy. “Yêu điệu thực nữ”, rất nhiều người đều giải thích nhầm, giải thích cho đó là người nữ xinh đẹp thon thả, hoàn toàn khiến Khổng lão phu tử phải rơi nước mắt. Khổng lão phu tử chọn bài đầu tiên là “Quan Cưu” trong Thi Kinh, nói yêu điệu thực nữ là nói người nữ có mỹ đức, phẩm chất tốt đẹp, không phải nói vóc dáng, không phải nói dung mạo. Như vợ của Gia Cát Lượng rất xấu, da rất đen, nhưng phẩm đức của bà rất tốt, cho nên Gia Cát Lượng đã lấy bà. Gia Cát Lượng là người đẹp trai mà lấy về một người phụ nữ xấu xí. Ông xem trọng mỹ đức, chứ không xem trọng ngoại hình. Người hiện nay đều tôn sùng vẻ bề ngoài, không xem trọng phẩm đức.

Cho nên người xuất gia chúng ta chẳng những không được trang sức cho vẻ bề ngoài, mà còn phải trừ bỏ đi tâm tham cái đẹp, cho nên vì sao phải cạo tóc, bởi vì tóc sẽ khiến bạn tạo ra rất nhiều kiêu dáng, đặc biệt là người nữ. Bạn xem tóc chính là một môn học vấn, phải nhuộm thế nào, phải tạo hình gì, đúng không? Người nam hiện nay cũng vậy, có một số người đầu tóc quái dị, tạo thành hình giống như mào gà vậy. Dù sao thì hiện nay đủ thứ kỳ quái, không thiếu cái lạ. Nếu không có tóc thì họ không còn những vọng tưởng này nữa, điều này tốt. Bao gồm cả nữ chúng, bạn xem tỳ-kheo-ni, sa-di-ni đều không có tóc nên sẽ không có thái độ diêm dúa phóng đảng đó.

Y phục mặc trên người đều rất giản dị, gọi là áo nâu sồng, y hoại sắc, người xuất gia chúng ta đều không thể mặc y chánh sắc. Thế nào là chánh sắc? Đỏ, lam, vàng, trắng, đen, đây là chánh sắc, chúng ta không mặc những màu này. Nếu thuần màu trắng thì nên làm thế nào? Phải nhuộm. Trước đây, khi tôi vừa đến tinh xá Chánh Giác để học giới. Khi ấy, bởi vì có một số y phục mặc ở bên trong là khi tại gia vẫn luôn mặc, cảm thấy dù sao mặc ở bên trong cũng không vấn đề gì, nhưng sau này học giới rồi thì không được, chúng tôi không được mặc y chánh sắc, mà phải nhuộm màu, tôi liền tự lấy thuốc nhuộm để nấu, đem y phục đó nấu ở trong thuốc nhuộm để nhuộm, cho nên đều nhuộm qua rất nhiều, đều đem những y phục trước đây đi nhuộm, nhuộm thành hoại sắc. Giống như màu mộc lan, như màu đồng xanh, màu xám đen, như màu chiếc áo hải thanh này của chúng tôi chính là xám đen, mộc lan thì giống như chiếc áo ca-sa mà hiện tại chúng tôi đang mặc, rất nhiều người đều là màu mộc lan, có chút màu đỏ. Còn có màu đồng xanh, loại ca-sa này tương đối ít. Hòa thượng Quả Thanh có một chiếc ca-sa màu đồng xanh. Đây đều là trừ bỏ đi tâm thái diêm dúa phóng dăng của chúng ta.

Khi chúng ta mặc đồ đều rất trang nghiêm, rất nghiêm túc thì tự nhiên tâm của chúng ta liền có thể thu nhiếp, bạn có chánh niệm thì mới có thể tu đạo. Nếu cả ngày đều tính toán lo nghĩ về bề ngoài của mình, vậy thì bạn làm sao có thể tu đạo được? Cho nên đây đều “*không thích hợp với người xuất gia*”, không phải là việc mà chúng ta nên làm. Người tại gia thọ trì bát quan trai giới cũng nên mặc đồ rất giản dị, đừng mặc những trang phục diêm dúa lòe loẹt đó, nên mặc những đồ rất trang nghiêm, cố gắng đừng hở hang quá nhiều, đặc biệt là nữ chúng. Như chùa chúng ta đây, bây giờ là mùa hè, có khi nhìn thấy một số nữ chúng từ bên ngoài vào, mặc đồ hở quá nhiều, những nghĩa công nữ của chúng ta đều đến nói với họ, bảo họ trở về thay bộ khác, đừng ở đây, rất không phù hợp với đạo tràng trì giới này. Làm vậy là đúng, bởi vì mặc quá hở hang, trên thực tế là hại người cũng hại mình. Bạn để người khác sanh khởi tà niệm, đây là hại người, cũng sẽ gây ra rất nhiều phiền phức cho mình, thậm chí là nguy hiểm.

Đã giảng xong phần văn tự này rồi, chúng ta xem khoa thứ ba là “ý nghĩa chế giới”, vì sao Phật phải chế điều giới này? Bao gồm người tại gia thọ bát quan trai giới cũng chế định điều giới này. Căn cứ theo “Luật Tứ Phần Tân Sớ”, đây là do luật sư Đông Thập Hoài Tổ người triều Đường trước tác. Bộ sớ này có một chú giải gọi là “khai tông ký”, trong này có nói: Xuất gia tu đạo, quán thân bất tịnh đặc biệt sanh

tâm chán lìa, nhất định phải dứt hết tà tâm. Đột nhiên muốn làm phụ nữ trang nghiêm, lấy hương bôi thoa để thân thể thơm tho sạch sẽ, lún sâu trong tình cảm, tâm ý phóng dật, đã mất đi tâm tôn kính, khiến người chê cười, tổn đức, tích lũy nhiều họa hại không gì hơn điều này. Ý nói người xuất gia chúng ta tu học thánh đạo, bao gồm người tại gia vào ngày thọ bát quan trai giới thì cũng là một người xuất gia, làm người xuất gia một ngày một đêm, ngày hôm đó nên cố gắng tu học thánh đạo. Như kinh Vô Lượng Thọ nói, khi có thời gian rảnh thì “tuyệt dục bỏ lo lắng, tâm từ tinh tấn”. Bình thường rất bận rộn, ngày hôm đó có thời gian rảnh rồi thì nên nắm chắc cơ hội này tu đạo xuất thế một ngày, vì việc vãng sanh của mình mà bồi dưỡng tư lương, nên “quán thân bất tịnh”, quán tưởng thân thể của mình và người khác đều là bất tịnh. Quả thực là như vậy, trước đây chúng tôi cũng đã giảng về “quán bất tịnh” rồi, thân thể chứa đầy 36 loại bất tịnh, từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới đều không sạch sẽ, hôi thối, thường xuyên quán chiếu như vậy thì có thể sanh khởi tâm chán lìa. Trong Đại Trí Độ Luận nói “quán thân bất tịnh”, liệt kê cho chúng ta năm loại bất tịnh, ở đây tiện thể cũng nói qua một chút.

Loại thứ nhất là “chủng tử bất tịnh”, là nói chủng tử của thân thể chúng ta là không thanh tịnh, bởi vì khi thức thứ tám của chúng ta đầu thai, ôm lấy tinh cha huyết mẹ làm vật dẫn cho sanh mạng của mình. Đây là chủng tử không thanh tịnh, hơn nữa khi ra đời, 10 tháng mang thai đến khi sinh ra cũng sinh ra từ sản môn, đây là uế đạo, sinh ra từ con đường dơ bẩn này.

Thứ hai là “nơi ở bất tịnh”, là nói thân thể của chúng ta vốn ở trong thai mẹ. Thai mẹ là nằm dưới sinh tạng và nằm trên thực tạng. Trong Phật pháp nói sinh tạng là chỉ người mẹ ăn thức ăn vào nhưng chưa tiêu hóa, nằm ở những cơ quan như vậy. Thực tạng chính là chỉ những thức ăn người mẹ ăn vào đã tiêu hóa rồi.

Như vậy để phán là sinh và thực, vào thực tạng rồi thì sẽ trở thành phân và nước tiểu. Căn cứ theo sách Thuật Học Ngữ Lục của lão giáo thọ Lý Bình Nam, có một chương là “sinh thực tạng khảo”, tức là khảo chứng vấn đề sinh tạng, thực tạng mà Phật pháp nói. Kết luận nói rằng sinh tạng có lẽ chính là dưới ruột non, thực tạng chính là trên đại tràng, hoặc sinh tạng, thực tạng hợp lại chính là chỉ đại tràng, bởi vì đại tràng tương đối dài. Đương nhiên sinh lý giải phẫu hiện nay nhìn đều rất rõ ràng. Tử cung của người mẹ đại khái nằm ở vị trí của đại tràng. Những thứ ở trong đại tràng đương nhiên đều là phân và nước tiểu. Trên cơ bản là chúng ta ở cùng phân và nước tiểu của mẹ 10 tháng, cho nên chỗ ở bất tịnh.

Cái bất tịnh thứ ba là “đương thể bất tịnh”, là nói thân thể của chúng ta bất luận là ở trong thai mẹ trước khi chưa ra đời, hay là đã sinh ra, hay là trưởng thành rồi, mãi cho đến già, những vật chất kết cấu thành cơ thể đều là bất tịnh. Gọi là do tứ đại *đất, nước, gió, lửa* tạo thành, nhưng tứ đại này tự nhiên sẽ hình thành vật bất tịnh. Thân thể, ví dụ nói da sẽ có mồ hôi, mồ hôi thì không sạch sẽ. Bạn xem hai, ba ngày không tắm thì không được, thân thể hôi không thể ngủ, bài tiết ra nước tiểu, phân, những thứ này đều rất không thanh tịnh; còn nữa, bên trong có các loại máu, dịch, phân nước tiểu, còn có các cơ quan, trên thực tế đều rất không sạch sẽ, rất hôi thối. Bạn xem thân thể chúng ta mỗi ngày phải tắm rửa mà mỗi ngày vẫn không sạch, không phải nói tôi tắm 1.000 lần thì thân thể đó cuối cùng cũng tắm sạch, sau này sẽ không biến thành hôi dơ nữa, không phải vậy. Cho nên trong kinh nói “lấy hết nước biển tắm rửa thân này thì cũng không thể khiến nó thơm sạch được”, dù bạn lấy hết nước biển Thái Bình Dương để rửa, rửa sạch rồi, tắm rửa sạch thân thể rồi, khi tắm rửa thì sạch, nhưng qua không bao lâu nó lại bắt đầu không sạch nữa, cho nên không cách gì sạch được, đây gọi là thể ngay lúc ấy đã bất tịnh.

Loại thứ năm là “rốt ráo bất tịnh”, tức là quan sát thân thể này của chúng ta khi chết thì dần dần trương lên, thối rữa, nước vàng chảy ra, thối không thể ngủ, lúc này phải nhanh chóng dùng một ngọn lửa để thiêu nó, sau khi thiêu xong trở thành tro cốt thì còn tốt một chút. Giả dụ thân thể này không bị thiêu thì nó sẽ sinh ra rất nhiều trùng, các loại dòi bọ sẽ ăn thân thể này đến không còn hình người nữa, hoặc tự thối rữa, dù sao thì tất cả đều chứng minh thân thể là cực kỳ bất tịnh, là hôi thối, cho nên trong kinh nói “*khó điều khiển, chẳng thể quay lại, bỏ ân như trẻ nhỏ*”. Chúng ta đối với thân thể này đều rất tốt. Bạn xem từ nhỏ đến lớn chúng ta yêu thương thân thể của mình biết bao, dùng mọi phương pháp để trang nghiêm nó, nó có bệnh chúng ta chăm sóc nó, sau đó nó mệt chúng ta cố gắng để nó nghỉ ngơi, đôi thì cho nó ăn, tận tâm tận sức bảo vệ nó, nhưng nó rất khó điều khiển, rất khó kiểm soát, bạn không thể khiến nó không bệnh, bị phong hàn cảm mạo, đây là điều khó tránh khỏi. Nếu bị bệnh nặng thì càng khiến bạn khổ sở hơn, bạn cũng không thể khiến nó không già, luôn là ngày hôm sau già hơn ngày hôm trước. Bạn cũng không thể khiến nó không chết, cho nên nó luôn đối đầu với bạn, rất khó điều khiển nó, không chế nó, hơn nữa thế nào? “Chẳng thể quay lại”, tức là nó không thể quay đầu, làm lại từ đầu, thân thể này, bây giờ bạn 40 tuổi rồi, bạn nói bây giờ tôi muốn quay lại từ đầu, bắt đầu từ 14 tuổi, không thể được, nó không thể quay lại được.

“Bỏ ân” tức là nó vứt bỏ ân nghĩa, bạn có ân đức lớn như vậy với nó, nó căn bản không để ý, giống như trẻ nhỏ, bạn cho nó kẹo, nó liền dùng tay cướp lấy, sau đó bạn muốn nó trả kẹo lại cho bạn, nó tuyệt đối không trả cho bạn, đây là bỏ ân, vứt bỏ ân nghĩa. Thân thể của chúng ta chính là như vậy, cho nên đừng xem thân thể là bản thân bạn. Trên thực tế nó là gì vậy? Nó là một tên giặc, nó là một con ma. Trong bốn loại ma, nó thuộc về ngũ âm ma, ngũ âm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc chính là nhục thể này, sắc cũng là ma; thọ, tưởng, hành, thức đều là ma. Thọ là bạn ham muốn cảm thọ tốt của thân thể, cảm thọ khoái lạc, không biết nó là ma, nó giày vò bạn, khiến bạn sanh phiền não, khiến bạn tạo nghiệp, bao nhiêu người vì cảm thọ khoái lạc của bản thân mình mà tạo vô vàn tội nghiệp. Còn có “tưởng”, là tâm vọng tưởng của bạn, rất nhiều người xem tâm tưởng này là chính mình, không ngờ rằng nó chính là ma. Nhận giặc làm cha, để con ma này làm chủ nhân, vậy thì chủ nhân sẽ đứng sang một bên, chủ nhân là ai? Là chân tâm của chúng ta, trong chân tâm không có tưởng, vậy chúng ta dùng vọng tưởng thì không dùng chân tâm, cho nên phải vứt bỏ vọng tưởng. Ngũ âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là ma, nhưng chúng ta luôn yêu thương nó không gì bằng. Cho nên chúng ta thật sự muốn tu học thánh đạo thì phải đối trị những tập khí này, tập khí yêu thương thân thể, vậy thì phải đối trị nó, bắt đầu từ đâu vậy? Bắt đầu từ “không đeo tràng hoa thơm, không bôi ướp hương lên thân”. Được rồi, điều giới này đã giảng xong.

Tiếp theo điều thứ bảy là *“không ca múa, biểu diễn nghệ thuật và đi xem nghe”*, chúng ta đọc đoạn giới văn này trước:

“Hát khúc ngâm thơ gọi là ca, vẩy tay nhịp chân gọi là múa, thổi tiêu đánh đàn, chơi cờ song lục, cờ vây, gieo xúc sắc cá tiền, bốc thuốc coi bói chiêm tinh, ném thẻ vào bình, bắn cung, đua ngựa, múa kiếm v.v. đều gọi là biểu diễn nghệ thuật, không phải là hành vi của người xuất gia. Cúng dường Phật thì nên bảo người khác hát, mình không nên tự hát. Tán thán Phật thì nên dùng bài kệ thanh tịnh, không nên dùng âm thanh ca hát. Thật sự đạt cảnh giới thì mới có thể làm kệ tụng. Không được học tập làm thơ vẽ tranh như những sơn nhân thanh khách. Học chữ chỉ để viết ngay ngắn, không được vì viết đẹp mà trở ngại bỏ bê chánh nghiệp xuất thế”.

Đoạn giới văn này chúng tôi chia làm hai khoa để nói. Khoa thứ nhất là “tổng thích đề nghĩa”, cũng chia làm hai khoa nhỏ để nói.

Khoa nhỏ thứ nhất là “giải thích sơ lược tên đề”. Tên đề này là “không ca múa, biểu diễn nghệ thuật và không đi xem nghe”, ca chính là ca hát, múa chính là nhảy múa, biểu diễn nghệ thuật là mọi thứ như thổi tiêu, đánh đàn, diễn tấu nhạc cụ v.v., đều gọi là biểu diễn nghệ thuật, cũng bao gồm các loại điện ảnh, kịch, ảo thuật, trò biểu diễn như hiện nay. Những thứ này đều thuộc bộ phận của biểu diễn nghệ thuật. Nếu bản thân làm, là cố ý đi làm hoặc bảo người làm để bản thân giải trí, hoặc khi người khác ca múa, biểu diễn nghệ thuật thì chúng ta cố ý đi xem, nghe, lấy những thứ này làm vui, những việc này đều là phạm giới, cho nên ca múa, biểu diễn nghệ thuật, cố ý đi xem nghe, cố chính là cố ý, vắng nghĩa là đi, đi xem, đi nghe, những việc này đều phạm tội. Chữ “không” chính là hành môn đối trị, cái có thể đối trị và cái được đối trị hợp lại gọi là “không ca múa, biểu diễn nghệ thuật và đi xem nghe”.

Khoa nhỏ thứ hai chúng ta gọi là “thiện thức khai già”, chúng ta phải biết một số phần khai duyên của điều giới này. Mười giới không phải cứng nhắc như vậy, không hiểu khai duyên, có khi qua lại với xã hội, với quần chúng sẽ lộ ra vẻ rất quái đản, xa lạ. Dù sao người xuất gia chúng ta cũng đừng để người ta cảm thấy hình như chúng ta trì giới rồi thì không phải là người thế gian này nữa, bạn phải thiện thức, tức là khéo hiểu rõ về khai duyên của mỗi điều giới. Như vậy thì trì giới cũng có thể trì được rất linh động, mà lại không phạm giới. Như Không lão phu tử là “tùy theo tâm mong muốn nhưng không vượt ra ngoài quy củ”, bất luận làm việc gì đều có thể làm được rất tự nhiên, rất tự tại, nhưng ngài không phạm giới, trì giới đến mức như vậy thì xem là đạt yêu cầu rồi, nhưng trong Đại thừa nói, trì giới đến mức nào vậy? Trong tâm không nhiễm thì mới gọi là đạt tiêu chuẩn. Bất luận bạn làm việc gì mà tâm là như như bất động, gặp cảnh không nhiễm, trong tất cả cảnh giới mà bạn không sanh tâm tham nhiễm thì chính là không phạm giới. Bởi vì phạm giới đều là luận tâm, có tâm thì sẽ có tội nghiệp, không có tâm thì sẽ không có nghiệp. Đương nhiên cảnh giới cao nhất chính là phạm và không phạm mà tâm đều là tướng tịch diệt. Phạm và không phạm là không hai, đây là nhập vào pháp môn không hai. Cho nên tỳ-kheo Kiết Tường Vân là đầy đủ giới tỳ-kheo, ngài không phạm, tâm là tịch diệt, không phạm mà không cho rằng mình không phạm. Phạt-tô-mật-đa nữ là dâm nữ, chúng ta nhìn thấy dâm nữ là phạm giới, nhưng tâm ngài cũng là tướng tịch diệt. Đây là cảnh giới tối cao trong Viên giáo Đại thừa. Đương nhiên đây không phải là cảnh giới của người thông thường chúng ta, chúng ta không được thử lung tung, thử lung tung tương laiọa địa ngục thì phiền phức rồi.

Khai già tức là khi nào thì nên khai, khi nào thì nên ngăn chặn lại. Ví dụ khi chúng ta đang đi đường, giữa đường gặp trường hợp có ca hát nhảy múa, biểu diễn nghệ thuật. Ví dụ chúng ta đang đi đường mà bên cạnh đang có người ở đó thổi tiêu, ở đó đánh đàn ghi ta, thậm chí vừa múa vừa hát thì phải làm sao? Chúng ta chỉ cần cúi đầu đi thẳng qua, đừng cố ý lưu luyến xem hoặc nghe, như vậy là không phạm giới, gọi là nghe mà như không nghe, nhìn mà như không nhìn là được rồi, không phải nói bạn nhất định phải bịt tai lại, nhanh chóng tìm cái bịt tai, nhanh chóng lấy một chiếc khăn che mắt, không phải như thế, vậy thì rất quái dị, bạn chỉ cần đừng để ý đến nó, tức là nhiếp tâm đi đường của bạn, phải hộ trì chánh niệm của bạn.

Cho nên, chúng xuất gia chúng ta, có khi chúng ta cũng sẽ ra ngoài, như chủ nhật tuần sau là ngày 24, chùa Định Quang Phật học viện ni chúng Quảng Đông, họ muốn mời tăng đoàn chúng ta đến đó, giống như thăm viếng, ở bên đó cũng cúng tăng, có mời Định Hoàng đến giảng bài về giới luật cho họ. Tăng đoàn chúng ta ra ngoài, một khi ra ngoài thì hộ giới rất quan trọng, khi đi đường phải chú ý oai nghi, mắt chỉ nhìn về phía trước 7 thước, không nhìn trái phải, nhiếp tâm chuyên chú, tốt nhất chính là niệm Phật, trong tâm niệm Phật, tay có thể lần chuỗi, có thể bấm máy ký số thì sẽ không dễ bị ngoại cảnh ảnh hưởng, những việc này đều không thuộc là phạm giới. Ví dụ có tâm cố ý xem, vậy thì sẽ phạm điều giới này. Đương nhiên người xuất gia chúng ta, còn cả cư sĩ thọ trì bát quan trai giới đều không nên xem những tiết mục trên truyền hình, và cả những nội dung trên mạng không liên quan đến chánh pháp, đến việc tu học của bạn, đặc biệt là những trang mạng không lành mạnh, chính là những nội dung đưa con người đến tà dục thì chúng ta phải tuyệt đối tránh xa, những thứ đó sẽ ô nhiễm tâm thanh tịnh của chúng ta.

Khoa thứ ba của tổng thích danh đề là “ý nghĩa chế giới”, chế định điều giới này có ý nghĩa gì? Căn cứ theo “Luật Tứ Phần Khai Tông Ký” của luật sư Hoài Tổ có nói như sau: *“Người xuất gia cần phải tịnh niệm, giữ tâm ở trong đạo, vậy mới hợp với quy củ nghi thức. Nay lại đi xem ca múa mà trở ngại bỏ bê chánh tu, khiến người chế cớ không hề nhẹ, cho nên đức Phật phải chế giới này”*. Tức là nói người xuất gia chúng ta, tức là người tu đạo thì phải chánh niệm tịch tĩnh, phải giữ vững chánh niệm, giữ tâm luôn ở trong đạo như vậy, giữ tâm trong thánh đạo của chúng ta. Ví dụ người niệm Phật chúng ta chính là nhất tâm hệ niệm A-di-đà Phật. Người tham thiền chính là nhất tâm tham cứu, hoặc tham câu thoại đầu. Mật tông tu trì thì nhất tâm trì chú. Người nghiên giáo thì có thể nhất tâm tư duy lý thật tướng v.v..

Tóm lại chính là phải tu thánh đạo của bạn, bất luận bạn tu pháp môn gì đều phải chuyên chú nhất tâm thì mới có thể thành công. Chuyên chú nhất tâm chính là tiên phương tiện của định, gọi là tinh tấn. Tinh của tinh tấn chính là tinh chuyên, tinh chuyên thì bạn mới có thể tiến bộ, tinh chuyên đến cực điểm thì tự nhiên bạn liền có định lực, dần dần có thể nhập định. Nhập định không nhất định phải ngồi quay vào vách, chỉ cần tâm bạn an trụ trong chánh niệm, ăn uống, ngủ nghỉ, mặc áo, ăn cơm, đi, đứng, ngồi, nằm đều không rời khỏi chánh niệm thì đây chính là định.

Như người xưa, trước đây có một thi nhân, ông nghiên cứu rất sâu đối với lời của thơ từ, gọi là cân nhắc từng câu từng chữ. Có một lần nhà thơ này làm một bài thơ, bài thơ này có hai câu là: “Cây bên ao chim ngủ, tầng đây cửa dưới trăng”, chú chim này đậu trên cây cạnh bờ ao, đây là miêu tả cảnh tượng của ngôi chùa này, đến tối chim sẽ về tổ, buổi tối vị tăng đây cửa dưới ánh trăng. Vị tăng nhân này, tăng nhân hành cước thấy đạo tràng này, ông muốn đẩy cánh cửa của đạo tràng này, là nói tình cảnh như vậy. Ông đang tư duy là vị tăng đây cửa dưới trăng hay hơn, hay là tầng gõ cửa dưới trăng hay hơn? Đây và gõ vẫn khác nhau. Đây cửa là cửa nhỏ, vừa đây là có thể mở ra, gõ thì có thể là cửa lớn, hơn nữa bên trong có khóa thì mới dùng gõ, cho nên dùng đây hay là gõ đây? Đây hay là gõ đây? Cứ mãi đây gõ, kết quả ngựa của ông, ông cưỡi trên ngựa, con ngựa này va đầu vào xe ngựa của Hàn Dũ mà bản thân ông vẫn không hay biết, sau đó Hàn Dũ đã chỉ điểm cho ông.

Bạn xem, người xưa nghiên cứu câu chữ, chữ “đây và gõ” mà có thể nhập định. Đây chính là nhập định, ông không có vọng niệm gì, nhất tâm nghĩ một sự việc này. Nếu chúng ta niệm Phật mà có thể niệm được như vậy thì được rồi, bất luận bạn làm gì thì chính là A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, giống như nhà thơ này, vậy thì bạn chính là nhất tâm bất loạn, cho nên cần phải tịnh niệm, giữ tâm trong đạo, phải giữ vững đạo pháp mà bạn đang tu, bạn không giữ được mà toàn khởi vọng tưởng, vậy thì không có chánh niệm. Vậy “mới hợp với quy củ nghi thức”, mới phù hợp với quy củ nghi thức mà người xuất gia chúng ta nên có.

“Nay lại đi xem ca múa”, bây giờ lại đi xem múa hát, xem người ta hát, múa, vui chơi, xem những tiết mục giải trí đó, việc này sẽ trở ngại bỏ bê việc chánh tu của chúng ta. Ví dụ bạn niệm Phật rất tốt, vừa xem phim thì xong rồi, niệm Phật không phải là niệm Phật nữa, mà niệm nhân vật chính ở trong bộ phim đó, toàn bộ bị hủy hoại hết. Điều này sẽ “khiến người chê cười không hề nhẹ”, gây ra sự chê cười không nhẹ, không phải nhẹ nhàng nữa, vì sao vậy? Bạn xem, người xuất gia mà đều đi xem

những tiết mục giải trí đó, thậm chí vào trong những vũ trường, bên ngoài hiện nay có cái gì gọi là phòng karaoke, còn có các loại hộp đêm. Người xuất gia đến đó, họ vừa thấy sẽ nói: “đây không phải là nơi thầy đến”, người thế gian sẽ chê cười. Chê cười cũng là chê cười Phật giáo chúng ta, việc này đã tạo nghiệp nặng, cho nên thánh nhân nhất định phải tiến hành ngăn cấm.

Đại sư Pháp Tạng, đại sư Pháp Tạng triều nhà Đường, ngài là một vị tổ sư tông Hoa Nghiêm của chúng ta, là Tam tổ. Ở trong chú giải Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Bồn Sớ, ngài có nói đến điều giới này. Điều giới này trong Phạm Võng Bồ-tát Giới là thuộc điều giới thứ mấy? Chúng ta phải học thuộc giới bồn rất thuần thục, hỏi điều thứ mấy thì lập tức sẽ nói cho bạn biết điều thứ mấy, như vậy mới được, bao gồm tỳ-kheo giới bồn cũng vậy. Đây là điều thứ mấy trong chương thứ ba, phải trả lời lưu loát. Trong giới Bồ-tát, điều đó thuộc điều thứ 33, gọi là “tà nghiệp giác quán giới”, trong giải thích điều giới này, kỳ thực “không ca múa biểu diễn nghệ thuật và đi xem nghe” chính là ở trong này, là không được nghe thổi vò sò, trống, kèn, cổ cầm, đàn, đàn tranh, sáo, đàn không hâu, biểu diễn những thứ này, cũng “không được đánh cò xư bồ, cò vây, ba la tắc hý, cò đàn, cò lục bác, đá cầu, tung gạch, ném thẻ vào bình, cò tung hoành bát đạo, bói trên móng tay, bói cỏ thi, bói cành dương, bói trong bát nước, bói bằng đầu lâu để bốc quẻ...” Ở trong giới bồn Bồ-tát này liệt kê ra khá nhiều mục, những thứ này đều thuộc phạm vi của biểu diễn nghệ thuật. Ở trong chú giải này đại sư Pháp Tạng nói phạm điều giới này có tám loại tội lỗi, cũng tức là ca múa, biểu diễn nghệ thuật có tám loại tội lỗi.

Thứ nhất là “mất thiền định”, là sẽ mất đi thiền định, giống như vừa nói, niệm Phật công phu đã gần thành phiền rồi, bạn xem một bộ phim thì toàn bộ bị phá hủy hết.

Thứ hai là “tăng trưởng phóng dật”, tăng trưởng tâm phóng dật tán loạn của chúng ta. Tâm này vốn dĩ tu được không tệ, thông qua trì giới, thông qua niệm Phật nên tâm này đã an trụ rồi, kết quả nghe một bài hát thì tình cảm liền bắt đầu xao động, ca hát rất dễ khơi dậy tình cảm của con người, thậm chí viết thơ, trước giờ nhà thơ có rất nhiều vọng tưởng, không vọng tưởng thì họ sẽ không làm thơ, vậy bạn đi theo bài thơ của họ thì bước vào trạng thái vọng tưởng, rất nhiều bài thơ đều là mượn thơ để bày tỏ tâm tình, để bày tỏ tình cảm của bạn, cho nên chúng ta sẽ chìm đắm trong những thơ văn đó, cũng sẽ rung động, càng hướng hồ thích nghe những ca khúc hiện nay thì càng tệ hại hơn, ca khúc hiện nay cơ bản là chẳng có bài nào hay, không

giống như ca khúc trước đây còn có rất nhiều chánh niệm, còn có chánh khí, ca khúc hiện nay đều là nhạc đòi truy, đều dẫn con người vào tà tư, những thứ này tăng trưởng tâm phóng dật của chúng ta.

Thứ ba là “phá hoại thiện phẩm”, phá hoại những thiện pháp của chúng ta, bởi vì tâm tình dục này vừa mạnh động thì sẽ khơi gợi rất nhiều chủng tử bất thiện, rất nhiều tâm sở bất thiện sẽ theo đó trỗi dậy, cho nên một niệm bất chánh này sẽ bắt đầu niệm niệm bất chánh, cho nên phải ngăn chặn từ trước chính là đạo lý này.

Thứ tư là phá hoại pháp hạnh, là thuộc về “hủy diệt pháp hạnh”, hành vi hủy diệt chánh pháp. Mọi người có thể cảm thấy tôi nghe một bài hát, một việc đơn giản như vậy làm sao diệt pháp được chứ, có phải hơi nghiêm trọng rồi không? Điều này trên thực tế không phải nghiêm trọng, phạm là đạo lý tự nhiên thì đều có thể được hình thành từ những thứ rất nhỏ bé, gọi là đóm lửa nhỏ có thể cháy rụi đồng cỏ, đất cát tích lũy lại thì có thể tích cát nhỏ thành bảo tháp, đài cao 9 tầng đều được tích lũy từ hòn đất nhỏ. Chúng ta tạo ác nghiệp lớn, vừa bắt đầu đều là bắt nguồn từ những hành vi rất vi tế. Chính là do bạn không chú ý đến những hành vi vi tế, thế là niệm niệm lôi kéo, dần dần rơi xuống vực thẳm, không thể tự thoát khỏi, cho nên cuối cùng là phá hoại chánh pháp.

Ví dụ chúng ta mặc y phục của người xuất gia này, hiện ra hình tượng của người xuất gia thì phải biểu hiện rất có oai nghi, đó là hình tượng của chánh pháp. Ví dụ bạn ở những nơi công cộng mà có oai nghi bất chánh, ví dụ ở sân bay có khi chiếu một số bộ phim, bạn cũng cùng xem phim, như hiện nay rất nhiều máy bay, trước ghế ngồi của bạn sẽ có một chiếc tivi nhỏ, tôi chưa bao giờ xem chiếc tivi đó, vì sao vậy? Thứ nhất, bản thân không muốn xem những thứ đó; thứ hai, bản thân là người xuất gia, những hành khách ngồi bên cạnh thấy tôi cứ nhìn chăm chăm vào bộ phim trước mặt, vậy còn ra thể thống gì nữa, đây chính là diệt pháp. Hủy hoại lòng tin của người ta đối với chánh pháp, có thể bản thân bạn không hề hay biết, nhưng bạn không chú trọng những động tác nhỏ, oai nghi nhỏ thì có thể bạn đã phá hoại lòng tin của người ta với chánh pháp rồi, đoạn mất pháp thân huệ mạng của người, nhân quả đó rất nặng. Cho nên con đường xuất gia này không dễ đi, có thể chọn xuất gia, đó thật sự là người đại dũng, đại trượng phu, có thể đoạn trừ được tập khí của chính mình, mà xuất gia thì chỉ được thành công chứ không được thất bại. Ví dụ bạn không cố gắng làm thì phía sau là địa ngục đang chờ bạn, bạn không vãng sanh thế giới Cực Lạc thì đọa địa ngục, ở giữa không có đường để đi.

Như đại sư Ấn Quang nói, câu mà ngài khích lệ bản thân chính là: “*Nếu không vãng sanh thì ngạ quỷ, súc sanh cũng khó cầu*”. Bạn không vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn muốn làm một ngạ quỷ, muốn làm một súc sanh cũng khó cầu, cầu không được. Những cõi đó đều giống như mộng đẹp vậy, nói cách khác, đường đó chỉ có địa ngục, ba đường ác, ngoài ngạ quỷ, súc sanh ra thì chính là địa ngục. Đây là lời nói thật, người xuất gia chúng ta nếu thường lấy lời nói này của Ấn tổ để khích lệ mình thì bạn sẽ có thành tựu, biết được lửa dữ, vạc dầu ở địa ngục đang đợi chúng ta, bên kia là ao sen thất bảo, hoa sen đó cũng đang chờ chúng ta, ở giữa không có đường để đi, dùng tâm sợ khổ để niệm Phật, đây là diệu pháp thoát khổ đệ nhất, sợ khổ chính là khiếp sợ, sợ hãi cái khổ của địa ngục, dùng tâm sợ khổ để niệm A-di-đà Phật, biết rằng không vãng sanh thì xuống vạc dầu, vậy thì bạn nhất định phải thoát khổ, nhất định có thể vượt ngang ra khỏi tam giới, đây là diệu pháp đệ nhất, chỉ e rằng ngay đến tâm sợ khổ bạn cũng không có, toàn bộ là tê liệt vô cảm thì hết cách cứu.

Thứ năm là “gây ra sự nhạo báng lớn”, nếu ca múa biểu diễn nghệ thuật, người xuất gia chúng ta làm như vậy thì sẽ bị sự nhạo báng lớn, điều này khiến xã hội đại chúng phê bình chúng ta. Như hiện nay có người xuất gia dùng một số danh nghĩa để chiêu sinh luyện võ, luyện công phu gì đó, mở những lớp này, nam nữ ở cùng nhau, trên thực tế việc này đều sẽ dẫn đến sự nhạo báng rất lớn. Việc này không nói nữa, chúng ta biết là được rồi.

Thứ sáu là “giáo hóa sai đường”, sai chính là chữ sai trong từ sai lầm, là giáo hóa chúng sanh lầm đường. Ví dụ bạn làm những việc ca múa biểu diễn nghệ thuật này, chúng sanh đặc biệt là tín chúng vừa mới học Phật, họ vẫn chưa biết chánh pháp, họ đang cần bạn giáo hóa, bạn không dùng chánh pháp để giáo hóa, ngược lại dùng những hành vi phạm giới này để hướng dẫn họ. Bề ngoài dường như mọi người rất vui vẻ, mọi người cùng nhau ca hát nhảy múa rất vui vẻ, trên thực tế bạn đã dẫn người ta sai đường rồi. Người ta cho rằng Phật pháp chính là như vậy, vậy là sai rồi. Phải dẫn người ta đi trên con đường giới, định, tuệ, không phải là dẫn người ta đi trên con đường phóng dật, đi trên con đường của thế tục này.

Bồ-tát độ chúng sanh tất nhiên có phương tiện thiện xảo, “trước dùng dục dẫn dắt, sau khiến vào trí Phật”, nhưng phương pháp mà Bồ-tát dùng tuyệt đối không vi phạm bốn phạm của mình. Ví dụ dùng ca múa, người xuất gia không được ca múa, nhưng Bồ-tát tại gia thì có thể. Bởi vì Phật chế định điều giới này cho người xuất gia,

ngày hôm đó người tại gia không thọ bát quan trai giới mà ca múa thì họ không phạm giới. Họ có thể dùng cách này để tiếp dẫn chúng sanh, tức là dùng dục, họ thích điều này thì dùng điều này để dẫn dắt, dẫn họ vào cửa Phật, nhưng không phải xem việc này là rốt ráo, hy vọng bạn mãi mãi ca hát nhảy múa với tôi, không phải như vậy, dẫn họ vào, rồi dần dần để họ nhận thức được chánh pháp, dần dần xả bỏ những trò tiêu khiển của thế tục này. Người xuất gia chúng ta, bốn phận của chúng ta phải giữ giới, nên không thể dùng những phương pháp này để tiếp dẫn chúng sanh được. Cho nên muốn tiếp dẫn chúng sanh, nếu dùng dục để dẫn dắt thì phải hợp tác với người tại gia. Người tại gia mời họ đến cửa Phật, sau đó người xuất gia phải biểu hiện ra tướng trạng oai nghi, người tại gia dẫn dắt tín chúng cung kính tam bảo, phối hợp như vậy để nhiếp thọ chúng sanh là đúng. Không phải người xuất gia chúng ta cũng giống như người tại gia đi làm những trò giải trí của thế tục.

Thứ bảy là “hủy phạm giới cấm”, ca múa biểu diễn nghệ thuật, cuối cùng dẫn đến bản thân sẽ hủy hoại giới cấm mà đức Phật đã chế định. Rất nhiều sự việc đều là “bắt đầu từ nhân nhỏ mà tạo thành nguy hại lớn”. Nếu vi phạm giới nhẹ thì tâm này liền bắt đầu phóng dật, dần dần sẽ dẫn đến phạm giới trọng. Cho nên, chúng tôi trì giới là y chỉ pháp mạch của hòa thượng Thanh Công, ngài đề xướng giới nặng nhẹ giữ như nhau, không những phải giữ giới trọng, mà giới nhẹ cũng không được phạm. Giới nhẹ chính là tất cả các giới oai nghi, bốn oai nghi đi - đứng - ngồi - nằm đều phải trang nghiêm, nghiêm túc. Ví dụ, oai nghi này chúng ta không nghiêm túc thì trên thực tế là trong tâm đã phóng dật rồi, dùng tâm phóng dật này dần dần sẽ hủy hoại đại giới. Nếu giới nhẹ đều không vi phạm thì giới trọng bạn nhất định sẽ không vi phạm, chắc chắn bắt đầu phạm từ giới nhẹ.

Cho nên người xuất gia đứng phải có tướng đứng, ngồi có tướng ngồi. Như chúng ta ngồi, thông thường tư thế ngồi có hai cách: một là ngồi kiết già, ngồi xếp bằng, một cái là gì? Sư tử ngồi, không ngồi xếp bằng, mà là hai chân đặt vững trên đất, toàn bộ cột sống thẳng lên, tốt nhất là đừng dựa vào ghế, trừ khi một mình bạn ở trong liêu phòng, đương nhiên mệt mỏi rồi thì bạn thả lỏng một chút, điều này không sao, nhưng nếu ở nơi công chúng thì tốt nhất có thể oai nghi chỉnh tề, hai chân khép lại để về phía trước, giống như chúng tôi dùng com khi quá đường, đắp y trì bát vậy, lúc này không phải xếp bằng, mà lúc này phải ngồi thế sư tử, giống như hai chân của sư tử khi ngồi xuống để ở phía trước rất chỉnh tề, lưng thẳng, cầm bát lên, đừng để bát ở trên bàn rồi thò cổ lên mặt bát mà ăn. Trong luật, Phật nói như vậy chẳng

khác nào heo, chó, phải bụng bát lên, lưng phải thẳng, dùng thìa đưa cơm vào trong miệng của mình. Cho nên tất cả oai nghi bạn đều phải chú ý, đi đường lưng cũng phải thẳng, không ngo trái phải, không cười đùa, khi đại chúng đi là đi theo hàng, xếp thành một hàng thẳng, im lặng không nói. Như vậy đi đứng ngồi nằm thể hiện ra tướng oai nghi thì tự nhiên có thể khiến hết thấy chúng sanh khởi tâm cung kính, người ta cung kính tăng đoàn thì sẽ cung kính tam bảo.

Tội lỗi thứ tám là “thành tựu nhân khổ”, là sẽ thành tựu nghiệp nhân đau khổ, ca múa biểu diễn nghệ thuật là hưởng lạc một lúc, thứ mà niềm vui này về sau đem đến chính là khổ, cho nên vui là nhân của khổ. Rất nhiều người không biết đạo lý này, khi khổ thì mặc sức vui chơi, mặc sức vui chơi để làm vui, trên thực tế là tự mê hoặc chính mình, nó không thể thật sự nhỏ bỏ được nhân khổ, thật sự muốn nhỏ bỏ nhân khổ thì bản thân phải “siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si”.

Tiếp theo, chúng tôi giảng đến khoa thứ hai là “tùy văn thích nghĩa”, giải thích ý nghĩa của đoạn văn này. “*Hát khúc ngâm thơ gọi là ca*”, đây là thuộc về khẩu nghiệp. Hát tức là hát từ trong miệng ra. Hát bài hát, bao gồm bạn ngâm nga điệu hát dân gian, đó là khẩu nghiệp. Ngâm thơ tức là ngâm vịnh thơ, đây đều gọi là ca, cho nên không chỉ là ca hát, mà bao gồm vịnh thơ đối đáp. Đương nhiên trong Phật pháp, tổ sư đại đức cũng làm thơ, như Tịnh độ có rất nhiều thơ về Tịnh độ, đây là ngoại lệ, nó giúp việc tu hành nâng cao chánh niệm, việc này thì được. Ở đây thông thường nói thơ chính là thơ của thế tục, bao gồm ca vịnh về núi sông thì vẫn tính là được. Ví dụ ca vịnh về tình yêu nam nữ thì tuyệt đối không được. Hiện nay có không ít thơ tình, như trước đây khi chúng tôi học đại học có rất nhiều người thích thơ của Từ Chí Ma. Từ Chí Ma rất thích viết thơ tình, viết cũng rất bi thương đắm đuối. Loại thơ này kỳ thực đều dẫn người ta vào trong loại tình cảm này, không thể thoát ra được, cho nên trên thực tế cũng có nhân quả, thế nên Từ Chí Ma chết rất sớm, ông chết vì tai nạn. Năm 35 tuổi, ông ngồi máy bay từ Thượng Hải về Bắc Kinh, khi đó vừa mới có máy bay cho nên rất nguy hiểm, kết quả máy bay đó đâm vào Châu Sơn, là quần đảo Châu Sơn hiện nay, chỗ gần với Phổ Đà Sơn, ông chết ở nơi đó.

35 tuổi rất có tài hoa, là giáo sư của trường đại học Bắc Kinh, là топ đầu tiên sang Anh du học, nhưng cuộc sống của ông cũng không đàng hoàng, bản thân rất phóng đãng. Ông lấy người vợ trước, ông là con nhà giàu, cha mẹ rất có tiền, cưới cho ông một người vợ rất hiền đức, còn sinh con nữa, khi đó bà vẫn trong thời gian mang thai, nhưng Từ Chí Ma đã ngoại tình rồi, muốn theo đuổi người phụ nữ khác.

Ở nước Anh chịu ảnh hưởng tư tưởng tự do của phương Tây. Kết quả sau đó ông tự phát nguyện muốn làm người ly hôn đầu tiên của nước Dân Quốc thời đó. Khi ấy không ai dám ly hôn, ông dẫn đầu việc ly hôn. Sau đó tìm Lục Tiểu Mạn, Lục Tiểu Mạn là một phụ nữ đã có chồng, hơn nữa ông còn quen biết với chồng của bà, vợ của bạn, cướp vợ của bạn, việc này rất trái ngược đạo nghĩa. Kết quả hai người này đều cùng chung sở thích, đều thích làm những việc ca múa biểu diễn nghệ thuật, ngâm thơ đối đáp, người thế gian cho là tài tử phong lưu. Trên thực tế đều là ở trong này tạo ác nghiệp, cuối cùng sau đó hai người đều ly hôn rồi kết hôn với nhau, nhưng vận mệnh của hai người đều không tốt. Cha mẹ của Từ Chí Ma rất tức giận, đã ngừng chu cấp cho ông.

Từ Chí Ma cũng có tài, đã xin làm giáo sư ở trường đại học Bắc Kinh, nhưng Lục Tiểu Mạn đến Thượng Hải. Thượng Hải khi ấy mở cửa, bà liền hút cần sa, muốn qua lại với rất nhiều diễn viên. Kết quả khiến Từ Chí Ma rất khổ não, ông vừa phải đến Thượng Hải vừa phải về Bắc Kinh, một chốn đôi nơi, cho nên thường xuyên phải ngồi máy bay. Cha mẹ lại không chu cấp cho ông nữa, nên ông dựa vào tiền lương thu nhập của mình, rất vất vả, mệt bỏ hơi tai, cuối cùng chết do tai nạn máy bay. Diêm-la vương đã đưa ông đi, kết thúc một sinh mạng trẻ ở tuổi 35. Khi ông chết thâm như vậy thì bạn liền biết quả báo tương lai của ông là gì rồi, phần lớn là địa ngục.

Lục Tiểu Mạn cũng không tốt, cuối cùng thân thể cũng không khỏe, cuối cùng tự do rồi, hình như niên đại 50, 60 bà mới chết, cuộc sống vô cùng buồn chán. Bởi vì một khi đã tự do, thì bất luận bạn là tài tử giai nhân thế nào đi nữa, khi ấy liền phá bốn cái cũ. Khi ấy đều muốn cách mạng, đều tôn sùng gian khổ phấn đấu, vậy thì những việc của bạn vừa đúng lúc bị lên án rồi, cho nên Lục Tiểu Mạn sống cũng rất khổ cực. Cuối cùng thân thể rất không khỏe, bệnh mà chết. Bạn xem, kết cục như vậy, hiện ra cho chúng ta thấy nhân quả hiện đời, mà thơ từ ông để lại vẫn mãi đầu độc chúng sanh, rất nhiều sinh viên hiện nay thích thơ của ông. Trước đây tôi cũng từng đọc qua thơ của ông, đại khái không bị ông ảnh hưởng quá sâu, sau này học Phật rồi thì tôi thấy đây chính là tài liệu nhân quả tốt nhất. Tôi nói với họ về nhân quả phản diện, đại khái rất nhiều sinh viên nghe tôi nói sẽ rất đau lòng, thần tượng trong lòng họ tôn sùng nhất lại có một nhân quả như vậy, bị tôi giới cho một gáo nước lạnh lên đầu. Trên thực tế chính là như vậy, ông phạm nghiệp này chính là “ca

múa, biểu diễn nghệ thuật, hát khúc ngâm thơ”, thích làm những việc này khiến người mê mất chánh niệm.

“*Vẩy tay nhịp chân gọi là múa*”, vẩy tay tức là vung vẩy cánh tay, nhịp chân tức là dùng chân gõ nhịp xuống mặt đất, có nghĩa là nhảy, hoặc có nghĩa là nhịp chân xuống đất, như step dance, đó là nhịp chân xuống đất, còn có múa ba lê, đây là dùng đầu ngón chân để chống đỡ cơ thể, những thứ này đều thuộc về loại này, đây gọi là nhảy múa, tạo tác của thân thể. Hát khúc ngâm thơ là khẩu nghiệp, vẩy tay nhịp chân là thân nghiệp, đương nhiên nó đều do ý nghiệp chỉ huy. Bởi vì thích thứ này, có tâm phóng dật cho nên có những khẩu nghiệp và thân nghiệp này. Nếu cố ý đi xem nghe, xem là dùng nhãn căn của chúng ta, nghe là dùng nhĩ căn của chúng ta, từ hai trần sắc thân này đi ôm giữ những nghiệp ô nhiễm như vậy, khiến thần trí của chúng ta mê loạn, cho nên người xuất gia không được làm và thưởng thức những thứ ca múa kỹ nhạc này.

Được rồi, bây giờ đã hết giờ rồi, đoạn văn này chúng ta đợi ngày mai tiếp tục học tập, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 18

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 18/7/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Chúng ta tiếp tục xem điều thứ bảy trong mười giới sa-di là “không ca múa, biểu diễn nghệ thuật và đi xem nghe”. Buổi giảng trước chúng tôi giảng đến “tùy văn thích nghĩa”, là căn cứ theo lời văn này để giải thích. Chúng tôi giảng đến “*hát khúc ngâm thơ gọi là ca, vẩy tay nhịp chân gọi là múa*”. “Vẩy tay nhịp chân”, vẩy tay tức là vung vẩy cánh tay, nhịp chân tức là dùng chân gõ nhịp xuống mặt đất, cũng có nghĩa là nhảy, cũng chính là nhảy múa. Những trò tiêu khiển ca hát, nhảy múa này đều rất dễ khiến đạo tâm của chúng ta bị ô nhiễm, làm hỗn loạn thần trí của chúng ta, cho nên sa-môn xuất gia không được cố ý đi xem nghe ca múa.

Ở đây xin kể cho mọi người nghe một công án, ở trong “Đại Tì-bà-sa Luận” có kể một câu chuyện như sau. Thời xưa có một vị quốc vương, ông dẫn theo các cung nữ đi du sơn ngoạn thủy, vào trong núi đốt hương thơm nổi tiếng, tấu ngũ nhạc để những cung nữ này khỏa thân nhảy múa, mùi hương cũng rất thơm. Khi ấy có 500 tiên nhân họ đã tu được thần thông rồi, đang bay ở trên không trung ngang qua nơi này. Kết quả, ở trên không trung nghe thấy tiếng hát của các cung nữ vô cùng êm tai, vậy là cũng ngắm nhìn những cung nữ này nhảy múa, do đó tâm sanh tham nhiễm, kết quả thần thông đột nhiên mất hết, liền rơi từ trên không trung xuống. Quốc vương thấy 500 người này rơi từ trên không trung xuống thì rất tức giận, cầm kiếm hỏi họ rằng: “các ngươi là ai mà lại dám ở đây muốn xem trộm cung nữ của ta lỏa thể nhảy

múa”. Họ liền trả lời rằng: “chúng tôi là tiên nhân.” Quốc vương hỏi: “các ngươi đã là tiên nhân, [thế các ngươi] có thần thông không?” Họ nói: “trước đây chúng tôi đã đạt được, nhưng bây giờ đã mất hết rồi”. Quốc vương rất tức giận nói: “các ngươi là những kẻ chưa ly dục mà lại nhìn cung nữ của ta nhảy múa”, vậy là sai binh sĩ chặt đứt hết tay chân của họ, cho nên đây là báo ứng lập tức xuất hiện. Bạn xem, tâm sanh ái nhiễm đối với những trò ca múa này, muốn đi xem nghe thì lập tức có cái hại như vậy. Đương nhiên những tiên nhân này chỉ bị cắt thân thể, còn chúng ta xuất gia hành đạo sa-môn, nếu ái nhiễm những trò ca múa này thì pháp thân huệ mạng của chúng ta xem như cũng bị cắt xẻ, làm hại rồi.

Kinh văn tiếp theo lại nói: *“Thổi tiêu, đánh đàn, chơi cờ song lục, cờ vây, gieo xúc xắc cá tiên, bốc thuốc coi bói, chiêm tinh, ném thẻ vào bình, bắn cung, đua ngựa, múa kiếm v.v. đều gọi là biểu diễn nghệ thuật, không phải là hành vi của người xuất gia”*. Tiêu tức là tên một loại nhạc cụ. “Thổi tiêu”, thời xưa tiêu đều được làm bằng ống trúc, tiêu dài 50cm, tiêu lớn thì có 23 ống, tiêu nhỏ có 16 ống. Âm thanh của loại tiêu này rất trong trẻo, du dương, cho nên gọi là “nghiêm trang thanh thoát”. Chữ tiêu này là chữ trúc cộng thêm chữ túc, có bộ trúc, và một chữ túc trong từ nghiêm túc. Chữ trúc tức là nó được làm bằng ống trúc, túc tức là nói âm thanh của nó nghiêm trang. Đây là nhạc cụ thời xưa thường dùng, nó đại diện cho tất cả những nhạc cụ này. “Đánh đàn”, đánh đàn cũng là tấu nhạc. Một cái là tiêu, tiêu là nhạc cụ ống, đàn là nhạc cụ dây. Nhạc cụ ống, nhạc cụ dây là đại diện cho tất cả nhạc cụ.

Tiếp theo lại nói “chơi cờ song lục”, cổ đức giải thích cờ song lục cũng gọi là lục bát, tức là gieo xúc xắc, nhưng phía sau lại nói đến cá tiên, gieo xúc xắc cá tiên, cho nên song lục ở đây cũng có thể lý giải là chơi cờ, tức là đánh cờ. Bởi vì song lục và cờ vây hợp lại cùng nhau, cũng tức là nói hai người đang đánh cờ, chơi cờ. Còn “cờ vây” thì chúng ta đều rất rõ ràng rồi, hiện nay vẫn có rất nhiều người chơi cờ vây, thậm chí xem nó là một môn thể thao. Vì sao người xuất gia không đánh cờ, không chơi cờ? Bởi vì những hoạt động này sẽ tăng trưởng tâm háo thắng cạnh tranh của một người. Như chúng ta đánh cờ tướng, cờ tướng là thuộc về đánh cờ, tức là phải ăn từng quân từng quân của đối phương, cuối cùng nếu ăn được tướng của họ thì thắng rồi, cho nên đây là một loại tâm sát, một loại tâm đấu tranh, loại tâm này hoàn toàn trái ngược với việc tu đạo. Người tu đạo cần phải tu tâm từ bi, cần phải từ bi hỷ xả, vì chúng sanh phụng hiến thì làm sao có thể có tâm háo thắng cạnh tranh, ưa hung bạo đấu đá như vậy được? Bây giờ chẳng những đánh cờ mà có rất nhiều

người chơi game. Trong game có rất nhiều hoạt động, đủ thứ kỳ quái, cái gì cũng có, đây đều thuộc về loại biểu diễn nghệ thuật này, đều tổn hại nghiêm trọng đến đạo tâm của chúng ta, cho nên đều phải tránh xa.

“Gieo xúc xắc”, từ này có người gọi là gieo xí ngẫu. Lúc tôi còn nhỏ, ở trong gia tộc khi đến ngày Tết, ngày nghỉ lễ cũng chơi. Tức là một hình vuông, hình khối vuông, 6 mặt đều có chấm chia thành 1, 2, 3, 4, 5, 6; 1, 3, 6 là chấm đỏ, đều có chấm khác nhau, hoặc là toàn màu đỏ, hoặc có màu đỏ, có màu đen, khi gieo có thể thấy điểm của ai lớn hơn, có các loại mức độ khác nhau. Khi ấy tôi nhớ điểm lớn nhất là 6 quân đều màu đỏ, 6 quân đỏ, như vậy thì xem như có thể thắng tiền của người ta rồi. Đương nhiên cũng có thể dùng 3 quân để gieo. Những trò chơi dân gian này cũng khiến chúng ta sanh khởi tâm tham ái dục lạc, tâm phóng dật. Nếu là “cá tiền”, dùng những hoạt động này để đánh bạc thì càng không được. Người xuất gia vốn dĩ đều không được cầm giữ tiền bạc, như điều giới thứ mười, ở phía sau chúng tôi sẽ giảng đến, cho nên ngay đến tiền cũng không được chạm vào, không được tích trữ thì làm sao có thể đi đánh bạc để thắng tiền của người khác về phía mình cho được? Việc này là sai lầm lớn, đặc biệt sai lầm, cho nên ngay cả đến sòng bạc xem người ta đánh bạc thì người xuất gia cũng không được đi, đương nhiên bản thân càng không được tham gia đánh bạc, bất cứ hình thức đánh bạc nào cũng không được.

“Bốc thuốc coi bói”, đây là nói, y chính là y thuật, bốc chính là coi bói. Thời xưa y thuật, coi bói đều thường gộp chung với nhau, sau này thì tách ra. Trung Quốc đều phát triển Trung y, người phương tây thì có Tây y. Những y thuật này nếu là vì cứu người thì có thể được, người xuất gia học, y thuật có thể cứu giúp bệnh khổ, việc này có thể được. Như triều nhà Đường, chúng ta biết luật sư Giám Chân, ngài chính là một vị đại sư rất tinh thông y học, cho nên ngài đến Nhật Bản không chỉ truyền giới, mà còn đem y thuật của Trung Quốc, đem rất nhiều văn hóa truyền thống, kỹ thuật của Trung Quốc đều truyền sang Nhật Bản. Ở đây chủ yếu nói không được dùng bói toán, tức là dùng phương pháp bói toán để đoán trước cát hung họa phúc. “Chiêm tinh” cũng là thông qua quan sát tinh tú để dự đoán cát hung, đây không phải là những việc mà người xuất gia nên làm.

Vì sao người xuất gia không nên xem bói toán? Trước tiên, chúng ta phải biết trong Phật pháp nói vận mệnh đều có thể thay đổi. Vận mệnh mà bạn bói được, những tượng quẻ này trên thực tế là quả báo của nghiệp thiện ác mà bạn đã tích lũy trong đời quá khứ, thông qua tượng quẻ, thông qua bát tự v.v. hiển hiện ra mà thôi, không

phải do những bát tự, tượng quẻ này quyết định vận mệnh của bạn, mà nó bị nghiệp thiện ác trong quá khứ của bạn quyết định. Ví dụ đời trước bạn tu thiện rất lớn thì bạn sanh ra tự nhiên sẽ cảm được bát tự vô cùng đẹp, cho nên người xem bát tự của bạn liền biết đời này bạn sẽ rất giàu có, rất có phước báo. Phú quý, phước báo của bạn không phải do bạn có bát tự đẹp, mà do đời trước bạn đã tu thiện nghiệp. Bát tự đẹp cũng là một thứ quả báo mà thôi, cho nên nhân thật sự là bản thân tu được, quả cũng là bản thân cảm được. Phật pháp nói vận mệnh tương lai đều nằm trong tay mình, nếu bạn hy vọng vận mệnh tương lai tốt, vậy bây giờ bạn hãy cố gắng tu thiện thì có thể thay đổi tương lai.

Giả sử bạn rất nỗ lực tu, như tiên sinh Viên Liễu Phàm triều nhà Minh, ông không cần đợi đến đời sau, mà vận mệnh ngay đời này đã thay đổi rồi. Nếu càng nỗ lực tu hơn thì sẽ thay đổi càng nhanh. Tiên sinh Liễu Phàm dùng mười mấy năm để thay đổi vận mệnh, mười mấy năm mới thay đổi tốt được. Ông phát nguyện liên tiếp ba lần, lần thứ nhất phát nguyện làm 3.000 việc thiện, tu 10 năm mới viên mãn. Ông tu việc thiện này, đương nhiên nếu làm việc ác thì phải trừ đi việc thiện đó, tức là phải loại bỏ thiện hạnh đó; nói cách khác, sau khi triệt tiêu ác hạnh thì những thiện hạnh còn lại mới được tính. Tích lũy như vậy, tức là có thể tích lũy được 3.000 điều thiện hạnh tinh thuần, tích lũy 10 năm như thế, đại khái trong 10 năm này có rất nhiều ác hạnh ông phải không ngừng tu sửa, cho nên tích lũy rất chậm chạp. 3.000 điều thì ít nhất một ngày làm một việc thiện, cho nên 10 năm có thể hoàn thành. Vốn dĩ trong mệnh của ông không có số làm cử nhân, nhưng sau đó ông đã thi đậu. Sau đó, lần thứ hai phát nguyện muốn cầu thay đổi số mệnh không có con, hy vọng cầu con trai. Kết quả 3 năm thì 3.000 việc thiện lần thứ hai của ông cũng viên mãn. Làm thiện ngày càng nhanh, nên tự nhiên làm ác cũng ngày càng ít đi. Đến lần thứ ba phát nguyện muốn tu 10.000 việc thiện hy vọng cầu đỗ tiến sĩ. Đây đều là trong mệnh không có, kết quả không ngờ chỉ có một việc, ông làm quan huyện đã giảm thuế thóc cho toàn huyện, tức là giảm thuế khiến vạn dân được phước, cho nên một niệm này đã viên mãn. Cho nên, tổng cộng lại ông ít nhất dùng 13, 14 năm để làm viên mãn tất cả những việc thiện của ông, nên vận mệnh của ông đã được thay đổi.

Chúng ta xem ông Du Tịnh Ý là người cùng thời đại với ông, tu thiện hơi muộn hơn tiên sinh Liễu Phàm một chút, họ cách nhau khoảng mười mấy tuổi. Ông Du Tịnh Ý thay đổi làm mới từ trên tâm địa, cho nên ông thay đổi càng triệt để hơn, 3 năm là ông đã hoàn toàn thay đổi được. Vốn dĩ đời này ông không thi đậu cử nhân,

tiến sĩ, nhưng ông đã thi đậu tiến sĩ. Vốn dĩ ông có con cái, nhưng do đời này ông tạo rất nhiều ác niệm, dù ông không làm chuyện gì đặc biệt xấu xa, nhưng ác niệm vây hãm, niệm tham, niệm dâm, niệm khen mình khinh người, tức là tự cho mình cao, xem thường người khác, còn có niệm quá khích, còn có rất nhiều tham, sân, si, mạn. Cho nên, vốn dĩ ông sanh được 9 người con, kết quả người chết, người phân ly, người mất tích, cuối cùng chỉ còn lại một người con gái, nhưng tinh thần người con gái này lại không bình thường lắm. Sau đó Táo thần đã điểm hóa cho ông, khuyên ông phải triệt để hối lỗi sửa sai, cho nên ông đã lập chí sửa lỗi, không ngờ chỉ 3 năm, vốn dĩ đến năm 47 tuổi ông đều rất khốn khó cùng quẫn, còn tệ hơn cả tiên sinh Liễu Phàm, nhưng chỉ trong 3 năm thì vận mệnh ông đã hoàn toàn thay đổi, thi đậu tiến sĩ vốn dĩ có thể làm quan nhưng ông cũng không màng danh lợi, không muốn làm quan, nên đã về quê nỗ lực làm việc thiện, hơn nữa việc càng không thể nghĩ bàn là trong một cơ hội rất ngẫu nhiên ông lại tìm được người con trai đã mất tích nhiều năm, nhận ra người con trai này, con trai trở về nhà. Vợ của Du Tịnh Ý vì con cái mà khóc đến mù cả mắt, con trai sau khi liếm mắt cho mẹ mình, đã khiến đôi mắt của mẹ cậu sáng trở lại, có thể thấy vận mệnh của con người đều có thể thay đổi.

Kinh Hoa Nghiêm nói “tất cả do tâm tạo”, chỉ cần bạn có thể thay đổi tâm thì có thể thay đổi vận mệnh, hà tất phải đi làm những chuyện dự đoán cát hung chứ. Một người chân thật tu đạo thì không thể đoán ra vận mệnh, bởi vì họ hằng ngày đều sửa lỗi làm mới, cho nên vận mệnh đều đang thay đổi từng ngày. Do đó người xuất gia chúng ta chẳng những không tự xem cát hung, mà càng nên khuyên người khác hãy cố gắng sửa lỗi làm mới, không nên giúp người ta đi xem cát hung.

Chỗ này lại phải nhắc một chút, trong cửa Phật cũng có pháp môn tương tự như bói toán, ví dụ nói pháp môn “chiêm sát”, “chiêm luân tướng pháp”, còn có “thẻ Quán Âm”, những loại này đều thuộc về chánh pháp. Hai loại này khác với bói toán thông thường của thế gian, hai loại này: một loại là Quán Âm, một loại là Địa Tạng, hai loại chiêm pháp này đều là nương theo sức đại từ bi của Bồ-tát để chiêm sát. Phương pháp này có thể xem như một loại phương tiện tu hành của chúng ta. Khi chúng ta có nghi hoặc đối với tương lai thì như pháp mà chiêm sát. Như “chiêm luân tướng pháp” thì cần có luân, tức là loại luân thứ ba cũng có 6 luân là 1, 2, 3, 4, 5, 6, căn cứ theo phương pháp đó để gieo luân, phải niệm 1.000 tiếng danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng, cầu Bồ-tát Địa Tạng từ bi chỉ thị. Khi chúng ta kiên thành tụng niệm Bồ-tát Địa Tạng như thế thì có thể đạt được cảm ứng đạo giao, Bồ-tát Địa Tạng sẽ đáp

ứng nguyện vọng của chúng ta, chỉ bảo cho chúng ta việc mà chúng ta muốn làm là thuận hay không thuận, là tốt hay không tốt, những việc này có thể hỏi được, thậm chí vận mệnh của mình, vận mệnh của gia đình, vận mệnh của quốc gia, thậm chí bản thân có thể tu hành chứng quả không, có thể khai trí tuệ không, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc không v.v., đều có thể dùng cách chiêm luân này có thể hỏi ra được. Kết quả bói được chỉ là nghiệp thiện ác hiện tại của bạn, cảnh giới của tâm, tâm niệm của bản thân bạn. Đương nhiên chúng ta phải rất rõ ràng rằng cảnh giới này là thiên biến vạn hóa, bởi vì hết thảy do tâm tạo, tâm là thiên biến vạn hóa, nên tướng bói ra đương nhiên cũng là thiên biến vạn hóa, tướng chuyển theo tâm.

“Chiêm luân tướng pháp” quan trọng nhất là chúng ta phải hiểu được sự logic này, đạo lý này, chứ không phải đánh đồng với quan niệm về số mệnh của thế gian. Trong Phật pháp không nói quan niệm về số mệnh, cho nên khi chúng ta bói được tướng không tốt, trong kinh nói chỉ cần bạn kiên thành tụng niệm Bồ-tát Địa Tạng, cố gắng sám sám, cầu sám hối thì có thể chuyển tướng xấu này thành tốt. Đây mới là Phật pháp chân thật, cho nên thông qua phương pháp này cũng giống như khích lệ bản thân dũng mãnh tinh tấn tu hành.

“Thẻ Quán Âm” cũng thế, hiện nay rất nhiều chùa, ở bên này cũng có, gọi là rút thẻ Quán Âm. Việc này không chắc chắn là như pháp. Đại sư Ấn Quang đã giám định đối với “thẻ Quán Âm” rồi. Việc này thật sự như pháp, nhưng nhất định phải làm như pháp. Pháp này cũng cần xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Quan trọng nhất là nhất tâm, nhất tâm mới có thể được cảm ứng. Đạt được cảm ứng này, nếu bạn cảm thấy điều cầu được không như ý, bản thân cố gắng tu hành, sám hối thì có thể thay đổi được. Những cách này có thể dùng, trước đây đại sư Ngẫu Ích đều có dùng, ví dụ ngài hỏi bản thân có đắc giới không, ngài cũng làm thăm, rút thăm ở trước Phật, tự hỏi mình có đắc giới không? Việc này cũng có thể được. “Chiêm luân tướng pháp” cũng là một hành pháp do đại sư Ngẫu Ích biên soạn, viết ra từ trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Bản thân cũng có dùng, đặc biệt muốn hỏi một số chuyện liên quan đến việc tu hành của mình thì có thể tiến hành làm như pháp. Như pháp này quan trọng nhất chính là phải tụng 1.000 lần danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng, không được tùy tiện gieo luân. Tâm khinh thường, tâm ngạo mạn, tâm không cung kính như vậy thì không đạt được cảm ứng.

Tiếp theo nói “ném thẻ vào bình”, trong Phạm Võng Bồ-tát Giới nói “ném đá vào bình”, thời xưa là dùng đá ném vào trong miệng bình, chính là một loại kỹ thuật

thi đấu như vậy. Bây giờ cũng dùng mũi tên, cũng dùng đạn, dùng tên để bắn tên vào bia. Như vậy cũng có thể thuộc vào loại ném thể vào bình này. “Bắn cung”, tức là đấu võ bắn cung, còn có “đua ngựa”, tức là kỹ thuật thi đấu cưỡi ngựa, còn có thi đấu kiếm, đấu võ với nhau, xem võ nghệ của ai cao cường. Những việc này đều gọi là “biểu diễn nghệ thuật”, không phải là việc mà người xuất gia chúng ta đi làm.

Có thể có người sẽ nghĩ đến Thiếu Lâm Tự chẳng phải cũng có võ tăng sao? Thời xưa, Thiếu Lâm Tự đều có truyền thống tập võ, việc này có thuộc về biểu diễn nghệ thuật không? Theo truyền thuyết thì loại võ công này là tổ sư Đạt-ma truyền lại, chủ yếu là do Thiếu Lâm Tự ở tỉnh Hà Nam, nằm ở phía Bắc, tại Tung Sơn, khi mùa đông tuyết rơi rất lạnh giá, người xuất gia ở trên núi, lại ăn chay, cho nên nhiệt độ cơ thể cũng không đủ, khí huyết cũng không thể lưu thông, rất dễ bị bệnh. Cho nên, tổ sư mới truyền phương pháp luyện võ này giúp khí huyết của chúng ta có thể lưu thông, là dùng để tập thể dục, giúp thân thể chúng ta khỏe mạnh, có thể tiện cho việc tu đạo, không để đến nỗi thân thể trở thành chướng ngại cho việc tu đạo, là dụng tâm như thế, việc này thì được, chứ không phải hoàn toàn là để tiêu khiển, hoặc để đánh nhau với người khác, tỏ ra mình có võ nghệ cao cường, điều này là hoàn toàn sai lầm. Nếu dùng tâm này để luyện võ thì đây chính là biểu diễn nghệ thuật, thậm chí hiện nay còn biểu diễn, càng có chút rời xa bản ý của tổ sư rồi.

Ở đây xin kể với mọi người một công án, ở trong Cao Tăng Truyện nói đại sư Huyền Trang triều nhà Đường khi còn rất trẻ, chỉ mới 11 tuổi đã xuất gia rồi. Ngài thấy một số sa-di tụ tập cùng nhau, ở đó tùy tiện nói cười, vui đùa, vậy là pháp sư Huyền Trang liền nói với họ rằng: “Người xuất gia là tu pháp vô vi, sao còn có thể làm những chuyện như trò trẻ con vậy chứ? Làm như vậy có thể gọi là uổng phí mất trăm năm rồi”, đã uổng công mất trăm năm rồi, tức là uổng phí một lần xuất gia. Bạn xem, đại sư Huyền Trang chỉ mới 11 tuổi, vẫn là một chú sa-di mà ngài đã không phóng túng như vậy rồi, tâm đều luôn mộ đạo, cho nên từ nhỏ có thể lập chí như vậy, do đó sau này ngài có thành tựu rất lớn. Chỗ chúng ta hiện nay sa-di nhỏ nhất tuổi thực là 11 tuổi, tuổi ta phải 12 tuổi rồi, lớn hơn so với đại sư Huyền Trang khi ấy. Giả sử những sa-di khác còn lớn hơn độ tuổi này mà vẫn còn cười đùa, vẫn không thể thật sự sanh khởi đạo tâm thì phải sanh khởi tâm hồ thẹn.

Tiếp theo: “*Cúng dường Phật thì nên bảo người khác hát, mình không nên tự hát*”, cúng Phật có thể dùng âm nhạc ca múa. Ở đây đặc biệt nói đến cúng Phật thì nên mời người khác, mời người tại gia đến hát, bản thân không được hát. Bởi vì mình

là người xuất gia mà hát thì cũng sẽ phạm điều giới ca múa, biểu diễn nghệ thuật này. Có thể có người thấy trong kinh Pháp Hoa có nhắc đến câu văn “đàn tỳ bà, chấp cheng”, nói rằng trong kinh Pháp Hoa chẳng phải cũng nói có thể tấu nhạc sao? Kinh văn trong kinh Pháp Hoa nói như sau: “Nếu bảo người hát, đánh trống, thổi kèn, vỗ sò, tiêu sáo, đàn không hầu, tỳ bà, chấp cheng đồng, đem tất cả các tiếng hay như thế cúng dường, hoặc dùng tâm hoan hỷ ca tụng đức của Phật, cho đến một tiếng nhỏ, đều đã thành Phật đạo”. Cho nên, kỳ thực trong kinh Pháp Hoa nói rất rõ ràng: “nếu bảo người hát”, đối với người xuất gia mà nói thì không được tự ca hát, nếu bảo người đi diễn tấu âm nhạc: “đánh trống, gõ trống, thổi kèn, thổi vỗ sò”, đây là tán tụng. Còn có “tiêu, sáo, đàn, đàn không hầu”, những thứ này đều là tên gọi của nhạc khí. Còn có “đàn tỳ bà, chấp cheng đồng”, chấp cheng đồng hiện nay chúng ta gọi là tang, khơ, đều có thể dùng để tán tụng, các tiếng hay như thế có thể đem cúng dường Phật, hoặc dùng tâm hoan hỷ để ca tụng tán tụng khen ngợi đức của Phật, ví dụ hiện nay thời khóa sáng tối chúng ta tụng những bài tán tụng đó, những việc này thì được.

Ở đây nói nên dùng tán tụng chứ không phải dùng những ca khúc thông thường của thế tục. Cho nên, câu phía sau nói “*tán Phật thì nên dùng cách tán tụng, không nên dùng âm thanh của các bài hát*”, âm thanh của các bài hát tức là nói âm nhạc của thế tục, những ca khúc thịnh hành, những ca khúc, âm nhạc thịnh hành này thường khiến tâm tình của chúng ta phóng túng, thậm chí sanh khởi suy nghĩ dâm dật, rất nhiều âm nhạc đều là nhạc đòi trụy, sau khi nghe rồi khiến người sanh khởi tà tư, tán tụng thì hoàn toàn khác. “Phạm” nghĩa là thanh tịnh, loại này khi Phật còn tại thế đã có rồi, khi ấy trong số đệ tử của Phật có không ít người đều hiểu những học vấn về âm nhạc, cho nên họ cũng dùng những cách tán tụng này để tụng tụng, thế nên kinh Pháp Hoa mới có những câu kinh văn này.

Cách tán tụng lưu truyền sang Trung Quốc, các tổ sư đại đức cũng truyền thừa và phát triển. Sau khi nghe những âm thanh này khiến tâm chúng ta cảm thấy thanh tịnh trang nghiêm. Những âm thanh hay, những Phạm âm hay này khiến người ta vô cùng cung kính, dù có những ác niệm, tà niệm cũng liền lập tức tiêu tan, giống như tiếng tán tụng được lưu lại tại chùa Định Huệ ở Tiêu Sơn, Trần Giang, gọi là “hải triều âm”. Âm thanh này được lưu lại từ thời xưa, hải triều âm này vô cùng du dương êm tai, cho nên khi ấy những thuyền bè qua lại trên sông đều thường dừng lại nghe những âm thanh tán tụng này, do đó rất nhiều người đều được tiếp dẫn vào cửa Phật,

tín ngưỡng Phật giáo. Cho nên, âm thanh của ca khúc rất dễ sanh khởi dục vọng, tăng thêm bi thương, dẫn dắt tham dục của con người, tăng trưởng tình chấp bị ai sẽ ảnh hưởng đến đạo tâm của chúng ta, nên không được đi nghe những ca khúc đó. Đương nhiên hiện nay Phật giáo cũng đều rất phổ cập, có một số người cũng dùng những ca khúc của thế tục để hát những bài tán tụng trong cửa Phật, đem nó làm thành như những ca khúc thịnh hành hiện nay. Phương pháp này đương nhiên tiếp dẫn người thế tục. Điều này cũng không thể nói là không tốt, nhưng người xuất gia chúng ta tốt nhất cũng đừng nghe. Bởi vì dấu sao giai điệu đó cũng không phải là tán tụng nên sẽ khiến chúng ta sanh khởi dục vọng, tăng thêm bi thương, sẽ sanh ra các loại tình niệm, điều này không tốt.

Tiếp theo: *“Thật sự đạt cảnh giới thì mới có thể làm kệ tụng. Không được học tập làm thơ, vẽ tranh như những sơn nhân thanh khách”*. “Thật sự đạt cảnh giới”, cảnh giới này chính là cảnh giới bạn nhìn thấy, cảnh giới mà bạn thật sự đạt được. Tổ sư đại đức thật sự khai ngộ chứng quả, cho nên các ngài có lưu lại một số bài kệ, một số bài thơ để biểu đạt cảnh giới mà trong tâm mình chứng được. Như Thiền tông, Tịnh độ tông đều lưu lại không ít thơ. Ví dụ “Chứng Đạo Ca” của đại sư Vĩnh Gia, thơ Tịnh độ của các vị tổ sư Tịnh độ, những bài thơ này đều giúp chúng ta thể hội trong việc tu hành, các cảnh giới trong tu hành. Điều này có lợi cho việc tu hành của chúng ta, nhưng nếu không thật sự có cảnh giới, mà chỉ để làm một số trò chơi chữ, làm ra vẻ dường như mình đã nhập vào cảnh giới rồi, viết một số thơ từ, điều này giới sa-di ở đây không cho phép.

Nếu làm kệ tụng đều không liên quan gì với việc tu hành, ví dụ viết những bài thơ về núi sông, thơ trữ tình không liên quan đến việc tu hành thì đương nhiên càng không thể được. “Không được học tập làm thơ, vẽ tranh”, tức là không được tùy tiện học làm thơ, học vẽ tranh. Người Trung Quốc có rất nhiều thơ, rất thích thơ, có ngũ ngôn tuyệt cú, ngũ ngôn luật thi, thất ngôn tuyệt cú, thất ngôn luật thi v.v.. Từ khi Khổng lão phu tử thu thập 300 bài thơ lưu truyền mãi về sau, do đó cổ nhân Trung Quốc đều thích làm thơ. Người hiện nay cũng thích làm thơ hiện đại, nhưng những bài thơ này, nếu không thật sự khai ngộ, mà chỉ là làm thơ để biểu đạt cảm tình, đều không ra khỏi tình chấp trong ý thức thứ sáu của mình, thì đều là biểu lộ vọng tưởng, chấp trước của bản thân mà thôi. Cho nên xưa nay nhà thơ có nhiều vọng tưởng, người xuất gia chúng ta đang cần phải đoạn vọng tưởng, đoạn chấp trước, vậy thì

làm sao còn có thể dùng phương pháp làm thơ để khích lệ vọng tưởng, chấp trước cho được?

Vẽ tranh cũng thế, ở đây nói đến vẽ tranh, chủ yếu là vẽ một số tranh núi sông, tranh người và vật. Xưa nay có một số đại đức, các ngài cũng vẽ tượng Phật, vẽ tượng Phật thì vẫn được, vì sao vậy? Vẽ tượng Phật thì giống như quán tượng Phật vậy, nhưng vẽ tượng Phật cũng cần phải y chiếu theo kinh điển, phải nên như pháp mà vẽ ra 32 tướng, 80 vẻ đẹp của Phật, không phải giống như vẽ người và vật thông thường, mà phải căn cứ theo kinh giáo như pháp mà vẽ. Nếu chỉ thích vẽ những tranh núi sông, người và vật thì việc này không phù hợp với người xuất gia. “*Như những sơn nhân thanh khách*”, sơn nhân chính là ẩn sĩ ở trong núi, thanh khách tức là thông thường thời xưa những quan lại quyền quý họ đều có khách môn hạ, như Mạnh Thường Quân có 3.000 môn khách, bình thường họ cũng không có việc gì làm. [Trong những] nhân duyên tình cờ thì họ có thể đề xuất cho chủ nhân một số ý kiến hay, hoặc bình thường họ đọc sách của mình, hoặc làm thơ, vẽ tranh, chính là những việc này, những việc này đều là văn nhân nho nhã của thế tục làm. Người xuất gia chúng ta không phải rất nhàn nhã, không làm việc gì cả. Nhàn tức là tâm chúng ta thông dong, tức là không tham trước ngũ dục lục trần nữa, nhưng không được để thân thể của chúng ta nhàn rồi. Thân phải cố gắng tu đạo, tu phước, tu tuệ. Tu phước, ví dụ ở thường trụ phục vụ nhiều hơn, đây chính là tu phước. Tu tuệ tức là dụng công nhiều hơn để thâm nhập kinh giáo, để học giới, tu định, niệm Phật cũng là tu định. Cho nên mỗi ngày đều phải có công khóa cố định, không được để bản thân bình thường ăn không ngồi rồi, không quan tâm chuyện gì, lãng phí thời gian của mình.

Cao tăng đại đức thời xưa tranh thủ từng giây từng phút để dụng công, như trong “Truy Môn Sùng Hạnh Lục” của đại sư Liên Trì ghi chép, có một vị cao tăng mỗi ngày ông đều tọa thiền dụng công, ngay đến thời gian quét dọn phòng ốc cũng không có, cho nên chỗ ông ngồi xung quanh toàn là bụi, một tầng bụi rất dày. Ông chỉ ngồi ở chỗ ngồi của mình, bởi vì thân thể ngồi xuống cho nên mới không có bụi, có thể thấy các ngài tranh thủ từng giây từng phút, không bỏ qua một giây một phút nào thì làm gì có thời gian mà làm thơ vẽ tranh, làm những việc nhàn nhã thoải mái này. Cho nên người xưa nói: “việc lớn chưa xong, buồn như mất đi cha mẹ”, khảo tử tức là cha mẹ đã qua đời, việc lớn của mình vẫn chưa rõ ràng, tức là vẫn chưa nắm chắc đại sự sanh tử, vẫn chưa phá tham, vẫn chưa khai ngộ, chưa liễu sanh tử thì chúng ta làm sao có thể phóng dật được chứ? Đau thương giống như mất đi cha mẹ

vậy, phải niệm niệm tu hành, không được quên chuyện lớn sanh tử, nếu không mấy chục năm xuất gia có thể sẽ trôi qua rất nhanh, đời người vô cùng ngắn ngủi, nếu chúng ta không cố gắng dụng công thì sẽ luống uổng mất tuổi thanh xuân quý giá nhất, khoảng thời gian quý giá nhất, tràn đầy tinh lực nhất, đến khi cuối đời thì “tuổi già chỉ có bi thương”.

Tiếp theo, *“học chữ chỉ để viết ngay ngắn, không được vì viết đẹp mà trở ngại bỏ bê chánh nghiệp xuất thế”*, tức là chúng ta học chữ, người xuất gia có cần học viết chữ không? Cũng có thể học viết chữ, học chữ chỉ cần học viết ngay ngắn, tức là chữ Khải, chữ Khải tương đối ngay ngắn, từng nét từng nét đều phải viết cho nghiêm túc, viết cho ngay ngắn, chữ như vậy là được rồi. “Không được vì viết đẹp”, không phải vì ham muốn nét đẹp của chữ đó, tương lai muốn trở thành một nhà thư pháp, muốn làm cho chữ của mình có thể lưu truyền thiên cổ, phải biết chữ viết có đẹp đến đâu thì cũng chưa chắc có thể liễu sanh tử, cho nên xuất gia lấy đạo nghiệp làm trọng, chứ không phải làm những việc ở phương diện nghệ thuật này. Đương nhiên phải viết chữ ngay ngắn, đây là tâm cung kính của mình lưu xuất ra, nhưng nói nó phải mang tính nghệ thuật đến mức nào thì không cần quá coi trọng. Bởi vì nếu tốn thời gian, tinh lực vào những tài nghệ này thì sẽ “trở ngại bỏ bê chánh nghiệp xuất thế”, sẽ trở ngại bỏ bê, bỏ phí mất đạo nghiệp xuất ly thế gian của chúng ta.

Có người nói: đại sư Hoằng Nhất thời cận đại chẳng phải cũng là nhà thư pháp sao? Ngài cũng dùng rất nhiều tranh chữ đẹp để kết pháp duyên với người. Phải biết đại sư Hoằng Nhất trước khi xuất gia đã là nhà thư pháp rồi, không phải sau khi xuất gia ngài mới học. Trước khi xuất gia, ngài có nhân duyên như thế, cho nên chữ của ngài viết rất đẹp, do đó sau khi xuất gia vẫn có rất nhiều người xin tranh chữ của ngài, nên ngài mới viết chữ để kết pháp duyên với người ta. Chữ viết đương nhiên đều là chép ở trong những kinh điển, những lời khai thị của tổ sư đại đức, kỳ thực đều là một phương pháp để hoằng dương Phật pháp. Bởi vì trước khi xuất gia ngài đã có kỹ năng này, cho nên mới dùng kỹ năng này để hoằng pháp, tuyệt đối không phải xuất gia rồi ngài mới bắt đầu học, vậy thì không đúng.

Tiếp theo chúng ta xem điều thứ tám. Chúng tôi giảng tùy văn thích nghĩa của điều thứ bảy rồi, nếu phạm điều “ca múa, biểu diễn nghệ thuật, cố ý đi nghe xem” này, trong giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni là thuộc về giới ở chương thứ năm, phải chí thành sám hối. Cư sĩ thọ bát quan trai giới, sa-di thọ mười giới là tội bậc hạ, phải khẩn thiết sám hối, đối thú sám hối.

Tiếp theo xem điều thứ tám: “không ngồi nằm trên giường cao rộng lớn”, trước tiên mời đọc đoạn văn này:

“Chân giường chỉ cao 1 thước 6 tấc, khi ngồi không hồng chân, quá mức ấy gọi là cao. Chỉ đủ thân có thể nghiêng qua, quá mức ấy gọi là rộng. Vừa cao vừa rộng gọi là lớn, người xuất gia không nên nằm ngồi [giường ấy], huống hồ là sơn vẽ, chạm trổ, dùng tơ lụa, màn nệm u? Theo chúng nằm giường liền dài thì không phạm. Thuyết pháp ngồi tòa sư tử thì không phạm. Ở trong nhà cư sĩ không có giường ghế thấp nhỏ mà tạm thời ngồi nằm thì không phạm”.

Ở đây chúng tôi cũng chia làm ba khoa để giảng giải. Thứ nhất là “tổng thuyết đề nghĩa”, trước tiên nói “giải thích sơ lược tên đề”. Tên đề này là “không ngồi giường cao rộng lớn”, tức là thân thể của chúng ta phải lìa xa xúc trần. Ngồi thì thân thể sẽ tiếp xúc. Là đệ tử Phật, người xuất gia phải nương theo giới để tu hành. Trong bốn oai nghi là *đi, đứng, ngồi, nằm*, mọi việc đều phải biết đủ, không được khởi tham ái. Nếu thân thể tham ái giường nệm tốt đẹp thì sẽ tăng trưởng những tâm ngã mạn, ngạo mạn, kiêu ngạo ngang tàng, tăng trưởng tập khí lười biếng, sẽ xao nhãng việc tu tập thiền định, trì tụng. Cho nên trong Đại Học nói: “khi có cái yêu thích thì tâm không thể chánh”. Nếu thân thể chúng ta ham muốn cảm giác thoải mái thì tâm chúng ta không chánh được. Cho nên, trong Giới kinh nói chúng ta phải thường cầu tam-muội làm giường, trí tuệ làm tòa, nhất tâm hướng về đạo, không thể làm việc giống như người thế tục thông thường, tham ái sự thọ dụng giường chiếu đẹp.

Tiếp theo chúng tôi giảng về ý nghĩa chế giới. Phàm là giường ghế cao rộng sẽ tăng trưởng tâm cao ngạo của chúng ta. Đây không phải là hành nghi mà người tu học thánh đạo như chúng ta nên có. Cho nên những việc này cần phải làm theo quy tắc. Giường thế nào là cao, thế nào là rộng, đều có một giới hạn, không cho phép vượt qua giới hạn ấy. Nếu giường vượt qua giới hạn này mà chúng ta ngồi, chúng ta ngủ thì sẽ tăng trưởng tham ái, trái ngược với thánh giáo, cho nên Phật chế định điều giới này. Đối với chúng xuất gia chúng ta mà nói, bạn xem sa-di vừa xuất gia đã phải thọ giới này rồi, càng huống hồ là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni.

Giới hạn này, thứ nhất là lấy kích thước để luận cao rộng. Trong kinh A-hàm nói giường dây của sa-môn, giường dây thì thông thường người xuất gia khi hành cước đều phải mang theo, chủ yếu là dùng dây thừng để làm. Giường dây “chân dài 1 thước 6 tấc là không cao”, tức là chân của chiếc giường dây này không được vượt quá 1 thước 6 tấc. “Rộng 4 thước thì không rộng”, chiều rộng của nó không được

vượt quá 4 thước, vượt quá thì chính là rộng. “Dài 8 thước thì không lớn”, lấy 8 thước để luận, phải biết thước này chắc là thuộc về thước thời Chu. Thước Chu, đại khái hai thước là bằng một thước của chúng ta hiện nay. Có người nói một thước Chu đại khái là 24,6cm. Điều này cũng có khảo chứng. Ví dụ một thước Chu bằng 24,6cm, cứ coi như 25cm đi, chân cao 1 thước 6 tấc, lấy 25cm nhân với 1,6 thì cũng không tính là cao lắm. Rộng 4 thước, nói cách khác đại khái là 1m. Nếu 25cm tính là một thước thì 4 thước vừa đúng 1m, vậy vẫn phải nhỏ hơn 1m một chút, giường như vậy mới tương đối phù hợp với tiêu chuẩn. Nếu chiều dài là 8 thước thì chưa đến 2m, đại khái là 1m9, cho nên đây là một chiếc giường rất nhỏ, chỉ vừa đủ để chúng ta trở mình, ngủ có thể hơi trở mình là được. Nếu bạn muốn lăn mấy vòng thì không được.

Thứ hai là lấy chất liệu để luận cao rộng, tức là giường làm bằng nguyên liệu gì. Nếu dùng các loại sơn vẽ, chạm trổ, tơ lụa, màn nệm để trang sức, loại giường ghê tuyệt đẹp này là thuộc về giường cao rộng lớn. Đây là dùng sơn đẹp, các loại màu sắc, bên trên còn chạm trổ rất nhiều. Ví dụ bên trên chạm trổ núi sông người vật, thậm chí là rồng bay phượng múa, chạm rồng trỏ phượng; còn có tơ lụa, tơ lụa đều là dùng tơ lụa, dùng tơ tằm. Đây đều là những nguyên liệu do sát sanh hại mạng mà có được. Chúng ta nói đến nhiều màn, hoặc dùng chăn tơ, chăn nhung tơ, tức là làm bằng tơ tằm, những loại này đều không được dùng.

Chúng ta đến “tùy văn thích nghĩa”. Câu thứ nhất, “*chân giường chỉ cao 1 thước 6 tấc, khi ngồi không hồng chân, quá mức ấy gọi là cao*”. Giường thì có giường dây, có giường gỗ. Giường dây là dùng dây thừng hoặc dây đay làm thành, khi hành cước có thể dùng. Giường gỗ tức là làm bằng gỗ. Hiện nay ở đạo tràng chúng ta phần nhiều đều dùng giường gỗ. Năm xưa, khi đại sư Ngẫu Ích vắng sanh là ngồi ở trên giường dây, bởi vì đại sư Ngẫu Ích cũng hành cước. Chúng ta xem lý lịch cuộc đời ngài, có khi ngài đi hành cước, thậm chí tháng Chạp rét buốt ngài đều hành cước, có chút giống với hòa thượng Hư Vân, ngài cũng trải qua rất nhiều khổ cực, cuối cùng vắng sanh thì hiện cho chúng ta xem cũng là ngồi trên giường dây, thật sự là lấy khổ làm thầy. Đương nhiên chúng ta hiện nay đều không ngủ trên giường dây nữa, đều ngủ trên giường gỗ. Giường này cao 1 thước 6 tấc, tức là căn cứ theo kích thước 8 ngón tay của Phật để nói. Bởi vì độ rộng một ngón tay của Phật, bề rộng một ngón tay [của Phật] là hai tấc, rộng hơn người thường chúng ta. 2 tấc này là dùng thước Chu tấc Chu, cho nên 8 ngón tay là 1 thước 6 tấc. Vừa rồi nói một thước Chu là 24,6cm, cũng tức là nói 1 tấc Chu là 2,46cm. 1 ngón tay của Như Lai đại khái dài

gần bằng 5cm, tức là ngón tay rất lớn, bởi vì vóc dáng của đức Phật cũng cao lớn. Ở đây có một phương pháp rất đơn giản để nhận định, tức là khi ngồi không hồng chân thì không phải cao. Như chúng ta ngồi trên chiếc ghế này, ngồi lên trên mà chân có thể chạm đất, chạm bình thường trên mặt đất. Giả sử ghế của bạn quá cao thì chân của bạn không thể đặt bình thường trên đất được, đây là thuộc về cao.

“*Chỉ đủ thân có thể nghiêng qua, quá mức ấy gọi là rộng*”, chỉ cho phép thân thể của bạn có thể nghiêng qua. Nói cách khác, nếu khoảng cách vừa rồi không đến 1m, cứ tính độ dài là 1m, với chiều rộng này thì bạn nằm trên đó thật sự chỉ có thể hơi nghiêng mình một chút, mức độ nghiêng vẫn không thể quá lớn, nếu không sẽ rơi xuống giường. Còn “*vừa cao vừa rộng gọi là lớn*”, cho nên giường lớn là bao gồm vừa cao vừa rộng, giường lớn quá giới hạn thì đều không phải là giường mà người xuất gia nên nằm ngồi. Ngay đến ngồi cũng không được, càng huống hồ là nằm ngủ ở trên đó, như vậy sẽ tăng trưởng tâm phóng dật của bản thân, tăng trưởng tội lỗi.

Thời Phật tại thế thì tỳ-kheo đều không dùng giường, họ đều thường ngồi ở ngoài trời, ngồi dưới gốc cây, ngồi ở nghĩa địa. Khi bên ngoài có mưa thì họ có thể ở trong phòng, nhưng trong phòng cũng không có giường, mà chỉ ngồi nằm ở trên đất. Khi ấy Bình Sa Vương cúng dường cho Phật và tăng đoàn tinh xá Trúc Lâm, có rất nhiều trưởng giả đã xây rất nhiều phòng ốc để cúng dường đại chúng tăng, như đạo tràng tăng-già-lam hiện nay của chúng ta. Ở Ấn Độ khi đến mùa mưa, trời mưa thì lượng nước mưa rất nhiều, mặt đất rất ẩm thấp, kết quả những tỳ-kheo bị bệnh không thể ngồi nằm trên nền ẩm, nên đức Phật nói “cho phép làm giường”, như vậy mới có thể cho phép tỳ-kheo làm giường để ngồi nằm. Bởi vì khi ấy còn có rất nhiều rắn, bò cạp, rết thường vào trong phòng, những tỳ-kheo chưa ly dục sau khi nhìn thấy đều rất sợ hãi, cho nên đức Phật liền nói “cho phép làm chân giường”, là giường có chân nhưng không được cao quá 1 thước 6 tấc, tức là 8 ngón tay của Như Lai, 8 ngón tay cũng bằng với một cẳng tay của người thông thường chúng ta hiện nay, khoảng cách của cẳng tay trên cánh tay.

Tiếp theo, “*huống hồ là sơn vẽ, chạm trổ, dùng tơ lụa, màn nệm u?*”, càng huống hồ sơn vẽ lên, có rất nhiều màu sắc đẹp, còn điêu khắc, điêu là khoét ở trong ra, khắc là khắc lên bề mặt. Tơ lụa đều là chỉ hàng dệt tơ, đây là thông qua kéo tơ, luộc tầm kéo tơ, sát hại sanh mạng mà có. Còn có màn nệm, màn lụa, nệm lụa. Nếu là bông vải, chăn bông thì đương nhiên có thể dùng, chúng ta hiện nay còn có màn,

đương nhiên đều không dùng lụa, những thứ này đều được. Sinh hoạt của các bậc đại đức Trung Quốc thời xưa đều vô cùng đơn giản, không thích xa hoa. Giống như Đại Vũ, ngài là thánh vương thời thượng cổ, phòng của ngài vô cùng đơn giản, ngài ra ngoài làm việc mới mặc quần áo và trang sức đẹp, bình thường khi ở nhà đều ăn mặc rất giản dị, phòng ốc, phòng của mình cũng không có đồ dùng gì đặc biệt trang nghiêm. Sống rất đơn giản thì tâm của bạn sẽ tương đối dễ thanh tịnh, người tu đạo có thể chuyên chú trên đạo nghiệp của mình.

Như thời xưa có một vị thiền sư tên là Kim Bích Phong, ngài dường như sắp khai ngộ rồi, nhưng do khi ấy hoàng đế rất tôn kính ngài nên ban cho ngài một chiếc bát rất đẹp, ngài yêu thích không rời tay. Kết quả ngày hôm đó thọ mạng của thiền sư Kim Bích Phong đã đến, Diêm-la vương phái hai tiểu quỷ phải đi bắt ngài. Khi ấy thiền sư nhập định, sau khi vào trong định thì hai tiểu quỷ ấy không bắt được. Kết quả lúc đó thần thổ địa xuất hiện nói với hai tiểu quỷ này rằng, muốn tìm được thiền sư Kim Bích Phong rất đơn giản, các vị gõ vào chiếc bát của ngài ấy là được rồi. Kết quả hai tiểu quỷ ấy hiểu ý, vậy là liền gõ vào chiếc bát của thiền sư, vang lên tiếng leng keng. Thiền sư đang ở trong định đột nhiên nghe thấy âm thanh này, ngài sợ có phải có người đến ăn trộm bát của ngài không, cho nên lập tức xuất định. Kết quả vừa xuất định thì liền mắc bẫy, 2 tiểu quỷ này lập tức bắt lấy ngài. Thiền sư Kim Bích Phong rất hối hận, biết đạo nghiệp của mình chưa thành tựu, bây giờ thọ mạng đến rồi. Tham ái chiếc bát này, bạn xem có một thứ không buông xả thì không thể thoát sanh tử, không ra khỏi sanh tử được. Sau khi ngài giác ngộ thì liền nói với hai tiểu quỷ này rằng: “Các vị có thể đợi tôi một chút được không? Tôi phải làm một việc, làm xong rồi các vị hãy đưa tôi đi”, 2 tiểu quỷ này liền đồng ý. Thiền sư Kim Bích Phong liền cầm chiếc bát của mình lên, chiếc bát này làm bằng ngọc cho nên vô cùng quý giá, ngài liền dứt khoát đập chiếc bát này xuống đất, đập vỡ ra, sau đó liền nói một bài kệ, ngay khi ấy ngài liền đại triệt đại ngộ, nói ra một bài kệ. Bài kệ này đại ý nói mình vì tham ái chiếc bát này mà không thể buông bỏ, bây giờ đập vỡ chiếc bát này rồi nên các vị không bắt được tôi nữa. Bởi vì khi một người khai ngộ rồi thì nhập vào cảnh giới vô ngã, quỷ thần cũng không có cách nào để bắt họ. Nói cách khác, họ không còn là người ở trong tam giới nữa.

Cho nên, tâm của chúng ta không nên vương bận, mà nên để tâm ở trong đạo. Như chúng ta hiện nay là thời kỳ mạt pháp thì phải nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh, đây là con đường ôn hòa nhất, thẳng tắt nhất, nhanh chóng nhất, nhưng bản

thân cũng phải chuyên chú, dụng công, không được phóng dật, cho nên người xuất gia chúng ta ngoài tứ sự cúng dường ra, những thứ khác đều là vật ngu si, đây là lời của tôn giả Ca-diếp. Vì vậy, đồ càng ít càng tốt, đủ ăn đủ dùng đủ mặc, những thứ dư ra thì đều xả bỏ, đồ của bạn ít thì tự nhiên tâm bạn ít vướng bận, không có thứ để tham ái thì bạn chẳng có gì mà không buông bỏ được, khi sắp vãng sanh, A-di-đà Phật đến thì bạn có thể ra đi bất cứ lúc nào, đối với thế giới này không có chút gì vướng bận.

Như thiền sư Kim Bích Phong vừa kể nhận được vật cúng dường quý giá từ chỗ hoàng đế, vốn dĩ người xuất gia là người ở ngoài thế tục, dù những vua quan, người phú quý tôn kính chúng ta, tặng chúng ta những vật cúng dường cao cấp, quý giá, nhưng chúng ta cũng không được thọ dụng. Bạn có thể xem đó là một vật phẩm để khơi gợi tín tâm của mọi người, ví dụ có thể đem trưng bày để mọi người tăng trưởng tín tâm, nhưng không phải bản thân dùng để thọ dụng, càng không được tham ái, chiếm làm của riêng. Nếu tham ái những thứ này thì sẽ tổn đức chuốc họa, cho nên trong Sa-di Luật Nghi Yếu Lược nói: “Người xưa dùng cỏ làm tòa ngồi, ngủ dưới gốc cây”. Chúng ta hiện nay có giường chiếu, giường nhỏ thì đã rất thù thắng rồi, hà tất phải yêu cầu giường cao rộng lớn hơn chứ, lại buông thả thân thể như huyễn như hóa của mình. Như bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta xả bỏ hưởng thụ vinh hoa phú quý, ngủ dục ở vương cung, trú thân dưới gốc cây, khi thành Phật ngài cũng lấy cỏ để làm tòa ngồi, ở trên tòa ngồi phát nguyện rằng nếu ta không thành vô thượng chánh đẳng chánh giác thì ta trọn không rời khỏi tòa ngồi kiết già này. Cho nên, đức Phật đã làm một tấm gương cho chúng ta, người xuất gia nhất định phải thiếu dục tri túc, lấy khổ làm thầy.

Ở đây lại kể một công án, chính là câu chuyện tôn giả Hiếp cả đời lưng không dính chiếu. Trong Tây Vực Ký ghi chép, tôn giả Hiếp là người Trung Thiên Trúc, tức là người Trung Ấn Độ, ban đầu ngài tên là “Nan Sanh”, bởi vì ngài ở trong thai mẹ tròn 60 năm mới ra đời, cho nên gọi là Nan Sanh (tức là khó sanh). Có lẽ cũng do dưỡng ở trong thai mẹ thời gian dài như thế, cho nên nền tảng thể lực của ngài đặc biệt tốt, khi 80 tuổi ngài mới xuất gia, khi ấy xuất gia với tổ thứ chín là tôn giả Phục-đà. Sau khi ngài xuất gia, rất nhiều tỷ-kheo trẻ tuổi chê cười ngài rằng: “công việc xuất gia: một là phải tập thiền, thiền định, hai là phải tụng kinh, bây giờ thầy đã già rồi, còn tiến thủ gì nữa chứ?” Tôn giả sau khi nghe xong liền phát nguyện rằng: “ta nếu không thể quán thông ba tạng thánh giáo, không thể đoạn trừ 3 loại nghiệp

hoặc, đạt được 6 loại thân thông, đầy đủ 8 loại giải thoát thì cuối cùng ta quyết lưng không dính chiếu”. Chữ hiệp này tức là xương bả vai của chúng ta, nói cách khác, không được nằm xuống, cũng tức là thông thường chúng ta nói “bất đảo đơn”.

Cho nên, ngài ở chỗ tổ thứ chín, đồng thời phụng sự tổ, phụng sự sư trưởng, ban ngày nghiên cứu tam tạng, ban đêm ngồi thiền dụng công, chưa từng ngủ nghỉ. Đây là gì vậy? Ngài là bất đảo đơn, không phải ngồi ở đó ngủ, rất nhiều người học bất đảo đơn, trên thực tế chính là ngồi ngủ, thật sự bất đảo đơn là không được ngủ, họ là ngồi thiền, nhập thiền định, không mất chánh niệm. Bây giờ chúng ta ngồi ở đó kỳ thực đầu đầu gục xuống rất thấp, kết quả toàn bộ xương cổ đều sẽ bị tổn thương, như vậy thì chẳng bằng nằm xuống ngủ. Cho nên, nếu ta không có công phu này thì đừng học máy móc, các ngài thật sự có đạo tâm này, cũng có công phu như thế, cũng có thể lực như thế, đến 80 tuổi mà dụng công tu hành như vậy. Kết quả, sau đó trong 3 năm ngài thật sự đã hoàn thành tất cả thệ nguyện của mình, cho nên sau đó ngài đã thành tổ thứ 10. Đây là chúng ta nói Thiền tông là bắt đầu từ Ấn Độ, bắt đầu từ tôn giả Ca-diếp là sơ tổ, ngài A-nan là tổ thứ hai, thứ tự như thế đến ngài là tổ thứ 10, tổ sư Đạt-ma là tổ thứ 28. Cho nên, có thể thấy được thật sự dụng công tu đạo, tức là không hưởng thụ những thứ giường chiếu tiện nghi của cuộc sống này, cũng bao gồm cả y thực mà chúng ta thọ dụng, sẽ có sự giúp đỡ rất lớn đối với việc khích lệ đạo tâm của ta.

Ở đây có nói bao gồm một số phần khai duyên: “*Theo chúng nằm giường liền dài thì không phạm*”. Đây là nói theo đại chúng tăng ngủ trên giường rộng. Rất nhiều đạo tràng, đặc biệt là đạo tràng thời xưa đều ngủ giường rộng, giường chung rộng. Giường này không thể nói là rộng được, vì họ là một người một chỗ nằm, cho nên điều này không phạm.

“*Thuyết pháp ngồi tòa sư tử thì không phạm*”, pháp sư giảng pháp phải ngồi tòa cao thuyết pháp, đây cũng là quy định ở trong Phạm Võng Bồ-tát Giới. Vì sao vậy? Bởi vì ngồi tòa cao thuyết pháp là một sự tôn kính đối với pháp, tứ chúng nghe pháp ngồi ở dưới, tâm nghe pháp giống như nghe Như Lai khai thị vậy. Đại sư Ấn Quang nói: “một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”, dùng tâm chí thành cung kính nghe pháp thì có thể đạt được lợi ích, cho nên nghi thức này là cần thiết. Do đó nói pháp sư ngồi tòa cao, tòa sư tử, tức là tòa rất cao, tòa sư tử đều sơn vẽ chạm trổ rất nhiều, như vậy ngồi lên sẽ không phạm. Nhưng vì thuyết pháp mới có thể ngồi, bạn không thể nói tôi thường ngày

cũng hay thuyết pháp, vậy thì tôi thường ngồi cũng ngồi cái ghế đó, vậy cũng không được, chỉ khi thuyết pháp mới có thể ngồi.

“Ở trong nhà cư sĩ không có giường ghế thấp nhỏ, mà tạm thời ngồi nằm thì không phạm”, ở đây cũng rất rõ ràng rồi, tức là khi đến nhà bạch y làm khách, ví dụ bạn nhận lời đàn việt cúng dường, chúng ta đến nhà cư sĩ để ứng cúng, có thể vị trí ngồi đó của nhà họ đều rất cao, bạn không thể nói: “nào, lấy một chiếc cưa [ra đây để] tôi cưa chân ghế đó đi”, như vậy thì lần sau người ta sẽ không dám mời bạn nữa, cảm thấy người xuất gia như bạn có chút gì đó thật kỳ lạ! Hoặc ví dụ, do vội lên đường nên chúng ta phải ở khách sạn, ở nhà trọ, giường nhà trọ có thể là giường lớn, vậy bạn không thể nói: “nay ông chủ, tôi không thể ngủ trên chiếc giường cao này được, ông lấy cưa cưa cho nó thấp xuống một chút”, không được, việc này hãy tùy duyên. Tạm thời nằm ngồi thì không phạm, không có giường ghế thấp nhỏ thì có thể nằm ngồi, nhưng đừng sanh tâm tham ái.

Cho nên, thông thường người xuất gia chúng ta đều mang theo ngoại cụ, 6 vật mà tỳ-kheo mang bên mình là ba y, bát, ngoại cụ, còn có túi lọc nước. Ngoại cụ này rất điển hình, độ rộng vừa phải, không quá rộng, thông thường chúng ta ngủ đều trải ngoại cụ lên giường, thậm chí chúng ta hiện nay, buổi tối tốt nhất đều nên trải ngoại cụ lên giường. Nếu không có giường phù hợp giới hạn thì chúng ta tác ý nghĩ rằng chúng ta ngủ đừng vượt quá phạm vi chiều rộng của ngoại cụ này, như vậy cũng được. Nếu người tại gia khi thọ trì bát quan trai giới cũng có thể dùng một chiếc khăn tắm trải lên giường. Ví dụ nhà bạn không có giường nhỏ thì bạn có thể khai duyên như vậy, trải lên chiếc giường to ấy, sau đó tự tác ý tôi ngủ không vượt qua phạm vi chiếc khăn tắm này, như thế cũng được.

Điều giới này chúng tôi cũng giảng xong rồi. Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 19

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 19/7/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mở sách đến điều giới thứ chín là “không ăn phi thời”:

“Thứ chín không ăn phi thời. Từ lúc minh tướng xuất hiện đến đúng giữa Ngọ gọi là thời. Từ khi mặt trời hơi ngả bóng cho đến khi minh tướng của ngày hôm sau chưa xuất hiện gọi là phi thời. Phi thời mà ăn thì gọi là phá trai. Mỗi miếng nuốt xuống đều kết tội. Nếu dùng tương phi thời, thuốc hàm tiêu, thuốc trợn đời thì đều không phạm. Tương phi thời là nước trái cây, nước mật v.v. lóng trong không có cặn bã. Thuốc hàm tiêu là mật, đường, mạch nha, bơ, dầu cũng không có cặn bã. Thuốc trợn đời là gừng, quế, tiêu, mơ và tất cả thuốc viên, tất cả thuốc thang, tất cả thuốc bột. Mùi vị của nó chua, chát, đắng, cay, không dùng làm thức ăn, có lý do bị bệnh thì cho dùng suốt đời”.

Trước tiên chúng tôi giải thích hàm nghĩa của tiêu đề này. Không ăn phi thời cũng tức là thông thường nói quá Ngọ không ăn, cách nói chính xác hơn phải là quá trưa không ăn, tức là thời điểm giữa trưa, qua một giây một phút rồi thì không được ăn nữa. Buổi sáng, hoặc trước giữa trưa thì món gì cũng có thể ăn được, ví dụ cháo buổi sáng, buổi trưa ăn cơm, mì, rau, bánh bao, sữa bò, kem v.v., những thứ này đều có thể ăn, nhưng sau khi qua giữa trưa rồi. Sang ngày thứ hai thì trước khi “minh tướng chưa xuất hiện”, khoảng thời gian này gọi là phi thời, thì không được ăn những thức ăn mà thông thường buổi sáng chúng ta có thể ăn nữa, trừ phi có lý do bị bệnh

thì có thể uống tương phi thời, hoặc uống thuốc đến tận hình thọ, hoặc ở đây nói uống thuốc trọn đời, hoặc là thuốc 7 ngày. Thuốc 7 ngày ở đây cũng gọi là “thuốc hàm tiêu”, là ngậm ở trong miệng có thể tự tiêu hóa được. Chỗ này khi vào giải thích kinh văn thì chúng tôi sẽ giải thích tường tận.

Có người cho rằng quá Ngọ không ăn, chữ Ngọ này chính là giờ Ngọ mà người Trung Quốc nói. Bởi vì giờ Ngọ của người Trung Quốc là từ 11h đến 1h gọi là giờ Ngọ. Điều này không chính xác, cho nên ở đây chính xác là chỉ thời điểm giữa trưa. Thời điểm giữa trưa của mỗi một ngày là mấy giờ mấy phút mấy giây, đều có thời giờ nhất định. Hiện nay có thể tra từ lịch thiên văn, hoặc trên trang web thì có thể tra được rất dễ dàng. Đài thiên văn đều có công bố thời điểm giữa trưa của mỗi ngày, mỗi một khu vực. Hiện nay đối với người trì Ngọ như chúng ta mà nói thì rất thuận tiện. Nghĩa công ở đây của chúng ta không ngại thì cũng có thể, ví dụ mỗi tháng đem bảng thời điểm giữa trưa in ra treo lên bảng thông báo ở cửa trai đường để mọi người có thể nhìn thấy rõ. Thời điểm giữa trưa của bốn mùa trong một năm đều có thay đổi, đều có biên độ nhất định, nhưng thay đổi cũng không quá lớn, nhiều nhất cũng chỉ chênh lệch trong vòng 45 phút. Cho nên thông thường mà nói, nếu 11h30 bạn ăn xong thì đều có thể bảo đảm không vượt quá Ngọ.

Như chúng ta hiện nay ở thành phố Sán Vĩ, thời điểm giữa trưa đều là sau 12h, vậy chúng ta thọ trai ăn từ 10h45 đến 11h30 kết thúc bữa trưa, thời gian như thế rất thoải mái, tuyệt đối không quá Ngọ. Nếu quá thời điểm giữa trưa mà vẫn ăn những thời được đó, nghĩa là những thức ăn vốn dĩ nên ăn vào buổi sáng mà chúng ta lại ăn sau giữa trưa thì sẽ phạm điều giới này, gọi là “ăn phi thời”. Điều giới này không những sa-di nhất định phải giữ, vì là một trong 10 giới sa-di, mà thức-xoa-ma-na, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đều phải trì giữ điều giới luật này. Giới tỳ-kheo là ở điều 37 trong chương thứ ba, giới này ở tỳ-kheo-ni là điều thứ 23 trong chương thứ ba, thậm chí cư sĩ thọ bát quan trai giới cũng phải trì giữ điều giới này. Điều giới này gọi là “trai”.

Cho nên bát quan trai, chữ trai này là chỉ “không ăn phi thời”, bát quan là chỉ 8 điều giới, giống như 8 điều ở phía trước ở trong mười giới sa-di của chúng ta, điều thứ chín ở đây là thuộc về trai, cho nên phạm điều giới này gọi là “phá trai”, chỉ có điều giới thứ 10 thì cư sĩ có thể không cần trì giữ, chính là giới không cầm giữ tích trữ tiền bạc, nhưng 5 chúng xuất gia thì đều phải trì giữ.

Giả sử ăn cơm xong rồi, trước khi giữa trưa thì tốt nhất nên đánh răng sạch sẽ, hoặc chí ít bạn có thể dùng tăm xỉa răng, hoặc dùng chỉ nha khoa lấy sạch các thức ở

trong kẽ răng ra rồi súc miệng, đừng để những thứ cặn bã đó còn sót lại ở trong miệng, bởi vì nuốt những thứ sót lại này thì trai pháp đều không thanh tịnh. Điều giới này đặc biệt gọi là trai, trai có nghĩa là thanh tịnh, cho nên có thể trì trai, tức là trì điều giới không ăn phi thời này thì có thể giúp tâm chúng ta thanh tịnh. Tục ngữ cũng nói “ăn no mặc ấm ắt sanh dâm dục”, ăn quá no, đặc biệt sau quá no, buổi chiều, thậm chí buổi tối ăn quá no thì sẽ giúp tăng trưởng tâm dâm dục, tâm cũng không thanh tịnh.

Trong kinh Tỳ-la-tam-muội nói không ăn phi thời có thể được năm loại lợi ích. Thứ nhất là xa các thứ tham dục, tức là có thể xa nhiều tham dục. Thứ hai thần khí khoan khoái, tức là nói nhìn sắc mặt và khí sắc của chúng ta rất thanh tịnh, rất nhanh nhẹn. Nếu một người buổi tối ăn quá no thì nhìn người này sẽ có một luồng trực khí, thậm chí có một loại, thông thường chúng ta nói là ngờ nghếch khờ khạo, đầu óc người này không minh mẫn lắm, người ăn ít thì tự nhiên ít dục, tâm địa họ có thể trong sáng. Buổi tối có thể không ăn thì bạn sẽ không tăng cân, đương nhiên điều này đối với rất nhiều người mà nói là một tin tốt, rất nhiều người thế gian đều muốn giảm béo. Kỳ thực phương pháp đơn giản nhất để giảm béo là cắt bữa tối, vậy thì chắc chắn sẽ không béo được. Người tu hành như chúng tôi cắt bữa tối dường như có gầy đi một chút, có không ít đồng học nhìn thấy tôi trước đây, trước khi chưa xuất gia tôi cũng giảng bài rồi, thấy tướng mạo của tôi hoàn toàn khác hiện tại, trước đây tương đối mập một chút, bây giờ thì tương đối gầy một chút, nhưng khí sắc hiện nay không giống trước đây. Hiện nay, dường như có chút cảm giác như lời họ nói là tiên phong đạo cốt. Kỳ thực đây là lời tăng bốc, ý nói tôi hơi gầy một chút, nhưng đồng thời cũng có thể vì lý do không ăn tối cho nên tự nhiên có hơi thở thanh nhẹ, bản thân cũng cảm thấy không ăn tối thì đầu óc đặc biệt tỉnh táo sáng suốt, đặc biệt buổi tối đọc kinh, đọc sách, trong đêm khuya thanh vắng tự dụng công đều vô cùng chuyên chú, sức lý giải cũng đặc biệt mạnh, trước đây kinh điển đọc không hiểu thì bây giờ đọc cũng tương đối dễ hiểu, trí tuệ cũng có thể nâng cao, cho nên không ăn tối quả thực có rất nhiều lợi ích.

Kinh Tỳ-la-tam-muội lại nói lợi ích thứ ba là có thể đẩy lùi ma quỷ. Điều này cũng có thể rất dễ lý giải, ví dụ bạn ăn quá no, đặc biệt là buổi tối ăn bữa tối, sau khi ăn xong chắc chắn đầu óc sẽ hôn trầm. Về y học hiện nay thì mọi người đều tương đối hiểu rõ, bởi vì bạn ăn quá nhiều thì ruột và dạ dày phải nhu động, cần rất nhiều máu huyết chảy vào ruột và dạ dày để làm việc, cho nên tự nhiên máu cung cấp cho

những bộ phận khác và đầu sẽ không đủ, máu đem theo dưỡng khí cho nên cũng không cung cấp đủ [dưỡng khí], thế nên người ăn nhiều thì sự cung cấp cho não thường sẽ bị hơi thiếu một chút, sau khi thiếu thì đương nhiên sẽ rất dễ lơ mơ buồn ngủ, tinh thần cũng không nâng cao lên được, khi thật sự dụng công thì phải ngủ rồi. Đây chính là bị ma ngủ quấy nhiễu, cho nên sau buổi tối có thể không ăn thì ma ngủ không thể đắc ý được nữa, có thể đuổi ma ngủ đi. Ở đây có thể có một số người đặc biệt khi niệm Phật, khi nghe kinh hay ngủ gật, điểm này bản thân phải cố gắng lưu ý một chút.

Đương nhiên buổi trưa cũng không nên ăn quá no. Có người do phải trì trai nên bữa trưa họ ra sức ăn, ăn rất no, no căng bụng, điều này cũng không nên, quá no như thế cũng làm tổn thương đến ruột và dạ dày. Kỳ thực bạn không cần lo lắng, hình như mình không ăn no thì đến tối sẽ đói, không đâu, ngược lại bạn cứ ăn bình thường, ý niệm của bạn đừng tập trung trên ý niệm đói hay no, bạn cứ thật thoải mái. Như bạn thấy người thế gian, những người làm việc rất có chí tiến thủ, họ đều có thể quên ăn bỏ ngủ, thậm chí cả ngày không ăn cơm mà họ cũng không cảm thấy đói, vì sao vậy? Bởi vì họ quên mất việc ăn cơm này rồi, cho nên họ không cảm thấy đói. Kỳ thực vì sao bạn cảm thấy đói? Bởi vì bạn nghĩ đói, bạn nghĩ đói thì sẽ đói, chúng ta phải tập trung ý niệm của chúng ta vào việc tu đạo, hãy quên đi những sự việc thuộc ngũ dục đó. Nếu một người thường sống trong pháp hỷ thì mỗi ngày đều sống rất sung mãn, căn bản sẽ không nghĩ đến: “Ái dà, tại sao buổi tối mình không ăn cơm nhỉ”, họ sẽ không có những ý niệm này. Đương nhiên vừa bắt đầu có thể bạn sẽ cảm thấy có một chút chưa thích ứng, lúc này bản thân phải chuyển ý niệm, khi bạn cảm thấy đói thì làm thế nào? Bạn có thể niệm A-di-đà Phật nhiều lên, nếu thật sự lại đói thì uống nước làm phồng dạ dày lên, vậy thì sẽ không đói nữa. Kỳ thực qua khoảng nửa tháng là bạn sẽ thích ứng được, thực sự sẽ không có cảm giác đói nữa. Như chúng tôi hiện nay dù cũng không ăn bữa sáng, chỉ ăn một bữa trưa cũng không có cảm giác đói, đều là một loại thói quen.

Lợi ích thứ tư là đạo nghiệp có thể rất dễ thành tựu, thứ nhất bạn bớt ăn một bữa thì sẽ tiết kiệm rất nhiều thời gian. Người tại gia có lẽ sẽ có cảm nhận đặc biệt, bởi vì đều phải tự nấu cơm, bạn xem nấu một bữa cơm phải tốn rất nhiều thời gian. Bạn phải đi mua rau, phải rửa rau, sau đó một đồng lớn nồi bát gạo chầu, xong rồi thì vất vả khổ cực nấu, sau khi nấu xong cũng phải ăn 20 phút. Bạn tốn hai tiếng chuẩn bị, ăn 20 phút xong lại phải rửa một đồng lớn bát đĩa, cho nên khoảng thời

gian này đều bị lãng phí hết. Giả sử chúng ta không ăn tối, không nấu nướng thì sẽ tiết kiệm rất nhiều thời gian, đặc biệt người tu đạo thì càng phải tranh thủ thời gian, làm sao có thể lãng phí quá nhiều thời gian vào việc ăn cơm, vào những thứ ngũ dục này được chứ? Cho nên, Phật chế định tỳ-kheo đều khát thực, lấy khát thực làm chánh mạng, không tự tay nấu ăn, vì sao vậy? Chính là sợ chúng ta lãng phí quá nhiều thời gian vào những việc của thế tục này, nếu tập trung hết tinh lực, thời gian vào việc tu đạo thì có thể thành tựu. Đương nhiên chúng ta ở trong đạo tràng, vì hộ trì đạo tràng, hộ trì đại chúng, chúng ta vì đại chúng mà làm, điều này nên làm, đây là tu phước.

Lợi ích thứ năm là tăng trưởng phước thọ, người ăn ít thường sẽ trường thọ, phước báo tương đối dài lâu. Điều này cũng rất dễ lý giải, bởi vì phước báo của một người đều có nhất định, giả sử bạn dùng quá nhiều thì sẽ dùng hết rất nhanh. Nếu bạn dùng ít thì sẽ dùng tương đối lâu dài. Thọ mạng của người cũng là phước báo, nếu bạn ra sức hưởng phước báo của bạn, sau khi hưởng hết phước báo, phước hết thì thọ mạng liền hết. Chúng ta dùng tiết kiệm, ví dụ mỗi ngày có thể ăn 3 bữa, bây giờ chúng ta chỉ ăn hai bữa, vậy là tiết kiệm được 1/3 phước báo. Nói cách khác, thọ mạng của chúng ta có thể kéo dài thêm 1/3 nữa. Vốn dĩ bạn có thể sống đến 60 tuổi, bây giờ bạn có thể sống đến 90 tuổi, càng hưởng thọ thời gian chúng ta tiết kiệm được vẫn có thể tu phước, tu tuệ thì càng thù thắng hơn.

Tiếp theo giảng về ý nghĩa Phật chế giới, vì sao Phật phải chế định điều giới luật này. Ở đây chúng tôi trích dẫn Giới Bản Sở, Giới Bản Sở trong tam đại bộ nói về ý nghĩa chế giới: *“Phàm là ăn uống để nuôi thân, việc này cần phải tiết chế, nếu ăn liên tục thì ắt gây ra họa hoạn, cho nên hạn lượng một thời gian nhất định là bắt đầu từ sáng sớm đến trước giữa trưa, điều này phù hợp với pháp [thanh tịnh nên] không sanh họa hoạn và tội nghiệp, gọi là thời. Ăn quá ngọ thì không phù hợp oai nghi, sẽ tăng thêm tham dục, chướng ngại đạo nghiệp, bị người chê cười hủy báng, việc này không tương ứng với pháp [thanh tịnh], gọi là phi thời, cho nên Phật chế định giới này”*.

Đoạn này là do tổ Tuyên viết, chúng ta xem trên giảng nghĩa có thể chưa chắc đã có, ý nói chúng ta dùng thức ăn để nuôi dưỡng thân thể của chúng ta. Từ trên sự lý mà nói thì nên tiết kiệm thức ăn và phước báo của chúng ta, nếu ăn liên tục liên tục sẽ dẫn đến họa hoạn, cho nên Phật chế định thời hạn để ăn cơm, ăn thức ăn, từ sáng sớm, tức là sau khi minh tướng xuất hiện vào buổi sáng đến trước giữa trưa, ăn

như vậy có thể thuận sự, thuận pháp. Sự này là nói lẽ thường tình của thế tục, chúng ta cũng phải tùy thuận, dù sao thân thể của chúng ta là thân ngũ ấm, cần phải dùng thức ăn để nuôi dưỡng, chúng ta có thể ăn thức ăn, song cũng cần thuận theo pháp của chư Phật, ba đời chư Phật đều không ăn quá ngọ, như thế chúng xuất gia chúng ta có thể học chư Phật quá ngọ không ăn thì sẽ không sanh khởi họa hoạn, đây gọi là “thời”, tức là thời gian nên ăn thì mới ăn, nếu quá thời gian này, quá giữa trưa mà vẫn ăn những đồ này thì không phù hợp với quy tắc oai nghi của người xuất gia chúng ta, sẽ tăng trưởng tâm tham dục, có hại cho đạo nghiệp đang tu, hơn nữa sẽ gặp phải sự chê cười và hủy báng.

Một trong những duyên khởi của điều giới này cũng chính là nói đến đệ tử của Phật là Ca-lưu-đà-di, ngài cũng là một trong số lục quần tỳ-kheo. Có một hôm vào buổi tối, ngài ra ngoài khát thực, kết quả có sấm sét liên tục, ngài đi gõ cửa một gia đình, kết quả bên trong là một thai phụ, khi ra mở cửa, bởi vì trời rất tối, mà toàn thân tôn giả Ca-lưu-đà-di cũng rất đen, cho nên lúc này mở cửa ra, đột nhiên trên trời chớp lóe lên một cái, chiếu lên thân hình của tôn giả Ca-lưu-đà-di, khiến thai phụ này hoảng sợ, cho là quỷ đến, cho nên lúc ấy thai phụ này đã bị xảy thai. Sau đó, thai phụ này rất căm tức chửi mắng: “Sa-môn Thích tử thà tự mổ bụng cũng không nên ăn tối”, tức là người xuất gia, người xuất gia với Thích-ca Mâu-ni Phật, Thích tử tức là những đệ tử xuất gia chúng ta, thà tự mổ bụng cũng không được ăn đồ vào buổi tối. Cho nên, do một duyên khởi như vậy nên Phật liền chế định giới không ăn phi thời. Tuy do một duyên khởi như thế nhưng cũng vừa hay phù hợp với thông lệ quá ngọ không ăn của ba đời chư Phật. Khi Phật tại thế, những đệ tử này đều thị hiện phạm duyên khiến đức Phật chế giới.

Giới Bản Sớ lại nói: *“Trong kinh nói: chư thiên ăn buổi sáng, ba đời chư Phật ăn giữa trưa, súc sanh ăn lúc mặt trời ngả bóng, quỷ thần ăn lúc sấm tối. Phật chế giới này để đoạn nhân của sáu cõi, mà giống với nhân duyên của ba đời chư Phật”*. Trong kinh điển có nói buổi sáng là lúc chư thiên, thiên nhân ăn uống. Giữa trưa chính là khoảng thời gian trước giữa trưa mà bây giờ chúng tôi đang giảng. Thời gian chúng ta quá đường ăn cơm chính là thời gian ba đời chư Phật ăn cơm. Đến lúc mặt trời ngả bóng tức là qua buổi trưa là súc sanh ăn, tức là đến buổi chiều, thậm chí là hoàng hôn, đây là thời gian súc sanh ăn uống. “Quỷ thần ăn lúc sấm tối”, sấm tối tức là lúc chạng vạng tối, quỷ thần bắt đầu ẩn hiện, họ bắt đầu ăn thức ăn. Nói cách khác, Phật thị hiện cho chúng ta là ăn trước giữa trưa để đoạn trừ nhân luân chuyển

trong sáu cõi, đừng học tập những quỷ thần, súc sanh đó, ngay đến cõi trời cũng không học, chúng ta học tập ba đời chư Phật, cũng tức là không học tập chúng sanh sáu cõi, mà phải học tập chư Phật thì mới có thể đoạn trừ được nhân của sáu cõi, tương lai có thể ra khỏi sáu cõi.

Đoạn này trong Tam Đại Bộ, luật sư Linh Chi có giải thích rằng: *“Muốn ra khỏi ba cõi ắt phải đoạn nhân của sáu đường, cho nên chế định tỳ-kheo không ăn uống giống như chúng sanh sáu cõi, mà nương theo bậc đại thánh thì sẽ có hy vọng ra khỏi ba cõi. Thương thay những kẻ ngu si tối đến ăn nhiều, không chịu học theo chư Phật mà lại cam tâm giống như quỷ thần, súc sanh, không biết là ý gì”*. Ở đây luật sư Linh Chi giải thích rằng, muốn vượt khỏi biển khổ ba cõi thì nhất định phải đoạn trừ nhân luân chuyển trong sáu đường, vậy tự nhiên có thể đoạn được quả của sáu đường, cho nên đức Phật chế định tỳ-kheo ăn uống không được giống như các loại chúng sanh sáu đường đó, mà bảo nương theo bậc đại thánh, tức là đức Phật, hành trì giống như Phật thì chúng ta mới có hy vọng ra khỏi ba cõi. Than thở, thương thay những kẻ ngu si ấy đa số đều ăn vào buổi tối. “Đa xan”, xan nghĩa là ăn nuốt, ăn nuốt những đồ ăn vào buổi tối, ăn bữa tối, thông thường ở tự viện chúng ta gọi là “dược thạch”. Trên thực tế, Phật không chế định giới luật như thế. Nói đến dược thì trừ khi là thuốc trọn đời, tương phi thời, thuốc bảy ngày thì được, nhưng không nói là dùng “thời dược”, như buổi sáng chúng ta ăn những thứ như cơm rau, đó là thuộc về thời dược. Vì vậy chúng ta nên làm theo, học tập chư Phật quá ngộ không ăn, làm sao có thể cam tâm làm những hành vi giống như những quỷ thần và súc sanh đó cho được! Làm vậy không biết là ý gì?

Lại nói rằng: *“Các bậc cao tăng đại đức thời xưa đều phụng hành cung kính giới luật oai nghi, ngày ăn một bữa mỗ trai, hằng ngày đều dùng như thế. Thời nay trước ác, ăn bất kể lúc nào, nếu có cúng trai lại trì hoãn đến tối, các thiện sư và đại pháp sư an nhiên ngồi ăn. Chỉ biết tìm cầu sự thoải mái cho thân thể ô trược này, há chẳng phải đang công khai làm trái thánh giáo ư? Dòi trong hàm phân, ngạ quỷ đều do tâm này mà biến thành; nước đồng, viên sắt nóng há do nguyên nhân khác mà bị sao? Người có kiến thức hiểu biết thông đạt nên cố gắng khích lệ”*. Đoạn này nói rất hay, ngôn từ đều rất khẩn thiết, đây là lời luật sư Linh Chi nói, cao tăng đại đức thời xưa, các ngài đều phụng hành và cung kính luật nghi, giới luật và oai nghi. Trì giới quan trọng nhất chính là bồi dưỡng tâm cung kính, đối với giới luật mà Phật chế định, chúng ta đều không tơ hào vi phạm, đây chính là hiếu thuận với Phật. Tinh thần quan

trọng nhất của trì giới chính là chữ “hiếu”, hiếu thuận cha mẹ, sư tăng, tam bảo, “hiếu thuận là pháp chí đạo, hiếu gọi là giới, cũng gọi là ngăn cấm”. Đây là lời giáo huấn trong kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới. Giả sử Phật chế định mà chúng ta không thể tuân theo thì làm sao có thể gọi là hiếu được? Không thể gọi là đệ tử Phật được, cho nên học giới luật quan trọng nhất chính là bồi dưỡng tâm hiếu thuận với Phật-đà, với tam bảo, tâm địa có thể nhu thuận thì mới có thể trở thành một pháp khí, mới có thể thọ đại pháp được.

Cho nên cao tăng đại đức từ xưa đến nay đều là “ngày ăn một bữa mỗ trai”, một bữa chính là một bữa giữa trưa. “Mỗ trai” này, mỗ là nói thời gian buổi sáng từ 5h đến 7h. Hiện nay buổi sáng chúng ta ăn tiểu thực là 6h30 đánh bản ăn cơm. Lúc này trời chắc chắn đã sáng rồi, nếu trời chưa sáng thì không được đánh bản ăn cơm. Sau khi trời sáng rồi, sau khi minh tướng đã xuất hiện thì mới có thể đánh bản ăn cơm. Ăn bữa sáng này cũng chỉ có thể ăn tiểu thực, như cháo nấu tương đối loãng, khi mở nắp nồi ra, dùng đũa nhúng vào trong nồi cháo mà viết không ra chữ, như vậy là đủ độ loãng. Nếu có thể viết được ra chữ ấy, chữ không tan mất, cháo như thế quá đặc. Cháo này không thể gọi là tiểu thực, mà đã biến thành chánh thực rồi. Nếu buổi sáng ăn chánh thực, buổi trưa vẫn ăn nữa thì tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di chúng ta cũng đều phải tác pháp dư thực thì mới có thể ăn, nếu không sẽ phạm giới túc thực. Buổi sáng cho phép dùng tiểu thực, buổi trưa thì chính thức ăn ngũ trai, đây là thông lệ của các cao tăng đại đức từ xưa đến nay. Có một số người ngay đến tiểu thực cũng không ăn, như hòa thượng Thanh Công của chúng ta, ngài mấy chục năm như một ngày, chỉ giữa trưa mới ăn một bữa, đây là hằng ngày đều dùng như thế.

“Thời nay”, đây là triều nhà Tống, có thể đã xuất hiện những trường hợp không như pháp, cho nên phạm giới ăn phi thời đã có từ lâu. Hiện nay, đạo tràng quả thực có thể trì giữ được giới không ăn phi thời này thì đã trở thành số ít rồi. Phần lớn các đạo tràng đều không thể trì ngũ. Thời triều nhà Tống, luật sư Linh Chi đã rất cảm thán nói “thời nay trước ác”, thời đại hiện nay rất trước ác rồi. Một biểu hiện của trước ác chính là làm trái giới luật của đức Phật, hơn nữa có thể là ngang nhiên vi phạm mà mặt vẫn không đổi sắc, không sanh khởi tâm hổ thẹn. Cho nên “ăn bất kể lúc nào”, ăn uống không coi trọng thời gian nữa, mà trái lại muốn ăn thì liền đưa vào miệng. “Nếu có cúng trai”, giả sử khi có cúng trai thì luôn trì hoãn đến tối. Những điều này quả thực chúng tôi cũng đã nhìn thấy, thậm chí rất bi ai. Khi đó chúng tôi đang thọ giới, các thí chủ cúng trai đều cúng trai vào buổi tối, mời tất cả đại chúng

sư chúng tôi ăn, đến ăn cơm, thậm chí mời cả thập sư của chúng tôi ăn tối. “Các thiền sư và đại pháp sư an nhiên ngồi ăn”, những thiền sư tập thiền, hoặc các pháp tượng diễn giảng Phật pháp, đây là đại pháp sư họ ăn cơm tối, ngồi ở đó ăn, đều ăn rất tự nhiên, như thể những chuyện nhỏ này không hề xảy ra vậy. “Chỉ biết tìm cầu sự thoải mái cho thân thể ô trược này”, chỉ biết dùng những thức ăn này để tìm cầu sự thoải mái, tức là để thân thể cấu uế này được dễ chịu, thoải mái, làm hài lòng thân thể ô trược này. Nói cách khác, chỉ thỏa mãn yêu cầu của thân thể mình chứ không biết thân thể căn bản không phải là ta. Người tập thiền ngay đến điều này cũng không hiểu hay sao? Người giảng pháp ngay đến điều này cũng không hiểu hay sao? Nhưng họ vẫn làm như vậy. “Há chẳng phải đang công khai làm trái thánh giáo ư?” Chẳng lẽ họ không nghĩ đến làm vậy là đang công khai làm trái với thánh giáo của đức Phật sao? Bởi vì điều giới ăn phi thời này không nói lúc nào có thể khai duyên, buổi tối có thể ăn cơm, dù bị bệnh cũng không có khai duyên.

Phía sau nói càng không khách khí hơn, “dòi trong hàm phân, ngạ quỷ đều do tâm này mà biến thành”, hạng người này tương lai biến thành giòi bọ trong hàm phân, hoặc biến thành ngạ quỷ chính là loại tâm lý này tạo thành. Tâm lý gì vậy? Chính là dùng tâm khinh mạn làm trái lời Phật, vi phạm điều giới ăn phi thời này. Còn “nước đồng, viên sắt nóng há do nguyên nhân khác mà bị sao?” Do phạm trai, phá trai thì tương lai sẽ đọa xuống địa ngục. Đọa trong địa ngục uống nước đồng, ăn viên sắt nóng, chẳng lẽ bị quả báo này là từ nguyên nhân khác hay sao? Nói cách khác, chính là do nguyên nhân phá trai này mới tạo thành, cho nên “người có kiến thức hiểu biết thông đạt”, người có kiến thức, có cao kiến, người thông đạt, “nên cố gắng khích lệ”, nên cố gắng khuyến khích để hành trì. Đoạn văn này quả thật rất hay, có thể xem như một sự khích lệ rất tốt cho người xuất gia tu hành như chúng ta.

Tiếp theo nói với mọi người về “luận về mười lợi ích lớn của giới phi thời thực”, là văn do đại sư Ngẫu Ích viết. Mời mọi người lấy giảng nghĩa này ra. Đây là do đại sư Ngẫu Ích viết, có thể trì giữ giới không ăn phi thời thì có thể đạt được mười lợi ích lớn. Bài luận nhỏ này viết rất tỉ mỉ, chúng ta theo lời văn này đọc qua một lần, tiện thể sẽ theo văn để giải thích:

“Có người khách hỏi đồ-đa tử rằng: tôi nghe giết, trộm, dâm, dối gọi là tánh tội, uống rượu u mê mất đi hạt giống trí tuệ, ăn thịt chúng sanh đoạn mất tâm đại từ bi, do đó Như Lai chế giới này, bầy chúng cùng vâng theo, cố nhiên không có chút nghi hoặc, còn như ăn uống thường ngày để nuôi thân thì có lỗi gì mà giới ăn phi

thời nghiêm trọng như thế? Mong được nghe tông chỉ trong đó”. Ở đây, trước tiên nêu ra một đoạn câu hỏi nói rằng, có một vị khách đến hỏi đồ-đa tử. “Đồ-đa” là tiếng Phạn, nghĩa là đầu đà, tức là đầu đà tử, đầu đà chính là người tu khổ hạnh, tu 12 hạnh đầu đà. Trong 12 hạnh đầu đà này có một điều chính là ăn một bữa giữa ngày, hơn nữa thậm chí quá Ngọ không uống tương, qua thời điểm giữa trưa thì ngay đến tương phi thời cũng không uống, chỉ uống nước trắng, đương nhiên có thể uống thuốc trơn đời. Ở đây đại sư Ngẫu Ích mượn việc đồ-đa tử trả lời câu hỏi của người khách này, trên thực tế là một cách tự hỏi tự đáp, cho nên chúng ta cũng có thể xem đồ-đa tử là biệt hiệu của đại sư Ngẫu Ích, bởi vì đại sư Ngẫu Ích cũng là một người tu khổ hạnh. Từ năm 24 tuổi, ngài đã bắt đầu ăn một bữa giữa ngày rồi.

Người khách này hỏi đồ-đa tử rằng: tôi nghe nói giết, trộm, dâm, dối gọi là tánh tội, bốn tánh của nó vốn là có tội nghiệp, cho nên Phật chế định bốn giới này là tánh giới. Giới thứ năm là uống rượu, uống rượu khiến người u mê mất đi hạt giống trí tuệ, nên đương nhiên cũng phải chế định điều giới này là già giới. Trong giới Bồ-tát còn chế định không được ăn thịt chúng sanh, đương nhiên điều giới này cũng có thể được nhiếp thọ trong giới sát của năm giới. Bởi vì chúng ta thọ ngũ giới cũng là phát tâm Bồ-đề mà đắc giới thể, cho nên ngay thể của ngũ giới cũng giống như luật nghi giới của Bồ-tát giới rồi. Những điều này đương nhiên cũng cần trì giữ, bởi vì ăn thịt chúng sanh sẽ đoạn mất hạt giống đại từ bi, cho nên Như Lai chế định những giới pháp này đều cần bảy chúng đệ tử Phật cùng tuân thủ. Bảy chúng bao gồm năm chúng xuất gia và hai chúng tại gia. “Cố nhiên không có chút nghi hoặc”, dĩ nhiên điều này không có gì đáng nghi hoặc, còn như dùng “ăn uống thường ngày để nuôi thân thể”, nuôi thân, bình thường chúng ta ăn uống là để nuôi dưỡng thân thể của chúng ta thì có lỗi lầm gì? Có tội lỗi gì? Vì sao Phật chế định giới ăn phi thời, điều giới này nghiêm khắc như thế là đạo lý thế nào? “Mong được nghe tông chỉ trong đó”, tôi rất muốn nghe, tức là đồ-đa tử, ngài hãy nói cho chúng tôi biết ý thú và tông chỉ ở trong đây.

Tiếp theo chính là câu trả lời: *“Đồ-đa tử nói: tôi đang muốn trình bày rõ yếu nghĩa của trai pháp để làm tiêu chuẩn cho hành nhân, ông hỏi thật đúng lúc*”. Ở đây đồ-đa tử nói rằng, toàn bộ phía sau đều là lời ngài trình bày phân tích, ý nói tôi đang muốn trình bày nói rõ yếu nghĩa của trai pháp để làm tiêu chuẩn cho hành nhân, “ông hỏi thật đúng lúc”, tức là ông hỏi rất đúng lúc, vừa hay, ông hỏi thật đúng dịp.

Tiếp theo nói: *“Trai pháp là đại đạo chung của đệ tử chư Phật ở mười phương ba đời, có vị trí quan trọng trong pháp ra khỏi sanh tử, kẻ ngu si cứ chạy theo dục vọng ăn uống, cam tâm làm kẻ chỉ biết ăn uống. Nếu đã sợ sự ràng buộc của giới luật thì làm sao phân biệt được lợi ích của nó chứ? Nay tìm hiểu bốn ý mà Như Lai chế định giới, thấy là tận thiện tận mỹ, vậy sao có thể nói hết được, nên chỉ đơn giản nêu ra mười lợi ích lớn thôi”*. Ở đây nói “phù trai pháp”, phù là trợ từ ngữ khí, trai pháp chính là nói giới không ăn phi thời này, là đại đạo chung, thông hành của đệ tử chư Phật trong ba đời. Nói cách khác, không chỉ là Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta, mà tất cả đệ tử của chư Phật ở mười phương ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều cùng làm, đều phải trì giữ điều giới luật này. Nó “có vị trí quan trọng trong pháp ra khỏi sanh tử”, muốn ra khỏi sanh tử thì điều này có một vị trí rất quan trọng, “tân” chính là bền sông, ví dụ nói bạn muốn vượt biển sang bờ bên kia thì nhất định phải đi qua một bến sông như thế. “Ngu phu” là kẻ ngu si, họ cứ thuận theo tâm ý của mình mà tham đắm những dục vọng ăn uống, cũng tức là “chạy theo dục vọng ăn uống”, tức là ở đó theo đuổi những dục vọng ăn uống của mình mà cam tâm làm một kẻ tham ăn ham uống, đã sợ sự trói buộc của giới luật như thế thì làm sao có thể biện biệt được lợi ích của giới không ăn phi thời chứ? Cho nên ở đây, trước tiên chúng ta phải có một xuất phát điểm chính xác, trước tiên đừng vì thỏa mãn dục vọng ăn uống của mình mà biện hộ, trước hết phải buông bỏ những ái dục này, sau đó mới có thể thật sự lý giải thâm ý mà đức Phật chế giới này. Bây giờ “kim nguyên”, nguyên nghĩa là tìm hiểu, tìm hiểu dụng ý ban đầu khi năm xưa Như Lai kiến lập chế độ này thì mới thấy là tận thiện tận mỹ, có thể nói là thiện mỹ đến cùng tốt rồi, sao có thể nói ra hết được? Chữ “đạn” này nghĩa là hoàn toàn, không thể hoàn toàn nói ra hết được. Cho nên ý nghĩa này, lợi ích của giới không ăn phi thời này quả thực là nói không hết được. Ở đây chỉ là “đơn giản nêu ra”, đơn giản nêu ra mười lợi ích lớn để nói rõ cho chúng ta, mười lợi ích lớn này cũng chỉ là một cương lĩnh, nói ra cũng nói không hết.

“Một là đoạn duyên sanh tử, kinh nói: hết thấy chúng sanh đều do nhân dâm dục mà có mạng sống. Lại nói: chúng sanh ba cõi đều dựa vào ăn uống mà sinh tồn, gọi là đoạn thực, xúc thực, tư thực, thức thực. Từ đây thấy được, dâm dục đương nhiên là nhân chính của sanh tử, còn ăn uống chính là tăng thượng duyên bậc nhất của sanh tử, hai thứ này đều ở trong ngũ dục. [Nhưng vẫn] phải đặc biệt giúp đỡ thân độc này để mượn nó mà tu đạo, nên không thể hoàn toàn đoạn dứt. Song nếu

nhận được thời thực thì vẫn phải quán tưởng như nơi đồng hoang ăn thịt con mình vậy, làm sao có thể mặc sức mà ăn phi thời cho được?”.

Đoạn này nói lợi ích lớn thứ nhất, lợi ích lớn thứ nhất của không ăn phi thời là đoạn duyên sanh tử. Muốn sanh tử luân hồi thì cần phải có nhân có duyên thì mới có kết quả. Trong kinh nói “hết thấy chúng sanh đều do nhân dâm dục mà có mạng sống”, có thể thấy nhân khiến chúng ta lưu chuyển trong sanh tử chính là do dâm dục, đã có dâm dục thì sẽ có sanh mạng ở trong sáu đường, nói cách khác là không thể ra khỏi sáu đường. Trong kinh lại nói “chúng sanh ba cõi đều dựa vào ăn uống mà sinh tồn”, ba cõi tức là dục giới, sắc giới, vô sắc giới, chúng sanh trong ba cõi đều phải dựa vào ăn uống thì mạng sống mới có thể tồn tại được. Những thức ăn này không giống nhau, có đoạn thực, có xúc thực, có tư thực, có thức thực, các chúng sanh khác nhau thì họ sẽ có thức ăn khác nhau. Nếu không ăn thì họ không thể sống ở trong ba cõi được, có thể thấy hai thứ ăn uống và dâm dục, một cái là nhân của sanh tử, một cái là duyên của sanh tử, cho nên từ đây thấy được, dâm dục đương nhiên là nhân chính của sanh tử, còn ăn uống là tăng thượng duyên bậc nhất của sanh tử, có nhân có duyên thì đương nhiên bạn chắc chắn phải kết quả, bạn chắc chắn phải lưu chuyển trong sanh tử luân hồi.

Dâm dục và ăn uống đều ở trong ngũ dục, ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thù. Sắc chính là dâm dục, thực chính là dục vọng ăn uống, mà mỗi người ở trong luân hồi tích lũy hai loại dục này là nhiều nhất. Con người có thể không có tiền tài, nhưng họ không thể không ăn uống, cho nên việc ăn uống này mỗi ngày nhất định đều phải có, mà cũng chính vì họ có tâm dâm dục cho nên xả thân thọ thân ở trong sáu đường, tức là không ngừng đầu thai tìm kiếm cha mẹ, cho nên việc ăn uống và nam nữ chính là tập khí ô nhiễm sâu nặng mà hết thấy chúng sanh không thể lìa khỏi. Đương nhiên dâm dục có thể đoạn trừ, song còn ăn uống, nếu đoạn bỏ thì thân thể của chúng ta cũng sắp chết rồi, hiện nay nếu vẫn chưa tu thành, chưa đắc đạo, vậy thì vẫn phải đặc biệt giúp đỡ thân độc này. Thân này gọi là thân độc, bạn đừng cho rằng thân này rất tốt, thân này là gốc khổ, khiến bạn không ngừng thọ khổ. Nếu bạn mê hoặc coi thân này là chính mình, vậy thì bạn sẽ nhiễm độc rất sâu. Bạn vì thân này mà sẽ tạo ra tội nghiệp vô cùng, cho nên cần xem thân này là thân độc, không được tham ái nó, nhưng bây giờ vẫn cần mượn nó để tu đạo cho nên không thể hoàn toàn đoạn trừ ăn uống được.

Song giả như nhận được thời thực, thời thực chính là những thực phẩm mà buổi sáng có thể ăn, tức là những thực phẩm mà buổi sáng vốn dĩ có thể ăn, nhưng vẫn nên quán “tưởng như nơi đồng hoang ăn thịt con” vậy. Như trong kinh nói, hình như ở trong kinh Báo Ân nói quốc vương và phi tử của ông bởi vì bị nước láng giềng đánh bại nên phải bỏ chạy, mang theo hoàng tử của ông cùng bỏ chạy, kết quả đi nhầm đường, vòng qua đường xa hơn. Họ chỉ mang theo lương khô cho 7 ngày, nhưng lộ trình này phải 14 ngày mới có thể đi hết; kết quả đi được đoạn đường, nhưng phía sau thì lương thực đều hết rồi, làm sao đây? Hoàng tử này vô cùng hiếu thuận, cậu nói với phụ vương và mẫu hậu của mình là nguyện cắt thịt của mình để cúng dường cha mẹ, để sự trợ giúp này có thể khiến thân thể cha mẹ chóng trụ được mà đi hết con đường này. Cho nên, hoàng tử này mỗi ngày tự cắt một ít thịt trên thân xuống để cúng dường cha mẹ, mãi cho đến khi đi hết 7 ngày thì chỉ còn lại bộ xương của mình, cậu dùng ý chí vượt hơn người thường để đi theo cha mẹ như thế. Đương nhiên đối với cha mẹ mà nói thì đây là tận hiếu, nhưng cha mẹ ăn thịt trên thân con trai thì họ sẽ cảm thấy thế nào? Có nghĩ món ngon thế này, tôi phải ăn nhiều hơn một chút không? Đương nhiên không thể, có cha mẹ nào không thương yêu con cái của mình đâu? Cho nên, ở đồng vắng bắt buộc phải ăn thịt con trai mình, đó đều là miễn cưỡng vì để chống đỡ cho thân thể, thể lực, vậy thì làm sao có thể khởi tâm tham ái cho được? Cho nên “quán tưởng như nơi đồng hoang ăn thịt con mình vậy”, nên phải quán tưởng như thế, dù buổi sáng chúng ta quá đường ăn cơm, ăn thức ăn rất thơm ngon đó giống như ăn thịt con trai mình vậy, là tâm trạng đó.

“Làm sao có thể mặc sức mà ăn phi thời được?” Sáng sớm, buổi sáng khi ăn cơm còn không dám phóng túng dục niệm của mình, phóng túng dục vọng ăn uống của mình thì làm sao có thể sau khi quá Ngọ, thời gian phi thời mà còn mặc sức ăn những thức ăn này cho được? Nếu như vậy, bạn muốn liễu thoát sanh tử thì không biết đợi đến năm nào tháng nào. Cổ đức nói: vậy thì phải đợi đến năm con lừa. Trong 12 con giáp có con lừa không? Không có năm con lừa, nói cách khác, bạn không thể lìa khỏi được.

Hàm nghĩa thứ hai: “*Hai là biểu thị ý nghĩa trung đạo. Thiên Thai tông nói: ăn trước Ngọ là biểu thị phương tiện đạo, giống như có pháp để dắt vậy, quá Ngọ không ăn biểu thị ngoài trung đạo ra thì không cần gì nữa. Lý quán này, toàn bộ dựa vào sự tướng. Nếu giới thô còn không trì giữ được thì chẳng phải giống như người thế tục buổi tối còn phóng túng ăn uống, đó là bất cập; nếu giống ngoài đạo ngày*

ăn một hạt mè một hạt lúa mạch thì lại thái quá. Tu hành không phù hợp với trung đạo thì làm sao khéo hợp được với diệu lý”.

Lợi ích thứ hai của giới ăn phi thời là biểu thị hàm nghĩa trung đạo. Tông Thiên Thai nói ăn cơm trước Ngọ là biểu thị phương tiện đạo, phương tiện đạo cũng gọi là “gia hạnh đạo”. Điều này thuộc về vị thứ hai là “gia hạnh vị” trong năm vị của Duy Thức, nó gần với việc thấy đạo, nghĩa là trước khi vẫn chưa thấy đạo, để đoạn trừ phiền não của mình mà chuẩn bị việc tu hành này, nỗ lực dụng công hơn cho nên thuộc về phương tiện đạo. Trong Tiểu thừa nói là “noãn, đảnh, nhĩ, thế đệ nhất”, bốn loại gia hạnh này đều thuộc về phương tiện đạo, ăn trước Ngọ là thuộc về những phương tiện đạo này. “Giống như có pháp để đắc vậy” là tương tự như “có pháp để đắc”, nói cách khác, người ăn bữa sáng kỳ thực là một loại phương tiện đạo, người quá Ngọ không ăn là biểu thị điều gì? Là ngoài trung đạo đệ nhất nghĩa để ra, ngoài trung đạo ra thì không cần gì nữa, là không cần gì hết. Nói cách khác, chỉ có trung đạo thôi, đây là thuộc về tu lý quán. Pháp quán lý tánh này phải nhờ vào sự tướng. Nếu rời khỏi sự tướng thì lý quán đó cũng không thể thành tựu, cho nên khi chúng ta không ăn quá Ngọ thì bạn có thể thể hội được lý quán này, bởi vì Phật chỉ ăn giữa trưa, biểu thị trung đạo, quá trưa không ăn, trước trưa tức là bữa sáng họ cũng không ăn, chư thiên ăn sáng, Phật không ăn sáng, quá trưa cũng không ăn, điều này biểu thị trung đạo. Loại biểu pháp này có thể khiến chúng ta trước sau đề khởi được chánh niệm, giữ vững được trung đạo đệ nhất nghĩa để.

Nếu giới thô còn không thể trì giữ được, vậy thì chẳng phải giống như, tức là chẳng phải giống như người thế tục ban đêm phóng túng sự tham dục của mình mà ăn uống ư, đây là bất cập. Bất cập chính là không như pháp, nếu chúng xuất gia, chúng ta buổi tối cũng ăn uống giống như người thế tục thì đây là không như pháp. Chẳng những giống như người thế tục là không như pháp, mà giống như ngoại đạo thì cũng không như pháp. Ngoại đạo là năm xưa khi đức Phật còn tại thế, có một số người chuyên bỏ đói bản thân, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt lúa mạch, trước đây khi Phật tu khổ hạnh cũng đều đã tu qua, cho nên rất đói, đói đến cuối cùng một chút khí lực cũng không có, da bụng đều dính vào cột sống, việc này cũng thái quá rồi, đây gọi là khổ hạnh vô ích. Cho nên, hai loại này đều không phải là trung đạo, giống như người thế tục phóng túng dục vọng ăn uống của mình mà ăn uống vào buổi tối, buổi tối ăn cơm, hoặc giống như ngoại đạo ngay đến bữa chính cũng không ăn, mỗi ngày ăn một hạt mè, một hạt lúa mạch, khổ hạnh này cũng vô ích, hai loại

này đều không phải trung đạo. Cho nên “tu hành không phù hợp với trung đạo”, tu hành không phải đi trên trung đạo vậy thì “làm sao khế hợp được với diệu lý”, bạn làm sao có thể khế hợp được với diệu lý trung đạo đệ nhất nghĩa đế đây? Thái quá giống như bất cập, thái quá và bất cập đều không được, cho nên có người có thể sẽ phê bình rằng: bạn đã quá ngộ không ăn thì cũng dứt khoát bỏ luôn bữa sáng đi, bữa trưa cũng bỏ luôn, vậy không tốt hơn ư? Bạn đoạn trừ tham dục mới đoạn được triệt để, việc này lại thái quá rồi. Bởi vì dấu sao chúng ta giữ lại sắc thân này là vì nuôi giả thân để tu chân đạo, đó cũng là biểu thị ý nghĩa của trung đạo đệ nhất nghĩa đế.

Được rồi, lợi ích thứ ba là: *“Điều thân ít bệnh, tì chủ tín, ăn liên tục có thể khiến tì bị tổn thương nặng nhất, cho nên huyền môn cấm ăn tối là thuật hay để dưỡng sinh, vậy thì làm sao gọi là chịu đói cho được?”* Lợi ích thứ ba là nói nó có lợi ích điều thân ít bệnh, cho nên muốn điều dưỡng thân thể của bạn, khiến thân ít bệnh ít phiền, vậy thì ăn ít một chút, đây là phương pháp tốt nhất, thông thường là bệnh từ miệng vào, người hiện nay bệnh tật rất nhiều, hơn nữa nhiều kiểu nhiều loại. Từ nhỏ chúng ta chưa bao giờ nghe thấy tên những bệnh ấy, hiện nay đều nhiều khủng khiếp, nguyên nhân gì vậy? Phần lớn đều do ăn uống tạo thành, cho nên bớt ăn uống một chút sẽ giúp đỡ rất tốt cho việc điều dưỡng thân thể của chúng ta.

Năm xưa, đại sư Hoằng Nhất đặc biệt chủ trương, nếu thân có bệnh đau thì phương pháp tốt nhất chính là để mình đói một chút, vậy thì thân thể tự nhiên sẽ điều chỉnh lại. Trong ngũ tạng, ngũ tạng này là chỉ *tim, gan, tì, phổi, thận*. Cơ thể người đều có ngũ tạng, nó tương ứng với đức của ngũ thường, nhà Nho gọi là *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*, đây là ngũ thường, ngũ thường đối ứng với ngũ tạng, phân chia như thế nào? Gan thuộc nhân, nếu một người không có tâm nhân từ thì nhất định sẽ tổn thương gan, sẽ bị bệnh gan. Ví dụ một người thường nổi giận, tâm sân giận sẽ làm tổn thương lòng từ bi, tổn thương lòng nhân, gan hỏa quá vượng thì họ sẽ bị bệnh gan. Phổi thuộc về nghĩa, ví dụ một người bất nghĩa, cứ làm những việc không nên làm thì họ sẽ bị bệnh phổi, bệnh phổi biểu hiện ra da, cho nên da cũng không đẹp, vậy thì nhất định là làm rất nhiều việc bất nghĩa rồi. Tâm thuộc lễ, tức là tim của chúng ta là lễ hàm nhiếp, ví dụ làm rất nhiều việc phi lễ thì tâm đó không tốt, tim sẽ xảy ra vấn đề. Thận chủ trí, tức là thận của chúng ta tương ứng với trí tuệ. Tì thuộc về tín, chính là tín trong nhân - lễ - nghĩa - trí - tín, chính là chữ tín. Ví dụ nếu một người không có chữ tín thì tì vị của họ sẽ không tốt.

Ở đây nói tì chủ về tín, ví dụ nói người xuất gia chúng ta thọ giới, khi thọ giới, bạn thọ giới sa-di, thậm chí cư sĩ thọ bát quan trai giới, tỳ-kheo đang đàn thọ giới đều phát nguyện sẽ nghiêm trì giới luật, không phải nói khi lên đài thọ giới, khi đang đàn thọ giới thì bạn liền nghĩ tương lai tôi phải phá giới, vậy bạn hà tất đi thọ giới làm gì? Bạn chắc chắn là phát tâm phải thọ giới, gọi là tín nguyện thành khẩn muốn thọ giới. Kết quả, như khi cư sĩ chúng ta thọ giới, giới sư sẽ hỏi “thọ bát quan trai giới một ngày một đêm không ăn phi thời có giữ được không?” Mọi người đều trả lời: “có thể giữ”, trả lời như thế thì phải giữ chữ tín, nếu không thì bạn phá trai phạm giới rồi, đó chính là không có chữ tín, song hiện nay rất nhiều người chúng ta đều như vậy, xuất gia thọ giới, khi thọ giới thì dừng dừng hờ hững trả lời: “có thể giữ”, sau đó trở về liền bắt đầu phạm giới. “Ăn liên tục” là ăn rồi lại ăn, ăn rồi lại ăn, không phân biệt ban ngày, buổi tối, điều này có thể khiến tì bị tổn thương nặng nhất. Phá hoại chữ tín, hơn nữa làm cho tì vị của chúng ta gánh vác quá nặng, làm tì bị tổn thương. Tì là gốc của hậu thiên chúng ta, gốc của hậu thiên bị tổn thương thì thân thể của bạn rất khó điều dưỡng tốt được. Cho nên “huyền môn”, huyền môn chính là Đạo gia, họ lấy không ăn tối là thuật hay để dưỡng sinh, muốn dưỡng sinh thì buổi tối không ăn, đều là việc tốt, vậy thì làm sao có thể gọi là chịu đói được, cho nên điều giới này đều mang đến lợi ích cho thân thể của chúng ta.

“Thứ tư là đạo nghiệp được tôn sùng. Ngài Triệu Châu nói: hai thời cơm cháo là chỗ dụng tâm tạp loạn. Hai thời đã tạp loạn huống hồ ba, bốn thời ư? Nhà Nho nói: kẻ chỉ biết ăn uống ắt bị người khinh thường. Nay tôn kính giữ gìn trai pháp, tinh chuyên hành đạo thì đạo nghiệp tự hưng vượng”. Lợi ích thứ tư là trì điều giới không ăn phi thời này có thể khiến đạo nghiệp của chúng ta được sùng bái tôn thờ. Hòa thượng Triệu Châu từng nói rằng, Triệu Châu 80 tuổi vẫn hành cước, tức là hòa thượng Triệu Châu nói rằng “hai thời cơm cháo đều là chỗ dụng tâm tạp loạn”, hai thời ăn bữa sáng, bữa trưa, thời gian ăn cơm quả thực tâm trí liền bắt đầu dễ bị tạp loạn, thông thường mà nói chúng ta đều như vậy. Ví dụ nói, khi ăn cơm bạn có thể giữ chặt câu Phật hiệu, điều này không dễ dàng. Bạn không ăn cơm mà chuyên tâm niệm Phật còn tương đối dễ giữ vững được, cho nên khi hai thời ăn cơm thì tâm tư đều sẽ tạp loạn, càng huống hồ ba bữa cơm, bốn bữa cơm, còn có ăn đêm. Nhà Nho cũng nói “kẻ chỉ biết ăn uống ắt bị người khinh thường”. Kẻ chỉ biết ăn uống này là chỉ kẻ tham ăn ham uống, họ là người tham ái ăn uống, hạng người này người thông thường đều khinh thường họ, coi thường họ. Nói cách khác, họ không có nhân cách, cho nên nhà Nho cũng không tôn trọng những người chạy theo dục vọng ăn uống,

càng hưởng hồ đệ tử Phật môn, đệ tử xuất gia chúng ta. Nay tôn kính giữ gìn, chữ “khác” này nghĩa là cung kính, cung kính giữ gìn trai pháp, có thể tinh chuyên hành đạo thì đạo nghiệp của chúng ta tự nhiên sẽ hưng thịnh. Điều này đối với đạo nghiệp của chúng ta mà nói có giúp đỡ rất lớn.

Lợi ích thứ năm: *“Giới phẩm kiên cố, ăn tối giúp tăng thêm hỏa khí, tăng trưởng tâm dâm. Nay tịch mà thanh tịnh thì giới thể sẽ kiên cố”*. Trì giới không ăn phi thời có thể làm kiên cố giới phẩm của chúng ta. Bởi vì ăn tối sẽ giúp tăng thêm hỏa khí, trợ hỏa, trợ khí, hỏa chính là nhiệt năng của chúng ta, khí chính là khí trên thân chúng ta, là khí mà trong khí công nói đến, trợ khí này trên thực tế buổi tối nên hạ hỏa khí này xuống, chứ không phải là bốc lên. Buổi tối hạ hỏa khí xuống thì đối với việc ngủ nghỉ, an định đều có lợi. Nếu buổi tối ăn rất nhiều, rất no thì nhất định tăng trưởng tâm dâm, tức là nhiệt năng của bạn không thể thoát ra ngoài được, nên rất dễ kích động tâm dâm của mình, cho nên no ẩm sẽ nghĩ đến dâm dục. Hiện nay, ngược lại có thể vắng lặng thanh tịnh, tức là buổi tối không ăn nữa thì hỏa khí cũng sẽ không tăng lên, giới thể này liền có thể kiên cố, cho nên xem như không giúp làm tăng thêm cái duyên này. Mặc dù chúng ta có tập khí phiền não nhưng không có duyên thì nó sẽ không khởi hiện hành, liền có thể khiến bốn loại trọng giới căn bản của chúng ta đều có thể giữ gìn được vô cùng tốt.

“Sáu là có thể tu định. Đoạn trừ được việc ăn uống lung tung, nghĩ tưởng xằng bậy này rồi thì thân tâm khinh an, linh hoạt, được định không khó”. Phía trước là nói giới, ở đây là nói định, chúng ta có thể không ăn phi thời thì có thể tu học thiền định, có thể đoạn trừ việc ăn uống lung tung thì sẽ trừ bỏ được rất nhiều loạn tưởng, thân tâm đều có thể khinh an, rất linh hoạt, như thế tu định thì rất dễ được định. Tiền phương tiện để được định chính là khinh an, ví dụ thân tâm của bạn cảm thấy rất ô trược nặng nề, ví dụ hôn trầm rất nặng, vậy bạn muốn được định thì rất không dễ dàng, nhất định phải khéo điều dưỡng thân tâm của mình, như thế mới có thể được định.

Thứ bảy là: *“Sanh ra trí tuệ, ăn tối trợ giúp hôn cái, nay thanh tịnh, tỉnh táo thì không chướng ngại quán tuệ, lại như pháp mà quán tưởng yếm li bốn loại thực thì ắt có thể đoạn được hoặc của ba cõi”*. Trì giới không ăn phi thời có thể sanh ra trí tuệ, bởi vì ăn tối sẽ giúp tăng trưởng hôn cái, một trong ngũ cái chính là hôn trầm, che lấp tâm tánh của chúng ta, cho nên hiện nay chúng ta có thể không ăn tối thì sẽ đạt được thanh tịnh tinh tịch. Tinh nghĩa là giác tỉnh, tịch chính là tịch tĩnh, tâm của

chúng ta vừa giác tỉnh, lại tịch tĩnh, một mảng trong sáng tĩnh lặng. Thiên định cần phải như vậy, chứ không phải rất tạp loạn ô trược, rất hôn trầm, hoặc tâm tư rất nhiều rất loạn, chỉ có tâm địa thanh tịnh, giác tỉnh mà lại tịch tĩnh thì mới không chướng ngại trí tuệ của chúng ta. Trong đây, từ trong định sanh ra quán tuệ mới là chánh tuệ. Quán này chính là quán chiếu, quán chiếu lý của thực tướng thì liền sanh ra loại trí tuệ này. “Lại từ bốn loại thực”, chính là phía trước nói đến đoạn thực, xúc thực, tư thực, thức thực, bốn loại thực được nói trong duyên thứ nhất để đoạn sanh tử, chúng ta có thể như pháp mà quán tướng yếm li. Yếm li này là chỉ chúng ta không chấp trước nó, không tham nhiễm nó thì có thể đoạn trừ hoặc của ba cõi, hoặc chính là phiền não. Bạn xem điều thứ năm, sáu, bảy giống như giúp chúng ta tu học giới, định, tuệ vậy.

Điều thứ tám: *“Lìa xa nghiệp nga quý súc sanh, súc sanh ăn sau ngộ, quý ăn đêm. Không trì trai pháp thì đâu khác gì nga quý, súc sanh, sẽ bị lôi kéo đầu thai vào loài này. Trì trai pháp này sẽ xa lìa được nhân duyên thọ sanh ở hai đường này”*. Súc sanh vừa rồi nói đều là sau ngộ mới ăn, quý ăn vào buổi tối. Nếu chúng ta không nghiêm túc trì trai pháp này thì có khác gì chúng sanh cõi quý, chúng sanh cõi súc sanh đâu. Bởi vì nghiệp nhân tương đồng, tập khí cũng tương đồng, cho nên tương lai sau khi chết thần thức sẽ bị lôi kéo vào cõi quý, cõi súc sanh. Cho nên, có thể trì trai pháp này thì có thể xa lìa nhân duyên thọ sanh vào hai đường, sẽ không sanh ra ở hai đường này nữa.

“Thứ chín là không làm nào loạn đàn tín, người xuất gia thường đi khát thực. Nếu sau ngộ mà vẫn trì bát thì cả ngày chỉ nhìn thấy sa-môn qua lại, chắc chắn khiến thí chủ sanh phiền não. Nay sau ngộ chỉ an tọa mà tu đạo thì có thể khiến tăng tục đều an”. Lợi ích thứ chín là không nào loạn cư sĩ tín tâm, đàn là đàn việt, chính là thí chủ, tỳ-kheo chính là chúng xuất gia, đều phải khát thực. Khát thực thì bản thân không nấu cơm, mà là đến chỗ người khác xin. Cư sĩ có tín tâm đương nhiên vui lòng cúng dường, vậy chúng ta cũng không thể thường đi làm phiền họ, cho nên sau khi quá ngộ nếu chúng ta vẫn trì bát đi khắp nơi khát thực, người ta nhìn thấy sẽ nói: tại sao chúng xuất gia sa-môn này cả ngày từ sáng đến tối đều ôm bát đi dọc đường khát thực vậy? Cả ngày qua lại, điều này sẽ khiến thí chủ sanh phiền não, nhìn thấy người xuất gia đến là nhanh chóng lẩn tránh, “kẻ tham không biết chán này đến rồi, không tự nấu ăn mà cả ngày đi khắp nơi ăn xin”. Họ sẽ mất đi lòng cung kính đối với tam bảo.

Cho nên Phật chế định chúng xuất gia chúng ta sau Ngọ không được ra ngoài nữa, mà chỉ có thể “an tọa tu đạo”, an tọa chính là tĩnh tọa, tĩnh tọa này đương nhiên bao gồm chúng ta đọc kinh, chúng ta niệm Phật, dù sao cũng là tu học thánh đạo. Nói cách khác là nên an trụ ở trong tăng-già-lam của mình, hoặc nơi a-lan-nhã, không được vào xóm làng nữa. Cho nên, tỳ-kheo nếu phi thời vào xóm làng mà không có duyên sự quan trọng thì đều không được phép. Dù bạn có duyên sự quan trọng phải vào xóm làng thì đều phải báo cáo với một vị tỳ-kheo khác, nếu không thì sẽ phạm tội ở chương thứ ba. Cho nên, sau Ngọ có thể tĩnh tọa tu đạo thì có thể khiến tăng tục đều an, tăng đoàn cũng có thể an ổn. Bạn xem, quá Ngọ hết việc rồi, khóa cửa nhà bếp lại, các cư sĩ cũng không cần vì hộ trì tăng đoàn mà từ sáng đến tối đều ở đó làm việc. Nếu không có cư sĩ hộ trì thì người xuất gia vẫn phải tự xuống bếp, vậy càng không có thời gian tu hành, cũng không cần ra ngoài khát thực, có vậy thì những cư sĩ tín tâm ở thế tục cũng có thể được an tĩnh. Điều này đối với người, đối với mình đều có chỗ tốt.

Cho nên, nhà bếp ở chỗ chúng ta đây, hiện nay đang xây dựng một nhà bếp ở bên ngoài chuyên để cúng dường cho tín chúng bên ngoài, đợi sau khi xây dựng xong thì việc ăn uống của tất cả tín chúng ở bên ngoài, tức là việc ăn tối, chúng ta đều thực hiện ở bên ngoài, không ăn ở bên trong nữa. Sau khi quá Ngọ thì bên trong phải khóa cửa lại, tức là không nấu nướng nữa. Điều này đối với một đạo tràng trì giới mà nói là vô cùng quan trọng. Bởi vì một đạo tràng có thể trì giới hay không thì một tiêu chí rất quan trọng chính là xem họ có trì Ngọ hay không. Trước kia, triều nhà Đường có một vị cao tăng sau Ngọ nghe thấy phòng bên có khói bốc lên, tức là nhìn thấy họ ở đó nấu cơm có khói bốc lên, trong tâm ngài vô cùng đau lòng, cảm thán rằng vì sao Phật pháp lại suy tàn như thế, cho nên trong chùa quá Ngọ tốt nhất đều không nấu nướng nữa.

Thứ mười: *“Không quá nhiều người tu hành, hiện nay ở các tông lâm cũng ăn tối, người nấu bếp chỉ làm mỗi việc nấu nướng, cả đời bận rộn chẳng khác gì người làm thuê. Nếu hiểu rõ trai pháp ắt không phải phiền nhiễu như thế, mà sẽ cùng nhau tu đạo nghiệp”*. Là không quá nhiều người tu hành. “Kim thời” là đại sư Ngẫu Ích nói thời đó, có thể thấy khi ấy đạo tràng trì giới này đều không nhiều. Đạo tràng tông lâm khi ấy có ăn tối nên khiến người đầu bếp, “người nấu bếp” ở đây thông thường đều là người chấp sự, như vị điển tọa ở trong tăng đoàn phụ trách nhà bếp. Bởi vì đại chúng tăng buổi tối đều phải ăn cơm, cho nên điển tọa đều phải bận

rộn, từ sáng đến tối họ phải xuống bếp. Bạn xem, rất sớm đã phải dậy nấu bữa sáng rồi, có thể thời khóa sáng cũng không lên được, sau đó buổi sáng cũng không thể dụng công, mà đều phải chuẩn bị nấu bữa trưa, sau đó còn phải ăn bữa tối nên thời gian buổi chiều cũng không có, sau đó phải dọn dẹp cho đến rất muộn, sau đó thì gõ bản đi nghỉ ngơi, cho nên chỉ có làm những việc bếp núc này, tức là những việc nấu cơm, nấu đồ ăn này. “Cả đời bận rộn”, bận từ sáng đến tối, bận từ đầu năm đến cuối năm. “Chẳng khác gì người làm thuê”, có khác gì những công nhân được mời đến làm thuê đâu? Họ căn bản không phải tu đạo, mà là đều bận rộn làm những việc này.

Nếu mọi người đều hiểu rõ trai pháp thì không có những phiền nhiễu này, những người chấp sự như điển tọa, những chúng tăng lo việc bếp núc khi quá ngộ thì họ hết việc rồi, cả buổi chiều đến tối đều có thể cùng tu đạo nghiệp. Thông thường nếu tông lâm không có nhiều cư sĩ hộ trì thì đều thay phiên nhau xuống bếp, như trước đây chúng tôi ở tinh xá Chánh Giác đều là như vậy, mọi người đều thay phiên xuống bếp giúp đỡ, có người rửa rau, có người gọt hoa quả v.v.. Bởi vì số lượng đại chúng nhiều nên nhất định cần rất nhiều người làm việc, nhưng qua giờ ngộ rồi thì đều thanh tịnh, không có bất cứ việc gì nữa, toàn bộ nhà bếp, trai đường đều là một khu vắng lặng, điều này vô cùng tốt. Giả sử nếu buổi tối vẫn ăn thì thật sự là bận từ sáng đến tối. Dù có cư sĩ đến hộ trì thì cũng không nên khiến cư sĩ bận từ sáng đến tối, như chúng ta nơi đây có đoàn nghĩa công phát tâm đến hộ trì tăng đoàn, giảm bớt cho tăng đoàn chúng ta rất nhiều công việc, như vậy mọi người có thể cố gắng tu hành, nhận sự cúng dường như thế, song chúng ta đều phải trì giới không ăn phi thời, đừng làm phiền những cư sĩ tín tâm.

Cho nên đoạn cuối cùng tổng kết rằng: “Cho nên, chư Phật xuất thế nhất định phải chế định điều giới này, cho đến cư sĩ tại gia cũng chế định một tháng sáu ngày trai, như thọ pháp bát quan trai giới, để trồng nhân duyên xuất li [sinh tử luân hồi], càng hướng hồ sa-di, tỳ-kheo có thể không biết hổ thẹn nhục nhã mà ăn phi thời được ư? Nếu có lý do bệnh khổ thì Phật có chế định dùng tương phi thời, thuốc bảy ngày để trợ giúp, tuyệt không hề cho phép ăn bữa tối để làm cái lý cho được thạch, mong các bậc cao minh tin sâu mà hành trì theo”.

Do đó, chư Phật ra đời ở thế gian đều nhất định phải lập ra chế độ này, chính là không được ăn phi thời; cho đến cư sĩ tại gia, Phật đều chế định mỗi một tháng có 6 ngày trai đều phải trì pháp bát quan trai giới, vì vậy người thọ ngũ giới đều phải học tập như thế, 6 ngày trai trì bát quan trai giới. Nếu người thọ giới Bồ-tát thì mỗi

tháng đều nên trì 6 ngày trai, mỗi năm 3 tháng trường trai, tức là tháng giêng, tháng 5 và tháng 9 âm lịch, 3 tháng trường trai này đều là cả tháng thọ pháp bát quan trai giới để trồng nhân duyên vĩnh thoát sanh tử luân hồi, tức là học tập làm người xuất gia như pháp một ngày. Càng hướng hồ là chúng xuất gia sa-di, tỳ-kheo, đương nhiên cũng bao gồm tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di-ni, làm sao có thể vô tâm vô quý, không có tâm nhục nhĩ hồ thẹn mà ăn phi thời được chứ?

Giả sử có lý do bệnh tật, Phật có thể cho phép chúng ta uống tương phi thời, hoặc uống thuốc 7 ngày để trợ giúp, nhưng không cho phép có thể ăn tối, buổi tối ăn bánh mì, ăn bánh bao, ăn cơm rau để thành cái lý cho việc ăn dục thạch, không có đạo lý này. Giới này bất luận Đại thừa, Tiểu thừa đều không có khai duyên như vậy. Thật sự có bệnh cũng có thuốc trọn đời, cũng là có thể uống, tương phi thời, thuốc 7 ngày, thuốc trọn đời là có lý do bệnh mới cho phép dùng. Nếu không có bệnh thì cũng không được tùy tiện uống, uống thì vẫn phạm giới. Cho nên “mong các bậc cao minh tin sâu mà hành trì theo”, cao minh chính là người có cái nhìn cao siêu, sáng tỏ, giác ngộ, thật sự có đạo tâm muốn đời này tu xuất li, tu vãng sanh, thì phải tin sâu giáo chế của Phật, phải nỗ lực hành trì không được vi phạm.

Vâng, hôm nay đã hết giờ rồi, nội dung còn lại buổi sau sẽ học tập tiếp với mọi người, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 20

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 20/7/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Chúng ta tiếp tục học tập giới thứ chín “không ăn phi thời” trong mười giới sa-di. Hôm qua, chúng tôi giảng đến ý nghĩa mà đức Phật chế định điều giới này, có trích dẫn “luận về mười lợi ích lớn của giới không ăn phi thời” của đại sư Ngẫu Ích. Bởi vì điều giới này không những tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni phải trì giữ, mà sa-di, thức-xoa-ma-na, sa-di-ni cũng phải trì giữ, thậm chí cư sĩ tại gia trong ngày trai thọ trì bát quan trai giới cũng cần phải trì giữ. Một đạo tràng được xác định là đạo tràng trì giới hay không, trong đó điều giới này có thể nói là một tiêu chí vô cùng quan trọng, nếu không thể trì điều giới này thì không thể gọi là đạo tràng trì giới được. Song đã gọi là đạo tràng thì đạo tràng nào cũng phải trì giới, nếu không trì giới thì không thể gọi là đạo tràng được. Cho nên nói đạo tràng giới luật, trên thực tế đây là một cách diễn tả trùng lặp, dư thừa mà thôi. Bởi vì nói đến đạo tràng thì nhất định phải có giới luật. Nói cách khác, người xuất gia ở trong đạo tràng thì nhất định phải trì giữ ít nhất là mười giới sa-di. Giới không ăn phi thời vô cùng quan trọng, cho nên đối với ý nghĩa chế giới này thì chúng tôi giảng tương đối nhiều, chủ yếu là để khích lệ mọi người xem trọng trì giữ điều giới này.

Ở đây cũng trích dẫn thêm kinh văn trong kinh Phật Thuyết Xứ Xứ, kinh văn nói: “*Sau ngộ không ăn được năm phước: một là ít dâm, hai là ít ngủ, ba là được nhất tâm, bốn là ít xỉ hơi, năm là thân được an ổn, cũng không bị bệnh*”. Đoạn này vừa được tìm thấy, cho nên trong giảng nghĩa của mọi người không có, mọi người

chú ý nghe là được. Trong bộ kinh này, Phật nói sau Ngọ không ăn, tức là sau quá Ngọ mà không ăn gì nữa thì có thể được năm loại phước báo. Dù người không trì giới, nếu quá Ngọ không ăn thì đều có thể được phước, càng hưởng hồ muốn trì giới, giới phước của trì giới càng thù thắng hơn. Năm phước này là gì? Thứ nhất ít dâm, người quá Ngọ không ăn thì tâm dâm dục rất ít. “Luận về mười lợi ích lớn” của đại sư Ngẫu Ích ở phía trước cũng nói với chúng ta rằng ăn uống sẽ giúp tăng thêm hỏa khí, no ấm thường nghĩ chuyện dâm dục, cho nên người tu hành đừng ăn quá no, đặc biệt quá Ngọ không ăn thì sẽ không tăng trưởng phiền não dâm dục. Điều này đối với người tu đạo chúng ta mà nói là vô cùng quan trọng, đặc biệt là người trẻ, khó đoạn nhất có thể nói chính là phiền não này. Vậy thì phải trừ bỏ đi trợ duyên của phiền não này, ăn uống chính là trợ duyên của dâm dục. Đương nhiên cũng bao gồm những điều giới ở phía trước, ví dụ “ca múa, biểu diễn nghệ thuật”, hoặc là “ngồi nằm giường cao rộng lớn”, hoặc là “bôi ướp dầu thơm lên thân, đeo tràng hoa trang nghiêm thân” v.v., những thứ này đều là một loại trợ duyên, nhưng trong những trợ duyên này thì trợ duyên ăn uống là trực tiếp nhất. Ví dụ khi bụng đói thì đương nhiên bạn sẽ không có loại hỏa khí đó, tự nhiên tâm dâm dục sẽ không bị kích thích.

Phước thứ hai chính là ít ngủ, bạn sẽ giảm bớt ngủ nghỉ. Người ăn nhiều thì sẽ ngủ nhiều, đây là đạo lý chắc chắn, vì sao vậy? Bởi vì ăn nhiều thì dạ dày và ruột phải vận động, phải nhu động để tiêu hóa nên thân thể chúng ta sẽ tiêu hao rất nhiều năng lượng, máu huyết đều phải chảy về cung cấp cho dạ dày và ruột, cung cấp dưỡng khí, cung cấp năng lượng nên máu cung cấp cho não sẽ không đủ, do đó dễ bị hôn trầm, buồn ngủ.

Thứ ba là được nhất tâm. Điều này đối với người niệm Phật chúng ta mà nói là vô cùng quan trọng. Mọi người chúng ta đều hy vọng đời này vãng sanh Tịnh độ. Kinh Di-đà nói rất rõ ràng, chỉ cần bạn có thể nếu một ngày đến bảy ngày niệm Phật đến nhất tâm bất loạn thì nhất định có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Chúng ta muốn được nhất tâm thì mọi thứ phải chuẩn bị đầy đủ, bao gồm cả ăn ít, bởi vì ăn ít thì thân tâm của bạn sẽ dễ định lại, tương đối dễ đạt được nhất tâm. Không biết mọi người có phát hiện ra không, trong lúc ăn cơm vọng niệm tương đối nhiều, như hòa thượng Triệu Châu nói hai thời cơm cháo đều là chỗ dụng tâm tạp loạn, thật sự là như thế, ngược lại ăn ít thì tâm sẽ không tạp loạn.

Thứ tư là ít xì hơi, xì hơi tức là đẩy khí ở trong cơ thể ra. Nếu sáng tối khi lên chánh điện cộng tu mà xì hơi thì rất không cung kính với Phật Bồ-tát. Trong “Ấn Quang Đại Sư Văn Sao” đặc biệt lên án mạnh mẽ thói xấu này. Ví dụ bản thân muốn xì hơi thì làm thế nào? Tốt nhất là có thể kìm lại, đại sư Ấn Quang nói bạn đưa khí này lên, thu lại, đưa lên thì nó sẽ tan mất. Điều này đối với thân thể mà nói chẳng có gì không tốt, bởi vì nó đều là khí mà thôi. Nếu thật sự không nhịn được thì tốt nhất vẫn là đi ra ngoài chánh điện, đừng xì hơi trước Phật Bồ-tát, điều này rất không trang nghiêm, rất khinh nhờn đối với Phật Bồ-tát. Nếu không có tâm cung kính này thì tu hành không cách gì thành tựu được. Chúng ta nhìn thấy hành vi cử chỉ của người trong tăng đoàn, trên cơ bản sẽ dự đoán được người nào tương lai có thành tựu, người nào tương lai không có thành tựu, chỉ cần là người mắt sáng vừa nhìn là có thể thấy được. Nhìn từ đâu? Chính là nhìn tâm cung kính của họ, cử chỉ hành động của họ có phải đều thận trọng cung kính không? Nếu họ có thể cẩn trọng cung kính thì chứng tỏ họ có thể thu nhiếp được tâm niệm của mình, vậy thì họ chính là một pháp khí, họ không thể thu nhiếp tâm niệm của mình thì đó chính là một loại phóng dật, trên cơ bản là ở nơi đây sống vật vờ qua ngày mà thôi.

Phước thứ năm là thân được an ổn, cũng không bị bệnh. Thân thể sẽ tương đối an ổn, sẽ không bị bệnh, cũng tức là muốn thân thể khỏe mạnh thì ăn ít rất quan trọng, đặc biệt là trung niên trở lên nên ăn ít một chút, thả thân thể gầy một chút rất tốt, thông thường thì người gầy sẽ rất ít bệnh, người mập sẽ nhiều bệnh, phần lớn ba loại bệnh như huyết áp cao, đường máu cao, mỡ máu cao đều là người mập, đặc biệt đến tuổi già, có câu “ngàn vàng khó mua tuổi già gầy” chính là đạo lý này.

Phía trước nói không ăn phi thời có thể đạt được năm phước này, ngược lại người ăn phi thời chính là người phạm giới, sẽ gặp rất nhiều họa hại, ngược lại với năm phước vừa rồi thì chính là năm họa. Năm họa này đều là họa của hiện đời, còn họa của đời sau thì càng thâm hơn.

Căn cứ theo kinh Xá-lợi-phất Vấn, chúng ta thấy có kinh văn thế này: “*Phật nói với Xá-lợi-phất rằng: người ăn phi thời là người phá giới, là người phạm tội trộm, là người bị bệnh hủy, phá hoại thiện quả, không phải đệ tử ta, trộm pháp và lợi dưỡng của ta, trộm danh trộm thức ăn, dù một nắm một nhúm, một chút muối một chút giấm, chết đọa vào địa ngục đốt ruột, nuốt viên sắt nóng. Từ địa ngục ra sanh vào loài chó heo ăn những thứ dơ bẩn, sau sanh làm ngựa quỳ vẫn vào trong*

chôn già-lam ăn nuốt phần uế trong nhà xí, rồi sanh trong cõi người làm kẻ bán cùng hạ tiện”.

Đoạn này là Phật nói với tôn giả Xá-lợi-phất, người ăn phi thời tức là phạm điều giới này, là người phá giới. Thông thường nói phá giới là phá bốn trọng giới căn bản, mất giới thể thì mới gọi là phá giới, thông thường bảo phạm giới là vẫn chưa phá căn bản. Vì sao Phật nói đây là người phá giới? Rõ ràng phạm giới ăn phi thời là họ chỉ phạm tội ở chương thứ ba của tỳ-kheo, cư sĩ phạm bát quan trai giới, hoặc sa-di phạm điều giới này có thể xem là tội bậc hạ để sám hối, vì sao lại nói nghiêm trọng như vậy, sao gọi là người phá giới? Bởi vì điều giới này không phạm một lần, hai lần, mà thường là hằng ngày đều phạm, bởi vì ăn uống là một loại thói quen, nếu ngay lúc đó không thể tiết chế nó, thời gian lâu rồi liền sẽ buông thả, một lần phá lệ thì lần sau không thể không ăn, nếu đã như vậy thì đó chính là cố ý hủy phạm giới pháp. Cố ý hủy phạm giới pháp mà lại không thể sám hối, tích lũy lâu dần thì không có tư cách gọi là người xuất gia nữa, cho nên gọi là người phá giới.

Như trong giới Bồ-tát nói: “Nếu Phật tử tín tâm xuất gia thọ chánh giới của Phật mà cố ý khởi tâm hủy phạm thánh giới”. Cố ý khởi tâm, biết đây là phạm giới nhưng vẫn cố ý làm, tức là cố ý khởi tâm hủy phạm thánh giới thì “không được thọ nhận hết thầy đồ cúng dường của đàn việt, cũng không được đi trên đất của quốc vương”, thậm chí mảnh đất này cũng không có chỗ để bạn đặt chân, ngay đến nước ở trên mảnh đất này cũng không được uống. Tiếp theo nói: “5000 đại quỷ thường chắn trước người đó, quỷ nói: đại tặc”, tất cả quỷ thần đều sẽ mắng người này là đại tặc, tặc chính là người phạm tội trộm. Ở đây nói người phá giới là người phạm tội trộm, vì sao vậy? Bởi vì phạm giới mà không thể sám hối thì giống như phá giới vậy, cho nên nếu chúng ta phạm giới thì phải nhanh chóng sám hối thanh tịnh, tốt nhất phạm giới rồi thì ngay ngày hôm đó phải sám hối thanh tịnh, cho nên tốt nhất đừng đợi đến ngày hôm sau, thêm một ngày là thêm một ngày che giấu. Ngày hôm sau lại che giấu qua đêm, lại lần lượt che giấu, nếu tiếp tục như thế thì tội nghiệp này giống như quả cầu tuyết vậy, càng lăn càng to, vì đã không có tư cách phù hợp để làm một người xuất gia nhưng vẫn cứ tiếp nhận sự cúng dường dành cho người xuất gia thì đây chính là phạm tội trộm, đủ 5 tiền sẽ kết trọng tội, kết trọng tội chính là phá giới căn bản.

Phía trước chúng tôi giảng đến phạm tội trộm, đã giảng qua giới này rồi, cho nên vì sao Phật lại lên án mạnh mẽ người phạm điều giới này như vậy? Bởi vì điều

giới này nếu không hạ quyết tâm sửa đổi thì quả thực rất khó sửa. Ăn uống là một loại thói quen, nhưng muốn sửa thì cũng có thể sửa được, đây đều là một cách xây dựng thói quen. Như nơi đây của chúng ta có rất nhiều nghĩa công, dường như tất cả nghĩa công đều thọ trì bát quan trai giới, rất nhiều người đều là lần đầu tiên thể nghiệm, nhưng mỗi tối đều không ăn, quen rồi thì cũng không cảm thấy gì, mà ngược lại cảm thấy thân thể rất khinh an, thời gian dụng công nhiều hơn.

Phật lại nói: “là người bị bệnh hủi”, bệnh hủi tức là toàn thân mắc bệnh ngoài da, bệnh ngoài da này cũng tức là nói: khiến người khác nhìn thấy không giống người. Bởi vì điều giới này rất rõ ràng, mọi người đều biết, giả sử chúng ta cố ý hủy phạm thì quả thực không còn mặt mũi nào để ra ngoài gặp người khác nữa, cho nên dùng người bệnh hủi làm thí dụ. “Phá hoại thiện quả”, phá hoại thiện quả, vốn dĩ chúng ta xuất gia tu đạo là hy vọng đạt được thiện quả, thiện quả này chỉ ít là được quả báo ra khỏi ba cõi. Vậy chúng ta cầu sanh thế giới Cực Lạc chính là vượt ra ba cõi theo chiều ngang, một đời thành Phật, như vậy là không cô phụ bản thân một lần xuất gia, song không thể nghiêm túc trì giữ giới luật thì sẽ phá hoại thiện quả của chúng ta, thậm chí phá hoại đạo tâm của chúng ta, do đó Phật nói: “không phải đệ tử ta”, lời này nói rất nghiêm trọng. Nói cách khác, giả sử chúng ta không cố gắng trì giới thì không phải là đệ tử của Phật, mà không phải đệ tử của Phật thì giống như ngoại đạo. Gọi là ngoại đạo bám pháp, là ngoại đạo bám vào trong chánh pháp, dùng thân để hủy hoại pháp, tội nghiệp này quả thực rất nặng.

Cho nên, đại sư Ngẫu Ích nói nếu không thể trì giữ giới ăn phi thời này thì thà rằng lùi lại làm cận trụ nam, hoặc cận sự nam. Cận sự nam chính là ưu-bà-tắc, giống như tịnh nhân, tránh dẫn đến việc hằng ngày khởi tội phạm giới.

Trộm pháp và lợi dưỡng của ta, trộm danh trộm thức ăn của ta, vì sao vậy? Không thể trì điều giới này nhưng lại đắp ca-sa mạo nhận là đệ tử Phật, đây chính là trộm cắp pháp của ta, trộm cắp lợi dưỡng của ta. Ở trong đạo tràng chính là dùng hai thứ pháp và lợi dưỡng để nhiếp thọ tăng chúng. Đạo tràng không thể không có pháp, không có pháp thì chúng ta không đến, đến thì chắc chắn là cầu pháp, nhưng cũng không thể không có lợi dưỡng, lợi dưỡng là để chúng ta có thể an thân tu đạo, phải có tứ sự cúng dường, tức là có thể sống qua ngày. Nếu không thể sống qua ngày thì tu đạo cũng sẽ có chướng ngại. Giữa hai thứ này thì đương nhiên pháp quan trọng hơn, cho nên trong luật tạng nói, nếu thiện tri thức này có pháp mà không có cái ăn, tức là không có lợi dưỡng, thì có thể ở chỗ của họ, thà đói bụng

cũng phải cầu pháp. Giả sử thiện tri thức này có lợi dưỡng nhưng không có pháp thì không cần ở lại chỗ họ. Đương nhiên có pháp, có lợi dưỡng là tốt nhất, so sánh hai cái để nói thì pháp quan trọng hơn lợi dưỡng rất nhiều.

Phật nói, người ăn phi thời là trộm cắp pháp của ta và lợi dưỡng của ta, người nào là kẻ trộm pháp, trộm lợi dưỡng? Trong luật tạng nói là người tặc trụ. Điều này Phật nói rất nghiêm trọng, tức là giống như ngoại đạo vì muốn đạt được lợi dưỡng của tăng đoàn nên cạo tóc, mặc ca-sa ở trong tăng đoàn để đạt được lợi dưỡng của tăng đoàn, đây thuộc về tặc trụ. Còn có “trộm danh, trộm thức ăn”, trộm danh người xuất gia, ví dụ bây giờ bạn thọ giới sa-di có thể gọi là sa-di, có danh phận sa-di nhưng lại không có thực chất của sa-di thì đó chính là trộm danh. Còn trộm thức ăn, bởi vì thức ăn của thường trụ là thí chủ cúng dường, đó là cúng dường cho tăng chúng như pháp như luật, không thể ăn phi thời. Nếu ăn phi thời thức ăn của thường trụ thì đó chính là trộm vật của thường trụ, đủ 5 tiền kết trọng tội, hơn nữa tội nghiệp đạo này vô cùng nghiêm trọng.

Trong kinh Phương Đẳng, Bồ-tát Hoa Tụ nói rằng người phạm trọng tội ngũ nghịch thì tôi cũng có thể cứu, còn người trộm vật của tăng thì tôi không thể cứu được, cho nên trộm vật của tăng, vật của thường trụ tức là vật của tăng thường trụ, cho dù là trộm một phân, một hào thì tội nghiệp này đều vượt qua trọng tội ngũ nghịch. Do đó ở đây Phật nói rất nghiêm trọng, tuyệt đối không phải hù dọa chúng ta, mà nhất định phải đặc biệt thận trọng. Giả sử bản thân trước kia đã từng phạm thì nhanh chóng sửa đổi, cố gắng sám hối, ví dụ có ăn sau Ngọ thức ăn của thường trụ thì đó chính là xâm tổn của thường trụ, nên lấy tiền của mình bù lại cho thường trụ, không được thiếu của thường trụ.

Lại nói: “một nắm một nhúm, một chút muối một chút giấm”, tức là ăn rất ít, một nắm cơm, một nhúm nhỏ thực phẩm, một chút muối, một chút giấm, “chút” là chỉ rất ít, ăn phi thời thì tương lai “chết đọa vào địa ngục đốt ruột”, chỗ này nói chắc hẳn là ăn đồ của thường trụ. Bởi vì thức ăn của thường trụ đều không phải dùng để ăn phi thời. Nếu bản thân có bệnh cần uống thuốc trọn đời, vậy thì muối và giấm có thể được gia pháp để thành thuốc trọn đời, nhưng cũng chỉ có thể ăn đồ của mình, không được ăn của thường trụ. Ăn của thường trụ thì tương lai chết đọa vào địa ngục đốt ruột, càng huống hồ còn ăn nhiều hơn so với một chút muối, một chút giấm, một nắm, một nhúm, càng huống hồ hằng ngày ngang nhiên mà ăn, vậy thì có thể biết tương lai quả báo địa ngục thâm đến cỡ nào. Ở trong địa ngục đốt

ruột là nuốt viên sắt nóng, nhìn thấy viên sắt đó liền muốn ăn, bởi vì phiền não ăn uống của bản thân. Ăn vào rồi, viên sắt đốt nóng đó ấy sẽ thiêu cháy hết lục phủ ngũ tạng trong toàn thân mình. Mỗi ngày chịu nổi thống khổ ấy vạn lần chết, vạn lần sống, cuối cùng thọ hết nghiệp báo rồi ra khỏi địa ngục lại sanh vào trong loài heo chó, đây là chịu dư báo. Bởi vì heo chó ăn uống rất dơ bẩn, là do quá khứ phạm giới ăn uống không thanh tịnh, cho nên cảm lấy quả báo như vậy. Heo, chó ăn những thứ dơ bẩn, như con người đại tiện ra mà chó cũng ăn, heo cũng thế, đói bụng thì không kén đồ ăn, cũng không quan tâm đồ đó có sạch hay không.

“Sau sanh làm ngựa quý vẫn vào trong chốn già-lam ăn nuốt phần uế trong nhà xí”, sanh làm heo chó xong, sau khi thọ báo rồi vẫn chưa hết, vẫn phải sanh trong cõi ngựa quý. Bởi vì đói vô cùng, ngay đến âm thanh uống nước, uống tương cũng không nghe thấy, cho nên đói bụng không kén đồ ăn, ở đâu có thể tìm được thức ăn đây? Ở trong nhà xí, chính là trong nhà vệ sinh nhìn thấy phân, phân còn tốt hơn không có, cho nên đói rồi đành phải ăn phân thôi. Cho nên, vì sao trong luật yêu cầu chúng ta trước khi vào nhà vệ sinh đều phải búng ngón tay ba lần, giống như thông báo với ngựa quý một chút vậy: ngại quá chúng tôi phải đi vệ sinh, mời quý vị tránh ra một chút, đừng để đồ dơ đổ lên đầu quý vị. Trong luật có trường hợp như thế này, có một tỳ-kheo khi đi vệ sinh không búng ngón tay ba lần nên đã dội phân nước tiểu lên đầu con ngựa đó, ngựa rất tức giận, muốn hại tỳ-kheo này, cho nên Phật liền chế định tỳ-kheo đi vệ sinh đều phải búng ngón tay ba lần, đây là oai nghi.

Đương nhiên báo ứng của loài ngựa quý này cũng rất dài, một khi làm thân ngựa thì ít nhất là 1000 năm, báo hết rồi lại sanh vào cõi người vẫn còn quả báo nghèo cùng hạ tiện. Bạn xem, nhất thời không nhẫn được mà ăn phi thời, quả báo phía sau thâm trọng như vậy, cho nên người chân thật có trí tuệ nhất định đừng làm những việc ngu ngốc này. Kỳ thực bớt ăn một bữa vừa tốt cho thân thể vừa được các loại phước báo, vừa rồi nói thật sự là được năm phước, năm phước đến cửa, vì sao chúng ta lại khăng khăng từ chối để phước báo này ở ngoài cửa, lại cam tâm phạm giới để tương lai thọ những khổ báo vô cùng này chứ?

Ở đây đã giảng về ý nghĩa chế giới rồi. Chúng tôi giảng đến “cụ duyên thành phạm” của điều giới này, đầy đủ mấy loại duyên thì tạo thành trường hợp phạm giới. Ở đây nói đến chủ yếu là bốn thứ duyên.

Thứ nhất là “lúc phi thời”, ở trong kinh văn đã định nghĩa thời và phi thời rất rõ ràng, từ lúc minh tướng xuất hiện cho đến lúc chánh ngộ thì gọi là thời, khoảng thời gian này có thể ăn đồ. Từ lúc mặt trời hơi ngả bóng cho đến khi minh tướng ngày hôm sau chưa xuất hiện, thời gian này gọi là phi thời. Làm sao để phán đoán minh tướng xuất hiện? Tức là trường hợp bạn ở ngoài cửa không có ánh đèn, xòe bàn tay ra mà bạn có thể nhìn thấy đường chỉ tay thì đây là minh tướng xuất hiện rồi, hoặc cũng có thể thông qua bóng cây để nhìn cũng được. Giả sử ăn uống trong thời gian phi thời, đây chính là duyên thứ nhất để kết tội, gọi là phá trai, mỗi miếng nuốt xuống đều kết tội, nuốt một miếng là phạm một tội, không phải tôi ăn hết toàn bộ bát cơm này mới phạm một tội, mà là ăn một miếng nuốt xuống là một tội, nuốt xuống miếng nữa lại thêm tội nữa, cho nên tội này không dễ đếm, số lượng rất nhiều.

Duyên thứ hai là “phi thời tưởng”, khi bạn ăn mà trong tâm cũng biết bây giờ tôi đang ăn phi thời. Nếu không biết, không biết bây giờ đã đến phi thời rồi thì không phạm. Ví dụ tôi ở nơi đây hơn 12h mới là quá ngộ, có thể khi chúng ta ăn thì luôn nhìn đồng hồ, nhưng cái đồng hồ đó bị chết mà bạn vẫn không biết, bạn cứ nhìn, bây giờ còn kém 10 phút nữa mới đến 12h, từ từ ăn, kết quả ăn no rồi, bạn nhìn lại vẫn kém 10 phút mới 12h, bạn mới biết mình đã ăn quá ngộ, nhưng trong khi ăn mà bạn không biết, bạn cho rằng mình vẫn đang trong thời, không phải là phi thời, không có duyên phi thời tưởng này, điều này không phạm.

Thứ ba là “thời thực”, đồ bạn ăn là thời thực, thời thực này tức là chỉ những thức ăn có thể ăn từ khi minh tướng xuất hiện đến lúc chánh ngộ trong ngày thì gọi là thời thực. Như thông thường chúng ta ăn cháo, cơm, mì, các loại rau, trái cây, bánh quy v.v., những thứ này đều thuộc về thời thực, tức là khác với tương phi thời, thuộc hàm tiêu và thuộc trọn đời được nói ở phía sau.

Duyên thứ tư là nuốt xuống thì tạo thành phạm giới, nuốt một miếng, nuốt một miếng thì sẽ phạm giới. Ví dụ ăn ở trong miệng, rồi đột nhiên nghĩ ra bây giờ là phi thời không được ăn, lập tức nhổ ra thì vẫn được, nhưng bạn nuốt xuống thì phạm giới.

Tiếp theo nói với mọi người về khai duyên, khai duyên này chủ yếu có ba loại.

Thứ nhất là tương phi thời. Căn cứ theo kinh văn thì tương phi thời là “nước trái cây, nước mật v.v.. lóng trong không có cặn bã”, nước trái cây, nước mật không có cặn bã. Như chúng ta đem trái cây xay thành nước, nước táo, nước lê, nước cam, nước dừa v.v.. đều phải lọc bã, không còn bất cứ chút cặn bã nào, nếu có cặn bã, ăn những thứ bã này thì cũng sẽ phạm giới. Nước mật chính là nước mật ong, nếu hòa vào nước uống thì đây đều thuộc về tương phi thời. Nếu trực tiếp ăn mật này, mật đó thuộc về thuốc hàm tiêu, cũng gọi là thuốc 7 ngày. Nếu những nước trái cây, nước mật này là nguyên chất, thông thường là nước trái cây. Hiện nay rất nhiều loại nước ép trái cây tươi 100%. Trước khi sắp uống, tốt nhất là nhỏ nước vào trước, tức là nhỏ mấy giọt nước trắng vào giống như phá hủy vị ban đầu của nó rồi uống. Đây là một oai nghi nhỏ, nếu không nhỏ nước thì tỳ-kheo sẽ phạm tội nhỏ ở chương thứ năm, sa-di cũng nên học theo, nếu không cũng sẽ phạm tội nhỏ. Phá vị ban đầu này tức là phá tâm tham hương vị của chúng ta.

Loại thứ hai là thuốc hàm tiêu, thuốc hàm tiêu cũng gọi là thuốc 7 ngày. Ở đây nói đến mật ong, mạch nha, bơ, dầu cũng không được có cặn bã. Mật ong thì chúng ta đều biết rồi, đường mạch nha được làm bằng cách dùng mầm lúa mạch hoặc mầm ngũ cốc nấu nhừ thành một thể. Ví dụ nói đường mạch nha chính là thuộc về loại này, còn có bơ, dầu. Dầu thì mọi người chúng ta đều biết rồi, đương nhiên nếu chúng ta ăn dầu thì đều phải dùng dầu thực vật, không được dùng dầu động vật. Mặc dù ăn dầu động vật không phạm điều giới này nhưng sẽ phạm điều giới sát sanh. Bơ bao gồm các loại bơ được tinh luyện từ sữa, nhưng nếu không qua tinh luyện thì chính là sữa, sữa bò thì không được. Thuốc 7 ngày này là căn cứ theo trong pháp tỳ-kheo, còn phải gia pháp nữa, tức là gia pháp thành thuốc 7 ngày, chỉ có thể ăn hết thuốc này trong vòng 7 ngày. Nếu đến khi mình tương ngày thứ tám xuất hiện mà vẫn chưa ăn hết thì sẽ phạm giới, một khi phạm là phạm tới mấy tội liền. Ví dụ ngày thứ tám mà bạn vẫn ăn thì phạm ăn phi thời, bắt thọ thực còn có tàn túc thực, đương nhiên còn có những tội nhỏ như ác xúc, nội túc v.v.. Sa-di cũng nên học theo.

Phía trước nói tương phi thời còn có thuốc hàm tiêu này, phía sau còn nói thuốc trọn đời, đều cần phải gia pháp, gia thêm một khẩu pháp, sau khi qua tay thọ nhận rồi thì gia một khẩu pháp, pháp tương phi thời. Điều này trong “tăng-già tác trì” của chúng ta đều có, còn có gia pháp thuốc 7 ngày. Thông thường gia pháp thuốc 7 ngày thì tương đối ít, bởi vì nó rất bất tiện, bởi vì thuốc 7 ngày đều không

được để cùng trong liêu phòng của mình, mà đều phải để ở nơi thanh tịnh, hơn nữa mỗi ngày đều phải bạch, tức là báo cáo với một vị tỷ-kheo là con đã uống mấy ngày rồi, còn lại mấy ngày vẫn chưa uống, điều này tương đối phiền phức, cho nên thông thường chúng ta không làm như vậy.

Ba loại thuốc này là tương phi thời, thuốc hàm tiêu, thuốc trọn đời, nếu sau khi thọ thực, qua tay thọ nhận rồi thì uống trong vòng 48 phút, uống hết như vậy cũng được, không cần phải gia pháp; 48 phút là thuộc về thời gian một chốc lát. Nếu quá 48 phút thì không được thọ nữa, nếu uống tiếp thì giống như thực được rồi, sẽ phạm giới ăn phi thời, đương nhiên cũng sẽ phạm giới bắt thọ thực. Cư sĩ thì không có những quy định này, cư sĩ cũng không cần gia khẩu pháp, tương phi thời này chỉ cần sáng hôm sau minh tướng xuất hiện thì đều có thể uống. Nếu đối với người xuất gia chúng ta mà nói thì sau khi minh tướng xuất hiện rồi cũng không được uống. Bởi vì uống thì họ sẽ phạm phi thời thực, bắt thọ thực; nhưng cư sĩ thì không sợ, vì cư sĩ qua minh tướng rồi thì chính là lúc có thể ăn, ăn gì cũng có thể được, nó là thực được, bởi vì họ không có quy định thọ thực.

Tiếp theo nói thuốc trọn đời, vừa rồi nói đến thuốc hàm tiêu, nó chủ yếu là vì ngâm ở trong miệng, có thể tiêu hóa được; ví dụ kẹo, kẹo trái cây ngâm ở trong miệng thì dần dần sẽ tan hết, cũng có thể được, hễ là những loại đường này thì đều có thể làm như vậy, đường phèn, đường phỉ, đường đỏ ngâm ở trong miệng đều có thể từ từ tan hết. Thuốc trọn đời, tức là trong kinh văn này nói: *“Thuốc trọn đời là gừng, quế, tiêu, mơ và tất cả thuốc viên, thuốc thang, thuốc bột. Mùi vị của nó chua, chát, đắng, cay, không dùng làm thức ăn, có lý do bị bệnh thì cho dùng suốt đời”*.

Gừng thì chúng ta đều biết, gừng cay, đặc biệt người xuất gia chúng ta đa số đều là thể hàn, bởi vì đều ăn chay, hơn nữa trong ăn chay đa phần đều là hàn lạnh, cho nên gừng đối với chúng ta mà nói rất quý giá. Gừng thì tốt nhất là ăn vào buổi sáng, ăn sáng, qua 6h tối thì tốt nhất không ăn gừng nữa. Gừng có thể trừ hàn lạnh, phối hợp với đường đỏ, nước gừng đều có thể trừ hàn lạnh, có thể khiến khí huyết chúng ta lưu thông. Quế, mơ, tiêu, những thứ này có vị chua, cay, chúng đều không thể xem là thực được để ăn, tức là không thể ăn no, chúng không có hương vị của thức ăn, nghĩa là không ăn no được, hơn nữa ăn không ngon lắm.

Thông thường đồ ăn ngon là thực được, ví dụ như táo đỏ, táo đỏ nếu phối hợp cùng với dược liệu khác để nấu nước, bã nấu ra cũng có thể ăn, nhưng nếu ăn

táo đỏ như thế thì không được. Bởi vì bản thân nó cũng rất ngon rồi, vị ngọt ngọt, cho nên có người hỏi táo đỏ có thể được gia pháp để trở thành thuốc trơn đời được không? Nếu gia pháp một mình nó thì không được, nếu phối hợp cùng với dược liệu khác, giống như hỗ trợ tạo thành bài thuốc, hỗ trợ tạo thành một bài thuốc khác, điều này có thể được, tức là hợp thành thì được. Hơn nữa phân lượng, thành phần của nó không được vượt quá 50% . Ví dụ sô-cô-la, sô-cô-la làm từ bột ca cao, bản thân nó có vị đắng, ở đây nói hễ là thứ có vị đắng thì đều có thể làm thuốc trơn đời, nhưng hiện nay thành phần đường trong sô-cô-la đều rất cao, hoặc cho thêm rất nhiều sữa bò. Ví dụ những thành phần sữa bò, đường này vượt quá 50% thì không thể làm thuốc trơn đời được. Nếu thành phần ca cao cao hơn 50% thì có thể làm thuốc trơn đời.

Còn có mơ, mơ muối, mơ tươi, những loại chua cũng có thể làm thuốc trơn đời. Chúng xuất gia sau khi gia pháp thuốc này thì có thể để ở trong liều phòng, khi bị bệnh thì có thể ăn, hơn nữa có thể giữ lại trơn đời, không cần để ở nơi thanh tịnh, cũng sẽ không phạm lỗi nội túc. Tất cả thuốc viên, trước đây thuốc Đông y đều dùng viên sáp để đựng, tạo thành từng viên từng viên, tức là tất cả thuốc Đông y, đương nhiên cũng bao gồm thuốc Tây y, rất nhiều thuốc Tây cũng đều là viên tròn, viên dẹt. Thuốc Đông Tây y, tất cả thuốc thang sắc ra thành thuốc nước, thuốc thang, còn có tất cả thuốc bột, tức là thuốc tán thành bột, những thứ này đều có thể uống, bởi vì mùi vị của nó đều là chua chát đắng cay, không dễ uống, chỉ để trị bệnh, như vậy đều có thể dùng.

“Không dùng làm thức ăn”, tức là không thể dùng làm thời dược để ăn, cũng không ăn no được. Ở đây cũng đặc biệt nhắc nhở, chỗ chúng ta có sa-di nhỏ tuổi, có thể đặc biệt thích ăn sô-cô-la, nghe nói sô-cô-la có thể làm thuốc trơn đời, vậy là đến buổi chiều liền ăn, loại này không nên ăn quá nhiều. Nếu ăn nhiều sẽ không tốt cho thân thể, hơn nữa ở đây nói có lý do bệnh mới có thể ăn. Nếu không có bệnh mà ăn thì vẫn phạm giới ăn phi thời. Đương nhiên phạm giới ăn phi thời này, nếu dùng giới tỳ-kheo để nhận định, không có lý do bệnh mà ăn thuốc trơn đời này thì phạm tội ở chương thứ năm, không giống như thời dược là phạm tội ở chương thứ ba. Tương phi thời, thuốc 7 ngày không có lý do bệnh mà ăn thì cũng phạm giới ở chương thứ ba, giống như ăn thực dược vậy.

Trong bát quan trai giới của cư sĩ đương nhiên không cần phân tỉ mỉ như vậy, nếu phạm trai, hoặc không có lý do bệnh mà uống thuốc trơn đời thì đều có thể xem

là tội bậc hạ để sám hối. Ở đây nếu có bệnh thì cho phép dùng, hơn nữa trọn đời giữ ở bên cạnh mình, cho đến khi uống hết thuốc thì thôi, cho nên thuốc trọn đời cũng gọi là thuốc tận hình thọ. Ở đây cũng đặc biệt nói tương phi thời này nếu vì có lý do bệnh khát, khi khát nước uống tương phi thời thì sẽ tốt hơn nhiều, là để giải khát. Thuốc 7 ngày thông thường là có lý do bị bệnh phong, như có khi toàn thân cảm thấy không thoải mái, đây là một hiện tượng của bệnh phong, có khi uống chút mật ong cũng có thể giúp loại bỏ sự khó chịu này. Ở đây cũng đã giảng xong phần khai duyên của giới này rồi. Bởi vì chúng tôi giảng, tiện thể cũng đã giải thích nghĩa theo kinh văn, cũng đều giảng xong rồi.

Tiếp theo chúng ta xem điều giới thứ mười: “không cầm giữ sanh tượng vàng bạc vật báu”.

Chúng ta đọc đoạn kinh văn này trước:

“Thứ mười, không cầm giữ sanh tượng vàng bạc vật báu. Sanh vàng bạc vật báu là không phải do con người làm thành. Tượng vàng bạc vật báu là những hình tượng khí cụ do con người làm thành. Điều làm tăng thêm lòng tham, có chỗ trái với chí hướng cao thượng, nên cầm giữ thì đều phạm tội. Trừ khi vì tam bảo mà tạm thời cất giữ, hoặc được cử giữ gìn cho sư trưởng cha mẹ, chính mình không tham tích trữ thì không phạm”.

Trước tiên giải thích với mọi người một chút về tên đề. “Cầm” tức là cầm giữ, nghĩa là nắm giữ. Không cầm giữ là biểu thị không có tâm tham dục, ngay đến những thứ vàng bạc này cũng không cầm giữ, thì đương nhiên sẽ không tham tích trữ, đây là người xuất gia ít muốn biết đủ, đoạn trừ tập khí tham tích trữ tài vật thế gian. Ví dụ chúng ta tu phạm hạnh thanh tịnh mà không thể đoạn trừ tâm tham tích trữ tài vật thế gian thì sẽ tổn hại đến công đức pháp tài xuất thế gian của chúng ta, khiến pháp thân huệ mạng của chúng ta bị tổn hại, hơn nữa còn bị tiếng xấu truyền khắp nơi, thiện thân cũng không bảo vệ chúng ta.

Ở đây kể cho mọi người nghe một công án, trong luật nói rằng, có một lần một vị tỳ-kheo dẫn theo một chú sa-di cùng xuất hành đi thăm người thân ở quê, tức là về nhà thăm cha mẹ, kết quả trên đường đi qua một vùng hoang vu, chú sa-di này nhìn thấy rất nhiều phi nhân biến hóa thành rồng đi nhiều cạnh bên phải chú sa-di, hơn nữa rải hương hoa lên thân chú sa-di và tán thán chú rằng: “Thiện tai, được thiện lợi lớn, bỏ nhà xuất gia không cầm vàng bạc và tiền”, thật sự xả nhà bỏ dục

không cầm giữ tiền bạc thì phi nhân quý thần đều vô cùng tôn kính. Họ về đến quê nhà, kết quả người thân nhìn thấy chú sa-di này liền nói: “Bây giờ chú có thể cầm tiền về đổi lấy những thứ chú cần”, có tiền muốn gì thì mua cái đó. Kết quả sa-di cầm lấy để vào trong y phục của chú.

Kết quả trên đường về lại đi qua vùng hoang vu đó, lại nhìn thấy những phi nhân ấy, lúc này những phi nhân cũng biến thành rồng nhưng không nhiều bên phải nữa mà chuyển qua nhiều bên trái, nhiều bên trái sa-di, hơn nữa nói rằng: “Chú đã mất thiện lợi, xuất gia tu đạo mà cầm tiền bạc”. Bạn xem, bạn xuất gia muốn tu đạo lại vẫn cầm giữ tiền bạc là bạn đã mất đi lợi ích tốt lành, bởi vì chú sa-di tuổi còn nhỏ, thấy tình hình như vậy thì liền bật khóc, vị tỳ-kheo liền hỏi chú: “Tại sao cậu khóc?” Chú sa-di kể cho tỳ-kheo nghe tình hình vừa rồi, tỳ-kheo liền hỏi chú: “Vậy cậu cầm cái gì?” Chú sa-di lấy tiền ra nói: “Con đã cầm số tiền này”, tỳ-kheo liền nói với chú: “Được rồi, vậy cậu vứt nó đi, thứ này không có lợi ích”. Vậy là chú sa-di này liền vứt đi, sau khi vứt đi liền nhìn thấy những con rồng này lại nhiều bên phải, lại bắt đầu tán thán chú sa-di này. Cho nên có thể thấy được trời rồng quý thần đều tôn kính người trì giới, đừng cho rằng trên người tôi không có tiền thì chuyện nhỏ tôi cũng khó làm, trong xã hội này tôi làm sao có thể sống qua ngày được đây? Vậy là bạn đã lo thừa rồi.

Phải biết một người tu hành chân chính thì nhất định được chư Phật hộ niệm, trời rồng ủng hộ, tuyệt đối không thể vì bạn tu đạo, bạn trì giới mà chết rét, chết đói được, chắc chắn không thể. Bởi vì Bồ-tát Vi-đà làm nghề này mà, chuyên hộ trì người xuất gia tu đạo, tuyệt đối không để chúng ta vì tu đạo, không có đồ ăn mà kết thúc sanh mạng, không thể, có thể trong quá trình tu đạo chúng ta sẽ chịu khổ một chút, nhưng tuyệt đối sẽ không chết đói, chết rét. Nếu chúng ta lại chết đói, chết rét, trước đây lão hòa thượng hải hước nói rằng: “Bồ-tát Vi-đà sẽ phải bị cách chức để xét xử”, cho nên không thể có chuyện đó. Điều này bản thân chúng ta phải rất có lòng tin, bạn xem tăng đoàn chúng ta nơi đây mọi người có thể đều không giữ tiền bạc, dường như mấy tháng nay rồi cũng không chết rét, cũng không chết đói, ngược lại ăn rất ngon, mặc rất ấm, ngủ rất thoải mái, cũng có rất nhiều nghĩa công hộ pháp đến hộ trì, không lo không nghĩ, vậy thì bạn có thể chuyên tâm tu đạo. Người không có tiền thì vọng tưởng ít đi rất nhiều, như bản thân tôi là như vậy, không có tiền thì bản thân sẽ không nghĩ đi ra ngoài mua que kem ăn, cũng không đi ra ngoài làm gì cả, vì sao vậy? Một khi không có tiền thì không có dịp, chính là không có cơ

hội gì cả, cho nên bạn thành thật. Nếu có tiền thì sẽ rất có cơ hội, lúc nào cũng có thể đi ra ngoài, vậy thì có khác gì người thế tục đâu? Cho nên, người tu đạo phải đào thải hết tập khí của thế tục đi, chỉ cần y thực có thể đầy đủ để dụng công tu đạo thì những cái khác đều không cần cầu.

“Sanh tượng vàng bạc vật báu”, sanh này nghĩa là vàng, tượng nghĩa là giống, cái mà giống như vàng cũng chính là bạc, cho nên sanh tượng và vàng bạc có thể nói là ý nghĩa như nhau. Trong Sa-Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú nói sanh tượng vàng bạc này là dùng hai ngôn ngữ tiếng Phạn và tiếng Hoa. Bởi vì Ấn Độ nói là sanh tượng, ở Trung Quốc thì nói là vàng bạc, cho nên sanh tượng vàng bạc là cùng một loại. Đại sư Ngẫu Ích nói sanh và tượng này có một ý nghĩa khác, cũng được, cũng rất hay, ngài nói “sanh vàng bạc vật báu” là không phải do con người làm thành, mà tự nhiên sanh ra. “Tượng vàng bạc vật báu” là do con người tác động điêu khắc chạm trổ mà thành. Giải thích như vậy cũng rất hay, bởi vì như thế thì ý nghĩa sẽ không bị lặp lại, ý nghĩa của sanh tượng và vàng bạc sẽ không trùng lặp, mà có ý nghĩa khác nhau. Vàng bạc còn có vật báu, tất cả bảy báu chúng ta đều không được lấy, ví dụ những bảo vật quý giá như trân châu, mã não, phỉ thúy, kim cương, đương nhiên hiện nay còn có tiền, không chỉ là những thứ quý giá, không chỉ là vàng bạc vật báu, mà còn có đô la Mỹ, nhân dân tệ, những thứ này đều không cầm, cho đến những thứ có thể đổi thành tiền mặt, có thể trực tiếp rút tiền mặt như thẻ tín dụng, thẻ rút tiền, những loại này đều giống như tiền mặt vậy, chúng ta đều không cầm, càng không được tích trữ.

Được rồi, chúng tôi giải thích kinh văn này, vừa rồi nói sanh vàng bạc vật báu hình thành không do con người tác động, tượng vàng bạc vật báu hình thành là do con người tác động, loại này thông thường được chế tạo thành các loại như đồ trang sức, hình tượng, khí cụ v.v.. Ở đây có một điều đặc biệt, nếu dùng vàng, bảy báu để tạo hình tượng Phật Bồ-tát thì có thể cầm không? Ví dụ thầy hương đăng quét dọn ở trong đại điện, tượng Phật này được điêu khắc bằng vàng, để tiện cho việc quét dọn thì có thể tạm thời di chuyển tượng Phật đi, như vậy cũng được, quét dọn xong thì chúng ta đừng tùy tiện sờ vào tượng ấy. Nếu không phải vì duyên sự của tam bảo, ví dụ bạn vào tiệm vàng nhìn thấy ở đó có tượng Phật bằng vàng, lúc này bạn không được sờ vào, sờ vào thì sẽ phạm điều giới này. Trong giới tỳ-kheo là thuộc về xúc bảo giới, chạm vào đều sẽ phạm, càng huống hồ là tích chứa. Trong giới tỳ-kheo thì xúc bảo giới là thuộc về điều thứ 82, điều 82 ở chương 3. Ví dụ

tích trữ tiền lại là một điều giới khác, nếu muốn sám hối tội tham tích chứa thì trước tiên phải xả tài, rồi xả tâm, rồi mới xả tội, sám hối tương đối phức tạp. Đương nhiên ngoài hình tượng Phật Bồ-tát ra thì tất cả những khí cụ vật phẩm do con người tạo ra, chúng ta tự nhiên đều không được cầm giữ, như hoa tai vàng, dây chuyền bạc, vòng tay ngọc v.v.. đều không được.

Thông thường nói bảy báu là bảy báu nào? Thứ nhất là vàng, thứ hai là bạc, những loại này chúng ta đều biết rồi, thứ ba là lưu ly, lưu ly là ngọc màu xanh lam, còn có pha lê, tiếng Hoa gọi là thủy ngọc, cũng gọi là ngọc xanh, loại ngọc này có màu sắc rất óng ánh, chắc là loại ngọc có màu trắng, còn có xà cừ, nếu là xà cừ thì hiện nay có rất nhiều loại dùng xà cừ, thật sự thì xà cừ rất quý sẽ làm thành chuỗi hạt đeo lên cổ. Nếu thật sự muốn trì giới thì tốt nhất không nên đeo loại này, đeo những tràng làm bằng nhựa, hạt bồ-đề v.v.. thì được, nhưng tràng hạt bằng bảy báu thì chúng ta không đeo, ví dụ như mài ngọc thành hạt xâu lại, những thứ này đều không đeo. Còn có mã não, mã não là loại ngọc có màu đỏ trắng, còn có trân châu đỏ, những thứ này đều là những thứ mà người thế gian tham ái, quý trọng cho nên gọi là bảo.

“Đều làm tăng thêm lòng tham, có chỗ trái với chí hướng cao thượng”, nếu chúng ta cầm giữ, thậm chí tích trữ những bảo vật này thì sẽ khiến chúng ta sanh khởi tâm tham dục, trái ngược với ý chí cao thượng của chúng ta. Người xuất gia lấy đạo làm trọng, muốn liễu thoát sanh tử, muốn vãng sanh thành Phật thì làm sao còn tham trước đối với những bảo vật của thế gian cho được? Cho nên *“cầm giữ thì đều phạm tội”*, là phạm điều giới này.

“Trừ khi vì tam bảo mà tạm thời cất giữ”, đây là nói khai duyên, vì duyên sự của tam bảo, như ví dụ vừa rồi đã nêu, còn có *“hoặc được cử giữ gìn cho sư trưởng cha mẹ, chính mình không tham tích trữ”*, những điều này không tính là phạm giới. Ví dụ sa-di xuất hành cùng tỳ-kheo, giả sử có cư sĩ cúng dường tiền, tức là cúng dường vàng, tỳ-kheo đương nhiên trì giới không cầm vàng, sa-di cũng trì giới không cầm vàng, nhưng lúc này không có tịnh nhân ở bên cạnh, thí chủ lại kiên quyết muốn cúng dường, vậy thì một mặt cũng không thể khiến thí chủ này thất vọng, phải cho họ cơ hội tu phước, đồng thời tỳ-kheo lại không thể cầm giữ tiền bạc, vậy thì sa-di có thể nhận lấy. Nhận lấy xong, sau khi quay về đưa cho tịnh nhân quản lý, cách xử lý tiền bạc đều nên làm như vậy.

Ở đây chúng tôi cũng giảng về ý nghĩa chế giới. Trong Giới Bản Sớ có một đoạn nói rất hay rằng: *“Xuất gia tu đạo, tiền tài thế gian không có ý nghĩa gì, những người có tiết tháo cao thượng ở thế tục nhìn thấy xem như đất vậy, hơn nữa bảo vật đều có rất nhiều lợi lộc nên đa số người sẽ tham ái, sa-môn làm tấm gương tốt cho người thế gian, trên sự tương phải đoạn tuyệt sự tham lam tích trữ, càng hướng hồ là thân thể xúc chạm, thật sự không phải là oai nghi của người tu đạo. Tội này không nhẹ, làm sao không chế giới này cho được?”*

Đoạn này nói người xuất gia tu học thánh đạo xuất thế, tiền tài ở thế gian không phải là thứ vướng bận ở trong tâm chúng ta, không phải là thứ chúng ta mong cầu ở trong ý niệm. Ở thế tục cũng có người tiết tháo cao thượng, nhìn thấy vàng bạc tài bảo đều có thể giống như nhìn thấy đất vậy, không hề sanh chút tâm tham ái nào, càng hướng hồ chúng ta là người xuất gia tu học thánh đạo xuất thế. Ở đây cũng nói một chút về người Trung Quốc xưa, cũng có ví dụ nhặt được vàng mà không tham, cuộc được vàng cũng không thêm nhìn. Thời Tam Quốc có một cao sĩ tên là Quán Ninh, Quán Ninh và Hoa Hâm cùng nhau học tập, đều cùng nhau đọc sách thánh hiền, đều ôm chí hướng cao thượng có thể giúp người trong thiên hạ được an vui, kết quả đức hạnh của hai người có phân cao thấp, làm thế nào thấy được? Có một lần Quán Ninh và Hoa Hâm, hai người đang cuộc đất, kết quả cứ cuộc thì phát hiện có một thỏi vàng, Quán Ninh nhìn thấy cũng như không thấy, tiếp tục cuộc đất của ông, sau đó Hoa Hâm cũng cuộc phải, nhìn thấy thỏi vàng này thì rất vui mừng, liền nhặt lên xem một chút, đột nhiên thấy Quán Ninh đang nhìn mình, ông liền vứt thỏi vàng ấy đi, cảm thấy rất ngại.

Biểu hiện của hai người không giống nhau, tuy đều không cần thỏi vàng này nhưng Quán Ninh không có chút tư hào tham nhiễm nào, còn Hoa Hâm thì đã khởi tâm tham ái, chỉ là cảm thấy xấu hổ, nên ông mới vứt nó đi. Cuối cùng thành tựu của hai người rất khác nhau, Quán Ninh cả đời đều là đức độ cao thượng, khi ấy bởi vì ông sống trong thời loạn thế, thời đại Tam Quốc, khi ấy Tào Tháo ép thiên tử lệnh chư hầu, khi ấy thiên hạ đại loạn, cho nên Quán Ninh thề chết chứ không phục vụ cho Tào Tháo, khi ấy Tào Tháo còn mời ông ra làm việc. Nhưng Hoa Hâm thì không được vậy, Hoa Hâm thì được con trai của Tào Tháo là Tào Phi kế vị làm hoàng đế đã mời Hoa Hâm ra làm quan, Hoa Hâm liền ra phục vụ cho Tào tặc này. Sau đó cũng không được thiện chung, cho nên Quán Ninh có thể lưu danh sử sách, trái lại Hoa Hâm thì làm trò cười cho người ta. Bạn xem, người thế gian cuộc được

vàng mà có thể không thèm nhìn, đều khiến người vô cùng tôn kính, đây là người đức độ cao thượng trong nhà Nho, càng hướng hồ chúng ta tu đạo xuất thế, vốn dĩ phải xả bỏ cho thật sạch sẽ tất cả tài vật của thế gian này, vậy làm sao còn có thể có tâm tham tích chứa cho được?

“Hơn nữa bảo vật đều có rất nhiều lợi lộc nên đa số người sẽ tham ái”, bảo vật đều mang đến những món lợi rất lớn, rất nhiều, lợi này đương nhiên là lợi ích của thế tục, bạn có thể đổi được rất nhiều hưởng thụ ngũ dục lục trần, cho nên đa số người đều tham ái những bảo vật này, đều muốn tranh. *“Sa môn làm tấm gương tốt cho người thế gian”,* Thích tử xuất gia là tấm gương siêu việt cho người thế gian. *“Trên sự tướng phải đoạn tuyệt sự tham lam tích trữ”,* trên sự tướng nhất định phải đoạn trừ hết sự tham trữ, trữ chính là tích trữ, tức là phải đoạn tuyệt tâm tham tích trữ, cất giữ. *“Càng hướng hồ là thân thể xúc chạm”,* càng hướng hồ thân thể chúng ta, tức là dùng tay sờ chạm vào nó, thậm chí là thích không rời tay. *“Thật sự không phải là oai nghi của người tu đạo”,* quả thật đây không phải là oai nghi mà người tu học thánh đạo xuất thế nên có, cho nên tội lỗi này không phải nhẹ, vậy thì làm sao Phật có thể không chế giới này cho được? Đây chính là ý nghĩa chế giới.

Điều giới này đương nhiên cũng có khai duyên, vừa rồi đã đọc kinh văn này rồi, vì duyên sự của tam bảo mà tạm thời cất giữ thì không phạm. Ví dụ trong luật, trong giới bốn cũng có nói ở trong tăng-già-lam, hoặc chỗ ở nhờ nếu có vật báu, đây có thể là của thí chủ để lại, đánh rơi, bạn vì giữ gìn vật báu này ôn hòa, đợi sau này thí chủ đến có thể lấy vật báu này về, vậy thì tạm thời cất nó đi, cất giữ nó cẩn thận trước, đợi thí chủ đến lấy thì không phạm. Lúc này bạn không được nói: “ở đây có một đồng lớn trên châu, mã não, tôi không cầm đâu”, không quản nữa, sau đó kẻ trộm đến lấy hết những vật báu này đi, khi thí chủ đến tìm lại thì đương nhiên họ rất phiền muộn. Cho nên, nếu có duyên sự này thì có thể khai duyên, bởi vì bản thân không có tâm tham tích chứa. Ví dụ có tâm tham thì vừa cầm liền phạm rồi, phạm trọng tội.

Thậm chí số tiền này, như trong kinh Phật có nói một công án như vậy. Có một lần Thế Tôn từ núi Kỳ-xà-quật xuống, chính là từ núi Linh Thứu xuống, tôn giả A-nan phụng sự ở bên cạnh, họ đi qua một hồ châu báu, cái hồ đó là một cái hồ lớn, đột nhiên nứt ra, xuất hiện rất nhiều châu báu. Sau khi đức Phật nhìn thấy liền nói: “ở đây là rắn độc”, ngài A-nan nhìn thấy cũng nói: “đây là rắn độc”. Kết quả đúng lúc này có một tiểu phu đón củi, ông nghe đức Phật và ngài A-nan nói ở đây

có rắn độc, ông cũng hiếu kỳ, thò đầu ra xem thì thấy phía dưới toàn là vàng bạc châu báu, ông nói: “nhiều đồ quý thế này, nếu thật sự có rắn độc thì tôi nguyện bị độc cả đời”, vậy là ông liền chuyển toàn bộ châu báu này về. Vốn dĩ ông rất nghèo, kết quả có vàng bạc châu báu, trong vòng một năm ông liền xây những tòa biệt thự, đình đài lầu các rất đẹp, hơn nữa còn có rất nhiều người hầu. Có một lần quốc vương đem theo quần thần đi săn bắn, đi qua nơi ấy phát hiện thấy tại sao ở đây lại có một biệt thự đẹp như vậy, quốc vương rất hiếu kỳ liền hỏi: “trong ấn tượng của ta thì nơi đây là một vùng hoang vắng, tại sao đột nhiên lại biến thành một nơi đẹp thế này được?” Vậy là gọi người chủ này lại, hỏi người tiểu phu này chuyện như thế nào, tiểu phu trả lời quốc vương là do mình nhặt được những châu báu này cho nên mới được phú quý.

Quốc vương rất tức giận nói: “Dưới gầm trời này, chỗ nào không phải là đất của vua, tất cả châu báu đều là của ta, sao người có thể trộm cắp được chứ? Lập tức chém đầu.” Là phán tội chết, kết quả khi sắp hành hình thì người tiểu phu này mới hiểu rõ lời của đức Phật và ngài A-nan, vàng bạc châu báu này thật sự là rắn độc. Bởi vì người cũng sắp chết rồi mà những vàng bạc châu báu này, những hưởng thụ này một thứ cũng không thể mang theo được, cho nên ông vô cùng hối hận, miệng luôn gọi đức Phật ơi, ngài A-nan ơi, cứ gọi vậy. Kết quả viên quan sắp hành hình nghe thấy tiểu phu này gọi như vậy thì báo cáo với quốc vương. Quốc vương là một tín đồ Phật giáo, tín ngưỡng Phật pháp, ông liền gọi tiểu phu lại nói: “người trộm châu báu của vua, người gọi Phật thì có tác dụng gì chứ?” Tiểu phu đó bẩm báo với quốc vương rằng: “Lúc đầu không nghe lời đức Phật và ngài A-nan, không biết tài vật này là rắn độc, cho nên bây giờ tôi mới gặp phải báo ứng như thế này”. Quốc vương nghe vậy liền khởi tâm thương xót: “Hóa ra người có được châu báu này ở chỗ cạnh đức Phật, được rồi, tha cho người một mạng, nhưng tài vật đều phải sung công”, để ông ấy được sống.

Bạn xem, may mà ông có thể niệm Phật, niệm Phật nên cứu lại được một mạng, nhưng thứ mà ông không đáng có thì cuối cùng ông vẫn không đạt được, cho nên có thể thấy vàng bạc châu báu không phải là thứ tốt. Người ngu si rất thích những thứ này mà không biết đó là rắn độc, cho nên người xuất gia chúng ta hiện nay đều thả rắn độc đi rồi, như vậy sẽ không bị hại, mà còn có thể an ổn sống qua ngày. Bạn xem người thế gian, đặc biệt là những gia tộc lớn, rất phú quý, có rất nhiều rắn độc, họ thật sự từ sáng đến tối đều rất không an ổn, thậm chí là những

người giàu có, buổi tối đều ngủ không ngon, đều lo lắng phiền não, phải nghĩ xem tài sản của họ nên xử lý thế nào, làm sao bảo đảm giá trị tiền gửi, đầu tư vào ngành nghề nào, vào hạng mục nào, cho nên buổi tối đều phải dựa vào thuốc an thần mới có thể ngủ được. Chúng ta căn bản không cần thuốc an thần, buổi tối cộng tu đều đã rất mệt rồi, nằm xuống giường khoảng 5 phút, 10 phút là ngủ.

Thế gian cũng có câu chuyện như nhật được vàng không mê, tức là họ không tham. Trước đây, có người tên Nhạc Dương Tử, ông nhật được một thỏi vàng ở trên đường, cầm về đưa cho vợ ông. Vợ ông liền nói với ông rằng: “Thiếp nghe nói bậc chí sĩ không uống nước Đạo Tuyền, người liêm khiết không ăn miếng cơm đi xin, càng huống hồ nhật vàng cầu lợi, làm vậy bản phẩm hạnh của họ ư?” Vợ của Nhạc Dương Tử quả thực là một người rất có trí tuệ, hơn nữa rất có đạo đức, cho nên giúp chồng thành tựu đức hạnh. Nhạc Dương Tử nhật được vàng đem về, vợ của ông rất thông minh mà nói với ông, thiếp là mình tự xưng, vẫn là thiếp nghe, kẻ sĩ có chí hướng không uống nước Đạo Tuyền, người liêm khiết không ăn miếng cơm đi xin. Ví dụ chúng ta dối bụng, người ta nhìn thấy chúng ta thì sanh tâm ngạo mạn rất lớn, liền gọi chúng ta [với thái độ] rất khinh thường: này đến đây, tôi cho anh ăn; lúc này người liêm khiết đều không nhận thức ăn của kẻ khinh thường ấy, tức là bản thân phải có khí phách của mình, càng huống hồ nhật vàng cầu lợi, nhật được số vàng này để cầu lợi ích cho bản thân thì sẽ làm vậy bản phẩm hạnh của mình. Cho nên, sau khi Nhạc Dương Tử nghe xong thì sanh tâm hổ thẹn lớn, vậy là lại đem số vàng ấy đến vùng hoang vắng đó vứt bỏ. Đây chính là nhật được vàng mà không khởi tâm tham.

Đương nhiên vợ của Nhạc Dương Tử có thể làm được như vậy là vô cùng hiếm có, dùng đạo nghĩa để khắc phục tham dục của bản thân. Kỳ thực như đức Phật nói đó là rắn độc thì càng rất ráo hơn. Bạn biết bản chất của nó chính là rắn độc, vậy thì bạn tuyệt đối không dám sanh tâm tham dục, giống như nhìn thấy mỹ sắc, thông thường người nam đều sẽ sanh khởi tham ái, nhưng bạn biết mỹ sắc đó là bất tịnh, tu quán bất tịnh thì tự nhiên có thể đoạn trừ tâm tham dục đó từ gốc rễ. Cho nên đối với tài sắc, đây là hai loài lang sói, một cái là tài sói, một cái là sắc sói, hai con sói này sẽ ăn pháp thân huệ mạng của chúng ta, đối trị thế nào đây? Đối với sắc phải tu quán bất tịnh, đối với tài thì tu quán rắn độc, nhìn thấy tài thì bạn liền lập tức nghĩ đến đó là rắn độc, nhìn thấy mỹ sắc đó chính là bộ xương có thịt, toàn thân đều bất tịnh, nhanh chóng buông bỏ phiền não dâm dục này xuống.

Giữ cho sư trưởng, cha mẹ, chứ bản thân không tham tích chứa thì điều này có thể khai duyên không phạm. Còn có một trường hợp khai duyên chính là “tiền tài vật báu thuyết tịnh”, điều này là ở trong Ngũ Bộ Luật, chỉ có Căn Bản Hữu Bộ Luật khai duyên, tức là nói nếu khi có thí chủ bố thí tiền tài vật báu cho tỳ-kheo hoặc sa-di, người xuất gia chúng ta, thì trước tiên chúng ta phải khởi một ý niệm là “vật này tôi không nên nhận”, đây không phải là vật mà tôi nên nhận, tôi vì thuyết tịnh nên có thể nhận lấy. Cho nên, ý niệm đầu tiên là phải nghĩ tiền tài vật báu này phải thuyết tịnh, chứ không phải vì tham tích mà nhận lấy. Sau khi nhận rồi thì có hai phương pháp, một loại là chân thật tịnh, một loại là triển chuyển tịnh, chính là thuyết tịnh. Chân thật tịnh là thanh tịnh nhất, tức là bản thân thật sự không cảm, không tích chứa. Ví dụ có cư sĩ đến cúng dường tiền tài, lúc này bên cạnh có một tịnh nhân, bạn liền quay lại nói với tịnh nhân rằng: “thứ này tôi không nên nhận, ông biết vậy thấy vậy”. Lời này cũng phải để tịnh nhân này hiểu rõ, bình thường phải nói rõ với tịnh nhân, nghe thấy câu “ông biết vậy thấy vậy”, họ liền biết nên làm thế nào, biết vậy thấy vậy đơn giản mà nói chính là ông thấy rồi làm. Lúc này không thể nói “ông nhận giúp tôi”, lời này cũng sẽ phạm, bảo người nhận tiền cũng sẽ phạm, lúc này không được nói. Tịnh nhân sau khi nghe thấy câu “biết vậy thấy vậy” này thì phải hiểu ý, lập tức đi lên nhận lấy tiền của thí chủ, sau đó thay vị sa-di hoặc tỳ-kheo này quản lý, đợi khi vị sa-di hoặc tỳ-kheo này cần tứ sự cúng dường thì vị tịnh nhân này giúp họ xử lý, mua những vật phẩm này để cúng dường họ, cho nên người xuất gia này có thể không cần chạm vào tiền bạc, càng không cần tích trữ. Tăng đoàn của chúng ta ở nơi đây đều dùng phương pháp này, do Cơ Kim Hội đến thống nhất hộ trì, cho nên chúng xuất gia chúng ta đều không cần tích trữ tiền bạc.

Loại thứ hai, tức là trường hợp nếu bên cạnh không có tịnh nhân, lúc này trước tiên chúng ta phải khởi ý niệm, tôi phải thuyết tịnh, thuyết tịnh thì có thể dùng tay nhận lấy nó trước, nhưng ý niệm lúc này là nghĩ số tiền này cũng không phải của tôi, là thí chủ muốn cúng dường tứ sự cúng dường cho tôi, nhưng họ vẫn chưa biết tôi cần cái gì, cho nên tương lai phải đem số tiền này đi đổi lấy những vật phẩm tứ sự cúng dường, cái đó mới là vật cúng dường mà tôi nên tiếp nhận, chứ không nên tiếp nhận tiền tài. Sau khi nhận rồi thì tạm thời giữ lấy, trong vòng 10 ngày nhất định phải thuyết tịnh, tức là sa-di thuyết tịnh với sa-di, hoặc tỳ-kheo nói với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni nói với tỳ-kheo-ni, là đối thủ thuyết tịnh với người cùng pháp, vẫn thuyết tịnh nói như thế nào? Nếu người trên nói với người dưới thì nói:

“xin hiền giả chứng minh”, nếu người dưới nói với người trên thì nói: “xin đại đức chứng minh, con là tỳ-kheo gì đó, hoặc con là sa-di gì đó được bất tịnh tài này, tương lai lấy bất tịnh tài này đổi lấy tịnh tài”. Vàng bạc này là bất tịnh tài, bây giờ chúng ta muốn lấy bất tịnh tài này đổi lấy tịnh tài, tịnh tài chính là tứ sự cúng dường. “Đương” nghĩa là tương lai con muốn đổi lấy, cho nên dùng việc thuyết tịnh này để giữ lại, nói câu này ba lần, đối phương nói “được”, bản thân nói “vâng”, lúc này có thể nhận tiền tài. Sau này khi cần cúng dường y phục, ăn uống, ngọa cụ v.v.. thì bạn có thể tự dùng tiền tài đi đổi lấy, đây là pháp thuyết tịnh.

Đương nhiên pháp này so với chân thật tịnh thứ nhất mà nói thì không trang nghiêm bằng, cũng không thanh tịnh bằng, nhưng tóm lại là tốt hơn không có. Nếu không thuyết tịnh mà trực tiếp nhận tiền để vào trong túi thì phạm giới, cho nên nếu có thể trì giữ được giới pháp thanh tịnh thì vô cùng thù thắng, đừng cảm thấy đức Phật chế định giới này hiện nay đều không phù hợp nữa, chúng tôi trì không nổi, không đâu, chỉ cần chúng ta có tâm trì thì nhất định có thiên long hộ pháp, chúng ta nhất định có thể trì được tốt.

Hôm nay hết giờ rồi, điều giới này của chúng ta vẫn còn một chút thôi, cũng xem là đã giảng xong điều giới này rồi, hôm nay giảng đến đây cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 21

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 25/7/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành! Mời để tay xuống.

Buổi trước chúng tôi giảng đến điều giới “không ăn phi thời”, khi ấy có giảng đến một chỗ là nước dưa hấu có thể làm tương phi thời, sau đó có vị đại đức tỳ-kheo đã nhắc tôi điểm này, sau đó tôi đã tra trong Tam Đại Bộ, điều này phải dính chính lại một chút, nước dưa hấu không thể làm tương phi thời. Giới Sớ Ký trong Tam Đại Bộ có phán định cho chúng ta thể được của tương phi thời, ở đây sẽ nói tỉ mỉ với mọi người một chút để mọi người biết loại nào có thể uống, loại nào không được uống. Căn cứ theo Tăng Chi Luật nói: *“Tất cả các loại đậu, cốc loại, lúa mạch, khi nấu thành nước hạt không được vỡ ra. Như bơ, dầu, mật, đường phen, 14 loại nước trái cây, nước hoa quả”*, những thứ này đều có thể làm tương phi thời.

Đậu, cốc loại, lúa mạch, những loại này đương nhiên cũng bao gồm gạo, khi nấu những loại này không được để hạt vỡ ra, nếu vỡ ra thì biến thành “thời tương” rồi, chỉ có thể ăn trước giữa trưa. Nếu không vỡ thì có thể làm tương phi thời, nhưng cũng phải xác định tương đó đã lóng trong không có cặn bã. Đừng ăn cả hạt ngũ cốc, hạt đậu ấy, mà chỉ có thể uống nước tương đó. “Bơ, dầu”, bơ được chiết xuất từ các sản phẩm sữa. Dầu, mật, đường phen, những thứ này tức là tất cả các loại đường, như đường mía, còn có 14 loại nước trái cây, 14 loại này thì không nói rõ là 14 loại nào, trong đó khẳng định có nước mía, còn có nước lựu, những loại này có thể làm tương phi thời. Căn cứ theo Thiện Kiến Luận nói *“củ sen già nát lóng trong thì có thể được”*, có thể làm tương phi thời, tức là củ sen phải lóng trong, *“các loại lá cũng*

được”, tất cả các loại lá cỏ như các loại thảo dược, “trừ các loại rau là không được”, rau thì không được. Nói cách khác, rau giã nát làm nước tương cũng không được, tức là rau có thể ăn được thì thuộc về thực dược, rau giã thành nước thì không thể làm tương phi thời, nhưng loại lá không dùng để nấu ăn thì được, tức là có chút giống như tính chất của thảo dược trong Đông y, còn “các loại quả cũng được”, các loại quả, trái cây, “trừ dưa thì không được”, ở đây nói dưa thì không được, bởi vì rau và dưa giã thành nước, ở đây nói “ắt không lóng trong được”, đây là lời giải thích trong Ký văn, Giới Sớ Ký chính là *Giới Bốn Sớ Hành Tông Ký*, luật sư Nguyên Chiêu giải thích rằng hai loại rau và dưa rất khó lóng trong, cho nên phải bỏ nó đi, không thể làm tương phi thời.

Lại trong Thiện Kiến Luận nói “*tương xá lâu già*”, tương xá lâu già là chỉ “củ sen giã nát lấy nước đã lóng trong”, cũng chính là nước củ sen, chính là nước ép củ sen. “*Tất cả trái cây, tất cả lá, trừ rau*”, ở đây cũng nói giống như vậy, trừ rau ra thì tất cả lá cây đều có thể làm thành tương, làm tương phi thời. Còn có “*tất cả hoa, tất cả thảo quả*”, những thứ này đều có thể làm tương phi thời. “*Trừ bầu ngọt, bí đao, dưa ngọt, quả dưa ra*”, dưa ngọt tức là bao gồm các loại dưa có vị ngọt, dưa hấu chính là dưa ngọt, còn có những loại như dưa vàng Hami, bí đao cũng không được, bí đao thuộc về loại giống như rau vậy. Nước dưa, ở đây tôi phán đoán thế này, cùi dưa ép thành nước thì không được, bởi vì nó không thể lóng trong được, nhưng nước dưa được bao bọc trong quả dưa, nước đó thì lóng trong, nước này có lẽ là được. Cho nên ở đây nói quả dưa ép thành nước thì không được, nhưng ở giữa quả dưa, thông thường nhiều khi người bán dưa trực tiếp cắm ống hút vào để hút, nước đó thì được, nhưng nếu bạn cạo phần cùi dưa màu trắng ra rồi ép thành nước thì không được. Ở đây nói tương đối rõ ràng.

Còn căn cứ theo Minh Liễu Luận: “*Rang com cháy đen, bỏ thuốc vào trong ủ cho thành tương, cũng gọi là tương phi thời*”, tức là rang com, đem com rang cho đen, cháy đen, sau đó còn có loại thuốc khác, có lẽ thuộc về loại thuốc trợn đời. Ví dụ nói bỏ gừng vào cùng, sau đó ngâm thành nước gừng, lấy nước đem ngâm, sau đó đem nó ngâm thành nước gừng, nước này có thể làm tương phi thời. Điều này cũng có thể gợi ý cho chúng ta, đối với người không thể ăn bữa tối, thân thể tương đối suy nhược, thì suy nghĩ xem có thể dùng phương pháp này được không, nhưng com này phải đem rang cho cháy đen, đại khái nó có bổ sung một chút năng lượng dinh dưỡng, nó cũng sẽ không hàn lạnh, [phối hợp] cùng một số loại thuốc như vậy

rồi dùng nước tiến hành ngâm ủ, nhưng đương nhiên không thể biến thành rượu, biến thành rượu thì không được. Loại này đại khái có thể có chút giúp đỡ đối với người bị bệnh ruột, dạ dày, nhưng tôi không hiểu lắm về phương diện Đông y, người am hiểu Đông y có thể suy ngẫm một chút xem làm sao để có thể giúp những người thân thể suy nhược nhiều bệnh không cần ăn phi thời.

Ở đây vẫn đặc biệt nhắc một chút, căn cứ theo Giới Sở Ký thì có thực phẩm khi ăn sống là thuốc trọn đời, khi chín biến thành thực dược, có loại khi sống là thực dược, khi chín thì biến thành thuốc trọn đời. Hai trường hợp này, lấy ví dụ chính là gạo, mạch, mía, nếu đốt thành tro, tức là vừa mới nói cơm cháy hoặc lúa mạch rang cho đen, mía nướng đen, những loại này chính là nấu chín, nướng chín đã cháy đen rồi thì có thể làm thành thuốc trọn đời. Nếu ăn sống như vậy thì không được, như là mía, đương nhiên thông thường thì gạo sẽ không ăn sống, ăn sống cũng xem là thực dược. Nếu mía thì sẽ ăn sống, nhưng bạn đem nó nướng đen rồi thì có thể làm thuốc trọn đời. Còn có loại sống là thuốc trọn đời, chín là thực dược, như hạnh nhân, như hoài sơn, chúng ta nói là sơn dược, còn có sắn dây, khoai môn, những loại này ăn sống có thể làm thành thuốc trọn đời, như hoài sơn ăn sống có thể làm thuốc trọn đời, nhưng nấu chín thì biến thành thực dược, bên trong nó hàm chứa một số tinh bột có thể ăn vào sẽ no. Ở đây bổ sung thêm một vài điều liên quan đến tương phi thời, do buổi trước giảng có một số chỗ sai sót nên đính chính lại.

Chúng ta tiếp tục xem Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu, chúng tôi đã giảng xong 10 điều giới rồi, đoạn cuối cùng là tổng kết:

“Mười giới trên, nếu phạm bốn giới đầu thì gọi là phá giới căn bản, cũng gọi là biên tội, không thể dùng tác pháp sám mà có thể đối trị được. Nếu muốn tiếp tục thọ giới tỳ-kheo và giới Bồ-tát thì phải kết đàn làm thủ tướng sám. Nếu phạm điều thứ chín thì gọi là phá trai. Nếu phạm năm điều còn lại gọi là phá oai nghi, đều phải khẩn thiết sám hối tội lỗi thì mới không chương đạo, phải thận trọng, thận trọng”.

Mười điều giới nói ở phía trên, từ điều thứ nhất “không sát sanh” đến điều thứ mười là “không cầm giữ sanh tượng vàng bạc vật báu”, bốn điều phía trước là thuộc về tánh tội, sáu điều phía sau thuộc về già tội. Già tội cũng tức là Phật chế định ra để ngăn cấm chúng ta không được làm, nhưng nếu không thọ giới mà phạm sáu điều phía sau thì sẽ không có tội, tức là nó không có tánh tội. Vì sao Phật phải ngăn cấm sáu điều phía sau? Một là để giúp chúng ta không được phóng dật mà dẫn đến phạm

bốn giới trọng ở phía trước, thứ hai cũng là để phòng hộ người xuất gia không bị người thế gian chê cười.

Bốn điều phía trước chính là giới *giết, trộm, dâm, dối*. Nếu phạm thì “gọi là phá giới căn bản”, đây là nói phạm trọng tội, phạm trọng tội căn bản. Ví dụ, “giết” chính là giết người, dùng tâm giết, đã khởi tâm giết, giết chính là người, các duyên đều đã đầy đủ thì tạo thành phạm căn bản. “Trộm cắp” là chỉ trộm 5 tiền trở lên, “giới dâm” là nói đã vào đường dâm, vào một chút xiu là phạm căn bản, “vọng ngữ” là chỉ đại vọng ngữ, nói những pháp vượt qua người thường, nếu phạm bốn điều giới này thì gọi là phá giới căn bản, đã phá giới căn bản thì sẽ mất giới thể. Thọ giới sa-di mà phá giới căn bản thì mất giới thể sa-di. Giả sử nếu đã thọ giới Bồ-tát thì cũng sẽ mất giới thể Bồ-tát. Nếu cư sĩ thọ ngũ giới, thọ bát giới cũng như vậy, cũng phá giới căn bản thì mất giới thể. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na đều như vậy, đã phạm bốn giới này, phạm trọng tội thì đều là phá giới căn bản, mất giới thể, đây gọi là biên tội. Ý nghĩa của biên tội chính là vĩnh viễn bị vứt bỏ ở ngoài bờ biển Phật pháp, giống như thi thể bị vứt bỏ ở bờ biển, không thể vào trong biển lớn Phật pháp được.

Phạm biên tội thì không thể tác pháp sám mà có thể đối trị được. Tác pháp sám, thông thường như sa-di mà nói, chính là đối thú sám, tội nhẹ thông thường thì sa-di đối trước sa-di làm đối thú sám pháp, Tỳ-kheo cũng như thế, những tội ở sau chương thứ ba đều là đối thú sám, tìm một người cùng pháp, tỳ-kheo với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni với tỳ-kheo-ni, đối thú sám hồi như vậy thì có thể xuất tội. Cư sĩ thì phải tìm một sư phụ xuất gia, năm chúng xuất gia đều có thể xuất tội cho cư sĩ. Nếu tội tương đối nặng, ví dụ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni phạm ở chương hai thì tội này cần phải 20 tỳ-kheo-tăng xuất tội, tỳ-kheo-ni phải ở trong hai bộ tăng - 40 người xuất tội. Nếu phạm tội căn bản, tội phương tiện trong bốn trọng tội, tội phương tiện bậc thượng, trong giới tỳ-kheo gọi là bậc thượng tụ thứ ba, điều này cũng phải sám hồi ở trong tất cả tăng chúng. Đây đều thuộc về tác pháp sám, có thể giúp xuất tội. Nếu đã phá giới căn bản rồi, tỳ-kheo-ni đương nhiên có tám trọng tội, phạm một điều cũng là phá giới căn bản. Giới sa-di và giới tỳ-kheo, còn có ngũ giới, bát giới của cư sĩ cũng như vậy, phạm bốn trọng tội căn bản này thì mất giới thể, tác pháp sám cũng không cách gì xuất tội.

“Nếu muốn tiếp tục thọ giới tỳ-kheo và giới Bồ-tát thì phải kết đàn lay thủ tướng sám”. Sau khi mất giới thể, muốn thọ lại bất cứ giới gì cũng đều không đắc giới. Ví dụ sa-di phạm giới trọng thì phải diệt tận, không được ở cùng tăng đoàn nữa,

họ có thể phải hoàn tục, sau khi hoàn tục lại muốn thọ ngũ giới, bát quan trai giới, Bồ-tát giới, hoặc sau này lại muốn xuất gia thọ giới sa-di, thậm chí giới tỳ-kheo, tất cả đều không đắc giới. Cho nên đây gọi là biên tội, nhưng trong pháp Đại thừa có thể cho phép dùng thủ tướng sám pháp để cứu vãn. Trong luật Thanh văn thì không có, chỉ có pháp Đại thừa mới có, như trong kinh Phạm Võng cho phép nếu phạm 10 giới trọng trong giới Phạm Võng Bồ-tát thì phải ở trước Phật khẩn thiết sám hối, tụng 10 giới trọng và 48 giới khinh, ngoài ra lạy ngàn vị Phật trong ba đời, thấy được tướng lành. Điều này đương nhiên không nhất định chỉ lạy 1.000 vị Phật, mà có khi phải lạy 10.000 Phật, thậm chí 100.000 Phật, dù sao thì phải lễ đến khi thấy được tướng lành mới thôi. “Hoặc một tuần thất, hai ba tuần thất, thậm chí đến một năm”, một năm không được thì thậm chí là 10 năm, chí thành lễ sám thì có thể thấy được tướng lành. “Tướng lành” là chỉ cái gì? Là thấy ánh sáng, thấy hoa, hoặc thấy Phật đến xoa đầu, các loại tướng lành, tướng rất cát tường, khiến bạn tâm khai ý giải, khiến bạn pháp hỷ sung mãn, lúc này chính là hiện tượng tội nghiệp được tiêu trừ. Thậm chí trong mộng thấy những tướng lành này cũng đều được tính, nhưng bạn nhất định không được hồ đồ lơ mơ, thấy trong mộng cũng giống như nhìn thấy thật vậy. Nếu thấy tướng lành thì tội phạm trọng giới này của bạn xem như đã phục diệt rồi. Đây gọi là phục diệt, không phải đoạn diệt, tội nghiệp nhân quả vẫn có. Ví dụ bạn giết người thì tương lai vẫn phải trả nợ mạng, chỉ là hiện tại nghiệp này sẽ không chướng ngại bạn thọ lại giới, không trở thành chướng giới, không phải trọng nạn biên tội.

Như trước khi thọ ngũ giới thì đều phải hỏi già nạn, ngũ giới có 7 nạn, ví dụ phạm biên tội, còn có tạo tội ngũ nghịch, còn có ô nhục tăng ni, cùng lục thân nam nữ hành dâm v.v., có những nạn này thì không thể đắc ngũ giới. Giới tỳ-kheo có 13 trọng nạn, chỉ cần có một nạn thì sẽ ngăn cản bạn không thể đắc giới. Ví dụ phạm biên tội, sau khi thông qua thủ tướng sám thấy được tướng lành, thủ tướng sám là nói đạt được tướng lành, sau khi thấy tướng lành thì nạn này xem như được giải trừ. Cho nên khi đăng đàn, giới sư hỏi bạn có biên tội không? Bạn có thể đáp là “không có”, bởi vì đã được giải trừ rồi.

Còn có rất nhiều những sám nghi Đại thừa khác như: Đại Bi sám, Pháp Hoa sám, còn Tịnh độ có Tịnh Độ sám. Trong Tịnh Độ Thập Yếu của đại sư Ngẫu Ích, thứ nhất là “A-di-đà Kinh Yếu Giải”, thứ hai chính là Tịnh Độ sám. Đây là một sám nghi rất hay, đều phải thấy được tướng lành. Ví dụ bạn chuyên lạy A-di-đà Phật, bạn

thấy A-di-đà Phật rồi thì giống như thấy được tướng lành rồi, hoặc thấy hoa sen cũng được. Ở đây tôi xin giới thiệu với mọi người chính là Chiêm Sát sám, bởi vì tướng lành của Chiêm Sát sám là thấy được luân tướng thanh tịnh của luân chiêm sát này, nó dùng một luân để hiển tướng nên vô cùng khách quan. Bạn tung luân ra, bạn liền có thể phán định đây có được xem là tướng lành không, toàn bộ đều là tướng thiện, 3 lần tung luân được 9 tướng, 9 tướng này đều là thiện thì đó chính là luân tướng thanh tịnh. Đây là Bồ-tát Địa Tạng làm chủ sám hối của bạn, ngài đến ấn chứng là bạn đã thấy được tướng lành, biên tội này đã được diệt trừ. Điều này so với thấy ánh sáng, thấy hoa, thấy những tướng lạ này càng khách quan hơn.

Có khi chúng ta đang tu hành thấy được những ánh sáng, hoa này, nếu dùng tâm bất chánh thì cũng có thể là ma cảnh, chính mình không thể phân biệt được, nhưng luân tướng thanh tịnh thì không thể là ma cảnh được, pháp này là pháp do Bồ-tát Địa Tạng truyền xuống, Bồ-tát Địa Tạng hộ niệm, ma không thể lợi dụng, cho nên cách này tuyệt đối sẽ không có sai lầm, hơn nữa vô cùng khách quan, bạn tung ra đúng là đúng, sai là sai, không có chút sai lầm nào. Chỉ cần đạt được luân tướng thanh tịnh thì lúc này bạn có thể thọ giới tỳ-kheo, giới Bồ-tát, bạn muốn cầu lại giới thể gì đều có thể đạt được, thậm chí nếu trong vòng 1.000 dặm không có thầy truyền giới, không có giới sư có thể truyền giới tỳ-kheo và giới Bồ-tát cho bạn thì bạn có thể ở trước Phật tự thọ giới. Trong kinh Phạm Võng Bồ-tát có nói đến điều này. Ở đây nói thầy có thể truyền giới, ví dụ giới tỳ-kheo thì không dễ tìm, giới sư có thể truyền giới tỳ-kheo, nếu ở Trung Quốc, tức là ở đất nước mà Phật pháp hưng vượng thì gọi là Trung Quốc, không phải nói đất nước Trung Quốc. Trong kinh Phật nói Trung quốc chính là đất nước có Phật pháp hưng vượng, không phải là biên địa. Trung quốc là 10 vị thầy truyền giới, biên địa là 5 người truyền giới, thậm chí 5 vị tỳ-kheo ở biên địa này đều phải là tỳ-kheo thật sự đã đạt được giới thể, đây gọi là thầy có thể truyền giới. Nếu bạn không tìm được, như vậy thì bạn có thể tự thọ giới ở trước Phật cũng có thể đạt được giới tỳ-kheo, nhưng chỉ được khi bạn đã đạt được luân tướng thanh tịnh trong Chiêm Sát sám. Bạn lạy những sám khác thì không được, lạy Pháp Hoa sám, Đại Bi sám, Phạm Võng sám, Tịnh Độ sám thấy được Phật, thấy được ánh sáng, cái đó chỉ có thể diệt được biên tội của bạn, nhưng bạn không thể tự thọ giới tỳ-kheo được, nhưng có thể tự thọ giới Bồ-tát. Những sám nghi đó có thể tự thọ giới Bồ-tát, nhưng muốn tự thọ giới tỳ-kheo thì trong toàn bộ kinh chỉ có một bộ kinh Chiêm Sát này nói, tức là sau khi đạt được luân tướng thanh tịnh thì bạn có thể tự thọ giới tỳ-kheo, giới Bồ-tát. Đương nhiên thọ những giới

khác đều được, nghĩa là bạn là cư sĩ thì có thể tự thề thọ ngũ giới, bát giới; sa-di có thể tự thề thọ giới sa-di, sa-di trên 20 tuổi tự thề thọ giới tỳ-kheo cũng được. Nữ chúng sa-di-ni dưới 18 tuổi tự thề thọ giới sa-di-ni sẽ đắc giới, đến khi 18 tuổi lại tự thề thọ giới thức-xoa-ma-na cũng đắc giới, đến 20 tuổi lại tự thề thọ giới tỳ-kheo-ni cũng đắc giới. Trong kinh Chiêm Sát nói rất rõ ràng điều này, cho nên có thể tự thề thọ giới xuất gia thì chỉ có kinh Chiêm Sát, những kinh khác đều không nói đến tự thề thọ giới xuất gia, mà chỉ nói đến giới Bồ-tát Đại thừa, ngũ giới, bát giới của cư sĩ cũng có thể tự thề thọ.

Cho nên, vì sao tôi đặc biệt giới thiệu Chiêm Sát sám là nguyên nhân này, chủ yếu là do hiện nay muốn đắc giới tỳ-kheo, thì như đại sư Hoằng Nhứt nói là một chuyện cực kỳ khó, thông qua việc đạt được chiêm sát luân tướng thì có thể tự thề thọ giới tỳ-kheo, thậm chí muốn đạt được giới sa-di cũng cực kỳ không dễ dàng, bởi vì sa-di chỉ ít cũng phải có hai vị tỳ-kheo chân thật truyền giới thì mới có thể đắc giới. Ở đây tiện thể nói một chút, nếu tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni phạm giới trọng, dù họ đã thủ tướng sám thấy được tướng lành, bao gồm cả lạy Chiêm Sát sám được luân tướng thanh tịnh, thì họ có thể tự thề thọ lại giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni không? Hoặc lại đến giới đàn thọ lại có được không? Vẫn là không đắc giới. Đây là nói những tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đã đạt được giới thể thật sự, sau khi phạm giới trọng, muốn thông qua Chiêm Sát sám được luân tướng thanh tịnh, dù họ đạt được luân tướng thanh tịnh thì cũng không thể thọ giới lại được, bởi vì tăng bảo vô cùng tôn quý, duy chỉ có giới thể của tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni này vĩnh viễn không thể khôi phục. Sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na đều có thể được, sau khi thông qua đạt được tướng lành thì có thể thọ giới tỳ-kheo, giới Bồ-tát, điểm này đặc biệt nói rõ.

Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni sau khi phạm giới trọng, thấy được tướng lành rồi, họ có thể ở trong tăng đoàn thỉnh cầu làm một học hối tỳ-kheo hoặc học hối tỳ-kheo-ni, cả đời bị mất 35 quyền. Nhưng nói đi rồi nói lại, hiện nay tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, người thật sự đạt được giới thể cũng là ít càng thêm ít rồi, cho nên ở đây xem như bản thân nếu chưa thật sự đạt được giới thể tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thì phải cố gắng thông qua việc lạy Chiêm Sát sám, sau khi đạt được luân tướng thanh tịnh thì vẫn có thể tự thề thọ giới, được giới thể chân thật của tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, nhưng sau khi đạt được rồi thì không cho phép tái phạm nữa, nếu lại phạm trọng giới thì vĩnh viễn không đắc được nữa.

“*Nếu phạm điều thứ chín*”, điều thứ chín chính là không ăn phi thời, nếu phạm thì gọi là phá trai, cho nên chữ trai trong bát quan trai giới là chuyên chỉ không ăn phi thời. “*Nếu phạm năm điều còn lại*”, năm điều kia chính là từ điều thứ sáu đến điều thứ mười, trừ điều thứ chín ra thì năm điều còn lại gọi là “phá oai nghi”, thuộc về giới oai nghi. Giới oai nghi chủ yếu là phòng tránh sự chê cười. Ví dụ cư sĩ nhìn thấy chúng ta ngồi nằm giường lớn cao rộng, thì họ sẽ chê cười người xuất gia tại sao lại tham đắm hưởng thụ như vậy, hoặc chúng ta đeo đồ trang sức, vòng tay, xức nước hoa, những thứ này đều không phù hợp với người xuất gia, đây đều là phá oai nghi, phá oai nghi cũng cần “khẩn thiết sám hối tội lỗi thì mới không chướng đạo”, cũng tức là phải đối thú sám hối. Nếu không nghiêm túc khẩn thiết sám hối, cũng tức là nói chúng ta dùng tâm khinh mạn, không cố gắng nghiêm túc trì giới, loại tâm này sẽ chướng đạo, bạn muốn được định, khai trí tuệ là điều không thể được, cho nên muốn được thiền định, cho đến khai trí tuệ thì giới phẩm đều phải rất thanh tịnh.

Chúng ta muốn niệm Phật đạt được nhất tâm bất loạn, đây chính là định, niệm Phật tam-muội chính là định, nhất tâm bất loạn cho đến bậc hạ của sự nhất tâm bất loạn, chính là công phu thành phiền, đều thuộc về niệm Phật tam-muội, đều là định. Bạn muốn được định này thì giới phẩm nhất định phải thanh tịnh, giả sử mặc dù thân khẩu bạn không phạm giới, nhưng ý không thanh tịnh, vẫn có những ý niệm giết, trộm, dâm, dối vi tế này, vẫn có những ý niệm tham sân si mạn này thì bạn cũng không thể đạt được công phu thành phiền, nghĩa là bạn không thể thành phiền được. Bởi vì xen tạp những ý niệm ô nhiễm này nên không thể thành phiền, cho nên đối với người niệm Phật chúng ta mà nói thì trì giới cũng hết sức quan trọng.

Đại sư Ngẫu Ích nói: “Trì giới niệm Phật, vốn là một môn. Tịnh giới là nhân, Tịnh độ là quả”, không thể nói cố gắng niệm Phật là được rồi, tôi không cần trì giới cũng có thể vãng sanh Tây Phương, như vậy là làm trái ngược với đại sư Ngẫu Ích. Đại sư Ngẫu Ích dạy chúng ta “tịnh giới là nhân, Tịnh độ là quả”, giới phẩm của bạn phải trì đến thanh tịnh thì bạn mới có thể vãng sanh Tịnh độ. Thế nào gọi là tịnh giới? Không những thân khẩu không phạm giới, mà ý cũng không phạm giới, nghĩa là trên ý đã không còn tham sân si, không còn những ý niệm ô nhiễm giết, trộm, dâm nữa, mà chỉ có một câu A-di-đà Phật, vậy đây mới gọi là tịnh giới, tâm tịnh ắt cõi Phật tịnh, giới của bạn tịnh rồi thì tâm mới có thể tịnh, tâm tịnh rồi thì cõi Phật liền tịnh, đây mới là nguyên lý vãng sanh, rất nhiều người hiểu lầm nói pháp môn Tịnh độ là dễ nhất, chỉ cần niệm một câu A-di-đà Phật là được rồi, phạm giới cũng chẳng cần

lo, không học giới cũng chẳng sao, không học giới thì bạn sẽ rất dễ phạm giới. Vì sao vậy? Bạn đều không hiểu *khai, già, trì, phạm*, trong cuộc sống hằng ngày đối người, xử sự, tiếp vật, bạn sẽ rất dễ phóng túng, bạn rất khó để thu nhiếp sáu căn của bạn, vậy thì bạn chắc chắn không làm được “thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, bạn không nhiếp được sáu căn thì không cách gì tịnh niệm tiếp nối được. Niệm Phật chính là tịnh niệm, bạn không thể liên tục được, bởi vì bạn không thu nhiếp được sáu căn, sáu căn thu nhiếp rồi thì mới gọi là nhiếp tâm. Nhiếp tâm là giới, giới chính là nói nhiếp tâm, là thu nhiếp trọn sáu căn của bạn, cho nên phương tiện ban đầu chính là dùng giới phẩm, giới pháp, giới pháp giúp bạn thu nhiếp sáu căn, hành vi cử chỉ của bạn nhất nhất đều nương theo giới pháp để làm thì sẽ không phạm giới, như vậy mới có thể thu nhiếp sáu căn, đợi khi bạn thu nhiếp quen rồi thì bạn không cần tác ý, tự nhiên sẽ không phạm giới. Giới phẩm này thanh tịnh rồi thì niệm Phật tự nhiên sẽ tịnh niệm tiếp nối.

Có thể có người sẽ dùng lời của đại sư Ngẫu Ích để phản bác tôi, đại sư Ngẫu Ích rõ ràng nói rằng: “Thật sự có thể niệm Phật, không còn khởi tham sân si nữa tức là đại trì giới”, Bồ-tát lục độ chỉ cần nhất tâm niệm Phật đều có thể thành tựu, “thật sự có thể niệm Phật, buông bỏ thân tâm thế giới tức là đại bố thí; thật sự có thể niệm Phật, không còn khởi tham sân si nữa tức là đại trì giới; thật sự có thể niệm Phật, không so đo thị phi nhân ngã tức là đại nhẫn nhục” v.v., cho nên đại tinh tấn, đại thiên định, đại trí tuệ thì nhất tâm niệm Phật là được rồi, không sai, bạn chỉ cần thật sự nhất tâm niệm Phật thì đương nhiên bạn chính là đại trì giới, trong tâm bạn chỉ có A-di-đà Phật thì đương nhiên bạn sẽ không phạm giới. Bởi vì phạm giới đều là có tâm phạm, ví dụ có tâm giết thì mới tạo giới giết, có tâm trộm thì mới phạm giới trộm, có tâm dâm thì mới phạm giới dâm, không có tâm phạm, tâm bạn chỉ có Phật, nhất tâm niệm Phật đương nhiên sẽ không phạm giới, nhưng vấn đề là bạn có thể nhất tâm niệm Phật được không? Bạn không thể nhất tâm niệm Phật, bạn cũng không hiểu về giới thì bạn chắc chắn phạm giới. Bạn chắc chắn phạm giới thì bạn chắc chắn không phải là nhất tâm niệm Phật, vậy thì phiền phức rồi, không thể nhất tâm niệm Phật thì bạn vãng sanh không nổi, lại không cố gắng trì giới nữa thì tương lai bạn sẽ đi đâu? Chính là báo cáo trình diện ở ba đường ác.

Cho nên đại sư Ngẫu Ích nói có thể nhất tâm trì giới thì có thể kế thừa, làm hưng thịnh Phật chủng, tương lai lại có thể thượng phẩm thượng sanh. Trước tiên dùng giới để thu nhiếp thân tâm của bạn, thu nhiếp sáu căn thì câu Phật hiệu này mới

có thể niệm thành phỉen được, bạn cũng không phạm giới thì có thể kế thừa làm hưng thịnh tăng chúng, bạn biểu hiện ra hình tướng oai nghi có thể làm tấm gương tốt cho trời người, công đức này thù thắng không gì sánh được. Bạn có thể dẫn dắt một tốp chúng sanh có duyên với bạn cũng cố gắng trì giới, điều này đối với việc làm rạng rỡ chánh pháp có ý nghĩa rất sâu xa, công đức này đủ để bạn làm tư lương vãng sanh, bạn chỉ cần niệm Phật cho đến 10 niệm đều chắc chắn vãng sanh, hiện tiền kế thừa làm hưng thịnh tăng chúng, lâm chung thượng phẩm thượng sanh.

Cho nên “sự vi diệu của pháp môn này liệu còn thứ gì có thể vượt qua nó được”. Pháp môn này chính là pháp môn Tịnh độ, chính là pháp môn trì giới niệm Phật, trì giới và niệm Phật là một môn, không phải hai môn. Điều này đại sư Ngẫu Ích đã khai thị cho chúng ta rất rõ ràng rồi. Bạn nói tôi niệm Phật là được, không cần trì giới, vậy thì bạn đã chia trì giới, niệm Phật thành hai môn rồi, hơn nữa là hai môn đối lập, vậy thì sai rồi. Người trì giới mới là người chân thật niệm Phật, chân thật có thể niệm Phật thì bạn sẽ không còn khởi tham sân si nữa. Chữ “chân thật” này phán đoán từ đâu? Chính là từ việc bạn có thể trì giới hay không? Một mặt bạn vẫn phạm giới, một mặt giết, trộm, dâm, một mặt vẫn niệm Phật, đây nào phải chân thật niệm Phật? Đó là người giả niệm Phật, người giả niệm Phật chính là khởi tham, sân, si; không phải là người trì giới thì chính là người phá giới. “Thật sự có thể niệm Phật, không còn khởi tham sân si nữa là đại trì giới”, cho nên không được bài xích trì giới; không cần trì giới, mà ngược lại càng phải trì giới, trì giới lại thêm niệm Phật mới gọi là “chân thật có thể niệm Phật”, là lý giải như thế.

Cho nên, người chân thật trì giới mới là người chân thật niệm Phật, mà người chân thật niệm Phật thì nhất định là người chân thật trì giới. Như đại sư Ngẫu Ích là người chân thật niệm Phật nên ngài chân thật trì giới. Đại sư Hoàng Nhất là người chân thật niệm Phật, vãng sanh cũng rất thù thắng, biết trước giờ đi, an tường nằm vãng sanh, ngài là người chân thật trì giới. Chúng ta xem 13 vị tổ Tịnh tông có vị nào mà không phải là người chân thật niệm Phật, có người nào mà không phải là người chân thật trì giới đâu? Từ sơ tổ là đại sư Huệ Viễn, quá ngộ không uống tương, trì giới đến mức nghiêm cẩn như thế. Tổ thứ 13 là đại sư Ấn Quang cũng cả đời trì giới khổ hạnh, tuy do thân thể ngài suy nhược, thỉnh thoảng buổi tối vẫn ăn một chút được thạch, nhưng bản thân ngài biết, bởi vì Phật cũng cho phép. Nếu thân thể họ suy nhược có bệnh thì buổi tối có thể ở nơi kín ăn một chút những loại như nước cơm, cháo gạo, nhưng quay lại vẫn phải sám hối tội ăn phi thời này, không phải nói

đây là khai duyên của giới, điều này không có khai duyên, mà vì trị bệnh, tức là bằng với việc phạm giới, nên vẫn phải sám hối, không sám hối thì không trở lại thanh tịnh được. Tôi tin rằng đại sư Ấn Quang chắc chắn hiểu rõ điều này, ngài chắc chắn có sám hối, sám hối rồi thì chính là thanh tịnh, đây chính là người trì giới. Nếu không có bệnh thì không thể cho phép.

Quả thực thân thể đại sư Ấn Quang suy nhược nhiều bệnh, cho nên ngài cả đời không dám truyền giới cho người khác. Ngài cả đời lập định tiêu chuẩn cho mình: không làm hòa thượng đắc giới của người, không thu nhận đồ chúng, thậm chí giới sa-di ngài cũng không chịu truyền cho người ta, đây chính là người thật sự thật thà niệm Phật, người thật sự trì giới. Trong bài văn Tịnh Độ Chỉ Yếu của ngài có nói rằng, tu pháp môn Tịnh độ thì đầu tiên là phải nghiêm trì tịnh giới, thứ hai phải phát tâm Bồ-đề, thứ ba phải đầy đủ tín nguyện sâu, đầy đủ ba điều này thì nhất định có thể vãng sanh, điều này vô cùng thấu triệt, cho nên người tu hành pháp môn Tịnh độ không thể không trì giới, phải nghiêm túc học giới thì bạn mới hiểu được trì giới. Trì này không phải nói tôi chỉ trì những giới trọng, không trì giới khinh, đây không phải trì đầy đủ tịnh giới, trì đầy đủ tịnh giới mới là điều mà hết thầy Như Lai tán thán. Phật dạy chúng ta: “Giới là gốc của vô thượng Bồ-đề, phải trì đầy đủ tịnh giới”, đầy đủ này nghĩa là giới trọng cũng phải trì, giới khinh cũng phải trì. Tỳ-kheo thậm chí giới nhỏ ở chương thứ năm cũng đều phải trì, bạn không học thì bạn chắc chắn không biết, không biết thì bạn rất dễ phạm, vậy thì không gọi là trì đầy đủ tịnh giới được.

Tam phước trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói về chánh nhân vãng sanh, phước thứ hai nói đến “thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi”. “Đầy đủ các”, chữ *các* này nghĩa là rất nhiều, không phải là chữ *trọng* trong từ khinh trọng, không phải là đầy đủ các giới trọng, mà là đầy đủ các điều giới, cũng tức là bạn là tỳ-kheo thì thọ đầy đủ 250 giới, tỳ-kheo-ni thọ trì đầy đủ 348 giới, đây gọi là “đầy đủ các giới”. Ngay đến oai nghi cũng không phạm, nghĩa là thậm chí đến tội nhỏ ở chương thứ năm cũng không phạm, đây gọi là “đầy đủ các giới, không phạm oai nghi”, đây là chánh nhân vãng sanh Tịnh độ, đây là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật, kinh luận Tịnh độ nói cho chúng ta rõ ràng như thế. Quán kinh là thuộc ba kinh Tịnh độ, kinh Vô Lượng Thọ cũng nói rất rõ ràng, trong phẩm Chánh Nhân Vãng Sanh nói cũng phải “trì các giới cấm, giữ vững không phạm”, chữ *các* ở đây cũng có nghĩa là nhiều. Bạn thọ giới gì thì phải trì đầy đủ các điều giới luật này. “Giữ vững không phạm”, một chút cũng không được phạm, giới khinh trọng đều trì, phải

trì đến trong sạch như băng tuyết, không nhiễm chút bụi trần nào, đây mới là chánh nhân vãng sanh. Mọi người đọc kinh văn phẩm 25 của kinh Vô Lượng Thọ thì bạn sẽ rất rõ ràng. Cho nên giới, đặc biệt là người xuất gia chúng ta phải cố gắng học, học giới sẽ không chướng ngại bạn vãng sanh, mà chỉ giúp bạn càng thuận lợi vãng sanh hơn thôi, không lãng phí thời gian niệm Phật của bạn đâu, mà ngược lại giới giúp bạn càng dễ dàng quán chiếu hành vi của mình hơn, có thể đối trị được phiền não của bạn, chắc chắn giúp công phu niệm Phật của bạn tăng lên rất nhiều.

Cho nên “thận trọng, thận trọng”, ở đây đại sư Ngẫu Ích nhắc nhở chúng ta phải hết sức thận trọng, đừng vi phạm giới luật, phải cố gắng học giới thì bạn sẽ không vi phạm. Nếu bạn không cố gắng học, vậy thì bản thân cái tâm này của bạn đã là tâm khinh mạn rồi, tâm khinh mạn thì rất dễ phạm giới. Phạm giới đều là do bắt đầu từ một niệm tâm khinh mạn này, tức là không phải tâm hiếu thuận với Phật, “hiếu gọi là giới”, đã không hiếu rồi, cho nên sẽ không trì giới. “Dùng tâm khinh mạn mà làm trái lời của Phật”, thậm chí phạm giới nhỏ ở chương thứ năm thì tương lai sẽ đọa địa ngục 9 triệu năm, sa-di cũng như vậy. Sa-di và tỳ-kheo, chỉ là sa-di vẫn chưa đạt được giới thể này mà thôi, nhưng tất cả giới của tỳ-kheo, sa-di cũng phải học theo, học với tỳ-kheo, chỉ là sa-di không được xem giới bản, không được tự đọc luật tạng, tỳ-kheo dạy bạn làm thế nào thì bạn làm thế đó. Nếu sa-di phạm những giới pháp của tỳ-kheo thì tội cũng giống như vậy, cho nên giờ tay nhắc chân nếu chúng ta không thận trọng thì sẽ phạm giới rất nhiều, đến khi lâm chung thì thật sự là tội nghiệp ngất trời, điểm này rất quan trọng. Đặc biệt nhắc đến, Phật chế định tỳ-kheo trong 5 năm phải chuyên tinh giới luật, nếu trong 5 năm mà bạn không học tốt giới, qua 5 năm rồi mà bạn vẫn không hiểu giới luật, nếu vi phạm thì ngoài việc mắc tội phạm điều giới đó ra, vẫn còn thêm một tội nữa gọi là “tội không học không biết” ở chương thứ ba, điều này cũng rất quan trọng. Được rồi, mười giới môn chúng tôi giảng đến đây là viên mãn rồi. Tiếp theo chúng tôi bắt đầu giảng môn oai nghi.

“Tiếp theo là môn oai nghi”, chữ “thứ” này nghĩa là tiếp theo, sau khi giảng xong mười giới thì tiếp theo là giảng môn oai nghi. Thế nào gọi là oai nghi? Danh từ này trước đây Trung Quốc cũng đã có từ lâu. Trong Tả Truyện, đây là do Tả Khuru Minh viết, chính là một bộ chú giải cho sách Xuân Thu của Khổng tử, gọi là Tả Truyện. Đây là một cuốn sách lịch sử, ông giải thích oai nghi là “có oai thì có thể khiến người kính sợ, gọi là oai; có nghi thì có thể trở thành quy phạm, gọi là nghi”, một người có oai đức sẽ khiến người kính sợ, đây gọi là oai. Quy củ, cử chỉ của họ,

động tác của họ, những nghi thức đối người, xử sự, tiếp vật này có thể trở thành quy tắc, quy phạm thì gọi là nghi. Oai nghi hợp lại chính là oai đức và quy củ của họ, quy củ có thể làm mô phạm cho trời người.

Đối với người xuất gia mà nói chỉ cần có thể cố gắng trì giới, “*giới hạnh thanh tịnh, tăng tướng oai nghiêm, dáng vẻ đoan trang, cử chỉ hợp lễ độ, có thể làm bậc thầy mô phạm của trời người, khiến quỷ thần khâm phục*”, cho nên người xuất gia đã xuất gia rồi thì hình tượng này chính là hình tượng của Như Lai, ba đời Như Lai đều đắp cà-sa, cạo tóc, đắp y nhuộm sắc, chúng ta đã chọn hình tướng tăng này thì phải cố gắng trì giới đầy đủ oai nghi, đây là tăng tướng oai nghiêm. Dáng vẻ cử chỉ đều phải đoan trang, bốn oai nghi: *đi, đứng, ngồi, nằm* đều phải đoan chánh, cung kính thận trọng, hơn nữa lại có thể phóng khoáng đúng mực. Không phải là cung kính, thận trọng thì sẽ rất gò bó. Như bước đi, trong luật nói bước đi nên học thế nào? Học bước đi của trâu chúa, voi chúa. Trâu chúa chính là con trâu rất to lớn, voi chính là con voi rất to lớn. Bạn xem voi chúa, chúng bước đi đều là từng bước từng bước, vững chãi, không nhanh không chậm, an tường có trật tự. Chúng xuất gia chúng ta bước đi cũng cần học sự đoan trang như vậy, không được hấp tấp nóng vội, có tướng tùy tiện, khiến người thế gian nhìn thấy sẽ không khởi tâm cung kính nữa.

Chúng ta phải học oai nghi khoan thai an tường có trật tự, làm việc gì đều có thứ lớp phân minh. Nơi ở của chúng ta, phòng ốc đồ đạc của chúng ta đều phải sắp xếp ngăn nắp gọn gàng, phải sạch sẽ, đừng lồi thối lếch thếch, khiến người ta nhìn thấy sẽ chê cười. Chúng ta mặc y phục ra ngoài, mặc dù chúng ta đều mặc y phục rất giản dị, nhưng đều phải sạch sẽ gọn gàng, đắp y cũng phải đắp cho nghiêm trang, đừng để y phục lộ ngực, sau đó chiếc khuy này đều rủ xuống đến bụng, như thế đều không có oai nghi, nên đều phải cẩn thận chú ý. Bạn chú trọng oai nghi của mình như vậy thì chính là tự ái tự trọng. Bạn có thể tự ái tự trọng thì người khác mới quý mến tôn trọng bạn. Cử chỉ của bạn hợp lễ độ, đối người, xử sự đều phù hợp phép tắc, không thái quá cũng không bất cập, cho nên vì sao người xuất gia chúng ta, giả sử trước đây khi chưa xuất gia, chưa từng nghiêm túc học tập những lễ nghi, văn hóa truyền thống này, vậy thì đều phải học bù, như *Đệ Tử Quy*, đây là tiêu chuẩn làm người, người thế gian có thể làm tốt *Đệ Tử Quy* thì chính là tấm gương của một bậc quân tử. Nếu chúng ta đều không làm được *Đệ Tử Quy*, vậy khi vừa chung sống với người sẽ khiến người chán ghét, đây không phải là cử chỉ hợp lễ độ rồi, bạn làm sao có thể làm thầy mô phạm cho trời người được?

Cho nên, người xuất gia chúng ta hiện nay cũng rất đáng thương, bởi vì đều không xây dựng tốt nền tảng ban đầu, hiện nay đã cạo tóc, đã đi trên con đường này rồi mà không làm tốt thì sẽ có nhân quả rất nặng. Bởi vì bạn không cố gắng làm thì sẽ khiến người thế gian mất đi lòng tin với Phật pháp, đây chính là nhân quả của việc đoạn mất pháp thân huệ mạng của người, cho nên nghiệp của chúng ta rất nặng. Ở đây tôi không phải nói bạn không đi tiếp nữa, bạn hoàn tục đi, cũng không phải như vậy. Người xuất gia làm việc nghĩa quyết không chùn bước, chúng ta cứ gánh vác, chưa từng nghiêm túc học thì bây giờ chúng ta học bù, bắt đầu bù từ đâu? Đệ Tử Quy, Cấm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, từ thân của chúng ta, tâm của chúng ta, toàn bộ đều sửa đổi lại, sau đó dùng Sa-di Thập Giới Oai Nghi làm đến siêu phàm thoát tục, như vậy mới có thể đầy đủ tướng của tăng, sau đó bạn lại thọ giới tỳ-kheo, đem 250 điều giới đều học cho tốt, thậm chí 3.000 oai nghi của tỳ-kheo đều phải học, lại còn giới Bồ-tát cũng phải học tập, như vậy thì phần “chỉ trì” của bạn mới tính là đạt chuẩn.

Đương nhiên còn phần “tác trì”, tỳ-kheo làm sao tụng giới, yết-ma, an cư, tự tứ, những tăng sự như pháp này bạn đều phải biết, cho nên 5 năm học giới này trên thực tế thời gian cũng rất gấp, bạn không thể học tùy tiện qua loa được, như vậy bạn sẽ không học được, mà đều phải nghiêm túc chăm chỉ dốc toàn bộ tinh thần vào đó, nội dung nhiều như vậy bạn đều phải học. Sau 5 năm thì tăng tướng của bạn rất trang nghiêm, có thể nói là bậc thầy mô phạm cho trời người, khiến quỷ thần đều tôn kính bạn, ngưỡng mộ bạn, cung kính bạn, đều bị oai đức của bạn làm khuất phục, tự nhiên bạn liền có thể được trời rồng bảo vệ. Đây là nói đến hai chữ “oai nghi”.

“Môn”, ý nghĩa là chỉ sự thông đạt, nghiêm túc trì giới, nghiêm túc trì giữ oai nghi thì có thể vào cửa Niết-bàn, cho nên gọi là “môn oai nghi”. Đại sư Ngẫu Ích chia “môn oai nghi” thành 26 chương, “Sa-Di Luật Nghi Yếu Lược” của đại sư Liên Trì chia thành 24 chương, cho nên trước đây chúng tôi cũng có giảng 10 giới 24 môn oai nghi rồi, đó là chỉ Sa-Di Luật Nghi Yếu Lược của đại sư Liên Trì, đại sư Ngẫu Ích là 26 môn oai nghi, ở đây chúng tôi sẽ nói rõ từng chương từng chương một.

Chương thứ nhất: **“thứ nhất kính đại sa-môn”**, “kính” nghĩa là cung kính, nghĩa là lễ kính. “Đại sa-môn” là chỉ đại tỳ-kheo, tỳ-kheo đã thọ đầy đủ giới. Trong cửa Phật nói xuất gia có năm chúng: tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, bậc dưới phải cung kính bậc trên, đây là luân lý trong cửa Phật, đôi bên đều có thể lễ kính thì cửa Phật tự nhiên hòa hợp. Trong cửa Phật hòa hợp rồi, chúng ta nói

gia hòa vạn sự hưng, chánh pháp bền có thể hưng thịnh. Sa-di thuộc vị trí đệ tử, đối với tỳ-kheo nhất định phải cung kính, tỳ-kheo thuộc về vị trí sư trưởng, thậm chí tỳ-kheo-ni cũng là sư trưởng của sa-di, ở đây cũng bao gồm cung kính với tỳ-kheo-ni. Cho đến thức-xoa-ma-na, nói về giới thể của họ mặc dù thông với giới thể của sa-di, sa-di-ni, đều là thọ 10 giới đắc được giới thể, đắc giới trong tam quy. Thức-xoa-ma-na trên cơ sở 10 giới, họ vẫn được tỳ-kheo-ni-tăng làm bạch tứ yết-ma gia pháp cho họ, cho nên về giới thể mà nói là đã tăng thêm, cao hơn so với sa-di, cho nên sa-di cũng phải lễ kính đối với thức-xoa-ma-na. Đây chính là năm chúng, bậc dưới nhất định phải tôn trọng bậc trên.

Ở đây nói “kính đại sa-môn”, ở đây cũng có thể giảng qua một chút về ý nghĩa của sa-môn. Đại sư Tăng Triệu nói sa-môn là cách gọi chung của tất cả người xuất gia. Ở Ấn Độ xưa thì không nhất định là người xuất gia trong Phật giáo, ngoại đạo cũng có người xuất gia, khi đó họ đều xưng là sa-môn, nhưng Phật giáo truyền đến Trung Quốc thì sa-môn là chuyên chỉ cho người xuất gia trong Phật giáo, tăng chúng xuất gia. Trong kinh Trường A-hàm, quyển thứ nhất nói: *“Sa-môn là người lìa bỏ ân ái, xuất gia tu đạo, chế ngự các căn, không nhiễm ngoại dục, từ bi với hết thảy, không tổn hại vật gì, gặp khổ không buồn, gặp vui không mừng, nhẫn được như đất, nên gọi là sa-môn”*. Sa-môn chia làm đại sa-môn và tiểu sa-môn, tiểu sa-môn chính là chỉ sa-di, sa-di-ni, bao gồm cả thức-xoa-ma-na, đây gọi là tiểu chúng. Đại sa-môn bao gồm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, trong hai bậc này thì thông thường gọi tỳ-kheo là đại tăng, tỳ-kheo-ni là nhị tăng. Sa-môn đương nhiên cũng bao gồm sa-di-ni rồi.

Tức là lìa bỏ ân ái, đem những ân ái của thế tục như cha mẹ, vợ con đều có thể xả bỏ, phát tâm xuất gia. Nếu không xả được thứ này thì bạn không xuất gia nổi, bạn sẽ có chướng ngại, bạn phải biết nếu bạn không buông bỏ được những tình thân này, trên thực tế bạn không giúp đỡ nổi cho họ, mà ngược lại bị họ liên lụy. Bạn bị họ liên lụy, bản thân bạn tu không thành, không thể có thành tựu, mà họ còn có tội nghiệp, họ chướng ngại bạn xuất gia, bạn thành tựu cho họ tạo tội nghiệp, cho nên đây chính là hai bên cùng thiệt hại, đây chính là hai bên cùng thua. Nếu bạn có thể nhất tâm cầu đạo xuất gia, buông bỏ những thứ ràng buộc của tình thân, ân ái này thì hai bên cùng thắng. Bản thân cũng có thể tu thành tựu, họ cũng có công đức này, đặc biệt là cha mẹ nuôi chúng ta khôn lớn, chúng ta xuất gia tu hành thì họ có một phần công đức này. Đương nhiên nếu họ có thể tán thành bạn xuất gia thì công đức của họ càng

lớn hơn. Dù họ không tán thành bạn xuất gia thì trong âm thầm họ cũng được công đức gia trì.

Như tổ sư Hoàng Bách triều nhà Đường, ngài xuất gia, mẹ của ngài chỉ có ngài là con một nên không đồng ý, Ngài Hoàng Bách nhất quyết xuất gia, sau khi xuất gia, sau đó mẹ của ngài mất đã sanh lên trời. Sau khi sanh lên trời còn quay lại nói với tổ sư Hoàng Bách rằng: “May mà con xuất gia, nếu con không xuất gia thì mẹ sẽ phải đọa vào đường ác, bây giờ nhờ vào sức công đức của con mà mẹ đã sanh lên trời rồi”. Cho nên “lìa bỏ ân ái, xuất gia tu đạo”, tu đạo nhất định phải “chế ngự các căn”, chính là thu nhiếp và kiểm soát sáu căn của chúng ta, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần bên ngoài không sanh tham nhiễm, không tham nhiễm ngũ dục lục trần ở bên ngoài, đây là được giải thoát.

Còn phải “từ bi với hết thảy, không tổn hại vật gì”, phải có tâm từ bi, đối với hết thảy chúng sanh đều phải từ bi bình đẳng, không được làm tổn thương đối với bất cứ chúng sanh nào, thậm chí đều không được làm họ sanh phiền não, không được nào hại hết thảy chúng sanh hữu tình, thậm chí thấy muỗi, trùng, gián, chúng ta đều nên dùng tâm yêu thương mời chúng đi, không được dùng cách thức bạo lực trực tiếp vứt chúng ra ngoài, hoặc thậm chí giết hại chúng, làm vậy là phạm giới sát, cho nên người xuất gia lấy từ bi làm bản hoài, điều này vô cùng quan trọng.

“Gặp khổ không buồn”, gặp cảnh giới đau khổ cũng không ưu buồn. Trong Luận Ngữ có một câu nói: “Quân tử thản nhiên thư thái, tiểu nhân thường lo lắng ưu sầu”. Quân tử chẳng có gì lo âu, chẳng có gì sợ hãi, tâm địa thản nhiên quang minh lỗi lạc, trên không then với trời, dưới không then với đất, giữa không then với người, không hổ then với lương tâm cho nên họ có thể thản nhiên thư thái. Tiểu nhân thường đều có rất nhiều lo âu, phiền não, sợ trước sợ sau, có những chấp trước được mất, thành bại, đây là một loại chấp trước tự tư tự lợi, chấp trước ta, cho nên họ không thể thản nhiên thư thái, cho nên họ sẽ làm ra những chuyện nịnh nọt, những chuyện đê tiện, những chuyện thấp hèn, đây là tiểu nhân.

Còn quân tử, người có đức khiến người ngưỡng mộ, đây là thế gian. Người xuất gia chúng ta ít nhất phải làm đến quân tử, nếu ngay đến quân tử cũng không làm được thì chúng ta xuất gia thật sự là làm hoen ố cửa Phật rồi. Làm quân tử thế nào? Trong nhà Nho nói rất nhiều, đương nhiên điển tịch rất nhiều, chúng ta không nhất định phải xem nhiều như thế, tôi giới thiệu cho mọi người, có thời gian thì cố gắng học Đệ Tử Quy, có thời gian cũng có thể học Hiếu Kinh, còn có Luận Ngữ, ba bộ

này là đủ rồi. Trước đây tôi đều đã giảng ba bộ này, đặc biệt là Luận Ngũ, đương nhiên nếu mọi người học từ đầu đến cuối một lần thì thời gian tương đối dài. Như tôi giảng Luận Ngũ là giảng 282 giờ đồng hồ, tương đối dài, giảng từ đầu đến cuối một lần, sau đó tôi đem nó làm một số trích đoạn, chuyên giảng làm sao làm quân tử, đạo quân tử trong Luận Ngũ, trích lục ra những chương cú có liên quan, dùng 7 khoa của Đệ Tử Quy từ “nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng, nhi thân nhân, học văn”, chia 7 khoa này thành các mục riêng, 7 khoa này đều có các chương cú liên quan với Luận Ngũ, giống như lời chú giải, làm chú giải cho 7 khoa của Đệ Tử Quy, chúng ta làm sao để làm quân tử. Sau đó có người đem nó viết thành một cuốn sách nhỏ, không nhiều, một quyển nhỏ như vậy. Điều này có thể giúp mọi người nhanh chóng học được đạo của người quân tử, tức là ở đây có thể làm được “gặp khổ không buồn, gặp vui không mừng”. Đây là đạo của quân tử, gặp chuyện vui cũng không đặc biệt vui sướng, tức là vui mừng, cũng tức là tám gió thổi không động, bất luận là khổ là vui, là thuận cảnh hay nghịch cảnh, lợi, suy, hủy báng, khen ngợi, những cảnh giới này đều không động tâm.

“Nhẫn được như đất”, có thể nhẫn nhục giống như đại địa, thứ gì cũng có thể nâng đỡ được, bất luận là thom hay thối đều có thể chịu được, cho nên trong nhà Nho nói đến “khôn đức”, đại địa chính là nói khôn đức, quân tử nên học tập trời đất, “trời vận hành mạnh mẽ, quân tử phải tự cố gắng không ngừng; đất có tính nhu hòa, quân tử lấy đức dày để nâng đỡ vạn vật”, học tập theo sự cố gắng không ngừng của trời, chúng ta tu đạo thì phải dũng mãnh tinh tấn; học tập đức dày có thể nâng đỡ vạn vật của đại địa, chính là có thể nhẫn nhục, có thể nhẫn chính là đức lớn, đức dày. Trong kinh Phật Di Giáo nói: “Nhẫn là đức mà tất cả những sự trì giới khổ hạnh đều không sánh bằng”, không thể so sánh được, có thể làm như vậy mới gọi là sa-môn, đây là điều mà chúng ta cần phải học tập.

Lại nữa, sa-môn dịch là “cần tức”, nghĩa là “siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si”, điều này trước đây chúng tôi đã giảng rất nhiều rồi, điều này không nói thêm nữa. Lại có giải thích là: “thức tâm đạt bốn nguyên nên gọi là sa-môn”, tiêu chuẩn này thì cao hơn, “siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si” là vẫn đang trong giai đoạn tu hành, “thức tâm đạt bốn nguyên” chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đây gọi là sa-môn, cho nên có thể thật sự gọi là sa-môn, đây là điều không đơn giản. Ở đây nói đại sa-môn, đại chính là chỉ tỳ-kheo, chúng tỳ-kheo, tiểu là chỉ

tiểu chúng, sa-di là tiểu chúng, trong tăng đoàn ni, tỳ-kheo-ni là đại, thức-xoa-ma-na còn có sa-di-ni là tiểu, tiểu chúng.

Giải thích qua tên chương này, chúng ta xem nội dung bên trong, ở đây chia làm mười điều, điều thứ nhất:

“Không được gọi tên đại tỳ-kheo”.

“Không được” nghĩa là ngăn cấm, không được làm như vậy. “Gọi” chính là kêu gọi, kêu gọi “tên, tự” của đại tỳ-kheo. Người xưa thông thường có tên và có tự, người hiện nay chỉ hợp lại cùng nhau rồi gọi bằng tên, nhưng người xuất gia chúng ta vẫn còn tiếp tục dùng phương pháp của thời xưa, tức là có tên có tự, hiện nay có người cũng không phân ra nữa. Như thông thường chúng ta gọi là nội hiệu, ngoại hiệu, nội hiệu chính là tên, ngoại hiệu chính là tự. Như nội hiệu của tôi là Truyền Đạo, tên này thông thường không hay dùng, ngoại hiệu là Định Hoằng. Truyền Đạo là căn cứ theo pháp phái của chúng tôi, ân sư thế độ của tôi là trưởng lão thượng Sướng hạ Hoài, pháp phái của ngài là phái kim đánh tỳ lô, đó là dùng thơ kệ để sắp xếp, mỗi một chữ là một thế hệ, chúng tôi là “thân truyền vô vi giáo”, tôi là thế hệ chữ “truyền”, hai chữ thân truyền, thế hệ sau là thế hệ chữ “vô”. Chúng ta ở đây có thế hệ chữ “vô”, có phải vậy không? Cứ xếp theo như vậy. Nếu như thế là thuộc về nội hiệu.

Thời xưa, tên này chỉ có cha mẹ và sư trưởng là có thể gọi. Trẻ nhỏ thì thông thường mọi người đều gọi tên của chúng, nhưng đến 20 tuổi thì sẽ làm lễ đội mũ, là người trưởng thành rồi, mọi người không được gọi tên của họ nữa, gọi tên của họ là bất kính với họ, chỉ gọi tự của họ. Tự là gì? Như tự của tôi là Định Hoằng, gọi là Định Hoằng. Ai có thể gọi [tên của tôi]? Ân sư thế độ của tôi có thể gọi tên của tôi, thầy truyền pháp của tôi, thầy truyền giới của tôi có thể gọi, thông thường những người khác đều chỉ gọi tự của tôi. Đây là tôn trọng đối với người, nhưng tiểu chúng thì tên tự cũng không được gọi, ngay đến tự cũng không được gọi. Sa-di không thể nói với tôi rằng: “Định Hoằng, thầy qua đây”, không được như vậy. Đây là không tôn trọng, như trẻ nhỏ gọi tên của cha vậy, hiện nay nước ngoài có [gọi như thế], trẻ nhỏ nước ngoài gọi cha đều gọi tên, đây chính là đặc điểm của người phương Tây, họ không có lễ nghi, người Trung Quốc thì tuyệt đối không cho phép gọi như vậy, làm gì có đứa trẻ nào trực tiếp gọi tên của cha chứ? Chỉ có thể gọi là cha.

Sa-di gọi tỳ-kheo, gọi là sư phụ, tự xưng là đệ tử, nhưng có rất nhiều sư phụ, tất cả tỳ-kheo đều là sư phụ, sa-di có thể gọi kèm thêm tự của họ, ví dụ nói sư phụ

Định Hoảng, vậy cũng được, nhưng đây vẫn là cách xưng hô rất phổ thông, nếu cách gọi tôn kính hơn một chút thì trong hai chữ lấy một chữ “sư phụ Hoảng”, vậy càng tôn kính hơn. Đây là phân biệt với những người khác, nhưng nếu bạn trực tiếp gọi thân giáo sư của bạn, gọi hòa thượng, a-xà-lê của bạn, vậy thì tự cũng không được gọi, mà trực tiếp gọi là sư phụ, phải gọi như vậy. Để phân biệt với người khác thì có thể thêm tự, hoặc mọi người đều không biết tên tự đó, hoặc hai người đều có cùng tên tự thì có thể thêm sư phụ Định Hoảng, có thể như vậy, nhưng không thêm từ sư phụ thì không được, cũng không được gọi. Thông thường đối với bên ngoài thì có thể dùng cách gọi phổ thông là pháp sư Định Hoảng, nhưng trong nội bộ cùng một tăng đoàn thì đều nên gọi là sư phụ Định Hoảng, hoặc trực tiếp gọi là sư phụ, pháp sư là cách gọi phổ thông. Ở đây cũng đặc biệt nhắc đến, thông thường mà nói thông lệ này là dưới 5 lap thì chúng ta mới gọi là sư gì đó, ví dụ nói sư Định Hoảng, đây là cách gọi tương đối phổ thông. Nếu tăng lap của họ tương đối dài thì lại nên gọi là pháp sư, tức là giữa tỳ-kheo và tỳ-kheo đều nên gọi là pháp sư, đây là tôn trọng lẫn nhau.

Kỳ thực điều này Đệ Tử Quy cũng có nói đến, Đệ Tử Quy nói: “gọi người lớn chớ gọi tên”, đây chính là Đệ Tử Quy, cho nên kỳ thực sa-di luật nghi chính là Đệ Tử Quy của Phật môn, Đệ Tử Quy của người xuất gia. Nếu bạn học tốt Đệ Tử Quy rồi thì sa-di luật nghi rất dễ làm được, gọi người lớn không được trực tiếp gọi tên của họ, chính là đạo lý này. Điều thứ hai:

“Không được nghe trộm đại tỳ-kheo thuyết giới”, đây là nói tụng giới mỗi nửa tháng. Luật tổ Đạo Tuyên, còn cả trong luật tạng, trong Tam Đại Bộ thông thường đều nói thuyết giới, kỳ thực chính là tụng giới. Căn cứ theo luật sư Quảng Hóa, cách nói của ngài cũng rất hay, vì sao không nói là tụng giới, mà nói là thuyết giới? Bởi vì thời xưa có sự phân chia, thời xưa nói tụng, ví dụ nói xướng tụng, tụng kinh. Tụng là có âm điệu, mang một số [âm điệu] như người xưa đọc sách vậy. Nếu họ tụng thì có một số giai điệu, giọng điệu, như chúng ta nói tán xướng phạm bói vậy, họ xướng lên thì đây gọi là tụng. Mỗi nửa tháng, khi chúng ta thật sự tụng giới thì không dùng giai điệu, mà trực tiếp đọc nguyên chất bình thường như tiếng phổ thông, như vậy mà đọc ra, không cần xướng bằng giai điệu, cho nên gọi là thuyết giới. Đây là cách giải thích của luật sư Quảng Hóa, cũng rất có đạo lý.

Cho nên pháp hội kinh Vô Lượng Thọ của chúng ta, chủ nhật hằng tháng đều có đọc kinh, chúng ta trực tiếp dùng âm nguyên chất để đọc, chúng ta không xướng

niệm, đây là thuộc về thuyết, thuyết kinh, không phải tụng kinh. Nếu xướng ra giai điệu thì thuộc về tụng kinh, có sự phân biệt này, nhưng thuyết có cái hay của thuyết, thuyết có thể tương đối dễ ghi nhớ được nghĩa lý ở trong đó, như chúng ta lên thời khóa sáng tối niệm kinh A-di-đà, đó là xướng, nếu xướng như vậy, nếu bạn không dùng âm điệu đó thì bạn vẫn không xướng ra được, đột nhiên ở giữa cho bạn một câu thì bạn không biết câu tiếp theo là gì, có khi không đọc tiếp được, bình thường cứ đọc kinh như vậy, tức là dùng tiếng phổ thông nguyên chất để đọc, ngược lại bạn sẽ tương đối dễ ghi nhớ, cho nên mỗi loại có cái hay riêng. Tụng giới nhất định phải dùng tiếng phổ thông để niệm, để tụng, đương nhiên không xem sách gọi là tụng, xem sách chính là đọc, cho nên thuyết giới trên thực tế là tụng thuộc lòng.

Ở đây nói về sa-di, đương nhiên cũng bao gồm những cư sĩ, tịnh nhân chưa thọ cụ túc giới đều bao gồm ở trong đó, không được nghe trộm tỳ-kheo thuyết giới. Đương nhiên cũng bao gồm không được nghe trộm yết-ma, thuyết giới cũng là một loại yết-ma. Những yết-ma này thuộc về tăng sự như pháp, đều phải tập hợp tăng chúng lại để làm. Trước khi làm có một tiên phương tiện: “tăng tập hợp chưa?” - “đã tập hợp”, “có hòa hợp không?” - “hòa hợp”, “người chưa thọ giới cụ túc mời ra ngoài”, người chưa thọ giới cụ túc là sa-di, cư sĩ, tịnh nhân, toàn bộ phải ra ngoài, không được ở trong cùng một hội, phải đi thẳng đến chỗ tai không nghe thấy được, mắt có thể thấy, nhưng tai không thể nghe. Nếu nghe được yết-ma thuyết giới này, bao gồm tác yết-ma, bao gồm tụng giới tỳ-kheo thì thuộc về trộm pháp. Nghe trộm là có tâm trộm để nghe, cố ý nghe, tôi đến nghe thử xem giới bản của tỳ-kheo như thế nào. Vậy yết-ma là như thế nào? Yết-ma là tỳ-kheo hòa hợp tụ hội cùng nhau quyết định sự việc, Tỳ-kheo quyết định sự việc mà bạn nghe trộm, thậm chí hiện nay còn đặt một máy ghi âm ở đó để nghe, việc này rất nghiêm trọng, loại tâm này thuộc về trọng nạn trộm pháp, nhưng nếu nghe trộm yết-ma thì tương lai không thể thọ giới, bởi vì đây là thuộc về trọng nạn, trọng nạn giống như tội ngũ nghịch vậy, nó sẽ ngăn cản không thể thọ giới tỳ-kheo nữa, cho nên điểm này đối với sa-di mà nói là đặc biệt quan trọng. Bởi vì sa-di thường ở cùng tỳ-kheo, không thể ở lâu ngày rồi thì liền phóng túng, vô lễ được, cho nên những oai nghi này phải đặc biệt chú trọng.

Nếu không phải là nghe trộm thuyết giới và yết-ma, nếu là nghe khóa trình giới tỳ-kheo, tuy không tạo thành trọng nạn trộm pháp nhưng họ cũng có lỗi, cũng không được phép. Cho nên, nếu chúng ta giảng khóa trình giới tỳ-kheo hoặc vấn đáp về giới tỳ-kheo, thì sa-di, tịnh nhân cũng đừng đến nghe. Người chưa thọ giới cụ túc,

bản thân cũng không được tự động đi duyệt đọc luật tạng, cũng đừng đọc giới bốn của giới tỳ-kheo, phạm là những sách về chỉ trì, tác trì của giới tỳ-kheo đều đừng xem. Vì sao không cho phép xem? Là vì sợ rằng người chưa thọ giới cụ túc như chúng ta sau khi xem xong sẽ biết được điều nào là giới của tỳ-kheo, “anh xem kia, người nào đó phạm giới rồi”, chính là sanh khởi tâm khinh mạn, vậy thì điều “kính đại sa-môn” này bạn không làm nổi rồi, bạn bất kính với đại sa-môn, trên thực tế bản thân bị tổn hại rất lớn. Trong một tăng đoàn, nếu bạn không tôn trọng luân lý, bạn phá hoại sự hòa hợp của tăng đoàn thì sẽ có nhân quả rất nặng, hậu hoạn sẽ rất nhiều.

Cho nên, những nội dung chúng ta không nên học tập thì chúng ta đừng học trước. Bởi vì trong giai đoạn sa-di sẽ có rất nhiều điều phải học. Sa-di có thể thọ giới Bồ-tát làm Bồ-tát sa-di. Giới Bồ-tát cũng phải học thuộc lòng, Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu cũng phải học thuộc lòng, cũng phải thâm giải nghĩa thú. Đương nhiên cũng có một số điều liên quan, ví dụ Di Giáo Tam Kinh đều nên đọc nhuần nhuyễn, thậm chí là tụng thuộc. Ngoài tụng thuộc ra còn có thể học thêm một số khóa trình liên quan với pháp môn của mình. Như hiện nay chúng ta học Di-đà Yếu Giải, học kinh Vô Lượng Thọ, những sách này tốt nhất đều có thể tụng thuộc lòng; còn nữa, như vừa nói những cái gốc của Nho, Đạo, như Đệ Tử Quy, Hiếu Kinh, Luận Ngữ, có thời gian thì đều nên bọc bù những khóa trình này, còn có Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, còn có Liễu Phàm Tứ Huấn, còn có Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, An Sĩ Toàn Thư, những sách này đều là nền tảng rất tốt. Trước đây, đại sư Ấn Quang đều đặc biệt đề xướng giáo dục nhân quả. Những sách này đều là bước chuẩn bị đặt nền móng cho việc tu hành sau này, những sách này đã học không hết, bạn còn muốn xem trộm, nghe trộm những nội dung của tỳ-kheo, vậy thì không nên. Nếu nghe trộm yết-ma thuyết giới thì đây thuộc về “tặc trụ”, tội nghiệp này rất nặng.

Ở đây cũng đặc biệt nói một chút, Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu là nội dung của giới sa-di, cư sĩ có thể nghe hay không? Sẽ có người có nghi hoặc về điều này, ở đây đặc biệt nói rõ là có thể nghe. Như hiện nay chúng tôi giảng Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu, cư sĩ cũng có thể nghe, hơn nữa cư sĩ thật sự muốn tu hành thì đều nên nghe, vì sao vậy? Thứ nhất làm sao để đắc được giới thể của sa-di? Vì đều là đắc được giới thể trong khi thọ trì tam quy, cho nên khi chúng ta thọ giới sa-di thì cũng thông qua tam quy y mà đắc giới, giống như cư sĩ thọ ngũ giới, thọ bát quan trai giới, cho nên trên giới thể căn bản không có gì khác nhau, không giống như giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni là y theo bạch tứ yết-ma trong tăng đoàn mà đắc giới,

đây là vào dòng tăng rồi cho nên không giống. Thứ hai, 10 giới sa-di cũng không có gì bí mật, bởi vì kỳ thực chính là bát quan trai giới của cư sĩ, cộng thêm điều cuối cùng là “không cầm giữ sanh tượng vàng bạc vật báu” mà thôi, cho nên cư sĩ học tập không sao, giống như học nội dung của bát quan trai giới vậy. Học tập môn oai nghi ở phía sau này cũng tốt, đặc biệt là nghĩa công hộ trì trong đạo tràng, sau khi học tập thì biết ví dụ làm sao kính đại sa-môn, làm sao phụng sự sư trưởng? Những điều này họ không học thì họ cũng không biết, do đó cũng nên học tập, điều này đều là phổ biến, chỉ là có một số bộ phận đặc thù thuộc về người xuất gia thì không cần yêu cầu người tại gia mà thôi, như không cầm giữ vàng bạc, điều này chỉ yêu cầu sa-di, không yêu cầu cư sĩ. Nhưng cư sĩ học rồi thì họ sẽ biết hộ trì người xuất gia như thế nào, cũng có lợi ích. Bởi vì người xuất gia nếu đều không cầm giữ tiền bạc thì cần có cư sĩ hộ trì, mà cư sĩ cái gì cũng không biết thì họ cũng không hiểu hộ trì thế nào, cho nên học rồi sẽ luôn có lợi ích, đặc biệt là nghĩa công hộ pháp. Đây là trong luật nói, đây là điều mà người chấp sự của tăng đoàn cần phải học tập.

Mười giới sa-di, kỳ thực vào tháng 3 năm nay hòa thượng Thanh Công của chúng ta đã giảng chín điều giới đầu của sa-di trong pháp hội học giới có hơn 3.000 người ở Ma Cao, ngài dùng quyển Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu của đại sư Ngẫu Ích, ngài cũng thị hiện cho chúng ta là có thể học tập, có thể giảng cho cư sĩ, điều này không cần băn khoăn nữa.

Tốt rồi, bây giờ đã hết thời gian, chúng tôi giảng đến đây trước, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 22

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 26/7/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mở sách đến môn oai nghi thứ nhất “kính đại sa-môn”. Hôm qua, chúng tôi chỉ giảng được hai điều, hôm nay bắt đầu xem từ điều thứ ba:

“Không được tìm kiếm điểm tốt xấu của đại tỳ-kheo”.

Điều này nói rõ là sa-di, cũng bao gồm cư sĩ, những đệ tử Phật chưa thọ giới cụ túc, khi nhìn thấy tỳ-kheo, cũng bao gồm cả tỳ-kheo-ni, họ thuộc bậc trên trong bảy chúng, không được tìm kiếm điểm tốt và điểm xấu của họ. Điểm tốt xấu này cũng có thể giải thích là thiện ác, tốt xấu v.v.. Nói cách khác, chỉ nên chuyên nhìn điểm tốt của người, không nhìn điểm xấu, chỉ nhìn lỗi lầm của mình, thường xuyên hướng vào bên trong phản tỉnh sửa lỗi, như vậy mới là một người tu hành chân thật.

Đại sư Lục tổ Huệ Năng nói: “Nếu người thật tu đạo, không thấy lỗi thế gian”, chân thật là một người tu hành thì sẽ không nhìn thấy lỗi của người thế gian. Không phải là không nhìn thấy, mà nhìn thấy rồi cũng không để ở trong lòng. Đây gọi là không thấy, chỗ này nói chính là “không tìm kiếm”. Phải biết rằng ai cũng có lỗi lầm, “người không phải thánh hiền, ai mà chẳng có lỗi”, trước khi chưa thành Phật thì đều có lỗi, ngay đến Bồ-tát Đẳng giác vẫn còn một phần sanh tướng vô minh chưa đoạn, họ cũng có lỗi, càng huống hồ người thông thường. Dù đã thọ giới tỳ-kheo, cũng chưa hẳn thoắt chốc mà thành Phật được, cho nên khó tránh có lỗi lầm, nhưng chúng ta không được đi tìm kiếm, thấy lỗi của người liền để lỗi lầm của họ ở trong

tâm, giống như lấy rác của người ta để vào trong tâm mình vậy, khiến cái tâm thuần tịnh của mình trở thành một cái thùng đựng rác. Bạn xem có phải bạn quá ngu si rồi không? Nếu bạn chỉ nhìn điểm tốt, sở trường của người, không nhìn điểm xấu, sở đoản của người, vậy thì tâm bạn vĩnh viễn đều là thuần thiện thuần tịnh, như vậy chỉ có bản thân bạn đạt được lợi ích. Nhìn điểm xấu của người chính là bản thân chịu thiệt.

Chẳng những nhà Phật dạy chúng ta như thế, kỳ thực nhà Nho chẳng phải cũng như vậy hay sao? Bạn xem, ngay đến Đệ Tử Quy cũng nói như vậy: *“Thấy việc thiện, liền nghĩ bằng, dù cách xa, cũng dần đạt. Thấy việc ác, liền phản tỉnh, có thì sửa, không thì tránh”*. Trước kia, trẻ nhỏ từ bé đã phải học Đệ Tử Quy rồi. Đây là căn bản để làm người, học tốt Đệ Tử Quy rồi thì xuất gia trì giới không khó chút nào. Đệ Tử Quy nói, nhìn thấy việc thiện của người, tức là điểm tốt, ưu điểm thì nên tư duy làm sao có thể noi theo, học tập, bắt chước. Dù cách họ rất xa, khoảng cách rất lớn cũng dần dần theo kịp, không được tự chê tự bỏ, mà phải cố gắng học tốt. Nhìn thấy việc xấu của người thì không nên cứ mãi nghĩ đến việc xấu ấy của họ, mà nên phản tỉnh, tự kiểm điểm mình xem có điểm xấu giống như vậy không, có thì sửa đổi, không có thì khích lệ hơn, cảnh giác hơn, tức là khuyến khích và cảnh tỉnh bản thân đừng phạm điểm xấu ấy.

Đại sư Ấn Quang dạy chúng ta: *“Xem mọi người đều là Bồ-tát, chỉ mình ta chân thật là phàm phu”*, đây chính là thật tu hành. Dù người khác có điểm xấu, có lỗi lầm thì trong tâm ta nghĩ thế nào? Họ là Bồ-tát thị hiện, thị hiện cho ta xem để ta cảnh giác, để ta biết nếu ta cũng phạm lỗi này thì tương lai cũng sẽ có quả báo. Hiện nay sẽ bị người coi thường, tương lai ắt堕 vào đường ác. Cho nên ta phải nâng cao cảnh giác, khích lệ cảnh giác, họ là Bồ-tát, dù họ đến làm tổn thương ta, thậm chí muốn giết hại ta thì ta đều cảm ơn, vì họ đến tiêu nghiệp chướng cho ta, vĩnh viễn giữ tâm cảm ơn, vĩnh viễn xem hết thấy chúng sanh chính là Bồ-tát, như vậy thì chúc mừng bạn, bạn chính là Bồ-tát, vì sao vậy? *“Tất cả do tâm tạo”*, tâm của bạn chính là tâm Bồ-tát, cho nên trong tâm Bồ-tát này của bạn biến hiện ra hết thấy chúng sanh đều là Bồ-tát, không hay không biết bạn đã làm Bồ-tát rồi. Nếu bạn thấy tất cả người là Phật thì càng tuyệt vời hơn, vậy bạn chính là Phật, cảnh giới của bạn giống như Thích-ca Mâu-ni Phật, ngài thấy tất cả chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, đây là cảnh giới của Thích-ca Mâu-ni Phật. Cho nên ở trong tăng đoàn, trước tiên chúng ta phải kính thuận bậc tôn trưởng, đừng tìm kiếm chỗ tốt xấu, lỗi lầm của

tôn trọng, bắt đầu làm từ đây. Như ở nhà, con cái không tìm lỗi lầm của cha mẹ vậy, đây mới là tận hiếu. Tiếp theo điều thứ tư:

“Không được truyền rao nói lỗi của đại tỳ-kheo”.

Truyền rao nói lỗi tức là chuyển tiếp nói với nhau, nghĩa là tôi thấy lỗi của họ, tôi liền nói với người khác, hoặc tôi nghe người khác nói lỗi của tỳ-kheo nào đó, tôi cũng chuyển tiếp nói với người khác, đây đều thuộc về truyền rao nói lỗi, đây chính là tạo khẩu nghiệp. Nói lỗi sau lưng là thuộc về nói ly gián. Trong Đề Tử Quy cũng có câu như vậy, nói rằng: *“Khuyết điểm người, chớ vạch trần, việc riêng người, quyết chớ nói”*, người khác có khuyết điểm, tức là có lỗi lầm, tuyệt đối không được vạch trần. Vạch trần lỗi lầm của người chính là vạch trần việc riêng tư của người, việc này làm tổn âm đức nhất, tổn âm đức cũng sẽ tổn dương thọ. *“Việc riêng người, quyết chớ nói”*, nói việc riêng tư của người khác, người ta có tội nghiệp, nếu họ không chịu phát lộ thì chúng ta không được nói, họ tự phát lộ ra thì được, nhưng chúng ta cũng không được đi nói với người ngoài.

Như nếu một tỳ-kheo nói tội của một tỳ-kheo khác cho một người chưa thọ giới cụ túc thì đây là phạm giới. Nếu nói tội của tỳ-kheo này ở chương thứ nhất thì mình phạm tội ở chương thứ ba. Nếu nói tội của họ ở sau chương thứ hai thì mình phạm tội ở chương thứ năm. Chúng ta là sa-di thì cũng phạm giống như vậy. Đây đều là đạo đức cơ bản làm người, bạn xem Đề Tử Quy đều dạy chúng ta như vậy. Nếu chúng ta đều không làm được Đề Tử Quy thì bạn uổng công làm người xuất gia rồi, song quả thực rất nhiều người xuất gia chúng ta ngay đến Đề Tử Quy cũng không làm được. Những điều được nói trong Đề Tử Quy chính là đạo của chánh nhân quân tử ở thế gian. Bạn có thể làm được Đề Tử Quy thì chính là chánh nhân quân tử của thế gian, là hạt giống của thánh hiền, cho nên nếu chúng ta chưa cố gắng học thì bây giờ phải học bù nhiều hơn. Lần này chúng tôi giảng môn oai nghi này cũng sẽ thường trích dẫn Đề Tử Quy, tham chiếu để học tập, cũng là bổ túc khóa học này, nên sẽ giảng tương đối tường tận.

Khi người khác nói lỗi của chúng ta thì chúng ta không được oán hận mà nên như thế nào? Hoan hỷ, cảm ơn. Nếu chúng ta thật sự có lỗi này, người ta vạch trần ra thì đó là chuyện tốt, giúp chúng ta tiêu tội nghiệp. Giả sử tôi không phạm lỗi này, mà họ vu oan cho tôi, họ hủy báng tôi, tự xưng bịa đặt nói tôi, rao truyền để nói, đây chính là hủy báng, vậy thì tôi càng phải cảm ơn, vì sao vậy? Như vậy tội chương tiêu mới nhanh. Tôi vốn dĩ có tội nghiệp phải đọa địa ngục, họ nói như thế thì tôi khỏi

phải đọa địa ngục nữa. Giống như điều được nói trong kinh Kim Cang, người này có thể cố gắng tu hành, thậm chí có thể tu hành bát-nhã, nhưng đời này lại bị người hủy báng, đó là vì đời trước họ có tội nghiệp đọa địa ngục, tội nặng báo nhẹ. Bạn xem, tôi có nên cảm ơn họ không? Cảm ơn còn không kịp, làm sao có thể oán hận họ cho được. Vậy tội của tôi tiêu rồi thì tội ấy đi đâu? Sang bên đối phương, ai nói tội của tôi thì họ sẽ chịu tội ấy. Họ đọa địa ngục thay tôi, bạn xem họ là dừng cảm quên mình giúp tôi tiêu tội nghiệp, không ngại đọa địa ngục, bạn xem tôi có nên cảm ơn họ không? Bạn nghĩ như thế thì làm gì có oán hận? Tiếp theo điều thứ năm:

“Không được ở chỗ khuất, mắng chửi đại tỳ-kheo”.

Chỗ khuất tức là nơi có sự che chắn, nơi người khác không nhìn thấy, tức là nói những lời lầm sau lưng đại tỳ-kheo, chửi mắng đại tỳ-kheo, đa số đây là có tâm oán hận, là một loại phiền não sân giận. Bởi vì Sa-di Luật Nghi này nói về việc không được nói lỗi trước mặt tỳ-kheo, vậy thì nói sau lưng, có thể tỳ-kheo này từng giáo huấn tôi, tôi không nhẫn được, tức giận bất bình, thế là ở sau lưng họ nói lỗi của họ với người khác, thậm chí sỉ nhục họ, mắng chửi họ, lúc này sẽ tạo khẩu nghiệp nặng, không những là tội nói ly gián mà còn có nói thô ác, mắng chửi là nghiệp nói thô ác. Giả sử vị tỳ-kheo này là người chân thật tu hành, chúng ta ác khẩu mắng chửi họ thì tội nghiệp này rất nặng. Tiếp theo điều thứ sáu:

“Không được khinh thường đại tỳ-kheo, cười đùa trước mặt, bắt chước lời nói, hình tướng, bước đi của họ”.

Khinh thường đại tỳ-kheo là coi thường họ, xem thường họ. Điều này có thể nói là nhân của ba điều phía trước, vì sao bạn nói lỗi của đại tỳ-kheo, thậm chí vì sao bạn mắng chửi tỳ-kheo? Chính là vì bạn khinh thường họ, một ý niệm tâm khinh thường ban đầu sẽ dẫn đến tạo ác nghiệp. Nếu chỉ thấy lỗi của tỳ-kheo ở trong tâm thì đây chính là tìm kiếm điểm tốt xấu của tỳ-kheo, đây là tội của ý nghiệp. Giả sử miệng nói lỗi của họ thì đây chính là khẩu nghiệp, giả sử mắng chửi thì khẩu nghiệp này sẽ tương đối nặng.

Mắng chửi một người xuất gia, thậm chí trong kinh nói đánh một người xuất gia, đánh và chửi mắng chính là sự sỉ nhục rất nghiêm trọng. Trong kinh nói, đánh chửi một tỳ-kheo phá giới thì như làm vụn ức thân Phật ra máu, tội nghiệp này rất đáng sợ. Bạn phải biết làm thân một vị Phật ra máu chính là tội nghịch, một trong ngũ nghịch tội, tội nghịch nhất định đọa địa ngục A-tỳ, càng huống hồ làm vụn ức thân Phật ra máu. Vì sao trong kinh nói nghiêm trọng như vậy? Đánh chửi đó là dùng

tâm sân giận đánh chửi một tỳ-kheo phá giới, thì có tội nghiệp nặng như vậy. Bởi vì hình tướng của tỳ-kheo là hình tướng của tăng bảo, bạn ác ý đánh chửi thì giống như ác ý đối với tam bảo vậy, tội nghiệp này vô cùng nặng. Dù họ đã phá giới, tức là đã mất giới thể rồi, nhưng họ vẫn còn hình tượng này, cho nên bạn cũng không thể đánh mắng. Bởi vì họ vẫn là hình tượng của tam bảo, tuy thể của họ không còn là tăng bảo nữa, nhưng tướng này vẫn là tăng bảo. Chỉ luận về việc phá hoại tướng tam bảo thì đã đủ dọa địa ngục rồi, cho nên điểm này đặc biệt quan trọng.

Trong kinh Thiện Cung Kính nói: nếu báng thầy, hủy thầy, tức là hủy báng sư trưởng, thì là đại ma trong Phật pháp, chính là đến phá hoại Phật pháp, cho nên không được hủy báng sư trưởng. Sư trưởng chính là chỉ những pháp sư xuất gia. Trong luật nói: “Tất cả lời nói của người xuất gia đều có lợi ích [cho chúng sanh], đừng nên dùng tâm sân giận tự tư mà nói lỗi của người khác”. Đây là cấm người xuất gia chúng ta, lời chúng ta nói đều phải lợi ích chúng sanh, không được xuất phát từ tâm sân giận tự tư mà tùy tiện đi nói lỗi lầm của người khác, đặc biệt là sa-di, trong tăng đoàn hằng ngày ở cùng tỳ-kheo tăng, cũng bao gồm cả tịnh nhân, đương nhiên cũng bao gồm nghĩa công của đạo tràng, thời gian lâu rồi rất dễ sanh tâm khinh mạn, cũng rất dễ nhìn thấy lỗi của các sư phụ tỳ-kheo. Nếu dùng tâm khinh thường để nói thì đây chính là khinh thường đại tỳ-kheo, vậy thì có tội rồi. Sa-di phạm điều giới này, giả sử sa-di nói tội lỗi của tỳ-kheo với bạch y, bạch y chính là cư sĩ, khiến người thông thường mất đi tâm tín ngưỡng cung kính với Phật pháp, cho nên trong kinh nói: thà rằng “phá tháp hủy tượng”, là phá tháp Phật, hủy hoại hình tượng Phật, tội này là tội ngang bằng với việc làm thân Phật ra máu, thà làm như vậy cũng không được nói tội lỗi của tỳ-kheo với người ngoài. Nói cách khác, nói tội lỗi của tỳ-kheo sẽ nặng hơn so với tội phá tháp hủy tượng này. Nếu nói tội lỗi của tỳ-kheo thì cũng giống như phá hoại pháp thân vậy, cho nên ngay đến tâm khinh thường đại tỳ-kheo cũng không được có thì làm sao có thể nói lỗi được? Điều này đương nhiên không chỉ là đối với sa-di, cư sĩ, mà tỳ-kheo chúng ta cũng vậy. Giữa tỳ-kheo với tỳ-kheo đều phải tôn trọng lẫn nhau, đều phải khích lệ lẫn nhau, khuyên bảo lẫn nhau, bảo ban lẫn nhau, tăng thêm lợi ích cho nhau.

Nếu khinh thường tỳ-kheo, tức là khinh mạn cười đùa trước mặt họ, tức là trêu đùa họ, hoặc bắt chước lời nói hình tướng của họ, còn cả dáng đi, đại khái họ không có những oai nghi này, oai nghi không tốt lắm, bạn coi thường họ, trêu đùa họ, vậy thì nghiệp này cũng rất nặng.

Trong Phật điển có một công án, nói có một tỳ-kheo trẻ tuổi khi nhìn thấy một vị tỳ-kheo già đọc kinh, âm thanh không dễ nghe lắm. Ông liền cười tỳ-kheo già đọc kinh như tiếng chó sủa vậy. Kết quả rất không may, vị tỳ-kheo già này là người đã chứng A-la-hán, tỳ-kheo trẻ này không biết. Tỳ-kheo già nói với ông rằng: “Ông có biết ta là ai không? Ta là người đã chứng A-la-hán rồi, ông chê cười A-la-hán thì phải đọa địa ngục”. Lúc ấy, tâm vị tỳ-kheo trẻ này rất sợ hãi, lập tức nằm mọp xuống sám hối. Sám hối như vậy tránh được tội nghiệp địa ngục của ông, nhưng 500 đời vẫn bị đọa làm thân chó, 500 đời làm chó. Bạn nghĩ xem, quả báo này thâm đến cỡ nào, đó vẫn là do đã sám hối, nếu không sám hối thì càng khủng khiếp hơn. Tiếp theo chúng ta xem điều thứ bảy:

“Không được ngồi khi thấy đại tỳ-kheo đi qua mà không đứng dậy, trừ lúc đọc kinh, lúc ăn cơm, lúc làm các việc, lúc cạo tóc, lúc bệnh”.

Đây là nói nếu thấy đại tỳ-kheo đi ngang qua trước mặt mình thì không được ngồi ở đó mà không đứng dậy. Bởi vì nếu không đứng dậy thì đó là tướng khinh mạn của mình. Đại tỳ-kheo cũng chính là đại sa-môn, họ là hậu duệ của Phật tổ, khinh mạn tỳ-kheo chính là khinh mạn Phật tổ. Kỳ thực những đạo lý này người tại gia đều biết, Đệ Tử Quy cũng dạy như vậy. Đệ Tử Quy nói: *“Gặp trên đường, nhanh đến chào, người không nói, kính lui đứng”*, khi đi trên đường, nếu nhìn thấy tôn trưởng thì nên làm thế nào? Đừng giống như không nhìn thấy, mà nên lập tức đi lên phía trước chấp tay hành lễ, thông thường chúng ta là cúi chào. Nếu tôn trưởng không muốn nói chuyện với bạn thì bạn lùi sang một bên, đứng thẳng cung kính. Làm sao có thể nói khi tôn trưởng đi qua mà mình vẫn tùy tiện ngồi ở đó? Đây gọi là trong mắt không có tôn trưởng, cho nên những lễ phép này là biểu thị tâm cung kính của chúng ta. Lễ là tướng bên ngoài, kính là nội tâm, nhất định là bên trong cung kính thì mới biểu hiện ra hình tướng ở bên ngoài.

Trong kinh Đại Bi nói: “Đời trước, khi Như Lai hành đạo Bồ-tát, hễ nhìn thấy tam bảo, tháp xá-lợi, tượng, sư tăng, cha mẹ, thiện hữu lớn tuổi thì đều nghiêng mình lễ kính, cho nên khi thành Phật cảm được [quả báo nơi mà ta] đi qua thì núi rừng, người, súc sanh đều cùng khâm phục ngưỡng mộ, quy kính với Phật”. Thích-ca Mâu-ni Phật đời trước khi hành đạo Bồ-tát, ngài nhìn thấy hình tượng tam bảo, những tháp xá-lợi được xây dựng, còn có hình tượng, còn có sư tăng, cha mẹ, tức là những bậc sư trưởng, bậc tôn trưởng, người già tức là chỉ những thiện hữu tương đối lớn tuổi, thấy sư trưởng và thiện hữu đều nghiêng mình lễ kính. Đây là biểu hiện tâm cung

kính của ngài, tức là ở đây nói nhìn thấy tỳ-kheo đến thì lập tức đứng dậy, lập tức nhường đường. Nếu con đường này khá nhỏ hẹp, hai người đi đều khá chật chội thì nên làm thế nào? Mình chấp tay xoay người đứng ở bên đường nhường cho tỳ-kheo qua trước, nhường sư trưởng qua trước. Phật cung kính cha mẹ, sư tăng, tam bảo như vậy nên cảm được sau khi thành Phật, tất cả chúng sanh hữu tình, vô tình đều khâm phục tôn kính ngưỡng mộ Phật. Khâm là khâm phục, núi rừng, người, súc sanh. Núi rừng là chỉ chúng sanh vô tình, người và súc sanh đương nhiên cũng bao gồm chư thiên quỷ thần nhìn thấy Phật chẳng ai mà không cung kính tín ngưỡng. Phật và những chúng sanh này có nhân duyên như vậy đều là do trong đời quá khứ ngài đã tu cái nhân này, nhiều đời nhiều kiếp tu cái duyên cung kính cha mẹ, sư tăng, tam bảo, gieo hạt giống này, cho nên khi thành Phật đã cảm được quả báo này.

Trong kinh Phạm Võng nói: “Hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, tam bảo, hiếu thuận là pháp chí đạo, hiếu gọi là giới, cũng gọi là ngăn cấm”. Chúng ta học giới quan trọng nhất là nắm được tinh thần của chữ hiếu này, thế nào gọi là giới? Giới chính là hiếu, có thể hiếu thuận cha mẹ, sư tăng, tam bảo thì chính là hiếu. Hiếu thì sẽ có kính, nếu dùng tâm hiếu kính thì sẽ rất dễ trì giới, nhất định sẽ không làm trái với giáo giới của đức Phật. Làm trái giáo giới của Phật chính là bất hiếu, cho nên tâm trì giới quan trọng nhất chính là dùng tâm hiếu thuận cung kính để trì giới. Phải dưỡng cái tâm này ở trong đời sống hằng ngày, trong đối nhân xử thế. Đặc biệt là trong giai đoạn làm sa-di, dưỡng thành tâm hiếu kính, tâm nhu thuận, sẽ có lợi ích rất lớn cho việc tu hành trong tương lai của chúng ta.

Trong bộ sách *Giáo Giới Tân Học Tỳ-kheo Hành Hộ Luật Nghi* do luật tổ Đạo Tuyên trước tác cũng nói: nhìn thấy đại tỳ-kheo, tức là tỳ-kheo có giới lạc cao hơn mình, tôi là tỳ-kheo mới thọ giới, giới lạc của tôi tương đối thấp, vậy thì phải đứng dậy. Nếu mình đang ngồi, nhìn thấy tỳ-kheo có giới lạc cao đến thì phải nhường chỗ. Giả sử gặp trên đường thì phải đi sang đứng ở bên đường, đứng ở bên cạnh đợi đại tỳ-kheo đi qua, sau đó mình mới đi. Hễ đại tỳ-kheo có dạy bảo thì phải chấp tay đứng nghe, chấp tay tức là chấp hai tay lại, chấp tay cung kính để nghe, sau khi nghe xong phải cảm ơn đối phương đã dạy bảo. Giả sử đối phương trách mắng mình thì chúng ta không được trợn mắt tức giận, biểu hiện ra vẻ mặt tức giận, mà phải dùng ngôn từ nhu hòa để sám hối lỗi lầm của mình.

Quyển sách *Giáo Giới Tân Học Tỳ-kheo Hành Hộ Luật Nghi* vô cùng hay. Kỳ thực không chỉ có tỳ-kheo mới học, mà nếu tỳ-kheo có giới lạc nhất định rồi, nhưng

trước đây chưa nghiêm túc học thì đều nên đọc. Trên thực tế, bộ sách này có rất nhiều chỗ tương thông với Sa-di Luật Nghi. Những môn oai nghi của Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu này của chúng ta có rất nhiều chỗ giống với Hành Hộ Luật Nghi này. Cho nên, là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni cũng nên bổ sung khóa học sa-di oai nghi này. Trong này quan trọng nhất là thông qua những oai nghi này để điều phục phiền não ngã mạn của mình. Bởi vì ngạo mạn là phiền não sanh ra đã có, muốn điều phục nó mà nó vẫn khởi lên, càng huống hồ bạn còn không ý thức đến, cho nên phải dùng những oai nghi này để thu nhiếp bản thân, đem tâm ngạo mạn của bạn buông xuống. Nếu không làm được những oai nghi này thì chứng tỏ bạn chắc chắn ngạo mạn, phiền não ngạo mạn sẽ hiện hành, cho nên dùng những oai nghi này làm một tấm gương soi thì bạn liền biết được - mất, biết đúng - sai, sau đó cố gắng tu sửa bản thân.

Điều này cũng có khai duyên, thấy tỳ-kheo đi qua thì lập tức phải đứng dậy, trừ khi bạn đang trong “lúc đọc kinh, lúc ăn cơm, lúc làm việc, lúc cạo tóc, lúc bệnh”. Bởi vì khi đọc kinh, chúng ta lấy pháp làm trọng. Pháp là thầy của chư Phật, cho nên chúng ta cung kính đọc kinh, phải chuyên chú đừng để bị ngoại cảnh ảnh hưởng. Lúc này đại tỳ-kheo đi qua, bạn không cần đứng dậy, đừng để xen tạp, đại tỳ-kheo cũng sẽ không trách chúng ta, ngược lại sẽ tán thán chúng ta rất dụng công, rất tốt.

“Lúc ăn cơm” chính là khi ăn cơm, bởi vì ăn cơm cũng phải chuyên chú, không được nói chuyện, như chúng xuất gia chúng ta quá đường ăn cơm đều phải đáp y trì bát, oai nghi chỉnh tề, trước khi ăn phải tác “tam đề ngũ quán”, tức là thìa đầu tiên, xúc một chút cơm đưa vào miệng, trong tâm lập nguyện, nguyện đoạn tất cả ác, không ác nào không đoạn. Thìa thứ hai ăn vào thì lập nguyện, nguyện tu tất cả thiện, không thiện nào không tu. Thìa thứ ba nguyện độ hết thấy chúng sanh, không một chúng sanh nào không độ, nguyện hết thấy chúng sanh đều thành Phật. Ba thìa này chính là lập ba đại nguyện, chính là tam tụ tịnh giới của Bồ-tát, ăn cơm đều không quên trì giới.

Còn phải tác ngũ quán, giữ năm phép quán khi ăn cơm: “Nghĩ đến bao công lao làm ra thức ăn này, thức ăn này từ đâu mà có; tự xét đức hạnh của mình đủ hay thiếu mà nhận cúng dường này; đề phòng tâm phạm lỗi, nhất là tâm tham lam; coi thức ăn này là thuốc hay để chữa bệnh gây còm; vì thành tựu đạo nghiệp mà thọ nhận thức ăn này”, ngũ quán đường của chúng ta đều có viết, đều phải tác ý quán, ăn cơm có thể hành năm phép quán thì mới có thể nhận thức ăn cúng dường này.

Khi ăn cơm không tùy tiện đứng lên, đặc biệt là ăn chánh thực, người xuất gia chúng ta nếu ăn chánh thực, trong luật nói chánh thực chính là cơm, bột gạo rang, cơm khô, còn có cá và thịt. Chúng ta không ăn cá, thịt, vậy cơm, cơm khô, cơm khô chính là cơm có đậu, những thứ này thuộc về chánh thực. Phật chế định người xuất gia chúng ta ngồi ăn, ngồi xuống ăn chánh thực, không được tùy tiện đứng dậy, đứng dậy là bằng với việc xả oai nghi rồi, khi đã xả oai nghi rồi mà nếu bạn lại ăn nữa thì sẽ phạm giới túc thực, tỳ-kheo là [phạm tội] ở chương thứ ba, trừ khi bạn làm pháp dư thực. Cho nên, khi tỳ-kheo đi qua mà bạn đang ăn cơm thì bạn cứ ăn bình thường, không cần đứng dậy.

Nhưng ở đây phải nhắc một chút, nếu sa-di phải phục vụ cho tỳ-kheo, ví dụ tỳ-kheo cũng đang ngồi ăn cơm, lúc này cần bạn phục vụ, lúc này vì để phục vụ sư trưởng thì bạn có thể đứng dậy, cũng cần phải đứng dậy. Lúc này không thể nói tôi phải làm theo giới luật nên tôi không thể đứng dậy, tỳ-kheo gọi tôi giúp đỡ, tôi cứ mặc kệ. Giống như nhỗ cỏ, tôi nghe nói có một luận điệu, tỳ-kheo dặn sa-di nhỗ cỏ, sa-di nói chúng con không được nhỗ cỏ tươi, đó chính là bảo tỳ-kheo đi nhỗ rồi. Phải biết những điều này đều thuộc về phần oai nghi. Khi phụng sự sư trưởng thì sa-di đều có thể làm, hơn nữa theo lý thì đều nên làm. Ví dụ nói thọ thực, sa-di cũng cần theo học thọ thực, không thọ thực thì chúng ta không được ăn, bởi vì thậm chí động chạm vào đều có tội ác xúc, nhưng khi tỳ-kheo chúng ta không có người dâng thức ăn thì sa-di có thể phụ trách dâng thức ăn cho tỳ-kheo, không thể nói: “con không thể phạm tội ác xúc được, thế nên con không động vào đâu, thầy chịu đói đi”, vậy thì bạn sai rồi. Cho nên, tại sao môn đầu tiên trong oai nghi môn nói kính đại sa-môn. Đây là điều quan trọng nhất, nếu phạm điều này thì những oai nghi phía sau của bạn đều không có tác dụng, trừ phi việc này phạm vào 10 giới thì đương nhiên không được, vì phụng sự sư trưởng mà phạm 10 điều giới phía trước thì không được, nhưng oai nghi phía sau, nếu khi vì phụng sự sư trưởng thì một số điều có thể khai duyên.

Tiếp theo còn có “lúc làm các việc”, tức là khi làm việc cho thường trụ. Bạn đang làm việc, lúc này cũng không cần bỏ công việc ở trong tay bạn xuống, có thể không cần đứng dậy. Còn có “lúc cạo tóc”, tức là khi cạo tóc, bởi vì tay đang cầm dao sắc, sợ điều gì? Sợ xuất một chút là sẽ cắt rách da, cho nên lúc này cũng không cần đứng dậy, hơn nữa lúc này đang cạo được một nửa rồi mà đứng dậy cũng không có oai nghi. Còn có “lúc bệnh”, tức là bản thân có bệnh, tứ đại không điều hòa, mình đã nằm ở trên giường rồi thì đương nhiên không cần đứng dậy, cho nên giới luật đều

rất linh hoạt, không phải cứng nhắc, đều có thể có khai duyên. Được rồi, điều thứ tám:

“Khi đi gặp đại tỳ-kheo thì phải đi sang bên đường, đứng nghiêm nhường đường”.

Điều này chúng tôi cũng vừa nói qua rồi, tức là khi đi đường, giả sử gặp đại tỳ-kheo thì nên “hạ đạo”, tức là đi sang bên đường, đến chỗ tương đối thấp, đừng đến chỗ rất cao, ngông nghênh trên cao, mà phải thấp, ở nơi tương đối thấp. “Chánh trụ” tức là đứng thẳng, đứng thẳng chân song song, chân không được dang rộng, mà phải khép lại, đây là biểu thị cung kính, khiêm tốn nhường đối phương đi qua, sau đó mình mới đi. Đệ Tử Quy hoàn toàn giống với lời giáo huấn này. Đệ Tử Quy nói, phía trước nói: *“Gặp trên đường, nhanh đến chào, người không nói, kính lui đứng”*, sau đó *“phải xuống ngựa, phải xuống xe, đợi người đi, hơn trăm bước”*. Người xưa có khi cưỡi ngựa hoặc ngồi trên xe ngựa, hiện nay là lái xe hoặc đi xe đạp, nhìn thấy tôn trưởng đến thì phải dừng xe lại, đợi tôn trưởng đi qua, bạn vẫn đứng ở đó hơn trăm bước, sau khi họ đi khỏi khoảng trăm bước rồi, mắt không nhìn thấy bóng của tôn trưởng nữa, lúc này họ đã rời khỏi tương đối xa rồi thì bạn mới tiếp tục đi đường của bạn. Đây là cung kính đối với tôn trưởng, không thể nói tôi lái xe nhìn thấy tôn trưởng thì phóng nhanh như một cơn gió, để lại phía sau rất nhiều bụi, sau đó thì phóng đi mất, chỉ để lại cho tôn trưởng rất nhiều bụi, như vậy cũng không đúng. Được rồi, tiếp theo điều thứ chín:

“Luật Tứ Phần nói: sa-di phải lấy năm sinh làm thứ bậc, nếu sinh cùng năm thì phải lấy năm xuất gia làm thứ bậc”.

Điều này chính là nói đến lớn nhỏ có thứ tự, thứ bậc chính là thứ tự. Trong Đệ Tử Quy cũng nói: *“Hoặc ăn uống, hoặc ngồi đi, người lớn trước, người nhỏ sau”*. Trong việc ăn uống, hoặc đi hoặc ngồi, sắp xếp chỗ ngồi đều phải người lớn ngồi trước, người nhỏ ngồi sau. Luân lý trong cửa Phật là lấy lớn nhỏ này làm tiêu chuẩn, tức là nói đến luân lý của bảy chúng. Bảy chúng đầu tiên là tỳ-kheo, sau đó là tỳ-kheo-ni, rồi đến thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, sau đó mới đến ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Tỳ-kheo, dù họ là tỳ-kheo mới thọ giới, vừa mới xuống giới đàn, thì họ cũng được xếp ở trước tỳ-kheo-ni-tăng trăm lạp. Đây là quy định trong *bát kính pháp* của tỳ-kheo-ni, cho nên thứ bậc này không giống nhau. Tuy tuổi của bạn rất cao, giới lạp rất cao, tỳ-kheo-ni trăm lạp đối với tỳ-kheo mới thọ giới vẫn phải đánh lễ, nhường chỗ, xếp ở phía sau. Trong cùng một bậc, ví dụ tỳ-kheo cùng bậc thì căn cứ theo giới

lập để xếp, tỳ-kheo không phải là căn cứ theo tuổi tác, dù bạn đã 100 tuổi rồi nhưng giới lập của bạn thấp, người ta có thể chỉ mới 40 tuổi thôi nhưng giới lập cao, vậy lúc này bạn cũng phải xếp sau người trẻ tuổi đó, tôn trọng giới lập, tức là tuổi thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy, sau đó thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni là căn cứ theo “năm sinh để làm thứ bậc”, toàn thể thức-xoa-ma-na xếp phía trước, sau đó xếp sa-di, rồi mới xếp đến sa-di-ni.

Ở đây nói sa-di lấy theo năm sinh, tức là xem bạn bao nhiêu tuổi, bởi vì họ vẫn chưa vào dòng tăng, chưa thọ giới cụ túc nên không luận giới lập được, cũng không luận là bạn có thọ giới Bồ-tát hay không. Dù bạn là sa-di đã thọ giới Bồ-tát, có thể bạn đã thọ giới Bồ-tát từ lâu rồi, thọ giới Bồ-tát 20 năm nhưng mới xuất gia, hơn nữa tuổi tác cũng không lớn, còn người ta là một sa-di già chưa thọ giới Bồ-tát, thì họ vẫn được xếp ở trước bạn, cho nên đây là luận theo tuổi tác, sa-di-ni cũng như vậy. Sau đó đến ưu-bà-tắc, tức là cư sĩ nam, rồi đến cư sĩ nữ. Còn như cư sĩ nam, nữ thế gian thì căn cứ theo vai vế của thế gian để xếp, có thể dùng tuổi, nhưng nếu vai vế của họ khác nhau, địa vị khác nhau, vậy thì phải tôn trọng địa vị của thế gian. Bởi vì họ không xuất gia thì sẽ căn cứ theo thân phận tại gia. Phật pháp ở thế gian không thể phá hoại pháp thế gian được. Ví dụ ở thế gian bạn là lãnh đạo, dù bạn vừa mới thọ giới Bồ-tát, nhân viên cấp dưới của bạn đã thọ giới Bồ-tát 10 năm rồi, nhưng họ thuộc về người bị lãnh đạo, thuộc về thần tử, thần không thể ở trên quân được. Cho nên quân phải xếp trước, đó là căn cứ theo luân lý của thế gian để xếp. Giống như cha con, cha chưa thọ giới Bồ-tát, con trai đã thọ giới Bồ-tát rồi, ở đây sẽ xếp như thế nào? Cha vẫn xếp ở trước con trai. Cha con, quân thần, anh em, chồng vợ ở thế gian đều phải căn cứ theo luân lý của thế gian để sắp xếp. Xuất thế, xuất gia thì căn cứ theo luân lý của xuất gia, tức là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni. Sa-di là căn cứ theo năm sinh để làm thứ bậc. Giả sử cùng năm sinh thì căn cứ theo ai xuất gia sớm thì xếp trước. Trình tự sắp xếp này bất luận là đi, đứng, ngồi, nằm đều như vậy. Có sự sắp xếp như vậy thì tự nhiên mọi người liền có thể hòa hợp, đôi bên đều không có gì để tranh, vừa nhìn liền phải biết ai trước ai sau rồi, người đáng ở trước thì ở trước, không cần nhường, người đáng ở sau cũng không được tranh. Tự nhiên nó liền có trật tự, đoàn thể tự nhiên liền có thể hòa hợp. Có tướng hòa hợp này xuất hiện, khiến người thế gian nhìn thấy tự nhiên liền cung kính, tán thán. Được rồi, tiếp theo điều thứ 10:

“Kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm nói: Phật pháp như biển cả, dung nạp cả trăm sông, dòng nước bốn phương đổ về đó đều cùng một vị. Căn cứ thọ giới trước hay sau, chứ không ở sang hay hèn. Tứ đại hòa hợp nên giả gọi là thân, ở trong là không tịch, vốn không có ngã, nên nghĩ nhớ thánh pháp, đừng sanh kiêu mạn”.

Ở đây đại sư Ngẫu Ích trích dẫn kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm, nói rằng Phật pháp giống như biển lớn có thể dung nạp cả trăm sông, sông ngòi bốn phương đều quay về biển lớn. Đây là thí dụ, thí dụ điều gì? Bất luận là người thế gian ở tầng lớp nào, Ấn Độ trước đây có 4 giai cấp là: bà-là-môn, sát-đế-lợi, phệ-xá, thủ-đà-la, 4 tầng lớp, 4 tộc họ, bất luận người xuất gia ở tầng lớp tộc họ nào thì đều mang họ Thích, cùng một họ với Thích-ca Mâu-ni Phật. Ở Trung Quốc không phân thành 4 giai cấp, nhưng đạo lý là như nhau, bất luận bạn ở thế gian có thành tựu lớn cỡ nào, có địa vị thế nào, xuất gia rồi thì đều đối xử như nhau, “đều cùng một vị”, như trăm sông chảy vào biển cả đều cùng một vị mặn của biển, dung hòa với biển thành một thể. Người xuất gia, đây là nói tỳ-kheo, là căn cứ theo thời gian thọ giới trước sau để luận thứ bậc của họ, chứ không ở chỗ sang hèn trước khi họ xuất gia, tức là không luận thân phận tôn quý hay nghèo hèn khi ở thế tục. Người giới lập cao thì ngồi ghế trên, người giới lập thấp thì ngồi ghế dưới, người ngồi dưới phải tôn trọng người ngồi trên, người ngồi trên phải từ ái với người ngồi dưới, đôi bên đều có thể tôn kính, yêu thương bảo vệ nhau.

Ở đây nói “tứ đại hòa hợp nên giả gọi là thân”, thân thể chúng ta là do *đất nước gió lửa* giả hợp mà thành, gọi nó là thân, đây là một giả danh. “Ở trong là không tịch, vốn không có ngã”, tứ đại vốn dĩ chính là không, tứ đại đều là không, đất nước gió lửa từ đâu mà có? Căn bản là không có. Trong kinh Lăng-nghiêm nói được rất rõ ràng, tứ đại ngũ uẩn, hết thảy pháp đều là do vọng tưởng sanh ra, cho đến quốc độ hư không đều là vọng tưởng của bạn. Bởi vì có vọng tưởng nên mới biến hiện ra những cảnh giới này, cho nên thể của những thứ này ngay lúc đó chính là không. “Tứ đại vốn không, ngũ ấm chẳng có”, ngũ ấm còn gọi là ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc chính là chỉ tứ đại này, sắc chính là những thứ vật chất, là tứ đại đất nước gió lửa tổ hợp thành. Thọ tưởng hành thức đó chính là chỉ tâm pháp, tác dụng tâm lý của chúng ta, là thuộc về phương diện tinh thần, nó cũng là giả, bởi vì tâm này là tâm vọng tưởng, nó sanh diệt trong từng sát-na, căn bản không có cách gì để nắm giữ nó, cho nên tất cả thọ tưởng hành thức mà nó sanh ra đều là sanh diệt trong từng sát-na,

thể ngay lúc này chính là không, trọn chẳng thể được, cho nên ngũ uẩn đều gọi là pháp hữu vi, pháp hữu vi chính là pháp có sanh có diệt. Trong kinh Kim Cang nói với chúng ta: “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như chớp, nên quán sát như thế”. Hết thấy pháp hữu vi này, ngũ uẩn giống như là khái quát vậy. Ngũ uẩn là một loại pháp khái quát, nếu triển khai ra thì biến thành 6 căn, 6 thức, 6 trần, đây gọi là 18 giới. 12 xứ, 18 giới, 6 căn cộng thêm 6 trần thì chính là 12 xứ, lại cộng thêm 6 thức nữa thì chính là 18 giới. 18 giới này chính là do hai pháp sắc và tâm triển khai ra.

Kinh Lăng-nghiêm còn nói đến 7 đại, nó cũng là khái quát của hết thấy pháp, toàn bộ là pháp hữu vi, như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, đều không chân thật, đều là giả. Như sương, như chớp, sương rất ngắn tạm, mặt trời xuất hiện là nước liền khô. Như chớp là sanh diệt trong từng sát-na, chúng ta phải quán sát như thế, cho nên “ở trong không tịch, vốn không có ngã”, thể của hết thấy pháp chính là không, chính là tịch diệt, căn bản không có sanh ra, vốn dĩ không sanh thì làm gì có diệt? Cho nên, sanh diệt hoàn toàn chính là một loại hiện tượng hư huyễn, hư vọng, chính là tác dụng vọng tưởng của bạn, vốn dĩ không có ta, vậy bạn ngạo mạn cái gì nữa? Cho nên, bạn bị xếp ở sau cùng cũng đừng cảm thấy kém một bậc. Dù trước đây tôi là một ông chủ lớn địa vị rất cao, vậy tôi vừa xuất gia, xuất gia làm sa-di thì sẽ xếp ở sau cùng, vừa thọ giới thì sẽ xếp ở hàng tỳ-kheo sau cùng. Đây chính là đoạn ngã mạn của mình, tôn kính giới pháp. “Nên nghĩ nhớ thánh pháp, đừng sanh kiêu mạn”, chúng ta nên cố gắng tư duy giới pháp mà thánh nhân Phật-đà đã chế định. Oai nghi này là thuộc về giới pháp, không được sanh khởi tâm ngạo mạn. Ở đây có hai hàng chữ nhỏ nói rằng:

“Thể của tỳ-kheo là tăng bảo cho nên tính theo giới lạc. Sa-di chưa dự vào dòng tăng cho nên tính theo năm sinh, dù sa-di trăm tuổi cũng phải cung kính tỳ-kheo mới thọ giới”.

Đây là nói đến luân lý trong cửa Phật, điều này rất quan trọng. Giới thể mà tỳ-kheo đạt được là từ chỗ 10 vị thầy, từ chỗ 10 vị thầy tỳ-kheo bạch tứ yết-ma mà đắc giới, cho nên thể là thuộc về tăng bảo, đây là tính theo giới lạc thọ giới. Sau khi thọ giới, qua mỗi một năm sẽ tăng thêm một lạc. Đương nhiên trong này có tăng lạc, có hạ lạc. Tăng lạc là bất luận bạn có an cư kiết hạ hay không, tính từ khi bạn bắt đầu thọ giới. Chúng ta ở nơi đây đều sắp xếp theo tăng lạc, xem bạn thọ giới khi nào thì sẽ bắt đầu sắp xếp. Hạ lạc là nói bạn an cư kiết hạ, không phá hạ, đây mới gọi là một

hạ lạc. Như bản thân tôi đã thọ giới, năm đầu tiên không học giới, cũng không kiết hạ, cho nên năm đó không có hạ lạc, sau này đến tinh xá Chánh Giác thì 3 năm đều kiết hạ, hiện nay mỗi năm đều kiết hạ, vậy thì có hạ lạc rồi. Có thể có người xuất gia thọ giới 20 năm cũng chưa từng kiết hạ, nhưng bạn không thể xếp họ ở sau cùng được, không được xếp theo hạ lạc, mà xếp theo tăng lạc, như vậy sẽ tương đối thống nhất. Bởi vì điều thứ 38 của giới khinh trong giới Bồ-tát nói rằng: “Phật tử phải sắp xếp thứ tự ngồi như pháp, người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau, không hỏi già trẻ”. Đây là nói cái gì? Căn cứ theo tăng lạc thọ giới để sắp xếp. Nếu là sa-di, nếu đều đã thọ giới Bồ-tát rồi thì cũng căn cứ theo tuổi để sắp xếp, nhưng nếu là cư sĩ tại gia đều đã thọ giới Bồ-tát rồi vậy thì dùng giới lạc Bồ-tát để sắp xếp.

Giới Bồ-tát không thể vượt qua giới pháp Thanh văn, cho nên tỳ-kheo dù chưa thọ giới Bồ-tát nhưng giới lạc tỳ-kheo của họ cao thì xếp họ ở phía trước, không thể nói tôi đã thọ giới Bồ-tát từ rất lâu rồi, giới Bồ-tát của tôi cao hơn bạn nên tôi phải xếp trước bạn, không được, giới Bồ-tát không được làm loạn pháp tỳ-kheo, không được làm loạn pháp Thanh văn. Sa-di bởi vì họ chưa đắc giới cụ túc, chưa dự vào dòng tăng, cho nên ở đây không tính theo giới lạc của họ, mà chỉ tính theo năm sinh của họ; cho nên dù sa-di 100 tuổi, nhưng do họ chưa có giới tỳ-kheo, cho nên đối với tỳ-kheo mới thọ giới, có thể tỳ-kheo chỉ có 20 tuổi vừa xuống giới đàn thì cũng phải cung kính. Tỳ-kheo mới thọ giới này cũng thuộc vào vị trí sư trưởng, sa-di 100 tuổi này vẫn thuộc vào vị trí đệ tử. Sự cung kính bậc trên, cung kính sư trưởng này trong cửa Phật nhất định phải nghiêm túc xem trọng, điều này khiến cửa Phật có thể hòa hợp, gia hòa vạn sự hưng, Phật pháp liền có thể hưng thịnh.

Bạn xem trong giới sa-di, chương thứ nhất trong môn oai nghi chính là nói kính đại sa-môn, chính là nói luân lý trong cửa Phật. Trong giới Bồ-tát cũng vậy, bạn xem giới Phạm Võng Bồ-tát nói hết 10 giới trọng rồi thì nói đến tội khinh cầu, 48 giới trong giới khinh này, giới đầu tiên cũng nói đến luân lý của Phật này là giới bất kính với thầy bạn, giới này nói rằng: “*Phật tử đã đắc giới rồi phải sanh tâm hiếu thuận, tâm cung kính, nhìn thấy bậc thượng tọa, hòa thượng, a-xà-lê, đại đức, đồng học, đồng kiến, đồng hành thì phải đứng dậy tiếp đón lễ bái cúi chào, nếu ngược lại Bồ-tát sanh tâm kiêu, tâm mạn, tâm si, tâm sân, không đứng dậy tiếp đón lễ bái, mọi việc không y như pháp cúng dường thì phạm tội khinh cầu*”. Điều này cũng nói đến tôn kính đại đức, đồng học, thượng tọa, hòa thượng, a-xà-lê. Thượng tọa ở đây cũng

bao gồm những người có giới lập cao, tỳ-kheo có giới lập cao thì gọi là thượng tọa, cũng bao gồm những người có phước đức lớn, ví dụ họ là một lãnh đạo, họ là người lãnh đạo một tăng đoàn, hoặc lãnh đạo một đoàn thể thế gian, đây là phước đức thượng tọa. Hòa thượng, a-xà-lê chính là sư trưởng của chúng ta. Hòa thượng là chỉ hòa thượng truyền giới pháp cho chúng ta, đương nhiên a-xà-lê cũng có a-xà-lê truyền giới, cũng có a-xà-lê truyền pháp, truyền kinh pháp cho chúng ta, truyền pháp môn cho chúng ta, cũng có a-xà-lê y chỉ, chúng ta y chỉ theo họ học giới, học kinh giáo. A-xà-lê chính là thầy mô phạm của chúng ta, hòa thượng là thầy đích thân dạy dỗ chúng ta. Trong một đạo tràng, hòa thượng là chỉ hòa thượng trụ trì. Như chùa Giác Nguyên nơi đây của chúng ta chính là đại hòa thượng thượng Diệu hạ Trí. Họ giống như hiệu trưởng một trường học vậy, a-xà-lê là phụ trách dạy dỗ, như thủ tọa, đương nhiên thủ tọa cũng có thể gọi là hòa thượng thủ tọa, kỳ thực họ giống như giáo vụ trưởng trong trường học vậy, chuyên môn của họ chính là dạy học. Còn có đại đức, đồng học, người có đức hạnh cao. Đồng học là cùng học một pháp môn với chúng ta. Đồng kiến, người cùng một kiến giải, chúng ta đều tán đồng trì giới niệm Phật thì sẽ đi cùng nhau. Còn có đồng hành, chúng ta đều cùng tu hành pháp môn này. Đối với những thầy bạn này, chúng ta đều phải đứng dậy tiếp đón lễ bái cúi chào. Đây chính là nói cung kính, luân lý Phật môn này chúng ta nhất định phải nghiêm túc tuân theo. Được rồi, môn thứ nhất môn kính đại sa-môn đã giảng xong rồi. Tiếp theo môn thứ hai:

“**Hầu thầy**”, chính là phụng sự sư trưởng, sư trưởng đối với việc tu hành của chúng ta đóng vai trò rất quan trọng. Trong Thái Bình Ngự Lãm nói: *“Thầy là nền tảng khai sáng mê tối, người học có thầy cũng như cây có rễ vậy”*. Sư trưởng là nền tảng khai sáng sự mê mờ của chúng ta, chúng ta có thể vào cửa Phật thì phải dựa vào sư trưởng dẫn dắt, cho nên người học chúng ta, người học Phật, người tu học có sư trưởng cũng như cây có rễ vậy, họ có thể lớn mạnh trưởng thành. Nếu không có rễ thì nhất định sẽ khô héo, cho nên sư trưởng lấy việc dẫn dắt hậu học làm trách nhiệm của mình. Giữa bạn bè chính là mài giũa khuyết điểm cho nhau, cho nên thầy và bạn đối với việc tu hành của chúng ta đều rất quan trọng. Thầy giảng bài cho chúng ta, dạy dỗ chúng ta, nhưng không nhất định phải thường ở cùng chúng ta. Bạn chính là bạn đạo, sinh hoạt thường ngày mọi người ở cùng nhau, cần mài giũa khuyết điểm cho nhau, tức là khích lệ lẫn nhau, khuyên can lẫn nhau, đôi bên đều giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, cho nên bậc pháp khí thể xuất thế gian toàn bộ dựa vào thầy bạn, có thể thành tựu một pháp khí hay không thì toàn bộ dựa vào sư trưởng, thầy tốt bạn hiền,

cho nên cần kính trọng, cần phải hết sức kính trọng. Nếu giữ tâm ngạo mạn thì phước tuệ đời này đều sẽ tiêu hao hết, cho nên điều này quả thực phải gắng sức nhắc nhở khuyên răn.

Trong Đại Trí Độ Luận kể cho chúng ta một câu chuyện của Bồ-tát Thường Đề. Bồ-tát Thường Đề này vì cầu trí tuệ bát-nhã, ngài muốn cúng dường một vị thầy thuyết pháp, ngài luôn muốn dùng tài vật đi cúng dường. Bởi vì cúng dường thì không thể không có tài vật, nhưng bản thân ngài cũng không có tiền bạc gì, làm sao đây? Ngài liền đi ở bên đường rao bán: “Ai muốn mua người không? Tôi sẽ bán cho người ấy”. Muốn bán mình đi, đổi lấy tiền tài để cúng dường thầy thuyết pháp, kết quả rao cả nửa ngày cũng không ai mua, lúc này cảm động được trời Đế Thích ở trên trời, thiên nhân liền xuống biến thành một vị bà-la-môn nói với ngài, thăm dò ngài: “Tôi cần tim, tôi cần gan, tôi cần máu, ông có thể bán cho tôi không?” Kết quả Bồ-tát Thường Đề này nghe xong, cuối cùng có người đến mua rồi, nên rất vui, nhanh chóng dùng dao đem thân thể mình mổ ra, móc tim gan ra. Kết quả có một cô gái rất có thiện căn, cô ở trên lầu nghe thấy Bồ-tát Thường Đề bán thân liền nhanh chóng đi xuống hỏi Bồ-tát Thường Đề rằng: “Vì sao ông muốn làm như vậy?” Ngài liền trả lời rằng: “Tôi vì cầu bát-nhã, nhưng không có vật cúng dường, cho nên chỉ đành dùng phương pháp bán thân này, lấy tài vật đi cúng dường thầy thuyết pháp để cầu được bát-nhã, tương lai có thể rộng độ chúng sanh, để thành tựu Phật đạo vô thượng”. Cô gái này nghe xong thì vô cùng cảm động, than rằng hiếm có, liền nói với ngài rằng: “Ông không cần lo về những thứ này, ông cần tài vật gì thì tôi có thể xin cha mẹ tôi cúng dường cho ông”. Vậy là cô liền dẫn Bồ-tát Thường Đề về nhà cô báo cáo với cha mẹ cô, cha mẹ cô cũng vô cùng tán thán, nói rằng: “Được, tất cả những thứ ông cần tôi đều có thể cho ông”. Cô gái này còn đem theo rất nhiều thị nữ, đánh 500 chiếc xe chở lễ vật để cầu pháp. Đây là câu chuyện của Bồ-tát Thường Đề cầu pháp được nói trong Đại Trí Độ Luận, có thể nói là không tiếc sanh mạng, tâm cầu pháp, cúng dường đối với thiện tri thức vô cùng khẩn thiết. Đương nhiên sẽ đạt được lợi ích rất lớn.

Trong quá khứ, Thế Tôn khi hành Bồ-tát đạo cũng có lần gặp một la-sát nói với ngài nửa bài kệ: “Các hành vô thường, là pháp sanh diệt”. Kết quả Bồ-tát sau khi nghe xong liền có khai ngộ, nhưng bài kệ này dường như chưa hết, chỉ nói một nửa, ngài muốn nghe tiếp phần sau, liền khẩn cầu la-sát này rằng: “Có thể nói cho tôi nghe nửa bài kệ sau được không?” La-sát liền nói: “Ta rất đói bụng, ta cần máu thịt tươi

của con người, nếu người chịu xả thân cho ta thì ta sẽ nói cho người nửa bài kệ phía sau ấy, nếu không ta hết khí lực để nói rồi”. Cho nên, Bồ-tát liền nói: “Được, mời ông nói tiếp, tôi sẽ xả thân tôi cho ông”. Cho nên bạn xem, Thế Tôn có thể vì nửa bài kệ mà xả hết thân mạng. Vậy là la-sát liền nói cho ngài nửa sau bài kệ: “Sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui”. Nửa bài phía trước nói: “Các hành vô thường, là pháp sanh diệt”, chính là pháp hữu vi, hết thấy pháp hữu vi đều là sanh diệt, đã là sanh diệt thì giống như mộng như huyễn, như bọt như bóng, như sương như chớp, không thể có được. Điều này khiến chúng ta chán lìa pháp hữu vi, chán lìa tức là buông bỏ. “Sanh diệt diệt rồi”, buông bỏ pháp hữu vi này rồi thì pháp sanh diệt liền bị diệt mất, tịch diệt liền hiện tiền. Tịch diệt hiện tiền rồi thì sẽ đạt được đại lạc, đây là Niết-bàn đại lạc.

Như Bồ-tát Quán Thế Âm khi tu nhĩ căn viên thông đạt đến viên mãn, “sanh diệt diệt rồi, tịch diệt hiện tiền”, đột nhiên vượt khỏi thế xuất thế gian, đạt được hai thứ thù thắng, đạt được hai loại thù thắng: một là trên hợp với mười phương chư Phật, cùng một từ lực với mười phương chư Phật, cùng một đại lực từ bi với mười phương chư Phật, dưới hợp với hết thấy chúng sanh lục đạo, cùng hết thấy chúng sanh đồng một tâm từ bi kính ngưỡng. Cùng một pháp thân với chư Phật, đồng thể với hết thấy chúng sanh, như thế có thể rộng độ hết thấy chúng sanh. Đây chính là niềm vui lớn của Phật. Cho nên, có thể giống như Bồ-tát cầu pháp không tiếc sanh mạng. Trên thực tế, pháp không phải có được từ bên ngoài, mà chính là từ trong tâm chí thành cung kính của bạn, bạn liền đạt được, liền khai hiển pháp bảo trong tự tánh của chính bạn. Phật nói với chúng ta: viên mãn Bồ-đề, đều là rốt cuộc không có gì đạt được. Hơn nữa, viên mãn Bồ-đề là phải dựa vào sự chí thành cung kính của bạn mới có thể cầu được, chí thành cung kính chính là tánh đức, nó có thể khai mở tự tánh của chính mình. Nếu khinh thường sư trưởng thì nhất định sẽ khinh thường pháp, có thể tôn sư thì mới trọng đạo được. Không tôn sư thì bạn chắc chắn sẽ không trọng đạo, không trọng đạo thì làm sao bạn có thể đắc đạo?

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Phàm phu không có trí tuệ, chấp trước vào ta và chấp trước cái thấy của ta, kiêu mạn cống cao, không hổ thẹn về việc không có trí tuệ, ngông cuồng tự đại, thấy thiện không học, không nghe lời dạy bảo, không thân cận người hiền, cho nên cách xa với đạo”. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, kẻ phàm phu không có trí tuệ, đều chấp trước một cái ta, ta không thể cúi đầu xuống được, ta rất muốn thể diện, không thể bỏ đi thể diện, những ngã chấp, ngã kiến này vô cùng

nghiêm trọng, cho nên có tâm công cao ngã mạn vô cùng mạnh mẽ. Không thể vì bản thân không có trí tuệ mà cảm thấy hổ thẹn, kỳ thực công cao ngã mạn chính là vì không có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định sẽ khiêm tốn, nhất định là vô ngã, trí tuệ vô ngã mới là trí tuệ chân thật, điều này không giống như thế trí biện thông của thế gian, họ không buông được cái tôi, tức là không có trí tuệ, nhưng không biết sanh tâm hổ thẹn, mà lại ngông cuồng tự đại, nhìn thấy người ta hành thiện, tu hành rất dụng công nhưng họ không thể học theo, không thể học tập thiện pháp của người, cũng không chịu tiếp nhận giáo huấn của thiện tri thức. “Võng thọ” nghĩa là không chịu tiếp nhận, đối với người hiền đức lại không thể cố gắng thân cận, thậm chí còn tránh xa, đây đều là do vì ngã chấp, ngã mạn, cho nên cách xa với đạo. Điều này cách rất xa với đạo Phật.

Phải biết đi theo thiện tri thức học tập, chúng ta là ở thế giới Ta-bà, không phải ở thế giới Cực Lạc nên đương nhiên sẽ có đủ loại khổ nghiệm. Ở thế giới Cực Lạc, hằng ngày bạn có thể theo A-di-đà Phật, tuyệt đối không có chướng ngại gì, không có nghiệp chướng. Nhưng ở thế giới Ta-bà, bạn muốn học tốt thì chướng ngại trùng trùng, nếu bạn không nhẫn, không thể khắc phục chướng ngại thì bạn rất khó theo thiện tri thức, chướng ngại rất nhiều. Ví dụ hoàn cảnh là chướng ngại, nếu bạn không nhẫn chịu được hoàn cảnh này, cảm thấy điều kiện cuộc sống ở đây cũng rất kém, khí hậu cũng không tốt, vậy bạn không cách gì theo được, bạn không chịu được thì liền rời bỏ, hoặc bạn không nhẫn chịu được hoàn cảnh nhân sự, luôn cảm thấy không thể hòa hợp với người ở đây, đôi bên có mâu thuẫn, có đối lập, tìm điểm tốt xấu của nhau, vậy thì bạn cũng không thể ở đây được. Còn có một loại chướng ngại, chính là phiền não của bản thân hiện hành, hoặc thân thể không khỏe, sắc thọ tướng hành thức, ngũ ấm hừng hực. Sắc chính là sắc thân, sắc thân không khỏe, thọ tướng hành thức chính là trong tâm bạn đột nhiên khởi phiền não, thậm chí khởi lên ác kiến, khởi oán hận đủ loại, vậy thì chắc chắn bạn cũng không ở được, toàn bộ những điều này là nghiệp chướng của chúng ta, nếu bản thân không nhìn thấu, không nhẫn được thì quả thực rất khó đạt được lợi ích của pháp, mà điều quan trọng nhất vẫn là tâm kính thuận thiện tri thức.

Trong luật điển, yêu cầu đệ tử phải có đầy đủ bốn loại tâm thái đối với sư trưởng:

Thứ nhất là thân ái, đối với sư trưởng phải có sự thân ái, kính yêu như cha mẹ ruột mình vậy.

Thứ hai là kính thuận, thân ái là chỉ tâm yêu thương, tâm yêu thương giống như yêu thương cha mẹ vậy, yêu thương sư trưởng giống như yêu thương thân thể mình. Kính chính là cung kính, yêu mà không kính thì sẽ thờ ơ ngạo mạn. Kính thì nhất định phải thuận, thuận theo tâm ý của sư trưởng, bản thân không được chấp trước ý của mình, luôn theo ý mình, mà phải tuân thủ theo quy củ của sư trưởng.

Thứ ba là kính sợ, tức là kính trọng, kính sợ sư trưởng, không dám khinh nhờn, bản thân phạm lỗi thì rất hổ thẹn, cảm thấy có lỗi với sư trưởng, phải có tâm kính sợ này. Thứ tư là tôn trọng, mỗi một lời nói hành động của sư trưởng đều tiếp nhận giống như thánh chỉ vậy, phụng hành rất nghiêm túc, hơn nữa phải cố gắng phụng dưỡng, phụng sự sư trưởng, tâm thái như vậy đối với sư trưởng mới đầy đủ tướng của người đệ tử.

Đại sư Ấn Quang nói: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”, bản thân đạt được lợi ích là lớn nhất. Cho nên, chúng ta nên cố gắng học môn hầu thầy này.

Bây giờ đã hết thời gian rồi, ngày mai sẽ học tiếp phần kinh văn, tốt rồi, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 23

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 27/7/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mở sách, mở đến môn thứ hai trong môn oai nghi là “hầu thầy”. Trong môn oai nghi thì nội dung chương này là dài nhất, tổng cộng có 30 điều. Vì sao đại sư Ngẫu Ích biên soạn nội dung môn này tường tận như vậy? Chương này giống với [một chương] trong Luật Tứ Phần Hành Sự Sao, bộ đầu tiên trong Nam Sơn Tam Đại Bộ của luật tổ Đạo Tuyên, có riêng một chương, trong 30 chương đặc biệt dùng độ dài của một chương, là “chương thứ chín: chương sư tư tương nhiếp”, cũng có dụng ý như vậy. Bởi vì Phật pháp là sư đạo, là giáo dục, trong giáo dục thầy trò, cũng tức là giữa thầy và trò nhiếp thọ lẫn nhau, đôi bên hòa hợp thành một thể, đây là mấu chốt để truyền thừa đạo pháp. Do đó, người làm đệ tử thật sự muốn thành tựu trong Phật pháp thì nhất định phải tôn sư trọng đạo, cho nên phải học tập làm sao để phụng sự sư trưởng. Bởi vì tôn sư trọng đạo không phải là một câu nói trên cửa miệng, mà cần phải áp dụng trong các hành vi thường ngày. Nếu chúng ta không biết hầu thầy thế nào thì không cách gì ngấm khế hợp với sư trưởng được, gọi là thầy trò hợp đạo. Không có sự ngấm khế hợp này thì đạo đó không cách gì truyền thừa được. Cho nên, đối với đệ tử học pháp mà nói thì nhất định phải chăm chỉ học môn hầu thầy này. Điều này không chỉ sa-di phải học, mà ngay đến tỳ-kheo cũng phải học, nếu không thì tại sao luật tổ Đạo Tuyên phải đặc biệt dùng nguyên cả một chương trong Hành Sự Sao để chuyên nói về “sư tư tương nhiếp”. Đây là một nội dung quan trọng của trì giới.

Bởi vì cái gọi là giới, trong kinh Phạm Võng nói rất rõ ràng: “hiếu gọi là giới”. Thế nào gọi là hiếu? Chính là hiếu thuận cha mẹ, sư tăng, tam bảo. Ở nhà có thể hiếu thuận cha mẹ, làm sao để tận hiếu? Bạn phải làm được Đệ Tử Quy mới gọi là tận hiếu, không phải nói bản thân tôi cảm thấy có tâm hiếu là được rồi, nhưng mỗi điều trong Đệ Tử Quy đều không làm thì đó là giả, hữu danh vô thực. Vào trong cửa Phật, đặc biệt xuất gia rồi thì phải hiếu dưỡng sư tăng, tam bảo. Sư tăng là chuyên chỉ hòa thượng, a-xà-lê truyền pháp, truyền giới cho chúng ta. Bởi vì phía sau nói đến tam bảo, trong tam bảo cũng có tăng bảo. Tăng bảo chính là nói đại sa-môn, chính là môn đầu tiên nói “kính đại sa-môn” trong môn oai nghi. Đây là hiếu dưỡng tam bảo. Hiếu dưỡng Phật bảo là đối với tượng Phật trụ trì, chúng ta phải hết mực cung kính, không được [có thái độ] tùy tiện ở trước Phật, ở trước tượng Phật phải giống như Phật thật ở trước mặt chúng ta vậy, đối với pháp bảo cũng phải cung kính. Nếu tay bẩn thì phải rửa sạch sẽ mới được sờ vào pháp bảo. Cung kính đối với tăng bảo chính là điều được nói trong môn “kính đại sa-môn” ở phía trước. Cho nên sư tăng, tam bảo, sư tăng này có khác với tăng bảo trong tam bảo, là chuyên chỉ thân giáo sư, thầy mô phạm dạy dỗ, truyền pháp, truyền giới cho chúng ta. Ở đây nói “hầu thầy” tức là đặc biệt nói cung kính, phụng sự đối với thân giáo sư, thầy mô phạm, thầy dạy dỗ chúng ta.

Dương nhiên những nội dung này thông với pháp thể xuất thế gian, phù hợp trong cửa Phật, mà cũng phù hợp với thế gian. Khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người thời xưa, như đệ tử Khổng môn cũng biết phụng sự sư trưởng như thế nào. Đệ Tử Quy bao gồm cả việc phụng sự sư trưởng, cho nên vì sao gọi là Đệ Tử Quy mà không gọi là “Nhân Tử Quy”, đệ tử chính là học trò, là nói đệ tử Khổng môn, đệ tử Khổng môn phải học hiếu thân tôn sư. “Nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ”, đạo lễ chính là sự mở rộng của đạo hiếu, bao gồm cả tôn kính trưởng bối, tôn kính sư trưởng, dùng tâm hiếu thuận cha mẹ để hiếu thuận sư trưởng, đây gọi là hiếu lễ. Dương nhiên cũng bao gồm kính thuận với cả bậc đàn anh, đồng học lớn tuổi của chúng ta, *“anh em thuận, hiếu trong đó”*. Ở nhà anh em hòa thuận thì chính là hiếu kính đối với cha mẹ. Trong đạo tràng, đồng tu đạo hữu hòa thuận chính là hiếu kính đối với sư trưởng, bất hòa thì chính là bất hiếu, bạn không hòa hợp được với đoàn thể này, với người đều khởi mâu thuẫn, xung đột, đối lập, bạn nói bạn tận hiếu thì đó là giả. Cho nên, Đệ Tử Quy và môn oai nghi của sa-di cùng tham khảo lẫn nhau để

học tập là điều vô cùng cần thiết. Đây là một nội dung quan trọng trong việc học tập giới luật của chúng ta. Tương lai sau này chúng tôi cũng sẽ giảng đến Tam Đại Bộ, giảng đến “chương thứ chín: chương sư tư tương nhiếp” trong Hành Sự Sao, cũng sẽ giảng đến. Đó là chuyên dành cho tỳ-kheo, tỳ-kheo phải phụng sự những sư trưởng như hòa thượng, a-xà-lê của họ như thế nào.

Chúng ta xem điều thứ nhất:

“Phải dậy sớm, muốn vào phòng thầy, trước tiên phải búng tay ba lần”.

Dậy sớm đối với một người tu hành mà nói là điều vô cùng cần thiết. Chẳng những người tu đạo chúng ta vì liễu sanh tử, thành Phật đạo phải dũng mãnh tinh tấn, trân quý thọ mạng, mà ngay đến người thế gian, người có chí khí, có chí tiến thủ đều sẽ kiên trì dậy sớm. Trước đây, tiên sinh Tăng Quốc Phiên triều nhà Thanh đặc biệt nhấn mạnh con cháu trong gia tộc phải dậy sớm, nếu con cháu trong gia tộc dậy trễ, dậy trễ chính là dậy muộn, trời sáng rồi mà vẫn chưa dậy thì đây là tướng gia đình suy bại; ngược lại mà nói, dậy sớm chính là tướng gia đình hưng vượng. Người xuất gia chúng ta nếu không thể dậy sớm thì làm sao có thể hưng thịnh Phật pháp cho được? Hành nghi của chúng ta sao còn có thể khiến đại chúng sanh khởi tâm cung kính được?

Trong Chu Tử Trị Gia Cách Ngôn nói: *“Hừng sáng liền thức dậy, vẩy nước quét sân thêm, trong ngoài phải gọn sạch; đêm đến khi đi ngủ, việc đóng khóa cửa nhà, phải tự mình kiểm tra”*. Đây là hai điều đầu tiên trong việc trị gia. Thứ nhất là phải dậy sớm, thức dậy phải vẩy nước quét dọn sân thêm, trong và ngoài nhà đều quét dọn sạch sẽ. Đạo tràng chúng ta thức dậy, lên khóa sáng, dùng trai xong thì phải đi chấp tác, quét dọn vệ sinh, nhà cửa đều có thể sạch sẽ thì nhà này có tướng nề nếp ngăn nắp. Đạo tràng sạch sẽ mới thể hiện ra sự thanh tịnh trang nghiêm. Nếu nhà cửa của chúng ta, tức là phòng ở, liêu phòng nếu không sạch sẽ, đều lộn xộn thì chứng tỏ tâm chúng ta chính là lộn xộn, không sạch sẽ, bởi vì cảnh chuyển theo tâm, bạn có tâm này thì nhất định có cái cảnh này. Cảnh giới của bạn là tạp loạn, dơ bẩn thì chứng tỏ tâm của bạn là tạp loạn, dơ bẩn. Bản thân bạn cũng không cách nào khiến mình thanh tịnh, trang nghiêm thì bạn làm sao có thể độ chúng sanh được? Như người xưa nói: “Nhà cửa còn không quét, làm sao quét thiên hạ”. Ngay cả căn phòng của bạn cũng không quét dọn, rất nhiều bụi bặm, rất bẩn, rất tạp loạn, bạn nói bạn có thể đi bình thiên hạ, trị quốc bình thiên hạ đó là giả.

Một người có thể thành tựu hay không, thường thì có thể nhìn ra được từ những việc nhỏ nhất trong cuộc sống của họ. Những việc nhỏ nhất này đều phải dưỡng thành từ nhỏ. Nếu khi nhỏ chúng ta không xây tốt nền tảng, vậy xuất gia rồi thì phải nhanh chóng bỏ tức khóa học này, phải nghiêm túc mà học, hết lòng mà làm, phải cẩn thận tỉ mỉ, không được qua loa cầu thả. Bạn nghĩ xem, bạn tu hành hy vọng đạt được tâm thanh tịnh, bạn bước vào liêu phòng của mình, vừa nhìn thì thấy khắp nơi bừa bộn, một bãi lộn xộn, vậy tâm thanh tịnh của bạn từ đâu mà có? Sách trên bàn lộn xộn một đống, quần áo chất đống ở đó cũng không xếp, cũng không biết bao nhiêu ngày rồi, tất vớ vứt lung tung, như vậy chẳng những đời này không đạt được tâm thanh tịnh, mà tương lai đạo đường ác thì đều đầu thai vào trong thân thể các loài động vật sống dơ bẩn như chó, heo. Đây đều là đồng loại thì cảm ứng lẫn nhau, do đó cần phải dậy sớm.

Đệ Tử Quy cũng nói “*sáng dậy sớm, tối ngủ trễ, già mau tới, quý thời gian*”. Một người buổi sáng dậy sớm thì đầu óc sẽ tỉnh táo, không hỗn loạn. Buổi sáng chúng ta đều lên khóa sáng, kỳ thực thời gian đánh bản đều không sớm, đánh bản lúc 4h25’. Thời gian này so với tông lâm thông thường thời xưa muộn hơn một tiếng, 5h lên chánh điện, muộn nhất là nghe thấy tiếng đánh bản thì nhất định phải dậy. Kỳ thực nên dậy sớm hơn lúc đánh bản, bạn muốn dụng công, buổi sáng thức dậy chính là lúc dụng công, lúc đó an tĩnh nhất. Bạn muốn học thuộc giới cũng được, muốn niệm Phật cũng được, đây đều là thời gian tốt nhất, đầu óc tỉnh táo nhất, hơn nữa dậy sớm có thể thông thả ung dung. Nếu nghe thấy tiếng bản vẫn không dậy, tiếng chuông đã gõ đến hồi thứ ba, bắt đầu đánh trống rồi, lúc này bạn mới bật dậy như cá chép vượt long môn, vậy thì lúc đó sẽ bấn loạn lên, y phục chần chẫn mặc xộc xệch, thậm chí có thể không tìm thấy áo cà-sa ở đâu, khi mở cửa thì nhất định dùng lực rất mạnh, mở cửa “rầm” một cái, sau đó lại đóng cửa “rầm” một cái, rồi chạy lên đại điện. Bạn xem, bạn vừa dậy muộn là toàn bộ đều loạn lên, cho nên “oai nghi điềm đạm trang nghiêm” thì trước hết phải dậy sớm, “bất cứ việc gì cần phải chuẩn bị trước thì mới thành công”, bạn chuẩn bị sớm một chút thì tự nhiên bạn sẽ không vội vàng.

Ở đây nói “muốn vào phòng thầy, trước tiên phải búng tay ba lần”. Thông thường như đạo tràng chúng ta, buổi sáng sau khi thức dậy thì sẽ lên khóa sớm, thời khóa sáng một giờ đồng hồ. Tương đối mà nói thì thời gian này đã hơi muộn rồi. Theo đạo lý mà nói, Phật nói với chúng ta phải ngủ lúc giữa đêm, 6h chiều đến 10h là thuộc về đầu đêm, lúc này không thể ngủ. Thời gian ngủ là giữa đêm 10h đến 2h

sáng, ngủ 4 tiếng, sau 2h thì có thể dậy. Bạn cảm thấy thật sự không đề khởi được tinh thần thì nhiều nhất là ngủ thêm một tiếng nữa, 3h cũng nên dậy rồi, không được nữa thì 4h cũng phải dậy rồi. Như thế là đã thấp hơn so với tiêu chuẩn của người xưa.

Trước đây, đệ tử phải dậy sớm hơn sư trưởng một chút, vì sao vậy? Bởi vì phải phụng sự sư trưởng, do trước đây trong phòng không có nhà vệ sinh, phải ra ngoài sân để rửa mặt súc miệng. Nếu sư trưởng tương đối lớn tuổi, thân thể đi lại không thuận tiện, bên ngoài trời lại tối đen, vậy đệ tử nên làm thế nào? Trước tiên, chuẩn bị sẵn khăn rửa mặt, đồ rửa mặt súc miệng, sau đó ước chừng khi sư trưởng sắp dậy thì gõ cửa vào phòng dâng nước và những đồ dùng để rửa mặt, súc miệng, cho nên sắp bước vào phòng sư trưởng phải búng tay ba lần trước. Từ đây có thể thấy, sư trưởng không ngủ cùng phòng với các đệ tử. Trong giới tỳ-kheo cũng nói tỳ-kheo không được ở cùng người chưa thọ giới cụ túc ba đêm, có duyên sự có thể ở cùng một đêm, hai đêm, đến đêm thứ ba nhiều nhất là trước khi mình tương đương ngày thứ ba chưa xuất hiện thì phải rời khỏi. Nếu mình tương đương xuất hiện thì tỳ-kheo đó sẽ phạm giới, phạm ở chương thứ ba, cho nên các đệ tử không ở cùng một phòng với sư trưởng chủ yếu chính là sẽ không dẫn đến việc lâu ngày sinh ngạo mạn. Mọi người ở cùng nhau lâu ngày, sinh hoạt thường ngày đều ở cùng nhau, dần dần sẽ không có tâm cung kính đối với sư trưởng nữa. Đây là một cách bảo hộ tâm cung kính của đệ tử. Việc này đối với tỳ-kheo cũng là một loại cung kính, bảo hộ tâm cung kính của sa-di.

Sa-di chuẩn bị sẵn những đồ dùng này, sắp bước vào phòng sư trưởng phải búng ngón tay ba lần trước, hoặc gõ cửa ba tiếng cũng được. Vì sao phải búng ngón tay ba lần trước, hoặc gõ cửa nhẹ ba tiếng như vậy? Bởi vì không biết sư trưởng ở trong có tiện hay không. Nếu bạn căn bản đều không thông báo trước cho sư trưởng mà trực tiếp mở cửa đi vào, có thể sư trưởng đang thay y phục liền bị bạn đứng lúc nhìn thấy, hoặc sư trưởng đang ngồi thiền, đang nhập định sắp được niệm Phật tam-muội rồi, đột nhiên bị bạn làm kinh động, công phu liền bị gián đoạn, cho nên trước tiên phải gõ cửa nhẹ hoặc búng tay ba lần, nghe xem động tịnh của sư trưởng. Thông thường sư trưởng sẽ nói: “mời vào”, lúc này bạn mới mở cửa bước vào, không được khinh suất, không được tùy tiện. Trong *Đệ Tử Quy* nói “sắp vào nhà, cất tiếng lớn” cũng là như vậy, bạn muốn vào phòng này thì bạn phải thông báo trước, đánh tiếng, gõ ba cái, hoặc bên trong không có động tịnh thì có thể gọi thêm một tiếng “sư phụ”,

bên trong vẫn không có động tĩnh thì bạn hãy rời đi, đừng cứ đứng gõ mãi, đáng vẻ như rất hồi thúc người vậy. Câu thứ hai:

“Sắp sửa đủ cảnh dương, nước rửa, dăng áo giày, gấp chăn, lau dọn giường chiếu, quét nhà, thêm nước rửa”.

“*Sắp sửa đủ*” là chuẩn bị đủ, chuẩn bị sẵn. “*Cảnh dương*” là thứ mà người xưa dùng để đánh răng, tức là nhai cảnh dương. Cảnh dương có công dụng làm sạch răng, hiện nay đều dùng kem đánh răng, bàn chải đánh răng, không dùng cách nhai cảnh dương nữa. “*Nước rửa*” tức là nước rửa mặt, rửa tay, lấy một chiếc chậu rửa mặt đựng nước rồi bung vào phòng để sư trưởng rửa mặt súc miệng. “*Dăng áo giày*”, tức là đưa y phục cho sư trưởng, và cả giày nữa. Ví dụ sư trưởng đang tọa thiền, lúc này cũng đến giờ phải lên thời khóa sáng rồi, bạn vào phòng trước tiên để sư trưởng rửa mặt súc miệng, sau khi rửa xong, bạn đưa y phục, ví dụ đưa áo hải thanh cho sư trưởng, còn cả cà-sa để sư trưởng đắp, cũng đưa giày để sư trưởng đi v.v., đây là những việc làm phụng sự sư trưởng. “*Gấp chăn*”, giúp sư trưởng gấp gọn chăn trên giường lại. “*Lau dọn giường chiếu*”, tức là lấy khăn lau những chỗ nằm, ngồi ở trên giường, nếu có bụi thì lau đi, tức là trong ngoài phải sạch sẽ. Còn có “*quét nhà*”, giúp sư trưởng quét dọn nền nhà sạch sẽ. “*Thêm nước rửa*”, nếu nước bung vào không đủ thì vẫn cần lấy thêm, “ích” nghĩa là bổ sung thêm, vậy bạn hãy nhanh chóng đi lấy thêm.

Trong Đệ Tử Quy nói: “*Phòng ốc sạch, vách tường sạch, bàn ghế sạch, bút nghiên ngay*”. Chẳng những phòng ốc của chính chúng ta đều rất sạch sẽ, mà vách tường cũng rất sạch sẽ, đừng để trên tường có rất nhiều mạng nhện, mà cũng chẳng quét dọn, vừa nhìn thì giống như căn phòng đã nhiều năm nhiều tháng không có người ở vậy. Bàn sách, bàn trà nhỏ, bàn làm việc đều phải sạch sẽ, bút, nghiên, sách vở sắp đặt đều rất gọn gàng sạch sẽ, rất đoan nghiêm, cũng phải giúp sư trưởng dọn dẹp phòng ốc như vậy. Bởi vì có khi sư trưởng tương đối bận, thời gian quét dọn tương đối ít, chúng ta là đệ tử nên chủ động giúp đỡ sư trưởng làm những việc này. Tiếp theo đoạn thứ ba:

“Thầy đi chưa về thì không được rời khỏi phòng”.

Đây là nói nếu sư trưởng có việc ra ngoài vẫn chưa quay lại, lúc này bởi vì bạn ở trong phòng thì phải ở lại đợi. Bởi vì sư trưởng chắc chắn tạm thời có việc ra ngoài, nếu chúng ta rời khỏi, phòng không có người, có thể sư trưởng không mang theo chìa khóa, sau khi bạn ra ngoài, phòng không có ai, nhờ may có người vào lấy đồ đi thì

không hay, hoặc nếu bạn khóa cửa phòng lại, sư trưởng quay về không có chìa khóa mở cửa, vậy cũng rất bất tiện. Đây chính là những việc nhỏ nhất thể hiện sự quan tâm, chăm sóc tinh tế của chúng ta đối với sư trưởng. Tiếp theo thứ 4:

“Nếu có lỗi, hòa thượng, a-xà-lê rắn dạy thì không được cãi lại”.

“Quá” chính là lỗi lầm, chúng ta là đệ tử, nếu có lỗi lầm, ở đây nói sư trưởng là hòa thượng và a-xà-lê. Hòa thượng chính là thân giáo sư của chúng ta, nghĩa là họ đích thân dạy dỗ chúng ta. Ở trong trường đại học thì giống như thầy hướng dẫn của chúng ta, ở trong trường học họ là hiệu trưởng, hoặc một vị sư trưởng đích thân chỉ dạy chúng ta. Ở trong tự viện, như hòa thượng trụ trì thì giống như hiệu trưởng vậy. Nếu hiệu trưởng dạy bảo học trò thì học trò đương nhiên phải cung kính lắng nghe. Hòa thượng còn có những ai? Hòa thượng thủ tọa, là người phụ trách giáo vụ, phụ trách xây dựng phong khí học tập, đạo phong, còn có hòa thượng truyền giới, hòa thượng truyền pháp. A-xà-lê chính là người phối hợp với hòa thượng để dạy bảo. Như khi truyền giới, giới sa-di cần hai tỳ-kheo đến truyền, một người làm hòa thượng, một người làm a-xà-lê. A-xà-lê chính là thầy mô phạm dạy bảo chúng ta những quy củ này. Truyền giới tỳ-kheo, ngoài hòa thượng đắc giới ra còn có hai vị a-xà-lê nữa, một người là a-xà-lê yết-ma, một người là a-xà-lê giáo thọ, gọi là “tam sư”, còn có “thất chứng”, bảy vị thầy chứng minh, họ gọi là a-xà-lê chứng minh. Những người này đều là sư trưởng của chúng ta, nếu họ dạy bảo, thậm chí trách mắng chúng ta thì chúng ta nên cúi đầu cung kính tiếp nhận dạy bảo, “không được cãi lại”. Cãi lại tức là không tiếp nhận những lời dạy dỗ này, hoặc bản thân xảo biện, hoặc vì bào chữa cho mình mà đùn đẩy trách nhiệm, thậm chí rất không phục, sanh tâm oán hận nói một số lời khó nghe, như thế đều là sai lầm. Đối với sự dạy dỗ của sư trưởng, chúng ta cần mang tâm hổ thẹn, tâm cảm ơn để tiếp nhận. Bởi vì sư trưởng có trách nhiệm dạy dỗ chúng ta, thấy chúng ta có lỗi lầm, sư trưởng nói thẳng, chỉ ra cho chúng ta thì mới có thể giúp chúng ta tiến bộ. Dù sư trưởng nói sai cho chúng ta thì chúng ta cũng không nên cảm thấy rất oan ức, cũng phải trong nghịch cảnh mà nhẫn được, “có lỗi mau sửa đổi, không có gắng tốt hơn”, làm sao có thể sanh tâm bất bình, thậm chí oán hận cho được? Vậy sẽ không cách gì hòa hợp với sư trưởng được, sẽ không làm được “ý hòa đồng duyệt”. Cho nên, trong tâm giữa thầy và trò hòa hợp là điều vô cùng quan trọng.

Ví dụ nói những lời thô lỗ, hủy báng sư trưởng thì sẽ tạo tội nghiệp rất nặng. Trong kinh Thiện Cung Kính nói: *“Hủy thầy, báng thầy, ghét thầy, đố kị thầy là đại*

ma trong Phật pháp, là hạt giống của địa ngục”. Giả sử chúng ta hủy báng sư trưởng, căm ghét sư trưởng, đổ kị sư trưởng. Sự hủy báng này bao gồm cả việc sư trưởng thật sự có lỗi, bạn dùng tâm sân giận nói lỗi của sư trưởng. Đương nhiên nếu sư trưởng không có lỗi này mà bạn nói lỗi của sư trưởng thì càng là hủy báng. Đối với sư trưởng có tâm oán hận, căm ghét thường là do tâm không phục, ban đầu là do bản thân ngạo mạn không thể tiếp nhận sự dạy dỗ của sư trưởng, rồi đến không phục, sau khi không phục thì sẽ có tâm lý trái nghịch, có trái nghịch thì sẽ có bất bình, sẽ có oán hận, thậm chí khởi tâm oán ghét, cho đến dùng khẩu nghiệp để hủy báng. Loại này thuộc về đại ma trong pháp, trong Phật pháp thì đây là đại ma vương, hành ma đạo, là hạt giống của địa ngục. Hiện nay, gieo hạt giống địa ngục thì tương lai nhất định thu hoạch quả báo địa ngục. Do đó, người nghịch thầy phản đạo chắc chắn đọa địa ngục, tội này ngang bằng với tội nghịch. Phạm là bất hiếu cha mẹ, bội nghịch sư trưởng thì đều là hạt giống địa ngục. Cho nên, chúng ta học Phật thì hiếu kính, tôn sư trọng đạo, hiếu kính cha mẹ, hiếu thân tôn sư là đại căn đại bản trong sự tu hành Phật pháp, bạn có thành tựu thì không thể rời khỏi nền tảng này được. Trong Đệ Tử Quy cũng nói như vậy: “cha mẹ trách, phải thừa nhận”, cha mẹ trách mắng chúng ta, chúng ta đều phải rất vui vẻ tiếp nhận, thừa nhận.

“Xem hai vị thầy ấy giống như Phật vậy”

Câu này đều ở trong điều thứ tư. “Xem” chính là đối xử, đối xử với hai vị thầy là hòa thượng, a-xà-lê, tức là thầy truyền thọ giới sa-di cho chúng ta. Đương nhiên cũng bao gồm những vị sư trưởng truyền kinh pháp cho chúng ta, chỉ dạy chúng ta tu hành, đều phải đối xử với họ giống như Phật-đà, vì sao vậy? Bởi vì Thích-ca Mâu-ni Phật đã nhập diệt rồi, Phật-đà đã không còn nữa, Phật tương lai vẫn chưa ra đời, Bồ-tát Di-lặc vẫn chưa hạ sanh thành Phật, trong giai đoạn này chủ yếu dựa vào sư trưởng truyền thừa Phật pháp, cho nên họ là người đại diện cho Phật tuyên dương hóa đạo. Họ truyền giới cho chúng ta chính là thành tựu giới thân cho chúng ta, truyền pháp cho chúng ta chính là sinh trưởng pháp thân huệ mạng của chúng ta, cho nên chúng ta cần hết sức cung kính giống như đối với Phật vậy. Bạn có tâm cung kính như thế, tất nhiên sẽ đạt được lợi ích thù thắng nhất.

Trong kinh A-Nan Vấn Sự Phật Cát Hung cũng nói như vậy, đệ tử phụng sự thầy phải giống như phụng sự Phật, nên tưởng như Phật. Trước đây trong lúc giảng bài tôi đã từng nói tâm đắc của mình. Tôi nói tôi học pháp với lão hòa thượng, đi theo lão hòa thượng hơn 10 năm, tôi nhìn lão hòa thượng giống như A-di-đà Phật

vậy, có người phê bình tôi: “Làm sao thầy có thể nói như vậy được?” Tôi nói, điều này tôi có kinh điển làm căn cứ. Bạn xem Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu, trong này nói xem thầy giống như Phật vậy. Tôi nói ở trong Phật pháp, hết thầy do tâm tạo, tôi đối với sư trưởng của tôi giống như [đối với] Phật thì tôi nhất định nhận được sự dạy bảo của Phật. Bạn xem họ thành phạm phu thì dù bạn nghe họ giảng kinh cũng chỉ là nghe một phạm phu dạy bảo mà thôi. Bạn muốn nghe Phật dạy bảo hay muốn nghe phạm phu dạy bảo? Tôi chắc chắn là muốn nghe Phật dạy bảo rồi. Hết thầy do tâm tạo, trong tâm bạn xem người ta là Phật thì tác dụng của họ đối với bạn chính là Phật, Phật gia trì cho bạn. Bạn nhìn tất cả người đều là phạm phu thì bạn sống trong cảnh giới phạm phu.

Cho nên tâm cung kính đối với sư trưởng vô cùng quan trọng, còn về việc sư trưởng có thật sự là Phật hay không, việc này đối với bạn không hề quan trọng, bạn không cần quan tâm vấn đề này. Họ có phải là Phật thật hay không, vậy thì xem bạn có phải do tâm mà hiện hay không. Hết thầy do tâm tạo, trong mắt người khác họ không phải là Phật, nhưng trong mắt bạn, bạn có thể chuyển họ thành Phật, do tâm tạo mà. Bạn phải tin tưởng, duy chỉ có tin “tâm tâm chân thực”, pháp giới này chính là một tâm này, đừng để chân tâm này của bạn bị ô nhiễm, người ta có thể nói với bạn rất nhiều lỗi lầm của sư trưởng, là đệ tử thì phải làm thế nào? Căn bản là không nghe. Nếu nghe thì bạn chắc chắn bị ô nhiễm, “họ nói dù tôi có nghe, nhưng tôi không tiếp nhận lời đồn của họ”, cũng không được, họ vừa nói như thế tức là trong a-lại-da thức của bạn bị ô nhiễm rồi. Cho nên, hề có người đến nói lỗi của sư trưởng với tôi, tôi lập tức ngăn lại: “Xin anh đừng nói nữa, tôi không muốn nghe những chuyện thị phi này!” Người xưa nói rất hay: “Người đến nói thị phi, ắt là người thị phi”. Bạn đừng đến nói thị phi với tôi, bạn ngăn họ một lần như thế thì lần sau họ sẽ không dám nói với bạn nữa. Đây chính là hiếu kính đối với sư trưởng.

Không được có chút hoài nghi nào đối với sư trưởng, cho dù người trong thiên hạ đều nói sư trưởng có lỗi, bạn đã theo họ học tập thì bạn đừng nhìn lỗi của sư trưởng, họ có lỗi hay không thì chúng ta không cần lo việc này, có thể họ là Phật-đà đến thị hiện, thị hiện kiểu nào cũng có. Kinh Hoa Nghiêm thị hiện đều có tham sân si, họ là Phật, họ là Pháp thân đại sĩ, bạn không biết bản lai diện mục của người ta, bạn ở đây dùng tâm phạm phu đoán mò, hoàn toàn sai rồi, người chịu thiệt thòi là bản thân bạn, bạn không thể đạt được lợi ích của pháp. Cho nên rất nhiều người cũng nói lỗi của lão hòa thượng, một câu tôi cũng không nghe, cũng không có tâm hiếu

kỳ, nghe xem người ta đối với sư trưởng chúng ta như thế nào, người ta nói thế nào. Tâm hiếu kỳ này chính là ô nhiễm, đừng hiếu kỳ, có gì hay mà hiếu kỳ đâu? Bạn liền sanh tâm quyết định. Đương nhiên chúng ta phải thận trọng khi lựa chọn sư trưởng, đã chọn được rồi thì cứ theo đến cùng, cuối cùng bạn có thể đạt được chân truyền của sư trưởng. Nếu đến giữa chừng bạn bị ảnh hưởng, bạn hối hận, hoài nghi thì cuối cùng bạn sẽ chịu thiệt, bạn chắc chắn không thể thành tựu. Cho nên, xem sư trưởng giống như Phật, đây là việc quan trọng nhất trong học đạo.

Trong thời kỳ mật pháp, Phật thị hiện chắc chắn sẽ không thị hiện giống như Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa. Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện là hình tượng hoàn mỹ nhất. Bởi vì đó là thời kỳ chánh pháp, phước đức và trí tuệ của con người đều rất tốt, rất thù thắng, cho nên có thể cảm được Phật thị hiện thân Phật để thuyết pháp, nhưng trong thời kỳ mật pháp, Phật không thể thị hiện thân Phật để thuyết pháp được, chắc chắn là thị hiện phạm không ít lỗi lầm, cho dù Phật đến thì ngài cũng thị hiện có lỗi lầm. Nếu ngài thị hiện hoàn mỹ như Thích-ca Mâu-ni Phật thì mọi người sẽ cảm thấy ngài là một bậc kỳ tài, không dám học với ngài nữa. Chúng sanh đều như vậy, đều dở tệ như thế, vậy mà bạn thị hiện quá tốt thì người ta cảm thấy bạn cao quá, không với tới, giống như thần vậy, thế thì không học được. Họ chắc chắn thị hiện ra lỗi lầm cho bạn xem, nếu bạn xem đó thật sự là lỗi lầm thì tự mình chân thật đã hủy hoại mình rồi. Tiếp theo, chúng ta xem điều thứ năm:

“Nếu sai đồ đồ bất tịnh thì không được khạc nhổ, không được tức giận”.

Đồ bất tịnh chính là bô đại tiểu tiện và những đồ khạc nhổ. Bởi vì trước đây, đặc biệt là phương bắc, trong phòng không có nhà vệ sinh, buổi tối phải ra ngoài tiểu tiện thì sẽ rất lạnh, thông thường đều để bô đại tiểu tiện ở trong phòng. Để từ nên chủ động đi rửa bô đại tiểu tiện cho sư trưởng, đây chính là hiếu thuận, đừng chê bẩn, bạn chê bẩn thì chính là có tâm ghét bỏ sư trưởng. Kỳ thực thân thể của bạn còn dơ bẩn hơn cả chiếc bô đại tiểu tiện ấy, đầy rẫy 36 loại bất tịnh, bạn nói bạn có cái gì sạch sẽ đây? Cho nên, phụng sự sư trưởng thì phải không từ vất vả, không được có những sự toan tính đó.

Như trong 24 tấm gương hiếu thảo, Hoàng Đình Kiên triều nhà Tống phụng dưỡng mẹ ông chính là như vậy. Ông là người làm quan, nhưng sau buổi triều sớm trở về, nhất định là rửa sạch bô đại tiểu tiện cho mẹ ông trước. Dù trong nhà có người hầu nữ, nhưng Hoàng Đình Kiên biết mẹ ông rất ưa sạch sẽ, sợ người hầu không rửa sạch nên đích thân đi rửa, ông được xếp vào trong 24 tấm gương hiếu thảo. Kỳ thực

đây là chuyện nhỏ, nhưng người có thể làm tốt chuyện nhỏ thì họ chính là một bậc đại đức. Bạn xem, Sa-di Luật Nghi nói cũng tận hiếu với sư trưởng như thế, công việc đều phải chủ động làm, càng hướng hồ nếu sư trưởng sai đi đồ, tức là sai bảo bạn, dặn dò bạn đem đồ bất tịnh này đi đồ, đi rửa sạch, trong tâm bạn càng không được sanh khởi chán ghét, nhờ nước bọt ngay trước mặt sư trưởng. Đây là một hành vi cực kỳ bất kính, càng “không được tức giận”, trong tâm tức giận, sư trưởng coi mình thành hạng người gì vậy, sao lại bảo mình làm những việc hạ tiện thế này? Làm thế thật không tốt, như vậy bạn chắc chắn không cách gì học với sư trưởng được, một niệm tâm này đã kéo bạn ra xa sư trưởng rồi, cuối cùng thì bạn chắc chắn sẽ tự cự tuyệt ở ngoài cửa của sư trưởng mà thôi. Xem tiếp điều thứ sáu phía sau:

“Tối nên xoa bóp cho thầy”.

“Mộ” chính là chiều tối, hoặc ví dụ sau thời khóa tối, thời gian khóa tối của chúng ta chính là sau 8h. Sư trưởng cả ngày vì pháp, hoằng pháp lợi sanh, vì hộ trì đạo tràng đều rất vất vả, làm đệ tử nên chủ động đến xoa bóp cho sư trưởng. Ví dụ mỗi ngày sư trưởng có thể đều phải giảng bài, giảng bài thì phải chuẩn bị bài, thời gian chuẩn bị bài còn dài hơn thời gian giảng bài. Như tôi hiện nay giảng Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu là lần thứ hai, trước đây đã từng giảng qua nên đều có rất nhiều tài liệu rồi. Trước đây ở tinh xá Chánh Giác cũng có giảng ký Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu do hòa thượng Thanh Công giảng, cũng được biên soạn ra rồi, nên chuẩn bị bài rất thuận tiện, nhưng ít nhất cũng phải dùng hai giờ để chuẩn bị một bài giảng. Còn có A-di-đà Kinh Yếu Giải, tuy bộ này cũng là giảng lần hai, nhưng độ sâu của Di-đà Yếu Giải là sâu không thấy đáy, cảnh giới của bản thân so với trước kia lại khác, cho nên lại phải xem rất nhiều tài liệu, do đó muốn giảng kinh tốt, muốn giảng bài hay thì đều phải đầu tư rất nhiều.

Càng hướng hồ có khi còn phải chăm sóc đạo tràng, chăm sóc nghĩa công v.v., rất nhiều những công việc như thế. Cho nên, tôi cảm thấy quả thực dẫn dắt tăng đoàn là một công việc rất không dễ dàng. Nếu sư trưởng tương đối lớn tuổi, như lão hòa thượng năm nay đã 90 tuổi rồi, mỗi ngày vẫn không ngừng giảng kinh thuyết pháp, như vậy sẽ rất mệt mỏi. Chúng tôi hiện nay còn được, hơn 40 tuổi không cần xoa bóp, bình thường bản thân đều tập luyện thể dục, có khi còn nằm hít đất, đương nhiên là làm ở trong phòng mình rồi, đừng làm ở nơi đông người, có khi tôi tập những loại như liên hoa động công, đây là do lão Bồ-tát nhà tôi dạy tôi, đó là hoạt động gân cốt. Chúng xuất gia chúng ta cũng phải chú ý tới thân thể này, ngoài ra còn có lạy Phật,

bản thân tôi có khi còn lạy toàn thân, lạy toàn thân quả thực đối với việc kéo dẫn gân cốt thân thể càng tốt hơn. Đương nhiên chúng ta lạy Phật không chỉ là luyện tập thân thể, mà quan trọng hơn là cầu Phật lực gia trì. Bản thân việc lạy Phật cũng là một vận động tốt nhất, một cách điều chỉnh thân tâm tốt nhất.

Ở đây nói đến sư trưởng vì chúng sanh nên rất cực nhọc, rất mệt mỏi, đệ tử nhìn thấy sư trưởng có biểu hiện mệt nhọc thì phải chủ động đến giúp thầy xoa bóp. Đương nhiên trước khi xoa bóp thì nên hỏi sư trưởng trước: “đệ tử xoa bóp cho thầy một chút có được không?” Bạn đừng đến xoa bóp liền, như vậy sư trưởng sẽ rất không vui, sẽ khiến sư trưởng giật mình, phải tôn trọng sư trưởng, trước khi làm phải hỏi qua. Những việc này đều giống như yêu thương bảo vệ thân thể của sư trưởng vậy. Như trong Đệ Tử Quy nói: *“Đông phải ấm, hạ phải mát, sáng phải thăm, tối phải viếng”*, là có mối liên quan với điều này. Mùa đông phải làm ấm chiếu cho cha mẹ, sư trưởng. Thời xưa, Hoàng Hương 7 tuổi đã biết làm ấm giường cho cha. Trước đây không có đệm điện sưởi ấm, trong nhà cũng không có lò sưởi, mùa đông rất lạnh, trời đổ tuyết lớn, đưa trẻ ấy vào ngủ trong chăn của cha mẹ trước, dùng hơi ấm thân thể làm cho cả chiếc chăn đều ấm lên, sau đó mới để cha mẹ vào trong chăn nghỉ ngơi, ông cũng là một trong 24 tấm gương hiếu thảo. Đương nhiên hiện nay nếu có đệm điện sưởi ấm thì thuận tiện rồi, bạn phải cắm điện trước, đệm sưởi điện ít nhất phải cắm trước một giờ, còn phải phủ chăn lên. Nếu bạn cái gì cũng không biết, được rồi, dạy bạn cắm điện đệm sưởi là bạn cắm điện đệm sưởi, sau đó để ở đáy cũng không lấy chăn phủ lên, vậy thì cũng bằng không, hoặc sư trưởng sắp đi ngủ rồi mới cắm điện đệm sưởi, cắm một tiếng đệm mới ấm, cho nên bạn phải biết làm việc, biết cách chăm sóc người khác, những việc này đều nên học tập, học làm việc đều rất quan trọng. “Hạ phải mát”, tức là mát mẻ, như mùa hè nóng nực thì quạt cho cha mẹ, hiện nay có quạt điện, có điều hòa thì thuận tiện hơn nhiều rồi. Điều hòa thì nên làm thế nào? Mở điều hòa trước nửa tiếng để cả phòng đều mát, sau đó mời sư trưởng nghỉ ngơi, rồi tắt điều hòa đi, đừng bật điều hòa cả đêm, hôm sau sư trưởng có thể bị trúng gió không dậy được nữa thì phiền phức lắm. “Sáng phải thăm”, vừa rồi nói buổi sáng đi vấn an sư trưởng, lấy các đồ dùng để sư trưởng rửa mặt súc miệng, sau đó buổi tối thì “tối phải viếng”, tức là xoa bóp để sư trưởng đỡ mệt mỏi, có thể vào giấc ngủ ngon.

Thứ bảy: **“Thầy thọ thực không nên làm lễ. Thầy ngồi thiền không nên làm lễ. Thầy đi kinh hành không nên làm lễ. Thầy rửa mặt súc miệng chưa xong**

và [đi vệ sinh] chưa rửa sạch, khi mặc áo lót thì đều không nên làm lễ. Thầy đang nghỉ ngơi không nên làm lễ. Thầy đóng cửa, không nên ở ngoài cửa làm lễ”.

Ở đây nói nếu khi sư trưởng đang thọ thực thì không nên làm lễ với sư trưởng, tức là lễ lạy, thậm chí cũng không cần xá chào. “Thọ thực” có thể bao gồm động tác ở hai phương diện, một là người ta cúng dường đồ ăn, tỳ-kheo đều phải đưa tay đón nhận để thọ thực hoặc cầm bát để thọ thực. Khi thọ thực thì tâm ý đôi bên phải tương ứng, đối phương đưa cho chúng ta, họ có tâm cúng dường này, chúng ta tiếp nhận thức ăn cũng có tâm tiếp nhận, như vậy là hoàn thành việc thọ thực. Nếu không có tâm ý như vậy thì sẽ không thành tựu việc thọ thực. Lúc này nếu bạn đột nhiên đến lễ bái khiến sư trưởng bị gián đoạn, vậy có thể sẽ không thể thành tựu việc thọ thực, không thọ thực mà ăn thì tỳ-kheo sẽ phạm giới. Thứ hai là khi sư trưởng đang ăn cơm, ăn cơm thì càng không thể làm lễ. Nếu tuổi tác lớn rồi, đang ăn đột nhiên bạn làm lễ, họ vừa căng thẳng thì bị mắc nghẹn, hơi thở này không vào nữa là xong rồi, cho nên đây đều là phải có tâm cung kính đối với sư trưởng, sợ quấy rầy và ảnh hưởng đến việc ăn uống bình thường của sư trưởng. Đương nhiên khi sư trưởng dùng bữa thì đều phải “giữ năm phép quán khi ăn”, “giữ năm phép quán khi ăn”, không phải nói bắt đầu ăn thì niệm năm câu ấy là xong, mà mỗi một miếng ăn đều phải niệm niệm tác năm phép quán này, như vậy mới chính thức là giữ năm phép quán khi ăn. Nếu đột nhiên chúng ta làm lễ thì cũng giống như phá hoại chánh niệm của sư trưởng.

Còn có “*thầy tọa thiền thì không nên làm lễ*”, sư trưởng đang tọa thiền hoặc đang niệm Phật, hoặc đang tư duy ý nghĩa của pháp, nếu lúc này bạn đến làm lễ thì e rằng sẽ quấy nhiễu định công của sư trưởng. Còn có “*thầy đi kinh hành không nên làm lễ*”, sư trưởng đang đi kinh hành, thông thường là niệm Phật, đương nhiên kinh hành cũng có thể đang tư duy nghĩa kinh, quan trọng nhất chính là giữ gìn chánh niệm, làm lễ sợ sẽ cản trở chánh niệm của thầy. Còn có khi thầy đang rửa mặt, khi đang súc miệng vẫn chưa xong, ví dụ đang đánh răng, khi đang đánh răng đột nhiên bạn đến lễ bái thầy, thầy không biết nói là “một lễ” hay “đừng lễ”, nói cũng không nói ra được, oai nghi này cũng rất không tốt, cũng khiến sư trưởng rất căng thẳng, đây không phải là cung kính.

Còn có “*[đi vệ sinh] chưa rửa sạch*”, đây là nói khi sư trưởng đang đi đại tiểu tiện, đương nhiên là không được. Phật chế định giới luật cho người xuất gia là sau

khi đại tiểu tiện phải rửa sạch, cho nên hiện nay trong lieu phòng chúng ta đều đã lắp đặt vòi xịt vệ sinh nên rất thuận tiện, có thể trực tiếp dùng vòi nước nhỏ, ấn một cái là nước chảy ra rửa sạch. Thời xưa không có những vòi xịt tiện lợi này, thông thường lấy một chiếc lọ nhỏ gọi là “tĩnh bình” để đựng nước, thông thường ở bên ngoài có thể cũng có nhà vệ sinh, có người đi vệ sinh thì dùng nước này, lấy tay để rửa. Thời xưa cũng có thể dùng tháo đậu, tháo đậu giống như xà bông mà hiện nay chúng ta sử dụng, dùng những loại xà bông này để rửa sạch, hoặc các loại sữa tắm không mùi đều được, lấy một chút rồi dùng tay rửa sạch chỗ mình đại tiểu tiện, sau đó dùng nước dội sạch nó đi. Đương nhiên nếu đang làm động tác này mà đột nhiên bạn kính lễ với sư trưởng thì rất khó xử, không biết sư trưởng cảm thấy bạn rất lễ phép hay là rất mất lịch sự nữa. Đương nhiên mọi người đều nên có thường thức về những điều này.

Còn có “*lúc đang mặc áo lót*”, tức là áo trong. Bởi vì sư trưởng có thể chỉ mặc áo trong, vậy thì oai nghi cũng không chỉnh tề, không nên nhận lễ. Như hòa thượng Thanh Công của chúng ta, thông thường nếu khi không đắp cà-sa thì ngài đều không tiếp nhận sự kính lễ của mọi người. Điểm này cũng rất hay, tức là khi tiếp nhận mọi người lễ lạy thì đều phải oai nghi chỉnh tề, tăng tướng phải trang nghiêm, phải đắp cà-sa, tiếp nhận sự lễ lạy của người ta như vậy thì đối phương lễ lạy mới thật sự là đang trồng ruộng phước. Như có khi chúng ta không nhất định đắp cà-sa, có thể là mặc áo dài đi ra ngoài, có cư sĩ nhìn thấy chúng ta liền lễ lạy, vậy tốt nhất hãy nói “*đừng lạy*”, tôi không nhận lễ. Đương nhiên họ cố lạy thì mình cũng hết cách, nhưng mình đã nói rõ là mình không tiếp nhận lễ lạy, nếu không thì bạn sẽ phạm điều giới là “*chưa đắp y mà nhận sự lễ lạy của người*”, phạm tội ở chương thứ năm.

Tiếp theo nói “*thầy ngủ nghỉ không nên làm lễ*”, khi sư trưởng đang ngủ nghỉ, đương nhiên bạn cũng không nên làm lễ với ngài rồi, người ta đang ngủ ngon, đang đi vào giấc mộng, đột nhiên bạn làm người ta tỉnh giấc, đây cũng là bất kính. Còn có “*thầy đóng cửa, không nên ở ngoài cửa làm lễ*”, ở bên ngoài cửa phòng của sư trưởng, sư trưởng đã đóng cửa, có thể đã nghỉ ngơi rồi, chúng ta không nên ở ngoài làm lễ trước cửa, điều này không cần thiết. Bởi vì ở bên ngoài làm lễ không trở thành cung kính được. Tiếp theo điều thứ tám:

“Muốn vào phòng làm lễ thì phải búng ngón tay ba lần, thầy không trả lời thì nên lui”.

Đây là nói nếu chúng ta muốn vào phòng sư trưởng để làm lễ. Ví dụ nói có vấn đề muốn thỉnh giáo sư trưởng, thông thường đều phải làm lễ trước, phải đối trước sư trưởng nói “đánh lễ sư phụ ba lễ”, thông thường sư phụ có thể nói: “một lạy”, hoặc nói “không lạy”, “miễn lễ”, vậy bạn hãy y giáo phụng hành. Nếu muốn vào phòng sư trưởng làm lễ, vừa rồi cũng nói nên búng ngón tay ba lần trước, hoặc gõ nhẹ cửa ba lần, đừng ở đó ra sức mà gõ, gõ đến mức khiến sư trưởng cảm thấy như bên ngoài xảy ra động đất vậy. Nếu sư trưởng ở bên trong không trả lời, không đáp lại thì lúc này bạn nên lặng lẽ rời đi, không được miễn cưỡng, đây chính là cung kính không bằng tuân lệnh. Bạn muốn lễ bái sư trưởng, đó là cung kính, nhưng sư trưởng không trả lời thì bạn hãy quay về, hoặc sư trưởng gặp bạn, khi bạn lễ bái họ, họ nói “không lạy” thì bạn đừng lạy, tuân lệnh chính là cung kính, đừng cố lễ. Tôi thường gặp [trường hợp] có người, có cư sĩ không hiểu, khi thấy tôi, lúc ấy tôi có thể cũng không đáp y, họ nói lễ bái, tôi liền nói “không lễ”, kết quả họ vẫn nhất định đánh lễ ba lạy, làm vậy rất khó xử, điều này trái lại không phải cung kính. Tiếp theo, chúng ta xem điều thứ chín:

“Cầm đồ ăn cho thầy phải bung cao bằng hai tay, thầy ăn xong, dọn đồ phải từ từ”.

Đây là nói khi cầm giữ đồ ăn cho sư trưởng, chúng ta phải dùng hai tay bung cao, như dâng cao đến ngang mày vậy, nâng cao lên ngang đường lông mày, đây là biểu thị hết sức cung kính. Chúng ta cúng Phật cũng dùng động tác nâng cao lên ngang lông mày, ví dụ cúng Phật thức ăn, chúng ta nâng cao lên, không được cầm quá thấp, cầm đúng đến phía dưới miệng của bạn, sau đó bạn hít thở một cái, ngáp một cái, xong rồi, vậy không biết sư trưởng hưởng thụ mỹ vị trong miệng bạn hay là hưởng thụ thức ăn đây, cho nên đây là thiếu sự cung kính, phải dâng cao lên, bung cao, dù bạn có hắt hơi thì thức ăn đó cũng không bị ô nhiễm.

Đương nhiên không chỉ là cầm thức ăn của sư trưởng, cầm đồ của sư trưởng, mà bao gồm cả kinh sách, bao gồm cà-sa v.v., các đồ vật đều nên bung cao ngang lông mày. Ví dụ trong nghi thức chúng ta thỉnh thầy, làm động tác này nhất định phải chuẩn, thị giả ở phía trước dâng kinh sách không được chỉ dâng đến trước ngực, mà phải dâng đến lông mày, phải dâng cao, thứ nhất là cung kính đối với pháp, thứ hai cũng là cung kính với thầy.

Ở đây nói đối với thức ăn cũng như vậy, sư trưởng dùng bữa xong, “ăn xong” rồi thì phải thu dọn đồ, “liễm” là thu dọn. Ví dụ ở bên ngoài, nếu bạn cùng sư trưởng

ra ngoài thì chúng ta phải ăn xong trước, phải ăn nhanh hơn sư trưởng một chút, sau đó thấy sư trưởng ăn xong rồi thì bạn chủ động cầm bát đi rửa, bởi vì có thể đàn việt thí chủ bên ngoài muốn thỉnh sư trưởng khai thị cho họ, hoặc sau đó sư trưởng còn có việc gì đó cần làm mà không kịp rửa bát, chúng ta phải chủ động nhanh chóng dọn dẹp. Bình thường như chúng tôi quá đường ăn cơm đều tự rửa bát, đương nhiên ví dụ nếu có lão hòa thượng, đại hòa thượng ở đó thì chúng tôi đều phải làm như vậy, những dụng cụ ăn uống như bát đũa, ăn xong rồi chúng ta đều phải thu dọn sạch sẽ, tốt nhất cũng lau qua bàn một chút. Trong quá trình thu dọn thì phải “dọn từ từ”, tức là từ tốn, phải thông thả, phải kỹ càng chu đáo, đừng làm một cách hấp tấp, vội vàng, làm rất cầu thả sẽ khiến âm thanh bát đĩa kêu loảng xoảng, thậm chí lỡ tay làm bát của người ta rơi xuống đất, như thế là thiếu sự để tâm, không để tâm thì chúng tỏ bạn khinh mạn, không cung kính với sư trưởng.

Trong luật điển còn nói khi phụng sự sư trưởng, hễ đưa đồ ăn đều phải “nóng lạnh vừa phải”, nhiệt độ của thức ăn vừa phải, không được quá nóng cũng không được quá lạnh. Cũng phải xem thời tiết, ví dụ bây giờ là mùa hè, mùa hè thì thức ăn của bạn không được quá nóng, nếu như canh quá nóng, khi bạn bùng ra nửa tiếng mà vẫn chưa nguội, vẫn chưa uống được, vậy thì không thích hợp. Nhưng mùa đông thì bạn phải nghĩ làm thế nào để giữ ấm cho thức ăn này. Ví dụ hiện nay ở trai đường chúng ta đều dùng những dụng cụ đựng thức ăn mà dưới đáy có thể dùng để đun nước nóng, mùa đông sẽ rất hữu dụng. Nếu tỉ mỉ thì những thứ như canh, ví dụ khi hành đường, trước tiên không lập tức hành đường ngay, khi chúng tôi vừa đến, lúc đó là mùa đông, lúc đó còn tương đối lạnh, tôi nhắc nhở người hành đường, đừng để canh ra đó ngay, bỏ ra sẽ nguội, đến khi ăn xong muốn uống canh thì sẽ uống canh lạnh. Cho nên, sau khi tôi nhắc nhở thì họ cũng y giáo phụng hành, làm rất tốt. Nhưng làm mãi đến tháng 5, thời tiết gần 30 độ rồi mà họ vẫn làm như vậy, cuối cùng họ bùng ra thì canh rất nóng, tôi liền nói với họ: “Bây giờ thời tiết rất nóng, bạn nên đem canh ra sớm hơn cho nguội”. Cho nên việc này bản thân phải động não, tức là phải thích hợp, đừng cứng nhắc, bảo bạn đừng để canh nguội tức là bạn không để ra cho nguội, bạn vĩnh viễn không để ra cho nguội, đông hè đều như nhau, vậy thì bản thân thiếu động não rồi. Cho nên, phụng sự sư trưởng đều phải để tâm, dùng đầu óc chứ không phải kiểu rập khuôn này.

Trong Sa-di Thành Phạm cũng nói nấu đồ ăn cho thầy, bất luận là thô tế, tức là đồ ăn bình thường hay mỹ vị, đều phải tỉ mỉ sạch sẽ, hơn nữa cần phù hợp với

khẩu vị của sư trưởng. Như sư trưởng có thể không thích đồ quá dầu mỡ, hoặc mùi vị không được quá nồng, vậy bạn đừng làm những món này khiến sư trưởng khó ăn. Đối với chúng xuất gia chúng ta mà nói thì thức ăn thanh đạm một chút tương đối tốt, đặc biệt hiện nay là mùa hè, hương vị quá nồng sẽ ăn không nổi. Khi dâng trà không được nhúng ngón tay vào tách trà. Bạn xem, Sa-Di Thành Phạm nói rất tỉ mỉ, vì sao nói tỉ mỉ như vậy? Bởi vì bình thường chúng ta không biết quán chiếu, quả thực là căn tánh không đủ. Lẽ ra nói cung kính sư trưởng, chỉ nói một câu như vậy là bạn liền biết trong cuộc sống thường ngày phải làm thế nào, nhưng chúng ta không hiểu, không hiểu thì phải nói tỉ mỉ. Bạn xem, khi bưng trà nếu bạn nhúng ngón tay vào trong tách thì trong nước đó sẽ có thêm một số nguyên liệu, bỏ thêm bùn đất trong ngón tay của bạn vào đó rồi, cho nên những việc này đều vô cùng tỉ mỉ, tỉ mỉ là chứng tỏ bạn cung kính. Tiếp theo là điều thứ 10:

“Dâng trái cây tươi cho thầy phải tác tịnh trước, tác tịnh bằng lửa, hoặc bằng dao, hoặc dùng móng tay bóc. Nếu trái cây không thể làm hạt giống thì không cần tác tịnh”.

Đây là nói dâng trái cây cho sư trưởng, sa-di có thể dâng thức ăn cho tỳ-kheo, khi dâng thức ăn, ví dụ dâng trái cây tươi mới thì phải tác tịnh trước. Đây là trong luật quy định, nếu tỳ-kheo ăn mà không tác tịnh, giả sử trong trái cây này có hạt giống thì chính là “phá hoại hạt giống”, nếu không có hạt giống thì cũng là phá hoại sanh tướng. “Hoại” này kỳ thực chính là từ hoại, hoại trong từ hủy hoại, chữ hoại này đọc thành âm “quái”. Phá hoại hạt giống là tội ở chương thứ ba, hoại sanh tướng là tội ở chương thứ năm, cho nên sa-di đều phải học những giới pháp này thì mới biết làm sao để phụng sự sư trưởng.

“Tác tịnh”, thông thường là sư trưởng, tức là họ là tỳ-kheo nói với sa-di rằng: “con biết vậy, thấy vậy”, câu này chúng ta phải ghi nhớ, ý nghĩa của câu “con biết vậy, thấy vậy”, nói rõ ra chính là “con thấy rồi làm”. Cầm trái cây tươi nói với bạn “con biết vậy, thấy vậy”, vậy thì bạn liền phải hiểu làm thế nào. Vậy làm thế nào? Chính là “*tác tịnh bằng lửa, hoặc bằng dao, hoặc dùng móng tay bóc*” v.v. để tác tịnh. Bởi vì lúc này sư trưởng không thể bảo bạn: “con giúp thầy dùng lửa tác tịnh”, họ gọi người đến tác tịnh thì giống như tự mình tác tịnh rồi, cũng là phạm giới, họ chỉ có thể nói “con thấy rồi làm”, bạn liền “con biết vậy, thấy vậy”. Hoặc rất đơn giản nói “con xem một chút”, bạn liền biết nên làm thế nào, cho nên bình thường phải nói rõ trước. Như chúng ta bây giờ không có trái cây tươi, chúng tôi nói rõ xong,

bạn nghe được khẩu hiệu này thì bạn liền biết nên làm thế nào. Khi ở hiện trường thì tôi không thể nói với bạn là “bạn phải dùng lửa tịnh, bạn phải dùng dao tịnh”, không thể nói như vậy.

“Lửa tịnh” là như thế nào? Căn cứ theo “thập tụng luật” nói thì chính là dùng lửa, ví dụ dùng diêm quẹt, dùng bật lửa đốt lửa ở mặt ngoài của trái cây, hoặc bề mặt của rau, dùng lửa đốt qua một chút, lửa phải đốt vào vỏ ngoài, nếu không chạm vào vỏ ngoài thì cũng không thể thành tựu việc lửa tịnh. Cho nên động tác phải làm đến nơi, không được làm qua loa hời hợt, trên thực tế thì không tác tịnh. Nếu tác tịnh, đây là một loại biểu pháp, chứng tỏ trái cây này đã đốt qua lửa rồi, thể hiện điều gì? Nó đã không còn khả năng sinh trưởng nữa. Kỳ thực là một loại tịnh ở trên pháp, chứ không phải đốt như vậy rồi thì hạt giống đó thật sự không thể sinh trưởng được, nó biểu thị cái pháp này, nó là một loại tác tịnh ở trên pháp, là để ngăn ngừa sự chê cười của ngoại đạo. Khi ấy duyên khởi chủ yếu của giới này chính là phòng ngừa sự chê cười của ngoại đạo. Bởi vì ngoại đạo nói: “Tỳ-kheo tuy không sát sanh, nhưng họ còn giết hại thực vật, giết hại hạt giống, phá hoại hạt giống, hạt giống cũng có sanh mạng”, chê cười như thế cho nên Phật liền chế định tác tịnh bằng lửa.

Hoặc dùng dao tác tịnh cũng được, tức là lấy dao cắt ra, sau khi cắt ra thì hạt không còn khả năng sinh trưởng nữa, nó không còn là trái cây hoặc rau nguyên vẹn như lúc đầu nữa, hoặc dùng móng tay để bóc, ví dụ quả táo bóc một chút, bóc ra một chút thì tính là tác tịnh rồi. Ở đây nói phạm là trái cây *“không thể làm hạt giống thì không cần tác tịnh”*, đây chủ yếu là không phạm giới phá hoại hạt giống, giới ở chương thứ ba, nhưng tốt nhất vẫn nên tác tịnh một chút, đặc biệt dùng lửa tịnh thì cũng không còn vấn đề phá hoại sanh tướng nữa. Thông thường mà nói, tác tịnh nếu dùng lửa tịnh là triệt để nhất, trọn vẹn nhất, nếu bạn nói một quả táo, trong quả táo có hạt, nếu bạn dùng dao bóc quả táo này ra, giả sử nếu bạn cắn vào hạt của quả táo này thì vẫn là phá hoại hạt giống. Dùng dao tịnh chỉ có thể phá hủy mặt bên ngoài, nhưng hạt ở bên trong vẫn có mạng sống, nhưng nếu bạn dùng lửa tịnh, hơi qua vỏ ngoài quả táo thì hạt của nó cũng xem như tác tịnh rồi, điều này tương đối trọn vẹn, cho nên lửa tịnh chính là tác pháp mà chúng ta thường làm.

Cho nên thông thường như chúng ta ở đây, thầy diễn tọa của chúng ta nhất định phải làm cho đạt. Hễ là rau, trái cây tươi, khi vừa mang đến đều phải mời tịnh nhân, nếu không tìm được tịnh nhân thì sa-di cũng được, trước tiên dùng lửa để tác tịnh, rau cũng tác tịnh như vậy, phạm là những đồ tươi sống, bao gồm gạo, cốc loại,

bắp, mía, hễ là những loại này đều phải tác tịnh. Khi tác tịnh, nếu nhiều đồ thì có thể dùng một phương pháp, tức là để trái cây chung với nhau, chúng đều tiếp xúc với nhau, sau đó bạn chỉ cần dùng lửa tịnh một chút trên bề mặt một quả thì toàn bộ những trái cây trong cả thùng này đều tịnh rồi. Nếu chúng tách ra thì bạn phải tác tịnh từng quả một. Ví dụ có một số bắp ngô, ngô được bọc trong lớp lá, hoặc mía có lớp lá bọc ngoài, vậy thì phải bóc lớp lá đi, dùng lửa tịnh trên bề mặt, hơn nữa phải lửa tịnh từng chiếc một. Giả sử bóc hết lớp lá đi rồi, để chúng sát nhau, tịnh một cái thì toàn bộ đều tịnh rồi. Còn có một loại tịnh bao gồm bản thân nó tự hoại, trái cây tự nó thối rữa thì đương nhiên cũng không còn mạng sống nữa. Còn có chim mổ tịnh, chim dùng mỏ mổ qua, đã phá mất tướng bên ngoài của nó rồi thì cũng được, không cần tác tịnh nữa. Giả sử trái cây không thể làm hạt giống được thì cũng không cần tác tịnh. Chúng ta xem tiếp điều thứ 11:

“Dâng tương phi thời cho thầy phải dùng nước điểm tịnh”.

Đây là nói sau ngộ, bởi vì tỳ-kheo đều quá trưa không ăn, có thể khi có nhân duyên bệnh khát, khát nước thì uống tương phi thời, tất cả nước trái cây, còn có nước mật ong, nhưng hiện nay đã tra rõ rồi, nước dưa hấu không được, nước dưa ngọt không được, bởi vì bên trong nó có cặn bã rất khó lọc sạch, những tương phi thời này đều phải dùng nước điểm tịnh trước, tức là dùng nước sạch nhỏ vài giọt để phá đi vị ban đầu của nước trái cây, đây gọi là “điểm tịnh”. Nếu không điểm tịnh mà uống thì tỳ-kheo vẫn phạm tội nhỏ ở chương thứ năm. Những việc này nếu sa-di phụng sự sư trưởng, làm xong thì trực tiếp bưng lên cho sư trưởng, đừng để sau khi bưng lên rồi, sư trưởng lại bảo: “Hãy lấy thêm chút nước, giúp thầy điểm tịnh”, bình thường bản thân hiểu rồi thì sẽ biết nên làm thế nào.

Hiện giờ đã hết thời gian, chúng tôi giảng đến đây trước, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 24

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 02/08/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mở sách, mở đến điều thứ 12 của môn thứ hai “hầu thầy” trong môn oai nghi:

“Hầu thầy không được đứng đối diện, không được đứng ở chỗ cao, không được đứng ở chỗ quá xa, mà phải đứng ở chỗ thầy nói nhỏ cũng nghe được, để thầy khỏi phí sức”.

Điều này nói sa-di là tiểu chúng, vừa xuất gia chưa lâu, muốn tu học đạo nghiệp thì phải thực hành tôn sư trọng đạo từ những chỗ nhỏ nhất, bao gồm việc đứng thì phải đứng như thế nào. Những việc này đều phải để tâm, đều đang thể hiện bản thân tôn trọng sư trưởng. Phụng sự sư trưởng không được đứng đối diện với sư trưởng. Bởi vì đứng đối diện là thể hiện mình ngang bằng với sư trưởng, phải đứng ở bên cạnh. Dù nói chuyện với sư trưởng cũng nên hơi xoay người ra chứ không đối diện thẳng với sư trưởng, ở bên cạnh sư trưởng phải dùng thái độ rất khiêm tốn kính trọng. Không được “*đứng ở chỗ cao*” hơn sư trưởng, tức là chỗ bạn đứng cao hơn sư trưởng. Ví dụ sư trưởng đứng ở dưới bậc thềm, bạn đứng ở trên bậc thềm, bạn ở trên cao nhìn xuống mà nói chuyện với sư trưởng thì cũng không được.

“*Không được đứng quá xa*”, tức là đứng cách sư trưởng không được quá xa. Quá xa sẽ có cảm giác xa lạ. Điều này thường thì sa-di, đương nhiên cũng bao gồm tịnh nhân, ví dụ khi theo sư trưởng ra ngoài hoằng pháp lợi sanh, chúng ta cũng có

thể làm những việc ví dụ như phục vụ cho sư trưởng. Nhìn thấy sư trưởng mang vác pháp bảo rất nặng, hoặc xách vali, cầm hành lý, vậy thì chắc chắn chúng ta cũng phải phát tâm cầm giúp sư trưởng, nhưng nếu chúng ta cách sư trưởng quá xa, như vậy khi sư trưởng có nhu cầu thì sẽ không thuận tiện.

Bản thân tôi có lúc cũng gặp phải tình huống khó xử như vậy. Ví dụ tôi cầm pháp bảo là giảng nghĩa để dùng khi lên giảng bài, có sa-di đi theo cầm giúp tôi. Kết quả chú đi đường của chú, bỏ lại tôi rất xa, sau đó nếu tôi có nhu cầu gì gọi thì chú cũng không nghe thấy, việc này sẽ dẫn đến khó xử. Còn nữa, có lúc gặp trường hợp càng khó xử hơn, tức là khi chúng tôi đến một nơi mới để hoằng pháp, đối phương đến đón tiếp đều rất nhiệt tình, khi gặp mặt thì tôi đều không quen biết họ, họ giành cầm hành lý giúp tôi, sau đó cũng không biết hành lý này đi đâu nữa, hỏi cũng không biết người đó là ai, kết quả có khi buổi tối phải ở lại, đi hỏi mãi, rất lâu mới tìm được hành lý, những điều này đều rất không nên. Dù chúng ta rất nhiệt tình giúp đỡ sư trưởng, nhưng phải nghĩ thay cho sư trưởng, không thể cứ làm theo ý mình được. Điều này cũng không phải cung kính.

Thông thường mà nói, người đi theo sư trưởng thông thường chính là thị giả, thị giả thì phải giúp sư trưởng cầm đồ. Thông thường đồ của sư trưởng không được tùy tiện chuyển giao cho người khác. Như trước đây tôi ra ngoài với lão hòa thượng, tôi đều đích thân cầm hành lý của lão hòa thượng. Đi đến đâu thì những người bên đối phương đều vô cùng nhiệt tình, giành cầm hành lý giúp tôi, nhưng tôi tuyệt đối không buông tay, không thể đưa cho họ được. Bởi vì nếu đưa hành lý cho họ mà không tìm lại được, vậy khi sư trưởng cần đến thì chúng ta không lấy ra được. Cho nên, thông thường hành lý của tôi có thể đưa cho họ, nhưng hành lý của sư trưởng thì tôi phải giữ cẩn thận. Bởi vì người khác chưa chắc đã có ý thức đó, vậy chúng ta phải theo sát sư trưởng.

Kỳ thực phía sau “đứng quá xa” này còn một ý nghĩa, là cảm thấy bạn có khoảng cách quá xa với sư trưởng, gọi là “ý không đồng, lời không hợp”. Nếu thật sự muốn phụng sự sư trưởng thì lúc nào chúng ta cũng phải quan sát nét mặt, cử chỉ của sư trưởng, xem sư trưởng có nhu cầu gì, đặc biệt ở nơi công cộng, có lúc sư trưởng có nhu cầu gì đó mà không tiện nói ra thì chúng ta phải tự hiểu ý. Ví dụ ra bên ngoài, có thể thời tiết quá nóng, sư trưởng đổ rất nhiều mồ hôi, lúc này bạn nhìn thấy thì nhanh chóng đưa khăn giấy cho sư trưởng lau mồ hôi. Lúc này đang ở nơi

công cộng nên sư trưởng có thể sẽ không nói: “con lấy giúp thầy một chiếc khăn giấy”. Có thể sư trưởng không tiện nói như vậy, mà bản thân phải ngầm hiểu ý, nghĩa là thật sự có tâm chí thành cung kính sư trưởng thì có thể hiểu rõ tâm ý của sư trưởng, không cần nói ra mà chúng ta có thể ngầm hiểu ý, gọi là “thầy trò hợp đạo” thì phải đạt đến trình độ này. Trước đây, tôi cũng theo lão hòa thượng ra ngoài, mới đầu nhiều điều cũng không biết, tức là không để tâm. Sau đó có những đệ tử đi theo sư trưởng thời gian tương đối dài đã chia sẻ với tôi, sau đó tôi đã đặc biệt lưu ý lời nói, thần thái của sư trưởng. Bạn tỉ mỉ quan sát thì đại khái cũng biết được sư trưởng có biểu hiện gì là có nhu cầu gì, động tác gì là thể hiện nhu cầu gì, bản thân có thể ngầm hiểu được, tức là phải lưu tâm quan sát.

Nếu sư trưởng gặp khách thì cũng phải xem vị khách này là khách thể nào, ví dụ bàn luận những chuyện không tiện công khai, vậy chúng ta ở bên cạnh thấy thế thì có thể hỏi sư trưởng xem đệ tử có cần tránh đi một chút không, hoặc ví dụ đối phương nói những chuyện có thể sẽ dẫn đến tình huống rất khó xử cho sư trưởng, vậy chúng ta làm đệ tử cũng cần tiến đến, ví dụ hỏi một chút: “Sư trưởng, có phải thời gian quá trễ rồi không? Sư trưởng nên nghỉ sớm một chút”, cũng là mở một đường lui cho sư trưởng, giúp sư trưởng có thể thoát khỏi tình huống khó xử này. Những việc này đều cần bản thân để tâm quan sát, học tập, luôn cần phải dựa vào một tấm lòng hiếu kính thì bạn mới có thể làm tốt được.

Chỗ đứng không được quá xa, tức là “*đứng ở chỗ thầy nói nhỏ cũng nghe được*”. Nếu chúng ta đứng quá xa thì khi sư trưởng gọi chúng ta sẽ rất tốn sức, phải [đứng ở chỗ] khi sư trưởng nói nhỏ một chút mà chúng ta cũng có thể nghe thấy, cho nên khoảng cách này thông thường không được quá xa, bình thường là trong khoảng 1m, nếu bạn đứng quá xa ngoài 2 đến 3m, vậy sư trưởng gọi sẽ rất tốn sức. Không tốn sức của sư trưởng, trong luật nói đứng ở chỗ cách sư trưởng 7 thước, có thể khiến sư trưởng nói nhỏ “không tốn sức của sư trưởng” mà chúng ta vẫn có thể nghe được; 7 thước thì chưa được 3m, đây là khoảng cách xa nhất. Được rồi, tiếp theo chúng ta xem điều thứ 13:

“Thưa hỏi Phật pháp phải y áo chỉnh tề lễ bái chấp tay lắng nghe, tư duy thâm nhập”.

“Thỉnh” chính là cầu, “thưa hỏi Phật pháp” tức là cầu pháp với sư trưởng, cần phải chế phục tâm ngạo mạn của mình, “ngã mạn cao như núi, nước pháp không thể

vào”, cho nên lễ nghi này đều dùng để buông xả ngã mạn. “*Y áo chỉnh tề lễ bái*”, tức là lễ lạy, dùng lễ nghi khiêm cung này, lễ lạy chính là hạ mình tôn người. “*Chấp tay lắng nghe*”, lắng nghe tức là tập trung tinh thần cao độ để nghe, tỉ mỉ nghe, chú tâm nghe, còn phải “tư duy thâm nhập”. Như chúng ta nghe giảng bài cũng phải như vậy. Đây là tôn trọng đối với Phật pháp, phải biết Phật pháp khó được nghe, đời này chúng ta có thể gặp được Phật pháp thật sự như trong kệ khai kinh nói: “trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được”. Nếu chúng ta không có tâm cung kính đó thì tương lai không cách gì nghe được Phật pháp. Đặc biệt trong Phật pháp nói đến đại thừa, trung đạo, đệ nhất nghĩa đế, thật tướng các pháp, những nghĩa lý chí cao vô thượng này sẽ rất khó nghe được. Dù nghe được cũng rất khó thể hội. Nếu không dùng tâm chí thành cung kính để nghe nhận thì trên cơ bản đều là nghe mà không hiểu. Cho nên, việc nghe pháp này quả thực cần phải dùng tâm chí thành, chuyên tâm quyết chí, an định tinh thần, định tâm lại, như vậy mới có thể tư duy thâm nhập được. Tư duy thâm nhập tức là dựa theo ngôn từ nghe được mà có thể nhập quán, nhập vào cảnh giới.

Tôi nhớ hơn 10 năm trước, khi ấy lão hòa thượng đang giảng kinh Hoa Nghiêm, tôi theo học kinh Hoa Nghiêm xem như tương đối sát. Khi ấy lão hòa thượng mỗi ngày giảng kinh Hoa Nghiêm 4 giờ đồng hồ, mỗi lần nghe có khi không nhất định là ở hiện trường, mà nghe phát trực tiếp, nếu không nghe phát trực tiếp thì nghe băng thu hình, chính là video hoặc đĩa CD. Mỗi lần nghe thì tôi đều chí thành lễ bái, sư trưởng tuy không ở trước mặt, tôi hướng đến hình tượng của sư trưởng trên màn hình tivi để lễ bái. Lúc ấy tôi vẫn là cư sĩ, khi ấy tôi dạy học ở trường đại học Úc Châu, kết quả có một lần, bởi vì bình thường thời gian cũng tương đối ít, cho nên ngay đến thời gian ăn cơm cũng tận dụng để nghe kinh. Tôi nhớ có một lần sư trưởng đang giảng *phẩm Bồ-tát vân danh*, phẩm này trong kinh Hoa Nghiêm, có nói đến bài kệ, đại ý là nói tâm niệm của chúng ta giống như sóng nước vậy, con sóng sau đây con sóng trước, con sóng trước nhất định không phải con sóng sau, con sóng sau nhất định không phải con sóng trước, sóng này nối tiếp sóng kia, sanh diệt như vậy. Tôi nghe thấy vậy, lúc này tâm ý đột nhiên có chỗ ngộ, những thật tướng các pháp trước đây không hiểu rõ đột nhiên có sự thể hội rất sâu sắc, liền biết toàn bộ vũ trụ, hư không, quốc độ, chúng sanh trên thực tế toàn là do vọng tưởng của chúng ta một niệm tiếp nối một niệm mà sanh ra. Niệm trước không phải là niệm sau, niệm sau

không phải là niệm trước, mà là sát-na sát-na, từng niệm từng niệm sanh diệt mà sanh ra tướng tiếp nối của vũ trụ. Tướng này là sự tiếp nối tương tự, không phải là sự tiếp nối thật sự, không phải là sự liên tục chân thật. Vũ trụ được sanh ra từ ý niệm trước chắc chắn không phải là vũ trụ được sanh ra từ ý niệm sau, nhưng chúng ta nhìn thấy dường như nó đang tiếp nối, đó là tác dụng của vọng tưởng của bản thân chúng ta, lúc ấy đột nhiên hiểu rõ đạo lý này, cho nên pháp hỷ sung mãn.

Khi ấy ăn cơm, ăn xong rồi ngồi xếp bằng ở đó cứ cười mãi, rất vui mừng. Mẹ tôi còn hỏi tôi: “Sao con lại vui như vậy?” Tôi liền đem những đạo lý nghe được, cảm ngộ được chia sẻ với mẹ tôi. Cho nên, cảm thấy nghe kinh chỉ cần bạn có thể định tâm thần lại, nghiêm túc mà nghe, bất luận bạn nghe hiểu hay không hiểu, có khi những nghĩa lý thâm sâu quả thực không phải nghe một lần mà có thể hiểu được, nhưng bạn kiên nhẫn nghe tiếp, tuy nghe không hiểu nhưng vẫn phải nghe, không ngừng huân tập pháp lý này thì cuối cùng sẽ có một ngày bạn có thể hoát nhiên đại ngộ. Hoát nhiên đại ngộ thì bạn liền có pháp hỷ sung mãn. Đối với chân tướng, thật tướng các pháp của vũ trụ, bạn liền có thể lãnh hội được. Điều này cần phải chí thành cung kính, bạn phải tư duy thâm nhập.

Làm đệ tử, nếu nói có hoài nghi, đối với Phật pháp có một số nghi nan cần phải thưa hỏi sư trưởng thì nhất định phải y phục chỉnh tề. Ví dụ sa-di thì phải đắp y đi cầu kiến sư trưởng, bạn phải hẹn thời gian trước, hoặc dựa theo thời gian tiếp khách của sư trưởng mà đi cầu thỉnh sư trưởng khai thị cho chúng ta. Đây là thể hiện sự tôn trọng đối với pháp, tôn sư chính là trọng đạo. Trước khi hỏi thì nhất định phải lễ bái, không được ngồi xuống là hỏi ngay giống như buổi tọa đàm, mà phải lễ bái trước, sư trưởng khai thị xong rồi cũng phải lễ tạ sư trưởng. Cho nên, kỳ thực trong kinh đều nói với chúng ta rất nhiều. Bạn xem, hễ có đệ tử thỉnh giáo đức Phật thì đều dùng nghi lễ như vậy: “để lộ vai phải, đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng”, những kinh văn này chúng ta thường đọc, nhưng có khi quên mất, cần phải có đầy đủ nghi lễ này. Tiếp theo xem tiếp điều thứ 14:

“Hỏi những việc thông thường thì không cần lễ bái, chỉ đứng ngay thẳng bên cạnh thầy trình bày đúng theo sự thật”.

Giả sử chúng ta hỏi sư trưởng những việc có liên quan đến những việc bình thường hằng ngày, không phải là việc Phật pháp, vậy thì không cần phải lễ bái. Bởi vì lễ quá nhiều có khi cũng tạo thành phiền phức cho sư trưởng, lãng phí thời gian,

cho nên phải xem bạn hỏi nội dung gì. Nếu hỏi Phật pháp thì đương nhiên phải đầy đủ lễ nghi. Ví dụ, nếu những pháp sư sám hối thì đều phải đáp y đánh lễ, đương nhiên đánh lễ thì sư trưởng cũng phải đáp y để nhận lễ. Giả sử là chuyện bình thường hằng ngày, tức là chuyện thông thường thì đương nhiên chúng ta có thể không cần lễ nghi trang trọng này, nhưng cũng phải có tâm cung kính. Tư thế của chúng ta đối với sư trưởng là “đứng ngay ngắn bên cạnh thầy”, đứng nghiêm trang, hai chân đứng song song, hai chân không được dang rộng ra. Dang rộng là trạng thái có chút ngạo mạn, nghĩa là hai chân để sát vào nhau đứng ở đó, tay tốt nhất cũng phải để ở trước ngực, để tay ở thế thiền trước bụng, hoặc thậm chí chấp tay để thưa hỏi đều được. Đứng đoan nghiêm ở bên cạnh, rồi căn cứ theo tình hình thực tế của sự thật mà trực tiếp trình bày, báo cáo, không được nói có chút hư vọng nào, có việc muốn báo cáo sư trưởng, phải nói theo đúng sự thật, không được thêm ý của mình vào, thậm chí thêm dầu thêm giấm vào, như vậy là đã mất đi tính xác thực của sự việc, khiến sư trưởng hiểu sai vấn đề. Tiếp theo, điều thứ 15:

“Nếu thân tâm thầy mệt mỏi, bảo đi thì nên đi, không được tâm tình không vui mà biểu hiện ra sắc mặt”.

“Thân tâm” mệt mỏi là điều mà người bình thường đều có, dù sư trưởng là Phật Bồ-tát tái lai nhưng họ có sắc thân này, vẫn là thân ngũ ấm, không phải thân sắt thép, cho nên họ chắc chắn cũng có lúc mệt mỏi. Ngay đến máy móc bằng sắt thép còn phải bảo dưỡng, cho nên chúng ta phải biết quan sát lời nói sắc mặt, xem thử nếu bây giờ sư trưởng không mệt mỏi, có thể thưa hỏi, vậy thì chúng ta mới có thể hỏi. Nếu thấy thân thể sư trưởng đã rất mệt mỏi rồi, tâm và tinh thần đều không đề khởi được thì lúc này chúng ta nên bảo sư trưởng nghỉ ngơi cho khỏe, lúc này không được đem nhiều việc đến quấy rầy sư trưởng nữa. Giả sử chúng ta hỏi kinh, tức là thưa hỏi nghĩa lý kinh điển, hoặc có việc thỉnh giáo, sư trưởng không muốn trả lời, muốn bảo chúng ta rời khỏi thì chúng ta nên rời đi. Tâm không được cảm thấy rất khó chịu, “sao sư trưởng không thể bớt chút thời gian để tiếp mình vậy”. Tâm này cũng thuộc về tâm phản nghịch, không được có loại tâm này. Cho nên đối với sư trưởng không được có “tâm tình không vui”, không hoan hỷ, thậm chí “biểu hiện ra sắc mặt”, chữ “kiến” đọc là “hiện”, nghĩa là biểu hiện, biểu hiện trên dung mạo, sắc mặt của chúng ta. Dùng lời thông thường để nói là chúng ta để sư trưởng nhìn thấy sắc mặt không tốt, điều này cũng gây áp lực cho sư trưởng.

Cổ đức từng nói: “Đọc sách lấy thay đổi khí chất làm đầu, học đạo lấy thuận theo lệnh thầy làm chính”, nếu bạn đọc sách, đọc sách thánh hiền mà không thể thay đổi khí chất của bản thân, vậy là không đọc hiểu, không có lợi ích, cần phải thay đổi khí chất. Ví dụ tâm lượng bạn trở nên rộng lớn, tâm bạn trở nên nhu hòa, từ bi hơn, thì đây chính là thay đổi khí chất, cử chỉ thái độ ôn hòa nhã nhặn. Ví dụ như chúng ta ngồi ghế, nếu chưa học qua những oai nghi này mà giống như người thế gian thì họ rất thô lỗ, lấy ghế thì kéo trên mặt đất, phát ra âm thanh rất lớn, nhưng trong tâm họ đều không biết, không có sức quán chiếu. Người học qua oai nghi thì họ biết phải cung kính cẩn thận, chắc chắn sẽ không kéo ghế để phát ra âm thanh, mà nhắc nhẹ nhàng lên rồi lại nhẹ nhàng đặt xuống. Đây là biểu hiện khí chất cao thượng, như các đệ tử đã tổng kết khí chất của Khổng lão phu tử thành 5 chữ “ôn, lương, cung, kiệm, nhượng”, ôn hòa, lương thiện, cung kính, tiết kiệm, nhẫn nhượng. Học đạo, chúng ta muốn tu học thánh đạo thì phải thuận theo lệnh thầy làm chính. Sư trưởng chỉ dạy, sai bảo thì phải có thể tùy thuận tuân theo. Những việc này đều phải tu dưỡng trong cuộc sống thường ngày.

Trong “chỉ quán” nói: “Cầu học với thầy phải học được tận thiện, phụng sự thầy nhất định phải quên lỗi của thầy”, tức là chúng ta cầu học vấn, đạo đức của sư trưởng thì nhất định phải học được tận thiện tận mỹ, tức là hoàn toàn học được những điểm tốt của sư trưởng. Học vấn, đạo đức của họ, chúng ta đều phải học được. Khi chúng ta phụng sự sư trưởng nhất định phải quên đi lỗi lầm của sư trưởng, bởi vì trước khi sư trưởng vẫn chưa là thánh nhân thành tựu viên mãn thì chắc chắn đều sẽ có lỗi lầm. Dù đã là thánh nhân viên mãn như đức Phật, như Bồ-tát, nhưng thị hiện trong thời mạt pháp thì họ cũng sẽ thị hiện những chỗ tương đồng với phàm phu chúng ta. Chúng ta không biết dụng ý thị hiện của sư trưởng, nếu bói móc lỗi của sư trưởng thì bản thân sẽ tổn hại rất lớn, bạn mất đi tâm cung kính đối với sư trưởng, trên thực tế bạn sẽ không học được những học vấn chân thật của sư trưởng.

Trong kinh Thiện Cung Kính nói: “Phật nói, đệ tử ở chỗ thầy không được nói những lời thô lỗ, thầy có trách mắng thì không được cãi lại, thầy không hỏi thì không được tùy tiện nói, hễ thầy sai bảo thì không được làm trái. Nếu không khởi tâm cung kính với thầy, đi nói điểm tốt xấu của thầy, thì đó là người ngu si, phải trừng trị như pháp. Thầy thật sự có lỗi còn không được nói, huống nữa là thầy không có lỗi”.

Kinh văn này nói nếu đệ tử ở chỗ sư trưởng thì không được nói những lời thô lỗ. Nếu sư trưởng có trách mắng thì không được dùng lời nói để phản biện, tức là cãi lại. Nếu sư trưởng không hỏi thì người làm đệ tử không được tùy tiện mở miệng nói chuyện. Điều này Đệ Tử Quy cũng nói: “trước người lớn, phải nhỏ tiếng”. Nếu cha mẹ, sư trưởng không nói thì phải lùi lại cung kính đứng nghiêm. Hễ sư trưởng có gì sai bảo, bảo chúng ta làm việc thì chúng ta không được làm trái mệnh lệnh của sư trưởng. Nếu không sanh khởi tâm cung kính với sư trưởng, lại còn đi tuyên truyền nói điểm tốt xấu của sư tăng, sư tăng là chỉ những vị sư trưởng chỉ dạy chúng ta, ví dụ như hòa thượng, a-xà-lê, còn cả những vị thầy hướng dẫn chúng ta. Chúng ta nói điểm tốt xấu, đúng sai, thiện ác của họ là thuộc về những kẻ ngu si. Trong luật nói phạm giới này thì phải trị tội như pháp, cho nên tỳ-kheo không kính sư trưởng thì xem như phạm tội ở chương thứ năm. Do đó, điều này cũng là quy định trong giới pháp. Giả sử sư trưởng thật sự có lỗi còn không được nói, càng huống hồ là không có. Bởi vì chúng ta chưa chắc đã nhìn ra được lỗi của sư trưởng là thật hay là giả, có thể chính mình nhìn lầm, dùng quan điểm của bản thân để nhìn để nhận định, dường như thấy sư trưởng phạm lỗi, trên thực tế sư trưởng chưa chắc đã phạm lỗi, mà là bản thân mình nhìn lầm.

Cho nên, nếu không hết mực cung kính sư trưởng thì tương lai sẽ堕 vào một địa ngục nhỏ gọi là đập cột sống. Địa ngục đập cột sống này tức là trên thân của người tội mọc ra bốn cái đầu, thân thể bị lửa thiêu đốt, hình trạng này giống như đồng lửa tụ lại, ngọn lửa mãnh liệt ấy hừng hực cháy không ngừng nghỉ. Ở trong địa ngục này còn có một số những loại trùng độc có miệng hình móc câu thường đến cắn lưỡi của họ. Hạng người này từ địa ngục ra vẫn phải đầu thai vào đường súc sanh, thường ăn phân nước tiểu, cuối cùng xả bỏ thân thể súc sanh đầu thai vào nhân gian vẫn thường sanh đến nơi biên địa, tức là nơi không có Phật pháp, thậm chí da dẻ của họ cũng không giống người, tức là da bị lở loét rất nhiều, thậm chí không đầy đủ hình thể, sắc diện của con người, tức là các căn có khiếm khuyết. Chúng tôi thấy gần đây có một số cô nhi viện, cô nhi viện đó có rất nhiều người đều bị tàn tật, hoặc bị bại não, hoặc thiếu năng trí tuệ, bệnh tâm thần, bệnh động kinh..., hoặc thiếu tay thiếu chân bị bỏ rơi. Những đứa trẻ này thấy thật sự rất đáng thương, trong kinh này nói hạng người này nhất định cũng là đời trước tạo nghiệp. Cho nên, bạn xem bất kính sư trưởng, ra khỏi địa ngục, súc sanh được làm người sẽ biến thành loại người

này. Họ bị người khinh thường, xem thường, còn chịu sự hủy báng, lăng nhục của người, hơn nữa lìa xa chánh pháp của đức Phật, không có trí tuệ, sau khi chết thường vẫn sẽ đọa vào địa ngục, luân hồi như thế chịu vô lượng vô biên thống khổ, chính là do không có tâm cung kính đối với sư trưởng, chánh pháp, đây đều là những lời đức Phật khai thị cho chúng ta. Được rồi, chúng ta xem tiếp điều thứ 16:

“Phàm có những việc phạm giới thì không được che giấu, mà nhanh chóng đến gặp thầy tha thiết cầu sám hối. Thầy đồng ý thì hết lòng phát lộ, tình thành hối cải để trở lại thanh tịnh”.

Ở đây nói nếu có việc phạm giới, ví dụ phạm trọng tội căn bản *giết, trộm, dâm, dối* thì không được che giấu lỗi lầm với sư trưởng, mà phải thưa thỉnh sư trưởng giải quyết nghi hoặc cho chúng ta, rốt cuộc chúng ta có phạm giới không. Bởi vì chúng ta chưa chắc có thể đã hiểu rõ về giới tướng, mời sư trưởng phán đoán cho chúng ta là phạm tội nặng hay là phạm tội nhẹ? Hay là tội phương tiện? Là tội căn bản hay là phương tiện? Phạm tội ở bậc nào? Chúng ta phải thỉnh sư trưởng giải nghi cho chúng ta. Nếu thật sự phạm trọng tội thì phải theo sự dạy bảo của sư trưởng nghiêm túc tu thủ tướng sám, tức là bái sám, lạy Phật thấy được tướng lành, hoặc thấy ánh sáng, thấy hoa, thấy Phật đến xoa đánh, hoặc Chiêm Sát sám được luân tướng thanh tịnh v.v., như vậy mới có thể thọ lại giới, đắc được giới thể. Dù phạm tội nhẹ, nếu bản thân không biết phạm tội nặng hay nhẹ thì cũng không được che giấu tội ấy. Che giấu tức là không dám nói ra, phú nghĩa là che giấu, tàng nghĩa là giấu giếm. Nếu có lỗi lầm mà có thể tận tình phát lộ thì tâm phạm lỗi này tương đối yếu, nên tội nghiệp tương đối nhẹ, sẽ không quá sâu. Nếu chúng ta phạm lỗi mà không chịu phát lộ, ngược lại tội nghiệp này trở thành rất sâu.

Như trong *Đệ Tử Quy* nói “biết sửa lỗi, không còn lỗi, nếu che giấu, lỗi chồng thêm”. Có lỗi mà sửa được thì đó chính là người tốt, “người không phải thánh hiền, ai mà không có lỗi, lỗi mà có thể sửa, chẳng thiện nào lớn hơn”. Giả sử chúng ta có lỗi, chẳng những không chịu sửa đổi mà còn muốn che giấu, thậm chí bị người biết rồi nhưng vẫn che tội giấu lỗi, thanh minh đủ kiểu thì đó chính là lỗi chồng thêm. “Cô” này chính là tội lỗi, tội tăng thêm tội, vốn dĩ là tội nhỏ, bây giờ biến thành tội lớn, vốn dĩ có thể là không có tội, bởi vì sám hối sẽ “trở lại thanh tịnh”, vậy thì không còn tội nữa, nhưng kết quả lại biến thành tội tăng thêm tội. Cho nên, chúng xuất gia chúng ta nếu phạm giới thì đều phải phát lộ, sám hối như pháp. Nếu không sám hối

như pháp trở lại thanh tịnh thì Phật không cho phép chúng ta tham gia tụng giới trong tăng đoàn. Hôm nay chính là ngày tụng giới, nếu chúng ta có tội thì trước khi tụng giới phải sám hối để trở lại thanh tịnh, không được biết mình phạm giới mà đem theo tội đi tham gia yết-ma tụng giới. Nếu làm vậy chính là đại bất kính với Phật. Bởi vì Thích-ca Mâu-ni Phật từng nói: “Ta không diệt độ, nửa tháng sẽ đến một lần”. Phật không diệt độ, năm xưa ở Ấn Độ chỉ là ứng hóa thân của ngài thị hiện diệt độ mà thôi, trên thực tế pháp thân không diệt, mà là tùy loại hiện thân. Ngài có nguyện mỗi nửa tháng, khi tăng đoàn tụng giới thì ngài nhất định sẽ đến, cho nên hôm nay Thích-ca Mâu-ni Phật đã đến rồi, chỉ là phàm phu mắt thịt chúng ta không nhìn thấy mà thôi. Chúng ta không được đã phạm giới, giới thể không thanh tịnh rồi mà còn đối diện trước Phật. Đây chính là bất kính với Phật.

Khi Phật tại thế, ban đầu là Phật tụng giới, kết quả một lần trong tăng đoàn có một tỳ-kheo phạm giới, ông che giấu không chịu sám hối, rồi tham gia tụng giới nên Phật không thuyết, tức là không thuyết giới. Kết quả ngài A-nan khái thỉnh, từ đầu đêm đến giữa đêm, đến cuối đêm, khái thỉnh Phật thuyết giới nhưng Phật đều không thuyết. Bởi vì nếu minh tướng vừa xuất hiện, pháp yết-ma thuyết giới này, như trong yết-ma có pháp “dữ dục”, minh tướng vừa xuất hiện thì dục pháp liền mất, hơn nữa để lỡ mất ngày thuyết giới thì không tốt, cho nên ngài A-nan khái thỉnh đức Phật: “Ngài mau nói đi, thời gian sắp qua rồi”. Phật liền nói: “Ta không thể ở trong tăng đoàn tỳ-kheo không thanh tịnh mà thuyết giới được”. Bởi vì Phật có 500 thần Kim Cang hộ pháp, vị nào cũng cầm bảo chùy kim cang. Nếu khi Phật thuyết giới mà trong tăng đoàn có người không thanh tịnh, che giấu lỗi lầm thì thần kim cang sẽ lấy bảo chùy đập vỡ đầu của họ, Đức Phật không nhẫn tâm nhìn thấy cảnh này cho nên ngài thà không nói. Kết quả lúc này tôn giả Mục-kiền-liên nhập định quan sát xem tỳ-kheo nào phạm giới mà không phát lộ sám hối. Kết quả nhìn thấy một tỳ-kheo gần đó là người che giấu tội lỗi, cho nên sau khi ngài Mục-kiền-liên xuất định đã xách ông dậy, sau đó kéo ra giới ngoại, rồi quay lại nói với Phật rằng: “Bạch Phật, bây giờ ngài có thể thuyết giới rồi”. Phật liền nói: “Sau này không được dùng thiên nhãn quan sát người có phạm tội hay không, mà phải để họ tự phát lộ. Nếu mắt thịt quan sát thấy mọi người đều thanh tịnh, thì xem như thanh tịnh rồi”.

Nhưng Phật có ngũ nhãn, làm sao đây? Cho nên Phật nói: “Về sau ta không thuyết giới nữa, về sau tăng đoàn do tỳ-kheo thuyết giới”. Đương nhiên mặc dù tỳ-

kheo thuyết giới nhưng Phật vẫn sẽ đến, cho đến nay khi mỗi một tăng đoàn chúng ta thuyết giới thì đức Phật đều đến, chúng ta phải sám hối thanh tịnh tội nghiệp của bản thân, chỉ cần bạn có ý niệm mình có tội thì đều phải phát lộ sám hối. Nếu có một số tội tương đối nặng mà không kịp sám hối thì ít nhất phải phát lộ, đối trước một vị đồng pháp, tỳ-kheo đối trước tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đối trước tỳ-kheo-ni, sa-di đối trước sa-di, sa-di cũng có thể đối trước tỳ-kheo để phát lộ.

Ở đây nói, thông thường việc phạm giới này là tương đối nặng, cần phải sư trưởng đến quyết định đúng sai, nặng nhẹ, cho nên phải *“nhanh chóng đến gặp thầy, tha thiết cầu sám hối”*. “Nghệ” chính là đi đến, nhanh chóng đến chỗ sư trưởng, tha thiết thỉnh mời sư trưởng đến giúp mình sám hối diệt tội. Sư trưởng đồng ý thì chúng ta nên “hết lòng phát lộ”, gọi là hết lòng tức là không giữ lại chút nào, không được chỉ nói một chút, sau đó còn che giấu một chút, chọn một số phương diện tốt để nói, những phần không dám công khai thì không dám nói. Trên thực tế như vậy là không chân thật phát lộ, tội đó không cách gì sám hối thanh tịnh được, cho nên chỉ cần có thể hết lòng phát lộ, nhất định có thể “tinh thành hối cải”, tinh chính là tinh chuyên, thành chính là chí thành, không lừa dối, không gạt mình, càng không dám dối thầy, sám hối, sửa lỗi như vậy. Những tội nhẹ thông thường thì đối thú sám hối có thể trở lại thanh tịnh. Tội nặng thì phải thủ tướng sám hối thấy được tướng lành cũng có thể trở lại thanh tịnh.

Nếu phạm trọng tội, ví dụ bốn trọng tội căn bản *giết, trộm, dâm, dối* thì chúng ta thỉnh thầy phán đoán, phán định rốt cuộc có phạm trọng tội hay không. Nếu phạm trọng tội thì phải thủ tướng sám hối. Thủ tướng sám hối chỉ có thể phục diệt tội của chúng ta nhưng không đoạn được gốc, cũng tức là nói gốc của tội nghiệp này vẫn ẩn tàng ở phía dưới, chỉ là nó sẽ không chướng ngại chúng ta tu hành, sẽ không chướng ngại chúng ta đắc giới, đắc định, đắc tuệ. Do đó, chỉ cần thủ tướng sám hối thấy được tướng lành thì có thể thọ giới lại, nhưng không có nghĩa là bạn đã hết tội, chỉ là đem nó như lấy đá đè cỏ, đè nó xuống để không trở thành chướng ngại mà thôi. Khi nào mới có thể hoàn toàn trừ bỏ gốc của tội nghiệp này? Vậy thì phải đạt đến vô sanh sám. Vô sanh sám chính là sám hối khai trí tuệ, biết được hết thủy pháp vốn không sanh diệt, việc này cần phải có thật chứng, không phải chỉ hiểu đạo lý này ở trên lý, trên văn tự lời nói, mà phải thật sự khế nhập vào cảnh giới này. Cho nên,

kinh văn có nói đoan tọa niệm thật tướng, mặt trời trí tuệ có thể tiêu trừ, chính là nói trường hợp này.

Đoan tọa là biểu thị bạn đang tu định, tu định thật tướng các pháp này. Trong định này có chánh niệm, chánh tuệ, chứ không phải định chết cứng. Bạn niệm là thật tướng, thật tướng tức là biết các pháp đều là không, nhưng lại giống như tồn tại. Không và có không phải là hai, có thể nhìn rõ thật tướng, khế nhập vào cảnh giới thì trí tuệ này sanh khởi rồi, có thể diệt trừ được tội nghiệp của chúng ta, đây gọi là đã đoan được gốc tội, hết thấy gốc tội đều sám hối, đây chính là vô sanh sám.

Như hiện nay rất nhiều người chúng ta đang lạy Chiêm Sát sám, trong Chiêm Sát sám vừa có thủ tướng sám, cũng có nội dung của vô sanh sám, những bài kệ quán tưởng đó, mỗi một lạy Phật lạy xuống đều là “năng lễ sở lễ tánh không tịch”. Đây là bạn quán mình năng lễ, người năng lễ chính là mình, bản tánh của Phật sở lễ đều là không tịch, nhưng lại giống như tồn tại, như thế chính là niệm thật tướng. Thật tướng vô tướng nhưng chẳng phải không có tướng, có thể khế nhập vào thật tướng thì diệt được tánh tội rồi. Tánh tội vốn không, bạn có thể khế nhập vào cảnh giới này, cho nên thủ tướng sám chính là “hết thấy tội chướng đều sám hối”, tội chướng hết rồi. Nếu là vô sanh sám thì chính là “hết thấy gốc tội đều sám hối”. Chúng ta niệm kệ sám hối, trước tiên thứ nhất là “nay con đối trước Phật cầu sám hối”, đó là phát lộ sám hối, tác pháp sám, tiếp theo thứ hai là “hết thấy tội chướng đều sám hối” là thủ tướng sám, cuối cùng vô sanh sám chính là “hết thấy gốc tội đều sám hối”.

Trong Sa-Di Thành Phạm nói, phạm có sai lầm tội lỗi mà sư trưởng thị hiện nổi giận trách mắng đủ kiểu thì không được dùng những lời ngon tiếng ngọt để che giấu lỗi lầm của mình. Nếu thấy sư trưởng nổi giận, bực mình thì chúng ta phải sanh tâm sợ hãi, thu liễm sắc mặt của mình lại, quỳ ở trước mặt thầy, giữ tâm hổ thẹn nhục nhã mà thành khẩn tiếp nhận sự trách mắng của sư trưởng, có lỗi mau sửa đổi, không có gắng tốt hơn. Bất luận sư trưởng trách mắng đúng hay sai thì đều phải cung kính như vậy, có lúc chúng tôi nhìn thấy cảnh này, tức là khi sư trưởng trách mắng đệ tử, đệ tử đứng ở đó, vóc dáng họ cao lớn hơn sư trưởng, sau đó cúi đầu nhìn sư trưởng, nét mặt không biểu cảm, lúc này làm vậy thì thật không nên. Hễ thấy sư trưởng biểu lộ cảm xúc, tức là có dáng vẻ không vui, dáng vẻ trách mắng chúng ta thì chúng ta đều phải lập tức quỳ xuống mang tâm sám hối, hổ thẹn. Dù sư trưởng

nói sai, có thể thầy không hiểu hết tình hình, hiểu sai thì chúng ta đều phải cung kính thuận theo. Bản thân có lỗi này thì phải sửa, không có lỗi này thì phòng ngừa tuyệt đối, không được có tư hào tâm oán hận, phản nghịch nào đối với sư trưởng. Được rồi, chúng ta xem tiếp điều thứ 17:

“Thầy chưa nói xong thì không được nói”.

Đây là lễ nghi nói chuyện, nói chuyện với người, lễ phép với người đều phải chờ đối phương nói xong thì chúng ta mới nói. Nếu đối phương chưa nói xong mà chúng ta trực tiếp nói chen vào là thể hiện bản thân vô cùng ngang ngược vô lý, càng huống hồ là sư trưởng, sư trưởng có dạy bảo, nếu không đợi sư trưởng nói hết mà chúng ta đã phát biểu ý kiến của mình, hoặc sư trưởng trách mắng chúng ta, chúng ta lập tức biện luận cắt ngang lời của sư trưởng, thì đây chính là không cung kính sư trưởng. Nếu không nghe hết lời của sư trưởng thì bản thân cũng sẽ mất đi lợi ích lớn. Ví dụ sư trưởng có thể muốn khai thị đại pháp cho chúng ta, nhưng giữa chừng chúng ta ngắt ngang lời của sư trưởng, vậy thì sư trưởng có thể sẽ không nói tiếp nữa, bản thân sẽ mất đi lợi ích. Cho nên, Đệ Tử Quy nói “cha mẹ dạy, phải kính nghe”, cha mẹ và sư trưởng đều giống nhau, họ dạy dỗ, có lời dạy bảo chúng ta thì chúng ta đều phải cung kính lắng nghe. Dù bản thân có một số ý kiến muốn bày tỏ với sư trưởng thì đều phải chờ sư trưởng nói xong, sau đó xem tiếp tình hình có thích hợp để bày tỏ không, hoặc thưa hỏi sư trưởng là con có một số cách nghĩ như vậy có thể báo cáo với sư trưởng không, như thế mới biểu đạt được tâm cung kính của mình. Tiếp theo, điều thứ 18:

“Không được ngồi dựa gối trên chỗ ngồi của thầy và nằm trên giường thầy, dùng áo mũ của thầy”.

Chúng ta không được tùy tiện ngồi vào chỗ ngồi của sư trưởng, giường cũng không được tùy tiện nằm, đặc biệt nếu tòa sư tử thuyết pháp của sư trưởng thì chúng ta càng không được tùy tiện lên tòa ngồi. Dù là sư trưởng trước khi sắp lên tòa thì đầu tiên đều sẽ lễ bái, vái chào tòa sư tử rồi mới dám lên tòa, đây là cung kính đối với pháp tọa. Nếu chúng ta dùng tâm đùa nghịch, đùa bỡn ngồi lên như vậy thì phạm không ít tội rồi, cho nên cung kính chỗ ngồi của sư trưởng giống như cung kính sư trưởng vậy, không được xem thường, cũng không được mặc những đồ của sư trưởng như áo, mũ v.v.. Giả sử sư trưởng giao y phục cho bạn, bảo bạn bảo quản, hoặc phụ trách mang ra ngoài, vậy chúng ta đều phải giữ gìn ôn hòa, gấp gọn gàng để ở nơi

sạch sẽ. Ví dụ trong vali nếu có đồ khác có thể sẽ làm bẩn y phục, vậy thì nên dùng túi bọc cẩn thận y phục lại rồi mới đặt vào cùng. Giả sử sư trưởng muốn đem y phục thừa của mình cho chúng ta thì chúng ta không được có tâm chán ghét: “sao sư trưởng mặc đồ cũ rồi mới cho mình vậy?” Như vậy là không cung kính, mà phải cung kính quỳ xuống đón nhận, chính là “sư trưởng tặng không dám chối từ”, sư trưởng cho chúng ta đồ, chúng ta không dám chối từ, mà đều phải tiếp nhận. Được rồi, tiếp theo xem điều thứ 19:

“Đưa thư từ giùm thầy, không được tự ý bóc ra xem, cũng không được cho người khác xem. Đến nơi người ta có hỏi, nên trả lời thì thành thật đáp lại, không nên trả lời thì khéo léo khước từ câu hỏi đó. Họ mời ở lại thì không được tùy tiện ở lại, mà nghĩ nhanh chóng trở về, hoặc đường xa trời tối, có mưa gió nạn duyên v.v. thì tùy thời mà quyết định cho phù hợp”.

“Đưa thư từ giùm thầy”, “trì đạt” nghĩa là gửi, đưa thư giùm thầy, đây là chuyển phát một số thư từ, bao gồm cả lễ vật v.v.. Chúng ta không được tự ý bóc ra xem, đây là không cung kính đối với sư trưởng. Dù là thư từ của người thông thường, chúng ta cũng không được bóc ra xem, bóc ra xem cũng là không có đạo đức. Nếu sau khi bóc ra, ví dụ những nội dung này không nên công khai mà bạn biết được thì người thế gian họ đều có quyền khởi tố bạn, nghĩa là bạn thuộc về tội xâm phạm quyền riêng tư của người khác. Người xuất gia chúng ta làm sao có thể lén lút vụng trộm xem đồ của người khác được? Cũng không được “cho người khác xem”, tức là không được đưa cho người khác xem, mình không có quyền này, chưa được sự đồng ý thì làm sao có thể tự ý làm chủ, tùy tiện mở thư của sư trưởng ra cho người khác xem được? Việc này người xuất gia, người tại gia đều kiêng kị, cho nên người xuất gia chúng ta tuyệt đối không được làm như vậy. Ở trên những phương diện luân lý đạo đức, đạo đức xã hội, quy củ hành vi, người xuất gia đều phải làm tấm gương cho thế gian thì làm sao có thể làm những chuyện dung tục này được. Cho nên, đã nhận lệnh của sư trưởng thì nhất định phải nghiêm túc làm việc, chí thành đưa thư từ, vật phẩm đến nơi, đưa đến chỗ đối phương. Cũng không được kéo dài thời gian, cho nên ở đây nói trì đạt thư từ, chữ trì này có nghĩa là nhanh hết sức, chính là chạy nhanh, có nghĩa như vậy. Sư trưởng bảo bạn làm: “cha mẹ bảo, chớ làm biếng”, bạn nhanh chóng đi làm ổn thỏa những việc này.

“Đến nơi người ta có hỏi, nên trả lời thì thành thật đáp lại”, đây là nói giả sử đối phương có thể thấy trong thư có một số vấn đề muốn hỏi chúng ta, chúng ta cảm thấy về tình về lý có thể trả lời thì căn cứ theo sự thật để trả lời, nhưng có khi không nên trả lời, nếu trả lời có thể sẽ mang tới phiền phức cho sư trưởng, hoặc khiến đối phương hiểu lầm v.v., vậy chúng ta nên phương tiện khéo léo từ chối. Do đó ở đây nói *“không nên trả lời thì khéo léo khước từ câu hỏi đó”*, khéo léo khước từ, phương tiện khéo léo cũng là thành khẩn, không phải bịa ra vài câu nói dối để ứng phó đối phương, nếu để đối phương biết thì ngược lại sẽ sanh tâm hoài nghi chúng ta, hoặc thậm chí khiến đối phương coi thường sư trưởng. Cho nên chúng ta phải thành khẩn, ví dụ nói thẳng với họ là *“những chuyện này đệ tử cũng không hiểu rõ lắm nên cũng không dám tự ý trả lời vấn đề của ngài”*. Phải để đối phương hiểu rõ bản thân bạn chỉ là ở lập trường của một người đệ tử hoặc người đưa thư, nên không thể đại diện sư trưởng trả lời vấn đề của đối phương được, thông thường đối phương đều sẽ hiểu.

“Họ mời ở lại thì không được tùy tiện ở lại, mà nghĩ nhanh chóng trở về”, nếu đối phương muốn giữ chúng ta ở lại, ví dụ đường đi rất xa mà bây giờ trời đã tối rồi, vậy bạn hãy ở lại chỗ họ. Đặc biệt thời xưa giao thông không thuận tiện, thông thường đi đưa thư có thể một ngày không thể trở về ngay được. Bao gồm cả hiện nay, ví dụ bạn đến nơi tương đối xa, ngày hôm đó không thể trở về được, đối phương muốn giữ chúng ta ở lại thì chúng ta cũng không thể tùy tiện ở lại. *“Không được tùy tiện ở lại”*, tức là bản thân phải suy xét trước, thứ nhất phải suy xét sự việc này, thứ hai suy xét thời gian có phù hợp hay không? Thứ ba suy xét con đường này có thể trở về kịp hay không? Nếu có thể trở về kịp, vậy thì nhanh chóng trở về. Một mặt không gây phiền phức cho đối phương, bởi vì tiếp đãi bạn ở lại một đêm thì họ còn phải tìm chỗ nằm, còn phải đưa cho bạn ga trải giường, nệm mới. Bạn về rồi, họ còn phải giặt giũ sạch sẽ những gối chăn này, điều này gây ra rất nhiều chuyện phiền phức, cho nên phải suy xét trước. Tâm mình phải nghĩ *“nhanh chóng trở về”*, phải nhanh chóng trở về chỗ sư trưởng, không được lưu lại ở bên ngoài quá lâu. Chúng ta nhớ sư trưởng giống như con hiếu nhớ mẹ hiền vậy, không được có giây phút lãng quên.

Ở đây nói *“hoặc đường xa trời tối, có mưa gió nạn duyên...”*, tức là đường đi rất xa xôi, bây giờ trời đã tối, sắp hoàng hôn rồi, hoặc có gió lớn, như hôm qua có bão, có bão rất lớn, nhưng họ nói là bão trên cấp 12, tối hôm qua bão cả một đêm,

hiện giờ trời trong gió mát, dường như cũng không có bão gì cả, tức là mọi người ở đây cố gắng tu hành thì có thể giúp tiêu tai giải nạn. Giả sử gặp phải cơn bão như vậy, hoặc mưa to không tiện trở về, hoặc có các nạn duyên, thì lúc này “*tùy thời mà quyết định cho phù hợp*”, có thể ở lại thì ở lại, ở lại một đêm đợi nạn duyên qua đi, rồi chúng ta lại tiếp tục trở về. Được rồi, tiếp theo xem điều thứ 20:

“Thầy tiếp khách thì đứng ở chỗ thường đứng, hoặc đứng ở cạnh thầy, hoặc đứng sau thầy, tai mắt cần phải tiếp ứng nhau, hầu thầy khi cần”.

Chúng ta phụng sự sư trưởng thì phải giống như con hiếu với cha mẹ vậy, dùng tâm hiếu để phụng sự. Nếu có khách đến thì càng phải cung kính hơn, thể hiện chúng ta là một người thật sự có giáo dưỡng, là sư trưởng có phương pháp dạy dỗ chúng ta, khiến đối phương, người khách đó nhìn thấy cũng có thể sanh tâm cung kính, tán thán. Nhìn thấy tấm gương tốt của chúng ta thì họ cũng có lòng tin, có thể tán thán sư trưởng, nghĩa là giống như làm cho sư trưởng vinh dự hơn vậy. Nếu khách tới mà nhìn thấy chúng ta không có chút oai nghi nào, không có chút tâm cung kính nào đối với sư trưởng, vậy thì họ sẽ xem thường chúng ta, cũng xem thường sư trưởng, nghĩa là họ cảm thấy sư trưởng không biết giáo dục, giống như nếu trẻ nhỏ ở bên ngoài nghịch ngợm làm chuyện xấu thì người ta sẽ mắng nó: “con người này không có gia giáo”, không có gia giáo thì chẳng khác nào mắng cha mẹ của nó. Khi sư trưởng và khách ngồi với nhau thì chúng ta nên đứng ở vị trí nào? “*Hoặc đứng ở chỗ thường đứng*”, tức là chúng ta đứng ở chỗ thường ngày. Ở đây chú ý chữ “đứng”, không được giống như đứng ngồi ngang hàng với sư trưởng. Sư trưởng ngồi ở đó uống trà với khách, bạn cũng tùy tiện ngồi ở đó cùng uống trà với sư trưởng, giống như bạn đang làm chủ nhà tiếp đãi khách vậy. Làm vậy nghĩa là bạn không hiểu được bổn phận của mình, cho nên phải đứng ở chỗ thường ngày để sư trưởng có thể nhìn thấy. Nếu sư trưởng có việc sai bảo thì thầy sẽ nhìn thấy bạn ngay.

“Chỗ đứng thường ngày” cũng là chỗ không xa cũng không gần, tức là không được quá xa, cũng không được quá gần. Người ta đang nói chuyện, bạn đứng quá gần thì sẽ gây hiềm nghi, như thể bạn muốn nghe trộm họ nói chuyện vậy. Nếu bạn đứng ở đó thì hãy thu nhiếp thân tâm của mình lại, hoặc đứng ở đó niệm Phật, đừng ở đó vênh tai lên nghe xem sư trưởng và khách rốt cuộc nói những nội dung gì, dùng tâm hiếu kỳ để nghe. Đương nhiên nếu sư trưởng và khách nói những chuyện về Phật pháp thì bạn cũng có thể nghiêm túc nghe nhận, bản thân cũng có thể được lợi

ích. Giả sử nói những chuyện không liên quan đến mình thì bạn không cần vênh tai lên để nghe, mà lúc này có thể niệm Phật nhiều. Hoặc đứng bên cạnh thầy, tức là ở bên cạnh sư trưởng, hoặc đứng ở “phía sau thầy”, đứng phía sau sư trưởng. “*Tai mắt cần phải tiếp ứng nhau, hầu thầy khi cần*”, nhất định phải khiến tai, mắt của chúng ta với sư trưởng đều có thể tiếp ứng lẫn nhau. Nếu sư trưởng cần gì, thầy vừa nhìn lên, hoặc vừa quay đầu nhìn chúng ta, nói với chúng ta một yêu cầu thì chúng ta đều có thể lập tức tiếp nhận, không đến nỗi khiến sư trưởng quá tốn sức.

Sự cung kính như vậy đối với sư trưởng cần đạt đến mức độ thế nào? Trong kinh Phật lấy một ví dụ cho chúng ta, Phật nói quốc vương có một đại thần trí tuệ, khi quốc vương muốn ăn cơm liền gọi tên vị đại thần này “Tiên-đà-bà”. Vị đại thần trí tuệ này liền lập tức đem muối đến chỗ quốc vương, ông liền biết quốc vương cần muối. Khi quốc vương muốn tắm liền gọi đại thần này “Tiên-đà-bà”, đại thần này liền chuẩn bị nước ngay, biết quốc vương muốn đi tắm rồi. Giả sử quốc vương muốn đi chơi chỉ cần gọi một tiếng “Tiên-đà-bà” là ông liền nhanh chóng đi dắt ngựa đến. Giả sử quốc vương ăn cơm mà cần dụng cụ liền gọi một tiếng “Tiên-đà-bà”, vị đại thần này liền nhanh chóng bung dụng cụ mà quốc vương cần đến, cho nên “Tiên-đà-bà” này giống như một mật ngữ có câu tất ứng vậy. Bạn xem, vị đại thần này hầu hạ quốc vương đạt đến trình độ như vậy, thật sự là tâm đầu ý hợp. Giả sử đệ tử có thể phụng sự sư trưởng đến mức như vậy, bạn muốn đạt được chân truyền của sư trưởng thì không khó chút nào, thật sự là tâm đầu ý hợp, thầy trò hợp đạo. Trong Sa-Di Thành Phạm nói, hễ nhìn thấy khách đến thì chúng ta cần phải sanh khởi tâm cung kính, không được sanh tâm chán ghét hoặc khinh mạn, bất luận đối phương là người có thân phận như thế nào, hoặc đối phương là người có oai nghi hay không, chỉ cần họ là khách của sư trưởng thì chúng ta đều phải cung kính tiếp đãi. Cần phải làm như thế nào? Tiếp khách thì phải rửa tách trà, pha trà rót trà cho khách. Nếu khách đến rồi, khách từ xa đến mà ngay đến một tách trà cũng không mời người ta thì một chút lễ phép cũng không có. Tiếp theo chúng ta xem tiếp điều thứ 21:

“Thầy đau bệnh, trước sau lo chữa trị, phòng thất, chẩn nệm, thuốc thang, cơm cháo v.v., từng việc đều để tâm lo liệu”.

Sư trưởng là cha mẹ pháp thân của chúng ta. Trẻ nhỏ ở thế gian cũng không thể một ngày không có cha mẹ, vậy chúng ta vừa xuất gia, thời gian học Phật chưa lâu, chúng ta vẫn chưa thật sự tu học có thành tựu thì không thể rời khỏi lời giáo

huấn của sư trưởng một ngày, mà phải giống như hiếu tử cung kính, hiếu thuận sư trưởng vậy. Khi sư trưởng bị bệnh thì phải hết lòng điều dưỡng thân thể cho sư trưởng. Ở đây nói “trước sau lo chữa trị”, giống như Đệ Tử Quy nói “cha mẹ bệnh, nếm thuốc trước, ngày đêm hầu, không rời giường”. Cha mẹ có bệnh thì hiếu tử phải sắc thuốc cho cha mẹ, trước tiên phải nếm xem thuốc này nồng độ sắc đã đủ chưa? Mức lửa có đủ không? Bản thân cảm thấy vừa ý rồi thì mới có thể bung lên cho cha mẹ uống. Ngày đêm đều hầu hạ trước giường của cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ bị bệnh nặng, người xưa là không cởi thắt lưng thay y phục, tức là đêm cũng không ngủ, mặc cả quần áo ngoài mà không thay ra, hầu hạ cha mẹ như vậy mới là tận hiếu.

Sư trưởng giống như cha mẹ vậy, cha mẹ sanh thân mạng của chúng ta, còn sư trưởng sanh huệ mạng của chúng ta, mà huệ mạng lại quan trọng hơn thân mạng, cho nên tâm hiếu kính của chúng ta đối với sư trưởng chí ít nhất định phải giống như hiếu kính cha mẹ vậy. Đương nhiên thân huyết nhục của sư trưởng chắc chắn sẽ có lúc bị đau bệnh, lúc này chúng ta phải tận tâm chăm sóc chữa trị cho sư trưởng, cần đưa sư trưởng đến bệnh viện để chữa trị thì phải đi, hoặc đi bốc thuốc, hoặc mời bác sĩ đến khám v.v.. Thông thường nếu tứ đại bất hòa, bình thường bản thân cũng phải học một số thường thức về y học, đặc biệt là những thường thức điều trị của Đông y. Bệnh này là bệnh hàn hay bệnh nhiệt? Nguyên nhân vì sao dẫn đến bị bệnh? Bệnh hàn, đương nhiên chúng ta phải trừ bỏ hàn, ví dụ canh gừng chính là thuốc trừ hàn. Ví dụ bệnh nhiệt thì chúng ta phải thanh nhiệt, uống một số loại thanh mát, tiêu hỏa, tóm lại là phải hiểu được một số những thường thức này. Hoặc sư trưởng vì quá mệt mỏi thì phải để sư trưởng nghỉ ngơi nhiều, uống nhiều nước, có khi cảm mạo cũng là do mệt mỏi quá độ mà gây ra, cố gắng chăm sóc sắc thân của sư trưởng. Đây chính là chúng ta hiếu thuận với sư trưởng.

“*Phòng thất, chăn nệm*” của sư trưởng, chúng ta đều phải hết lòng lo liệu, tức là quét dọn phòng ốc, đặc biệt khi sư trưởng bị bệnh, có thể bản thân không thể tự quét dọn được thì chúng ta hãy đảm nhiệm công việc này. Chăn nệm nếu cần phải giúp sư trưởng gấp gọn thì gấp gọn, cần giặt sạch thì giặt sạch, đây là lo liệu bên ngoài. “*Thuốc thang, cơm cháo*” là lo liệu bên trong, sắc thuốc, nấu một chút cháo, thức ăn cho sư trưởng v.v.. Sa-di có thể nấu thức ăn cho sư trưởng, có thể làm những việc này để phục vụ cho sư trưởng. Lúc này không thể nói chúng ta không được tự nấu ăn nên không nấu ăn cho sư trưởng, hoặc nói ở đây chúng ta không có tịnh nhân,

vậy con động vào những thức ăn này là ác xúc rồi, con không làm đâu. Bạn làm vậy, trái lại là vì cái nhỏ mà mất cái lớn. Nhỏ là gì? Những thứ này đều thuộc về oai nghi vi tế, vì sư trưởng chúng ta nên dùng tâm hiếu kính phục vụ sư trưởng làm chính. Bởi vì dầu sao bạn vẫn chưa phải là tỳ-kheo, mà học vị chỉ ở vị trí đệ tử, cho nên phải hiểu được điều gì quan trọng. Ở vị trí đệ tử quan trọng nhất chính là học phụng sự thầy, cho nên bạn xem hai môn đầu trong môn oai nghi có độ dài như vậy đều là nói “kính đại sa-môn” và “phụng sự thầy”. Đây là oai nghi, những oai nghi này là điều cần học tập nhất ở giai đoạn sa-di. Học tốt điều này rồi thì bạn chính là một pháp khí, tương lai bạn học pháp sẽ có thành tựu. Tiếp theo điều thứ 22:

“Phàm khi hầu thầy, thầy không bảo ngồi thì không dám ngồi. Thầy không hỏi thì không dám nói, trừ khi mình có việc muốn hỏi”.

Phàm là phụng sự sư trưởng thì đều phải biết tiến thoái và chừng mực. Sư trưởng không bảo bạn ngồi thì bạn không dám tùy tiện ngồi. Sư trưởng không hỏi bạn thì bạn đừng tùy tiện đối đáp, trừ khi bản thân có việc muốn hỏi. Trong Đệ Tử Quy cũng có cách nói giống như vậy: “Người lớn đứng, nhỏ chớ ngồi, người lớn ngồi, bảo mới ngồi”. Bạn xem, Đệ Tử Quy và sa-di oai nghi kỳ thực đều là cách nói khác nhau nhưng cùng ý nghĩa, không thể nói là Đệ Tử Quy thì chúng tôi không học đâu. Kỳ thực Đệ Tử Quy và sa-di oai nghi, ở trong đạo tràng chúng ta thực hành Đệ Tử Quy chính là oai nghi của sa-di. Ở trong đó nói là hiếu thuận cha mẹ, kính trọng bề trên, đó đều là nội dung trong oai nghi của chúng ta. Khi sư trưởng đứng, chúng ta là bề dưới thì không được ngồi, người lớn ngồi rồi, sau đó bảo chúng ta ngồi thì chúng ta mới ngồi, đây chính là cung kính đối với sư trưởng.

Còn có “trước người lớn, phải nhỏ tiếng, nhỏ không nghe, không đúng phép”, ở trước tôn trưởng, âm thanh của chúng ta không được quá lớn, tùy tiện nói chuyện, lớn tiếng huyên náo, đây là bất kính đối với sư trưởng. Nói chuyện phải nhỏ tiếng. Khi sư trưởng hỏi, chúng ta cũng phải trả lời, âm thanh trả lời cũng không được quá nhỏ, quá nhỏ giống như tiếng muỗi kêu thì căn bản là sư trưởng không nghe được bạn nói cái gì. Điều này cũng là bất kính, tức là nói nhỏ không nghe thấy được, đều nghe không được, không nghe thấy, “*không đúng phép*”, điều này là không thích hợp, không nên. Cho nên, nếu sư trưởng không hỏi thì bản thân chúng ta đừng chủ động nói gì cả, trừ khi bản thân có việc muốn hỏi; như ở trước nói, nếu muốn thỉnh giáo Phật pháp thì phải đáp y, lễ lạy đầy đủ oai nghi. Hỏi những việc khác thì có thể

không cần lễ lạy, nhưng cũng phải cung kính. Những oai nghi này quả thực không những sa-di phải học, kỳ thực rất nhiều tỳ-kheo chúng ta, như bản thân tôi cũng cảm thấy đều phải thường xuyên ôn tập không được quên. Những căn bản làm người này thật sự cả đời không được có phút giây rời xa.

Tốt rồi, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây trước, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 25

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 03/08/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp trên mạng tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mở sách đến môn oai nghi thứ hai “hầu thầy”. Chúng ta xem điều thứ 23:

“Phạm khi hầu thầy không được dựa tường, tựa ghế, mà thân phải ngay ngắn, chân đứng nghiêm cạnh thầy”.

Đây là nói đệ tử khi đứng phụng sự sư trưởng thì thân thể không được lười biếng dựa vào vách tường hoặc cạnh bàn. Chữ “dựa” này có nghĩa là dựa dẫm, thân thể không đứng thẳng. Đây là một loại tướng trạng cao ngạo, tướng trạng tùy tiện, đó chính là bất kính đối với sư trưởng, nên đứng như thế nào? “Thân phải ngay ngắn, chân đứng nghiêm cạnh thầy”. Phải đứng ngay ngắn, hơn nữa chân đứng nghiêm, tức là chân đừng dạng ra. Tư thế có thể giống như đứng nghiêm vậy, gót chân để sát vào nhau, mũi chân hơi tách ra, nhưng không phải là hai chân tách ra. Đứng cạnh là nói đứng ở bên cạnh sư trưởng, chứ không phải đứng đối diện với sư trưởng. Đương nhiên phải phụng sự sư trưởng nên cũng không thể đứng ở phía sau sư trưởng được, vậy bạn sẽ không nhìn thấy nét mặt và nhu cầu của sư trưởng, thế nên phải đứng ở bên cạnh. Đứng thẳng chính là ổn định, đứng như tùng, thẳng đứng giống như cây tùng vậy, đây là oai nghi cung kính. Cho nên, sa-di mặc dù vừa mới xuất gia, vẫn chưa thọ giới cụ túc, nhưng họ là cháu của pháp vương. Pháp vương là chỉ Phật, Bồ-tát là con của pháp vương, sa-di là cháu của pháp vương, là bậc thầy mô phạm của trời người trong tương lai, cho nên cần có hình tượng đoan trang, đôn hậu, thận trọng,

khiến đại chúng nhìn thấy chúng ta cũng có thể sanh khởi tâm cung kính, như vậy mới có thể làm ruộng phước của trời người. Xem tiếp, câu tiếp theo:

“Muốn lễ lạy, nếu thầy ngăn lại thì thuận theo lệnh thầy không lạy”.

Đây là câu thứ 24, khi muốn lễ lạy sư trưởng, nếu sư trưởng ngăn chúng ta lại, ví dụ sư trưởng nói miễn lễ, hoặc nói không lễ, vậy thì chúng ta nên nghe theo mệnh lệnh của sư trưởng mà không lạy. Sư trưởng nói không lạy thì chúng ta không lạy, nghe lời đây chính là cung kính. Nếu chúng ta miễn cưỡng lạy thì trái lại là không thuận theo ý của sư trưởng, lạy như vậy chẳng bằng không lạy, cho nên cung kính tùy thuận mới là thật sự lạy thầy. Ở Tây Độ, chính là Ấn Độ, chỉ có pháp một lễ, tức là chỉ lạy sư trưởng một lạy, thông thường không lạy ba lạy, chúng ta đối với Phật mới lạy ba lạy, đối với sư trưởng hoặc thượng tọa khác chỉ dùng một lạy. Hiện nay, thông thường trong lễ tiết chúng ta nói cung kính sư trưởng như Phật, cho nên thông thường chúng ta sẽ nói “đảnh lễ sư phụ ba lạy”. Thông thường sư phụ đều hiểu đạo lý, hiểu quy củ, họ sẽ không tiếp nhận ba lạy của bạn, mà họ sẽ bảo bạn là một lạy, đây là lễ lớn nhất rồi, hoặc nói không lạy. Không lạy thì bạn xá chào, cảm ơn sư phụ từ bi, không muốn con lễ lạy vất vả như vậy. Đây là sư trưởng từ bi, cũng cần nói ra, như vậy cho thấy bạn rất hiểu lễ phép. Tiếp theo câu thứ 25:

“Thầy có việc sai bảo thì nên làm cho kịp thời, không được làm trái, lười biếng”.

Nếu sư trưởng bảo chúng ta làm việc gì, “sai bảo” tức là bảo chúng ta, ra lệnh cho chúng ta làm việc thì chúng ta nên làm cho kịp thời, nhanh chóng y giáo phụng hành, không được trì hoãn. “Vi mạn”, vi nghĩa là làm trái lời sư trưởng, mạn nghĩa là lười biếng. Cung kính sư trưởng quan trọng nhất là nhìn từ đây, mà sư trưởng lựa chọn đệ tử, lựa chọn truyền nhân cũng thường nhìn từ đây. Xem bạn đối với mệnh lệnh của sư trưởng có làm theo hay không, không bớt không giảm, có nhanh chóng làm không chút do dự hay không. Nếu bạn không làm được thì chính là không nghe lời, không nghe lời nghĩa là làm trái ý sư trưởng rồi. Mặc dù bề ngoài bạn tỏ thái độ rất lễ phép, ví dụ như phía trước nói bạn thấy sư trưởng có thể nói “đảnh lễ sư phụ ba lạy”, lễ nghi làm rất đầy đủ, nhưng sư trưởng bảo bạn làm thì bạn lại không động đây, sư trưởng liền biết bạn chỉ tỏ vẻ bề ngoài thôi, thế thì sao? Sư trưởng sẽ không bảo bạn làm nữa. Đệ tử chân thật thật thà nghe lời hay không thì sư trưởng sẽ quan sát từ đây. Thông thường phải quan sát một khoảng thời gian mới biết họ là thật hay giả.

Nói theo Mật tông, đệ tử chọn sư phụ và sư phụ chọn đệ tử đều phải quan sát 3 năm, 3 năm cơ bản là có thể nhìn thấu một người. Người này là thật hay giả? Có đạo tâm không? Có tâm lâu bền không? Đều có thể nhìn ra được, sau đó mới truyền pháp, không phải nói truyền một cách dễ dàng như vậy. Nếu không kiên trì, không cách gì kiên trì ở chỗ sư trưởng được thì bản thân họ đã bỏ mất cơ hội học pháp này rồi. Do đó, những oai nghi nhỏ nhất này chúng ta đều không được xem nhẹ, những tiểu tiết nhỏ nhất này chính là thể hiện tâm cung kính của bạn, đối với sư trưởng có thật sự tôn sư trọng đạo hay không, bạn có thể tôn sư trọng đạo mới có thể đạt đạo. Đạo không thể dùng tâm khinh mạn mà có thể đạt được, cho nên hiểu thân tôn sư là đại căn đại bản của học Phật. Có thể thành tựu hay không là nhìn từ đây, không phải nhìn xem tư chất của bạn thông minh tới cỡ nào, hoặc bạn học được bao nhiêu thường thức, hiểu được bao nhiêu, hoặc xem bạn có bao nhiêu từng trải, có bao nhiêu kinh nghiệm nhân sinh, những thứ này đều không phải quan trọng nhất, quan trọng nhất chính là nhìn bạn có thật sự hiểu thân, tôn sư, trọng đạo hay không?

Như đại sư Mật-lặc-nhật-ba theo học pháp với thượng sư Mã-nhĩ-ba. Thượng sư Mã-nhĩ-ba dùng phương thức cay nghiệt để giày vò ngài, vì sao vậy? Tức là muốn khảo nghiệm xem ngài có thật tôn sư trọng đạo không? Cái tâm đó của họ là thật, 3 năm đều không thay đổi thì có thể truyền pháp cho người này. Bởi vì muốn giả vờ cũng không giả vờ nổi 3 năm, giả vờ 3 tháng thì được, 3 tháng thì giả vờ không nổi nữa, phiền não sẽ hiện hành. Đây là nhân địa không thật thì sẽ chiêu cảm quả công vẹo. Mật-lặc-nhật-ba chân thật, ngài thật sự muốn học được đại đạo thành Phật ở chỗ thượng sư Mã-nhĩ-ba, không phải nói hâm mộ thượng sư Mã-nhĩ-ba có danh tiếng lớn tới cỡ nào, có bao nhiêu tín đồ, có bao nhiêu cúng dường, hoặc có thần thông lớn cỡ nào, đều không phải đến vì điều này, mà chính là vì chứng đạo. Cái tâm này là thật, nhân là thật cho nên ngài chịu đủ loại khảo nghiệm nhưng ngài đều không thoái tâm. Giả sử nhân không chân thật mà gặp phải khảo nghiệm thì chắc chắn thoái tâm. Tiếp theo điều thứ 26:

“Phàm khi ngủ nghỉ không được ngủ trước thầy, trừ khi có bệnh thì bạch thầy rồi mới ngủ trước”.

Đây là nói buổi trưa hoặc buổi tối khi bản thân muốn nghỉ ngơi thì nên làm thế nào? Phụng sự sư trưởng nghỉ ngơi trước, sư trưởng ngủ trước rồi chúng ta mới có thể ngủ, không được ngủ trước sư trưởng. Trong Phật pháp nói ngủ nghỉ là thuộc về phiền não ngũ cái, nó có thể che lấp trí tuệ của chúng ta, che lấp chân tâm của

chúng ta, khiến thiện pháp không thể sanh khởi, mà sẽ luân chuyển trong biển khổ tam giới. Chúng sanh dục giới đều cần ngủ nghỉ, nhưng chúng sanh từ sắc giới trở lên thì không cần ngủ nghỉ nữa, họ có thể hàng phục được những dục vọng này. Ngủ cũng là một trong năm dục, chúng ta biết dục vọng này là phiền não, càng ít càng tốt, nên không được buông thả nó. Bạn buông thả nó thì nó sẽ không ngừng tăng trưởng, cho nên người càng ngủ thì càng thích ngủ, ngủ đến cuối cùng một ngày có thể ngủ mất nửa ngày, vậy người này có thể làm được việc gì nữa đây?

Trong luật điển nói, người ngủ nhiều có năm loại lỗi:

Thứ nhất “nhiều ác mộng”, ngủ chắc chắn sẽ nằm mộng, cảnh mộng mà bạn gặp trong mơ đều là hạt giống trong a-lại-da-thức của bạn hiện hành, mà ngủ là thuộc về hạt giống phiền não. Hạt giống phiền não này nó có công năng liên đới lôi kéo theo những hạt giống cùng loại khác. Đã là hạt giống phiền não thì nó chắc chắn sẽ lôi kéo theo những phiền não khác, lôi kéo theo những hạt giống xấu ác, cho nên người ngủ nhiều, buổi tối khi họ nằm mộng sẽ gặp rất nhiều ác mộng, tức là hạt giống ác nghiệp hiện hành, giống như người bị đọa xuống ác đạo vậy. Cảnh giới của ác đạo chính là hạt giống ác nghiệp hiện hành. Kỳ thực đọa vào ác đạo chính là đang gặp ác mộng, toàn bộ pháp giới chính là một giấc mộng lớn, ba đường thiện là mộng đẹp, ba đường ác là mộng xấu, cho đến thế giới Tây phương Cực Lạc cũng là một giấc mộng, đó là giấc mộng thanh tịnh, tốt đẹp, sau khi tỉnh mộng rồi bạn biết những cảnh giới đó toàn bộ là vọng tưởng. Trong kinh Lăng-nghiêm nói tất cả hư không, quốc độ, chúng sanh đều là do vọng tưởng mà sanh ra, không có vọng tưởng thì những cảnh giới này không sanh. Chúng ta hiện nay ở thế giới Ta-bà, trong 51 tâm sở, tâm sở ác nhiều, có 26 cái; tâm sở thiện ít, chỉ có 11 cái, còn chưa đến một nửa. Cho nên, nếu bạn ngủ nhiều thì những hạt giống ác đó sẽ hiện hành rất nhiều, bao gồm cả việc trong mộng có thể làm rất nhiều việc phạm giới, tạo ác nghiệp, thọ ác báo đều ở trong mộng.

Lỗi thứ hai là “chư thiên không ưa thích”, thiên nhân ngủ nghỉ rất ít, tầng trời càng hướng lên cao thì ngủ càng ít. Dục giới có 6 tầng trời, 6 tầng trời hướng lên trên thì tầng sau càng có trí tuệ hơn tầng trước, tâm càng thanh tịnh hơn, càng có phước đức hơn. Đến trời Sắc giới thì không cần ngủ nghỉ nữa, mà họ trụ ở trong thiền định, hưởng thụ thức ăn là thiền duyệt, cho nên thiên nhân không thích nhìn thấy người ngủ nhiều. Một người, đặc biệt là người tu hành nếu thường ngủ gật, thường thích ngủ nghỉ thì thiên nhân đều không cung kính. Họ nhìn thấy bạn tinh tấn dụng công,

thật sự không ngủ không nghỉ, ví dụ bạn niệm Phật, một ngày 24 tiếng dụng công, vậy thì chư thiên sẽ tán thán, bội phục. Bởi vì sắc thân này của chúng ta cần ngủ nghỉ, nhưng bạn có thể giảm đến mức thấp nhất, thậm chí trong thời gian ngắn có thể không ngủ, điều này khiến chư thiên có thể tôn kính.

Lỗi thứ ba là “tâm không thể thâm nhập vào pháp”, nội tâm không thể tiến vào Phật pháp được, cũng tức là người thường ngủ nghỉ thì tâm luôn trong trạng thái hôn ám vô minh. Ví dụ họ nghe kinh, nghe pháp thì rất khó an trụ trong chánh tư duy, họ không không chế được ý niệm, cho nên không có chánh niệm. Người ngủ nhiều nhất định ít chánh niệm. Người chánh niệm ít sẽ xuất hiện tình trạng thế nào? Thường hay quên, đây đều là nghiệp chướng; người nghiệp chướng nặng, thậm chí vừa mới giao việc, quay đầu liền quên mất, vừa để một vật ở đó mà khi quay đầu cái liền quên mất để ở đâu, tâm tình của họ rối loạn lộn xộn, ý loạn thì không phải chánh niệm. Muốn khắc phục ngủ nghỉ quả thực không dễ dàng, phải cắn chặt răng. Như người xưa đọc sách là “tóc buộc lên xà, kim đâm vào đùi”, những câu chuyện này mọi người đều đã nghe nói. Đây vẫn là những học giả thế gian, họ muốn cầu học mà dụng công tinh tấn như vậy. Tóc của người xưa dài, họ đem tóc cột lên xà nhà, như vậy bạn muốn ngủ gật, đầu vừa cúi xuống thì tóc liền bị kéo đau, như thế sẽ tỉnh lại, hoặc lấy cây kim đâm vào đùi của mình, đâm đến chảy máu, vừa đau thì liền tỉnh táo.

Người tu hành chúng ta càng nên dừng mãnh tinh tấn, đương nhiên không phải cổ vũ mọi người lấy kim đâm vào đùi, đâm đến máu chảy thành sông, không phải ý đó, mà bản thân bạn nghĩ cách đối trị. Ví dụ khi bạn thật sự buồn ngủ, xem sách buồn ngủ rồi thì làm thế nào? Đứng dậy lạy Phật, hoặc lấy nước lạnh rửa mặt, hoặc tự xoa bóp phần đầu, khiến máu huyết ở phần đầu lưu thông nhanh một chút, vậy sẽ có tinh thần, hoặc tự dùng tay bấm huyệt của mình, bấm với lực mạnh, điều này đều giúp lưu thông khí mạch, khiến bạn có thể đề khởi tinh thần. Có rất nhiều phương pháp bản thân phải học cách đối trị, mà quan trọng nhất chính là phải có tâm đạo, biết rằng “thân người khó được, Phật pháp khó được nghe”, đạo nghiệp của mình vẫn chưa thành tựu, sanh tử vẫn chưa giải quyết xong, làm sao có thể phóng dật mà ngủ nghỉ được? Việc lớn chưa làm xong thì giống như lửa cháy tóc vậy, như cứu lửa cháy đầu, vậy sao dám phóng túng bản thân cho được.

Lỗi thứ tư là “không tư duy minh tướng”, họ sẽ không nghĩ đến trời sáng, bởi vì thông thường người thích ngủ đều là vừa ngủ là ngủ đến sáng, người tu hành không thể như vậy được. Trời chưa sáng thì chúng ta đều phải thức dậy lên khóa sáng rồi.

Giả sử ngủ đến sáng mới dậy thì không giống một người tu hành lắm, thậm chí hiện nay có không ít người ngủ đến khi mặt trời đã lên cao, tôi nghe nói còn có người buổi tối họ đều không ngủ, họ đi làm những việc ví dụ như chơi game, có thể chơi đến 3-4h sáng, sau đó khi trời sắp sáng rồi thì họ mới đi ngủ, ngủ mãi đến chiều lúc trời sắp tối, rồi họ lại dậy tiếp tục chơi game. Đây thật sự gọi là sống say chết mộng, thật sự là người đáng thương xót.

Lỗi thứ năm là “trong mộng chảy ra thứ bất tịnh”, tức là trong khi ngủ mơ sẽ chảy ra những thứ bất tịnh, bất tịnh thông thường chính là nói người nam xuất tinh, điều này phần lớn là trong mộng có những cảnh tượng dâm dục. Bởi vì chúng ta ở trong luân hồi, dâm dục là một phiền não lớn nhất, chúng ta muốn đời này đều không dễ dàng, càng hưởng hồ bạng phóng túng bản thân, thiếu mất chánh niệm thì đương nhiên càng khó hơn, không thể được, cho nên bản thân chúng ta phải luyện tập cố hết sức giảm bớt ngủ nghỉ. Không thể không ngủ, dầu sao sắc thân của chúng ta không phải là thể kim cang bất hoại nên vẫn cần ngủ, nhưng vừa đủ là được rồi, hơi thiếu một chút không sao, cắn chặt răng vượt qua. Phật chế định thời gian ngủ nghỉ là giữa đêm đi ngủ, tức là 4 giờ đồng hồ, từ 10h tối đến 2h sáng là khoảng thời gian ngủ nghỉ. Khoảng thời gian này là lúc ngủ nghỉ thích hợp nhất. Thời gian này vừa đúng là lúc rất nhiều lực phủ ngũ tạng phục hồi vào buổi tối. Lúc này bạn không cần rất nhiều thời gian để ngủ nhưng tinh thần thể lực phục hồi rất tốt, thật sự là ngủ sớm dậy sớm. Đương nhiên nếu 2h không thể dậy được thì 3h cũng được, muộn hơn nữa là 4h cũng nên dậy rồi, 6 tiếng là đủ. Sau đó, buổi trưa nếu tinh thần không phấn chấn được thì có thể chợp mắt nghỉ ngơi một chút, nửa tiếng, hơi nhắm mắt lại, thả lỏng thân tâm thì đến tối đều có tinh thần, quan trọng nhất là phải giảm bớt vọng tưởng của mình đi.

Trong Đông y nói rằng nghĩ nhiều sẽ tổn thương thần, nghĩ ngợi quá nhiều, vọng tưởng rất nhiều sẽ tổn thương thần của bạn, hao thần, cho nên bạn cần ngủ để bổ sung lại. Ví dụ bạn không có vọng tưởng, rất thanh tịnh, vậy thì bạn không cần ngủ nhiều như vậy, không cần ngủ nhiều cũng không cần ăn quá nhiều. Vọng tưởng nhiều thì cần ăn rất nhiều, cũng cần ngủ rất nhiều mới có thể bổ sung được. Cho nên, phương pháp căn bản chính là tu tâm thanh tịnh, thông qua tụng kinh niệm Phật, cố định bản thân trên con đường tu hành, giảm hết mức các ngoại duyên. Bạn tiếp xúc quá nhiều ngoại duyên thì bạn chắc chắn rất nhiều vọng tưởng. Bạn vọng tưởng nhiều

thì phải ngủ nhiều, ăn nhiều, tánh ác tuần hoàn, phiền não nhiều, phiền não nhiều thì tạo ác nhiều, nghiệp chướng nhiều.

Cho nên chúng ta phải giảm thiểu hết mức việc ngủ nghỉ, phải ngủ muộn hơn sư trưởng. Thông thường sư trưởng cũng không cần ngủ nhiều như vậy, họ biết nếu bạn đợi họ ngủ rồi bạn mới đi ngủ thì e rằng bạn không được như họ, hơn nữa nếu thức dậy thì bạn phải dậy sớm hơn sư trưởng, nên sư trưởng đều sẽ từ bi, thấy thời gian tương đối muộn rồi thì sẽ bảo bạn: “Được rồi, con về nghỉ ngơi đi”. Lúc này bạn có thể rời khỏi, trừ khi bạn muốn trở về sớm một chút, ví dụ có bệnh, thân thể cần ngủ nghỉ để điều dưỡng thì có thể nói với sư trưởng: “Hôm nay thân thể đệ tử không khỏe, muốn trở về nghỉ sớm một chút”, thông thường sư trưởng đều sẽ đồng ý: “Vậy con về nghỉ ngơi đi”. Nếu sư trưởng không chủ động bảo bạn trở về, bạn cũng không có lý do ốm bệnh, vậy thì đừng tự ý rời khỏi sư trưởng. Được rồi, tiếp theo điều thứ 27:

“Có người hỏi tên thầy thì nên đáp là thượng gì đó, hạ gì đó, hỏi hiệu của thầy thì nói hiệu của thầy”.

Ở đây nói đệ tử không được trực tiếp gọi pháp danh của sư trưởng. Nếu người khác hỏi: “Thầy của bạn tôn tánh đại danh, pháp hiệu là gì?” Khi bạn giới thiệu sư trưởng thì phải thêm chữ “thượng, hạ”. Ví dụ đại hòa thượng ở đây của chúng ta, hòa thượng chính là sư trưởng của chúng ta, chúng ta nên gọi là đại hòa thượng thượng Diệu hạ Trí, không được trực tiếp gọi tên tự của thầy. Nếu gọi hiệu của thầy, hiệu thường không phải tên do ân sư thế độ của sư trưởng đặt, có thể là tên hiệu mà họ tự đặt. Ví dụ pháp danh của đại sư Ngẫu Ích là thượng Trí hạ Húc, Ngẫu Ích là ngài tự đặt, bởi vì ngài muốn cầu sanh thế giới Cực Lạc. Ngẫu là rễ phía dưới của hoa sen, ý nghĩa chính là nói tôi muốn vãng sanh Tịnh độ, nên phải vun trồng tốt rễ của hoa sen. Ích chính là đạt được lợi ích này, có ý nghĩa như vậy, cho nên đây là hiệu mà ngài tự đặt. Lại ví dụ như đại sư Liên Trì, Liên Trì cũng là hiệu của ngài, hiệu này có thể trực tiếp xưng hô. Nếu là tên hiệu của sư trưởng, hiện nay thông thường người xuất gia chúng ta vẫn tiếp tục dùng nội hiệu, ngoại hiệu. Nội hiệu chính là pháp danh, tên hiệu chính là ngoại hiệu, như nội hiệu của tôi là Truyền Đạo, là pháp danh, ngoại hiệu chính là Định Hoằng để người khác xưng hô, nội hiệu thì chỉ có sư trưởng được xưng hô. Chúng ta gọi ngoại hiệu cũng có thể không cần dùng thượng hạ, nhưng nên thêm một chức vị phía sau, ví dụ sư phụ Định Hoằng, pháp sư Định Hoằng đều được.

Nếu gọi hòa thượng của mình thì có thể gọi là hòa thượng gì đó, hoặc bốn sư gì đó đều được. Được rồi, chúng ta xem câu tiếp theo:

“Không được rời khỏi thầy để sống riêng. Nếu thầy qua đời, hoặc đi xa không đi theo được thì phải hỏi y chỉ theo ai, rồi theo lời thầy dạy mà ở với thầy y chỉ, vẫn làm tất cả mọi việc như pháp phụng sự thầy. Nếu thầy không chỉ thị mà đã qua đời, hoặc đi xa thì phải chọn lại mình sư y chỉ mà ở. Nếu thầy hoàn tục, hoặc thầy phá giới, hoặc thầy bị đại tăng trục xuất thì cũng phải chọn lại mình sư y chỉ mà ở cùng, không được phóng túng tùy tiện”.

Đoạn này cũng rất quan trọng, làm đệ tử vừa xuất gia thì nhất định phải y chỉ thiện tri thức để tu hành. Trước kia, ngài A-nan nói với Phật rằng: “Thiện tri thức là một nửa của người phạm hạnh”, nghĩa là bạn muốn thành tựu phạm hạnh của bạn, tức là tâm thanh tịnh, là thành tựu thánh đạo thì thiện tri thức chiếm một nửa công lao. Nói cách khác, một nửa phải dựa vào chính mình. Ngài A-nan rất có tâm đắc nên nói với Phật tâm đắc này, kết quả Phật trách ngài rằng: “Ông nói sai rồi, không đúng đâu, thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh”. Toàn bộ công lao là thuộc về thiện tri thức, toàn bộ dựa vào thiện tri thức, không phải dựa vào bản thân bạn. Phật nói, sở dĩ ta có thể thành tựu A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề cũng hoàn toàn dựa vào thiện tri thức. Nói cách khác, muốn thành tựu Phật đạo thì sư trưởng là quan trọng nhất, không có sư trưởng, thiện tri thức dẫn dắt thì không thể thành tựu được.

Cho nên trước khi chúng ta chưa thành tựu thì không thể rời khỏi sư trưởng mà tự tìm một nơi để ở được. “Ở riêng” tức là tự tìm một nơi, có thể lấy một danh nghĩa là bé quan: tôi dụng công nên tìm một nơi tịnh tu, dụng công v.v., hoặc nói tham học, nói rất dễ nghe nhưng trên thực tế đều là phiền não tập khí của bản thân đang làm chủ. Đó là vì sao? Sư trưởng quản giáo rất nghiêm khắc, chúng ta không chịu nổi, nên tìm một cái cớ rời khỏi, rời khỏi chính là vứt bỏ cơ duyên thành tựu, đời này cũng bỏ phí rồi. Chúng ta vẫn chưa thật sự khai trí tuệ, bạn muốn tự ra ngoài tham học, trên thực tế cái học được thường sẽ học lệch lạc. Bạn xem kinh Hoa Nghiêm, khi nào Thiện Tài đồng tử mới ra ngoài tham học? 53 tham là khi nào? Ngài ở dưới tòa bốn sư của ngài là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã khai mở căn bản trí, thập tín tâm đã viên mãn, sắp nhập vào địa vị Sơ trụ rồi, lúc này Bồ-tát Văn-thù mới để ngài ra ngoài tham học. Kết quả, vừa tham học thì thiện tri thức đầu tiên là tỳ-kheo Kiết Tường Vân đã nâng ngài lên đến Sơ trụ Bồ-tát, tức là Pháp thân đại sĩ. Sơ trụ Bồ-tát thì ngang bằng với Phật rồi, là phân chứng tức Phật, Sơ trụ trong Viên giáo. Người

chứng Sơ trụ trong Viên giáo có thể đến 100 thế giới thị hiện thành Phật, họ có thể thị hiện thành Phật, thần thông đạo lực của họ đều ngang bằng với Phật. Đến lúc này Bồ-tát Văn-thù mới cho phép Thiện Tài ra ngoài tham học. Nếu căn bản trí chưa khai mở mà ra ngoài tham học, thật ra mà nói, có khi thiện ác thị phi bạn đều không thể phân biệt được, luôn là như vậy, còn như bạn theo lầm người, theo một tà sư, vậy thì xong rồi.

Trong thời đại mạt pháp, kinh Lăng-nghiêm nói rất rõ ràng rằng “tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng”, nhiều giống như cát sông Hằng vậy, tức là không tính đếm được số lượng ấy. Nhân khẩu thế giới hiện nay có bao nhiêu người? 6 tỷ người, sông Hằng có bao nhiêu cát? E rằng không chỉ là 6 tỷ, cho nên điều này quả thực là một việc cực kỳ nguy hiểm. Thời xưa học pháp, theo thầy học đều có một kỳ hạn, Phật chế định sau khi tỳ-kheo thọ giới nhất định phải học giới trong 5 hạ, bạn phải theo một vị thầy tinh thông giới luật, có chánh tri chánh kiến, tốt nhất có thể học 5 năm với một vị pháp sư thông đạt tam tạng. Nếu chỉ hiểu giới luật, không hiểu kinh luận thì bản thân họ có thể trì giới rất nghiêm cẩn, nhưng có thể do kiến giải của họ chưa viên mãn hoặc không chính xác cũng sẽ dẫn dắt người lầm đường, cho nên phải có độ sâu trong kinh giáo, lại phải có hành trì giới luật, người như vậy có thể làm thiện tri thức, vậy thì chúng ta mới có thể y chỉ họ. Y chỉ thiện tri thức này, giả sử họ không bảo chúng ta đi, mà kỳ hạn học của chúng ta chưa hết, vậy thì chúng ta không được đi.

Phật chế định ít nhất là 5 năm, 5 năm không những phải học giới, mà còn phải học định tuệ. Bạn xem, đại sư Ngẫu Ích có một thiên lời tựa ở phía trước là “Trùng trì tỳ ni sự nghĩa tập yếu”. Tôi nhớ ngài có nói nội dung học giới trong 5 năm này bao gồm những gì? Thứ nhất đều phải thông đạt tất cả bộ phận chỉ trì: *khai, già, trì, phạm* trong các giới điều. Thứ hai tụng giới, yết-ma, tạng sự như pháp trong bộ phận tác trì thì bạn cũng phải thông đạt. Đây là bộ phận giới luật, còn có bộ phận định tuệ, “*không hiểu rõ trí tuệ niệm xứ thì uống công tụng mộc-xoa*”, nghĩa là nếu bạn không có trí tuệ của tứ niệm xứ thì dù bạn có thể tụng giới, mộc-xoa chính là ba-la-đề-mộc-xoa, chính là giới bồn, mặc dù bạn có thể tụng, “*đồ tụng*” nghĩa là uống công tụng, không có tác dụng. Ý này chính là nói không những phải học giới, mà định tuệ đều phải học tập, đặc biệt là trí tuệ, chánh niệm này. Trí tuệ tứ niệm xứ không phải chỉ là Tiểu thừa, mà Đại thừa cũng là tứ niệm xứ. Điều này trên quan niệm là thông với Đại thừa lẫn Tiểu thừa, là quan niệm mà chúng ta nên có, vậy thì phải học tập từ

trong kinh giáo Đại, Tiểu thừa, 5 năm này nghiêm túc học tập thì giới định tuệ của bạn mới đặt nền tảng sâu chắc được. Bản thân khai trí tuệ rồi thì tự nhiên sư trưởng sẽ bảo bạn đi hoằng hóa một phương, hoặc bảo bạn đi tham học. Nếu bạn chưa đến trình độ như vậy thì sư trưởng yêu thương bảo hộ bạn, sẽ không để bạn đi.

Như bản thân tôi theo lão hòa thượng học pháp, học 20 năm, thật sự là theo học một vị thầy, không đổi sang thiện tri thức khác, nghiêm cẩn tuân thủ theo ba điều kiện sư thừa của lão hòa thượng, thứ nhất chính là chỉ nghe một vị thầy, những thầy khác tôi đều không nghe. Thứ hai, trước đây từng học theo những thầy nào, trước đây khi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, vẫn chưa tiếp xúc với lão hòa thượng thì từng theo mấy vị thiện tri thức, nhưng chỉ là duyên rất mỏng, đều không sâu, vậy thì những gì trước kia học được thấy đều không tính, bắt đầu từ bây giờ, bắt đầu từ con số không, bắt đầu học từ đầu, không thể nói: trước đây con đều đã học kinh Hoa Nghiêm rồi, bây giờ thầy còn bảo con bắt đầu học từ Đệ Tử Quy sao? Đúng vậy, bạn theo vị thầy này thì phải bắt đầu học từ Đệ Tử Quy, những thứ học trước kia đều không được tính. Nếu bạn học giới, “trước đây con đều đã học tam đại bộ rồi”, không được, bây giờ con hãy bắt đầu học từ Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu. Đây là bắt đầu lại từ đầu, xây chắc nền tảng, không phải chỉ học thường thức, mà là thật sự cắm gốc. Điều kiện thứ ba, ngoài kinh giáo của vị thiện tri thức này có thể nghe, sách của họ có thể đọc thì những sách khác hoặc đĩa CD, DVD khi chưa được sự đồng ý của thiện tri thức thì tuyệt đối không xem không nghe.

Tôi tuân thủ ba quy định của lão hòa thượng, lão hòa thượng không yêu cầu tôi, là tôi tự yêu cầu mình. Lão hòa thượng nói ngài không dám lấy ba điều này để yêu cầu người. Trước đây, thầy của ngài là lão giáo thọ Lý Bình Nam yêu cầu ngài, nhưng ngài nói hiện nay ngài không dám yêu cầu nữa, bởi vì hiện nay là thời đại dân chủ tự do mở cửa, vậy thì bạn có thể yêu cầu ai được đây? Vậy tùy vào phúc phần của mỗi người thôi. Tôi tự yêu cầu mình tuân thủ 20 năm. Sau 20 năm thì lão hòa thượng chủ động đưa tôi đến chỗ của luật sư Quả Thanh ở Đài Loan để học giới, mới là theo thiện tri thức thứ hai học tập. Việc này vẫn không phải tôi chủ động yêu cầu, tôi không muốn đi nhưng lão hòa thượng vẫn đưa tôi đi. Có lẽ thấy cái gốc của tôi 20 năm nay cơ bản có thể đã cắm vững rồi, không đến nỗi giữa đường đứt gánh nên mới yên tâm đưa tôi đi.

Sau khi được đưa đi mới cảm thấy trước đây xây chắc nền tảng thật là tốt. Trước đây theo một vị thầy là học căn bản trí, những thứ học được dường như rất ít,

nghe kinh chưa nghe được bao nhiêu bộ. Kinh Hoa Nghiêm cũng chưa nghe xong, lão hòa thượng chưa giảng hết, Kinh Vô Lượng Thọ nghe tới lui mấy lần rồi, kinh A-di-đà, còn có một số kinh nhỏ, năm kinh Tịnh độ đều đã nghe hết, kinh Kim Cang, kinh Địa Tạng, như kinh Phát Khởi Bồ-tát Thù Thắng Chí Nhạo, kinh A-nan Vấn Sự Phật Cát Hung, Liễu Phàm Tứ Huấn lão hòa thượng giảng rồi. Kỳ thực cộng lại thì không nhiều lắm, nhiều nhất là 20 bộ kinh, nhưng có một số kinh thì nghe đi nghe lại, như kinh Vô Lượng Thọ ít nhất đã nghe trên 10 lần. Nội dung học trong 20 năm này không nhiều, nhưng ra ngoài tiếp xúc với thiện tri thức khác, muốn học tập thì cảm thấy rất nhanh. Người ta có thể phải học 5 năm, học 10 năm, chúng tôi học 3 năm thì học xong rồi, hơn nữa không thua kém gì người học 5 năm, 10 năm; hơn nữa sau khi học, chúng tôi ra ngoài có thể giảng, từ đây suy ra ví dụ nói kinh chưa từng nghe giảng thì bạn đều có thể giảng, vì sao vậy? Việc này chính là phải khai căn bản trí, bạn nắm chắc được cương lĩnh căn bản, có thể dùng một đạo lý mà quán thông tất cả, một kinh thông tất cả kinh thông, kinh này cũng bao gồm giới kinh, đều có thể dùng một đạo lý mà quán thông tất cả.

Do đó, xây chắc nền tảng lúc ban đầu vô cùng quan trọng, dường như học rất chậm, như rùa bò vậy, không học được thứ gì, nhưng nền tảng này của bạn cắm chắc rồi, tương lai bạn có thể tiến rất nhanh, người ta theo không kịp, bởi vì người ta không xây chắc nền tảng này, họ muốn quay lại xây nền tảng thì lại phải mất 20 năm, như thế họ sẽ không theo kịp bạn. Cho nên, quan trọng nhất chính là thật thà. Bạn muốn thật sự học được những thứ chân thật mà không thật thà thì không học được, bạn chỉ có thể học được chút bên ngoài thôi, bạn sẽ không có thành tựu, gọi là cái gì cũng biết mà không cái nào thông, dường như cái gì cũng hiểu một chút nhưng thật sự bảo bạn lấy bản lĩnh ra thì bạn không làm được, bạn chẳng có cái gì có thể bày lên bàn để khiến mọi người nắm vốc sát đất đánh lễ được, không lấy ra được. Cho nên, *“không được rời khỏi thầy để ở riêng”*, nghĩa là không được rời khỏi thầy y chỉ. Bản thân chưa thành tựu thì hãy an tâm thật thà, dùng thời gian dài để tu học. Bởi vì học Phật không phải để học tri thức, mà chính là tu định tâm của bạn, chỉ có tâm định rồi thì mới có thể khai trí tuệ.

Giả sử bản thân chúng ta vẫn chưa học thành mà không may sư trưởng qua đời, hoặc sư trưởng đi xa đến nơi khác, bạn không thể đi theo. Điều này là thuộc về nhân duyên thay đổi. Quả thực có thể có chuyện đó, nhân sanh mười việc thì tám đến chín việc không như ý. Bạn muốn theo sư trưởng học nhưng chưa chắc có nhân duyên

tốt đó. Ví dụ bạn muốn theo sư trưởng học 10 năm, có thể 3 năm thì nhân duyên thay đổi, sư trưởng sắp ra nước ngoài. Thầy không thể ở lại đây nữa, mà bạn lại không thể ra nước ngoài thì phải làm sao? Đây chính là không như ý.

Chúng ta thấy lão hòa thượng cả đời bôn ba rất nhiều, từ Đài Loan đến nước Mỹ, đến Singapore, đến Úc, đến Hồng Kông, mấy năm lại phải đổi một nơi, cho nên nhân duyên không đủ thì thường sẽ không theo được, muốn theo được sư trưởng thì cần phước báo rất lớn. Bản thân tôi vẫn cảm thấy thật sự có chút phước báo, bắt đầu theo lão hòa thượng từ nước Mỹ, trên cơ bản đều có thể theo được. Từ nước Mỹ theo đến Úc, cùng ở Úc, sau đó theo đến Hồng Kông, cũng ở cùng bên Hồng Kông rất nhiều năm. Đến mỗi một nơi tôi đều có thể làm được thân phận ở bên đó, đều là nhân tài ưu tú di dân đến, cho nên việc này đều không trở thành chướng ngại. Nếu chúng ta không có cách gì theo đi di dân thì cũng không được; còn nữa, cho dù bạn theo bên cạnh sư trưởng, ví dụ bạn..., bởi vì khi ấy tôi vẫn chưa phải người xuất gia, vẫn phải tự nuôi sống bản thân, bạn đi theo nhưng không đủ tiền bạc thì cũng không được. Bạn muốn đi theo hay là cần công việc? Cần công việc thì không theo được, cho nên việc này cũng cần có phước báo.

Khi ấy công việc của tôi rất nhàn hạ. Dạy học trong trường đại học thì có điểm tốt này, rất thanh nhàn. Ở Úc một tuần lên lớp 6h đồng hồ, lượng công việc không lớn, môn học đó tôi thuộc lâu lâu, căn bản là không cần chuẩn bị, nhắm mắt đều có thể giảng được. Sau đó một năm thì viết hai, ba bài văn có thể đăng trên tạp chí tâm cơ thế giới là đã rất không tệ rồi, trường học rất hài lòng, thời gian còn thừa rất nhiều, có thể học Phật, cho nên mỗi lần lão hòa thượng ra nước ngoài vân du thì tôi đều có thể đi theo được. Nếu không theo được thì vẫn không được rời xa thầy y chỉ. Bởi vì rời xa thầy y chỉ thì bạn chắc chắn không thành tựu được. Trước đây chỉ có thể y chỉ theo người khác. Muốn y chỉ người khác cũng phải thừa thỉnh với sư trưởng trước, ví dụ sư trưởng sắp mạng chung rồi thì chúng ta phải hỏi, ngài A-nan chính là hỏi như vậy. Đức Phật chuẩn bị nhập Niết-bàn thì A-nan liền hỏi: “Khi Phật trụ thế, chúng con lấy Phật làm thầy, Phật không ở đời nữa thì chúng con lấy ai làm thầy?” Đức Phật liền nói với ngài: “Lấy giới làm thầy”. Học giới cũng phải y chỉ, giới này chính là nghĩa rộng, Ba-la-đề-mộc-xoa chính là giới, giới mộc-xoa. Kinh giáo, luận điển, kinh luận là thuộc về định cộng giới, đạo cộng giới, chúng ta đều phải y chỉ, y chỉ thiện tri thức để học giới. Cho nên, thiện tri thức nhất định là y theo lời Phật dạy, như lời Phật nói, họ sẽ không tự dùng ý của mình để nói lung tung.

Thiện tri thức nhất định có sư thừa, từ chỗ Phật, rồi tổ tổ tương truyền, truyền đến chỗ thiện tri thức này. Tri kiến đó nhất định không sai, chúng ta y theo người như thế học mới học đúng được. Sư trưởng nói chúng ta nên y chỉ theo ai, thầy sẽ giới thiệu một vị cho bạn, bạn nên nghe theo lời của sư trưởng. Đây chính là mệnh lệnh, bạn nên y chỉ theo vị sư trưởng mới đó mà an trụ, vẫn giống như trước, vẫn làm tất cả mọi việc như pháp phụng sự thầy. Phụng sự thầy mới giống như thầy cũ vậy, cũng tức là hoàn toàn làm theo chương oai nghi “thờ thầy” này, cũng không được rời thầy ra ở riêng, không được phóng dật. Hoặc sư trưởng không chỉ thị, không nói bạn nên y chỉ ai mà đã qua đời, hoặc đi xa rồi, bạn không liên lạc được, vậy thì bản thân cũng nên “*chọn lại mình sư y chỉ mà ở*”. Việc này thời xưa là bất đắc dĩ, kỳ thực hiện nay công cụ truyền thông phát triển, bất luận sư trưởng ở đâu thì chúng ta đều có thể không rời xa thầy y chỉ. Bạn xem, hiện nay có truyền thông bằng hình ảnh, dạy học trên mạng Internet, đều có thể theo sư trưởng thông qua việc dạy học trên mạng. Đương nhiên sư trưởng cũng phải giảng bài ở trên mạng thì bạn mới có thể nghe được, hoặc chí ít bạn có thể nghe đĩa CD. Chỉ cần không rời khỏi pháp của sư trưởng, nghĩa là không rời khỏi thầy y chỉ. Đương nhiên có thể ở bên cạnh sư trưởng thì sẽ tốt hơn, nếu không thì lùi lại một bậc, chính là mỗi ngày vẫn nghe sư trưởng dạy học.

Ở đây nói mình sư là vị sư trưởng đạo nhân đã khai trí tuệ, gặp được sư trưởng như vậy thì chúng ta nên thân cận lâu dài, không được tùy tiện rời khỏi. Ở đây nói mình sư là sư trưởng đã khai trí tuệ, không phải chữ danh trong từ nổi tiếng. Người nổi danh chưa chắc đã khai trí tuệ, chưa chắc có trí tuệ, chưa chắc có chánh kiến. Cho nên mình sư nhất định là bản thân có tu có học, ngôn hành hợp nhất, thậm chí có chứng, có chứng thì chính là thánh hiền, nhưng hiện nay khó tìm được người có chứng, thời đại mạt pháp không tìm được. Dù có chứng, họ cũng không nói cho bạn, bạn cũng không biết, làm sao đây? Xem họ có thật tu thật làm không, họ có thật sự thực hiện nguyện đã phát không? Có phải làm bữa đực bữa cái, phát nguyện rồi không bao lâu thì thoái tâm hay không? Như vậy thì không thể làm thiện tri thức của chúng ta được. Chúng ta theo thiện tri thức cũng phải phát nguyện theo đến cùng. Nếu bản thân không có nạn duyên lớn thì không được rời xa sư trưởng, trừ khi sư trưởng chủ động bảo chúng ta, như trường hợp của tôi. Tôi vốn dĩ phát nguyện theo lão hòa thượng đến cùng, nhưng lão hòa thượng thấy tôi cần học giới nên đã đưa tôi đi học giới. Việc này là lão hòa thượng sắp xếp, chúng tôi vẫn nghe lời như trước, cũng không làm trái ý của sư trưởng. Không thể nói, “con có tình chấp với sư trưởng,

nên không muốn rời khỏi”, vậy cũng không được. Sư trưởng bảo chúng ta làm thế nào thì phải tùy thuận, đừng cảm gánh vác sứ mệnh hộ trì chánh pháp. Bởi vì sư trưởng không thể vĩnh viễn ở đời, nên cần thế hệ sau tiếp nối, đặc biệt là người trẻ tuổi có thể lực, có tinh thần, có thể làm việc, vậy thì phải thực hiện chí nguyện chưa thành của sư trưởng.

Sư trưởng đã lớn tuổi rồi, rất nhiều việc, rất nhiều nguyện vọng đã nói ra nhưng vẫn chưa thể thực hiện được. Do nhân duyên chưa chín muồi, quả thực muốn làm cũng cần thể lực và tinh thần. Trước khi tôi đi học giới, lão hòa thượng đã khuyên tôi rằng: “Nếu hiện nay tôi bằng tuổi của cậu thì tôi nhất định đi học giới, bởi vì học giới mới có thể thật sự khôi phục chế độ tông lâm, kiến lập tốt tăng đoàn, giới pháp phục hưng mới có thể khiến chánh pháp phục hưng, đây là căn bản”. Nhưng lão hòa thượng nói, hiện nay thầy đã quá tuổi rồi, muốn làm nhưng tuổi tác không cho phép, không còn thời gian nữa.

Lão hòa thượng đã nhắc đến việc muốn khôi phục chế độ tông lâm lâu rồi. Năm 1977, lần đầu tiên lão hòa thượng đến Hồng Kông giảng kinh Lăng-nghiêm, lúc ấy muốn thỉnh mấy vị pháp sư ở Hồng Kông, như pháp sư Tảo Trần, pháp sư Giác Quang, mấy người họ muốn thành lập tăng đoàn 5 vị tỳ-kheo. Trước đây, chí nguyện này là phát nguyện của đại sư Ngẫu Ích. Lão hòa thượng chẳng phải cũng có cái nguyện này sao, nhưng nhân duyên chưa đủ nên không làm được, nhưng lão hòa thượng nói rõ với chúng ta đạo lý này, nói muốn khiến Phật giáo thật sự phục hưng thì phải khôi phục chế độ tông lâm. Muốn xây dựng tốt tăng đoàn, xây dựng tăng đoàn thì không rời khỏi giới luật được, không rời khỏi giảng kinh dạy học được. Tăng đoàn, tông lâm chính là một trường học, mọi người ở cùng nhau chính là mỗi ngày học tập, mỗi ngày tu hành, học và tu là một thể, giải hành đều quan trọng. Phật tại thế chính là như vậy, mỗi ngày Phật và tăng đoàn chính là như vậy. Mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp, giảng xong mọi người nghe hiểu rồi trở về liên tu, chúng đắc A-la-hán rất nhiều, cho nên Phật pháp liên hưng thịnh. Vậy chúng ta dùng phương pháp này, tuy căn tánh của chúng ta thấp kém, nhưng cũng nhất định sẽ thành tựu, chỉ ít chúng ta có thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đời này khai ngộ chúng quả thì chưa chắc đạt được, nhưng vãng sanh thì có thể nắm chắc, vậy là đủ rồi, đây chính là thành tựu. Điều này chính là nói không rời khỏi thiện tri thức.

Trước đây thiền sư Đoạn Nhai khai thị cho đại chúng rằng: “Tôi thân cận thiền sư Cao Phong 30, 20 năm thường bị đánh đau đến thấu xương, nhưng chưa từng khởi

một ý niệm rời khỏi”. Thiền sư Cao Phong là sư phụ của thiền sư Trung Phong. Chúng ta biết *Trung Phong tam thời hệ niệm* là của thiền sư Trung Phong. Sư phụ Cao Phong của ngài cũng là người khai ngộ. Thiền sư Đoạn Nhai là một đệ tử khác của ngài. Ngài thân cận thiền sư Cao Phong 30 năm, 20 năm, thường bị đánh đau đến thấu xương, bị đánh không phải là nhẹ, mà đánh đau đến thấu xương, vậy thì có thể bị đánh rất đau giống như thượng sư Mã-nhĩ-ba đánh ngài Mật-lặc-nhật-ba vậy, nhưng thiền sư Đoạn Nhai chưa từng có một ý niệm rời khỏi sư trưởng. Bạn xem, người xưa học đạo chân thành như vậy, bất luận sư trưởng trách mắng, chửi bới thế nào, thậm chí đánh đập, đều không muốn rời khỏi, bởi vì biết chưa học thành tựu, hơn nữa tuyệt đối không nhìn lỗi của sư trưởng, đương nhiên càng không có tâm phản nghịch. Vừa nhìn lỗi của sư trưởng là đã đoạn mất pháp thân huệ mạng của mình rồi, bởi vì bạn theo vị sư trưởng này rất khó thành tựu, không có duyên, lòng tin của bạn bị ô nhiễm. Lòng tin là nguồn của đạo, mẹ của công đức. Bạn theo sư trưởng có thể thành tựu hay không là xem lòng tin của bạn đối với sư trưởng. Nếu lòng tin này bị ô nhiễm thì bạn chắc chắn không thể thành tựu. Như hiện nay mà nói, lòng tin này là dễ bị ô nhiễm nhất, thứ nhất là phiền não bản thân chúng ta nặng, thích nhìn lỗi của người. Lục tổ khai thị: “Nếu người thật tu đạo, không thấy lỗi thế gian”. Chúng ta thế nào vậy? Thường thấy lỗi thế gian, thường thích nhìn lỗi người khác, ngay đến lỗi của sư trưởng cũng không bỏ qua. Họ thường thích nhìn lỗi, đây là tập khí phiền não của mình nặng. Thứ hai là duyên bên ngoài không tốt, duyên gì không tốt? Chính là bên ngoài người nói thị phi cũng không ít. Mặc dù bên ngoài có nói thị phi, nhưng nếu bạn không nghe thì không sao, sợ nhất bạn cũng rất thích nghe thị phi, vậy thì xong rồi, nhân cộng thêm duyên sẽ kết thành quả. Quả là bản thân tạo tội, bản thân mất đi lòng tin đối với sư trưởng, đoạn mất nhân duyên học pháp thành tựu của mình, cho nên hạng người này là ngu si nhất, đáng thương nhất.

Trong luật nói thân cận sư trưởng có bốn trường hợp, thứ nhất là “có pháp có ăn”, ở chỗ sư trưởng có Phật pháp cho bạn, giảng giới cho bạn, giảng định tuệ cho bạn. Ví dụ ở chỗ chúng ta là niệm Phật, niệm Phật chính là học định tuệ, có Phật pháp cho bạn, lại có đồ ăn. Bạn có thể ăn no, mặc ấm, có thể ngủ ngon, có thể lạc trụ, đây là trường hợp tốt nhất, ở một cách an lạc.

Trường hợp thứ hai là “có pháp mà không có ăn”, tức là sư trưởng chỉ cho bạn Phật pháp mà không cho bạn thức ăn, bạn ăn uống phải dựa vào bản thân, người xuất gia chỉ đành ôm bát ra ngoài khát thực, người tại gia có thể dựa vào tiền tích góp của

mình để mua chút đồ ăn, hoặc vừa đi làm kiếm chút tiền vừa đến nghe pháp. Đây là trường hợp có pháp không có đồ ăn, gọi là khổ trụ, phải chịu khổ, ở khổ vẫn phải ở, vì sao vậy? Chúng ta vì pháp mà đến, chứ không phải vì ăn mà đến. Chữ thực này bao gồm cả điều kiện sinh sống của chúng ta, tứ sự cúng dường có đầy đủ không? Cuộc sống có rất an nhàn không? Rất nhiều đạo tràng, ví dụ trước đây chúng tôi ở tịnh xá Chánh Giác không có nhiều nghĩa công như vậy đến hộ trì, công việc đều là người xuất gia tự làm, xuống bếp, quét dọn vệ sinh, may mà đạo tràng đó không xem là lớn, công việc vẫn có thể làm được, tức là ở đó có Phật pháp, đương nhiên cũng có đồ ăn, đồ ăn cũng không tệ, nhưng cần bỏ công góp sức, vậy thì cũng cần chăm chỉ bỏ công góp sức, vì pháp mà ở. Tương đối mà nói thì chúng ta ở đây lượng công việc so với chúng tôi trước kia ít hơn nhiều rồi. Mọi người cơ bản đều không cần làm việc gì, nghĩa công đều phát tâm gánh vác công việc này. Nghĩa công là khổ trụ, người ta từ sáng đến tối thật sự làm rất nhiều việc như quét dọn vệ sinh, xuống bếp, làm các hoạt động đều là nghĩa công lo liệu. Chúng tôi ở tịnh xá Chánh Giác, mỗi năm hoạt động không nhiều, truyền ngữ giới, Bồ-tát giới, còn có rất ít những hoạt động pháp sự, toàn bộ là người xuất gia chúng tôi tự mình làm, tự bố trí hội trường, hiện tại chúng tôi đều không cần làm. Tương đối mà nói thì chúng ta ở đây là thuộc về lạc trụ. Nếu lạc trụ mà không cố gắng an trụ thì đó thật sự là không có phước báo.

Thứ ba là trường hợp “có ăn mà không có pháp”, tức là bạn có thức ăn, cuộc sống lại rất an nhàn, nhưng ở đây không ai giảng pháp cho bạn, cũng không ai đốc thúc bạn tu hành. Bạn không đạt được lợi ích về pháp, lúc này nên làm thế nào? Nếu bạn thật sự vì tu hành thì nên sám hối, tạ từ rồi đi, không nên lưu lại nơi đây. Dù sư trưởng của bạn đối với bạn rất tốt, mỗi ngày sắp xếp cho bạn cuộc sống rất thoải mái, nhưng bạn cảm ơn, bạn sám hối với sư trưởng, tôi không phải vì hưởng thụ điều này, không phải đến vì ăn uống, mà tôi muốn cầu pháp, cho nên tạ từ rồi ra đi, việc này không có lỗi.

Trường hợp thứ tư là “không có ăn, cũng không có pháp”. Đó là vừa không có ăn vừa không có Phật pháp, vậy thì căn bản không cần ở lại đây, có thể cho phép bạn không cáo từ mà rời khỏi, không cần chào sư trưởng mà có thể rời đi, bạn cũng không có lỗi.

Ở đây nói “nếu thầy hoàn tục, hoặc thầy phá giới, hoặc thầy bị đại tăng trục xuất”, ba trường hợp này là sư trưởng phạm lỗi hoàn tục, xả giới hoàn tục. Loại thứ hai là phá giới, đây là chỉ phá bốn trọng giới căn bản, tỳ-kheo-ni là phá tám trọng

giới, việc này sẽ mất giới thể. Hoặc sư trưởng bị đại chúng tăng đuổi đi, đuổi khỏi. Nếu phá giới thì sẽ diệt tần, không thể cộng trụ, họ không thể tiếp tục nhận lợi dưỡng của tăng đoàn. Tiếp nhận lợi dưỡng của tăng đoàn là phạm tội trộm cắp, họ đã mất tư cách của tỳ-kheo, cho nên không thể tiếp nhận cúng dường. Nếu họ không phá giới, nhưng phạm tội tương đối nghiêm trọng, do tăng đoàn làm yết-ma đuổi họ đi, hoặc vi phạm quy củ của tăng đoàn bị khai trừ, trường hợp này đương nhiên không thể tiếp tục theo vị sư trưởng này được nữa. Bởi vì vị sư trưởng này không phải minh sư, nên làm sao? Đương nhiên chúng ta vẫn không được nhìn lỗi của sư trưởng, mà vẫn cảm ơn sư trưởng đã từng dạy bảo chúng ta, và nên “chọn lại minh sư y chỉ mà ở cùng”, chọn lại sư trưởng khác có trí tuệ, có đạo đức mà y chỉ. “Không được phóng túng tùy tiện”, rời khỏi sư trưởng cũ không thể nói hiện nay mình không có sư phụ nữa, cuối cùng cũng giải thoát rồi, giải thoát khỏi gông cùm rồi, có thể tùy ý làm xằng làm bậy, như vậy là không được, đã làm trái với ý nguyện ban đầu muốn xuất gia của chính bạn.

“Tự dụng” ở đây nghĩa là bản thân muốn làm gì thì làm, ở bên cạnh sư trưởng thì chúng ta phải nghe lời sư trưởng, không được tùy tiện. Đối với một số người mà nói, có thể sẽ cảm thấy rất phiền não, đặc biệt là người có thói quen tự do tùy tiện, nếu có rất nhiều quy tắc ràng buộc thì họ cảm thấy rất khó chịu, đây là do tập khí. Có tập khí này thì làm thế nào? Bạn hãy cắn răng mà vượt qua, bởi vì tập khí vốn dĩ không có, tập khí vốn không, bỗng giác vốn có, bạn buông bỏ được tập khí thì tự nhiên bạn sẽ cảm thấy rất thanh lương tự tại. Mới đầu buông bỏ tập khí thì phải nhẫn, không nhẫn thì bạn làm sao có thể đoạn trừ tập khí được. Nhẫn đến một mức độ nhất định, nhẫn thành quen rồi thì tự nhiên không có việc gì nữa. Buông bỏ ngã chấp, ngã mạn của bản thân thì bạn mới có thể bồi dưỡng mình thành một pháp khí được.

Nếu phóng túng tùy tiện, ý kiến của bản thân rất mạnh, cố chấp ý kiến của mình, làm theo ý của mình, không thể thuận theo lời dạy bảo của sư trưởng, không thể thuận theo quy định của tăng đoàn, tự làm theo kiểu của mình, trên thực tế là bạn không cách gì thành tựu. Ngã chấp quá mạnh, bạn đi đến đâu cũng không thể nào thành tựu được, đi đến đâu, trước tiên cũng phải cắn chặt răng mà nhẫn, đoạn trừ tập khí này thì bạn mới có thể thành tựu. Nếu bạn không thể vượt qua được cửa ải này, dẫu bạn chọn Phật làm sư trưởng thì cũng không cách nào thành tựu được, mà Phật đến dạy bạn thì trước tiên cũng giúp bạn đoạn tập khí. Giai đoạn khổ sở này bạn nhất định phải chịu đựng, giống như cai nghiện vậy, đã nghiện ma túy rồi mà bạn muốn

cai nghiện thì nhất định phải nhần một thời gian, nhần thành quen rồi thì sẽ hết nghiện, sẽ phục hồi khỏe mạnh. Lại ví dụ đồ chứa của chúng ta vốn dĩ rất bẩn, bây giờ muốn đựng nước cam lồ thì nhất định phải rửa đồ đựng này thật sạch sẽ, vậy bạn mới có thể đựng được. Nếu bạn trực tiếp đổ nước cam lồ vào trong thì nước cam lồ đó cũng không thể uống được, quá bẩn mà. Cho nên, bước đầu tiên là phải rửa sạch những thứ dơ bẩn này đi, việc này nghĩa là phải gọt giũa. Thông thường thì trước tiên sư trưởng sẽ rửa cho bạn sạch sẽ, quá trình rửa cũng là một quá trình đau khổ, nhưng rửa sạch sẽ rồi thì bạn sẽ pháp hỷ sung mãn, sự tiến bộ của bạn sẽ vô cùng thần tốc. Giai đoạn trước đó là khó chịu đựng nhất. Được rồi xem tiếp điều thứ 29:

“Đủ 20 tuổi am hiểu việc xuất gia thì nên cầu thầy phương tiện thọ giới tỳ-kheo. Nếu chưa đủ 20 tuổi, hoặc dù đã đủ 20 tuổi nhưng các duyên chưa đủ, chưa thể thọ giới tỳ-kheo thì đều nên phát tâm Bồ-đề cầu thọ giới Bồ-tát trước, làm Bồ-tát sa-di học pháp Đại thừa, đợi đủ tuổi, đủ duyên sẽ tiến đến thọ giới cụ túc thành Bồ-tát tỳ-kheo”.

Ở đây nói sa-di xuất gia, nếu đã đủ 20 tuổi, đã biết rõ những việc mà người xuất gia cần làm. “Am hiểu việc xuất gia” nghĩa là tường tận, nếu những việc mà người xuất gia nên làm vẫn chưa tường tận, vẫn chưa thể thích ứng được với hành nghi, quy củ trong cuộc sống của tăng đoàn, vậy thì không thể thọ giới cụ túc ngay được. Cho nên, thông thường sa-di phải có một khoảng thời gian để khảo nghiệm, phải để chấp sự của tăng đoàn kiểm tra, đánh giá, đồng ý thì mới được. Lúc này bản thân đối với việc của người xuất gia đều hiểu rõ rồi, cái cần học đã học được tương đối rồi. Lấy cái gì làm tiêu chuẩn? Chính là Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu này làm tiêu chuẩn, bạn đều có thể làm được, lúc này nên cầu sư trưởng chấp thuận. Phương tiện để thọ “giới tỳ-kheo”, thì phải xem nhân duyên đã chín muồi chưa. Nếu chưa chín muồi, chưa có nhân duyên này, chưa tiện thì cũng không được. Hoặc sư trưởng không đồng ý, cảm thấy bạn vẫn chưa đủ, nếu điều kiện chưa đủ thì bạn cũng không thể gượng ép. Gượng ép thì bản thân bạn chưa chắc đã quán chiếu được bản thân, sư trưởng càng hiểu rõ hơn về bạn, lúc này phải thuận theo sư trưởng.

Nếu chưa đủ 20 tuổi, hoặc dù đã đủ 20 tuổi mà các duyên chưa đầy đủ thì không thể thọ giới tỳ-kheo, cho nên giới tỳ-kheo nhất định phải đủ 20 tuổi mới có thể thọ. Không phải nói đủ 20 tuổi là nhất định phải thọ, vẫn phải quan sát, tức là am hiểu việc xuất gia, giới và oai nghi của sa-di bạn đều làm tốt rồi, sư trưởng cảm thấy hài lòng thì sẽ đưa bạn đi thọ giới tỳ-kheo. Hiện nay, trước khi chưa thọ giới tỳ-kheo

thì nên phát tâm Bồ-đề thọ giới Bồ-tát trước, làm Bồ-tát sa-di. Làm Bồ-tát sa-di không đơn giản. Trước năm 47 tuổi, đại sư Ngẫu Ích vẫn đều là Bồ-tát sa-di, vậy thì phải học pháp đại thừa, tức là phải phát tâm Bồ-đề, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. “Sĩ” nghĩa là đời, đời đủ 20 tuổi, các duyên đầy đủ rồi sẽ tiến đến thọ giới cụ túc, tức là giới cụ túc trở thành Bồ-tát tỳ-kheo, cho nên đã thọ giới Bồ-tát rồi lại thọ tiếp giới tỳ-kheo thì gọi là Bồ-tát tỳ-kheo. Được rồi, điều cuối cùng:

“Căn Bản Tập Sự nói: nếu người nương nhờ thầy tông chủ, ở trong Phật pháp được cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, đem tâm tịnh tín xuất gia tu hành, thì người ấy đối với thầy, dầu cho suốt đời cúng dường tứ sự cũng chưa thể báo đáp ân thầy”.

Căn Bản Tập sự chính là *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tì Nại Da Tập Sự*, tổng cộng có 40 quyển, do ngài tam tạng Nghĩa Tịnh triều Đường phiên dịch. Trong này nói, nếu người nương nhờ sư trưởng, tông chủ, ở trong Phật pháp có thể cạo bỏ râu tóc, đắp pháp phục, tức là áo cà-sa, dùng tín tâm thanh tịnh xuất gia tu hành, vậy thì người này đối với sư trưởng dầu cho trọn đời dùng tứ sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, ngọa cụ, thuốc men để cúng dường sư trưởng trọn đời, cũng không thể báo đáp được thiện ân của sư trưởng. Đây là nói ân sư thể độ có ân đức lớn như vậy, càng hướng hồ những ân sư truyền pháp, truyền giới cho chúng ta, phải niệm niệm không quên ân của thầy, báo đáp ân thầy. Đương nhiên quan trọng nhất không phải là tứ sự cúng dường, mà là dùng pháp cúng dường, phải y giáo phụng hành, phải có thành tựu, lấy chí của thầy làm chí của mình, hoằng pháp lợi sanh, tiếp nối huệ mạng của Phật mới là thật sự báo ân.

Chương thứ hai hầu thầy này xin giảng đến đây, bây giờ đã hết giờ rồi, chúng ta kết thúc buổi học, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 26

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 21/09/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mọi người mở sách đến trang 14. Hôm nay, chúng tôi bắt đầu giảng môn thứ ba trong oai nghi môn: **“Thứ ba theo thầy ra ngoài”**. Môn này là tiếp nối môn phía trước, chính là tiếp nối môn thứ hai hầu thầy.

Phật pháp là sư đạo, muốn thật sự đạt được lợi ích của Phật pháp thì tôn sư trọng đạo là điều quan trọng nhất. Trong giai đoạn sa-di là thuộc về sơ học. Người sơ học trước tiên nên xây dựng tâm thái tôn sư trọng đạo, rèn luyện bản thân trở thành một pháp khí thì mới có thể tiếp nhận đại pháp. Chẳng những sa-di như vậy, mà bảy chúng đệ tử trong cửa Phật chúng ta là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na (thức-xoa-ma-na cũng gọi là lục pháp ni, chủ yếu học sáu pháp, theo học giới tỳ-kheo-ni), còn có sa-di, sa-di-ni. Đây gọi là năm chúng xuất gia, cộng thêm ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tại gia là bảy chúng. Có khi nói chín chúng, cũng tức là trong chúng xuất gia lại chia ra hai chúng, tức là người xuất gia vẫn chưa thọ giới sa-di, gọi là xuất gia ưu-bà-tắc, hoặc xuất gia ưu-bà-di. Xuất gia ưu-bà-tắc chính là người thọ ngũ giới tịnh hạnh. Căn cứ theo Nam Sơn Luật thì trước khi xuất gia, tức là trước khi chưa thọ 10 giới sa-di thì phải cạo đầu thọ ngũ giới trước. Cạo đầu thọ ngũ giới, đây là xuất gia ưu-bà-tắc, nữ chúng là xuất gia ưu-bà-di, cũng gọi là xuất gia ni. Sau đó, thọ tiếp 10 giới sa-di thì mới gọi là sa-di hoặc sa-di-ni, cho nên cộng thêm hai chúng xuất gia ưu-bà-tắc và xuất gia ưu-bà-di thọ ngũ giới tịnh hạnh, cũng chính là trong 5 giới có không dâm dục, tổng cộng có chín chúng. Đây chính là luân lý trong cửa Phật.

Chín chúng đều cần học đạo hầu thầy. Dù đã thọ đại giới tỳ-kheo, thọ giới tỳ-kheo không có nghĩa là đã thành thánh nhân, mà vẫn là một phạm phu, vẫn ở bậc học vị. Ngay đến thánh nhân sơ quả, nhị quả, tam quả đều gọi là học vị, đến tứ quả A-la-hán mới gọi là vô học, cho nên người ở bậc học vị nhất định phải có thầy, “người cầu học thời xưa nhất định phải có thầy”. Muốn học được những thứ chân thật từ chỗ thầy thì nhất định phải bồi dưỡng tâm tôn sư trọng đạo, cho nên trong Nam Sơn Tam Đại Bộ có “Hành Sự Sao Tư Trì Ký”. Luật sư Đạo Tuyên viết bộ “Hành Sự Sao Tư Trì Ký” này, trong 30 chương có riêng một chương, chính là chương thứ chín gọi là “chương sư tư tương nhiếp”. Chương này dạy tỳ-kheo học đạo hầu thầy như thế nào, chứng minh đây là một khâu quan trọng trong học luật, chẳng những gọi là khâu quan trọng, mà kỳ thực là một khâu nền tảng. Nếu không có nền tảng này thì dù bản thân bạn có năng lực học tập rất mạnh, học thuộc lầu lầu tam tạng mười hai bộ, vậy có thể có thành tựu hay không? Vẫn không thể. Bởi vì Phật pháp chính là sư đạo, không có thiện tri thức thì bạn không học được.

Ngài A-nan từng hỏi Phật, ngài biểu đạt tâm đắc học Phật của mình với Phật, ngài cảm thấy thiện tri thức là một người vô cùng quan trọng trong việc tu học của chúng ta. Ngài nói thiện tri thức là một nửa của người phạm hạnh. Phạm hạnh chính là hạnh thanh tịnh, bạn trì giới, tu định đều là tu phạm hạnh. Thiện tri thức chiếm một nửa trong việc bạn có thể thành tựu hay không. Đây là thể hội của ngài A-nan, kết quả Phật nghe ngài nói xong đã phủ định rằng: “Ông nói sai rồi!” Phật nói thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh. Ngài ấy nói một nửa là quá ít, mà họ là toàn bộ, toàn bộ đều phải dựa vào thiện tri thức, không có thiện tri thức thì căn bản bạn không thể học thành được. Đại sư Huệ Năng cũng nói cổ Phật, tôi quên mất tên vị cổ Phật đó rồi, [từ thời vị] cổ Phật đó đến nay chẳng có ai dựa vào chính mình tu học, không có thầy mà tự thông đạt cả. Ngay đến đại sư Huệ Năng cũng có thầy, Ngũ tổ chính là thầy của ngài. Căn tánh lợi căn, người thượng thượng căn như ngài vẫn cần có thầy, càng huống hồ kẻ phạm ngu độn căn như chúng ta đây?

Đời này bạn tu học có thể thành tựu hay không là do bạn có thể tôn sư trọng đạo hay không? Bởi vì truyền thừa pháp là phải thầy trò hợp đạo. Sư chính là thầy, tư chính là đệ tử, giữa thầy và trò kiến lập một sự ngầm khế hợp, như nước hợp nước, như sữa hợp sữa, giống như nước và sữa dung hòa nhau, như vậy đạo đó mới có thể truyền. Đây gọi là sư thừa, cho nên giới Bồ-tát từ đầu đến cuối đều quán triệt một chữ hiếu. Hiếu gọi là giới, phải hiếu thuận cha mẹ, sư tăng, tam bảo. Vì sao phải

hiếu? Không có sự hiểu thuận này thì bạn có ngăn cách với cha mẹ, sư tăng, tam bảo. Có cách ngăn thì không thông, không thông thì bạn không truyền được cái pháp này. Bạn dùng tâm cao ngạo nói, tôi có thể tự học thành tựu, học ra rồi, càng học càng ngạo mạn mà thôi. Dem Phật pháp học thành pháp thế gian, tăng trưởng thế trí biện thông, thậm chí quốc sư Thanh Lương nói: “Có giải không hành, tăng trưởng tà kiến”, kiến giải đều là tà. Người phá giới còn có thể cứu, người phá kiến thì không cứu được. Đây chính là hạt giống của địa ngục xiển-đề, không cách gì cứu được.

Cho nên Phạm Võng Bồ-tát giới, trước khi chưa nói rộng các giới, 10 giới trọng 48 giới khinh thì đã nói giới tóm lược, giới tóm lược chỉ có một chữ, hiểu gọi là giới. Đây chính là giáo giới tóm lược của Phật. Phạm Võng Bồ-tát đại giới hàm nhiếp trần sa giới pháp, tất cả hết thầy giới đều ở trong Phạm Võng Bồ-tát giới. Vậy tóm lược lại chính là một chữ hiểu. Giới sa-di cũng thế, cho nên giảng xong 10 giới sa-di, giảng đến môn oai nghi thì đầu tiên chính là kính thầy. Bạn xem, môn thứ nhất “kính đại sa-môn”, môn thứ hai “hầu thầy”, đây đều là những chương rất dài, môn thứ ba là “theo thầy ra ngoài”. Đây đều là đạo hầu thầy, chúng ta không được sơ suất, xem nhẹ.

Chúng ta xem phần kinh văn, tiêu đề của môn này là

“Theo thầy ra ngoài”.

“Theo” nghĩa là đi theo, đệ tử đi theo sư trưởng ra ngoài vân du nên làm thế nào? Việc này phải dạy rất cụ thể. Điều đầu tiên:

“Không được ghé qua nhà người khác”.

“Qua” nghĩa là đi qua, “lịch” cũng có nghĩa là đi qua. Nghĩa là nói đi theo sư trưởng ra ngoài, sư trưởng đến một nhà, vậy bạn không được tự bỏ qua nhà đó mà đi đến một nhà khác, vậy sẽ mất tướng đi theo. Giống như ra ngoài khát thực vậy, theo sư trưởng đi khát thực, hoặc sư trưởng đến nhà đàn việt ứng cúng thì chúng ta cũng cùng đi theo. Chưa được sự đồng ý của sư trưởng thì bạn không được tự ý chạy đến nhà khác, vậy là mất tướng của người đệ tử rồi.

Trong luật nói: “Theo thầy ra ngoài không được đi xa khiến không nhìn thấy tướng người, tướng nên cách nhau một cánh tay đuổi. Phía trước có voi, trâu, ngựa dữ thì nói với thầy tránh ra một chỗ trước, không được nói chậm khiến lỡ việc”. Tức là chúng ta theo sư trưởng ra ngoài không được cách quá xa, khiến sư trưởng không nhìn thấy chúng ta, hoặc bản thân không nhìn thấy sư trưởng. Tức là không được rời

xa chỗ có thể thấy nghe, sư trưởng có việc gì đó muốn gọi bạn, bạn lập tức liền có thể đến phụng sự sư trưởng ngay. Khoảng cách của thân thể nên là một dang tay, khoảng cách này rất ngắn, một dang tay, một dang tay chính là hơn hai mét rưỡi. Đó cũng tức là phải theo rất sát, đặc biệt hiện nay, nếu phải vào trong thôn xóm, ví dụ nói cùng nhau lên đường, hiện nay đi đường không giống như trước kia. Trước kia đều dựa vào việc đi bộ, bây giờ phải đi bằng đường sắt cao tốc, tức là tàu cao tốc, hoặc phải ngồi máy bay. Những nơi công cộng này đều rất nhiều người, nếu bạn cách quá xa, bị dòng người chen lấn tách ra, vậy thì bạn sẽ không tìm được sư trưởng ở đâu, cho nên phải theo rất sát.

Ra ngoài đều phải chủ động cầm hành lý cho sư trưởng, đặc biệt là người trẻ tuổi chúng ta, người có thể lực, đừng đợi sư trưởng nói rằng: “con cầm giúp thầy, làm phiền con rồi”. Thầy mở lời như thế là bạn không đủ hiếu kính rồi. Nhìn thấy sư trưởng có nhu cầu phải giúp đỡ ngay, trừ khi sư trưởng nói không cần, vậy thì bạn cũng không cần miễn cưỡng, thái quá lại hóa dở. Có khi tôi ra ngoài, tôi cũng không xem là quá già, tôi đều tương đối thích cầm hành lý của mình. Có người nhìn thấy tôi, cũng vô cùng tốt bụng, muốn giành cầm hành lý giúp tôi, tôi nói: “không cần, không cần”, họ liền giành lấy, sau khi giành xong thì tôi không tìm thấy họ nữa, khiến tâm tôi càng bất an hơn. Thậm chí có khi ra ngoài hoảng pháp, người bên đối phương đến đón tiếp quá nhiệt tình, cũng không biết họ là ai, tóm lấy hành lý của tôi giành đi mất, sau đó tôi lên xe hỏi hành lý của tôi ở đâu thì không tìm thấy nữa, tôi cũng không quen biết người đó. Đây đều là tốt quá hóa dở, cho nên bạn đã giúp sư trưởng cầm hành lý, vậy thì phải theo sát. Rất nhiều đồ cá nhân của sư trưởng, giấy tờ chúng nhận gì đó đều để ở trong túi, nếu bạn đi mất, cảnh sát bắt lại hỏi, “anh là người vô gia cư không có giấy tờ”, vậy thì phiền phức rồi, cho nên phải có tâm hiếu, mọi mặt đều suy nghĩ, phục vụ cho sư trưởng.

Nếu trên đường gặp phải voi dữ. Điều này Ấn Độ xưa có, loài voi hoang dã rất hung dữ, nó có thể tấn công người, hoặc gặp những loại như trâu, ngựa đi qua, hiện nay có xe, hoặc xe máy, bạn nghe thấy phía sau có tiếng xe thì bạn phải làm thế nào? “Nói với thầy”, nói với sư trưởng “tránh ra một chỗ trước”, “sư phụ chúng ta mau tránh ra”, đừng để xe phía sau đụng trúng. Không được “nói chậm khiến lỡ việc”, bạn không được nói quá chậm, xe đã lao đến trước mặt rồi mà bạn mới chậm rãi nói: “sư phụ, mời thầy tránh...” vẫn chưa nói xong chữ đó thì xe đã đụng trúng rồi. Lời nói chậm trễ này đã làm lỡ việc.

Theo sư trưởng ra ngoài đều phải rất nhanh trí, thật sự trước đây tôi theo lão hòa thượng ra ngoài có thể nói đều là mắt nhìn sáu cõi, tai nghe tám phương, rất cảnh giác. Sợ điều gì? Sư trưởng sẽ gặp phải một số phiền phức, không thuận tiện. Đặc biệt khi lão hòa thượng ra ngoài, người đón tiếp rất nhiều, có một số tín chúng rất cuồng loạn, gặp lão hòa thượng thì xông thẳng lên giống như mất hết lý trí vậy. Việc này cũng có thể thuộc về điều này: “Nếu gặp phải voi, trâu, ngựa dữ”. Đương nhiên chúng ta không được xem thường người ta, nhưng tình hình này là giống nhau. Khi họ xông lên thì lập tức hộ tống thầy nhanh chóng tách họ ra. Đặc biệt một số nữ chúng xông lên giống như muốn ôm chặt lão pháp sư vậy, lúc này phải lập tức tách ra, sau đó bảo vệ ngài. Những việc này chúng ta đều phải nghĩ đến. Đây là một phần tâm hiếu, nơi nơi đều phải đề khởi ý niệm bảo vệ sư trưởng. Được rồi, câu tiếp theo:

“Không được dừng ở bên đường cùng người nói chuyện”.

“Bất đắc” nghĩa là không được, “chỉ” nghĩa là dừng, “trụ” nghĩa là an trụ, đứng lại. Nếu bạn theo sư trưởng ra ngoài, đang đi trên đường thì gặp người thân bạn bè của bạn, đôi phương cũng rất nhiệt tình chào hỏi bạn, bạn nhìn thấy cũng rất nhiệt tình: “lâu quá rồi không gặp, dạo này làm gì vậy?” Liền dừng lại ở đó nói chuyện, sư trưởng thì đi về phía trước đã không nhìn thấy bóng người nữa. Trường hợp này giống như đã đánh mất nghi thức đi theo phụng sự sư trưởng rồi. Nên làm thế nào? Sau khi gặp mặt, nhiều nhất là nên mỉm cười mà không nói gì, cúi đầu rồi nhanh chóng theo sư trưởng đi qua. Bởi vì bản thân có nhiệm vụ đi theo phụng sự sư trưởng, không được quên mất nhiệm vụ trong tâm mình, từ đây bồi dưỡng chánh niệm của mình. Bạn xem, những động tác nhỏ này đều là bồi dưỡng chánh niệm. Lúc này quên mất chánh niệm thì sẽ bị ngoại duyên lôi đi, bạn sẽ không biết mình ra ngoài làm gì nữa, bình thường đi theo sư trưởng phải luyện tập, quán chiếu chánh niệm từng li từng tí.

Trong *Đệ Tử Quy* cũng có lời giáo huấn tương tự như vậy. *Đệ Tử Quy* là quy tắc cơ bản làm người của chúng ta. Nếu không làm tốt *Đệ Tử Quy* mà bạn xuất gia, lắc mình một cái liền trở thành thầy của trời người, vậy thì rất phiền phức, cho nên chúng ta ở đây học giới luật, ngoài những điều giới chính quy *khai, già, trì, phạm* phải học ra thì cũng không được xem thường nền giáo dục căn gốc. Lão hòa thượng đặc biệt nhấn mạnh căn ba cái gốc, thứ nhất là cái gốc của nhà Nho - *Đệ Tử Quy*; thứ hai là cái gốc của nhà Đạo - Thái Thượng Cảm Ứng Thiên nói về nhân quả; cái gốc thứ ba là gốc của nhà Phật - Thập Thiện Nghiệp Đạo. Những sách này đều không

phải giới, nhưng nó là nền tảng của giới, là căn bản, cho nên chúng tôi giảng giới sa-di, kỳ thực giới sa-di chính là Đệ Tử Quy của người xuất gia. Tốt nhất chúng ta đem kinh văn của Đệ Tử Quy kết hợp lại để nói.

Trong Đệ Tử Quy có nói: “việc tuy nhỏ, chớ tự làm, nếu tự làm, lỗi đạo con”. Đạo của người làm con tương thông với đạo của người làm đệ tử. Đệ Tử Quy là nói về hiếu đạo, Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu là nói về sư đạo. Sư đạo được kiến lập trên nền tảng của hiếu đạo, không có hiếu đạo thì không có sư đạo. Bạn ở nhà không thể hiếu kính cha mẹ, tâm bất hiếu của bạn nhất định sẽ đem vào trong cửa Phật, cũng bất kính với sư trưởng.

Đệ Tử Quy nói chúng ta đối với cha mẹ đều phải “vật tuy nhỏ, chớ tự làm”. Đừng cho rằng đây là việc nhỏ, không cần phải xin ý kiến của cha mẹ, tự làm theo ý của mình. Đây chính là tự ý làm, tùy tiện làm, trong tâm không có cha mẹ, dưỡng thành thói quen rồi, chuyện nhỏ tùy tiện làm, chuyện lớn cũng tùy tiện làm, tự ý làm, cuối cùng nhất định sẽ tích lỗi nhỏ thành lỗi lớn, cho nên chuyện nhỏ tự làm thì đạo làm con bị khiếm khuyết, tức là hiếu đạo bị khiếm khuyết rồi. Làm sa-di, làm đệ tử cũng vậy. Nếu bạn cho rằng chuyện nhỏ không cần bạch với sư trưởng, giới sa-di rõ ràng bảo bạn bạch với sư trưởng mọi chuyện mà bạn lại xem thường. Dưỡng thành loại tâm khinh thường này thì đạo làm đệ tử của bạn đã bị khiếm khuyết. Trong luật nói sa-di ngoài việc đi vệ sinh, đánh răng, rửa mặt không cần bạch thầy ra, thì những việc khác đều phải bạch với thầy. Bạn theo vị sư trưởng nào thì phải bạch với vị sư trưởng ấy, nói với họ, xin ý kiến trước khi làm, báo cáo kết quả sau khi hoàn thành, tức là “đi phải thưa, về phải trình”. Dưỡng thành thói quen như vậy chính là bồi dưỡng đạo làm đệ tử của mình. Nếu những việc bạn làm không phù hợp, không như pháp thì sư trưởng nhất định sẽ ngăn cấm bạn, hoặc những việc mặc dù mình có tâm tốt để làm nhưng bạn có thể không có trí tuệ, kết quả cuối cùng làm không tốt. Những việc này đều cần sư trưởng giúp đỡ để bạn tránh khỏi sai lầm.

Bạn xem, hiện nay trước mắt chúng ta có một ví dụ. Hôm qua sa-di này nói, chú muốn gọi điện cho cha mẹ, ý của tôi là không cần gọi, nếu thật sự gọi vậy thì an ủi cha mẹ một chút, đừng nói những vấn đề quá sâu với cha mẹ khiến họ lo lắng. Vừa mới xuất gia nên cha mẹ chắc chắn chưa buông xuống được. Tôi nói với chú: cậu có thể an ủi cha mẹ rằng, chúng con ở đây có quỹ riêng cúng dường cha mẹ, có thể cúng dường hàng tháng, chỉ cần xin họ số tài khoản là được. Kết quả chú không nghe lời, nói với cha mẹ rất nhiều, kết quả không biết có phải cha mẹ thẹn quá hóa

giận hay không, nên đã ra lệnh cho chú về nhà. Chú cũng không xin ý kiến tôi, không báo cáo với tôi mà đã lập tức xin về. Như vậy là đã đoạn mất cơ hội xuất gia tu hành của mình rồi. Sự việc này bày ra rõ ràng, “chuyện tuy nhỏ, chớ tự làm”, chú tự ý làm, chú cho rằng gọi một cuộc điện thoại cho cha mẹ không có vấn đề gì, bản thân tôi muốn nói thế nào thì nói thế đó. Thường thì chính khi bạn cho rằng không có vấn đề thì liền có vấn đề, vấn đề đều xảy ra khi nghĩ không có vấn đề. Chúng ta không có trí tuệ, không có kinh nghiệm, nhiều khi xử lý sự việc không được chu đáo, không viên mãn, nên tạo thành chướng ngại rất lớn, chuyện rất nhỏ đã làm loạn đến mức cuối cùng bản thân phải xả giới hoàn tục. Đương nhiên, trong này đều có nhân quả đời trước của bản thân họ, nhưng từ duyên này mà nhìn thì chính là vấn đề “nếu tự làm”. Bản thân họ tự tiện làm theo ý của mình, kết quả trở thành điều vô cùng đáng tiếc. Điều thứ ba:

“Không được ngoái nhìn trái, phải, phía sau, mà mắt phải nhìn thẳng và đi theo sau thầy”.

“Cổ” nghĩa là ngoảnh lại nhìn, quay đầu lại nhìn. “Ngoái nhìn trái, phải, phía sau” tức là khi đi đường thì quay đầu nhìn sang hai bên trái phải, thậm chí quay đầu nhìn lại, làm như vậy đều thiếu oai nghi. Nên đi đường như thế nào? “Mắt phải nhìn thẳng và đi theo sau thầy”. Mắt nhìn thẳng về phía trước, tiêu chuẩn ở trong luật là nhìn về phía trước 7 thước (gần 2,5 mét), không được nhìn quá xa, ngẩng đầu lên nhìn những ngọn núi xa, vậy cũng không được, cũng không được cúi đầu xuống nhìn về phía trước khoảng cách một thước, vậy đi đâm vào cột cũng không thấy. Khoảng cách là 7 thước, đầu ngẩng lên, đầu ngẩng ngực thẳng, đương nhiên không phải ngửa đầu lên, mà toàn bộ cơ thể là ngay thẳng. Đương nhiên cũng đừng căng thẳng mà hãy thả lỏng. Căng thẳng thì bạn sẽ rất mệt, thoải mái nhưng rất có oai nghi, tức là an tường tự tại, oai nghi điềm tĩnh.

Khi đi đường, dù bên cạnh có người gọi thì cũng cố gắng đừng quay đầu lại, như vậy cũng thiếu oai nghi. Bạn xem trong luật, Phật chưa bao giờ quay đầu như thế. Vậy chào hỏi với người như thế nào? Ngài quay toàn thân lại, đầu vẫn thẳng như thế, giống như dáng vẻ của trâu chúa, oai nghi của voi chúa, trâu chúa vậy. Thân thể quay lại một cách rất an tường, bước đi cũng vô cùng an tường, từng bước từng bước vững chãi, bước đi lại không tạo ra âm thanh, như có khi chúng ta đi dép kéo lê trên mặt đất phát ra âm thanh rất lớn, vậy là thiếu oai nghi rồi. Dù đi dép lê cũng phải nhắc chân lên, rồi bình thản đặt xuống mặt đất. Bạn xem voi bước đi như thế nào?

Lần trước, 4 năm trước tôi đến Sri Lanka, khi đón tiếp, họ đặc biệt đưa voi đến đón, một con voi rất lớn đeo anh lạc. Nó bước đi thật sự là từng bước từng bước vô cùng an tường, đi như vậy, chân nhẹ nhàng đặt lên mặt đất vô cùng vững vàng, cho nên chúng ta nên học bước đi của voi chúa. Trâu chúa, và voi chúa bước đi chân nhấc lên, bước đi, nhấc lên bước đi, như vậy con người tự nhiên sẽ vững vàng, vững vàng chính là tướng phước đức. Người phước mỏng thì họ sẽ không vững vàng, nói chuyện, hành động đều rất ngả ngón, tùy tiện, rất vội vàng.

Cho nên chúng xuất gia chúng ta muốn học làm thầy của trời người, phải lấy Phật làm thầy, chẳng những phải học tâm của Phật, tức là những pháp lý, tư duy như lý, mà còn phải học oai nghi của Phật. Theo sư trưởng không được nhìn đông ngó tây, mà phải rất nghiêm túc, cũng không cười đùa, phải bước theo sau sư trưởng. Đi theo cũng không phải cứ mãi ở sau sư trưởng, mà nên hơi ở bên cạnh một chút. Ví dụ sư trưởng đi ở giữa đường thì bạn đi gần sát bên. Đây là thể hiện sự khiêm tốn của bạn, đương nhiên nếu bạn bung kinh điển, kinh sách cho sư trưởng thì phải dâng kinh sách lên ngang mày, như nâng khay ngang mày vậy, đi trước sư trưởng. Bởi vì chúng ta tôn trọng pháp, pháp phải đi ở phía trước, nhưng nếu bạn không bung kinh sách thì bạn đi phía sau sư trưởng.

Đương nhiên, ở chúng học pháp trong giới tỳ-kheo cũng có nói, ví dụ “vào nhà bạch y” có rất nhiều oai nghi phải chú ý. Đến nhà đàn việt ứng cúng, hoặc làm khách, hoặc thuyết pháp thì đều “không được vừa đi vừa vung tay”, “không được vén ngược y lên”. Y này của chúng ta phải đắp chỉnh tề ngay ngắn, không được vén ngược y lên trên vai như thế này, cũng không được vừa đi vừa nhảy, không được trùm đầu. Trùm đầu, tức là ví dụ chúng ta đội mũ, đội khăn trùm đầu. Nếu ở bên ngoài sợ gió lạnh thì được, nhưng vào đến cửa thì lấy nó xuống để hiện ra tăng tướng. Khi vào nhà bạch y, “không được ngoái nhìn trái, phải, phía sau”; khi vào nhà bạch y “không được cười đùa”; khi vào nhà bạch y “mặc y che kín thân”, bản thân mặc đồ, ví dụ thông thường chúng ta ra ngoài, đến những nơi chính thức đều phải đắp y. Nếu phải ôm bát khát thực thì đều phải đắp đại y, bình thường là đắp thất y, sa-di thì đắp mạn y, đều phải tăng tướng oai nghi, như vậy mới có thể khiến người thế gian nhìn thấy mà cung kính. Họ cung kính không chỉ là cung kính bạn, mà là cung kính tam bảo, đây là trồng thiện căn cho họ. Nếu nhiều người cùng ra ngoài, vậy chúng ta đều phải bước đi theo hàng, thượng tọa đi đầu tiên, người phía sau đi theo thành hàng dọc, đừng tùm năm tùm ba, vừa đi vừa cười nói như pháp binh nô thì không tốt.

Trong Tân Học Tỳ-kheo Hành Hộ Luật Nghi nói: “3.000 oai nghi, hành vi đầu tiên ngoái nhìn trái, phải, phía sau, khiến người thế tục chê cười thì không phải là pháp khí chân chánh”. Sách Giáo Giới Tân Học Tỳ-kheo Hành Hộ Luật Nghi của luật tổ Đạo Tuyên cũng vô cùng hay. Trước đây học “sa-di luật nghi” nhưng chưa thâm nhập học tập sâu, sách đó xem như môn học bỏ tức vậy. Chúng tôi lấy Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu làm tài liệu, cũng tham khảo Hành Hộ Luật Nghi, đều nói phải chú trọng đến những phương diện oai nghi này. Tỳ-kheo có 3.000 oai nghi, chính là sự mở rộng của bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Đi là đầu tiên, đi chính là bước đi. Khi bước đi nếu ngoái nhìn trái phải phía sau, nhìn đông ngó tây, ánh mắt lơ đãng bất định, đặc biệt đi đến những nơi nhiều người thế tục mà bạn nhìn cái này, nhìn cái kia, thậm chí có nữ chúng, bạn lại nhìn theo nữ chúng, bên đó có ca múa biểu diễn nghệ thuật, bạn lại xem ca múa biểu diễn nghệ thuật, đây đều là phạm giới. Ngoái nhìn phụ nữ, xem nghe ca múa biểu diễn nghệ thuật đều là phạm giới. Làm vậy sẽ bị người thế gian chê cười, tức là chế nhạo bạn, vậy thì bạn không phải là pháp khí chân thật, cho nên trước tiên chúng ta phải đoạn tâm, tâm phải đoạn chánh. “Phải tự đoạn chánh tâm, đoạn chánh thân, tai mắt miệng mũi đều phải tự đoạn chánh”, trong kinh Vô Lượng Thọ cũng dạy bảo như vậy. Tiếp theo, xem câu thứ tư:

“Đến nhà đàn việt nên đứng một bên, thầy bảo ngồi mới ngồi”.

“Đàn việt”, chữ “đàn” này là đàn-na, dịch thành tiếng Hoa nghĩa là bố thí, “việt” chính là siêu việt. Hai chữ này là Phạn - Hoa hợp lại, tiếng Phạn và tiếng Hoa gộp lại với nhau. Điều này chính là nói, có thể hành bố thí thì sẽ vượt khỏi biên khổ, sang được bờ bên kia, là ý nghĩa này. Cho nên đàn việt thông thường gọi là thí chủ. “Đến nhà đàn việt”, tức là đến nhà thí chủ, nhà người bạch y thế tục. Chúng ta đi theo sư trưởng thì “nên đứng một bên”, nên đứng ở bên cạnh sư trưởng, đừng rời khỏi hai bên của sư trưởng, đặc biệt ở nhà người thế tục, ở trong làng xóm, đó là nơi có nam nữ lẫn lộn, trong gia đình thì chắc chắn là có nam có nữ rồi. Nếu chúng ta ở trong nhà người ta nhìn ngó khắp nơi, vào phòng nào cũng nhìn ngó, vậy thì rất không hay. Nhỡ may người nữ nhà họ ở bên trong thì sẽ bị chê cười, cho nên ở bên cạnh sư trưởng, không rời khỏi hai bên.

Vào cửa rồi, chắc chắn chủ nhà sẽ mời khách ngồi: “mời các vị sư phụ ngồi”. Đương nhiên, trước tiên là sư phụ ngồi trước, đừng thấy sư phụ vẫn chưa ngồi mà thoảng cái bạn đã ngồi lên ghế giống như ông lớn vậy. Ở đây nói “thầy bảo ngồi mới ngồi”, không phải thí chủ mời bạn ngồi là bạn liền ngồi. Sư phụ ngồi xuống rồi, chưa

bảo bạn ngồi thì bạn không được ngồi, bạn vẫn phải đứng đó, sư phụ bảo bạn ngồi thì bạn mới có thể ngồi. Đây cũng là trường hợp thể hiện sự tôn sư trọng đạo. Bạn nghe sư phụ hay là nghe thí chủ? Thí chủ bảo bạn ngồi thì bạn liền ngồi, sư phụ vẫn chưa nói gì, vậy xem như bạn không nghe lời sư phụ. Biểu pháp này của bạn không tốt, cho nên bình thường nếu chúng ta không chú ý những tiểu tiết này thì ra ngoài sẽ trở thành trò cười, sẽ rất kỳ lạ. Bạn đi theo sư phụ mà vừa ra ngoài liền chạy theo người ta, nghe theo người ta, sẽ khiến người ta có cảm giác như vậy, điều đó thể hiện nền giáo dục này đã thất bại.

Trong Sa-Di Oai Nghi Thành Phạm nói, nếu sư phụ bảo chúng ta ngồi thì ngồi cũng phải có oai nghi. Bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi này gọi là “đi như gió, đứng như tùng, ngồi như chuông, nằm như cung”. Do đó, ngồi phải đoan chánh, phải ngồi ngay ngắn, “nguy” nghĩa là thẳng, toàn bộ eo lưng của bạn phải ngay thẳng. Ngồi thẳng có lợi ích gì? Khí huyết của bạn sẽ lưu thông. Nếu bạn cong lưng, ngồi như vậy thời gian lâu rồi thì cột sống của bạn sẽ biến dạng, khí huyết không thông, não không được cung cấp đủ oxy, cả ngày sẽ hoa mày chóng mặt, sẽ xuất hiện bệnh tật, cho nên bình thường phải tập thành tư thế ngồi tốt.

Thông thường có hai cách ngồi, một là ngồi kiết già, hai chân vắt chéo nhau, kiết già không được thì bán già. Trong luật chỉ yêu cầu ni chúng ngồi bán già, không yêu cầu ngồi kiết già. Dù sao, bất luận bạn ngồi như thế nào, thậm chí ngồi bình thường, không đặt chân lên đùi, mà là tách ra, ngồi bình thường như vậy thì lưng cũng phải thẳng, sẽ rất có tinh thần, hai bên ngực hơi mở ra, ngồi như vậy thì ngồi rất lâu cũng không bị mệt mỏi. Một cách ngồi khác, chính là thế ngồi sư tử, hai chân dựng lên đặt trên mặt đất, lưng không được dựa vào tựa ghế, phần mông cũng đừng ngồi hết lên trên ghế, tốt nhất là ngồi một nửa, như vậy thì lưng của bạn có thể thẳng, hai chân rất vững vàng đặt ở phía trước giống như sư tử ngồi ở đó vậy, đó cũng là dáng vẻ rất uy vũ. Bạn đắp y, y đắp lên lưng ghế, như thế này, giống như chúng ta dùng trai đều là oai nghi như vậy. Không được ngồi theo thế hai chân đan chéo nhau, chân bắt chéo nhau như vậy, cũng không được dạng ra giống như cái gầu, mà hai chân nên khép lại bình thường, hơi có chút khoảng cách cũng không sao, nhưng trên cơ bản là thẳng. Những điều này bình thường bản thân phải luyện tập, dưỡng thành một thói quen, vậy thì tự nhiên oai nghi sẽ được dưỡng thành. Đừng lơ là những oai nghi nhỏ này, oai nghi nhỏ thường có thể độ chúng sanh. Như tỳ-kheo Mã Thắng có

oai nghi vô cùng tốt, cho nên oai nghi sẽ độ rất nhiều người. Tôn giả Xá-lợi-phất nhìn thấy tỳ-kheo Mã Thắng liền phát tâm xuất gia. Được rồi, tiếp theo điều thứ năm:

“Đến chùa khác, thầy lễ Phật, hoặc tự mình lễ, không được tự tiện đánh chuông khánh”.

Thường thì chúng ta đi theo sư trưởng đến những tự viện đạo tràng khác, đối với Phật đương nhiên phải đánh lễ. Sau khi vào tự viện, thông thường đều phải đến đại điện lễ Phật. Lễ Phật xong trước rồi mới lễ người, cho nên thông thường hành lý sẽ để ở phòng khách trước, rồi đến đại điện lễ Phật. Nếu đối phương rất nhiệt tình đón tiếp thì chủ trì chùa hoặc thầy tri khách sẽ ra đón, đôi bên đều đáp y, thậm chí long trọng mặc áo dài đáp y, thậm chí xướng “Lư hương tán” đón tiếp, để bạn thấp hương đánh lễ. Thông thường khi bạn lễ Phật, chủ trì chùa hoặc thầy tri khách sẽ đánh khánh, đánh chuông. Việc này giống như một phương thức thể hiện chủ nhân đón tiếp khách rất nồng nhiệt vậy.

Thầy lễ Phật trước, chúng ta phải đợi sau khi thầy lễ Phật rồi thì bản thân chúng ta mới lễ. Đặc biệt là lễ người, có lúc lễ Phật thì có thể lễ cùng thầy, nhưng lễ Phật xong rồi, thông thường sư trưởng sẽ lễ đại chúng sư phụ của bốn tự, là lễ chủ trì chùa, chính là hòa thượng, phương trượng ở đây, hoặc ai ra tiếp đón thì đều nên đánh lễ. Thông thường đều hô: tôi tên gì đó ở đây đáp lễ, chỉ thành đánh lễ pháp sư tri khách, hoặc hòa thượng phương trượng ba lễ. Đối phương hiểu lễ tiết thông thường sẽ nói: lễ Phật một lễ, hoặc nói đừng lễ. Họ không dám tiếp nhận sự đánh lễ của bạn nên nói đừng lễ, hoặc bạn muốn lễ thì đối phương cũng lễ theo. Lúc này bạn đừng lễ theo sư trưởng. Lúc này sư trưởng lễ người khác, bạn không cần lễ theo, như vậy chẳng khác nào lẫn lộn với sư trưởng. Vai vế của bạn là bề dưới, vai vế của thầy trò không được lẫn lộn. Bởi vì đối phương cũng sẽ nói: chúng tôi cũng đánh lễ pháp sư gì đó, hoan nghênh pháp sư ghé thăm. Đánh lễ pháp sư gì đó, mà bạn lễ theo, dường như bạn cũng nhận lễ của đối phương vậy. Việc lẫn lộn này có sự bất kính, cho nên phải đợi thầy lễ xong thì chúng ta mới lễ người. Thầy lễ xong rồi, lúc này sa-di mới nói: con sa-di gì đó chỉ thành đánh lễ hòa thượng phương trượng và đại chúng sư phụ ba lễ, lúc này mới lễ.

Nếu không ai tiếp đón thì bạn cũng phải đến đại điện lễ Phật, lúc này không được tự tiện đánh chuông. Bạn đừng thấy, tôi lễ Phật tại sao không ai đánh chuông? Tại sao không đón tiếp tôi? Liền tự lên đánh ba tiếng chuông: “bong bong bong”, việc này đã làm mất đi lễ nghi giữa chủ và khách. Bạn là khách, đánh chuông nên là

người chủ đánh, bạn đánh tức là không hiểu quy củ. Không hiểu quy củ, khi đôi phương nhìn thấy bạn sẽ nghĩ bạn học theo ai vậy? Chẳng biết gì cả, liền xem thường bạn, cũng xem thường sư phụ. Được rồi, tiếp theo điều thứ sáu:

“Nếu đi núi phải mang theo tọa cụ. Nếu đi xa, không được cách thầy quá xa. Nếu qua sông phải cầm gậy dò thử mực nước nông sâu”.

Nếu theo thầy vào núi vân du, muốn leo núi, đường núi đi lại tương đối khó khăn. Chúng ta làm đệ tử, sợ rằng sư trưởng đi đường sẽ mệt mỏi, cho nên phải cầm tọa cụ, đợi khi sư trưởng muốn nghỉ ngơi thì có thể trải tọa cụ lên mặt đất để sư trưởng ngồi. Đương nhiên, tọa cụ cũng có thể bao gồm những loại như bồ đoàn, đệm lót. Trước đây, những người xuất gia thường hành cước. Mệnh của người xuất gia chúng ta hiện nay đều tương đối tốt, hành cước, khát thực, ngồi ở nghĩa địa, ngồi dưới gốc cây đều rất ít. Trước đây, chúng xuất gia thật sự là tu khổ hạnh. Như lão hòa thượng Hư Vân ba bước một lạy, từ núi Phổ Đà lạy đến núi Ngũ Đài. Luật sư Kiến Nguyệt đi một mạch từ Vân Nam, qua lại Giang Nam, Giang Bắc mấy chục nghìn km đều là dựa vào đôi chân mà đi.

Theo sư trưởng ra ngoài thì chúng ta phải nghĩ đến việc giúp sư trưởng có những dụng cụ thật tốt để nghỉ ngơi. Đương nhiên xã hội đã khác rồi, hiện nay có cách sống của hiện nay. Hiện nay mọi người đi đường, đi xa đều không dựa vào đôi chân để đi nữa, mà đều ngồi xe, thậm chí ngồi máy bay, chúng ta cũng phải có sự điều chỉnh thích hợp. Thời xưa đi xa chỉ đem theo lương thực, đem theo tọa cụ, đem theo gậy. Gậy là để dò mực nước sâu, gạt cỏ khi đi đường, để làm những việc này. Hiện nay đương nhiên có, nhưng không cần đem theo nữa, bạn không cần rập khuôn theo. Hiện nay, phải đem theo những thứ của hiện nay, ví dụ đi theo sư trưởng, ví dụ sư trưởng không cầm tiền thì sa-di có thể thay sư trưởng cầm số tiền này. Đương nhiên nếu có tịnh nhân đi theo thì để tịnh nhân cầm giữ.

Đi đến đâu, ví dụ sư trưởng ra bên ngoài hoằng pháp ở lại một nhà nghỉ, một khách sạn thì bạn phải giúp lo liệu mở cửa phòng, sau đó lấy chìa khóa nhanh chóng mở cửa phòng cho sư trưởng trước, trong phòng này có cần thông gió, mở cửa sổ hoặc mở điều hòa không; thử xem có nước nóng không, có khi khách sạn có thể hạn chế thời gian cung cấp nước nóng thì hãy gọi điện thoại hỏi quầy lễ tân. Hiện nay chính là phục vụ như vậy, đây đều là mở rộng ra từ công việc này, chúng ta phải học một biết mười. Đừng nói rằng ở đây chỉ dạy tôi đem theo tọa cụ, tôi đã đem rồi, những việc khác tôi không quản nữa, vậy bạn học thành ngốc rồi, như thế thì làm sao

hầu thầy? Cái gọi là đem theo tọa cụ chính là để sư trưởng có thể nghỉ ngơi tốt, là ý này, vậy bạn phải nghĩ tôi nên phục vụ sư trưởng như thế nào để sư trưởng nghỉ ngơi được tốt, đúng không? Là công việc này.

“*Nếu đi xa, không được cách thầy quá xa*”, điều này vừa rồi nói là khi đi đường phải theo sát, khoảng cách quá xa thì không thể quan tâm lẫn nhau được. Đặc biệt có lúc ra nước ngoài, trước đây tôi theo lão pháp sư ra nước ngoài hoằng pháp, ngài không hiểu tiếng Anh, đến sân bay một chữ cũng không biết, chúng ta biết tiếng Anh thì phải ở bên cạnh nói với thầy: sư phụ, cổng ở đây, bên kia sân bay là nhà vệ sinh. Những việc này đều phải tùy thời phục vụ sư trưởng, mà bạn đi quá xa, có người ngại, đặc biệt khi mới học, trong tâm luôn có một chút kính sợ thái quá, sư phụ vọi vọi trên cao, chúng ta mãi mãi theo sau giống như một chú chuột nhỏ vậy, kết quả những việc nên làm thì không làm được, vậy bạn hầu thầy như thế nào?

Thậm chí nên nghĩ trước, tiếp theo sư phụ sẽ làm gì, nghĩ trước thay sư phụ. Ví dụ chúng ta ra bên ngoài, sư phụ quá ngạo không ăn, vừa thấy sắp đến giờ rồi thì lập tức hỏi: chúng ta giải quyết bữa trưa ở đâu? Đừng đợi sắp đến giờ rồi, sư phụ hỏi chúng ta ăn cơm ở đâu, rồi bạn mới đi chuẩn bị thì đã quá giờ rồi. Một cái là ăn, một cái là ở, những việc này đều là vấn đề cuộc sống cơ bản, đều phải nghĩ trước. Ví dụ phải ngồi máy bay, vậy bạn đi hỏi thăm trước, sân bay này có xa hay không? Lái xe mất khoảng bao nhiêu thời gian? Máy giờ xuất phát? Hành lý có phải ký gửi trước không? Nếu ký gửi thì tôi có phải đến sân bay trước để làm thẻ lên máy bay không? Sư trưởng đến muộn một chút cũng được phải không? Ở sân bay rất nhiều người nên thời gian kiểm tra an ninh có thể rất lâu, vậy chúng ta nên đi sớm một chút. Những việc này, các đệ tử đều phải đi chuẩn bị, đừng đem theo một cái đầu rỗng, đến lúc ấy lại là sư trưởng chăm sóc bạn, chứ không phải bạn chăm sóc sư trưởng nữa. Cho nên mọi việc đều phải dụng tâm.

“*Nếu qua sông*”, tức là nói lội qua sông ngòi thì phải “*dùng gậy dò thử mực nước nông sâu*”. Trong luật nói có hai nhân duyên có thể cho phép sử dụng các loại như gậy, gậy chống: thứ nhất chính là người già thân thể yếu không có khí lực thì chống gậy, trường hợp này có thể cho phép. Trường hợp khác là khi đi đường, ví dụ phải gạt cỏ ra, qua đường thủy, qua sông, bạn phải xem độ nông sâu của nước, nước nông thì lội qua sông, nước sâu thì phải ngồi thuyền qua, những trường hợp này mới dùng gậy. Chúng ta theo sư trưởng qua sông cũng nên đi xem độ nông sâu của nước trước. Đương nhiên, hiện nay trường hợp này tương đối ít. Hiện nay, thông

thường bạn rất ít phải tự lội nước qua sông, mà đều có thuyền hoặc đều có cầu. Chúng ta cũng phải biết đề từ một mà suy ra ba, cũng tức là trước tiên bạn phải xem con đường này nên đi thế nào? Đề phải hỏi rõ ràng. Ví dụ hiện tại chúng ta muốn đến núi Liên Hoa gần đây thăm viếng, vậy trước tiên nên làm thế nào? Hỏi xem đi như thế nào? Xe sắp xếp như thế nào? Đi đến đó bữa trưa giải quyết như thế nào? Đến bên ấy có nơi nào có thể đi. Lộ trình chuyển đi đều phải hỏi rõ ràng, sau đó trở về báo cáo với sư trưởng rành mạch, mạch tư duy rất rõ ràng, như vậy sư trưởng sẽ không thấp thỏm: Minh ra ngoài rồi, việc tiếp theo sẽ thế nào? Ăn cơm ở đâu? Đề thấp thỏm lo những việc này. Chúng ta phải biết suy nghĩ trước để sư trưởng an tâm. Điều tiếp theo, điều thứ bảy:

“Nếu đột nhiên tách ra đi riêng, hẹn gặp nhau ở đâu thì không được đến sau”.

Nếu đột nhiên rời sư trưởng để đi riêng, điều này cũng khó tránh, ví dụ vừa rồi nói, bạn có thể đến sân bay trước để giúp sư phụ ký gửi hành lý, đó chính là “đột nhiên tách ra đi riêng”, tách ra đi. Bạn đẩy xe hành lý đi trước một bước, sư trưởng có thể đến muộn một chút. Lúc này bạn nên đi trước, đừng để sư trưởng đến sân bay, rồi ngồi đợi bạn xếp hàng dài một, hai tiếng, làm thẻ lên máy bay có thể phải xếp hàng đến một, hai tiếng. Đương nhiên bạn để sư trưởng đợi, để sư trưởng rèn luyện gân cốt cũng được, nhưng bản thân người làm đệ tử cũng đã thiếu mất tâm hiếu rồi, cho nên phải làm thế nào? Kéo hành lý đi trước, làm xong hết giấy tờ của sư trưởng, làm ký gửi trước, thậm chí thế nào? Trước đây tôi theo lão pháp sư ra ngoài đều có thể làm thủ tục trực tuyến trước. Sau khi làm thủ tục trực tuyến thì bạn có thể không cần có mặt ở quầy làm thủ tục, bởi vì bạn đã lấy được thẻ lên máy bay rồi. Làm thẻ lên máy bay trực tuyến thì bạn trực tiếp đến đó đi ký gửi hành lý là xong. Vậy người thì sao? Khi sư trưởng đến thì trực tiếp vào cổng, rất nhanh. Chúng ta vất vả một chút để sư trưởng có thể nghỉ ngơi nhiều một chút. Sư trưởng ra ngoài hoằng pháp lợi sanh vốn dĩ rất vất vả rồi, những việc trong cuộc sống này nếu chúng ta không chăm sóc tốt, mà còn làm sư trưởng mệt mỏi, thậm chí sư trưởng còn phải nói với bạn: thầy dẫn con đi xem ký gửi hành lý thế nào. Bạn cái gì cũng không biết, sư trưởng chăm sóc bạn, vậy bạn ra ngoài sẽ thêm phiền phức, cho nên cuộc sống đều phải học tập, bằng không thì bạn nói hầu thầy sẽ biến thành lời trống rỗng. Bạn căn bản không nghĩ ra việc đó, bạn không có kinh nghiệm cuộc sống đó.

Cho nên nếu rời sư trưởng đi riêng, hẹn gặp nhau ở nơi nào đó thì không được đến sau, đến sau tức là đến muộn. Ví dụ chúng ta hẹn 8h tối gặp nhau ở cổng thì bạn phải đến sớm, ít nhất đến sớm 10 phút, thậm chí nửa tiếng ngồi đó. Bởi vì nếu sư trưởng đến sớm mà chúng ta vẫn chưa đến thì sư trưởng lại thấp thỏm, cho nên chúng ta chỉ có thể đến sớm, không được đến muộn, đến muộn chính là không cung kính. Tiếp theo, điều thứ tám:

“Thầy thọ trai phải đứng hầu xuất sanh, thọ trai xong phải đứng hầu nhận tiền cúng dường”.

Theo sư trưởng ra ngoài thì chắc chắn sẽ có trường hợp này, tiếp nhận đàn việt cúng dường. Đàn việt mời ăn, sư trưởng tiếp nhận cúng trai, đi ứng cúng. Chúng xuất gia chúng ta đều phải có một thói quen, tức là trước khi ăn cơm thì xuất thực trước, tức là “xuất sanh”. Tức là niệm cúng dường, niệm đầy đủ là tốt nhất, “cúng dường thanh tịnh pháp thân Tỳ-lô-giá-na Phật”. Đương nhiên nếu cảm khánh xướng thì trang nghiêm hơn. Nếu thời gian không cho phép, sắp lên máy bay rồi thì bạn cũng đừng chấp trước mà xướng, bạn có thể niệm, niệm nhanh một chút cũng không mất quá nhiều thời gian “cúng dường thanh tịnh pháp thân Tỳ-lô-giá-na Phật, viên mãn báo thân Lô-xá đại Phật”, niệm nhanh như vậy cũng được. Hoặc thời gian thật sự rất gấp rồi thì bạn niệm “cúng dường Phật, cúng dường pháp, cúng dường tăng, cúng dường hết thầy chúng sanh” như vậy là được rồi.

Sau khi niệm cúng dường xong thì đều phải xuất sanh. Việc này có điển cố, đây giống như việc cho quỷ thần ăn vậy, cúng dường họ. Bởi vì khi Phật còn tại thế, quỷ mẹ thường ra ngoài làm hại nhân dân, nó vô cùng hung ác, muốn ăn thịt người. Khi ấy, Thế Tôn dùng oai đức khuất phục được quỷ mẹ, dùng pháp thực để cúng dường nó, khiến nó không làm hại sanh mạng chúng sanh nữa, đây gọi là xuất sanh, khiến chúng sanh không đến nỗi đi vào đường chết, chính là ý nghĩa của xuất sanh. Khi ấy, nó lại lo lắng rằng Phật không còn tại thế nữa thì pháp lực này sẽ không còn, làm sao đây? Vậy là Phật đã lệnh cho tất cả đệ tử xuất gia ở chỗ tu hành khi có thức ăn, trước khi ăn thì đầu tiên phải bố thí thức ăn cho những quỷ thần này trước. Đây là thời khóa nhất định phải làm hằng ngày của đệ tử xuất gia chúng ta.

Trong kinh Niết-bàn nói: “Không bố thí thức ăn thì không phải đệ tử ta”. Đức Phật nói, nếu không bố thí thức ăn cho những quỷ thần này, không xuất sanh thì không phải đệ tử của đức Phật, cho nên chúng xuất gia chúng ta đều phải dưỡng thành thói quen này ở bất cứ đâu. Vì vậy có khi chúng ta ra ngoài, ví dụ ăn trưa ở sân

bay, chỉ cần thời gian cho phép thì chúng ta đều phải đáp y trì bát, bởi vì nếu không dùng bát thực thì cũng phạm một tội nhỏ ở chương thứ năm. Trước khi ăn cơm, chúng ta cũng chấp tay niệm cúng dường, sau đó nhặt bảy hạt gạo, bảy hạt cơm, lấy một khăn giấy nhỏ để vào, rồi cúng dường một chút. Chúng ta dùng niệm lực này để cúng dường quý thần, quý thần không phải thật sự ăn mấy hạt gạo đó, không phải vậy, mà họ tiếp nhận sự cúng dường từ niệm lực này của chúng ta, mượn chút xú đồ cúng này, dùng pháp lực hóa hiện vô lượng, khiến họ đều có thể no đủ, cho nên khi niệm cúng dường, niệm bài chú đó cũng phải quán tưởng, dùng niệm lực hóa chút thức ăn này thành vô lượng để cúng dường.

Những việc này thông thường là do đệ tử làm, do đó “nên đứng xuất sanh”, sư phụ ngồi ở đó niệm cúng dường, niệm cúng dường xong thì đệ tử đi lên, sư phụ lấy một chút cơm đưa cho bạn, ở bên ngoài thông thường có thể lấy một khăn giấy sạch để đựng, rồi đặt vào ví dụ gốc cây hoặc một số nơi tương đối sạch sẽ. Cúng dường xong, nếu ở bên ngoài, ví dụ ở sân bay không tiện thì cúng dường xong bạn thu nó lại, đợi khi nào tiện rồi mới để vào những nơi như dưới đất, gốc cây, làm như vậy. “Thọ trai xong” tức là ăn cơm xong rồi, thông thường thí chủ cũng có cúng dường tiền bạc. Tiền bạc chính là tài vật, như chúng ta thường thấy phổ thông nhất là cúng dường phong bì. Sư trưởng thì sao?

Đương nhiên chúng xuất gia chúng ta tốt nhất đều có thể không cầm giữ tiền bạc. Bởi vì điều giới thứ 10 của sa-di chính là không cầm giữ sanh tượng vàng bạc vật báu, tỳ-kheo càng phải làm như vậy. Mặc dù Căn Bản Hữu Bộ Luật cho phép thuyết tịnh tiền tài, đó cũng là khai duyên bất đắc dĩ. Đó là thông qua pháp tịnh thí này mà trừ bỏ tâm tham tích trữ của mình, chứ không phải nói tác pháp rồi thì tâm tham tích chứa của chúng ta vẫn rất mạnh mẽ. Điều này đã trái ngược với ý nghĩa của pháp đó. Khi sư phụ không cầm giữ tiền bạc thì lúc này đệ tử có thể quản lý cho sư phụ. Đương nhiên nếu có tịnh nhân, tốt nhất để tịnh nhân quản lý, để cư sĩ tại gia làm. Đương nhiên sa-di cũng yêu cầu không cầm giữ tiền bạc, nhưng vì sư trưởng nên tạm thời cầm giữ thì được, không phạm giới, nhưng bản thân không được có ý muốn cầm giữ tiền này.

Cho nên, đứng hầu nhận tiền cúng dường, tức là đứng hầu ở bên cạnh sư trưởng nhận tiền của thí chủ, đây là cúng dường tiền, như vậy cũng có thể hộ giới cho sư trưởng. Đương nhiên thí chủ có tâm ý cúng dường như vậy thì tỳ-kheo tốt nhất nên đáp lại như thế nào? Căn cứ theo Luật Tứ Phần, tỳ-kheo giới bốn, tỳ-kheo-ni giới

bổn của chúng ta đều có, điều giới thứ 10 trong chương thứ ba có nói, nếu có người tặng tiền mua y cho tỳ-kheo, tiền mua y chính là tiền, lúc này tỳ-kheo đáp lại, nên nói: “tôi không được nhận tiền, nếu tôi cần y thì lúc hợp thời thanh tịnh tôi sẽ nhận”. Nghĩa là tôi không được nhận tiền, tôi chỉ có thể nhận tứ sự cúng dường, hơn nữa cúng dường thanh tịnh thì tôi mới nhận. Nếu đối phương hiểu luật thì họ sẽ hỏi người chấp sự của thầy là ai, vậy bạn có thể nói với họ: “Người tên gì đó, hoặc tăng-già-lam dân, hoặc ưu-bà-tắc, họ là người chấp sự tên gì đó”. Đối phương sẽ giao tiền này cho người chấp sự của bạn, tức là những cư sĩ hộ trì bạn, họ sẽ quản lý số tiền này đợi khi bạn cần dùng đến. Đối phương cũng sẽ nói với bạn: “Bạch đại đức, con đã giao tiền mua y cho người chấp sự tên gì đó mà thầy chỉ rồi”, con đã giao tiền cho họ rồi, “thưa đại đức, thầy biết rồi thì khi nào cần, thầy đến chỗ họ sẽ có y”, bạn biết rồi, sau này nếu bạn cần y hoặc tứ sự cúng dường, bạn đến chỗ họ nói, tôi cần thứ gì đó thì họ sẽ cúng dường bạn, đây là như pháp nhất.

Đoàn nghĩa công của chúng ta ở nơi đây thành lập một cách thức cúng dường của cơ kim hội, tất cả tiền của mọi người đều do cư sĩ nghĩa công trực tiếp thu nhận quản lý, sau đó sẽ chuyển đủ tiền vào tài khoản của mỗi người, sau này bạn cần thứ gì thì bạn có thể nói với họ, ví dụ tôi cần một vé máy bay từ Thâm Quyển đến Bắc Kinh, vậy họ sẽ mua giúp bạn, đó là khấu trừ số tiền trong tài khoản mà họ lập cho bạn. Đây là người khác cúng dường bạn nhưng bạn không được nhận tiền, mà bạn có thể nhận vé máy bay. Lúc này họ sẽ cúng dường vé máy bay cho bạn, cho nên bạn cần thứ gì thì đến lúc đó họ sẽ cúng dường bạn. Nếu không có tịnh nhân ở bên cạnh, tỳ-kheo chúng ta ra ngoài nếu có tịnh nhân đi cùng thì tương đối thuận tiện, trường hợp không có tịnh nhân thì sa-di có thể nhận thay trước. Tỳ-kheo đương nhiên không được có ý niệm muốn nhận tiền, cũng không được bảo người lấy, miệng không được nói “tôi xin nhận”, hoặc cười lấy lệ đều không được, hoặc “con cầm tiền giúp thầy”, bảo người lấy cũng không được, chỉ có thể im lặng, hoặc chỉ có thể nói: “tôi không cần, tôi không cần tiền”.

Thế nhưng đối phương muốn cúng dường thì sa-di có thể chủ động đi lên. Có tịnh nhân, bình thường cũng phải hướng dẫn tịnh nhân làm thế nào để hộ trì pháp sư không cầm tiền bạc. Bạn vừa thấy thì liền biết đi lên cầm tiền, đừng để thí chủ cứ quỳ mãi ở đó dâng tiền cho bạn, “tôi không cần” - “con cúng dường thầy”, “tôi không cần” - “con cúng dường thầy”, cuộc giằng co qua lại này rất khó xử. Trước đó đôi bên đều hướng dẫn hết rồi, tịnh nhân đưa tay ra trước, cầm trước, tịnh nhân không

hiếu thì sa-di đi lên thay sư trưởng nhận trước. Sau khi nhận rồi, quay lại không phải đưa cho sư trưởng, mà vẫn đưa cho người chấp sự của sư trưởng. Ví dụ chúng ta ở đây có đoàn nghĩa công, chuyên có người quản lý tài khoản, vậy thì giao cho họ. Bạn đưa cho sư trưởng thì sư trưởng cũng không nhận, họ không cầm tiền bạc mà, đúng không? Cách làm là như vậy. Được rồi, môn này đã giảng xong rồi. Tiếp theo là môn thứ tư:

“Môn thứ tư nhập chúng”.

Đây là nói chúng ta nhập vào đại chúng, đây là bao gồm hai chúng tăng tục, không chỉ là chúng xuất gia, mà còn có người tại gia. Trong đại chúng, chúng ta nên có đầy đủ tâm thái và oai nghi như thế nào. Trong luật nói nên đầy đủ năm loại phép tắc:

Thứ nhất phải “dùng tâm từ”, tâm từ bi.

Thứ hai, “bản thân phải khiêm nhường như khăn lau bụi vậy”. Bản thân phải rất khiêm tốn, không có chút tâm ngạo mạn nào, bản thân giống như một chiếc khăn lau bụi vậy, chúng ta lấy khăn lau bàn lau bề cửa, lau sạch bụi là thể hiện điều gì? Bản thân mình bản đề đổi lại sự sạch sẽ cho đối phương. Cho nên ở trong đại chúng, lỗi lầm nên quy về mình, công lao nhường cho người. Trong giới Bồ-tát cũng nói: “Việc xấu nhận về mình, việc tốt dành cho người”. Không được khoe khoang đức hạnh của mình, khen mình chê người, đây chính là tâm khiêm nhường. Kỳ thực, nếu bạn thật sự làm như vậy thì bản thân sẽ không tăng thêm tội lỗi, mà ngược lại tăng thêm công đức. Lỗi lầm nhận về mình nhưng bản thân sẽ không bị thiệt, bạn có thể tu đức lớn nhẫn nhục, khiêm nhường, vậy thì chỉ có thể nâng bạn lên cao.

Thứ ba, “phải biết phép tắc khi nào ngồi đứng”, khi nào nên ngồi, khi nào nên đứng, cũng chính là tiến thoái ứng đối. Những việc này đều phải phù hợp lễ nghĩa, không được thất lễ. Ví dụ chúng ta ngồi ở đó, thấy tỷ-kheo đến thì chúng ta không được ngồi yên bất động ở đó được, mà phải lập tức đứng dậy, biểu thị sự cung kính, đợi đối phương đi qua rồi thì chúng ta mới ngồi xuống. Hoặc tỷ-kheo bậc dưới nhìn thấy tỷ-kheo bậc trên đi đến, giới lập của họ cao hơn mình thì mình không được ngồi yên ở đó, mình cũng phải đứng dậy, thể hiện sự cung kính đối với bậc trên. Nếu tôi là bậc trên, mà đối phương là bậc dưới, vậy họ đi đến thì tôi không cần đứng dậy, quá cung kính, thái quá hóa dở, cho nên đáng đứng dậy mà không đứng dậy là thất lễ, không nên đứng dậy mà đứng dậy cũng là thất lễ, cả hai đều là thất lễ, nên ở trung đạo.

Thứ tư, “ở trong tầng không được làm loạn tầng”, nghĩa là ở trong đại chúng tầng không được làm loạn đại chúng tầng, nghĩa là gì? Cũng tức là do ở trong đại chúng tầng khó tránh khỏi người tốt kẻ xấu lẫn lộn, tốt xấu lẫn lộn. Chúng ta ở trong đại chúng tầng phải chuyên nhìn cái tốt, không học cái xấu, chuyên nhìn chỗ tốt, không nhìn chỗ xấu, chuyên học cái tốt. Nếu người khác ngồi cùng nhau bàn luận chuyện thế sự, cười đùa nói những lời thô tục, lời vô nghĩa thì chúng ta không tham gia. Nếu đối phương nghiêm túc tu đạo, mọi người nghiên cứu thảo luận vấn đề về pháp thì chúng ta có thể tham gia, tức là có thể không bị ảnh hưởng xấu, bản thân chúng ta học tốt, kỳ thực cũng dẫn dắt tăng đoàn đi về hướng tiến bộ, vậy thì bạn sẽ có công đức. Mọi người đều học tốt, người kia không học tốt, nhưng rồi cũng học theo điều tốt. Tập khí của con người đều có thể thay đổi, gọi là “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”.

Thứ năm, “nếu thấy trong tăng có việc không thể nhẫn thì nên im lặng”. Tức là nếu thấy trong tăng đoàn có hiện tượng không như pháp, không thể kiềm chế, trừ khi mình là chấp sự, vậy đương nhiên đáng quản thì phải quản. Nếu bản thân không phải chấp sự, nhìn thấy những việc này thì nên làm thế nào? Chỉ im lặng. Im lặng, thứ nhất là không bị nó ảnh hưởng, thứ hai không tán thành hay giúp đỡ việc không như pháp này của họ, nhưng vẫn phải suy nghĩ cho tăng đoàn, nên báo cáo với chấp sự để chấp sự ra mặt quản lý, phân xử. Nề nếp trong tăng như vậy thì đoàn thể này sẽ có trật tự, sẽ không loạn. Đặc biệt không được tùy tiện phê bình, càng không được nói với người ngoài lỗi lầm trong tăng đoàn, người xưa đều nói: “chuyện xấu trong nhà không nói ra ngoài”, càng huống hồ là tăng đoàn? Đây là hình tượng đại diện cho tăng bảo. Trong tăng đoàn, mọi người chắc chắn không phải thánh nhân nên đều sẽ có tập khí phiền não của phàm phu, chúng ta tùy tiện phê bình, đi rêu rao lỗi lầm của người ta, như vậy bản thân sẽ phạm lỗi, nói lỗi của bốn chúng là trọng tội của Bồ-tát.

Tốt rồi, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi xin giảng đến đây trước, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 27

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoàng

Thời gian: 28/09/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Mời mở sách đến trang 15. Buổi học trước chúng tôi đã giảng đến “môn thứ tư: nhập chúng”, môn thứ tư trong môn oai nghi. Đây là nói chúng xuất gia chúng ta cùng nhau tu học, quan trọng nhất chính là phải tu lục hòa kính. Cho nên, sống ở trong chúng như thế nào, là một môn học vắn lớn, nhất định phải nghiêm túc học tập. Trong Đại Trí Độ Luận nói: “đệ tử của bậc thánh Phật-đà phải chung sống hòa hợp”, chính là nói đệ tử của đức Phật, đặc biệt là chúng xuất gia phải an trụ trong sự hòa hợp. An trụ như thế nào? Có hai quy tắc:

Một là “lời hiền thánh”. Nghĩa là miệng của chúng ta chỉ nói những lời như pháp, như lý, như lời Phật đã dạy, lời không nói ra thì thôi, nói ra đều phù hợp với giáo huấn của Phật, có thể lợi ích chúng sanh, đây gọi là lời thánh hiền. Trong kinh Vô Lượng Thọ nói: “Không thích nói chuyện vô nghĩa thế gian, mà thích luận chánh pháp”. Nếu chúng ta xuất gia mà nói chuyện tùy tiện giống như người thế tục thông thường, hơn nữa đều nói những ngôn luận thế gian, gọi là những lời về rượu chè, sắc dục, tiền tài, vậy thì không phù hợp với hành nghi của người xuất gia, cho nên phải ưa thích chánh luận, chánh ngữ. Chánh ngữ này được nói đến trong bát chánh đạo.

Quy tắc thứ hai, “sự im lặng của hiền thánh”, “mặc” có nghĩa là im lặng, khi không nói chuyện cũng phải an trụ trong chánh niệm giống như hiền thánh vậy. Đối với những việc không như pháp, chúng ta nhìn thấy, nghe thấy thì im lặng cho qua. Đối với người không như pháp thì chúng ta không học tập họ, không thân cận họ,

chỉ học tập những thứ tốt đẹp, tiếp nhận ưu điểm, sở trường trên thân người khác. Thấy nhược điểm của họ thì nên phản tỉnh chính mình, nhìn thấy những lỗi lầm này phải phản tỉnh mình có hay không. Như trong Đệ Tử Quy nói: “thấy việc ác, liền phản tỉnh, có thì sửa, không thì tránh”. Nếu bản thân có lỗi lầm giống họ thì chúng ta phải nhanh chóng sửa đổi, gọi là “lấy người làm gương thì sẽ biết lẽ được mất”, biết được điểm tốt xấu thiện ác của bản thân. Nếu bản thân có lỗi này thì sửa, không có lỗi này thì tự cảnh giác, đốc thúc mình không được phạm. Do đó, đối phương chính là một tấm gương rất tốt cho mình tu hành, soi được những chỗ thiếu sót trên thân mình. Không được thấy đối phương có lỗi liền sanh khởi tâm khinh mạn, thậm chí sanh khởi tâm sân giận, nói những lời thô lỗ khiến đối phương phiền não, việc này không được có.

Tâm địa người xuất gia chúng ta phải nhu hòa, phải từ bi, phải có thể bao dung. Chúng ta ở trong tăng đoàn, mọi người thị hiện chắc chắn đều là phạm phu. Thời đại mạt pháp, dù Phật Bồ-tát ứng thế thì các ngài cũng thị hiện phạm rất nhiều lỗi lầm, các ngài không thể dùng thân Phật để thị hiện được. Chỉ có Phật mới không có lỗi lầm. Chúng sanh thời mạt pháp chúng ta phước mỏng, nên Phật không thể dùng thân Phật thị thiện để nói pháp cho chúng ta được, mà nhất định thị hiện phạm phu gần giống như chúng ta, ở cùng chúng ta hòa quang đồng trần. Chúng ta phải xem những người xung quanh, bên cạnh đều là Phật Bồ-tát đến thị hiện cho chúng ta, đến giúp đỡ chúng ta. Như vậy bạn tu hành ở trong chúng sẽ đạt được lợi ích thù thắng, bạn chỉ có tiến bộ, chứ không thoái lui. Sợ nhất chính là luôn nhìn lỗi của người, trong tâm vốn dĩ là thanh tịnh không có ô nhiễm, bây giờ nhìn thấy lỗi lầm của người, liền đem ô nhiễm của người ta để vào trong tâm mình, làm ô nhiễm tâm thanh tịnh của chính mình. Đây là hành vi ngu si nhất, chẳng khác nào bạn biến nội tâm mình trở thành thùng rác của người khác, đem toàn bộ rác rưởi của họ bỏ vào trong tâm mình, làm vậy là ngu ngốc nhất, cho nên người chân thật tu hành không đựng rác của người khác, chỉ đựng bảo vật của người khác. Ưu điểm trên thân người khác, dầu họ có 100 khuyết điểm, chỉ có một ưu điểm, vậy thì trong tâm chúng ta sẽ đựng cái ưu điểm đó của họ, không nhìn 100 khuyết điểm kia của họ, vậy là bạn biết tu, trong tâm bạn luôn thanh tịnh, luôn vui vẻ.

Thật sự vào Phật pháp đại thừa, bạn liền biết hết thấy chúng sanh đều là nội tâm mình biến hiện ra, ngoài tâm không có pháp, ngoài tâm không có chúng sanh. Do đó, khi bạn nhìn thấy người bên ngoài có lỗi lầm, việc bên ngoài không như ý,

vật bên ngoài không viên mãn, thì đó là tâm của chính bạn không viên mãn, cho nên cần phản tỉnh chính mình. Trong “Văn Tình Tập” của đại sư Hoằng Nhất có lấy một ví dụ nói rõ rằng: chúng ta nhìn lỗi của người khác thì giống như trên mũi của mình có một vết mực, soi vào gương nhìn thấy đối phương ở trong gương có một vết mực trên mũi rất khó coi, thế là liền oán hận, trách móc, chê cười đối phương: trên mũi anh có vết mực sao không lau đi? Khó coi như thế mà còn mặt mũi đến gặp tôi sao? Làm vậy là rất ngu si.

Người giác ngộ thì họ không trách mắng người trong gương có vết mực trên mặt, mà họ sẽ lấy một chiếc khăn rồi tự lau sạch mũi đi, sau đó soi lại thì thấy mũi người trong gương cũng sạch sẽ rồi. Người trong gương là ai? Chính là người bên cạnh bạn, toàn bộ là chúng sanh hiện ra trong chân tâm đại viên bảo kính của bạn. Bạn thấy đối phương có vết mực, chính là trong tâm bạn có vết mực, cho nên phải làm như thế nào? Lau cho mình sạch sẽ thì tự nhiên chúng sanh bên ngoài liền sạch sẽ. Đây là bí quyết quan trọng đệ nhất để sống chung với chúng, nếu không bạn ở trong chúng nhất định sẽ sanh phiền não, nhất định sẽ sanh ra đối lập với người khác, đối lập, mâu thuẫn, xung đột, vậy thì bản thân đang đọa lạc rồi, càng mê càng sâu, khi nào mới có ngày giác ngộ giải thoát đây? Chúng ta xem lời văn trong môn oai nghi của đại sư Ngẫu Ích. Điều thứ nhất:

“Không được tranh chỗ ngồi”.

Đây là đức khiêm tốn. Nếu tranh chỗ ngồi với người khác là hoàn toàn không có mỹ đức khiêm nhường, hoàn toàn giống như tu-la vậy, thích tranh hơn đấu dừng, cho nên chúng ta ở trong tăng đoàn nhất định phải rất chú trọng luân lý thứ tự. Luân lý của người xuất gia và luân lý của người thế gian có hệ thống hoàn toàn khác nhau. Luân lý của người thế gian là ngũ luân do Khổng tử lập ra, gọi là cha con, anh em, chồng vợ, quân thần, bạn bè, là quan hệ ngũ luân này. Trong Đệ Tử Quy nói “người lớn trước, người nhỏ sau”. Sự phân biệt lớn nhỏ này là căn cứ theo ngũ luân, người bề dưới phải tôn trọng hiếu kính người bề trên, người bề trên phải từ ái, quan tâm, chăm sóc người bề dưới, cho nên trong ngũ luân thì cha chính là đại diện cho cha mẹ, phải từ bi yêu thương con cái; con cái, con thì phải hiếu, cha từ con hiếu, anh nhường em kính, quân nhân thần trung, quân chính là lãnh đạo, thần chính là người bị lãnh đạo. Trong bất cứ đơn vị đoàn thể nào, đương nhiên đều có sự phân biệt quân thần, cho đến một ngành, thủ trưởng của ngành này chính là lãnh đạo, nhân viên phía dưới chính là thần bị lãnh đạo. Quân phải nhân, yêu thương, quan tâm cấp dưới của

mình giống như cha mẹ yêu thương con cái vậy. Thân phải kính quân, trung với quân, trung là không thiên vị, giữ tâm ở trung đạo, tâm ở trung đạo thì gọi là trung. Có thiên vị, có tự tư tự lợi, bản thân có yêu ghét lấy bỏ, thậm chí chấp trước ý kiến của mình thì gọi là bất trung. Phải buông bỏ được ý kiến của mình, buông bỏ được tập khí của mình, phục tùng lãnh đạo của đoàn thể, đây gọi là trung. Chồng nghĩa vợ thuận, chồng phải có đạo nghĩa, ân nghĩa, tình nghĩa, vợ phải có thể nhu thuận, cung kính chồng của mình. Bọn bè, giữa lớn nhỏ, người lớn yêu thương, người nhỏ kính thuận, người lớn phải yêu thương, chăm sóc người nhỏ nhiều hơn, người nhỏ phải có thể nghe lời người lớn nhiều hơn. Đây là ngũ luân thập nghĩa của thế gian, nhà Nho nói vô cùng viên mãn.

Nhà Nho là nền tảng của học Phật, từ xưa đến nay tổ sư đại đức có ai mà không thông Nho, thông Đạo chứ? Cầm rất chắc nền tảng văn hóa truyền thống, cho nên vừa xuất gia tu đạo liền rất có thành tựu. Chúng ta hiện nay xuất gia rồi, nếu trước đây chưa nắm vững những cái gốc văn hóa truyền thống, đạo đức nhân nghĩa này, vậy thì vẫn phải học bổ túc thêm, bằng không thì giới luật sẽ không có nền tảng, dù bạn học thuộc lòng Nam Sơn Tam Đại Bộ, nhưng đạo đức nhân nghĩa đều không có, vậy thì căn bản không thể nói đến trì giới được, cũng không thể có thành tựu được. Sau khi xuất gia thì gọi là “người ngoài vòng thế tục”, trong kinh Phạm Võng Bồ-Tát Giới nói: “Theo pháp của người xuất gia thì không lễ lạy quốc vương, cha mẹ, lục thân, quỷ thần”. Đây gọi là người ngoài vòng thế tục, đã thoát khỏi những ràng buộc của thế tục, nhất tâm cầu giải thoát sanh tử, nên không tuân theo luân lý của thế gian nữa, ngũ luân đều buông bỏ. Tuy buông bỏ ngũ luân này rồi, nhưng vẫn có ân nghĩa, không phải nói chúng ta xuất gia rồi thì căn bản không cần cha mẹ nữa, quên đi tất cả, vậy thì trở thành đại bất hiếu rồi. Trong Phạm Võng Bồ-Tát Giới dạy chúng ta “hiếu gọi là giới”, “hiếu thuận cha mẹ, sư tăng, tam bảo”. Chữ hiếu này chính là không được vong ân, người xuất gia là hành đại hiếu, có thể nhất tâm tu học giới định tuệ, đoạn phiền não, liễu sanh tử, công đức này có thể gia trì cho cha mẹ của mình, thậm chí cha mẹ tổ tiên, lục thân quyến thuộc đời đời kiếp kiếp đều có thể siêu sanh, đạt được lợi ích rất lớn. Đây là đại hiếu, đây là báo ân.

Nếu bạn không cố gắng tu hành ở thế gian, bạn không hiếu dưỡng cha mẹ là đã bất hiếu rồi, xuất thế gian mà bạn lại không cố gắng tu hành thì đó chính là đại bất hiếu. Thế xuất thế pháp đều không đạt được, cho nên người phạm giới không được uống nước của quốc vương, không được đi trên đất của quốc vương, tất cả

người đời đều mắng họ là giặc trong Phật pháp, mắt của hết thấy chúng sanh đều không muốn nhìn họ, người phạm giới chẳng khác nào súc sanh, chẳng khác nào khỉ gố, vì sao vậy? Bởi vì trong thế xuất thế gian, họ đều bất hiếu. Chúng ta xuất gia phải thường niệm báo ân, báo tứ trọng ân: ân cha mẹ, ân sư trưởng, sư trưởng bao gồm cả đức Phật là bốn sư, còn có sư trưởng hiện tại, dầu họ dạy ta một câu một bài kệ, giúp ta nâng cao pháp thân huệ mạng thì ta đều phải tôn kính không quên ân, còn phải báo ân đất nước, ân chúng sanh, dùng tâm báo ân để khích lệ bản thân tu hành.

Phật chế định luân lý của người xuất gia, năm chúng xuất gia, đương nhiên nói đầy đủ là bao gồm bảy chúng. Bảy chúng là gì? Thứ nhất là tỳ-kheo, thứ hai là tỳ-kheo-ni, thứ ba là thức-xoa-ma-na, thứ tư là sa-di, thứ năm là sa-di-ni, hai chúng tại gia là: xuất gia thọ ngũ giới gọi là xuất gia ư-bà-tắc và xuất gia ưu-bà-di, tức là chỉ thọ ngũ giới, cạo đầu vẫn chưa thọ giới sa-di. Đây gọi là tịnh trụ nam hoặc tịnh trụ nữ. Họ ở trong tăng đoàn cũng giống như hình tượng xuất gia, chỉ là chưa thọ giới sa-di mà thôi, cộng thêm hai chúng tại gia là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, là cư sĩ tại gia đã thọ tam quy ngũ giới, tổng cộng là chín chúng.

Thứ tự của chín chúng đều phải rất có trật tự, chúng dưới nhất định phải tôn trọng chúng trên, như tỳ-kheo-ni phải kính trọng tỳ-kheo. Phật chế định “bát kính pháp” cho tỳ-kheo-ni, nghĩa là ít nhất phải lễ kính tỳ-kheo ở 8 phương diện, như chỗ ngồi phải nhường cho tỳ-kheo ngồi trước, dù là tỳ-kheo-ni trăm lạp cũng phải lễ kính tỳ-kheo 20 tuổi vừa đăng đàn thọ giới. Tiếp theo, thức-xoa-ma-na bởi vì chưa thọ giới cụ túc, chưa nhập vào dòng tăng, cho nên đều phải lễ kính đối với tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo, cung kính, đánh lễ, mời ngồi. Chỗ ngồi [của họ được] xếp phía sau, ngồi đầu là tỳ-kheo, rồi tỳ-kheo-ni, sau đó là thức-xoa-ma-na. Dù thức-xoa-ma-na trăm tuổi, thọ giới Bồ-tát cũng trăm lạp rồi nhưng đối với tỳ-kheo-ni 20 tuổi vừa xuống giới đàn cũng phải cung kính, đánh lễ, mời ngồi, bất luận tỳ-kheo-ni, tỳ-kheo này có thọ giới Bồ-tát hay không, không luận giới Bồ-tát, mà luận theo thứ bậc của giới Thanh văn.

Tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni mỗi bên đều sắp xếp theo giới lạp, người thọ giới trước thì ngồi trên, người thọ giới sau thì ngồi dưới, không hỏi tuổi già trẻ, càng không hỏi thân phận trước đây ở thế gian của bạn. Dù trước đây bạn làm quốc vương, bây giờ mới xuất gia thọ giới cụ túc, những tỳ-kheo bậc cao hơn bạn có thể trước đây là một người ăn mày, nhặt rác thì họ cũng phải xếp trước bạn. Luân lý trong tăng đoàn hoàn

toàn dựa vào giới luật, tức là tôn trọng giới, không luận thân phận trước đây của bạn, không luận tuổi tác trước đây của bạn.

Bậc dưới thì xếp sau, sa-di phải lễ kính thức-xoa-ma-na, tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo. Dù sa-di trăm tuổi, giới Bồ-tát trăm lap thì cũng phải đánh lễ, cung kính, mời ngồi đối với thức-xoa-ma-na 18 tuổi vừa mới đạt được lục pháp giới. Sa-di-ni đối với sa-di cũng như vậy, dù sa-di-ni trăm tuổi, giới lap Bồ-tát cũng trăm lap nhưng cũng phải cung kính, đánh lễ, mời ngồi đối với một sa-di 7 tuổi chưa thọ giới Bồ-tát, thậm chí sau khi sa-di chết thì sa-di-ni trăm lap này đều phải lễ tháp của họ. Tiếp theo chính là ưu-bà-tắc, xuất gia ưu-bà-tắc, tại gia ưu-bà-tắc đánh lễ sa-di-ni. Tại gia ưu-bà-tắc, tức là trong năm giới thì họ chỉ thọ không tà dâm, tức là ưu-bà-tắc thông thường thọ tam quy ngũ giới, đối với ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tịnh hạnh đều phải đánh lễ, cung kính, mời ngồi. Vì sao vậy? Bởi vì ngũ giới tịnh hạnh này của họ chính là không dâm dục, cả đời không dâm dục. Điều giới này cao hơn giới không tà dâm thông thường, càng hướng hồ họ đã xuất gia, hiện tăng tướng rồi.

Do đó, thứ tự trong cửa Phật tổng cộng có chín chúng, đều có trật tự rõ ràng, không được tranh, người bậc trên cũng không được nhường, không được khách sáo, “thầy đến đây, tuổi của thầy còn lớn hơn tôi”, việc này không luận tuổi tác, mà luận theo giới lap, đây là thể hiện sự tôn trọng giới pháp. Phật dạy chúng ta phải lấy giới làm thầy, nề nếp trong đi đứng nằm ngồi thể hiện sự tôn trọng đối với giới pháp. Điều thứ hai:

“Không được gọi nhau từ xa, cười đùa ở trên chỗ ngồi”.

“Gọi nhau từ xa” tức là gọi nhau từ đằng xa, “cười đùa” nghĩa là nói chuyện cười đùa, làm như vậy thì giống như trong luật gọi là bà-la-môn tụ hội, mọi người ở cùng nhau rất tạp loạn, không có dáng vẻ mà tăng nhân nên có. Cho nên, nếu chúng ta đang ngồi, ví dụ ngồi cùng nhau dùng trai hay cộng tu, nếu có việc muốn đề đối phương biết, biết được bạn muốn gọi họ thì có thể búng ngón tay. Như trai đường của chúng ta, trong trai đường đều không được nói chuyện, đặc biệt khi đang ăn cơm, ăn cơm nếu nói chuyện thì có thể phạm tội “ngâm thức ăn nói chuyện”, đây chính là phạm giới ở chương thứ năm, sa-di cũng phạm tội giống như vậy. Cho nên có thể dùng cách búng ngón tay để đối phương biết, thật sự có việc muốn nói rõ thì có thể vẫy tay với họ để họ ra bên ngoài hội trường rồi nói, một là không khiến người bên trong hội trường bị bạn ảnh hưởng mà động niệm; hai là toàn bộ hội trường đều vô cùng tĩnh lặng, cho thấy hoàn cảnh tu hành rất trang nghiêm. Điều tiếp theo:

“Trong chúng có mất oai nghi thì phải ẩn ác dương thiện”.

Ở trong đại chúng nếu thấy có người mất oai nghi, như vừa rồi nói gọi nhau từ xa, cười đùa ở trên chỗ ngồi, hoặc y phục của họ không chỉnh tề, những chỗ mất oai nghi như vậy thì chúng ta phải “ẩn ác dương thiện”, tức là che giấu điểm xấu của người, khen ngợi điểm tốt của người. Có thể che giấu cái xấu của người, nhìn thấy điểm xấu của người, lỗi lầm của người thì đừng tùy tiện đi nói lung tung, phê bình lung tung, đây là đang trưởng dưỡng đức hạnh của bản thân. Nếu tùy tiện phê bình, chê cười người khác, dùng việc cười đùa để giấu cợt người khác là làm tổn hại lớn nhất đến âm đức của mình, khiến phước báo của mình bị tổn hại rất lớn. Phải che giấu cái xấu của người mà biểu dương thiện hạnh của người, khiến đối phương sau khi nghe được sẽ vô cùng phấn khởi. Dầu họ chỉ có một chút xú thiện như vậy mà chúng ta đều biểu dương, còn lỗi lầm khắp người của họ thì chúng ta đều giả vờ không thấy, khiến bản thân họ sanh tâm hổ thẹn, họ sẽ tự nguyện muốn sửa lỗi làm mới. Nếu chúng ta bám chặt vào lỗi lầm của họ không buông, hằng ngày đều ở đó phê bình, vậy người ta nghe thấy sẽ có tâm chống đối, như vậy họ sẽ không chịu sửa.

Tổ sư Ngũ tổ Pháp Diễn của Thiên tông, ngài cũng từng nói một đoạn rất hay rằng: *“Người xưa nghe lỗi của mình thì mừng, vui làm việc thiện, bao dung cả sự vấy bẩn, nhân hậu che giấu điều xấu, khiêm cung kết giao bằng hữu, siêng năng giúp đỡ người, không vì hai tâm cạnh được mất, cho nên quang minh rộng lớn chiếu soi kim cổ”*. Thời xưa người có đức, thánh hiền quân tử đều thích nghe lỗi lầm của mình, như Tử Lộ đệ tử của Khổng lão phu tử là hiền nhân, ngài chính là nghe thấy lỗi thì vui. Nghe thấy người khác nói tôi có lỗi làm gì đó thì rất vui, vì sao vậy? Như vậy thì tôi có thể sửa lỗi rồi. Bởi vì, tự nhìn lỗi lầm của mình là điều rất không dễ dàng, nhưng người khác nhìn lỗi của mình thì rất dễ, giống như mình nhìn thấy lỗi của người khác vậy, đều sẽ nhìn thấy rất rõ ràng. Nếu người khác đến phê bình chúng ta, thì đây đúng là cơ hội để chúng ta tiến bộ, chúng ta nên sanh tâm hoan hỷ, nên sanh tâm cảm ơn chứ không được sanh tâm chống đối, thậm chí đối lập, xung đột với đối phương, đây là tâm của tu-la, vậy thì rất khó để sửa lỗi làm mới. Đối phương nhìn thấy thái độ này của bạn thì sau này họ sẽ không dám nhắc đến lỗi lầm của bạn nữa, vậy thì lỗi lầm của bạn chỉ có ngày càng tăng thêm, không có lúc nào giảm bớt, cho nên người tu hành nên hoan nghênh người khác nhắc nhở lỗi lầm. Trong cửa Phật chúng ta, Phật cũng lệnh cho các đệ tử giữa đôi bên nên bảo nhau sám hối, khuyên nhau sửa lỗi làm thiện, có thể khiến Phật pháp được thêm lợi ích. Người có đức cũng

rất thích làm thiện, làm việc thiện lợi ích chúng sanh thì vô cùng hoan hỷ, khiến chúng sanh được lợi ích, bản thân tăng thêm phước báo.

“Bao dung cả sự vấy bẩn”, “bao hoang” nghĩa là bao gồm cả sự dơ bẩn. Đây là nói người phải có lòng độ lượng, nhìn thấy người khác có những hành vi dơ bẩn, ô nhiễm thì đều phải bao dung, có thể khuyên ngăn sửa lỗi, chúng ta dùng tâm tốt để khuyên ngăn sửa lỗi. Thế nào là tâm tốt? Không phải dùng tâm sân giận, chửi rủa, trách mắng, khiến đối phương bề mặt còn mình thì rất vui sướng, tâm như vậy không tốt, mà phải vì lợi ích chúng sanh. Lợi ích không vì thế mà tổn giảm, từ bi không vì thế mà sân giận, hơn nữa, cũng phải tìm thời điểm phù hợp để khuyên can, ví dụ khi khuyên can nên nghĩ đến việc “khuyên lỗi nơi phòng riêng”. Tìm đối phương đến chỗ riêng để nói chuyện, không được giữa chốn đông người chỉ thẳng vào mũi họ phê bình, khiến đối phương bề mặt, thậm chí ôm lòng oán hận. Ngôn ngữ cũng phải nhu hòa, không được dùng lời thô lỗ rất khó nghe để phê bình.

“Nhân hậu che giấu điều xấu”, nghĩa là phải hiền hậu, có thể ẩn giấu việc xấu của người khác. “Khiêm cung kết giao bằng hữu”, dùng đức hạnh khiêm tốn, đôi bên kết giao bạn bè không được cảm thấy, dường như mình có chút sở trường, nên vọi vọi ở trên cao, xem thường đối phương, dùng thái độ từ trên cao nhìn xuống, vậy thì bạn làm sao có thể kết giao bạn bè với đối phương cho được? Còn “siêng năng giúp đỡ người”, rất chăm chỉ phục vụ đại chúng, giúp đỡ mọi người. Giống như trong tăng đoàn, phải tận sức cống hiến nhiều, phục vụ nhiều cho tăng đoàn, tăng trưởng phước báo của mình, cũng kết duyên hoan hỷ với mọi người.

“Không vì hai tâm cảnh được, mất”, “được” là đạt được, “mất” chính là mất đi, không vì đạt được hoặc mất mát mà biến thành hai cái tâm. Ví dụ đối phương đối tốt với tôi, tôi được lợi ích từ họ nên tôi rất thích họ, tôi liền rất tốt với họ. Khi đối phương có tổn hại đến tôi, tôi liền trở nên rất tức giận, giống như không đội trời chung với đối phương vậy, đây là hai loại tâm lý. Hai loại tâm lý đều là phiền não, yêu ghét đều là phiền não, phải dùng một tâm, bất luận là đạt được hay mất đi đều là một tâm nhất như. Đương nhiên cũng bao gồm khi bản thân ở trong thuận cảnh, khi người khác cung kính ta, tán thán ta, hộ trì ta thì trong tâm ta cũng vô cùng bình hòa, không kiêu ngạo, xao động. Khi bản thân gặp phải nghịch cảnh, người khác không cung kính ta, thậm chí mọi người đều phê bình ta, cho rằng ta không tốt, vậy thì ta cũng đừng bỗng chốc liền tuyệt vọng, liền mất đi cái tâm tu hành, cái tâm chung sống hòa thuận với mọi người. Tóm lại là tâm phải luôn bình hòa, luyện tâm như như bất

động, bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, bất luận gặp phải thiện duyên, ác duyên đều phải giữ gìn tâm thanh tịnh của mình. Vì sao vậy? Bởi vì toàn bộ những cảnh giới này đều là cảnh mộng, toàn bộ là giả. Bạn ở trong này khởi phân biệt, khởi yêu ghét là tự tạo nghiệp, tự tìm phiền não. Như vậy có thể tu dưỡng đức lớn, khiến trí tuệ, quang minh, đức hạnh đều biến thành vô cùng rộng lớn, có thể chiếu soi cỏ kim.

Trong “Sử Ký-Khổng Tử Thế Gia” có ghi chép Khổng lão phu tử từ nước Lỗ đi thăm viếng Lão tử. Lão tử nói với ngài rằng: người phú quý dùng tài vật để làm lễ vật tặng người, còn người có đức hạnh sẽ tặng cho người một, hai câu lợi ích, dùng những lời có lợi ích để làm lễ vật. Tôi không phải là một người phú quý, tôi chỉ mạo danh là một người có đức để tặng cho ông hai câu. Lão tử liền nói với Khổng tử rằng, nói gì vậy? *“Người thông minh, thấy biết tinh tường nhưng lại gần với con đường chết, bởi thích phê bình người. Người uyên bác, giỏi phán đoán, kiến thức rộng lớn thường mang họa vào thân, bởi hay vạch trần lỗi lầm của người”*. Hai câu này có nghĩa là gì vậy? Chính là nói con người bạn rất thông minh, có thể thấy biết rõ ràng lỗi lầm của người khác, con mắt rất tinh tường, liếc mắt là nhìn thấu nội tâm của người ta, nhìn thấy lỗi của người ta rất rõ ràng, người như vậy sẽ thế nào? Gần với con đường tử vong, tức là họ sẽ bước vào con đường chết. Vì sao vậy? Hạng người này, do họ ưa thích bình luận lỗi lầm của người khác. Không phải nói chúng ta không có trí tuệ, không nhìn thấy lỗi lầm của người khác, mà nhìn thấy lỗi lầm của người ta cũng đừng đi bình luận, giả vờ như không thấy, gọi là đại trí tựa như ngu. Đây chính là ý nghĩa của câu “bao dung cả sự vấy bẩn”. Nếu bạn rất có trí tuệ, nhìn thấy lỗi lầm của người ta, bạn rất thích bình luận điểm tốt xấu của người, vậy thì xem như bạn đã đưa mình vào đường chết rồi. Vì sao vậy? Rất dễ kết oán với người, có khi kết oán rồi mà bản thân vẫn không hay biết, khi chết vẫn không biết tại sao mình lại chết.

Tôi nhớ xem Tam Quốc Chí, trước đây xem trong Tam Quốc Chí có nói một thần tử dưới trướng của Tào Tháo tên là Dương Tu. Tại sao Dương Tu chết? Chính là do người này quá thông minh, giỏi quan sát được trong tâm người khác nghĩ gì, trong tâm Tào Tháo nghĩ gì ông đều biết. Một lần Tào Tháo đem quân đi đánh trận, vốn dĩ muốn tấn công nhưng sau đó tình thế thay đổi nên muốn lui binh, nhưng lui binh thì mình lại mất thể diện, đang khi tiến thoái lưỡng nan. Buổi tối họ cần đi tuần tra trong quân, luôn phải có một hiệu lệnh, quân sĩ đến hỏi Tào Tháo tối nay dùng hiệu lệnh gì? Tào Tháo đang ăn xương sườn gà, liền nói hai chữ “sườn gà”. Kết quả

hiệu lệnh này truyền vào trong quân, Dương Tu vừa nghe liền bắt đầu thu dọn hành lý chuẩn bị về nhà. Kết quả mọi người hỏi: “Vì sao ngài thu dọn hành lý vậy?” Dương Tu liền nói: “Hai ngày nữa Thừa tướng chúng ta sẽ lui binh, tôi thu dọn hành lý trước để chuẩn bị dẹp đường về phủ”. Kết quả lời này truyền đến tai Tào Tháo, Tào Tháo vô cùng tức giận, đã định tội danh cho ông là làm loạn lòng quân, nên đã giết Dương Tu. Qua mấy hôm quả nhiên Tào Tháo vẫn cho lui binh, cho nên Dương Tu chết rất oan ức, ông có nói sai không? Không nói sai, nhưng vì sao ông chết? Do ông quá thông minh, lúc không nên nói thì ông lại nói, nên đã đưa mình vào đường chết, cho nên lời nói không thận trọng thường sẽ tự chuốc lấy diệt vong. Khổng lão phu tử dặn dò chúng ta phải “nhạy bén trong công việc, nhưng thận trọng trong lời nói”, làm việc phải thông minh, phải nhạy bén, nhưng nói chuyện phải chậm rãi một chút, nói chuyện chậm một chút, đừng vội tùy tiện nói ra làm tổn thương người.

Lại nói đến “người uyên bác, giỏi phán đoán, kiến thức rộng lớn thường mang họa vào thân, bởi hay vạch trần lỗi lầm của người”. Bạn vô cùng bác học, hơn nữa lại giỏi phán đoán. Trung Dung nói bác học, khéo chất vấn, tư duy thận trọng, giỏi phán đoán, đây đều là biểu hiện bạn rất có tài hoa. Song, bạn thấy nhiều biết rộng, kiến thức rất uyên bác, ngược lại khiến bản thân rơi vào chỗ nguy hiểm. Đây là nguyên nhân gì vậy? Chính là do ưa thích khám phá những việc xấu mà người ta che giấu. Vừa rồi nói cái chết của Dương Tu chính là một minh chứng rất tốt, cho nên người thật sự có đức nên học ẩn ác dương thiện, đừng miến cưỡng đi tìm hiểu, đi thám thính việc riêng tư của người khác, gọi là “biết nhiều chuyện thì nhiều phiền não, quen nhiều người thì lắm thị phi”. Bạn biết càng nhiều thì bản thân càng phiền não nhiều, vì sao không đem thời gian, tinh lực của bạn an trú trong việc tu hành? Tại sao không có chuyện lại đi kiếm chuyện, tự tìm phiền não vậy? Càng không được thùng rỗng kêu to, đã không có tài hoa mà còn đặc biệt thể hiện ra vẻ bản thân có tài hoa, tâm cao khí ngạo, thậm chí lấy mạnh hiếp yếu, cậy tài khinh người, ở trong chúng mà có những điều này đều sẽ khiến bản thân cuối cùng tiến thoái lưỡng nan.

Cho nên ở trong chúng quan trọng nhất chính là khiêm tốn. “Khiêm tốn được lợi ích, ngạo mạn bị tổn hại”, cho dù bạn đầy tài hoa, đức hạnh của bạn rất cao, tu hành rất tốt cũng đều phải khiêm tốn mà tôn trọng người. Như đại sư Ấn Quang nói: “Xem mọi người đều là Bồ-tát, chỉ mình ta chân thật là phàm phu”, “dù có tu trì thì cũng luôn cảm thấy công phu của mình rất nông cạn”. Quả thực là rất nông cạn, bạn so sánh với tổ sư đại đức thì như thế nào? Nói thật, chúng ta ngay đến tư cách xách

giày cỏ cho tổ sư đại đức cũng không có, vậy thì có gì đáng để kiêu ngạo? Câu tiếp theo:

“Không được khoe khoang công lao của mình”.

“Phật” nghĩa là khoe khoang, mình làm việc có công lao nên tự mình tán thán công lao của mình, đây gọi là “khoe khoang công lao”. Bạn xem đây, tôi làm bao nhiêu bao nhiêu việc tốt, có công lao bao lớn, trên thực tế việc tự khoe khoang bản thân, ngược lại sẽ làm tổn giảm mất công lao. Trong Thái Căn Đàm nói, công lao to bằng trời cũng hết bởi một chữ kiêu, “kiêu” chính là kiêu ngạo, cảm thấy mình tài giỏi. Bạn vừa cảm thấy mình tài giỏi thì người ta sẽ không nhìn đến công lao của bạn nữa, cho nên trong Đạo Đức Kinh cũng nói: *“Cố chấp ý của mình nên không thông tỏ, tự cho mình đúng nên không hiểu rõ, tự khoe khoang nên không có công lao, tự kiêu mạn nên không thể làm bề trên”*. “Cố chấp ý” chính là bản thân chấp trước kiến giải của mình, cho rằng mình đúng, hạ người này nhất định không hiểu rõ, không cao mình. Kiến giải của bản thân họ chắc chắn không bằng kiến giải của thánh hiền rồi, cho nên trong kinh Di Giáo nói: “cẩn trọng đừng tin vào ý của ông, ý của ông không đáng tin”. Kiến giải của bản thân bạn không đáng tin, chắc chắn là sai lầm, vì sao vậy? Trước khi chưa thành Chánh giác thì kiến giải của bạn đều là kiến giải của phàm phu, kiến hoặc chưa đoạn, kiến giải của phàm phu thì sai rồi. “Tự cho mình đúng nên không hiểu rõ”, người tự cho mình là đúng thì không hiểu rõ, “hiểu rõ” nghĩa là có thể thông đạt đối với chân tướng sự lý, song người này nhất định không hiểu rõ. Họ tự cho mình là đúng thì người này chính là kẻ hồ đồ, không hiểu sự lý. Người chân thật hiểu rõ sự lý thì nhất định muốn tiếp nhận ý kiến của mọi người, gọi là tiếp thu ý kiến của quần chúng, tiếp nhận kiến nghị hay của mọi người. “Tự khoe khoang nên không có công lao”, tự kiêu ngạo, phô trương công lao của mình nên họ không có công lao nữa. “Tự kiêu mạn nên không thể làm bề trên”, kiêu mạn chính là ngạo mạn, tự cao tự đại, cảm thấy mình tài giỏi thì người này không thể làm bề trên của người, chính là làm lãnh đạo của người. Làm lãnh đạo của người phải đầy đủ đức tính khiêm cung, gọi là “người thiện đức cao thượng như nước vậy”. Câu tiếp theo:

“Không ngủ trước người, không dậy sau người”.

Đây là nói chúng ta tu đạo phải tinh tấn, trong kinh giáo Phật dạy chúng ta phải thường quán mạng người vô thường, một khi mất thân người thì vạn kiếp khó được lại, nay tuy còn nhưng mai khó đảm bảo. Hôm nay, chúng ta có thân người có

thể gặp được Phật pháp, có thể gặp được pháp môn Tịnh độ, đời này cố gắng tu hành thì có thể thành tựu, có thể liễu thoát sanh tử thành Phật đạo, đừng sống uổng mỗi ngày, “đừng để thời gian luống qua, thân tâm mỗi một vô ích”, cẩn thận đừng giải đãi lười nhác, ngủ nghỉ buông lung.

Cho nên người xưa dụng công, đêm ngày đều không ngừng công phu, gọi là “tinh tịch tương chiếu”. “Tinh” nghĩa là quán chiếu rất rõ ràng, “tịch” chính là nhập tịch định, trong tâm một niệm không sanh, một niệm không sanh nhưng lại quán chiếu rất rõ ràng, đây gọi là tinh tịch tương chiếu, không phải nói một niệm không sanh thì không biết gì hết, vậy có khác gì gỗ đá đâu? Khi tôi giảng bài có nói chúng ta phải tu một niệm không sanh, đừng để trong tâm có ý niệm, có người liền phê bình tôi rằng: trong tâm không có ý niệm thì làm sao được? Họ không nghe hiểu lời tôi nói, thật sự một niệm không sanh thì tâm giống như gương sáng vậy. Gương có ý niệm không? Không có ý niệm, nhưng nó có thể chiếu soi rất rõ ràng. Chiếu rõ ràng mà cũng không có ý niệm, đây chính là dùng chân tâm, dùng niệm thứ nhất, không phải dùng niệm thứ hai, niệm thứ hai chính là vọng tưởng, niệm thứ nhất chính là chân tâm. Cho nên, dụng tâm như gương, kỳ thực buổi tối họ không phải ngủ nghỉ, mà họ đang nhập định, tâm hoàn toàn tĩnh lặng, vô cùng sáng trong, công phu như vậy có thể được thiền định, công phu thành phẩm.

Đây là phương hướng mà chúng ta phải dụng công tu hành. Việc này nhất định phải tinh tấn nỗ lực, không được giải đãi, cho nên ngủ nghỉ càng ít càng tốt. Đương nhiên ngủ nghỉ cũng là để dưỡng tinh thần, không phải nói tôi cố hết sức để đêm không ngủ, thức thâu đêm để niệm Phật, niệm đến sáng hôm sau thì bắt đầu đi ngủ. Cho nên không phải buổi tối đi ngủ, mà đổi lại ban ngày đi ngủ, đây không gọi là tu hành. Nếu như vậy chẳng thà buổi tối bạn đi ngủ còn ban ngày dụng công, bởi vì thân thể tinh thần của bạn như thế thì không cách gì thành phẩm được, vậy bạn hãy chọn cách làm việc, nghỉ ngơi lành mạnh hợp lý, đợi khi công phu của bạn tiến bộ rồi thì tự nhiên ngủ nghỉ sẽ giảm bớt, không hôn trầm nữa, dù rất mệt mỏi, bạn có thể nhắm mắt dưỡng thần, thế nhưng vẫn tinh tịch chiếu soi, vô cùng rõ ràng, không phải hôn trầm, cũng không có vọng tưởng, như vậy chính là công phu thành phẩm.

Do đó ở đây nói “không ngủ trước người, không dậy sau người”, chính là không được rút lại phía sau người khác. Tăng đoàn cùng nhau cộng tu thì có điểm tốt này, mọi người nương chúng tựa chúng, bạn nhìn thấy, bạn xem người phòng bên 3 rưỡi sáng đã dậy rồi, tôi ngủ đến 4 rưỡi thì ngại quá. Buổi tối họ luôn ngồi đến 9

ruối, 10h, mà 8h tôi đã đi ngủ thì thật ngại, luôn có sự khích lệ lẫn nhau, cho nên tăng đoàn chỉ cần có một người tinh tấn thì họ sẽ có hiệu quả dẫn dắt toàn bộ đoàn thể. Chúng ta tận sức làm việc nghỉ ngơi theo tăng đoàn, sau khi gõ bản đi ngủ, mọi người không phát ra âm thanh nữa thì có thể tự dụng công, nhưng đừng nhiễu loạn người khác. Buổi sáng bạn muốn dậy sớm cũng là yên lặng dụng công, không làm phiền người khác tu hành. Nếu người khác đang tĩnh tọa, đang dụng công mà bạn phát ra âm thanh thì sẽ làm người ta động niệm, sẽ làm phiền người khác thiền định. Bởi vì âm thanh làm quấy nhiễu thiền định nhất, cho nên chúng ta đi đứng nằm ngồi đều phải vô cùng cẩn thận, gắng sức đừng để phát ra âm thanh, như kéo ghế, mở cửa, kéo rèm cửa, những việc này đều phải làm từ từ. Đệ Tử Quy cũng nói “vén rèm nhẹ, chớ ra tiếng”, đó không phải chỉ nói “vén rèm nhẹ”, bạn kéo ghế cũng phải kéo nhẹ nhàng, dùng bát đĩa cũng phải chậm rãi, đừng khua leng keng, mà đều phải “chớ ra tiếng”.

Luật sư Thư Ngọc, bốn sư của ngài là lão hòa thượng Kiến Nguyệt, chính là đại sư Độc Thê, từng khai thị cho đại chúng rằng: “Tinh tấn là bảo bối của tu đạo, Phật tổ do đây mà thành, phiền não do vậy mà đoạn, người làm Thích tử há có thể giải đãi chăng?” Chính là khích lệ chúng ta pháp tinh tấn này là bảo vật trong việc tu học thánh đạo. Tinh tấn giống như nước chảy đá mòn vậy, từng giọt từng giọt nước, mặc dù rất nhỏ nhưng thời gian lâu rồi thì nó có thể làm mòn hòn đá, cho nên Phật tổ, đức Phật, tổ sư đại đức đều do tinh tấn dụng công mà được thành tựu. Ví dụ chúng ta học giới, đầu tiên phải học thuộc giới bốn. Muốn thuộc giới bốn thì bạn cũng phải dụng công, buổi sáng thức dậy phải học thuộc một chương, buổi tối trước khi ngủ học thuộc một chương. Bản thân dụng công nhiều thì sẽ thuộc rất nhanh, nếu không năm này tháng nọ cũng không học thuộc được giới bốn. Đây không phải là vấn đề căn tánh của mình, mà chính là bản thân không chịu dụng công, để lãng phí thời gian. Lãng phí hết thời gian tốt đẹp của mình thì vô cùng đáng tiếc.

Đương nhiên còn có niệm Phật tu hành, học giới, học tập kinh giáo đều thông qua tinh tấn mà được. Trong tăng đoàn chúng ta cùng nhau làm việc nghỉ ngơi, điều này nhất định phải tuân thủ, song khóa trình cùng nhau làm việc, nghỉ ngơi, cộng tu này không được xem là nhiều. Một ngày thông thường chúng ta lên thời khóa sáng tối, cộng thêm một buổi học vào buổi chiều mà thôi. Thời gian bình thường bản thân phải nắm chặt. Nếu không nắm chặt, để phí hoài thời gian, đợi khi lớn tuổi rồi muốn học cũng không học được, muốn tu mà thân thể lại suy nhược, thậm chí nhiều bệnh,

thế thì không cách gì tu được, cho nên đều phải nhân lúc trẻ tuổi, đến 50-60 tuổi, 60-70 tuổi là tương đối khó rồi, nhưng dù là độ tuổi này thì cũng phải tinh tấn. Đại sư Ngẫu Ích nói niệm Phật, bạn thật sự muốn vãng sanh Tây Phương, vậy mỗi ngày ít nhất phải niệm 30.000 câu Phật hiệu, hoặc 50.000, hoặc 100.000 câu, cả đời này cũng không thay đổi, hằng ngày như vậy, nếu bạn không vãng sanh, đại sư Ngẫu Ích nói chư Phật đều trở thành vọng ngữ. Nói cách khác, bạn nhất định có thể vãng sanh, vậy bạn có chịu làm hay không? Tu hành nếu không nhân lúc hiện tại, bạn nói sau này có thời gian rồi tu, vậy đến khi nào bạn có thời gian? Đợi khi lão gia Diêm vương mời bạn đi, hai mắt nhắm lại, hai tay duỗi thẳng thì bạn thật sự không còn thời gian nữa.

Cho nên, phiền não cũng là nhờ tinh tấn mà đoạn được, làm Thích tử xuất gia há có thể giải đãi, buông thả, lười nhác không dụng công ư? Trong Đệ Tử Quy cũng nói “sáng dậy sớm, tối ngủ trễ, già mau tới, quý thời gian”. Buổi sáng phải dậy sớm, người xưa chăm chỉ hiếu học, họ đều dậy sớm, gọi là “canh ba chong đèn đến canh năm gà gáy, chính là thời gian dài mài học tập của đấng nam nhi, tuổi trẻ không biết siêng năng học tập sớm, về già mới nuối tiếc đọc sách thì đã muộn rồi”. Hiện tại bạn còn trẻ, có thể lực, tinh lực, bạn không cố gắng dụng công tu học, đến khi già rồi thì bạn có hối hận cũng không kịp nữa, cho nên phải dậy sớm ngủ trễ, trân quý từng khắc thọ mạng. Câu tiếp theo:

“Không được ngồi cùng tòa với đại tỳ-kheo, trừ pháp hội lớn”.

Làm sa-di, đương nhiên bao gồm những bậc dưới sa-di như ưu-bà-tắc, ưu-bà-di v.v... đều như vậy. Người tại gia cũng có thể học Sa-Di Luật Nghi, cũng phải học để hiểu được ở trong cửa Phật làm thế nào để tuân thủ luân lý, lễ tiết trong cửa Phật. Bình thường không được tùy tiện ngồi cùng chỗ với đại tỳ-kheo. Bởi vì tỳ-kheo thuộc về vị trí sư trưởng, còn sa-di, tịnh nhân, cư sĩ đều thuộc vị trí đệ tử. Việc này phải có sự phân biệt, đây là thể hiện sự tôn sư trọng đạo, bởi vì tỳ-kheo đã thọ giới cụ túc, có thể gọi là ruộng phước của trời người. Sa-di vẫn chưa thọ giới cụ túc, chưa nhập vào dòng tăng, cho nên điều này có sự khác biệt, không được cùng ngồi một chỗ, trừ khi ở pháp hội lớn, chỗ ngồi rất eo hẹp, người cũng đông, bắt buộc dĩ thì có thể khai duyên, nhưng bình thường thì không được như vậy, thậm chí là cùng nhau dùng trai đều không nên ăn cùng bàn, mà phải tách ra ngồi riêng. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni cũng như vậy, giả sử khi thấy có sa-di, cư sĩ cùng nhau ăn cơm đều nên nhắc nhở đối phương nên ăn riêng bàn, nếu không sẽ phạm tội ở chương thứ năm, trừ khi giống

như pháp hội lớn, hoặc khi không có bàn khác, bắt đắ dĩ vậy thì không cách gì. Điều tiếp theo:

“Không được ngồi chung tòa với bạch y, trừ khi pháp hội lớn”.

Đây là nói sa-di vừa không được ngồi chung chỗ với đại tỳ-kheo, đương nhiên sa-di-ni cũng không được ngồi chung chỗ với tỳ-kheo-ni, ngược lại cũng không được ngồi chung chỗ với bạch y, cư sĩ, cũng có sự phân biệt. Bởi vì sa-di thọ giới là 10 giới sa-di, thậm chí xuất gia ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thọ 5 giới tịnh hạnh, giới thể đều khác với người tại gia, cho nên vị trí trên dưới này có sự khác biệt, đây không phải để làm nổi bật sự tôn quý của bản thân, mà Phật chế định để mọi người đều tôn trọng giới pháp. Bạn thọ giới tôn quý nên chúng tôi tôn quý bạn, không phải là tôn quý bạn, mà là tôn quý giới. Bạn nghiêm túc trì giới thì có thể tiếp nhận sự đăi ngộ tôn quý này. Nếu bạn không nghiêm túc trì giới, người ta tôn quý, tôn trọng bạn, vậy bản thân bạn sẽ tổn hao phước báo, giống như mạo nhận vậy. Vốn dĩ không đáng tôn quý như vậy mà mạo nhận vị trí tôn quý này thì bản thân sẽ hao tổn phước báo.

Trong Hành Hộ Luật Nghi chính là Giáo Giới Tân Học Tỳ-kheo Hành Hộ Luật Nghi do luật tổ Đạo Tuyên trước tác có nói rằng: “Không được ở cùng giường với tỳ-kheo hơn mình 5 hạ lạc”. Nghĩa là không được ngồi cùng giường với tỳ-kheo trên mình 5 hạ, chính là 5 hạ lạc. Giường tức là chỉ tất cả vị trí ngồi, giường của người xưa không nhất định là giường để ngủ, chỗ ngồi cũng có thể gọi là giường. Bởi vì tỳ-kheo có giới lạc cao hơn mình 5 hạ là thuộc về vị trí a-xà-lê. Giới lạc cao hơn mình 10 năm là đồng hòa thượng, vị trí hòa thượng rồi. Đây gọi là đồng hòa thượng, đồng a-xà-lê. “Đồng” nghĩa là dù họ không phải là hòa thượng hoặc a-xà-lê chính thức mà mình y chỉ, nhưng giới lạc của họ là tương đồng nên gọi là đồng hòa thượng, đồng a-xà-lê, vậy chúng ta phải tôn trọng họ giống như tôn trọng hòa thượng, a-xà-lê của mình vậy. Câu tiếp theo:

“Phàm rửa mặt thì không được dùng nhiều nước”.

Đây là nói dùng nước rửa mặt thì không được dùng nhiều, đây là quý trọng nước, một mặt trong tăng đoàn, đặc biệt là thời xưa, nước đều do người gánh về, không thuận tiện như hiện tại dùng nước máy. Lúc nhỏ tôi sống ở nông thôn, tôi nhớ rất rõ, đều phải đến giếng nước ở trong thôn để gánh nước, gánh về lu nước của mình, một ngày đều phải gánh mấy lần, hiện nay mọi người đều dùng nước máy nên không cảm nhận được sự trân quý ấy. Đương nhiên, người hiện nay cũng đối diện với nguy cơ nước dùng toàn cầu, hiện nay nguồn tài nguyên nước càng ngày càng ít, nước ngọt

ngày càng ít, dân số lại ngày càng đông, mà con người ngày càng không quý trọng nước. Trước đây phải đi gánh nước, họ còn tương đối quý trọng, hiện nay dùng nước máy thì họ không quan tâm nữa. Hiện nay đều là dùng nguồn tài nguyên của tương lai, cho nên đợi đến khi nguồn nước ngọt trên toàn trái đất không còn nữa thì lúc đó thảm rồi. Cho nên có người nói thế này, “giọt nước cuối cùng của loài người chính là giọt nước mắt của chính mình”, bởi vì toàn bộ nước không còn nữa, cho nên chúng ta phải chú ý đến nhu cầu dùng nước cho thế hệ sau.

Thứ hai cũng là trân quý phước báo của chính mình. Nếu dùng những nguồn tài nguyên này tùy tiện không quý tiếc là tổn hại phước báo của mình, cho nên cổ đức nói: “Ở núi không được đốt nhiều củi, gần sông không được dùng nhiều nước, học đạo tu hành nếu không hiểu, tương lai thọ dụng trọn không tốt”. Bạn sống ở trên núi không được chặt nhiều cây cối làm củi đốt, hiện nay đặc biệt trân quý tài nguyên rừng, nên không được tùy tiện chặt củi, chặt cây. Gần sông, ở gần sông không được vì lấy nước thuận tiện nên tôi dùng nhiều nước, hiện nay dùng nước máy càng như vậy, không thể nói dù sao nước tự có, gọi là nước máy nên tùy tiện dùng, trên thực tế đều tiêu hao hết phước của mình. Cho nên người xưa có đại đức dùng nước, một ngày từ uống nước đến tắm rửa, đến rửa mặt, chỉ dùng 8 cốc nước. Bạn xem người ta dùng như thế nào. Học đạo, tu học thánh đạo, nếu không hiểu đạo lý này thì tương lai thọ dụng, tức là đời sau của bạn, có thể chưa cần đợi đến đời sau, mà sự thọ dụng ngay nửa sau đời này của bạn đã không tốt rồi, phước báo hưởng hết rồi không còn nữa.

Cho nên, trong Sa-Di Luật Nghi Yếu Lược Tập Chú có nói như vậy: “Nếu không biết tu hành thì dầu phước nhiều như cát sông Hằng cũng dễ mất hết”. Nếu chúng ta không hiểu rõ phải cố gắng tu hành, không biết nên tu như thế nào, thì dù bạn có nhiều phước báo như cát sông Hằng cũng sẽ mất hết. Ví dụ bạn ở trong đạo tràng, đạo tràng vốn là một cơ hội tốt để tu phước, bạn chăm chỉ hành đường cho mọi người, quét dọn cho mọi người, dọn vệ sinh phục vụ, những việc này đều là tu phước, nhưng bạn không cố gắng trân quý cơ hội này, ở đây không cố gắng phục vụ cho đại chúng, mà ngược lại lười được là lười, hơn nữa khi sử dụng tài nguyên của đạo tràng thì bạn cũng không trân quý chút nào, vậy dù bạn có phước báo như cát sông Hằng cũng sẽ tiêu hết rất nhanh, vì sao vậy? Bạn hưởng thụ đều là thập phương cúng dường, bạn có phước bao lớn mà có thể hưởng được vậy?

Cho nên, tổ sư Ấn Quang viết trong Văn Sao rằng, ở trong nhà vệ sinh ngài chuẩn bị hai chậu nước, một chậu đựng nước sạch, một chậu đựng nước dơ, nước bẩn. Nước sạch dùng để rửa mặt, tức là rửa mặt, súc miệng, nước đã dùng qua thì đổ vào trong chậu nước dơ, nước trong chậu nước dơ có thể dùng để giới khi đi đại tiểu tiện, như vậy dùng nước sẽ rất tiết kiệm. Bạn xem, tổ sư ở đâu cũng đều tiếc phước như vậy. Câu tiếp theo:

“Nhai canh dương xong nhổ nước ra, phải cúi thấp đầu nhổ nước xuống dưới, không được phun nước bắn vào người khác”.

“Nhai canh dương”, người xưa để bảo vệ răng nên lấy canh dương nhai trong miệng. Điều này giống như chúng ta hiện nay đánh răng vậy. Hiện nay đều không nhai canh dương nữa, mà đều dùng kem đánh răng, bàn chải, nên làm thế nào cho thích hợp? “Cúi thấp đầu nhổ nước xuống dưới”, chúng ta súc miệng khi nhổ nước ra, đừng ngẩng cao đầu rồi nhổ ra ngoài “toẹt” một tiếng, người bên cạnh đều bị nước súc miệng của bạn làm cam lồ sái tịnh, rẫy đến mức toàn thân đều là nước súc miệng. Như vậy cũng là bất lịch sự với người, cũng khiến người ta sanh phiền não, bản thân cũng không có thói quen văn minh, không có oai nghi, cho nên phải làm thế nào? Nhổ nước đều phải cúi đầu thấp xuống, cố gắng để nước này từ từ chảy xuống dưới, đừng nhổ ngay ra, nhổ ngay xuống đất thì nó sẽ bắn lên làm người bạn cũng bị bắn ướt. Rửa mặt, đánh răng xong mà một nửa y phục ướt hết thì không có oai nghi, cho nên phải oai nghi điềm đạm, súc miệng cúi đầu thấp xuống, không được phun nước ra bắn vào người khác. Tiếp theo:

“Không được xì mũi, khạc nhổ lớn tiếng”.

Tức là không được xì mũi, nhổ nước miếng, nhổ đàm dãi phát ra âm thanh rất lớn. Có người có thói quen không tốt, khi xì mũi thì xì rất mạnh, rất dùng lực, âm thanh giống như tiếng sấm nổ vậy, khiến người bên cạnh đều cảm thấy sợ hết hồn, có phải lỗ mũi của họ bị vỡ ra rồi không. Như vậy rất không văn minh. Đừng nói người xuất gia chúng ta nên làm tấm gương cho trời người, bạn xem người có giáo dưỡng ở thế gian đều không xì mũi rất lớn tiếng, nhổ nước miếng “toẹt” một cái ra ngoài, điều này khiến người ta cảm thấy rất chán ghét, thể hiện không có giáo dưỡng. Cho nên phải nhỏ tiếng, hoặc đến nơi kín đáo, đừng để ảnh hưởng đến người khác, càng không được cẩu thả xì mũi, nhổ đàm như vậy.

Nếu đi bộ bên ngoài, đột nhiên có đàm thì làm thế nào? Đừng tùy tiện nhổ lên đất, vậy thì càng không văn minh, ngay đến đạo đức xã hội đều không có. Trong đàm

này của bạn đều có vi khuẩn, chúng đều sẽ ra ngoài lang thang, làm ô nhiễm không khí. Cho nên phải lấy một tờ giấy vệ sinh, hoặc khăn tay, nhổ vào trong rồi bọc lại. Nếu là giấy vệ sinh thì vứt vào trong thùng rác, hơn nữa động tác đều phải rất nhẹ nhàng, âm thanh rất nhỏ, như vậy mới thể hiện bạn có giáo dỡng.

Tốt rồi, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây trước, cảm ơn mọi người!

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 28

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 12/10/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị liên hữu tôn kính, chư vị thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính! Chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Hôm nay, Định Hoằng đến Hồng Kông làm việc. Mỗi ngày chúng tôi lên mạng giảng bài trong lớp Tịnh luật học Phật, để khóa trình không bị gián đoạn. Cho nên nhân cơ hội này, liền đến nơi đây tiếp tục giảng bài, đồng thời phát sóng trực tiếp, chúng ta ở đây xem trực tiếp chỉ có năm nơi giáo học. Nhưng không ngờ hôm nay cũng có nhiều liên hữu đến như vậy, rất hoan nghênh.

Chúng ta tiếp tục xem môn oai nghi trong Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu, “chương thứ tư: nhập chúng”. Buổi giảng trước, chúng tôi đã giảng đến câu thứ chín là “*không được xì mũi khạc nhổ ở nơi điện tháp, phòng thất thanh tịnh, đất thanh tịnh và nước thanh tịnh, mà phải xì nhổ ở chỗ khuất vắng*”. Tiếp theo, giảng câu thứ 10:

“Không được xì mũi khạc nhổ ở nơi điện tháp, phòng thất thanh tịnh, đất thanh tịnh và nước thanh tịnh, mà phải xì nhổ ở chỗ khuất vắng”.

Môn oai nghi này nói rất nhiều đến việc cộng tu, hoặc ở chung trong đạo tràng, nên phải biết quy củ, đó cũng là sự hành trì cơ bản mà người học Phật chúng ta nên có. Ở đây nói không được ở những nơi như điện, tháp mà xì mũi khạc nhổ. Điện chính là điện Phật, tháp chính là tháp Phật. Những nơi này đều là nơi cúng dường tượng Phật, cúng dường xá-lợi Phật, hoặc nơi cúng xá-lợi của tổ sư đại đức, còn có “phòng thất thanh tịnh, đất thanh tịnh”, ví dụ đại hùng bảo điện là nơi lên thời khóa sáng tối, như pháp đường ở đây. Pháp đường chính là nơi giảng pháp, còn có điện tháp cúng dường Phật Bồ-tát, thậm chí còn bao gồm toàn bộ tăng-già-lam, chính là tự viện đạo tràng. Vào cửa lớn của đạo tràng, nơi đây thuộc về đất thanh tịnh, nơi rất

thanh tịnh, những nơi này cũng bao gồm “nước thanh tịnh”, nước thanh tịnh là nước dùng để cúng Phật, cúng tăng. Nguồn nước trong đạo tràng, đương nhiên cũng dùng để cúng Phật, cúng tăng. Mỗi ngày tăng chúng phải ăn, dùng nước này, nên đều phải giữ gìn sạch sẽ. Nếu xì mũi khạc nhổ vào trong, “thế” nghĩa là xì mũi, “thóa” nghĩa là nhổ nước miếng, làm thế là vô cùng bất kính, khiến những đất thanh tịnh, nước thanh tịnh này bị ô nhiễm, vậy thì sẽ chuốc lấy tội không nhỏ, cho nên ở đây đặc biệt nêu rõ, không được tùy tiện làm vậy. Nếu thật sự muốn xì khạc thì phải xì khạc ở đâu? “Ở nơi khuất vắng”. “Tịch” chính là nơi khuất vắng, ví dụ tránh vào góc tường, rãnh nước, đó là nơi đào thải chất dơ bẩn, hoặc vào trong nhà vệ sinh, xì khạc ở những nơi này.

Trước đây có một vị tăng, buổi tối tĩnh tọa ở trong tháp Phật, kết quả khi ngồi đột nhiên khạc nhổ. Điều này chúng ta thường có, bất chợt có thể lên một cục đàm, ông liền thuận miệng nhổ xuống đất. Kết quả, ở dưới ánh đèn ông nhìn thấy thần hộ pháp lập tức đưa tay ra đón lấy cục đàm này của ông, không để đàm rơi xuống đất, rồi đem cục đàm này ra bên ngoài. Khi ông nhìn thấy cảnh này thì cảm thấy vô cùng xấu hổ, cũng vô cùng sợ hãi. Bạn xem, chút hành vi tùy tiện vô tâm này là đã phạm tội lỗi rồi, nhưng thần hộ pháp đều nhìn rất kỹ, không hề có chút lơ lửng nào. Điều này chứng tỏ chúng ta ở trong đạo tràng, nơi đất thanh tịnh tu hành hay nghỉ ngơi đều không được tùy tiện phóng túng. Có thể không phóng túng bản thân mà giữ tâm cung kính thận trọng, như vậy chính là đang tu hành, phóng dật là trái ngược với tu hành. Xem tiếp câu tiếp theo:

“Khi uống trà, canh không được xá chào người bằng một tay”.

Khi chúng ta đang uống trà, canh, một tay bưng tách trà hoặc bưng chén canh thì không được dùng một tay còn lại xá chào hành lễ với người. Bởi vì khi bạn đang ăn mà bạn lại hành lễ với người ta, việc này vừa không phù hợp lễ tiết, không thích hợp lễ nghi, hơn nữa cũng rất nguy hiểm. Khi bạn đang chào hỏi hành lễ với người ta mà tách trà, chén canh này đổ ra thì rất mất oai nghi, trên thực tế việc này cũng là không cung kính đối với người. Cung kính với người thì nên ở thời gian, nơi chốn phù hợp, dùng lễ nghi thích hợp, đây mới là cung kính. Được rồi, tiếp theo câu thứ 12:

“Không được hướng về tháp và hai vị thầy đại tỳ-kheo v.v. rửa mặt, đánh răng”.

Mặc dù nói những việc này đều là luật nghi của sa-di, nhưng trên thực tế mỗi một đệ tử học Phật chúng ta đều phải tuân thủ. Đây cũng là phong thái mà một người văn minh có giáo dưỡng cần có, cho nên “sa-di luật nghi” không chỉ người xuất gia nên học, mà người tại gia cũng nên học. Chữ “tháp” này vừa rồi giảng, là trong này có thể cúng dường xá-lợi của Phật, hoặc xá-lợi của tổ sư đại đức, hoặc bên trong cúng dường hình tượng thánh hiền, là đại biểu thánh hiền vẫn tại thế. “Hai vị thầy” chính là chỉ hòa thượng và a-xà-lê. Ví dụ chúng ta thọ tam quy ngũ giới thì sẽ có a-xà-lê truyền giới, truyền thọ tam quy. A-xà-lê gọi là thầy mô phạm, dạy chúng ta những hành nghi quy tắc học Phật. Hòa thượng gọi là thân giáo sư, tức là vị thầy đích thân dạy bảo chúng ta. Khi truyền thọ giới sa-di đều có ít nhất hai vị tỳ-kheo đến truyền thọ, một người là hòa thượng, một người là a-xà-lê.

Ngoài hòa thượng và a-xà-lê là thầy đích thân dạy bảo chúng ta ra, còn có đại tỳ-kheo. Đại tỳ-kheo chính là tỳ-kheo tăng đã thọ đại giới, họ cũng là sư trưởng của chúng ta, chúng ta đều phải cung kính. Cho dù là cư sĩ tại gia vừa nhập môn thọ tam quy ngũ giới, tam quy y chính là quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng. Tỳ-kheo là thuộc về tăng bảo, nếu chúng ta không tôn kính tỳ-kheo, cũng bao gồm cả tỳ-kheo-ni, tỳ-kheo-ni cũng thuộc về tăng bảo, không cung kính với họ là đã làm trái ngược với ý nguyện ban đầu quy y tam bảo của chúng ta rồi. Nói cách khác, quy y không thành công, quy y không thành công thì không thể xem là đệ tử Phật được, đó gọi là ngoại đạo, vậy thì rất phiền phức.

Cho nên kính tăng là việc rất quan trọng. Bất luận vị tăng này như pháp hay không như pháp, trì giới hay phạm giới thì chúng ta đều phải tôn kính. Chúng ta tôn kính là tôn kính hình tượng này của họ, họ đại diện cho hình tượng tăng bảo, còn bản thân họ như thế nào thì chúng ta không cần đo lường quá nhiều về họ, họ có nhân quả của họ. Chúng ta tôn kính họ chính là tôn kính tăng bảo, chúng ta sẽ có công đức của chúng ta, mỗi người tự tu lấy, không thể nói vì họ không như pháp nên tôi không cung kính nữa, vậy họ đã sai mà tôi càng sai hơn, cho nên phải thật tôn kính tăng bảo. Tôn kính tăng bảo chính là thành tựu tánh đức của mình, bởi vì cung kính là tánh đức của tự tánh. Phóng dật, ngạo mạn, giải đãi là trái ngược với tánh đức của tự tánh.

Ở đây nói “không được hướng về tháp rửa mặt súc miệng”, “tẩy xỉ” chính là đánh răng, súc miệng. Hướng về phía tháp là không cung kính, hướng về người cũng là không cung kính, cả hướng về hai vị thầy là hòa thượng và a-xà-lê, cho đến đại tỳ-

kheo tăng, hướng về những người này đều là không cung kính. Đó là biểu hiện khinh thường thánh hiền sư trưởng, cho nên chúng ta nên dứt bỏ. Phật pháp cầu được là từ trong tâm cung kính. Nếu không có tâm cung kính thì dù bạn đọc thuộc lòng tam tạng mười hai bộ kinh điển, nhưng bạn vẫn không đạt được lợi ích của Phật pháp. Tiếp theo điều thứ 13:

“Không được nói nhiều cười nhiều, nếu cười lớn hoặc ngáp thì phải lấy tay áo che miệng lại”.

Nói nhiều chính là nói chuyện rất nhiều, tục ngữ nói họa từ miệng ra, người thích nói chuyện nhiều là người này tự tạo cho mình rất nhiều việc rắc rối, cho nên nhà Nho, bạn xem Khổng lão phu tử dạy người rằng: “quân tử nhảy bén trong công việc, nhưng thận trọng trong lời nói”. Làm việc phải nhanh nhạy, phải có hiệu quả, nhưng nói chuyện phải thận trọng, phải nói ít, nói nhiều thì sai nhiều, cho nên Đệ Tử Quy dạy: “Nói nhiều lời, không bằng ít, phải nói thật, chớ xảo nịnh”. Nói chuyện nhiều dễ chuốc lấy tai họa, gọi là người nói vô tâm mà người nghe hữu ý. Xem trong lịch sử có rất nhiều câu chuyện như vậy, người nói không cẩn thận, vô tâm, khiến người nghe nghe được rất khó chịu, ôm hận trong lòng, kết quả rước lấy tai họa mất đầu.

Bạn xem, trong Tam Quốc Diễn Nghĩa thì cái chết của Dương Tu chính là một ví dụ rất hay. Dương Tu là quan văn thủ hạ của Tào Tháo, có một lần cùng Tào Tháo ra ngoài đánh trận, đánh đã lâu mà không thể chiến thắng. Trong tâm Tào Tháo muốn lui binh nhưng lại cảm thấy ngượng ngùng, đang do dự, buổi tối muốn tuần tra doanh trại thì cần có hiệu lệnh, binh sĩ đến hỏi hiệu lệnh hôm nay là gì? Tào Tháo thuận miệng nói hai chữ sườn gà. Dương Tu nghe hiệu lệnh sườn gà này liền nói: “Tào thừa tướng của chúng ta không lâu nữa sẽ thu quân về triều, chúng ta có thể chuẩn bị thu dọn đồ đạc thôi”. Bạn xem, ông tùy tiện nói vậy, kết quả lời này truyền đến tai Tào Tháo, Tào Tháo then quá hóa giận, liền giết ông. Bạn xem ông oan ức biết bao, người này quá thông minh lại nói nhiều, kết quả ngược lại chuốc lấy tai họa. Bởi vì lúc này Tào Tháo đang cảm thấy tiến thoái lưỡng nan, bạn lại nói trúng chỗ đau của ông ta, ông liền then quá hóa giận.

Cho nên phải nói ít, đặc biệt là người tu hành. Người xưa nói chúng ta là người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ phải thế nào? Phải “nói ít một câu nói, niệm nhiều một câu Phật, đánh chết được ý niệm, để pháp thân ông sống”. Người nói chuyện nhiều thì vọng tưởng nhất định sẽ nhiều, người vọng niệm ít, tâm thanh tịnh thì không nói

gì. Kỳ thực phần lớn nói chuyện đều là lời vô ích, không có gì đáng nói, chẳng bằng niệm Phật, cho nên có miệng thì nên niệm A-di-đà Phật, niệm nhiều một câu thì tốt một câu. Bạn xem A-di-đà Kinh Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích nói “thiện căn phước đức của trì danh giống như Phật vậy”. Bạn có thể niệm danh hiệu A-di-đà Phật này thì thiện căn, phước đức của bạn giống như A-di-đà Phật. Niệm một câu, câu này là không thể nghĩ bàn, niệm 10 câu thì 10 câu không thể nghĩ bàn, niệm 100 câu, 1000 câu, 10.000 câu, vô số câu, câu nào cũng công đức không thể nghĩ bàn, vậy tại sao bạn không niệm Phật? Cho nên phải nắm chặt thời gian quý báu này, bây giờ nhân lúc còn có thời gian, hơi thở này vẫn còn, hãy nhanh chóng tu hành, vậy là đúng.

“Cười nhiều” cũng vậy, người thích cười đùa là một loại tướng phóng dật. Trước đây có thiền sư Pháp Vân cả đời tu hành đều vô cùng nghiêm cẩn, chưa từng tùy tiện cười đùa, hơn 30 năm chưa từng tùy tiện cười nhẹ một cái, phàm là bước đi, cử động đều nhìn thẳng không chớp mắt. Không chớp mắt nghĩa là mắt không chớp, mắt chỉ nhìn về phía trước, mắt không nhìn liếc, đi đường cũng không ngoảnh nhìn trái phải, càng không tùy tiện cười đùa nói chuyện với người, rất trang nghiêm, phàm chỗ nào thấy có thánh tượng thì ngài liền đứng không ngồi, cung kính đối với thánh tượng như vậy, cho nên đây là người chân thật tu hành, đều vô cùng chú trọng những oai nghi này.

“Nếu cười lớn hoặc ngáp”, ngáp chính là tướng trạng mệt mỏi giải đãi, thế nên những việc ngáp, cười lớn là không có oai nghi. Cười có thể cười mỉm, người xưa nói, cười tốt nhất không lộ răng. Bạn cười lớn, đặc biệt không nhẫn được mà cười lớn, người khác nhìn bạn thì thấy không phải là si ngốc thì cũng là phát cuồng, người như vậy không có oai nghi. Ngáp cũng vậy, đặc biệt ngáp trước mặt người khác, đều thể hiện bản thân rất chán ngán mỗi một, rất giải đãi. Đương nhiên, thật sự gặp phải trường hợp như vậy, không nhẫn được thì nên làm thế nào? Đương nhiên có thể lấy tay áo che miệng, lấy tay áo che lại, cười xong rồi hoặc ngáp xong rồi thì bỏ xuống. Bạn xem, hiện tại chúng ta mặc áo hải thanh tay áo rất rộng. Người xưa đều rất văn minh, cho nên tay áo đủ lớn, vừa giơ lên là che được hết. Hiện nay đều là tay áo ngắn, che cũng không che được chỗ nào, nhưng ở nơi công cộng gặp phải trường hợp này, nếu không có tay áo rộng thì phải lấy khăn tay che lại, hoặc quay mặt đi, đừng đối trước mặt người ta. Mở miệng lớn ngáp trước mặt người khác thì rất không có oai nghi.

Những điều này đều là thói quen văn minh cơ bản, cho nên trong Phật pháp thì người xuất gia đều rất chú trọng những oai nghi này. Thật sự có thể làm được rất có tu dưỡng như vậy, thì đi ra thế gian hiện nay nhất định cũng khiến người rất tôn kính. Nếu người xuất gia đều có thể làm được Sa-di Thập Giới Oai Nghi Lục Yếu thì tôi tin rằng việc chấn hưng Phật pháp là chuyện trong tầm tay. Hiện nay, người giảng khóa học này rất ít, cho nên chúng tôi bắt buộc phải giảng chi tiết. Bao gồm đệ tử tại gia chúng ta đều nên lấy oai nghi của sa-di để làm hành trì, tu dưỡng cho mình. Đương nhiên, có một số việc chỉ thích hợp với người xuất gia, có một số việc không thích hợp cho người tại gia, đương nhiên bản thân chúng ta có thể linh động, nhưng phải nắm vững tinh thần. Tinh thần của oai nghi ở đâu? Chính là ở cung thận, tức là cung kính, thận trọng. Đại sư Ấn Quang nói “một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích”. Nếu một phần tâm cung kính cũng không có, vậy bạn sẽ không đạt được lợi ích trong Phật pháp, chẳng những trong Phật pháp mà thế pháp cũng vậy.

Tôi nhớ khi tôi đi học ở Mỹ, học bằng tiến sĩ, tôi theo thầy hướng dẫn tiến sĩ của tôi, ông là một vị giáo sư khá nổi tiếng ở Mỹ. Ông phát biểu rất nhiều luận văn, nhưng yêu cầu học trò đều vô cùng nghiêm khắc. Học trò ở Mỹ đều không dám theo ông, bởi vì học trò Mỹ tương đối giải đãi. Tôi theo học với ông, bởi vì họ không tìm được trợ lý nghiên cứu khác nên chỉ đành tìm tôi. Khi tôi bắt đầu đi là 22 tuổi, may mà lúc nhỏ cha mẹ yêu cầu nghiêm khắc, có một chút gia giáo cho nên hiểu được cung kính sư trưởng, cho nên việc ông giao phó cho tôi làm, ông không nói hai lời, còn tôi cũng nhất nhất làm theo, ở trước mặt ông đều hết mực cung kính. Có lẽ ông cũng rất ít gặp được học trò như tôi, cho nên ông rất vui vẻ hướng dẫn tôi, cho nên tôi học dưới tòa của ông, tôi học học vị tiến sĩ tài chính trong 4 năm đã hoàn toàn học xong khóa trình thạc sĩ và tiến sĩ rồi tốt nghiệp. Năm 26 tuổi tôi làm trợ lý giáo sư ở Mỹ. Kết quả ở trong thư giới thiệu việc làm của tôi, ông nói rằng: tôi là một học trò ưu tú nhất mà ông gặp được trong hơn 20 năm cuộc đời giảng dạy của mình. Kỳ thực tôi không hề thông minh, nhưng còn may có một chút nền tảng gia giáo, chính là học được làm sao để hiểu thân tôn sư. Điều này ở thế gian rất hữu dụng, bản thân đạt được lợi ích. Nếu bạn không có tâm cung kính, bạn muốn học cái gì cũng đều không học được.

Trong Tì Ni Mẫu Kinh cũng có nói, không được ở trước đại chúng và điện tháp Phật tùy tiện thượng khí hoặc hạ khí. Thượng khí là gì? Chính là há miệng để

khí ở trong dạ dày ợ ra trước người khác. Ợ hơi hoặc phát ra một số mùi hôi, như vậy là không lễ phép với người, đối với tượng Phật lại càng không cung kính. Như trường hợp này thì phải làm thế nào? Bản thân nên lấy tay áo che miệng, hoặc dùng khăn tay che miệng lại, hoặc quay người đi, đừng đối trước người hoặc tượng Phật. “Hạ khí” thì mọi người biết là gì rồi chứ, hạ khí chính là khí đẩy ra ở phía dưới. Nếu xì hơi ở trong điện tháp chính là không cung kính. Trong Văn Sao, đại sư Ấn Quang nói với chúng ta một phương pháp, tức là nếu bạn ăn quá no muốn xì hơi thì làm thế nào? Là phải đưa khí này lên, vừa đưa lên thì nó có thể tiêu mất ở trong bụng. Điều này không sao hết, cũng không có hại cho sức khỏe, dù sao nó là một loại khí mà, hoặc nếu cảm thấy rất đầy bụng thì bạn có thể ra bên ngoài điện, hoặc đến tịnh thất, tức là vào nhà vệ sinh để xả khí, không được ở trong đại chúng. Nếu khí ấy rất khó ngửi thì sẽ làm phiền chúng.

Ngoài ra, trong Đại Luật nói, nếu ở trong thiền phòng hắt hơi cũng không được tùy tiện lớn tiếng hắt hơi. Thiền đường chính là nơi tọa thiền, niệm Phật đường, pháp đường cũng như vậy. Nếu thật sự muốn hắt hơi, ví dụ bị nhiễm lạnh không nhịn được thì làm thế nào? Hoặc là phải dùng tay bịt mũi, hoặc dùng khăn tay, khăn giấy che mũi lại, cố gắng nhẹ tiếng như vậy, đừng tùy tiện hắt hơi. Được rồi, tiếp theo câu thứ 13:

“Không được đi vội vàng”.

“Đi vội vàng” tức là bước đi nhanh chóng gấp gáp. Người xuất gia, thậm chí người tại gia chúng ta đều như nhau, phạm động tịnh đều phải đề khởi ý niệm phải hộ trì oai nghi. Trong Luận Ngữ, Khổng tử nói: “Quân tử không thận trọng, ắt không có oai nghi”. Quân tử nếu không thận trọng, động tác hành vi đều rất ngả ngớn, rất vội vàng thì không có oai nghi nữa. Bản thân mất oai nghi chính là không tự trọng, bản thân bạn không tự trọng thì người khác cũng không tôn trọng bạn. Bản thân nhất định phải tự ái, tự trọng trước, sau đó người khác mới tôn trọng bạn. Đi đường, bước đi đều phải nhìn xuống đất. Oai nghi đi đường của người xuất gia là mắt phải nhìn thẳng, nhìn về phía trước khoảng cách 7 thước. Bước đi thẳng người, thân thể ngay ngắn, khi đi đường đừng nghiêng ngả cũng đừng đi như nhảy, mà phải bước từng bước từng bước, bước đi giống như voi chúa, trâu chúa vậy. Không biết mọi người đã từng thấy voi chưa? Voi bước đi rất an tường, từng bước từng bước giảm xuống vững vàng, tuyệt đối không phải là chạy, dáng đi rất gấp gáp, không phải vậy.

Trong kinh Vô Lượng Thọ cũng nói: “Động tác nhìn ngó an định từ tốn, nếu làm việc vội vàng hấp tấp nhất định sẽ thất bại hồi hận về sau”. Chúng ta làm việc, bước đi, dùng trai, nói chuyện đều phải an định, động tác đều phải từ tốn, đừng biểu hiện ra tính khí bộp chộp nóng nảy. Cổ đức có nói: “Bước đi vội vàng dáng không đẹp, hoàn toàn chẳng chú ý oai nghi, kẻ trí ở bên nhìn thấy vậy, sanh tâm sợ hãi lo lắng thay”. Khi bước đi vội vàng thì dáng đi sẽ không đẹp, cũng hoàn toàn không chú ý đến oai nghi, thậm chí đi trên đường có những sinh mệnh nhỏ, côn trùng thì bạn cũng không chú ý được, giẫm lên chúng thì sát sanh rồi. Người khác ở bên cạnh, người có kiến thức ở bên cạnh nhìn thấy “thì sanh tâm sợ hãi lo lắng thay”, nhìn thấy bạn đi vội vàng như vậy, nhờ may không cẩn thận va vào đá ngã nhào thì thân thể bị tổn thương rồi, cho nên họ thấy vậy cũng toát mồ hôi. Đây đều là thể hiện cho chúng ta thấy “không được đi vội vàng”. Tiếp theo:

“Không được lấy đèn của Phật để dùng riêng”.

Đèn của Phật chính là vật của Phật, là vật mà Phật thọ dụng, cho nên bản thân không được tùy tiện tự ý lấy ra dùng. Nếu tùy tiện lấy đèn của Phật chiếm làm của riêng thì chính là trộm vật của Phật. Việc trộm cắp này là trộm đồ của Phật, nghiệp càng nặng hơn, còn nặng hơn so với trộm vật của người, đây là nói về nghiệp đạo, bởi vì đây là khinh thường Phật. Nếu không phải chiếm làm của riêng, tuy không thể nói là trộm cắp, nhưng như vậy cũng là không cung kính. Trong Đại Trí Độ Luận nói nếu trộm đèn, dầu trước Phật sẽ đọa vào địa ngục hắc ám, tương lai ra khỏi địa ngục chuyển sinh làm người sẽ bị mù mắt.

Phật có một vị đệ tử tên là A-na-luật-đà, đời quá khứ ngài từng trộm đồ cúng dường trước Phật. Bởi vì lúc ấy ngài cảm thấy rất tội, ở chỗ đèn của Phật, ngài đã khêu tim đèn lên một chút làm ánh đèn tương đối sáng. Kết quả ánh sáng đó chiếu vào tượng Phật, ngài nhìn thấy oai nghi tướng hảo của Phật, tâm trộm cắp liền tiêu mất. Khi ấy ngài đã sám hối tội mà mình đã phạm, kết quả sau này chính là do công đức ngài khêu tim đèn, khêu tim đèn lên, khiến ánh đèn càng sáng hơn, do công đức này nên cảm được thiên nhãn đệ nhất. Trong hàng đệ tử của Phật, thiên nhãn của ngài là lợi hại nhất, có thể nhìn thấy tam thiên đại thiên thế giới, cho nên có thể đốt đèn cho Phật thì mắt rất sáng. Ngược lại, nếu ác tâm tắt đèn đi thì chính là tạo nghiệp. Đương nhiên, đây là nói dùng ác tâm tắt đèn của Phật đi. Ví dụ nói trộm đèn của Phật, đây chính là ác tâm, nhưng nếu bạn làm thầy hương đăng, bạn cảm thấy buổi tối đốt đèn dầu suốt đêm có thể sẽ nguy hiểm, ngộ nhờ gió to thổi đổ đèn, vậy sẽ

cháy cả điện Phật. Bạn có tâm tốt, tâm bảo vệ điện Phật mà tắt đèn đi thì không có vấn đề gì. Việc này ngược lại có công đức, chỉ là xem bạn dùng tâm gì để làm việc thôi. Được rồi, tiếp theo:

“Thắp đèn phải lấy chụp đèn che lại, chớ để côn trùng bay vào”.

Đây cũng là thuộc về hộ giới sát sanh. Khi đốt đèn thì ánh sáng của đèn sẽ thu hút những loại côn trùng bay, đặc biệt là trời mưa sẽ có rất nhiều con thiêu thân xuất hiện. Loài thiêu thân này nhìn thấy ánh sáng liền thiêu thân lao vào lửa, sẽ chết ở trong đèn. Để hộ sanh, cho nên phải dùng chụp, lấy một cái chụp đèn, độ phủ của chụp đèn này phải kín, chụp lên trên chiếc đèn dầu này, không được để ngọn lửa này lộ ra bên ngoài. Đây chính là bảo vệ những côn trùng bay nhỏ này. Khi đốt đèn, người xưa còn có một cách như vậy, trước tiên lấy một cọng cỏ, một ngọn cỏ, niệm thầm một câu kệ: *“Ba-ly-sát-sát cớ hộ sanh, cứu độ chúng sanh trừ phiền não”*, niệm 7 lần, sau đó bỏ ngọn cỏ này vào trong đèn. Thông qua việc chú nguyện ngọn cỏ này, nó có thể có công dụng phòng hộ, như vậy tất cả loài trùng bay đều sẽ không bay vào trong lửa. Đốt đèn dầu, đốt nến trước Phật, nếu không ngại thì có thể làm thử như vậy. Được rồi, tiếp theo:

“Hoa cúng Phật nên lấy hoa đã nở tròn đầy, không được ngửi trước, bỏ hoa héo đi rồi mới cúng hoa mới. Hoa héo không được bỏ xuống đất giẫm đạp, mà phải để vào chỗ khuất vắng”.

Chúng ta đều sẽ cúng hoa trước Phật, cúng hoa phải chú ý nên lấy những hoa đã nở tròn đầy. Khi hoa đang nở thì tinh thần của nó rất dồi dào, màu sắc cũng rất tươi sáng. Nếu dùng những hoa chưa nở, hoặc nở đã lâu sắp rụng rồi, hoa như vậy đem cúng Phật là thiếu sự cung kính, vậy nên làm thế nào? Lấy hoa đang nở, những hoa có tinh thần nhất, hương sắc của nó đều là tốt nhất. Việc này thể hiện chúng ta dùng tâm cung kính viên mãn để cúng dường Phật. Trong kinh Nhân Quả nói, có thể dùng hoa tươi cúng Phật, đương nhiên không có hoa tươi thì lấy hoa giả cũng được. Hoa giả thì vĩnh viễn không rụng được, hơn nữa vĩnh viễn đều tròn đầy, nhưng do dùng hoa tươi thì bạn phải để tâm đi lo liệu, nên càng thể hiện được tâm cung kính của bạn. Bạn lấy hoa cúng Phật, thì đời sau bạn sẽ rất trang nghiêm. Kỳ thực không nhất định đời đời sau, bạn hằng ngày làm như vậy, không hay không biết tướng mạo của bạn liền trở thành trang nghiêm rồi. Sự trang nghiêm này không nhất định giống với quan niệm thẩm mỹ hiện nay. Người hiện nay cho rằng đó là những cô gái đẹp, kỳ thực khi chúng ta thấy rồi, nhưng cảm giác không có chút trang nghiêm nào, tướng

mạo đều ngả ngón lẳng lơ, không có tướng phước báo. Sự trang nghiêm này là họ có phước, có tuệ, có đức, tướng như vậy mới là trang nghiêm, không phải cái gọi là sức quyến rũ khiến người nhìn thấy tướng này đều sanh tà tư, đây không gọi là trang nghiêm.

“Không được ngửi trước”, tức là hoa trước khi bạn chưa cúng Phật thì không được dùng mũi ngửi trước, tôi thọ dụng một chút trước rồi mới cúng Phật, vậy thì bạn đã không có tâm cung kính, phải cúng Phật trước, cúng lên rồi cũng không được ngửi, tức là bạn toàn tâm toàn ý cúng Phật, đừng lưu giữ cho mình chút gì cả.

Hoa phải “bỏ hoa héo đi rồi mới cúng hoa mới”, những hoa đã nở tàn héo thì lấy xuống bỏ đi trước. Bởi vì những hoa này đã héo úa rồi, chúng ta đừng đem cúng Phật nữa. Bạn đem hoa tàn úa cúng Phật là thể hiện bạn có tâm khinh mạn, chẳng khác nào đem hoa này vứt ở chỗ Phật không quản, mà phải bỏ nó đi, hoặc có một số hoa vẫn nở rất đẹp, nhưng ở trong cùng một bình hoa, hoặc cùng một bó hoa có một số đã héo úa rồi thì có thể hái xuống cắt nó đi, giữ lại những hoa đẹp. Nếu cúng hoa mới thì đừng để cùng những hoa đã tàn héo, mà phải xử lý nó.

Vứt bỏ những hoa đã tàn rụng cũng không được vứt lên đất giẫm đạp. Làm vậy cũng không cung kính, bởi vì đây cũng là những thứ mà Phật đã thọ dụng, chúng ta đều phải rất tôn kính, không được vứt bỏ lung tung. Bao gồm cả hương cũng thế, hương đã đốt, chân hương cũng đừng vứt đi giống như rác bình thường, đừng tùy tiện vứt đi, mà đều phải xử lý một cách đặc biệt. Phải thu gọn chúng lại, chân hương đó là vật liệu gỗ, ví dụ có thể chôn ở trong đất để nó trở về tự nhiên, cũng không được chôn ở nơi mà người có thể giẫm đạp lên, hoặc trực tiếp đem nó đốt đi, đốt ở trong lò hóa vàng đều được. Những hoa đã tàn rụng này cũng có thể thu gom lại để dưới gốc cây, trong núi, nơi không có người giẫm đạp thì đều được. Nếu ở trong thành phố không có những điều kiện này thì làm sao? Thật sự bất đắc dĩ, bạn chỉ đành đem những hoa này, cung kính lấy một chiếc túi sạch, túi ni lông cũng được, bọc nó lại, sau khi bọc xong bạn có thể xử lý rác theo cách thông thường. Đây là bất đắc dĩ, bản thân đã tận tâm rồi. Nếu có điều kiện thì tốt nhất đều nên để nó trở về tự nhiên.

Ở đây nói “phải để ở chỗ khuất vắng”, “bíh” chính là nơi mà người thông thường không đi đến, chủ yếu là không để người giẫm đạp. Trong kinh, Phật nói với Bồ-tát Văn-thù rằng: hoa đã cúng Phật, nếu tứ chúng có tâm tín ngưỡng tam bảo, cố gắng tu hành thì phải cung kính những hoa đã cúng Phật, nên để vào trong những đồ

đựng, dụng cụ thanh tịnh, nó cũng có thể dùng để trị các loại bệnh. Bạn xem hoa đã cúng Phật đều có thể trị bệnh. Điều này trước đây chúng tôi tương đối ít nghe nói, không ngại mọi người đều có thể thử xem, hoa đã cúng Phật gom vào trong dụng cụ gì đó, thậm chí đem nó gia công chế biến. Ví dụ phơi khô hoa, sau đó bạn lấy ra hãm nước, hãm giống như hãm trà để uống vậy, thử xem có thể trị bệnh không. Có thể là thật, lời Phật nói trong kinh là có đạo lý. Căn cứ theo đạo lý mà nói, nghĩ lại thì cũng có thể, bởi vì tâm cúng Phật đó của bạn rất kiên thành, rất cung kính. Tâm cung kính này có thể cảm ứng đạo giao với Phật, Phật lực cũng gia trì, nếu như vậy thì từ trường đó, từ trường tâm niệm vô cùng tốt của bạn sẽ khiến hoa này có từ trường tốt lành. Bạn xử lý hoa này, đương nhiên cũng đừng để hoa này có độc, hãm hoa có độc uống, sau đó trúng độc thì cũng không được, đừng lấy loại hoa đó cúng Phật. Giống như những loại thông thường như hoa sen thì chắc chắn có thể được. Hiện nay chẳng phải có thể hãm trà hoa sen uống sao? Chúng ta lấy nó phơi khô, bao gồm cả lá đều được. Sau khi phơi khô, đương nhiên rửa sạch sẽ, phơi khô, sau đó hãm trà cũng được, hoặc đun nước rửa mặt, tắm rửa thân thể. Việc này nói không chừng đều có thể trị được những bệnh về da của bạn.

Trong Tông Kính Lục nói, Tông Kính Lục là do tổ thứ sáu của Tịnh tông chúng ta là đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ sáng tác, được mọi người gọi là Tiểu Tạng Kinh, có 100 quyển. Trong này nói khi Bồ-tát thân cận Phật Nhiên Đăng, đời quá khứ Thích-ca Mâu-ni Phật khi là Bồ-tát, ngài đã dâng lên Phật 5 cành hoa sen, kết quả được Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ngài rằng, tương lai ngài thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Cho nên khi Phật thuyết pháp, mười phương Như Lai, Bồ-tát, thiên thần đều sẽ rải hoa cúng dường, đây là lấy hoa cúng Phật, đây là việc thường có. Được rồi, xem điều tiếp theo:

“Nên cung cấp cành dương, nước tắm v.v. cho đại tăng, tùy theo sức có thể làm gì thì làm việc đó, không được tham sự an nhàn”.

Đây là đối với sa-di, đương nhiên cũng bao gồm cư sĩ tại gia. Nếu cư sĩ tại gia ở trong tự viện cùng cộng tu với tăng đoàn xuất gia, phục vụ cho tăng đoàn, đây gọi là tịnh nhân, tịnh trong từ thanh tịnh. Đối với đại tăng đều phải cung kính, đại tăng chính là đại tỳ-kheo tăng, tỳ-kheo-ni gọi là nhị tăng. Thông thường nam chúng ở trong đạo tràng tỳ-kheo, nữ chúng phải cộng tu ở trong đạo tràng tỳ-kheo-ni. Sa-di cũng phải cúng dường, cung kính đại tăng.

Ở đây nói là cung cấp “cảnh dương, nước tắm”. Thời xưa dùng cảnh dương để nhai, chính là đánh răng. Trước đây không có kem đánh răng và bàn chải, vậy làm sạch răng miệng bằng cách nào? Chính là nhai cảnh dương. Kỳ thực nhai cảnh dương thật sự rất tốt, nhưng hiện nay thông thường rất ít nhai cảnh dương, cũng không có nhiều cảnh dương như vậy cho bạn nhai, mà đều là dùng kem đánh răng. Người xưa phát hiện ra cách làm sạch miệng tự nhiên này rất hay. Hiện nay, chính là cung cấp những dụng cụ đánh răng súc miệng, còn có “nước tắm”, chính là nước rửa mặt, nước để tắm. Tức là sa-di phục vụ cho đại tăng, buổi sáng thức dậy nên cung cấp những dụng cụ đánh răng súc miệng này. “Tùy theo sức có thể làm”, tức là ngoài việc cung cấp cảnh dương nước tắm ra, phía sau nói “vân vân”, tức là phục vụ tất cả các việc, không thể nói cụ thể từng việc được, dù sao sư phụ có nhu cầu thì chúng ta hãy tận lực đi phục vụ, đây chính là phụng sự sư trưởng, tùy theo năng lực của bản thân có thể làm được thì phải tận sức đi làm, không được lười biếng, tham sự an nhàn. Bản thân lười biếng, ví dụ phải quét dọn vệ sinh đạo tràng của tăng đoàn, kết quả người khác đều đi làm rồi còn tôi ở trong liêu phòng nằm ngủ, việc này thì không được. Tiếp theo:

“Nghe gọi liền niệm Phật đáp lời, không được nói ‘có’ hoặc ‘vâng’”.

Nghe thấy có người gọi chúng ta thì chúng ta phải trả lời như thế nào? Nên niệm Phật để trả lời. Ví dụ người ta hỏi, họ nói “ây za thầy Định Hoằng”, thì tôi nên nói “A-di-đà Phật”, niệm Phật để trả lời họ, không được nói “có” hoặc không được nói “vâng”. Đây là phương pháp ứng đối của người thế gian. Là sa-di và người xuất gia, nếu đã xuất gia rồi thì phải siêu phàm thoát tục, cho đến y phục mặc trên thân, bề ngoài, động tác, hành vi, ngôn ngữ của chúng ta đều phải khác với người thế tục. Bạn xem, đầu chúng ta là tóc, người thế gian mỗi tháng đều tốn không ít thời gian, tiền bạc để đi cắt tóc, chúng ta thì không cần, chúng ta rất nhẹ nhàng. Người thế gian mỗi khi thay đổi mùa đều phải đến cửa hàng xem xem mùa này hiện nay có y phục nào thịnh hành nhất, phải mặc những loại thời thượng, chúng ta mỗi ngày đều mặc giống nhau, cho nên khác với người thế tục.

Cách ứng đối cũng như vậy, trả lời thì đáp A-di-đà Phật. Việc này không ngại thì người thế gian cũng có thể làm như vậy, vì sao? Bởi vì bạn niệm Phật đáp lời như thế, thứ nhất thể hiện bạn không quên gốc. Phật là gốc của chúng ta, chúng ta thọ tam quy y làm đệ tử của Phật rồi thì sẽ được Phật hộ niệm. Tuy bản thân có thể không biết, nhưng trên thực tế trong âm thầm Phật đều đang ngấm gia trì cho chúng ta, giúp

chúng ta gặp hung hóa cát, gặp dữ hóa lành. Sau khi thọ tam quy y sẽ có 36 vị thần hộ pháp thường đi theo chúng ta, nếu bạn thọ tiếp ngũ giới, điều này trong kinh đều nói mỗi một giới sẽ có 5 vị thần hộ giới, 5 giới là 25 vị thần hộ giới, ngày đêm hộ trì bạn, giúp bạn không gặp tai nạn. Nếu bạn trì giới, không phá giới thì thần hộ giới sẽ không rời xa bạn.

Ngoài việc trì giới ra mà bạn còn niệm Phật nữa, nếu bạn cầu sanh thế giới Cực Lạc, vậy thì càng tuyệt vời hơn. Trong kinh Thập Vãng Sanh nói A-di-đà Phật sẽ phái 25 vị đại Bồ-tát ngày đêm đến bảo vệ bạn. Những đại Bồ-tát nào vậy? Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, còn có Bồ-tát Nguyệt Quang, các vị này đều là Bồ-tát Đẳng giác thần thông quảng đại. Như Bồ-tát Quán Thế Âm, bạn có tai nạn, bạn chỉ cần kiền thành quy y xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm thì tai nạn lập tức được hóa giải. Ví dụ bạn thích ra nước ngoài du lịch, lên máy bay, máy bay đã cất cánh, đột nhiên phi công thông báo: Xin lỗi! động cơ của chúng ta đã hỏng rồi, mọi người chuẩn bị vãng sanh thôi. Lúc này làm thế nào? Đang lúc ngàn cân treo sợi tóc, bạn có thể chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì động cơ đó liền ổn định, không sao nữa.

Trong kinh Vô Lượng Thọ đều nói: “Nếu có cấp nạn kinh sợ, chỉ cần tự quy mạng Quán Thế Âm Bồ-tát thì nạn gì cũng thoát khỏi”. Còn nữa, bạn có thể niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc, thậm chí bạn không cần niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, bạn chỉ cần nghĩ muốn vãng sanh, có cái tâm này thì A-di-đà Phật sẽ phái 25 vị đại Bồ-tát như Quán Thế Âm Bồ-tát ngày đêm bảo vệ bạn, thậm chí bạn không cần xưng niệm tên của các ngài, các ngài đều bảo vệ bạn, đây là nhất cử lưỡng tiện. Bạn xem, bạn vừa không gặp tai nạn mà tương lai cũng có thể vãng sanh. Đây là tốt nhất.

Cho nên Phật hộ niệm chúng ta chu đáo tỉ mỉ giống như mẹ hiền vậy. Trong kinh A-di-đà cũng nói, bạn có thể thọ trì kinh A-di-đà, chính là tín nguyện trì danh, thật sự tin tưởng có thể giới Cực Lạc, thật sự phát nguyện đến thế giới Cực Lạc, thật sự niệm Phật, vậy thì mười phương chư Phật đều hộ niệm bạn, giúp bạn có thể không thoái chuyển nơi đạo A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Câu này là Phạn văn, nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chính là thành Phật, giúp bạn không thoái chuyển trên đường thành Phật, cho nên niệm Phật chính là thể hiện không quên gốc, thể hiện tri ân báo ân, cũng là tích lũy công đức. Trong tất cả công đức thì công đức niệm Phật là lớn nhất. Thích-ca Mâu-ni Phật cũng dạy chúng ta niệm A-di-đà Phật. Bạn xem kinh A-di-đà, kinh A-di-đà là Phật đã tận tình khuyên bảo, dạy chúng ta

phải chấp trì danh hiệu, phải niệm đến nhất tâm bất loạn. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích-ca Mâu-ni Phật cũng dạy chúng ta phải “nên thường niệm Phật mà sanh tâm hoan hỷ”. Việc niệm Phật này là dạy chúng ta niệm A-di-đà Phật, không phải dạy chúng ta niệm Thích-ca Mâu-ni Phật, Thích-ca Mâu-ni Phật đã chứng vô ngã rồi, ngài tuyệt đối không để ý: con niệm A-di-đà Phật, không niệm ta. Trong tâm không cam lòng, không phải đâu! Điều Thích-ca Mâu-ni Phật hoan hỷ nhất chính là bạn có thể niệm A-di-đà Phật, bạn có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Kinh Di-đà, bạn thấy một lần rồi hai lần, rồi ba lần khuyên chúng ta: “Nếu có người tin tưởng thì nên phát nguyện nguyện sanh về nước kia”, không phải bảo bạn: con hãy ở lại thế giới Ta-bà này, ta không nỡ xa con, con đừng rời bỏ ta, không phải như vậy. Thích-ca Mâu-ni Phật sớm đã không có tướng ta, không có tướng người, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả rồi.

Cho nên chúng ta là đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật thì phải nghe lời Thích-ca Mâu-ni Phật, phải nghe theo lời dạy bảo của Thích-ca Mâu-ni Phật mà niệm A-di-đà Phật, đây mới là thật sự hiếu thuận với Thích-ca Mâu-ni Phật. Phật bảo bạn niệm A-di-đà Phật, bạn nói con không niệm A-di-đà Phật đâu, con chỉ niệm ngài thôi, đây là tình chấp, Thích-ca Mâu-ni Phật cũng lắc đầu: “đứa nhỏ này không nghe lời”. Có thể niệm A-di-đà Phật thì trong kinh Vô Lượng Thọ gọi là “đệ tử bậc nhất của Như Lai”, cho nên chúng ta niệm A-di-đà Phật mọi lúc mọi nơi. Người khác gọi tên của chúng ta, chúng ta cũng trả lời là A-di-đà Phật. Tuy họ không tin Phật nhưng họ bắt buộc phải nghe câu A-di-đà Phật này. Câu A-di-đà Phật này gọi là hạt giống kim cang, một khi lọt vào nhĩ căn thì vĩnh viễn là hạt giống đạo. Họ nghe rồi thì trong a-lại-da thức của họ đã trồng xuống hạt giống Phật này, dù đời này họ không tin tưởng nhưng tương lai thiện căn của họ chín muồi, thiện căn là do ai trồng? Chính là ngày hôm nay bạn niệm cho họ một câu A-di-đà Phật, bạn trồng thiện căn này cho họ, tương lai thiện căn chín muồi thì họ cũng sẽ niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Được rồi, câu tiếp theo:

“Phàm nhứt được của rơi thì bạch ngay với chủ sự tăng”.

Đây là ở trong đạo tràng nếu nhứt được đồ người khác đánh rơi, tài vật đánh rơi thì không thể không quản, cũng không được để ở trong phòng mình, vậy sẽ biến thành trộm cắp, phải lập tức đi bạch với chủ sự tăng. Nếu thứ này là vật có chủ thì do chủ sự tăng, chính là chấp sự trong đạo tràng, hoặc thầy giám tự, hoặc thầy giám

sát, hoặc đổi với sa-di mà nói là a-xà-lê của sa-di, báo cáo với họ để những vị chấp sự, nhân viên chấp sự này ra xử lý, tìm người đánh rơi.

Người đánh rơi đến tìm đồ bị mất thì người chấp sự cũng không được tùy tiện đưa cho họ, mà đều phải hỏi dò: “Bạn nói bạn mất đồ là đồ gì vậy? Đánh rơi ở đâu?” Phải đối chiếu một chút, không được để người khác mạo nhận lấy đi. Ví dụ bạn ở đạo tràng nhặt được một ví tiền, bên trong có 100.000 tệ tiền mặt, bạn không thể thông báo rằng: “Ở đây có người nào đánh rơi 100.000 tệ tiền mặt, mời đến chỗ tôi nhận về”. Kết quả ngày hôm sau có 100 người đến, đều nói họ đánh rơi 100.000 tệ, vậy chẳng phải bạn phiền phức rồi sao? Bạn nên thông báo: “Nếu có ai đánh rơi vật phẩm, mời đến chỗ nào đó để hỏi”. Bạn phải hỏi dò họ xem: “Anh mất bao nhiêu tiền, ví tiền đó màu gì, hình dạng như thế nào?” Thận trọng như vậy rồi mới trả lại cho đối phương.

Thông thường đồ ở trong đạo tràng nếu 3 ngày không ai đến nhận đồ về thì sẽ quy về thường trụ. Ví dụ tăng phục, như chùa Giác Nguyên - Sán Vĩ chúng ta, chúng ta có quy tắc này, nếu y phục không có người nhận thì 3 ngày sau sẽ quy về thường trụ. Đương nhiên y phục đã quy về thường trụ thì tất cả chúng xuất gia đều có thể nhận lãnh về dùng. Điều này có thể đưa ra một quy định, đương nhiên nếu là vật đặc biệt quý giá, quý hiếm thì lại là trường hợp khác. Ví dụ bạn không thể nói người khác làm rơi 100.000 tệ, 3 ngày sau không có người nhận thì chúng ta quy về thường trụ, vậy nếu hôm thứ tư họ đến thì vẫn phải xét tình hình cụ thể rồi trả cho họ. Được rồi, tiếp theo:

“Không được kết bạn với người nhỏ tuổi”.

Người trẻ tuổi, bởi vì đạo lý ứng xử họ đều chưa hiểu, vẫn chưa chín chắn, học vấn cũng chưa học tốt, chúng ta không nên tùy tiện kết giao bằng hữu với họ. Kết giao bằng hữu đều nên tìm người hiền thiện, trong Luận Ngữ Khổng tử cũng nói giống như vậy, là “không làm bạn với người không bằng mình”. Tức là đừng kết giao bằng hữu với người không bằng mình, phương diện không bằng mình bao gồm đức hạnh, bao gồm học vấn, thông thường chính là hai loại này, những thứ khác thì không sao. Những thứ khác ví dụ như tiền bạc, họ nhiều tiền, bạn không cần lấy điều này làm tiêu chuẩn, họ không nhiều tiền bằng tôi nên tôi không kết bạn với họ, họ không bằng tôi, vậy thì bạn hiểu lầm rồi, cho nên không bằng mình là nói đức hạnh, học vấn. Nếu đức hạnh và học vấn tốt hơn mình, dù họ rất nghèo nhưng chúng ta đều nên chủ động xin họ chỉ dạy, học tập họ.

Chữ “hữu” này gọi là thiện hữu, trong kinh cũng gọi là thiện tri thức. Thiện tri thức có nghĩa là thầy giáo, như đại sư Ngẫu Ích nói “bạn lành là chốn nương tựa”, tức là nương theo thiện tri thức để học tập. Nếu đức hạnh, học vấn vẫn không bằng mình thì đương nhiên không cần thiết thân cận họ, học tập họ. Đương nhiên, điều này không có nghĩa là tôi đều không để ý đến ai trong đạo tràng nữa, tôi thấy những người đó đều không thuận mắt, đều không bằng tôi nên không kết giao bạn bè với họ, không thêm để ý đến họ, cuộc sống họ có nhu cầu gì thì tôi cũng không giúp đỡ, không phải ý như vậy. Ý nghĩa của “kết bạn” này chính là thỉnh giáo họ, học tập họ, lấy họ làm gương, là ý như vậy. Những thứ khác, như khi cuộc sống họ có nhu cầu, khi họ cần bạn giúp đỡ thì tất nhiên bạn nên khẳng khái giúp đỡ, là bạn đạo với nhau đều phải tình như thủ túc, điều này là đúng đắn.

Nếu là người không hiền, không đức thì chúng ta nên tránh xa họ, như họ bất hiếu, bất kính, không hiếu thuận cha mẹ thì tốt nhất đừng thân cận người này, hiếu đứng đầu trăm thiện. Nếu người này hiếu thuận, dù họ có tệ đến mấy cũng không đến nỗi nào, họ không hiếu thuận thì dẫu tốt đến đâu cũng không xem là tốt. Do đó nhìn một người có phải là hiền thiện hay không, có thể làm bạn bè được hay không thì đây là gốc của đạo đức. “Gốc của đức là hiếu”, gốc của đạo đức chính là hiếu kính. Người có thể hiếu kính cha mẹ mới có thể hiếu kính sư trưởng. Cầu học trong Phật pháp là sư đạo, sư đạo được kiến lập trên nền tảng hiếu đạo. Nếu không có hiếu đạo, không hiếu kính cha mẹ thì họ không thể tôn kính sư trưởng, không tôn sư thì không thể trọng đạo được, chỉ có tôn sư mới có thể trọng đạo, chỉ có trọng đạo mới có thể tu đạo, tu đạo mới có thể thành đạo, cho nên muốn thành đạo thì hiếu kính là gốc.

Ví dụ một người họ ích kỷ, sở thích rất không tốt, ví dụ uống rượu, đánh bạc, thích đến những nơi không lành, hoặc họ thích kết giao với một số bạn bè rượu thịt, thì bạn biết không nên thân cận những người này. Nhìn một người làm sao để nhìn? Nhìn bạn bè của họ, họ kết giao bạn bè như thế nào, thì bạn liền biết họ là người như thế nào, gọi là “vật tụ theo loài, người phân theo nhóm”, bạn là người như thế nào thì cảm ứng với người như thế đó. Chúng ta cũng như vậy, chúng ta kết bạn cũng phải lựa chọn, chúng ta phải có chí hướng giống nhau, chí đồng đạo hợp mới có thể kết bạn, không cùng chí hướng thì không thể cùng bàn việc, không thể bàn việc thì không cần cộng sự, mỗi người tự đi con đường của riêng mình.

Trong Sa-Di Thành Phạm có nói: “Lén gần gũi với thầy xấu bạn xấu, nhiều lần học tập thói phóng dật, khiến thầy mình nổi giận. Thầy không đồng ý cho sám hối thì phải khẩn khoản van xin, thầy vẫn không đồng ý thì nhanh chóng đi xin những bậc thân hữu trưởng thượng có đức hạnh của thầy, chuyển lời nói giúp đỡ xin chỉ thành sám hối, vĩnh viễn đoạn trừ thói xấu, không tái phạm nữa”. “Lén gần gũi với thầy xấu bạn xấu”, chữ “gần gũi” này chính là thân cận, bản thân chưa được sự cho phép của sư trưởng mà đã kết giao thân cận với những thầy bạn xấu ác, ác tri thức. Hơn nữa phạm nhiều lần không sửa đổi, nhiều lần học tập những hành vi phóng dật, phạm giới, phạm quy củ, không chân thật tu hành. Xúc phạm bốn sư, bốn sư chính là chỉ ân sư thế độ cho mình, cũng bao gồm cả a-xà-lê của chúng ta. A-xà-lê có rất nhiều loại: có a-xà-lê truyền giới; có a-xà-lê tam quy y; có thầy dạy chúng ta kinh điển gọi là a-xà-lê dạy kinh, còn có a-xà-lê dạy chúng ta oai nghi quy tắc, đó đều là sư trưởng của chúng ta. Sư trưởng nhìn thấy chúng ta thân cận bạn xấu, nhiều lần phạm quy củ, nổi giận chính là phát cáu. Kỳ thực sư trưởng thật sự có tu dưỡng thì trong tâm cũng sẽ không nổi giận, nhưng có khi vì để dạy dỗ đệ tử vẫn cần phải biểu hiện dáng vẻ nổi giận. Giống như cha mẹ dạy dỗ con cái vậy, bạn phải trách mắng chúng một trận nghiêm khắc để sau này đứa trẻ không dám tái phạm nữa.

Có khi sư trưởng cũng phải làm như vậy, đối với những đệ tử bướng bỉnh không nghe lời thì phải nghiêm túc, nghiêm khắc giáo huấn một trận. Do đó đệ tử cho rằng đã làm sư phụ mình nổi giận rồi, lúc này họ muốn cầu sám hối, thậm chí sư trưởng muốn trục xuất họ, muốn đuổi họ đi, nên họ đến cầu sám hối, muốn tiếp tục ở lại nhưng sư trưởng không đồng ý, vậy thì lần nữa, nhiều lần khẩn cầu van nài, kết quả sư trưởng đều không đồng ý, không tiếp nhận sám hối, nhất định muốn đuổi họ, muốn họ đi, vậy người học trò đệ tử này phải làm sao? Ở đây dạy bạn là không được đi, bạn đi rồi thì sẽ mất đi nhân duyên học tập tốt. Gặp được thầy tốt thì nhất định phải theo sát, dù cả đời không học thành tựu thì cũng không được rời xa sư trưởng, trừ khi sư trưởng đồng ý cho bạn đi, bạn có thể tốt nghiệp rồi, có thể xuống núi rồi thì họ sẽ cho bạn ra ngoài, bạn không muốn đi thì họ cũng sẽ khuyên bạn đi, là như vậy. Chưa đến lúc này thì bạn không được đi, bạn đi là bạn bỏ sư trưởng, không phải sư trưởng bỏ bạn, lúc này nên làm thế nào? Cuốn Sa Di Thành Phạm này dạy bạn rằng, bạn phải nhanh chóng đi xin những vị thân hữu của sư trưởng, tức là thầy tương đối nể mặt ai thì bạn đi tìm người đó, hoặc là tức đức, chính là thượng tọa của sư trưởng, sư trưởng rất tôn kính bậc trưởng lão đó, bạn đi tìm họ giúp bạn xin tha thứ, giúp bạn nói mấy lời tốt, “đệ tử này của thầy cũng rất khó được, dù cậu ta nhất thời

hồ đồ, nhưng thôi, lần này thầy tạm thời tha thứ cho cậu ấy đi”. Thay bạn cầu xin tha thứ. Lúc này sư trưởng cũng thuận theo mà tha thứ: “được rồi, nể mặt thầy nên con sẽ cho nó một cơ hội nữa”. Lúc này bạn nhanh chóng nắm lấy cơ hội, lập tức đến khẩn thiết cầu sám hối, bạn không được tỏ thái độ: “Thầy xem, vị thượng tọa đó của sư trưởng còn nói giúp con”, cho nên lại vênh váo tự đắc, vậy lại bị sư trưởng trách mắng cho một trận nữa thì bạn hết cơ hội rồi. Lúc này, bạn nhanh chóng khẩn thiết cầu sám hối, đánh lễ tạ tội với sư trưởng, biểu thị ra nhất định phải “vĩnh viễn đoạn tuyệt thói xấu”, trừ bỏ những thói quen tập khí xấu, vĩnh viễn không tái phạm nữa.

Như vậy mới là đạo hầu thầy, cho nên trong Sa-Di Thành Phạm nói “người hiền có ba cái sợ”, ba cái sợ hãi, sợ “thầy ác, bạn ác, thuật ác”, sư trưởng xấu ác, bạn bè xấu ác và pháp thuật xấu ác. Những pháp thuật này chính là tất cả những phương pháp, cách làm, những hành vi phạm giới, phạm quy củ, ví dụ uống rượu, ăn thịt, đánh bạc. Là một người hiền thiện đều phải sợ hãi không dám phạm, biết rằng phạm những điều này sẽ mất đi lợi ích lớn, mất đi nhân duyên tốt để bản thân đi theo thiện tri thức cầu học, tương lai bản thân có thể sẽ đọa xuống tam đồ, vĩnh viễn thọ khổ não.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây trước, ngày mai cũng là thời gian này, chúng tôi vẫn ở đây giảng A-di-đà Kinh Yếu Giải, hoan nghênh mọi người đến tham dự, cảm ơn mọi người!